

Tỉnh thành: Cà Mau (S)

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
1	S69-00001	CM-		Nguyễn Văn A	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	15/03/2010	15/03/2010	00001/10S69
2	S69-00004	CM-00871	BÌNH MINH	Châu Thị Là	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/08/2011	22/08/2012	02829/11S69
3	S69-00006	CM-02840	Ghe Tải	Nguyễn Văn Đáng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/07/2015	07/03/2016	01411/15S69
4	S69-00010	CM-03472		Võ Diễm Thúy	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	02/01/2012	02/07/2012	00028/12S69
5	S69-00012	CM-04021		Trần Thanh Sơn	, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2009	31/07/2010	00573/09V69
6	S69-00015	CM-00244	Đức Tài	Lưu Đức Tài	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	18/10/2011	18/10/2012	03742/11S69
7	S69-00022	CM-03439	Ca nô chở khách	Cty TNHH TM-DL Minh Nhật	phường 6, Thành phố Cà Mau	24/04/2008	01/02/2009	00539/08S69
8	S69-00023	CM-	Đò Ngang	CTy TNHH Thương Mại Và Du Lịch Minh Nhật	Phường 6, Thành phố Cà Mau	05/12/2008	05/06/2009	00538/08S69
9	S69-00030	CM-00309	Phước Hiền	DNTN Phước Hiền	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	10/02/2012	10/02/2013	00463/12S69
10	S69-00031	CM-01864	Việt úc	CN Cty TNHH Việt úc	383, ấp Cây Trâm A, Định Bình, Thành phố Cà Mau	08/10/2007	08/10/2008	03904/07S69
11	S69-00032	CM-03494	Phương Huỳnh	Nguyễn Văn Thắm	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	21/12/2009	21/12/2010	07230/09S69
12	S69-00033	CM-01202	THANH TOÀN	Trịnh Khoa Vũ	phường 5, Thành phố Cà Mau	08/01/2008	08/01/2009	00057/08S69
13	S69-00035	CM-00696	MINH Đức	Nguyễn Văn Đức	, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06770/07S69
14	S69-00037	CM-00821	Nguyệt Linh	Phạm Chí Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/02/2010	03/02/2011	00705/10S69
15	S69-00042	CM-00340		CTy CP Thương Nghiệp Cà Mau	70/72 Đề Thám ,Phường 2, Thành phố Cà Mau	04/04/2013	04/04/2014	02065/13S69
16	S69-00043	CM-00246	CM-00246	Lê Văn Thông	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	04/02/2009	04/02/2010	00478/09S69
17	S69-00045	CM-02681	Ghe Tải	Lê Văn Thường	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	11/06/2009	11/06/2010	03301/09S69
18	S69-00046	CM-00711	Hồng Nhung	Lê Hồng Nhung	ấp 18, Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/12/2015	24/06/2016	02598/15S69
19	S69-00047	CM-00619	GHE Tải	Nguyễn Thanh Hương	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/02/2009	16/02/2010	00692/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20	S69-00048	CM-00006	Vỏ hàng	Lê Hoàng Giang	phường 1, Thành phố Cà Mau	14/06/2012	14/06/2013	02727/12S69
21	S69-00050	CM-00975	Minh Tiền	Tô Đồng Khởi	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	05/10/2011	05/10/2012	03569/11S69
22	S69-00052	CM-01700	Bảo Trân	Phạm Văn Yên	ấp 10, xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/12/2014	23/12/2015	03493/14S69
23	S69-00053	CM-00086	Thanh Phong	Võ Thị Thu Hà	Khóm 5, Phường 5, Thành phố Cà Mau	31/05/2010	31/05/2011	03051/10S69
24	S69-00054	CM-01046	GHE TẢI	Nguyễn Văn Toàn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	30/01/2008	30/01/2009	00520/08S69
25	S69-00056	CM-00959	TUYẾT PHƯƠNG	Trần Tuyết Phương	69, Nguyễn Du, K 5, P 5, Thành phố Cà Mau	29/11/2007	29/11/2008	05866/07S69
26	S69-00060	CM-00443	Minh Tân	Lê Văn Hoàng	Phú Mỹ, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01376/11S69
27	S69-00068	CM-00797	Hướng Dương	Trần Việt Long	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	22/05/2009	20/05/2010	02881/09S69
28	S69-00069	CM-01061	Kiểu Trang	Dư Thúy Kiều	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	19/09/2008	19/03/2009	06600/08S69
29	S69-00072	CM-00773		Giang Hải Thảo	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	30/09/2009	30/09/2010	01800/09V83
30	S69-00073	CM-01115	Minh Tuấn 2	Đào Minh Tuấn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	22/06/2011	22/06/2012	02060/11S69
31	S69-00075	CM-00141	Ghe	Nguyễn Thị Mai	Phường 6, Thành phố Cà Mau	09/03/2009	09/03/2010	01508/09S69
32	S69-00077	CM-00772		Nguyễn Kỳ Nam	46, K3, P.7, Thành phố Cà Mau	23/06/2008	23/06/2009	04733/08S69
33	S69-00082	CM-02393	QUỐC NAM I	Hồ Quốc Nam	KV4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2007	13/11/2008	04857/07S69
34	S69-00083	CM-01089	CHÍ THÀNH	Đào ánh Xuân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/11/2010	07072/09S69
35	S69-00084	CM-02872	CM-02872	Lê Thị Tuyết Nhung	phường 6, Thành phố Cà Mau	19/04/2010	19/04/2011	02099/10S69
36	S69-00086	CM-01965	Trung Nguyên	Ngô Hoàng Quý	Phú Tân, Huyện Phú Tân	26/06/2009	22/06/2010	03525/09S69
37	S69-00089	CM-01592	Ghe tải	Lê Hoàng Phước	phường 5, Thành phố Cà Mau	04/05/2012	04/05/2013	00413/12S65
38	S69-00090	CM-00771	Hướng Dương	Đoàn Văn Hưng	KI, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	12/11/2009	12/11/2010	06608/09S69
39	S69-00096	CM-01204	DNTN LIÊN	Phạm Thị Liên	KVI, khóm III, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/03/2011	07/03/2012	00735/11S69
40	S69-00097	CM-02321	Ghe tải	Trần Thị Lệ	Phường 6, Thành phố Cà Mau	28/05/2008	28/11/2008	03652/08S69
41	S69-00099	CM-00593	BƯU ĐIỆN	Nguyễn Văn Cứ	ấp 2, Trí Phải, Huyện Thới Bình	16/12/2013	16/12/2014	06247/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
42	S69-00100	CM-02878		CTy Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau	70, 72 ĐềThám, Phường 2, Thành phố Cà Mau	23/04/2013	23/04/2014	02276/13S69
43	S69-00102	CM-01602	GHE TẢI	Phạm Thanh Tân	ấp Đá Bạc, Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	19/12/2007	19/12/2008	06791/07S69
44	S69-00104	CM-01102	Duy Thanh	Nguyễn Văn Thanh	Trí Phải, Huyện Thới Bình	31/12/2014	09/12/2015	03602/14S69
45	S69-00105	CM-00548	Chí Thiện	Lê Văn Toàn	Khóm 4, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/05/2010	07/05/2011	02546/10S69
46	S69-00108	CM-01619	Ghe Tải	Lương Hồng Vui	Số 171 Đường Lý Thường Kiệt, Thành phố Cà Mau	09/07/2010	09/07/2011	03528/10S69
47	S69-00114	CM-00001	CM-00001	Nguyễn Văn Dũng	Trần phán, Huyện Đầm Dơi	19/11/2015	19/05/2016	02231/15S69
48	S69-00117	CM-		Trần Văn Lén	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07020/09S69
49	S69-00118	CM-00610	MINH TÂM	Tăng Văn Đèo	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	07/10/2008	07/04/2009	06859/08S69
50	S69-00119	CM-02244	Ghe Tải	CTY TNHH XD Châu Hưng	Phường 9, Thành phố Cà Mau	05/04/2013	05/04/2014	02075/13S69
51	S69-00120	CM-01980	Ghe Tải	Nguyễn Văn Xưa	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	21/11/2011	21/11/2012	04307/11S69
52	S69-00121	CM-00963	Khải Minh	Huỳnh Quốc Việt	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2013	10/03/2014	01565/13S69
53	S69-00127	CM-01515	Lữ THẮNG	Nguyễn Minh Khương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00718/08S69
54	S69-00128	CM-02887		Lê Thế Hoà	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/01/2008	28/01/2009	00484/08S69
55	S69-00132	CM-01225	Thành Công	Dương Thị Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2009	16/09/2010	01815/09S69
56	S69-00134	CM-03464		Nguyễn Văn Giàu	, Huyện Trần Văn Thời	27/02/2009	27/02/2010	01061/09S69
57	S69-00135	CM-00018	Vỏ hàng	Tô Hồng Phương	ấp Ông Trang, Viên An, Huyện Ngọc Hiển	12/03/2014	12/03/2015	00676/14S69
58	S69-00138	CM-02907		Ngô Văn Ban	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02936/12S69
59	S69-00140	CM-04193		Lê Ngọc Hải	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	21/05/2015	07/10/2015	00927/15S69
60	S69-00141	CM-01473	Vỏ Hàng	Nguyễn Anh Huy	ấp 1, Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	30/07/2009	29/07/2010	04562/09S69
61	S69-00145	CM-01092	CHÍ TÂM	Nguyễn Chí Tâm	Vùng 4, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01933/08S69
62	S69-00146	CM-00101	Quốc Cường	Lê Văn Khối	Tan Thành B, Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01934/08S69
63	S69-00149	CM-00067	Hồng Thắm	Nguyễn Minh Tứ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01911/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
64	S69-00150	CM-01057	Trường Lam	Đỗ Văn Tiền	ấp Thuận Hòa, xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06713/12S69
65	S69-00153	CM-00121		Dương Thanh Quốc	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	01/02/2010	01/02/2011	00673/10S69
66	S69-00154	CM-00138	Minh Thảo	Trương Văn Hồng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	01/09/2011	28/08/2012	02995/11S69
67	S69-00160	CM-00262	MINH VƯƠNG	Trương Văn Sương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06452/08S69
68	S69-00161	CM-00231	Huỳnh Huy	Liêu Thanh Huyền	Vàm Đầm, Nguyên Huân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/03/2009	06397/08S69
69	S69-00166	CM-00939	Kiều Diễm	Phạm Thanh Bốn	ấp Tân Thành, Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02140/11S69
70	S69-00167	CM-00497	HÔNG PHẢI	Võ Văn Thế	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01919/08S69
71	S69-00168	CM-00463	PHƯƠNG TÂY	Nguyễn Phương Tây	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	26/05/2009	26/11/2009	02981/09S69
72	S69-00171	CM-01143	ANH THU	Bùi Thanh Long	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	22/12/2014	13/05/2015	03416/14S69
73	S69-00177	CM-00060	HOÀNG DIỆN 2	Nguyễn Viết Diện	K4 TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	25/12/2007	25/12/2008	07050/07S69
74	S69-00178	CM-01624	Hồng Duyên	Ngô Văn Mười	ấp Tân Thành , Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01896/08S69
75	S69-00179	CM-00247	Minh Tèo	Phạm Văn Tèo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	05/09/2014	05/09/2015	02452/14S69
76	S69-00181	CM-00525	Ba Xuyên 3	Trần Tuấn An	ấp Tân Điền, Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03420/11S69
77	S69-00187	CM-00464	Phương Tây 1	Nguyễn Phương Tây	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04161/13S69
78	S69-00189	CM-00122	Vũ Phương	Trần Minh Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01853/09S69
79	S69-00192	CM-00189	YẾN NHI	Hồ Thành Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06449/08S69
80	S69-00193	CM-01098	Huỳnh My	Huỳnh Văn My	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04865/12S69
81	S69-00194	CM-01692	Duy Khánh	Lâm Ngọc Linh	Tân Phước, Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06436/08S69
82	S69-00195	CM-00132	Linh Mãi	Chung Minh Kỳ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	01007/10S69
83	S69-00196	CM-01739	NGỌC TRONG	Phạm Công Nghiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01809/10S69
84	S69-00197	CM-01436	Vũ Linh	Lê Hoàng Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06447/08S69
85	S69-00198	CM-04176		Phương Chiến Thắng	Khóm 5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/03/2009	14/03/2010	01870/09S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
86	S69-00199	CM-00655	Hồng Mơ	Nguyễn Minh Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01343/10S69
87	S69-00201	CM-00974	NGỌC TRANG	Trần Thanh Hòa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00681/11S69
88	S69-00203	CM-00630	MINH HẢI	Nguyễn Thanh Quý	Tạ an khương Nam, Huyện Đầm Dơi	20/11/2008	20/11/2009	09054/08S69
89	S69-00206	CM-00204	Nhật Trường	Nguyễn Văn Trường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	06/05/2011	06/05/2012	01524/11S69
90	S69-00208	CM-00726	TRUNG HIẾU	Võ Trung Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06466/08S69
91	S69-00209	CM-00682	Minh Tiệp	Lê Văn Thềm	ấp Nhị Nguyệt, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04581/12S69
92	S69-00211	CM-02938		Nguyễn Văn Chổng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05048/10S69
93	S69-00213	CM-00050	Như ý	Nguyễn Thị Chanh	Hòa Đức, Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01937/08S69
94	S69-00220	CM-02410	Chí Linh	Trần Văn Phol	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04026/11S69
95	S69-00223	CM-00942	Phú Triệu	Trương Văn Rớt	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01898/09S69
96	S69-00226	CM-01066	Triệu Long	Cao Hoàng Ngô	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/03/2009	06420/08S69
97	S69-00228	CM-00501	KIỀU DIỄM	Trương Văn Việt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01916/08S69
98	S69-00230	CM-02904		Ngô Hồng Tiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01929/08S69
99	S69-00234	CM-00047	MINH VƯƠNG	Trương Văn Sương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01345/10S69
100	S69-00235	CM-01091	Tấn LựC	Trần Hữu Hạnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01095/11S69
101	S69-00238	CM-00788	MINH THỨC	Nguyễn Minh Thức	ấp Nhị Nguyệt, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01339/10S69
102	S69-00239	CM-01401	HOÀNG TÁM 2	Trần Văn Tám	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05319/12S69
103	S69-00241	CM-01616	Vũ Bảo I	Dương Văn Liễu	ấp Tân Phú,Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01931/08S69
104	S69-00242	CM-00118	Minh Xuyên 2	Lê Quốc Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06448/08S69
105	S69-00243	CM-00119	MINH XUYỀN	Trương Thanh Kiều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01923/08S69
106	S69-00253	CM-02209	Thanh Sỹ	Lư Thanh Sỹ	ấp Câu Ván, Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01859/09S69
107	S69-00258	CM-00636	Thanh Huỳnh II	Nguyễn Văn Biên	Nhị Nguyệt, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01887/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
108	S69-00259	CM-01006	Võ Hàng	Phạm Thành Thái	TTĐầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	18/12/2007	18/12/2008	06783/07S69
109	S69-00268	CM-00640	Đông Xuân	Phạm Đông Xuân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	26/12/2007	26/12/2008	07013/07S69
110	S69-00269	CM-00127	MINH CÔNG	Lê Minh Công	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	05/03/2010	05/03/2011	01056/10S69
111	S69-00270	CM-01421	NHẬT BẢO	Phạm Nhựt Tỷ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01914/08S69
112	S69-00271	CM-00498	Dương Khanh	Trương Văn Măng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01917/08S69
113	S69-00273	CM-01093	MINH CHIẾN	Ngô Minh Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01932/08S69
114	S69-00275	CM-00664	Mỹ Hiền	Đoàn Thanh Tú	Vùng 4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03281/12S69
115	S69-00278	CM-	Hồng Nhanh	Đoàn Văn Thêm	Hiệp Hòa Tây, Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06464/08S69
116	S69-00280	CM-01691	DIỆU HIỀN	Trần Thị Diễm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01879/09S69
117	S69-00286	CM-00465		Công Ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau	Đề Thám, phường 2, Thành phố Cà Mau	14/10/2011	14/10/2012	03718/11S69
118	S69-00287	CM-00100	HẢI ĐĂNG	Trương Văn Sáu	Bờ Đập, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	01/11/2011	01/11/2012	04033/11S69
119	S69-00288	CM-00891	Thành Công	Nguyễn Văn Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/03/2009	06414/08S69
120	S69-00289	CM-01272	Minh Bằng	Huỳnh Minh Bằng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06465/08S69
121	S69-00290	CM-00989	Trường Thịnh 3	Lê Thanh Liêm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	04383/10S69
122	S69-00293	CM-01273	Bảo Quốc	Lê Văn Bình	ấp Thuận Hoà Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01097/11S69
123	S69-00294	CM-00194	Thanh Chiến	Lý Thanh Nhàn	Chà Là, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	07/12/2007	07/12/2008	06387/07S69
124	S69-00296	CM-01728	Phương Nam	Nguyễn Phương Nam	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	13/01/2012	13/01/2013	00212/12S69
125	S69-00297	CM-00971		Nguyễn Văn Đạt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01927/08S69
126	S69-00298	CM-02995	Văn Trắng	Võ Văn Trắng	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	29/04/2008	29/04/2009	03055/08S69
127	S69-00299	CM-01457	Hoàng Khanh	Trương Thị Cam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06457/08S69
128	S69-00300	CM-01535	Phương Đình	Lê Văn Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01889/09S69
129	S69-00369	CM-		Đoàn Thị Hồng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06455/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
130	S69-00388	CM-		Đoàn Văn Đen	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2007	28/12/2008	07066/07S69
131	S69-00397	CM-06637		Đoàn Văn Cọp	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/02/2008	28/02/2009	00973/08S69
132	S69-00420	CM-	Hoàng Tám	Trần Văn Sơn	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06470/08S69
133	S69-00426	CM-00579	MINH QUANG	Trần Văn Chinh	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	14/10/2011	14/10/2012	03707/11S69
134	S69-00435	CM-01964	Vô khách	Đoái Văn Dụ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06444/08S69
135	S69-00436	CM-01684	THU BIỂN	Nguyễn Thanh Hà	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06443/08S69
136	S69-00437	CM-01745	Vô Hàng	Huỳnh Văn Phước	KV4, TTSông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2014	24/03/2015	01275/14S69
137	S69-00438	CM-00064		CTy Thương Nghiệp Cà Mau	70.72 Đề Thám, P 2, Thành phố Cà Mau	19/03/2010	19/03/2011	01417/10S69
138	S69-00440	CM-03529	Ghe	Châu Quốc Khải	Phường 6, Thành phố Cà Mau	25/04/2015	22/09/2015	00783/15S69
139	S69-00441	CM-03483		Ngô Văn Nguyệt	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2010	07/06/2011	03511/10S69
140	S69-00442	CM-01031	CM-01031	Cty TNHH Duy Long	287, Nguyễn Công Trứ, P8, Thành phố Cà Mau	06/08/2009	06/08/2010	04766/09S69
141	S69-00445	CM-00688	Thanh Hải	Phạm Thanh Hải	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	23/01/2009	23/01/2010	00446/09S69
142	S69-00446	CM-06939	Quốc Đạt	Lê Huy Kiệt	72 Trương Phùng Xuân, K4, P8, Thành phố Cà Mau	01/04/2008	01/04/2009	02127/08S69
143	S69-00455	CM-04738	Phú Hưởng	Nguyễn Văn Hưng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/10/2010	18/10/2011	05213/10S69
144	S69-00456	CM-00335	Việt Thành	Trần Trung Thu	Phường 1, Thành phố Cà Mau	12/01/2010	12/01/2011	00171/10S69
145	S69-00457	CM-00784	Bảo Toàn	Hợp Tác Xã Thủy Bộ	P7, Thành phố Cà Mau	26/11/2008	26/11/2009	09135/08S69
146	S69-00464	CM-02834	Hữu Nghị	Đoàn Tấn Lực	Khóm 2, Phường 1, Thành phố Cà Mau	07/04/2008	07/10/2008	02158/08S69
147	S69-00465	CM- 02939		Phạm Thanh Hiếu	K7, P8, Thành phố Cà Mau	22/01/2011	22/07/2011	00089/11S65
148	S69-00466	CM-00066		Nguyễn văn Dũng	Lợi an, Huyện Trần Văn Thời	06/03/2012	06/03/2013	00765/12S69
149	S69-00467	CM-01040	Diễm My	Trương Văn Đẩu	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	13/12/2010	13/12/2011	05961/10S69
150	S69-00469	CM-00828	Đại Thành	Nguyễn Văn Khải	Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	25/12/2008	25/12/2009	10435/08S69
151	S69-00471	CM-00062	Vô HÀNG	DNTN Thu Ba I	143/2 Quang Trung F5, Thành phố Cà Mau	18/10/2007	18/10/2008	04437/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
152	S69-00472	CM-00924	Kim Tài	Nguyễn Kim Dung	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2010	26/04/2011	02224/10S69
153	S69-00475	CM-00210	Hồng Phát	Lê Thanh Phong	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	31/03/2008	30/09/2008	02103/08S69
154	S69-00480	CM-00944	Ghe Tải	Lê Hồng Nhớ	Khóm 5, Huyện Năm Căn	28/02/2013	28/02/2014	01396/13S69
155	S69-00482	CM-01166	Vỏ Hàng	Trần Văn Tài	Khóm 7, Phường 6, Thành phố Cà Mau	07/04/2008	07/10/2008	02148/08S69
156	S69-00561	CM- 01826	Tấn Phát	Huỳnh Văn Bình	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06333/07S69
157	S69-00563	CM-01343		Hà Văn Vững	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2008	12/12/2009	09984/08S69
158	S69-00567	CM-01841	Ghe tải	Nguyễn Văn Tuấn	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	15/04/2011	15/04/2012	01266/11S69
159	S69-00570	CM-00136	Tuấn Bình	Ngô Văn Tỷ	F9, Thành phố Cà Mau	03/11/2007	03/11/2008	04722/07S69
160	S69-00573	CM-02320		Lê Thị Non	ấp Rau Dừa B, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04726/07S69
161	S69-00577	CM-01629		Phạm Khởi Nghĩa	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	11/11/2010	11/11/2011	05550/10S69
162	S69-00581	CM-02924	Hoàng Gập	Phạm Hoàng Gập	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	10/02/2012	10/02/2013	00462/12S69
163	S69-00582	CM-01987	Thanh Quang	Trần Thanh Phong	ấp Lý ấn, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2011	12/01/2012	00178/11S69
164	S69-00611	CM-03358		Nguyễn Trọng My	Khóm 1, Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00195/08S69
165	S69-00620	CM-01414	Ghe Tải	Huỳnh Thị Lộc	Khóm 1, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	08/10/2012	08/10/2013	05331/12S69
166	S69-00622	CM-01087	chí que	Đào ánh Xuân	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2014	30/12/2015	03597/15S69
167	S69-00625	CM-02241	Ghe Tải	Huỳnh Văn Hảo	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	06/01/2010	06/01/2011	00088/10S69
168	S69-00626	CM-01907	NGUYỄN LINH	Nguyễn Thanh Kiệm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	15/11/2012	10/11/2013	06764/12S69
169	S69-00630	CM-02963	Ghe tải	Nguyễn Văn Việt	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/07/2016	04/07/2016	01193/16S69
170	S69-00631	CM-02354		CTy TNHH SX-TM- DV Tấn Phát	116 Lê Lợi, P2, Thành phố Cà Mau	27/10/2007	27/10/2008	04595/07S69
171	S69-00632	CM-00198	Cao Tuấn I	Danh Văn Cao	Khóm1, Phường 9, Thành phố Cà Mau	11/05/2013	11/05/2014	02530/13S69
172	S69-00635	CM-00397	Ghe	Lê Trường Phú	ấp Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/01/2008	18/01/2009	00166/08S69
173	S69-00639	CM-02892	THANH SƠN	Trần Văn Chĩa	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10790/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
174	S69-00642	CM-02546		Tô Hồng phương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	12/03/2014	12/03/2015	00675/14S69
175	S69-00646	CM-02327		CTy CP XNK Thủy sản Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	22/11/2007	22/11/2008	05731/07S69
176	S69-00647	CM-00511	Phát Huy	Đỗ Minh Quảng	Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/01/2008	04/01/2009	00030/08S69
177	S69-00649	CM-00070	Hoàng Kim	Huỳnh Kim Hoa	phường 1, Thành phố Cà Mau	20/10/2008	20/04/2009	07607/08S69
178	S69-00650	CM-00326	PHƯỚC THẮNG	Lai Văn Phước	, Huyện Trần Văn Thời	16/09/2010	16/09/2011	04775/10S69
179	S69-00651	CM-00257	Ghe Tải	CTy Thương Nghiệp Cà Mau	phường 2, Thành phố Cà Mau	21/09/2015	21/03/2016	01845/15S69
180	S69-00655	CM-02059		Phạm Thành Tôn	Hàng Vịnh, Huyện Ngọc Hiển	01/04/2013	01/04/2014	02045/13S69
181	S69-00656	CM-02270		Công Ty Cổ Phần Thuận Phát	Lê Hồng Phong, Khóm 7 Phường 8, Thành phố Cà Mau	12/07/2011	12/07/2012	02313/11S69
182	S69-00661	CM-00352		Lê Minh Linh	Phường 6, Thành phố Cà Mau	19/04/2011	19/04/2012	01278/11S69
183	S69-00662	CM-01233	Phước Thành	Đào Quang Trung	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	04/12/2012	19/07/2013	07934/12S69
184	S69-00665	CM-00089	Quốc Khởi	Hồ Quốc Khởi	Khóm 8, Phường 7, Thành phố Cà Mau	10/03/2015	25/02/2016	00425/15S69
185	S69-00667	CM-03003	Ngọc Lợi	Phạm Ngọc Lợi	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2014	14/12/2015	03263/14S69
186	S69-00670	CM-04790		Lê Văn út	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	25/01/2014	25/01/2015	00319/14S69
187	S69-00673	CM-01220	Ghe tải	Nguyễn Thanh Tứ	K6, phường 6, Thành phố Cà Mau	17/11/2009	17/11/2010	06648/09S69
188	S69-00674	CM-01242	CM-01242	Huỳnh Bảo Lộc	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/03/2012	08/03/2013	00842/12S69
189	S69-00676	CM-00530	TRỌNG HỮU II	Châu Văn Hợp	ấp 5, Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	23/10/2008	23/04/2009	07730/08S69
190	S69-00678	CM-01116		Huỳnh Thị Ngàn	324 Lý Thường Kiệt,K.5,P.6, Thành phố Cà Mau	23/03/2015	19/03/2016	00546/15S69
191	S69-00685	CM-00504	Đạt Thành	Trần Văn Sen	Phường 8, Thành phố Cà Mau	25/12/2007	25/12/2008	07056/07S69
192	S69-00688	CM-00827	Bạch Yến	Huỳnh Thị Khuyên	ấp 1, Xã hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	18/11/2012	18/11/2013	07259/12S69
193	S69-00689	CM-00824	Vỏ Hàng	Tô Minh Hùng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	09/02/2011	09/02/2012	00474/11S69
194	S69-00696	CM-00090	Vỏ hàng	Hứa Văn Hoàng	118, Phan Bội Châu, K3, P7, Thành phố Cà Mau	03/07/2013	03/07/2014	03411/13S69
195	S69-00697	CM-02195	CM-02195	Nguyễn Văn Nhí	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	15/10/2008	15/10/2009	02906/08V64

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
196	S69-00702	CM-01171	CM-01171	Xí Nghiệp Chế Biến Thủy Sản Sông Đốc	Sông Đốc., Huyện Trần Văn Thời	29/09/2012	29/09/2013	05209/12S69
197	S69-00703	CM-01683	Ghe tải	Lý Kim Dư	K4, TT TVT, Huyện Trần Văn Thời	08/07/2011	08/07/2012	02215/11S69
198	S69-00705	CM-00343	Cao Tuấn 2	Trần Kim Tuyết	Phường 8, Thành phố Cà Mau	22/10/2007	22/10/2008	04291/07S69
199	S69-00707	CM-05326		Nguyễn Chí Thông	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01798/08S69
200	S69-00708	CM-04456		Nguyễn Anh Minh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	01/03/2008	01/03/2009	00975/08S69
201	S69-00711	CM-01361	Minh Tuấn	Trần Thị Nga	K4, P8, Thành phố Cà Mau	28/03/2011	28/03/2012	01030/11S69
202	S69-00714	CM-02743		Phạm Văn An	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03225/13S69
203	S69-00717	CM-01203		Nguyễn Phước Hồng	ấp Xóm Lớn, Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	08/02/2010	08/02/2011	00859/10S69
204	S69-00718	CM-01205	Ghe tải	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	phường 6, Thành phố Cà Mau	21/02/2011	21/02/2012	00562/11S69
205	S69-00719	CM-01154	Ghe Tải	Lâm Thành Huy	270 Nguyễn Trãi, P9, Thành phố Cà Mau	29/04/2011	29/04/2012	01490/11S69
206	S69-00727	CM-00129	Tân Xuyên	Châu Vĩnh Xuyên	Khóm I, Phường 8, Thành phố Cà Mau	12/02/2009	12/02/2010	00521/09S69
207	S69-00732	CM-02357	Ghe tải	Tiết Thị Lệ	Kinh Đào, Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	29/05/2014	29/05/2015	01445/14S69
208	S69-00733	CM-00235	Cao Tuấn	Danh Cẩm Hồng	Khóm I, Phường 9, Thành phố Cà Mau	04/11/2008	04/11/2009	08714/08S69
209	S69-00734	CM-00130	PHƯỜNG NAM I	Nguyễn Tấn Dũng	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/11/2007	05/11/2008	04712/07S69
210	S69-00738	CM-00282	HỮU NGHỊ 1	Đoàn Văn Thân	Khóm 5 , Phường 8, Thành phố Cà Mau	18/11/2008	18/11/2009	08994/08S69
211	S69-00741	CM-03247	Phao Thép	CTy TNHH Hiệp Thành	296 Nguyễn Công Trứ Phường 8, Thành phố Cà Mau	20/02/2008	20/02/2009	00675/08S69
212	S69-00742	CM-01567		Lê Minh Sang	Khóm 5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	27/09/2011	27/09/2012	03402/11S69
213	S69-00744	CM-00926	Ghe tải	Dương Thị Muội	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	18/01/2012	18/01/2012	00312/12S69
214	S69-00747	CM-01655	Phương Nam 2	Châu Vĩnh Xuyên	Phường 8, Thành phố Cà Mau	27/02/2012	27/02/2013	00628/12S69
215	S69-00749	CM-01354		Huỳnh Tấn Lợi	Khóm 1, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	28/09/2012	27/09/2013	05135/12S69
216	S69-00750	CM-00328	Tấn Phát	Lý Hùng Nhạc	259 K 2, Lý Văn Lâm, Phường 1, Thành phố Cà Mau	18/12/2008	18/12/2009	10064/08S69
217	S69-00753	CM-00910		Trương Văn Tèo	KI, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	17/01/2011	17/01/2012	00230/11S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
218	S69-00756	CM-00943		Đào Quốc Trị	ấp 6, Xã Khánh an, Huyện U Minh	21/04/2009	21/10/2009	02541/09S69
219	S69-00760	CM-01703		Cty CP Xây Lắp Điện Cà Mau	Phường 2, Thành phố Cà Mau	14/08/2013	14/08/2014	03897/13S69
220	S69-00761	CM-02662	Võ CÔNG Vự	Cty Xây Lắp Điện Cà Mau	138-Lê Lợi, P2, Thành phố Cà Mau	13/05/2013	13/05/2014	02539/13S69
221	S69-00762	CM-01168	Thuận Thảo	Nguyễn Thị Tuyết	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	04/08/2008	04/02/2009	06053/08S69
222	S69-00763	CM-01714	Võ Hàng	Phạm Thị Hoa	Khóm 8, Phường 8, Thành phố Cà Mau	25/12/2013	25/12/2014	06378/13S69
223	S69-00767	CM-00211	Ngọc Hân	Lâm Văn Tèo	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/04/2014	07/04/2015	00911/14S69
224	S69-00769	CM-00245	Võ hàng	Nguyễn Trường Giang	KV 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/03/2013	12/03/2014	01627/13S69
225	S69-00770	CM-00836	Ghe Tải	Nguyễn Kim Anh	khóm 2,TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	22/12/2009	22/12/2010	07259/09S69
226	S69-00772	CM-01201	Vũ LINH	Lê Thị Lánh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	22/12/2011	22/12/2012	04986/11S69
227	S69-00773	CM-00366	THANH LIÊM	Nguyễn Thanh Liêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/05/2009	09/11/2009	02707/09S69
228	S69-00774	CM-01200	Thùy Linh	Nguyễn Văn Cống	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2011	01/12/2012	04708/11S69
229	S69-00775	CM-01247	Võ Khách	Trần Văn Sáng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2011	08/03/2012	00767/11S69
230	S69-00776	CM-01317	CHÍ TÂM	Huỳnh Minh Luân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06318/09S69
231	S69-00777	CM-00902	PHƯỚC ĐOÀN	Tô Hy Vọng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02595/08S69
232	S69-00779	CM-02218	Võ CÔNG Tác	C.Ty Xây Lắp Bưu Điện Cà Mau	146 A, Nguyễn Tất Thành, K8, P8, Thành phố Cà Mau	08/03/2010	08/03/2011	01067/10S69
233	S69-00780	CM-01733	Võ Hàng	Bùi Văn Hận	ấp Hữu Trí, Huyện Cái Nước	01/12/2007	01/12/2008	06226/07S69
234	S69-00781	CM-01970	Ghe tải	Phạm Thị Bích	Phường 6, Thành phố Cà Mau	09/02/2009	09/02/2010	00506/09S69
235	S69-00791	CM-03174	TƯỜNG PHƯỚC	Quách Tường Phước	07 Lý Văn Lâm, K4, P1, Thành phố Cà Mau	19/11/2007	19/11/2008	04897/07S69
236	S69-00796	CM-00071	Hoàng Kim II	Lê Minh Chí	301 Lý Văn Lâm,P1,Thành Phố Cà Mau, Thành phố Cà Mau	25/02/2011	25/02/2012	00624/11S69
237	S69-00798	CM-02395	QUỐC NAM	Nguyễn Thanh Dũng	264-K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2009	10/12/2009	00431/09V69
238	S69-00800	CM-00237	GHE Tải	Nguyễn Hồng Kiên	K I, TT Cái Đoi Vàm, Huyện Phú Tân	27/04/2015	18/04/2016	00760/15S66
239	S69-00803	CM-00709	Trung Kiên	Phan Trung Kiên	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	31/12/2010	31/12/2011	06411/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
240	S69-00805	CM-00095	Hướng Dương	Đoàn Văn Hưng	K1, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	19/03/2010	19/03/2011	01484/10S69
241	S69-00807	CM-02638	TIẾN DŨNG	Châu Tiến Dũng	Khóm I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	31/12/2007	31/12/2008	07078/07S69
242	S69-00808	CM-01855	Thành Nghi	Đào ánh Xuân	Phong lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/04/2010	12/04/2011	01994/10S69
243	S69-00809	CM-01086	MINH THUẬN 2	Đào ánh Xuân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	09/04/2011	09/04/2012	01191/11S69
244	S69-00811	CM-01511		Nguyễn Trường Giang	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/03/2010	05/03/2011	01042/10S69
245	S69-00812	CM-00360	Hoàng Kim	Lê Hoàng Giang	301, Lý Văn Lâm, P1, Thành phố Cà Mau	08/09/2014	08/03/2015	02478/14S69
246	S69-00815	CM-02179		Nguyễn Thanh Lâm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	14/03/2012	13/03/2013	00935/12S69
247	S69-00819	CM-01332	Hồng Hải	Trần Văn Hải	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	09/12/2008	09/12/2009	09779/08S69
248	S69-00820	CM-02027	Vỏ Hàng	Trần Bình Hoà	ấp Mỹ Tân, Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	20/11/2007	20/11/2008	05708/07S69
249	S69-00824	CM-01963	QUANG MINH	Châu Quang Kiệt	K I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00185/08S69
250	S69-00825	CM-02664	THANH DANH	Nguyễn Trường Sơn	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	66687/07S69
251	S69-00827	CM-02026		Trần Bình Hoà	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	20/11/2007	20/11/2008	05709/07S69
252	S69-00829	CM-03532	Minh Tám	Bùi Quang Tám	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01852/10S69
253	S69-00875	CM-03598		Võ Thanh Lâm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	15/11/2007	15/11/2008	04882/07S69
254	S69-00942	CM-00539	HẢI ĐĂNG	Cao Văn Liệt	KV I TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/05/2009	23/05/2010	02925/09S69
255	S69-00945	CM-01373	ANH DUY	Huỳnh Hồng Thủy	K7, P7, Thành phố Cà Mau	10/11/2010	10/11/2011	05547/10S69
256	S69-00948	CM-00459	Phương Quang 2	Nguyễn Văn Quang	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2008	11/06/2009	09805/08S69
257	S69-00949	CM-03254		Võ Diễm Thúy	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2011	15/02/2012	02677/11S69
258	S69-00951	CM-03104		Nguyễn Thành Huých	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	02/07/2014	22/12/2014	01801/14S69
259	S69-00952	CM-03098		Trần Văn Khải	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	04/11/2013	04/11/2014	05667/13S69
260	S69-00953	CM-03537		Dương Công Thành	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	13/02/2008	13/02/2009	00555/08S69
261	S69-00956	CM-00510	Ngọc Diệp	Nguyễn Thành Lệnh	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	20/11/2010	20/11/2011	05719/10S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
262	S69-00966	CM-01123	Ghe tải	Nguyễn Văn Bồi	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	25/04/2013	31/03/2014	02250/13V67
263	S69-00971	CM-03206	ÁNH VƯƠNG	Dư Khánh Vương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/07/2012	12/07/2013	03778/12S69
264	S69-00972	CM-03570		Phạm Quốc Việt	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	18/05/2008	18/05/2009	03896/08S69
265	S69-00973	CM-03571	Vỏ Hàng	Phạm Quốc Việt	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/09/2011	28/09/2012	03407/11S69
266	S69-00979	CM-00628	Minh Thái	Phạm Minh Thái	Phường 8, Thành phố Cà Mau	04/12/2008	06/12/2009	09640/08S69
267	S69-00983	CM-01952	TIẾN DŨNG	Dương Văn Tấn	Cái Đồi, Phú Tân, Huyện Phú Tân	14/12/2008	14/12/2009	09996/08S69
268	S69-00986	CM-03248	PHAO THÁP	CTy TNHH Hiệp Thành	296-Nguyễn Công Trứ, P8, Thành phố Cà Mau	15/03/2011	02/03/2012	00149/11V69
269	S69-00994	CM-00554	HOÀNG GIANG	Quách Văn Nguyễn	, Huyện Thới Bình	17/10/2008	17/04/2009	04558/08V94
270	S69-01068	CM-06384	Minh Tươi	Phạm Tấn Đạt	Khóm 2, Huyện Năm Căn	03/03/2009	03/09/2009	01096/09S69
271	S69-01135	CM-00754	NHẬT MINH	Quách Văn Điện	ấp Biện Trượng, Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02410/12S69
272	S69-01136	CM-00825		Nguyễn Văn Sáu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/12/2007	24/12/2008	07036/07S69
273	S69-01137	CM-02346	PHƯƠNG BÌNH	Tiết Văn Mãnh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	05/02/2009	05/02/2010	00488/09S69
274	S69-01143	CM-00441	Quốc Dương	Quách Minh Phát	Khóm 2, Phường 1, Thành phố Cà Mau	11/12/2008	11/12/2009	09792/08S69
275	S69-01144	CM- 01374	HÔNG THẮM	Nguyễn Hoàng Minh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/12/2007	12/12/2008	06685/07S69
276	S69-01145	CM-05394		Nguyễn Văn Tâm	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00289/08S69
277	S69-01146	CM-01141	Minh Tuấn 4	Đào Vũ Linh	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	24/06/2010	24/06/2011	03325/10S69
278	S69-01152	CM-03221	Ghe Tải	Dương Kim Luận	Phường 7, Thành phố Cà Mau	13/04/2011	13/04/2012	01236/11S69
279	S69-01153	CM-00385	Ngọc Tân	Nguyễn Ngọc Tân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	29/11/2014	10/09/2015	03109/14S69
280	S69-01154	CM-00341	Ghe Tải	Nguyễn Hoàng Bi	12, Kinh xáng Bạc Liêu, K7,P7, Thành phố Cà Mau	23/02/2012	23/02/2013	00598/12S69
281	S69-01155	CM-01167	Thuận Thảo	Trương Văn Ân	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	24/12/2007	24/12/2008	07037/07S69
282	S69-01166	CM-00228	CM-00228	Lê Văn Uôi	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	22/12/2009	22/12/2010	07260/09S69
283	S69-01167	CM-03178		Phan Thanh Liêm	ấp Cái Đồi, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	27/05/2008	27/05/2009	03585/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
284	S69-01168	CM-00462	Ba Xuyên 4	Đào Minh Thuận	ấp 3, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	03/04/2009	03/04/2010	02295/09S69
285	S69-01169	CM-00373	Thanh Hùng	Lâm Thanh Hùng	khóm 3, P1, Thành phố Cà Mau	14/01/2013	02/01/2014	00022/13S69
286	S69-01170	CM-00965	Vỏ Hàng	Trần Hoàng Diên	K2, KV2, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/05/2013	20/05/2014	02674/13S69
287	S69-01171	CM-01519	Thành Lam	Phan Văn Lam	K 6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	21/01/2010	21/01/2011	00408/10S69
288	S69-01174	CM-04791		Võ Văn Bửu	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	17/01/2011	17/01/2012	00231/11S69
289	S69-01175	CM-01341		Đinh Ngọc Mỹ	Phường 8, Thành phố Cà Mau	07/01/2009	07/01/2010	00064/09S69
290	S69-01178	CM-00765	Minh Trí	Lê Tùng Em	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	14/11/2012	12/11/2013	06759/12S69
291	S69-01181	CM-00280	CHIẾN THẮNG	Nguyễn Chí Công	ấp Rạch Lùm, Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	16/01/2013	12/01/2014	00457/13S69
292	S69-01182	CM-	Vỏ hàng	Lê Văn Dũng	ấp Hoàng Lân, Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00202/08S69
293	S69-01185	CM-22251		Nguyễn Văn Đuối	ấp Tân Lập, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/03/2014	12/03/2015	00669/14S69
294	S69-01187	CM-		Đặng Việt Quân	Khóm I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/10/2008	02355/08S69
295	S69-01188	CM-02420		Tô Thanh Hùng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/02/2013	28/02/2014	01383/13S69
296	S69-01189	CM-01147	Loan Phụng	Võ Văn Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	05/02/2010	05/02/2011	00806/10S69
297	S69-01191	CM-03285	THÀNH ĐỒ	Nguyễn Thành Đô	ấp Tân Lập, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	17/01/2014	17/01/2015	00214/14S69
298	S69-01192	CM-01661	ANH THƯ	Trương Văn Tồn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	19/03/2010	19/03/2011	01483/10S69
299	S69-01193	CM-00347	CM-00347	Nguyễn Thành Đô	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00626/10S69
300	S69-01234	CM-01219	Ngọc Hân	Nguyễn Hữu Thừa	ấp 5, Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/12/2009	29/12/2010	07416/09S69
301	S69-01241	CM-00592	Vỏ hàng	Nguyễn Công Khanh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	05/01/2009	05/01/2010	00019/09S69
302	S69-01245	CM-00044	Văn Khoẻ	Nguyễn Hoàng Minh	số 190, K2, P8, Thành phố Cà Mau	18/01/2008	18/01/2009	00165/08S69
303	S69-01246	CM-01041	Văn Khỏe	Nguyễn Hữu Nghĩa	phường 8, Thành phố Cà Mau	18/01/2008	18/01/2009	00167/08S69
304	S69-01249	CM-03615		Nguyễn Văn Tiến	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05527/08S69
305	S69-01252	CM-00298	Hồng Nguyên	Phạm Thị Nhen	Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	09/01/2009	09/01/2010	00101/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
306	S69-01253	CM-01189		Nguyễn Văn So	F6, Thành phố Cà Mau	31/05/2013	31/03/2014	02779/13V67
307	S69-01258	CM-03230	ANH THU	Lê Văn út	Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00181/08S69
308	S69-01264	CM-00395	Ghe tải	Phan Bích Thủy	khóm 7, P7, Thành phố Cà Mau	02/04/2015	02/04/2016	00399/15V64
309	S69-01271	CM-		Mã Minh Khải	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	01/10/2008	01/04/2009	06784/08S69
310	S69-01272	CM-02458	Huỳnh Như	Nguyễn Thành Trung	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	05/04/2010	05/04/2011	01918/10S69
311	S69-01280	CM-00842		Đào Văn Dương	ấp Bùng Binh, xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/11/2011	30/11/2012	04542/11S69
312	S69-01369	CM-01727		Lê Trung Thành	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	20/07/2009	20/07/2010	04136/09S69
313	S69-01370	CM-00285	CM 00285	Nguyễn Minh Khương	, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2012	20/12/2013	09190/12S69
314	S69-01371	CM-02866	Huỳnh Như	Nguyễn Ngọc Linh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/03/2011	04/03/2012	00728/11S69
315	S69-01372	CM-00865	CM-00865	Trần Ngọc Lạc	ấp 2, Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	10/02/2010	10/02/2011	00875/10S69
316	S69-01377	CM-00734		Dương Văn Đông	Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	21/12/2007	21/12/2008	07030/07S69
317	S69-01378	CM-01362	MINH TUẤN 3	Trần Thị Nga	K 4, P 8, Thành phố Cà Mau	31/12/2007	31/12/2008	07071/07S69
318	S69-01380	CM-01782	ANH XUYỀN	Huỳnh Việt Quân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/01/2014	13/01/2015	00130/14S69
319	S69-01381	CM-01016	Tân Phát	Phan Hội An	Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	26/12/2014	26/12/2015	03494/14S69
320	S69-01383	CM-01174	Minh Dương	Võ Thị Kiệt	ấp 9, Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/12/2013	24/12/2014	06326/13S69
321	S69-01384	CM-01699	Thật Tấn	Châu Trung Lập	Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/12/2011	27/12/2012	05039/11S69
322	S69-01388	CM-01129	Ghe tải	Huỳnh Thị Nhung	170 Khóm 5, Phường 5, Thành phố Cà Mau	28/02/2014	28/08/2014	00577/14S69
323	S69-01389	CM-	xuân linh	Trương Minh Dương	KV3, K3, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	22/07/2009	22/07/2010	04248/09S69
324	S69-01395	CM-03635		Nguyễn Minh Chấn	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	22/01/2008	22/01/2009	00267/08S69
325	S69-01397	CM-00383	KIÊN NHÂN 2	Trần Văn Tuấn	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00711/08S69
326	S69-01486	CM-00140		Trần Văn Dũng	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	29/06/2012	26/04/2013	03207/12V67
327	S69-01488	CM-00436	CM-00436	Dư Thị Phương	TT. Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	25/04/2015	29/01/2016	00808/15S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
328	S69-01489	CM-02709	Ghe tải	Nguyễn Hữu Hon	K III, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/03/2013	27/03/2014	01974/13S69
329	S69-01501	CM-00255	GHE TẢI	Lê Thị Bảy	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	29/12/2011	29/12/2012	05152/11S69
330	S69-01514	CM-		Trương Hoàng Năm	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/12/2008	01493/07S69
331	S69-01521	CM-00137	Kiểu Mỹ	Nguyễn Thúy Kiều	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	08/09/2008	08/03/2009	06222/08S69
332	S69-01522	CM-00675	CM-00675	Kiểu Mỹ Chi	, Thành phố Cà Mau	12/01/2009	12/01/2010	00106/09S69
333	S69-01525	CM-01583	CM-01583	Phan Ngọc Mừng	Phường 4, Thành phố Cà Mau	06/03/2015	15/02/2016	00477/15V68
334	S69-01532	CM-	Năm Lành	Nguyễn Văn Lành	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	22/01/2008	22/01/2009	00269/08S69
335	S69-01533	CM-00401	Minh Nhứt	Quách Văn Bùi	Phường 1, Thành phố Cà Mau	21/01/2009	21/01/2010	00435/09S69
336	S69-01538	CM-03311		Trần Văn Quân	Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	29/02/2016	27/08/2016	00433/16S69
337	S69-01539	CM-00217	Việt Mỹ	Trần Gái	Phường 1, Thành phố Cà Mau	04/04/2011	04/04/2012	01153/11S69
338	S69-01659	CM-00657	QUỐC THỊNH	Lê Văn Cường	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01351/10S69
339	S69-01660	CM-01896		Trung Tâm Y Tế Huyện Đầm Dơi	Số 80, K5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	21/02/2008	21/02/2009	00681/08S69
340	S69-01662	CM-00970	Hồng Mến	Nguyễn Văn Phúc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	18/01/2008	18/01/2009	00164/08S69
341	S69-01663	CM-00990	Tấn Thành	Nguyễn Văn Nhu	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2010	11/01/2011	00144/10S69
342	S69-01667	CM- 00817	Việt Hải	Lê Thị Mỹ Em	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	20/01/2010	20/01/2011	00271/10S69
343	S69-01672	CM-00826	VIỆT PHƯƠNG	Nguyễn Văn Toàn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	22/01/2009	22/01/2010	00441/09S69
344	S69-01673	CM-00694	HÔNG NGUYỄN 1	Lê Hoàng Định	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	22/02/2010	22/02/2011	00881/10S69
345	S69-01674	CM-01486	Hải Nhung	Lê Hồng Nhung	ấp 18 Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	18/09/2008	18/03/2009	06586/08S69
346	S69-01677	CM-01925	Ghe Tải	Huỳnh Tương Giang	123A Khóm 6, Phường 6,, Thành phố Cà Mau	25/05/2013	25/05/2014	02774/13S69
347	S69-01678	CM-00738	Hoàng Giang	Nguyễn Hoàng Giang	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04545/10S69
348	S69-01679	CM-02341		Thi Văn Trí	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	11/02/2009	11/08/2009	00514/09V94
349	S69-01681	CM-02899	Ghe Tải	Trần Quốc Khải	, Huyện Năm Căn	11/12/2008	11/06/2009	09797/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
350	S69-01683	CM-03462	Ghe tải	Nguyễn Văn Tâm	phường 7, Thành phố Cà Mau	08/03/2013	23/02/2014	01493/13S69
351	S69-01689	CM-00124	Thanh Tâm	Phan Thái Khải	phường 8, Thành phố Cà Mau	22/02/2011	22/02/2012	00574/11S69
352	S69-01690	CM-00193		Hồ Văn Tân	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	10/03/2015	24/01/2016	00436/15S69
353	S69-01692	CM-00849		Trần Thuý Diễm	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	15/01/2008	15/01/2009	00136/08S69
354	S69-01694	CM-01842	Vỏ Hàng	Trần Thị Tú Anh	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	28/04/2011	28/04/2012	01419/11S69
355	S69-01696	CM-00756	Đoạn QLGT Thủy bộ	Đoạn QL Giao thông thủy, bộ Cà Mau	Khu Bến tàu B, K7, P8, Thành phố Cà Mau	14/07/2008	14/01/2009	05565/08S69
356	S69-01697	CM-00835		CTy CPCB thủy sản XNK Sông Đốc	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06050/10S69
357	S69-01699	CM-01060	Ghe Tải	Nguyễn Kim Ca	ấp Cống Đá, Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	20/06/2012	20/06/2013	03051/12V67
358	S69-01701	CM-00471	THÀNH CÔNG	Trần Thanh Tùng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	31/01/2008	31/01/2009	00625/08S69
359	S69-01706	CM-02462		Phan Hoàng Khải	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	23/01/2008	23/01/2009	00277/08S69
360	S69-01707	CM-01556	Vỏ HÀNG	Đặng Thị Lắm	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	13/03/2009	13/03/2010	01759/09S69
361	S69-01711	CM-00320	Anh Duy	Lê Văn Châu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/03/2011	01/03/2012	00648/11S69
362	S69-01713	CM-00503	BƯU ĐIỆN	Lâm Mỹ Hằng	ấp 9, Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	11/01/2010	11/01/2011	00136/10S69
363	S69-01721	CM-04246		Mai Văn Phăng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/04/2008	08/04/2009	02257/08S69
364	S69-01729	CM-01954	Lệ TRINH	Dương Thị út	Cái Đôi, Phú Tân, Huyện Phú Tân	23/01/2008	23/01/2009	00273/08S69
365	S69-01763	CM-00861	Việt Khải	Nguyễn Hoàng Nam	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	29/01/2008	29/01/2009	00501/08S69
366	S69-01767	CM-00371		Nguyễn Thị Nội	Phường 6, Thành phố Cà Mau	25/01/2008	25/01/2009	00298/08S69
367	S69-01768	CM-01911	Ghe	Nguyễn Vĩnh Khanh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2008	08/01/2009	00053/08S69
368	S69-01771	CM-02459		Võ Thị Hồng Hoa	Phường 2, Thành phố Cà Mau	24/05/2010	24/05/2011	02650/10V67
369	S69-01781	CM-04028	HOÀNG DÂN	Trương Hoàng Dân	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2010	26/01/2011	00441/10S69
370	S69-01782	CM-00232	Ghe tải	Huỳnh Thúy Ly	ấp Kinh Hội, xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	17/02/2014	17/01/2015	00422/14S69
371	S69-01788	CM-01857	MINH HOÀNG	Phan Văn Hoàng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	04/11/2008	04/05/2009	08420/08S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
372	S69-01789	CM-02913	Võ Khách	Lê Văn Tèo	Kinh Mới, Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2008	10/09/2009	06238/08S69
373	S69-01800	CM-01512	Minh Trường	Lê Văn Kiệm	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00716/08S69
374	S69-01814	CM-00391	MINH PHỤNG	Phạm Văn út	khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	05/05/2011	05/05/2012	01514/11S69
375	S69-01830	CM-03989		Ngô Minh Phước	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	02/07/2010	06/06/2011	00776/10V94
376	S69-01835	CM-02213		Cty CP Xây Lắp và Dịch Vụ Bưu Điện Cà Mau	P8, Thành phố Cà Mau	30/08/2012	30/08/2013	04618/12S69
377	S69-01836	CM-00264	Võ Hàng	CÔNGTY CP XNK TS NĂM CĂN	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/03/2012	14/03/2013	00936/12S69
378	S69-01837	CM-01078	Tuấn Phát 1	Phạm Minh Chính	KV1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00724/08S69
379	S69-01843	CM-04022		Phạm Bình Trung	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/03/2008	12/03/2009	01722/08S69
380	S69-01846	CM-00799	Ghe tải	Trịnh Minh Quang	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	04/05/2010	04/05/2011	02431/10S69
381	S69-01847	CM-01418	Minh Cảnh	Lê Công Cảnh	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	10/12/2008	10/12/2009	09806/08S69
382	S69-01849	CM-03421	Bình Định	Nguyễn Văn Định	K10, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	28/07/2010	28/01/2011	03915/10S69
383	S69-01851	CM-02868	Ghe Tải	Cty TNHH Phát Đạt	6/1 Lý Thường Kiệt, K5, P6, Thành phố Cà Mau	21/02/2011	21/02/2012	00564/11S69
384	S69-01899	CM-01547	Phước Toàn	Nguyễn Minh Khương	xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00721/08S69
385	S69-01905	CM-	Trần Khải	Trần Quốc Khải	Khóm 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/02/2010	25/02/2011	00948/10S69
386	S69-01947	CM-00850	Minh Tuấn	Trần Văn Đáng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00722/08S69
387	S69-01959	CM-02006	Ghe tải	Lâm Quang Chạy	phường 1, Thành phố Cà Mau	16/06/2015	03/12/2015	01092/15S69
388	S69-01960	CM-02875	ánh Hùng	Trần Văn Gon	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Cái Nước	15/01/2014	12/12/2014	00163/14S69
389	S69-01973	CM-00319	Võ Hàng	Lê Minh Dũng	98 Phan bội Châu Khóm 3 Phường 7, Thành phố Cà Mau	27/02/2008	27/02/2009	00962/08S69
390	S69-02098	CM-01763	Ghe tải	Lê Văn Phát	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	05/05/2011	05/05/2012	01516/11S69
391	S69-02108	CM-03295		Trần Thị Tú Anh	Khóm I, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	16/09/2010	16/09/2011	04783/10S69
392	S69-02180	CM-		Huỳnh Minh Văn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	04/07/2008	04/07/2009	05525/08S69
393	S69-02200	CM-01298	Võ Hàng	Trương Văn Thành	Khóm 7 Thị Trấn sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	03/10/2011	03/09/2012	03531/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
394	S69-02201	CM-00419		Lê Hồng Phúc	ấp Tắc Biển, Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04714/09S69
395	S69-02206	CM-01495	Ghe tải	Lê Phước Thân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/08/2016	06/08/2016	01737/16S69
396	S69-02210	CM-01843	Thanh Liêm	Lê Minh Vũ	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/03/2011	07/03/2012	00751/11S69
397	S69-02212	CM-02644		Nguyễn Hoàng Toàn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	05/11/2015	06/08/2016	02142/15S69
398	S69-02222	CM-04139	Ghe Tải	Huỳnh Văn Vạn	Lâm Thành Mậu, Phường 4, Thành phố Cà Mau	05/10/2015	26/08/2016	01939/15S69
399	S69-02223	CM-04160		Phan Quốc Thoại	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04669/12S69
400	S69-02224	CM-00415	Ghe	Trần Việt Bắc	Vàm Đình,Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	05/03/2015	06/07/2015	00413/15S69
401	S69-02229	CM-04162		Nguyễn Văn Dũng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02024/08S69
402	S69-02230	CM-02874	NGỌC TIỀN	Dương Hữu Tân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	05/08/2009	05/08/2010	04784/09S69
403	S69-02231	CM-00546	Vỏ hàng	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thảo Nhi	khóm 2, Cái Đôi Vàm,, Huyện Phú Tân	24/05/2011	24/05/2012	01708/11S69
404	S69-02245	CM-04143	Ghe Tải	Huỳnh Văn Tư	ấp 6, Xã Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	03/03/2011	03/03/2012	00720/11S69
405	S69-02293	CM-04159	Diệp Tuấn	Nguyễn Thanh Sơn	xã quách phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	05/07/2013	04/07/2014	03421/13S69
406	S69-02325	CM-01936	CM-01936	Trần Thị Đẹp	phường 7, Thành phố Cà Mau	25/10/2011	25/10/2012	03827/11S69
407	S69-02329	CM-03251	PHI PHI	Nguyễn Phi Long	Khánh Hội, Huyện U Minh	04/11/2012	04/11/2013	05830/12S69
408	S69-02330	CM-04221		Phan Thị Mai Thảo	Xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	14/04/2008	14/04/2009	02331/08S69
409	S69-02354	CM-04292		Nguyễn Văn Nhân	ấp Rạch Ruộng, Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	18/04/2008	18/04/2009	02589/08S69
410	S69-02356	CM-01558		Trần Minh Mọi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/02/2008	27/02/2009	00958/08S69
411	S69-02385	CM-01672	THANH TUẤN	Trần Văn Sớm	Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	06/08/2010	06/08/2011	04210/10S69
412	S69-02386	CM-03253	THANH SÁNG	Tô Thanh Sáng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	10/12/2010	10/12/2011	05957/10S69
413	S69-02394	CM-		Lê Tứ Hải	128A Lý Văn Lâm, K5, P1, Thành phố Cà Mau	23/04/2008	23/04/2009	02837/08S69
414	S69-02422	CM-01412	Thanh Tuấn 1	Trần Văn Hận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01563/13S69
415	S69-02428	CM-01909	CM-01909	Lê Hùng Giang	K2, phường 8, Thành phố Cà Mau	13/01/2014	13/01/2015	00137/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
416	S69-02431	CM-04593		Triệu Tấn Phát	K2- Phường 8, Thành phố Cà Mau	12/11/2008	12/05/2009	05388/08V94
417	S69-02476	CM-02718		Nguyễn Hoàng Hôn	Phường 7, Thành phố Cà Mau	07/03/2011	07/03/2012	00746/11S69
418	S69-02579	CM-		Nguyễn Văn Nhứt	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03611/08S69
419	S69-02704	CM-04343		Lê Văn Khởi	Xã Khánh An, Huyện U Minh	14/08/2014	15/01/2015	02182/14S69
420	S69-02718	CM-01722	TÁM THANH	Trần Ngọc Thanh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03613/08S69
421	S69-02720	CM-00115	Vỏ Hàng	Trần Ngọc Thanh	Xã TrầnThới, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03612/08S69
422	S69-02873	CM-01470	Thanh Mộng	Trịnh Văn Hải	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	19/09/2008	19/03/2009	06630/08S69
423	S69-02885	CM-01190	VĂN ĐẢM	Nguyễn Văn Đăm	Rau Dừa, Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	16/08/2009	16/08/2010	04911/09S69
424	S69-02926	CM-02188	Ghe tải	Lê Minh Thiện	khóm 7, P7, Thành phố Cà Mau	17/03/2008	13/09/2008	00149/08S50
425	S69-02963	CM-		Hà Kha Ly	Gành Hào, Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	29/01/2008	29/01/2009	00512/08S69
426	S69-02991	CM-02845	Phao Bán Xăng Dầu	Công Ty Xăng Dầu Cà Mau	989 Lý Thường Kiệt , Phường 6, Thành phố Cà Mau	30/03/2011	30/03/2012	01111/11S69
427	S69-02995	CM-03229	Thuyền Đoan	Ngô Hoàng Dân	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/10/2010	28/10/2011	05443/10S69
428	S69-03001	CM-03094		Phan Thành Lộc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01939/08S69
429	S69-03010	CM-01737	Hồng Đoan	Lê Hoàng Tuấn	KII, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	27/07/2010	27/07/2011	03905/10S69
430	S69-03011	CM-01531	Huyền Trân	Đỗ Văn Năng	ấp Thuận Lợi A, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/04/2008	11/10/2008	02285/08S69
431	S69-03013	CM-00466	Phương Bắc	Nguyễn Phương Bắc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01344/10S69
432	S69-03017	CM-03202	Trung Hậu	Nguyễn Trung Hậu	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06247/08S69
433	S69-03024	CM-01417	Hoài Phong	Dương Văn Đại	ấp Tân Phú, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	27/08/2009	27/08/2010	05157/09S69
434	S69-03035	CM-		Lê Hoàng Thịnh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	31/03/2008	31/03/2009	02116/08S69
435	S69-03040	CM-04626		Nguyễn Thanh Huấn	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	20/06/2008	20/06/2009	05188/08S69
436	S69-03044	CM-04763	CM-04763	Nguyễn Văn Huy	ấp 5 - Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	24/11/2009	24/11/2010	13628/09V68
437	S69-03055	CM-02706	MINH BỐN	Nguyễn Văn Tốt	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	08/01/2009	08/01/2010	00080/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
438	S69-03116	CM-		Hàng Thảo Đạt	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01909/08S69
439	S69-03212	CM-04474		Lâm Văn Đợi	Xã Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	29/04/2008	29/04/2009	03052/08S69
440	S69-03220	CM-05123		Nguyễn Thành Được	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	30/06/2008	30/06/2009	05189/08S69
441	S69-03343	CM-		Nguyễn Hoàng Phương	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	14/04/2008	14/04/2009	02298/08S69
442	S69-03380	CM-07663		Ngô Văn Khuê	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	23/04/2008	23/04/2009	02828/08S69
443	S69-03459	CM-		Trần Văn Nguyên	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	07/04/2008	07/04/2009	02161/08S69
444	S69-03691	CM-02642		Trần Văn Phôi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	07/05/2008	07/05/2009	01988/08V67
445	S69-03711	CM-00962	Phương Duy	Nguyễn Chí Hạnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/05/2015	23/04/2016	00183/15V69
446	S69-03716	CM- 05391	Ghe tải	Phan Văn Cường	ấp 10A, Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2009	31/07/2010	00799/09S65
447	S69-03721	CM-04438		Nguyễn Đại Bằng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	10/06/2008	10/06/2009	03488/08V67
448	S69-03732	CM-01966	Tư Giàu	Nguyễn Văn Giàu	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/01/2011	12/01/2012	00160/11S69
449	S69-03768	CM-00390	Minh Hiếu	Đào út Em	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/12/2013	16/12/2014	06206/13S69
450	S69-03786	CM-		Nguyễn Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03920/07S69
451	S69-03819	CM-04567	Sà lan	Võ Chí Hải	K7, P8, Thành phố Cà Mau	06/08/2009	06/08/2010	04774/09S69
452	S69-03825	CM-03286	Thủ Túc 1	Đoàn Văn Túc	Khóm 9, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2012	10/12/2013	08444/12S69
453	S69-03826	CM-03287	Thủ Túc 2	Đoàn Văn Túc	Khóm 9, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01143/10S69
454	S69-03841	CM-04876	Hải Đăng	Đỗ Văn Bé	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07103/12S69
455	S69-03945	CM-03006	Hoàng Nghĩa	Võ Hữu Nghĩa	ấp Mương Điều B, Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02100/11S69
456	S69-04079	CM-05058		Nguyễn Văn Sương	Khóm 2,Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	03/07/2015	21/10/2015	01171/15S69
457	S69-04119	CM-		Phạm Hoài Nhơn	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	11/04/2008	11/10/2008	02279/08S69
458	S69-04126	CM-05084	Phú Hải	Trần Thị Mỹ Hạnh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/06/2009	23/06/2010	03464/09S69
459	S69-04256	CM-01044		Châu Quang Kiệt	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/10/2008	16/04/2009	07466/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
460	S69-04281	CM-		Trần Văn Khánh	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04488/07S69
461	S69-04292	CM-		Lê Văn Dũng	ấp1, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04499/07S69
462	S69-04294	CM-		Lê Văn Sang	ấp 2, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04501/07S69
463	S69-04297	CM-		Hồ Vĩnh Thới	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04505/07S69
464	S69-04316	CM-		Nguyễn Cao Xuyên	ấp 3, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04524/07S69
465	S69-04320	CM-		Hồ Vĩnh Hội	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04528/07S69
466	S69-04323	CM-		Trần Văn Nhứt	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04531/07S69
467	S69-04325	CM-		Ngô Tấn Tài	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04533/07S69
468	S69-04326	CM-		Ngô Văn Pháp	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04534/07S69
469	S69-04350	CM-		Hồ Vĩnh Hưng	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04558/07S69
470	S69-04358	CM-		Lê Văn Toàn	ấp 2, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04566/07S69
471	S69-04360	CM-		Trần Văn Phước	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04568/07S69
472	S69-04365	CM-		Trần Văn Đạt	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04573/07S69
473	S69-04368	CM-		Dương Danh Dự	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04576/07S69
474	S69-04376	CM-		Trần Văn Đồi	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04584/07S69
475	S69-04384	CM-		Trần Văn Em	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	23/10/2007	23/10/2008	04450/07S69
476	S69-04385	CM-		Duy Văn Bằng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	23/10/2007	23/10/2008	04451/07S69
477	S69-04386	CM-00128	Việt Bắc	Tạ Quốc Nam	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	22/10/2008	22/04/2009	07724/08S69
478	S69-04390	CM-00449		Cao Thanh Hùng	, Huyện Đầm Dơi	24/10/2007	24/10/2008	04462/07S69
479	S69-04397	CM-	Ghe Tải	Trương Hữu Phước	Khóm II, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	25/10/2007	25/10/2008	04471/07S69
480	S69-04401	CM-01682	Kiểu Diễm	Nguyễn Văn Tập	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	26/10/2007	26/10/2008	04588/07S69
481	S69-04469	CM-		Lê Minh Tuấn	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	30/10/2007	30/10/2008	04662/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
482	S69-04476	CM-		Trần Văn Hiền	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	31/10/2007	31/10/2008	04670/07S69
483	S69-04480	CM-	Như ý	Nguyễn Văn Cảnh	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	01/11/2007	01/11/2008	04674/07S69
484	S69-04484	CM-		Nguyễn Văn Hà	Xã Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	01/11/2007	01/11/2008	04677/07S69
485	S69-04487	CM-		Nguyễn Thanh Huân	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	01/11/2007	01/11/2008	04682/07S69
486	S69-04497	CM-05281	Vỏ hàng	Lê Thanh Lai	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	02/11/2007	02/11/2008	04694/07S69
487	S69-04499	CM-00218		Huỳnh Thị Kim Nhẫn	KI TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	02/11/2007	02/11/2008	04696/07S69
488	S69-04504	CM-03017	KIỀU PHUỞNG	Võ Văn Che	Lâm Trường II, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03695/09S69
489	S69-04506	CM-03207		Lâm Minh Hoàng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	23/07/2012	28/12/2012	03945/12S69
490	S69-04522	CM-		Trần Văn Tuý	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	03/11/2007	03/11/2008	04741/07S69
491	S69-04527	CM-		Võ Văn Phương	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	03/11/2007	03/11/2008	04746/07S69
492	S69-04534	CM-		Đoàn Văn Miên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04753/07S69
493	S69-04557	CM-		Tô Văn Hội	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04776/07S69
494	S69-04559	CM-		Trần Văn Dũng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	03/11/2007	03/11/2008	04778/07S69
495	S69-04570	CM-		Trương Văn Nghê	Xã Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	05/11/2007	05/11/2008	04706/07S69
496	S69-04578	CM-		Lê Chí Kiện	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	06/11/2007	06/11/2008	04788/07S69
497	S69-04587	CM-02696		Quách Văn Kiện	Vàm Đình, Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/11/2007	06/11/2008	04797/07S69
498	S69-04594	CM-		Phạm Quốc Khuynh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04808/07S69
499	S69-04601	CM-		Lê Văn Tèo	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	08/11/2007	08/11/2008	04817/07S69
500	S69-04602	CM-		Nguyễn Văn Đệ	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/11/2007	06/11/2008	04816/07S69
501	S69-04604	CM-		Phạm Văn Dinh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	03/11/2007	03/11/2008	04819/07S69
502	S69-04606	CM-02333	NHƯ MỤI	Huỳnh Văn Phố	Đông Thới, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04821/07S69
503	S69-04608	CM-		Hồ Chí Để	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04823/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
504	S69-04613	CM-		Phạm Thành Ân	Khóm 4, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	29/10/2009	29/10/2010	06488/09S69
505	S69-04617	CM-00085	Cao Tuấn	Huỳnh Chí Hùng	Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	15/05/2009	15/05/2010	02738/09S69
506	S69-04658	CM-	Đồ Học Sinh	Đỗ Văn Đàng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04948/07S69
507	S69-04791	CM-		Mai Văn Khanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05070/07S69
508	S69-05048	CM-		Phan Thanh Sự	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05327/07S69
509	S69-05158	CM-		Trần Văn Sanh	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05439/07S69
510	S69-05163	CM-		Hành Văn Tiền	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05444/07S69
511	S69-05187	CM-		Nguyễn Tấn Đạt	Thị Trấn Cái Đoi Vàm, Huyện Phú Tân	15/11/2007	15/11/2008	05468/07S69
512	S69-05277	CM-		Nguyễn Văn Chí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05912/07S69
513	S69-05278	CM-		Phạm Ngọc Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05913/07S69
514	S69-05286	CM-		Lê Minh Triều	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05921/07S69
515	S69-05293	CM-		Ngô Văn Trí	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05928/07S69
516	S69-05294	CM-		Nguyễn Phong Phú	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05929/07S69
517	S69-05302	CM-		Trần Văn Cảnh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05937/07S69
518	S69-05306	CM-		Lưu Minh Sử	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05941/07S69
519	S69-05309	CM-		Lý Văn Hoàng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05944/07S69
520	S69-05315	CM-		Trần Thanh Phong	K1, TT Cái Đoi Vàm, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05496/07S69
521	S69-05392	CM-		Trịnh Minh Hà	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05576/07S69
522	S69-05406	CM-		Quách Văn Lắm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05589/07S69
523	S69-05468	CM-		Nguyễn Văn Tuấn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05406/07S69
524	S69-05509	CM-		Đỗ Văn Nghê	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	05/01/2009	05/01/2010	00024/09S69
525	S69-05534	CM-00230	Võ HàNG	Đặng Văn Dũng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	24/01/2011	24/01/2012	00325/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
526	S69-05537	CM-		Tăng Thị Thanh	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/11/2007	16/11/2008	04887/07S69
527	S69-05550	CM-00585	Võ Hàng	Nguyễn Minh Hoàng	ấp Mường Đường, Ta An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	02/01/2009	02/01/2010	00013/09S69
528	S69-05554	CM-05477		Nguyễn Thị Ry	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	13/10/2014	30/03/2015	02769/14S69
529	S69-05563	CM-05985		Bùi Thị Hoà	Khóm II, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	26/04/2010	26/04/2011	02342/10S69
530	S69-05573	CM-		Thạch Văn Quý	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/08/2007	04/08/2008	05721/07S69
531	S69-05575	CM-05158		Nguyễn Chí Nguyễn	K3, P5,, Thành phố Cà Mau	15/12/2011	15/06/2012	04852/11S69
532	S69-05579	CM-		Trần Văn Dũng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	22/11/2007	22/11/2008	05735/07S69
533	S69-05580	CM-01393	HÔNG THU	Trần Chí Hảo	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	21/01/2014	21/01/2015	00233/14S69
534	S69-05587	CM-		Phạm Thị Nhân	ấp Cái Nai, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/11/2007	24/11/2008	05753/07S69
535	S69-05588	CM-		Nguyễn Hữu Tại	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/11/2007	24/11/2008	05754/07S69
536	S69-05591	CM-01282	NGỌC TOÁN	Trần Văn Toán	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	30/08/2010	30/08/2011	04559/10S69
537	S69-05603	CM-		Võ Quốc Toàn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05769/07S69
538	S69-05605	CM-02025	Hải Thảo	Giang Hải Thảo	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	30/09/2009	30/09/2010	01799/09V83
539	S69-05627	CM-00334	Ghe Tải	Lâm Văn Dạng	ấp Cái Đồi, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	02/12/2008	02/12/2009	09424/08S69
540	S69-05628	CM-04848	Ghe Tải	Phan Hữu Sinh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	13/06/2011	13/06/2012	01958/11S69
541	S69-05629	CM-06306	Thành Công	Trần Thành Công	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	26/06/2008	26/06/2009	05081/08S69
542	S69-05631	CM-		Trần Hoàng An	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	24/04/2008	24/04/2009	02832/08S69
543	S69-05647	CM-		Tạ Như ý	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05961/07S69
544	S69-05677	CM-		Đàm Văn Hùng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05989/07S69
545	S69-05680	CM-		Lê Văn Dầu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05992/07S69
546	S69-05685	CM-	Nhất Duy	Nguyễn Thống Nhất	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05997/07S69
547	S69-05688	CM-		Từ Văn Yên	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06000/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
548	S69-05701	CM-		Phạm Thanh Hồng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06013/07S69
549	S69-05703	CM-		Huỳnh Minh Đạt	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06015/07S69
550	S69-05706	CM-		Nguyễn Văn Hồng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06018/07S69
551	S69-05709	CM-		Ngô Phước Đức	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06021/07S69
552	S69-05710	CM-06497		Đỗ Văn Em	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01983/10S69
553	S69-05713	CM-		Nguyễn Thành Tâm	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2007	24/11/2008	06025/07S69
554	S69-05728	CM-		Trần Văn Thống	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06040/07S69
555	S69-05729	CM-		Nguyễn Văn Dành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06041/07S69
556	S69-05745	CM-		Huỳnh Văn Dụ	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06059/07S69
557	S69-05754	CM-		Lê Thanh Mộng	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06068/07S69
558	S69-05765	CM-	Mỹ Tiên	Nguyễn Thắng Lợi	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	29/11/2007	29/11/2008	05861/07S69
559	S69-05768	CM-		Nguyễn Văn Hoàng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06077/07S69
560	S69-05803	CM-	Tú Quyên	Nguyễn Tú Anh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06112/07S69
561	S69-05814	CM-		Lê Văn sơn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06123/07S69
562	S69-05817	CM-06456		Nguyễn Văn Hiền	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	02/03/2011	24/02/2012	00620/11S69
563	S69-05819	CM-	Khánh Đồng	Nguyễn Hoàng Khởi	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06128/07S69
564	S69-05821	CM-	Hoà Hợp	Tiết Văn Sử	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06130/07S69
565	S69-05839	CM-		Nguyễn Quốc Toàn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	24/11/2007	24/11/2008	06144/07S69
566	S69-05840	CM-		Phạm Văn Vũ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06145/07S69
567	S69-05844	CM-		Liêu Minh Khởi	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	03/12/2007	03/12/2008	05878/07S69
568	S69-05846	CM-		Trần Văn Cảnh	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	24/11/2007	24/11/2008	06147/07S69
569	S69-05857	CM-		Nguyễn Văn Tới	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	01/12/2007	01/12/2008	06161/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
570	S69-05910	CM-		Đoàn Văn Dương	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06214/07S69
571	S69-05911	CM-04409		Trần Cẩm Thi	Khu Vực 3, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/01/2010	20/01/2011	00270/10S69
572	S69-05965	CM-	Ghe tải	Nghiêm Thị Xuân	phường 2, Thành phố Cà Mau	02/12/2007	02/12/2008	05885/07S69
573	S69-05966	CM-02189	GHE TẢI	Lê Hồng Cường	K6, Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2011	28/12/2012	05160/11S69
574	S69-05969	CM-		Huỳnh Thị Tươi	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	05/12/2007	05/12/2008	05890/07S69
575	S69-05977	CM-		Phạm Văn út	Xã Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06278/07S69
576	S69-05985	CM-		Phạm Văn Nhiều	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06286/07S69
577	S69-05994	CM-		Cao Thanh Hải	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06295/07S69
578	S69-05997	CM-		Nguyễn Quốc Phong	K3, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06298/07S69
579	S69-06006	CM-		Nguyễn Văn Thành	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06307/07S69
580	S69-06016	CM-01067	Khánh Duy	Nguyễn Văn Mông	ấp Rau Dừa, Xã Mỹ Hưng, Huyện Cái Nước	02/12/2007	02/12/2008	06316/07S69
581	S69-06129	CM-03167	Ghe Tải	Trương Thanh Phong	209-Lý Văn Lâm-F1, Thành phố Cà Mau	24/08/2009	24/02/2010	00625/09V69
582	S69-06158	CM-		Trần Văn Mỹ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06484/07S69
583	S69-06243	CM-00087	Trunh Kiên	Trần Khánh Nhân	TP Cà Mau, Cà Mau, Thành phố Cà Mau	07/01/2009	07/01/2010	00069/09S69
584	S69-06245	CM-06327	Vạn Phúc	Lâm Phước	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	05/05/2010	05/05/2011	02451/10S69
585	S69-06247	CM-01309		Nguyễn Đình Thương	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	05/02/2010	05/02/2011	00773/10S69
586	S69-06248	CM-06348		Trần Văn Đông	Khóm 5, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/01/2011	27/01/2012	00385/11S69
587	S69-06366	CM-06349		Hà Thị Minh Huệ	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2012	08/03/2013	00847/12S69
588	S69-06371	CM-02313	Ghe Tải	Nguyễn Văn én	, Huyện Thới Bình	07/07/2011	07/07/2012	02204/11S69
589	S69-06376	CM-01551		Nguyễn Văn Tỷ	Khóm I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06701/07S69
590	S69-06391	CM-		Trần Văn Trảng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06716/07S69
591	S69-06396	CM-00297	Đò	Trần Xuân Bắc	ấp Phú Thạnh, Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06722/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
592	S69-06397	CM-01979	Hoàng Phúc	Trương Hoàng Cầu	K4, TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	08/12/2007	08/12/2008	06723/07S69
593	S69-06398	CM-00509	Hoàng Phúc	Lưu Văn Minh	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04728/12S69
594	S69-06406	CM-01798	CM-1692-H	Nguyễn Văn Hồi	Tam Giang, Huyện Ngọc Hiển	13/02/2009	13/02/2010	00527/09S69
595	S69-06410	CM-		Nguyễn Văn Chót	Tân Hải, Huyện Phú Tân	12/12/2007	12/12/2008	06692/07S69
596	S69-06411	CM-00299	Chiến Thắng	Võ Minh Tường	Rạch Ráng, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2008	11/12/2009	09799/08S69
597	S69-06413	CM-05959		Bùi Thanh Tân	Khóm 1, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	23/02/2010	23/02/2011	00908/10S69
598	S69-06414	CM-		Hồ Quốc Tận	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	06/12/2007	06/12/2008	06728/07S69
599	S69-06416	CM-		Nguyễn Văn Thi	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06752/07S69
600	S69-06423	CM- 01303	CM-01303	Trần Văn Minh Hải	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	19/03/2015	10/02/2016	00401/15S65
601	S69-06431	CM-06386	Thuyền Vớt Rác	Công Ty Cấp Thoát Nước & CTĐT Cà Mau	Quang Trung, Phường 5, Thành phố Cà Mau	10/09/2008	10/09/2009	06148/08S69
602	S69-06433	CM-06366		Cty TNHH Hiệp Thành	296 Nguyễn Công Trứ, P8, Thành phố Cà Mau	18/12/2009	18/12/2010	06224/09S69
603	S69-06465	CM-		Bùi Văn Thế	ấp 18, Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06837/07S69
604	S69-06468	CM-		Lê Văn Tèo	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06840/07S69
605	S69-06528	CM-		Trần Văn Nhã	Khóm 1, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06900/07S69
606	S69-06530	CM-		Trần Văn Nhã	Khóm 1, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06902/07S69
607	S69-06535	CM-		Lê Thanh Tùng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06907/08S69
608	S69-06536	CM-07384		Bùi Thanh Nghi	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	14/05/2009	14/11/2009	02729/09S69
609	S69-06588	CM-		Nguyễn Văn Năng	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06959/07S69
610	S69-06599	CM-		Nguyễn Bá Phúc	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06970/07S69
611	S69-06633	CM-		Lê Văn Cảnh	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07004/07S69
612	S69-06637	CM-		Đàm Bé Luân	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07008/07S69
613	S69-06642	CM-		Lâm Văn Sén	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06793/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
614	S69-06645	CM-00396	CM-00396	Huỳnh Oanh	Đông Thới, Huyện Cái Nước	16/03/2010	16/03/2011	01360/10S69
615	S69-06665	CM-	Chí Linh	Tiêu Chí Linh	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	24/12/2007	24/12/2008	07048/07S69
616	S69-06666	CM-	Văn Sơn	Nguyễn Văn Sơn	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	24/12/2007	24/12/2008	07049/07S69
617	S69-06675	CM-02595		Võ Hữu Nghĩa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	27/12/2007	27/12/2008	07025/07S69
618	S69-06680	CM-		Ngô Văn Tám	Khánh Hòa, Huyện U Minh	31/12/2007	31/12/2008	07069/07S69
619	S69-06714	CM-00748	Nhật Anh	Lê Văn Toán	Khánh Tiến, Huyện U Minh	12/10/2012	12/03/2013	04157/12V68
620	S69-06715	CM-		Nguyễn Thanh Thuý	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07108/07S69
621	S69-06716	CM-		Châu Văn Sám	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07109/07S69
622	S69-06717	CM-		Nguyễn Thanh Nguyên	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07110/07S69
623	S69-06888	CM-01862	Tuyết Hồng	Lương Tuyết Hồng	Hòa Trung, Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	02/01/2008	02/01/2009	00006/08S69
624	S69-06891	CM-		Nguyễn Thành Trung	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	02/01/2008	02/01/2009	00010/08S69
625	S69-06894	CM-		Nguyễn Văn Hoàng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	03/01/2008	03/01/2009	00012/08S69
626	S69-06910	CM-00770	THÀNH CÔNG	Nguyễn Văn út	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	08/01/2008	08/01/2009	00054/08S69
627	S69-06915	CM-		Nguyễn Văn Đông	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	07/01/2008	07/01/2009	00065/08S69
628	S69-06920	CM-	Ghe tải	Trần Tấn Tài	231, Lý Văn Lâm, K6, P1, Thành phố Cà Mau	31/12/2007	31/12/2008	00072/08S69
629	S69-06929	CM-02337		Dương Hùng Hiệp	Khóm 1, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	10/01/2008	10/01/2009	00090/08S69
630	S69-06936	CM-00781	KIỀU MỸ	Kiều Văn Buôi	Phường 2, Thành phố Cà Mau	17/03/2014	17/03/2015	00705/14S69
631	S69-06937	CM-		Trần Trường Giang	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2008	11/01/2009	00098/08S69
632	S69-06941	CM-		Dương Văn Trần	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	11/01/2008	11/01/2009	00103/08S69
633	S69-06953	CM-	Vỏ Hàng	Nguyễn Bé Năm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/01/2008	14/01/2009	00126/08S69
634	S69-06954	CM-	Chí Công	Nguyễn Chí Công	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/01/2008	15/01/2009	00127/08S69
635	S69-06956	CM-03415	Văn Vạn	Nguyễn Văn Vạn	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/01/2008	15/01/2009	00130/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
636	S69-06963	CM-		Huỳnh Minh Đường	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/01/2008	15/01/2009	00135/08S69
637	S69-06964	CM-		Châu Ngọc Triệu	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/01/2008	16/01/2009	00138/08S69
638	S69-06973	CM-		Phạm út Em	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	17/01/2008	17/01/2009	00148/08S69
639	S69-06976	CM-		Nguyễn Quốc Bảo	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	17/01/2008	17/01/2009	00151/08S69
640	S69-06977	CM-		Lê Thị Mỹ Dung	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/01/2008	17/01/2009	00152/08S69
641	S69-06978	CM-		Lâm Cao Đăng	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	17/01/2008	17/01/2009	00154/08S69
642	S69-06981	CM-00370		Tô Văn Đăng	Số 5, Bông Văn Dĩa, P5, Thành phố Cà Mau	02/03/2009	02/03/2010	01087/09S69
643	S69-06986	CM-06922	CM-06922	Lê Văn BAL	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	10/12/2009	10/12/2010	15206/09V68
644	S69-07013	CM-		Lê Hồng Diệu	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00231/08S69
645	S69-07021	CM-		Phan Văn út	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00238/08S69
646	S69-07022	CM-		Xí Nghiệp Xây Dựng Tổng Hợp Năm Quân	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00239/08S69
647	S69-07042	CM-02428	Năm Xuyên	Tạ Văn Xuyên	Trần Thới, Huyện Cái Nước	13/09/2010	12/09/2011	04751/10S69
648	S69-07043	CM-03318	DNTN Tấn Lực	Tô Văn Trắng	Khóm 4, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	23/08/2011	23/08/2012	02882/11S69
649	S69-07044	CM-02404		Trần Hồng Thám	Khóm I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00183/08S69
650	S69-07045	CM-03319	DNTN CHÂU LUÂN	Nguyễn Văn Luân	Khóm 4, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	19/01/2008	19/01/2009	00184/08S69
651	S69-07046	CM-		Châu Quang Tường	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00186/08S69
652	S69-07055	CM-		Ngô Trung Kiên	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	22/01/2008	22/01/2009	00261/08S69
653	S69-07059	CM-07134		Võ Diễm Thúy	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	29/06/2011	29/12/2011	02151/11S69
654	S69-07060	CM-		Nguyễn Phước Thiện	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	22/01/2008	22/01/2009	00270/08S69
655	S69-07062	CM-		Võ Việt Mỹ	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	23/01/2008	23/01/2009	00272/08S69
656	S69-07072	CM-01458	CM-01458	Huỳnh Văn Thượng	Xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	25/01/2008	25/01/2009	00301/08S69
657	S69-07074	CM-	Xà Lan	Nguyễn Thành Gia	Khóm 5, Phường 5, Kinh Xáng Phụng Hiệp, Thành phố Cà Mau	25/01/2008	25/01/2009	00303/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
658	S69-07081	CM-07146	Nhút Phương	Nguyễn Biên Thùy	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02200/11S69
659	S69-07082	CM-00574	THANH Hải	Trần Thanh Hải	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	28/01/2008	28/01/2009	00490/08S69
660	S69-07139	CM-		Nguyễn Văn Tâm	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00359/08S69
661	S69-07159	CM-		Võ Hoàng Khải	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00379/08S69
662	S69-07164	CM-		Lê Hữu Duyên	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00383/08S69
663	S69-07177	CM-		Trần Văn Điểm	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00394/08S69
664	S69-07178	CM-		Nguyễn Đình Hậu	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00395/08S69
665	S69-07197	CM-		Huỳnh Văn Khái	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00414/08S69
666	S69-07226	CM-		Nguyễn Thanh Nhanh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00442/08S69
667	S69-07254	CM-		Nguyễn Thanh Sửu	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00468/08S69
668	S69-07260	CM-		Nguyễn Văn Công	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00474/08S69
669	S69-07266	CM-		Võ Việt Văn	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	29/01/2008	29/01/2009	00502/08S69
670	S69-07268	CM-		Đinh Hữu Nghị	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	29/01/2008	29/01/2009	00504/08S69
671	S69-07269	CM-		Đinh Hữu Điền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	29/01/2008	29/01/2009	00505/08S69
672	S69-07271	CM-01594	Ghe tải	Nguyễn Long Triều	Phường 6, Thành phố Cà Mau	20/02/2012	20/02/2013	00562/12S69
673	S69-07275	CM-00323	Chí Thiện 2	Nguyễn Văn Thiện	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/04/2011	29/04/2012	01489/11S69
674	S69-07280	CM-03525	Ghe Tải	Đinh Hải Nam	ấp 9, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	17/04/2015	17/04/2016	00873/15V68
675	S69-07287	CM-		Lê Minh Tèo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/02/2008	01/02/2009	00541/08S69
676	S69-07289	CM-		Lê Văn Trung	Khánh An, Huyện U Minh	01/02/2008	01/02/2009	00544/08S69
677	S69-07323	CM-08955	Ngọc Thiện	Lâm Vũ Đông	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03658/11S69
678	S69-07382	CM-01901	Ghe tải	Lê Quang Lưỡng	, Huyện Cái Nước	23/02/2012	23/02/2013	00597/12S69
679	S69-07383	CM-00514	GHE Tải	Đào Tấn Được	Số 81, K6, P6, Thành phố Cà Mau	18/02/2008	18/02/2009	00653/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
680	S69-07385	CM-		Nguyễn Thanh Xuyên	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/02/2008	18/02/2009	00655/08S69
681	S69-07387	CM-		Võ Văn Phục	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	00665/08S69
682	S69-07388	CM-		Phạm Minh Tấn	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	19/02/2008	19/02/2009	00666/08S69
683	S69-07390	CM-08972	Ghe tải	Nguyễn Thị Hòa	Phường 7, Thành phố Cà Mau	23/02/2012	23/02/2013	00596/12S69
684	S69-07396	CM-	Ghe Tải	Đào Tấn Hạnh	Khóm 5, P6, Thành phố Cà Mau	22/02/2008	22/02/2009	00693/08S69
685	S69-07397	CM-01939	Quốc Thịnh	Kiều Quốc Thịnh	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	24/12/2009	21/12/2010	07319/09S69
686	S69-07401	CM-02271	Ghe Tải	Công Ty Cổ Phần Thuận Phát	Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau	25/02/2008	25/02/2009	00705/08S69
687	S69-07405	CM-		Ngô Thị Diệp	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	26/02/2008	26/02/2009	00953/08S69
688	S69-07406	CM-		Ngô Thị Diệp	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	26/02/2008	26/02/2009	00954/08S69
689	S69-07483	CM-		Nguyễn Văn Tranh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00804/08S69
690	S69-07511	CM-		Hồ Quốc Đấu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	26/02/2008	26/02/2009	00955/08S69
691	S69-07634	CM-01888	SANG HậU	Lê Thanh Vũ	Khóm 5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/02/2011	14/02/2012	00523/11S69
692	S69-07635	CM-05589	Minh Hoàng	Nguyễn Trường Giang	Qung Trung, K2, P5, Thành phố Cà Mau	15/07/2014	15/01/2015	01893/14S69
693	S69-07644	CM-02525		Nguyễn Văn Do	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	03/03/2008	03/09/2008	00985/08S69
694	S69-07646	CM-		Võ Văn Mến	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	00987/08S69
695	S69-07725	CM-03199	Ghe tải	CTY CP ĐT XD & TM DV Kim Anh	185 B Phan Ngọc Hiển,K6, P5, Thành phố Cà Mau	29/08/2014	29/08/2015	02355/14S69
696	S69-08034	CM-		Huỳnh Văn Nhân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	11/03/2008	11/03/2009	01111/08S69
697	S69-08039	CM-		Trần Thanh Trí	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/03/2008	12/03/2009	01720/08S69
698	S69-08041	CM-		Nguyễn Văn Miên	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01418/08S69
699	S69-08111	CM-00261		Võ Kim Xuân	23, Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Cà Mau	17/09/2009	17/09/2010	05689/09S69
700	S69-08241	CM-		Nguyễn út Nhỏ	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	13/03/2008	13/03/2009	01726/08S69
701	S69-08244	CM-08009	Ghe Tải	Trần Văn Chương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	17/09/2011	17/09/2012	03369/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
702	S69-08341	CM-		Lâm Trung Hiếu	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01713/08S69
703	S69-08343	CM-		Huỳnh Quốc Hội	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/03/2008	14/03/2009	01740/08S69
704	S69-08395	CM-07943		Hồ Văn Phước	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	06/01/2010	06/01/2011	00086/10S69
705	S69-08396	CM-		Thái Văn Hiền	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01715/08S69
706	S69-08403	CM-		Thái Vũ Lương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	17/03/2008	17/03/2009	01799/08S69
707	S69-08404	CM-07941		Trần Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01393/14S69
708	S69-08414	CM-		Trần Hoàng Diệu	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01824/08S69
709	S69-08415	CM-03159		Phan Văn Chón	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/06/2010	04/06/2011	03085/10S69
710	S69-08417	CM-		DNTN Thiên Phú	Khóm 6, Phường 9, Thành phố Cà Mau	19/03/2008	19/03/2009	01808/08S69
711	S69-08418	CM-07975		Nguyễn Văn Tây	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	14/12/2010	14/12/2011	00814/10V69
712	S69-08423	CM-		Mã Hoàng Côi	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01832/08S69
713	S69-08426	CM-08786		Trần Văn Tám	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05828/12S69
714	S69-08427	CM-		Trần Thanh Mộng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01836/08S69
715	S69-08436	CM-	Ba Xuyên	Trần Văn Hòa	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01844/08S69
716	S69-08440	CM-		Lê Thanh Hiệp	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01848/08S69
717	S69-08441	CM-		Lê Thanh Mộng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01849/08S69
718	S69-08443	CM-		Lê Thanh Chiến	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01851/08S69
719	S69-08444	CM-08779	Như Thoại II	Nguyễn Văn Tèo	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	03/09/2009	03/09/2010	05256/09S69
720	S69-08446	CM-		Nguyễn Chí Nguyên	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01854/08S69
721	S69-08447	CM-		Trịnh Văn Hơ	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01855/08S69
722	S69-08450	CM-		Nguyễn Văn Thành	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01814/08S69
723	S69-08466	CM-01620		Phan Văn Nhỏ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06446/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
724	S69-08468	CM-00852	Vỏ hàng	Võ Văn Liệt	Khóm 4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	29/10/2008	29/04/2009	08307/08S69
725	S69-08483	CM-		Trịnh Bảo An	Khánh Hòa, Huyện U Minh	19/03/2008	19/03/2009	01977/08S69
726	S69-08484	CM-		Phan Ly Na	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	19/03/2008	19/03/2009	01978/08S69
727	S69-08485	CM-		Nguyễn Văn Hiếu	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	19/03/2008	19/03/2009	01979/08S69
728	S69-08486	CM-		Phan Văn Dũng	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	19/03/2008	19/03/2009	01980/08S69
729	S69-08487	CM-		Lê Hoàng Phong	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	19/03/2008	19/03/2009	01981/08S69
730	S69-08489	CM-		Hồ Ngọc ản	Khóm 8, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01983/08S69
731	S69-08490	CM-		Lê Quốc Tuổi	Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	19/03/2008	19/03/2009	01984/08S69
732	S69-08518	CM-		Nguyễn Diệu Hiền	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	02019/08S69
733	S69-08519	CM-		Trương Minh Tèo	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	25/03/2008	25/03/2009	02021/08S69
734	S69-08568	CM-		Huỳnh Quốc Sinh	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	25/03/2008	25/03/2009	02022/08S69
735	S69-08571	CM-07769	Ghe Tải	Nguyễn Hoàng Mỹ	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	07/06/2010	07/10/2010	03089/10S69
736	S69-08572	CM-08518		CTY TNHH XD Tân Việt Cường	18A; Cao Thắng, P8, Thành phố Cà Mau	19/04/2010	19/04/2011	02087/10S69
737	S69-08574	CM-08225	Lệ Trinh	Dương Thị út	Phú Tân, Huyện Phú Tân	12/11/2011	12/05/2012	04194/11S69
738	S69-08578	CM-01346	Chín Đua	Nguyễn Văn Đẩu	ấp Tân Thành A, Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/12/2012	15/12/2013	08948/12S69
739	S69-08579	CM-		Lê Hoàng Hợp	260 - Nguyễn Trãi - Phường 9, Thành phố Cà Mau	28/03/2008	28/03/2009	02095/08S69
740	S69-08580	CM-02375		Đào Văn Chung	Khóm1, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2009	28/08/2010	06449/09S69
741	S69-08586	CM-		Nguyễn Văn Dũng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06463/08S69
742	S69-08595	CM-	Phà Bán Hàng	Lê Thị Thu	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	03/04/2008	03/04/2009	02136/08S69
743	S69-08602	CM-08568	Hoàng Phúc	Trương Hoàng Cầu	K4, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	05/09/2012	05/09/2013	04725/12S69
744	S69-08605	CM-		Nguyễn Văn Trước	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02164/08S69
745	S69-08625	CM-		Phan Văn Kháng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02184/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
746	S69-08639	CM-		Nguyễn Văn Cương	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02198/08S69
747	S69-08702	CM-	Đồ Dọc	Nguyễn Hoàng Quốc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	10/04/2008	10/04/2009	02274/08S69
748	S69-08703	CM-		Phan Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	11/04/2008	11/04/2009	02275/08S69
749	S69-08707	CM-01506	Diệu An	Lâm Văn Trắng	ấp Thuận Lợi A, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/04/2008	11/04/2009	02281/08S69
750	S69-08708	CM-		Lê Văn Thuận	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	11/04/2008	11/10/2008	02290/08S69
751	S69-08710	CM-		Nguyễn Trường Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	11/04/2008	11/04/2009	02288/08S69
752	S69-08711	CM-		Đặng Tấn Em	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02293/08S69
753	S69-08750	CM-		Lưu Hoàng Anh	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/10/2008	02340/08S69
754	S69-08753	CM-		Thái Văn Tuấn	Khu Vực 1 Khóm 1, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02345/08S69
755	S69-08761	CM-03212		Nguyễn Văn Phố	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/09/2011	27/09/2012	03406/11S69
756	S69-08809	CM-		Phạm Công Nguyên	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02407/08S69
757	S69-08932	CM-		Nguyễn Văn Thường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02530/08S69
758	S69-08936	CM-		Trần Văn Phương	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/04/2008	17/04/2009	02538/08S69
759	S69-08940	CM-		Nguyễn Thị Thu	phường 7, Thành phố Cà Mau	17/04/2008	17/10/2008	02544/08S69
760	S69-08942	CM-08878		Trần Thanh Sang	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	03/10/2011	03/10/2012	03530/11S69
761	S69-08986	CM-05342		Phạm Minh Sang	Xã Khánh An, Huyện U Minh	23/04/2008	23/04/2009	02827/08S69
762	S69-08998	CM-		Thái Văn Tal	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02608/08S69
763	S69-09019	CM-		Nguyễn Quốc Liệt	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02629/08S69
764	S69-09027	CM-		Trần Văn Sal	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02637/08S69
765	S69-09209	CM-08902	Cửu Long1	Công Ty TNHH Xây Dựng Cửu Long	12 Bông Văn Dĩa K4, P5, Thành phố Cà Mau	16/03/2010	16/03/2011	01359/10S69
766	S69-09211	CM-08858	Phà	Lê Quang Nhã	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	24/04/2008	24/04/2009	02831/08S69
767	S69-09217	CM-		Trương Minh Quang	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	25/04/2008	25/04/2009	02841/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
768	S69-09219	CM-		Đặng Quốc Bảo	khóm 3 phường 8, Thành phố Cà Mau	25/04/2008	25/04/2009	02844/08S69
769	S69-09431	CM-08939	Ghe Tải	Phạm Thành Tôn	Hàng Vĩnh, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2014	07/01/2015	01829/14S69
770	S69-09434	CM-09291		Nguyễn Thế Nhân	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	15/04/2011	15/04/2012	01264/11S69
771	S69-09454	CM-03015	Ghe Tải	Lê Thị Thu	166 Phan Bội Châu, Khóm 4, P7, Thành phố Cà Mau	09/03/2011	09/03/2012	00781/11S69
772	S69-09456	CM-02305		Cty TNHH Tấn Đạt	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	15/07/2010	15/07/2011	00471/10V69
773	S69-09464	CM-		Lê Văn Sự	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/05/2008	06/05/2009	03115/08S69
774	S69-09487	CM-	Ghe Tải	Trần Văn Minh	KV1, Khóm 2, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03143/08S69
775	S69-09489	CM-		Bùi Văn Luyến	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03145/08S69
776	S69-09492	CM-		Lý Hiền	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03148/08S69
777	S69-09518	CM-		Bùi Ngọc Văn	Phường 7, Thành phố Cà Mau	13/05/2008	13/05/2009	03174/08S69
778	S69-09532	CM-		Vũ Văn Sơn	Xã Tạ An khuơng, Huyện Đầm Dơi	16/05/2008	15/05/2009	03198/08S69
779	S69-09549	CM-		Đặng Minh Châu	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03216/08S69
780	S69-09559	CM-		Trần Văn Bắc	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	22/05/2009	03226/08S69
781	S69-09590	CM-		Trần Văn Tiến	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03257/08S69
782	S69-09625	CM-		Lâm Thế Kiệt	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/05/2008	16/05/2009	03293/08S69
783	S69-09628	CM-01321	Vỏ Hàng	Dương Trường Giang	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2012	12/07/2013	00832/12S95
784	S69-09632	CM-09706	GHE Tải	Lê Tấn Tài	K2, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	00405/10V69
785	S69-09653	CM-		Ngô Thanh Hùng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	30/05/2009	03324/08S69
786	S69-09659	CM-		Phạm Văn Năm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03330/08S69
787	S69-09660	CM-		Lê Văn Mạnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03331/08S69
788	S69-09672	CM-		Quách Văn ĐoL	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03343/08S69
789	S69-09676	CM-		Từ Văn Dẫn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03347/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
790	S69-09698	CM-		Quách ĐoL	Khu Vực 2, Khóm 1, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03369/08S69
791	S69-09707	CM-		Trần Văn Sáu	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03378/08S69
792	S69-09708	CM-		Trần Văn Sáu	Khu Vực 1, Khóm 1, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03379/08S69
793	S69-09723	CM-		Võ Thanh Tùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03394/08S69
794	S69-09724	CM-		Võ Thanh Đồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	30/05/2008	30/05/2009	03395/08S69
795	S69-09747	CM-		Trần Văn Thiện	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	20/05/2008	20/05/2009	03418/08S69
796	S69-09750	CM-02646	ghe tải	Trần Thị Hây	phường 7, Thành phố Cà Mau	05/05/2011	05/05/2012	01518/11S69
797	S69-09752	CM-		Nguyễn Xuân Thủy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/05/2008	20/05/2009	03425/08S69
798	S69-09759	CM-03429	Bạch Yến	Đặng Văn Thiện	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	19/05/2008	19/11/2008	03434/08S69
799	S69-09766	CM-00277	CM-00277	Nguyễn Long Triều	Phường 6, Thành phố Cà Mau	15/11/2011	15/11/2012	04195/11S69
800	S69-09767	CM-		Phạm Văn Toàn	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	22/05/2008	22/05/2009	03444/08S69
801	S69-09774	CM- 02636	Ghe tải	Sử Thành Phú	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/06/2010	00224/10S65
802	S69-09833	CM-		Ngô Quốc Kiệt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03511/08S69
803	S69-09902	CM-00708	Ngọc Cẩm	Lê Minh Khương	Khánh Hội, Huyện U Minh	11/03/2014	11/09/2014	00649/14S69
804	S69-09904	CM-09299	CM-09299	Nguyễn Thái Tường Anh	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	23/06/2014	17/06/2015	01654/14S69
805	S69-09911	CM-		Hàng Thào Đạt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	27/05/2008	27/05/2009	03593/08S69
806	S69-09912	CM-09279		Trần Văn Năm	khóm 7 phường 7, Thành phố Cà Mau	28/05/2008	28/11/2008	03594/08S69
807	S69-09973	CM-		Trương Hiền Thương	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/05/2008	29/05/2009	03676/08S69
808	S69-09977	CM-		Tạ Hoàng Sĩ	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	04/06/2008	04/06/2009	03680/08S69
809	S69-09978	CM-		Lâm Hoàng Ngoán	Xã Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	04/06/2008	04/12/2008	03681/08S69
810	S69-09984	CM-		Trịnh Minh Thế	Khu Vực 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03687/08S69
811	S69-09986	CM-09325	CM-09986	Nguyễn Hoàng Thơm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/12/2008	03691/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
812	S69-10080	CM-		Huỳnh Kế	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03787/08S69
813	S69-10187	CM-		Huỳnh Văn Hó	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03895/08S69
814	S69-10188	CM-		Nguyễn Hoàng Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03894/08S69
815	S69-10191	CM-09324	Ghe tải	Nguyễn Thị Thi	khóm 7, P7, Thành phố Cà Mau	07/06/2008	07/12/2008	03899/08S69
816	S69-10194	CM-		Mai Thanh Tín	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	09/06/2008	09/06/2009	03903/08S69
817	S69-10196	CM-		Trần Thanh Điền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03906/08S69
818	S69-10199	CM-		Phan Văn Răng	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03909/08S69
819	S69-10229	CM-		Trần Văn Khanh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	30/06/2008	30/06/2009	03939/08S69
820	S69-10230	CM-		Trần Quốc Chánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/06/2008	30/06/2009	03940/08S69
821	S69-10265	CM-		Võ Hồng Viễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/06/2008	30/06/2009	03975/08S69
822	S69-10311	CM-02683		Nguyễn Hữu Lợi	xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	07/05/2010	07/05/2011	00317/10V69
823	S69-10314	CM-		Trần Bình Tiến	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04024/08S69
824	S69-10333	CM-		Nguyễn Văn Thống	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04043/08S69
825	S69-10346	CM-		Võ Minh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04056/08S69
826	S69-10356	CM-10488		Nguyễn Văn Sơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	08/10/2014	08/10/2015	02711/14S69
827	S69-10415	CM-		Nguyễn Minh Trí	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04125/08S69
828	S69-10435	CM-		Đặng Văn Nguyễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04145/08S69
829	S69-10459	CM-		Phạm Vũ Hùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04179/08S69
830	S69-10461	CM-		Đoàn Văn Mười	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04181/08S69
831	S69-10568	CM-09676		Phan Thanh Biên	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07376/09S69
832	S69-10569	CM-		Tô Văn Khởi	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	11/06/2008	11/06/2009	04285/08S69
833	S69-10571	CM-		Trần Thanh Phong	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	11/06/2008	11/06/2009	04287/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
834	S69-10590	CM-		Đặng Thanh Chuyên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/06/2008	16/06/2009	04311/08S69
835	S69-10594	CM-00082	Minh Ngoan	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Phường 7, Thành phố Cà Mau	06/06/2008	06/12/2008	04317/08S69
836	S69-10595	CM-09692	Tuyệt chở hàng	Ngô văn Cư	, Thành phố Cà Mau	12/07/2010	12/07/2011	03579/10S69
837	S69-10601	CM-	Ghe Tải	Công Ty TNHH Minh Hùng	ấp 2, Tân Thành, Thành phố Cà Mau	18/01/2012	18/01/2013	00311/12S69
838	S69-10604	CM-09695	Ghe Tải	Hồ Chí Tài	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	11/02/2009	11/02/2010	00517/09S69
839	S69-10607	CM-		Nguyễn Tuấn	K 6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/10/2010	27/10/2011	05415/10S69
840	S69-10608	CM-		Hồ Thị Vĩnh	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	17/07/2010	17/07/2011	03707/10S69
841	S69-10625	CM-		Phan Công Thành	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/06/2008	19/06/2009	04353/08S69
842	S69-10645	CM-		Ngô Thanh Phong	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04375/08S69
843	S69-10674	CM-		Nguyễn Văn Lợi	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04404/08S69
844	S69-10731	CM-		Nguyễn Văn Tấn	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	18/06/2008	18/06/2009	04462/08S69
845	S69-10810	CM-		Nguyễn Văn Ninh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04541/08S69
846	S69-10817	CM-		Trà Văn Go	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04548/08S69
847	S69-10822	CM-		Ngô Văn Điền	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04553/08S69
848	S69-10831	CM-		Trần Văn Chúc	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04562/08S69
849	S69-10833	CM-		Đào Chí Tâm	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04564/08S69
850	S69-10842	CM-		Huỳnh Quốc Toàn	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04573/08S69
851	S69-10850	CM-	Bảo Toàn	Nguyễn Văn Toàn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04581/08S69
852	S69-10851	CM-	Quang Khải	Lâm Văn Thệ	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04582/08S69
853	S69-10852	CM-		Nguyễn Văn Sĩ	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04583/08S69
854	S69-10854	CM-		Điệp Hoàng Sơn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04585/08S69
855	S69-10857	CM-		Nguyễn Việt Triều	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04588/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
856	S69-10860	CM-		Trần Văn Lâm	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04591/08S69
857	S69-10861	CM-		Phạm Văn Miên	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04592/08S69
858	S69-10874	CM-		Dương Chí Linh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04605/08S69
859	S69-10879	CM-		Nguyễn Văn Cọp	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04610/08S69
860	S69-10889	CM-		Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04620/08S69
861	S69-10895	CM-		Nguyễn Minh Hải	Khánh Tiến, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04626/08S69
862	S69-10899	CM-		Trương Văn Lâm	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04630/08S69
863	S69-10905	CM-		Phạm Văn Quân	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04636/08S69
864	S69-10915	CM-		Dương Minh Kháng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04646/08S69
865	S69-10916	CM-		Phạm Văn Dự	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04647/08S69
866	S69-10919	CM-		Nguyễn Ngọc Giàu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04650/08S69
867	S69-10923	CM-		Tăng Văn Sang	Khánh Lâm, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04654/08S69
868	S69-10925	CM-		Nguyễn Văn Bé	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04656/08S69
869	S69-10927	CM-		Nguyễn Văn Hùng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04658/08S69
870	S69-10929	CM-		Huỳnh Văn Tâm	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04660/08S69
871	S69-10931	CM-		Nguyễn Văn Việt	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04662/08S69
872	S69-10934	CM-		Huỳnh Văn Thơ	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04666/08S69
873	S69-10937	CM-09940		Nguyễn Minh Tuấn	Xã Khánh Hội, Huyện U Minh	10/05/2012	10/05/2013	00438/12S65
874	S69-10942	CM-09797	Tấn Lực	Nguyễn Tấn Lực	Khóm 4, Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	06/09/2012	05/09/2013	04726/12S69
875	S69-10947	CM-		Mai Chí Bình	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	23/06/2008	23/06/2009	04732/08S69
876	S69-11012	CM-		Tổng Thu Ba	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04752/08S69
877	S69-11039	CM-		Vương Ngọc Pha	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04777/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
878	S69-11050	CM-		Ngô Minh Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04788/08S69
879	S69-11070	CM-		Lê Văn Thích	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04808/08S69
880	S69-11085	CM-11729		Bùi Bá Nghĩa	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2009	03/01/2010	00506/09V69
881	S69-11088	CM-11730		Huỳnh Chí Phong	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2009	03/01/2010	00505/09V69
882	S69-11089	CM-		Trương Văn Chí	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04827/08S69
883	S69-11104	CM-		Nguyễn Quan Thi	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04842/08S69
884	S69-11105	CM-		Hồ Văn Phước	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/12/2008	04843/08S69
885	S69-11106	CM-		Nguyễn Thanh Phong	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04844/08S69
886	S69-11116	CM-11849		Nguyễn Duy Tân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	06005/09S69
887	S69-11122	CM-		Nguyễn Hữu Lộc Anh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04860/08S69
888	S69-11123	CM-09943		Nguyễn Văn Phúc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/08/2015	18/08/2016	01542/15S69
889	S69-11125	CM-		Lê Văn Diệu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	25/06/2008	25/06/2009	04865/08S69
890	S69-11137	CM-11742		Lê Hoàng Kiệt	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2011	09/03/2012	00863/11S69
891	S69-11158	CM-		Lê Minh Triều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04899/08S69
892	S69-11167	CM-		Cổ Thành Sắt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04908/08S69
893	S69-11173	CM-		Nguyễn Văn Thường	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04914/08S69
894	S69-11193	CM-		Tiêu Minh Thống	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	15/07/2009	04934/08S69
895	S69-11212	CM-		Nguyễn Xuân Viếng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04953/08S69
896	S69-11217	CM-		Đỗ Văn Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04958/08S69
897	S69-11218	CM-		Đặng Thanh Le	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04959/08S69
898	S69-11219	CM-		Lê Quốc Việt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04960/08S69
899	S69-11224	CM-		Ngô Văn Thiện	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04965/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
900	S69-11233	CM-		Trương Văn Biển	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	26/06/2008	26/06/2009	05038/08S69
901	S69-11251	CM-12025		Nguyễn Trường Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	14/06/2014	14/06/2015	01545/14S69
902	S69-11329	CM-		Lê Văn Tuấn	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	26/06/2008	26/06/2009	05040/08S69
903	S69-11330	CM-		Huỳnh Công Chánh	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	26/06/2008	26/06/2009	04976/08S69
904	S69-11332	CM-03488		Phạm Anh Kiệt	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	21/06/2008	21/06/2009	05042/08S69
905	S69-11335	CM-00577	Sà LAN MẶT BOONG	Cty TNHH HIỆP THÀNH	296-Nguyễn Công Trứ, P8, Thành phố Cà Mau	07/10/2011	07/10/2012	03590/11S69
906	S69-11339	CM-02985		Ngô Văn Lến	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	27/06/2008	27/12/2008	05086/08S69
907	S69-11349	CM-		Phan Văn Lâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	27/06/2008	27/06/2009	05100/08S69
908	S69-11433	CM-		Kiều Quốc Khánh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/07/2008	21/07/2009	05187/08S69
909	S69-11434	CM-	Năm Lành	Nguyễn Văn Lành	ấp Tắc Năm Căn, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	30/06/2008	30/06/2009	05190/08S69
910	S69-11442	CM-		Phan Văn Khánh	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	30/06/2008	30/06/2009	05201/08S69
911	S69-11527	CM-10123		Nguyễn Trường Hận	Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	21/12/2014	21/06/2015	03395/14S69
912	S69-11539	CM-10137	Ba Xuyên	Thái Hoàng Nguyên	Phường 6, Thành phố Cà Mau	13/01/2009	13/01/2010	00121/09S69
913	S69-11566	CM-		Nguyễn Minh Tuấn	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05343/08S69
914	S69-11610	CM-00927		Trần Văn Hiến	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/07/2008	07/01/2009	05388/08S69
915	S69-11744	CM-		Trần út Hiệp	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	23/03/2010	23/03/2011	01690/10S69
916	S69-11752	CM-	Ghe Tải	Nguyễn Văn Phúc	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	09/07/2008	09/07/2009	05539/08S69
917	S69-11755	CM-		Dương Văn Việt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	10/07/2008	10/07/2009	05542/08S69
918	S69-11756	CM-		Trần Tuấn Cường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	10/07/2008	10/07/2009	05543/08S69
919	S69-11759	CM-		Lâm Văn Mười	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	11/07/2008	11/07/2009	05547/08S69
920	S69-11760	CM-		Dương Hoàng Nghĩa	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	11/07/2008	11/07/2009	05549/08S69
921	S69-11762	CM-		Dương Văn Lệ	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/07/2008	11/07/2009	05551/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
922	S69-11763	CM-		Trần Hoàng Huấn	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/07/2008	11/07/2009	05552/08S69
923	S69-11772	CM-02336	DUY ANH	Nguyễn Thành Đua	Tạ an Khương, Huyện Đầm Dơi	14/07/2008	14/01/2009	05563/08S69
924	S69-11773	CM-10160		Nguyễn Hoàng Nam	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/02/2012	27/08/2012	00633/12S69
925	S69-11783	CM-10169	Ghe hàng	Lê Thị Bạch Huệ	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	24/04/2012	24/04/2013	01805/12S69
926	S69-11792	CM-		Thạch Hoàng Phương	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	14/07/2008	14/07/2009	05589/08S69
927	S69-11894	CM-10682		Huỳnh Tấn Răng	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	06/08/2009	06/08/2010	04791/09S69
928	S69-11908	CM-02007	Vỏ Hàng	Đỗ Kiểm Lái	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	17/12/2010	17/12/2011	06259/10S69
929	S69-11931	CM-		Vương Quốc Tuấn	áp 4, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05736/08S69
930	S69-11951	CM-		Diệp Văn Đồi	áp 11, Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05756/08S69
931	S69-12034	CM-		Đỗ Minh khái	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05839/08S69
932	S69-12201	CM-		Trần Tuyết Mai	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	29/07/2008	29/07/2009	06011/08S69
933	S69-12202	CM-		Trần Tuyết Mai	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	03/08/2011	03/08/2012	02573/11S69
934	S69-12214	CM-10652		Nguyễn Ngọc Hiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	17/12/2014	17/12/2015	03359/14S69
935	S69-12217	CM-09966		Ngô Văn Cư	Phường 5, Thành phố Cà Mau	24/09/2010	24/09/2011	04979/10S69
936	S69-12218	CM-09988	XL-chở TB thi công	Ngô Văn Cư	Bùi Thị Trường Phường 5, Thành phố Cà Mau	05/06/2014	05/06/2015	01471/14S69
937	S69-12219	CM-		Hồ Văn Phước	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	30/07/2008	30/01/2009	06031/08S69
938	S69-12228	CM-11065	Công Nghiệp	Trương Hùng Lập	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	23/01/2013	23/01/2014	00902/13S69
939	S69-12232	CM-10667		Nguyễn Văn Thanh	, Huyện Ngọc Hiển	25/12/2009	25/12/2010	07693/09V67
940	S69-12238	CM-14691	Hoài An	Trần Thanh Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05047/10S69
941	S69-12255	CM-		Nguyễn Việt Trung	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	08/08/2008	08/02/2009	06081/08S69
942	S69-12259	CM-11170		Nguyễn Văn Bài	Khóm 6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/03/2011	25/03/2012	01004/11S69
943	S69-12271	CM-11222		Huỳnh Văn Hùng	Xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	23/04/2013	23/04/2014	02279/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
944	S69-12281	CM-		Trần Quốc Khải	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	18/08/2008	18/08/2009	06122/08S69
945	S69-12287	CM-04249	MINH PHÚ -02	Công Ty Cổ Phần Thủy Hải sản Minh Phú	Khu Công Nghiệp -Phường 8-, Thành phố Cà Mau	22/07/2015	22/07/2016	01352/15S69
946	S69-12290	CM-11281		CTY TNHH MTV VL XD- Trang Trí NT Công Thành	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	26/10/2011	26/10/2012	03865/11S69
947	S69-12292	CM-11291		Nguyễn Thị Sa	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	08/11/2013	10/11/2014	05709/13S69
948	S69-12314	CM-11585	Ghe Tải	Dương Bé Linh	Khóm 2, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	19/01/2011	19/01/2012	00273/11S69
949	S69-12328	CM-11311	Hoàng Phúc	Trương Hoàng Cầu	K4, TT Cái Đoi Vàm, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04364/10S69
950	S69-12353	CM-11645	Ghe Tải	Cty TNHH MTV Xây Dựng Anh Thư CM	Khóm 2, TT Cái Đoi Vàm, Huyện Phú Tân	29/12/2014	14/03/2015	03500/14S69
951	S69-12362	CM-00565	Duy Long II	CTy TNHH Duy Long	Khóm 8, Phường 8, Thành phố Cà Mau	08/01/2014	04/01/2015	00058/14S69
952	S69-12500	CM-11777		Trần Đình Bình	Khóm 1, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	00983/13S69
953	S69-12513	CM-12289		Lưu Hoàng Ty	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01783/13S69
954	S69-12567	CM-		Lái Văn Thắng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	06594/08S69
955	S69-12593	CM-12642	Hoàng Giang II	Lê Văn O	Đất Mới, Huyện Năm Căn	19/08/2009	19/02/2010	04942/09S69
956	S69-12596	CM-12057		Hồ Văn Khởi	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04531/11S69
957	S69-12602	CM-01027	TRƯỜNG GIANG	Nguyễn Văn Chợ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2009	20/09/2010	05803/09S69
958	S69-12647	CM-12281		Nguyễn Văn Hải	xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04030/11S69
959	S69-12654	CM-00252	DUY LONG I	Nguyễn Hồng Thanh (Cty TNHH DUY LONG)	287 Nguyễn Công Trứ, K8, P8, Thành phố Cà Mau	12/07/2012	12/07/2013	03780/12S69
960	S69-12656	CM-		Nguyễn Thành Trung	Đất Mới, Huyện Năm Căn	25/09/2008	25/09/2009	06729/08S69
961	S69-12657	CM-12286	Ghe Tải	Trần Hữu Hạnh	K2, TT Cái Đoi Vàm, Huyện Phú Tân	09/08/2011	09/08/2012	02639/11S69
962	S69-12658	CM-12288		Nguyễn Văn Thua	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	01/03/2014	01/09/2014	00584/14S69
963	S69-12801	CM-	Ghe Tải	Ngô Minh Hồ	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	19/12/2010	21/12/2011	06183/10S69
964	S69-12818	CM-09279	Ghe Tải	Nguyễn Văn Thua	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	01/03/2014	01/09/2014	00587/14S69
965	S69-13119	CM-12618	Trệt	Ngô Văn Cư	Phường 5,, Thành phố Cà Mau	03/06/2014	01/04/2015	01474/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
966	S69-13233	CM-12612		Trần Văn Huấn	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	03/05/2013	03/05/2014	02420/13S69
967	S69-13354	CM-00612	Bưu Điện	Đào Minh ý	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2009	14/04/2010	02484/09S69
968	S69-13423	CM-11555		Trần Thị Liên	K4,P7, Thành phố Cà Mau	28/03/2016	30/06/2016	01416/16V67
969	S69-13668	CM-	Thanh Phong	Trương Văn Chinh	239/21, Khóm 2, Phường 1, Thành phố Cà Mau	17/10/2008	17/10/2009	07725/08S69
970	S69-13778	CM-13494		Nguyễn Minh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/04/2011	22/10/2011	01336/11S69
971	S69-13886	CM-13345	CM-13345	Trương Văn Hoà	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/01/2010	23/10/2010	00254/10V68
972	S69-13935	CM-	Hoàng Dân	Trương Hoàng Dân	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08196/08S69
973	S69-14251	CM-06939	Hoàng Dung 4	Diệp Minh Hoàng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	30/05/2013	30/05/2014	02824/13S69
974	S69-14311	CM- 2095		Trần Quốc Khải	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2009	10/01/2010	02128/09V94
975	S69-14313	CM-		Ngô Văn Quyển	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	04/11/2008	04/05/2009	08423/08S69
976	S69-14473	CM-	Quang Vinh	Lê Ngọc Quang	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	09/11/2009	09/11/2010	06564/09S69
977	S69-14572	CM-01574		Nguyễn Bích Giao	ấp 8, Khánh An, Huyện U Minh	14/09/2011	14/09/2012	01117/11V94
978	S69-14578	CM-		Ngô Văn Quyển	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	14/11/2008	14/05/2009	08962/08S69
979	S69-14631	CM-13454	Chí Luân	Trần Chí Luân	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/06/2015	11/06/2016	01147/15S69
980	S69-14720	CM-	Anh Kiệt	Nguyễn Anh Kiệt	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	25/11/2008	25/11/2009	09126/08S69
981	S69-15194	CM-14405	Ghe Tải	Lâm Văn Niêm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03646/10S69
982	S69-15230	CM-14318		Trần Văn Bảo	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	12/06/2012	12/06/2013	02722/12S69
983	S69-15234	CM-14379		Nguyễn Văn Tươi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/12/2014	20/12/2015	03421/14S69
984	S69-15244	CM-03265	Ngọc Diệp	Huỳnh Văn Lo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	10/12/2010	10/12/2011	05959/10S69
985	S69-15418	CM-01083		Cty CP Xây Lắp Điện Cà Mau	138 Lê Lợi, P2, Thành phố Cà Mau	19/08/2015	19/08/2016	01533/15S69
986	S69-15432	CM-14403	Vũ Linh	Nguyễn Hoàng Em	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	01/12/2011	01/12/2012	04644/11S69
987	S69-15763	CM-02366	Thái Thanh	Thái Văn Sáng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/11/2010	24/11/2011	05784/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
988	S69-15962	CM-		Nguyễn Văn Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10631/08S69
989	S69-16034	CM-	Chí Tâm I	Huỳnh Văn Bình	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	00001/09S69
990	S69-16113	CM-15515	Ghe Tải	Mã Gia Đức	Khóm 4, Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	29/12/2010	29/12/2011	06339/10S69
991	S69-16115	CM-01805	Kim Hương	Trần Văn Năm	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	06/01/2014	06/01/2015	00018/14S69
992	S69-16280	CM-15858	Ghe Tải	Đặng Việt Nguyên	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	11/04/2013	18/01/2014	02018/13V67
993	S69-16286	CM-		Nguyễn Văn Cương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11028/08S69
994	S69-16373	CM-16189		Trịnh Văn Tèo	Khóm II, Thị trấn U Minh, Huyện U Minh	07/07/2010	07/07/2011	03514/10S69
995	S69-16655	CM-15717		Trần Bạch Đằng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	11/01/2014	11/01/2015	00133/14S69
996	S69-16658	CM-	Hoàng Diên	Trần Hoàng Diên	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/01/2009	19/01/2010	00419/09S69
997	S69-16681	CM-	Ghe tải	Dư Văn Sơn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2009	04/02/2010	00500/09S69
998	S69-16720	CM-		Mai Bích Lệ	K6, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/02/2009	13/02/2010	00532/09S69
999	S69-16843	CM-00774	Trọng Hữu 2	Châu Văn Hợp	Khánh Hòa, Huyện U Minh	18/11/2010	18/11/2011	05679/10S69
1000	S69-17051	CM-00266		Võ Văn Dụ	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	03/05/2010	03/05/2011	08008/10V68
1001	S69-17072	CM-		CTy Trách Nhiệm Hữu Hạn Nga Thủy	63/27 Phan Bội Châu, Phường 7, Thành phố Cà Mau	25/02/2009	25/02/2010	00977/09S69
1002	S69-17121	CM-		Võ Thị Quỳnh Như	TT Cái nước, Huyện Cái Nước	02/03/2009	02/03/2010	01077/09S69
1003	S69-17126	CM-16999		Phạm Minh Bốn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	27/12/2014	27/12/2015	03478/14S69
1004	S69-17331	CM-17027	Tấn LựcC	Nguyễn Tấn Lực	Thị trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	06/09/2012	05/09/2013	04727/12S69
1005	S69-17332	CM-03210	Ghe tải	Trần Văn Hai	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/03/2009	05/03/2010	01106/09S69
1006	S69-17337	CM-17171	Sà Lan Mặt Boong	Nguyễn Thị Diễm	270, Lý Thường Kiệt, Khóm 9, Phường 6, Thành phố Cà Mau	19/10/2015	14/03/2016	00202/15V69
1007	S69-17339	CM-17272		Nghê Phước Tùng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	21/04/2011	21/04/2012	01377/11S69
1008	S69-17728	CM-		Văn Phước Luông	Khóm 1, Phường 1, Thành phố Cà Mau	09/03/2009	09/03/2010	01758/09S69
1009	S69-17822	CM-	Ghe Tải	Lương Vinh Quang	Trí Phải, Huyện Thới Bình	19/03/2009	18/03/2010	01934/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1010	S69-17823	CM-		Nguyễn Thanh Bờ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	15/12/2014	13/06/2015	03261/14S69
1011	S69-17835	CM-17399		Nguyễn Văn Lắc	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	06/05/2011	06/05/2012	01523/11S69
1012	S69-18011	CM-	Ghe Tải	Phan Văn Hùng	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	31/03/2009	31/03/2010	02203/09S69
1013	S69-18083	CM-00669	Vô HàNG	Văn Tiến Lữ	An Khương, Huyện Đầm Dơi	27/04/2009	27/04/2010	01654/09V94
1014	S69-18086	CM-17846		Hà Hoàng Lâm	Định Bình, Thành phố Cà Mau	18/09/2014	18/09/2015	02512/14S69
1015	S69-18109	CM-01356	CM-01356	Nguyễn Văn Săng	Phường 7, Thành phố Cà Mau	07/04/2009	07/04/2010	02368/09S69
1016	S69-18111	CM-		Doanh Nghiệp Tư Nhân Ngọc Lệ	144D Quang Trung, K5, P5, Thành phố Cà Mau	07/04/2009	07/04/2010	02372/09S69
1017	S69-18203	CM-18112		Nguyễn Hoàng Can	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2014	22/12/2015	03356/14S69
1018	S69-18206	CM-18109		Lê Minh Thống	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	05/12/2013	05/12/2014	06057/13S69
1019	S69-18207	CM-		Tạ Văn Xuyên	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/04/2009	17/04/2010	02515/09S69
1020	S69-18213	CM-17722		CN CTYTNNHHTM & DV HUY LAM	Khóm 6, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/07/2012	05/07/2013	03568/12S69
1021	S69-18215	CM-18181	Ghe	Phan Văn Truyền	Khóm 2, Huyện Thới Bình	19/03/2013	18/03/2014	01650/13S69
1022	S69-18220	CM-17728		Nguyễn Đoàn Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2016	05/06/2016	01326/16S69
1023	S69-18276	CM-18219		Nguyễn Thanh Nhạn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	01/10/2010	01/10/2011	05124/10S69
1024	S69-18277	CM-03470	TÂN PHƯƠNG MAI	Lương Văn Phương	24E Nguyễn Trãi, KI, P9, Thành phố Cà Mau	29/04/2009	29/04/2010	02661/09S69
1025	S69-18286	CM-		Quách Văn Chanh	Phường 8, Thành phố Cà Mau	22/07/2010	05/05/2011	00840/10V94
1026	S69-18287	CM-	Vỏ Hàng	Nguyễn Hùng Mỹ	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/11/2010	20/11/2011	05694/10S69
1027	S69-18308	CM-	Ghe Tải	Nguyễn Thị Cẩm Nhiên	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	14/05/2009	14/11/2010	02730/09S69
1028	S69-18462	CM-03009	Thuý Kiều	Nguyễn Văn Hây	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	22/05/2009	22/05/2010	02917/09S69
1029	S69-18523	CM-18352	Minh Phú 03	Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú	Khu Công Nghiệp, Phường 8, Thành phố Cà Mau	29/07/2015	29/07/2016	01417/15S69
1030	S69-18524	CM-18325	Minh Phú 04	Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú	Khu Công Nghiệp, Phường 8, Thành phố Cà Mau	29/07/2015	29/07/2016	01418/15S69
1031	S69-18525	CM-18423		Nguyễn Văn Vịnh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	23/06/2010	23/06/2011	03182/10V67

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1032	S69-18605	CM-		Quách Văn Chanh	Khóm 1, Phường 8, Thành phố Cà Mau	27/05/2009	27/05/2010	03073/09S69
1033	S69-18788	CM-18743	Chí Linh	Phạm Văn Quấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	11/03/2011	11/03/2012	00825/11S69
1034	S69-18801	CM-	Ghe Tải	Huỳnh Văn Xưa	Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	02/06/2011	02/06/2012	01824/11S69
1035	S69-18816	CM-18811		Hứa Ngọc Hải	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/03/2014	14/09/2014	00687/14S69
1036	S69-18901	CM-19199		Ngô Hoàng Sơn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/03/2014	22/03/2015	00751/14S69
1037	S69-19012	CM-	Ghe Tải	Ngô Văn Tuấn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	03/07/2009	03/07/2010	03730/09S69
1038	S69-19016	CM-		Nguyễn Thị Lệ	144 D, Quang Trung, Phường 5, Thành phố Cà Mau	25/06/2009	25/06/2010	03737/09S69
1039	S69-19081	CM-		Trần Văn Bắc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	09/07/2009	09/07/2010	03813/09S69
1040	S69-19317	CM-		Đinh Quang Minh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04107/09S69
1041	S69-19492	CM-19622		Phạm Văn Cò	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	09/10/2014	09/10/2015	02713/14S69
1042	S69-19590	CM-		Nguyễn Trọng Thông	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04496/09S69
1043	S69-19669	CM-		Nguyễn Thanh Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/11/2010	20/11/2011	05697/10S69
1044	S69-19686	CM-01623		Hà Hùng Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/10/2011	05/10/2012	03573/11S69
1045	S69-19698	CM-		Dư Văn Lem	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04638/09S69
1046	S69-19699	CM-		Nguyễn Văn Que	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04639/09S69
1047	S69-19840	CM-	NGỌC TRẦN	Ngô Hoàng Huy	KV2, TT U Minh, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04849/09S69
1048	S69-19844	CM-		DNTN Hoàng Thái	Khóm 3, Phường 7, Thành phố Cà Mau	11/08/2009	11/08/2010	04853/09S69
1049	S69-19868	CM-19629	Vạn Thọ	Vạn Hữu Khương	Khóm 2, Phường 9, Thành phố Cà Mau	21/09/2010	21/09/2011	04921/10S69
1050	S69-19873	CM-		DNTN Đức Tâm Hiệp 7	Khánh An, Huyện U Minh	13/08/2009	13/08/2010	04894/09S69
1051	S69-19874	CM-19559		Đinh Văn Đơ	ấp 10, xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	22/08/2011	22/08/2012	02826/11S69
1052	S69-19878	CM-23318		Đào ánh Xuân	Khóm 1; TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2014	30/12/2015	03598/15S69
1053	S69-19879	CM-00289	Nguyễn Nam	Nguyễn Hoàng Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/01/2014	05/01/2015	00019/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1054	S69-19901	CM-	Ghe Tải	Phạm Quốc Khởi	xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	18/08/2009	18/08/2010	04941/09S69
1055	S69-19903	CM-		Duy Minh Tèo	Tân Hải, Huyện Phú Tân	19/08/2009	19/08/2010	04944/09S69
1056	S69-19905	CM-		Trần Văn Giang	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	19/08/2009	19/08/2010	04947/09S69
1057	S69-19960	CM-		Bùi Thị Chi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05008/09S69
1058	S69-20063	CM-		Liêu Đức Bình	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	27/08/2009	24/08/2010	05138/09S69
1059	S69-20083	CM-19956		Lê Hoàng My	Đồng Thới, Huyện Cái Nước	02/06/2015	23/05/2016	00213/15V69
1060	S69-20087	CM-		CTy TNHH Xây Dựng Thịnh Phát	Khu dự án Tây Nam Ngõ Quyền, K2, P1, Thành phố Cà Mau	15/03/2011	15/03/2012	00881/11S69
1061	S69-20088	CM-00906	Ghe tải	Lâm Thành Huy	270, Nguyễn Trãi, K3, P9, Thành phố Cà Mau	21/03/2014	21/03/2015	00737/14S69
1062	S69-20123	CM-00828		Khổng Thành Đại	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	06/09/2011	06/09/2012	03067/11S69
1063	S69-20171	CM-20205		Nguyễn Văn Dũng	Trí Phải, Huyện Thới Bình	03/10/2011	03/10/2012	03546/11S69
1064	S69-20294	CM-19696	Ghe Tải	Nguyễn Văn Nhã	Khánh Thuận, Huyện U Minh	12/07/2015	25/11/2015	01221/15S69
1065	S69-20330	CM-20584		Nguyễn Kim Thuỷ	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2011	24/01/2012	00352/11S69
1066	S69-20453	CM-		Dương Minh Nhựt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04812/10S69
1067	S69-20610	CM-03282	Minh Phát	Ngô Thanh Tỷ	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	08/02/2012	08/02/2013	00452/12S69
1068	S69-20612	CM-		Ngô Thành Tỷ	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05861/09S69
1069	S69-20658	CM-		Nguyễn Minh Trường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05992/09S69
1070	S69-20692	CM-20467		Trần Văn Vĩnh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	23/11/2012	23/11/2013	07285/12S69
1071	S69-20697	CM-20494		Nguyễn Hồng Vụ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/09/2015	03/06/2016	01727/15S69
1072	S69-20748	CM-01094	NGỌC TRIỀU	Diệp Phương Bình	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05046/10S69
1073	S69-20767	CM-21967		Ngô Văn Cư	Phường 5, Thành phố Cà Mau	23/09/2014	23/09/2015	02602/14S69
1074	S69-20943	CM-20810	Ghe Tải	Lê Văn Hiếu	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	16/03/2014	17/08/2014	00623/14V68
1075	S69-20964	CM-20913		Lý Quốc Cường	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2010	12/05/2011	02594/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1076	S69-20975	CM-20975		Trần Trường Giang (Cty TNHH Xây Dựng Thái Anh)	Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/01/2012	00463/11S69
1077	S69-21000	CM-		Phạm Văn Minh	Gạch Chèo, Huyện Phú Tân	14/03/2012	14/03/2013	00948/12S69
1078	S69-21015	CM-20996	Ghe Tải	Nguyễn Văn Khải	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	02/03/2014	02/03/2015	00583/14S69
1079	S69-21062	CM-00271	Vô HàNG	Vô Hữu Nghĩa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	23/11/2009	23/11/2010	02935/09V94
1080	S69-21077	CM-21033		Đỗ Tấn Nghĩa	Trí Lực, Huyện Thới Bình	25/12/2013	25/12/2014	06366/13S69
1081	S69-21084	CM-		Trần Văn Công	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/11/2009	28/11/2010	06762/09S69
1082	S69-21086	CM-00745	Minh Tân	Huỳnh Văn Thạch	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	21/11/2011	21/11/2012	04269/11S69
1083	S69-21166	CM-		DNTN Thành An	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	30/11/2009	30/11/2010	06848/09S69
1084	S69-21241	CM-21249		Trung Tâm Viễn Thông Đầm Dơi	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	04/03/2015	04/03/2016	00371/15S69
1085	S69-21270	CM-21391		Nguyễn Tuấn Đạt	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/05/2013	05/05/2014	02432/13S69
1086	S69-21277	CM-	Ghe Tải	Nguyễn Trọng My	Khóm I, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	15/12/2009	15/12/2010	07177/09S69
1087	S69-21289	CM-00922		Nguyễn Công Danh	ấp Thanh Vọng, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	03/05/2013	03/05/2014	02415/13S69
1088	S69-21360	CM-21280		Bùi Văn Hồ	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2011	10/05/2012	01568/11S69
1089	S69-21381	CM-21321		Phạm Văn Bi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/06/2014	25/12/2014	01707/14S69
1090	S69-21382	CM-		Phòng Nông Nghiệp & P.Triển Nông Thôn H. Ngọc Hiển	ấp Kiến Giàng-TT. Trà Góc, Huyện Ngọc Hiển	28/12/2009	28/12/2010	16888/09V68
1091	S69-21391	CM-		Trương Quốc Toàn	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	31/12/2009	31/12/2010	07438/09S69
1092	S69-21403	CM-21300		Võ Thị Đào	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	14/05/2014	14/11/2014	01283/14S69
1093	S69-21460	CM-21405		Trần Minh Quý	Phường 7, Thành phố Cà Mau	14/03/2012	14/03/2013	00949/12S69
1094	S69-21485	CM-		Nguyễn Văn Diễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	12/01/2010	12/07/2010	00170/10S69
1095	S69-21488	CM-21428		Nguyễn Việt Trung	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/12/2014	01703/14S69
1096	S69-21489	CM-21419		Nguyễn Thành Nghĩa	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	03/10/2011	02/04/2012	03537/11S69
1097	S69-21500	CM-	Ghe Tải	Lê Hùng Dũng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	11/10/2011	11/10/2012	03635/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1098	S69-21501	CM-		Nguyễn Minh Tuấn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	13/01/2010	13/01/2011	00220/10S69
1099	S69-21512	CM-		Nguyễn Văn Vạn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2010	10/01/2011	00257/10S69
1100	S69-21625	CM-21452		Huỳnh Văn Hó	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	19/08/2015	19/08/2016	01558/15S69
1101	S69-21647	CM-21492	Thanh Liêm	Phạm Ngọc Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2011	24/04/2012	01387/11S69
1102	S69-21658	CM-		Nguyễn Thanh Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2011	06/04/2012	01503/11S69
1103	S69-21691	CM-21680		DNTN Thành An	Hàng Vĩnh, Huyện Năm Căn	07/07/2014	02/04/2015	01830/14S69
1104	S69-21716	CM-19595	Hoàng An	CTY TNHH Thương Mại Dịch Vụ & Xây Dựng ACB	29 Lý Thường Kiệt, P5, Thành phố Cà Mau	25/03/2013	25/03/2014	01949/13S69
1105	S69-21833	CM-		Cty TNHH Xây Dựng Châu Hưng	Số 2, Liên Kế 11, Phường 9, Thành phố Cà Mau	09/02/2010	09/02/2011	00872/10S69
1106	S69-21834	CM-21542		Cty TNHH Xây Dựng Châu Hưng	Số 2, Liên Kế 11, P9, Thành phố Cà Mau	29/09/2014	29/03/2015	02682/14S69
1107	S69-21864	CM-02231	Ghe Tải Minh Phát	Chung Thành Liêm	xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2011	07/08/2012	02685/11S69
1108	S69-21929	CM-	Ghe Tải	Lưu Kiến Tạo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	04/01/2012	04/01/2013	00057/12S69
1109	S69-22045	CM-		Lê A Tìl	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	17/03/2010	17/03/2011	01406/10S69
1110	S69-22046	CM-00888	HẢI ĐĂNG	Nguyễn Thành Công	Hải An, Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	13/11/2015	02/07/2016	02193/15S69
1111	S69-22139	CM-		Nguyễn Minh Đương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01555/10S69
1112	S69-22224	CM-21612		Lâm Vương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/05/2015	17/05/2016	00905/15S69
1113	S69-22251	CM-21595		Võ Văn Đoàn	Tân Thuận, Huyện Năm Căn	08/10/2014	08/10/2015	02714/14S69
1114	S69-22253	CM-21601		Phan Kim Mẫn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	16/06/2011	16/06/2012	01986/11S69
1115	S69-22303	CM-21625		Nguyễn Văn Hậu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/07/2012	20/07/2013	03927/12S69
1116	S69-22306	CM-		Võ Thị Tuyết Mai	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01848/10S69
1117	S69-22340	CM-		Trần Văn Khuôl	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01887/10S69
1118	S69-22347	CM-		Lê Hoàng Hiếu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/04/2010	05/04/2011	01915/10S69
1119	S69-22354	CM-17021		CTy Lâm Nghiệp U Minh Hạ	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	05/04/2010	05/04/2011	01925/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1120	S69-22359	CM-21631		Lê Văn Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01324/11S69
1121	S69-22360	CM-21644		Phan út Em	Khóm 2, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	10/02/2012	10/02/2013	00464/12S69
1122	S69-22366	CM-		CTY TNHH Xây Dựng Một Thành Viên STP	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/04/2010	08/04/2011	01947/10S69
1123	S69-22367	CM-21651		CTY TNHH XD GIA BẢO	62A/7 Lâm Thành Mậu K4, P4, Thành phố Cà Mau	13/02/2012	13/02/2013	00535/12S69
1124	S69-22369	CM-21703		Châu Quốc Khải	154, Bùi Thị Trường, Phường 5, Thành phố Cà Mau	05/03/2015	21/05/2015	00417/15S69
1125	S69-22388	CM-		Huỳnh Văn Hoạch	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	01999/10S69
1126	S69-22422	CM-51202		Trần Minh Nghiệm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	27/12/2014	27/12/2015	03441/14S69
1127	S69-22440	CM-00513	Ghe Tải	Nguyễn Văn Tùng	áp 7, xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	22/04/2011	22/04/2012	01338/11S69
1128	S69-22510	CM-		Huỳnh Văn Thơm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	26/04/2010	26/04/2011	02225/10S69
1129	S69-22581	CM-		Lê Thị Vên	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02305/10S69
1130	S69-22617	CM-		Nguyễn Văn Nhi	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	03/03/2010	03/03/2011	02362/10S69
1131	S69-22622	CM-21677		Phạm Văn Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	21/11/2014	21/11/2015	03067/14S69
1132	S69-22717	CM-21691		Lê Thị Liên	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2013	29/05/2014	02813/13S69
1133	S69-22775	CM-		Trần Văn Dũng	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	08/05/2010	08/05/2011	02697/10S69
1134	S69-22822	CM-21708		Trần Văn Tuấn	Khóm 2, Huyện Thới Bình	12/01/2012	12/01/2013	00204/12S69
1135	S69-22863	CM-21725		Nguyễn Hoàng Khánh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	29/09/2011	29/09/2012	03425/11S69
1136	S69-22897	CM-21742		Nguyễn Quang Thi	Tân an, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03995/12S69
1137	S69-22898	CM-21741		Nguyễn Thanh Nhanh	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03994/12S69
1138	S69-22904	CM-21737		Phan Văn Sự	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/08/2016	20/08/2016	01784/16S69
1139	S69-22929	CM-21713	Chí Thiện 2	Lê Chí Thịnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	23/08/2014	23/08/2015	02306/14S69
1140	S69-23012	CM-		Tăng Sinh Sêm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	03/06/2010	03/06/2011	03068/10S69
1141	S69-23066	CM-21759		Lâm Trương Vương	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	26/02/2014	26/08/2014	00516/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1142	S69-23149	CM-		Nguyễn Minh Nhật	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2011	06/10/2012	03624/11S69
1143	S69-23150	CM-21794	Vỏ Lãi	Lê Vũ Khang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	05/03/2015	05/03/2016	00412/15S69
1144	S69-23154	CM-		Tô Văn Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	28/06/2010	28/06/2011	03342/10S69
1145	S69-23155	CM-21792		Võ Hồng Khánh	Tân an Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02322/14S69
1146	S69-23175	CM-18513		Lâm Thị Bé Hai	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	09/10/2014	09/10/2015	02721/14S69
1147	S69-23179	CM-21807		Nguyễn Chí Đạo	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	18/12/2014	18/12/2015	03361/14S69
1148	S69-23180	CM-		Lâm Thị Thuần	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08160/12S69
1149	S69-23182	CM-		Dương Văn Vũ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03387/10S69
1150	S69-23229	CM-21776		Nguyễn Minh Trí	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/10/2013	05476/12S69
1151	S69-23242	CM-		Trần Phước Nhân	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03470/10S69
1152	S69-23258		Sà lan mặt boong	Cty TNHH MTV Xây Dựng Thành Lộc	Khóm 2, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	12/07/2010	12/07/2011	00633/10S65
1153	S69-23270	CM-		CTY CP Thực Phẩm Đại Dương	xã LươngThế Trán, Huyện Cái Nước	29/06/2010	29/06/2011	03525/10S69
1154	S69-23342	CM-21822		Trần Văn Cảnh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00288/12S69
1155	S69-23438	CM-		Hồ Vĩnh Hội	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	08/07/2010	08/07/2011	03829/10S69
1156	S69-23442	CM-		Võ Minh Phương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	26/07/2010	26/07/2011	03840/10S69
1157	S69-23506	CM-22114		Ngô Văn Cư	Phường 5, Tp Cà Mau, Thành phố Cà Mau	04/06/2014	04/06/2015	01472/14S69
1158	S69-23507	CM-23802		Ngô Văn Cư	Phường 5, Thành phố Cà Mau	02/06/2014	01/04/2015	01473/14S69
1159	S69-23545	CM-01746	Ca-nô gia dụng	Võ Minh Phụng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	03/08/2015	21/02/2016	00284/15V69
1160	S69-23612	CM-21925		CTy CP Thương Nghiệp Cà Mau	70 - 72 Đề Thám, phường 2, Thành phố Cà Mau	27/08/2015	26/08/2016	00322/15V69
1161	S69-23796	CM-21907		Quách Văn Đặng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	26/05/2014	25/05/2015	01386/14S69
1162	S69-23904	CM-		Đỗ Văn Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04467/10S69
1163	S69-23912	CM-		Nguyễn Thanh Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2010	24/07/2011	04475/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1164	S69-23928	CM-21979		Nguyễn Thị Loan	Khóm 8, P8, Thành phố Cà Mau	15/08/2011	15/08/2012	02709/11S69
1165	S69-23978	CM-	HỮU TRÍ	Trần Hữu Trí	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	30/08/2010	30/08/2011	04601/10S69
1166	S69-24024	CM-3403	Hoàng Mung	Dương Hoàng Mung	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	27/09/2011	27/09/2012	03403/11S69
1167	S69-24052	CM-21946		Nguyễn Văn Luôi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	21/12/2011	21/12/2012	04977/11S69
1168	S69-24108	CM-		DNTN Nguyễn Bảo Toàn	K10, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	21/09/2010	21/09/2011	04842/10S69
1169	S69-24115	CM-		Lê Thanh Đoàn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04849/10S69
1170	S69-24166	CM-		Nguyễn Thế Nhân	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	26/10/2012	26/10/2013	05728/12S69
1171	S69-24171	CM-22099		CTY TNHH Hùng Hải	165 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Cà Mau	05/03/2014	05/06/2014	00139/14V84
1172	S69-24258	CM-22013		Nguyễn Thế Nhân	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	14/12/2014	14/06/2015	03262/14S69
1173	S69-24260	CM-	Thảo Trang	Đoàn Ngọc Luyện	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	06/10/2010	06/10/2011	05149/10S69
1174	S69-24332	CM-00552	KIỀU TRANG	Tăng Văn Đèo	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	22/10/2010	19/10/2011	05295/10S69
1175	S69-24353	CM-22048		Dương Hoàng Nghi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/06/2015	13/06/2016	01176/15S69
1176	S69-24378	CM-		Nguyễn Minh Trường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05364/10S69
1177	S69-24379	CM-22061		Lâm Thành Nhân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	17/05/2015	17/05/2016	00920/15S69
1178	S69-24383	CM-		Hồng Tuấn Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05369/10S69
1179	S69-24392	CM-22051		Nguyễn Duy Tân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	29/03/2012	29/03/2013	01246/12S69
1180	S69-24403	CM-		Trương Minh Chiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/12/2011	14/12/2012	04842/11S69
1181	S69-24496	CM-22072		Mai Vũ Quang	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	18/06/2015	11/12/2015	01117/15S69
1182	S69-24505	CM-		Nguyễn Văn Tuấn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	06/11/2010	06/11/2011	05605/10S69
1183	S69-24507	CM-		Trần Văn Nhận	Trí Phải, Huyện Thới Bình	06/11/2010	06/11/2011	05608/10S69
1184	S69-24528	CM-22079		Nguyễn Thị Xa	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	16/01/2013	16/01/2014	00484/13S69
1185	S69-24554	CM-		Phan Văn Răng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05716/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1186	S69-24577	CM-		Nguyễn Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05779/10S69
1187	S69-24579	CM-		Trần Văn Khương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05781/10S69
1188	S69-24630	CM-22147		Tổng Minh Tiến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	17/05/2015	17/05/2016	00904/15S69
1189	S69-24691	CM-22138		Tiêu Định Quốc	Khoms7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/07/2012	01/07/2013	03446/12S69
1190	S69-24700	CM-22140		Nguyễn Việt Khái	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	13/12/2010	12/12/2011	06094/10S69
1191	S69-24706	CM-22166	Ghe Tải	Trần Hoàng Dũng	Khóm 5 , Phường 5, Thành phố Cà Mau	10/03/2013	10/03/2014	01516/13S69
1192	S69-24730	CM-		Nguyễn Quố Khánh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	21/12/2010	20/12/2011	06180/10S69
1193	S69-24771	CM-		Đỗ Kiểm Lái	TT Cái Đoi Vàm, Huyện Phú Tân	17/12/2010	17/12/2011	06260/10S69
1194	S69-24782	CM-22186		Huỳnh Minh Đạt	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	30/12/2014	30/12/2015	03575/14S69
1195	S69-24792	CM-22164		Nguyễn Quốc Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/09/2015	29/07/2016	01726/15S69
1196	S69-24816	CM-		Cty TNHH Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Duy Tân	21A Lý Văn Lâm, K5, P1, Thành phố Cà Mau	04/01/2011	04/01/2012	00020/11S69
1197	S69-24821	CM-23984		Nguyễn Văn Toàn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	27/02/2014	27/08/2014	00601/14S69
1198	S69-24825	CM-22206		Lý Hoàng Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	21/01/2013	20/01/2014	00651/13S69
1199	S69-24827	CM-		Lương Xuân Thao	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2011	04/01/2012	00055/11S69
1200	S69-24868	CM-		Phan Văn Dỏ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/01/2011	12/01/2012	00170/11S69
1201	S69-24911	CM-		Trần Hiền Tấn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00289/11S69
1202	S69-24930	CM-22299	QUANG BÌNH	CTY TNHH QUANG BÌNH	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2015	25/01/2016	00169/15V68
1203	S69-24965	CM-		Nguyễn Chí Ngân	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/02/2013	04579/12S69
1204	S69-24979	CM-22238		Trần Công Đức	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04525/11S69
1205	S69-24980	CM-22233		Văn Phòng Huyện ủy Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	27/03/2015	29/01/2016	00576/15S69
1206	S69-25013	CM-02988	ca-nô	Chi Cục Quản Lý Thị Trường	12B Quang Trung, P7, Thành phố Cà Mau	01/11/2013	01/11/2014	05660/13S69
1207	S69-25038	CM-21649		Cty Cổ Phần Khai Long	Khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau	31/12/2014	02/03/2015	03627/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1208	S69-25055	CM-22257		Nguyễn Văn Tí	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2014	24/03/2015	01276/14S69
1209	S69-25072	CM-		Lưu Hoàng Anh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/03/2011	07/03/2012	00761/11S69
1210	S69-25138	CM-		Nguyễn Hoàng Phương	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	15/03/2011	15/03/2012	00915/11S69
1211	S69-25166	CM-	An Toàn	Nguyễn An Toàn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	22/03/2011	22/03/2012	00978/11S69
1212	S69-25168	CM-22286	Vỏ Lãi	Phan Hữu Nghị	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	30/12/2014	30/12/2015	03615/14S69
1213	S69-25170	CM-22290	Ghe Tải	Lê Hoàng Hậu	Khóm 5, Phường 5, Thành phố Cà Mau	22/04/2015	08/04/2016	00147/15V69
1214	S69-25220	CM-		Lê Trịnh Minh Hải	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2011	30/03/2012	01124/11S69
1215	S69-25236	CM-		Trần Thanh Tuấn	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	06/04/2011	06/04/2012	01166/11S69
1216	S69-25247	CM-		Lê Văn Khanh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	31/03/2011	31/03/2012	01185/11S69
1217	S69-25272	CM-		Ngô Xuân Hiền	xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	09/04/2011	09/04/2012	01237/11S69
1218	S69-25290	CM-22337		Trương Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	19/08/2015	19/08/2016	01552/15S69
1219	S69-25293	CM-		Trần Trâm Luân	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01293/11S69
1220	S69-25295	CM-22333		Trịnh Văn út	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/08/2014	25/08/2015	02224/14S69
1221	S69-25297	CM-22341		Trần Văn Hận	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	04/06/2014	04/06/2015	01402/14S69
1222	S69-25352	CM-		Mai Văn Tèo	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01446/11S69
1223	S69-25386	CM-		Nguyễn Chí Nguyễn	xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2011	24/04/2012	01534/11S69
1224	S69-25394	CM- 22364	Ghe Tải	Trần Văn Bạc	xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	04/05/2012	04/05/2013	00412/12S65
1225	S69-25406	CM-22367		Nguyễn Minh Thanh	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/06/2014	16/06/2015	01546/14S69
1226	S69-25434	CM-		Lê Văn Tèo	xã Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01655/11S69
1227	S69-25435	CM-22397		Võ Văn Minh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2016	20/08/2016	01783/16S69
1228	S69-25439	CM-22393		Nguyễn Hoàng Oanh	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/01/2015	01059/14S69
1229	S69-25459	CM-		Trần Văn Kil	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2011	06/05/2012	01713/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1230	S69-25460	CM-		Trần Quang Chiến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2011	06/05/2012	01714/11S69
1231	S69-25503	CM-22449		Phan Văn Tền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/06/2014	04/06/2015	01404/14S69
1232	S69-25519	CM-		Nguyễn út Hiền	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/06/2011	08/06/2012	01876/11S69
1233	S69-25558	CM-		Phạm Văn Minh	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	14/06/2011	14/06/2012	01960/11S69
1234	S69-25576	CM-22427		Nguyễn Văn Hoàng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/11/2014	06/11/2015	02896/14S69
1235	S69-25586	CM-00052	GHE Tải	Cty TNHH một thành viên XD Anh Kiệt	K4, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/09/2012	24/09/2013	04901/12S69
1236	S69-25588	CM-22412		Đàm Văn Phước	K1,TT Năm Căn, Huyện Đầm Dơi	25/03/2015	25/03/2016	00556/15S69
1237	S69-25598	CM-29440	Hoàng Dung	Diệp Minh Hoàng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/07/2015	19/12/2015	01279/15S69
1238	S69-25600	CM-22438		Trương Văn Bắc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	23/07/2016	01604/15S69
1239	S69-25602	CM-		Lý Hoàng Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05720/12S69
1240	S69-25616	CM-	huỳnh đức	Cty TNHH Huỳnh Đức	188 ấp Tân Khánh, xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/12/2015	09/06/2016	02443/15S69
1241	S69-25630	CM-22431	Ngọc Nghi	Nguyễn Chí Ngân	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	10/01/2014	10/01/2015	00077/14S69
1242	S69-25638	CM-		Lý Minh Phú	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2011	19/06/2012	02208/11S69
1243	S69-25673	CM-22447		Nguyễn Văn Hiền	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2012	24/08/2013	04545/12S69
1244	S69-25717	CM-22464		Lê Thanh Hào	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/08/2015	19/08/2016	01557/15S69
1245	S69-25719	CM-		Lý Hoàng Tư	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02399/11S69
1246	S69-25720	CM-22468		Nguyễn Văn Thắng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	29/07/2014	29/07/2015	02073/14S69
1247	S69-25737			Nguyễn Linh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	27/06/2015	13/06/2016	01175/15S69
1248	S69-25738	CM-		Mai Trường Sơn	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02437/11S69
1249	S69-25742	CM-22659		Nguyễn Chí Thanh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/05/2015	17/05/2016	00903/15S69
1250	S69-25754	CM-22463		Trần Văn Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	08/10/2015	19/08/2016	01931/15S69
1251	S69-25774	CM-22490		Tạ Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/10/2015	23/07/2016	02100/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1252	S69-25809	CM-		Cao Văn Duyên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02620/11S69
1253	S69-25810	CM-		Quách Minh Tài	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02621/11S69
1254	S69-25879	CM-22544		Lê Thanh Trúc	Phù Văn Nghiệp, Huyện Ngọc Hiển	11/09/2014	11/09/2015	02504/14S69
1255	S69-25892	CM-22527		Cty TNHH Đạt Lợi	Khóm 1, Phường 1, Thành phố Cà Mau	31/12/2014	31/12/2015	03601/14S69
1256	S69-25914	CM-		Nguyễn Hoàng Khanh	xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2011	16/08/2012	02877/11S69
1257	S69-25919	CM-22526	Ghe Tải	Cty TNHH XD Trường Thịnh	Khóm 4, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/09/2012	23/09/2013	04897/12S69
1258	S69-25924	CM-		Cty TNHH Minh Khang	Phường 5, Thành phố Cà Mau	24/08/2011	24/08/2012	02911/11S69
1259	S69-25937	CM-		Lê Văn Kề	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02929/11S69
1260	S69-25953	CM-22594		La Văn On	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/09/2015	25/08/2016	01770/15S69
1261	S69-25960	CM-		Nguyễn Văn Khoa	xã Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/08/2011	29/08/2012	03010/11S69
1262	S69-25989	CM-	Thanh Hải	Phạm Chí Nguyễn	Khóm 3, TT U Minh, Huyện U Minh	08/09/2011	08/09/2012	03100/11S69
1263	S69-26033	CM-22597		Tô Văn Tuấn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/12/2014	17/12/2015	03362/14S69
1264	S69-26053	CM-22616		Nguyễn Văn Nhã	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/06/2015	20/04/2016	01172/15S69
1265	S69-26057	CM-		Đỗ Hoài Phương	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03243/11S69
1266	S69-26071	CM-		Nguyễn Văn Phục	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2011	16/09/2012	03271/11S69
1267	S69-26072	CM-22615		Lê Văn Châu	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/06/2014	30/06/2015	01772/14S69
1268	S69-26122	CM-22670		Nguyễn Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2015	17/07/2016	01242/15S69
1269	S69-26123	CM-22624	Ghe Tải	Trương Tấn Lộc	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/12/2014	22/11/2015	03247/14S69
1270	S69-26137	CM-22649		Lương Minh Thái	xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01870/13S69
1271	S69-26139	CM-		Cao Thanh Thiện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03415/11S69
1272	S69-26147			Lê Hoàng Mến	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	03/06/2014	28/05/2015	01443/14S69
1273	S69-26151	CM-22778		Dương Văn Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	27/12/2014	27/12/2015	03442/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1274	S69-26210	CM-22681		Cao Văn Bậm	ấp Tân Bằng, Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	10/11/2012	10/11/2013	06443/12S69
1275	S69-26275	CM-01025	MINH HÒA	Tạ Thành Khôi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	18/11/2012	18/11/2013	07260/12S69
1276	S69-26306	CM-22733		Trần Minh Sáng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/08/2015	29/07/2016	01560/15S69
1277	S69-26312	CM-22717		Lê Thanh Nhân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/12/2012	19/12/2013	08947/12S69
1278	S69-26313	CM-		Võ Trung Thành	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/10/2011	24/10/2012	03821/11S69
1279	S69-26339	CM-		Ngô Thành Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03853/11S69
1280	S69-26375	CM-22795		Nguyễn Phúc Lâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	26/12/2014	26/12/2015	03343/14S69
1281	S69-26376	CM-22793		Phạm Thanh Vân	K5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	13/02/2014	28/10/2014	00402/14S69
1282	S69-26377	CM-22794	Vỏ Lãi	Lê Văn Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	30/12/2014	30/12/2015	03616/14S69
1283	S69-26430	CM-22743		Trần Văn Vũ	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	22/06/2015	12/06/2016	01127/15S69
1284	S69-26445	CM-		Châu Văn Thới	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	04092/11S69
1285	S69-26450	CM-		Trịnh Rì Mal	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	26450/11S69
1286	S69-26454	CM-22765		Võ Hoàng Sang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/03/2015	17/04/2016	00475/15S69
1287	S69-26465	CM-22806		Nguyễn Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/07/2014	02/07/2015	01810/14S69
1288	S69-26479	CM-22758		Nguyễn La Thông	xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2013	17/01/2014	00624/13S69
1289	S69-26480	CM-		Trần Thanh Phong	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/11/2011	12/11/2012	04178/11S69
1290	S69-26510	CM-00030	ca no	Ban QL Dự án Phục Hồi Rừng Sầu Cháy	49A Hùng Vương, P5, Thành phố Cà Mau	20/11/2013	20/11/2014	05827/13S69
1291	S69-26536	CM-00003	Ca Nô	Ban QL Rừng phòng hộ sào Lưới	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	15/11/2011	15/11/2012	04306/11S69
1292	S69-26551	CM-		Cty TNHH TM DV XD Thuận Lợi Cà Mau	304 Lý Thường Kiệt, K5, P6, Thành phố Cà Mau	24/11/2011	24/11/2012	04340/11S69
1293	S69-26573	CM-23835		Nguyễn Trường Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/08/2014	25/08/2015	02226/14S69
1294	S69-26613	CM-22865		Mã Hoàng Hôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	21/11/2014	21/11/2015	03066/14S69
1295	S69-26619	CM-		Trần Văn Sản	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04450/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1296	S69-26621	CM-22868		Phan Văn Kỷ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	16/01/2015	16/01/2016	00107/15S69
1297	S69-26654	CM-22822		Dịp Minh Hoàng	K3, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/07/2015	19/12/2015	01280/15S69
1298	S69-26699	CM-22877		Nguyễn Văn Lũy	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	01/07/2014	01/07/2015	01790/14S69
1299	S69-26711	CM-		Cao Văn Bậm	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	27/11/2011	27/11/2012	04669/11S69
1300	S69-26713	CM-22843		Tô Văn Bình	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	05/12/2014	05/12/2015	03200/14S69
1301	S69-26716	CM-		Trần Văn Tám	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2011	04/12/2012	04687/11S69
1302	S69-26733	CM-03266	Ca nô gia dụng	Lý Thanh Tân	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	12/05/2015	21/05/2016	00881/15S69
1303	S69-26746	CM-22945		Tô Văn Gú	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	16/01/2014	16/01/2015	00177/14S69
1304	S69-26748	CM-22944		Võ Văn Quyết	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2015	06/03/2016	00427/15S69
1305	S69-26750	CM-22940		Hồ Minh Xấn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	16/01/2015	16/01/2016	00111/15S69
1306	S69-26754	CM-	hiệp thành	Lê Văn Xê	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/12/2011	06/12/2012	04755/11S69
1307	S69-26762	CM-22892		Nguyễn Văn Tẻ	xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/08/2014	02/08/2015	02102/14S69
1308	S69-26773	CM-		Trần Văn Diễn	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/12/2011	14/12/2012	04820/11S69
1309	S69-26785	CM-	KIM NGÂN	Trương Kim Ngân	Khóm 6, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/12/2011	14/12/2012	04841/11S69
1310	S69-26786	CM-		Nguyễn Văn Hợp	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/12/2011	15/12/2012	04844/11S69
1311	S69-26799	CM-22898		Đỗ Văn Thủ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	08/10/2014	08/10/2015	02717/14S69
1312	S69-26818	CM-	Hoàng Vân	Đình Hoàng Vân	Khóm 6, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/12/2011	16/12/2012	04926/11S69
1313	S69-26838	CM-02070	Tàu Tuần Tra	Chi Cục kiểm lâm	phường 5, Thành phố Cà Mau	11/02/2014	11/02/2015	00379/14S69
1314	S69-26904	CM-22950		Trần Văn Khương	Tân an Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00316/14S69
1315	S69-26909	CM-22947		Huỳnh Văn Tâm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/10/2014	09/10/2015	02724/14S69
1316	S69-26977	CM-22991		Lâm Cao Đăng	Định Bình, Thành phố Cà Mau	30/09/2015	22/08/2016	01916/15S69
1317	S69-26979	CM-		CTY TNHH XD Thái Anh	Khóm 4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	00112/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1318	S69-26984	CM-23002		Trương Hoàng Anh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/03/2013	22/03/2014	01915/13S69
1319	S69-27019	CM-00473	CA-NÔ	Ban QL Dự án CWPĐ Tỉnh Cà Mau	Phường 5,Cà Mau, Thành phố Cà Mau	21/03/2014	21/03/2015	00740/14S69
1320	S69-27042	CM-03030		Nguyễn Quốc Khánh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	06/03/2013	06/03/2014	01480/13S69
1321	S69-27052	CM-02476	Ca-nô	CTy CP XL & DV Bưu Điện Cà Mau	Phường 5, Thành phố Cà Mau	17/02/2014	17/02/2015	00175/14V62
1322	S69-27053	CM-00072	Minh Viếng	Hồ Minh Hương	32 Phan Bội Châu, K 3, P7, Thành phố Cà Mau	26/01/2015	20/01/2016	00049/15V69
1323	S69-27065	CM-		Nguyễn Thế Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	02/02/2012	20/01/2013	00366/12S69
1324	S69-27073	CM-03325	Ca Nô Công Tác	Lâm Ngư Trường Kiến Vàng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	02/02/2012	02/02/2013	00396/12S69
1325	S69-27075	CM-		Chi Cục Quản Lý Thị Trường Cà Mau	12B Quang Trung, P7, Thành phố Cà Mau	28/08/2013	28/08/2014	04162/13S69
1326	S69-27104	CM-23082		Nguyễn Thành Dũng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/05/2015	24/02/2016	00959/15S69
1327	S69-27138	CM-		Trần Đức Hiệp	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	27/02/2012	20/02/2013	00632/12S69
1328	S69-27189	CM-23080		Hồ Công Thành	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	26/11/2014	26/11/2015	03103/14S69
1329	S69-27195	CM-23116		Bùi Hồng Quang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	23/07/2014	23/07/2015	01741/14S69
1330	S69-27241	CM-21750	CA NÔ(PT Gia Dụng)	Lâm Hoàng Phúc	Đất Mới, Huyện Ngọc Hiển	02/07/2014	02/07/2015	01803/14S69
1331	S69-27247	CM-		CTY TNHH Xây Dựng Thịnh Phát	K2, Phường 1, Thành phố Cà Mau	17/02/2012	17/02/2013	00846/12S69
1332	S69-27249	CM-02040	Thái Sơn	Lâm Thái Sơn	229-Hùng Vương-F7, Thành phố Cà Mau	13/08/2015	15/08/2016	03563/15V67
1333	S69-27250	CM-21531	Ca Nô Gia Dụng	Nguyễn Văn Nghiêm	KV1- K1 -TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	09/03/2012	09/03/2013	00858/12S69
1334	S69-27268	CM-		Dương Văn Tấn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	23/11/2015	23/05/2016	02230/15S69
1335	S69-27377	CM-23198		Huỳnh Văn Hải	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	30/05/2014	30/05/2015	01405/14S69
1336	S69-27385	CM-10567	Ca Nô	VP Huyện Ủy Huyện Phú Tân	, Huyện Phú Tân	17/11/2015	22/07/2016	02207/15S69
1337	S69-27528	CM-19973	Ca Nô	Văn Phòng Huyện Ủy Huyện Trần Văn Thời	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2014	10/04/2015	00953/14S69
1338	S69-27612	CM-23216		Trần Tấn Định	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/05/2015	17/05/2016	00902/15S69
1339	S69-27647	CM-02185	Ca Nô	Cty TNHH Minh Khang	88 Bông Vãn Dĩa, Khóm4, Phường 5, Thành phố Cà Mau	24/08/2015	24/08/2016	01218/15S65

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
1340	S69-27696	CM-23254		Lê Văn Mạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	04/06/2014	04/06/2015	01403/14S69
1341	S69-27698	CM-23252	Vỏ Lãi	Nguyễn Văn Hải	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	19/08/2015	19/08/2016	01553/15S69
1342	S69-27720	CM-23251		Võ Hoàng Vĩnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	29/07/2014	29/07/2015	02070/14S69
1343	S69-27835	CM-02850	Ca nô gia dụng	Nguyễn Văn Buôn	ấp Cái Đồi, xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/05/2012	05/01/2013	02001/12S69
1344	S69-28082	CM-02122	Ca-nô	VP HĐND tỉnh Cà Mau	Phường 7, Thành phố Cà Mau	24/05/2012	24/05/2013	02407/12S69
1345	S69-28195	CM-01815	Ca-nô gia dụng	Nguyễn Ngọc Khái	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	27/12/2014	27/12/2015	03502/14S69
1346	S69-28196	CM-01368	Ca-nô	Trương Văn Vẹn	Bù Mát, Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/09/2013	21/09/2014	04429/13S69
1347	S69-28200	CM-23344	Ca-nô gia dụng	Lâm Hồng Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	27/12/2014	27/12/2015	03501/14S69
1348	S69-28270	CM-23300		Phan Thanh Liêm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	09/10/2014	09/10/2015	02722/14S69
1349	S69-28343	CM-23307		Trần Minh Khải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/03/2015	18/03/2016	00477/15S69
1350	S69-28641	CM-23304		Nguyễn Văn Cần	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/07/2016	28/07/2016	01613/16S69
1351	S69-28657	CM-03502.		Trần Minh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	29/06/2012	28/06/2013	03324/12S69
1352	S69-28908	CM-23353		Tô Hoàng Vũ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	15/09/2014	15/09/2015	02514/14S69
1353	S69-29011	CM-23328		Thái Trọng Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/07/2014	02/07/2015	01799/14S69
1354	S69-29057	CM-03456	Ca Nô	Bệnh Viện Đa khoa Ngọc Hiển	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03949/12S69
1355	S69-29062	CM-23375		Đỗ Phạm Thái	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2015	02/07/2016	01873/15S69
1356	S69-29084	CM-23341		Phan Văn Thuộc	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	20/01/2015	20/01/2016	00104/15S69
1357	S69-29372	CM-23398		Đinh Văn Nhơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	15/09/2015	25/08/2016	01769/15S69
1358	S69-29385	CM-02987	Ca-nô	Chi Cục QL thị trường	Phường 2, Thành phố Cà Mau	25/08/2014	06/08/2015	02309/14S69
1359	S69-29545	CM-23423	Ghe Tải	Lê Thị Liên	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/06/2013	02/06/2014	02898/13S69
1360	S69-29561	CM-03191	Ca Nô	Chi Cục QLTT Tỉnh Cà Mau	12B-Quang Trung - Phường 5 -, Thành phố Cà Mau	05/12/2013	05/12/2014	06102/13S69
1361	S69-29562	CM-		Nguyễn Minh Thắng	xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	12/10/2012	12/04/2013	04948/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1362	S69-29681	CM-23429		Trương Thạch Sơn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	26/12/2014	26/12/2015	03481/14S69
1363	S69-29711	CM-23426		Bùi Thị Năm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	15/01/2015	15/01/2016	00094/15S69
1364	S69-29726	CM-23445		Nguyễn Văn Quang	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	18/12/2014	18/12/2015	03360/14S69
1365	S69-29778	CM-23448		Phạm Văn Thêm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/08/2015	20/08/2016	01566/15S69
1366	S69-29889	CM-23479		Nguyễn Thái Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/03/2015	13/03/2016	00479/15S69
1367	S69-29909	CM-23468		Lê Thanh Hùng	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	01/07/2014	01/07/2015	01792/14S69
1368	S69-29930	CM-23472		Hàng Thảo Đạt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	21/11/2014	21/11/2015	02946/14S69
1369	S69-29932	CM-00536	Thanh Bạch	Nguyễn Thanh Bạch	Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/10/2012	27/10/2013	05725/12S69
1370	S69-29945	CM-23572		Võ Hồng Viễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	08/10/2014	08/10/2015	02715/14S69
1371	S69-29946	CM-23484		Lê Trung Hiếu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/12/2014	18/12/2015	03364/14S69
1372	S69-30160	CM-		Nguyễn Trung Luận	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	06/11/2012	06/11/2013	06090/12S69
1373	S69-30919	CM-02060	Ca-nô	Chi Cục QLTT Cà Mau	Phường 2, Thành phố Cà Mau	16/11/2012	16/11/2013	07109/12S69
1374	S69-31010	CM-23518		Đặng Văn Hóa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/11/2014	06/11/2015	02893/14S69
1375	S69-31127	CM-23502		Nguyễn Ngọc Xe	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/06/2014	30/06/2015	01774/14S69
1376	S69-31132	CM-23559		Nguyễn Văn Khuýnh	TT Sông Đốc, Huyện Đầm Dơi	05/06/2014	05/06/2015	01398/14S69
1377	S69-31164	CM-23504		Hứa Nhật Duy	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	13/01/2015	13/01/2016	00067/15S69
1378	S69-31166	CM-		Phan Văn Hoàng	xã Khánh Hội, Thành phố Cà Mau	26/11/2012	26/11/2013	07553/12S69
1379	S69-31171	CM-23545		Nguyễn Tấn Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	23/07/2014	23/07/2015	01739/14S69
1380	S69-31774	CM-23651		Trương Minh Hoàng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	17/12/2014	17/12/2015	03363/14S69
1381	S69-32106	CM-23602		Nguyễn Văn Hiền	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	04/08/2014	04/08/2015	02067/14S69
1382	S69-32335	CM-23570		Từ Minh Dương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	04/07/2014	04/07/2015	01793/14S69
1383	S69-32784	CM-23623		Ban Quan Lý Rừng Phòng Hộ Tam Giang I	xã Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	28/08/2015	25/08/2016	01602/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1384	S69-33213	CM-23535	Vỏ Lãi	Lê văn An	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	17/07/2015	17/07/2016	01153/15S69
1385	S69-33322	CM-23611	Vỏ Lãi	Lê Chí Linh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	30/12/2014	30/12/2015	03618/14S69
1386	S69-33630	CM-23638		Lê Thị Thúy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	30/05/2015	30/05/2016	00988/15S69
1387	S69-33756	CM-23672		Nguyễn Văn Năm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2014	12/06/2015	01549/14S69
1388	S69-33757	CM-23674		Nguyễn Thanh Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2015	14/08/2016	02613/15S69
1389	S69-33803	CM-28941		CTY TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiển	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	16/08/2015	16/08/2016	01534/15S69
1390	S69-33815			Bao Ngọc Vẹn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/06/2015	28/05/2016	01183/15S69
1391	S69-33821	CM-21861	CA NÔ CÔNG VỤ	VP HĐND-UBND Huyện Trần Văn Thời	K.9-TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2013	02/02/2014	01249/13S69
1392	S69-33851	CM-23707		Cty TNHH Xây Dựng Vĩnh Phước	Khóm 7, Phường 6, Thành phố Cà Mau	17/03/2015	25/02/2016	00099/15V69
1393	S69-33852	CM-23684		Đào út Em	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/07/2014	14/07/2015	01856/14S69
1394	S69-33854	CM-23676		Phan Thái Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	19/05/2015	19/05/2016	00921/15S69
1395	S69-33863	CM-	Ghe Tải	Cao Hữu Hiền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	24/02/2013	24/02/2014	01368/13S69
1396	S69-33895	CM-		Hứa Thanh Tuấn	Tân Thành A, Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	01450/13S69
1397	S69-33904	CM-23697		Lý Quốc Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	01/07/2014	01/07/2015	01795/14S69
1398	S69-33972	CM-23704		Trần Thanh Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/11/2014	25/11/2015	02897/14S69
1399	S69-33973	CM-23703		Nguyễn Hoàng Nhung	Xã Khánh An, Huyện U Minh	14/11/2014	14/11/2015	02977/14S69
1400	S69-34123	CM-23740		Trần Văn Dương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	01/08/2015	20/05/2016	01419/15S69
1401	S69-34161	CM-		Lâm Văn Thiên	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2013	24/03/2014	34161/13S69
1402	S69-34167	CM-23726		Nguyễn Hoàng Nhị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/08/2014	25/08/2015	02223/14S69
1403	S69-34204	CM-00014	Ca-Nô	Ban Quản Lý DA CWPĐ Tỉnh Cà Mau	49A, Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Cà Mau	17/04/2013	17/04/2014	02182/13S69
1404	S69-34205	CM-21889	Ca NÔ	Văn Phòng PCLB - Chi Cục Thủy Lợi Cà Mau	03- Bông Vãn Dĩa - K4 - F5, Thành phố Cà Mau	18/04/2014	18/04/2015	01027/14S69
1405	S69-34208	CM-		DNTN Mỹ Hiền	Khóm 5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	17/04/2013	17/04/2014	02198/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1406	S69-34244	CM-23767		Lê Hoàng Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2015	11/06/2016	01423/15S69
1407	S69-34245	CM-23766		Nguyễn Bạch Đằng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2015	20/01/2016	00105/15S69
1408	S69-34248	CM-23765		Đặng Văn Sĩ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/03/2015	17/03/2016	00481/15S69
1409	S69-34251	CM-23764		Trần Bảo Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/07/2014	02/07/2015	01797/14S69
1410	S69-34254	CM-23702		Lê Hoàng Thịnh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2015	07/07/2016	01236/15S69
1411	S69-34271	CM-24024		Ngô Minh Triều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2014	03/07/2015	01796/14S69
1412	S69-34284	CM-		Cty TNHH Minh Khang	142A, Quang Trung, K5, P5, Thành phố Cà Mau	12/05/2014	02/05/2015	01238/14S69
1413	S69-34288	CM-23792		Trần Minh Nhiều	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	27/12/2014	27/12/2015	03480/14S69
1414	S69-34302	CM-03936	Đức Hiệp 3	DNTN Đức Hiệp (Trần Văn Dừa)	TT U Minh, Huyện U Minh	06/05/2013	06/05/2014	02411/13S69
1415	S69-34340	CM-03333	Ca-nô gia dụng	Nguyễn Văn út	KVI, Khóm 4, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/06/2014	23/06/2015	01647/14S69
1416	S69-34361	CM-23781		Nguyễn Văn Tuấn Em	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	01/08/2014	01/08/2015	02066/14S69
1417	S69-34413	CM-23785		Trần Văn Lập	K6, P1, Thành phố Cà Mau	11/06/2014	11/06/2015	01469/14S69
1418	S69-34416	CM-		Nguyễn Văn Tân	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	15/12/2014	23/05/2015	03340/14S69
1419	S69-34428	CM-01650	CA-NÔ	Nguyễn Văn Tám	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	24/05/2013	24/11/2013	02707/13S69
1420	S69-34465	CM-23811		Ngô Chí Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	19/01/2015	19/01/2016	00101/15S69
1421	S69-34516	CM-23808		Lê Văn Pha	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	19/08/2015	19/08/2016	01555/15S69
1422	S69-34596			Nguyễn Tường Quốc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	01/06/2016	28/05/2016	01247/16S69
1423	S69-34598	CM-23818		Trần Văn Định	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/08/2014	25/08/2015	02217/14S69
1424	S69-34608	CM-23848		Huỳnh Văn Khắp	Phú Tân, Huyện Phú Tân	10/11/2015	02/07/2016	02162/15S69
1425	S69-34609	CM-23850		Nguyễn Văn Phú	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	06/10/2014	06/10/2015	02709/14S69
1426	S69-34630	CM-23847		Tô Văn Đẩu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/12/2014	22/12/2015	03428/14S69
1427	S69-34632	CM-23863		Nguyễn Hữu Phước	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/03/2015	25/03/2016	00530/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1428	S69-34669	CM-23835		Huỳnh Kim Thái	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/12/2014	18/12/2015	03358/14S69
1429	S69-34692	CM-23864	Vỏ Lãi	Nguyễn Văn Nhân	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	30/07/2015	30/07/2016	01291/15S69
1430	S69-34695	CM-23866		Trương Minh Hải	xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	23/07/2016	01605/15S69
1431	S69-34719	CM-01528	MINH PHÁT2	DNTN Đồng Tiến (Bùi Văn Phước)	TT U Minh, Huyện U Minh	27/11/2015	15/07/2016	02311/15S69
1432	S69-34774	CM-23875		Huỳnh Văn Tâm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/10/2014	09/10/2015	02723/14S69
1433	S69-34788	CM-23895		Phan Việt Thống	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/10/2015	20/01/2016	02105/15S69
1434	S69-34802	CM-00015	Ca-Nô	Ban Quản Lý Dự án CWPĐ Tỉnh Cà Mau	49A Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Cà Mau	24/07/2013	25/07/2014	03629/13S69
1435	S69-34805	CM-23873		Nguyễn Văn Sơn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	16/07/2015	18/07/2016	01296/15S69
1436	S69-34822	CM-23870		Lê Trường Sơn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	15/07/2015	15/07/2016	01292/15S69
1437	S69-34826	CM-	Ghe Tải	Võ Thị Kiệp	Khóm 4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	27/07/2013	27/07/2014	03681/13S69
1438	S69-34842	CM-		Phạm Văn Khởi	Nguyễn Huân, Huyện Triệu Phong	08/10/2014	08/10/2015	02708/14S69
1439	S69-34852	CM-		DNTN Nguyễn Bảo Toàn	K10, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2013	03/08/2014	03770/13S69
1440	S69-34867	CM-21934	Ca-nô gia dụng	Cty TNHH MTV XD&TM Thái Dương	130/04 Phạm Hồng Thám, P4, Thành phố Cà Mau	09/11/2014	09/08/2015	02911/14S69
1441	S69-34872	CM-		Nguyễn Kim Lộc	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	11/08/2013	11/08/2014	03815/13S69
1442	S69-34893	CM-02665	CM-02665	Nguyễn Văn Dũng	Xã Hương Mỹ, Huyện Cái Nước	07/09/2015	15/08/2016	00551/15S95
1443	S69-34913	CM-23899		Trần Dũng Lâm	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	14/08/2014	14/08/2015	02154/14S69
1444	S69-34926	CM-21487		Nguyễn Văn Ngoan	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2015	25/08/2016	02055/15S69
1445	S69-34940	CM-00495	HẢI MINH	Trần Minh Phương	Phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau	19/11/2014	26/08/2015	03024/14S69
1446	S69-34973	CM-23912		Phan Huỳnh Hưng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	11/12/2014	11/12/2015	03255/14S69
1447	S69-34983	CM-23920		Lê Chí Linh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	02/12/2014	02/12/2015	03187/14S69
1448	S69-34999	CM-08987	Ca-nô gia dụng	Huỳnh Thanh Hải	, Huyện Ngọc Hiển	14/04/2015	08/02/2016	00142/15V69
1449	S69-35097	CM-23927		Nguyễn Hoàng Lưu	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	06/11/2014	06/11/2015	02895/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1450	S69-35100	CM-		Võ Công Khẩn	Phường 5, Thành phố Cà Mau	16/09/2013	16/09/2014	04361/13S69
1451	S69-35121	CM-14148		Cty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Đông Hải	88 Huỳnh Ngọc Diệp, P5, Thành phố Cà Mau	15/09/2013	15/09/2014	04399/13S69
1452	S69-35199	CM-23951		Châu Văn Thì	Khóm 8, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	16/01/2015	16/01/2016	00097/15S69
1453	S69-35205	CM-23950		Ngô Đức Lành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	16/01/2015	16/01/2016	00110/15S69
1454	S69-35208	CM-23952	Vỏ Lãi	Nguyễn Hữu Nghị	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/07/2015	09/07/2016	01119/15S69
1455	S69-35219	CM-23970		Nguyễn Văn Tính	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	23/04/2015	23/04/2016	00782/15S69
1456	S69-35379	CM-		Nguyễn Thị Ngân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03454/14S69
1457	S69-35869	CM-		Cty TNHH Hùng Hải	xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	02/12/2013	02/12/2014	05929/13S69
1458	S69-35929	BV-01135	Canô công tác	CTy TNHH Dịch vụ du lịch Hoàng Hiếu	239/111 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu	21/05/2014	06/01/2015	00113/14S72
1459	S69-35931	CM-24148	Trệt khách	Nguyễn Trung Dũng	Kinh Một, TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/04/2015	09/07/2016	00809/15S69
1460	S69-35965	CM-	Trệt Khách Vỏ Gỗ	Nguyễn Trung Dũng	ấp Kinh Một, TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/04/2015	26/07/2015	00810/15S69
1461	S69-35985	CM-00409	CANÔ	Trung Tâm CLATVS & Thú Y Thủy Sản Vùng 5	Phường 6, Thành phố Cà Mau	24/02/2014	24/02/2015	00467/14S69
1462	S69-35999	CM-	Ca Nô	Đào Trung Thành	ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	10/03/2014	10/03/2015	00631/14S69
1463	S69-36000	CM-23986	Ca No	Đào Trung Thành	ấp Thạnh Điền, Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	17/08/2015	11/03/2016	01524/15S69
1464	S69-36001	CM-23987	Ca No	Đào Trung Thành	ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	17/08/2015	11/03/2016	01523/15S69
1465	S69-36013	CM-	Sà Lan Mặt Boong	Công ty TNHH Minh Khá	139 Lý Thường Kiệt, Thành phố Cà Mau	05/04/2014	05/04/2015	00900/14S69
1466	S69-36017	CM-00629	Ca-nô	Đinh Hữu Thông	Hiệp Tùng, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2014	10/04/2015	00956/14S69
1467	S69-36030	CM-		Ngô Hoàng Hận	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/04/2014	25/04/2015	01111/14S69
1468	S69-36074	CM-		Ngô Hồng Mơ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	03/07/2014	03/07/2015	01784/14S69
1469	S69-36077	CM-01295	Ca Nô	Phan Thị Hương	Rạch Gốc, Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	21/08/2015	11/07/2016	00838/15V83
1470	S69-36079	CM-		Hoàng Văn Phát	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	23/07/2014	23/07/2015	01883/14S69
1471	S69-36082	CM-21735		Ngô Đức Lành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2014	18/07/2015	01917/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1472	S69-36093	CM-		Nguyễn Văn Vũ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	25/07/2014	25/07/2015	02015/14S69
1473	S69-36096	CM-		Lý Thùy Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/07/2014	30/07/2015	02027/14S69
1474	S69-36100	CM-24117		La Văn On	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	05/10/2015	29/07/2016	00942/15S69
1475	S69-36102	CM-1285	CA NO GIA DỤNG	Trần Minh Liệt	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	18/08/2015	19/05/2016	01521/15S69
1476	S69-36104	CM-		Nguyễn Trung Dũng	TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	07/01/2016	07/07/2016	00054/16S69
1477	S69-36105	CM-24019		Nguyễn Văn Hoàng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2015	03/08/2016	02614/15S69
1478	S69-36106	CM-17317	ĐÔNG TIẾN	DNTN ĐÔNG TIẾN (Bùi Văn Phước)	TT U Minh, Huyện U Minh	05/09/2015	04/07/2016	01690/15S69
1479	S69-36112	CM-24125		Doanh Nghiệp Tư Nhân TS Ngọc Thạch	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	29/12/2015	14/08/2016	02633/15S69
1480	S69-36124	CM-24021		Võ Văn Hòa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	23/09/2015	18/08/2016	01871/15S69
1481	S69-36125	CM-24016		Hồ Văn Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	19/08/2016	01603/15S69
1482	S69-36128	CM-24015		Trần Văn út	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	22/08/2016	01640/15S69
1483	S69-36129	CM-24017		Ngô Văn Chiến	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2015	25/08/2016	01564/15S69
1484	S69-36140	CM-21874		Nguyễn Văn Hưng	11/6- Bông Văn Dĩa, K4, P5, Thành phố Cà Mau	01/09/2015	26/08/2016	01679/15S69
1485	S69-36143	CM-		Trần Văn Thốn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	04/09/2014	04/09/2015	02396/14S69
1486	S69-36149	CM-		Trương Thanh Tín	Khóm 1, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	02/09/2014	02/09/2015	02440/14S69
1487	S69-36169	CM-		Lê Văn Mạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2014	20/09/2015	02573/14S69
1488	S69-36171	CM-		Ngô Trường Nghĩa	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2014	20/09/2015	02575/14S69
1489	S69-36174	CM-		Nguyễn Thành Trung	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/09/2014	22/09/2015	02598/14S69
1490	S69-36191	CM-23816		Nguyễn Văn Thừa	Trọng Sĩ, Huyện Cái Nước	09/10/2014	09/10/2015	02712/14S69
1491	S69-36206	CM-		Nguyễn Quốc Minh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/10/2014	21/10/2015	02818/14S69
1492	S69-36210	CM-		Võ Chí Thiện	Đất Mới, Huyện Năm Căn	03/11/2014	03/11/2015	02875/14S69
1493	S69-36212	CM-		Trần Văn Lên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	03/11/2014	03/11/2015	02881/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1494	S69-36215	CM-		Cty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Đông Hải	Khóm 5, Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/11/2014	15/11/2015	02907/14S69
1495	S69-36216	CM-		Nguyễn Văn Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2014	15/11/2015	02910/14S69
1496	S69-36224	CM-		Phạm Công Đoàn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	18/11/2014	18/11/2015	02950/14S69
1497	S69-36250	CM-		Nguyễn Hoài Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	03/12/2014	03/12/2015	31221/14S69
1498	S69-36269	CM-		Phan Hoàng Liêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	06/12/2014	06/12/2015	03236/14S69
1499	S69-36286	CM-		Nguyễn Văn Cần	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03334/14S69
1500	S69-36288	CM-		Đỗ Hoàng Phương	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03336/14S69
1501	S69-36296	CM-		Ngô Văn Thúc	Đông Thới, Huyện Cái Nước	17/12/2014	17/12/2015	03380/14S69
1502	S69-36298	CM-		Phan Văn Tiền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2014	22/12/2015	03392/14S69
1503	S69-36302	CM-		Hà Minh Đức	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2014	26/12/2015	03443/14S69
1504	S69-36304	CM-		Huỳnh Thanh Phương	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	23/12/2014	23/12/2015	03446/14S69
1505	S69-36316	CM-	Sà Lan Mặt Boong	Cty TNHH XD Ngô Thành Đạt	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	30/12/2014	30/12/2015	03584/14S69
1506	S69-36317	CM-	Sà LAN MẶT BOONG	CTY TNHH XD Ngô Thành Đạt	ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	30/12/2014	30/12/2015	03585/14S69
1507	S69-36318	CM-		CTY CP ĐT TMDV Kim Sơn	168, Ngõ Quyền, Phường 1, Thành phố Cà Mau	30/12/2014	30/12/2015	03586/14S69
1508	S69-36319	CM-		Cty Cổ Phần Đầu Tư TMDV Kim Sơn	168 Ngõ Quyền, K1, P1, Thành phố Cà Mau	30/12/2014	30/12/2015	03587/14S69
1509	S69-36321	CM-		Phạm Văn Trắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	30/12/2014	30/12/2015	03591/15S69
1510	S69-36376	CM-	Vỏ Lãi	Phan Phương Bình	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/03/2015	04/03/2016	00386/15S69
1511	S69-36377	CM-		Trần Tấn Hưng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	03/03/2015	03/03/2016	00388/15S69
1512	S69-36380	CM-		Phan Minh Dương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	09/03/2015	09/03/2016	00419/15S69
1513	S69-36421	CM-	NGUYỄN VĂN TRANH	Nguyễn Văn Tranh	ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	24/04/2015	08/08/2015	00162/15V69
1514	S69-36437	CM-.....		Ban Quản Lý Các Cảng Cá	04 Nguyễn Công Trứ, P.8, Thành phố Cà Mau	19/05/2015	20/05/2016	00874/15V63
1515	S69-36541	CM-		Huỳnh Văn Tuấn	Khóm 7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/11/2015	01/05/2016	02110/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1516	S69-36626	CM-		Nguyễn Văn Định	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	24/12/2015	24/06/2016	02595/15S69

Tỉnh thành: Cà Mau (S)

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
1	S69-00001	CM-01253		Trần Thị Niêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2007	15/11/2007	00001/07S69
2	S69-00005	CM-03485		Trần Văn Việt	Khóm 2, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01088/11S69
3	S69-00009			Huỳnh Huy Hoàng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/03/2007	31/03/2007	00009/07S69
4	S69-00010	CM-03472		Nguyễn Hồng Phúc	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	17/09/2012	17/03/2013	04790/12S69
5	S69-00011			Phạm Ngọc Ai	Khóm 4, Huyện Thới Bình	16/08/2007	16/08/2008	00011/07S69
6	S69-00013	CM-03946		Nguyễn Văn Thạnh	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04493/11S69
7	S69-00015	CM-00244		Lưu Đức Tài	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	18/10/2013	18/10/2014	04953/13S69
8	S69-00017	CM-03927		Phan Thị Gái	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/06/2012	01/12/2012	02593/12S69
9	S69-00018			Huỳnh Hữu Hạnh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06052/07S69
10	S69-00019			Huỳnh Văn Việt	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06053/07S69
11	S69-00020	CM-02457		Trần Mỹ Hạnh	Khóm3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	03/12/2012	03/12/2013	07912/12S69
12	S69-00024	CM-03474		Phạm Thanh Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	17/03/2012	17/09/2012	01083/12S69
13	S69-00025			Lê Văn Tám	Khóm 3, Huyện Năm Căn	04/06/2007	04/07/2007	00025/07S69
14	S69-00026			Lê Văn Tám	Khóm 3, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04731/09S69
15	S69-00027			Nguyễn Văn Chí	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2007	31/03/2007	00027/07S69
16	S69-00028			Nguyễn Hoàng Hà	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2007	31/03/2007	00028/07S69
17	S69-00031	CM-01864	Việt úc	CN Cty TNHH Việt úc	383, ấp Cây Trâm A,Định Bình, Thành phố Cà Mau	06/09/2011	06/09/2012	01069/11S95
18	S69-00033			Lê Văn Ngời	Xã Khánh An, Huyện U Minh	20/03/2007	20/04/2007	00033/07S69
19	S69-00034	CM-02014	Vỏ hàng	Phạm Thái	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	03/04/2009	03/04/2010	02296/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20	S69-00039			Ngô Minh Tám	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2007	31/03/2007	00039/07S69
21	S69-00040	CM-03517		Phạm Hoài Nhơn	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	06/08/2009	06/02/2010	04776/09S69
22	S69-00049	CM- 00238		Huỳnh Văn út	Phường 5, Thành phố Cà Mau	19/03/2012	19/03/2013	01141/12S69
23	S69-00050	CM-00975	Minh Tiền	Tô Đồng Khởi	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	06/04/2015	06/04/2016	00646/15S69
24	S69-00051	CM- 02640		Phan Hoàng Tuấn	Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	05/04/2007	05/10/2007	00051/07S69
25	S69-00055	CM-02021	CM-02021	Phạm Văn Xem	ấp Lung Ngang, Tam giang, Huyện Năm Căn	02/12/2013	02/12/2014	06028/13S69
26	S69-00060	CM-00443	Minh Tân	Lê Văn Hoàng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/07/2013	03/07/2014	03397/13S69
27	S69-00061	CM-01744		Quách Vĩnh Nghi	Khóm3, P8, Thành phố Cà Mau	31/08/2009	31/08/2010	05218/09S69
28	S69-00062	CM-01513		Nguyễn Văn Thuyền	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00379/13S69
29	S69-00063	CM-00832		Trịnh Văn Mừng	K5, P8, Thành phố Cà Mau	14/05/2009	14/05/2010	02731/09S69
30	S69-00064	CM-00793		Nguyễn Phú Vĩnh	086 Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	28/01/2010	28/01/2011	00522/10S69
31	S69-00067	CM-03518		Lê Văn Khen	ấp 10, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	21/04/2015	21/04/2016	00766/15S69
32	S69-00071	CM-01977	Đồ	Nguyễn Văn Quân	ấp 6, xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/11/2007	15/11/2008	04869/07S69
33	S69-00074	CM-00581		Trần Quang Trinh	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/11/2013	05/11/2014	05670/13S69
34	S69-00080	CM-02398		Trần Văn Chính	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	02/11/2010	02/11/2011	05486/10S69
35	S69-00088	CM-	Thanh Hải	Đỗ Thành Hậu	Khóm I, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00193/08S69
36	S69-00093	CM-02075		Lê Văn Tân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/07/2013	01/07/2014	03372/13S69
37	S69-00109	CM-01095	HÙNG LINH 1	Trần Tuyết ảnh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	18/01/2013	18/01/2014	00635/13S69
38	S69-00110	CM-00598		Huỳnh Quốc Hận	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	28/04/2008	28/04/2009	03059/08S69
39	S69-00111			Nguyễn Xuân Bắc	Phường 5, Thành phố Cà Mau	27/03/2007	27/03/2008	00111/07S69
40	S69-00112	CM-03402		Lê Minh Đạo	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04943/12S69
41	S69-00115	CM-02039	Ghe hàng	Trần Văn Hoàng	19/5, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2014	04/08/2015	02111/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
42	S69-00123	CM-02879		Phạm Văn Minh	ấp 6, xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	23/11/2009	23/05/2010	06685/09S69
43	S69-00126	CM-02713	Hoàng Khang	Đỗ Quốc Khởi	Khánh bình đông, Huyện Trần Văn Thời	24/07/2012	24/07/2013	03943/12S69
44	S69-00127	CM-01515	Lữ THẮNG	Nguyễn Minh Khương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	14/05/2010	14/05/2011	02665/10S69
45	S69-00128			Lê Thế Hòa	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/04/2007	12/05/2007	00128/07S69
46	S69-00130	CM-04164		Nguyễn Văn Thi	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2014	10/12/2014	02499/14S69
47	S69-00133	CM-01198		Huỳnh Minh Ngọc	060C, Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	14/01/2008	14/01/2009	00125/08S69
48	S69-00143	CM-02062		Đặng Trí Nối	ấp Tân Thới B, Tạ An Khương Đ, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03119/07S69
49	S69-00147	CM-02436		Phan Văn Thế	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00147/07S69
50	S69-00148	CM-00886	MINH SON	Nguyễn Văn Cảnh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05911/09S69
51	S69-00151	CM-01075	Minh Nhí	Trần Văn Kết	Nhị Nguyệt, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06471/08S69
52	S69-00155	CM-01101		Bùi Hoàng Dân	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00155/07S69
53	S69-00157	CM-02281		Trương Văn Nhu	ấp Chà Là, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01907/08S69
54	S69-00158	CM-01013		Lê Văn Khanh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01090/11S69
55	S69-00159	CM-04113		Võ Phi Đời	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04934/12S69
56	S69-00162	CM-02934	Huỳnh Huy II	Liêu Thanh Huyền	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/05/2011	19/05/2012	01733/11S69
57	S69-00163	CM-02265	Đồ	Đặng Văn Nam	ấp bào Giá, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00163/07S69
58	S69-00164	CM-03085		Lâm Văn Tiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00529/10S69
59	S69-00165	CM-01003	Đồ	Nguyễn Văn Tuyết	Bờ Đập, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01885/09S69
60	S69-00166	CM-00939	Kiều Diễm	Phạm Thanh Bồn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04141/12S69
61	S69-00169	CM-01460	Ghe Tải	Dương Văn Hoàn	ấp Tân Trung, Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01265/10S69
62	S69-00173		Minh Tới	Trương Minh Tý	Tân Điền A, Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00173/07S69
63	S69-00174	CM-02416	Hoàng Hảo	Phạm Văn Phương	Tân Ngọc Đông, Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01879/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
64	S69-00175	CM-01021		Dương Tiến Vũ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01075/11S69
65	S69-00176	CM-02453	CHÍ CÔNG	Phạm Chí Công	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06454/08S69
66	S69-00184	CM-01992	Đồ DọC	Trần Văn Khoa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	19/03/2007	19/03/2008	00184/07S69
67	S69-00188	CM-01028	Diệu Hiền	Huỳnh Văn Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06473/08S69
68	S69-00202	CM-02208		Đoàn Văn Hòa	ấp Tân Điền A, Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	19/03/2007	19/03/2008	00202/07S69
69	S69-00204	CM-0010-ĐD		Trần Phú Hào	Tấn Ngọc, Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	19/03/2007	19/03/2008	00204/07S69
70	S69-00205	CM-01019		Nguyễn Văn Bình	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	19/03/2007	19/03/2008	00205/07S69
71	S69-00207	CM-02461		Nguyễn Minh Quang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10331/12S69
72	S69-00210	CM-01427	Đồ	Trần Thanh Việt	ấp Tân Hoà, Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05034/10S69
73	S69-00214	CM-02413		Nguyễn Văn Luyến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01907/09S69
74	S69-00215	CM-00110	Hoàng Hùng	Trương Văn Hùng	ấp Bờ Đập. Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01318/10S69
75	S69-00216	CM-03163		Trần Văn Hây	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00216/07S69
76	S69-00218	CM-01002	Minh Chiến	Võ Minh Chiến	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01891/09S69
77	S69-00219	CM-01011		Huỳnh Duy Linh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02043/14S69
78	S69-00221	CM-00105	Diễm My	Trần Thanh Sơn	Ngã Bát, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/09/2007	00221/07S69
79	S69-00222	CM-02437	Hoàng Hảo	Lê Văn Nhính	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05910/09S69
80	S69-00235	CM-01091	tấn lực	Trần Hữu Hạnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04159/13S69
81	S69-00240	CM-00993		Hồ Hoàng Khởi	khóm 1, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07803/12S69
82	S69-00244	CM-01081		Lê Văn Thám	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01878/08S69
83	S69-00245	CM-00997		Trần Văn Thắng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01910/09S69
84	S69-00246	CM-01000		Nguyễn Văn Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05027/10S69
85	S69-00247	CM-	Đồ	Nguyễn Thành Được	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00247/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
86	S69-00248	CM-02274		Nguyễn Văn Đảo	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05867/09S69
87	S69-00249	CM-01014	Đò	Dương Thanh Đoàn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00249/07S69
88	S69-00250	CM-01119		Phạm Hoàng Minh	K5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01881/08S69
89	S69-00251	CM-01012	Đò	Lý Minh Đường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00251/07S69
90	S69-00252	CM-02433	Đò	Quách Văn Năng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00252/07S69
91	S69-00254	CM-02207	Hoàng Mung	Dương Hoàng Mung	ấp Tân Điền A, Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00254/07S69
92	S69-00255	CM-02204		Trần Minh Diện	ấp Tân Điền, Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00255/07S69
93	S69-00256	CM-01120		Trương Văn Hoàng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01880/08S69
94	S69-00257	CM-01126		Chu Thanh Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01854/09S69
95	S69-00260	CM-03162		Đặng út Sáu	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05926/09S69
96	S69-00265			Nguyễn Văn Hoà	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	19/03/2007	19/03/2008	00265/07S69
97	S69-00266	CM-00998		Trần Quốc Việt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01312/10S69
98	S69-00267	CM-01005		Phạm Văn Thơ	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06411/08S69
99	S69-00271	CM-00498	Dương Khanh	Trương Văn Mãng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05889/09S69
100	S69-00276	CM-01049	Việt Sinh	Nguyễn Quốc Đoàn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01096/11S69
101	S69-00282	CM-01118		Nguyễn Văn út	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	21/06/2007	21/06/2008	01240/07S69
102	S69-00283	CM-02206	Hoàng Phúc	Phạm Văn Phúc	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00283/07S69
103	S69-00284	CM-02408		Nguyễn Văn Mười	ấp Tân Điền Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00284/07S69
104	S69-00285	CM-01023		Phạm Văn Quyền	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	25/03/2008	25/03/2009	02017/08S69
105	S69-00295	CM-06640		Nguyễn Cường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05126/11S69
106	S69-00298	CM-02995	Văn Trắng	Võ Văn Trắng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/04/2009	14/04/2010	02474/09S69
107	S69-00302			Lê Văn Tuấn	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00302/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
108	S69-00303			Cao Bình Khoa	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	30/07/2008	30/07/2009	06032/08S69
109	S69-00305		Ngọc Trâm	Võ Thanh Hùng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00305/07S69
110	S69-00307			Bùi Văn Lễ	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00307/07S69
111	S69-00308			Nguyễn Thanh Sử	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00308/07S69
112	S69-00309			Phạm Hoài Phương	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00309/07S69
113	S69-00310			Nguyễn út Thành	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00310/07S69
114	S69-00311			Nguyễn Văn Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00311/07S69
115	S69-00312			Nguyễn Văn Nhó	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00312/07S69
116	S69-00314			Lương Văn Hiền	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08051/08S69
117	S69-00315	CM-04165		Võ Phi Đời	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04933/12S69
118	S69-00316			Tô Triều Mến	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00316/07S69
119	S69-00318			Nguyễn Minh Hoàng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00318/07S69
120	S69-00319			Nguyễn Văn Thiện	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00319/07S69
121	S69-00320	CM-03629		Trần Văn Hiếu	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09453/12S69
122	S69-00321			Nguyễn Thanh Nhân	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00321/07S69
123	S69-00322	CM- 06782		Nguyễn Việt Toàn	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10259/12S69
124	S69-00323			Nguyễn Thanh Sơn	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00323/07S69
125	S69-00324			Đỗ Văn Đạm	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00324/07S69
126	S69-00325	CM- 03618		Nguyễn Văn Đảng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04945/12S69
127	S69-00326			Trần Bình Phương	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00326/07S69
128	S69-00327			Lê Văn Kệ	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00327/07S69
129	S69-00329	CM-16990		Đặng Quốc Khởi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/12/2011	16/12/2012	04866/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
130	S69-00331			Cao Thắng Lợi	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00331/07S69
131	S69-00332			Phan Văn út	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00638/09S69
132	S69-00333			Huỳnh Bích Tuyền	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00333/07S69
133	S69-00335	CM-06641		Trương Hoàng Thống	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	06/03/2014	06/03/2015	00604/14S69
134	S69-00336			Nguyễn Quốc Hận	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00336/07S69
135	S69-00337			Nguyễn Tấn Nhứt	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00337/07S69
136	S69-00338	CM-03513		Lê Hoàng Triệu	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07708/08S69
137	S69-00341	CM-03514		Lê Hoàng Triệu	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07709/08S69
138	S69-00342	CM-03540		Trần Em Ri	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/09/2014	18/09/2015	02563/14S69
139	S69-00343			Nguyễn Văn Tiền	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00343/07S69
140	S69-00344			Nguyễn Thành Đô	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01884/08S69
141	S69-00345			Lê Tấn Lực	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00345/07S69
142	S69-00346			Diệp Văn Đăng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00346/07S69
143	S69-00347			Nguyễn Minh Luân	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00347/07S69
144	S69-00348			Nguyễn Minh Phụng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00348/07S69
145	S69-00349			Đinh Phong Nhã	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00349/07S69
146	S69-00350			Đinh Thanh Luân	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00350/07S69
147	S69-00351			Đinh Hoàng Hảo	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00351/07S69
148	S69-00352			Huỳnh Văn Trí	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00352/07S69
149	S69-00353			Đinh Thanh Chạy	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00353/07S69
150	S69-00354			Nguyễn Văn Đội	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00354/07S69
151	S69-00355			Đinh Hữu Thức	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00355/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
152	S69-00356			Phạm Văn Đồng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00356/07S69
153	S69-00357			Trang Văn Lành	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00357/07S69
154	S69-00358			Cao Văn Tuấn	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00358/07S69
155	S69-00359			Cao Minh Thiện	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00359/07S69
156	S69-00360			Trần Hiệp Linh	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00360/07S69
157	S69-00361			Trang Văn Thông	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00361/07S69
158	S69-00362			Lê Tấn Thủ	Xã Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00362/07S69
159	S69-00363			Đình Thu Đông	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00363/07S69
160	S69-00364	CM-03631		Lê Minh Thuỳ	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	11/07/2008	11/07/2009	05556/08S69
161	S69-00365			Trương Văn Bảy	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00365/07S69
162	S69-00366			Phạm Thanh Toàn	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	04/11/2010	04/11/2011	05497/10S69
163	S69-00367	CM-10151		Trần Chí Trung	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2008	16/09/2009	06380/08S69
164	S69-00368			Đình Chí Thiện	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00368/07S69
165	S69-00370			Dương Tấn Thừa	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00370/07S69
166	S69-00371			Lê Công Định	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00371/07S69
167	S69-00372			Quách Hồng Hải	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00372/07S69
168	S69-00374			Dương Tấn Núi	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00374/07S69
169	S69-00375			Bùi Quốc Khởi	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00375/07S69
170	S69-00376	CM-03628		Lê Hoàng Tiến	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07416/12S69
171	S69-00377	CM-03616	Hải Đăng	Võ Văn Nê	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04939/12S69
172	S69-00378			Tiêu Thanh Hải	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00378/07S69
173	S69-00379			Nguyễn Hải Thuyền	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00379/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
174	S69-00380	CM-03546		Lê Duy Khánh	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07404/09S69
175	S69-00381			Bào Thanh Giang	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00381/07S69
176	S69-00383			Dương Tấn Đồng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00383/07S69
177	S69-00384			Nguyễn Thu Đông	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00384/07S69
178	S69-00385			Cao Hoàng Nam	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00385/07S69
179	S69-00386	CM-12729		Trần Văn Khởi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02419/14S69
180	S69-00387			Trịnh Quốc Thanh	Xã Nguyễn Hân, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00387/07S69
181	S69-00389			Trần Hiệp Nghị	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00389/07S69
182	S69-00390			Bào Minh Nghiệp	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00390/07S69
183	S69-00391	CM-03544		Nguyễn Thanh Hồng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01077/13S69
184	S69-00392			Nguyễn Chí Nguyên	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01636/10S69
185	S69-00393			Trần Việt Sử	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00393/07S69
186	S69-00394			Huỳnh Phương Tây	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00394/07S69
187	S69-00395			Phạm Văn Trường	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00395/07S69
188	S69-00396			Lý Văn Khởi	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00396/07S69
189	S69-00398			Trần Thanh Đáng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00398/07S69
190	S69-00399			Dương Văn Cường	Khóm II, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00399/07S69
191	S69-00400	CM-05122		Nguyễn Hồng Tập	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06412/08S69
192	S69-00401	CM-05460		Dương Văn Cường	Khóm II, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07473/08S69
193	S69-00402			Lâm Thanh Đạm	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00402/07S69
194	S69-00403			Bùi Văn Mừng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00403/07S69
195	S69-00404			Đinh Việt Triều	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00404/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
196	S69-00405			Phạm Hoàng Cuôi	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00405/07S69
197	S69-00406			Tiến Trung Sông	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00406/07S69
198	S69-00407			Võ Văn Lâm	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00407/07S69
199	S69-00408	CM-03549		Trần Trúc Linh	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02549/10S69
200	S69-00410			Nguyễn Thanh Sử	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00410/07S69
201	S69-00411			Lâm Hoàng Tâm	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00411/07S69
202	S69-00412			Trần Minh Sang	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00412/07S69
203	S69-00413			Nguyễn Hoàng Đặng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00413/07S69
204	S69-00414	CM-03511		Nguyễn Hoàng Can	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02973/11S69
205	S69-00415			Phạm Văn Rô	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01323/09S69
206	S69-00416			Nguyễn Văn Tính	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	21/03/2007	18/03/2008	00416/07S69
207	S69-00417	CM-03559		Nguyễn Hoàng Tập	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/01/2015	16/01/2016	00109/15S69
208	S69-00418			Nguyễn Phúc Lâm	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00418/07S69
209	S69-00419			Lâm Thanh Phương	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00419/07S69
210	S69-00423	CM-11638		Phan Hoàng Liêm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	11/12/2012	11/12/2013	08446/12S69
211	S69-00424			Phan Minh Phương	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/03/2007	18/03/2008	00424/07S69
212	S69-00428	CM-01510	GHE Tải	Cty TNHH Tân Việt Cường	18A, Cao Thắng, P8, Thành phố Cà Mau	29/05/2013	29/05/2014	02810/13S69
213	S69-00429	CM-		Nguyễn Văn Thiện	ấp 6, Trí Phải, Huyện Thới Bình	20/03/2007	20/04/2007	00429/07S69
214	S69-00430	CM-05043		Phạm Văn Đức	ấp 6, Trí Phải, Huyện Thới Bình	08/01/2014	08/01/2015	00053/14S69
215	S69-00434	CM-02254		Cao Tôn Bảo	Khóm 5 Phường 6, Thành phố Cà Mau	18/12/2014	18/12/2015	03386/14S69
216	S69-00444	CM-00684	Quốc Vạn	Nguyễn Hoàng Dư	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	19/08/2008	19/08/2009	06129/08S69
217	S69-00448	CM-03468	Vỏ hàng	Trần Văn Xa	ấp 19/05, xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	30/07/2014	30/07/2015	02091/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
218	S69-00450	CM-02071	Vỏ hàng	Trần Văn Cung	ấp 19/5, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	30/07/2014	30/07/2015	02089/14S69
219	S69-00458	CM-02210		Nguyễn Văn Hổ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	29/04/2011	29/04/2012	00696/11V94
220	S69-00460	CM-		Chương Văn Lến	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08843/08S69
221	S69-00463			Liều A Hòa	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	05/06/2009	05/06/2010	03267/09S69
222	S69-00468	CM-02883	Vỏ Hàng	Nguyễn Văn Liễm	ấp Rau Dừa B, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	01/04/2010	01/04/2011	01898/10S69
223	S69-00473	CM-02911	Ghe Tải	Ngô Minh Phước	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	15/07/2008	15/01/2009	05577/08S69
224	S69-00474	CM-03255		Lý Văn Xuân	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	11/11/2015	11/05/2016	02170/15S69
225	S69-00476		Huyền Gấm	Trang Văn Dũng	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	03/04/2007	03/04/2008	00476/07S69
226	S69-00479	CM-03477		Đoàn Phước Trân	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2010	04/01/2011	00013/10S69
227	S69-00482	CM-01166	Vỏ Hàng	Trần Văn Tài	Khóm 7, Phường 6, Thành phố Cà Mau	16/04/2013	16/04/2014	02136/13S69
228	S69-00483	CM-02076		Nguyễn Chí Ngoan	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2015	04/08/2016	01462/15S69
229	S69-00486	CM-04534		Nguyễn Văn Tuấn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	17/06/2013	17/06/2014	03124/13S69
230	S69-00487			Nguyễn Văn Tuấn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	30/09/2007	00487/07S69
231	S69-00489			Phạm Văn Thôi	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00489/07S69
232	S69-00490			Nguyễn Văn Minh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00490/07S69
233	S69-00491			Lê Trung Thông	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00491/07S69
234	S69-00494			Huỳnh Văn Hùng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00494/07S69
235	S69-00495			Nguyễn Văn Bé	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00495/07S69
236	S69-00496			Nguyễn Văn Đà	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00496/07S69
237	S69-00497			Trần Hoàng Em	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00497/07S69
238	S69-00498			Nguyễn Văn Vàng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00498/07S69
239	S69-00499			Lê Văn Lên	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00499/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
240	S69-00500			Tô Văn Bồ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00500/07S69
241	S69-00501	CM-03681		Nguyễn Văn Lăng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2015	31/03/2016	00623/15S69
242	S69-00503			Trạm Viễn Thông Khánh Bình	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00503/07S69
243	S69-00504	CM-03683		Ngũ Văn Xuyên	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	25/04/2011	25/04/2012	01350/11S69
244	S69-00505			Nguyễn Văn Tạo	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00505/07S69
245	S69-00506			Nguyễn Văn Nghiệp	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00506/07S69
246	S69-00507			Lưu Quốc Khánh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00507/07S69
247	S69-00509			Nguyễn Văn Quyến	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00509/07S69
248	S69-00510			Lâm Văn Lượng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00510/07S69
249	S69-00511			Huỳnh Tấn Sỹ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00511/07S69
250	S69-00513			Tô Văn Tân	Xã khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00513/07S69
251	S69-00515	CM-04280		Đặng Chí Nguyễn	xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	28/04/2010	28/04/2011	02367/10S69
252	S69-00517	CM-04264		Huỳnh Văn Đà	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/05/2008	19/05/2009	03299/08S69
253	S69-00518			Phạm Quang Vinh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00518/07S69
254	S69-00519			Dương Thành Thượng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00519/07S69
255	S69-00520	CM-04267		Tô Văn Hải	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09509/08S69
256	S69-00521			Võ Văn Môn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00521/07S69
257	S69-00522			Phạm Văn Thành	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00522/07S69
258	S69-00523			Nguyễn Văn Dương	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00523/07S69
259	S69-00524			Đặng Văn Triều	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00524/07S69
260	S69-00525			Lê Văn Linh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00525/07S69
261	S69-00526	CM-03691		Lê Văn Hung	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/01/2011	26/01/2012	00367/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
262	S69-00527			Mạc Văn Vĩnh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00527/07S69
263	S69-00528			Phạm Văn Thổ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00528/07S69
264	S69-00529			Võ Văn Nhỏ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00529/07S69
265	S69-00530			Phạm Văn Nhũ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00530/07S69
266	S69-00531			Trương Thanh Hưng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00531/07S69
267	S69-00532			Nguyễn Tuấn Em	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00532/07S69
268	S69-00533			Phạm Văn Toàn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00533/07S69
269	S69-00534	CM-03682		Phạm Khuyến	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/11/2011	18/11/2012	04248/11S69
270	S69-00535			Trần Văn Hiền	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00535/07S69
271	S69-00536			Dư Văn Chiến	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00536/07S69
272	S69-00537			Tạ Văn Thắng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00537/07S69
273	S69-00538			Phạm Hoàng Y	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00538/07S69
274	S69-00539			Phạm Trung Trực	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00539/07S69
275	S69-00540			Nguyễn Văn Diểu	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00540/07S69
276	S69-00541			Đỗ Vũ Lâm	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00541/07S69
277	S69-00542			Trần Văn Nhiệm	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00542/07S69
278	S69-00543			Nguyễn Văn Đẩu	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00543/07S69
279	S69-00544			Trần Văn Minh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00544/07S69
280	S69-00545			Phạm Văn Tường	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00545/07S69
281	S69-00546			Trần Quốc Trung	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00546/07S69
282	S69-00547			Nguyễn Văn Thắng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00547/07S69
283	S69-00548			Nguyễn Văn Tuấn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00548/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
284	S69-00549			Thái Hoàng Lăng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00549/07S69
285	S69-00550			Nguyễn Văn Diểu	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00550/07S69
286	S69-00551	CM-03711		Võ Thành Công	xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2011	12/12/2012	04776/11S69
287	S69-00552			Trần Văn Xiểu	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00552/07S69
288	S69-00553			Nguyễn Văn Quang	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00553/07S69
289	S69-00554			Hồ Văn Sáng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00554/07S69
290	S69-00555			Nguyễn Minh Trạn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00555/07S69
291	S69-00556			Lưu Văn Tính	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00556/07S69
292	S69-00557			Phạm Văn Dũng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00557/07S69
293	S69-00558			Dương Kim Thuỷ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00558/07S69
294	S69-00559			Dư Việt Triều	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	00559/07S69
295	S69-00562	CM-	Ghe hàng	Huỳnh Hữu Lợi	TT TVT, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	00562/07S69
296	S69-00565			Võ Chí Linh	Khóm I, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	07/06/2007	14/06/2007	00565/07S69
297	S69-00569	CM-02074		Châu Văn Phương	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2014	22/07/2015	01961/14S69
298	S69-00572	CM-01627		Bùi Văn Tuấn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/01/2009	16/01/2010	00407/09S69
299	S69-00576	CM-02463		Huỳnh Mãnh Khương	Khóm 1, TTCái Nước, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00576/07S69
300	S69-00578	CM-02421		Huỳnh Văn Tâm	Khóm 1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	05/06/2009	05/06/2010	03259/09S69
301	S69-00579	CM-02450		Võ Văn Hải	ấp Đông Hưng, Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/10/2011	12/10/2012	03697/11S69
302	S69-00580	CM-03552		Phạm Văn Dị	K2, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/10/2013	05471/12S69
303	S69-00585	CM-		Võ Văn Diển	Rau Dừa B, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00585/07S69
304	S69-00587	CM-04017	Hoàng Nam	Đặng Hoàng Nam	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06569/08S69
305	S69-00588	CM-07664		Trần Văn Vĩnh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/06/2014	09/06/2015	01508/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
306	S69-00589			Lê Văn Trường	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00589/07S69
307	S69-00590	CM-03530		Ngô Văn Tấn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02708/12S69
308	S69-00591			Huỳnh Văn Ngoán	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00591/07S69
309	S69-00592			Đặng Trúc Phương	ấp Tân Lộc, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00592/07S69
310	S69-00593			Đỗ Minh Thùy	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00593/07S69
311	S69-00594			Phan Tấn Lực	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00594/07S69
312	S69-00595			Phạm Văn Mơ	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00595/07S69
313	S69-00596			Võ Khánh Văn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/09/2007	00596/07S69
314	S69-00597			Võ Văn Tộc	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/09/2007	00597/07S69
315	S69-00598			Trần Quốc Thọ	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00598/07S69
316	S69-00599			Trần Thanh Phong	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00599/07S69
317	S69-00600			Đặng Văn Nhanh	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00600/07S69
318	S69-00601			Trần Văn Sơn	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/09/2007	00601/07S69
319	S69-00602	CM-03924		Nguyễn Văn Để	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04364/11S69
320	S69-00603	CM-03925		Dương Công Trện	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04365/11S69
321	S69-00604			Nguyễn Lệ Thi	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00604/07S69
322	S69-00605			Trịnh Thanh Triều	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00605/07S69
323	S69-00606			Phạm Văn Hội	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00606/07S69
324	S69-00607			Nguyễn Việt Triều	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00607/07S69
325	S69-00608			Nguyễn Văn Trện	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00608/07S69
326	S69-00609			Dương Văn Hội	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00609/07S69
327	S69-00610			Nguyễn Văn Vọng	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00610/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
328	S69-00611	CM-03358		Nguyễn Trọng My	Khóm I, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2014	00926/12S69
329	S69-00612	CM-03553		Nguyễn Trọng My	Khóm 1, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06556/08S69
330	S69-00613			Trần Văn Dũng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/03/2007	25/03/2008	00613/07S69
331	S69-00614			Nguyễn Văn Phận	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00614/07S69
332	S69-00617			Nguyễn Thanh Tuấn	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00617/07S69
333	S69-00618	CM-03560		Nguyễn Văn Khởi	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/07/2009	24/07/2010	04263/09S69
334	S69-00619			Phan Văn Trắng	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00619/07S69
335	S69-00629	CM 03487		Ngô Công Minh	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	20/09/2012	20/03/2013	04887/12S69
336	S69-00631	CM-02354		Cty TNHH SX-TM-DV Tấn Phát	116 Lê Lợi,P2, Thành phố Cà Mau	04/11/2014	04/11/2015	02883/14S69
337	S69-00633	CM-02194		Phan Văn Hiếu	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/10/2010	25/10/2011	05331/10S69
338	S69-00636	CM-03490		Lê Hoàng Chuyển	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	26/05/2011	26/05/2012	01739/11S69
339	S69-00637	CM-02964	THANH LIÊM	Trần Văn Liêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01127/10S69
340	S69-00643	CM-00634		Phòng A Lục	Khóm 4 Phường 8, Thành phố Cà Mau	01/06/2009	01/06/2010	03187/09S69
341	S69-00644			Trần Văn Sao	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00644/07S69
342	S69-00645	CM-03493		Nguyễn Minh Dương	Khóm IV, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10823/08S69
343	S69-00652	CM-03489		Lê Hữu Hận	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09524/12S69
344	S69-00653	CM-00652		Nguyễn Văn Dưỡng	ấp Rạch Ruộng A, Huyện Trần Văn Thời	18/12/2013	18/12/2014	06244/13S69
345	S69-00654	CM-00651		Nguyễn Cao Chiến	ấp Rạch Ruộng A, Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/11/2013	05/11/2014	05671/13S69
346	S69-00657			Lâm Văn Đức	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	12/04/2007	12/04/2008	00657/07S69
347	S69-00658			Lâm Văn Tèo	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	12/04/2007	12/04/2008	00658/07S69
348	S69-00663			Lê Văn Dũng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	24/03/2007	24/03/2008	00663/07S69
349	S69-00669	CM-00946	Ghe Tải	Lê Hồng Nhở	Khóm 5, Huyện Năm Căn	29/08/2012	29/08/2013	04565/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
350	S69-00675	CM-01108		Ngô Tấn Phát	26, Phan Ngọc Hiển, P2, Thành phố Cà Mau	14/04/2014	14/04/2015	00995/14S69
351	S69-00676	CM-01283		La Văn Chiến	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	19/04/2007	19/10/2007	00674/07S69
352	S69-00678			Nguyễn Văn Hên	Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	19/04/2007	19/10/2007	00680/07S69
353	S69-00680	CM-03106		Trần Văn Đang	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	17/05/2007	17/11/2007	00681/07S69
354	S69-00681	CM-03011		Trương Văn Trợ	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	30/03/2009	30/03/2010	02186/09S69
355	S69-00690	CM-02880		Trần Thanh Khải	Khóm II TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	04/01/2008	03/01/2009	00023/08S69
356	S69-00691			Trần Văn Thanh	Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	24/04/2007	24/10/2007	00684/07S69
357	S69-00693	CM-04015		Nguyễn Đông Khang	xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	15/12/2014	15/12/2015	03297/14S69
358	S69-00704	CM-00677	Đò	Trần Văn Lượm	K7, P7, Thành phố Cà Mau	13/04/2015	13/04/2016	00674/15S69
359	S69-00706	CM-01883		Lai Văn Ngọt	khóm 6, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08898/08S69
360	S69-00710			Nguyễn Việt Tiến	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	24/04/2007	24/04/2008	00703/07S69
361	S69-00711	CM-01361	MINH TUẤN	Trần Thị Nga	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	22/05/2014	22/05/2015	01359/14S69
362	S69-00712	CM-03519		Nguyễn Bé Tư	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/04/2008	29/04/2009	03053/08S69
363	S69-00721	CM- 01797		Lưu Ngọc ẫn	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	25/04/2007	25/05/2007	00712/07S69
364	S69-00722	CM-00483	GHE TẢI	Nguyễn Xuân Hưng	K7, TT TVT, Huyện Trần Văn Thời	25/04/2007	25/05/2007	00713/07S69
365	S69-00725	CM-02228		Trần Thị Hai	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/11/2010	02718/10S69
366	S69-00731	CM-01283		La Văn Chiến	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	19/05/2010	19/05/2011	02708/10S69
367	S69-00735	CM-01372		Lê Văn Công	ấp 7,Trí Phải, Huyện Thới Bình	22/04/2013	22/04/2014	02201/13S69
368	S69-00736	CM-01743	Ghe	Huỳnh Công Chức	ấp Đức An Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	23/02/2012	23/02/2013	00591/12S69
369	S69-00737	CM-00384	Ghe	Văn Tánh	100E, K5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	02/01/2013	02/01/2014	00008/13S69
370	S69-00739	CM-02396	Minh Tiền	Phạm Thanh Hải	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	09/04/2009	09/04/2010	02394/09S69
371	S69-00741	CM-03247	Phao Thép	CTy TNHH Hiệp Thành	296 Nguyễn Công Trứ Phường 8, Thành phố Cà Mau	10/08/2012	10/08/2013	04371/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
372	S69-00743			Trần Văn Minh	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	28/08/2007	28/02/2008	00734/07S69
373	S69-00751	CM-01478		Trần Văn Đẩu	Đất Mới, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2010	20/09/2011	04895/10S69
374	S69-00752	CM-00113		Phan Văn Tôn	Công Điền, Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2013	11/06/2014	06148/13S69
375	S69-00755	CM-03091		Đào Quốc Trị	ấp 4, Khánh An, Huyện U Minh	05/05/2009	05/11/2009	00258/09V69
376	S69-00759	CM-02418	GHE TẢI	Lương Thị Lệ	K7, P6, Thành phố Cà Mau	06/08/2012	06/08/2013	04280/12S69
377	S69-00765	CM-		Phan Văn Thống	ấp Tân Hòa, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	00756/07S69
378	S69-00768	CM-00389	Hùng Vinh	Lê Thị Huyền	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2014	09/01/2015	00062/14S69
379	S69-00778	CM-00914		Trần Văn Tú	ấp Hiệp Hòa, Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/09/2013	18/09/2014	04409/13S69
380	S69-00782	CM-02992		Đặng Văn Dũng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	31/05/2007	31/05/2008	00774/07S69
381	S69-00784	CM-02289		Dư Minh Thuỳ	Cái Rô, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/01/2008	09/01/2009	00084/08S69
382	S69-00785			Nguyễn Thanh Long	ấp 9 Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	15/05/2007	15/05/2008	00780/07S69
383	S69-00789	CM-03246	Ghe tải	Trần Văn ủ	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	03/07/2015	03/07/2016	01229/15S69
384	S69-00790			Nguyễn Minh Trung	Xã An Xuyên, TP Cà Mau, Thành phố Cà Mau	17/05/2007	22/05/2008	00784/07S69
385	S69-00799	CM-03290		Lê Văn Nua	Khóm 6, phường 8, Thành phố Cà Mau	26/07/2011	26/07/2012	02487/11S69
386	S69-00802	CM-03578		Phan Văn Nam	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	30/06/2009	30/06/2010	03648/09S69
387	S69-00803	CM-00709	Trung Kiên	Phan Trung Kiên	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	12/09/2013	12/09/2014	04348/13S69
388	S69-00809	CM-01086		Đào ánh Xuân	Phong lạc, Huyện Trần Văn Thời	19/04/2012	19/04/2013	01702/12S69
389	S69-00816	CM- 01867		Trương Văn Tỷ	ấp 10, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	16/08/2007	16/02/2008	02094/07S69
390	S69-00818	CM-03324		Bùi Văn Hồ	Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	24/06/2009	24/06/2010	03539/09S69
391	S69-00821	CM-03550		Nguyễn Văn Cường	Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	27/11/2007	27/11/2008	05853/07S69
392	S69-00825	CM-02664	Thanh Danh	Nguyễn Trường Sơn	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/04/2009	24/04/2010	02591/09S69
393	S69-00827	CM-02026		Trần Bình Hoà	xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	17/01/2012	17/01/2013	00254/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
394	S69-00830	CM-00411	Đò	Hoa Văn Khánh	Khóm 3, TVT, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2007	14/10/2007	00807/07S69
395	S69-00831			Nguyễn Văn Đen	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00808/07S69
396	S69-00832			Phan Văn Cảnh	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00809/07S69
397	S69-00833			Phan Văn Khải	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00810/07S69
398	S69-00834			Trần Văn Lân	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00811/07S69
399	S69-00835			Nguyễn Văn Phúc	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00821/07S69
400	S69-00836			Trương Kiều Miên	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00813/07S69
401	S69-00837			Trần Thị Bé	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00814/07S69
402	S69-00838			Bùi Bình Trọng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00815/07S69
403	S69-00839			Lê Minh Tao	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00816/07S69
404	S69-00840			Đỗ Văn út	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00817/07S69
405	S69-00841	CM-03922		Trần Văn Tám	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	03/12/2014	03/12/2015	03218/14S69
406	S69-00842	CM-03919		Trần Hoàng Nam	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	22/12/2009	22/12/2010	07251/09S69
407	S69-00843			Trần Hoàng Nam	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	28/05/2008	00820/07S69
408	S69-00845			Nguyễn Văn Lem	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00822/07S69
409	S69-00846			Huỳnh Văn Lâm	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00823/07S69
410	S69-00847			Phạm Đắc Chí	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00824/07S69
411	S69-00848			Nguyễn Văn Khái	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2007	14/04/2008	00825/07S69
412	S69-00850			Lê Văn Kọt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00827/07S69
413	S69-00851			Trần Minh Hoàng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00828/07S69
414	S69-00852			Lê Kiên Cường	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05307/08S69
415	S69-00853			Lâm Văn Tèo	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00830/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
416	S69-00854			Lê Phước Giao	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00831/07S69
417	S69-00855			Trần Hoàng Năm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00832/07S69
418	S69-00856			Du Văn Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00833/07S69
419	S69-00857			Trần Văn Thoàng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00834/07S69
420	S69-00858			Ngô Văn Là	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00835/07S69
421	S69-00859			Mạc Văn Đà	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00836/07S69
422	S69-00860	CM-06858		Trần Quốc Việt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05310/08S69
423	S69-00861			Huỳnh Thanh Ngoan	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00838/07S69
424	S69-00862			Phạm Minh Toàn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00839/07S69
425	S69-00863			Nguyễn Hoàng Cương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00840/07S69
426	S69-00864			Nguyễn Văn Vũ	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02576/12S69
427	S69-00865			Nguyễn Văn Tèo	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00842/07S69
428	S69-00866			Trương Minh Phôi	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00843/07S69
429	S69-00867			Đoàn Văn Tiền	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00844/07S69
430	S69-00868			Lâm Văn Đoàn	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00845/07S69
431	S69-00870			Trương Chí Linh	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00847/07S69
432	S69-00871			Trần Văn Cọt	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00848/07S69
433	S69-00872			đặng Hùng Dũng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	28/05/2008	00849/07S69
434	S69-00873			Trần Minh Nhựt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00850/07S69
435	S69-00874			Trần Văn Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00851/07S69
436	S69-00876	CM-04258		Phạm Hoàng Nam	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2013	28/03/2014	01963/13S69
437	S69-00877			Nguyễn Hữu Thoại	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00854/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
438	S69-00878			Hồ Hữu Lam	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00855/07S69
439	S69-00879			Lê Văn Xuyên	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00856/07S69
440	S69-00880			Phạm Văn út	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00857/07S69
441	S69-00881			Trương Thị Lượm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00858/07S69
442	S69-00882			Nguyễn Văn Tol	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00859/07S69
443	S69-00883			Lê Quang Dũng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00860/07S69
444	S69-00884			Lâm Thành Năng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00826/07S69
445	S69-00885			Mạc Văn Thà	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00862/07S69
446	S69-00886			Lương Trọng Ven	Phú hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00863/07S69
447	S69-00887			Trương Văn Liệt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/1977	14/04/2008	00864/07S69
448	S69-00888			Trương Văn Thịnh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00865/07S69
449	S69-00889			Trương Văn Nhanh	Phú hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00866/07S69
450	S69-00890			Lâm Quốc Huy	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00867/07S69
451	S69-00891			Trần Thanh Quý	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00868/07S69
452	S69-00892			Trần Văn Gồm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00869/07S69
453	S69-00893			Bùi Thanh Danh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00870/07S69
454	S69-00894			Trần Văn Nu	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00871/07S69
455	S69-00895	CM - 03918		Nguyễn Thanh Dân	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	31/03/2008	31/03/2009	02110/08S69
456	S69-00896			Ngô Quang Hân	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00873/07S69
457	S69-00897			Lưu Ngọc ẩn	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00874/07S69
458	S69-00898			Huỳnh Văn Hải	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00875/07S69
459	S69-00899			Lâm Văn Phúc	Xã Thạn Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00876/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
460	S69-00900			Phạm Hoàng Em	Xã Thạn Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00877/07S69
461	S69-00901		Đặng Khoa	Phan Văn Năng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00878/07S69
462	S69-00902			Nguyễn Văn Chính	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00879/07S69
463	S69-00903			Lương Trọng Hiệp	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00880/07S69
464	S69-00904			Trần Văn Tám	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	24/05/2008	00881/07S69
465	S69-00905			Trần Văn Hoàng	ấp Cái Rắn,Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00882/07S69
466	S69-00906			Lê Chí Thoại	Phú Hưng,, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00883/07S69
467	S69-00907			Phạm Quốc Tài	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00884/07S69
468	S69-00908			Nguyễn Minh Giúp	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00885/07S69
469	S69-00909			Trần Thanh Thế	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05309/08S69
470	S69-00910			Võ Văn Mil	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00887/07S69
471	S69-00911			Huỳnh Văn Tuấn	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00888/07S69
472	S69-00912			Ngô Bé Hai	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00889/07S69
473	S69-00913			Nguyễn Trí Tâm	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00890/07S69
474	S69-00914			Nguyễn Chí Cường	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00891/07S69
475	S69-00915			Nguyễn Văn Đoàn	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00892/07S69
476	S69-00916	CM-04661		Trần Văn Quân	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	30/12/2014	30/12/2015	03608/14S69
477	S69-00917			Nguyễn Văn Khải	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00894/07S69
478	S69-00918			Huỳnh Văn Bư	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00895/07S69
479	S69-00919			Trần Văn Mil	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00896/07S69
480	S69-00920			Phạm Văn Lãm	Xã Thạn Phú, Huyện Cái Nước	21/10/2009	21/10/2010	06374/09S69
481	S69-00921			Lê Văn Tam	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00898/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
482	S69-00922			Lâm Văn Trát	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00899/07S69
483	S69-00923			Ngô Văn Phúc	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00900/07S69
484	S69-00924			Bùi Văn Sơn	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00901/07S69
485	S69-00925			Lê Phúc Hậu	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00902/07S69
486	S69-00926			Huỳnh Văn Phích	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	19/06/2008	19/06/2009	04461/08S69
487	S69-00927			Trương Văn Lùng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00904/07S69
488	S69-00928			Nguyễn Hoàng Thám	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00905/07S69
489	S69-00929			Lê Minh Hùng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00906/07S69
490	S69-00930			Nguyễn Văn Duyên	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00907/07S69
491	S69-00931	CM-06152		Nguyễn Văn Hùng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	18/06/2009	18/06/2010	03409/09S69
492	S69-00932	CM-03601		Nguyễn Chí Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05315/08S69
493	S69-00933			Phạm Văn Mười	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00910/07S69
494	S69-00934			Khưu Văn Bền	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00911/07S69
495	S69-00936			Nguyễn Văn Đen	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00913/07S69
496	S69-00937			Trương Minh Vui	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/04/2008	00914/07S69
497	S69-00939	CM-		Đỗ Văn Sang	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05308/08S69
498	S69-00941			Nguyễn Trường Giang	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00918/07S69
499	S69-00943	CM-03549		Phan Thanh Hòa	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	17/12/2009	17/12/2010	07206/09S69
500	S69-00946			Cao Tấn Tài	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/05/2007	24/05/2008	00925/07S69
501	S69-00950	CM-00804	Ghe	Nguyễn Văn Lĩnh	ấp tác thủ Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/05/2007	24/11/2007	00928/07S69
502	S69-00954	CM-03587	Hoàng Thắng	Dương Minh Thắng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	05/01/2009	05/01/2010	00035/09S69
503	S69-00955			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/04/2007	14/10/2007	00931/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
504	S69-00957	CM-00876		Phan Văn Tỷ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	12/06/2007	12/12/2008	01139/07S69
505	S69-00961	CM-		Nguyễn Văn Chuyển	ấp Tân Hiệp, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/05/2007	29/05/2008	00934/07S69
506	S69-00962			Nguyễn Hữu Tại	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	03/05/2007	03/05/2008	00942/07S69
507	S69-00964			Huỳnh Văn Ngôi	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2007	29/11/2007	00944/07S69
508	S69-00965			Đỗ Văn Thạch	Phường 8, Thành phố Cà Mau	29/05/2007	29/05/2008	00936/07S69
509	S69-00970	CM-00311		Đỗ Tấn Nghĩa	ấp 7, xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	12/12/2011	12/12/2012	04778/11S69
510	S69-00972	CM-03570		Phạm Quốc Việt	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02251/11S69
511	S69-00974	CM-00224	CM-00224	Trần Văn Ba	ấp 2 Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	06/05/2010	06/05/2011	02538/10S69
512	S69-00976	CM-02650		Đặng Văn Đua	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	31/07/2012	31/07/2013	04164/12S69
513	S69-00980	CM-01821	Ghe Tải	Lâm Văn Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	31/05/2007	30/11/2007	00952/07S69
514	S69-00981	CM-00201	Ghe tải	Lâm Thành Huy	Phường 9, Thành phố Cà Mau	12/12/2008	12/12/2009	09810/08S69
515	S69-00982	CM-01340	Minh Chương	Dương Minh Chương	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	01/10/2008	01/10/2009	06808/08S69
516	S69-00984	CM-00107	Vỏ hàng	Phan Văn Cường	ấp 4, Khánh An, Huyện U Minh	12/10/2011	12/10/2012	03684/11S69
517	S69-00987	CM - 03556		Nguyễn Văn Hào	Xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	03/01/2012	03/07/2012	00038/12S69
518	S69-00988	CM-02604		Trần Minh Hoàng	Đầm Cùng, Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/11/2010	02719/10S69
519	S69-00989	CM-02603		Phan Thanh Hồng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	18/11/2011	18/05/2012	04251/11S69
520	S69-00991	CM-03575		Võ Văn Truyện	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/07/2015	12/01/2016	01285/15S69
521	S69-00992	CM-03579		Bùi Thị Đát	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/02/2015	12/08/2015	00330/15S69
522	S69-00993	CM-03569		Nguyễn Thanh Toàn	khóm I, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07139/09S69
523	S69-00996	CM-03568		Nhan Chí Công	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	24/07/2009	24/07/2010	04267/09S69
524	S69-00997			Trịnh Văn Hiệp	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00974/07S69
525	S69-00998			Lê Việt Hùng	Cái Nai, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	00975/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
526	S69-00999			Nguyễn Thị Đào	Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	00976/07S69
527	S69-01000			Ngô Minh Đức	Khóm 5, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	00977/07S69
528	S69-01001			Trần Minh Phụng	Khóm 3, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	00978/07S69
529	S69-01002			Huỳnh Văn Đil	Cái Nai, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	00979/07S69
530	S69-01003			Huỳnh Thanh Triều	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00980/07S69
531	S69-01004			Phạm Văn Đạt	Khu Vực II, Khóm 3, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	00981/07S69
532	S69-01005			Trần Hớn Lến	Sa Phô, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	00982/07S69
533	S69-01006			La Văn Vũ	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00983/07S69
534	S69-01007			Nguyễn Hoàng Na	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00984/07S69
535	S69-01008			Phạm Hồng Phong	Khu Vực I, Khóm 3, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/12/2007	00985/07S69
536	S69-01009			Đặng Thành Công	Khóm 3, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00986/07S69
537	S69-01010			Nguyễn Văn Minh	Sa Phô, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00987/07S69
538	S69-01011			Đoàn Chí Toàn	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00988/07S69
539	S69-01012			Trần Văn Sáng	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00989/07S69
540	S69-01013			Lê Hồng khanh	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00990/07S69
541	S69-01014			Phạm Văn Xe	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00991/07S69
542	S69-01015			Tạ Minh Hoàng	Khóm 5, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00992/07S69
543	S69-01017			Hồ Thanh Nhân	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	00994/07S69
544	S69-01020			Trần Văn Xì	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00997/07S69
545	S69-01021			Quách Bình Loán	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00998/07S69
546	S69-01022			Nguyễn Duy Khanh	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	00999/07S69
547	S69-01023			Trạm Kiểm Dịch Giồng Thủy Sản Năm Căn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01000/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
548	S69-01024	CM-19714		Võ Văn Bềnh	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03319/11S69
549	S69-01025	CM-04175		Vũ Xuân ái	Khóm 5, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02195/10S69
550	S69-01026			Phùng Văn Đoàn	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01003/07S69
551	S69-01027			Du Văn Thén	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01004/07S69
552	S69-01028			Lê Thanh Sơn	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01005/07S69
553	S69-01029			Huỳnh Tuấn Lâm	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01006/07S69
554	S69-01030			Trịnh Công Đình	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01007/07S69
555	S69-01031			Ngô Văn Kết	Ngân Hàng Phát Triển Nhà ĐBSCL, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01008/07S69
556	S69-01032			Nguyễn Tấn Đạt	Ngân Hàng Phát Triển Nhà ĐBSCL, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01009/07S69
557	S69-01033			Hồng Thị Sinh	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01011/07S69
558	S69-01034			Đỗ Chí Cẩn	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01010/07S69
559	S69-01035	CM-03932		Nguyễn Lèo	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	24/08/2010	24/08/2011	04489/10S69
560	S69-01036			Trương Việt Phương	Cái Nai, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01013/07S69
561	S69-01037			Liêu Ngọc Lợi	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01014/07S69
562	S69-01038			Lê Quốc Hùng	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01015/07S69
563	S69-01039			Nguyễn Thanh Phong	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01016/07S69
564	S69-01040			Phạm Văn Lâm	Khu Vực II, Khóm 5, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01017/07S69
565	S69-01041			Đào Văn Kiệm	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01018/07S69
566	S69-01042	CM-06806		Lê Văn Hoà	KI, TT Năm Căn, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11101/08S69
567	S69-01043	CM-06305		Phạm Công Nhân	Cái Nai, Huyện Năm Căn	04/08/2009	04/08/2010	04735/09S69
568	S69-01044			Trần Tân Nguyên	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01021/07S69
569	S69-01045			Lê Văn Lợi	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01022/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
570	S69-01046			Nguyễn Hữu Để	Khóm I, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01023/07S69
571	S69-01047			Lâm Văn Hén	Sa Phô, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01024/07S69
572	S69-01048	CM-15705		Lâm Minh Hoàng	Khóm II, Huyện Năm Căn	04/01/2011	04/01/2012	00066/11S69
573	S69-01049			Trần Hoàng Tân	Khu Vực 2, Khóm 5, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01026/07S69
574	S69-01050			Trần Anh Huỳnh	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01027/07S69
575	S69-01051			Trần Văn Hùng	Khu Vực I, Khóm II, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01028/07S69
576	S69-01052			Trần Văn út	Khu Vực I, Khóm II, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01029/07S69
577	S69-01053			Du Văn Sùng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01030/07S69
578	S69-01054			Nguyễn Văn Chuyện	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01031/07S69
579	S69-01055			Hồ Văn Húa	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01032/07S69
580	S69-01056			Lý Quang	ấp Cái Nai, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01033/07S69
581	S69-01057			Trần Minh thoại	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01034/07S69
582	S69-01058			Nguyễn Thanh Phong	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01035/07S69
583	S69-01059			Nguyễn Văn Cháp	ấp Cái Nai, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01036/07S69
584	S69-01060			Phòng Thống Kê Huyện Năm Căn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01037/07S69
585	S69-01061			Đoàn Văn Kiện	ấp Sa Phô, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01038/07S69
586	S69-01062			Phạm Trường Sơn	ấp Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01039/07S69
587	S69-01063			Lê Văn Thầu	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01040/07S69
588	S69-01064			Trần Văn ú	ấp Tắc, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/12/2007	01041/07S69
589	S69-01065			Nguyễn Văn Hồng	Khóm 3, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/12/2007	01042/07S69
590	S69-01066			Đoàn Quang Tùng	Sa Phô, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01043/07S69
591	S69-01067			Trần Văn Vũ	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01044/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
592	S69-01069	CM-09954		Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	06/08/2010	06/08/2011	04204/10S69
593	S69-01070			Trần Minh Lớn	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01047/07S69
594	S69-01071			Huỳnh Hồng Quân	Khóm 3, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/12/2007	01048/07S69
595	S69-01072			Nguyễn Thành Trí	Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/12/2007	01049/07S69
596	S69-01073			Trần Hoàng Phuôi	Sa Phô, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01050/07S69
597	S69-01074			Du Văn Xía	Sa Phô, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01051/07S69
598	S69-01075			Nguyễn Văn Nghĩa	Khóm 3, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01052/07S69
599	S69-01076	CM-19070		Nguyễn Trường Sơn	Thị Trấn Năm căn, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04436/10S69
600	S69-01077			Trịnh Văn Tiền	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01054/07S69
601	S69-01078			Ngô Văn Sến	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01055/07S69
602	S69-01079			Nguyễn Văn Khanh	Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01056/07S69
603	S69-01080			Phạm Văn Hồng	Cái Nai, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01057/07S69
604	S69-01081			Hồ Hoàng Tuấn	Khóm I, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01058/07S69
605	S69-01082			Lê Hoàng Đấu	Khóm 5, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01059/07S69
606	S69-01083			Nguyễn Văn Phong	Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01060/07S69
607	S69-01084			Trần Văn Vĩnh	Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01061/07S69
608	S69-01085			Nguyễn Phúc Lợi	Khóm I, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01062/07S69
609	S69-01086			Phạm Văn Dựng	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01063/07S69
610	S69-01087			Huỳnh Thị Cúc	Khu Vực I, Khóm 3, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01064/07S69
611	S69-01088			Chu Văn Khương	Cái Nai, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01065/07S69
612	S69-01089	CM-09955		Cty CP Tập Đoàn Hoa Sen	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	06/08/2010	06/08/2011	04203/10S69
613	S69-01090			Huỳnh Văn Chính	Khóm 3, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01067/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
614	S69-01091			Trần Văn Nam	Khóm 5, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06422/09S69
615	S69-01092			Phạm Đăng Khoa	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01069/07S69
616	S69-01093			Phạm Văn Toàn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01070/07S69
617	S69-01094			Phạm Văn Toàn	Khóm I, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/12/2007	01071/07S69
618	S69-01095			Phạm Văn Thắng	Khóm I, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01072/07S69
619	S69-01097			Huỳnh Diệu Minh	Khóm 5, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01074/07S69
620	S69-01098			Phạm Văn Hưng	Cái Nai, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01075/07S69
621	S69-01099			Nguyễn Trung Khánh	Xã Hàng Vĩnh, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01076/07S69
622	S69-01100			Dương Chí Húng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01077/07S69
623	S69-01101			Trần Minh Lâm	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01078/07S69
624	S69-01102			Nguyễn Văn Túy	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01079/07S69
625	S69-01103			Huỳnh Dục Hiếu	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01080/07S69
626	S69-01104			Trần Văn Lộc	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01081/07S69
627	S69-01105			Nguyễn Văn Thắng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01082/07S69
628	S69-01106			Trần Háng Hưng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01083/07S69
629	S69-01107			Phạm Văn Dàng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/06/2007	03/06/2008	01084/07S69
630	S69-01108	CM-04300		Dương Hoàng Diễn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	09/06/2011	09/06/2012	01889/11S69
631	S69-01109			Trần Văn Tiến	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01086/07S69
632	S69-01110			Võ Quốc Cường	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01087/07S69
633	S69-01111			Lương Chí Dũng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01088/07S69
634	S69-01112			Trịnh Thanh Phong	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01089/07S69
635	S69-01113			Đỗ Minh Tuấn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01090/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
636	S69-01114			Nguyễn Văn Cảnh	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01091/07S69
637	S69-01115			Nguyễn Văn Duyên	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/12/2007	01092/07S69
638	S69-01116			Phạm Trường Vũ	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01093/07S69
639	S69-01117			Huỳnh Hoàng Vũ	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01094/07S69
640	S69-01118			Nguyễn Văn Việt	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01095/07S69
641	S69-01119			Ngô Phương Thái	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01096/07S69
642	S69-01120			Nguyễn Văn Linh	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01097/07S69
643	S69-01121			Nguyễn Văn Hải	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01098/07S69
644	S69-01122			Nguyễn Văn Sản	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01099/07S69
645	S69-01123			Lê Trung Tấn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01100/07S69
646	S69-01124			Trần Văn Tây	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01101/07S69
647	S69-01125			Trần Văn Nam	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06423/09S69
648	S69-01126			Ngô Văn Nguyên	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01103/07S69
649	S69-01127			Lê Thanh Cẩm	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01104/07S69
650	S69-01128			Thạch Hưởng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01105/07S69
651	S69-01129			Lâm Văn Minh	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01106/07S69
652	S69-01130			Lê Minh Chiến	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01107/07S69
653	S69-01131			Võ Hữu Tân	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01108/07S69
654	S69-01132			Huỳnh Tấn Khanh	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01109/07S69
655	S69-01133			Hà Văn Quốc	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01111/07S69
656	S69-01134	CM-19047		Nguyễn Hải Đăng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04437/10S69
657	S69-01138	CM-61498		Mã Thanh Hải	K5, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	26/06/2014	26/06/2015	01722/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
658	S69-01139	CM-00353		Lâm Tấn Phong	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	04/06/2014	04/06/2015	01489/14S69
659	S69-01140	CM-01764		Đặng Văn Thản	K3, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01118/07S69
660	S69-01141			Lê Thanh Trường	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	03/06/2008	01119/07S69
661	S69-01142	CM-03595		Trần Văn Nhẹ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01134/10S69
662	S69-01148	CM-03567		Quách Thành Hiếu	phường 7, Thành phố Cà Mau	27/02/2008	27/02/2009	00964/08S69
663	S69-01156	CM-03591		Phạm Minh Hữu	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/09/2012	26/09/2013	05144/12S69
664	S69-01157			Lê Hoàng Nam	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	12/06/2007	12/06/2008	01140/07S69
665	S69-01158	CM-02442		Nguyễn Chí Linh	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05733/13S69
666	S69-01160			Nguyễn Văn Luận	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	12/06/2007	12/12/2007	01143/07S69
667	S69-01161	CM-01209		Lê Quốc Triều	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/01/2014	27/01/2015	00330/14S69
668	S69-01163	CM - 00580		Hà Văn Thảo	ấp Vườn Tre, xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2007	10/11/2007	01145/07S69
669	S69-01165	CM-00520	Ghe	Lâm Hoàng Ba	81 Lý Văn Lâm Khóm3 Phường1, Thành phố Cà Mau	13/12/2007	13/12/2008	06756/07S69
670	S69-01167	CM-03178		Phan Thanh Liêm	ấp Cái Đồi, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	14/06/2007	14/06/2008	01149/07S69
671	S69-01168			Dương Văn Chiến	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	06/06/2008	06/06/2009	03898/08S69
672	S69-01173			Võ Thị ánh	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01156/07S69
673	S69-01177			Châu Văn Nguyên	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01211/07S69
674	S69-01179	CM-02956		Trần Hoàng Nhân	Khóm I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	07/02/2012	07/02/2013	00434/12S69
675	S69-01180			Nguyễn Văn Nam	KI, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/12/2007	01163/07S69
676	S69-01184	CM-03193		Nguyễn Văn Khởi	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	05/06/2009	05/06/2010	03266/09S69
677	S69-01186	CM-01820		Châu Văn Nô	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02934/09S69
678	S69-01187	CM-02983		Đặng Việt Quân	Khóm I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/09/2011	16/09/2012	03274/11S69
679	S69-01190	CM-02360		Lê Văn Thu	ấp Đồng Tâm, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01174/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
680	S69-01194	CM-02353		Tô Văn Vân	ấp Đồng Tâm, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01178/07S69
681	S69-01195	CM-02666	Thuyền Dương	Bùi Thanh Hậu	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	29/05/2009	29/05/2010	03079/09S69
682	S69-01196			Nguyễn Văn Luôl	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01180/07S69
683	S69-01197			Nguyễn Văn Tèo	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01181/07S69
684	S69-01198			Trần Văn Thành	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01182/07S69
685	S69-01199			Lê Thanh Sử	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01183/07S69
686	S69-01200			Nguyễn Văn Thắng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01184/07S69
687	S69-01201			Trần Văn Tâm	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	05/03/2009	05/03/2010	01118/09S69
688	S69-01202			Tô Văn Khên	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01186/07S69
689	S69-01203			Nguyễn Hữu Nghị	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01187/07S69
690	S69-01204			Trương Văn Sử	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01188/07S69
691	S69-01205			Mã Minh Khải	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01189/07S69
692	S69-01206			Nguyễn Chí Ngoan	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01190/07S69
693	S69-01207			Lê Thanh Cảnh	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01191/07S69
694	S69-01208			Nguyễn Duy Nhân	Khóm II, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01192/07S69
695	S69-01209	CM-03667		Đoàn Chính Nghĩa	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05313/08S69
696	S69-01210			Võ Văn Xiếu	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01194/07S69
697	S69-01211	CM-03665		Nguyễn Văn Thúc	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2010	19/01/2011	00267/10S69
698	S69-01212	CM-03674		Diệp Văn Đức	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/03/2014	12/03/2015	00662/14S69
699	S69-01213			Trần Văn Dung	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01197/07S69
700	S69-01214			Trần Văn Miên	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01198/07S69
701	S69-01215	CM-04116		Tô Văn Tuấn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2013	12/08/2014	03856/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
702	S69-01216			Trần Văn On	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01200/07S69
703	S69-01217			Trương Công Biền	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01201/07S69
704	S69-01218			Nguyễn Thị Bướm	Khóm 3, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/12/2007	01202/07S69
705	S69-01219			Nguyễn Thanh Sang	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01203/07S69
706	S69-01220			Đặng Thành Lập	Khóm I, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01204/07S69
707	S69-01221			Nguyễn Văn Thắng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/06/2007	10/06/2008	01212/07S69
708	S69-01222			Từ Văn Chủ	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01205/07S69
709	S69-01224			Trần Quốc Nhi	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/06/2007	09/06/2008	01207/07S69
710	S69-01225	CM-03610		Trần Khắc Huy	Xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	23/02/2016	23/08/2016	00410/16S69
711	S69-01226			Đặng Văn Tạng	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/01/2010	12/01/2011	00211/10S69
712	S69-01227			Nguyễn Văn Hưởng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00199/08S69
713	S69-01228	CM-03060		Trương Văn Tỷ	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	09/07/2015	09/07/2016	01246/15S69
714	S69-01229	CM-03607	Quốc Đạt	Lê Huy Kiệt	72 Trương Phùng Xuân Khóm 4, P, Thành phố Cà Mau	26/10/2011	26/10/2012	03832/11S69
715	S69-01230	CM-00272	GHE TẢI	Nguyễn Minh Thuận	K8, P8, Thành phố Cà Mau	28/02/2012	28/02/2013	00700/12S69
716	S69-01231	CM-02558		Lại Văn Phụng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2011	06/10/2012	03621/11S69
717	S69-01233	CM-01162		Huỳnh Minh Ngọc	K7, P7, Thành phố Cà Mau	21/02/2016	22/08/2016	00391/16S69
718	S69-01235	CM-01628		Lê Quốc Trường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	19/09/2013	19/09/2014	04423/13S69
719	S69-01236	CM-03600		Trần Thanh Toàn	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	30/08/2013	30/08/2014	04177/13S69
720	S69-01238			Phạm Vinh Quang	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06695/07S69
721	S69-01239	CM-01860		Quách Khánh Đức (CTy TNHH Chân Thiện Đức)	Số 49, Lý Văn Lâm, K5, P1, Thành phố Cà Mau	12/02/2009	12/02/2010	00524/09S69
722	S69-01240	CM-03313	Ghe Tải	Dư Hữu Nghĩa	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	29/12/2008	29/12/2009	10683/08S69
723	S69-01242	CM-03611		Trần Văn Buol	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	09/01/2008	09/01/2009	00082/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
724	S69-01244	CM-03613		Nguyễn Văn út	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03683/10S69
725	S69-01248	CM-00410		Trần Hữu Thiện	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	21/06/2007	21/12/2007	01232/07S69
726	S69-01249			Nguồn Văn Tiến	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	21/06/2007	21/06/2008	01233/07S69
727	S69-01250			Tạ Minh Phụng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	21/06/2007	21/06/2008	01234/07S69
728	S69-01255			Trần Văn Điệp	ấp Đầu Xấu, Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	21/06/2007	21/06/2008	01241/07S69
729	S69-01257	CM-02705		Huỳnh Thị Đẹp	ấp 18, Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	26/04/2013	26/10/2013	02367/13S69
730	S69-01259	CM-02940		Từ Văn Dẫn	Khu vực II, Khóm I, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03430/08S69
731	S69-01261	CM-00515		Phan Văn Thành	K5, P8, Thành phố Cà Mau	18/06/2015	18/06/2016	01120/15S69
732	S69-01265			Phùng Văn Tuấn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01251/07S69
733	S69-01266			Phùng Văn Bảy	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01252/07S69
734	S69-01267			Phùng Văn Bảy	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01253/07S69
735	S69-01268	CM-03281		Trần Văn Thiệu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/05/2014	14/11/2014	01286/14S69
736	S69-01269	CM-02009		Nguyễn Văn Bê	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02971/10S69
737	S69-01270	CM-01959		Phòng Hạ Tầng Kinh Tế Huyện Cái Nước	Cái Nước, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/12/2007	01258/07S69
738	S69-01273	CM-02205		Nguyễn Thanh Liêm	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05312/08S69
739	S69-01274	CM-01630		Lê Thanh Xuân	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	09/01/2008	09/01/2009	00070/08S69
740	S69-01275	CM-02460		Nguyễn Hùng Cường	Rau Dừa, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/07/2015	01875/14S69
741	S69-01276	CM-02214		Vương Công Thành	Rau Dừa, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01264/07S69
742	S69-01277	CM-01814		Nguyễn Thế Nhân	ấp thị Trường A, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	03/12/2008	03/12/2009	09431/08S69
743	S69-01278			Nguyễn Văn Thôi	ấp Tân Hòa, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01266/07S69
744	S69-01279	CM-		Trần Văn Thống	ấp Tân ánh, Phú Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01267/07S69
745	S69-01282	CM-02212		Phạm Văn Tự	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/12/2007	01270/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
746	S69-01283	CM-01634		Nguyễn Văn Cửa	Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01271/07S69
747	S69-01284	CM-02688		Nguyễn Phước Hoà	Khóm I TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	21/11/2014	21/11/2015	03037/14S69
748	S69-01285	CM-03746		Võ Quốc Hưng	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	22/06/2012	22/06/2013	02917/12S69
749	S69-01286	CM-03728	ái Nhiên	Nguyễn Văn Trừ	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/08/2015	12/08/2016	01510/15S69
750	S69-01287			Trần Văn Được	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01275/07S69
751	S69-01288			Trần Văn Thắm	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01276/07S69
752	S69-01289	CM-03761		Tiêu Văn Mạnh	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00167/12S69
753	S69-01290			Nguyễn Văn Luân	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01278/07S69
754	S69-01291	CM-03713		Quách Văn Thạch	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	31/12/2008	31/12/2009	10721/08S69
755	S69-01292			Phạm Châu Pha	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01280/07S69
756	S69-01293			Trịnh Quốc Công	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04725/07S69
757	S69-01294			Nguyễn Thanh Nhân	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01282/07S69
758	S69-01295			Nguyễn Quốc Em	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01283/07S69
759	S69-01296			Nguyễn Phước Anh	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01284/07S69
760	S69-01297	CM-03764		Nguyễn Minh Đời	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	21/08/2012	21/08/2013	04514/12S69
761	S69-01298			Bùi Văn Bàn	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01286/07S69
762	S69-01299			Huỳnh Văn Tao	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01287/07S69
763	S69-01300			Tiêu Văn Năng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01288/07S69
764	S69-01301	CM-03782		Trần Văn Quát	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	02/03/2009	02/03/2010	01076/09S69
765	S69-01302			Nguyễn Thành Nhân	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01290/07S69
766	S69-01303			Nguyễn Thanh Hùng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01291/07S69
767	S69-01304			Nguyễn Viết Xuân	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01292/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
768	S69-01305			Tô Văn Khên	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01293/07S69
769	S69-01306			Phạm Văn Vũ	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01294/07S69
770	S69-01307			Phạm Văn Thương	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/12/2007	01295/07S69
771	S69-01308			Võ Hùng Cường	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/07/2008	25/07/2009	06006/08S69
772	S69-01309			Trương Văn Sử	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01297/07S69
773	S69-01311			Nguyễn Văn Giác	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01299/07S69
774	S69-01312	CM-03730		Nguyễn Thế Nhân	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	10/01/2008	10/01/2009	00088/08S69
775	S69-01313			Nguyễn Văn út	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01301/07S69
776	S69-01314	CM-03849	Khả Duy	Lê Thành Phụng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	18/09/2007	18/03/2008	03026/07S69
777	S69-01315			Trần Văn Đạt	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01303/07S69
778	S69-01316			Lưu Văn Bảy	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01304/07S69
779	S69-01317			Ngô Văn Tám	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01305/07S69
780	S69-01319			Phùng Văn Đoàn	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01307/07S69
781	S69-01320			Nguyễn Chí Lil	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01308/07S69
782	S69-01321			Nguyễn Phước Thọ	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01309/07S69
783	S69-01322			Trần Anh Việt	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01310/07S69
784	S69-01323			Lâm Văn Thông	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01311/07S69
785	S69-01324			Nguyễn Văn Lai	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01312/07S69
786	S69-01325			Phùng Văn Chính	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01313/07S69
787	S69-01326			Nguyễn Văn Cận	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01314/07S69
788	S69-01327			Phùng Văn Giang	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01315/07S69
789	S69-01328	CM-		Nguyễn Minh Phụng	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01316/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
790	S69-01329			Huỳnh Ngọc Nam	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01317/07S69
791	S69-01330			Trần Văn Định	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01318/07S69
792	S69-01331			Dương Văn Đời	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01319/07S69
793	S69-01332			Đỗ Chí Khâm	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01320/07S69
794	S69-01333			Nguyễn Văn Mỹ	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01321/07S69
795	S69-01334	CM-03793		Phạm Văn Thol	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00346/10S69
796	S69-01335			Võ Văn Thái	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01323/07S69
797	S69-01336			Nguyễn Văn Tươi	Xã Đông thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01324/07S69
798	S69-01337			Phạm Văn Chuyện	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/07/2007	24/06/2008	01325/07S69
799	S69-01338			Nguyễn Văn Lãng	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/07/2007	23/06/2008	01326/07S69
800	S69-01339			Nguyễn Văn Thơ	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01327/07S69
801	S69-01340			Mạc Vũ Luân	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01328/07S69
802	S69-01341			Nguyễn Trung Hiếu	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01329/07S69
803	S69-01342			Nguyễn Công Văn	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01330/07S69
804	S69-01343	CM-03717		Châu Thanh Tuấn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00348/10S69
805	S69-01344			Phan Văn Đường	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01332/07S69
806	S69-01345			Nguyễn Văn Hải	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01333/07S69
807	S69-01346			Ngô Minh Quang	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01334/07S69
808	S69-01347			Huỳnh Văn Đẩu	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01335/07S69
809	S69-01348			Nguyễn Văn Đen	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01336/07S69
810	S69-01349			Huỳnh Văn út	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01337/07S69
811	S69-01350			Nguyễn Văn Diệu	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01338/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
812	S69-01351			Huỳnh Văn Tuấn	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/07/2008	25/07/2009	06004/08S69
813	S69-01352			Nguyễn Văn Hải	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01340/07S69
814	S69-01353			Phan Văn Dự	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01341/07S69
815	S69-01354			Nguyễn Văn Đời	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01342/07S69
816	S69-01355			Phạm Kha Ly	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01343/07S69
817	S69-01356			Nguyễn Thanh Liêm	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01344/07S69
818	S69-01357			Nguyễn Văn Việt	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01345/07S69
819	S69-01358	CM-03788		Diệp Văn Phước	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06574/08S69
820	S69-01359			Nguyễn Hoàng Minh	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01347/07S69
821	S69-01360			Phan Văn Dội	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01348/07S69
822	S69-01361			Lê Thanh Tâm	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01349/07S69
823	S69-01362			Bùi Văn Hận	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01350/07S69
824	S69-01363			Nguyễn Văn Tùng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01351/07S69
825	S69-01364			Nguyễn Văn Lên	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01352/07S69
826	S69-01365	CM-03763		Trần Văn Phong	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/07/2015	01877/14S69
827	S69-01366			Lê Minh Đương	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01354/07S69
828	S69-01367	CM-00653		Trần Tuấn	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	19/02/2008	19/02/2009	00657/08S69
829	S69-01368	CM-03272		Phạm Thị Hạt	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/03/2010	11/03/2011	01147/10S69
830	S69-01373	CM-02861		Phước Văn Thắng	Xã Phong Lạc, H.Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	05/09/2008	05/09/2009	06221/06S69
831	S69-01375			Nguyễn Văn Thơ	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/06/2007	28/12/2007	01361/07S69
832	S69-01379	CM-03632		Võ Trường Giang	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04172/09S69
833	S69-01382	CM-01680		Nguyễn Văn Rớt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2012	09/03/2013	00294/12V94

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
834	S69-01384	CM-01699	THẬT TÂN	Châu Trung Lập	xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	26/12/2014	26/12/2015	03495/14S69
835	S69-01385	CM-01402	Ghe tải	Ngô Văn Mãi	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	03/07/2007	03/01/2008	01376/07S69
836	S69-01386	CM-02054		Huỳnh Văn Cường	ấp ông Bích, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	03/04/2009	03/04/2010	02297/09S69
837	S69-01387	CM-03834		Huỳnh Hữu Toản	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	25/03/2011	25/09/2011	01039/11S69
838	S69-01390	CM-01139	AN Toàn	Lý Thanh Hùng	ấp Tân Hoà, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/08/2008	26/08/2009	06157/08S69
839	S69-01391	CM-03092		Nguyễn Văn Quốc	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	03/07/2007	03/01/2008	01371/07S69
840	S69-01392	CM-03633		Nguyễn Phương Giàu	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	27/11/2012	22/11/2013	07419/12S69
841	S69-01396	CM-00109	THANH SƠN	Trần Thanh Sơn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01828/07S69
842	S69-01398	CM-03638	GHE TẢI	Nguyễn Thanh Tùng	ấp 8 Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	07/02/2012	07/02/2013	00428/12S69
843	S69-01399			Nguyễn Văn Chấn	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01378/07S69
844	S69-01400	CM-03865		Tạ Văn Sự	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08841/08S69
845	S69-01401			Nguyễn Văn Phụng	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01380/07S69
846	S69-01402			Nguyễn Thanh Phong	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01381/07S69
847	S69-01403			Nguyễn Thành Tâm	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01382/07S69
848	S69-01404			Huỳnh Văn Thành	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01383/07S69
849	S69-01405			Tạ Minh Tuấn	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01384/07S69
850	S69-01406	CM-14072		Công Ty Lâm Nghiệp Ngọc Hiển	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2007	24/06/2008	01385/07S69
851	S69-01407			Nguyễn Văn Nông	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01386/07S69
852	S69-01408	CM.03829		Hồ Văn Hồng	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00634/10S69
853	S69-01409			Bùi Văn Sanh	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01388/07S69
854	S69-01410			Nguyễn Văn Thọ	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01389/07S69
855	S69-01411			Đoàn Văn Ân	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01390/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
856	S69-01412			Nguyễn Văn Đức	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01391/07S69
857	S69-01413			Nguyễn Văn Bình	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/12/2007	01392/07S69
858	S69-01414			Phạm Văn Nam	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01393/07S69
859	S69-01415			Đình Quốc Trung	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01394/07S69
860	S69-01416			Đặng Văn Tèo	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01395/07S69
861	S69-01417			Nguyễn Hoà Tạng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01396/07S69
862	S69-01418			Trần Văn Chệt	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/12/2007	01397/07S69
863	S69-01419	CM-14300		Nguyễn Đình Thái	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/11/2010	12/11/2011	05612/10S69
864	S69-01420			Nguyễn Văn Đỉnh	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01399/07S69
865	S69-01421			Trần Văn á	Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01400/07S69
866	S69-01422			Nguyễn Văn Lắc	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01401/07S69
867	S69-01423			Nguyễn Thanh Long	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01402/07S69
868	S69-01424			Võ Ty Del	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01403/07S69
869	S69-01425			Lê Quốc Phòng	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01404/07S69
870	S69-01426	CM- 03895		Nguyễn Văn Trục	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08842/08S69
871	S69-01427			Huỳnh Văn Khải	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01406/07S69
872	S69-01428			Tô Thành Dẫn	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01407/07S69
873	S69-01429	CM-03844		Bùi Văn Nghét	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/06/2014	20/06/2015	01619/14S69
874	S69-01430	CM-03831		Nguyễn Văn Đủ	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01034/12S69
875	S69-01431			Đặng Văn Luận	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01410/07S69
876	S69-01432	CM-03806		Nguyễn Văn Sơn	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02811/10S69
877	S69-01433	CM-03819		Huỳnh Thanh Việt	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	01982/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
878	S69-01434			Huỳnh Hữu Bền	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01413/07S69
879	S69-01435			Nguyễn Minh Lợi	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01414/07S69
880	S69-01436			Võ Văn Mo	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01415/07S69
881	S69-01437			Nguyễn Văn Trung	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01416/07S69
882	S69-01438			Nguyễn Văn Nhấn	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01417/07S69
883	S69-01439			Lâm Văn Hậu	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01418/07S69
884	S69-01440			Phan Văn Móc	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01419/07S69
885	S69-01441	CM-01441		Nguyễn Văn Đoan	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02976/10S69
886	S69-01442	CM-03906		Nguyễn Quốc Tuấn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00349/10S69
887	S69-01443	CM-03827		Hồ Văn Ngoan	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01371/11S69
888	S69-01444			Lý Thị Huê	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01423/07S69
889	S69-01445			Lê Quang Trí	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01424/07S69
890	S69-01446			Nguyễn Văn Chính	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01425/07S69
891	S69-01447			Nguyễn Văn Lực	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01426/07S69
892	S69-01448			Nguyễn Thị Thoa	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01427/07S69
893	S69-01449			Hồ Văn Giữ	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01428/07S69
894	S69-01450			Phan Văn Nhung	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01429/07S69
895	S69-01451			Hồ Văn Linh	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01430/07S69
896	S69-01452			Võ Văn Sê	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01431/07S69
897	S69-01453			Nguyễn Đại Lợi	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01432/07S69
898	S69-01454	CM-03886		Đỗ Thanh Dân	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03867/12S69
899	S69-01455			Nguyễn Tình Em	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/12/2007	01434/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
900	S69-01456			Ngô Văn Bal	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01435/07S69
901	S69-01457	CM-03906		Nguyễn Quốc Tuấn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00347/10S69
902	S69-01458			Trần Văn Chiến	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01437/07S69
903	S69-01459			Đặng Văn Nhân	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01438/07S69
904	S69-01460			Võ Văn Hiền	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01439/07S69
905	S69-01461			Nguyễn Đức Tính	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01440/07S69
906	S69-01462			Nguyễn Thanh Lê	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01441/07S69
907	S69-01463			Đỗ Văn Công	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01442/07S69
908	S69-01464			Nguyễn Văn Thám	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01443/07S69
909	S69-01465			Dương Văn ần	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01444/07S69
910	S69-01466			Lê Quốc Ngữ	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01445/07S69
911	S69-01467			Nguyễn Văn Nghiệm	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01447/07S69
912	S69-01468			Nguyễn Văn Sắc	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01448/07S69
913	S69-01469			Hồ Văn Lập	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01449/07S69
914	S69-01470			Trần Thị Yên	ấp Công Trung, Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01450/07S69
915	S69-01471			Trần Văn Vũ	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01451/07S69
916	S69-01472	CM-03875		Tạ Văn Đen	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01037/12S69
917	S69-01473			Võ Văn Dũng	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01453/07S69
918	S69-01474			Nguyễn Văn Chác	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01454/07S69
919	S69-01475			Trần Quốc Độ	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01455/07S69
920	S69-01476			Trần Văn Nghĩa	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01456/07S69
921	S69-01477			Phan Văn út	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01457/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
922	S69-01478			Hồ Phúc Hưng	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01458/07S69
923	S69-01479	CM-03856		Huỳnh Thanh Phong	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01042/12S69
924	S69-01480			Nguyễn Minh Quang	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01460/07S69
925	S69-01481			Phạm Tấn Pháp	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01461/07S69
926	S69-01482			Mai Văn Tuấn	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01446/07S69
927	S69-01484			Cao Tuấn Em	ấp Hàng Vịnh, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2007	02/06/2008	01462/07S69
928	S69-01490			Mai Thanh Trúc	ấp Cái Nai, Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	17/01/2008	17/01/2009	00159/08S69
929	S69-01492			Bùi Văn Thái	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01471/07S69
930	S69-01493			Thang Văn Quai	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01472/07S69
931	S69-01494	CM-03843		Võ Duy Lil	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03549/12S69
932	S69-01495			Bạch Văn út	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01474/07S69
933	S69-01496			Quách Tâm	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01475/07S69
934	S69-01497	CM-03908		Ngô Văn Viết	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07545/12S69
935	S69-01498			Phạm Tấn Tài	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01477/07S69
936	S69-01499			Trần Anh Tuấn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01478/07S69
937	S69-01500			Trịnh Văn Hào	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01479/07S69
938	S69-01502			Huỳnh Văn Trí	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01481/07S69
939	S69-01503			Nguyễn Thanh Hiền	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01482/07S69
940	S69-01504			Trịnh Quốc Hùng	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01483/07S69
941	S69-01505			Nguyễn Thanh Lam	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01484/07S69
942	S69-01506			Võ Minh Hoàng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01485/07S69
943	S69-01507			Dương Văn Ngoãn	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01486/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
944	S69-01508			Trần Vũ Linh	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01487/07S69
945	S69-01509			Ngô Văn Dứt	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01488/07S69
946	S69-01510			Nguyễn Văn Ngon	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01489/07S69
947	S69-01511	CM-03842		Nguyễn Minh Tấn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/06/2008	01490/07S69
948	S69-01512	CM-03902		Nguyễn Thành Công	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/03/2010	19/03/2011	01464/10S69
949	S69-01513			Trần Thanh Dạng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01492/07S69
950	S69-01515	CM-03836		Phạm Văn Bình	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02973/10S69
951	S69-01516			Lê Minh Thành	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	24/06/2007	24/06/2008	01495/07S69
952	S69-01517	CM-03847		Chương Hiếu Huy	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/03/2010	19/03/2011	01463/10S69
953	S69-01518			Nguyễn Phương Lam	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/06/2007	23/12/2007	01497/07S69
954	S69-01519	CM-00517	Kim Thảo	Huỳnh Minh Anh	Kinh Hăng C, Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	28/06/2013	28/12/2013	03308/13S69
955	S69-01526	CM-01998	Ghe Tải	Trần Ru Bi	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	10/07/2007	10/01/2008	01504/07S69
956	S69-01527	CM-03642		Nguyễn Tấn Giúp	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	30/12/2015	30/06/2016	02698/15S69
957	S69-01529			Dương Công Thắng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	10/07/2007	10/07/2008	01507/07S69
958	S69-01531	CM-00417	Ghe Tải	Nguyễn Thanh Ky	59 ấp Bùng Bình, Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	25/03/2010	25/03/2011	01707/10S69
959	S69-01535	CM-03796		Hứa Văn Kiên	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	26/07/2011	26/07/2012	02483/02S69
960	S69-01537			Phạm Văn Hà	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/07/2007	12/07/2008	01516/07S69
961	S69-01539			Trần Văn Lộng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09957/08S69
962	S69-01541	CM-03941		CTy TNHH Tấn Phát	116, Lê Lợi, Khóm 1, Phường 2, Thành phố Cà Mau	18/02/2013	18/02/2014	01295/13S69
963	S69-01543			Nguyễn Văn Chí	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01522/07S69
964	S69-01544			Nguyễn Văn Bảnh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01523/07S69
965	S69-01545			Huỳnh Trường Hải	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01524/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
966	S69-01546			Huỳnh Văn Dũng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01525/07S69
967	S69-01547			Võ Văn Trảng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01526/07S69
968	S69-01548			Nguyễn Hồng Châu	Xã Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01527/07S69
969	S69-01549			Trần Văn út	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01528/07S69
970	S69-01550			Trần Văn Thái	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01529/07S69
971	S69-01551			Lư Thanh Lil	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01530/07S69
972	S69-01552			Đặng Văn Khởi	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01513/07S69
973	S69-01553			Lê Minh Cường	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01532/07S69
974	S69-01554			Nguyễn Văn Hùng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01533/07S69
975	S69-01555			Lê My Sol	Xã Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01534/07S69
976	S69-01556			Phan Văn út	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01535/07S69
977	S69-01557			Đỗ Văn Thành	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01536/07S69
978	S69-01559	CM-03961		Quách Hứng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05095/09S69
979	S69-01560			Lâm Văn Cẩn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01539/07S69
980	S69-01561			Lê Văn Thanh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01540/07S69
981	S69-01562			Nguyễn Hoàng Sơn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01541/07S69
982	S69-01563			Nguyễn Văn Phấn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01542/07S69
983	S69-01564			Hồng Phước Lợi	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01543/07S69
984	S69-01565			Nguyễn Văn Khanh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01544/07S69
985	S69-01566			Trần Minh Quân	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01545/07S69
986	S69-01567			Nguyễn Văn Huynh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01546/07S69
987	S69-01568			Trương Văn út Một	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01547/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
988	S69-01569			Trần Văn Thuận	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01548/07S69
989	S69-01570			Phan Văn Khái	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01549/07S69
990	S69-01571			Nguyễn Văn Khen	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01550/07S69
991	S69-01572			Nguyễn Văn út Nhỏ	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01551/07S69
992	S69-01573			Nguyễn Văn Toàn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01552/07S69
993	S69-01574			Lê Tuấn Thanh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01553/07S69
994	S69-01575			Nguyễn Văn Thương	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01554/07S69
995	S69-01576		Hữu Nghị	Nguyễn Văn Khê	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01555/07S69
996	S69-01577	CM-04011		Nguyễn Thanh Tân	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05097/09S69
997	S69-01578			Trần Văn Chính	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01557/07S69
998	S69-01579			Nguyễn Minh Ân	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01558/07S69
999	S69-01580			Hồng Thị Duyên	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01559/07S69
1000	S69-01581			Lưu Văn Thăng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01560/07S69
1001	S69-01582			Nguyễn Văn Húi	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01561/07S69
1002	S69-01583			Nguyễn Thành Trung	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01562/07S69
1003	S69-01584			Lê Hoàng Nhựt	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01563/07S69
1004	S69-01585			Tô Văn Trung	Xã Nguyễn Vệt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01564/07S69
1005	S69-01586			Lâm Văn Phong	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01565/07S69
1006	S69-01587			Huỳnh Quốc Khởi	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01566/07S69
1007	S69-01588			Kiều Văn Trọn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01567/07S69
1008	S69-01589			Nguyễn Nhật Trương	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01568/07S69
1009	S69-01590			Nguyễn Minh Giang	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01569/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1010	S69-01591			La Văn Sĩ	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01570/07S69
1011	S69-01592			Võ Văn Trí	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01571/07S69
1012	S69-01593			Võ Văn Lưu	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01572/07S69
1013	S69-01594			Võ Văn Khai	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/01/2008	01573/07S69
1014	S69-01595			Bùi Văn Dậm	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/01/2008	01574/07S69
1015	S69-01596			Lê Văn Việt	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01575/07S69
1016	S69-01597			Nguyễn Văn Bằng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01576/07S69
1017	S69-01598			Nguyễn Thanh Sơn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01577/07S69
1018	S69-01599	CM-04062		Trương Hoàng Lơ	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	19/12/2008	19/12/2009	01069/08S69
1019	S69-01600			Nguyễn Hùng Xương	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01579/07S69
1020	S69-01601			Lê Thanh Dân	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01580/07S69
1021	S69-01602			Nguyễn Hoàng Ân	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01581/07S69
1022	S69-01604			Nguyễn Minh Trí	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01583/07S69
1023	S69-01605	CM-04063		Võ Văn Xuân	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05096/09S69
1024	S69-01606			Võ Minh Đức	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03687/10S69
1025	S69-01607			Nguyễn Văn Dũng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01586/07S69
1026	S69-01608			Trương Văn Kế	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01587/07S69
1027	S69-01609	CM-04001		Huỳnh Thanh Liêm	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04277/09S69
1028	S69-01610			Dương Văn Dũng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01590/07S69
1029	S69-01611			Phạm Thành Hải	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01591/07S69
1030	S69-01612			Nguyễn Văn Thanh	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01592/07S69
1031	S69-01613			Nguyễn Văn Me	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01593/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1032	S69-01614			Đỗ Văn Hầu	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01594/07S69
1033	S69-01616			Nguyễn Văn Thanh	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01596/07S69
1034	S69-01617			Nguyễn Văn Thanh	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01597/07S69
1035	S69-01618			Nguyễn Thanh Tuấn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01598/07S69
1036	S69-01619			Lê Văn Sơn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01599/07S69
1037	S69-01620			Nguyễn Công Định	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01601/07S69
1038	S69-01621			Trương Văn Luân	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01602/07S69
1039	S69-01622			Nguyễn Hoàng Nhiệm	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01603/07S69
1040	S69-01623			Nguyễn Văn Hồ	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01604/07S69
1041	S69-01624			Phan Chi Lăng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01605/07S69
1042	S69-01625			Nguyễn Thị út	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01606/07S69
1043	S69-01626			Phan Văn Khi	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01607/07S69
1044	S69-01627	CM-04227		Phan Văn Ngoan	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/09/2009	20/09/2010	05935/09S69
1045	S69-01628			Nguyễn Hoàng Vũ	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01609/07S69
1046	S69-01629			Nguyễn Văn Diệp	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01610/07S69
1047	S69-01632			Nguyễn Thanh Toàn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01613/07S69
1048	S69-01633			Nguyễn Văn Cương	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01614/07S69
1049	S69-01634			Hồng Hoàng Em	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01615/07S69
1050	S69-01635	CM-04070		Trương Hoàng Danh	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	21/09/2012	21/09/2013	04894/12S69
1051	S69-01636			Lê Văn Cường	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01617/07S69
1052	S69-01637			Phạm Minh Châu	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01618/07S69
1053	S69-01638			Nguyễn Văn Trung	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	10/03/2011	10/03/2012	00805/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1054	S69-01639			Mai Văn Đen	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01620/07S69
1055	S69-01640	CM-04054		Phan Văn Hiền	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02978/09S69
1056	S69-01641			Trần Văn Hải	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01622/07S69
1057	S69-01642			Mai Thành Thoảng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01623/07S69
1058	S69-01643			Phạm Chiến Công	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01624/07S69
1059	S69-01644			Phạm Văn Đặng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01625/07S69
1060	S69-01645			Phan Văn Thắng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	24/06/2009	24/06/2010	03542/09S69
1061	S69-01646			Nguyễn Văn Nhân	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01627/07S69
1062	S69-01647			Trần Văn Nhân	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01628/07S69
1063	S69-01648			Phan Tiệp Khắc	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01629/07S69
1064	S69-01649			Phan Ty Phô	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01630/07S69
1065	S69-01650			Huỳnh Văn Nguyễn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01631/07S69
1066	S69-01651			Nguyễn Minh Chiến	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01632/07S69
1067	S69-01652			Trịnh Minh Chót	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01633/07S69
1068	S69-01653			Nguyễn Văn Thúc	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01634/07S69
1069	S69-01654			Nguyễn Ngọc Tuấn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01635/07S69
1070	S69-01655			Phạm Văn Tám	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	24/06/2009	24/06/2010	03453/09S69
1071	S69-01656			Nguyễn Văn Quân	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01637/07S69
1072	S69-01657			Lưu Văn Tuấn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01638/07S69
1073	S69-01658			Trần Văn Non	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01639/07S69
1074	S69-01660	CM-01896		Bệnh Viện Đa Khoa khu Vực Đầm Dơi	Số 80, K5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	05/04/2011	05/04/2012	01156/11S69
1075	S69-01665	CM- 04122		Bùi Văn Xuyên	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00789/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1076	S69-01668	CM-01389	Ghe Tải	Huỳnh Hoàng Em	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/07/2007	10/07/2008	01649/07S69
1077	S69-01670	CM-03309		Nguyễn Văn Công	Khóm 7 Phường 6, Thành phố Cà Mau	12/09/2013	12/03/2014	04339/13S69
1078	S69-01672	CM-02344		Trương Văn Gành	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	17/07/2007	17/01/2008	01655/07S69
1079	S69-01676	CM-03938		Lê Việt Sum	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03472/11S69
1080	S69-01680			Son Muôn	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/07/2007	21/07/2008	01661/07S69
1081	S69-01681	CM-02899		Trần Quốc Khải	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/02/2010	25/02/2011	00949/10S69
1082	S69-01682	CM-02898		Trần Quốc Khải	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/02/2010	25/02/2011	00950/10S69
1083	S69-01684	CM-01949	Ghe Tải	Dương Thị Phụng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	17/01/2008	17/01/2009	00160/08S69
1084	S69-01685	CM-03923		Hồ Thanh Danh	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	15/03/2010	15/03/2011	01220/10S69
1085	S69-01686	CM- 02841	Ghe tải	Huỳnh Văn Lang	Trí Phải, Huyện Thới Bình	05/06/2015	05/06/2016	00795/15S65
1086	S69-01688	CM-03075		Lê Minh Luân	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	24/07/2007	24/01/2008	01673/07S69
1087	S69-01691	CM-00342	Ghe hàng	Cao Văn Phong	ấp Rạch Ruộng A, Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2014	20/12/2015	03412/14S69
1088	S69-01693			Dương Văn Duy	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	24/07/2007	24/01/2008	01678/07S69
1089	S69-01695	CM-00416		Huỳnh Văn Chí	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	12/08/2011	12/08/2012	02692/11S69
1090	S69-01703	CM - 01465		Nguyễn Lộc Thảo	ấp 1, Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	18/09/2008	18/09/2009	06523/08S69
1091	S69-01712	CM-02183	Ghe tải	Duy Minh Tèo	Phú Tân, Huyện Phú Tân	27/07/2007	20/08/2007	01712/07S69
1092	S69-01714			Dương Văn Thanh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	01697/07S69
1093	S69-01715			Trần Văn Hùm	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	01698/07S69
1094	S69-01716			Trần Thanh Hùng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09506/08S69
1095	S69-01717			Nguyễn Văn Miên	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2007	31/03/2008	01700/07S69
1096	S69-01718	CM-04248		Nguyễn Văn Hiệp	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08894/08S69
1097	S69-01719			Nguyễn Việt Măng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01702/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1098	S69-01720			Nguyễn Văn Triễn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01703/07S69
1099	S69-01722			Nguyễn Thanh Toàn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01705/07S69
1100	S69-01723			Đỗ Văn Ngà	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01706/07S69
1101	S69-01724			Đỗ Văn Trường	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01707/07S69
1102	S69-01725			Phan Hùng Thiên	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01708/07S69
1103	S69-01726			Mạc Thanh Vụ	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01709/07S69
1104	S69-01727			Lê Văn Minh	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	27/06/2008	27/06/2009	05043/08S69
1105	S69-01728			Võ Văn Nam	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01711/07S69
1106	S69-01730	CM-04234		Huỳnh Mạnh Luân	Khóm I, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	05/06/2009	05/06/2010	03261/09S69
1107	S69-01731			Nguyễn Thanh Bình	Xã Tân hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01714/07S69
1108	S69-01732			Trần Quốc Thới	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01715/07S69
1109	S69-01733			Nguyễn Thanh Hùng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01716/07S69
1110	S69-01734			Nguyễn Thanh Tùng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01717/07S69
1111	S69-01735			Trương Văn Hiệp	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01718/07S69
1112	S69-01736			Quách Chí Thành	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	28/07/2007	28/07/2008	01719/07S69
1113	S69-01737			Huỳnh Văn út	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01720/07S69
1114	S69-01738			Nguyễn Văn Hiền	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/01/2008	01721/07S69
1115	S69-01739			Trang Văn Triết	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01722/07S69
1116	S69-01740			Phan Hữu Nghị	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	28/07/2007	28/07/2008	01723/07S69
1117	S69-01741	CM-04235		Lê Văn Thi	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02019/10S69
1118	S69-01742	CM-00690		Lê Hoàng Ngô	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00837/11S69
1119	S69-01743			Lê Chí Cường	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08850/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1120	S69-01744			Nguyễn Thanh Tol	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01727/07S69
1121	S69-01745			Mai Văn Mười	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01728/07S69
1122	S69-01747			Phan Văn Bé	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01730/07S69
1123	S69-01748			Trương Kim Hào	Khóm I, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01731/07S69
1124	S69-01749			Trương Tuyết Nhung	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01732/07S69
1125	S69-01750			Nguyễn Văn Nhì	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01733/07S69
1126	S69-01751			Nguyễn Ngọc Dũng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01734/07S69
1127	S69-01752			Nguyễn Văn Phận	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01735/07S69
1128	S69-01753			Nguyễn Văn Nghị	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01736/07S69
1129	S69-01754			Đỗ Văn Xong	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01737/07S69
1130	S69-01755		Đồ	Cao Xuân Toàn	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01738/07S69
1131	S69-01756	CM-02680	Đồ	Trần Minh Thuận	ấp Tân Phong,Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09066/08S69
1132	S69-01757	CM-02234		Nguyễn Văn Khởi	Tân Phong, Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01740/07S69
1133	S69-01758	CM-02870		Phan Bé Hai	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08732/08S69
1134	S69-01759			Bùi Thành Lũy	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01742/07S69
1135	S69-01760			Nguyễn Văn Chuyển	Xã Đông hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01743/07S69
1136	S69-01762	CM- 03945		Nguyễn Văn Tự	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	06/01/2011	06/01/2012	00079/11S69
1137	S69-01769	CM-03310	CM-03310	Lê Văn Hiệp	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2007	31/01/2008	01753/07S69
1138	S69-01772	CM-03944		Dương Thanh Quốc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	22/10/2009	22/10/2010	06433/09S69
1139	S69-01774	CM-02344		Trương Văn Gành	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	19/02/2014	19/08/2014	00437/14S69
1140	S69-01776	CM-03789		Nguyễn Hồng Phước	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2009	14/12/2010	07164/09S69
1141	S69-01777			Dương Văn Hải	ấp Phú Hiệp, Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	02/08/2007	02/08/2008	01758/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1142	S69-01778			Tô Hy Vọng	ấp Tân Lợi, Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	02/08/2007	02/08/2008	01759/07S69
1143	S69-01783	CM-02851		Phạm Văn Mạng	Khóm2, P8,, Thành phố Cà Mau	15/11/2010	15/11/2011	05625/10S69
1144	S69-01785	CM-04033		Phạm Văn Văn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00110/12S69
1145	S69-01787			Đình Văn Tỉnh	Khóm 9, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01770/07S69
1146	S69-01790	CM-00185	Ghe tải	Phù Quốc Giang	khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01773/07S69
1147	S69-01791			Trương Văn Phúc	K4 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01774/07S69
1148	S69-01792			Nguyễn Văn Chắc	K5 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01775/07S69
1149	S69-01793			Huỳnh Văn Trung	K8 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01776/07S69
1150	S69-01794			Từ Tấn Quốc	Khóm 4, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01777/07S69
1151	S69-01795			Dương Thanh Thùy	K8 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01778/07S69
1152	S69-01796			Trần Văn Cương	K5 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01779/07S69
1153	S69-01797			Nguyễn Văn Niên	Khóm 5, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01780/07S69
1154	S69-01798	CM-01906	CM-01906	Nguyễn Văn Liêm	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06426/12S69
1155	S69-01799	CM-02286		Nguyễn Văn Hiến	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	29/07/2008	29/07/2009	06009/08S69
1156	S69-01801	CM-01840	KIM NGÂN	Đỗ Minh Thường	K6, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01784/07S69
1157	S69-01802			Nguyễn Phát Mãi	K5 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01785/07S69
1158	S69-01803	CM-04784		Nguyễn Văn Chiến	Khóm 2, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2009	14/04/2010	02479/09S69
1159	S69-01804			Văn Công Cường	Khóm 2, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01787/07S69
1160	S69-01805			Diệp Thanh Toàn	Khóm 9, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01788/07S69
1161	S69-01806			Trương Văn Văn	Khóm 8, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01789/07S69
1162	S69-01807	CM- 02917		Nguyễn Văn Hùng	K4, TT TVT, Huyện Trần Văn Thời	21/08/2009	21/08/2010	04958/09S69
1163	S69-01808			Nguyễn Văn Cu Tèo	Khóm 9, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01791/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1164	S69-01809			Tăng Hoàng Nam	Khóm 4, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01792/07S69
1165	S69-01810			Trần Hoàng Phó	K8, Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01793/07S69
1166	S69-01811			Nguyễn Văn Tài	Khóm 9, Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01794/07S69
1167	S69-01812			Dương Văn Thừa	Khóm 4, TT Trần văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01795/07S69
1168	S69-01813	CM-01929	GHE Tải	Lê Hồng Vinh	K1, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	29/07/2008	29/07/2009	06026/08S69
1169	S69-01815			Phan Việt Khái	Khóm 1, TT Trần văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01798/07S69
1170	S69-01816			Tăng Văn út	K4 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01799/07S69
1171	S69-01817			Lê Văn Vũ	K4 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01800/07S69
1172	S69-01818			Nguyễn Văn Du	Khóm 8, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01801/07S69
1173	S69-01819			Trần Hoàng Minh	Khóm 8, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01802/07S69
1174	S69-01820			Lê Văn Khánh	Khóm 4, Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01803/07S69
1175	S69-01821			Tạ Văn Hậu	Khóm 4, Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01804/07S69
1176	S69-01822			Bùi Minh Kha	K8 Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01805/07S69
1177	S69-01823			Nguyễn Văn Vững	K8 Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01806/07S69
1178	S69-01824			Phạm Văn Phúc	K8 Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01807/07S69
1179	S69-01825			Lý Minh Tuấn	Khóm 4, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01808/07S69
1180	S69-01826			Nguyễn Văn To	Khóm 8, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01809/07S69
1181	S69-01827			Nguyễn Văn Thắng	Khóm 8, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01810/07S69
1182	S69-01828			Trịnh Văn Ty	K4 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	01811/07S69
1183	S69-01829	CM-00563		Huỳnh Văn Lê	ấp 7, Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2011	10/08/2012	02675/11S69
1184	S69-01832	CM-02549		Trần Văn Thống	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2010	20/07/2011	03723/10S69
1185	S69-01834	CM-02067		Hồ Văn Trường	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2007	07/02/2008	00821/07V94

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1186	S69-01840			Nguyễn Thanh Hoà	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	02/10/2008	02/10/2009	06834/08S69
1187	S69-01842	CM-04020		DNTN Thiên Phú	Phường 9, Thành phố Cà Mau	06/08/2009	06/08/2010	04777/09S69
1188	S69-01843	CM-04022		Phạm Bình Trung	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/10/2009	20/10/2010	06359/09S69
1189	S69-01845	CM-01482	Đò	Nguyễn Hải Trường	ấp 4, Xã Hàng vịnh, Huyện Năm Căn	09/08/2007	09/02/2008	01832/07S69
1190	S69-01850	CM-01704		Nguyễn Văn Định	K10, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/09/2014	00627/14S69
1191	S69-01852	CM-02001		Huỳnh Văn Toàn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01839/07S69
1192	S69-01853	CM-02002		Huỳnh Văn Diện	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01840/07S69
1193	S69-01854			Nguyễn Văn Nhân	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01841/07S69
1194	S69-01855			Hồ Văn Miên	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01842/07S69
1195	S69-01856			Đoàn Hữu Ngoan	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01843/07S69
1196	S69-01857			Nguyễn Tuấn Khanh	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01844/07S69
1197	S69-01858			Lê Quốc Khởi	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01845/07S69
1198	S69-01860			Trần Quốc Nghiêm	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01847/07S69
1199	S69-01861	CM-04330		Nguyễn Mạnh Khoẻ	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	01980/09S69
1200	S69-01862			Mai Văn Thọ	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01849/07S69
1201	S69-01863	CM-04341		Trần Vũ Linh	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2008	09/09/2009	06230/08S69
1202	S69-01864			Phạm Hoàng Minh	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01864/07S69
1203	S69-01865	CM-04325		Huỳnh Dũng Lâm	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02950/10S69
1204	S69-01866			Tô Văn Xoại	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01853/07S69
1205	S69-01867			Tô Văn Tấn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01854/07S69
1206	S69-01868			Nguyễn Văn Đạm	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01855/07S69
1207	S69-01869			Nguyễn Hồng An	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01856/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1208	S69-01870			Lê Quốc Nguyên	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/01/2008	01857/07S69
1209	S69-01871			Đinh Văn Ân	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01858/07S69
1210	S69-01872			Lâm Văn Hân	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01859/07S69
1211	S69-01873			Lê Văn Đô	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01860/07S69
1212	S69-01874			Huỳnh Văn Đầu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01861/07S69
1213	S69-01875			Trần Ngọc Giàu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01862/07S69
1214	S69-01876	CM-04407		Nguyễn Văn Hâu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	09/01/2012	09/01/2013	00102/12S69
1215	S69-01878			Trần Văn Tới	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01865/07S69
1216	S69-01879			Triệu Quốc Bỉ	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01866/07S69
1217	S69-01880			Lý Cẩm Linh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01867/07S69
1218	S69-01881			Chung Minh Cảnh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01868/07S69
1219	S69-01882			Đặng Hùng Anh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01869/07S69
1220	S69-01883			Nguyễn Văn Danh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01870/07S69
1221	S69-01884			Nguyễn Văn On	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01871/07S69
1222	S69-01885			Phạm Văn Tỏa	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01872/07S69
1223	S69-01886			Mã Khánh Sương	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01873/07S69
1224	S69-01887			Trần Văn Dừa	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/06/2010	29/06/2011	03457/10S69
1225	S69-01888			Nguyễn Văn Lan	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01875/07S69
1226	S69-01889			Trần Văn Khoa	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01876/07S69
1227	S69-01890			Đặng Minh Quang	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01877/07S69
1228	S69-01891			Nguyễn Văn Toàn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01878/07S69
1229	S69-01892			Nguyễn Văn Tươi	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01879/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1230	S69-01893			Trần Văn ảnh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01880/07S69
1231	S69-01894			Nguyễn Việt Khải	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	01894/07S69
1232	S69-01896	CM- 04148		Võ Thành Kiệt	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	14/03/2009	14/03/2010	01855/09S69
1233	S69-01897			Võ Thành Kiệt	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2008	00709/08S69
1234	S69-01898			Nguyễn Văn Cuội	Khóm 5, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	01885/07S69
1235	S69-01899	CM-01547	Phước Toàn	Nguyễn Minh Khương	xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01133/10S69
1236	S69-01900	CM-01319		Huỳnh Thanh Hải	ấp 4 Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/04/2013	05230/12S69
1237	S69-01902			Võ Văn Giới	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01889/07S69
1238	S69-01903			Nguyễn Văn Lâm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	30/06/2007	30/06/2008	01890/07S69
1239	S69-01904			Hồ Văn Nhơn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	01891/07S69
1240	S69-01907	CM-01622	Võ Hàng	Thạch Ngô Thành	Khóm 3 , Phường 1, Thành phố Cà Mau	16/08/2007	16/02/2008	02106/07S69
1241	S69-01908			Nguyễn Văn Cường	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	01892/07S69
1242	S69-01909			Đinh Vũ Ca	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01893/07S69
1243	S69-01910	CM - 07914		Nguyễn Việt Khải	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/02/2012	15/02/2013	00521/12S69
1244	S69-01911			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01895/07S69
1245	S69-01912			Trần Văn Đém	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	01896/07S69
1246	S69-01913	CM-04504		Nguyễn Văn Chính	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	09/02/2012	09/02/2013	00458/12S69
1247	S69-01914			Nguyễn Hữu Tuất	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01898/07S69
1248	S69-01915			Phạm Văn Chuộng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2011	28/12/2012	05062/11S69
1249	S69-01916	CM-06387		Võ Trung Thành	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00708/08S69
1250	S69-01917			Tô Văn Lùng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01901/07S69
1251	S69-01918	CM-04533		Nguyễn Việt Khải	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/01/2011	25/01/2012	00356/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1252	S69-01919			Nguyễn Văn Triều	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01903/07S69
1253	S69-01920			Nguyễn Văn Cọt	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01904/07S69
1254	S69-01921			Tăng Hữu Tính	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01905/07S69
1255	S69-01922			Trần Hùng Anh	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01906/07S69
1256	S69-01923			Trần Văn Điền	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01907/07S69
1257	S69-01924	CM-5797		Võ Trung Thành	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/09/2012	19/09/2013	04881/12S69
1258	S69-01925	CM-04539		Nguyễn Văn Diễn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08820/08S69
1259	S69-01926			Nguyễn Văn Nhỏ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01910/07S69
1260	S69-01927	CM-04530		Huỳnh Đồng Nay	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08821/08S69
1261	S69-01928			Trần Văn Lẹ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08829/08S69
1262	S69-01929			Lê Văn Lam	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	01913/07S69
1263	S69-01930	CM-06925		Nguyễn Quốc Anh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09511/08S69
1264	S69-01931			Ngô Văn Bình	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01915/07S69
1265	S69-01932			Nguyễn Văn Thắng	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01916/07S69
1266	S69-01933			Lê Văn Mười	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	01917/07S69
1267	S69-01934	CM-21412		Nguyễn Văn Ngoan	ấp 19/5, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/12/2012	18/12/2013	08937/12S69
1268	S69-01935	CM-02003		Huỳnh Văn Lực	ấp 04/5, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	05/01/2011	05/01/2012	00035/11S69
1269	S69-01936	CM-14411		Huỳnh Văn Ân	Ông Bích, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/11/2013	01/11/2014	05661/13S69
1270	S69-01937	CM-14410		Lê Việt Dũng	Ông Bích, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2011	04/01/2012	00025/11S69
1271	S69-01938			Võ Văn Sơn	ấp 1/5, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2011	28/12/2012	05053/11S69
1272	S69-01939	CM-02038		Trần Văn Hiền	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	25/12/2013	25/12/2014	06379/13S69
1273	S69-01940	CM-02918		Lê Văn Bon	ấp Công Nghiệp, Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2010	10/04/2011	01969/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1274	S69-01941	CM- 02037		Nguyễn Văn Đài	Rach Bào, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	17/12/2014	17/12/2015	03382/14S69
1275	S69-01942	CM-01913		Nguyễn Việt Khái	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/01/2015	13/01/2016	00032/15S69
1276	S69-01943	CM-03296		Võ Thế Hùng	ấp Ông Bích, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/12/2011	19/12/2012	04888/11S69
1277	S69-01944	CM-04119		Nguyễn Văn Danh	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/11/2009	09/11/2010	01875/09S95
1278	S69-01945	CM-03315		Nguyễn Liêm Chính	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/06/2013	26/12/2013	03298/13S69
1279	S69-01946	CM-00706		Nguyễn Hoàng Sơn	Số10/115 Khóm 8, Phường7, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	01930/07S69
1280	S69-01947	CM-00850	Yên Trang	Trần Văn Đáng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	24/08/2009	24/08/2010	05123/09S69
1281	S69-01948	CM-04124		Lê Thuý Hằng	K7, P7, Thành phố Cà Mau	20/11/2013	20/11/2014	05828/13S69
1282	S69-01949	CM-00820		Phạm Thu Thủy	54 B Khóm 6 Phường 6, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	01933/07S69
1283	S69-01950	CM-04118		Trần Hoàng Diện	Khu Vực 2, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	11/06/2008	11/06/2009	04283/08S69
1284	S69-01952	CM-00920	PHƯỚC TOÀN 1	Phan Văn Phước	ấp Đầu Sáu, Tân Hải, Huyện Phú Tân	09/12/2009	09/12/2010	06973/09S69
1285	S69-01953	CM-01522		Nguyễn Văn Mận	Khóm 4, P8, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	01937/07S69
1286	S69-01954	CM-02036		Lê Văn Mười	Ông Bích, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	07/01/2011	07/01/2012	00086/11S69
1287	S69-01955	CM-00623		Nguyễn Văn Vạn	K1, P8, Thành phố Cà Mau	24/06/2009	24/06/2010	03529/09S69
1288	S69-01956	CM-04098		Lê Hồng Cẩn	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	21/11/2008	21/11/2009	09060/08S69
1289	S69-01957	CM - 04121		Trần Trọng Thủy	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	27/08/2008	27/08/2009	06180/08S69
1290	S69-01958			Phạm Văn Thọ	Khóm 8, Phường 7, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	01942/07S69
1291	S69-01961	CM-01532	Vỏ Hàng	Trần Hiệp	148 Trương Phùng Xuân, K5, P8, Thành phố Cà Mau	27/10/2008	27/10/2009	08152/08S69
1292	S69-01962	CM-00622	Vỏ Hàng	Trần Triệu Hà	139 Trương Phùng Xuân, K3, P8, Thành phố Cà Mau	26/12/2014	26/12/2015	03483/14S69
1293	S69-01963	CM-02871	Vỏ Khách	Lê Ngọc Sang	Khóm 7, P7, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/08/2008	01947/07S69
1294	S69-01964	CM-04125		Bùi Thanh Tú	Khóm 8 Phường 7, Thành phố Cà Mau	11/03/2008	11/03/2009	01114/08S69
1295	S69-01965			Lê Văn Lem	Xã Lương Thế Trân, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	01949/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1296	S69-01967	CM-03314		Hồ Văn Văn	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	14/08/2007	14/02/2008	01951/07S69
1297	S69-01968	CM-04123		Nguyễn Văn Dũng	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	29/06/2009	29/06/2010	03634/09S69
1298	S69-01970	CM-00600		Lưu Kim Thi	K4, P8, Thành phố Cà Mau	02/03/2009	02/03/2010	01078/09S69
1299	S69-01971	CM-03228		Khuu Văn Miên	ấp 8, Khánh Hoà, Huyện U Minh	14/08/2007	14/02/2008	01955/07S69
1300	S69-01972	CM-03227		Võ Văn Khôn	K4, TT U Minh, Huyện U Minh	14/08/2007	14/02/2008	01956/07S69
1301	S69-01974	CM-00707		Lâm Trương Vương	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	13/07/2015	13/07/2016	01272/15S69
1302	S69-01975	CM-00644		Văn Minh Tiến	215 Trương Phùng Xuân,K2,P8., Thành phố Cà Mau	10/03/2008	10/03/2009	01106/08S69
1303	S69-01977			Nguyễn Văn Lập	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	01962/07S69
1304	S69-01978			Quách Thành Hiếu	Khóm 7, P7, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	01963/07S69
1305	S69-01979	CM-04108		Phan Văn Chì	Khóm 3, Phường 5, Thành phố Cà Mau	02/03/2009	02/03/2010	01070/09S69
1306	S69-01980	CM-04158		Mã Hoàng Thân	Xã Khánh An, Huyện U Minh	24/09/2008	24/09/2009	06642/08S69
1307	S69-01981			Lê Văn Nguyễn	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2007	14/08/2008	01966/07S69
1308	S69-01982	CM-00813	Ghe	Nguyễn Văn Minh	ấp Hòa Trung, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	14/08/2007	14/02/2008	01967/07S69
1309	S69-01984	CM-02170	Ghe hàng	Nguyễn Công Ngoan	Rạch bào, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2013	31/12/2014	06643/13S69
1310	S69-01987	CM-00663		Nguyễn Thị át	297 Khóm 2, Phường 6, Thành phố Cà Mau	11/07/2011	11/07/2012	02273/11S69
1311	S69-01988	CM-04847		Nguyễn Hoàng Thương	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/07/2010	09/07/2011	03533/10S69
1312	S69-01989	CM-04106		Thái Văn Lâm	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	07/04/2014	07/04/2015	00905/14S69
1313	S69-01990			Trần Văn Hợp	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/01/2009	07/01/2010	00065/09S69
1314	S69-01991	CM-04107		Nguyễn Trãi	Khóm 4, Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/10/2010	15/10/2011	05208/10S69
1315	S69-01992	CM- 04103		Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau	18/11/2008	18/11/2009	08993/08S69
1316	S69-01993	CM-04157		Mã Quang Lợi	Xã Khánh An, Huyện U Minh	16/09/2008	15/09/2009	06379/08S69
1317	S69-01994	CM-00542	Vỏ Hàng	Lê Thanh Tuấn	ấp Trung Can,Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	19/11/2009	19/11/2010	06671/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1318	S69-01995	CM-04112		Lý Phương Quận	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	24/05/2011	24/05/2012	01709/11S69
1319	S69-01996	CM-04437		Nguyễn Văn Loan	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2009	12/01/2010	00171/09S69
1320	S69-01997			Nguyễn Văn Vọng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01984/07S69
1321	S69-01998			Nguyễn Hoàng Yểm	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01985/07S69
1322	S69-01999			Nguyễn Văn Mới	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01986/07S69
1323	S69-02000			Trần Văn Diện	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01987/07S69
1324	S69-02001			Đỗ Cao Trí	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01988/07S69
1325	S69-02002			Nguyễn Văn Mặn	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	01989/07S69
1326	S69-02003			Nguyễn Văn Giao	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01990/07S69
1327	S69-02004			Cao Hoàng Luân	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01991/07S69
1328	S69-02005			Lê Văn Khởi	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01992/07S69
1329	S69-02006			Nguyễn Thành Được	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/01/2008	01993/07S69
1330	S69-02007			Bùi Văn Oai	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01994/07S69
1331	S69-02008			Lê Văn Trung	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01995/07S69
1332	S69-02009			Nguyễn Đoàn Em	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01996/07S69
1333	S69-02010			Lê Minh Kha	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01997/07S69
1334	S69-02011			Nguyễn Văn Hưng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01998/07S69
1335	S69-02012			Ngô Minh Bạch	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	01999/07S69
1336	S69-02013			Cao Hoàng Giao	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	02000/07S69
1337	S69-02014			Trần Quốc Nghiêm	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/01/2008	02001/07S69
1338	S69-02015			Nguyễn Hoàng Chiến	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02952/06S69
1339	S69-02016			Huỳnh Văn Mững	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	02003/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1340	S69-02017			Trần Văn Bình	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	02004/07S69
1341	S69-02018			Cao Hoàng Hanh	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09101/08S69
1342	S69-02019	CM-04369		Nguyễn Văn Lôi	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	02/06/2011	02/06/2012	01819/11S69
1343	S69-02020			Phạm Quốc Hùng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	02007/07S69
1344	S69-02021	CM-04368		Dương Hữu Lợi	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/12/2011	20/12/2012	04916/11S69
1345	S69-02022			Nguyễn Hữu Ngõi	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	02009/07S69
1346	S69-02023			Nguyễn Truyền Thống	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	01975/09S69
1347	S69-02024			Nguyễn Văn Tấn	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	02011/07S69
1348	S69-02025	CM-04344		Đặng Quốc Hội	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	01978/09S69
1349	S69-02026			Trần Ly Kha	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02013/07S69
1350	S69-02027	CM-04421		Huỳnh Trung Dũng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04205/12S69
1351	S69-02028			Nguyễn Văn Rất	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02015/07S69
1352	S69-02029			Phan Văn Theo	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02016/07S69
1353	S69-02030			Nguyễn Văn Bảnh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02017/07S69
1354	S69-02031			Nguyễn Thanh Phong	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02018/07S69
1355	S69-02032			Trần Văn Vinh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02019/07S69
1356	S69-02033			Châu Văn Khôn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02020/07S69
1357	S69-02034			Tô Minh Khanh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02021/07S69
1358	S69-02035			Tô Văn Buól	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02022/07S69
1359	S69-02036			Huỳnh Văn Khải	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02023/07S69
1360	S69-02037			Trần Thị Nhịn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02024/07S69
1361	S69-02038			Nguyễn Văn Bền	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02025/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1362	S69-02039			Võ văn Hiếu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02026/07S69
1363	S69-02040			Nguyễn út Anh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02027/07S69
1364	S69-02041			Trần Trung Kỳ	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02028/07S69
1365	S69-02042			Tô Văn Tù	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02029/07S69
1366	S69-02043			Lê Văn Luận	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02030/07S69
1367	S69-02044			Trần Quốc Tạo	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02031/07S69
1368	S69-02045			Huỳnh Văn út	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02032/07S69
1369	S69-02046			Nguyễn Văn Chơi	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2007	29/07/2008	02033/07S69
1370	S69-02047			Nguyễn Văn Tiếp	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02034/07S69
1371	S69-02048			Nguyễn Văn Tâm	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02035/07S69
1372	S69-02049			Nguyễn Thanh Phong	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02036/07S69
1373	S69-02050			Nguyễn Chi Lăng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02037/07S69
1374	S69-02051			Võ Văn Đáng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06559/08S69
1375	S69-02052			Phan Văn Khái	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02039/07S69
1376	S69-02053			Nguyễn Tấn Phát	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02040/07S69
1377	S69-02054			Phan Minh Tuấn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02041/07S69
1378	S69-02055			Châu Văn Phong	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02042/07S69
1379	S69-02056			Tô Văn Thuấn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02043/07S69
1380	S69-02057			Trần Văn Đậm	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02044/07S69
1381	S69-02058			Võ Văn út	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02045/07S69
1382	S69-02059			Nguyễn Thanh Hải	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02046/07S69
1383	S69-02060			Đinh Văn ái	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02047/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1384	S69-02061			Lê Văn Thanh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02048/07S69
1385	S69-02062			Đỗ Văn Trí	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02049/07S69
1386	S69-02063			Huỳnh Văn Lương	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02050/07S69
1387	S69-02064			Đặng Thị Lòng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02051/07S69
1388	S69-02065			Nguyễn Văn Cuộc	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/08/2007	28/07/2008	02052/07S69
1389	S69-02066			Đoàn Văn Hạng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02053/07S69
1390	S69-02067			Tô Quốc Khởi	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02054/07S69
1391	S69-02068			Lê Minh Tiến	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02055/07S69
1392	S69-02069			Trung Văn Tánh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02056/07S69
1393	S69-02070			Châu Văn Danh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02057/07S69
1394	S69-02071			Võ Thị Thơ	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02058/07S69
1395	S69-02072			Trần Văn Minh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02059/07S69
1396	S69-02073			Nguyễn Văn Thường	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02060/07S69
1397	S69-02074			Trần Văn Lem	Xã Tân Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02061/07S69
1398	S69-02075			Nguyễn Văn Hết	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02062/07S69
1399	S69-02076			Trần Căn Cu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02063/07S69
1400	S69-02077	CM-04378		Nguyễn Văn Nghiêm	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06198/13S69
1401	S69-02078			Huỳnh Thanh Hiền	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02065/07S69
1402	S69-02079			Võ Văn Hiệu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02066/07S69
1403	S69-02080			Đặng Văn Tuấn	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02067/07S69
1404	S69-02081			Nguyễn Văn Thỉnh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02068/07S69
1405	S69-02082			Nguyễn Văn Ngưng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02069/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1406	S69-02083			Lê Văn Thắng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02070/07S69
1407	S69-02084			Nguyễn Văn Thương	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02071/07S69
1408	S69-02085			Nguyễn Văn Bảnh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02072/07S69
1409	S69-02086			Trần Văn Kía	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02073/07S69
1410	S69-02087	CM-		Nguyễn Văn Tốt	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	07/12/2009	07/12/2010	06921/06S69
1411	S69-02088	CM-		Nguyễn Văn Oai	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	07/04/2008	07/04/2009	02154/08S69
1412	S69-02089			Nguyễn Văn Thắng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/01/2008	02074/07S69
1413	S69-02090			Bùi Quốc An	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02075/07S69
1414	S69-02091			Trần Tuấn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	14/08/2007	14/08/2008	02076/07S69
1415	S69-02092			Hồ Duy Lâm	Khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	02077/07S69
1416	S69-02093			Phan Văn Quốc	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	02078/07S69
1417	S69-02094	CM-04096		Trần Ngọc Thiệp	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	25/08/2009	25/08/2010	05126/09S69
1418	S69-02095	CM-04093		Nguyễn Ngọc Hôn	Khóm 4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	03/02/2010	03/02/2011	00699/10S69
1419	S69-02096			Huỳnh Văn Thọ	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	14/08/2007	14/02/2008	02081/07S69
1420	S69-02100	CM-00624	Đồ Hàng	Trần Thích	107A Trương Phùng Xuân,K5,P8, Thành phố Cà Mau	23/04/2013	23/04/2014	02269/13S69
1421	S69-02101	CM-04100		Nguyễn Văn Tịnh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03551/12S69
1422	S69-02102	CM-03264		Lâm Văn Thành	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	16/08/2007	16/08/2008	02088/07S69
1423	S69-02103	CM- 02053		Trần Thanh Hiền	ấp 19/5, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2010	31/12/2011	06405/10S69
1424	S69-02104	CM-00662		Nguyễn Văn Chung	365 K4, P5, Thành phố Cà Mau	16/08/2007	16/02/2008	02090/07S69
1425	S69-02105	CM-04099		Lê Văn Chức	ấp Hoà Trung , Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	15/06/2010	15/06/2011	03182/10S69
1426	S69-02106			Trần Văn Phong	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/08/2007	16/02/2008	02095/07S69
1427	S69-02107			Nguyễn Văn Hùng	Khóm 7, Phường 7, TP Cà Mau, Thành phố Cà Mau	26/04/2010	26/04/2011	02343/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1428	S69-02109			Nguyễn Văn Bình	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/08/2007	16/02/2008	02096/07S69
1429	S69-02110			Phạm Chí Thanh	K1 TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	16/08/2007	16/08/2008	02100/07S69
1430	S69-02111	CM-04137		Nguyễn Hoàng Sa	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	25/08/2014	25/08/2015	02310/14S69
1431	S69-02114			Trần Văn Đầy	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	16/08/2007	16/02/2008	02104/07S69
1432	S69-02115	CM-04092		Nguyễn Tý Hon	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/09/2008	02/09/2009	06206/08S69
1433	S69-02116	CM-04173		Lê Văn Hoàng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	03/11/2010	03/11/2011	05489/10S69
1434	S69-02117	CM-00570		Nguyễn Văn Phi	137, Trương Phùng Xuân, K5, P8, Thành phố Cà Mau	16/08/2007	16/02/2008	02108/07S69
1435	S69-02118	CM-04178		Nguyễn Minh Đương	ấp 7, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	20/03/2009	20/03/2010	01957/09S69
1436	S69-02119	CM-04181		Nguyễn Tấn Đức	Khóm 3, Phường 5, Thành phố Cà Mau	02/03/2009	02/03/2010	01069/09S69
1437	S69-02120	CM-04168		Nguyễn Hoàng Phong	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	19/02/2009	19/02/2010	00916/09S69
1438	S69-02122			Trần Văn Cảnh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/08/2007	16/02/2008	02113/07S69
1439	S69-02124	CM-02068	Ghe	Trần Văn Quyền	19/5, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	29/07/2014	29/07/2015	02083/14S69
1440	S69-02125			Lê Việt Thuấn	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	16/08/2007	16/02/2008	02116/07S69
1441	S69-02126	CM-04166		Vương Minh Liệt	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	08/04/2009	08/04/2010	00264/09V69
1442	S69-02127	CM-04155		Thái Hoàng Cương	Khóm 4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	05/06/2015	05/06/2016	01060/15S69
1443	S69-02128	CM-04154		Lê Tuấn Anh	Khóm 4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	06/11/2012	06/11/2013	06073/12S69
1444	S69-02129	CM-04174		Nguyễn Văn Thanh	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	01/02/2010	01/02/2011	00660/10S69
1445	S69-02130			Nguyễn Thanh Phong	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	16/08/2007	16/02/2008	02122/07S69
1446	S69-02131			Huỳnh Hữu Ân	Khóm 2, Phường 5, Thành phố Cà Mau	16/08/2007	16/08/2008	02123/07S69
1447	S69-02132			Trần Phước Tài	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02124/07S69
1448	S69-02133			Trần Trường An	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	01215/07S69
1449	S69-02134			Nguyễn Văn Chọn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	01216/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1450	S69-02135	CM-06307		Đặng Văn Bình	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/02/2012	16/02/2013	00537/12S69
1451	S69-02136			Trần Văn Kiển	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02128/07S69
1452	S69-02137			Giã Thanh Phong	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08811/08S69
1453	S69-02138			Thạch Ngal	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02130/07S69
1454	S69-02139			Trần Phước Tài	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02131/07S69
1455	S69-02140			Nguyễn Hồng Sơn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02132/07S69
1456	S69-02141	CM-05067		Đặng Hùng Tính	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/04/2008	22/04/2009	02820/08S69
1457	S69-02142			Nguyễn Văn Diển	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02134/07S69
1458	S69-02143			Nguyễn Quốc Toàn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02135/07S69
1459	S69-02144			Trần Văn Dũng	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02136/07S69
1460	S69-02145	CM-05395		Nguyễn Văn Toàn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08826/08S69
1461	S69-02146			Bùi Văn Khanh	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08831/08S69
1462	S69-02147			Lê Văn Minh	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02139/07S69
1463	S69-02148			Lê Chuyển Quân	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02140/07S69
1464	S69-02149			Phạm Văn Đua	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02141/07S69
1465	S69-02150			Đặng Anh Nhanh	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08824/08S69
1466	S69-02151			Nguyễn Tấn Cung	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02143/07S69
1467	S69-02152	CM-06811		Bùi Trung Kiên	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08817/08S69
1468	S69-02153			Nguyễn Văn út	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02145/07S69
1469	S69-02154	CM-04554		Đặng Văn Hơ	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	03/11/2009	03/11/2010	06526/09S69
1470	S69-02155			Nguyễn Văn Luận	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02147/07S69
1471	S69-02156			Đỗ Văn Khuyên	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02148/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1472	S69-02157			Thạch Lợi	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	06/09/2007	05/08/2008	02149/07S69
1473	S69-02158			Lê So Ni	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02150/07S69
1474	S69-02159			Nguyễn Văn Hiền	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02151/07S69
1475	S69-02160			Nguyễn Tấn Tài	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08830/08S69
1476	S69-02161			Phạm Minh Chiếm	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02153/07S69
1477	S69-02162			Nguyễn Thành Tài	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02154/07S69
1478	S69-02163			Phạm Văn Bi	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02155/07S69
1479	S69-02164			Nguyễn Văn Đông	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02156/07S69
1480	S69-02165			Tăng Hòa An	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02157/07S69
1481	S69-02166			Lê Văn Lỗi	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02158/07S69
1482	S69-02167			Lê Bé Tư	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02159/07S69
1483	S69-02168			Cao Văn Sơn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02160/07S69
1484	S69-02169			Dương Thành Đạm	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02161/07S69
1485	S69-02170			Cao Tấn Đạt	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02162/07S69
1486	S69-02171			Hồ Văn Xuyên	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02163/07S69
1487	S69-02172			Ngô Văn Quốc	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02164/07S69
1488	S69-02173			Phạm Văn Hoàng	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02165/07S69
1489	S69-02174			Trần Văn Lôm	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02166/07S69
1490	S69-02175			Trần Trường An	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02168/07S69
1491	S69-02177			Trương Chí Tình	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02169/07S69
1492	S69-02178			Trần Văn Cảnh	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02170/07S69
1493	S69-02179	CM-04195		Tăng Xanh Nhỏ	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08828/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1494	S69-02181			Thạch Văn Hường	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02173/07S69
1495	S69-02182			Thạch Phul	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02174/07S69
1496	S69-02183			Nguyễn Văn Đồi	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02175/07S69
1497	S69-02184			Lê Văn Quận	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02176/07S69
1498	S69-02185			Nguyễn Văn Giàu	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	02177/07S69
1499	S69-02186			Lê Trọng Nguyễn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02178/07S69
1500	S69-02188			Lê Văn Diệp	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	02183/07S69
1501	S69-02189			Lê Hoàng Hợp	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	21/08/2007	21/08/2008	02184/07S69
1502	S69-02190	CM-00803		Nguyễn Văn Ngộ	120C Trương Phùng Xuân,k2,P8, Thành phố Cà Mau	15/03/2012	15/03/2014	00964/12S69
1503	S69-02191			Phan Văn Châu	Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	21/08/2007	21/08/2008	02186/07S69
1504	S69-02192	CM-04180		Nguyễn Phúc Lâm	ấp Hiệp Hoà Tây, Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01486/11S69
1505	S69-02195			Vưu Trường An	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	21/08/2007	21/08/2008	02190/07S69
1506	S69-02196			Thái Văn Dữ	13/2 Lâm Thành Mậu K4, P4, Thành phố Cà Mau	21/08/2007	21/02/2008	02191/07S69
1507	S69-02197	CM-04153		Nguyễn Hoàng Nhung	Xã Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2011	08/08/2012	02585/11S69
1508	S69-02198			Huỳnh Văn Được	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	21/08/2007	21/08/2008	02193/07S69
1509	S69-02199	CM-01796		Nguyễn Hữu Hạnh	ấp Đức An , Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	21/08/2007	21/08/2008	02194/07S69
1510	S69-02202	CM-01217		Phạm Quốc Anh	ấp Đức An, Phú Hưng, Huyện Cái Nước	19/10/2011	19/10/2012	03754/11S69
1511	S69-02205	CM-04151		Huỳnh Thanh Hoàng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/04/2010	15/04/2011	02065/10S69
1512	S69-02208			Nguyễn Văn Thắng	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	21/08/2007	21/02/2008	02204/07S69
1513	S69-02211	CM-04156		Hứa Văn Hiếu	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	28/05/2014	28/05/2015	01396/14S69
1514	S69-02213			Dương Vĩnh Quốc	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	21/08/2007	21/08/2008	02209/07S69
1515	S69-02214			Nguyễn Minh Hoàng	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	21/08/2007	21/08/2008	02210/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1516	S69-02215	CM-04170		Phan Trọng Chí	Khóm 3, Phường 4, Thành phố Cà Mau	28/12/2012	28/12/2013	10284/12S69
1517	S69-02216			Lê Văn Mung	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	21/08/2007	21/02/2008	02212/07S69
1518	S69-02217	CM-03777		Lâm Minh Đức	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	09/04/2013	09/04/2014	02093/13S69
1519	S69-02218	CM-02196		Nguyễn Thị Tuyết Hồng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	26/06/2014	26/06/2015	01720/14S69
1520	S69-02219	CM- 02199		Mã Thanh Hải	Khóm 5, TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	26/06/2014	26/06/2015	01721/14S69
1521	S69-02225	CM-04161		Phan Quốc Thoại	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	10/03/2011	10/03/2012	00802/11S69
1522	S69-02227	CM-04163		Nguyễn Thanh Danh	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	02/07/2015	02/07/2016	01216/15S69
1523	S69-02228	CM-00355		Huỳnh Thị Nga	KI, P8, Thành phố Cà Mau	19/11/2009	19/11/2010	06666/09S69
1524	S69-02229	CM-04162		Nguyễn Văn Dũng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/05/2010	04/05/2011	02439/10S69
1525	S69-02232			Hồng Công Đình	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	23/08/2007	23/08/2008	02230/07S69
1526	S69-02233	CM-01967		Trịnh Văn Hữu	Khóm III, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	18/08/2011	18/08/2012	02779/11S69
1527	S69-02234			Lê Hoàng Khải	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	23/08/2007	23/08/2008	02232/07S69
1528	S69-02235	CM-01443	BẢO XUYỀN	Phạm Văn Hường	K4, TT U Minh, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06972/09S69
1529	S69-02236	CM-00741		Nguyễn Hồng Khanh	189 Trương Phùng Xuân,K2, P8, Thành phố Cà Mau	23/08/2007	23/02/2008	02235/07S69
1530	S69-02237	CM-04184		Lê Văn Ngời	Xã Khánh An, Huyện U Minh	01/07/2011	01/01/2012	02172/11S69
1531	S69-02239	CM-01612		Trình Văn Khoa	Khóm 3 , TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04255/10S69
1532	S69-02240	CM-00599		Lê Tuấn	K5, P8, Thành phố Cà Mau	23/08/2007	23/02/2008	02239/07S69
1533	S69-02242	CM-04146		Phan Phương Bình	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/01/2013	01/01/2014	00007/13S69
1534	S69-02243			Phan Văn Ngời	Khóm4 Phường4, Thành phố Cà Mau	23/08/2007	23/02/2008	02242/07S69
1535	S69-02244			Chung Văn Xê	K4, P4, Thành phố Cà Mau	23/08/2007	23/02/2008	02243/07S69
1536	S69-02246	CM-04188		Trần Văn Đức	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	06/07/2012	06/07/2013	03571/12S69
1537	S69-02247			Nguyễn Minh Vương	ấp I, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	24/08/2007	24/08/2008	02246/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1538	S69-02248			Nguyễn Hoàng Bế	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02248/07S69
1539	S69-02249			Ngô Văn Co	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02249/07S69
1540	S69-02250			Phan Ngọc Tươi	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02250/07S69
1541	S69-02251			Nguyễn Chương Thiện	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02251/07S69
1542	S69-02252	CM-04482		Đặng Văn Cảnh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	03/06/2014	03/06/2015	01477/14S69
1543	S69-02253			Trần Văn Vũ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02253/07S69
1544	S69-02254			Trần Văn Tính	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2008	10/04/2009	02272/08S69
1545	S69-02255			Lê Văn Vũ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02255/07S69
1546	S69-02256			Đặng Văn Bé	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02256/07S69
1547	S69-02257	CM-04549		Trần Văn Xiểu	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/01/2010	13/01/2011	00189/10S69
1548	S69-02258	CM-04895		Nguyễn Văn Sơn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2013	26/11/2014	05911/13S69
1549	S69-02259			Võ Văn Phó	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02259/07S69
1550	S69-02260			Võ Thế Hùng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02260/07S69
1551	S69-02261			Trần Thanh Thuồng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02261/07S69
1552	S69-02262			Phạm Minh Chiến	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02262/07S69
1553	S69-02263	CM-04542		Nguyễn Quốc Cường	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	29/08/2008	29/08/2009	06195/08S69
1554	S69-02264	CM-04491		Đặng Văn Móc	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01923/11S69
1555	S69-02265			Lâm Văn Non	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/02/2012	13/02/2013	00468/12S69
1556	S69-02266			Lê Quốc Thuấn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02266/07S69
1557	S69-02267	CM:04487		Đặng Văn Tính	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01941/11S69
1558	S69-02268			Lý Vũ Ca	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02268/07S69
1559	S69-02269			Hồ Đức Khải	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	25/06/2008	25/06/2009	04861/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1560	S69-02270			Nguyễn Văn Thía	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02270/07S69
1561	S69-02271			Phạm Văn Cuộc	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02271/07S69
1562	S69-02272	CM-04664		Nguyễn Văn Tới	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/09/2008	02/09/2009	06204/08S69
1563	S69-02273	CM-04663		Nguyễn Liêm Chính	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/09/2008	02/09/2009	06205/08S69
1564	S69-02274			Lê Xuân Anh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02274/07S69
1565	S69-02275	CM-04551		Dư Văn Ngẫu	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/03/2015	00637/14S69
1566	S69-02276			Phạm Hồng Điệp	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02276/07S69
1567	S69-02277	CM- 04495		Huỳnh Văn Lực	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09510/08S69
1568	S69-02278			Mai Văn Dừa	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02278/07S69
1569	S69-02279			Lý Văn Vũ	Xã khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02279/07S69
1570	S69-02280			Trần Văn Huỳnh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02280/07S69
1571	S69-02281	CM-04483		Lý Quốc Cường	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2008	05/12/2009	09646/08S69
1572	S69-02282	CM-04529		Nguyễn Văn Tiến	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2011	10/11/2012	04122/11S69
1573	S69-02283			Nguyễn Văn út	Xã khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	02283/07S69
1574	S69-02284	CM-04494		Đặng Văn Xiêm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01922/11S69
1575	S69-02285			Nguyễn Thuỳ Dương	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02285/07S69
1576	S69-02287			Nguyễn Tấn Đạt	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02287/07S69
1577	S69-02288			Nguyễn Văn Ngon	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02288/07S69
1578	S69-02289			Phước Minh Kha	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02289/07S69
1579	S69-02290			Mai Văn Lạc	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02290/07S69
1580	S69-02291			Nguyễn Văn Thủ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02291/07S69
1581	S69-02292			Hồ Đức Diễm	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	02292/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1582	S69-02294			Trương Văn Tạo	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/07/2007	28/07/2008	02297/07S69
1583	S69-02296	CM-01724		Lương Văn Hiệp	ấp Hoà Trung xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	16/08/2012	16/02/2013	04444/12S69
1584	S69-02298			Trịnh Trương Liệp	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2007	28/08/2008	02302/07S69
1585	S69-02299	CM- 00660		Dương Huệ Minh	K2, P8, Thành phố Cà Mau	28/08/2007	28/02/2008	02303/07S69
1586	S69-02300			Võ Văn Cai	ấp Hoà Nam, Thành phố Cà Mau	28/08/2007	28/08/2008	02304/07S69
1587	S69-02301	CM-03263		Huỳnh Kim Hiên	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	14/09/2009	14/09/2010	05541/09S69
1588	S69-02302			Lê Minh Chiến	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2007	28/02/2008	02306/07S69
1589	S69-02303	CM-01424		Trần Văn Nuôi	ấp Gành Hào,Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	01/10/2010	01/10/2011	05088/10S69
1590	S69-02304			Đặng Văn Tạng	Xã Khanh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2007	28/08/2008	02308/07S69
1591	S69-02306			Trần Quốc Toàn	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	28/08/2007	28/08/2008	02310/07S69
1592	S69-02307			Cao Chí Nghiệp	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2007	28/08/2008	02311/07S69
1593	S69-02308			Phạm Văn Thuận	Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	28/08/2007	28/02/2008	02312/07S69
1594	S69-02309			Võ Việt Linh	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	28/08/2007	28/08/2008	02313/07S69
1595	S69-02310			Đoàn Văn Tú	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	28/08/2007	28/08/2008	02314/07S69
1596	S69-02311	CM-04201		Cao Chí Túc	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	22/12/2008	22/12/2009	10090/08S69
1597	S69-02312			Trần Kha Lal	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2007	28/08/2008	02316/07S69
1598	S69-02313			Trần Hiên Lợi	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	15/01/2009	15/01/2010	00190/09S69
1599	S69-02314	CM-04199		Nguyễn Bé Năm	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	23/12/2008	23/12/2009	10409/08S69
1600	S69-02315			Huỳnh Văn Sĩ	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2007	28/08/2008	02319/07S69
1601	S69-02316			Cao Bình Yên	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	18/12/2008	18/12/2009	10053/08S69
1602	S69-02317			Trần Thanh Toàn	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	01/04/2009	01/04/2010	02280/09S69
1603	S69-02318	CM-04203		Huỳnh Văn Tánh	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01501/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1604	S69-02320	CM-02914	Phà bơm cát (Ba1)	CTY TNHH Xây Dựng Bảo An	K3, Phường 7, Thành phố Cà Mau	08/11/2013	08/11/2014	05700/13S69
1605	S69-02321	CM-04224		Ngô Phú Hiệu	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2008	12/11/2009	08952/08S69
1606	S69-02323			Huỳnh Minh Chí	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	30/08/2007	28/02/2008	02327/07S69
1607	S69-02326	CM-04211		Trần Tấn Lực	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	25/08/2009	25/08/2010	05127/09S69
1608	S69-02328	CM-04217		Cao Văn Mững	Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	10/09/2008	10/09/2009	06237/08S69
1609	S69-02330	CM-04221		Phan Thị Mai Thảo	Xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	21/05/2009	21/05/2010	02852/09S69
1610	S69-02331	CM-01804		Nguyễn Văn Phận	120 Trương Phùng Xuân, K2, P8, Thành phố Cà Mau	02/11/2011	02/11/2012	04046/11S69
1611	S69-02332			Nguyễn Văn Sặng	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	30/08/2007	30/08/2008	02336/07S69
1612	S69-02333			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	30/08/2007	30/08/2008	02337/07S69
1613	S69-02334			Nguyễn Kim Thanh	K9, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	02339/07S69
1614	S69-02335			Nguyễn Kim Thanh	Khóm 9, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	02340/07S69
1615	S69-02337	CM-04319		Lê Công Trung	Bùng Bình II, Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	15/08/2013	15/08/2014	03892/13S69
1616	S69-02338	CM-01453		Nguyễn Thị ánh	ấp Xóm Chùa, Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	19/08/2008	19/08/2009	06125/08S69
1617	S69-02339			Dương Văn Hữu	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	30/08/2007	28/02/2008	02344/07S69
1618	S69-02340	CM-04215		Bùi Văn Năm	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	08/03/2011	08/03/2012	00770/11S69
1619	S69-02341	CM-04218		Trương Văn Hậu	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	18/11/2013	18/11/2014	05815/13S69
1620	S69-02342	CM-00659		Lê Thanh Tùng	242B Trương Phùng Xuân, K4, P8, Thành phố Cà Mau	16/05/2011	16/05/2012	01597/11S69
1621	S69-02343			Liên Văn Dũng	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	30/08/2007	30/08/2008	02348/07S69
1622	S69-02344	CM-04307		Võ Văn Lâm	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	23/03/2015	23/03/2016	00531/15S69
1623	S69-02345			Trương Văn Lập	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	30/08/2007	30/08/2008	02350/07S69
1624	S69-02346			Bùi Văn Trụ	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	30/08/2007	30/08/2008	02351/07S69
1625	S69-02348			Liên Minh Phát	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	30/08/2007	30/08/2008	02353/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1626	S69-02350			Nguyễn Văn Kiệt	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02355/07S69
1627	S69-02351			Trần Văn Hồng	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02356/07S69
1628	S69-02352	CM-04308		Nguyễn Văn Anh	Số 80 C, Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	09/03/2010	09/03/2011	01106/10S69
1629	S69-02353	CM-04291		Nguyễn Quốc Lực	84 Trương Phùng Xuân, K4, P8, Thành phố Cà Mau	02/11/2010	02/11/2011	05676/10S69
1630	S69-02355	CM - 03417		Cao Văn Dũng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00154/11S69
1631	S69-02357			Lê Văn Lợi	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02363/07S69
1632	S69-02358			Nguyễn Thị Tuyết	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02364/07S69
1633	S69-02360			Cao Toàn Diện	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04278/09S69
1634	S69-02361			Trương Văn Hùng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02367/07S69
1635	S69-02362			Lê Văn Dũng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02368/07S69
1636	S69-02363			Trần Văn Tạo	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02369/07S69
1637	S69-02364			Nguyễn Trường Sơn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02370/07S69
1638	S69-02365			Nguyễn Chí Tâm	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02371/07S69
1639	S69-02366			Trần Phi Long	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02372/07S69
1640	S69-02367			Nguyễn Hùng Em	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04279/09S69
1641	S69-02368			Trương Văn Sơn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02374/07S69
1642	S69-02369			Huỳnh Quốc Khải	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/01/2008	02375/07S69
1643	S69-02370			Hồ Trường Thịnh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02376/07S69
1644	S69-02371			Phạm Minh Thương	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02377/07S69
1645	S69-02372			Phạm Phi Thành	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02378/07S69
1646	S69-02373			Trần Văn Đạm	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02379/07S69
1647	S69-02374			Nguyễn Văn Nguyễn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02380/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1648	S69-02375			Nguyễn Hoàng Danh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02381/07S69
1649	S69-02376			Phan Trọng Lý	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02382/07S69
1650	S69-02377			Nguyễn Ngọc Thanh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02383/07S69
1651	S69-02378			Trần Thanh Toàn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02384/07S69
1652	S69-02379			Võ Hoàng Anh	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02385/07S69
1653	S69-02380			Tạ Thanh Tuấn	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/07/2007	01/07/2008	02386/07S69
1654	S69-02381	CM-01191		Ngô Minh Hoàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	04/09/2007	04/09/2008	02387/07S69
1655	S69-02382	CM-00671		Huỳnh Công Hiệp	K4, P8, Thành phố Cà Mau	04/09/2007	04/03/2008	02388/07S69
1656	S69-02384			Nguyễn Văn Chính	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2007	04/09/2008	02389/07S69
1657	S69-02387			Võ Văn Hiền	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	04/09/2007	04/09/2008	02392/07S69
1658	S69-02388	CM-04576		Ngô Văn Hào	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	11/01/2011	11/01/2012	00125/11S69
1659	S69-02389			Trần Minh Phụng	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	04/09/2007	04/09/2008	02394/07S69
1660	S69-02390			Lê Văn Toàn	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	04/09/2007	04/09/2008	02395/07S69
1661	S69-02392			Đỗ Tấn Em	ấp Cái Ngang, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	04/09/2007	04/09/2008	02397/07S69
1662	S69-02393	CM-02306	Ghe Tải	Trần Văn Ngan	Khóm 6, Phường 1, Thành phố Cà Mau	06/08/2010	06/08/2011	04211/10S69
1663	S69-02394	CM-04284		Lê Tứ Hải	128A Lý Văn Lâm, K5, P1, Thành phố Cà Mau	20/11/2012	20/11/2013	07087/12S69
1664	S69-02395			Thái Văn Toàn	13/2 LâmThành Mậu, K4, P4, Thành phố Cà Mau	04/09/2007	04/03/2008	02400/07S69
1665	S69-02396	CM-01884		Nguyễn Tuấn Hương	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	11/02/2014	11/02/2015	00372/14S69
1666	S69-02397	CM-04608		Huỳnh Ngọc Sang	Khóm II, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2009	20/05/2010	02879/09S69
1667	S69-02398	CM-04615		Nguyễn Đức Thọ	Xã Hồ Thị kỷ, Huyện Thới Bình	28/03/2012	28/03/2013	01254/12S69
1668	S69-02399	CM-03231		Nguyễn Minh Tính	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	30/08/2007	28/02/2008	02404/07S69
1669	S69-02400	CM-04293		CTY TNHH MTV VL XD Trang Trí NT Công Thành	Kinh Xáng Bạc Liêu, K7, P7, Thành phố Cà Mau	26/10/2011	26/10/2012	03864/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1670	S69-02404			Huỳnh Văn Lắm	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	02407/07S69
1671	S69-02405			Đỗ Văn Sấm	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/02/2008	02408/07S69
1672	S69-02406	CM-04622		Phạm Dương Thanh Hiền	Xã khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	07/06/2011	07/06/2012	01853/11S69
1673	S69-02407			Trần Phước Quang	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	02410/07S69
1674	S69-02408			Lê Anh Kiệt	33 Lý Văn Lâm, K5, P1, Thành phố Cà Mau	04/09/2007	04/03/2008	02411/07S69
1675	S69-02409			Mai Thành Gọng	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	04/09/2007	04/03/2008	02412/07S69
1676	S69-02410	CM-00283	Kim Thành	Tạ Quốc Lập	số 96A, Đ. Gành Hào,K7, P7, Thành phố Cà Mau	23/11/2010	23/11/2011	05744/10S69
1677	S69-02411	CM - 04335		Trương Văn Chiêu	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05069/10S69
1678	S69-02412	CM- 01403	Ghe tải	Võ Văn Nghị	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	15/04/2010	15/04/2011	00151/10S65
1679	S69-02414	CM-04289		Nguyễn Văn Khánh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/04/2013	02/04/2014	02052/13S69
1680	S69-02415	CM-04564		Nguyễn Văn Tính	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	28/01/2010	28/01/2011	00521/10S69
1681	S69-02417	CM-02236		Đỗ Văn Hai	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/12/2013	16/12/2014	06210/13S69
1682	S69-02418		Thúy Diễm	Trần Văn Đức	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/10/2008	02/10/2009	06833/08S69
1683	S69-02419			Nguyễn Văn Đông	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/09/2007	06/09/2008	02422/07S69
1684	S69-02420	CM- 04286		Trần Văn Xuân	Khánh Bình Đông, Thành phố Cà Mau	02/04/2014	02/03/2015	00275/14V94
1685	S69-02421			Lý Văn Khởi	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	04/09/2007	04/09/2008	02424/07S69
1686	S69-02423			Trịnh Hoàng Hiện	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	06/09/2007	06/09/2008	02426/07S69
1687	S69-02424	CM-04287		Nguyễn Văn Sang	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03427/12S69
1688	S69-02425			Nguyễn Hoàng Phương	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	17/02/2009	17/02/2010	00702/09S69
1689	S69-02426	CM-04655		Lê Văn Kinh	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	14/10/2010	14/10/2011	05202/10S69
1690	S69-02427			Trần Văn Thà	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	06/09/2007	06/09/2008	02430/07S69
1691	S69-02429	CM-04719		Phan Trung Thành	ấp Cái Su, Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	11/08/2010	11/08/2011	04263/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1692	S69-02432	CM-05066		Nguyễn Trường Giang	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2011	10/04/2012	01232/11S69
1693	S69-02433			Lê Văn Hiệp	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	06/09/2007	06/09/2008	02436/07S69
1694	S69-02434			Trần Thanh Nam	122 Khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau	07/12/2009	07/12/2010	06920/06S69
1695	S69-02435	CM-04597		Nguyễn Minh Quang	ấp 7, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	17/04/2014	17/04/2015	01021/14S69
1696	S69-02436	CM-04596		Nguyễn Hoàng Huấn	ấp Gành hào 2, Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	28/03/2012	28/03/2013	01253/12S69
1697	S69-02437			Nguyễn Văn Phát	ấp Hòa Đông, Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	06/09/2007	06/09/2008	02440/07S69
1698	S69-02438	CM-05484		Hà Thanh Phương	89 Lê Lợi, Khóm 3, Phường2, Thành phố Cà Mau	28/10/2008	28/10/2009	08299/08S69
1699	S69-02439	CM-04583		Cao Văn Thắng	Khóm4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	29/05/2014	29/05/2015	01458/14S69
1700	S69-02440	CM-04588		Đặng Văn Tèo	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/12/2014	30/12/2015	03622/15S69
1701	S69-02441			Phan Thanh Lâm	259 Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	06/09/2007	07/09/2008	02444/07S69
1702	S69-02442			Trần Văn Vẹn	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	06/09/2007	06/09/2008	02445/07S69
1703	S69-02443	CM-04603		Võ Thị Thu Kiều	41 Tôn Đức Thắng K8, P5, Thành phố Cà Mau	20/06/2008	20/06/2009	04665/08S69
1704	S69-02444			Nguyễn Khánh An	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	21/08/2007	21/08/2008	02447/07S69
1705	S69-02445	CM-01723	CM-01723	Nguyễn Thị Khởi	ấp 7, Nguyễn Phích, Huyện U Minh	05/11/2013	05/05/2014	05685/13S69
1706	S69-02447			Huỳnh Văn Chiến	ấp Trần Độ, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02690/07S69
1707	S69-02448			Nguyễn Hải Triều	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02691/07S69
1708	S69-02449			Nguyễn Văn Thả	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02692/07S69
1709	S69-02450			Lê Văn Hồng	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02693/07S69
1710	S69-02451	CM-06032		Phan Thành Núi	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	08/12/2008	08/12/2009	09765/08S69
1711	S69-02452			Hoàng Phi Long	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02695/07S69
1712	S69-02453	CM-05173		Phan Văn Sơn	ấp Trần Độ, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	24/02/2010	24/02/2011	00910/10S69
1713	S69-02454			Lê Hoàng Anh	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02697/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1714	S69-02455	CM-05237		Trần Văn Khanh	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	17/12/2008	17/12/2009	10025/08S69
1715	S69-02456			Nguyễn Văn Em	ấp Bào Bèo, Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02699/07S69
1716	S69-02457			Lê Hoàng Ái	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02700/07S69
1717	S69-02458			Trần Văn Đoàn	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02701/07S69
1718	S69-02459			Ngân Hàng NN và PTNT Huyện Cái Nước	Khóm II, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02702/07S69
1719	S69-02460			Tô Văn Dũng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02703/07S69
1720	S69-02461			Lê Văn Sửu	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02704/07S69
1721	S69-02462			Thái Minh Trên	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02705/07S69
1722	S69-02463			Phan Văn Thọ	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02706/07S69
1723	S69-02464			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02707/07S69
1724	S69-02465			Nguyễn Công Khanh	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02708/07S69
1725	S69-02466	CM-05425		Nguyễn Văn Ngộ	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/10/2010	18/10/2011	05231/10S69
1726	S69-02467	CM-03500		Nguyễn Hải Vui	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01328/11S69
1727	S69-02468			Huỳnh Văn Pho	ấp Trần Độ, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02711/07S69
1728	S69-02469			Phan Văn Thống	ấp Trần Độ, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02712/07S69
1729	S69-02470			Trần Văn Nhanh	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02713/07S69
1730	S69-02471			Võ Văn Bi	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02714/07S69
1731	S69-02472			Trần Văn No	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02715/07S69
1732	S69-02473			Trần Văn Ngọt	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02716/07S69
1733	S69-02474	CM-07730		Nguyễn Văn Nhứt	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	28/02/2011	28/02/2012	00632/11S69
1734	S69-02475	CM-05264		Trần Văn Lâm	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02878/09S69
1735	S69-02477			Lưu Văn Trận	ấp Tân Hiệp, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02721/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1736	S69-02478			Trần Văn Bén	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02722/07S69
1737	S69-02479			Lê Hoàng Cương	ấp Tân Hiệp, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02724/07S69
1738	S69-02480			Trần Thanh Lâm	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02725/07S69
1739	S69-02481			Dương Thành Bé	Láng Cùng, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02726/07S69
1740	S69-02482			Trần Văn Thuận	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02727/07S69
1741	S69-02483			Lê Minh Khoẻ	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02728/07S69
1742	S69-02484			Lê hoàng Xía	ấp Tân Hiệp, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02729/07S69
1743	S69-02485			Võ Văn Sang	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02730/07S69
1744	S69-02486			Lê Văn Hùng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02731/07S69
1745	S69-02487		Hoàng Lập	Ngô Minh Thùy	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02732/07S69
1746	S69-02488			Trần Văn Ngót	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02733/07S69
1747	S69-02489			Trần Văn Kía	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02734/07S69
1748	S69-02490			Trần Văn Mót	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02735/07S69
1749	S69-02491			Nguyễn Thanh Tùng	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02736/07S69
1750	S69-02492	CM-05242		Nguyễn Văn Khôn	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	14/08/2009	14/08/2010	04901/09S69
1751	S69-02493			Nguyễn Văn Hữu	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02738/07S69
1752	S69-02494			Mạc Văn út	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02739/07S69
1753	S69-02495			Phạm Quốc Hận	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02742/07S69
1754	S69-02496	CM-06044		Nguyễn Văn Mạnh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	21/01/2010	21/01/2011	00361/10S69
1755	S69-02497			Hồ Thanh Phương	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02744/07S69
1756	S69-02498			Lê Quốc Toàn	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02745/07S69
1757	S69-02499			Lê Tuấn Khanh	ấp Năm Đăm, Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02746/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1758	S69-02500			Nguyễn Văn Vũ	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02747/07S69
1759	S69-02501			Nguyễn Văn Nghĩa	Láng Cùg, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02748/07S69
1760	S69-02502			Nguyễn Văn Tài	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02749/07S69
1761	S69-02503			Nguyễn Văn Rol	ấp Nhà Phấn, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02750/07S69
1762	S69-02504			Trần Văn Thoàng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02751/07S69
1763	S69-02505			Hàn Bé Tư	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02752/07S69
1764	S69-02506	CM-05230		Hàng Văn Quang	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01885/12S69
1765	S69-02507	CM-05256		Trần Hùng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01877/12S69
1766	S69-02508			Nguyễn Minh Lương	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02755/07S69
1767	S69-02509			Lê Hồng Châu	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02756/07S69
1768	S69-02510			Nguyễn Hoàng Lâm	Rau Dừa B, Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02757/07S69
1769	S69-02511			Phan Văn Cửu	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02758/07S69
1770	S69-02512			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02759/07S69
1771	S69-02513			Ngân Hàng NN và PTNT Huyện Cái Nước	Khóm II, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02760/07S69
1772	S69-02514			Mạc Văn Mil	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	24/10/2008	24/10/2009	07734/08S69
1773	S69-02515			Bùi Minh Thức	ấp Tân Hòa, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02762/07S69
1774	S69-02516			Nguyễn Văn Mách	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02763/07S69
1775	S69-02517			Trần Thị Tem	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02764/07S69
1776	S69-02518	CM-05261		Đặng Hoàng Anh	Tân Hiệp, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/03/2009	11/03/2010	01524/09S69
1777	S69-02520			Nguyễn Thế Lực	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02767/07S69
1778	S69-02521	CM-05257		Trương Văn Dinh	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	16/02/2009	16/02/2010	00695/09S69
1779	S69-02522			Phạm Huy Hoàng	ấp Bào Bèo, Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02769/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1780	S69-02523			Nguyễn Văn Thùy	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02770/07S69
1781	S69-02524	CM-05224		Lưu Văn Te	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	21/09/2009	21/09/2010	05817/09S69
1782	S69-02525			Huỳnh Văn Toán	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02772/07S69
1783	S69-02526			Hồ Trung Tính	ấp Tân Hiệp, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02773/07S69
1784	S69-02527			Lê Chí Dũng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02774/07S69
1785	S69-02528			Nguyễn Văn Hải	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02775/07S69
1786	S69-02529			Ngô Văn Toàn	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02776/07S69
1787	S69-02530	CM-05136		Nguyễn Ngọc Bửu	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/11/2010	09/11/2011	05516/10S69
1788	S69-02531			Nguyễn Văn Vui	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02778/07S69
1789	S69-02532			Phan Quốc Thống	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02779/07S69
1790	S69-02533		Bảo Vi	Đặng Thanh Tuấn	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02780/07S69
1791	S69-02534			Phùng Ngọc Sáu	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02781/07S69
1792	S69-02535			Phan Văn Kha	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02782/07S69
1793	S69-02536			Trần Văn Sơn	Láng Cùg, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02783/07S69
1794	S69-02537			Huỳnh Thanh Hồng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02784/07S69
1795	S69-02538			Lâm Thành Kịch	Hoà Trung,,Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02785/07S69
1796	S69-02539			Đào Minh Hằng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02786/07S69
1797	S69-02540			Đặng Đông Khởi	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02787/07S69
1798	S69-02541			Võ Văn Phục	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02788/07S69
1799	S69-02542			Trần Quốc Thôn	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02789/07S69
1800	S69-02543			Nguyễn Ngọc ảnh	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02790/07S69
1801	S69-02544	CM-06042		Nguyễn Thành Như	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	28/04/2012	27/04/2013	01873/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1802	S69-02545	CM-06031		Dương Quốc Khởi	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01881/12S69
1803	S69-02546			Bùi Ngọc Thắng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02793/07S69
1804	S69-02547			Nguyễn Văn Hùm	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02794/07S69
1805	S69-02548			Lâm Minh Dương	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/09/2007	09/03/2008	02795/07S69
1806	S69-02549	CM-08974		Nguyễn Văn Yên	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	01/06/2010	01/06/2011	03059/06S69
1807	S69-02550			Võ Văn Thời	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02797/07S69
1808	S69-02551			Nguyễn Văn Mù	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02798/07S69
1809	S69-02552	CM-		Đặng Thanh Tùng	ấp Tân Hiệp, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04083/12S69
1810	S69-02553			Lê Văn Năm	ấp Nhà Phấn , Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02800/07S69
1811	S69-02554			Trần Văn Bính	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02801/07S69
1812	S69-02555			Trần Văn Chuẩn	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02802/07S69
1813	S69-02556	CM-		Lê Văn Minh	Tân Bửu, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02803/07S69
1814	S69-02557	CM-01237		Nguyễn Minh Trn	Tân Bửu, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02804/07S69
1815	S69-02558	CM-06040		Dương Thị Bằng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/07/2014	09/07/2015	01839/14S69
1816	S69-02559			Phạm Văn Láo	ấp Nhà Phấn,Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02806/07S69
1817	S69-02560			Huỳnh Ngọc Diệp	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02807/07S69
1818	S69-02561			Lê Trung Thành	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02808/07S69
1819	S69-02562			Nguyễn Thanh Tân	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02809/07S69
1820	S69-02563			Nguyễn Văn Ni	ấp Nhà Phấn, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02810/07S69
1821	S69-02564	CM-06019		Nguyễn Văn Lan	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01882/12S69
1822	S69-02565			Lê Minh Giang	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02812/07S69
1823	S69-02566			Phan Văn Cương	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02813/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1824	S69-02567			Cao Văn Tuấn	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02814/07S69
1825	S69-02568			Nguyễn Văn Kết	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02815/07S69
1826	S69-02569			Nguyễn Trung Nguyễn	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02816/07S69
1827	S69-02570			Phan Thanh Hồng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02817/07S69
1828	S69-02571	CM-05260		Nguyễn Minh Hoá	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/06/2009	29/06/2010	03635/09S69
1829	S69-02572			Nguyễn Văn Tiếp	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02819/07S69
1830	S69-02573			Đặng Văn Tình	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	25/08/2008	25/08/2009	06154/08S69
1831	S69-02574	CM-05227		Dương Văn Mực	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	04/02/2009	04/02/2010	00474/09S69
1832	S69-02575			Trang Minh Khởi	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02821/07S69
1833	S69-02576			Nguyễn Văn Hiếu	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02822/07S69
1834	S69-02577		Trung Hiếu	Lê Minh Có	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02823/07S69
1835	S69-02578			Nguyễn Văn Văn	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02824/07S69
1836	S69-02580			Nguyễn Hữu Nghĩa	ấp Thị Tường B, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02827/07S69
1837	S69-02582			Nguyễn Văn Tín	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02829/07S69
1838	S69-02583			Dương Duy Khánh	Láng Cùg, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02830/07S69
1839	S69-02584		Minh Đương	Trần Thanh Nguồn	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02831/07S69
1840	S69-02585			Nguyễn Nhựt Trường	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02832/07S69
1841	S69-02586			UBND Xã Lương Thế Trân	Hoà Trung, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02833/07S69
1842	S69-02587			Nguyễn Thế Kịch	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02834/07S69
1843	S69-02588			Lý Văn Trường	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02835/07S69
1844	S69-02589			Nguyễn Văn Ninh	Tân Hoà, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02836/07S69
1845	S69-02590	CM-06147		Nguyễn Minh Thọ	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01876/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1846	S69-02591	CM-06080		Nguyễn Văn Chinh	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	06/10/2011	06/10/2012	03578/11S69
1847	S69-02592			Nguyễn Minh Hải	Hoà Trung, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02839/07S69
1848	S69-02593			Trương Văn Lùng	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02840/07S69
1849	S69-02594			Lâm Văn Chua	Láng Cùng, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02841/07S69
1850	S69-02595			Trần Văn Ruộng	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02842/07S69
1851	S69-02596	CM-06097		Lâm Văn Kiệp	Láng Cùng, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	15/11/2011	15/11/2012	04175/11S69
1852	S69-02597			Mạc Chí Linh	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02844/07S69
1853	S69-02598			Hồ Tấn Đạt	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02845/07S69
1854	S69-02599			Nguyễn Văn Sắt	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02846/07S69
1855	S69-02600			Lê Thanh Toàn	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02847/07S69
1856	S69-02601			Trần Văn Khá	Láng Cùng, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02848/07S69
1857	S69-02602			Trần Văn Màu	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02849/07S69
1858	S69-02603			Lê Minh Phần	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02850/07S69
1859	S69-02604			Huỳnh Thanh Lol	Tân Hoà, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02851/07S69
1860	S69-02605			Trần Việt Dũng	Tân Hoà, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02852/07S69
1861	S69-02606			Lưu Văn Bạ	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	04/07/2008	04/07/2009	05306/08S69
1862	S69-02607			Nguyễn Minh Hải	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02854/07S69
1863	S69-02608			Trần Thanh Sử	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02855/07S69
1864	S69-02609			Lê Thành Quel	Tân Hoà, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02856/07S69
1865	S69-02610			Ngô Minh Đăng	Tân Hoà, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02857/07S69
1866	S69-02611			Võ Văn Thuỳ	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02858/07S69
1867	S69-02612			Lâm Ngọc Biểu	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02859/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1868	S69-02613	CM 05140		Phạm Thanh Phong	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	07/07/2008	07/07/2009	05390/08S69
1869	S69-02614			Phạm Văn Đông	Phấn Thanh, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02861/07S69
1870	S69-02615			Nguyễn Văn Quán	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02862/07S69
1871	S69-02616	CM-06766	Lan Anh	Dư Văn Linh	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	27/09/2010	27/09/2011	04984/10S69
1872	S69-02617			Đặng Tấn Bền	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02864/07S69
1873	S69-02618			Hà Văn Cho	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02865/07S69
1874	S69-02619			Trần Thị Cẩm Loan	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02866/07S69
1875	S69-02620	CM-05145		Huỳnh Văn Sơn	Nhà Phấn, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	21/01/2015	21/01/2016	00167/15S69
1876	S69-02621	CM-06057		Nguyễn Minh Lộc	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01888/12S69
1877	S69-02622			Phan Chí Cường	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02869/07S69
1878	S69-02623		Hoàng Sinh	Nguyễn Thuý Nghiệm	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02870/07S69
1879	S69-02624			Châu Văn Trắng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02871/07S69
1880	S69-02625			Nguyễn Hồng Hạnh	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02912/07S69
1881	S69-02626			Phạm Văn Bấy	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02873/07S69
1882	S69-02627			Lê Tấn Tài	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	14/07/2011	14/07/2012	02333/11S69
1883	S69-02628			Trần Thị Diễm	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02875/07S69
1884	S69-02629			Nguyễn Quốc Thống	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02876/07S69
1885	S69-02630			Dư Văn Vinh	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02877/07S69
1886	S69-02631			Bùi Thạch Duối	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02878/07S69
1887	S69-02632			Đặng Văn Hải	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02879/07S69
1888	S69-02633			Trần Thanh Căn	Nhà Phấn, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02880/07S69
1889	S69-02634			Nguyễn Văn Kil	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02881/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1890	S69-02635			Nguyễn Hoà Bình	Nhà Phấn, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02882/07S69
1891	S69-02636			Trương Văn Trường	Năm Đảm, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02883/07S69
1892	S69-02637	CM-05166		Lâm Văn Lâm	Láng Cùg, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	25/12/2013	25/12/2014	06376/13S69
1893	S69-02638			Nguyễn Thanh Triều	Tân Trung, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02885/07S69
1894	S69-02639	CM-06175		Tiêu Văn Són	Tân Hiệp, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2014	20/01/2015	00225/14S69
1895	S69-02640	CM:06069		Trần Phú Quốc	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	07/03/2011	07/03/2012	00752/11S69
1896	S69-02641			Nguyễn Văn Cống	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02888/07S69
1897	S69-02642			Nguyễn Văn ảnh	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02889/07S69
1898	S69-02643			Lâm Văn Nhơn	Nhà Phấn, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02890/07S69
1899	S69-02644			Lý Minh Kha	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02891/07S69
1900	S69-02645			Ngân Hàng NN và PTNT Huyện Cái Nước	Khóm II, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02892/07S69
1901	S69-02646			Dương Quốc Khánh	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02893/07S69
1902	S69-02647			Lê Minh Đáng	Tân Hiệp, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02894/07S69
1903	S69-02648			Nguyễn Văn Thích	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02895/07S69
1904	S69-02649			Lê Trung Tính	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02896/07S69
1905	S69-02650	CM-06065		Nguyễn Văn Quốc	Hoà Trung, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	12/11/2008	12/11/2009	08950/08S69
1906	S69-02651	CM-06033		Trần Minh Chí	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	28/04/2012	27/04/2013	01874/12S69
1907	S69-02652			Trần Văn Bè	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02899/07S69
1908	S69-02653		Trung Kiên	Lê Văn Dũng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02900/07S69
1909	S69-02655			Phạm Chí Nguyễn	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02902/07S69
1910	S69-02656			Nguyễn Văn Chuẩn	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02903/07S69
1911	S69-02657	CM-06026		Bùi Thanh Di	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	08/02/2010	08/02/2011	00861/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1912	S69-02658			Nguyễn Văn Sĩ	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02905/07S69
1913	S69-02659	CM-06046		Nguyễn Văn Trường	Bào Bèo, Lương Thế Trân,, Huyện Cái Nước	20/01/2009	20/01/2010	00431/09S69
1914	S69-02660			Trần Tiến Dũng	Sở Tại, Thanh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02907/07S69
1915	S69-02661			Lê Thành Năng	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02908/07S69
1916	S69-02662			Lê Văn Thành	Năm Đăm, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02909/07S69
1917	S69-02663			Lâm Thành Đà	Hòa Trung, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02910/07S69
1918	S69-02664			Trà Việt Thiện	Năm Đăm, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02911/07S69
1919	S69-02666	CM-05240		Nguyễn Văn Mẫn	Tân Trung, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01878/12S69
1920	S69-02667	CM-06047		Trần Quốc Tạo	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01880/12S69
1921	S69-02668			Trần Văn út	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02915/07S69
1922	S69-02669			Phan Văn Thám	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02916/07S69
1923	S69-02670			Nguyễn Duy Khánh	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02917/07S69
1924	S69-02671			Lê Văn Sự	Xã Thanh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02918/07S69
1925	S69-02672			Trần Việt Khái	Xã Thanh Phú, Huyện Cái Nước	14/08/2009	14/08/2010	04900/09S69
1926	S69-02673			Dương Văn Gập	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02920/07S69
1927	S69-02674			Nguyễn Văn Công	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02921/07S69
1928	S69-02675			Nguyễn Văn Dũng	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02922/07S69
1929	S69-02676			Nguyễn Thị Đẹp	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02923/07S69
1930	S69-02677			Huỳnh Hữu Tâm	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02924/07S69
1931	S69-02678			Huỳnh Chí Dũng	Hòa Trung, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02925/07S69
1932	S69-02679			Nguyễn Hoàng Vũ	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02926/07S69
1933	S69-02680			Trần Minh Nghiêm	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02927/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1934	S69-02681			Son Văn Việt	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02928/07S69
1935	S69-02682			Ngô Văn Diên	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02929/07S69
1936	S69-02683			Nguyễn Văn Lâm	Năm Đảm,Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02930/07S69
1937	S69-02684			Mạc Thanh Cảnh	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02931/07S69
1938	S69-02685			Lê Công Đăng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02932/07S69
1939	S69-02686			Phan Thành Trung	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02933/07S69
1940	S69-02687			Trần Văn Chúng	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02934/07S69
1941	S69-02688			Đặng Văn Xiếu	Bào bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02935/07S69
1942	S69-02689			Trần Văn út	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02936/07S69
1943	S69-02690	CM-06055		Nguyễn Minh Hiền	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	16/10/2013	16/10/2014	04926/13S69
1944	S69-02691			Phan Hoàng Nam	Nhà Phấn, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02938/07S69
1945	S69-02692			Nguyễn Tú Nal	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02939/07S69
1946	S69-02693			Lý Quốc Phong	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02940/07S69
1947	S69-02694			Phạm Đoàn Liệt	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02941/07S69
1948	S69-02695			Phạm Đoàn Tuấn	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02942/07S69
1949	S69-02696			Nguyễn Trường Giang	Trung Hưng, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01875/12S69
1950	S69-02697			Lê Minh Hậu	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02944/07S69
1951	S69-02698			Phan Tấn Quyền	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02945/07S69
1952	S69-02699			Phạm Hoàng Anh	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02946/07S69
1953	S69-02700			Nguyễn Văn Bình	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02947/07S69
1954	S69-02701			Trương Thị Hường	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02948/07S69
1955	S69-02702			Chiêm Văn Mướn	Phấn Thạnh, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02949/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1956	S69-02703			Trần Văn Nguyên	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02950/07S69
1957	S69-02706			Lê Văn Lũy	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02484/07S69
1958	S69-02707			Hồ Thanh Mận	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02485/07S69
1959	S69-02708			Trần Văn Lập	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02486/07S69
1960	S69-02710			Nguyễn Lê Na	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02488/07S69
1961	S69-02711			Võ Tiền Phong	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02489/07S69
1962	S69-02712	CM-04899		Bùi Thanh Sơn	ấp 1, Xã Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	12/02/2009	12/02/2010	00522/09S69
1963	S69-02713			Nguyễn Hoàng Cương	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02491/07S69
1964	S69-02714	CM-04998		Nguyễn Vũ An	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07014/09S69
1965	S69-02715			Lương Hoàng Ngân	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	08/09/2007	08/03/2008	02493/07S69
1966	S69-02717			Nghiêm Văn Biết	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02495/07S69
1967	S69-02719	CM-05005		Trần Ngọc Thanh	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	25/07/2008	25/07/2009	06007/08S69
1968	S69-02721	CM-05030		Võ Văn Khởi	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/10/2010	29/10/2011	05475/10S69
1969	S69-02722			Quách Tiến Bước	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02500/07S69
1970	S69-02724			Huỳnh Văn Xa	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02502/07S69
1971	S69-02725			Trần Văn Giữ	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02513/07S69
1972	S69-02726	CM-04984		Trần Văn Đen	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2011	12/11/2012	04187/11S69
1973	S69-02727			Châu Chí Liêm	ấp Bào kè, Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02651/07S69
1974	S69-02728			Nguyễn Minh Thi	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02506/07S69
1975	S69-02729			Bùi Văn Trắng	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02507/07S69
1976	S69-02730			Nguyễn Văn Minh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06554/08S69
1977	S69-02731			Lê Văn Mạnh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02509/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
1978	S69-02732	CM_05001		Lê Văn Kiến	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02805/10S69
1979	S69-02733			Trần Văn Đăng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02511/07S69
1980	S69-02734			Lê Thanh Thiều	ấp Thị Tường, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02512/07S69
1981	S69-02736			Nguyễn Văn Hùng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02650/07S69
1982	S69-02737			Lê Văn Nghi	Tân Hưng đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02515/07S69
1983	S69-02738	CM-		Trần Hoàng Anh	ấp Phong Lưu, Đông Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02516/07S69
1984	S69-02739	CM- 02838		Phan Văn Nhiên	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	10/10/2009	10/10/2010	00743/09S65
1985	S69-02740	CM-05262		Trần Văn Phong	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05118/10S69
1986	S69-02741			Trương Minh Hoàng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02519/07S69
1987	S69-02742			Trương Thành Tài	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	04/11/2008	04/11/2009	08845/08S69
1988	S69-02743			Trần Văn Hiệp	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02521/07S69
1989	S69-02744			Nghiêm Văn Tới	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02522/07S69
1990	S69-02745			Bùi Văn Chơn	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02523/07S69
1991	S69-02746			Đinh Văn út	ấp Rạch Dục, Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02524/07S69
1992	S69-02747			Nguyễn Văn Chang	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02525/07S69
1993	S69-02748			Lê Văn Lờ	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02526/07S69
1994	S69-02749			Nguyễn Văn Liêm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02527/07S69
1995	S69-02750			Trần Văn Dầu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02528/07S69
1996	S69-02751	CM-00337		Thái Văn Cuội	Lý ấn, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/10/2009	30/09/2010	06049/09S69
1997	S69-02752			Đoàn Văn Viết	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02530/07S69
1998	S69-02753			Trần Văn Siêu	TTCái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02531/07S69
1999	S69-02754			Trần Văn Phụng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02532/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2000	S69-02755	CM-04962		Nghiêm Văn Biết	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	23/10/2009	23/10/2010	06438/09S69
2001	S69-02756			Phạm Hoàng Khéo	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02534/07S69
2002	S69-02757			Dương Quốc Cường	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02535/07S69
2003	S69-02758			Bùi Văn Xuân	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02536/07S69
2004	S69-02761			Tiêu Văn Lai	ấp Thị Tường B, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02539/07S69
2005	S69-02762			Trương Kim Hào	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02540/07S69
2006	S69-02764	CM-04900		Nguyễn Văn Hận	Xã Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	07/09/2010	07/09/2011	04665/10S69
2007	S69-02765	CM-04991		Ngô Văn Lợi	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	14/07/2014	15/07/2015	01879/14S69
2008	S69-02766			Ngô Văn Niềm	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02544/07S69
2009	S69-02767			Lạc Văn Tiến	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	04/07/2008	04/07/2009	05524/08S69
2010	S69-02768			Võ Việt Tân	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02546/07S69
2011	S69-02769			Lê Hùng Cường	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02547/07S69
2012	S69-02770			Lê Văn Mạnh	ấp Thị Tường B, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02548/07S69
2013	S69-02771			Lý Văn Đoàn	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02549/07S69
2014	S69-02772			Trần Văn Nhường	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02550/07S69
2015	S69-02774			Thái Văn Rớt	ấp Thị Tường, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02552/07S69
2016	S69-02775			Ngân Hàng NN và PTNT Huyện Cái Nước	Khóm II, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02553/07S69
2017	S69-02776			Ngân Hàng NN và PTNT Huyện Cái Nước	Khóm II, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02554/07S69
2018	S69-02777			Ngân Hàng NN và PTNT Huyện Cái Nước	KII, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02555/07S69
2019	S69-02778			Ngân Hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02556/07S69
2020	S69-02779			Ngân Hàng NN và PTNT Huyện Cái Nước	Khóm II, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02557/07S69
2021	S69-02780			Ngân Hàng NN và PTNT Huyện Cái Nước	Khóm II, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02558/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2022	S69-02781			Ngân Hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02559/07S69
2023	S69-02782			Nguyễn Thị Phúc Giang	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02560/07S69
2024	S69-02783			Phan Văn Mến	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02561/07S69
2025	S69-02786	CM-02980		Nguyễn Ngọc Như	ấp Đồng Tâm, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	18/05/2009	18/05/2010	02741/09S69
2026	S69-02788			Lê Thành Vũ	ấp Lợi Đông, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02565/07S69
2027	S69-02789			Nguyễn Thanh Tùng	TT Cái nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02566/07S69
2028	S69-02790			Nguyễn Thẩm Mỹ	ấp Đồng Tâm, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02567/07S69
2029	S69-02791			Nguyễn Văn Bạc	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02568/07S69
2030	S69-02792			Thái Quốc Đoán	ấp Thị Tường B, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02569/07S69
2031	S69-02793			Thái Hoàng Anh	ấp Thị Tường B, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02570/07S69
2032	S69-02794			Nguyễn Văn Lướt	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02571/07S69
2033	S69-02795			Nguyễn Văn Tùng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02572/07S69
2034	S69-02796	CM-06009		Lê Thị út	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06189/13S69
2035	S69-02798			Phạm Văn Liêu	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02575/07S69
2036	S69-02799			Nguyễn Văn Đông	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02576/07S69
2037	S69-02800			Nguyễn Văn Hôn	ấp Thị Tường B, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02577/07S69
2038	S69-02801			Nguyễn Văn Kê	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02578/07S69
2039	S69-02802	CM-05009		Nguyễn Văn Hộ	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03538/12S69
2040	S69-02803			Trần Văn Lem	ấp Thị Tường, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02580/07S69
2041	S69-02804			Đặng Văn Ngoan	ấp Đồng Tâm TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02581/07S69
2042	S69-02805			Nguyễn Trường Giang	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02582/07S69
2043	S69-02806			Nguyễn Văn Quân	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02583/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2044	S69-02807			Nguyễn Văn Hồng	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02584/07S69
2045	S69-02808			Huỳnh Văn Hải	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02585/07S69
2046	S69-02809			Lê Hoàng Sang	ấp Thị Tường, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02586/07S69
2047	S69-02810			Nguyễn Văn Luân	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02587/07S69
2048	S69-02811			Lê Văn Nghĩa	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08847/08S69
2049	S69-02812			Nguyễn Văn Đua	ấp Cái Bát, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02589/07S69
2050	S69-02813			Trần Thanh Hùng	ấp Thị Tường, Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02590/07S69
2051	S69-02814			Trần Tấn Thủ	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02592/07S69
2052	S69-02815			Lê Văn Thù	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02591/07S69
2053	S69-02816			Trần Văn Thâm	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02593/07S69
2054	S69-02817			Phạm Thanh Nhã	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02595/07S69
2055	S69-02818			Trần Ngọc Lương	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02594/07S69
2056	S69-02819			Nguyễn Văn Thanh	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02596/07S69
2057	S69-02820			Tô Văn Phúc	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02597/07S69
2058	S69-02821			Tô Hồng Mai	ấp Đồng Tâm, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02598/07S69
2059	S69-02822			Phan Cà Rem	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02599/07S69
2060	S69-02823			Đoàn Thanh Toàn	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02600/07S69
2061	S69-02824			Nguyễn Giang Tử	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02601/07S69
2062	S69-02825			Huỳnh Hoàng Anh	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02602/07S69
2063	S69-02826			Tạ Văn Chanh	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02603/07S69
2064	S69-02827			Nguyễn Văn Nhựt	ấp Thị Tường B, Xã Hoà Hỷ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02604/07S69
2065	S69-02828			Trương Văn Huấn	ấp Đồng Tâm, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02605/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2066	S69-02829			Đoàn Văn Dò	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02606/07S69
2067	S69-02830			Đoàn Văn Cường	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02607/07S69
2068	S69-02831			Hồ Đức Ngoan	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02608/07S69
2069	S69-02832			Nguyễn Minh Điều	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02609/07S69
2070	S69-02833	CM-06012		Nguyễn Văn Bé	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06183/13S69
2071	S69-02834			Trần Khánh Linh	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02611/07S69
2072	S69-02835			Nguyễn Văn Hiến	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02612/07S69
2073	S69-02836			Nguyễn Văn Kịch	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02613/07S69
2074	S69-02837			Dương Việt Khải	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02614/07S69
2075	S69-02838	CM- 05020		Đặng Văn Hải	ấp Rau Dừa B, Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06743/08S69
2076	S69-02840			Trương Văn Nol	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02617/07S69
2077	S69-02841	CM-04978		Nguyễn Tứ Nhuận	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06553/08S69
2078	S69-02842			Nguyễn Văn Hiếu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06561/08S69
2079	S69-02843			Đoàn Văn Tổng	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02620/07S69
2080	S69-02844	CM-		Trương Văn Tâm	Cái Giếng, Đông Thới, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02621/07S69
2081	S69-02845			Mạc Thanh Sản	ấp Nhà Phấn, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02622/07S69
2082	S69-02846	CM-03084	Công Văn	Ngô Công Văn	Tân hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05587/09S69
2083	S69-02847	CM-		Dương Văn Hải	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02624/07S69
2084	S69-02848	CM-02993		Phạm Minh Trọng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05620/09S69
2085	S69-02849			Nguyễn Hoàng Thống	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	08/09/2008	02626/07S69
2086	S69-02850	CM-02439		Huỳnh Mãnh Luân	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06568/08S69
2087	S69-02851			Lâm Thanh Tiên	ấp Sở Tại, Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02628/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2088	S69-02852	CM-01263		Võ Văn Đô	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2015	07/08/2016	01478/15S69
2089	S69-02853			Trần Văn Khởi	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02630/07S69
2090	S69-02854	CM-		Nguyễn Hoàng Văn	ấp Tân Thuận, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05585/06S69
2091	S69-02855			Lê Trung Dũng	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02632/07S69
2092	S69-02856	CM-04908		Nguyễn Văn Mới	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	19/06/2009	19/06/2010	03440/09S69
2093	S69-02857			Kiều Thị Diễm	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02634/07S69
2094	S69-02858			Trần Văn Vĩ	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02635/07S69
2095	S69-02859			Nguyễn Thị Bích	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02636/07S69
2096	S69-02860			Võ Minh Dũng	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02637/07S69
2097	S69-02861			Đặng Văn Âu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02638/07S69
2098	S69-02862			Nguyễn Bé Năm	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02639/07S69
2099	S69-02863	CM-06124		Đinh Hoàng Sông	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06558/08S69
2100	S69-02864			Nguyễn Văn Ngoan	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02641/07S69
2101	S69-02865			Trần Văn Cửa	ấp Tân Lập, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02642/07S69
2102	S69-02866			Tạ Văn Hoảnh	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/03/2008	02643/07S69
2103	S69-02867			Lê Văn Lủy	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02452/07S69
2104	S69-02868	CM-02701		Lê Văn út	ấp Tân Bửu, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02453/07S69
2105	S69-02869			Lê Văn Diêm	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02454/07S69
2106	S69-02870			Phạm Văn Tân	Tân hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02455/07S69
2107	S69-02871			Phạm Văn Thiên	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	11/09/2007	11/09/2008	02456/07S69
2108	S69-02872	CM-04591		Lê út Mười	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/11/2008	25/11/2009	09118/08S69
2109	S69-02874	CM-05045		Nguyễn Văn Góp	Xã Lương Thế Trân, Thành phố Cà Mau	27/04/2012	27/04/2013	01886/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2110	S69-02875	CM-03420		Trần Văn Định	Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10848/08S69
2111	S69-02876			Lê Hoàng Ngợi	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2007	11/03/2008	02461/07S69
2112	S69-02878	CM-04592		Lưu Minh Hiếu	ấp Hòa Nam Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	18/01/2013	18/01/2014	00632/13S69
2113	S69-02879			Nguyễn Văn Đen	ấp Bùng Binh 2, Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	11/09/2007	11/09/2008	02464/07S69
2114	S69-02881			Trần Phong Sương	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02466/07S69
2115	S69-02882	CM-01611	Đò	Trần Quốc Tuấn	Khóm 4, TT Trần văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2009	15/08/2010	04906/09S69
2116	S69-02883	CM-		Huỳnh Văn Nhờ	K3, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	02468/07S69
2117	S69-02884			Trần Xuân Đào	ấp 18, Lâm Trường Sông Trẹm, Huyện Thới Bình	25/08/2007	25/02/2008	02470/07S69
2118	S69-02886			Thạch Văn Dết	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/01/2011	25/01/2012	00338/11S69
2119	S69-02887	CM-00697		Hồ Văn Dũng	ấp 6, Tân Thành, Thành phố Cà Mau	21/11/2008	21/11/2009	09062/08S69
2120	S69-02888			Chiêm Chí Trung	ấp Bùng Binh Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	11/09/2007	11/09/2008	02474/07S69
2121	S69-02889			Nguyễn Văn Đông	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	11/09/2007	11/09/2008	02475/07S69
2122	S69-02890			Nguyễn Minh Phụng	ấp Hòa Nam, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	11/09/2007	11/09/2008	02476/07S69
2123	S69-02891	CM-04572		Hà Quốc khởi	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	25/10/2010	25/10/2011	05387/10S69
2124	S69-02892			Nguyễn Văn Chem	Xã Lương thế Trân, Huyện Cái Nước	11/09/2007	11/09/2008	02478/07S69
2125	S69-02893			Nguyễn Minh Hiền	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	11/09/2007	11/09/2008	02479/07S69
2126	S69-02894	CM-04560		Nguyễn Thành Lộc	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03544/12S69
2127	S69-02895			Nguyễn Hoàng Sa	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	11/09/2007	11/09/2008	02481/07S69
2128	S69-02896			Nguyễn Minh Hân	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/09/2007	11/09/2008	02482/07S69
2129	S69-02897	CM-01379		Trần Hoàng Phương	ấp HTX, Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06563/08S69
2130	S69-02898	CM-04552		Nguyễn Văn Xệ	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	16/09/2008	15/09/2009	06378/08S69
2131	S69-02899	CM - 04565		Võ Minh Huệ	Xã Hồ Thị kỷ, Huyện Thới Bình	16/09/2008	16/09/2009	06383/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2132	S69-02900			Lê Hoàng Em	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/09/2007	11/09/2008	02654/07S69
2133	S69-02901			Nguyễn Văn Đen	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	11/09/2007	11/09/2008	02655/07S69
2134	S69-02902	CM-04569		Phạm Phước Tấn	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	23/12/2008	23/12/2009	10412/08S69
2135	S69-02903		Thùy Dương	Nguyễn Minh Thắng	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	11/09/2007	11/09/2008	02657/07S69
2136	S69-02904			Lê Văn Liết	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/09/2007	13/09/2008	02658/07S69
2137	S69-02905			Lê Hoàng Minh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/09/2007	13/09/2008	02659/07S69
2138	S69-02906			Lê Văn Phúc	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/09/2007	13/09/2008	02660/07S69
2139	S69-02907			Dương Đức Qui	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/09/2007	13/09/2008	02661/07S69
2140	S69-02908			Lê Văn Bưởi	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/09/2007	13/09/2008	02662/07S69
2141	S69-02910	CM-04657		Nguyễn Trường Giang	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	11/11/2008	11/11/2009	08896/08S69
2142	S69-02911	CM-04574		Tô Văn Lang	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02913/09S69
2143	S69-02913	CM-04562		Đoàn Thanh Trung	Xã Tạ An khuơng, Huyện Đầm Dơi	30/10/2008	30/10/2009	08312/08S69
2144	S69-02914			Lâm Văn Vĩnh	ấp Hòa Trung, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	11/09/2007	11/09/2008	02670/07S69
2145	S69-02915	CM-04627		Phan Thành Đông	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	19/05/2008	19/05/2009	03295/08S69
2146	S69-02916	CM-04656		Lê Thanh Lạc	ấp Tân Trung, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	04/12/2012	04/12/2013	07924/12S69
2147	S69-02917	CM-06745		Lê Văn Ruột	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/08/2010	11/08/2011	04230/10S69
2148	S69-02918	CM-04643		Trần Hải Âu	ấp Thuận Hòa, Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	03/08/2010	03/08/2011	04017/10S69
2149	S69-02919			Lê Văn Lớn	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	13/09/2007	13/09/2008	02675/07S69
2150	S69-02920	CM-04849		Hồ Thanh Danh	ấp Tân Hóa A, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	06/05/2013	06/05/2014	02426/13S69
2151	S69-02921			Trương Văn Ân	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	13/09/2007	13/09/2008	02677/07S69
2152	S69-02922	CM-04187		Mai Văn Đen	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04086/12S69
2153	S69-02923			Nguyễn Tấn Xuyên	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	13/09/2007	13/09/2008	02679/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2154	S69-02924			Võ Văn Lâm	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	13/09/2007	13/09/2008	02680/07S69
2155	S69-02925			Nguyễn Thanh Quân	ấp 3, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	11/09/2007	11/09/2008	02681/07S69
2156	S69-02927			Huỳnh Văn Thắm	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	13/09/2007	13/09/2008	02685/07S69
2157	S69-02928			Nguyễn Văn Long	248, Lý Văn Lâm K6, P1, Thành phố Cà Mau	13/09/2007	13/03/2008	02684/07S69
2158	S69-02929	CM-04357		Trần Bá Đạt	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	23/02/2010	23/02/2011	00903/10S69
2159	S69-02930			Nguyễn Thanh Vũ	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02686/07S69
2160	S69-02931	CM-04628		Nguyễn Thị Châu	Số 35Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	04/03/2009	04/03/2010	01104/09S69
2161	S69-02932			Hồ Văn Việt	Số 39, Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	16/12/2009	16/12/2010	07184/09S69
2162	S69-02933			Lê Công Toại	ấp 7, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	13/09/2007	13/03/2008	02689/07S69
2163	S69-02934			Đặng Văn Tuấn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	02723/07S69
2164	S69-02935			Nguyễn Thành Tâm	ấp Tân Hóa, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	13/09/2007	13/09/2008	02740/07S69
2165	S69-02936	CM-01423		Nguyễn Văn Phê	K8, P7, Thành phố Cà Mau	13/09/2007	13/09/2008	02741/07S69
2166	S69-02937			Lâm Thị Tạo	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02951/07S69
2167	S69-02938			Du Tô Cứng	Hoà Trung, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02952/07S69
2168	S69-02939			Nguyễn Văn Lũy	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02953/07S69
2169	S69-02940			Nguyễn Văn Hải	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02954/07S69
2170	S69-02941			Nguyễn Đông Kha	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02955/07S69
2171	S69-02942			Nguyễn Văn Tiên	Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02956/07S69
2172	S69-02943			Nguyễn Văn Hải	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	02957/07S69
2173	S69-02944			Nguyễn Chí Linh	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02959/07S69
2174	S69-02945			Tô Chí Thiện	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02960/07S69
2175	S69-02946			Nguyễn Minh Trí	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02961/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2176	S69-02947			Trần Văn Trang	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02962/07S69
2177	S69-02948			Đặng Văn Quân	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02963/07S69
2178	S69-02949			Trần Văn Thống	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02964/07S69
2179	S69-02950	CM-06099		Lưu Quang Dũng	Láng Cùg, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	05/10/2011	05/10/2012	03570/11S69
2180	S69-02951			Nguyễn Văn Hoàng	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02966/07S69
2181	S69-02952			Nguyễn Văn Bảy	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02967/07S69
2182	S69-02953	CM-06062		Lê Minh Lắm	Trung Thành, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/05/2014	09/05/2015	01229/14S69
2183	S69-02955			Phan Thanh Việt	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02970/07S69
2184	S69-02958			Phạm Văn Triều	Láng Cùg, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02973/07S69
2185	S69-02959			Nguyễn Minh Trương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02974/07S69
2186	S69-02960		Huyền Trân	Lê Văn Thiên	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02975/07S69
2187	S69-02962	CM-04642		Nguyễn Văn Nghiêm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06025/12S69
2188	S69-02965			Nguyễn Thanh Bé	Nam Chánh, Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	02985/07S69
2189	S69-02966			Huỳnh Văn Đông	ấp Cái Ngay Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	01/09/2010	01/09/2011	04610/10S69
2190	S69-02967			Ngô Thanh Sang	Hải An, Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	02987/07S69
2191	S69-02968			Nguyễn Văn Khen	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02988/07S69
2192	S69-02969			Trần Văn Mãng	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02989/07S69
2193	S69-02970			Trần Văn Ngời	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02990/07S69
2194	S69-02971			Hà Ngọc Viễn	Cái Rán B, Phú Hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02991/07S69
2195	S69-02972			Trương Văn Khanh	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02992/07S69
2196	S69-02973			Nguyễn Văn Hiệp	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02993/07S69
2197	S69-02974	CM-05014		Đỗ Thành Hằng	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01817/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2198	S69-02975			Võ Văn Tiếp	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02995/07S69
2199	S69-02976			Mai Thành Được	Láng Cùg, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02996/07S69
2200	S69-02977			Lê Văn Xuyên	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02997/07S69
2201	S69-02978			Võ Văn Dương	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	02998/07S69
2202	S69-02979			Châu Văn Hải	Sở Tại, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	02999/07S69
2203	S69-02980			Phan Trung Kiên	Láng Cùg, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	03000/07S69
2204	S69-02981			Phan Văn Lê	Phấn Thạnh, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	03001/07S69
2205	S69-02982	CM- 05128		Nguyễn Văn Tăng	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	08/01/2014	08/01/2015	00041/14S69
2206	S69-02983			Nguyễn Văn Tấn	Tân Hòa, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	03003/07S69
2207	S69-02985			Phạm Hoài Hận	Nhà Phấn, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	03005/07S69
2208	S69-02986			Nguyễn Văn Hậu	Trần Độ, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	03006/07S69
2209	S69-02987			Dương Văn Răng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	08/09/2007	08/09/2008	03007/07S69
2210	S69-02988	CM-01381		Quách Văn Tuấn	ấp Tân Hòa, Tân hưng, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	03008/07S69
2211	S69-02989			Trần Chí Hải	Nhà Phấn, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	03009/07S69
2212	S69-02990	CM-02844	Phao Bán Xăng Dầu	Công Ty Xăng Dầu Cà Mau	989 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Cà Mau	05/03/2009	05/03/2010	01107/09S69
2213	S69-02992	CM-02921		Lê Thanh Việt	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01871/09S69
2214	S69-02993			Lê Minh Lũy	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03049/07S69
2215	S69-02996	CM-03267		Nguyễn Văn Hồng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	14/09/2008	14/09/2009	06477/08S69
2216	S69-02997	CM-02319		Trần Văn Duẩn	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06532/13S69
2217	S69-02998	CM-03043	Triều Đông	Diệp Phương Bình	Xã Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03492/11S69
2218	S69-02999	CM-03107		Phạm Văn Trắng	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06396/08S69
2219	S69-03000	CM-01748	Ghe Tải	Châu Vĩnh Thuận	Khóm I,TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01272/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2220	S69-03002	CM-03168	Quang Linh	Phạm Thanh Miên	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03959/10S69
2221	S69-03003	CM-02301		Nguyễn Văn Thanh	Nhà Dài, QP Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/03/2008	03059/07S69
2222	S69-03004	CM-02991		Liêu Hoàng Kha	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00536/09S69
2223	S69-03005	CM-03013		Trương Quốc Tuấn	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/05/2011	19/05/2012	01651/11S69
2224	S69-03006	CM-02990		Võ Văn Hoà	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05883/09S69
2225	S69-03007	CM-03067	Minh Dương	Đỗ Văn Hiền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03063/07S69
2226	S69-03008	CM-03065		Dư Hoàng Khải	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06389/08S69
2227	S69-03009	CM-02598	CM-02598	Trịnh Văn Tỏa	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	13/04/2012	13/04/2013	01626/12S69
2228	S69-03011	CM-01531	Huyền Trân	Đỗ Văn Năng	ấp Thuận Lợi A, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05049/10S69
2229	S69-03014	CM-02620		Huỳnh Hoàng Lâm	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03070/07S69
2230	S69-03019	CM-02684	Bửu Long	Lê Bửu Long	Xã Quánh Phấm, Huyện Đầm Dơi	07/11/2007	07/11/2008	04800/07S69
2231	S69-03020	CM-04629		Đoàn Thị Bích Thuỷ	Rạch Ruộng A, Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2009	05/08/2010	04755/09S69
2232	S69-03021	CM-02943		Nguyễn Việt Yên	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	18/09/2007	18/09/2008	03013/07S69
2233	S69-03022			Quách Tuyên Nhiệm	ấp 8, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	18/09/2007	18/09/2008	03014/07S69
2234	S69-03023			Trần Văn Hữu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	18/09/2007	18/09/2008	03015/07S69
2235	S69-03025	CM-00894		Nguyễn Văn Vệ	399 Quang Trung, K4, P5, Thành phố Cà Mau	18/09/2007	18/03/2008	03018/07S69
2236	S69-03026	CM-04634		Lê Văn Hận	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/10/2008	20/10/2009	07598/08S69
2237	S69-03027	CM- 04648	Đồ	Trần Văn Chiến	ấp Vàm Sáng, Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/11/2009	02/11/2010	06518/09S69
2238	S69-03028			Trần Văn Dũng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/09/2007	18/09/2008	03021/07S69
2239	S69-03029			Lê Văn Nhân	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/09/2007	18/09/2008	03022/07S69
2240	S69-03030			Nguyễn Văn Suông	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	18/09/2007	18/09/2008	03023/07S69
2241	S69-03031			Lưu Văn Phong	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	18/09/2007	18/09/2008	03024/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2242	S69-03032			Nguyễn Thanh Giang	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08815/08S69
2243	S69-03033			Nguyễn Văn Để	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03027/07S69
2244	S69-03034	CM-04447		Trịnh Minh Kha	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07140/09S69
2245	S69-03035	CM-04635		Lê Hoàng Thịnh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2011	24/04/2012	01383/11S69
2246	S69-03036			Phạm Minh Hiện	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	18/09/2007	18/09/2008	03030/07S69
2247	S69-03037			Trần Văn Liêm	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08825/08S69
2248	S69-03039	CM-04701		Nguyễn Thanh Hoàng	Khóm 4, Thị trấn U Minh, Huyện U Minh	05/11/2008	05/11/2009	08716/08S69
2249	S69-03040	CM-04626		Nguyễn Thanh Huân	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	11/09/2009	11/09/2010	05539/09S69
2250	S69-03041			Mạc Văn Nổi	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/09/2007	18/09/2008	03035/07S69
2251	S69-03042			Nguyễn Quốc Việt	ấp Hòa Nam, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	05/09/2013	05/09/2014	04195/13S69
2252	S69-03043			Nguyễn Trường Khanh	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	18/09/2007	18/09/2008	03037/07S69
2253	S69-03047			Bùi Cao Hổ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	18/09/2007	18/09/2008	03041/07S69
2254	S69-03049			Huỳnh Thị Phụng	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/09/2007	18/09/2008	03043/07S69
2255	S69-03050			Đoàn Văn Sở	Khóm2, Phường5, Thành phố Cà Mau	18/09/2007	18/09/2008	03044/07S69
2256	S69-03051			Lưu Văn Tê	Láng Cùg, Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/09/2008	03045/07S69
2257	S69-03052	CM-02651		Phạm Ngọc Hù	Khánh Hưng Huyện Trần Văn Thời, Thành phố Cà Mau	30/03/2009	30/03/2010	01199/09V94
2258	S69-03053	CM-03200	Thanh Tam	Hoa Thanh Tam	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	14/09/2008	14/09/2009	06474/08S69
2259	S69-03054			Ấu Văn Hùng	Khóm9, Phường6, Thành phố Cà Mau	18/09/2007	18/09/2008	03129/07S69
2260	S69-03056			Nguyễn Văn Phi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03158/07S69
2261	S69-03057			Huỳnh Văn Thắng	Tân Phú, Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03159/07S69
2262	S69-03058			Tô Văn Thanh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03632/07S69
2263	S69-03059	CM-06341	Bảo Việt	Lê Quang Đảng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07881/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2264	S69-03060			Đặng Công Nghiệp	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03161/07S69
2265	S69-03061			Huỳnh Hoàng Kha	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03162/07S69
2266	S69-03062			Huỳnh Hoàng Nam	Hàng Còng, Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03163/07S69
2267	S69-03063			Lý Văn Tâm	Tân Phú, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03164/07S69
2268	S69-03064	CM-06725		Nguyễn Văn Trung	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	09/04/2010	09/04/2011	01959/10S69
2269	S69-03065	CM-05435		Lê Quang Luyện	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	27/01/2011	27/01/2012	00373/11S69
2270	S69-03066			Nguyễn Văn Đăng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03167/07S69
2271	S69-03067			Kiều Văn Thách	Xã Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03168/07S69
2272	S69-03068			Huỳnh Thị Dân	Tân Phú,Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03169/07S69
2273	S69-03069		Ngọc Lệ	Võ Văn Mạnh	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03170/07S69
2274	S69-03070			Võ Hoàng Thám	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03171/07S69
2275	S69-03071			Nguyễn Cảnh Tân	Tân Phú, Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03172/07S69
2276	S69-03072			Nguyễn Quốc Hữu	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03173/07S69
2277	S69-03073			Kiều Văn Thấy	Xã Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03174/07S69
2278	S69-03074			Kiều Văn Nơi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03175/07S69
2279	S69-03075			Phạm Thành Được	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03176/07S69
2280	S69-03076			Nguyễn Lập Nghiệp	Trung Cang, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03177/07S69
2281	S69-03077	CM-05293		Nguyễn Văn Giàu	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07057/08S69
2282	S69-03078			Trần Văn Nhiều	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03179/07S69
2283	S69-03079			Nguyễn Văn Đẩu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03180/07S69
2284	S69-03080			Kiều Thị Lờ	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03181/07S69
2285	S69-03081	CM-07931		Lý Văn Giao	Tân Phú, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07054/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2286	S69-03082			Nguyễn Quốc Thới	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03183/07S69
2287	S69-03083			Ngô Việt Nam	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03184/07S69
2288	S69-03084			Phạm Thới An	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03185/07S69
2289	S69-03085			Phạm Việt Trường	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00540/10S69
2290	S69-03086			Phan Văn Sự	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03187/07S69
2291	S69-03087			Lê Văn Liêm	Tân Phú, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03188/07S69
2292	S69-03088			Huỳnh Văn Trung	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10260/12S69
2293	S69-03089			Phạm Việt Thắng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03190/07S69
2294	S69-03090			Trần Chí Kỳ	Thuận Hòa, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03191/07S69
2295	S69-03091			Huỳnh Ngọc Nhu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03192/07S69
2296	S69-03092			Phạm Văn Hùng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03193/07S69
2297	S69-03093			Kiều Văn Nới	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/03/2008	03194/07S69
2298	S69-03094			Huỳnh Văn Nam	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03195/07S69
2299	S69-03095			Nguyễn Minh Chiến	Hàng Còng, Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03196/07S69
2300	S69-03096			Phạm Văn Toàn	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03197/07S69
2301	S69-03097			Phạm Công Ty	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03198/07S69
2302	S69-03098			Lê Quốc Hưng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03199/07S69
2303	S69-03099			Hồ Hoàng Thám	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03279/07S69
2304	S69-03100		Thương Tính	Hồ Chí Dũng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03201/07S69
2305	S69-03101	CM-12797		Nguyễn Văn Kiến	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07075/08S69
2306	S69-03102	CM-06173		Võ Văn Phụng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07049/08S69
2307	S69-03103	CM-07143		Bùi Văn Minh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07064/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2308	S69-03104			Lê Văn Lâm	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03205/07S69
2309	S69-03105			Huỳnh Văn Thuận	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03206/07S69
2310	S69-03106			Huỳnh Văn Thuyền	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03207/07S69
2311	S69-03107	CM-06171		Nguyễn Hoàng Diễn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07048/08S69
2312	S69-03108	CM-11318		Dương Văn Đức	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/12/2009	30/12/2010	07430/09S69
2313	S69-03109	CM-05094		Cao Hoàng Mỹ	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05687/12S69
2314	S69-03110	CM-06172		Võ Văn Chuyển	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07052/08S69
2315	S69-03111			Trần Bảo Xuyên	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03212/07S69
2316	S69-03112	CM-04999		Nguyễn Văn Lưu	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/03/2011	28/03/2012	01082/11S69
2317	S69-03113			Huỳnh Văn Quang	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03214/07S69
2318	S69-03114	CM-05113	Nguyễn Quân	Nguyễn Hoàng Quân	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	19/07/2010	19/07/2011	03716/10S69
2319	S69-03115			Trần Văn Lực	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03216/07S69
2320	S69-03117			Tạ Hoài Phục	ấp Trung Cang, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	09/02/2009	09/02/2010	00499/09S69
2321	S69-03118			Nguyễn Văn Nghị	ấp 6, Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/09/2007	20/09/2008	03132/07S69
2322	S69-03119	CM-04639		Lê Tấn Tài	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2009	20/07/2010	04235/09S69
2323	S69-03120			Nguyễn Văn Dũng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/09/2007	18/09/2008	03137/07S69
2324	S69-03121			Mai Thanh Thủy	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/09/2007	18/09/2008	03138/07S69
2325	S69-03122			Trần Văn Chơi	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/09/2007	20/03/2008	03139/07S69
2326	S69-03123			Phan Văn Lai	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/09/2007	20/03/2008	03140/07S69
2327	S69-03124	CM-04754		Võ Hoài Phong	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	23/10/2008	23/10/2009	07729/08S69
2328	S69-03125			Nguyễn Văn Trãi	ấp 10, Huyện Thới Bình	20/09/2007	20/09/2008	03142/07S69
2329	S69-03126			Nguyễn Minh Nhựt	ấp 10, Huyện Thới Bình	20/09/2007	20/09/2008	03143/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2330	S69-03127	CM-04723		Trần Chiêm	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	16/09/2010	16/09/2011	04776/10S69
2331	S69-03128	CM-02854		Lê Thanh Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02999/11S69
2332	S69-03129	CM-04727		Trịnh Hoài Phong	ấp 9, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	14/08/2008	14/08/2009	06114/08S69
2333	S69-03130			Trịnh Văn Ân	ấp 9, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	18/09/2007	18/03/2008	03148/07S69
2334	S69-03131	CM-04759		Phạm Minh Phụng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	23/06/2009	23/06/2010	03455/09S69
2335	S69-03132			Võ Thanh Quốc	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03150/07S69
2336	S69-03133			Nguyễn Văn út	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03151/07S69
2337	S69-03134			Trần Thị Bảy	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03152/07S69
2338	S69-03135			Trần Văn Nhựt	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03153/07S69
2339	S69-03136			Tô Văn Nhờ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03154/07S69
2340	S69-03137			Trần Văn Huyền	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03155/07S69
2341	S69-03138	CM-07158		Nguyễn Thanh Mật	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07444/08S69
2342	S69-03139			Phạm Văn Cường	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03219/07S69
2343	S69-03140	CM-05120		Lâm Thành Buôi	Khóm 1, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05627/13S69
2344	S69-03141	CM-05112		Nguyễn Hoàng Đức	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06058/12S69
2345	S69-03142			Huỳnh Công Nhân	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03222/07S69
2346	S69-03144	CM-09992		Hồ Quốc Tùng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07851/12S69
2347	S69-03145	CM-05110		Đỗ Văn Lệ	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06057/12S69
2348	S69-03146	CM-05365		Diệp Văn Phong	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	29/01/2011	00559/10S69
2349	S69-03147	CM-05296		Nguyễn Minh Quang	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03483/11S69
2350	S69-03148			Lê Văn Tho	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03228/07S69
2351	S69-03149	CM-05362		Nguyễn Tấn Đa	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00542/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2352	S69-03150			Võ Hoàng Lâm	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03230/07S69
2353	S69-03151		Thanh Thoản	Trần Văn Nhân	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03231/07S69
2354	S69-03152			Tô Văn Tùng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2008	28/11/2009	09155/08S69
2355	S69-03153			Huỳnh Giải Phóng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03233/07S69
2356	S69-03154	CM-07953		Nguyễn Quốc Việt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07400/09S69
2357	S69-03155			Nguyễn Văn Nhờ	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03236/07S69
2358	S69-03156			Nguyễn Thành Phước	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03235/07S69
2359	S69-03157	CM-05367		Huỳnh Thanh Hoàng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	04/07/2014	04/07/2015	01821/14S69
2360	S69-03158			Lương Văn Bảnh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03238/07S69
2361	S69-03159			Nguyễn Lương Tuấn	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03239/07S69
2362	S69-03160			Lê Văn Thành	Xã Trần phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09972/08S69
2363	S69-03161			Nguyễn Văn Khởi	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03241/07S69
2364	S69-03162	CM-07728		Huỳnh Văn Lắm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/06/2010	04/06/2011	03075/10S69
2365	S69-03163			Lê Thanh Hùng	Tân Phú, Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03243/07S69
2366	S69-03164	CM-11630		Nguyễn Văn Tám	Tân Hiệp, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07066/08S69
2367	S69-03165	CM-05302		Bùi Văn Hòa	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	26/03/2013	26/03/2014	01931/13S69
2368	S69-03166	CM-05373		Huỳnh Gia Cư	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06428/08S69
2369	S69-03167			Trần Thanh Vũ	Thuận Hòa, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02171/09S69
2370	S69-03168			Trần Văn Hân	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03248/07S69
2371	S69-03169			Trương Văn Dũng	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03249/07S69
2372	S69-03170			Phan Văn Xuyên	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03250/07S69
2373	S69-03171			Trần Thanh Cấn	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03251/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2374	S69-03172	CM-05318		Dương Văn Khởi	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/01/2010	27/01/2011	00505/10S69
2375	S69-03173			Huỳnh văn Phiến	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03253/07S69
2376	S69-03174			Trần Văn Bay	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	15/09/2008	03254/07S69
2377	S69-03175			Trần Thanh Vũ	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03255/07S69
2378	S69-03176			Trần Thanh Oai	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03256/07S69
2379	S69-03177			Trần Thanh Tân	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03257/07S69
2380	S69-03178	CM-07960		Lâm Quốc Bảo	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01637/10S69
2381	S69-03179			Hồ Hoàng Lũy	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03259/07S69
2382	S69-03180	CM-06315		Trần Văn Lý	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07886/12S69
2383	S69-03181			Lê Văn Viên	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07073/08S69
2384	S69-03182			Nguyễn Phong Nhã	Xóm Rẫy, Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03262/07S69
2385	S69-03183	CM-06642		Đoàn Thanh Mức	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05872/09S69
2386	S69-03184			Phan Văn Tèo	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03264/07S69
2387	S69-03185			Vũ út Anh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03265/07S69
2388	S69-03189			Võ Minh Đương	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03269/07S69
2389	S69-03190			Nguyễn Thành Dư	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03270/07S69
2390	S69-03191			Hồ Văn út	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03271/07S69
2391	S69-03192	CM-06356		Đoàn Minh Cốp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	24/03/2014	24/03/2015	00758/14S69
2392	S69-03193			Trần Hoàng Đảo	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03273/07S69
2393	S69-03194			Hồ Hồng Sự	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03274/07S69
2394	S69-03195			Hồ Chí Kiên	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03275/07S69
2395	S69-03196			Võ Hải Việt	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03276/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2396	S69-03197			Phạm Văn Kiêm	Mình Điền, Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03277/07S69
2397	S69-03198			Hồ Văn Luông	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03278/07S69
2398	S69-03199			Tô Chi Lăng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03200/07S69
2399	S69-03200			Nguyễn Văn Triều	Nam Chánh, Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	15/09/2008	03280/07S69
2400	S69-03201			Võ Văn Măng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03281/07S69
2401	S69-03202			Đặng Việt Bắc	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06442/08S69
2402	S69-03203			Dương Chí Linh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03283/07S69
2403	S69-03204			Lê Hoàng Mến	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01325/09S69
2404	S69-03205			Nguyễn Văn Tấn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03285/07S69
2405	S69-03206			Lê Văn Vũ	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03286/07S69
2406	S69-03207			Huỳnh Văn Đáng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03287/07S69
2407	S69-03208	CM-06376		Huỳnh Hồng Diệu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03334/13S69
2408	S69-03209			Trần Việt Bắc	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07893/08S69
2409	S69-03210			Hứa Minh Chánh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03288/07S69
2410	S69-03211			Huỳnh Phước Ngạn	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03289/07S69
2411	S69-03213			Đào Thu Em	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03292/07S69
2412	S69-03214			Nguyễn Văn Trường	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	20/09/2007	20/09/2008	03293/07S69
2413	S69-03215	CM-04695		Trần Hoàng Việt	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/10/2011	26/10/2012	03859/11S69
2414	S69-03216			Tiêu Tiến Thành	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/09/2007	20/09/2008	03295/07S69
2415	S69-03217			Trương Văn Hội	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03296/07S69
2416	S69-03218	CM-06780		Lê Minh Công	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	30/08/2013	30/08/2014	04173/13S69
2417	S69-03219			Đặng Thanh Long	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03298/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2418	S69-03220	CM-05123		Nguyễn Thành Được	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	04/02/2013	04/02/2014	01247/13S69
2419	S69-03221			Nguyễn Văn Hoá	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/06/2014	20/06/2015	01617/14S69
2420	S69-03222	CM-06165		Võ Văn Dũng	Công Điền, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07053/08S69
2421	S69-03223			Trần Vương Tuấn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03302/07S69
2422	S69-03224	CM-12659		Thiều Văn Tính	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	23/10/2009	23/10/2010	06437/09S69
2423	S69-03225	CM-06388		Nguyễn Minh Thiệt	Khóm 3, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07857/12S69
2424	S69-03226			Đặng Hoàng Trung	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03305/07S69
2425	S69-03227			Nguyễn Văn Hoàng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03306/07S69
2426	S69-03228			Nguyễn Hoàng Gia	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03307/07S69
2427	S69-03229			Đỗ Văn Dũng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03308/07S69
2428	S69-03230			Trần Công Văn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03309/07S69
2429	S69-03231	CM-05392		Lương Thanh Phong	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	22/02/2010	22/02/2011	00886/10S69
2430	S69-03232			Trần Văn Kiệt	Phú Điền, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03311/07S69
2431	S69-03233			Lê Thanh Cần	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07787/12S69
2432	S69-03234			Hứa Ngọc Quý	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03313/07S69
2433	S69-03235			Tạ Thị Trại	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03314/07S69
2434	S69-03236	CM-05368		Bùi Văn Chiêu	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10257/12S69
2435	S69-03237			Nguyễn Quốc Việt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03316/07S69
2436	S69-03238			Nguyễn Văn Tự	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03317/07S69
2437	S69-03239			Nguyễn Minh Hồng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03318/07S69
2438	S69-03240	CM-07898		Trần Minh Quang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	24/12/2013	24/12/2014	06339/13S69
2439	S69-03241			Nguyễn Văn Tháo	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03321/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2440	S69-03242			Trương Minh Trí	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03322/07S69
2441	S69-03244			Nguyễn Văn Đạt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03324/07S69
2442	S69-03245			Nguyễn Văn Lành	Nam Chánh, Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03325/07S69
2443	S69-03246	CM-05310		Huỳnh Quốc Khoẻ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04019/11S69
2444	S69-03247	CM-05399		Trương Thanh Dự	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06040/12S69
2445	S69-03248			Trần Văn Hoàng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03328/07S69
2446	S69-03249			Nguyễn Văn Lil	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03329/07S69
2447	S69-03250			Trần Hoàng Anh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03330/07S69
2448	S69-03252			Hứa Hoài Hận	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03332/07S69
2449	S69-03253			Nguyễn Công Khanh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03333/07S69
2450	S69-03254			Huỳnh Tấn Hải	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03334/07S69
2451	S69-03255			Trần Văn Hải	Nam Chánh, Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03335/07S69
2452	S69-03256	CM-06182		Huỳnh Ngọc Nghi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01671/10S69
2453	S69-03258	CM-06184		Nguyễn Văn Giàu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	19/07/2011	19/07/2012	02391/11S69
2454	S69-03260	CM-05313		Nguyễn Văn Đen	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	01/10/2010	01/10/2011	05120/10S69
2455	S69-03261	CM-05312		Đặng Nhớ Em	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	22/09/2009	22/09/2010	05939/09S69
2456	S69-03262			Trần Văn Thảo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03343/07S69
2457	S69-03263			Nguyễn Văn Danh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03344/07S69
2458	S69-03264			Đặng Văn Điền	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03345/07S69
2459	S69-03265			Trần Hoàng Hiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03351/07S69
2460	S69-03266			Trần Văn Thám	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03352/07S69
2461	S69-03267			Phạm Thành Tài	Tân Điền B, Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	02/10/2009	02/10/2010	06066/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2462	S69-03269			Trần Hoàng Mai	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03354/07S69
2463	S69-03270			Lê Thanh Hiền	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10023/08S69
2464	S69-03271	CM-06313		Trần Hồng Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/10/2009	15/10/2010	06337/09S69
2465	S69-03273			Trịnh Văn Oanh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03358/07S69
2466	S69-03274			Nguyễn Văn Hết	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03359/07S69
2467	S69-03275			Tạ Văn Dũng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03360/07S69
2468	S69-03276	CM-07920		Nguyễn Hữu Nhi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06530/13S69
2469	S69-03277			Nguyễn Văn Cháy	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03362/07S69
2470	S69-03278			Nguyễn Thanh Tú	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03363/07S69
2471	S69-03279	CM-09052		Lê Thị Ngung	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07875/12S69
2472	S69-03280	CM-06836		Lê Văn Chuyển	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	01/12/2009	01/12/2010	06886/09S69
2473	S69-03281			Nguyễn Văn Nhì	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03366/07S69
2474	S69-03282			Trần Khánh Hoà	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03367/07S69
2475	S69-03283			Hồ Hoàng Đăng	Quách phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03368/07S69
2476	S69-03284			Hồ Trường Giang	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03369/07S69
2477	S69-03285			Phan Văn Khải	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03370/07S69
2478	S69-03286			Trần Hữu Tâm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03371/07S69
2479	S69-03287			Mai Hoàng Anh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03372/07S69
2480	S69-03288	CM-05299		Nguyễn Việt Hùng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	26/12/2011	26/12/2012	05299/11S69
2481	S69-03289			Hồ Phú Sự	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03374/07S69
2482	S69-03290			Nguyễn Văn Hiếu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03376/07S69
2483	S69-03291	CM-06169		Cao Xuân Phiêm	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07047/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2484	S69-03293			Nguyễn Văn Kiệm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03378/07S69
2485	S69-03294			Nguyễn Văn Bùi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/03/2008	03379/07S69
2486	S69-03295			Phan Việt Thắng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03380/07S69
2487	S69-03296			Đào Văn Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03381/07S69
2488	S69-03297			Dương Thanh Diện	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03382/07S69
2489	S69-03298			Võ Thành Ngoan	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03383/07S69
2490	S69-03300			Nguyễn Văn Nhi	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03385/07S69
2491	S69-03301			Võ Hoàng Phong	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03386/07S69
2492	S69-03303			Lê Văn Phát	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03388/07S69
2493	S69-03304			Nguyễn Quốc Nam	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03389/07S69
2494	S69-03305			Nguyễn Thanh Liêm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03390/07S69
2495	S69-03306			Nguyễn Văn Hoàng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03391/07S69
2496	S69-03307			Huỳnh Văn Ngộ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03392/07S69
2497	S69-03308	CM-05050		Nguyễn Văn Đen	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07750/12S69
2498	S69-03309	CM-09255		Dương Quốc Hận	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02012/13S69
2499	S69-03310	CM-05285		Nguyễn Văn Huệ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07852/12S69
2500	S69-03311			Nguyễn Văn Đen	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03338/07S69
2501	S69-03312			Trần Văn Trường	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2007	12/08/2008	03346/07S69
2502	S69-03313	CM-		Nguyễn Văn Tửu	ấp Nhà Máy A, Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	25/09/2007	25/09/2008	03586/07S69
2503	S69-03314			Đặng Tấn Lộc	Tân Phú, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03348/07S69
2504	S69-03315			Lương Trường Trinh	Phú Điền, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/09/2007	20/09/2008	03349/07S69
2505	S69-03316	CM-06778		Trịnh Lý Đáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05868/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2506	S69-03317			Hồng Minh Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03394/07S69
2507	S69-03318			Trần Quốc Thanh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03395/07S69
2508	S69-03319			Thiều Hòa Hợp	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03396/07S69
2509	S69-03320	CM-06197		Phạm Văn Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06402/08S69
2510	S69-03321	CM-07729		Lê Minh Đức	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04154/13S69
2511	S69-03322	CM-07149		Trần Văn Tấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/01/2013	07/01/2014	00218/13S69
2512	S69-03323			Đỗ Hoàng Hải	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03400/07S69
2513	S69-03324	CM-08757		Lê Minh Vũ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07872/12S69
2514	S69-03325			Phạm Việt Hùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03402/07S69
2515	S69-03326	CM-06794		Huỳnh Văn Trong	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/01/2014	13/01/2015	00135/14S69
2516	S69-03327			Huỳnh Văn Uôi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03404/07S69
2517	S69-03329			Nguyễn Thanh Vũ	Nam Chánh, Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03406/07S69
2518	S69-03330			Nguyễn Văn Chính	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03407/07S69
2519	S69-03331			Nguyễn Văn Tông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03408/07S69
2520	S69-03332			Trần Ngọc Sáu	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03409/07S69
2521	S69-03333	CM-07157		Bùi Trường Giang	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10235/12S69
2522	S69-03334	CM-51207		Nguyễn Văn Lượng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04553/10S69
2523	S69-03335			Nguyễn Văn Đồng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03412/07S69
2524	S69-03336			Võ Văn Nguyễn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03413/07S69
2525	S69-03337	CM-07918		Nguyễn Hữu Mãi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06531/13S69
2526	S69-03338			Nguyễn Văn Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03415/07S69
2527	S69-03339	CM-06795		Huỳnh Văn Bền	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/12/2012	20/12/2013	09188/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2528	S69-03340	CM-08756		Lê Minh Tuấn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07866/12S69
2529	S69-03341			Nguyễn Văn Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03418/07S69
2530	S69-03342			Huỳnh Quốc Sỹ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03420/07S69
2531	S69-03343	CM-05382		Nguyễn Hoàng Phương	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	17/06/2009	17/06/2010	03386/09S69
2532	S69-03344			Huỳnh Văn Đông	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03422/07S69
2533	S69-03345	CM-06793		Trần Văn Tài	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	05/02/2010	05/02/2011	00790/10S69
2534	S69-03346	CM-06309		Trịnh Văn Dũng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01858/09S69
2535	S69-03347			Hồ Văn Kha	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03425/07S69
2536	S69-03348			Nguyễn Trường Giang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03426/07S69
2537	S69-03350			Tạ Văn Trái	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03428/07S69
2538	S69-03351			Nguyễn Minh Tươi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	03/03/2009	03/03/2010	01093/09S69
2539	S69-03352			Nguyễn Văn Lợi	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03430/07S69
2540	S69-03353			Tăng Thanh Hải	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03431/07S69
2541	S69-03354			Thạch Văn Thắng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03432/07S69
2542	S69-03355			Lê Văn Thống	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03433/07S69
2543	S69-03356			Nguyễn Văn Tèo	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03434/07S69
2544	S69-03357			Nguyễn Văn Đa	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03435/07S69
2545	S69-03358			Nguyễn Thanh Diệp	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03436/07S69
2546	S69-03359			Lư Thanh Sỹ	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03437/07S69
2547	S69-03360			Bùi Hữu Nghị	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03438/07S69
2548	S69-03361			Vương Văn Phương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03439/07S69
2549	S69-03362			Lê Văn Phương	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03440/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2550	S69-03363			Đặng Văn Hải	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03441/07S69
2551	S69-03364	CM- 05480		Nguyễn Ngọc Bích	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/10/2008	29/10/2009	08304/08S69
2552	S69-03365			Trần Minh Cảnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03443/07S69
2553	S69-03366			Nguyễn Hoàng Sinh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03444/07S69
2554	S69-03367			Nguyễn Hoài Hận	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03445/07S69
2555	S69-03369	CM-07968		Quang Văn Khiêm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01672/10S69
2556	S69-03370			Trần Khánh Tông	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03448/07S69
2557	S69-03371			Phạm Văn Đến	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03449/07S69
2558	S69-03372			Trần Minh Lành	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03450/07S69
2559	S69-03373			Thiều Tuấn Em	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03451/07S69
2560	S69-03374			Phòng Kinh Tế Huyện Đầm Dơi	Khóm I, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03452/07S69
2561	S69-03375			Nguyễn Minh Tuấn	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03453/07S69
2562	S69-03376			Thiều Thái Nguyên	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03454/07S69
2563	S69-03377			Kiều Minh Đẩu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03455/07S69
2564	S69-03378			Lâm Hữu Nghĩa	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03456/07S69
2565	S69-03380	CM-07663		Ngô Văn Khuê	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	30/03/2009	30/03/2010	02184/09S69
2566	S69-03382			Nguyễn Việt Khánh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06426/08S69
2567	S69-03383	CM-12768		Lê Vũ Trường	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	27/01/2010	27/01/2011	00504/10S69
2568	S69-03384			Nguyễn Chí Cường	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03462/07S69
2569	S69-03387			Phạm Văn út	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03466/07S69
2570	S69-03388	CM-06365		Ngô Tấn Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06686/12S69
2571	S69-03390			Lâm Thanh Diễn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03469/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2572	S69-03391			Lê Thị Nga	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03470/07S69
2573	S69-03392			Trương Văn Danh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03471/07S69
2574	S69-03393			Lâm Văn Báo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03472/07S69
2575	S69-03394			Trần Quốc Tính	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03473/07S69
2576	S69-03395	CM-06775		Nguyễn út Điền	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/05/2013	02/05/2014	02413/13S69
2577	S69-03396	CM-07669		Nguyễn Văn Nguyễn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10218/12S69
2578	S69-03398			Phạm Văn Chúng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07072/08S69
2579	S69-03399			Phạm Văn Bằng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03478/07S69
2580	S69-03400			Nguyễn Công Nghiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03479/07S69
2581	S69-03401			Thạch Văn Bé	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03480/07S69
2582	S69-03402			Nguyễn Hoàng Phước	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03481/07S69
2583	S69-03403			Võ Trường Giang	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	16/09/2008	03482/07S69
2584	S69-03404	CM-05396		Nguyễn Văn Phê	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/12/2009	18/12/2010	07220/09S69
2585	S69-03405	CM-06340		Nguyễn Văn Nguyễn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10170/12S69
2586	S69-03407			Dương Văn Bé	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07077/08S69
2587	S69-03408			Quách Thanh Tùng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03487/07S69
2588	S69-03409	CM-05295		Trương Bình Dương	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00354/13S69
2589	S69-03410			Lê Minh Chiến	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03489/07S69
2590	S69-03411			Phạm Văn Ngọt	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03490/07S69
2591	S69-03412			Phạm Văn Hon	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10203/12S69
2592	S69-03413			Phạm Văn Đen	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2007	16/09/2008	03492/07S69
2593	S69-03414			Kiều Văn Thử	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03493/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2594	S69-03415			Đào Chí Linh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03494/07S69
2595	S69-03416	CM-18598		Phạm Thanh Oai	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05300/12S69
2596	S69-03417			Đoàn Văn Hoà	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03496/07S69
2597	S69-03418			Phạm Văn Đấu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03497/07S69
2598	S69-03419	CM-06838		Nguyễn Văn Náo	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	08/12/2009	08/12/2010	06940/09S69
2599	S69-03420			Đào Văn Độ	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03499/07S69
2600	S69-03421			Nguyễn Văn Ngọt	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03500/07S69
2601	S69-03422			Kiều Văn Bào	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03502/07S69
2602	S69-03424			Võ Văn Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03503/07S69
2603	S69-03425			Lê Văn Tâm	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03504/07S69
2604	S69-03426			Ngô Hoàng Có	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03505/07S69
2605	S69-03427			Nguyễn Văn Bên	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03506/07S69
2606	S69-03428	CM-06314		Đinh Chí Nguyễn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	24/08/2009	24/08/2010	05100/09S69
2607	S69-03430	CM-07171		Trần Văn Hân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06458/08S69
2608	S69-03431			Trương Minh Vương	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03510/07S69
2609	S69-03432			Nghị Dũng Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03511/07S69
2610	S69-03433			Liêu Hoàng Em	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03512/07S69
2611	S69-03435			Mai Văn Dol	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03514/07S69
2612	S69-03436			Phạm Văn Bình	Xã tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03515/07S69
2613	S69-03437			Nguyễn Văn An	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03516/07S69
2614	S69-03438	CM-19507		Huỳnh Văn Nghị	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/06/2014	27/06/2015	01736/14S69
2615	S69-03439			Nguyễn Văn Dương	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03518/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2616	S69-03440			Nguyễn Văn Chiến	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03519/07S69
2617	S69-03441			Lê Văn Tền	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03520/07S69
2618	S69-03442			Nguyễn Hữu Quyền	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03521/07S69
2619	S69-03443	CM-05303		Lê Văn Hậu	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	29/12/2010	29/12/2011	06338/10S69
2620	S69-03444	CM-05127		Lê Văn Đông	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/01/2012	13/01/2013	00215/12S69
2621	S69-03445	CM-05453		Thiều Hoàng Trãi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09475/12S69
2622	S69-03446			Lê Hoàng Thống	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03525/07S69
2623	S69-03447			Đào út Em	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03526/07S69
2624	S69-03449	CM-05416		Phan Văn Cường	Khóm 4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	20/06/2014	20/06/2015	01616/14S69
2625	S69-03450			Nguyễn Việt Đông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03529/07S69
2626	S69-03451	CM-06709		Nguyễn Văn Dô	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	21/01/2013	21/01/2014	00661/13S69
2627	S69-03452			Võ Vĩnh Tân	Tân Điền, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03531/07S69
2628	S69-03453	CM-06837		Nguyễn Văn Thuỳ	Tân Phú, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	21/01/2013	21/01/2014	00657/13S69
2629	S69-03454	CM-06168		Võ Thanh Lên	Thuận Hoà B, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02157/09S69
2630	S69-03455			Cao Chí Tâm	Thuận Hoà B, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03534/07S69
2631	S69-03456			Trương Minh Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03535/07S69
2632	S69-03457			Trương Văn Linh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03536/07S69
2633	S69-03459	CM-08514		Trần Văn Nguyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/05/2009	29/05/2010	03081/09S69
2634	S69-03460			Nguyễn Tấn Lợi	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03539/07S69
2635	S69-03461			Trần Văn Thả	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07071/08S69
2636	S69-03463			Võ Thanh Trà	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03542/07S69
2637	S69-03464	CM-08971		Ngô Hoàng Ly	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06021/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2638	S69-03465	CM-06791		Đào Văn Lách	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07061/08S69
2639	S69-03466	CM-07440		Trần Văn Diễm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07847/12S69
2640	S69-03467			Lê Văn Ngoan	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03546/07S69
2641	S69-03468	CM-06358		Đoàn Văn Quang	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06392/08S69
2642	S69-03469	CM-05389		Lữ Văn Như	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06478/08S69
2643	S69-03470			Trần Thanh Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03549/07S69
2644	S69-03471			Phạm Chí Linh	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03550/07S69
2645	S69-03472			Nguyễn Hùng Mạnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06475/08S69
2646	S69-03473			Phạm Văn Trắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03552/07S69
2647	S69-03474		Vũ Phương	Trần Hồng Hải	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03553/07S69
2648	S69-03476			Sâm Văn Đô	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03555/07S69
2649	S69-03477			Trần Văn Xuyên	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03556/07S69
2650	S69-03478			Võ Văn Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03557/07S69
2651	S69-03479	CM-07667		Huỳnh Văn út	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10231/12S69
2652	S69-03480			Đào Văn Hoàng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03559/07S69
2653	S69-03481	CM-05439		Nguyễn Văn Sang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02158/09S69
2654	S69-03482			Nguyễn Tấn Thành	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03561/07S69
2655	S69-03483	CM-05440		Trương Thanh Dũng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01441/10S69
2656	S69-03484			Phạm Văn Vững	Tân Điền, Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03563/07S69
2657	S69-03485			Nguyễn Minh Hoàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03564/07S69
2658	S69-03486			Lê Phước Hiền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03565/07S69
2659	S69-03487			Lê Văn Tính	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03566/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2660	S69-03488	CM-06788		Đào út Em	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	19/10/2012	19/10/2013	05526/12S69
2661	S69-03489	CM-11284		Trần Ngọc Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09497/12S69
2662	S69-03491			Nguyễn Văn Chiến	Tân Điền, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/09/2007	15/09/2008	03570/07S69
2663	S69-03492			Nguyễn Thanh Linh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10242/12S69
2664	S69-03493	CM-02350		Đoàn Thanh Phi	Khánh An, Huyện U Minh	08/10/2009	09/10/2010	06263/09S69
2665	S69-03495			Tổng Văn Hoàng	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03591/07S69
2666	S69-03496			Hồ Văn Duyên	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03593/07S69
2667	S69-03497			Lê Văn Hoan	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03594/07S69
2668	S69-03498			Lê Thị Bích	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03595/07S69
2669	S69-03499			Trần Chiến Thắng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03596/07S69
2670	S69-03500			Lê Tấn Quận	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03597/07S69
2671	S69-03501			Đoàn Văn Hùng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03598/07S69
2672	S69-03502			Đặng Thành Công	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03599/07S69
2673	S69-03503			Nguyễn Thị Liễu	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03600/07S69
2674	S69-03504			Lâm Văn Hai	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03601/07S69
2675	S69-03505			Lê Văn Tư	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03602/07S69
2676	S69-03506			Nguyễn Văn Vinh	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03603/07S69
2677	S69-03507			Nguyễn Văn Cường	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03604/07S69
2678	S69-03508			Nguyễn Minh Thuận	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03605/07S69
2679	S69-03509			Lê Văn Vinh	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03606/07S69
2680	S69-03510			Dương Văn Đông	ấp 10, Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03607/07S69
2681	S69-03511			Trần Văn Sen	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03608/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2682	S69-03512			Trần Thế Nghiệp	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03609/07S69
2683	S69-03513			Nguyễn Hoàng Phương	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03610/07S69
2684	S69-03514			Trần Văn Điệp	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03611/07S69
2685	S69-03515			Nguyễn Thành Liễm	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03612/07S69
2686	S69-03516			Huỳnh Tấn Đạt	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03613/07S69
2687	S69-03517			Đinh Chí Hiếu	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03614/07S69
2688	S69-03519			Đào Thanh Hiền	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03616/07S69
2689	S69-03520			Nguyễn Văn Bắc	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03617/07S69
2690	S69-03521			Lê Văn Khởi	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03618/07S69
2691	S69-03522			Nguyễn Văn Đen	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03619/07S69
2692	S69-03523			Cao Văn Vinh	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03620/07S69
2693	S69-03524			Nguyễn Văn Tâm	ấp10, Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03621/07S69
2694	S69-03525			Trần Văn Dược	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03622/07S69
2695	S69-03526			Trần Hoàng Hải	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03623/07S69
2696	S69-03527	CM - 06217		Tổng Kỳ Nghiệp	Xã Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08097/08S69
2697	S69-03528			Đặng Trung Vũ	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03625/07S69
2698	S69-03529			Tô Văn Dũng	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03650/07S69
2699	S69-03530			Trần Văn Triều	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03651/07S69
2700	S69-03531			Trần Thanh Thoảng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03652/07S69
2701	S69-03532			Lê Văn Tuấn	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03653/07S69
2702	S69-03533			Nguyễn Văn Ngộ	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03654/07S69
2703	S69-03534			Nguyễn Ngọc Điệp	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03661/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2704	S69-03535			Trần Quốc Quang	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03660/07S69
2705	S69-03536			Trương Văn Chiến	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03663/07S69
2706	S69-03537			Lê Văn Thi	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03664/07S69
2707	S69-03539			Trần út Đà	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03666/07S69
2708	S69-03540			Trần Văn Lớn	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03667/07S69
2709	S69-03541			Nguyễn Thị Phụng	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03668/07S69
2710	S69-03542			Nguyễn Ngọc Diệp	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03669/07S69
2711	S69-03543	CM-06212		Dương Văn Vạn	Xã Khánh An, Huyện U Minh	25/09/2008	25/09/2009	06699/08S69
2712	S69-03544			Lê Tấn Phát	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03671/07S69
2713	S69-03545			Nguyễn Tùng Lâm	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03672/07S69
2714	S69-03546			Phạm Thanh Tường	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03673/07S69
2715	S69-03547			Trần Văn Hiến	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03674/07S69
2716	S69-03548			Lê Văn Công	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03675/07S69
2717	S69-03549			Nguyễn Văn Nam	Khánh an, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03676/07S69
2718	S69-03550			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03677/07S69
2719	S69-03551			Phan Văn Đáng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03678/07S69
2720	S69-03552			Quách Văn Việt	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03679/07S69
2721	S69-03553			Nguyễn Hoàng Hón	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03680/07S69
2722	S69-03554			Phạm Đồng Khởi	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03681/07S69
2723	S69-03555			Nguyễn Văn Tám	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03682/07S69
2724	S69-03556			Huỳnh Hùng Cường	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03683/07S69
2725	S69-03557			Lê Văn Trung	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03684/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2726	S69-03558			Tăng Văn Thắng	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03685/07S69
2727	S69-03559			Tăng Văn Thắng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03686/07S69
2728	S69-03560			Hồng Văn Tạng	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03687/07S69
2729	S69-03561			Nguyễn Thị Linh	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03688/07S69
2730	S69-03562			Nguyễn Văn Cường	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03689/07S69
2731	S69-03563			Bùi Đồng Phục	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03690/07S69
2732	S69-03564			Quách Văn Sỹ	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03691/07S69
2733	S69-03565			Quách Văn Dũng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03692/07S69
2734	S69-03566			Lê Hoàng Um	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03693/07S69
2735	S69-03567			Nguyễn Văn Luận	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03694/07S69
2736	S69-03568			Nguyễn Chí Nguyên	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03695/07S69
2737	S69-03569			Trần Văn Đen	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03696/07S69
2738	S69-03570			Lê Văn Ghơ	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03697/07S69
2739	S69-03571			Lý Hoàng Đăng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03698/07S69
2740	S69-03572			Nguyễn Văn Dăng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03699/07S69
2741	S69-03573			Phạm Văn Trọng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03700/07S69
2742	S69-03574			Trịnh Văn Thuận	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03701/07S69
2743	S69-03575			Huỳnh Thanh Văn	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03702/07S69
2744	S69-03576	CM-02611		Hồ Thanh Sơn	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/06/2011	22/06/2012	02059/11S69
2745	S69-03577			Nguyễn Quốc Khắc	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03704/07S69
2746	S69-03578			Trần Văn Nhấn	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03705/07S69
2747	S69-03579			Nguyễn Trung Nguyên	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03746/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2748	S69-03580			Hồ Thị Thuỳ	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03747/07S69
2749	S69-03581	CM-06232		Son Dũng	Khánh An, Huyện U Minh	25/09/2008	25/09/2009	06697/08S69
2750	S69-03582			Huỳnh Văn Đảm	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03749/07S69
2751	S69-03583			Nguyễn Thanh Trung	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03750/07S69
2752	S69-03584			Nguyễn Văn ở	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03751/07S69
2753	S69-03585			Dương Minh Hiền	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03752/07S69
2754	S69-03586			Mã Thị Nhan	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03753/07S69
2755	S69-03587			Ngô Văn Dân	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03754/07S69
2756	S69-03588			Lê Thanh Hải	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03755/07S69
2757	S69-03589			Huỳnh Văn Sang	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03756/07S69
2758	S69-03590			Lê Văn Hiếu	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03757/07S69
2759	S69-03591			Nguyễn Văn út	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03758/07S69
2760	S69-03592			Nguyễn Đức Hiền	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03759/07S69
2761	S69-03593			Lê Hiếu Cảnh	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03760/07S69
2762	S69-03594			Nguyễn Văn Hứa	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03761/07S69
2763	S69-03595	CM- 06243		Trương Văn Chậm	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08095/08S69
2764	S69-03596			Bùi Thành Vĩnh	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03736/07S69
2765	S69-03597			Đinh Văn Môn	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03764/07S69
2766	S69-03598			Nguyễn Văn Sơn	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03765/07S69
2767	S69-03599			Đinh Văn Hoàng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03766/07S69
2768	S69-03600			Trần Văn Việt	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03767/07S69
2769	S69-03601	CM - 06241		Dương Văn Toa	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08098/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2770	S69-03602			Phạm Minh Sang	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03769/07S69
2771	S69-03603			Lê Văn Sử	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03770/07S69
2772	S69-03604			Trần Văn Lối	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03771/07S69
2773	S69-03605			Ngô Huynh Đệ	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03772/07S69
2774	S69-03606			Thái Ngọc Xém	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03773/07S69
2775	S69-03607			Nguyễn Hoàng Sơn	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03774/07S69
2776	S69-03608			Trần Tấn Đạt	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03775/07S69
2777	S69-03609			Nguyễn Văn Cường	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03776/07S69
2778	S69-03610			Nguyễn Việt Khái	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03777/07S69
2779	S69-03611	CM-06287		Hồ Văn Máy	Khánh An, Huyện U Minh	29/08/2009	29/08/2010	05210/09S69
2780	S69-03612			Trần Văn Trung	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03778/07S69
2781	S69-03613			Hà Văn Để	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03780/07S69
2782	S69-03614			Trần Văn Phô	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03781/07S69
2783	S69-03615			Hồ Minh Đức	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03782/07S69
2784	S69-03616			Nguyễn Huy Thượng	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03783/07S69
2785	S69-03617			Nguyễn Thanh Nhứt	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03784/07S69
2786	S69-03618			Nguyễn Văn Tình	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03785/07S69
2787	S69-03619	CM-05466		Võ Minh Khuê	Khánh An, Huyện U Minh	20/04/2009	20/04/2010	02527/09S69
2788	S69-03620			Phạm Văn á	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03787/07S69
2789	S69-03621			Phạm Văn Phúc	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03788/07S69
2790	S69-03622			Nguyễn Thanh Tuấn	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03789/07S69
2791	S69-03623			Lê Văn Toả	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03790/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2792	S69-03624			Trần Văn Hà	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03791/07S69
2793	S69-03625			Huỳnh Thanh Lập	Khanh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03792/07S69
2794	S69-03626			Trần Minh Nhựt	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03793/07S69
2795	S69-03627			Trần Văn Cửa	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03794/07S69
2796	S69-03628			Trần Văn Ngây	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03795/07S69
2797	S69-03629			Văn Thanh Vũ	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03796/07S69
2798	S69-03630			Trần Văn Việt	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03797/07S69
2799	S69-03631			Nguyễn Văn Vũ	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03798/07S69
2800	S69-03632			Trần Văn Khuynh	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03799/07S69
2801	S69-03633			Lê Văn Thừa	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03800/07S69
2802	S69-03634			Nguyễn Văn Thành	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03801/07S69
2803	S69-03635	CM-		Huỳnh Văn Đẹp	Khánh An, Huyện U Minh	24/08/2009	24/08/2010	05101/09S69
2804	S69-03636			Nguyễn Văn Khấp	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03803/07S69
2805	S69-03637			Nguyễn Minh Cương	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03804/07S69
2806	S69-03638			Trần Văn Sản	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03805/07S69
2807	S69-03639			Phạm Kỵ Ba	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03806/07S69
2808	S69-03640			Lưu Quốc Cường	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03807/07S69
2809	S69-03641			Võ Văn Tại	Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03808/07S69
2810	S69-03642			Nguyễn Minh Lũy	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03820/07S69
2811	S69-03643			Lê Văn Sang	Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03589/07S69
2812	S69-03644	CM-		Mã Trung Thành	Xã Khánh An, Huyện U Minh	24/09/2008	24/09/2009	06640/08S69
2813	S69-03645			Nguyễn Văn Thảo	ấp 4, Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03572/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2814	S69-03646			Mã Hoàng Dương	ấp 4, Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	03573/07S69
2815	S69-03647			Nguyễn Phi Hùng	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/09/2007	25/09/2008	03577/07S69
2816	S69-03648			Nguyễn Văn Phúc	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03578/07S69
2817	S69-03649			Lê Văn Phan	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03580/07S69
2818	S69-03650			Nguyễn Trường Giang	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03581/07S69
2819	S69-03651			Lê Hoàng Đến	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03582/07S69
2820	S69-03652			Lê Hoàng Mãi	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03583/07S69
2821	S69-03653			Lê Hoàng Dô	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03584/07S69
2822	S69-03654			Lê Văn Gào	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03585/07S69
2823	S69-03656	CM-02723		Nguyễn Văn Tuấn	TT Sông đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10837/08S69
2824	S69-03657	CM-04718		Phan Văn Chuyển	Nhị Nguyệt, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	30/10/2012	30/10/2013	05742/12S69
2825	S69-03658			Nguyễn Ngọc Giàu	Tân Bửu, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/09/2007	25/09/2008	03627/07S69
2826	S69-03659			Ngô Văn Mảng	Tân Phú, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03628/07S69
2827	S69-03660			Nguyễn Văn Việt	Tân Phú, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03629/07S69
2828	S69-03661	CM-00602	Vỏ Khách	Phạm Văn Cảnh	ấp 8, Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	25/09/2007	25/03/2008	03631/07S69
2829	S69-03662	CM-02710		Trần Văn Đông	Khóm 4 Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10777/08S69
2830	S69-03663	CM-16104		Nguyễn Văn Sáng	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00096/14S69
2831	S69-03664			Huỳnh Văn Chiến	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/09/2007	25/03/2008	03634/07S69
2832	S69-03665	CM-02711		Nguyễn Văn Tuấn	k5 TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/09/2007	25/09/2008	03635/07S69
2833	S69-03666			Tổng Văn Chót	Trung Cang, Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/09/2007	25/09/2008	03636/07S69
2834	S69-03667			Kim Văn Cường	Cái Bát, Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	25/09/2007	25/09/2008	03637/07S69
2835	S69-03668			Lê Văn Tộc	Tân Hiệp, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/09/2007	25/09/2008	03638/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2836	S69-03669	CM-03093		Nguyễn Văn Thiện	ấp Nghĩa Hiệp, Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04742/10S69
2837	S69-03670			Cao Long Hồ	ấp 3, Khánh An, Huyện U Minh	25/09/2007	25/09/2008	03641/07S69
2838	S69-03671			Cao Long Hồ	ấp 3, Khánh An, Huyện U Minh	25/09/2007	25/09/2008	03642/07S69
2839	S69-03672	CM-04869		Lê Quốc Trung	Ba Đình, Định Bình, Thành phố Cà Mau	01/12/2011	01/12/2012	04639/11S69
2840	S69-03673	CM-04868		Hoàng Văn Tùng	Ba Đình, Định Bình, Thành phố Cà Mau	05/12/2011	05/12/2012	04670/11S69
2841	S69-03674			Nguyễn Tấn Lợi	ấp 2, Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	26/09/2007	26/09/2008	03648/07S69
2842	S69-03675	CM-04636		Trần Văn Quý	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	04/08/2015	04/08/2016	01466/15S69
2843	S69-03676	CM-01663	GHE Tải	Đình Văn Thơ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	05/03/2010	05/03/2011	01040/10S69
2844	S69-03677	CM-02589		Trần Thị Nuôi	ấp 10, Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	00281/08S69
2845	S69-03678	CM-04687		Hồ Văn Hổ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/01/2010	12/01/2011	00173/10S69
2846	S69-03679	CM-04753		Phùng Văn Huynh	ấp Hòa Trung, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	04/06/2012	04/06/2013	02606/12S69
2847	S69-03680			Phan Văn Chiêu	Khóm 5, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/02/2008	03659/07S69
2848	S69-03681			Ngô Văn Dũng	ấp 9, Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/03/2008	03662/07S69
2849	S69-03682			Nguyễn Văn Dủ	ấp Hòa Trung, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/09/2007	25/09/2008	03707/07S69
2850	S69-03683			Lê Hoàng Phong	ấp Hòa Nam, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/09/2007	25/09/2008	03708/07S69
2851	S69-03684			Nguyễn Hoàng Oanh	ấp Hòa Trung, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/09/2007	25/09/2008	03709/07S69
2852	S69-03685			Nguyễn Hữu Kế	ấp Hòa Trung, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/09/2007	25/09/2008	03710/07S69
2853	S69-03686	CM-04683		Nguyễn Văn Dương	ấp 6, Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08822/08S69
2854	S69-03687			DNTN Nhật Phát	ấp 3, Xã Tác Vân, Thành phố Cà Mau	25/09/2007	25/09/2008	03712/07S69
2855	S69-03688			DNTN Nhật Phát	ấp 3, Xã Tác Vân, Thành phố Cà Mau	25/09/2007	25/09/2008	03713/07S69
2856	S69-03689	CM-		Lâm Văn Chuyện	Khóm 6, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10828/08S69
2857	S69-03691	CM-02642		Lê Minh Sồn	Khánh Hoà, Huyện U Minh	26/12/2014	26/12/2015	03496/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2858	S69-03692	CM-04734		Trần Quốc Bảo	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	05/08/2009	05/08/2010	04752/09S69
2859	S69-03693			Võ Văn Khánh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	27/09/2007	27/09/2008	03722/07S69
2860	S69-03694	CM-04781		Đặng Văn út	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/11/2009	19/11/2010	06672/09S69
2861	S69-03696			Ngô Minh Duẩn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/09/2007	27/03/2008	03724/07S69
2862	S69-03697			Tổng Thanh Tươi	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	27/09/2007	27/09/2008	03725/07S69
2863	S69-03698			Nguyễn Văn Công	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	27/09/2007	27/09/2008	03726/07S69
2864	S69-03699	CM-04733		Nguyễn Văn Tổng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	05/08/2009	05/08/2010	04753/09S69
2865	S69-03700			Trần Lâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00344/10S69
2866	S69-03701			Huỳnh Văn Chuối	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/09/2007	27/09/2008	03730/07S69
2867	S69-03702			Đoàn Văn Ai	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/09/2007	27/09/2008	03731/07S69
2868	S69-03703	CM-04740		Nguyễn Hoàng Diễn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	31/03/2014	31/03/2015	00865/14S69
2869	S69-03704	CM-04737		Nguyễn Văn Tuấn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/11/2011	02/11/2012	04045/11S69
2870	S69-03705			Phùng Văn Củ	Hoà Trung, Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	27/09/2007	27/09/2008	03734/07S69
2871	S69-03706	CM-02932		Mai Việt Trung	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2008	09/10/2009	07090/08S69
2872	S69-03708	CM-05035		Nguyễn Văn Tèo	Tân Thành A, Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	01/09/2009	01/09/2010	05245/09S69
2873	S69-03709			Lê Quốc Điền	Tân Hiệp, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/09/2007	27/09/2008	03740/07S69
2874	S69-03710	CM-04764		Hồ Văn Hùng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/07/2009	16/07/2010	04114/09S69
2875	S69-03712			Kim Văn Đề	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/09/2007	28/09/2008	03744/07S69
2876	S69-03713	CM-04746		Nguyễn Thanh Phùng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02415/09S69
2877	S69-03714	CM-04748		Nguyễn Văn Tòng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/10/2013	18/10/2014	04920/13S69
2878	S69-03715			Nguyễn Văn Tấn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/09/2007	28/09/2008	03810/07S69
2879	S69-03717		Thành Ninh	Huỳnh Văn Ninh	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	28/09/2007	28/09/2008	03812/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2880	S69-03718			Nguyễn Văn Trí	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/09/2007	28/09/2008	03813/07S69
2881	S69-03719			Hồ Văn Mộng	ấp 2, Tân Thành, Thành phố Cà Mau	28/09/2007	28/09/2008	03814/07S69
2882	S69-03720	CM-01452		Phạm Thị Ba	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	05/12/2011	05/12/2012	04673/11S69
2883	S69-03721	CM-04438		Nguyễn Đại Bằng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	17/06/2009	17/06/2010	03486/09V67
2884	S69-03722	CM-01345	Ghe Tải	Trần Văn Sĩ	ấp Tân Long A Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2007	28/03/2008	03818/07S69
2885	S69-03723			Nguyễn Văn Phúc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/11/2010	16/11/2011	05631/10S69
2886	S69-03724			Sơn Sal	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	01/10/2007	01/04/2008	03822/07S69
2887	S69-03725			Lê Văn Mạnh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	01/10/2007	01/10/2008	03823/07S69
2888	S69-03726			Nguyễn Thành Nhân	Cái Rắn, Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05316/08S69
2889	S69-03727	CM-05057	Hoàng Đức	Đặng Hoàng Đức	Khóm 5, P7, Thành phố Cà Mau	28/06/2011	28/06/2012	02128/11S69
2890	S69-03729	CM-04768		Hyùnh Văn In	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09069/08S69
2891	S69-03730	CM-00792		Nguyễn Trường Hận	Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	16/08/2011	16/08/2012	02760/11S69
2892	S69-03731	CM-05052		Huỳnh Văn Huynh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	04/12/2008	04/12/2009	09435/08S69
2893	S69-03733			Trần Văn Chiến	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/10/2007	02/10/2008	03833/07S69
2894	S69-03734			Trần Văn Tèo	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/10/2007	02/10/2008	03834/07S69
2895	S69-03735			Nguyễn Văn Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	02/10/2007	02/10/2008	03835/07S69
2896	S69-03736	CM-04835		Phan Minh Tuấn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10278/12S69
2897	S69-03737			Nguyễn Văn Minh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/10/2007	02/10/2008	03837/07S69
2898	S69-03738	CM-04775		Lâm Văn Hải	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	17/12/2008	17/12/2009	10036/08S69
2899	S69-03740	CM-02936		Nguyễn Chí Nguyễn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04739/10S69
2900	S69-03741	CM-02363		Lê Văn Tuấn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2012	05/12/2013	07938/12S69
2901	S69-03742	CM-01856		Nguyễn Văn Nhựt	K9, P6, Thành phố Cà Mau	21/07/2014	21/07/2015	01929/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2902	S69-03744	CM-02860		Trần Văn Dũng	ấp Cái Nước Biển, Huyện Phú Tân	03/10/2007	03/10/2008	03857/07S69
2903	S69-03745	CM-03172		Nguyễn Văn Bình	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04741/10S69
2904	S69-03746	CM-01218	Đò	Nguyễn Minh Trạn	ấp Tân Bửu,Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/10/2007	02/04/2008	03851/07S69
2905	S69-03747			Nguyễn Chí Nguyên	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/09/2007	09/03/2008	03853/07S69
2906	S69-03748			Phan Quốc Đảm	67 Bông Văn Dĩa, K4, P5, Thành phố Cà Mau	03/10/2007	03/10/2008	03856/07S69
2907	S69-03749	CM-04837		Nguyễn Văn Tuấn	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10795/08S69
2908	S69-03750	CM-04829		Lê Bé út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03541/12S69
2909	S69-03751	CM- 04853		Trần Hồ Ba	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	29/10/2008	29/10/2009	08301/08S69
2910	S69-03752	CM-04893		Đặng Văn Hào	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/10/2012	15/10/2013	05416/12S69
2911	S69-03753	CM-04841		Phạm Hùng Cường	Hóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2010	30/12/2011	06391/10S69
2912	S69-03754	CM-04842		Lê Hoàng Hận	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04134/09S69
2913	S69-03755	CM-00219	CM-00219	Kiều Tấn út	phường 6, Thành phố Cà Mau	17/09/2012	17/09/2013	04785/12S69
2914	S69-03756	CM-02686	Chí Bình	Huỳnh Văn Bình	K3, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	04/10/2007	04/10/2008	03866/07S69
2915	S69-03757	CM-01299		Nguyễn Chí Hiếu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/10/2007	04/10/2008	03869/07S69
2916	S69-03759			Phạm út Hết	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2007	04/04/2008	03872/07S69
2917	S69-03762	CM-04892		Quách Ngọc Cẩm	Khóm 4, Phường 1, Thành phố Cà Mau	05/02/2009	05/02/2010	00481/09S69
2918	S69-03763			Huỳnh Văn Hoàng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2007	04/10/2008	03878/07S69
2919	S69-03764			Huỳnh Văn Hạnh	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2007	04/10/2008	03879/07S69
2920	S69-03765			Hồ Minh Tây	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/10/2007	04/10/2008	03880/07S69
2921	S69-03766	CM-04830		Từ Văn Lợi	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03028/13S69
2922	S69-03767	CM-04844		Nguyễn Văn Lập	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/11/2010	04/11/2011	05500/10S69
2923	S69-03769	CM-04865		Lưu Văn út	Khánh Lâm, Huyện U Minh	10/05/2013	10/05/2014	02511/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2924	S69-03771			Đặng Vĩnh Tường	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	05/10/2007	05/10/2008	03894/07S69
2925	S69-03772			Hồ Hoàng Phương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	05/10/2007	05/10/2008	03899/07S69
2926	S69-03773	CM-04843		Trần Thị Chính	K2, P7, Thành phố Cà Mau	22/02/2008	22/02/2009	00691/08S69
2927	S69-03774	CM-00315	Ghe tải	Lê Văn Nu	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	13/04/2010	13/04/2011	00266/10V69
2928	S69-03775			Tiêu Thanh Tân	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/10/2007	08/10/2008	03903/07S69
2929	S69-03776	CM-05334	Phước Tài	Lâm Trung Kiên	ấp Kinh Dồn, Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2011	06/10/2012	03584/11S69
2930	S69-03777			Nguyễn Văn Hận	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	08/10/2007	08/10/2008	03910/07S69
2931	S69-03780	CM-05070		Nguyễn Văn Châu	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10862/08S69
2932	S69-03781			Nguyễn Chí An	Khóm 11, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03915/07S69
2933	S69-03782	CM-04866		Mã Bá Sơn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05087/12S69
2934	S69-03783	CM-04864		Huỳnh Trung Kiên	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01499/09S69
2935	S69-03784			Huỳnh Hoàng Giang	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03918/07S69
2936	S69-03785	CM- 05068		Nguyễn Thanh Tùng	Khóm 7, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	15/10/2008	15/10/2009	07451/08S69
2937	S69-03786	CM-05075		Nguyễn Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07106/09S69
2938	S69-03787	CM-04867		Trần Văn Hạp	ấp Cây Trâm, Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	06/05/2011	06/05/2012	01525/11S69
2939	S69-03789	CM-00685	Ghe tải	Nguyễn Thị Cấn	khóm 2, P6, Thành phố Cà Mau	09/10/2007	09/10/2008	03924/07S69
2940	S69-03790	CM-05074		Đặng Văn Khiêm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	17/07/2010	17/07/2011	03712/10S69
2941	S69-03791	CM-05062		Lương Văn Sơn	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	18/01/2010	18/01/2011	00251/10S69
2942	S69-03792	CM-05072		Võ Văn Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10831/08S69
2943	S69-03793	CM-05061		Lương Văn Mãi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	01/02/2010	01/02/2011	00647/10S69
2944	S69-03794			Lương Văn Năng	Xã khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03931/07S69
2945	S69-03796	CM-04873		Lê Văn Lợi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	02/11/2012	02/11/2013	05823/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2946	S69-03797	CM-04887		Nguyễn Văn Thiện	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03894/10S69
2947	S69-03798	CM-05051		Huỳnh Văn Hải	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02833/09S69
2948	S69-03799			Nguyễn Phương Nam	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03940/07S69
2949	S69-03800			Huỳnh Hữu Nghĩa	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03941/07S69
2950	S69-03801			Lê Văn Toàn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03943/07S69
2951	S69-03802			Nguyễn Văn Dân	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03942/07S69
2952	S69-03803	CM-02332		Phạm Minh Đức	ấp Lý ấn, Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	03/02/2012	03/02/2013	00407/12S69
2953	S69-03805			Phạm Anh Việt	Khóm 7, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/10/2008	20/10/2009	07606/08S69
2954	S69-03806	CM-02424		Nguyễn Thành Công	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/12/2010	27/12/2011	06317/10S69
2955	S69-03807			Trần Dũng Tiến	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	09/10/2007	09/10/2008	03946/07S69
2956	S69-03808			Võ Minh Tâm	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03949/07S69
2957	S69-03809			Lê Văn Đệ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	09/10/2007	09/10/2008	03948/07S69
2958	S69-03810			Võ Văn Quốc	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03950/07S69
2959	S69-03811	CM-04880		Nguyễn Công Danh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	26/02/2014	26/02/2015	00513/14S69
2960	S69-03812	CM-04881		Phạm Văn Đạt	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07065/08S69
2961	S69-03813			Lê Trọng Nguyễn	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	09/10/2007	09/10/2008	03953/07S69
2962	S69-03814			Trần Văn Tùng	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	09/10/2007	09/10/2008	03937/07S69
2963	S69-03815	CM-03179		Dương Quốc Khởi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2008	12/12/2009	09982/08S69
2964	S69-03816			Mai Thanh Lùng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	09/10/2007	09/10/2008	03956/07S69
2965	S69-03817	CM-04857		Trần Văn Dũng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	27/06/2014	27/06/2015	01728/14S69
2966	S69-03818			Trương Thanh Tùng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	09/10/2007	09/10/2008	03958/07S69
2967	S69-03820			Nguyễn Văn Sól	Khóm 8, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	03960/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2968	S69-03821			Tô Văn Thế	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/02/2008	03961/07S69
2969	S69-03822	CM-20789		Nguyễn Văn Đẩu	Khóm 2, Thị Trấn Trần văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06425/12S69
2970	S69-03823			Tạ Văn Dũng	Khóm 4, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	03963/07S69
2971	S69-03824			Huỳnh Việt Toàn	Khóm 4, Thị Trấn trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2007	04/08/2008	03964/07S69
2972	S69-03828			Huỳnh Văn Oai	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2007	10/10/2008	03969/07S69
2973	S69-03829			Trần Văn Bình	ấp 3, Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	10/10/2007	10/10/2008	03971/07S69
2974	S69-03831			Cao Thanh Vân	Hoà Trung - Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	11/10/2007	11/10/2008	03976/07S69
2975	S69-03833			Lê Thanh Tân	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	21/10/2008	21/10/2009	07702/08S69
2976	S69-03834			Đặng Văn Tạng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	11/10/2007	11/10/2008	03979/07S69
2977	S69-03835			Trần Văn Dũng	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	11/10/2007	11/10/2008	03980/07S69
2978	S69-03836	CM-04826		Nguyễn Văn Vui	146B, Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	18/03/2011	18/03/2012	00924/11S69
2979	S69-03837			Nguyễn Văn Cuộc	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	11/10/2007	11/10/2008	03982/07S69
2980	S69-03839	CM- 04871		Lê Hùng Dũng	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	16/03/2009	24/03/2010	02032/09S69
2981	S69-03840			Ngô Văn Cường	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	11/10/2007	11/10/2008	03986/07S69
2982	S69-03841	CM-04876		Đỗ Văn Bé	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05886/09S69
2983	S69-03842	CM-01333		Huỳnh Văn Đức	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2008	31/12/2009	10707/08S69
2984	S69-03843			Trần Văn Triển	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	11/10/2007	11/10/2008	03989/07S69
2985	S69-03844			Nguyễn Văn Mộng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	11/10/2007	11/10/2008	03990/07S69
2986	S69-03845			Lữ Văn Nam	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	11/10/2007	11/10/2008	03991/07S69
2987	S69-03846			Nguyễn Anh Tuấn	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	11/10/2007	11/10/2008	03992/07S69
2988	S69-03847			Lê Bá Huy	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2007	12/10/2008	03994/07S69
2989	S69-03848			Hồ Văn Văn	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2007	12/10/2008	03995/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
2990	S69-03849	CM-04793		Hoàng Minh Xía	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/10/2007	12/10/2008	03996/07S69
2991	S69-03850			Nguyễn Văn Nghiệp	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2007	12/10/2008	03997/07S69
2992	S69-03851	CM-04861		Nguyễn Văn Hiền	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01754/09S69
2993	S69-03852			Nguyễn Văn Tạo	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2007	12/10/2008	04001/07S69
2994	S69-03853		Duy Đăng	Lê Quốc Tuấn	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2007	12/10/2008	04002/07S69
2995	S69-03854			Lê Minh Lũy	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	12/10/2007	12/10/2008	04003/07S69
2996	S69-03855			Lê Thanh Bình	Xã Khánh An, Huyện U Minh	12/10/2007	15/10/2008	04004/07S69
2997	S69-03856	CM-04822		Phạm Văn Triệu	ấp 6, xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08145/08S69
2998	S69-03857			Trịnh Tấn Công	Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04012/07S69
2999	S69-03858			Phan Văn Lập	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04013/07S69
3000	S69-03859	CM-05516		Đặng Văn Sành	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	06/01/2009	06/01/2010	00037/09S69
3001	S69-03860			Nguyễn Văn Thơ	Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04015/07S69
3002	S69-03861			Nguyễn Văn Nhiên	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04016/07S69
3003	S69-03863			Trần Thanh Hậu	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04018/07S69
3004	S69-03864			Vương Văn Toàn	ấp 6, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04019/07S69
3005	S69-03865			Lê Thanh Phong	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	19/10/2007	19/10/2008	04020/07S69
3006	S69-03866			Huỳnh Văn Lộc	ấp4, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04021/07S69
3007	S69-03867			Trần Văn Minh	ấp 4, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04022/07S69
3008	S69-03869			Nguyễn Văn Dũng	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04023/07S69
3009	S69-03870			Nguyễn Tấn Tài	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04025/07S69
3010	S69-03871			Trần Văn Tiên	ấp6, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04026/07S69
3011	S69-03872			Nguyễn Văn Đém	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04027/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3012	S69-03873	CM-05501		Nguyễn Văn Ruột	ấp 11, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	02/01/2009	02/01/2010	00012/08S69
3013	S69-03874	CM-05744		Nguyễn Văn Nổi	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/05/2009	15/05/2010	02737/09S69
3014	S69-03875			Nguyễn Trường Sơn	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04030/07S69
3015	S69-03876			Nguyễn Văn Sáu	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04031/07S69
3016	S69-03877			Hàng Quốc Huyền	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04032/07S69
3017	S69-03878			Trần Anh Đào	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04033/07S69
3018	S69-03879			Diệp Thanh Nghiêng	ấp3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04034/07S69
3019	S69-03880			Phan Minh Trầm	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04035/07S69
3020	S69-03881			Diệp Minh Khoá	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04036/07S69
3021	S69-03882			Võ Quốc Khởi	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04037/07S69
3022	S69-03883	CM-0598		Trần Văn Tuấn	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	30/03/2009	30/03/2010	02183/09S69
3023	S69-03884			Nguyễn Văn Luyến	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	17/10/2008	04039/07S69
3024	S69-03885			Huỳnh Văn Phi	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04040/07S69
3025	S69-03886			Ngô Tấn Tài	ấp 7, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04041/07S69
3026	S69-03887			Phạm Bá Tèo	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04042/07S69
3027	S69-03888			Nguyễn Minh Tuyền	ấp 4, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04043/07S69
3028	S69-03890			Dư Thị Hoàng	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04045/07S69
3029	S69-03892			Nguyễn Phước Nguyên	Khóm 8, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04047/07S69
3030	S69-03893			Nguyễn Văn Ly	Khóm 8, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04048/07S69
3031	S69-03894			Nguyễn Thanh Lam	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04049/07S69
3032	S69-03895			Nguyễn Chí Tâm	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04050/07S69
3033	S69-03896			Nguyễn Quốc Chương	ấp 7, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04051/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3034	S69-03897			Nguyễn Hoàng Khâm	ấp 7, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04052/07S69
3035	S69-03898			Lê Hoàng Buôi	ấp 7, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04053/07S69
3036	S69-03899			Trần Văn Chổng	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04054/07S69
3037	S69-03900			Nguyễn Văn Thành	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04055/07S69
3038	S69-03901			Huỳnh Hoàng Ni	Phước Hoà, Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04056/07S69
3039	S69-03902			Nguyễn Huỳnh Kỳ	ấp 9, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04058/07S69
3040	S69-03903			Phan Văn Nguyên	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04059/07S69
3041	S69-03904			Lê Văn Tích	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04060/07S69
3042	S69-03905			Lâm Vĩnh Xuyên	ấp 9, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04061/07S69
3043	S69-03907			Đinh Mười Ba	ấp 9, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04063/07S69
3044	S69-03908	CM-05042	Ghe Tải	Nguyễn Văn Triệu	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	20/12/2013	20/12/2014	06270/13S69
3045	S69-03909			Lê Văn Đảm	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04064/07S69
3046	S69-03910			Trần Thanh Dồn	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04065/07S69
3047	S69-03911			Trần Văn Hoàng	K9, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04066/07S69
3048	S69-03912			Võ Văn Vinh	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04067/07S69
3049	S69-03914			Châu Hồng Tú	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04069/07S69
3050	S69-03915			Quách Văn Dương	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04070/07S69
3051	S69-03917	CM-05628		Đặng Văn Nghị	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	23/02/2009	23/02/2010	00960/09S69
3052	S69-03918			Nguyễn Lê Tiến	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04073/07S69
3053	S69-03919			Lê Văn Đạt	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04074/07S69
3054	S69-03920			Nguyễn Thanh Tùng	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	17/10/2008	04075/07S69
3055	S69-03921			Lê Văn Luận	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04076/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3056	S69-03922			Trần Văn Hải	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04077/07S69
3057	S69-03923			Phan Văn Quyền	Khóm 1, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	17/10/2008	04078/07S69
3058	S69-03924			Nguyễn Văn Minh	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04079/07S69
3059	S69-03925			Nguyễn Văn Minh	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04080/07S69
3060	S69-03926			Phạm Tấn Hùng	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	19/10/2007	19/10/2008	04081/07S69
3061	S69-03928			Đình Trọng Dũng	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04083/07S69
3062	S69-03929			Quách Minh Trung	Khóm 8, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	18/04/2008	04084/07S69
3063	S69-03931			Nguyễn Văn Tình	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04086/07S69
3064	S69-03932			Lê Quốc Đoàn	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04087/07S69
3065	S69-03933			Nguyễn Văn Quốc	ấp 7, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04088/07S69
3066	S69-03934			Phạm Kim Đang	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	19/10/2007	19/10/2008	04089/07S69
3067	S69-03935			Nguyễn Chí Linh	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04090/07S69
3068	S69-03936			Phạm Văn Kỳ	ấp 10, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04091/07S69
3069	S69-03937			Nguyễn Văn Quý	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04092/07S69
3070	S69-03938			Phạm Thị Nhung	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04093/07S69
3071	S69-03939			Phạm Văn Toàn	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04094/07S69
3072	S69-03940			Phạm Đế Thám	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04095/07S69
3073	S69-03941			Dương Tấn Tài	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	19/10/2007	19/10/2008	04096/07S69
3074	S69-03942			Trương Văn Lâm	Khóm4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04097/07S69
3075	S69-03943			Phan Thành Nghĩa	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04098/07S69
3076	S69-03944			Trần Văn Hon	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04099/07S69
3077	S69-03947			Nguyễn Quốc Aỉ	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04101/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3078	S69-03948			Nguyễn Quốc Ai	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04102/07S69
3079	S69-03949			Nguyễn Quốc Khởi	K3, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04103/07S69
3080	S69-03950			Trần Minh Dương	Khóm 2, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04104/07S69
3081	S69-03951			Lê Thanh Điền	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04105/07S69
3082	S69-03952			Nguyễn Văn Cống	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	18/10/2008	04106/07S69
3083	S69-03953			Nguyễn Tấn Linh	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04107/07S69
3084	S69-03954			Lê Thanh Hùng	ấp 4, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04108/07S69
3085	S69-03955			Lê Thanh Hải	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04109/07S69
3086	S69-03956			Nguyễn Văn Ngà	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04110/07S69
3087	S69-03957			Lê Văn Tạo	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04111/07S69
3088	S69-03958			Trịnh Văn Mẫn	ấp 9, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04112/07S69
3089	S69-03959			Đào Minh Luân	ấp 9, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04113/07S69
3090	S69-03960			Trịnh Quang Vinh	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04114/07S69
3091	S69-03961			Đặng Văn Lân	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04115/07S69
3092	S69-03962			Phan Công Giúp	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04116/07S69
3093	S69-03963			Võ Minh Nhứt	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04117/07S69
3094	S69-03964			Nguyễn Ngọc Trinh	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04118/07S69
3095	S69-03965			Nguyễn Văn Mười	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04119/07S69
3096	S69-03966			Nguyễn Thanh Vị	K5 TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04120/07S69
3097	S69-03967	CM- 05502		Nguyễn Hoàng Em	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08134/08S69
3098	S69-03968			Trần Quang Khải	Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04122/07S69
3099	S69-03969			Võ Văn Nghĩa	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04123/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3100	S69-03970			Huỳnh Văn Chiến	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04124/07S69
3101	S69-03971			Cao Văn Đấu	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04125/07S69
3102	S69-03972			Nguyễn Văn Nhỏ	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04126/07S69
3103	S69-03973			Phạm Thanh Tùng	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04127/07S69
3104	S69-03974			Phạm Văn Thành	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04128/07S69
3105	S69-03975			Trần Chí Hiếu	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04129/07S69
3106	S69-03976			Nguyễn Văn Tý	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04130/07S69
3107	S69-03977			Phan Văn Năng	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04131/07S69
3108	S69-03978			Nguyễn Văn Đum	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04132/07S69
3109	S69-03979			Trần Văn Việt	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04133/07S69
3110	S69-03980			Phạm Văn Thủ	Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	13/10/2008	04134/07S69
3111	S69-03981			Võ Văn Sơn	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04135/07S69
3112	S69-03982			Nguyễn Cao Bằng	Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04136/07S69
3113	S69-03983			Võ Quốc Nhân	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04137/07S69
3114	S69-03984			Nguyễn Thanh Bình	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04138/07S69
3115	S69-03985			Huỳnh Phi Long	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04139/07S69
3116	S69-03986		Liêm Minh	Quách Trường Sơn	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04140/07S69
3117	S69-03987			Huỳnh Văn Dũng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04141/07S69
3118	S69-03988			Đinh Văn Lựa	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04142/07S69
3119	S69-03989			Nguyễn Văn Chủ	Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04143/07S69
3120	S69-03990			Đinh Văn Nghiệm	Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04144/07S69
3121	S69-03991			Đinh Minh Điền	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04145/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3122	S69-03992			Huỳnh Ngọc Thanh	Khóm 7, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	17/10/2008	04146/07S69
3123	S69-03993			Trần Văn Nhiều	ấp 10, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04147/07S69
3124	S69-03994			Nguyễn Công Luận	K7, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04148/07S69
3125	S69-03995			Nguyễn Văn Phong	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04149/07S69
3126	S69-03996			Dương Minh Đức	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04150/07S69
3127	S69-03997			Nguyễn Văn Chai	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04151/07S69
3128	S69-03998			Lê Văn Hồng	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	17/10/2008	04152/07S69
3129	S69-03999			Lê Quốc Thống	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04153/07S69
3130	S69-04000			Nguyễn Thị Huệ	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04154/07S69
3131	S69-04001			Nguyễn Bình Thắng	ấp 7, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04155/07S69
3132	S69-04002			Huỳnh Văn Nghĩa	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	17/10/2007	17/10/2008	04156/07S69
3133	S69-04003			Nguyễn Thị Tư	ấp 7, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04157/07S69
3134	S69-04004			Lê Văn Trường	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	16/10/2007	16/10/2008	04232/07S69
3135	S69-04005			Đặng Phước Huê	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	16/10/2007	16/10/2008	04233/07S69
3136	S69-04006			Tô Văn Dũng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/10/2007	16/10/2008	04234/07S69
3137	S69-04007			Nguyễn Văn Giàu	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/10/2007	16/10/2008	04235/07S69
3138	S69-04008	CM-05064		Quách Văn Dự	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2015	10/08/2016	01492/15S69
3139	S69-04009	CM-06204		Nguyễn Tấn Thừa	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	09/08/2011	09/08/2012	02640/11S69
3140	S69-04010			Hồng Văn Tình	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/10/2007	16/10/2008	04238/07S69
3141	S69-04011			Nguyễn Hoàng Kia	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	16/10/2007	16/10/2008	04242/07S69
3142	S69-04012			Phan Văn Gìn	ấp 3,, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04161/07S69
3143	S69-04013			Lê Thành Đôn	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04162/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3144	S69-04014			Nguyễn Minh Chơn	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04163/07S69
3145	S69-04015			Triệu Tiến	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04164/07S69
3146	S69-04016			Võ Văn Bình	ấp 4, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04165/07S69
3147	S69-04017			Nguyễn Đáng	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04166/07S69
3148	S69-04018			Bùi Văn Đạm	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04167/07S69
3149	S69-04019			Nhan Văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2008	12/08/2009	06128/08S69
3150	S69-04020			Nguyễn Văn Dũng	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04168/07S69
3151	S69-04021			Ngô Văn Phú	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04169/07S69
3152	S69-04022			Lê Chí Cường	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04170/07S69
3153	S69-04023			Đinh Công Thắng	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04171/07S69
3154	S69-04024			Lê Thị Hoài	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04172/07S69
3155	S69-04025			Trần Văn Tài	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04173/07S69
3156	S69-04026			Ngô Thành Căn	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04174/07S69
3157	S69-04027	CM-02846		Trần Hoàng Tây	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08818/08S69
3158	S69-04028			Nguyễn Chí Nguyên	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04175/07S69
3159	S69-04029			Bùi Văn Lập	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04176/07S69
3160	S69-04030			Phạm Văn Dương	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04177/07S69
3161	S69-04031	CM-05493		Dương Văn Hơn	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05720/08S69
3162	S69-04032			Bùi Văn Mộc	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04179/07S69
3163	S69-04033			Nguyễn Quốc Trung	ấp 7, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04180/07S69
3164	S69-04034			Dư Văn Gọn	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04181/07S69
3165	S69-04035			Trang Văn Hùng	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04182/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3166	S69-04036			Lê Văn Lịnh	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04183/07S69
3167	S69-04037			Nguyễn Văn Sương	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04184/07S69
3168	S69-04038			Huỳnh Văn Trí	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04185/07S69
3169	S69-04039			Nguyễn Văn Đây	ấp 6, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04186/07S69
3170	S69-04040			Lương Văn Nghĩa	ấp 6, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04187/07S69
3171	S69-04041			Bùi Văn Lem	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04188/07S69
3172	S69-04042			Lê Hoàng Gia	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04189/07S69
3173	S69-04043			Lê Hùng Hậu	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04190/07S69
3174	S69-04044			Trần Thanh Toàn	K 4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04191/07S69
3175	S69-04045			Phan Thanh Triều	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04192/07S69
3176	S69-04046			Bùi Văn Thảo	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04193/07S69
3177	S69-04047			Phạm Văn Hùng	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04194/07S69
3178	S69-04048			Đặng Văn Đuôi	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04195/07S69
3179	S69-04049			Võ Văn Quang	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04196/07S69
3180	S69-04050			Chi Cục Thuế Huyện Thới Bình	KI, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/11/2007	13/11/2008	04197/07S69
3181	S69-04051			Đinh Văn Trúc	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04198/07S69
3182	S69-04052			Đội Thuế Số 1	K1, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04199/07S69
3183	S69-04053			Nguyễn Chí Thâm	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04200/07S69
3184	S69-04054			Lê Thanh Ngon	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04201/07S69
3185	S69-04055			Ngô Văn Em	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04202/07S69
3186	S69-04056			Huỳnh Thị Hai	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04203/07S69
3187	S69-04057			Lê Minh Trung	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04205/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3188	S69-04058			Liễu Văn Thắng	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04206/07S69
3189	S69-04059			Nguyễn Minh Tùng	ấp 3, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04207/07S69
3190	S69-04060			Liễu Văn Vinh	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04208/07S69
3191	S69-04061			Nguyễn Quốc Hận	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04209/07S69
3192	S69-04062			Nguyễn Văn Nguyễn	ấp 1, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04210/07S69
3193	S69-04063			Trần Quốc Nguyễn	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04211/07S69
3194	S69-04064			Nguyễn Văn Hón	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04212/07S69
3195	S69-04065			Trần Văn Thanh	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04213/07S69
3196	S69-04066			Lê Minh Chiến	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04214/07S69
3197	S69-04067			Trịnh Hoàng Hôn	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04215/07S69
3198	S69-04068			Quách Văn Nhật	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04216/07S69
3199	S69-04069			Lê Văn Khánh	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04217/07S69
3200	S69-04070			Võ Minh Lý	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04218/07S69
3201	S69-04071			Trịnh Văn Tiến	ấp 4, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04219/07S69
3202	S69-04072			Phạm Văn Dự	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04220/07S69
3203	S69-04073			Nguyễn Hoàng Nam	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04221/07S69
3204	S69-04074			Quách Văn Việt	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04222/07S69
3205	S69-04075			Phan Thanh Toàn	ấp 11, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04223/07S69
3206	S69-04076	CM-05105		Hồ Văn Mắm	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/09/2009	18/09/2010	05748/09S69
3207	S69-04077	CM-05082		Kiều Văn Danh	ấp Hoà Nam, Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	09/02/2009	09/02/2010	00498/09S69
3208	S69-04078			Trương Văn khởi	K7, P8, Thành phố Cà Mau	17/10/2007	17/10/2008	04248/07S69
3209	S69-04080			Bùi Thanh Hùng	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	17/10/2007	17/10/2008	04250/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3210	S69-04081	CM-05090		Nguyễn Văn Quốc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	17/12/2009	17/12/2010	07204/09S69
3211	S69-04082			Bùi Văn Hùng	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04224/07S69
3212	S69-04083			Nguyễn Văn Đỏ	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04225/07S69
3213	S69-04084			Trần Văn Khiêm	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04226/07S69
3214	S69-04085			Phan Công Tâm	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04227/07S69
3215	S69-04086			Phan Hùng Tráng	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04228/07S69
3216	S69-04087			Phạm Thành Thế	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04229/07S69
3217	S69-04088			Võ Thanh Tùng	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04230/07S69
3218	S69-04089			Lê Tấn Phong	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04231/07S69
3219	S69-04090			Trần Văn Phong	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04312/07S69
3220	S69-04091			Quách Văn Yên	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04313/07S69
3221	S69-04092			Nguyễn Văn Xuân	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04314/07S69
3222	S69-04093			Nguyễn Văn Chờ	K9, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04315/07S69
3223	S69-04094			Từ Thanh Bạch	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04316/07S69
3224	S69-04095			Lý Thiện Trí	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04317/07S69
3225	S69-04096			Lê Hoàng Anh	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04318/07S69
3226	S69-04098			Trịnh Văn Nam	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04320/07S69
3227	S69-04099			Lê Văn Lạc	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04321/07S69
3228	S69-04100			Lê Văn Đen	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04322/07S69
3229	S69-04101			Nguyễn Văn Dẫn	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04323/07S69
3230	S69-04102			Trần Văn Khởi	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04324/07S69
3231	S69-04103			Nguyễn Văn Dương	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04325/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3232	S69-04104			Lê Văn Hùng	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04326/07S69
3233	S69-04105	CM-		Đặng Hoài Dân	ấp 1, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04160/07S69
3234	S69-04108	CM-02977	Ghe	Trần Thanh Toàn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/10/2011	13/10/2012	03688/11S69
3235	S69-04109			Lê Văn Hiếu	khóm 5,Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04204/07S69
3236	S69-04110			Ngô Văn Dũng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10690/08S69
3237	S69-04111	CM-05383		Nguyễn Tấn Tươi	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2011	10/11/2011	01564/11S69
3238	S69-04112	CM-05059		Quách Văn Bé	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04168/09S69
3239	S69-04113	CM-05079		Huỳnh Bảo Quốc	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	06/01/2014	06/01/2015	00022/14S69
3240	S69-04115			Lê Minh Động	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/10/2007	18/10/2008	04262/07S69
3241	S69-04116	CM-05089		Hồ Thanh Tiền	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	15/06/2010	15/06/2011	03183/10S69
3242	S69-04117	CM-05088		Lê Thanh Trường	KVI, Khóm I, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03932/11S69
3243	S69-04118			Bùi Văn Bình	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	18/10/2007	18/10/2008	04269/07S69
3244	S69-04120	CM-05080		Tô Hải Âu	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	10/12/2010	10/12/2011	05982/10S69
3245	S69-04121	CM-05034		Mai Chí Linh	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	11/05/2011	11/05/2012	01570/11S69
3246	S69-04122			Bùi Văn Bưởi	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	18/10/2007	18/10/2008	04275/07S69
3247	S69-04123			Lê Vũ Bình	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/10/2007	18/10/2008	04278/07S69
3248	S69-04124	CM-05087		Nguyễn Văn Thôi	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/10/2011	24/10/2012	03817/11S69
3249	S69-04127	CM-05085		Phạm Minh Quân	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	01977/09S69
3250	S69-04128			Trịnh Văn Sáng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04327/07S69
3251	S69-04129			Võ Hùng Kỳ	ấp 1, Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04328/07S69
3252	S69-04130			Nguyễn Hoàng Đăng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04329/07S69
3253	S69-04131			Dương Văn Hùng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04330/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3254	S69-04132			Nguyễn Văn Hiêl	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04331/07S69
3255	S69-04133			Nguyễn Quốc Đoàn	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04332/07S69
3256	S69-04134			Nguyễn Ngọc Thu	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04333/07S69
3257	S69-04135			Phạm Văn Tài	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04334/07S69
3258	S69-04136			Huỳnh Minh Kha	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04335/07S69
3259	S69-04137			Quách Bé Hai	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04336/07S69
3260	S69-04138			Đình Quốc Hận	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04337/07S69
3261	S69-04139			Nguyễn Văn Bằng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04338/07S69
3262	S69-04140			Trần Quốc Trung	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04339/07S69
3263	S69-04141			Nguyễn Minh Luân	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04340/07S69
3264	S69-04142			Lê Văn Tấn	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04341/07S69
3265	S69-04143			Lê Trường Giang	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04342/07S69
3266	S69-04144			Trịnh Thị Tho	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04343/07S69
3267	S69-04145			Lê Văn Lộc	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04344/07S69
3268	S69-04146			Lữ Văn Lựu	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04345/07S69
3269	S69-04147			Nguyễn Thanh Dương	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04346/07S69
3270	S69-04148			Nguyễn Văn Triều	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04347/07S69
3271	S69-04149			Lê Văn Tống	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04348/07S69
3272	S69-04150			Phan Văn Giao	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04349/07S69
3273	S69-04151			Hà Văn Đổm	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04350/07S69
3274	S69-04152			Bùi Văn Phúc	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04351/07S69
3275	S69-04153			Huỳnh Văn Kha	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04352/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3276	S69-04154			Nguyễn Thành Trung	Khóm 1, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04353/07S69
3277	S69-04155			Lê Minh Hiếu	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04354/07S69
3278	S69-04156			Trịnh Văn Bé	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04355/07S69
3279	S69-04157			Nguyễn Văn Lem	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04356/07S69
3280	S69-04158			Nguyễn Thanh Liêm	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04357/07S69
3281	S69-04159			Nguyễn Văn Suốt	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04358/07S69
3282	S69-04160			Nguyễn Minh Triền	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04359/07S69
3283	S69-04161			Nguyễn Văn Lil	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04360/07S69
3284	S69-04162			Huỳnh Văn Phương	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04361/07S69
3285	S69-04163			Lâm Văn Luân	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04362/07S69
3286	S69-04164			Huỳnh Kha Em	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04363/07S69
3287	S69-04165			Nguyễn Trí Đức	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04364/07S69
3288	S69-04166			Trần Thanh Thới	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04365/07S69
3289	S69-04167			Nguyễn Thanh Khiết	K3, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04366/07S69
3290	S69-04168			Đoàn Minh Đương	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04367/07S69
3291	S69-04169			Phan Văn Kháng	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04311/07S69
3292	S69-04170			Trịnh Văn Ngừ	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04310/07S69
3293	S69-04171			Nguyễn Văn Nguyên	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04309/07S69
3294	S69-04172			Trần Thị Mười	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04308/07S69
3295	S69-04173			Phạm Văn Nghị	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04307/07S69
3296	S69-04174			Mai Hữu Thanh	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04306/07S69
3297	S69-04175			Nguyễn Văn Cường	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04305/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3298	S69-04176			Lê Văn Mục	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04304/07S69
3299	S69-04177			Nguyễn Văn Quận	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04303/07S69
3300	S69-04178			Nguyễn Minh Chánh	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04302/07S69
3301	S69-04179			Lê Văn Thiên	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04301/07S69
3302	S69-04180			Phạm Minh Châu	ấp 1, Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04300/07S69
3303	S69-04181			Phạm Châu Tuấn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04299/07S69
3304	S69-04182			Trần Minh Dương	ấp 1, Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04298/07S69
3305	S69-04183			Hà Hoàng Lâm	Định Bình, Thành phố Cà Mau	19/10/2007	19/10/2008	04286/07S69
3306	S69-04184			Hà Hoàng Lâm	Định Bình, Thành phố Cà Mau	19/10/2007	19/10/2008	04287/07S69
3307	S69-04185			Nguyễn Thanh Quang	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04368/07S69
3308	S69-04186			Vưu Đắc Tuấn	Khóm 3, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04369/07S69
3309	S69-04187			Nguyễn Thanh Nhã	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04370/07S69
3310	S69-04188			Mạc Hồng Khải	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04371/07S69
3311	S69-04189			Bùi Văn Kiệt	ấp 2, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04372/07S69
3312	S69-04190			Bùi Văn Điều	Trí Phải, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04373/07S69
3313	S69-04191			Nguyễn Văn Hiền	xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04374/07S69
3314	S69-04192			Bùi Minh Vương	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04375/07S69
3315	S69-04193			Lê Văn Tươi	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04376/07S69
3316	S69-04194			Trần Văn Hai	Trí Phải, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04377/07S69
3317	S69-04195			Lê Văn Nghĩa	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04378/07S69
3318	S69-04196			Trần Danh Dự	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04379/07S69
3319	S69-04197			Nguyễn Văn Chơn	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04380/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3320	S69-04198			Phạm Minh Hạnh	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04381/07S69
3321	S69-04199			Trần Văn Phước	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04382/07S69
3322	S69-04200			Phạm Huy Bình	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04383/07S69
3323	S69-04201			Nguyễn Văn Chảy	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04384/07S69
3324	S69-04202			Huỳnh Văn ỷ	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04385/07S69
3325	S69-04203			Lê Thanh Hải	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04386/07S69
3326	S69-04204			Ngô Thanh Vân	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04387/07S69
3327	S69-04205			Phạm Văn Thoại	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04388/07S69
3328	S69-04206			Phan Thanh Bộ	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04389/07S69
3329	S69-04207			Võ Văn Thới	ấp 10, Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04390/07S69
3330	S69-04208			Võ Văn Khánh	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04391/07S69
3331	S69-04209			Lê Văn Huấn	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04392/07S69
3332	S69-04210			Nguyễn Ngọc Phước	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04393/07S69
3333	S69-04211			Đỗ Tấn Dũng	ấp 6, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04394/07S69
3334	S69-04212			Lê Hoàng Vô	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04395/07S69
3335	S69-04213			Quách Văn Đương	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04396/07S69
3336	S69-04214			Nguyễn Văn Hồng	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04397/07S69
3337	S69-04215			Lê Quốc Khởi	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04398/07S69
3338	S69-04216			Trần Văn Kha	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04399/07S69
3339	S69-04217			Đặng Văn Nho	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04400/07S69
3340	S69-04218			Võ Văn Quang	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04401/07S69
3341	S69-04219			Nguyễn Minh Tuấn	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04402/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3342	S69-04220			Nguyễn Văn út	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04403/07S69
3343	S69-04221			Huỳnh Thị Vô	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04404/07S69
3344	S69-04222			Lê Minh Đương	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04405/07S69
3345	S69-04223			Liêu Văn Hó	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04406/07S69
3346	S69-04224			Tạ Văn Vui	ấp 3, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04407/07S69
3347	S69-04225			Lê Quang Minh	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04408/07S69
3348	S69-04226			Nguyễn Văn Tỷ	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04409/07S69
3349	S69-04227			Nguyễn Hoàng Vui	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04410/07S69
3350	S69-04228			Đỗ Mạnh Hùng	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04411/07S69
3351	S69-04229			Nguyễn Hoàng Nền	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04412/07S69
3352	S69-04230			Trương Văn Lợi	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04413/07S69
3353	S69-04231			Nhan Thanh Nghị	ấp 4, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04414/07S69
3354	S69-04233			Nguyễn Thuý Oanh	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04415/07S69
3355	S69-04234			Dương Thế Dân	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04416/07S69
3356	S69-04235			Trần Văn Sơn	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04417/07S69
3357	S69-04236			Nguyễn Văn ý	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04418/07S69
3358	S69-04237			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	19/10/2007	19/10/2008	04289/07S69
3359	S69-04238			Phạm Hoàng Em	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04419/07S69
3360	S69-04239			Võ Văn Vui	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04420/07S69
3361	S69-04240			Huỳnh Văn Hải	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04421/07S69
3362	S69-04241			Huỳnh Văn Gia	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04422/07S69
3363	S69-04242			Trần Thị Lệ	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04423/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3364	S69-04243			Cao Chi Lăng	Khóm 8, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04424/07S69
3365	S69-04244			Nguyễn Văn Cửa	K1, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04425/07S69
3366	S69-04245			Lê Hoàng Vinh	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04426/07S69
3367	S69-04246			Quách Văn Dũng	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04427/07S69
3368	S69-04247			Trần Minh Sơn	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04428/07S69
3369	S69-04248			Quách Hoàng Nam	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04429/07S69
3370	S69-04249			Nguyễn Văn Hón	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04430/07S69
3371	S69-04250			Quách Hữu Lý	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04431/07S69
3372	S69-04251			Quách Quốc Toàn	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04432/07S69
3373	S69-04252			Lê Văn Được	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04433/07S69
3374	S69-04253			Mai Hoàng Phương	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04434/07S69
3375	S69-04254			Nguyễn Văn Hiếu	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04435/07S69
3376	S69-04257			Đặng Văn Cường	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	22/10/2007	22/10/2008	04294/07S69
3377	S69-04258	CM-05095		Lâm Thành Thái	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	25/12/2009	25/12/2010	07338/09S69
3378	S69-04259	CM-05093		Lâm Thành Thái	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02043/11S69
3379	S69-04260	CM-01271		Huỳnh Thanh Hà	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	08/10/2012	08/10/2013	05366/12S69
3380	S69-04261			Lê Văn Kỳ	Hoà Trung, Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	22/10/2007	22/10/2008	04436/07S69
3381	S69-04262			Nguyễn Văn Thắng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08816/08S69
3382	S69-04263			Nguyễn Văn Lâm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	04439/07S69
3383	S69-04264			Trần út Lớn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	04440/07S69
3384	S69-04265			Lê Văn út	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	04441/07S69
3385	S69-04266			Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/09/2008	15/09/2009	06249/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3386	S69-04267			Vũ Đăng Khoa	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	04443/07S69
3387	S69-04268			Hồ Hoàng Minh	ấp 2, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04475/07S69
3388	S69-04269			Nguyễn Văn Nối	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04476/07S69
3389	S69-04270			Hồ Minh Tuấn	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04477/07S69
3390	S69-04271			Nguyễn Văn Mới	ấp 6, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04478/07S69
3391	S69-04272	CM-05830		Trương Văn Dược	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	18/06/2009	18/06/2010	03415/09S69
3392	S69-04273			Phạm Bé Thiệt	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04480/07S69
3393	S69-04274			Tôn Chí Vẹn	ấp 2, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04481/07S69
3394	S69-04275			Phạm Lý Đảm	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04482/07S69
3395	S69-04276			Trần Văn Dược	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04483/07S69
3396	S69-04277			Trần Đắc Thắng	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04484/07S69
3397	S69-04278			Phạm Công Huấn	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04485/07S69
3398	S69-04279			Trần Văn Thanh	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04486/07S69
3399	S69-04280	CM-05879		Trần Văn Có	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2009	14/10/2010	06330/09S69
3400	S69-04282			Lê Văn Thảo	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04489/07S69
3401	S69-04283			Huỳnh Hùng Cường	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04490/07S69
3402	S69-04284			Trần Văn Kiệt	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04491/07S69
3403	S69-04285			Trần Văn Lành	ấp 2, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04492/07S69
3404	S69-04286			Quách Thành Năng	ấp 2, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04493/07S69
3405	S69-04287	CM-05798		Trương Văn Khởi	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	19/06/2009	19/06/2010	03424/09S69
3406	S69-04288			Trần Văn Nhi	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04495/07S69
3407	S69-04289			Hồ Thanh Tùng	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	13/10/2007	13/10/2008	04496/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3408	S69-04290			Lê Minh Sáng	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04497/07S69
3409	S69-04291			Nguyễn Văn Đê	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04498/07S69
3410	S69-04292	CM-05853		Lê Văn Dũng	ấp1, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	16/12/2009	16/12/2010	07199/09S69
3411	S69-04293			Đinh Bá Phước	ấp 3, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04500/07S69
3412	S69-04295			Lê Văn Sang	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04502/07S69
3413	S69-04296			Trần Văn Tân	ấp 6, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04503/07S69
3414	S69-04298			Trần Hoàng Ân	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04506/07S69
3415	S69-04299			Lý Văn Nhân	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04507/07S69
3416	S69-04300			Phạm Văn Khoán	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04508/07S69
3417	S69-04301			Nguyễn Quốc Khởi	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04509/07S69
3418	S69-04302			Quách Văn Nhứt	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04510/07S69
3419	S69-04303			Nguyễn Vũ Linh	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04511/07S69
3420	S69-04304			Trần Quốc Khởi	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04512/07S69
3421	S69-04305			Hồ Vĩnh Bình	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04513/07S69
3422	S69-04306	CM-05778		Trương Văn Cảnh	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	18/06/2009	18/06/2010	03407/09S69
3423	S69-04307			Mai Văn Tèo	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04515/07S69
3424	S69-04308			Hồ Văn Đền	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04516/07S69
3425	S69-04309			Lê Văn Thành	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04517/07S69
3426	S69-04310	CM-05788		Nguyễn Văn Điền	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	18/06/2009	18/06/2010	03414/09S69
3427	S69-04311			Ngô Quốc Toàn	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04519/07S69
3428	S69-04312			Trương Văn Điều	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04520/07S69
3429	S69-04313			Lữ Văn Bé	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04521/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3430	S69-04314			Huỳnh Minh Đường	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04522/07S69
3431	S69-04315			Hồ Minh Đường	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04523/07S69
3432	S69-04317			Nguyễn Văn Giàu	ấp 2, Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04525/07S69
3433	S69-04318			Phạm Văn Nguyên	ấp 3, Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04526/07S69
3434	S69-04319			Quách Hùng Cường	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04527/07S69
3435	S69-04321			Lữ Văn Đấu	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04529/07S69
3436	S69-04322			Lê Văn Kê	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04530/07S69
3437	S69-04326			Võ Văn Dũng	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04535/07S69
3438	S69-04327			Trần Phương Tây	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04536/07S69
3439	S69-04328			Lê Thanh Phong	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2007	04537/07S69
3440	S69-04329			Lý Văn Đen	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04538/07S69
3441	S69-04330			Hồ Văn Toàn	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04539/07S69
3442	S69-04331			Lê Thành Đủ	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04540/07S69
3443	S69-04332			Huỳnh Văn Thiệu	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04541/07S69
3444	S69-04333			Phạm Thanh Cầu	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04542/07S69
3445	S69-04334			Nguyễn Văn Hùng	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04543/07S69
3446	S69-04335			Phạm Văn út	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04544/07S69
3447	S69-04336			Phạm Phương Phi	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04545/07S69
3448	S69-04337			Nguyễn Văn Trung	ấp 8, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04546/07S69
3449	S69-04338			Nguyễn Quốc Thái	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04547/07S69
3450	S69-04340			Lê Văn Có	ấp 7, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04548/07S69
3451	S69-04341			Lâm Văn Sẹn	ấp 8, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04549/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3452	S69-04342			Phạm Văn Thuấn	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04550/07S69
3453	S69-04343			Huỳnh Quốc Việt	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04551/07S69
3454	S69-04344			Nguyễn Văn Toàn	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04552/07S69
3455	S69-04345			Nguyễn Anh Kiệt	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04553/07S69
3456	S69-04346			Trịnh Văn Hăng	ấp 8, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04554/07S69
3457	S69-04347			Nguyễn Việt Hùng	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04555/07S69
3458	S69-04348			Phạm Văn Mừng	ấp 8, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04556/07S69
3459	S69-04349			Lê Thị Dân	ấp 9, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04557/07S69
3460	S69-04351			Nguyễn Việt Toàn	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04559/07S69
3461	S69-04352	CM-05867		Hồ Vĩnh Hội	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	29/10/2009	29/10/2010	06481/09S69
3462	S69-04353			Nguyễn Thị Cẩm	ấp 3, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04561/07S69
3463	S69-04354			Quách Kim Bế	ấp 7, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04562/07S69
3464	S69-04355			Huỳnh Văn Dệnh	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04563/07S69
3465	S69-04356			Hồ Văn Tiến	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04564/07S69
3466	S69-04357			Lê Văn Chiến	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04565/07S69
3467	S69-04359			Nguyễn Văn Phiên	ấp 2, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04567/07S69
3468	S69-04361			Trần Hoàng Bánh	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04569/07S69
3469	S69-04362			Hồ Văn Vĩnh	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04570/07S69
3470	S69-04363			Hồ Văn Sơn	ấp 6 Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04571/07S69
3471	S69-04364			Hồ Văn Quyền	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04572/07S69
3472	S69-04366			Dương Văn Dự	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04574/07S69
3473	S69-04367			Lê Thành Vô	ấp 8, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04575/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3474	S69-04369			Hứa Văn Tuấn	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04577/07S69
3475	S69-04370			Cao Văn Tiềm	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04578/07S69
3476	S69-04371			Huỳnh Quốc Khải	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04579/07S69
3477	S69-04372			Trần Văn Giang	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04580/07S69
3478	S69-04373			Nguyễn Văn Tý	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04581/07S69
3479	S69-04374			Phạm Hồng Nhứt	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04582/07S69
3480	S69-04375			Phạm Hồng Điệp	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04583/07S69
3481	S69-04377			Huỳnh Văn Giàu	ấp 2, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04585/07S69
3482	S69-04378			Lê Minh Tổng	ấp 4, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04474/07S69
3483	S69-04379	CM-02414	Ghe Tải	Nguyễn Văn Hùng	ấp 10C, Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	22/10/2008	22/10/2009	07726/08S69
3484	S69-04380	CM-05101		Tô Điền Trung	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	82209/09S69
3485	S69-04381	CM-05097		Tô Trần Vũ	ấp Cái Đôi, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11183/08S69
3486	S69-04382	CM-05100		Lâm Văn Du	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/02/2012	16/02/2013	00545/12S69
3487	S69-04383	CM-05099		Lữ Văn Đức	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11184/08S69
3488	S69-04387	CM-05103		Trần Hoà	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2009	08/01/2010	00082/09S69
3489	S69-04388			Mai Bá Linh	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04504/07S69
3490	S69-04389	CM-05121		Nguyễn Hữu Đức	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	08/06/2011	08/06/2012	01863/11S69
3491	S69-04391	CM-06191		Trần Văn ý	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/01/2011	05/01/2012	00041/11S69
3492	S69-04392	CM-05315		Nguyễn Nhật Trường	ấp Tân Hiệp, Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2012	20/12/2013	08956/12S69
3493	S69-04393	CM- 05117		Mã Thị Hồng Xuân	K7, P7, Thành phố Cà Mau	29/10/2008	29/10/2009	08300/08S69
3494	S69-04395			Nguyễn Hùng Mỹ	K1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	19/02/2009	19/02/2010	00912/09S69
3495	S69-04396	CM-		Nguyễn Hùng Mỹ	Khóm 1, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/11/2010	20/11/2011	05695/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3496	S69-04398	CM-05124		Nguyễn Văn Chuyển	Tân Hiệp, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/11/2008	14/11/2009	08965/08S69
3497	S69-04399	CM-04888	Thái Thanh	Thái Văn Sáng	K2, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	31/07/2009	31/07/2010	04715/09S69
3498	S69-04400	CM-05290		Hồ Văn Thắng	K3, P8, Thành phố Cà Mau	26/08/2014	26/08/2015	02350/14S69
3499	S69-04401	CM-01682	Kiều Diễm	Nguyễn Văn Tập	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	24/10/2008	24/10/2009	07738/06S69
3500	S69-04402	CM- 05291		Đỗ Thành Tơ	K8, P6, Thành phố Cà Mau	04/11/2008	04/11/2009	08421/08S69
3501	S69-04403			Thái Văn Việt	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	26/10/2007	26/10/2008	04593/07S69
3502	S69-04404	CM-05321		Đoàn Thị Diễm Chinh	K8, P6, Thành phố Cà Mau	12/11/2008	12/11/2009	08901/08S69
3503	S69-04405			Lê Hồng Sơn	K8, P6, Thành phố Cà Mau	29/10/2007	29/10/2008	04597/07S69
3504	S69-04406			Nguyễn Văn On	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04598/07S69
3505	S69-04407			Dương Văn Bằng	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04599/07S69
3506	S69-04408			Trần Văn Duôi	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04600/07S69
3507	S69-04409			Nguyễn Minh Luân	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04601/07S69
3508	S69-04410			Huỳnh Thuý Kiều	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04602/07S69
3509	S69-04411			Lê Quốc Khải	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04603/07S69
3510	S69-04412			Lê Văn Cọp	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04604/07S69
3511	S69-04413			Huỳnh Ngọc Thanh	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04605/07S69
3512	S69-04414			UBND Xã Lý Văn Lâm	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04606/07S69
3513	S69-04415			Hồ Văn Ky	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	24/03/2010	24/03/2011	01705/10S69
3514	S69-04416			Lê Chí Thành	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04608/07S69
3515	S69-04417			Nguyễn Văn Kết	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04609/07S69
3516	S69-04418			Võ Văn Động	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04610/07S69
3517	S69-04419			Trần Văn Đăng	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04611/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3518	S69-04420			Lê Tấn Đạt	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04612/07S69
3519	S69-04421			Võ Văn Kháng	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04613/07S69
3520	S69-04422			Nguyễn Văn Quốc	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04614/07S69
3521	S69-04423			Thái Thiện Chi	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04615/07S69
3522	S69-04424			Nguyễn Quốc Việt	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04616/07S69
3523	S69-04425			Tạ Văn Tính	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04617/07S69
3524	S69-04426			Trần Văn Hùng	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04618/07S69
3525	S69-04427			Mai Văn Hùng	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04619/07S69
3526	S69-04428			Trương Minh Giang	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04620/07S69
3527	S69-04429			Nguyễn Văn Mai	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	28/10/2007	28/10/2008	04621/07S69
3528	S69-04430			Lưu Văn Em	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04622/07S69
3529	S69-04431			Đinh Văn Thịnh	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04623/07S69
3530	S69-04432			Lê Văn Liếc	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04624/07S69
3531	S69-04433			Võ Quốc Dân	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04625/07S69
3532	S69-04434			Lê Văn Hoàng	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04626/07S69
3533	S69-04435			Phan Văn Thù	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04627/07S69
3534	S69-04436			Đặng Công Khanh	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04628/07S69
3535	S69-04437			Lê Văn Mẫu	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04629/07S69
3536	S69-04438			Nguyễn Văn Gạo	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04630/07S69
3537	S69-04439			Hồ Văn Voi	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04631/07S69
3538	S69-04440			Nguyễn Văn Đen	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04632/07S69
3539	S69-04441			Mạc Văn Bưởi	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04633/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3540	S69-04442			Nguyễn Văn Nhiệm	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04634/07S69
3541	S69-04443			Nguyễn Văn Luót	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04635/07S69
3542	S69-04444			Nguyễn Văn Thành	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04636/07S69
3543	S69-04445			Tôn Văn Hùng	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04637/07S69
3544	S69-04446			Nguyễn Minh Tuấn	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	28/10/2007	28/10/2008	04638/07S69
3545	S69-04447			Lâm Quang Phụng	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	08/01/2009	08/01/2010	00085/09S69
3546	S69-04448			Đỗ Thành Bo	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	26/10/2007	26/10/2008	04640/07S69
3547	S69-04449			Đỗ Văn Huynh	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	26/10/2007	26/10/2008	04641/07S69
3548	S69-04450	CM-05308		Đỗ Thành Mè	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	06/10/2008	06/10/2009	06856/08S69
3549	S69-04451			Lâm Quốc Khởi	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	26/10/2007	26/10/2008	04451/07S69
3550	S69-04452			Nguyễn Phi Long	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	26/10/2007	26/10/2008	04644/07S69
3551	S69-04453			Đỗ An Ten	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	26/10/2007	26/10/2008	04645/07S69
3552	S69-04454	CM-05812		Huỳnh Văn Tảng	ấp 7, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	21/01/2010	21/01/2011	00403/10S69
3553	S69-04455			Hồ Văn út	ấp 6, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04647/07S69
3554	S69-04456		Mộng Thuý	Nguyễn Văn út	ấp 6, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04648/07S69
3555	S69-04457			Quách Bá Trân	ấp 8, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04649/07S69
3556	S69-04458		Nhật Linh	Lâm Cương Anh	ấp 8, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04650/07S69
3557	S69-04459			Huỳnh Phú Hộp	ấp 8, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04651/07S69
3558	S69-04460			Huỳnh Văn Hùng	ấp 2, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04652/07S69
3559	S69-04462			Nguyễn Sơn Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	30/10/2007	30/10/2008	04654/07S69
3560	S69-04463			Lý Văn Hên	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2007	30/10/2008	04655/07S69
3561	S69-04464			Nguyễn Văn Trắng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2007	30/10/2008	04656/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3562	S69-04465			Lê Văn Tài	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	30/10/2007	30/10/2008	04657/07S69
3563	S69-04466	CM-05354		Huỳnh Hoàng Trung	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	23/08/2013	23/08/2014	03993/13S69
3564	S69-04467			Huỳnh Hoàng Thám	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2007	30/10/2008	04659/07S69
3565	S69-04470	CM-05332		Lê Văn Dũng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/08/2011	22/08/2012	02908/11S69
3566	S69-04471			Nguyễn Văn út	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2007	30/10/2008	04664/07S69
3567	S69-04473		Khánh Duy	Nguyễn Văn Việt	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/10/2007	30/10/2008	04666/07S69
3568	S69-04474			Đỗ Thành Tám	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	30/10/2007	30/10/2008	04667/07S69
3569	S69-04475			Dương Văn Chơn	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	31/10/2007	31/10/2008	04668/07S69
3570	S69-04477			Huỳnh Văn Chánh	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	31/10/2007	31/10/2008	04672/07S69
3571	S69-04478	CM-03241		Nguyễn Phước Hiền	xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	31/10/2007	31/10/2008	04671/07S69
3572	S69-04479	CM-01474		Trương Tiến	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/04/2011	05274/10S69
3573	S69-04481	CM-05352	Dinh Dự	Nguyễn Tấn Lực	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/03/2009	26/03/2010	02166/09S69
3574	S69-04482			Võ Quốc Cường	Khóm 8 Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06782/07S69
3575	S69-04485	CM-05403		Trần Văn Cường	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	21/07/2014	21/07/2015	01962/14S69
3576	S69-04486	CM-05404		Nguyễn Văn Bạo	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	06/11/2008	06/11/2009	08836/08S69
3577	S69-04487	CM-05317		Nguyễn Thanh Huấn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2011	29/12/2012	05151/11S69
3578	S69-04488			Hà Hoàng Giang	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	01/11/2007	01/11/2008	04684/07S69
3579	S69-04489			Dương Văn Hải	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	01/11/2007	01/11/2008	04685/07S69
3580	S69-04490	CM-02392	Ghe Tải	Trần Văn Mười	96/33 Khóm 5 ,F7, Thành phố Cà Mau	08/12/2008	08/12/2009	09766/08S69
3581	S69-04491		Thanh Hùng	Lê Văn Hùng	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	01/11/2007	01/11/2008	04688/07S69
3582	S69-04492	CM-05599		Trần Quốc Minh	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	12/05/2009	12/05/2010	02714/09S69
3583	S69-04493	CM-05407		Lâm Trung Nguyên	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	14/09/2012	14/09/2013	04771/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3584	S69-04494			Phạm Văn Tâm	Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	02/11/2007	02/11/2008	04691/07S69
3585	S69-04495	CM-05388		Đặng Minh Phụng	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	28/12/2009	28/12/2010	07374/09S69
3586	S69-04496			Lê Văn Cảnh	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	02/11/2007	02/11/2008	04693/07S69
3587	S69-04498			Đặng Minh Vũ	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	02/11/2007	02/11/2008	04695/07S69
3588	S69-04500			Nguyễn Chí Trường	K5, Phường 9, Thành phố Cà Mau	02/11/2007	02/11/2008	04697/07S69
3589	S69-04501	CM-00240	Ghe Tải	Tăng Bá Vạng	ấp 7 Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	17/11/2011	17/11/2012	04208/11S69
3590	S69-04502	CM-05441		Nguyễn Văn Môn	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	03/07/2009	03/07/2010	03728/09S69
3591	S69-04505		Hoàng Vụ	Phạm Công Nghiệp	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	27/11/2008	27/11/2009	09137/08S69
3592	S69-04507	CM-02873		Tăng Kim Định	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04201/12S69
3593	S69-04508	CM- 02843		Võ Thị Đào	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	14/05/2014	14/11/2014	01285/14S69
3594	S69-04510	CM-02612		Huỳnh Văn Đáng	ấp Rau Dừa, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00302/10S69
3595	S69-04511	CM-02611		Phạm Minh Triết	Rau Dừa, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00935/09S69
3596	S69-04512	CM-06136		Đặng Văn Xô	ấp Lý ấn, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00301/10S69
3597	S69-04513	CM-02307		Nguyễn Văn Tươi	ấp Đồng Tâm, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04733/07S69
3598	S69-04514	CM-02471		Lại Văn Mạnh	Trần thới, Huyện Cái Nước	13/01/2010	13/01/2011	00187/10S69
3599	S69-04515			Cao Minh Nghiệp	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04727/07S69
3600	S69-04516			Cao Trường Ngoan	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04735/07S69
3601	S69-04517			Nguyễn Văn Đồng	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04736/07S69
3602	S69-04518			Võ Minh Đoàn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04737/07S69
3603	S69-04519	CM-06123		Lê Văn Toàn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02021/10S69
3604	S69-04520			Lê Văn Đang	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04739/07S69
3605	S69-04521			Trịnh Văn Luyến	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04740/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3606	S69-04523			Võ Văn Quân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04742/07S69
3607	S69-04524	CM-05993		Nguyễn Văn Tám	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02808/10S69
3608	S69-04525			Trần Văn Tình	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04744/07S69
3609	S69-04526			Phan Văn Tý	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04745/07S69
3610	S69-04527	CM-05988		Võ Văn Phương	Phú Tân, Huyện Phú Tân	29/06/2011	29/06/2012	02110/11S69
3611	S69-04528			Phan Văn Đoàn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04747/07S69
3612	S69-04529			Nguyễn Văn Phóng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04748/07S69
3613	S69-04530	CM-06071		Phạm Văn Hiền	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2010	12/07/2011	03570/10S69
3614	S69-04531			Nguyễn Văn Thạch	Đông Thới, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04750/07S69
3615	S69-04532			Hồ Trường Kỳ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04751/07S69
3616	S69-04533			Nguyễn Văn Khang	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04752/07S69
3617	S69-04534	CM-06130		Đoàn Văn Miên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	13/04/2009	13/04/2010	02418/09S69
3618	S69-04535	CM-06134		Nguyễn Văn Sang	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00936/09S69
3619	S69-04536			Võ Văn Dũng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/08/2009	17/08/2010	02384/09V94
3620	S69-04537			Đỗ Thành Tín	K1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04756/07S69
3621	S69-04538			Bùi Văn Tới	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04757/07S69
3622	S69-04539	CM-06137		Đoàn Văn Khanh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03900/09S69
3623	S69-04540			Ngô Minh Chính	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04759/07S69
3624	S69-04541			Nguyễn Văn Phận	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04760/07S69
3625	S69-04542			Quách Thanh Phong	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04761/07S69
3626	S69-04543	CM-05987		Nguyễn Hiền Thạch	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	02/07/2012	02/07/2013	03435/12S69
3627	S69-04544			Trần Thanh Phong	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2009	12/01/2010	00154/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3628	S69-04545			Lê Hoài Thương	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/05/2012	12/05/2013	02064/12S69
3629	S69-04546			Nguyễn Văn Việt	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04765/07S69
3630	S69-04547			Võ Quốc No	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04766/07S69
3631	S69-04548			Văn Phòng Huyện Ủy Cái Nước	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04767/07S69
3632	S69-04549			Trần Văn Lựa	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04768/07S69
3633	S69-04550			Trần Văn Bo	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04769/07S69
3634	S69-04551	CM-05412		Đỗ Minh Giữ	ấp Tân Điền B, Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02914/09S69
3635	S69-04552			Phạm Văn Thắng	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04771/07S69
3636	S69-04553	CM-43058		Đoàn Văn Danh	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01658/12S69
3637	S69-04554	CM-06010		Nghiêm Văn Biết	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/10/2008	26/10/2009	08539/08S69
3638	S69-04555			Nguyễn Văn Ên	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04775/07S69
3639	S69-04556			Nguyễn Trường Giang	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04774/07S69
3640	S69-04558			Dương Văn Năng	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04777/07S69
3641	S69-04559	CM-05990		Trần Văn Dũng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	20/12/2009	20/12/2010	07228/09S69
3642	S69-04560			Trần Thanh Vũ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04779/07S69
3643	S69-04561			Nguyễn Văn Mạnh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04780/07S69
3644	S69-04562			Bùi Thanh Tùng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04781/07S69
3645	S69-04563			Trần Văn Tuấn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04782/07S69
3646	S69-04564			Phan Văn vĩnh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04783/07S69
3647	S69-04565			Phạm Văn út	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04784/07S69
3648	S69-04566			Đỗ Văn Tá	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04785/07S69
3649	S69-04567			Lê Văn Chí	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04786/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3650	S69-04568			Phạm Thanh Hùng	ấp Bùng Binh 1, Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	05/11/2007	05/11/2008	04704/07S69
3651	S69-04569			Võ Minh Tỷ	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	05/11/2007	05/11/2008	04705/07S69
3652	S69-04571	CM- 05351		Nguyễn Hoàng Sơn	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01465/11S69
3653	S69-04572	CM- 05336		Lê Minh Tươi	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04485/11S69
3654	S69-04574			Tô Thanh Tòng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/11/2007	05/11/2008	04710/07S69
3655	S69-04575			Trần Hoàng Dựa	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	05/11/2007	05/11/2008	04711/07S69
3656	S69-04576	CM-05357		Phan Văn Bạo	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	06/04/2015	06/04/2016	00648/15S69
3657	S69-04577			Trần Be Đil	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	05/11/2007	05/11/2008	04714/07S69
3658	S69-04579	CM-05371	Nhật Huỳnh	Trần Văn Thống	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	17/11/2008	17/11/2009	08980/08S69
3659	S69-04580			Lê Thanh Hà	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	06/11/2007	06/11/2008	04789/07S69
3660	S69-04581	CM-05374		Lê Anh Dũng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/03/2009	26/03/2010	02164/09S69
3661	S69-04582			Lê Văn Bích	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	06/11/2007	06/11/2008	04791/07S69
3662	S69-04583			Phạm Văn Bắc	K5, P1, Thành phố Cà Mau	06/11/2007	06/11/2008	04792/07S69
3663	S69-04584	CM-05360		Lê Quang Nhi	K3, P8, Thành phố Cà Mau	17/08/2015	17/08/2016	01528/15S69
3664	S69-04585	CM-05359		Hồ Thị Hùng	K3, P8, Thành phố Cà Mau	05/12/2013	05/12/2014	06055/13S69
3665	S69-04586			Hồ Văn Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	06/11/2007	06/11/2008	04795/07S69
3666	S69-04589	CM-05350		Nguyễn Hồng Phước	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2015	10/04/2016	00803/15V68
3667	S69-04590			Lê Văn Khảm	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	07/11/2007	07/11/2008	04803/07S69
3668	S69-04591			Lê Văn Hận	ấp 2, Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04804/07S69
3669	S69-04592	CM-05349		Nguyễn Minh Hưởng	Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2012	11/01/2013	00156/12S69
3670	S69-04593			Quách Minh Đoàn	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04807/07S69
3671	S69-04594	CM-05434		Phạm Quốc Khuynh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06082/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3672	S69-04595			Trần Văn Đoàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	04809/07S69
3673	S69-04596			Nguyễn Văn Phương	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04810/07S69
3674	S69-04599			Thái Minh Triều	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04814/07S69
3675	S69-04600	CM-05421		Đặng Văn Đấu	Số 230C Khóm 6, Phường 1, Thành phố Cà Mau	24/02/2016	24/08/2016	00416/16S69
3676	S69-04603	CM-	Tấn Hùng	Nguyễn Tấn Hùng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02493/10S69
3677	S69-04605			Nguyễn Văn Dễ	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	03/11/2007	08/11/2008	04822/07S69
3678	S69-04607	CM-02954		Trịnh Minh Thà	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06381/08S69
3679	S69-04609			Dương An Xuyên	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04824/07S69
3680	S69-04610			Trần Văn Triệu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	04826/07S69
3681	S69-04611	CM-05420		Ngô Hoàng Anh	K3, P8, Thành phố Cà Mau	15/08/2013	15/08/2014	03887/13S69
3682	S69-04612			Nguyễn Văn Dũng	ấp Lung Dừa, Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	09/11/2007	09/11/2008	04831/07S69
3683	S69-04614	CM-00724		Nguyễn Văn Lực	154, Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	05/02/2010	05/02/2011	00785/10S69
3684	S69-04615	CM-		Trương Văn Lợi	149B, Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	30/10/2007	30/10/2008	04834/07S69
3685	S69-04616			Dương Minh Khiêm	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	12/11/2007	12/11/2008	04836/07S69
3686	S69-04618			Đỗ Văn Nữa	ấp Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	04916/07S69
3687	S69-04619			Trương Vĩnh Thảo	ấp Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	04915/07S69
3688	S69-04620			Nguyễn Tấn Lợi	ấp Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	04914/07S69
3689	S69-04621			Nguyễn Văn Luân	ấp Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	04917/07S69
3690	S69-04622			Nguyễn Hữu Liệt	ấp Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	04918/07S69
3691	S69-04623			Nguyễn Văn Khởi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04919/07S69
3692	S69-04624			Lý Văn Thảo	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04920/07S69
3693	S69-04625			Đặng Văn Đèo	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04921/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3694	S69-04626			Huỳnh Đức Ninh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	04922/07S69
3695	S69-04627	CM-06143		Lê Văn Góc	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02022/10S69
3696	S69-04628			Trần Văn Dùm	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04839/07S69
3697	S69-04629			Nguyễn Văn Búp	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04840/07S69
3698	S69-04630			Đặng Tấn Tăng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04841/07S69
3699	S69-04631			Nguyễn Văn Hận	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04848/07S69
3700	S69-04632			Bùi Việt Lợi	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04843/07S69
3701	S69-04633			Võ Văn Khánh	Rạch chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04923/07S69
3702	S69-04634			Nguyễn Văn Tèo	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04924/07S69
3703	S69-04635			Nguyễn Công Lý	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05865/07S69
3704	S69-04636			Nguyễn Hoàng Sơn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04926/07S69
3705	S69-04637			Nguyễn Thị Loan	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04927/07S69
3706	S69-04638			Mai Trường Giang	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	01/11/2008	04928/07S69
3707	S69-04639			Lương Văn Đẹt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04929/07S69
3708	S69-04640			Lâm Văn Ngưng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04930/07S69
3709	S69-04641			Võ Văn Chiêu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04931/07S69
3710	S69-04642			Chi Bộ BND ấp Lê Năm	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04932/07S69
3711	S69-04643			Huỳnh Văn Xuyên	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00220/11S69
3712	S69-04644			Quách Hoài Ly	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04934/07S69
3713	S69-04645			Lê Văn Chiến	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04935/07S69
3714	S69-04646			Đỗ Thị Lập	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04936/07S69
3715	S69-04647			Huỳnh Minh Dương	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04937/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3716	S69-04648			Nguyễn Văn Tâm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04938/07S69
3717	S69-04649			Trần Văn Dũng	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04939/07S69
3718	S69-04650			Ngô Văn Khanh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04940/07S69
3719	S69-04651			Tập Thể ấp Hưng Hiệp	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04941/07S69
3720	S69-04652	CM-19785		Sầm A Giảng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	12/08/2010	12/08/2011	04273/10S69
3721	S69-04653			Trần Văn No	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04943/07S69
3722	S69-04654			Nguyễn Minh Luân	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04944/07S69
3723	S69-04655			Lê Văn Ghi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04945/07S69
3724	S69-04656			Nguyễn Văn Dương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04946/07S69
3725	S69-04657			Võ Văn út	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04947/07S69
3726	S69-04659			Huỳnh Văn Mến	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04949/07S69
3727	S69-04660			Huỳnh Văn Huyền	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04950/07S69
3728	S69-04661			Huỳnh Văn Hoài	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04951/07S69
3729	S69-04662			Nguyễn Trường Sơn	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04952/07S69
3730	S69-04663			Kiều Thanh Tuý	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04953/07S69
3731	S69-04664			Trần Văn Chiếc	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04954/07S69
3732	S69-04665			Nguyễn Thanh Hùng	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04955/07S69
3733	S69-04666			Lê Văn Mến	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04956/07S69
3734	S69-04667			Châu Minh Kiện	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04957/07S69
3735	S69-04668			Tô Văn Đen	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04958/07S69
3736	S69-04669			Trần Văn Thương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04959/07S69
3737	S69-04670			Nguyễn Chí Huỳnh	Cái Bát, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04960/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3738	S69-04671			Cao Minh Dương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04961/07S69
3739	S69-04672			Huỳnh Văn Nhân	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04962/07S69
3740	S69-04673			Nguyễn Văn Tiên	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04963/07S69
3741	S69-04674			Tô Trường Giang	Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04964/07S69
3742	S69-04675			Phan Văn Phel	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04965/07S69
3743	S69-04676			Tiêu Văn Ước	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04966/07S69
3744	S69-04677			Huỳnh Văn Dũng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04967/07S69
3745	S69-04678	CM-08235		Trần Hoàng Khải	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	12/01/2010	12/01/2011	00209/10S69
3746	S69-04679			Lê Văn Cội	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04969/07S69
3747	S69-04681			Nguyễn Văn Hải	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04971/07S69
3748	S69-04682			Ngô Văn Phục	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04972/07S69
3749	S69-04683			Võ Thanh Văn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04973/07S69
3750	S69-04684			Huỳnh Văn út	Kiến Vàng, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04974/07S69
3751	S69-04685			Phan Minh Trung	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04975/07S69
3752	S69-04686			Giã Văn Nhỏ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04976/07S69
3753	S69-04687			Ngô Khải Quang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04977/07S69
3754	S69-04688			Nguyễn Ngọc Nhi	ấp Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04978/07S69
3755	S69-04689			Nguyễn Văn Vũ	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04979/07S69
3756	S69-04690			Dương Duy Thân	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04980/07S69
3757	S69-04691			Đỗ Văn Tầm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04981/07S69
3758	S69-04692			Đặng Văn Thạnh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04982/07S69
3759	S69-04693			Mai Minh ý	Cái Bát, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04983/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3760	S69-04694			Võ Minh Trường	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04984/07S69
3761	S69-04695			Huỳnh Văn Phụng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04985/07S69
3762	S69-04696			Trần Văn Truyền	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	15/11/2007	11/11/2008	04986/07S69
3763	S69-04697			Phan Văn Mun	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04987/07S69
3764	S69-04698			Phạm Văn Hiệp	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04988/07S69
3765	S69-04699			Đặng Văn Bé	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04989/07S69
3766	S69-04700			Võ Tấn Thọ	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04990/07S69
3767	S69-04701			Nguyễn Hữu Thế	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04991/07S69
3768	S69-04702			Nguyễn Văn Hải	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04992/07S69
3769	S69-04703			Lương Văn Mãng	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04993/07S69
3770	S69-04704			Nguyễn Văn Diện	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04994/07S69
3771	S69-04705			Lâm Quốc Trường	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04995/07S69
3772	S69-04706			Nguyễn Văn Ninh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04996/07S69
3773	S69-04707			Phạm Văn Hùng	Kiến Vàng, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04997/07S69
3774	S69-04708			Huỳnh Văn Tấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04998/07S69
3775	S69-04709			Hồ Văn Sện	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04999/07S69
3776	S69-04710			Lâm Trung Liệt	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05000/07S69
3777	S69-04711			Mai Văn Nơi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05001/07S69
3778	S69-04712			Nguyễn Văn Hưng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05002/07S69
3779	S69-04713			Tiêu Văn Hội	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05003/07S69
3780	S69-04715			Đỗ Minh Triều	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05005/07S69
3781	S69-04716			Huỳnh Văn Nghĩa	ấp Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05006/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3782	S69-04717			Trần Kha Ly	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05007/07S69
3783	S69-04718			Nguyễn Văn Hải	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05008/07S69
3784	S69-04719			Lâm Hận Thù	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05009/07S69
3785	S69-04720			Lê Minh Luân	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05010/07S69
3786	S69-04721			Lê Tuấn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05011/07S69
3787	S69-04722			Trương Văn Khang	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05012/07S69
3788	S69-04723			Đặng Văn Lượm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05013/07S69
3789	S69-04724			Hồng Mừng Bốn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05014/07S69
3790	S69-04725			Dương Hoàng An	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05015/07S69
3791	S69-04726			Hồ Văn Tiến	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05016/07S69
3792	S69-04727			Nguyễn Văn Luận	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05017/07S69
3793	S69-04728			Nguyễn Văn Lượ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05018/07S69
3794	S69-04729			Lê Công Dụ	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05019/07S69
3795	S69-04730			Tập Thể ấp Kiến Vàng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05020/07S69
3796	S69-04731			Nguyễn Văn Nghị	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05021/07S69
3797	S69-04732			Mai Văn Hùng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05022/07S69
3798	S69-04733			Phan Văn Khoẻ	Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05023/07S69
3799	S69-04734			Lê Ngọc Khết	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05024/07S69
3800	S69-04735			Trần Hoàng Giang	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05025/07S69
3801	S69-04736			Trần Văn Há	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	20/11/2008	20/11/2009	09068/08S69
3802	S69-04737			Bùi Quang Tỉnh	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	09/08/2012	09/08/2013	04367/12S69
3803	S69-04738			Lê Trường Tồn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05028/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3804	S69-04739			Võ Thị Chín	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05029/07S69
3805	S69-04740			Hồ Minh Cảnh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05030/07S69
3806	S69-04741	CM- 05426		Nguyễn Văn Luận	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	12/03/2010	12/03/2011	01155/10S69
3807	S69-04742			Phạm Văn Dũng	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/11/2007	13/11/2008	04845/07S69
3808	S69-04743			Lương Văn Quận	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05031/07S69
3809	S69-04744			Lữ Ngọc Giao	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05032/07S69
3810	S69-04745			Phan Nhựt Trường	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05033/07S69
3811	S69-04746			Phạm Công Tuấn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05034/07S69
3812	S69-04747			Trần Văn An	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05035/07S69
3813	S69-04748			Phan Văn Tây	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05036/07S69
3814	S69-04749			Huỳnh Minh Phụng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05037/07S69
3815	S69-04750			Lê Quang Trực	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05038/07S69
3816	S69-04751			Quách Văn Quẩn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05039/07S69
3817	S69-04752			Mai Minh kha	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05040/07S69
3818	S69-04753			Trịnh Minh Đức	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05041/07S69
3819	S69-04754			Phạm Trường Sơn	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05042/07S69
3820	S69-04755			Lê Văn Tính	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05043/07S69
3821	S69-04756			Thái Văn Hiên	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	13/11/2007	13/11/2008	04847/07S69
3822	S69-04757			Lê Văn Dũng	Cái Bát, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05044/07S69
3823	S69-04758			Trần Văn Phiêu	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05045/07S69
3824	S69-04759			Tạ Thanh Tuấn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05046/07S69
3825	S69-04760			Trần Thanh Tiến	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05047/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3826	S69-04761			Nguyễn Văn Khanh	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2007	05/08/2008	04842/07S69
3827	S69-04762			Phan Thanh Xuân	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05048/07S69
3828	S69-04763			Lê Ngọc Trung	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05049/07S69
3829	S69-04764			Nguyễn Văn Điều	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05050/07S69
3830	S69-04765			Phạm Văn Hận	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05051/07S69
3831	S69-04766			Huỳnh Minh Luân	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05052/07S69
3832	S69-04767			Nguyễn Văn Đẩu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05053/07S69
3833	S69-04768			Lê Khởi Nghĩa	ấp Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05054/07S69
3834	S69-04769			Nguyễn Văn Tiến	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05055/07S69
3835	S69-04770			Phạm Văn Rĩnh	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05056/07S69
3836	S69-04771			Trần Văn Diên	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05057/07S69
3837	S69-04772			Trà Văn Chờ	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05058/07S69
3838	S69-04773			Phan Minh Lưu	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	13/11/2007	13/11/2008	04849/07S69
3839	S69-04774			Trương Văn Đăng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05059/07S69
3840	S69-04775			Bùi Trọng Nghĩa	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04850/07S69
3841	S69-04776			Đặng Thành Đô	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04851/07S69
3842	S69-04777			Phan Minh Hùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	04852/07S69
3843	S69-04778			Sử Kỳ Oai	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05060/07S69
3844	S69-04779			Hứa Văn Đảm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05061/07S69
3845	S69-04780			Phạm Văn Hận	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05062/07S69
3846	S69-04781			Nguyễn Văn Đen	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05063/07S69
3847	S69-04782			Tô Thế Kỷ	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05064/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3848	S69-04783	CM-06190		Trần Văn ý	Xã Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	06/01/2011	06/01/2012	00077/11S69
3849	S69-04784			Lâm Văn Phương	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	13/11/2007	13/11/2008	04855/07S69
3850	S69-04785			Trần Văn Hoá	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2007	13/11/2008	04856/07S69
3851	S69-04786			Nguyễn Minh Dương	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05065/07S69
3852	S69-04787			Cao Văn Quýt	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05066/07S69
3853	S69-04788			Nguyễn Quốc Em	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05067/07S69
3854	S69-04789			Trần Minh Phát	Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05068/07S69
3855	S69-04790			Lê Văn Lực	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05069/07S69
3856	S69-04792			Hồng Văn Thắng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05071/07S69
3857	S69-04793			Lê Văn Thọ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05072/07S69
3858	S69-04794			Nguyễn Văn Khanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05073/07S69
3859	S69-04795			Nguyễn Chí Tâm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05074/07S69
3860	S69-04796			Trần Văn Phụng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05075/07S69
3861	S69-04797			Nguyễn Trường Hận	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05076/07S69
3862	S69-04798			Huỳnh Thanh Phong	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05077/07S69
3863	S69-04799			Tô Văn Cường	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05078/07S69
3864	S69-04800			Mai Văn Hôm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05070/07S69
3865	S69-04801			Lâm Phú Hiện	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05080/07S69
3866	S69-04802			Lê Văn Ngọc	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05081/07S69
3867	S69-04803			Trương Văn út	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05082/07S69
3868	S69-04804			Huỳnh Công Chánh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05083/07S69
3869	S69-04805			Lê Văn Sáng	ấp Tân Thành Mới, Rạch chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05084/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3870	S69-04806			Nguyễn Phước Lành	Tân Phú Thành, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05085/07S69
3871	S69-04807			Nguyễn Văn Việt	ấp Kiến Vàng, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05086/07S69
3872	S69-04808			Nguyễn Văn Them	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05087/07S69
3873	S69-04809			Nguồn Văn Tèo	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05088/07S69
3874	S69-04810			Mai Văn Phól	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05089/07S69
3875	S69-04811			Hồng Thị Den	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05090/07S69
3876	S69-04812			Nguyễn Văn Đen	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05091/07S69
3877	S69-04813			Tô Văn Phong	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05092/07S69
3878	S69-04814			Võ Văn Minh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05093/07S69
3879	S69-04815			Trương Minh Trúc	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05094/07S69
3880	S69-04816			Nguyễn Thành	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05095/07S69
3881	S69-04817			Tô Hồng Thiêm	Xã tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05096/07S69
3882	S69-04818	CM-72109		Đoàn Hữu Quân	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03264/11S69
3883	S69-04819			Phạm Quốc Sự	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05098/07S69
3884	S69-04820			Lâm Văn Thương	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05099/07S69
3885	S69-04821			Hồ Văn Thời	Cái Bát, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05100/07S69
3886	S69-04822			Nguyễn Văn Sinh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05101/07S69
3887	S69-04823			Nguyễn Văn Dũng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05102/07S69
3888	S69-04824			Huỳnh Văn Khách	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	11/11/2008	05103/07S69
3889	S69-04825			Lê Văn Thương	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05104/07S69
3890	S69-04826			Trần Văn Xuyên	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05105/07S69
3891	S69-04827			Võ Hoàng Phương	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05106/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3892	S69-04828			Bùi Văn Toàn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05107/07S69
3893	S69-04829			Đỗ Văn Trắng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05108/07S69
3894	S69-04830			Nguyễn Văn Toả	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05109/07S69
3895	S69-04831			Châu Hồ	ấp Cái Bát, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05110/07S69
3896	S69-04832	CM-72106		Nguyễn Thanh Bình	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00187/14S69
3897	S69-04833			Ngô Văn Nghiêm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05112/07S69
3898	S69-04834			Nguyễn Văn Linh	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05113/07S69
3899	S69-04835			Nguyễn Văn Biển	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05114/07S69
3900	S69-04836			Phạm Văn Quát	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05115/07S69
3901	S69-04837			Trương Thị Tiền	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05116/07S69
3902	S69-04838			Nguyễn Văn Phước	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05117/07S69
3903	S69-04839			Tập Thể ấp Tân Phú Thành	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05118/07S69
3904	S69-04840			Mai Hậu Giang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05119/07S69
3905	S69-04841			Trần Quốc Nhỉnh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05120/07S69
3906	S69-04842			Trần Văn Giản	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05121/07S69
3907	S69-04843			Ngô Văn Công	Kiến Vàng, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05122/07S69
3908	S69-04844			Ngô Minh Gọi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05123/07S69
3909	S69-04845			Tạ Thành Đồng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05124/07S69
3910	S69-04846			UBND Xã Tân Hưng Tây	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05125/07S69
3911	S69-04847			Lê Văn Khoa	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05126/07S69
3912	S69-04848			Tô Việt Hoài	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05127/07S69
3913	S69-04849			Nguyễn Hữu Lắm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05128/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3914	S69-04850			Nguyễn Văn Bụng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05129/07S69
3915	S69-04851			Bùi Văn Khởi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05131/07S69
3916	S69-04852			Trần Minh Lâm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05130/07S69
3917	S69-04853			Phan Văn Sản	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05132/07S69
3918	S69-04854			Nguyễn Văn Dương	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05133/07S69
3919	S69-04855			Nguyễn Văn Đen	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05134/07S69
3920	S69-04856			Cao Quốc Sở	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05135/07S69
3921	S69-04857			Lê Văn Năm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05136/07S69
3922	S69-04858			Ngô Thanh Phú	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05137/07S69
3923	S69-04859			Nguyễn Hoài Khiêm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05138/07S69
3924	S69-04860			Võ Văn Hoà	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05139/07S69
3925	S69-04861			Trần Thanh Tuấn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05140/07S69
3926	S69-04862			Trần Văn Xê	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05141/07S69
3927	S69-04863			Giã Văn Lớn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05142/07S69
3928	S69-04864			Nguyễn Văn Diêm	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05143/07S69
3929	S69-04865			Nguyễn Văn Nhữ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05144/07S69
3930	S69-04866			Võ Văn Trường	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05145/07S69
3931	S69-04867			Phan Văn Chín	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05146/07S69
3932	S69-04868			Dương Văn Thuỷ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05147/07S69
3933	S69-04869			Trần Minh Hoà	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05148/07S69
3934	S69-04870			Võ Hoàng Lên	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05149/07S69
3935	S69-04871			Nguyễn Văn Quang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05150/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3936	S69-04872			Nguyễn Văn Hải	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05151/07S69
3937	S69-04873			Trần Đông Pha	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05152/07S69
3938	S69-04874			Mai Văn Cao	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05153/07S69
3939	S69-04875			Lê Văn Khang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05154/07S69
3940	S69-04876			Lê Minh Luận	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05155/07S69
3941	S69-04877			Mai Tấn Thành	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05156/07S69
3942	S69-04878			Nguyễn Văn Tiến	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05157/07S69
3943	S69-04879			Lê Văn út	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05158/07S69
3944	S69-04880			Võ Văn Đen	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05159/07S69
3945	S69-04881			Phạm Văn Phúc	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05160/07S69
3946	S69-04882			Lý Văn Thắng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	01/11/2008	05161/07S69
3947	S69-04883			Trương Văn út	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05162/07S69
3948	S69-04884			Trần Văn Trang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05163/07S69
3949	S69-04885			Nguyễn Quốc Thông	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05164/07S69
3950	S69-04887			Huỳnh Văn Nước	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05166/07S69
3951	S69-04888			Nguyễn Thanh Tâm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05167/07S69
3952	S69-04889			Tạ Văn Thống	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05168/07S69
3953	S69-04890			Phan Trọng Nguyễn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05169/07S69
3954	S69-04891			Lê Minh Lợi	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05170/07S69
3955	S69-04892			Huỳnh Văn Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05171/07S69
3956	S69-04893			Phạm Văn Xía	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05172/07S69
3957	S69-04894			Nguyễn Thị Đẹp	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05173/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3958	S69-04895			Bùi Văn Lưu	Tân Thành Mới, Rạch chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05174/07S69
3959	S69-04896			Lê Văn Tân	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05175/07S69
3960	S69-04897			Quách Phú Ngã	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05176/07S69
3961	S69-04898			Nguyễn Văn Đại	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05177/07S69
3962	S69-04899			UBND Xã Tân Hưng Tây	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05178/07S69
3963	S69-04900			Hà Kiều Oanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05179/07S69
3964	S69-04901			Cơ Quan Xã Tân Hưng Tây	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05180/07S69
3965	S69-04902			Nguyễn út Hiền	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05181/07S69
3966	S69-04903			Nguyễn Văn Chờ	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05182/07S69
3967	S69-04904			Nguyễn Văn Trộn	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05183/07S69
3968	S69-04905			Bùi Minh Luận	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05184/07S69
3969	S69-04906			Trần Văn Ân	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05185/07S69
3970	S69-04907			Vũ Văn Bảy	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05186/07S69
3971	S69-04908			Mai Duy Khánh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05187/07S69
3972	S69-04909			Trịnh Đức Long	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05188/07S69
3973	S69-04910			Nguyễn Văn Bình	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05189/07S69
3974	S69-04911			Trương Thị Sơn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05190/07S69
3975	S69-04912			Trần Minh Tài	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05191/07S69
3976	S69-04913			Nguyễn Chí Tâm	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05192/07S69
3977	S69-04914			Vũ Thị Kính	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05193/07S69
3978	S69-04915			Nguyễn Văn Hà	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05194/07S69
3979	S69-04916			Dương Minh Luân	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05195/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
3980	S69-04917			Tô Thanh Đoàn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05196/07S69
3981	S69-04918			Trần Vũ Sinh	Tân Thành Mới, Rạch chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05197/07S69
3982	S69-04919	CM-08234		Nguyễn Thị Dân	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01207/10S69
3983	S69-04920			Hồng Văn Phước	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05199/07S69
3984	S69-04921			Nguyễn Văn Thống	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05200/07S69
3985	S69-04922			Phan Văn Cường	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05201/07S69
3986	S69-04923			Tô Thị Lón	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05202/07S69
3987	S69-04924			Huỳnh Thị Huôi	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05203/07S69
3988	S69-04925			Phạm Văn Hải	Kiến Vàng, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05204/07S69
3989	S69-04926			Nguyễn Văn Mới	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05205/07S69
3990	S69-04927			Phan Ngọc Nữ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05206/07S69
3991	S69-04928			Nguyễn Văn Mới	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05207/07S69
3992	S69-04929			Đỗ Văn Lil	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05208/07S69
3993	S69-04930			Nguyễn Văn Khởi	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05209/07S69
3994	S69-04931			Nguyễn Văn Phong	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05210/07S69
3995	S69-04932			Hồ Minh Tiên	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05211/07S69
3996	S69-04933			Đặng Chí Hiếu	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05212/07S69
3997	S69-04934			Nguyễn Văn Thơm	Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05213/07S69
3998	S69-04935			Đoàn Văn Luận	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05214/07S69
3999	S69-04936			Nguyễn Văn Giai	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05215/07S69
4000	S69-04937			Võ Văn út	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05217/07S69
4001	S69-04938			Tô Quang Trình	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05216/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4002	S69-04939			Mai Văn Năm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05218/07S69
4003	S69-04940			Bùi Thanh Ngân	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05219/07S69
4004	S69-04941			Lư Văn Mười	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05220/07S69
4005	S69-04942			Lê Việt Thành	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05221/07S69
4006	S69-04943			Nguyễn Văn Phụng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05222/07S69
4007	S69-04944			Đỗ Minh Dương	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05223/07S69
4008	S69-04945			Đoàn Hậu Giang	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05224/07S69
4009	S69-04946			Hồ Văn Tới	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05225/07S69
4010	S69-04947			Đoàn Văn Thiện	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05226/07S69
4011	S69-04948			Trịnh Văn Cát	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05227/07S69
4012	S69-04950			Trần Văn Tuyển	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05229/07S69
4013	S69-04951			Nguyễn Văn Điệp	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05230/07S69
4014	S69-04952			Trịnh Hữu Phước	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05231/07S69
4015	S69-04953			Tô Văn Tề	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05232/07S69
4016	S69-04954			Trần Viết Thuỳ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05233/07S69
4017	S69-04955			Nguyễn Văn Thơ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05234/07S69
4018	S69-04956			Trần Minh Ly	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05235/07S69
4019	S69-04957			Bùi Quốc Khởi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	17/11/2007	11/11/2008	05236/07S69
4020	S69-04958			ấp Lê Năm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05237/07S69
4021	S69-04959			Nguyễn Văn Hải	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05238/07S69
4022	S69-04960			Trần Văn Chung	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05239/07S69
4023	S69-04961			Lương Ngọc Hạnh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05240/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4024	S69-04962			Mai Thành Chủ	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05241/07S69
4025	S69-04963			Nguyễn Văn Kim	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05242/07S69
4026	S69-04964			Nguyễn Tuấn Kiệt	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05244/07S69
4027	S69-04965			Phùng Ngọc Thịnh	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05245/07S69
4028	S69-04967			Nguyễn Văn Tuấn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05247/07S69
4029	S69-04968			Phan Văn ánh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05248/07S69
4030	S69-04969			Nguyễn Thanh Luận	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05249/07S69
4031	S69-04970			Lý Văn Sạch	Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05250/07S69
4032	S69-04971			Trương Hồng Pha	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05251/07S69
4033	S69-04972			Võ Văn Tĩa	Cống Đá, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05252/07S69
4034	S69-04973			Nguyễn Thanh Lâm	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05253/07S69
4035	S69-04974			Nguyễn Văn Nguyễn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05254/07S69
4036	S69-04975			Quách Tấn Nhựt	Xã Tân hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05255/07S69
4037	S69-04976			Quách Văn Thanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05256/07S69
4038	S69-04977			Trần Văn Đa	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05257/07S69
4039	S69-04978			Lê Văn Cơ	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05258/07S69
4040	S69-04979			Quách Văn út	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05259/07S69
4041	S69-04980			Nguyễn Ngọc Ly	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05260/07S69
4042	S69-04981			Đặng Văn Thuận	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05261/07S69
4043	S69-04982			Nguyễn Văn Hon	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05262/07S69
4044	S69-04983			Phạm Minh Thới	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05263/07S69
4045	S69-04984			Lâm Văn Sống	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05264/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4046	S69-04985			Lâm Văn Công	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05413/07S69
4047	S69-04986			Lê Văn Dương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05265/07S69
4048	S69-04987			Quách Văn Sết	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	17/11/2007	11/11/2008	05266/07S69
4049	S69-04988			Trần Minh Đợi	Cái Bát, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05267/07S69
4050	S69-04989			Nguyễn Trường Sinh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05268/07S69
4051	S69-04990			Nguyễn Hoàng Mãng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05269/07S69
4052	S69-04991			Phạm Văn Nhị	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05270/07S69
4053	S69-04992			Nguyễn Văn Định	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05271/07S69
4054	S69-04993			Lương Văn Tiến	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05272/07S69
4055	S69-04994			Đặng Văn Diện	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05273/07S69
4056	S69-04995			Trần Văn Ngưng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05274/07S69
4057	S69-04996			Nguyễn Văn Hợp	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05275/07S69
4058	S69-04997			Võ Văn Trung	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05276/07S69
4059	S69-04998			Trần Văn Bal	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05277/07S69
4060	S69-04999			Dương Văn Tuấn	Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05278/07S69
4061	S69-05000			Giã Văn Hùng	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05279/07S69
4062	S69-05001			Nguyễn Văn Chính	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05280/07S69
4063	S69-05002			Nguyễn Thị Lợi	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05281/07S69
4064	S69-05003			Đỗ Văn Vạn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05282/07S69
4065	S69-05004			Huỳnh Văn Có	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05283/07S69
4066	S69-05005			Tô Hoàng Hội	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05284/07S69
4067	S69-05006			Đỗ Văn Chạy	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05285/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4068	S69-05007			Trần Thanh Định	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05286/07S69
4069	S69-05008			Phan Hoàng Lăng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05287/07S69
4070	S69-05009			Trần Thị Lý	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05288/07S69
4071	S69-05010			Tiêu Minh Cường	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05289/07S69
4072	S69-05011			Nguyễn Minh Dương	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05290/07S69
4073	S69-05012			Mai Văn Vũ	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11186/08S69
4074	S69-05013			Tô Ngọc Tuấn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05292/07S69
4075	S69-05014			Ngô Văn Phong	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05293/07S69
4076	S69-05015			Trần Văn Vĩnh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2007	05294/07S69
4077	S69-05016			Huỳnh Ngọc Hân	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05295/07S69
4078	S69-05017			Nguyễn Văn Kình	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05296/07S69
4079	S69-05018			Nguyễn Văn Tung	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05297/07S69
4080	S69-05019			Huỳnh Văn Nhiệm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05298/07S69
4081	S69-05020			Trần Minh Nghĩa	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05299/07S69
4082	S69-05021			Mai Văn Tuấn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05300/07S69
4083	S69-05022			Lê Chí Công	Tân Nghĩa, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05301/07S69
4084	S69-05023			Nguyễn Văn Kiệt	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05302/07S69
4085	S69-05024			Lê Minh Luân	Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05303/07S69
4086	S69-05025			Trần Văn Khi	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05304/07S69
4087	S69-05026			Nguyễn Trung Tính	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05305/07S69
4088	S69-05027			Nguyễn Văn Dưỡng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05306/07S69
4089	S69-05028			Lâm Minh Tuấn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05307/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4090	S69-05029			Đỗ Thanh Tuấn	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05308/07S69
4091	S69-05030			Tạ Văn Toàn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05309/07S69
4092	S69-05031			Lê Thanh Hồng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05310/07S69
4093	S69-05032			Võ Minh Dũng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05311/07S69
4094	S69-05033	CM-17975		Lê Văn Vồng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	12/12/2011	12/12/2012	04806/11S69
4095	S69-05034			Mai Văn Răng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05313/07S69
4096	S69-05035			Trà Khải Minh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05314/07S69
4097	S69-05036			Huỳnh Văn Khên	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05315/07S69
4098	S69-05037			Tô Hoàng Vĩnh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05316/07S69
4099	S69-05038			Nguyễn Văn Dư	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05317/07S69
4100	S69-05039			Tạ Chí Dũng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05318/07S69
4101	S69-05040	CM-72192		Nguyễn Văn Trọng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02155/13S69
4102	S69-05041	CM:		Nguyễn Minh Hải	Tân Thành Mới, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	21/01/2011	21/01/2012	00320/11S69
4103	S69-05042			Nguyễn Văn Phân	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05321/07S69
4104	S69-05043			Trần Văn Bửu	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05322/07S69
4105	S69-05044			Nguyễn Văn Kiếm	Tân Hưng Tây, Huyện Năm Căn	11/11/2007	11/11/2008	05323/07S69
4106	S69-05045			Nguyễn Hoàng Khoa	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05324/07S69
4107	S69-05046			Phạm Kim Bằng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05325/07S69
4108	S69-05047			Phạm Ngọc Sĩ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05326/07S69
4109	S69-05049			Nguyễn Tấn Đạo	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05328/07S69
4110	S69-05050			Tô Văn Đạo	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05329/07S69
4111	S69-05051			Lê Trường Giang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05330/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4112	S69-05052			Đôi Văn Trí	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05331/07S69
4113	S69-05053			Trần Hồng Đợi	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05332/07S69
4114	S69-05054			Lê Văn Trung	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05333/07S69
4115	S69-05055			Nguyễn Quốc Khởi	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05334/07S69
4116	S69-05056			Nguyễn Văn Trường	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05335/07S69
4117	S69-05057			Tô Hoàng Diệu	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05336/07S69
4118	S69-05058			Trịnh Minh Tâm	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05337/07S69
4119	S69-05059			Nguyễn Văn Chiến	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05338/07S69
4120	S69-05060			Nguyễn Văn út	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05339/07S69
4121	S69-05061			Nguyễn Văn Tài	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05340/07S69
4122	S69-05062			Lê Văn Thuỳ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05341/07S69
4123	S69-05063			Cao Văn Đôi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05342/07S69
4124	S69-05064			Tô Văn Duyên	ấp Cái Bát - Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05343/07S69
4125	S69-05065			Nguyễn Văn Lực	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05344/07S69
4126	S69-05066			Nguyễn Văn Thơm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05345/07S69
4127	S69-05067			Đỗ Văn Nhựt	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05346/07S69
4128	S69-05068			Đặng Hải Đăng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05350/07S69
4129	S69-05069			Lâm Hoàng Anh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05351/07S69
4130	S69-05070			Võ Văn Mua	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05352/07S69
4131	S69-05071			Huỳnh Văn Khen	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05353/07S69
4132	S69-05072			Nguyễn Thành Trung	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05354/07S69
4133	S69-05073			Liêu Hoàng Khánh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05355/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4134	S69-05074			Phạm Văn Danh	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05707/09S69
4135	S69-05075			Dương Đồng Khởi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05357/07S69
4136	S69-05076			Bùi Hoàng Đấu	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05358/07S69
4137	S69-05077			Phan Văn Bảy	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05359/07S69
4138	S69-05078			Phan Văn Tông	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05360/07S69
4139	S69-05079			Huỳnh Văn Mỏng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05361/07S69
4140	S69-05080			Nguyễn Văn Thanh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05362/07S69
4141	S69-05081			Huỳnh Văn Nhân	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05363/07S69
4142	S69-05082			Tô Văn khánh	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05364/07S69
4143	S69-05083			Trần Văn Phúc	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05365/07S69
4144	S69-05084			Lê Phát Thanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05366/07S69
4145	S69-05085			Lương Văn Dạng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05367/07S69
4146	S69-05086			Đới Văn Yên	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05368/07S69
4147	S69-05087			Nguyễn Minh Đức	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05369/07S69
4148	S69-05088			Trịnh Hoàng Giang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05370/07S69
4149	S69-05089			Thắm Văn Xanh	Tân Phú Thành, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05371/07S69
4150	S69-05090			Lâm Thành Đông	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05372/07S69
4151	S69-05091	CM-05091		Trương Văn Dũng	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07071/12S69
4152	S69-05092			Lâm út Ân	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05374/07S69
4153	S69-05093			Đỗ Văn Dương	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05375/07S69
4154	S69-05094			Tạ Thị Oanh	Tân Nghĩa, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05376/07S69
4155	S69-05095			Thang Trung Kiên	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05377/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4156	S69-05096			Lê Thanh Sơn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05378/07S69
4157	S69-05097			Nguyễn Thanh Bình	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05379/07S69
4158	S69-05098			Ong Văn Tỷ	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05380/07S69
4159	S69-05099			Lê Minh Hùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05381/07S69
4160	S69-05100			Nguyễn Văn Định	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05382/07S69
4161	S69-05101	CM-08289		Phạm Văn Đầy	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	14/03/2012	14/03/2013	01086/12S69
4162	S69-05102			Trần Hoàng Nam	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05384/07S69
4163	S69-05103			Lê Văn Khang	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05385/07S69
4164	S69-05104			Lê Thành Phận	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05386/07S69
4165	S69-05105			Hồng Bé Sáu	Thứ Vải B, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05387/07S69
4166	S69-05106			Nguyễn Văn Hiền	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05388/07S69
4167	S69-05107			Lê Văn Trọng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05389/07S69
4168	S69-05108			Võ Văn Tùng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05390/07S69
4169	S69-05109			Nguyễn Văn ửng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05391/07S69
4170	S69-05110			Nguyễn Văn Tuấn	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05392/07S69
4171	S69-05111			Lê Văn Mỹ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05393/07S69
4172	S69-05112			Lê Văn Buól	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05394/07S69
4173	S69-05113			Hồng Cu Ba	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05395/07S69
4174	S69-05114			Trần Quốc Toàn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05396/07S69
4175	S69-05115			Lý Văn Gập	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05397/07S69
4176	S69-05116			Võ Minh Mẫn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05398/07S69
4177	S69-05117			Trần Thanh Hảo	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05399/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4178	S69-05118			Lê Thị Thuỷ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05400/07S69
4179	S69-05119			Phạm Thanh Nam	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05401/07S69
4180	S69-05120			Lê Văn Toàn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05402/07S69
4181	S69-05121			Lê Văn Mai	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05403/07S69
4182	S69-05122			Nguyễn Văn Nghị	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05404/07S69
4183	S69-05123			Huỳnh Văn Khỏe	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05405/07S69
4184	S69-05124			Trần Văn Tuấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05407/07S69
4185	S69-05125			Tô Công Khanh	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05408/07S69
4186	S69-05126			Huỳnh Văn Nhiều	ấp Thanh Đạm A, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05409/07S69
4187	S69-05127			Trần Thanh Hải	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05410/07S69
4188	S69-05128			Trần Văn Minh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05349/07S69
4189	S69-05129			Huỳnh Minh Hùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05348/07S69
4190	S69-05130			Phạm Văn Vinh	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05347/07S69
4191	S69-05131			Huỳnh Văn Tấn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05411/07S69
4192	S69-05132			Nguyễn Văn Dũng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05421/07S69
4193	S69-05133			Đỗ Văn Thanh	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05414/07S69
4194	S69-05134			Trương Hồng Xương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05415/07S69
4195	S69-05135			Trần Chí Thức	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05416/07S69
4196	S69-05136			Nguyễn Văn Non	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05417/07S69
4197	S69-05137			Cao Văn Sơn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	11/11/2008	05418/07S69
4198	S69-05138			Hồ Xuân Hùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05419/07S69
4199	S69-05139			Nguyễn Hữu Vĩnh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05420/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4200	S69-05140			Tô Hồng Công	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05703/07S69
4201	S69-05141			Hoàng Văn Chung	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05422/07S69
4202	S69-05142			Bùi Văn Nam	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05423/07S69
4203	S69-05143			Nguyễn Hồng Công	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05424/07S69
4204	S69-05144			Phạm Văn Chấn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05425/07S69
4205	S69-05145			Nguyễn Văn Thuận	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05426/07S69
4206	S69-05146			Dương Thanh Hùng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05427/07S69
4207	S69-05147			Nguyễn Tài Nguyên	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05428/07S69
4208	S69-05148			Nguyễn Văn Thương	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	20/11/2008	05429/07S69
4209	S69-05149			Nguyễn Văn Ngự	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05430/07S69
4210	S69-05150			Nguyễn Văn Trung	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05431/07S69
4211	S69-05151			Nguyễn Minh Đương	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05432/07S69
4212	S69-05152			Trần Văn Tuyên	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05433/07S69
4213	S69-05153			Trần Văn Sang	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05434/07S69
4214	S69-05154			Trương Văn Hiện	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05435/07S69
4215	S69-05155			Nguyễn MINH Nhựt	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05436/07S69
4216	S69-05156			Lê Trường Sơn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05437/07S69
4217	S69-05157			Cao Minh Đương	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05438/07S69
4218	S69-05159			Trần Văn Nôi	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05440/07S69
4219	S69-05160			Nguyễn Thanh Phong	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05441/07S69
4220	S69-05161			Lâm Thanh Hồng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05442/07S69
4221	S69-05162			Tiền Văn Hải	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05443/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4222	S69-05164			Võ Văn Tới	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05445/07S69
4223	S69-05165			Nguyễn Bình An	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05446/07S69
4224	S69-05166			Nguyễn Văn Thăng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05447/07S69
4225	S69-05167			Nguyễn Văn Cẩm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05448/07S69
4226	S69-05168			Vũ Thị Mai	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05449/07S69
4227	S69-05169			Nguyễn Văn Nhân	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05450/07S69
4228	S69-05170			Trần Văn Quyền	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05451/07S69
4229	S69-05171			Trần Trọng Khang	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05452/07S69
4230	S69-05172			Đỗ Thành Tượng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05453/07S69
4231	S69-05173			Văn Thén	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05454/07S69
4232	S69-05174			Phan Văn Hải	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05455/07S69
4233	S69-05175			Trần Văn Hiện	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05456/07S69
4234	S69-05176			Bùi Chiến Thắng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05457/07S69
4235	S69-05177			Võ Văn Thón	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05458/07S69
4236	S69-05178			Phan Văn Tuấn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05459/07S69
4237	S69-05179			Trương Việt Hoa	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05460/07S69
4238	S69-05180			Tô Văn Hùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05461/07S69
4239	S69-05181			Lê Minh Giao	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05462/07S69
4240	S69-05182			Phạm Văn Kỷ	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05463/07S69
4241	S69-05183			Huỳnh Minh Chiến	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05464/07S69
4242	S69-05184			Phạm Thanh Hiền	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05465/07S69
4243	S69-05185			Nguyễn Văn Bên	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05466/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4244	S69-05186	CM-19786		Mai Văn Lâm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03261/11S69
4245	S69-05188			Nguyễn Văn Hội	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05469/07S69
4246	S69-05189			Trần Tấn Nghiệp	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05470/07S69
4247	S69-05190			Nguyễn Văn Tý	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05471/07S69
4248	S69-05191			Nguyễn Thanh Tùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05472/07S69
4249	S69-05192			Trà Minh Dương	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05473/07S69
4250	S69-05193			Tô Văn Danh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05474/07S69
4251	S69-05194			Trần Văn Khải	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05475/07S69
4252	S69-05195			Lâm Văn Nghiêm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05476/07S69
4253	S69-05196			Nguyễn Văn Hải	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05477/07S69
4254	S69-05197			Mai Văn Lào	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05478/07S69
4255	S69-05198			Kiều Trung Lan	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05479/07S69
4256	S69-05199			Mai Văn Viễn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05480/07S69
4257	S69-05200			Lê Văn Hiền	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05481/07S69
4258	S69-05201			Lâm Trung Tấn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05482/07S69
4259	S69-05202			Phan Hoàng Nam	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	23/11/2007	11/11/2008	05483/07S69
4260	S69-05203			Đỗ Thanh Bình	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	18/01/2011	18/01/2012	00244/11S69
4261	S69-05204			Phan Hoàng Ta	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05485/07S69
4262	S69-05205			Lâm Văn Phát	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05486/07S69
4263	S69-05206			Lương Văn Dư	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05487/07S69
4264	S69-05207			Nguyễn Minh Tấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05488/07S69
4265	S69-05208			Lâm Văn Lên	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05489/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4266	S69-05209			Võ Văn út Nhỏ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05490/07S69
4267	S69-05210			Nguyễn Hùng Em	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05491/07S69
4268	S69-05211			Trần Văn Kế	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05792/07S69
4269	S69-05212	CM-06660		Nguyễn Văn Cần	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04203/13S69
4270	S69-05213			Nguyễn Văn Bé Hai	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05794/07S69
4271	S69-05214	CM-06697		Phạm Hoàng Duy	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2013	06/09/2014	04199/13S69
4272	S69-05215			Trần Văn Dụ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05796/07S69
4273	S69-05216	CM-14125		Tạ Bắc Triều	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05253/13S69
4274	S69-05217	CM-06659		Vũ Thanh Lập	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02643/10S69
4275	S69-05218	CM-06657		La Văn Trường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09623/08S69
4276	S69-05219	CM-06702		Lê Dũng Tiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09629/08S69
4277	S69-05220			Lê Hồng Tụ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05801/07S69
4278	S69-05221	CM - 06672		Ngô Văn Kil	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04679/08S69
4279	S69-05222			Tạ Văn Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05803/07S69
4280	S69-05223	CM-06654		Trần Thanh Thiên	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05308/13S69
4281	S69-05224	CM-06656		Đỗ Thanh Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05518/09S69
4282	S69-05225			Nguyễn Văn Mẫn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05806/07S69
4283	S69-05226			Phạm Tấn Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05807/07S69
4284	S69-05227	CM-06662		Tạ Văn Mạnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2011	24/08/2012	03085/11S69
4285	S69-05228			Nguyễn Văn Thuỳ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05810/07S69
4286	S69-05229			Lâm Phước Hoàng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01040/09S69
4287	S69-05230	CM-06686		Trần Minh Đức	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2015	24/03/2016	00564/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4288	S69-05231			Nguyễn Trung Kiên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05812/07S69
4289	S69-05232	CM-06658		Ngô Thành Cư	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05319/13S69
4290	S69-05233	CM-06652		Lâm Văn Minh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/03/2013	15/03/2014	01719/13S69
4291	S69-05234			Nguyễn Văn Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05815/07S69
4292	S69-05236			Nguyễn Ngọc Sang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05817/07S69
4293	S69-05237			Ngô Văn Dũng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05818/07S69
4294	S69-05238	CM-06661		Đoàn Văn Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02904/10S69
4295	S69-05239			Lê Thanh Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05820/07S69
4296	S69-05240	CM-06679		Lê Thanh Đồng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05414/13S69
4297	S69-05241	CM-05241		Lê Văn Xương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/06/2011	09/06/2012	01910/11S69
4298	S69-05242			Lâm Văn Bên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05823/07S69
4299	S69-05243	CM-06683		Đinh Văn Quý	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05426/13S69
4300	S69-05244	CM-06681		Huỳnh Thanh Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01047/09S69
4301	S69-05245			Lý Minh Liêm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05826/07S69
4302	S69-05246			Lý Minh Liêl	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05827/07S69
4303	S69-05247			Nguyễn Việt Triều	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05828/07S69
4304	S69-05248			Tạ Minh Quang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05829/07S69
4305	S69-05249			Trần Quốc Việt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09600/12S69
4306	S69-05250	CM-06671		Bùi Thanh Tùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05422/13S69
4307	S69-05251			Trần Việt Trung	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05832/07S69
4308	S69-05252	CM-06703		Trần Văn Xuân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03071/13S69
4309	S69-05253			Bùi Vũ Cường	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05834/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4310	S69-05254			Nguyễn Văn Bấm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05835/07S69
4311	S69-05255			Nguyễn Văn út	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05836/07S69
4312	S69-05256			Nguyễn Văn Quanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05837/07S69
4313	S69-05257			Phan Văn Như	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05838/07S69
4314	S69-05258			Lại Hoàng Tuấn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05839/07S69
4315	S69-05259			Lương Văn Đạn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05840/07S69
4316	S69-05260			Huỳnh Thanh Liêm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05841/07S69
4317	S69-05261			Lâm Văn khấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05842/07S69
4318	S69-05262			Lê Minh Thuỳ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05843/07S69
4319	S69-05263			Nguyễn Hoàng Giang	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05844/07S69
4320	S69-05264			Nguyễn Thanh Toàn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05845/07S69
4321	S69-05265			Phạm Hồng Thái	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05846/07S69
4322	S69-05266			Trịnh Hoài Dân	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05847/07S69
4323	S69-05267			Nguyễn Văn Lý	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/12/2009	09/12/2010	06949/06S69
4324	S69-05268			Nguyễn Văn Dũng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05903/07S69
4325	S69-05269	CM-06568		Hồ Thanh Lanh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/06/2015	22/06/2016	01141/15S69
4326	S69-05270	CM-06467		Nguyễn Hoàng Khởi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02243/09S69
4327	S69-05271			Lý Trường Giang	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05906/07S69
4328	S69-05272			Nguyễn Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05907/07S69
4329	S69-05273	CM-06566		Giang Hoàng Nhanh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04552/09S69
4330	S69-05274			Võ Hoàng Mến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05909/07S69
4331	S69-05275			Lê Thanh Trúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05910/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4332	S69-05276			Lê Xuân Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05911/07S69
4333	S69-05277	CM-06564		Nguyễn Văn Chí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01173/13S69
4334	S69-05278	CM-06563		Phạm Ngọc Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	06003/09S69
4335	S69-05279			Lê Thanh Vượng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05914/07S69
4336	S69-05280	CM-06538		Hồ Văn Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01008/09S69
4337	S69-05281			Lê Minh Hải	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05916/07S69
4338	S69-05282			Trần Thanh Bằng	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05917/07S69
4339	S69-05283			Trần Văn Sol	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05918/07S69
4340	S69-05284	CM-		Phạm Hoài Tâm	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03015/13S69
4341	S69-05285	CM-06647		Trần Phương Bình	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03627/12S69
4342	S69-05287			Lê Văn Nhứt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05922/07S69
4343	S69-05288			Bùi Thanh Danh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05923/07S69
4344	S69-05289			Võ Minh Oai	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05924/07S69
4345	S69-05290			Nguyễn Thế Anh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05925/07S69
4346	S69-05291	CM-06505		Nguyễn Văn Vũ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01055/09S69
4347	S69-05292			Nguyễn Văn Thuận	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05927/07S69
4348	S69-05295	CM-06547		Phạm Chí Công	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05423/13S69
4349	S69-05296			Đoàn Thiện Hoà	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01015/09S69
4350	S69-05297			Nguyễn Minh Chí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05932/07S69
4351	S69-05298			Nguyễn Văn Quý	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05933/07S69
4352	S69-05299			Lâm Văn Thu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05934/07S69
4353	S69-05300			Trần Công Luật	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05935/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4354	S69-05301			Nguyễn Tấn Tài	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05936/07S69
4355	S69-05303			Trần Văn Giới	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05938/07S69
4356	S69-05304			Trần Phú Lâm	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05939/07S69
4357	S69-05305			Trần Phi Hổ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05940/07S69
4358	S69-05306	CM-		Lưu Minh Sử	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	10/07/2009	10/07/2010	03860/09S69
4359	S69-05307			Trần A Liệt	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05942/07S69
4360	S69-05308			Lê Chí Linh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05943/07S69
4361	S69-05310			Nguyễn Thanh Nhanh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05945/07S69
4362	S69-05311			Huỳnh Văn Tư	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05492/07S69
4363	S69-05312			Nguyễn Văn Lắm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05493/07S69
4364	S69-05313			Nguyễn Văn Cần	Khóm 2, Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05494/07S69
4365	S69-05314			Huỳnh Thanh Sơn	Khóm 7, Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05495/07S69
4366	S69-05316			Ninh Thị Thu	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05497/07S69
4367	S69-05317			Trần Văn Triệu	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05498/07S69
4368	S69-05318			Trần Ngọc Tấn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05499/07S69
4369	S69-05319			Nguyễn Văn De	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05504/07S69
4370	S69-05320			Nguyễn Văn Tấn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05505/07S69
4371	S69-05321			Trần Văn Hiền	Rạch chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05506/07S69
4372	S69-05322			Trần Văn Định	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05507/07S69
4373	S69-05323			Đỗ Hồng Bạo	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05508/07S69
4374	S69-05324			Dương Thị Ai	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05509/07S69
4375	S69-05325			Phan Văn Thắng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05510/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4376	S69-05326			Tô Ngọc Ưu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05511/07S69
4377	S69-05327			Lê Văn Vỹ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05512/07S69
4378	S69-05328			Trương Minh Khải	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05513/07S69
4379	S69-05329			Huỳnh Văn Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05514/07S69
4380	S69-05330			Lâm Văn Quảng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05515/07S69
4381	S69-05331			Võ Văn Mộng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05516/07S69
4382	S69-05332			Nguyễn Văn Thi	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05517/07S69
4383	S69-05333			Huỳnh Văn út	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05743/07S69
4384	S69-05334			Võ Thành Đô	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05518/07S69
4385	S69-05335			Trương Văn Bé	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05519/07S69
4386	S69-05336			Quách Văn Vui	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05520/07S69
4387	S69-05337			Lê Văn út	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05521/07S69
4388	S69-05338			Quách Hoàng Nhật	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05522/07S69
4389	S69-05339			Phạm Quốc Khởi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05523/07S69
4390	S69-05340			Phạm Văn On	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05524/07S69
4391	S69-05341			Tạ Ngọc Bé	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05525/07S69
4392	S69-05342			Trần Quốc Toàn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05526/07S69
4393	S69-05343			Dương Văn Nghị	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05527/07S69
4394	S69-05344			Dương Thị Lệ	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05528/07S69
4395	S69-05345			Phan Văn Hoà	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05529/07S69
4396	S69-05346			Nguyễn Văn Dân	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2007	05530/07S69
4397	S69-05347			Lâm Văn Dắm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05531/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4398	S69-05348			Võ Văn út Lớn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05532/07S69
4399	S69-05349			Lê Văn Quốc	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05533/07S69
4400	S69-05350			Nguyễn Văn Thoán	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05534/07S69
4401	S69-05351			Bùi Văn Ril	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05535/07S69
4402	S69-05352			Hồng Văn Bước	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05536/07S69
4403	S69-05353			Phạm Văn Nghị	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05537/07S69
4404	S69-05354			Nguyễn Hữu Hoài	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05538/07S69
4405	S69-05355			Nguyễn Văn Hữu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05539/07S69
4406	S69-05356			Lâm Văn Toả	ấp Cống Đá, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05540/07S69
4407	S69-05357			Đỗ Hồng Kiệt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05541/07S69
4408	S69-05358			Lâm Văn Thượng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05542/07S69
4409	S69-05359			Nguyễn Thị Nhân	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05543/07S69
4410	S69-05360			Trương Minh Giang	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05544/07S69
4411	S69-05361			Trần Văn Nam	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05545/07S69
4412	S69-05362			Nguyễn Văn Còn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05546/07S69
4413	S69-05363			Nguyễn Văn Bương	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05547/07S69
4414	S69-05364			Nguyễn Văn Cọp	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05548/07S69
4415	S69-05365			Phạm Văn Hồ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05549/07S69
4416	S69-05366			Nguyễn Văn Hoa	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05550/07S69
4417	S69-05367			Nguyễn Văn Đậu	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05551/07S69
4418	S69-05368			Đỗ Văn Minh	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05552/07S69
4419	S69-05369			Đỗ Văn Nghê	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05553/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4420	S69-05370			Nguyễn Văn Sang	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05554/07S69
4421	S69-05371			Trần Văn Sâm	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05555/07S69
4422	S69-05372			Trương Văn Quân	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05556/07S69
4423	S69-05373			Chung Văn Tòng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05557/07S69
4424	S69-05374			Lê Tùng Thiện	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05558/07S69
4425	S69-05375			Dương Thế Anh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05559/07S69
4426	S69-05376			Lương Chí Linh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05560/07S69
4427	S69-05377			Huỳnh Văn Việt	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05561/07S69
4428	S69-05378			Huỳnh Văn Quang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05562/07S69
4429	S69-05379			Lê Văn La	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05563/07S69
4430	S69-05380			Đinh Văn út	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05564/07S69
4431	S69-05381			Phạm Minh Quân	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05565/07S69
4432	S69-05383			Nguyễn Tấn Hùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05567/07S69
4433	S69-05384			Lê Văn Miến	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05568/07S69
4434	S69-05385			Kiều Phước Dũng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03262/11S69
4435	S69-05386			Phan Trung Hiếu	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00226/11S69
4436	S69-05387			Phan Văn Danh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05243/07S69
4437	S69-05388			Đoái Phước Toàn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05572/07S69
4438	S69-05389			Phan Thanh Hoàng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05573/07S69
4439	S69-05390			Huỳnh Văn Đoan	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05574/07S69
4440	S69-05391			Lê út Bốn	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05575/07S69
4441	S69-05393			Lâm Hoàng Ân	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	19/08/2013	19/08/2014	03905/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4442	S69-05394			Lê Văn Mười	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05578/07S69
4443	S69-05395			Mai Minh Thông	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05579/07S69
4444	S69-05396			Nguyễn Văn Vũ	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05580/07S69
4445	S69-05397			Đặng Văn Dự	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05581/07S69
4446	S69-05398			Trần Văn ượng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09955/08S69
4447	S69-05399			Nguyễn Văn Hưng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04861/07S69
4448	S69-05400			Phạm Quốc Việt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05583/07S69
4449	S69-05401			Ngô Văn Lớn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05584/07S69
4450	S69-05402			Đặng Văn Lý	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05585/07S69
4451	S69-05403			Đặng Văn Linh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05586/07S69
4452	S69-05404			Trần Thế Duy	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05587/07S69
4453	S69-05405			Đỗ Lợi	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05588/07S69
4454	S69-05407			Nguyễn Minh Tiến	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05590/07S69
4455	S69-05408			Nguyễn Tấn Tài	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	29/11/2007	11/11/2008	05591/07S69
4456	S69-05409			Nguyễn Dũng Em	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05592/07S69
4457	S69-05410			Lê Văn Thông	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05593/07S69
4458	S69-05411			Nguyễn Văn Sinh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05594/07S69
4459	S69-05413			Tô Văn Nhu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05595/07S69
4460	S69-05414			Trần Thanh Đợi	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05597/07S69
4461	S69-05415			Nguyễn Văn Thuận	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05598/07S69
4462	S69-05416			Huỳnh Bá Xương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05599/07S69
4463	S69-05417			Lê Văn Kha	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05600/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4464	S69-05418			Phan Văn Chính	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05601/07S69
4465	S69-05419			Tô Văn Sơn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05602/07S69
4466	S69-05420			Mai Hùng Vương	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05603/07S69
4467	S69-05421			Mai Hùng Vương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05604/07S69
4468	S69-05422			Nguyễn Thanh Sơn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05605/07S69
4469	S69-05423			Trần Ngọc Em	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05606/07S69
4470	S69-05424			Lưu Hoài Hận	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05607/07S69
4471	S69-05425			Nguyễn Văn Sol	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05608/07S69
4472	S69-05426			Nguyễn Minh Tôn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05609/07S69
4473	S69-05427			Tô Thành Nghị	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05610/07S69
4474	S69-05428			Trần Văn Hưởng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05611/07S69
4475	S69-05429			Huỳnh Văn Thông	Xã Việt Khái, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05612/07S69
4476	S69-05430		Đức Nhã	Trần Văn Lợi	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05613/07S69
4477	S69-05431			Nguyễn Văn Nhạn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05614/07S69
4478	S69-05432			Phan Văn Tông	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05615/07S69
4479	S69-05433			Nguyễn Minh Tấn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05616/07S69
4480	S69-05434			Trương Hoài Nam	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05617/07S69
4481	S69-05435			Nguyễn Văn Lớn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05618/07S69
4482	S69-05436			Phạm Minh Dương	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05619/07S69
4483	S69-05437			Huỳnh văn Chải	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05620/07S69
4484	S69-05438			Mai Thành Nghiệp	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05621/07S69
4485	S69-05439			Nguyễn Văn Đen	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05622/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4486	S69-05440			Trần Văn Non	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05623/07S69
4487	S69-05441			Phan Văn Nhiệt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05624/07S69
4488	S69-05442			Phạm Thị Mạng	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05625/07S69
4489	S69-05443			Trương Đăng Khoa	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05626/07S69
4490	S69-05444			Đào Văn út	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05627/07S69
4491	S69-05445			Trương Minh Hùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05628/07S69
4492	S69-05446			Nguyễn Việt Khoa	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05629/07S69
4493	S69-05447			Nguyễn Minh Văn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05630/07S69
4494	S69-05448			Huỳnh Văn Thảo	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05631/07S69
4495	S69-05449			Bùi Văn Chót	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05632/07S69
4496	S69-05450			Nguyễn Thái Hậu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05633/07S69
4497	S69-05451			Phan Văn Riêng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05634/07S69
4498	S69-05452			Quách Văn Trình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05635/07S69
4499	S69-05453	CM-20760		Lê Văn Nhớ	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02174/13S69
4500	S69-05454			Lê Văn Ngọt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05637/07S69
4501	S69-05455			Võ Hùng Hải	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05638/07S69
4502	S69-05456			Võ Văn Khánh	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05639/07S69
4503	S69-05457			Lâm Văn Bạ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05640/07S69
4504	S69-05458			Phan Văn Khổng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05641/07S69
4505	S69-05459			Dương Văn Đô	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05642/07S69
4506	S69-05460			Trần Văn Khanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05643/07S69
4507	S69-05461			Nguyễn Ngọc Sơn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05644/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4508	S69-05462			Trần Thanh Trai	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05645/07S69
4509	S69-05463			Lê Văn Cầu	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05646/07S69
4510	S69-05464			Nguyễn Hồng Thắm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05647/07S69
4511	S69-05465			Bùi Ngân Anh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05648/07S69
4512	S69-05466			Phạm Phú Hậu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05649/07S69
4513	S69-05467			Đỗ Văn Toàn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05651/07S69
4514	S69-05470			Quách Hoàng Hải	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05652/07S69
4515	S69-05471			Phan văn Chạnh	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05653/07S69
4516	S69-05472			Nguyễn Thanh Dũng	xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05654/07S69
4517	S69-05473			Mai Văn Chung	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05655/07S69
4518	S69-05474			Dương Chí Dũng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05656/07S69
4519	S69-05475			Lê Văn Thao	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05657/07S69
4520	S69-05476			Nguyễn Văn Để	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05658/07S69
4521	S69-05477			Võ Văn Chơn	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05659/07S69
4522	S69-05478			Võ Văn Vũ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05660/07S69
4523	S69-05479			Trần Văn Phương	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05661/07S69
4524	S69-05480			Nguyễn Văn Thống	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05662/07S69
4525	S69-05481			Lâm Thành Tây	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05663/07S69
4526	S69-05482			Mai Thị Phai	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05664/07S69
4527	S69-05483			Lâm Tuấn Nhanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05665/07S69
4528	S69-05484			Nguyễn Văn ảnh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05666/07S69
4529	S69-05485			Nguyễn Minh Hoà	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05667/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4530	S69-05486			Nguyễn Văn Mườì	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05668/07S69
4531	S69-05487			Lâm Hoàng Đảo	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05669/07S69
4532	S69-05488			Nguyễn Văn Học	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05670/07S69
4533	S69-05489			Tô Hoàng Chiến	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05671/07S69
4534	S69-05490			Lê Văn Chính	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05672/07S69
4535	S69-05491			Lê Hoàng Điều	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05673/07S69
4536	S69-05492			Mai Văn Thọaì	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05674/07S69
4537	S69-05493			Nguyễn Thành Lũy	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05675/07S69
4538	S69-05494			Lê Văn Xê	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05676/07S69
4539	S69-05495			Trần Văn Tân	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11187/08S69
4540	S69-05496			Ngô Thanh Toại	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05678/07S69
4541	S69-05497			Lê Văn Như	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05679/07S69
4542	S69-05498			Nguyễn Thái Thiện	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05680/07S69
4543	S69-05499			Ngô Tương Lai	Tân Hưng tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05681/07S69
4544	S69-05500			Nguyễn Văn Khâm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05682/07S69
4545	S69-05501			Nguyễn Văn Thống	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05683/07S69
4546	S69-05502			Trần Hoàng Giang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05684/07S69
4547	S69-05503			Phạm Văn Đình	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05685/07S69
4548	S69-05504			Nguyễn Hồng Oanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05686/07S69
4549	S69-05505			Nguyễn Văn Thanh	Cơ Quan, Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05687/07S69
4550	S69-05506			Lương Văn Linh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05688/07S69
4551	S69-05507			Huỳnh Văn Sện	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05689/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4552	S69-05508			Đặng Chiến Thắng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05690/07S69
4553	S69-05510			Phan Văn Hòm	Tân Thành Mới, Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05692/07S69
4554	S69-05511			Tô Tiến Bằng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05694/07S69
4555	S69-05512			Nguyễn Văn Nhỏ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05693/07S69
4556	S69-05513			Phan Thanh Cồn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05695/07S69
4557	S69-05514			Nguyễn Văn Vĩnh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05696/07S69
4558	S69-05515			Trần Văn Tùng	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05697/07S69
4559	S69-05516			Lê Văn Thương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05698/07S69
4560	S69-05517			Phan Văn Hợp	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05699/07S69
4561	S69-05518			Đoàn Văn Quyền	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	10/11/2007	10/11/2008	05700/07S69
4562	S69-05519	CM-06180		Trần Hoàng Lâm	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	27/11/2014	27/11/2015	03119/14S69
4563	S69-05520			Mai Văn Nhứt	ấp Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05501/07S69
4564	S69-05521			Phạm Hoàng Danh	Thứ Vải A, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05412/07S69
4565	S69-05522	CM-05442		Võ Tấn Mừng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	25/05/2009	25/05/2010	02932/09S69
4566	S69-05523	CM-05471		Huỳnh Văn Thơm	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	25/12/2009	25/12/2010	07333/09S69
4567	S69-05524			Mai Thành Thấp	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/11/2007	15/11/2008	04873/07S69
4568	S69-05525	CM-05469		Trần Văn Ân	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/11/2007	15/11/2008	04874/07S69
4569	S69-05527	CM-06834		Lâm Văn Tư	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05967/13S69
4570	S69-05528	CM-06192		Bùi Văn Thanh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/12/2009	14/12/2010	07030/09S69
4571	S69-05529			Nguyễn Văn Chiền	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	15/11/2007	15/11/2008	04878/07S69
4572	S69-05530			Phan Văn Bắc	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	02/12/2008	02/12/2009	09425/08S69
4573	S69-05531			Nguễn Văn Kiệu	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/11/2007	15/11/2008	04880/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4574	S69-05532			Huỳnh Việt Nam	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/11/2007	15/11/2008	04881/07S69
4575	S69-05533	CM-05408		Huỳnh Văn Cồn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01136/10S69
4576	S69-05535			Lê Văn Có	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/11/2007	15/11/2008	04885/07S69
4577	S69-05536			Trần Văn Chí	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	09/11/2007	09/11/2008	04886/07S69
4578	S69-05538			Trần Thanh Việt	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	16/11/2007	16/11/2008	04888/07S69
4579	S69-05539			Nguyễn Quốc Toàn	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	16/11/2007	16/11/2008	04889/07S69
4580	S69-05542			Trần Vĩnh Khang	K4, P4, Thành phố Cà Mau	16/11/2007	16/11/2008	04893/07S69
4581	S69-05543			Cao Thành Công	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/11/2007	16/11/2008	04895/07S69
4582	S69-05544			Huỳnh Văn Hưởng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	16/11/2007	16/11/2008	04896/07S69
4583	S69-05545			Dương Thanh Hùng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05701/07S69
4584	S69-05546			Phạm Chí Dũng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05702/07S69
4585	S69-05547			Nguyễn Văn Thành	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05704/07S69
4586	S69-05548			Ong Văn Hiến	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05705/07S69
4587	S69-05549			Quách Văn Khuyến	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05706/07S69
4588	S69-05551			Châu Hùng Em	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05707/07S69
4589	S69-05552	CM-05447		Võ Minh Lành	ấp 4, Nguyễn Phích, Huyện U Minh	13/05/2010	13/05/2011	02597/10S69
4590	S69-05553	CM-05448		Võ Văn Nhì	ấp 4, Nguyễn Phích, Huyện U Minh	13/05/2010	13/05/2011	02596/10S69
4591	S69-05557	CM-03234		Lý Quốc Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2012	00385/12S69
4592	S69-05558	CM-05473		Tạ Thanh Điền	Khu Vực II, Khóm II, Huyện Năm Căn	05/12/2008	05/12/2009	09642/08S69
4593	S69-05559	CM-05474		Nguyễn Hoàng Căng	Khóm 9, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05974/10S69
4594	S69-05560			Nguyễn Việt Hà	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/11/2007	20/11/2008	04910/07S69
4595	S69-05561			Nguyễn Văn út	Phường7, Thành phố Cà Mau	20/11/2007	20/11/2008	04913/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4596	S69-05564			Trương Văn To	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/11/2007	20/11/2008	05712/07S69
4597	S69-05565			Quách Thanh Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/11/2007	20/11/2008	05713/07S69
4598	S69-05566			Phạm Văn Dũng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/11/2007	20/11/2008	05714/07S69
4599	S69-05567			Nguyễn Văn Sê	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/11/2007	20/11/2008	05715/07S69
4600	S69-05568			Cao Văn Mến	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	13/11/2007	13/11/2008	05716/07S69
4601	S69-05569	CM-06158		Hồ Văn Vũ	K5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01995/13S69
4602	S69-05570	CM-06155		Huỳnh Hùng Cường	ấp Thanh Đạm A, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	18/12/2009	18/12/2010	07217/09S69
4603	S69-05571	CM-05977		Ngô Vũ Phương	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	17/12/2008	17/12/2009	10045/08S69
4604	S69-05573	CM-06361		Thạch Văn Quý	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2010	10/06/2011	03117/10S69
4605	S69-05574	CM-06163		Nguyễn Văn Lèo	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	12/07/2012	12/07/2013	03775/12S69
4606	S69-05576			Lê Thị Lệ	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	22/11/2007	22/11/2008	05732/07S69
4607	S69-05577	CM-06156		Đỗ Tấn Thành	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	29/11/2011	29/11/2012	04421/11S69
4608	S69-05578	CM-06162		Trần Tấn Nghiệm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10324/12S69
4609	S69-05581			Trịnh Quý Phong	Hoà Trung, Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	23/11/2007	23/11/2008	05737/07S69
4610	S69-05583			Huỳnh Minh Châu	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05749/07S69
4611	S69-05584			Lê Văn Miên	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05750/07S69
4612	S69-05585	CM-06598		Quách Ngọc Bích	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00445/10S69
4613	S69-05586			Nguyễn Xuân Bắc	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	05480/09S69
4614	S69-05589	CM-03126		Phạm Tấn Khanh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05755/07S69
4615	S69-05590	CM-03395		Võ Thành Phong	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05526/09S69
4616	S69-05592	CM-02137		Phan Bá Đẩu	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05758/07S69
4617	S69-05593	CM-03128		Nguyễn Văn Thanh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05119/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4618	S69-05595	CM-03147		Trần Văn Nều	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01037/09S69
4619	S69-05596	CM-02166		Nguyễn Văn Hưng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05624/12S69
4620	S69-05597	CM-02034		Nguyễn Quốc Khải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05522/09S69
4621	S69-05598	CM-02164		Hồng Ngọc Hột	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05524/09S69
4622	S69-05599	CM-03142		Lý Trường An	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05765/07S69
4623	S69-05600	CM-02130		Lâm Việt Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/06/2011	09/06/2012	01909/11S69
4624	S69-05601			Ngô Khải Hoàng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08339/08S69
4625	S69-05602			Phan Thái Nguơn	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05768/07S69
4626	S69-05604			Nguyễn Thanh Hoà	Xã Duyên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05770/07S69
4627	S69-05606	CM-06675		Huỳnh Văn Tập	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2015	24/03/2016	00567/15S69
4628	S69-05607			Nguyễn Trung Trức	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05773/07S69
4629	S69-05608			Nguyễn Văn Năng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05774/07S69
4630	S69-05609	CM-06668		Nguyễn Văn Lợi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00446/10S69
4631	S69-05610			Ngô Thành An	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05776/07S69
4632	S69-05611			Đỗ Thành Trung	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05777/07S69
4633	S69-05612	CM-06687		Hứa Minh Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/11/2008	26/10/2009	08343/08S69
4634	S69-05613			Phạm Tấn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05779/07S69
4635	S69-05614			Nguyễn Thị Xuân	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05780/07S69
4636	S69-05615			Trương Văn Tiền	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05781/07S69
4637	S69-05616			Nguyễn Hữu Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05782/07S69
4638	S69-05617			Lê Hoài Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05783/07S69
4639	S69-05618			Nguyễn Chí Tràng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05784/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4640	S69-05619			Nguyễn Hữu Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2007	24/11/2008	05785/07S69
4641	S69-05620	CM-06616		Nguyễn Bằng Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11105/08S69
4642	S69-05621			Võ Văn Ngộ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2009	24/11/2010	06726/09S69
4643	S69-05622			Phùng Nhất Tính	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05788/07S69
4644	S69-05623			Lê Minh Cảnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05789/07S69
4645	S69-05624			Lê Thành Quảng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05790/07S69
4646	S69-05625			Dư Văn Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05791/07S69
4647	S69-05630			Mai Vũ Linh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	27/11/2007	27/11/2008	05746/07S69
4648	S69-05631			Trần Hoàng An	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	27/11/2007	27/11/2008	05850/07S69
4649	S69-05632			Lê Hoàng Nam	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05946/07S69
4650	S69-05633			Nguyễn Văn Anh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05947/07S69
4651	S69-05634	CM-06427		Lê Chí Linh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	05481/09S69
4652	S69-05635			Lê Minh Thiện	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05949/07S69
4653	S69-05636	CM-06435		Tăng Văn Chót	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05156/09S69
4654	S69-05637			Phạm út Mười	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05951/07S69
4655	S69-05638			Phạm út Mười	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05952/07S69
4656	S69-05639			Phạm Chí Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05953/07S69
4657	S69-05640			Nguyễn Văn Đa	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05954/07S69
4658	S69-05641	CM-06433		Nguyễn Văn Chiêu	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05999/09S69
4659	S69-05642			Trương Công Cuộc	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05956/07S69
4660	S69-05643			Hồng Quang Kìa	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05957/07S69
4661	S69-05644			Nguyễn Công Khanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05958/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4662	S69-05645			Nguyễn Văn Trung	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05959/07S69
4663	S69-05646	CM- 06502		Trương Quang Thiện	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06364/13S69
4664	S69-05648			Lâm Phương Thành	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05962/07S69
4665	S69-05649	CM-06611		Bao Quốc Trường	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02334/14S69
4666	S69-05650	CM-06539		Lê Hoàng Thám	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08333/08S69
4667	S69-05651			Lê Minh Đở	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05965/07S69
4668	S69-05652			Nguyễn Thanh Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06334/07S69
4669	S69-05653	CM-06601		Nguyễn Văn Quyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	03/02/2009	03/02/2010	00471/09S69
4670	S69-05654			Đặng Hoàng Hưởng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05968/07S69
4671	S69-05655			Đặng Ngân Điện	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05969/07S69
4672	S69-05656			Lưu Văn Song	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05970/07S69
4673	S69-05657			Nguyễn Trọng Đế	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05971/07S69
4674	S69-05658			Huỳnh Đức Sử	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05972/07S69
4675	S69-05659			Đặng Hoàng Minh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05973/07S69
4676	S69-05660			Nguyễn Hải Quân	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02339/10S69
4677	S69-05661			Lê Văn Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05975/07S69
4678	S69-05662			Chung Bá Vạn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05976/07S69
4679	S69-05663	CM-06540		Lê Văn Ni	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05158/09S69
4680	S69-05664			Nguyễn Văn Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05978/07S69
4681	S69-05665			Tổng Văn Lớn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05979/07S69
4682	S69-05666	CM-06620		Tổng Văn Thạnh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00474/14S69
4683	S69-05667			Nguyễn Thanh Long	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05981/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4684	S69-05668			Nguyễn Hiền Ngoan	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05982/07S69
4685	S69-05669			Trần Quốc Văn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05983/07S69
4686	S69-05670	CM-06619		Trần Minh Thuyền	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2011	04/01/2012	00065/11S69
4687	S69-05671	CM-06577		Trần Minh Huấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05263/13S69
4688	S69-05672			Đỗ Văn Báo	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05986/07S69
4689	S69-05673	CM-03064		Đỗ Minh Thuận	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06562/08S69
4690	S69-05674			Nguyễn Văn Tươi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05988/07S69
4691	S69-05676			Phan Văn Nghĩa	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2008	26/12/2009	10444/08S69
4692	S69-05678			Đỗ Quang Thọ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05990/07S69
4693	S69-05679			Nguyễn Văn Ngoan	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05991/07S69
4694	S69-05681			Lý Việt Nhỏ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	27/11/2007	24/11/2008	05993/07S69
4695	S69-05682			Cao Văn Năm	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05994/07S69
4696	S69-05683			Cao Văn Song	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05995/07S69
4697	S69-05684	CM-06569		Nguyễn Xuân Vĩ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2012	13/08/2013	04402/12S69
4698	S69-05686			Châu Thanh Phương	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05998/07S69
4699	S69-05687	CM-06477		Châu Trọng Nguyễn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09617/08S69
4700	S69-05689			Nguyễn Hoàng Vũ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06001/07S69
4701	S69-05690			Nguyễn Hoàng Lộc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06002/07S69
4702	S69-05691			Lâm Văn Tấn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06003/07S69
4703	S69-05692	CM-06461		Lê Văn Chiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09620/08S69
4704	S69-05693			Huỳnh Thành Nông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06005/07S69
4705	S69-05694	CM-06462		Võ Thuận Trường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	06462/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4706	S69-05695	CM-06587		Trần Hoàng Em	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05333/10S69
4707	S69-05696	CM-06623		Trần Minh Sơn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/08/2008	20/08/2009	06136/08S69
4708	S69-05697	CM-06460		Nguyễn Hoàng Hây	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09625/08S69
4709	S69-05698			Võ Văn Trường	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06010/07S69
4710	S69-05699			Phạm Thanh Lờ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06011/07S69
4711	S69-05700			Phan Thượng Thơ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06012/07S69
4712	S69-05702	CM-06571		Phạm Hoàng Diệu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00447/10S69
4713	S69-05704			Nguyễn Viết Thanh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06016/07S69
4714	S69-05705			Trương Văn Đạt	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06017/07S69
4715	S69-05707			Nguyễn Văn Nhuận	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06019/07S69
4716	S69-05708			Lý Văn Sil	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06020/07S69
4717	S69-05709	CM-		Ngô Phước Đức	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11082/08S69
4718	S69-05711			Liêu Đức Bình	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06023/07S69
4719	S69-05712	CM-06558		Trần Trường Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02248/14S69
4720	S69-05714			Nguyễn út Nhỏ	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06026/07S69
4721	S69-05715			Nguyễn Văn Xuyên	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06027/07S69
4722	S69-05716			Nguyễn Tuấn Linh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06028/07S69
4723	S69-05717			Quách Văn Bình	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06029/07S69
4724	S69-05718			Huỳnh Hưng Duyệt	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06030/07S69
4725	S69-05719			Tạ Văn Dũng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06031/07S69
4726	S69-05720			Hà Ô Minh Don	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06032/07S69
4727	S69-05721			Lý Văn Lợi	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06033/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4728	S69-05723	CM-06534		Lê Văn Năm	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01155/13S69
4729	S69-05725	CM-066260		Trần Ngọc Hồ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/01/2012	09/01/2013	00099/12S69
4730	S69-05726	CM-06400		Trịnh Hoà Bình	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05410/13S69
4731	S69-05727			Tạ Thanh Hùng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06039/07S69
4732	S69-05729	CM-06492		Nguyễn Văn Dành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02244/09S69
4733	S69-05730			Nguyễn Kiến Tạo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06042/07S69
4734	S69-05731	CM-06478		Phạm Văn Xinh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09613/08S69
4735	S69-05732			Tạ Thanh Dũng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06044/07S69
4736	S69-05733	CM-02167		Nguyễn Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/08/2014	11/08/2015	02160/14S69
4737	S69-05734			Nguyễn Văn Liêm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06046/07S69
4738	S69-05735			Trần Văn My	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06047/07S69
4739	S69-05736	CM-06543		Huỳnh Thanh Tâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2012	03/07/2013	03556/12S69
4740	S69-05737			Phạm Văn Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06049/07S69
4741	S69-05738			Võ Văn Khanh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06050/07S69
4742	S69-05739			Lưu Minh Sang	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06051/07S69
4743	S69-05740			Nguyễn Thanh Lam	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06054/07S69
4744	S69-05741	CM-06464		Phạm Minh Nghĩa	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09622/08S69
4745	S69-05742			Lê Quốc Khải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06056/07S69
4746	S69-05743			Bùi Hoàng Toàn	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06057/07S69
4747	S69-05744	CM-06535		Nguyễn Văn Thơ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06356/13S69
4748	S69-05746			Trần Văn Hoà	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06060/07S69
4749	S69-05747		Trường Giang	Nghị Thanh Phong	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06061/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4750	S69-05748			Nguyễn Văn Huỳnh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06062/07S69
4751	S69-05749			Ngô Văn Thay	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06063/07S69
4752	S69-05750		Thuý Quỳnh	Tạ Nam Triều	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05271/13S69
4753	S69-05751			Phạm Văn Cuộc	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06065/07S69
4754	S69-05752			Phan Quốc Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06606/07S69
4755	S69-05753			Nguyễn Quốc khởi	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06067/07S69
4756	S69-05755			Phương Văn Chiến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06069/07S69
4757	S69-05756			Nguyễn Thị Hoa	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06070/07S69
4758	S69-05757			Nguyễn Văn Thắng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06071/07S69
4759	S69-05758			Đặng Văn Mừng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06072/07S69
4760	S69-05759	CM-06553		Nguyễn Văn Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	14/04/2012	01218/11S69
4761	S69-05760	CM-06476		Nguyễn Hoàng Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09624/08S69
4762	S69-05761			Nguyễn Thanh Hồng	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06075/07S69
4763	S69-05762	CM-06514		Trần Văn Tiến	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/11/2011	09/11/2012	04141/11S69
4764	S69-05763	CM-01839		Đỗ Tấn Việt	ấp 7, Trí Phải, Huyện Thới Bình	02/02/2010	02/02/2011	00668/10S69
4765	S69-05764	CM-02926		Nguyễn Thanh Xiểu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2012	10/05/2013	02047/12S69
4766	S69-05766			Lê Văn Đây	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	29/11/2007	29/11/2008	05863/07S69
4767	S69-05767			Trần Văn Ân	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05571/07S69
4768	S69-05769			Ngô Hoàng Khanh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06078/07S69
4769	S69-05770			Lê Hoàng Dư	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06079/07S69
4770	S69-05771	CM-06515		Huỳnh Kim Định	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09616/08S69
4771	S69-05772			Phạm Văn Dũng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06081/07S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
4772	S69-05773			Nguyễn Vi Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06082/07S69
4773	S69-05774			Nguyễn Vi Thanh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06083/07S69
4774	S69-05775	CM-06459		Ngô Quốc Tới	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04205/13S69
4775	S69-05776			Nguyễn Văn íA	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06085/07S69
4776	S69-05777			Huỳnh Văn Sử	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06086/07S69
4777	S69-05778			Lê Tú Hải	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06087/07S69
4778	S69-05779	CM-06606		Nguyễn Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/12/2009	09/12/2010	06947/09S69
4779	S69-05780			Huỳnh Văn Thuận	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06089/07S69
4780	S69-05781			Thái Văn Trắng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06090/07S69
4781	S69-05782			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06091/07S69
4782	S69-05783			Huỳnh Văn Thêm	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06092/07S69
4783	S69-05784	CM-06444		Châu Chí Tâm	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05998/09S69
4784	S69-05785			Cao Thanh Tùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06094/07S69
4785	S69-05786	CM-06575		Lê Văn Thái	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11102/08S69
4786	S69-05787			Tống Minh Tiến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06096/07S69
4787	S69-05788			Nguyễn Văn Chiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06097/07S69
4788	S69-05790			Lê Văn Thành	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06099/07S69
4789	S69-05791			Nguyễn Minh Đàm	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06100/07S69
4790	S69-05792	CM-06468		Nguyễn Thanh Phộ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02644/10S69
4791	S69-05793			Lâm Thanh Hiền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06102/07S69
4792	S69-05794	CM-06650		Nguyễn Minh Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11104/08S69
4793	S69-05795			Võ Xuân Nhật	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06104/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4794	S69-05796	CM-06628		Lê Ngọc Quang	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	03/04/2009	03/04/2010	02298/09S69
4795	S69-05797			Nguyễn Thanh Bình	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06106/07S69
4796	S69-05798			Nguyễn Văn Luật	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06107/07S69
4797	S69-05799			Lâm Quốc Trí	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06108/07S69
4798	S69-05800			Trần Văn Đệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06109/07S69
4799	S69-05801	CM-06548		Nguyễn Thanh Giang	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08338/08S69
4800	S69-05802	CM-06426		Huỳnh Văn Giàu	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05569/13S69
4801	S69-05804	CM-06495		Nguyễn Văn Đường	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/07/2010	26/07/2011	03860/10S69
4802	S69-05805	CM-06486		Nguyễn Văn Cường	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/06/2011	19/06/2012	02091/11S69
4803	S69-05806	CM-06491		Ấu Văn Công	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09628/08S69
4804	S69-05807	CM-06494		Phạm Văn Hà	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2011	25/10/2012	03857/11S69
4805	S69-05808	CM-06483		Cao Văn Bằng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05307/10S69
4806	S69-05809			Ngô Duy Quyện	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06118/07S69
4807	S69-05810	CM-06520		Lê Văn Lượng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01041/09S69
4808	S69-05811			Đặng Thanh Tuấn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06120/07S69
4809	S69-05812			Quách Hoài Hận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06121/07S69
4810	S69-05813	CM-06465		Tạ Chí Nguyên	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05317/13S69
4811	S69-05815	CM-06455		Nguyễn Văn Hiền	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	11/02/2009	11/02/2010	00516/09S69
4812	S69-05816			Võ Quốc Thắng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06125/07S69
4813	S69-05817	CM-06456		Nguyễn Văn Hiền	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	11/02/2009	11/02/2010	00515/09S69
4814	S69-05818			Ngô Văn Nghĩa	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06127/07S69
4815	S69-05820			Trần Quốc Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06129/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4816	S69-05822			Đỗ Văn Chiến	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06131/07S69
4817	S69-05823			Lê Văn Huyện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06132/07S69
4818	S69-05824			Huỳnh Quốc Khải	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06133/07S69
4819	S69-05825			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06134/07S69
4820	S69-05826	CM-06586		Cao Văn Khởi	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	30/10/2014	30/10/2015	02850/14S69
4821	S69-05827			Nguyễn Minh Dương	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06136/07S69
4822	S69-05828	CM-06556		Nguyễn Thị Đông	Xã Tân ÂnTây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09618/12S69
4823	S69-05829			Lâm Văn Tia	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06138/07S69
4824	S69-05830			Trương Văn Ten	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06139/07S69
4825	S69-05831			Nguyễn Chí Nguyên	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06140/07S69
4826	S69-05832	CM-06389		Nguyễn Bình Minh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05568/13S69
4827	S69-05833	CM-06479		Phan Thị Minh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09626/08S69
4828	S69-05834	CM-06196		Phạm Minh Triều	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	02/08/2013	02/08/2014	03751/13S69
4829	S69-05835			Lâm Việt Triều	ấp Tân Thành, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	30/11/2007	30/11/2008	05869/07S69
4830	S69-05836	CM-01698	Ghe	Huỳnh Bình Tổ	ấp 5, Xã tân thành, Thành phố Cà Mau	09/04/2009	09/04/2010	02390/09S69
4831	S69-05837	CM-06202		Trương Minh Văn	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	26/01/2011	26/01/2012	00379/11S69
4832	S69-05838	CM-02989		Trần Mỹ Hạnh	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	30/11/2007	30/11/2008	05873/07S69
4833	S69-05842	CM-06297		Huỳnh Việt Thù	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00535/09S69
4834	S69-05847			Trần Văn Cảnh	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	07/12/2007	07/12/2008	06148/07S69
4835	S69-05848			Nguyễn Thị Thu	K10, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06152/07S69
4836	S69-05849			Võ Văn Tạng	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06153/07S69
4837	S69-05850			Trần Hồng Lạc	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06154/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4838	S69-05851			Trần Hồng Lạc	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06155/07S69
4839	S69-05852	CM:15380		Dư Thị Chinh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	21/02/2012	21/02/2013	00566/12S69
4840	S69-05853			Nguyễn Thanh Hoàng	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06157/07S69
4841	S69-05854			Nguyễn Thị Thu	K10, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06158/07S69
4842	S69-05855			Trần Hồng Lạc	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06159/07S69
4843	S69-05856			Nguyễn Thanh Hoàng	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06160/07S69
4844	S69-05858			Trần Hồng Lạc	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06162/07S69
4845	S69-05859			Trần Văn Phường	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06163/07S69
4846	S69-05860			Lê Thanh Khiết	K9, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06164/07S69
4847	S69-05861			Nguyễn Văn Mầu	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06165/07S69
4848	S69-05862			Nguyễn Văn Be	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06166/07S69
4849	S69-05863			Đặng Minh Tuấn	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06167/07S69
4850	S69-05864	CM-01948		Mai Thanh Tú	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06168/07S69
4851	S69-05865			Đặng Văn Minh	Khóm 6, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06169/07S69
4852	S69-05866			Lê Phương Bằng	Khóm 3, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06170/07S69
4853	S69-05867	CM-		Huỳnh Văn Toán	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06171/07S69
4854	S69-05868	CM-		Phan Văn Võ	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06172/07S69
4855	S69-05869			Trương Hoàng Nhứt	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06173/07S69
4856	S69-05870	CM-		Trần Văn Trấn	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2007	06174/07S69
4857	S69-05871	CM-17704		Đặng Việt Hoàng	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2012	09/10/2013	05346/12S69
4858	S69-05872			Phạm Hoàng Khanh	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10802/08S69
4859	S69-05873			Lê Văn Ven	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06177/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4860	S69-05874			Nguyễn Văn Tới	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06178/07S69
4861	S69-05875			Nguyễn Văn Mười	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06179/07S69
4862	S69-05876			Nguyễn Văn Trí	Tổ 8, K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06180/07S69
4863	S69-05877	CM-00742		Trang Thanh Tùng	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10834/08S69
4864	S69-05878	CM-10000		Tiêu Định Quốc	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2014	16/03/2015	00702/14S69
4865	S69-05879	CM-		Nguyễn Văn Quang	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06183/07S69
4866	S69-05881	CM-10005		Võ Văn Trắng	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10840/08S69
4867	S69-05882	CM-		Huỳnh Văn Đẩu	K4, Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06186/07S69
4868	S69-05883	CM-		Nguyễn Thúc Kháng	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06187/07S69
4869	S69-05884	CM-00004		Phan Văn Giang	khóm 10 TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05987/10S69
4870	S69-05885	CM-16100		Hồ Văn Trục	KV1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05993/10S69
4871	S69-05886			Hồ Văn Trường	K1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05994/10S69
4872	S69-05887			Huỳnh Văn Ngõi	Tổ 6, K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06191/07S69
4873	S69-05888			Quách Văn Hùng	K2, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06192/07S69
4874	S69-05889	CM-01082		Phạm Thị Bích Oanh	K3, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10838/08S69
4875	S69-05890			Hồ Chí Khánh	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10800/08S69
4876	S69-05891	CM-00750		Tiêu Định Quốc	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07114/09S69
4877	S69-05892	CM-06906		Nguyễn Văn Tám	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06009/10S69
4878	S69-05893	CM-90346		Lâm Thanh Tùng	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/03/2015	00647/14S69
4879	S69-05894	CM-21375		Nguyễn Văn Thương	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2014	10/07/2015	01849/14S69
4880	S69-05895	CM-10001		Lê Hữu Tuấn	KV2, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2012	10/05/2013	02044/12S69
4881	S69-05896	CM-21373		Trần Văn Xil	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06011/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4882	S69-05897			Son Tùng	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10813/08S69
4883	S69-05898			Phạm Văn Thành	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10810/08S69
4884	S69-05899	CM-10003		Phạm Thanh Phong	K2, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10832/08S69
4885	S69-05900	CM-		Đỗ Trung Hoà	Khóm5 TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	17/12/2009	12/12/2010	07081/09S69
4886	S69-05901	CM-16072		Phan Văn Vũ	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03057/13S69
4887	S69-05902			Huỳnh Hữu Dũng	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06206/07S69
4888	S69-05903			Bùi Thanh Phong	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	01/12/2007	01/12/2008	06207/07S69
4889	S69-05904			Nguyễn Văn Hồng	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06208/07S69
4890	S69-05905	CM-03418		Đặng Văn Hận	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07109/09S69
4891	S69-05906			Lê Văn út	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10814/08S69
4892	S69-05907			Nguyễn Văn Tuấn	tổ 12, K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06211/07S69
4893	S69-05908	CM-		Nguyễn Thanh Phong	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06212/07S69
4894	S69-05909	CM-03414		Nguyễn Văn Nghiêm	Khóm 7, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10846/08S69
4895	S69-05912			Lê Hoàng Nam	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10815/08S69
4896	S69-05913			Lê Văn Phước	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06216/07S69
4897	S69-05914			Huỳnh Văn Hải	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06217/07S69
4898	S69-05915	CM-04019		Lê Thanh Túc	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06147/13S69
4899	S69-05916			Lữ Văn Chía	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06219/07S69
4900	S69-05917	CM-07137		Nguyễn Văn Beo	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10844/08S69
4901	S69-05918	CM-03413		Nguyễn Văn Tới	Khóm 7, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10860/08S69
4902	S69-05919			Lê Văn Ngoan	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06222/07S69
4903	S69-05920			Nguyễn Chí Nguyễn	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10867/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4904	S69-05921			Tiêu Hoàng Tâm	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06224/07S69
4905	S69-05922	CM-	Đò	Lê Văn Để	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06227/07S69
4906	S69-05923	CM-	Đò	Liêu Thanh Vũ	K1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06228/07S69
4907	S69-05924			Phan Văn út Em	K1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06229/07S69
4908	S69-05925	CM-		Nguyễn Văn Khởi	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06230/07S69
4909	S69-05926	CM-02685		Nguyễn Văn Đạm	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10780/08S69
4910	S69-05927	CM-05927		Trịnh Công út	KV 1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06010/10S69
4911	S69-05928	CM-90356		Nguyễn Anh Tuấn	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	11/05/2013	10/05/2014	02520/13S69
4912	S69-05929	CM-21376		Trương Văn Kiều	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06039/10S69
4913	S69-05930			Ngô Thanh Hào	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06236/07S69
4914	S69-05931	CM-16107		Hồ Thanh Hùng	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05980/10S69
4915	S69-05932	CM-		Trương Văn Khanh	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06238/07S69
4916	S69-05933			Huỳnh Ngọc Duy	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06239/07S69
4917	S69-05934			Nguyễn Văn Luận	Kinh Thầy Tư, K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10806/08S69
4918	S69-05935	CM-00704		Nguyễn Minh Dương	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06241/07S69
4919	S69-05936		Đò	Phạm Văn Nhanh	tổ 1, K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10808/08S69
4920	S69-05937		Đò	Nguyễn Trung Việt	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06244/07S69
4921	S69-05938		Đò	Tổng Minh Hón	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10818/08S69
4922	S69-05939		Đò	Huỳnh Minh Đương	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06246/07S69
4923	S69-05940	CM-03449		Huỳnh Thị Phấn	Khóm 5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06020/10S69
4924	S69-05941			Nguyễn Thanh Thế	tổ 6, K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10816/08S69
4925	S69-05942		Đò	Trần Thanh Hải	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	62649/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4926	S69-05943			Trần Văn Hận	tổ 12, K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07087/09S69
4927	S69-05944	CM-	Đò	Phạm Hoài Thanh	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06251/07S69
4928	S69-05945	CM-21381	Đò dọc	Nguyễn Thanh Tùng	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/10/2013	05249/12S69
4929	S69-05946	CM-03593		Phạm Văn Minh	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10843/08S69
4930	S69-05947	CM-16080		Lăng Văn Thành	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/06/2011	06028/10S69
4931	S69-05948	CM-	Đò	Trần Văn Ân	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2007	01/12/2008	06255/07S69
4932	S69-05949	CM-06888		Nguyễn Văn Tú	K I, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	24/08/2010	24/08/2011	04452/10S69
4933	S69-05950	CM-16079	Đò	Nguyễn Văn Đảo	KV6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07119/09S69
4934	S69-05951	CM-02597		Sơn My	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10793/08S69
4935	S69-05952			Dương Phương Tuấn	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10863/08S69
4936	S69-05953		Đò	Nguyễn Văn Oanh	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06260/07S69
4937	S69-05954			Nguyễn Thành Lý	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06261/07S69
4938	S69-05955	CM-	Đò dọc	Nguyễn Văn Lập	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2007	01/12/2008	06262/07S69
4939	S69-05957	CM-16070	Đò	Trương Minh Khánh	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/10/2013	05250/12S69
4940	S69-05958			Lê Bá Tước	ấp Đất Biền, Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06265/07S69
4941	S69-05959	CM-00879	Đò	Lê Hoàng Đệ	K7, Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07144/09S69
4942	S69-05960	CM- 06908	Đò	Quách Văn Đức	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10791/08S69
4943	S69-05961	CM-		Dương Văn Vinh	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06268/07S69
4944	S69-05962		Đò	Nguyễn Văn Ngộ	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06269/07S69
4945	S69-05963	CM-03203		Trương Văn Vĩnh	khóm 5, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06132/10S69
4946	S69-05964			Hồ Quốc Phăng	ấp 2, Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	04/12/2007	04/12/2008	05884/07S69
4947	S69-05968	CM-06380		Dương An Xuyên	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2010	16/04/2011	02075/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4948	S69-05969	CM-06330		Huỳnh Thị Tươi	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	28/04/2009	28/04/2010	02657/09S69
4949	S69-05970		Đồ đạc	Nguyễn Văn Thơ	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06243/07S69
4950	S69-05972			Huỳnh Hoàng Giang	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06273/07S69
4951	S69-05973			Nguyễn Thanh Phong	Khóm 9, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06274/07S69
4952	S69-05974	CM-06893		Nguyễn Lý Sanh	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05997/10S69
4953	S69-05975			Nguyễn Văn Chính	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06276/07S69
4954	S69-05976	CM-06892		Quách Văn Đảnh	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06003/10S69
4955	S69-05978	CM - 06930		Trương Văn Cảnh	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07133/09S69
4956	S69-05979			Ngô Dũng Nam	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06044/10S69
4957	S69-05980			Nguyễn Văn Thắng	Khóm 9, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	05980/07S69
4958	S69-05981	CM-06931		Lê Anh Nga	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05996/10S69
4959	S69-05982	CM-06881		Lê Văn Cón	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06283/07S69
4960	S69-05983			Trịnh Tuấn Anh	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06284/07S69
4961	S69-05984	CM-06880		Trần Văn Trọng	Khóm I, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07096/09S69
4962	S69-05986			Nguyễn Văn Toàn	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06287/07S69
4963	S69-05987	CM-06878		Nguyễn Thanh Bay	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00082/14S69
4964	S69-05988	CM-06870		Nguyễn Văn Tuấn	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/08/2010	16/08/2011	04320/10S69
4965	S69-05989			Nguyễn Văn Hải	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06290/07S69
4966	S69-05990	CM-06875		Dương Thành Tuấn	Khóm 5, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06127/10S69
4967	S69-05991	CM-06864		Quách Văn Hùng	K2, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05999/10S69
4968	S69-05992			Nguyễn Chí Nguyên	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06293/07S69
4969	S69-05993			Huỳnh Văn Tuấn	K6, TTSông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06294/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4970	S69-05995			Nguyễn Văn Phụng	Khóm 9, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06296/07S69
4971	S69-05996	CM-06869		Nguyễn Văn Như	K5 ,TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10845/08S69
4972	S69-05998	CM-06897		Mai Văn Kịch	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10839/08S69
4973	S69-05999			Vưu Văn Há	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06300/07S69
4974	S69-06000			Vưu Văn Há	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06301/07S69
4975	S69-06001	CM-06887		Nguyễn Hoàng Phương	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10774/08S69
4976	S69-06002	CM-06928		Nguyễn Văn Trót	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/03/2012	05/03/2013	00754/12S69
4977	S69-06003	CM-06891		Huỳnh Văn Phước	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/03/2012	05/03/2013	00755/12S69
4978	S69-06005			Thái Thanh	Khóm 6, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06306/07S69
4979	S69-06007	CM-06877		Vũ Hoàng Minh	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	30/07/2014	30/07/2015	02087/14S69
4980	S69-06008	CM-06873		Lữ Thanh Vũ	Khóm 7, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/08/2013	27/08/2014	04047/13S69
4981	S69-06010			Trần Hồng Tiến	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06310/07S69
4982	S69-06011			Trần Văn Vinh	ấp Liên Hòa,Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06311/07S69
4983	S69-06012	CM-	Vỏ hàng	Nguyễn Chí Dũng	Mỹ Bình, Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06312/07S69
4984	S69-06013	CM-16106		Võ Tuấn Kiệt	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06002/10S69
4985	S69-06014	CM-		Võ Văn Đông	ấp Kinh Hăng A, Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06314/07S69
4986	S69-06015	CM-16061		Trần Thanh Vũ	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06000/10S69
4987	S69-06017	CM-03208		Đặng Thị Vân	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06133/10S69
4988	S69-06018	CM-		Lê Văn Chính	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06318/07S69
4989	S69-06019	CM-01492		Dương Việt Sử	ấp Vàm Xáng, Xã phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06319/07S69
4990	S69-06020	CM-21377		Phạm Văn Thống	K1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00980/12S69
4991	S69-06021	CM-01336	Ngọc Mơ	Dương Văn Dũng	ấp Tân Thuận Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03663/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
4992	S69-06022	CM-01502		Nguyễn Văn Thống	Tân phong, xã phong lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03659/11S69
4993	S69-06023	CM-		Nguyễn Văn Có	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10820/08S69
4994	S69-06024	CM-01339	Minh Đang	Lê Minh Đang	ấp Rẫy Mới Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06324/07S69
4995	S69-06025	CM-01337	Hoàng khắp	Tăng Hoàng Khấp	ấp Vàm Xáng Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06070/13S69
4996	S69-06026			Nguyễn Thanh Diệu	ấp Thọ Mai, Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	02/12/2007	02/12/2008	06326/07S69
4997	S69-06027			Nguyễn Thanh Toàn	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/07/2008	16/07/2009	05582/08S69
4998	S69-06028	CM-		Mai Văn Tuấn	K3, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06328/07S69
4999	S69-06029	CM-		Nguyễn Hoàng Dũng	ấp Công Nghiệp A, Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06329/07S69
5000	S69-06030	CM-		Nguyễn Văn Hóa	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06330/07S69
5001	S69-06031			Nguyễn Văn Tấn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06335/07S69
5002	S69-06032			Nguyễn Văn Trường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06336/07S69
5003	S69-06033			Trần Văn Phong	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06337/07S69
5004	S69-06034			Phan Văn Trể	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06338/07S69
5005	S69-06035			Võ Văn Tùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06339/07S69
5006	S69-06036			Phạm Văn Kết	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06340/07S69
5007	S69-06037			Nguyễn Văn Nhớ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06341/07S69
5008	S69-06038			Phan út Chính	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06342/07S69
5009	S69-06039			Nguyễn Bé Tý	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06343/07S69
5010	S69-06040			Trịnh Văn Lâm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06344/07S69
5011	S69-06041			Lý Văn Hồ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06345/07S69
5012	S69-06042			Lý Văn Búa	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06346/07S69
5013	S69-06043			Bùi Minh Thành	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06347/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5014	S69-06044			Nguyễn Văn Hiếu	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06348/07S69
5015	S69-06045			Nguyễn Văn Khởi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06349/07S69
5016	S69-06046			Phan Văn Rớt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06350/07S69
5017	S69-06047	CM-07052		Nguyễn Chí Nguyên	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02646/09S69
5018	S69-06048	CM-07103		Nguyễn Văn Tăng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2010	11/01/2011	00137/10S69
5019	S69-06049			Nguyễn Văn Lý	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06353/07S69
5020	S69-06050			Ngô Quốc Khánh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06354/07S69
5021	S69-06051			Văn Văn Hối	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06355/07S69
5022	S69-06052			Trịnh Văn Quốc	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06356/07S69
5023	S69-06053	CM-07025		Võ Thanh Tân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06090/13S69
5024	S69-06054			Lê Trung Tính	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06358/07S69
5025	S69-06055			Nguyễn Mười Hai	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06359/07S69
5026	S69-06056			Nguyễn Văn Trường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06360/07S69
5027	S69-06057			Phan Văn Giới	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06361/07S69
5028	S69-06058			Dương Văn Dệ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06362/07S69
5029	S69-06059			Huỳnh Văn Hai	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06363/07S69
5030	S69-06060			Phan Văn Hiếu	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06364/07S69
5031	S69-06061			Lê Văn Chấn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06365/07S69
5032	S69-06062			Nguyễn Văn Đáng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06366/07S69
5033	S69-06063			Lê Hoàng Hậu	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06367/07S69
5034	S69-06064			Tăng Văn út	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06368/07S69
5035	S69-06065			Hồ Văn Đại	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06369/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5036	S69-06066			Tăng Minh Dương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06370/07S69
5037	S69-06067			Nguyễn Văn Phụ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06371/07S69
5038	S69-06068			Trần Văn Có	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06372/07S69
5039	S69-06069			Nguyễn ánh Loan	K6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	06/12/2007	06/12/2008	05895/07S69
5040	S69-06070	CM-07046		Lê Hoàng Nhan	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05971/10S69
5041	S69-06071			Huỳnh Thanh Long	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06374/07S69
5042	S69-06072	CM-07065		Nguyễn Thanh Nhờ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06100/13S69
5043	S69-06073			Võ Hoàng Thám	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06376/07S69
5044	S69-06074			Nguyễn Văn Khoa	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06377/07S69
5045	S69-06075			Hà Văn Nhựt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06378/07S69
5046	S69-06076			Nguyễn Việt Khải	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06379/07S69
5047	S69-06077			Trần Văn Tiến	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06380/07S69
5048	S69-06078			Tăng Văn Dẫn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06408/07S69
5049	S69-06079			Tăng Văn Mắm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06409/07S69
5050	S69-06080			Nguyễn Hoàng Hảnh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06410/07S69
5051	S69-06081			Châu Văn Phi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06411/07S69
5052	S69-06082			Nguyễn Trung Tính	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06412/07S69
5053	S69-06083			Đào Văn Hội	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06413/07S69
5054	S69-06084			Nguyễn Thanh Tùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06414/07S69
5055	S69-06085			Huỳnh Văn Danh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06415/07S69
5056	S69-06086	CM-07086		Bùi Văn Hiệp	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05972/10S69
5057	S69-06087			Nguyễn Hồng Minh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06417/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5058	S69-06088			Dương Văn Lý	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06418/07S69
5059	S69-06089			Trần Văn Ngà	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06419/07S69
5060	S69-06090			Nguyễn Văn Lợi	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06420/07S69
5061	S69-06091			Võ Trường Giang	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06421/07S69
5062	S69-06092			Huỳnh Văn Mạnh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06422/07S69
5063	S69-06093			Phan Văn Công	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06423/07S69
5064	S69-06094			Đinh Văn Xuân	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06424/07S69
5065	S69-06095			Huỳnh Văn Thắng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06425/07S69
5066	S69-06096			Nguyễn Văn Chiến	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06426/07S69
5067	S69-06097			Nguyễn Văn Kiệt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06427/07S69
5068	S69-06098			Đỗ Minh Tuấn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06428/07S69
5069	S69-06099	CM-07047		Nguyễn Hữu Công	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2008	11/12/2009	09794/08S69
5070	S69-06100			Trần Văn Khánh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06430/07S69
5071	S69-06101			Đinh Hoàng Phong	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06431/07S69
5072	S69-06102			Ngô Văn Khởi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06432/07S69
5073	S69-06103			Nguyễn Văn Bồi	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06433/07S69
5074	S69-06104			Trần Thiện Chí	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06434/07S69
5075	S69-06105			Phạm Văn Tốt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06435/07S69
5076	S69-06106			Trương Văn Hận	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06436/07S69
5077	S69-06107			Lê Văn Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06437/07S69
5078	S69-06108	CM-07028		Nguyễn Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10772/08S69
5079	S69-06109			Phạm Hoàng Nam	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06439/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5080	S69-06110			Trần Chí Nguyên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06440/07S69
5081	S69-06111			Nguyễn Hữu út	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06441/07S69
5082	S69-06112			Phạm Văn Tươi	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06442/07S69
5083	S69-06113			Trương Thanh Tùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06443/07S69
5084	S69-06114			Nguyễn Thanh Khương	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06444/07S69
5085	S69-06115			Văn Văn Kiểm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06445/07S69
5086	S69-06116			Võ Văn Thế	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06446/07S69
5087	S69-06117			Lê Chí Thế	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06447/07S69
5088	S69-06118			Lê Văn Hiền	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06448/07S69
5089	S69-06119			Lê Chí Cường	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06449/07S69
5090	S69-06120			Võ Văn Sơn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06450/07S69
5091	S69-06121			Tăng Văn Lành	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06451/07S69
5092	S69-06122			Nguyễn Thành út	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06452/07S69
5093	S69-06123			Võ Thành Công	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06453/07S69
5094	S69-06125	CM-06746		Phạm Thị Yến	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04169/09S69
5095	S69-06126			Nguyễn Văn Lâm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06455/07S69
5096	S69-06128	CM-06332		Nguyễn Văn Kiệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00239/15S69
5097	S69-06130			Nguyễn Việt Văn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06456/07S69
5098	S69-06131			Nguyễn Hữu Phép	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06457/07S69
5099	S69-06132			Nguyễn Minh Quang	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06458/07S69
5100	S69-06133			Nguyễn Văn Chờ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06459/07S69
5101	S69-06134			Thạch Liêm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06460/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5102	S69-06135			Nguyễn Văn Lâm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06461/07S69
5103	S69-06136			Nguyễn Văn Chuyên	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06462/07S69
5104	S69-06137			Nguyễn Chí Hải	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06463/07S69
5105	S69-06138			Võ Văn Kiên	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06464/07S69
5106	S69-06139			Huỳnh Trung Kiên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06465/07S69
5107	S69-06140			Ngô Văn Tạo	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06466/07S69
5108	S69-06141	CM-07748		Tô Văn Vết	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02641/09S69
5109	S69-06142			Đoàn Thanh Việt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06468/07S69
5110	S69-06143			Ngô Tương Lai	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06469/07S69
5111	S69-06144			Phạm Văn Khởi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06470/07S69
5112	S69-06145			Trịnh Bình Quân	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06471/07S69
5113	S69-06146			Nguyễn Trọng Thắng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06472/07S69
5114	S69-06147			Nguyễn Thành Được	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06473/07S69
5115	S69-06148			Tăng Quốc Phong	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06474/07S69
5116	S69-06149			Lâm Văn Chánh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06475/07S69
5117	S69-06150			Nguyễn Văn Dự	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06476/07S69
5118	S69-06151			Lê Văn Tân	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06477/07S69
5119	S69-06152			Nguyễn Quốc Chung	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06478/07S69
5120	S69-06153			Trương Văn Việt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06479/07S69
5121	S69-06154	CM-07119		Trần Văn Vũ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02647/09S69
5122	S69-06155			Nguyễn Văn Xinh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06481/07S69
5123	S69-06156			Nguyễn Thị Đông	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06482/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5124	S69-06157			Vũ Xuân Tiến	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06483/07S69
5125	S69-06158	CM-07107		Trần Văn Mỹ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07118/09S69
5126	S69-06159			Huỳnh Công Khanh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06485/07S69
5127	S69-06160			Quách Văn Hó	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06486/07S69
5128	S69-06161			Nguyễn Văn Tân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06487/07S69
5129	S69-06162			Ngô Tuấn Liêm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06488/07S69
5130	S69-06163			Phan Văn Nghiệp	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06489/07S69
5131	S69-06164			Huỳnh Văn út	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06490/07S69
5132	S69-06165			Võ Văn Chiến	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06491/07S69
5133	S69-06166	CM-07049		Huỳnh Thanh Sang	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/06/2009	05/06/2010	03237/09S69
5134	S69-06167			Phan Văn Tiến	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06493/07S69
5135	S69-06168			Trần Minh Luân	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06494/07S69
5136	S69-06169			Đoàn Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06495/07S69
5137	S69-06170			Phan Quốc Nam	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06496/07S69
5138	S69-06171			Huỳnh Văn Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06497/07S69
5139	S69-06172			Lê Văn Nhạn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06498/07S69
5140	S69-06173			Phan Văn Lý	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06499/07S69
5141	S69-06174			Dương Minh Dũng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06500/07S69
5142	S69-06175			Nguyễn Trung Vinh	Tân Hoà , Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06501/07S69
5143	S69-06176			Trần Văn Hiến	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06502/07S69
5144	S69-06177			Lê Văn Giang	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06503/07S69
5145	S69-06178			Ngô Thanh Thúc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06504/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5146	S69-06179			Nguyễn Minh Dương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06505/07S69
5147	S69-06180			Trịnh Văn Ty	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06506/07S69
5148	S69-06181			Nguyễn Văn Nghị	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06507/07S69
5149	S69-06182			Trần Văn Hẫu	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06508/07S69
5150	S69-06183			Lê Tiến Công	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06075/13S69
5151	S69-06184	CM-07118		Ngô Tấn Cần	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/04/2010	02/04/2011	01907/10S69
5152	S69-06185			Võ Hoàng Nam	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06511/07S69
5153	S69-06186			Đào Huy Hoàng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06512/07S69
5154	S69-06187			Văn Minh Thống	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06513/07S69
5155	S69-06188			Lê Văn Tuấn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06514/07S69
5156	S69-06189			Lâm Văn Sơn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06515/07S69
5157	S69-06190			Trần Văn Hải	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06516/07S69
5158	S69-06191			Huỳnh Thanh Phong	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06517/07S69
5159	S69-06192			Lý Văn Hổ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06518/07S69
5160	S69-06193			Lý Văn út	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06519/07S69
5161	S69-06194			Trần Văn Năng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06520/07S69
5162	S69-06195	CM-07108		Trịnh Văn Mẫn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06091/13S69
5163	S69-06196			Nguyễn Văn Kình	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06522/07S69
5164	S69-06197			Nguyễn Việt Bắc	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06523/07S69
5165	S69-06198	CM-06899		Trương Văn Cọt	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10830/08S69
5166	S69-06199			Lý Quang Minh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06525/07S69
5167	S69-06200			Lê Văn Quân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06526/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5168	S69-06201			Lý Trung Toàn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06527/07S69
5169	S69-06202			Cao Văn Miên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06528/07S69
5170	S69-06203			Nguyễn Thanh Liêm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06529/07S69
5171	S69-06204	CM-07104		Ngô Văn Hôn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06030/10S69
5172	S69-06205	CM- 07105		Phan Văn Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06085/13S69
5173	S69-06206	CM-07110		Đồng Văn Đen	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/10/2013	05255/12S69
5174	S69-06207			Phạm Văn Quân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06533/07S69
5175	S69-06208			Cao Văn Ổn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06534/07S69
5176	S69-06209			Lâm Văn Đức	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06535/07S69
5177	S69-06210			Lâm Việt Đô	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06536/07S69
5178	S69-06211	CM-07124		Trần Văn Gát	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00104/14S69
5179	S69-06212			Nguyễn Văn Hoá	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06538/07S69
5180	S69-06213			Trần Xanh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06539/07S69
5181	S69-06214			Võ Văn Tài	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06540/07S69
5182	S69-06215	CM-07097		Trịnh Minh Dương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04248/10S69
5183	S69-06216			Cao Văn Điệp	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06542/07S69
5184	S69-06217			Trần Văn Dương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06543/07S69
5185	S69-06218			Nguyễn Văn Dũng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06544/07S69
5186	S69-06219			Trần Quốc Hội	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06545/07S69
5187	S69-06220			Trương Hoàng Há	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06546/07S69
5188	S69-06221	CM-07079		Trương Xa Mol	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02638/09S69
5189	S69-06222			Phạm Văn Đảnh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06548/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5190	S69-06223			Phan Quốc Toàn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06549/07S69
5191	S69-06224			Phẩm Thị Dân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06550/07S69
5192	S69-06225			Huỳnh Hữu Nghĩa	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06551/07S69
5193	S69-06226			Ngô Tấn Vinh	Xã phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06552/07S69
5194	S69-06227			Huỳnh Văn Nhi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06553/07S69
5195	S69-06228			Nguyễn Văn Tư	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06554/07S69
5196	S69-06229			Nguyễn Quốc Bảy	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06555/07S69
5197	S69-06230			Huỳnh Thanh Quang	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06556/07S69
5198	S69-06231			Nguyễn Văn Tân	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06557/07S69
5199	S69-06232	CM-07001		Trương Hoàng Phúc	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01399/12S69
5200	S69-06233			Trần Tấn Công	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06559/07S69
5201	S69-06234			Trương Văn Pho	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06560/07S69
5202	S69-06235			Trịnh Chí Linh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06561/07S69
5203	S69-06236			Nguyễn Văn Năm	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06562/07S69
5204	S69-06237	CM-07014		Nguyễn Văn Chổng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01400/12S69
5205	S69-06238	CM-07013		Dương Văn Đoàn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01387/12S69
5206	S69-06239	CM-06978		Ngô Kim Tùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06069/13S69
5207	S69-06240			Nguyễn Thị Giền	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06566/07S69
5208	S69-06241			Nguyễn Văn Tươi	ấp Vàm Xáng, Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06567/07S69
5209	S69-06244	CM-06331		Nguyễn Nhân	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	26/11/2010	26/11/2011	05792/10S69
5210	S69-06246			Trương Văn Muôn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06569/07S69
5211	S69-06249			Lê Văn Dể	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06397/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5212	S69-06250			Phạm Văn Sức	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06398/07S69
5213	S69-06251	CM-06362		Nguyễn Trường Giang	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2013	10/03/2014	01506/13S69
5214	S69-06252			Huỳnh Thanh Hải	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/12/2007	07/12/2008	06401/07S69
5215	S69-06253			Phạm Hoàng Thới	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	06402/07S69
5216	S69-06254			Võ Văn Trãi	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	06403/07S69
5217	S69-06255			Đặng Thanh An	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	06404/07S69
5218	S69-06257			Lý Văn Hiếu	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06570/07S69
5219	S69-06258	CM-07760		Phan Văn Thành	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06077/13S69
5220	S69-06259			Tiêu Tấn Lộc	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06572/07S69
5221	S69-06260			Ngô Văn Sơn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06573/07S69
5222	S69-06261			Nguyễn Văn Thành	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06574/07S69
5223	S69-06262			Triệu Văn Bài	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06575/07S69
5224	S69-06263	CM-07742		Tô Minh Tân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05721/13S69
5225	S69-06264			Lê Thị Kim	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06577/07S69
5226	S69-06265			Nguyễn Văn Hồng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06578/07S69
5227	S69-06266			Phạm Văn Nhạn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06579/07S69
5228	S69-06267			Trần Tấn Anh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06580/07S69
5229	S69-06268			Phùng Tấn Linh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06581/07S69
5230	S69-06269			Lữ Tân Sinh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06582/07S69
5231	S69-06270	CM-05446		Nguyễn Tuấn Đạt	K2, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	07/05/2013	07/05/2014	02431/13S69
5232	S69-06271			Nguyễn Thái Học	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06585/07S69
5233	S69-06272			Dương Văn Canh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06586/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5234	S69-06273			Nguyễn Minh Việt	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06587/07S69
5235	S69-06274			Lê Văn Việt	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06588/07S69
5236	S69-06275			Lê Văn Việt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06589/07S69
5237	S69-06276	CM-07235		Tăng Phú Vinh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06073/13S69
5238	S69-06277	CM-07184		Tăng Văn Khiêm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06089/13S69
5239	S69-06278			Phạm Văn Pha	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06592/07S69
5240	S69-06279			Hồ Quốc Hải	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06593/07S69
5241	S69-06280			Lâm Minh Tuấn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06594/07S69
5242	S69-06281			Trần Văn Cui	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06595/07S69
5243	S69-06282			Nguyễn Văn Công	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06596/07S69
5244	S69-06283			Nguyễn Văn Chại	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06597/07S69
5245	S69-06284			Phan Trường Nam	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06598/07S69
5246	S69-06285			Huỳnh Văn Nhuận	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06599/07S69
5247	S69-06286			Nguyễn Thanh Truyền	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06600/07S69
5248	S69-06287			Phạm Văn Trung	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06601/07S69
5249	S69-06288			Huỳnh Ngọc Cẩn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06602/07S69
5250	S69-06289			Nguyễn Văn Chiến	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06603/07S69
5251	S69-06290			Lương Văn Cường	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06604/07S69
5252	S69-06291			Nguyễn Hữu Lê	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06605/07S69
5253	S69-06292			Huỳnh Công Linh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06607/07S69
5254	S69-06293			Lưu Công Dưỡng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06608/07S69
5255	S69-06294			Cao Văn Viết	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06609/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5256	S69-06295	CM-07178		Lâm Vũ Phương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02634/09S69
5257	S69-06296			Trần Bình Trọng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06611/07S69
5258	S69-06297			Phẩm Văn Trung	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06612/07S69
5259	S69-06298			Phạm Quốc Việt	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06613/07S69
5260	S69-06299			Hà Minh út	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06614/07S69
5261	S69-06300			Phùng Tấn Lùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06615/07S69
5262	S69-06301	CM-07232		Nguyễn Văn Cơ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02640/09S69
5263	S69-06302			Nguyễn Văn Kính	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06617/07S69
5264	S69-06303			Văn Văn Dũng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06618/07S69
5265	S69-06304			Phạm Văn Tài	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06619/07S69
5266	S69-06305			Trần Bình Đại	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06620/07S69
5267	S69-06306	CM-07242		Nguyễn Văn Vụ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/10/2013	05251/12S69
5268	S69-06307			Trần Văn Sơn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06622/07S69
5269	S69-06308			Phạm Quốc Dũng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06623/07S69
5270	S69-06309			Trần Văn Thống	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06624/07S69
5271	S69-06310			Nguyễn Văn Hùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06625/07S69
5272	S69-06311			Lê Văn Nguyên	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06626/07S69
5273	S69-06313			Lê Văn Kết	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06628/07S69
5274	S69-06314			Phạm Tấn Mỹ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06629/07S69
5275	S69-06315			Huỳnh Văn Thường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06630/07S69
5276	S69-06317			Trịnh Phương Chính	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06631/07S69
5277	S69-06318	CM-07239		Nguyễn Thanh Nguyên	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02642/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5278	S69-06319			Nguyễn Văn Trường	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06634/07S69
5279	S69-06320			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06635/07S69
5280	S69-06321			Lâm Văn Thắng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06636/07S69
5281	S69-06322			Huỳnh Văn Oai	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06637/07S69
5282	S69-06323			Võ Văn Lối	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06638/07S69
5283	S69-06324			Trịnh Hoàng Long	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06639/07S69
5284	S69-06325			Dương Văn Ngon	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06640/07S69
5285	S69-06326			Trần Thanh Tâm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06641/07S69
5286	S69-06327			Đặng Văn Tiến	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06642/07S69
5287	S69-06328			Nguyễn Văn Chiến	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06643/07S69
5288	S69-06329			Trần Quốc Tiếp	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06644/07S69
5289	S69-06330			Dương Hùng Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06645/07S69
5290	S69-06331			Phan Văn Sơn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06646/07S69
5291	S69-06332			Nguyễn Thị Tiêm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06647/07S69
5292	S69-06333			Nguyễn Văn Dũng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06648/07S69
5293	S69-06334			Phan Văn Ky	Xã phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06649/07S69
5294	S69-06335			Nguyễn Văn Năm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06650/07S69
5295	S69-06336			Nguyễn Văn Tùng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06651/07S69
5296	S69-06337			Huỳnh Văn Cư	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06652/07S69
5297	S69-06338			Trương Văn Ngọt	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06653/07S69
5298	S69-06339			Phan Tấn Hùng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06654/07S69
5299	S69-06340			Lâm Thành Do	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06655/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5300	S69-06341			Phạm Tấn Đạt	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06656/07S69
5301	S69-06342	CM-07205		Nguyễn Văn Vịnh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06096/13S69
5302	S69-06343			Nguyễn Văn Vẹn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06658/07S69
5303	S69-06344			Lê Văn Thắng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06659/07S69
5304	S69-06345			Phan Văn Tòng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06660/07S69
5305	S69-06346			Ngô Minh Khoa	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06661/07S69
5306	S69-06347			Trần Văn Thuận	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06662/07S69
5307	S69-06348			Nguyễn Văn Giới	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06663/07S69
5308	S69-06349			Võ Thị Sương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06664/07S69
5309	S69-06350			Nguyễn Minh Hùng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06665/07S69
5310	S69-06351			Trịnh Hữu Nguyễn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06666/07S69
5311	S69-06352			Phạm Văn Tính	Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06667/07S69
5312	S69-06353			Lê Minh Bốn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06668/07S69
5313	S69-06354			Đinh Công Lập	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06669/07S69
5314	S69-06355			Nguyễn Ngọc Định	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06670/07S69
5315	S69-06356			Ngô Chí Phong	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06671/07S69
5316	S69-06357			Lê Văn Hùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06672/07S69
5317	S69-06358			Trương Minh Đấu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06673/07S69
5318	S69-06359			Dương Văn Bắc	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06674/07S69
5319	S69-06360			Phạm Văn Tròn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06675/07S69
5320	S69-06361			Nguyễn Văn út	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06676/07S69
5321	S69-06362			Lê Văn Năng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06677/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5322	S69-06363			Nguyễn Văn Đông	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06678/07S69
5323	S69-06364			Huỳnh Văn Dũng	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06679/07S69
5324	S69-06365			Văn Trung Trực	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06680/07S69
5325	S69-06367	CM-01903		Đoàn Phước Trân	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2010	13/11/2011	05621/10S69
5326	S69-06368	CM-07727		Nguyễn Văn Kiệt	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2014	00921/12S69
5327	S69-06369	CM-02859	Vỏ Hàng	Mai Vũ Quang	khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01137/10S69
5328	S69-06370	CM-03305		Nguyễn Văn Hùng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2007	10/12/2008	06739/07S69
5329	S69-06372			Lê Văn Phường	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/12/2008	08/12/2009	09769/08S69
5330	S69-06373	CM-06843		Nguyễn Hoàng Nhi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00846/11S69
5331	S69-06375	CM-06854		Phan Thanh Bình	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00845/11S69
5332	S69-06377	CM-06741		Đặng Văn Mực	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00847/11S69
5333	S69-06378			Đặng Văn Phô	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06703/07S69
5334	S69-06379			Nguyễn Văn Sinh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06704/07S69
5335	S69-06380			Nguyễn Hồng Nhanh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06705/07S69
5336	S69-06381			Nguyễn Văn út	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06706/07S69
5337	S69-06382			Nguyễn Văn Nhị	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06707/07S69
5338	S69-06383			Phạm Trưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06708/07S69
5339	S69-06384			Nguyễn Văn Bầu	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06709/07S69
5340	S69-06385			Nguyễn Hữu Phương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/02/2008	06710/07S69
5341	S69-06386	CM-	Đò	Lê Văn Trung	ấp Cái Rắn B, Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06711/07S69
5342	S69-06387	CM-06841		Lê Văn Cà	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01689/12S69
5343	S69-06388			Nguyễn Văn Tô	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06713/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5344	S69-06389			Ngô Văn Rum	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06714/07S69
5345	S69-06390			Ngô Văn Chol	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06715/07S69
5346	S69-06392			Ngô Văn Vũ	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06718/07S69
5347	S69-06393			Tăng Văn Tạo	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06719/07S69
5348	S69-06394	CM-02678		Nguyễn Văn Thống	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06720/07S69
5349	S69-06395			Võ Văn Nguyên	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06721/07S69
5350	S69-06399			Trương Văn Keo	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06725/07S69
5351	S69-06400			Nguyễn Văn Khuông	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06726/07S69
5352	S69-06402	CM-		Dương Anh Tấn	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10809/08S69
5353	S69-06403	CM-06437		Lưu Văn Hùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2012	17/01/2013	00295/12S69
5354	S69-06404	CM-		Dương Văn Ngày	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06683/07S69
5355	S69-06405	CM-06354		Lâm Hoàng Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/07/2011	00454/11S69
5356	S69-06407	CM-08298	Hoàng Khanh	Trương Thị Cam	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	23/06/2009	23/06/2010	03531/09S69
5357	S69-06408			Nguyễn Chí Linh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	12/12/2007	12/12/2008	06690/07S69
5358	S69-06409			Trường THCS Phong Điền	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06691/07S69
5359	S69-06410	CM-06350		Nguyễn Văn Chót	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2008	16/09/2009	06005/08S69
5360	S69-06412			Phan Văn Nhon	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/12/2007	12/12/2008	06748/07S69
5361	S69-06417	CM-02263		Nguyễn Văn Hiên	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	27/12/2011	27/12/2012	05044/11S69
5362	S69-06418	CM-02259		Tô Văn Môi	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	13/12/2007	13/12/2008	06754/07S69
5363	S69-06419			Mai Thị Nhanh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06757/07S69
5364	S69-06420			Nguyễn Văn Đã	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	13/12/2007	13/12/2008	06733/07S69
5365	S69-06421			Phạm Minh Dương	Khóm III, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	03/10/2008	03/10/2009	06849/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5366	S69-06422			Nguyễn Văn Giao	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	17/12/2007	17/12/2008	06762/07S69
5367	S69-06424	CM-04616		Tôn Quang Hoà	K5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	08/06/2015	08/06/2016	01063/15S69
5368	S69-06425			Nguyễn Văn Đỏ	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06766/07S69
5369	S69-06426			Giảng Văn Dung	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06767/07S69
5370	S69-06427	CM-05533		Nguyễn Khánh An	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/04/2009	08/04/2010	02375/09S69
5371	S69-06428	CM-06355		Phan Văn Phụng	Xã Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	17/12/2009	17/12/2010	07208/09S69
5372	S69-06429			Trương Minh Ký	K7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	18/12/2007	18/12/2008	06777/07S69
5373	S69-06430			Nguyễn Văn Vàng	Tân Lộc Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/12/2007	15/12/2008	06778/07S69
5374	S69-06432			Lưu Minh Cảnh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06780/07S69
5375	S69-06434	CM-06359		Nguyễn Chí Công	Tân Hoà A, Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01821/10S69
5376	S69-06435	CM-06357		Nguyễn Chí Dũng	Tân Hoà A, Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01825/10S69
5377	S69-06438			Nguyễn Văn Hà	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06809/07S69
5378	S69-06439	CM-06372		Huỳnh Thanh Phong	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/03/2014	11/03/2015	00628/14S69
5379	S69-06440			Trần Trường Giang	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06812/07S69
5380	S69-06442			Trần Văn Tài	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06813/07S69
5381	S69-06443			Trần Văn Hùng	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06814/07S69
5382	S69-06444			Đỗ Văn Thắng	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06815/07S69
5383	S69-06445			Nguyễn Văn ản	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06816/07S69
5384	S69-06446	CM-		Trương Văn Hoà	ấp, 9 Xã Trí phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06817/07S69
5385	S69-06447			Hồ Văn Trinh	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06818/07S69
5386	S69-06448			Lê Thu Hà	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06819/07S69
5387	S69-06449			Huỳnh Việt Hùng	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06820/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5388	S69-06450			Trần Quốc Bửu	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06821/08S69
5389	S69-06451			Ngô Thanh Tùng	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06822/07S69
5390	S69-06452			Phạm Bạch Lê	Khóm 3, Thị trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06823/07S69
5391	S69-06453			Nguyễn Văn Chiến	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06824/07S69
5392	S69-06454			Lê Hoàng Bửu	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06825/07S69
5393	S69-06455			Phan Tấn Đức	ấp 6, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06826/07S69
5394	S69-06456			Lê Văn Lợi	Khóm 5, Thị trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06827/07S69
5395	S69-06457			Nguyễn Hoàng An	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06828/07S69
5396	S69-06458			Nguyễn Văn Sử	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06829/07S69
5397	S69-06459			Nguyễn An Khương	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06830/07S69
5398	S69-06460			Nguyễn Văn Thắng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06831/07S69
5399	S69-06461			Nguyễn Hoàng Giang	ấp 2, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06832/07S69
5400	S69-06462			Nguyễn Minh Diện	ấp 11, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06833/07S69
5401	S69-06463	CM-07437		Trần Văn Vốn	Xã Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	09416/08S69
5402	S69-06464			Nguyễn Văn Danh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06836/07S69
5403	S69-06466			Nguyễn Văn Tạo	Biển Bạc Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06838/07S69
5404	S69-06467			Phạm Văn Luân	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06839/07S69
5405	S69-06469			Phạm Hồng Thái	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06841/07S69
5406	S69-06470			Trần Văn Đẹt	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06842/07S69
5407	S69-06471			Nguyễn Hoàng Tân	ấp 2, Xã Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06843/08S69
5408	S69-06472			Trần Văn Thường	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06844/07S69
5409	S69-06473			Phạm Văn Quyền	ấp 7, Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06846/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5410	S69-06474			Đào Vũ Anh	ấp 18, Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06845/07S69
5411	S69-06475			Quách Văn Tâm	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06847/07S69
5412	S69-06476	CM-07252		Võ Hoàng Tuấn	ấp 7, Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00769/10S69
5413	S69-06477			Nguyễn Quốc Tuấn	ấp 5, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06849/07S69
5414	S69-06478			Nguyễn Văn Sil	ấp 18, Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06850/07S69
5415	S69-06479			Lê Hoàng Hải	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06851/07S69
5416	S69-06480			Trần Văn Thường	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06852/07S69
5417	S69-06481			Nguyễn Hồng Hương	K1, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06853/07S69
5418	S69-06482			Nguyễn Thị Mới	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06854/07S69
5419	S69-06484			Lê Đức Hoà	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06856/07S69
5420	S69-06485			Trương Minh Tặng	ấp 8, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06857/07S69
5421	S69-06486			Nguyễn Văn Việt	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06858/07S69
5422	S69-06487			Nguyễn Bách Khoa	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06859/07S69
5423	S69-06488			Nguyễn Thanh Vân	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06860/07S69
5424	S69-06489			Trịnh Thanh Nhơn	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06861/07S69
5425	S69-06490			Phan Văn By	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06862/07S69
5426	S69-06491			Nguyễn Văn Thịnh	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06863/08S69
5427	S69-06492			Phạm Văn Lâm	ấp 4, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06864/07S69
5428	S69-06494			Tiền Thanh Trâm	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06866/07S69
5429	S69-06495			Phạm Văn Vận	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06867/07S69
5430	S69-06496			Võ Văn Sắt	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06868/07S69
5431	S69-06497			Ngô Chí Công	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06869/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5432	S69-06498			Vương Văn Mướt	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06870/07S69
5433	S69-06499			Nguyễn Văn Ly	Tân Phú, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06871/07S69
5434	S69-06500			Trần Thành Phúc	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06872/07S69
5435	S69-06501			Bùi Văn Thế	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06873/07S69
5436	S69-06502			Nguyễn Văn Lắc	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06874/07S69
5437	S69-06503			Biện Văn Cường	ấp 11, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06875/07S69
5438	S69-06504			Huỳnh Văn Mục	ấp 11, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06876/07S69
5439	S69-06505			Nguyễn Tấn Đạt	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06877/07S69
5440	S69-06506			Nguyễn Văn Lơ	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06878/07S69
5441	S69-06507			Nguyễn Tấn Đạt	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06879/07S69
5442	S69-06508			Trần Minh Dương	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06880/07S69
5443	S69-06509			Lê Văn Khái	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06881/07S69
5444	S69-06512			Nguyễn Hoàng Kha	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06884/07S69
5445	S69-06513			Bùi Văn Bằng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06885/07S69
5446	S69-06514			Phùng Quốc Văn	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06886/07S69
5447	S69-06515			Nguyễn Văn Ngoan	ấp 5, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06887/07S69
5448	S69-06516	CM- 07273		Trần Văn Đến	ấp 3, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	03/03/2015	03/03/2016	00384/15S69
5449	S69-06517			Phan Văn On	ấp 1, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06889/07S69
5450	S69-06518			Nguyễn Văn Thoàng	ấp 3, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06890/07S69
5451	S69-06519			Nguyễn Đăng Khoa	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06891/07S69
5452	S69-06520			Nguyễn Văn Vện	ấp 5, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06892/07S69
5453	S69-06521			Lê Hoàng Phô	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06893/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5454	S69-06522			Lê Văn Tiến	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06894/07S69
5455	S69-06523			Lê Tấn Long	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06895/07S69
5456	S69-06524			Nguyễn Thanh Sang	Khóm 7, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06896/07S69
5457	S69-06525			Nguyễn Văn Tuấn	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06897/07S69
5458	S69-06526			Tăng Văn Che	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06898/07S69
5459	S69-06527			Huỳnh Văn Đăng	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06899/07S69
5460	S69-06529			Phạm Văn Hồi	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06901/07S69
5461	S69-06531			Đặng Văn Tư	K8, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06903/07S69
5462	S69-06532			Lê Hoàng Dương	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06904/07S69
5463	S69-06533			Tăng Văn Vũ	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06905/07S69
5464	S69-06534			Trần Văn Giới	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06906/07S69
5465	S69-06537			Nguyễn Văn Mười	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06909/07S69
5466	S69-06538			Nguyễn Văn Đồng	K2, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06910/07S69
5467	S69-06539			Lê Thanh Hùng	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06911/07S69
5468	S69-06540			Phan Văn Quyền	Xã Trần Phú, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06912/07S69
5469	S69-06541			Huỳnh Thị Lệ	ấp 4, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06913/07S69
5470	S69-06542			Nguyễn Văn Quân	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06914/07S69
5471	S69-06543			Diệp Văn Đèo	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06915/07S69
5472	S69-06544			Lê Hoàng Việt	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06916/07S69
5473	S69-06545			Phạm Văn Tạo	K3, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06917/07S69
5474	S69-06546			Nguyễn Thu Phương	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06918/07S69
5475	S69-06547			Trần Văn Bằng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06919/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5476	S69-06548			Lê Minh Kỳ	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06920/07S69
5477	S69-06549			Trần Văn Phận	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06921/07S69
5478	S69-06550			Lê Văn Sol	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06922/07S69
5479	S69-06551			Nguyễn Văn Hải	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06923/07S69
5480	S69-06552			Quách Công Bình	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06924/07S69
5481	S69-06553			Trần Quốc Thắng	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06925/07S69
5482	S69-06554			Nguyễn Văn Đức	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2007	06926/07S69
5483	S69-06555			Nguyễn Văn Chương	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06927/07S69
5484	S69-06556			Quách Thành Thiệt	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06928/07S69
5485	S69-06557			Lê Hoàng Em	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06929/07S69
5486	S69-06558			Phạm Phước Oai	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06930/07S69
5487	S69-06559			Phan Văn Thành	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06931/07S69
5488	S69-06560			Trần Văn Tú	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06932/07S69
5489	S69-06561			Đặng Văn Truyền	Khóm 8, Thị trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06933/07S69
5490	S69-06562			Nguyễn Văn Sơn	K7, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06934/07S69
5491	S69-06563			Nguyễn Văn Buôi	Tân Phú, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06935/07S69
5492	S69-06564			Lâm Thiên Định	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06936/07S69
5493	S69-06565			Huỳnh Văn Dũng	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06937/07S69
5494	S69-06566			Nguyễn Văn Đa	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06938/07S69
5495	S69-06567			Nguyễn Bắc Việt	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06939/07S69
5496	S69-06568			Vương Thanh Phi	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06940/07S69
5497	S69-06569			Nguyễn Văn Kháng	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06941/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5498	S69-06570			Nguyễn Văn Đợt	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06942/07S69
5499	S69-06571			Hứa Văn Thuận	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06943/07S69
5500	S69-06572			Lê Văn Hòa	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06944/07S69
5501	S69-06573			Bùi Văn Thép	ấp 8, Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06945/07S69
5502	S69-06574			Phạm Văn Hiệp	K3, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06946/07S69
5503	S69-06575			Trần Hoàng Ân	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06947/07S69
5504	S69-06576			Phạm Minh Hải	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06948/07S69
5505	S69-06577			Lê út Biết	Biển Bạc Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06949/07S69
5506	S69-06578			Trần Văn Hăng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06950/07S69
5507	S69-06579			Đinh Văn Vy	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06951/07S69
5508	S69-06580	CM-06370		Trần Văn Điều	Số 34, ấp 3, Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	26/06/2014	26/12/2014	01716/14S69
5509	S69-06581			Nguyễn Văn Khanh	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06952/07S69
5510	S69-06582			Giang Văn Luận	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06953/07S69
5511	S69-06583			Lê Văn Thiểu	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06954/07S69
5512	S69-06584			Trần Cửu Long	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06955/07S69
5513	S69-06585			Trương Quốc Khánh	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06956/07S69
5514	S69-06586			Phạm Thanh Hùng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06957/07S69
5515	S69-06587			Nguyễn Văn Lắm	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06958/07S69
5516	S69-06589			Hồ Văn Triều	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06960/07S69
5517	S69-06590			Hồ Hữu Tài	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06961/07S69
5518	S69-06591	CM-07268		Phạm Thị Thuý	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10947/08S69
5519	S69-06592			Huỳnh Minh Diện	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06963/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5520	S69-06593			Tăng Văn Sơn	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06964/07S69
5521	S69-06594			Huỳnh Văn Trên	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06965/07S69
5522	S69-06595			Lê Tấn Sĩ	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06966/07S69
5523	S69-06596			Huỳnh Thị Oanh	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06967/07S69
5524	S69-06597			Tăng Văn Toàn	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06968/07S69
5525	S69-06598			Trịnh Thanh Nam	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06969/07S69
5526	S69-06600			Nguyễn Văn Trọng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06971/07S69
5527	S69-06601			Quách Công Định	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06972/07S69
5528	S69-06602			Trần Văn Na	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06973/07S69
5529	S69-06603			Lê Văn Ngoạt	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06974/07S69
5530	S69-06604			Nguyễn Văn Trung	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06975/07S69
5531	S69-06605			Nguyễn Hoa Sen	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06976/07S69
5532	S69-06606			Bùi Văn Lực	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06977/07S69
5533	S69-06607			Nguyễn Văn Sấy	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06978/07S69
5534	S69-06608			Nguyễn Văn Lắc	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	06/05/2011	06/05/2012	01520/02S69
5535	S69-06609			Nguyễn Văn Hôn	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06980/07S69
5536	S69-06610			Phan Anh Văn	K4 TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06981/07S69
5537	S69-06611			Bùi Văn Gấp	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06982/07S69
5538	S69-06612			Bùi Văn Toàn	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06983/07S69
5539	S69-06613			Nguyễn Văn Kê	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06984/07S69
5540	S69-06614			Quách Kha La	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06985/07S69
5541	S69-06615			Đỗ Văn Khôi	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06986/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5542	S69-06616			Nguyễn Thị Thúy	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06987/07S69
5543	S69-06617	CM-07269		Nguyễn Văn Huynh	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10949/08S69
5544	S69-06618			Nguyễn Văn Hồng	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06989/07S69
5545	S69-06619			Lê Văn Hiếu	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06990/07S69
5546	S69-06620			Lê Thị Nhiều	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06991/07S69
5547	S69-06621			Quách Văn Kiệt	K7, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06992/07S69
5548	S69-06622			Võ Văn Hùng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06993/07S69
5549	S69-06623			Lý Trường Giang	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06994/07S69
5550	S69-06624			Huỳnh Phương Nam	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06995/07S69
5551	S69-06625			Quách Văn Cường	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06996/07S69
5552	S69-06626			Nguyễn Minh Luân	ấp 5, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06997/07S69
5553	S69-06627			Huỳnh Văn Thá	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06998/07S69
5554	S69-06628			Lý Văn Cao	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06999/07S69
5555	S69-06629			Trần Minh Thường	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07000/07S69
5556	S69-06630			Trần Văn Bé	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07001/07S69
5557	S69-06631			Trương Văn Việt	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07002/07S69
5558	S69-06632			Nguyễn Văn Bằng	Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07003/07S69
5559	S69-06634			Lê Văn Phong	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07005/07S69
5560	S69-06635			Nguyễn Văn Thanh	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07006/07S69
5561	S69-06636			Phan Văn Tuấn	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07007/07S69
5562	S69-06638			Nguyễn Thanh Sang	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07009/07S69
5563	S69-06639			Trịnh Văn Tài	K6, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07010/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5564	S69-06640	CM-		Lê Văn Nhân	ấp 8, Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07011/07S69
5565	S69-06641	CM-06364	Thanh Phong	Nguyễn Thanh Phong	ấp Rau Dừa B, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2013	17/04/2014	02142/13S69
5566	S69-06642	CM-07732		Lâm Văn Sến	xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	28/09/2011	28/09/2012	03413/11S69
5567	S69-06643			Nguyễn Quế Thảo	K2, Phường 1, Thành phố Cà Mau	19/12/2007	19/12/2008	06795/07S69
5568	S69-06646	CM-06368		Huỳnh Thanh Ngoan	ấp Tân Hoà, Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01326/09S69
5569	S69-06648	CM-03219		Nguyễn Khắc Hiếu	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	01/11/2013	01/05/2014	05649/13S69
5570	S69-06649			Trần Văn Lâm	ấp 1, Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	20/12/2007	20/12/2008	06803/07S69
5571	S69-06650	CM-06374		Nguyễn Văn Thanh	ấp 7, Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	06/01/2009	06/01/2010	00043/09S69
5572	S69-06651			Huỳnh Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	17/05/2010	17/05/2011	02693/10S69
5573	S69-06653			Quách Vĩnh Hoàng	Phường 7, Thành phố Cà Mau	21/12/2007	21/12/2008	07032/07S69
5574	S69-06656			Ngô Thị Màu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06036/07S69
5575	S69-06657	CM-06724		Đoàn Văn Kịch	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	20/10/2010	20/10/2011	05241/10S69
5576	S69-06658	CM-00992		Chế Quốc Việt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	30/07/2014	30/07/2015	02092/14S69
5577	S69-06659			Trần Văn Lâm	ấp 1, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/12/2007	24/12/2008	07042/07S69
5578	S69-06660			Trần Minh Vương	ấp 1, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/12/2007	24/12/2008	07043/07S69
5579	S69-06661			Phan Văn Hoàng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	24/12/2007	24/12/2008	07044/07S69
5580	S69-06662			Lê Tấn Phong	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09610/08S69
5581	S69-06663			Phạm Hoài Hận	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09609/08S69
5582	S69-06664	CM-06786		Đỗ Thanh Vui	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01886/09S69
5583	S69-06665	CM-06785	Chí Linh	Tiêu Chí Linh	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	04/05/2009	04/05/2010	02669/09S69
5584	S69-06667			Nguyễn Quốc Võ	ấp Hoà Đông, Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	25/12/2007	25/12/2008	07051/07S69
5585	S69-06668			Võ Văn Trường	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	25/12/2007	25/12/2008	07052/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5586	S69-06669			Võ Văn Trường	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	25/12/2007	25/12/2008	07053/07S69
5587	S69-06670			Trần Văn Dương	ấp 5, Xã Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	15/01/2009	15/01/2010	00189/09S69
5588	S69-06671			Bùi Văn Trọng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	25/12/2007	25/12/2008	07055/07S69
5589	S69-06672	CM-06635		Đình Văn Đơ	Trí Phải, Huyện Thới Bình	06/12/2008	06/12/2009	10006/08S69
5590	S69-06673			Nguyễn Trọng Tấn	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	27/12/2007	27/12/2008	07023/07S69
5591	S69-06674			Nguyễn Văn Đảm	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06740/08S69
5592	S69-06676	CM-07631		Trương Văn Nhã	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	11/06/2009	11/06/2010	03303/09S69
5593	S69-06677			Trần Văn Thế	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2007	28/12/2008	07065/07S69
5594	S69-06678	CM-01552	Vỏ Hàng	Tạ Minh Phụng	ấp Cái Hoảng, Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/12/2007	31/12/2008	07067/07S69
5595	S69-06679			Nguyễn Văn Dũng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	31/12/2007	31/12/2008	07068/07S69
5596	S69-06680	CM- 06728		Ngô Văn Tám	Khánh Hoà, Huyện U Minh	20/11/2009	20/11/2010	06683/09S69
5597	S69-06681	CM-		Nguyễn Thanh Dồn	ấp 7, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07070/07S69
5598	S69-06682	CM-01064		Nguyễn Thị Hương	ấp 7, Nguyễn Phích, Huyện U Minh	19/01/2014	19/07/2014	00231/14S69
5599	S69-06684			Nguyễn Văn Thường	Số 104, Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	31/12/2007	31/12/2008	07074/07S69
5600	S69-06685			Lê Hoàng Minh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	07075/07S69
5601	S69-06686	CM-01325	Ghe Tải	Hồ Quang Khánh	ấp Tân Long A Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00551/13S69
5602	S69-06688			Phan Văn Tấn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07082/08S69
5603	S69-06689			Võ Văn Đề	ấp 4, Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07083/08S69
5604	S69-06690			Cao Hiền Hầu	ấp 5, Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07084/08S69
5605	S69-06691			Mạc Văn Trí	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07085/08S69
5606	S69-06692			Phan Thanh Diễn	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07086/07S69
5607	S69-06693			Võ Văn Tường	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07087/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5608	S69-06694			Huỳnh Thanh Xuân	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07088/07S69
5609	S69-06695			Phạm Vũ Linh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07089/07S69
5610	S69-06696			Lưu Văn Linh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/12/2007	29/12/2008	07090/07S69
5611	S69-06697			Trà Ngọc Danh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07091/07S69
5612	S69-06698			Nguyễn Hùng Anh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07092/07S69
5613	S69-06699			Châu Thanh Nhã	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07093/07S69
5614	S69-06700			Nguyễn Minh Phương	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07094/07S69
5615	S69-06701	CM-01551		Nguyễn Văn Tý	Khóm I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/02/2014	12/02/2015	00394/14S69
5616	S69-06702			Châu Văn Hơn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07096/07S69
5617	S69-06703			Nguyễn Văn Hưng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07097/07S69
5618	S69-06704			Nguyễn Thanh Dũng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07098/07S69
5619	S69-06705			Nguyễn Quốc Vĩnh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07099/07S69
5620	S69-06706			Mạc Hồng Tâm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07100/07S69
5621	S69-06707			Võ Minh Lành	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07101/07S69
5622	S69-06708			Huỳnh Minh Phương	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07102/07S69
5623	S69-06709	CM-07620		Kim Thanh Vũ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	22/07/2009	22/07/2010	04245/09S69
5624	S69-06710			Nguyễn Văn út	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07104/07S69
5625	S69-06711			Nguyễn Thanh Hoàng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07105/07S69
5626	S69-06712			Nguyễn Văn Tính	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07106/07S69
5627	S69-06713			Hồ Khánh Tiên	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/01/2008	02/01/2009	00001/08S69
5628	S69-06718			Lê Chí Hiếu	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07111/07S69
5629	S69-06719			Phan Văn Thanh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07112/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5630	S69-06720			Lê Văn út	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07113/07S69
5631	S69-06721			Lê Văn Chiến	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07116/07S69
5632	S69-06722			Lê Việt Hùng	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07117/07S69
5633	S69-06724			Nguyễn Bửu Lâm	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07119/07S69
5634	S69-06725			Ngô Văn Phi	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07120/07S69
5635	S69-06726	CM-07520		Nguyễn Thanh Bình	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	01/06/2009	01/06/2010	07121/07S69
5636	S69-06727			Nguyễn Văn Tình	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07122/07S69
5637	S69-06729			Dương Văn Mạnh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07124/07S69
5638	S69-06730			Ngô Hoàng Lượng	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07125/07S69
5639	S69-06731			Bào Xuân Mai	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07126/07S69
5640	S69-06732			Lê Minh Thông	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07127/07S69
5641	S69-06733			Trần Văn Hoàng	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07128/07S69
5642	S69-06734			Võ Thái Sơn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07129/07S69
5643	S69-06735			Mạc Văn Sự	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07130/07S69
5644	S69-06737			Phan Nhựt Linh	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07132/07S69
5645	S69-06738			Trà Văn Nóc	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07133/07S69
5646	S69-06740			Trần Huyền Diễm	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07135/07S69
5647	S69-06741			Cao Trung Nghị	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	02/01/2008	02/01/2009	00002/08S69
5648	S69-06742			Hồ Văn Hôn	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07136/07S69
5649	S69-06743			Trương Thành Hải	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07137/07S69
5650	S69-06744			Nguyễn Thanh Long	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07138/07S69
5651	S69-06745	CM-07528		Phạm Công Bình	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	05/06/2009	05/06/2010	03240/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5652	S69-06746			Tạ Văn Cung	ấp 9, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07140/07S69
5653	S69-06747			Lê Văn Thông	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07141/07S69
5654	S69-06749			Trần Văn Vẹn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07143/07S69
5655	S69-06750			Nguyễn Văn Sum	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07144/07S69
5656	S69-06751			Nguyễn Hồng Sáu	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07145/07S69
5657	S69-06753			Ngô Thanh Liêm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07147/07S69
5658	S69-06755			Nguyễn Thanh Vũ	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07149/07S69
5659	S69-06756			Phạm Văn Hiếu	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07150/07S69
5660	S69-06757			Nguyễn Thái Nguyên	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07151/07S69
5661	S69-06758			Nguyễn Thanh Yên	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07152/07S69
5662	S69-06759			Đỗ Văn Nhất	ấp 9, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07153/07S69
5663	S69-06760			Nguyễn Văn Toại	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07154/07S69
5664	S69-06761			Huỳnh Văn Hạng	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07155/07S69
5665	S69-06762			Nguyễn Văn An	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07156/07S69
5666	S69-06763			Phan Thị Lan	ấp 3, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07157/07S69
5667	S69-06764			Trần Thị Giỏi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07158/07S69
5668	S69-06765			Phạm Quốc Linh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07159/07S69
5669	S69-06766			Phạm Trí Trung	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07160/07S69
5670	S69-06768			Trần Công Cuộc	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07162/07S69
5671	S69-06769			Nguyễn Phương Kiều	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07163/07S69
5672	S69-06770			Nguyễn Văn Tùng	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2009	29/12/2008	07164/07S69
5673	S69-06771			Nguyễn Minh Diễn	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07165/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5674	S69-06772			Đào Thanh Lý	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07166/07S69
5675	S69-06773			Lê Hồng Ghi	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07167/07S69
5676	S69-06774			Nguyễn Văn Cường	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07168/07S69
5677	S69-06775			Trà Ngọc Dụ	ấp 9, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07169/08S69
5678	S69-06776			Đỗ Thành Tấn	ấp 3, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07170/07S69
5679	S69-06777			Trần Quốc Khánh	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07171/07S69
5680	S69-06778			Nguyễn Minh Quân	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07172/07S69
5681	S69-06780			Nguyễn Chí Công	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07174/07S69
5682	S69-06781			Trà Ngọc Mến	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07175/07S69
5683	S69-06782	CM-07573		Đoàn Thanh Nhã	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	20/03/2010	20/03/2011	01402/10S69
5684	S69-06783			Ngô Thành Lập	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07177/07S69
5685	S69-06784			Châu Thanh Nghị	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07178/07S69
5686	S69-06785			Đào Văn Hoàng	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07179/07S69
5687	S69-06786			Đào Quốc Kiểng	ấp 3, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07180/08S69
5688	S69-06787			Dương Thanh Truyền	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07181/07S69
5689	S69-06788			Lê Văn Kiệp	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07182/07S69
5690	S69-06790			Trần Văn Khen	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07184/07S69
5691	S69-06791			Trần Văn Đoan	ấp 3, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07185/07S69
5692	S69-06793			Võ Văn Ngoan	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07187/07S69
5693	S69-06794			Lê Văn Sơn	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07188/07S69
5694	S69-06795			Phạm Thị Nhanh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07189/07S69
5695	S69-06797			Đoàn Hùng Dũng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07191/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5696	S69-06798			Nguyễn Vũ Lam	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07192/07S69
5697	S69-06799			Nguyễn Văn Mạnh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07193/07S69
5698	S69-06801	CM-07536		Bùi Văn Lĩnh	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/03/2009	26/03/2010	02160/09S69
5699	S69-06802			Dương Đình Khiêm	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07196/07S69
5700	S69-06803			Liêu Sển	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07197/07S69
5701	S69-06804			Tổng Văn Cường	ấp 9, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07198/07S69
5702	S69-06805			Võ Minh Đương	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07199/07S69
5703	S69-06810			Võ Văn Tuyến	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07204/07S69
5704	S69-06813			Nguyễn Vũ Bằng	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07207/07S69
5705	S69-06814	CM-07608		Đặng Văn Phương	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	18/07/2014	18/07/2015	01919/14S69
5706	S69-06816			Dương Đức Hòa	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07210/07S69
5707	S69-06817			Ngô Văn Lai	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07211/07S69
5708	S69-06818			Nguyễn Văn Bình	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07212/07S69
5709	S69-06820			Dương Minh Thành	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07214/07S69
5710	S69-06822			Lê Thành Trung	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07215/07S69
5711	S69-06823			Huỳnh Phúc Nhạc	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07216/07S69
5712	S69-06824			Võ Thuý Hằng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07217/07S69
5713	S69-06825			Hồ Văn Tôn	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07218/07S69
5714	S69-06826			Đoàn Trúc Ly	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07219/07S69
5715	S69-06827			Ngô Văn Đô	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07220/07S69
5716	S69-06828			Trần Văn Quân	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07221/07S69
5717	S69-06829			Châu Văn Hoàng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07222/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5718	S69-06830			Danh Hiền	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07223/07S69
5719	S69-06831			Lê Hoàng Anh	Nguyễn phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07224/07S69
5720	S69-06832			Hữu Tỏa	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07225/07S69
5721	S69-06833			Lê Thanh Ngoan	ấp 9, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07226/07S69
5722	S69-06834			Nguyễn Thanh Thúy	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07227/07S69
5723	S69-06835			Hữu Phước Thọ	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07228/07S69
5724	S69-06836			Nguyễn Thanh Nhân	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07229/07S69
5725	S69-06837			Dư Văn Khởi	ấp 2, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07230/07S69
5726	S69-06838			Võ Văn Tuyền	ấp 2, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07231/07S69
5727	S69-06839			Châu Tùng Nhỉ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07232/07S69
5728	S69-06840			Lê Văn Chọn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07233/07S69
5729	S69-06841			Nguyễn Văn Trình	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07234/07S69
5730	S69-06842			Nguyễn Trung Việt	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07235/07S69
5731	S69-06843			Đỗ Thị Liễu	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07236/07S69
5732	S69-06844			Nguyễn Thanh Tú	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07237/07S69
5733	S69-06845			Nguyễn Văn Minh	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07238/07S69
5734	S69-06846			Nguyễn Văn Toàn	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07239/07S69
5735	S69-06847			Nguyễn Văn Tèo	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07240/07S69
5736	S69-06848			Lê Thanh Tuyền	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07241/07S69
5737	S69-06849			Châu Hồng Thảo	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07242/07S69
5738	S69-06850			Lê Văn Xương	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07243/07S69
5739	S69-06851			Nguyễn Văn Ten	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07244/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5740	S69-06852			Lê Văn Quang	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07245/07S69
5741	S69-06853	CM-07451		Đoàn Thanh Trung	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	10/04/2009	10/04/2010	02403/09S69
5742	S69-06854			Nguyễn Văn Tiến	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07247/07S69
5743	S69-06855			Huỳnh Văn Tuấn	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07248/07S69
5744	S69-06856	CM-07533		Danh Thị Diệu	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	01/06/2009	01/06/2010	03197/09S69
5745	S69-06857			Võ Văn Hồng	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	01/06/2009	01/06/2010	03196/09S69
5746	S69-06858			Nguyễn Khắc Huy	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07251/07S69
5747	S69-06859			Võ Văn Nghĩa	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07252/07S69
5748	S69-06860			Lâm Văn Nghiệp	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07253/07S69
5749	S69-06861			Đào Tấn Đạt	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07254/07S69
5750	S69-06862			Ngô Bảo Trung	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07255/07S69
5751	S69-06863			Võ Văn Thạng	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07256/07S69
5752	S69-06864			Nguyễn Hồng Đô	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07257/07S69
5753	S69-06865			Hồ Văn Đảm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07258/07S69
5754	S69-06867			Bùi Thị Kiều	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07260/07S69
5755	S69-06868			Võ Văn Đề	ấp 4, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07261/07S69
5756	S69-06869			Trần Văn Anh	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07262/07S69
5757	S69-06870			Châu Hoàng Khung	ấp 3, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07263/07S69
5758	S69-06871			Phạm Trung Kiên	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07264/07S69
5759	S69-06873			UBND Xã Nguyễn Phích	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07266/07S69
5760	S69-06874			UBND Xã Nguyễn Phích	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07267/07S69
5761	S69-06875			Lưu Văn Nhiệm	K5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	02/01/2008	02/01/2009	00004/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5762	S69-06876			Võ Văn Liêu	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07268/07S69
5763	S69-06877			Hồ Văn Sơn	ấp 6, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07269/07S69
5764	S69-06878	CM-07525		Nguyễn Tuyết Thu	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02472/12S69
5765	S69-06880			Trần Văn Năng	ấp 7, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07272/07S69
5766	S69-06881	CM-06758		Trương Thanh Tuấn	Khánh An, Huyện U Minh	25/02/2013	25/08/2013	01371/13S69
5767	S69-06883			Lê Trung Kiên	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07275/07S69
5768	S69-06884			Dương Thị Đào	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07276/07S69
5769	S69-06885			Phạm Quốc Khải	ấp 8, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07277/07S69
5770	S69-06886			Lê Văn Tặng	ấp 5, Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07278/07S69
5771	S69-06887	CM-05698		Phạm Văn Nhân	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	10/06/2011	10/06/2012	01903/11S69
5772	S69-06889			Lâm Văn Nói	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/01/2008	02/01/2009	00007/08S69
5773	S69-06890			Lưu Văn Đoàn	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	02/01/2008	02/01/2009	00009/08S69
5774	S69-06892			Lê Minh Hùng	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06834/07S69
5775	S69-06895	CM-06732		Lê Tiến Dũng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	27/11/2009	27/11/2010	06757/09S69
5776	S69-06896			Trần Thanh Phong	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	03/01/2008	03/01/2009	00015/08S69
5777	S69-06897			Nguyễn Văn Hùng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	03/01/2008	03/01/2009	00020/08S69
5778	S69-06901			Trần Minh Phụng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/01/2008	02/01/2009	00026/08S69
5779	S69-06902	CM-06733		Võ Hồng Quyền	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/05/2009	26/05/2010	02984/09S69
5780	S69-06903			Lê Văn Tùng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	04/01/2008	04/01/2009	00032/08S69
5781	S69-06904	CM-06763		Nguyễn Văn Kết	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	24/08/2009	24/08/2010	05121/09S69
5782	S69-06905	CM-06750		Nguyễn Văn Sao	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02415/14S69
5783	S69-06906	CM-06734		Nguyễn Thanh Mộng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2009	15/08/2010	04903/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5784	S69-06907	CM-03336		Tô Đăng Khoa	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	05/03/2015	05/03/2016	00423/15S69
5785	S69-06908	CM-06748		Lê Văn Cum	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	23/03/2010	23/03/2011	01699/10S69
5786	S69-06909	CM-06752		Nguyễn Khiêm Sơn	Định Bình, Thành phố Cà Mau	04/02/2013	04/02/2014	01246/13S69
5787	S69-06912	CM-06762		Nguyễn Chí Linh	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05734/13S69
5788	S69-06913	CM-06800		Nguyễn Văn Thiện	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	15/01/2010	15/01/2011	00239/10S69
5789	S69-06914			Huỳnh Hồng Phương	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	08/01/2008	08/01/2009	00064/08S69
5790	S69-06916			Nguyễn Văn Khiết	ấp 2, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	08/01/2008	08/01/2009	00066/08S69
5791	S69-06917	CM-01785		Nguyễn Văn Phúc	Số 10, Khóm 1, Phường 8, Thành phố Cà Mau	14/04/2009	14/04/2010	02485/09S69
5792	S69-06920	CM-06804	Ghe Tải	Trần Tấn Tài	231, Lý Văn Lâm, K6, P1, Thành phố Cà Mau	05/12/2013	05/12/2014	06094/13S69
5793	S69-06921			Lâm Hoàng Tuấn	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/01/2008	09/01/2009	00073/08S69
5794	S69-06922			Trần Ngọc Khuyến	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/01/2008	09/01/2009	00074/08S69
5795	S69-06923			Trương Văn Vọng	K6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	09/01/2008	09/01/2009	00075/08S69
5796	S69-06924			Trần Thanh Hùng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/01/2008	09/01/2009	00076/08S69
5797	S69-06925	CM-	Ghe Tải	Nguyễn Thuý Hằng	khánh bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2008	09/01/2009	00077/08S69
5798	S69-06926	CM-06755		Bùi Văn Hồ	Khóm 6, Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06145/13S69
5799	S69-06927			Lê Tùng Hận	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	09/01/2008	09/01/2009	00083/08S69
5800	S69-06928	CM-02073	Ghe hàng	Trần Hoàng Tâm	19/5, Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	09/04/2009	09/04/2010	02388/09S69
5801	S69-06930	CM-06754		Phạm Văn Điều	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	30/06/2009	30/06/2010	03649/09S69
5802	S69-06931	CM-02267		Võ Văn Đạo	Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	11/02/2015	11/02/2016	00325/15S69
5803	S69-06932	CM- 02276		Võ Văn Đen	Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, Thành phố Cà Mau	10/01/2008	10/07/2008	00083/08V94
5804	S69-06933			Nguyễn Văn Lem	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	10/01/2008	10/01/2009	00094/08S69
5805	S69-06934	CM-06799		Nguyễn Văn Dũng	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	04058/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5806	S69-06935	CM-06781		Trần Thị Tuyến	K2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	10/07/2012	10/07/2013	03648/12S69
5807	S69-06938			Dương Thị Nhi	ấp 6, Xã Khánh An, Huyện U Minh	08/01/2008	08/01/2009	00100/08S69
5808	S69-06939	CM-06920		Trần Văn Sách	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	21/12/2009	20/12/2010	07239/09S69
5809	S69-06940	CM-06910		Trương Lực Xây	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01909/09S69
5810	S69-06943	CM-06912		Nguyễn Văn Bài	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/08/2013	01/08/2014	03757/13S69
5811	S69-06944	CM-06921		Lâm Văn Trên	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00656/09S69
5812	S69-06945			Nguyễn Văn Tùng	ấp 1, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	11/01/2008	11/01/2009	00110/08S69
5813	S69-06946			Nguyễn Văn Thắng	ấp 1, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	11/01/2008	11/01/2009	00111/08S69
5814	S69-06947			Nguyễn Văn Thắng	ấp 1, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	18/03/2009	18/03/2010	01940/09S69
5815	S69-06948			Trần Văn Bé	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	11/01/2008	11/01/2009	00114/08S69
5816	S69-06949	CM-06801		Trần Văn Toàn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2009	29/07/2010	04480/09S69
5817	S69-06950			Lê Văn Thi	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/01/2008	14/01/2009	00120/08S69
5818	S69-06951			Lâm Văn Tình	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/01/2008	14/01/2009	00122/08S69
5819	S69-06952			Đặng Văn Mườì	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	14/01/2008	14/01/2009	00123/08S69
5820	S69-06955	CM-07147		Mai Văn Cảnh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	01995/10S69
5821	S69-06957	CM-06828		Đào Văn Nam	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	15/04/2014	15/04/2015	01004/14S69
5822	S69-06958			Trần Văn Nam	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07114/07S69
5823	S69-06959			Trần Văn Hoà	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/12/2007	29/12/2008	07115/07S69
5824	S69-06960	CM-06904		Võ Hoàng Vệ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04937/12S69
5825	S69-06961	CM-06827		Nguyễn Tương Lai	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/06/2008	16/06/2009	04314/08S69
5826	S69-06962			Lê Văn Dũng	ấp 6, Xã Khánh An, Huyện U Minh	22/09/2007	22/09/2008	00134/07S69
5827	S69-06963	CM-07666		Huỳnh Minh Đương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02137/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5828	S69-06965	CM-03223		Hồ Văn Bình	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/02/2010	08/02/2011	00850/10S69
5829	S69-06966	CM-04666	Văn Hiền	Nguyễn Văn Hiền	Khóm I, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	27/03/2009	27/03/2010	02172/09S69
5830	S69-06968	CM-08744		Nguyễn Văn Tươi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/03/2012	07/03/2013	00836/12S69
5831	S69-06969			Trần Văn Miên	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	16/01/2008	16/01/2009	00144/08S69
5832	S69-06970			Trần Văn Miên	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	16/01/2008	16/01/2009	00145/08S69
5833	S69-06971			Phan Văn Nhận	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/01/2008	17/01/2009	00146/08S69
5834	S69-06972	CM-01483		Trịnh Thành Vũ	ấp Chà Là, Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/12/2010	30/12/2011	06398/10S69
5835	S69-06974			Đoàn Văn Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	17/01/2008	17/01/2009	00149/08S69
5836	S69-06975	CM-06915		Phạm Minh út	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02412/14S69
5837	S69-06979	CM-07248		Lê Hoàng Tuấn	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00228/15S69
5838	S69-06980			Trần Hoàng Nối	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/01/2008	17/01/2009	00156/08S69
5839	S69-06982	CM-07145		Đặng Thanh Tông	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03542/12S69
5840	S69-06984	CM-03291		Nguyễn Hoàng Hôn	Phường 7, Thành phố Cà Mau	26/03/2009	25/03/2010	02161/09S69
5841	S69-06985			Trần Văn Liệt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10311/12S69
5842	S69-06988	CM-		Nguyễn Trường Hận	ấp Đông Mỹ, Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00206/08S69
5843	S69-06989			Mai Văn Màng	ấp Kinh Hai, Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00207/08S69
5844	S69-06990			Hồ Minh Xán	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	19/01/2008	19/01/2009	00208/08S69
5845	S69-06991			Nguyễn Văn Tuy	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00209/08S69
5846	S69-06992			Huỳnh Văn Dể	Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00210/08S69
5847	S69-06993			Nguyễn Văn Pháo	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00211/08S69
5848	S69-06994			Võ Mười Sáu	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00212/08S69
5849	S69-06995			Nguyễn Văn Lĩnh	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00213/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5850	S69-06996			Tô Thanh Hoài	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00214/08S69
5851	S69-06997			Trần Văn Phúc	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00215/08S69
5852	S69-06998			Nguyễn Văn Dân	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00216/08S69
5853	S69-06999			Nguyễn Văn Đắc	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00217/08S69
5854	S69-07000			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00218/08S69
5855	S69-07001			Nguyễn Văn Hòn	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00219/08S69
5856	S69-07002			Nguyễn Quốc Thống	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00220/08S69
5857	S69-07003	CM-08884		Đoàn Quốc Đạt	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01660/12S69
5858	S69-07004			Phạm Hoài Vệ	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00222/08S69
5859	S69-07005			Nguyễn Công Văn	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00223/08S69
5860	S69-07006			Phạm Ngọc Thừa	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00224/08S69
5861	S69-07007			Huỳnh Thanh Giàu	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00225/08S69
5862	S69-07008			Nguyễn Minh Phong	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	19/01/2008	19/01/2009	00226/08S69
5863	S69-07009			Trương Hoàng Thảo	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2008	16/09/2009	06552/08S69
5864	S69-07010	CM-07695		Tô Văn Rở	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/05/2012	12/05/2013	02074/12S69
5865	S69-07011	CM-07694		Tô Văn Rở	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/05/2012	12/05/2013	02071/12S69
5866	S69-07012			Trần Văn Dư	Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00230/08S69
5867	S69-07014	CM-03284		Trần Văn Lén	Công Trung, Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00192/08S69
5868	S69-07015			Phan Văn Kết	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/01/2008	19/01/2009	00232/08S69
5869	S69-07016			Lê Văn Tèo	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00233/08S69
5870	S69-07017			Nguyễn Thị Mười	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00234/08S69
5871	S69-07018			Hồ Minh Ro	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00235/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5872	S69-07019			Huỳnh Văn Nhứt	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00236/08S69
5873	S69-07020			Trương Văn Nam	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00237/08S69
5874	S69-07021			Phan Văn út	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	13/07/2009	13/07/2010	03862/09S69
5875	S69-07023			Ngô Tấn Định	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00240/08S69
5876	S69-07024			Nguyễn Y Mừng	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00241/08S69
5877	S69-07025	CM-07704		Võ Văn Thạch	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	26/09/2011	26/09/2012	03389/11S69
5878	S69-07026	CM-07693		Lý Tuấn Hiển	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	21/10/2009	21/10/2010	06370/09S69
5879	S69-07027			Lê Văn Dẫn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00244/08S69
5880	S69-07028	CM-07691		Nguyễn Văn Vàng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/05/2014	29/05/2015	01446/14S69
5881	S69-07029	CM-07692		Tô Văn Rở	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/05/2012	12/05/2013	02073/12S69
5882	S69-07030			Tô Văn Rở	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00247/08S69
5883	S69-07031	CM-07706		Võ Văn Vũ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	19/03/2010	19/03/2011	01473/10S69
5884	S69-07032			Phạm Văn Tỏ	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00249/08S69
5885	S69-07033	CM-07686		Tô Văn Rở	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/05/2012	12/05/2013	02072/12S69
5886	S69-07034	CM-07034		Tô Văn Rở	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	05/06/2009	05/06/2010	03264/09S69
5887	S69-07035			Võ Văn Bạ	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00252/08S69
5888	S69-07037	CM-07707		Lê Văn Be	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/06/2014	12/06/2015	01566/14S69
5889	S69-07038			Phạm Minh Điền	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/01/2008	19/01/2009	00255/08S69
5890	S69-07039	CM-07690		Nguyễn Kha Minh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	21/11/2014	21/11/2015	03036/14S69
5891	S69-07040			Nguyễn Văn Tỏ	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00257/08S69
5892	S69-07041			Trương Thành Long	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00179/08S69
5893	S69-07047			Phạm Thị Hường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00187/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5894	S69-07048	CM-13371		Nguyễn Phước Hữu	Phường 7, Thành phố Cà Mau	27/11/2014	27/11/2015	03120/14S69
5895	S69-07049	CM-06924		Lâm Thanh Phong	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/04/2014	16/04/2015	01008/14S69
5896	S69-07051			Nguyễn Chí Ngân	Khóm I, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	21/01/2008	21/01/2009	00190/08S69
5897	S69-07052	CM-07131		Nguyễn Văn Nhàn	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	08/07/2008	08/07/2009	05391/08S69
5898	S69-07053			Lê Văn Tiểu	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	22/01/2008	22/01/2009	00259/08S69
5899	S69-07054	CM-19939		Lê Văn Đơn	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	05/01/2011	05/01/2012	00034/11S69
5900	S69-07056		Hoài Nghi	Trần Văn Hoài	ấp 9, Xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	22/01/2008	22/01/2009	00262/08S69
5901	S69-07057			Nguyễn Văn Vinh	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	22/01/2008	22/01/2009	00263/08S69
5902	S69-07061	CM-07140		Trương Văn Tuấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/01/2012	00450/11S69
5903	S69-07063			Phan út Nhỏ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10682/09S69
5904	S69-07064			Trần Hoàng Nam	Khóm 4, Thị trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/01/2008	24/01/2009	00282/08S69
5905	S69-07066			Trương Minh Tuấn	K8, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/01/2008	24/01/2009	00284/08S69
5906	S69-07068			Nguyễn Văn Minh	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	24/01/2008	24/01/2009	00286/08S69
5907	S69-07069	CM-07438		Đặng Văn Nghị	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	25/02/2009	25/02/2010	00985/09S69
5908	S69-07071	CM-07153		Lê Chí Bảo	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	04/03/2009	04/03/2010	01103/09S69
5909	S69-07072	CM-01458	Ghe tải	Hùynh Văn Thượng	Xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/02/2009	02/02/2010	00125/09S95
5910	S69-07073			Nguyễn Thành Gia	Khóm 5, Phường 5, Thành phố Cà Mau	25/01/2008	25/01/2009	00302/08S69
5911	S69-07075			Phạm Văn Lẹ	K5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	00481/08S69
5912	S69-07076	CM-07167		Ngô Đức Lành	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11108/08S69
5913	S69-07077			Phan Ngọc Hòa	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	28/01/2008	28/01/2009	00483/08S69
5914	S69-07080	CM-01463		Trịnh Trung Kỳ	ấp Chà là, Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/12/2010	30/12/2011	06397/10S69
5915	S69-07082	CM-00574	THANH HẢI	Trần Thanh Hải	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	07/01/2009	07/01/2010	00049/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5916	S69-07083	CM-09703		Nguyễn Văn Đồi	ấp 8, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	15/03/2010	15/09/2010	01684/10S69
5917	S69-07084			Nguyễn Thị Mỹ Châu	ấp Xóm Chùa, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	28/01/2008	28/01/2009	00494/08S69
5918	S69-07086	CM-03350		Nguyễn Văn Nhị	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01645/15S69
5919	S69-07087	CM-03398		Nguyễn Văn Thới	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/06/2010	21/06/2011	03321/10S69
5920	S69-07088	CM-03364	Chí Linh	Hồng Ngọc út	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/06/2010	21/06/2011	03317/10S69
5921	S69-07090	CM-03361		Lê Minh Dũng	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00309/08S69
5922	S69-07091	CM-03341		Võ Văn Hôn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00310/08S69
5923	S69-07092	CM-02511		Nguyễn Văn Thiết	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01653/15S69
5924	S69-07093	CM-02554		Lê Kim Phượng	Đất mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00312/08S69
5925	S69-07094	CM-02999		Nguyễn Hồng Tươi	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	07/01/2009	07/01/2010	00059/09S69
5926	S69-07095	CM-03024		Nguyễn Minh Hùng	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01986/10S69
5927	S69-07096	CM-02802		Trương Châu Em	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00315/08S69
5928	S69-07097	CM-01609		Nguyễn Lệ Thủy	ấp Kinh Đào Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11073/08S69
5929	S69-07098	CM-02734		Nguyễn Tấn Kiệt	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00317/08S69
5930	S69-07099	CM-02793		Nguyễn Văn Trí	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00318/08S69
5931	S69-07100	CM-02771		Thạch Dư	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11067/08S69
5932	S69-07101	CM-03014		Cao Văn Khởi	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00320/08S69
5933	S69-07102	CM-02739		Đặng Văn Mì	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00321/08S69
5934	S69-07103	CM-02753		Lý Thị Mai Chị	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11088/08S69
5935	S69-07104	CM-03029		Nguyễn Văn Linh	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00323/08S69
5936	S69-07105	CM-02766		Trần Văn Thống	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00324/08S69
5937	S69-07106	CM-01571		Mã Văn út	ấp Kinh Đào Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00325/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5938	S69-07107	CM-02812		Đoàn Văn Trọng Thủy	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00326/08S69
5939	S69-07108	CM-02732		Huỳnh Văn Lên	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11094/08S69
5940	S69-07109	CM-		Trương Minh Thuận	ấp Rạch Thọt Xã Đất mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11090/08S69
5941	S69-07110	CM-02744		Cao Xuân Quyền	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00329/08S69
5942	S69-07111	CM-03037		Nguyễn Tấn Vũ	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00330/08S69
5943	S69-07112	CM-03036		Nguyễn Tấn Vũ	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00331/08S69
5944	S69-07113	CM-02774		Nguyễn Quốc Thái	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00332/08S69
5945	S69-07114			Lê Văn Dũng	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00334/08S69
5946	S69-07115			Trần Xuân Tài	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11066/08S69
5947	S69-07116			Nguyễn Hoàng Phương	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00336/08S69
5948	S69-07117			Phương Tấn Phấn	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00337/08S69
5949	S69-07118			Nguyễn Văn Tôn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11074/08S69
5950	S69-07119			Đặng Việt Cường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00339/08S69
5951	S69-07120			Dương Văn Veo	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00340/08S69
5952	S69-07121			Trương Phương Bắc	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00341/08S69
5953	S69-07122			Nguyễn Văn Sơn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00342/08S69
5954	S69-07123			Tạ Quốc Khải	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00343/08S69
5955	S69-07124			Nguyễn Văn Tâm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00344/08S69
5956	S69-07125			Nguyễn Kim Chùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11071/08S69
5957	S69-07126			Phan Lăng Anh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00346/08S69
5958	S69-07127			Võ Trường Giang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00347/08S69
5959	S69-07128	CM-07840		Huỳnh Văn Thắng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11091/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5960	S69-07129			Tô Văn Tất	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2008	01/02/2009	00349/08S69
5961	S69-07130			Đoàn Văn Trọng Thủy	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00350/08S69
5962	S69-07131			Ngô Võ Oanh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	21/01/2008	21/01/2009	00351/08S69
5963	S69-07132			Võ Văn Nhiều	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00352/08S69
5964	S69-07133	CM-07818		Vũ Viết Thế	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11093/08S69
5965	S69-07134			Nguyễn Văn Tuấn	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00353/08S69
5966	S69-07135			Lê Minh Lâm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00355/08S69
5967	S69-07136			Phan Văn Thọ	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00356/08S69
5968	S69-07137			Trương Thanh Quân	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00357/08S69
5969	S69-07138			Nguyễn Văn Hon	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00358/08S69
5970	S69-07140			Nguyễn Văn Núp	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2008	00360/08S69
5971	S69-07141	CM-07895		Phan Văn út	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01988/10S69
5972	S69-07142			Trương Văn Tuấn	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00362/08S69
5973	S69-07143			Bùi Thanh Tùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11080/08S69
5974	S69-07144			Nguyễn Hoàng Dũng	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00364/08S69
5975	S69-07145			Huỳnh Hữu Nghĩa	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00365/08S69
5976	S69-07146			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00366/08S69
5977	S69-07147			Phan Lăng Anh	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00367/08S69
5978	S69-07148			Võ Thanh Thông	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00368/08S69
5979	S69-07149			Nguyễn Lệ Thuỷ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11072/08S69
5980	S69-07150			Nguyễn Tấn Nam	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00370/08S69
5981	S69-07151			Tăng Việt Khái	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00371/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
5982	S69-07152			Đỗ Văn Lắm	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00372/08S69
5983	S69-07153			Tăng Quốc Thới	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00373/08S69
5984	S69-07154			Tạ Văn Thành	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00374/08S69
5985	S69-07155			Phạm Thành Lập	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00375/08S69
5986	S69-07156			Lê Văn Tùng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	02/04/2010	02/04/2011	01910/10S69
5987	S69-07157	CM-07783		Trương Văn Tân	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03318/10S69
5988	S69-07158			Ban QL BV & PTR Đất Mũi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00378/08S69
5989	S69-07159	CM-07785		Võ Hoàng Khải	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04716/09S69
5990	S69-07160			Ban QL BV Rừng Đất Mũi	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00380/08S69
5991	S69-07161			Phạm Tấn Được	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00381/08S69
5992	S69-07163			Ban QL BV và PT Rừng Đất Mũi	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00382/08S69
5993	S69-07164	CM-07781		Lê Hữu Duyên	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08275/08S69
5994	S69-07165	CM-03335		Nguyễn Minh Cảnh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00384/08S69
5995	S69-07166			Nguyễn Văn Cal	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00385/08S69
5996	S69-07167			Nguyễn Văn Sương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00386/08S69
5997	S69-07168			Ban QL BV & PTR Đất Mũi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00387/08S69
5998	S69-07169	CM-03275		Nguyễn Biên Thuỳ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05527/09S69
5999	S69-07170	CM-03279	Hồng Sơn	Phạm Văn Tốt	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2013	03/07/2014	03395/13S69
6000	S69-07171			Ban QL BV Rừng Đất Mũi	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00388/08S69
6001	S69-07172			Ban QL BV và PT Rừng Đất Mũi	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00389/08S69
6002	S69-07173			Ban QL BV & PTR Đất Mũi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00390/08S69
6003	S69-07174			Nguyễn Văn Tuấn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00391/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6004	S69-07175			Ban QLBV & PTR Đất Mũi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00392/08S69
6005	S69-07176			Nguyễn Trường An	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00393/08S69
6006	S69-07178	CM-07802		Nguyễn Đình Hậu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	30/03/2015	30/03/2016	00612/15S69
6007	S69-07179	CM-07782		Huỳnh Văn Khái	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04711/09S69
6008	S69-07180			Lê Văn Tăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	02/04/2010	02/04/2011	01909/10S69
6009	S69-07181	CM-07801		Lê Văn Tăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	02/04/2010	02/04/2011	01908/10S69
6010	S69-07182			Đào Ngọc Diệp	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00399/08S69
6011	S69-07183			Tiều Hoàng Nhơn	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00400/08S69
6012	S69-07184			Nguyễn Thanh Bình	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00401/08S69
6013	S69-07185			Cao Hùng Phong	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00402/08S69
6014	S69-07186			Đào Quốc Cường	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00403/08S69
6015	S69-07187			Nguyễn Văn Thương	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00404/08S69
6016	S69-07188			Nguyễn Thị Bảy	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04719/09S69
6017	S69-07189			Lê Tuấn Khanh	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00406/08S69
6018	S69-07190			Lê Trường Hận	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00407/08S69
6019	S69-07191	CM-07786		Cao Trọng Nghĩa	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04709/09S69
6020	S69-07192			Hồ Văn Khởi	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	29/01/2009	00409/08S69
6021	S69-07193			Lê Văn Ven	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00410/08S69
6022	S69-07194			Trần Hoài Hận	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00411/08S69
6023	S69-07195			Tô Văn Lê	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00412/08S69
6024	S69-07196			Tô Hoàng Hôn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00413/08S69
6025	S69-07198	CM-07805		Nguyễn Phong Sơn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03315/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6026	S69-07199			Trần Ngọc Kim	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00416/08S69
6027	S69-07200	CM-02784		Phan Văn Năm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01985/10S69
6028	S69-07201			Lê Văn Hận	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00417/08S69
6029	S69-07202			Ngô Thanh Hải	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00418/08S69
6030	S69-07203			Nguyễn Hồng Phương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00419/08S69
6031	S69-07204			Nguyễn Văn Thảo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11109/08S69
6032	S69-07205			Nguyễn Thanh Sơn	Ngọc Hiển, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00421/08S69
6033	S69-07206			Cao Văn Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00422/08S69
6034	S69-07207			Nguyễn Văn Nhanh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00423/08S69
6035	S69-07208			Dư Văn Lem	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00424/08S69
6036	S69-07209			Nguyễn Văn Que	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00425/08S69
6037	S69-07210			Mã Văn Góc	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00426/08S69
6038	S69-07211			Phù Việt Hùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00427/08S69
6039	S69-07212			Chung Việt Hùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11022/08S69
6040	S69-07213			Nguyễn Thị Dạng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11078/08S69
6041	S69-07214			Trần Văn Bền	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00430/08S69
6042	S69-07215			Nguyễn Thanh Vũ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00431/08S69
6043	S69-07216			Tạ Phi Long	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00432/08S69
6044	S69-07217			Nguyễn Việt Hải	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00433/08S69
6045	S69-07218	CM-07827		Nguyễn Thanh Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11100/08S69
6046	S69-07219	CM-07832		Nguyễn Thanh Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11099/08S69
6047	S69-07220			Nguyễn út Lớn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00436/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6048	S69-07221			Lộ Minh Trí	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00437/08S69
6049	S69-07222			Lê Thanh Phong	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00438/08S69
6050	S69-07223			Phạm Văn Hào	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00439/08S69
6051	S69-07224			Tô Tấn Phong	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00440/08S69
6052	S69-07225	CM-07869		Huỳnh Văn Chiến	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11092/08S69
6053	S69-07226			Nguyễn Thanh Nhanh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	06001/09S69
6054	S69-07227			Lý Thị Pụn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11076/08S69
6055	S69-07228			Lý Thị Nguyên	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00444/08S69
6056	S69-07229			Lê Minh Xuyên	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00445/08S69
6057	S69-07230			Nguyễn Văn Khởi	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00446/08S69
6058	S69-07232			Lâm Hoàng Tính	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00448/08S69
6059	S69-07233			Lê Thị Vên	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00449/08S69
6060	S69-07234	CM-07839		Cao Văn Minh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11095/08S69
6061	S69-07235	CM-07828		Cao Văn Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11096/08S69
6062	S69-07236			Huỳnh Văn Tiến	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00452/08S69
6063	S69-07237			Trương Văn Đương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11075/08S69
6064	S69-07238	CM-07863		Trần Hoàng Hôn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11084/08S69
6065	S69-07239			Nguyễn Phụng Hiếu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00455/08S69
6066	S69-07240			Lê Văn Be	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00456/08S69
6067	S69-07241			Chung Thành Phúc	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00457/08S69
6068	S69-07242	CM-07889		Bùi Văn Tùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11089/08S69
6069	S69-07243			Cao Việt Quốc	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00459/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6070	S69-07244			Nguyễn Văn Hải	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00460/08S69
6071	S69-07245			Trần Minh Đường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00461/08S69
6072	S69-07246			Thái Thanh Sang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11070/08S69
6073	S69-07247			Nguyễn Hoàng Phương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00463/08S69
6074	S69-07248			Tạ Văn Biết	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00464/08S69
6075	S69-07249			Lê Văn Lâm	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00465/08S69
6076	S69-07250	CM-07168		Trương Minh Tuấn	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05131/11S69
6077	S69-07251	CM-07169		Trương Tấn Đường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01285/10S69
6078	S69-07252			Nguyễn Văn Cương	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00466/08S69
6079	S69-07253			Trương Hoàng Nghiêm	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00467/08S69
6080	S69-07255			Trương Long Châu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00469/08S69
6081	S69-07256			Trương Ngọc ẫn	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00470/08S69
6082	S69-07257			Trương Chí Trung	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00471/08S69
6083	S69-07258			Đoàn Bé Sáu	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00472/08S69
6084	S69-07259			Mai Việt Hải	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00473/08S69
6085	S69-07261			Lê Văn Nhiều	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00475/08S69
6086	S69-07262			Phạm Văn Lập	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00476/08S69
6087	S69-07263			Nguyễn Thanh Phong	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00477/08S69
6088	S69-07264			Trương Văn Nghĩa	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	23/09/2009	23/09/2010	05945/09S69
6089	S69-07265			Nguyễn Văn Đồi	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00479/08S69
6090	S69-07266			Võ Việt Văn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/03/2009	18/03/2010	01931/09S69
6091	S69-07267			Dương Văn Diệt	Khóm 5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	29/01/2008	29/01/2009	00503/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6092	S69-07268	CM-7163		Đình Hữu Nghị	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	01/03/2012	01/03/2013	00724/12S69
6093	S69-07269			Phạm Thanh Bốn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	18/05/2009	18/05/2010	02753/09S69
6094	S69-07270	CM-07161		Nguyễn Văn Quốc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2015	28/06/2016	01194/15S69
6095	S69-07272			Nguyễn Văn Linh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	05/02/2009	05/02/2010	00484/09S69
6096	S69-07273	CM-07154		Bùi Trường Giang	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	10/03/2011	10/03/2012	00810/11S69
6097	S69-07276	CM-07446		Trương Văn Phong	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	21/05/2010	21/05/2011	02835/10S69
6098	S69-07277	CM-07247		Phan Văn Lâm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/01/2011	28/01/2012	00386/11S69
6099	S69-07279	CM-07445		Nguyễn Văn Đẩu	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	30/06/2010	30/06/2011	03401/10S69
6100	S69-07282	CM-02931		Quách Thanh Vân	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	31/01/2008	31/01/2009	00531/08S69
6101	S69-07283	CM-07244		Ngô Thanh Hải	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	03/07/2009	03/07/2010	03732/09S69
6102	S69-07284			Lê Văn Mến	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	01/02/2008	01/02/2009	00534/08S69
6103	S69-07286	CM-07441		Nguyễn Anh Đức	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	09/04/2010	09/04/2011	01958/10S69
6104	S69-07287	CM-05656		Lê Minh Tèo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/09/2011	16/09/2012	03231/11S69
6105	S69-07288			Kim Vũ Ca	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	01/02/2008	01/02/2009	00543/08S69
6106	S69-07290		Công Thành	Ngô Chí Tâm	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	02/02/2008	02/02/2009	00546/08S69
6107	S69-07291			Lương Văn Giỏi	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	02/02/2008	02/02/2009	00547/08S69
6108	S69-07292			Lê Quốc Khởi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00560/08S69
6109	S69-07293			Nguyễn Ngọc Thạch	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00561/08S69
6110	S69-07294			Trần Văn Thảo	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00562/08S69
6111	S69-07295			Ngô Văn Hoàng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00563/08S69
6112	S69-07296			Nguyễn An Khương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00564/08S69
6113	S69-07297			Nguyễn Thanh Lâm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00565/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6114	S69-07298			Trương Công Lĩnh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00566/08S69
6115	S69-07299			Trần Văn út	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	05/02/2010	05/02/2011	00793/10S69
6116	S69-07300			Nguyễn Văn Trương	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00568/08S69
6117	S69-07301			Trần Hoàng Huấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00569/08S69
6118	S69-07302			Nguyễn Mỹ Linh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00570/08S69
6119	S69-07303	CM-08007		Trịnh Văn Kiên	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2010	02/02/2011	00671/10S69
6120	S69-07304			Lê Văn Nhứt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00572/08S69
6121	S69-07305			Trần Văn Miên	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00573/08S69
6122	S69-07306			Trịnh Văn Mãi	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00574/08S69
6123	S69-07307			Mã Khánh Tôn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00575/08S69
6124	S69-07308			Trần Văn Bước	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00576/08S69
6125	S69-07309			Phạm Thanh Vân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00577/08S69
6126	S69-07310			Nguyễn Thanh Hồng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00578/08S69
6127	S69-07311			Nguyễn Văn Hảng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00579/08S69
6128	S69-07312			Đinh Văn Mum	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00580/08S69
6129	S69-07313			Hồ Minh Tâm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00581/08S69
6130	S69-07314			Lâm Tấn Đạt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00582/08S69
6131	S69-07315			Võ Văn Đoan	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00583/08S69
6132	S69-07316			Từ Văn Công	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00584/08S69
6133	S69-07317	CM-08648		Phạm Minh Thắng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01498/09S69
6134	S69-07318			Nguyễn Văn Ngỏi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00586/08S69
6135	S69-07319			Phạm Văn Tỏa	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00587/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6136	S69-07320			Trần Văn Hùng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00588/08S69
6137	S69-07321			Trần Thống Nhất	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00589/08S69
6138	S69-07322			Lê Quốc Tường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00591/08S69
6139	S69-07324			Nguyễn Văn Nhứt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00593/08S69
6140	S69-07325			Phan Tuấn Khải	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00594/08S69
6141	S69-07326			Huỳnh Việt Tường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00595/08S69
6142	S69-07327			Cừu Thanh Tuấn	khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	20/01/2010	20/01/2011	00273/10S69
6143	S69-07328			Ngô Văn Chiếm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00597/08S69
6144	S69-07329			Ngô Văn Hưng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00598/08S69
6145	S69-07330			Ngô Thu Hân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00599/08S69
6146	S69-07331			Nguyễn Lệ Thủy	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00600/08S69
6147	S69-07332			Ngô Hoàng Lân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00601/08S69
6148	S69-07333			Huỳnh Hoàng Dưỡng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00602/08S69
6149	S69-07334			Dương Hoàng Đống	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00603/08S69
6150	S69-07335	CM- 07995		Lê Hữu Duyên	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/04/2011	04/04/2012	01151/11S69
6151	S69-07336			Phạm Văn Thương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2010	31/12/2011	06406/10S69
6152	S69-07337			Trịnh Minh Quốc	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00606/08S69
6153	S69-07338			Lâm Minh Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00607/08S69
6154	S69-07339			Võ Văn Nhanh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00608/08S69
6155	S69-07340			Nguyễn Tấn Phải	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00609/08S69
6156	S69-07341			Lê Hoàng Văn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00610/08S69
6157	S69-07342			Dư Khánh Dư	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00611/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6158	S69-07343	CM-07980		Nguyễn Văn Hân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	25/01/2011	25/01/2012	00346/11S69
6159	S69-07344			Trần Ngọc ảnh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	05/02/2010	05/02/2011	00792/10S69
6160	S69-07345			Lâm Hoàng Bốn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00614/08S69
6161	S69-07346			Trương Văn Tiến	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00615/08S69
6162	S69-07347			Bùi Khởi Nghĩa	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00616/08S69
6163	S69-07348			Nguyễn Thị Anh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00617/08S69
6164	S69-07349			Đặng Thị Háo	ấp 3, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	04/02/2008	04/02/2009	00549/08S69
6165	S69-07350			Lê Thanh Tùng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00618/08S69
6166	S69-07351			Trần Văn Biển	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00619/08S69
6167	S69-07352			Nguyễn Chí Công	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00620/08S69
6168	S69-07353			Trần Thị Bần	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00621/08S69
6169	S69-07354			Cao Văn Mừng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00622/08S69
6170	S69-07355			Đỗ Thúy Hằng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00623/08S69
6171	S69-07356			Cao Văn Nghĩa	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00624/08S69
6172	S69-07357			Trần Tý Hon	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00625/08S69
6173	S69-07358			Phạm Thanh Thôn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00626/08S69
6174	S69-07359			Nguyễn Tấn Tươi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00627/08S69
6175	S69-07360			Cao Quốc Văn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00628/08S69
6176	S69-07361	CM-07994		Trương Minh Chiến	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2011	10/12/2012	04768/11S69
6177	S69-07363			Lê Văn Lực	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00631/08S69
6178	S69-07364	CM-08655		Cam Hùng Sáng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2010	02/02/2011	00664/10S69
6179	S69-07365			Nguyễn Văn Nữa	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00633/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6180	S69-07366			Trần Thanh Thuồng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00634/08S69
6181	S69-07367			Phạm Việt Tân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00635/08S69
6182	S69-07368			Nguyễn Minh Khuê	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00636/08S69
6183	S69-07369			Dư Hoàng Diễn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00637/08S69
6184	S69-07370			Trần Công Đoàn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00638/08S69
6185	S69-07371			Nguyễn Văn Nhon	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00639/08S69
6186	S69-07372			Ngô Hoàng Việt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00640/08S69
6187	S69-07373			Nguyễn Văn Dũng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00641/08S69
6188	S69-07374			Nguyễn Xuân Khia	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00642/08S69
6189	S69-07375	CM-07989		Trương Minh Chiến	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2011	10/12/2012	04771/11S69
6190	S69-07376	CM-08628		Lâm Quốc Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2013	11/03/2014	01580/13S69
6191	S69-07377	CM-07660		Huỳnh Hoài Hận	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/06/2009	26/06/2010	03558/09S69
6192	S69-07378	CM-01351		Đình Văn Việt	ấp Tân Long A, Xã Tân tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08549/12S69
6193	S69-07379			Lâm Văn Lộc	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2008	02/02/2009	00590/08S69
6194	S69-07384	CM-07671		Tân Hữu Danh	52 B, Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	24/10/2013	24/10/2014	05346/13S69
6195	S69-07385			Nguyễn Thanh Xuyên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00855/09S69
6196	S69-07386			Phan Thành Thảo	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	19/02/2008	19/02/2009	00661/08S69
6197	S69-07387	CM- 07731		Võ Văn Phục	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/02/2012	14/02/2013	00507/12S69
6198	S69-07389	CM-07675		CTY TNHH MTV VL XD TTNT Công Thành	K7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	26/10/2011	26/10/2012	03863/11S69
6199	S69-07392	CM-		Dương Trung Tình	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	04/04/2008	04/04/2009	02137/08S69
6200	S69-07393			Nguyễn Văn Ngon	Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	21/02/2008	21/02/2009	00685/08S69
6201	S69-07394			Trần Văn Quân	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	21/02/2008	21/02/2009	00686/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6202	S69-07395	CM-07724		Trịnh Văn Pha	37 A, Khóm 6, Phường 6, Thành phố Cà Mau	16/10/2009	16/10/2010	06343/09S69
6203	S69-07396		Ghe Tải	Đào Tấn Hạnh	Khóm 5, Phường 6, Thành phố Cà Mau	20/02/2009	20/02/2010	00921/09S69
6204	S69-07398			Lâm Hữu Phần	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	23/02/2008	23/02/2009	00697/08S69
6205	S69-07399	CM-03235		Nguyễn Văn Chiểu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01329/09S69
6206	S69-07402	CM-03321		Huỳnh Thanh Nhân	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00714/08S69
6207	S69-07403	CM-01265		Đặng Minh Thông	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	27/02/2008	25/02/2009	00720/08S69
6208	S69-07404	CM-07726		Nguyễn Văn Nói	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00541/10S69
6209	S69-07407			Bùi Văn Khởi	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00726/08S69
6210	S69-07408			Dương Tấn Đạt	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00727/08S69
6211	S69-07409			Dương Văn Căng	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00728/08S69
6212	S69-07410			Nguyễn Trường Bảo	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00729/08S69
6213	S69-07411			Bùi Minh Tân	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00730/08S69
6214	S69-07413			Phạm Trường Hận	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00732/08S69
6215	S69-07414			Huỳnh Văn Còn	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00733/08S69
6216	S69-07415			Hà Văn Đức	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00734/08S69
6217	S69-07416			Trần Văn Lâm	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00735/08S69
6218	S69-07417			Đào Tấn Cường	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00736/08S69
6219	S69-07418			Lê Minh Sở	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00737/08S69
6220	S69-07419			Võ Thị Thia	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00738/08S69
6221	S69-07420			Nguyễn Văn Thuận	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00739/08S69
6222	S69-07421			Nguyễn Văn Công	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00740/08S69
6223	S69-07422			Huỳnh Thanh Nhân	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00741/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6224	S69-07423			Cao Nhật Tảo	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00742/08S69
6225	S69-07424			Lê Văn Vàng	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00743/08S69
6226	S69-07425			Nguyễn Vĩnh viễn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00744/08S69
6227	S69-07426			Phan Văn Toàn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00745/08S69
6228	S69-07427			Dương Chí Thanh	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00746/08S69
6229	S69-07428			Dương Vũ Lâm	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00747/08S69
6230	S69-07429			Đoàn Văn Mến	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00748/08S69
6231	S69-07430			Nguyễn Văn út	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00749/08S69
6232	S69-07431			Trần Văn Thắng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00750/08S69
6233	S69-07432			Nguyễn Hoàng Hương	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00751/08S69
6234	S69-07433			Phù Văn Đón	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00752/08S69
6235	S69-07434			Huỳnh Tấn Ngôn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00753/08S69
6236	S69-07435			Huỳnh Văn Mười	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00754/08S69
6237	S69-07436			Phan Văn Bình	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00755/08S69
6238	S69-07437			Nguyễn Mười Một	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00756/08S69
6239	S69-07438			Nguyễn Văn Tân	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00757/08S69
6240	S69-07439			Đào Minh Đức	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00758/08S69
6241	S69-07440			Lê Chiến Công	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00759/08S69
6242	S69-07441			Lê Văn Đạm	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00760/08S69
6243	S69-07442			Mai Văn Lựa	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00761/08S69
6244	S69-07443			Phan Thị Mãi	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00762/08S69
6245	S69-07444			Bùi Thanh Ly	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00763/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6246	S69-07445			Diệp Văn Sơn	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00764/08S69
6247	S69-07446			Phù Văn Đậu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00765/08S69
6248	S69-07447			Phan Văn Phải	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00766/08S69
6249	S69-07448			Thái Văn Lùng	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00768/08S69
6250	S69-07449			Trần Tấn Mẫn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00767/08S69
6251	S69-07450			Trương Cương Lĩnh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00771/08S69
6252	S69-07451			Nguyễn Văn út	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00772/08S69
6253	S69-07452			Nguyễn Văn Phước	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00773/08S69
6254	S69-07453			Phan Văn Ngan	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00774/08S69
6255	S69-07454			Nguyễn Văn út	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00775/08S69
6256	S69-07455			Nguyễn Văn Đến	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00776/08S69
6257	S69-07456			Phan Văn An	Khánh lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00777/08S69
6258	S69-07457			Trần Văn Nhắc	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00778/08S69
6259	S69-07458			Nguyễn Văn Xuân	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00779/08S69
6260	S69-07459			Trương Văn Phát	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00780/08S69
6261	S69-07460			Võ Quốc Toàn	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00781/08S69
6262	S69-07461	CM-08167		Trần Văn Mừng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05273/09S69
6263	S69-07462			Lý Cúc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00783/08S69
6264	S69-07463			Nguyễn Văn Đoàn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00784/08S69
6265	S69-07464			Nguyễn Văn Ngoán	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00785/08S69
6266	S69-07465			Đào Văn Hiến	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00786/08S69
6267	S69-07466			Trần Thanh Bình	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00787/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6268	S69-07467			Hà Văn Kết	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00788/08S69
6269	S69-07468			Nguyễn Trọng Ổn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00789/08S69
6270	S69-07469			Bùi Văn Kiệt	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00790/08S69
6271	S69-07470			Nguyễn Văn Phận	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00791/08S69
6272	S69-07471			Trần Văn Mục	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00792/08S69
6273	S69-07472			Lý Văn Hùng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00793/08S69
6274	S69-07473			Nguyễn Văn Chiến	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00794/08S69
6275	S69-07474			Trần Hoàng Kết	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00795/08S69
6276	S69-07475			Phạm Văn Nghĩa	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00796/08S69
6277	S69-07476			Phan Văn Nguyên	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00797/08S69
6278	S69-07477			Võ Minh Trạch	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00798/08S69
6279	S69-07478			Lê Ngọc Giàu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00799/08S69
6280	S69-07479			Dương Văn Tiếp	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00800/08S69
6281	S69-07480			Tăng Minh Thập	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00801/08S69
6282	S69-07481			Tô Văn Thừa	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00802/08S69
6283	S69-07482			Thái Thành Lũy	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00803/08S69
6284	S69-07484			Đào Minh Chuyên	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00805/08S69
6285	S69-07485			Lương Trung Kiên	Khánh lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00806/08S69
6286	S69-07486			Lâm Văn Măng	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00807/08S69
6287	S69-07487			Trần Văn Thấy	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05275/09S69
6288	S69-07488			Nguyễn Trung Tấn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00809/08S69
6289	S69-07489			Nguyễn Văn Thành	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00810/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6290	S69-07490			Trần Quốc Việt	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00811/08S69
6291	S69-07491			Hà Văn Chiếm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00812/08S69
6292	S69-07492			Dương Quốc Hùng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00813/08S69
6293	S69-07493			Trịnh Văn Nhiễm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	28/02/2009	00814/08S69
6294	S69-07494			Phan Hoàng Toàn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00815/08S69
6295	S69-07495			Đình Văn Lãnh	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00816/08S69
6296	S69-07496			Nguyễn Chí Công	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00817/08S69
6297	S69-07497			Nguyễn Văn Doanh	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00818/08S69
6298	S69-07498			Nguyễn Tấn Phúc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00819/08S69
6299	S69-07499			Lê Văn Bình	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00820/08S69
6300	S69-07500			Lê Văn Sử	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00821/08S69
6301	S69-07501			Võ Văn Phong	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00822/08S69
6302	S69-07502			Khổng Văn Tiến	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00823/08S69
6303	S69-07503			Đặng Minh Tính	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00824/08S69
6304	S69-07504			Đỗ Văn Trình	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00825/08S69
6305	S69-07505			Lâm Hoàng Khởi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00826/08S69
6306	S69-07506			Lâm Văn Giàu	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00827/08S69
6307	S69-07507			Hồ Văn Lộc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00828/08S69
6308	S69-07508	CM-08217		Nguyễn Chí Nguyên	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2012	10/04/2013	01587/12S69
6309	S69-07509			Trương Văn Hiền	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00770/08S69
6310	S69-07510			Phù Văn Bắc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00769/08S69
6311	S69-07511	CM-06779		Hồ Quốc Đẩu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/03/2010	15/03/2011	01215/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6312	S69-07512			Trần Minh Luân	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00731/08S69
6313	S69-07513			Lê Minh Quang	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00831/08S69
6314	S69-07514			Nguyễn Quốc Duy	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00832/08S69
6315	S69-07515			Lê Văn Hận	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00833/08S69
6316	S69-07516			Võ Minh Trọng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00834/08S69
6317	S69-07517			Dương Hùng Cường	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00835/08S69
6318	S69-07518			Trần Văn Kha	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00836/08S69
6319	S69-07519			Võ Minh Bạch	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00837/08S69
6320	S69-07520			Cao Quốc Sáng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00838/08S69
6321	S69-07521	CM- 08026		Phạm Văn Nghĩa	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03837/13S69
6322	S69-07522			Lâm Văn Đạt	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00840/08S69
6323	S69-07523			Nguyễn Văn Trọng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00841/08S69
6324	S69-07524			Trần Văn Chí	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00842/08S69
6325	S69-07525			Nguyễn Văn Năm	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00843/08S69
6326	S69-07526			Huỳnh Văn Thiện	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00844/08S69
6327	S69-07527			Cái Ngọc Dung	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00845/08S69
6328	S69-07528			Phạm Văn Mẫn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00846/08S69
6329	S69-07529			Bùi Tân Em	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00847/08S69
6330	S69-07530			Lê Văn Tế	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00848/08S69
6331	S69-07531			Đỗ Văn Gấm	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00849/08S69
6332	S69-07532			Dương Văn Dũng	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00850/08S69
6333	S69-07533			Nguyễn Thanh Tòng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00851/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6334	S69-07534			Trần Hoàng Kha	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00852/08S69
6335	S69-07535			Châu Văn Điện	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00853/08S69
6336	S69-07536			Cao Văn Tập	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00854/08S69
6337	S69-07537			Dương Văn Nhu	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00855/08S69
6338	S69-07538	CM-08045		Lê Văn Cơ	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	26/05/2009	26/05/2010	02983/09S69
6339	S69-07539			Nguyễn Văn Trí	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00857/08S69
6340	S69-07540			Phạm Văn Gương	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00858/08S69
6341	S69-07541			Bùi Văn Hưng	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00859/08S69
6342	S69-07542			Phan Văn Sơn	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00860/08S69
6343	S69-07543	CM-08048		Hà Văn Thảo	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/07/2010	16/07/2011	03641/10S69
6344	S69-07544			Ngô Tấn Công	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00862/08S69
6345	S69-07545			Nguyễn Văn Nhung	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00863/08S69
6346	S69-07546			Huỳnh Văn Hiếu	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00864/08S69
6347	S69-07547			Hồ Văn Đời	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00865/08S69
6348	S69-07548			Võ Văn Sánh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00866/08S69
6349	S69-07549			Huỳnh Văn Tưng	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00867/08S69
6350	S69-07550			Quách Văn Quận	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00868/08S69
6351	S69-07551			Phạm Minh Tuấn	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00869/08S69
6352	S69-07552			Phạm Văn Thái	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00870/08S69
6353	S69-07553			Nguyễn Văn Thuận	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00871/08S69
6354	S69-07554			Nguyễn Văn Tèo	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00872/08S69
6355	S69-07555			Trần Bé Năm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00873/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6356	S69-07556			Phan Văn Ngoạn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00874/08S69
6357	S69-07557			Nguyễn Văn Gấm	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00875/08S69
6358	S69-07558			Trần Văn Tuấn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00876/08S69
6359	S69-07559			Huỳnh Văn Lộc	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00877/08S69
6360	S69-07560			Lý Văn Hận	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00878/08S69
6361	S69-07561	CM-02610		Đoàn Trường Giang	Xã TânThành, Thành phố Cà Mau	11/02/2014	11/02/2015	00384/14S69
6362	S69-07562			Đặng Minh Lũy	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00879/08S69
6363	S69-07563			Lý Văn Hai	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00880/08S69
6364	S69-07564			Phạm Văn Hiếu	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00881/08S69
6365	S69-07565			Nguyễn Văn Quân	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00882/08S69
6366	S69-07566			Huỳnh Hữu Tính	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00883/08S69
6367	S69-07567			Phạm Nghi Đấu	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00884/08S69
6368	S69-07568			Võ Văn Ghi	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00885/08S69
6369	S69-07569			Võ Văn Phá	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00886/08S69
6370	S69-07570			Nguyễn Văn Kha	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00887/08S69
6371	S69-07571			Bùi Kim ẫn	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00888/08S69
6372	S69-07572			Trần Văn Việt	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00889/08S69
6373	S69-07574			Phạm Văn Đạt	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00891/08S69
6374	S69-07575			Nguyễn Văn Thắng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00892/08S69
6375	S69-07576			Nguyễn Văn Thạnh	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00893/08S69
6376	S69-07577			Nguyễn Văn Bình	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00894/08S69
6377	S69-07578			Huỳnh Văn Phẩm	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00895/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6378	S69-07579			Bùi Minh Hải	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00896/08S69
6379	S69-07580			Nguyễn Văn Lập	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00897/08S69
6380	S69-07581			Nguyễn Văn Đá	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00898/08S69
6381	S69-07582			Đỗ Văn Được	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00899/08S69
6382	S69-07583			Nguyễn Văn Nghi	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00900/08S69
6383	S69-07584			Nguyễn Văn Phi	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00901/08S69
6384	S69-07585			Hồ Văn Khánh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00902/08S69
6385	S69-07586			Lê Văn Ngàn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00903/08S69
6386	S69-07587			Lương Hoàng Năng	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00904/08S69
6387	S69-07588			Võ Văn Quyển	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00905/08S69
6388	S69-07589			Trần Văn Nhân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00906/08S69
6389	S69-07590			Lâm Hoàng Ân	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00907/08S69
6390	S69-07591			Đào Văn út	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00908/08S69
6391	S69-07592			Bào Thanh Liêm	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00909/08S69
6392	S69-07593			Phạm Văn Chơn	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00910/08S69
6393	S69-07594			Đỗ Văn Lâm	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00911/08S69
6394	S69-07595	CM-08043		Lâm Văn Luận	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2009	11/12/2010	06990/09S69
6395	S69-07596			Cao Thanh Gương	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00913/08S69
6396	S69-07597			Nguyễn Hoàng Nam	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00914/08S69
6397	S69-07598			Lê Trung Hậu	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00915/08S69
6398	S69-07599			Huỳnh Xâm	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00916/08S69
6399	S69-07600			Cao Văn Trọng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00917/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6400	S69-07601			Châu Văn Khánh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00918/08S69
6401	S69-07602			Nguyễn Hồng Nhiên	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00919/08S69
6402	S69-07603			Lê Văn Phối	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00920/08S69
6403	S69-07604			Võ Văn Mây	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00921/08S69
6404	S69-07605			Huỳnh Văn Kiển	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00922/08S69
6405	S69-07606			Phù Văn Thi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00923/08S69
6406	S69-07607			Huỳnh Thanh Phủ	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00924/08S69
6407	S69-07608			Phạm Trường Giang	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00925/08S69
6408	S69-07609			Đào Văn Sơn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00926/08S69
6409	S69-07611			Trịnh Văn Lực	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00928/08S69
6410	S69-07612			Nguyễn Văn Chất	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00929/08S69
6411	S69-07613			Phạm Văn Sa	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00930/08S69
6412	S69-07614			Trần Văn Hiệp	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00931/08S69
6413	S69-07615			Phù Văn Đen	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00932/08S69
6414	S69-07616			Nguyễn Văn Kiệm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00933/08S69
6415	S69-07617			Trần Văn Kha	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00934/08S69
6416	S69-07618			Trần Thanh Quyên	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00935/08S69
6417	S69-07619			Phan Văn Rọt	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00936/08S69
6418	S69-07620			Dương Công ứng	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00937/08S69
6419	S69-07621			Phù Văn Tìl	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00938/08S69
6420	S69-07622			Trần Văn Khái	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00939/08S69
6421	S69-07623			Ngô Văn Bìl	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00940/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6422	S69-07624			Nguyễn Phong Điền	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00941/08S69
6423	S69-07625			UBND Xã Phong Lạc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00942/08S69
6424	S69-07626			UBND Xã Phong Lạc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00943/08S69
6425	S69-07627	CM-01499		Nguyễn Thị út A	ấp Đất Cháy, Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00944/08S69
6426	S69-07628			Trần Văn Phải	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00945/08S69
6427	S69-07629			Lưu Văn út Rồi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00946/08S69
6428	S69-07630			Lê Thị Ngay	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00947/08S69
6429	S69-07631			Ngô Văn Đạo	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00948/08S69
6430	S69-07632			Nguyễn Tấn Tài	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00949/08S69
6431	S69-07633	CM-08169		Đào Văn Ngon	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05977/10S69
6432	S69-07636			Huỳnh Văn Dũng	79E K6, P6, Thành phố Cà Mau	27/02/2008	27/02/2009	00965/08S69
6433	S69-07637			Nguyễn Văn Nhữn	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	28/02/2008	28/02/2009	00967/08S69
6434	S69-07638	CM-07929		Nguyễn Văn Thuận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	27/10/2010	27/10/2011	05409/10S69
6435	S69-07639	CM-03323		Lê Văn Khởi	Khánh An, Huyện U Minh	21/08/2012	21/02/2013	04508/12S69
6436	S69-07640	CM-02707		Đoàn Dũng Lam	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	30/08/2008	28/02/2009	06199/06S69
6437	S69-07641	CM-07942		Nguyễn Văn Hồng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	08/01/2010	08/01/2011	00107/10S69
6438	S69-07642			Nguyễn Đức Đồng	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	03/03/2008	03/03/2009	00980/08S69
6439	S69-07643			Vũ Hoàng Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/07/2009	10/07/2010	03858/09S69
6440	S69-07645	CM-08862		Nguyễn Văn Thắng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05585/10S69
6441	S69-07647	CM-00489		Trần Văn Chính	K7, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00993/12S69
6442	S69-07649			Nguyễn Văn Tịnh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	04/03/2008	04/03/2009	01072/08S69
6443	S69-07650			Nguyễn Văn Chọn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	04/03/2008	04/03/2009	01073/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6444	S69-07653			Huỳnh Văn Nhân	Trần Thới, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01000/08S69
6445	S69-07654	CM-08803		Lê Ngọc Chúc	Trần Thới, Huyện Cái Nước	23/08/2011	20/08/2012	02850/11S69
6446	S69-07655	CM-09962		Nguyễn Văn Hiền	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/04/2013	05475/12S69
6447	S69-07656			Trần Văn Phước	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	01003/08S69
6448	S69-07657			Võ Văn Thủ	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	01004/08S69
6449	S69-07658	CM-08835		Võ Thanh Tùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05589/09S69
6450	S69-07659			Phan Hoàng Hải	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	01006/08S69
6451	S69-07660			Nguyễn Văn Nghiệp	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	01007/08S69
6452	S69-07661			Võ Văn Vũ	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	01008/08S69
6453	S69-07662			Nguyễn Văn Giáp	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	01009/08S69
6454	S69-07663			Phạm Viết Bảo	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	01010/08S69
6455	S69-07666	CM-09066		Trần Thanh Hoàng	xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00838/11S69
6456	S69-07667			Lê Mỹ Yên	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/02/2008	28/02/2009	01014/08S69
6457	S69-07669			Đinh Văn Nhỏ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01016/08S69
6458	S69-07670			Đặng Chí Đành	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01017/08S69
6459	S69-07671			Trần Thanh Tùng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01018/08S69
6460	S69-07672			Từ Văn Thoảng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01019/08S69
6461	S69-07673			Lâm Đức Toàn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01020/08S69
6462	S69-07674	CM-08836		Từ Văn Việt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05584/09S69
6463	S69-07675			Trương Văn Ủa	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01022/08S69
6464	S69-07676	CM-08828		Diệp Tú An	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05091/12S69
6465	S69-07677			Trần Minh Phụng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01024/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6466	S69-07678			Nguyễn Thành Tự	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	02015/08S69
6467	S69-07679			Đặng Thanh Tiệp	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01026/08S69
6468	S69-07680	CM-08797		Nguyễn Văn Hoàng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01853/10S69
6469	S69-07681			Trương Thanh Đạm	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01028/08S69
6470	S69-07682			Triệu Thị Trinh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01029/08S69
6471	S69-07683			Trần Văn Dũng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01030/08S69
6472	S69-07684			Triệu Hoàng Hiệ	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01031/08S69
6473	S69-07685			Lê Tấn Công	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01032/08S69
6474	S69-07686			Nguyễn Duy Khánh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01033/08S69
6475	S69-07687			Dương Văn Khải	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01034/08S69
6476	S69-07688	CM-08815		Võ Văn Mãng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	03/07/2012	02/07/2013	03536/12S69
6477	S69-07689			Lê Văn Ca	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01036/08S69
6478	S69-07690			Trần Bảo Quốc	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01037/08S69
6479	S69-07691			Nguyễn Văn Hoa	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01038/08S69
6480	S69-07692			Nguyễn Văn Hòn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01039/08S69
6481	S69-07693	CM-08847		Nguyễn Hoàng Trọng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03537/12S69
6482	S69-07694			Hà Công Nghiệp	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01041/08S69
6483	S69-07695	CM-09442		Võ Văn Trung	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/03/2013	25/03/2014	01925/13S69
6484	S69-07696			Nguyễn Hồng Thanh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01043/08S69
6485	S69-07697	CM-08832		Lưu Hoàng út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/03/2011	22/03/2012	00967/11S69
6486	S69-07699			Huỳnh Tuấn Khanh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01046/08S69
6487	S69-07701	CM-08841		Mạc Văn Hải	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03548/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6488	S69-07703			Trần Tiền Giang	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01050/08S69
6489	S69-07704			Trần Văn Vũ	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01051/08S69
6490	S69-07706			Cao Thanh Tùng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01053/08S69
6491	S69-07707			Bùi Văn Cảnh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01054/08S69
6492	S69-07708			Cao Hùng Cường	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01055/08S69
6493	S69-07710	CM-08840		Võ Văn Xâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05095/10S69
6494	S69-07712			Đoàn Thanh Hùng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01059/08S69
6495	S69-07713			Lê Thanh Tùng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01060/08S69
6496	S69-07715			Nguyễn Văn Nghiệp	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01062/08S69
6497	S69-07716			Trần Tấn Thành	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01063/08S69
6498	S69-07717			Cao Văn Bi	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01064/08S69
6499	S69-07718			Nguyễn Văn Liễn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/03/2008	01/03/2009	01065/08S69
6500	S69-07719			Đoàn Văn Yên	Khánh An, Huyện U Minh	01/06/2011	01/12/2011	01812/11S69
6501	S69-07721	CM-07925		Nguyễn Thành Dũng	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	06/05/2014	06/05/2015	01210/14S69
6502	S69-07722			Phạm Thanh Giang	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	04/03/2008	04/03/2009	01078/08S69
6503	S69-07723			Phạm Thành Kiệp	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	05/03/2008	05/03/2009	01081/08S69
6504	S69-07724			Đoàn Thanh Yên	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	05/03/2008	05/03/2009	01083/08S69
6505	S69-07730	CM-07915		Diệp Thanh Đông	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	29/10/2009	29/10/2010	06484/09S69
6506	S69-07731			CTy TNHH Xây dựng Thương Mại Du Lịch Công Lý	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	07/03/2008	07/03/2009	00467/08V94
6507	S69-07732			Nguyễn Hoàng Bưư	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	07/03/2008	07/03/2009	01100/08S69
6508	S69-07735	CM-03417		Lê Văn Trận	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2011	11/01/2012	00122/11S69
6509	S69-07736	CM-01525		Quách Hữu Vui	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02056/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6510	S69-07737	CM-51034		Nguyễn Văn Nhanh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07796/12S69
6511	S69-07741	CM-12046		Nguyễn Văn Nguyên	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04583/12S69
6512	S69-07742			Diệp Minh Quang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07878/12S69
6513	S69-07743			Trịnh Chí Hiếu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01128/08S69
6514	S69-07744			Diệp Minh Phấn	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01129/08S69
6515	S69-07745			Phạm Văn Du	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01130/08S69
6516	S69-07746	CM-14400		Lê Thanh Huy	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	05/12/2012	05/12/2013	07937/12S69
6517	S69-07747			Nguyễn Phi Thoàng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01132/08S69
6518	S69-07748			Trần Văn út	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01133/08S69
6519	S69-07749			Lê út Sil	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01134/08S69
6520	S69-07750			Nguyễn Văn Tạo	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01135/08S69
6521	S69-07751			Nguyễn Văn út	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01813/10S69
6522	S69-07752			Nguyễn Tấn Lực	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01137/08S69
6523	S69-07754			Nguyễn Phi Hào	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02403/10S69
6524	S69-07760			Trần Hồng Lài	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01145/08S69
6525	S69-07761	CM-08398		Đinh Thanh Liêm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10239/12S69
6526	S69-07762			Đặng Hoài Hận	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01147/08S69
6527	S69-07763			Đoàn Văn Sáng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01148/08S69
6528	S69-07764			Võ Văn Tánh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01149/08S69
6529	S69-07765	CM-08549		Phan Vũ Ca	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10263/12S69
6530	S69-07766			Nguyễn Văn Toàn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01151/08S69
6531	S69-07767			Lê Thanh Vui	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01152/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6532	S69-07768	CM-08488		Phạm Văn Quán	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10266/12S69
6533	S69-07769			Nguyễn Văn Hy	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01154/08S69
6534	S69-07770			Võ Văn Huệ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01155/08S69
6535	S69-07771			Võ Vĩnh Thuận	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01156/08S69
6536	S69-07772	CM-08414		Huỳnh Văn Lệ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01913/09S69
6537	S69-07773			Trần Bảo Quốc	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01158/08S69
6538	S69-07774			Phạm Văn Bảnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01159/08S69
6539	S69-07775			Hà Kim Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	29/06/2010	29/06/2011	03381/10S69
6540	S69-07776			Trần Văn Thành	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01161/08S69
6541	S69-07777			Trần Hoàng Liệt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01162/08S69
6542	S69-07779			Nguyễn Hoàng Vũ	Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01164/08S69
6543	S69-07780			Phạm Hoàng Sáng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01165/08S69
6544	S69-07781			Huỳnh Hoàng Minh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01166/08S69
6545	S69-07782	CM-08551		Nguyễn Hữu Thạnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10221/12S69
6546	S69-07783			Nguyễn Văn Khởi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01168/08S69
6547	S69-07784	CM-08561		Trương Hoàng Khuyên	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00092/13S69
6548	S69-07785	CM-08324		Nguyễn Hoàng Sang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	17/10/2012	03882/11S69
6549	S69-07786			Nguyễn Văn Cứ	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01171/08S69
6550	S69-07787			Dương Văn Chiến	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01172/08S69
6551	S69-07789	CM-08496		Đoàn Văn Trung	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10261/12S69
6552	S69-07791			Nguyễn Hữu Hưng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01176/08S69
6553	S69-07792	CM-08407		Nguyễn Văn Tình	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	05/01/2012	05/01/2013	00071/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6554	S69-07793	CM-08507		Nguyễn Hoàng Bắc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06600/13S69
6555	S69-07794			Dương Tiến Khởi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01179/08S69
6556	S69-07795		Hoàng Lâm	Thái Hồng Sơn	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01180/08S69
6557	S69-07796	CM-08557		Nguyễn Văn Công	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03342/13S69
6558	S69-07797			Bùi Minh Định	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01182/08S69
6559	S69-07798	CM-08468		Nguyễn Văn Bé Tư	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10222/12S69
6560	S69-07799	CM-08447		Phan Tấn Chon	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01275/10S69
6561	S69-07800	CM-08451		Trần Văn Lệ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01105/13S69
6562	S69-07801			Nguyễn Phước thiệu	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01186/08S69
6563	S69-07802			Trần Hoàng Giao	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01187/08S69
6564	S69-07803	CM-08314		Nguyễn Văn Tài	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01145/14S69
6565	S69-07804	CM-08452		Trần Văn Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10177/12S69
6566	S69-07805			Nguyễn Văn Thọai	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01190/08S69
6567	S69-07806			Huỳnh Văn Công	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01191/08S69
6568	S69-07808		Cẩm Duyên	Đoàn Quốc Sử	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01193/08S69
6569	S69-07809			Nguyễn Hoàng Bảy	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01194/08S69
6570	S69-07810			Phạm Bình Khâm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01195/08S69
6571	S69-07811			Phan Thành Phụng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01196/08S69
6572	S69-07812			Phạm Văn Phán	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01197/08S69
6573	S69-07813	CM-08455		Nguyễn Thanh út	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01135/14S69
6574	S69-07814			Hồ Thanh Trường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01199/08S69
6575	S69-07815			Lê Hoàng Hổ	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01200/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6576	S69-07816	CM-08333		Võ Hoàng Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07773/12S69
6577	S69-07817			Đào Thanh Nam	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01202/08S69
6578	S69-07818			Võ Văn Lý	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01203/08S69
6579	S69-07819			Dương Anh Củng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	26/01/2010	26/01/2011	00499/10S69
6580	S69-07820	CM-08330		Trần Thanh Thi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10189/12S69
6581	S69-07821	CM-08309		Huỳnh Văn Xum	Tạ An Khương, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2012	28/11/2013	07884/12S69
6582	S69-07823			Phạm Minh Dương	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01208/08S69
6583	S69-07825	CM-08387		Nguyễn Thanh Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07798/12S69
6584	S69-07827			Lý Văn Hùng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01212/08S69
6585	S69-07828		Hoài Nghi	Nguyễn Thùy Em	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01213/08S69
6586	S69-07829	CM-08372		Huỳnh Văn Đà	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10219/12S69
6587	S69-07830			Trần Văn thảo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01215/08S69
6588	S69-07832			Lý Trường Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10270/12S69
6589	S69-07833	CM-08367		Huỳnh Văn Tỷ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01142/14S69
6590	S69-07834			Hồ Văn Bé	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01219/08S69
6591	S69-07837			Nguyễn Văn Bạch	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01222/08S69
6592	S69-07838			Nguyễn Văn Đông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01223/08S69
6593	S69-07841	CM-08395		Đào Chí Mạnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	06/02/2012	06/02/2013	00425/12S69
6594	S69-07842	CM-08390		Trương Văn Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10188/12S69
6595	S69-07843			Trần út Chính	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01228/08S69
6596	S69-07844	CM-08371		Nguyễn Văn Mộng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00242/15S69
6597	S69-07845	CM-08542		Trần Thanh Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06588/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6598	S69-07846	CM-08439		Lê Thanh Giang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07765/12S69
6599	S69-07848			Lý Văn Luôi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01233/08S69
6600	S69-07849			Phan Văn Tươi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01234/08S69
6601	S69-07850	CM-08499		Võ Kim Luyện	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10265/12S69
6602	S69-07851	CM-08322		Lê Minh Toàn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01832/10S69
6603	S69-07853	CM-08345		Nguyễn Văn Đạt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01139/14S69
6604	S69-07854			Phạm Ngọc Trường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01239/08S69
6605	S69-07855			Phạm Ngọc Nguyên	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01240/08S69
6606	S69-07856	CM-08438		Dương Văn Bí	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10171/12S69
6607	S69-07857			Võ Trường Nam	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01242/08S69
6608	S69-07858			Nguyễn Văn Khế	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01243/08S69
6609	S69-07859			Đặng Văn Hiền	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01244/08S69
6610	S69-07861			Trần Văn Hiền	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01246/08S69
6611	S69-07862			Lê Minh Lập	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01247/08S69
6612	S69-07863	CM-08435		Nguyễn Văn Tại	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10272/12S69
6613	S69-07864			Phạm Văn My	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01249/08S69
6614	S69-07865	CM-08304		Võ Chí Cường	xã Tạ AN Khương, Huyện Đầm Dơi	12/12/2012	12/12/2013	08453/12S69
6615	S69-07866			Đặng Thanh Tới	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01250/08S69
6616	S69-07867	CM-08558		Trần Văn Biển	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00083/13S69
6617	S69-07869			Huỳnh Chí Cường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01254/08S69
6618	S69-07870	CM-08343		Nguyễn Văn Sanh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07869/12S69
6619	S69-07871			Phạm Văn Đô	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01256/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6620	S69-07872			Phạm Văn Hoàng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01257/08S69
6621	S69-07874	CM-08412		Nguyễn Văn Cương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02402/10S69
6622	S69-07875			Nguyễn Hoàng Thông	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01260/08S69
6623	S69-07876			Lê Ngọc Thuận	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01261/08S69
6624	S69-07877	CM-08401		Phạm Chí Lối	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01998/13S69
6625	S69-07878			Nguyễn Văn Hùng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01263/08S69
6626	S69-07879	CM-08339		Đào Văn Nhiệm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06011/13S69
6627	S69-07880			Nguyễn Trường Giang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01265/08S69
6628	S69-07882			Nguyễn Hoài Dạng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01267/08S69
6629	S69-07883	CM-08378		Lý Thanh Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07759/12S69
6630	S69-07884			Đặng Chí Dũng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01269/08S69
6631	S69-07885	CM-08352		Nguyễn Trung Định	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01138/14S69
6632	S69-07887			Huỳnh Thanh Toàn	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01272/08S69
6633	S69-07888	CM-08501		Nguyễn Hoàng Ba	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07800/12S69
6634	S69-07889			Nguyễn Hoàng Chơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01274/08S69
6635	S69-07891	CM-07911		Trần Văn Phép	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09447/12S69
6636	S69-07892	CM-08882		Lê Thành Để	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07760/12S69
6637	S69-07893			Nguyễn Văn Giàu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01277/08S69
6638	S69-07894			Thái Văn Buôi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01278/08S69
6639	S69-07895	CM-08530		Lê Quốc Tâm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03336/13S69
6640	S69-07896			Nguyễn Văn Khá	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01280/08S69
6641	S69-07897			Võ Hoàng Tường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01281/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6642	S69-07898			Vưu Văn Nghĩa	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01282/08S69
6643	S69-07899	CM-08472		Tiêu Trường Hận	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10201/12S69
6644	S69-07900			Dương Minh Cảnh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01284/08S69
6645	S69-07901	CM-08477		Dương Thành Công	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10328/12S69
6646	S69-07902			Chung Văn Liêm Em	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01286/08S69
6647	S69-07903			Trần Minh Rất	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01287/08S69
6648	S69-07904	CM-08553		Trần Văn Năm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10232/12S69
6649	S69-07905			Nguyễn Văn Quýt	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01289/08S69
6650	S69-07906			Nguyễn Thanh Xuân	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01290/08S69
6651	S69-07907			Trần Thanh Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01291/08S69
6652	S69-07908			Nguyễn Hoàng Minh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01292/08S69
6653	S69-07910	CM-08560		Trần Minh Thắng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10264/12S69
6654	S69-07911		Hoàng Thám	Tô Văn Hạnh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01295/08S69
6655	S69-07913			Phạm Văn Đưa	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01297/08S69
6656	S69-07914			Trịnh Văn Chính	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01298/08S69
6657	S69-07915			Trần Văn Phương	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01299/08S69
6658	S69-07916		Triều Lam	Nguyễn Hiếu Đông	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01300/08S69
6659	S69-07917		Thanh Thảo	Mai Văn Tòng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01301/08S69
6660	S69-07918			Trương Văn út	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01302/08S69
6661	S69-07919			Trần Hoàng Thám	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01303/08S69
6662	S69-07920			Đặng Thành Nhứt	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01304/08S69
6663	S69-07921			Trương Hoàng Bắc	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01305/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6664	S69-07922			Nguyễn Văn Tiếp	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01306/08S69
6665	S69-07923			Huỳnh Văn Đương	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01307/08S69
6666	S69-07924			Phan Phương Bình	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01908/08S69
6667	S69-07926	CM-08358		Võ Văn Xiểu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10286/12S69
6668	S69-07927	CM-08462		Bùi Hữu út	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00237/15S69
6669	S69-07929			Trần Văn Nhanh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01313/08S69
6670	S69-07931		Hồng Nhiên	Phạm Văn Xinh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01315/08S69
6671	S69-07933			Mai Chí Phong	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01317/08S69
6672	S69-07934			Quách Phương Hiền	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01318/08S69
6673	S69-07935			Đặng Vũ Lâm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01319/08S69
6674	S69-07936	CM-08671		Đặng Vũ Lâm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/04/2010	13/04/2011	00267/10V69
6675	S69-07939			Trương Tấn Lực	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01323/08S69
6676	S69-07940	CM-08572		Võ Trung Thành	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10211/12S69
6677	S69-07941			Trần Minh Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01325/08S69
6678	S69-07942			Lê Hoàng Đông	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01326/08S69
6679	S69-07943			Lê Văn Quốc	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01327/08S69
6680	S69-07944			Phạm Minh Toàn	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01328/08S69
6681	S69-07945			Nguyễn Văn Luông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01329/08S69
6682	S69-07946			Nguyễn Văn Khợi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01330/08S69
6683	S69-07947	CM-08415		Đào Thanh Ngươn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07885/12S69
6684	S69-07948			Nguyễn Văn Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01332/08S69
6685	S69-07949			Dương Thanh Dũng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01333/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6686	S69-07950			Đặng Văn Đoàn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01334/08S69
6687	S69-07951	CM-05999		Nguyễn Văn Giàu	khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	15/06/2009	15/06/2010	03332/09S69
6688	S69-07952	CM-00632		Phạm Văn Suối	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	29/06/2009	29/06/2010	03625/09S69
6689	S69-07953			Lê Thanh Hóa	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	10/03/2008	10/03/2009	01109/08S69
6690	S69-07954			Huỳnh Hiếu Nghĩa	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01335/08S69
6691	S69-07957			Trương Văn Lư	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01338/08S69
6692	S69-07958			Đặng Văn Trung	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01339/08S69
6693	S69-07959	CM-08506		Đinh Văn Ngãi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07848/12S69
6694	S69-07960			Lê Hoàng Anh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01341/08S69
6695	S69-07962	CM-08457		Phan Văn Bình	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10169/12S69
6696	S69-07963		Hoa Duyên	Hồ Minh Đức	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01344/08S69
6697	S69-07964			Trần Quang Sơn	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01345/08S69
6698	S69-07965	CM-08564		Đặng Văn Giảng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10225/12S69
6699	S69-07966	CM-08489		Võ Minh Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10179/12S69
6700	S69-07967			Võ Hoàng Giang	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01348/08S69
6701	S69-07968			Đoàn Văn Phải	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01349/08S69
6702	S69-07969	CM-08460		Nguyễn Phúc Hậu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01150/14S69
6703	S69-07970	CM-08526		Võ Văn Tường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01094/11S69
6704	S69-07972			Đào Hoàng út	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01833/10S69
6705	S69-07973			Huỳnh Văn Thạnh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01354/08S69
6706	S69-07974			Võ Như ý	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01355/08S69
6707	S69-07975	CM-08483		Lê Thanh Trung	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	26/02/2014	26/02/2015	00512/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6708	S69-07976			Nguyễn Quốc An	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01357/08S69
6709	S69-07977	CM-08482		Dương Ngọc Hà	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/12/2012	07832/12S69
6710	S69-07978			Huỳnh Quốc A	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01359/08S69
6711	S69-07979			Phạm Xuân Lầy	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01360/08S69
6712	S69-07980			Phạm Trí Hồ	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01361/08S69
6713	S69-07981			Nguyễn Viết Đảm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01362/08S69
6714	S69-07982	CM-08495		Trần Thanh Sang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/12/2012	10/12/2013	08435/12S69
6715	S69-07983			Trương Hoài Phong	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01364/08S69
6716	S69-07984			Phạm Chí Lăng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01365/08S69
6717	S69-07985			Đoàn Văn Danh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01366/08S69
6718	S69-07986	CM-08393		Hồ Văn Bé	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10214/12S69
6719	S69-07989			Nguyễn Văn Đức	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01370/08S69
6720	S69-07990			Huỳnh Chí Công	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01371/08S69
6721	S69-07991			Trần Văn Phong	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01372/08S69
6722	S69-07992	CM-08418		Phạm Chí Linh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00223/15S69
6723	S69-07993			Phạm Duy Chuyển	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01374/08S69
6724	S69-07994			Huỳnh Bé Nhân	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01375/08S69
6725	S69-07995	CM-08567		Nguyễn Văn Công	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	24/03/2010	24/03/2011	01703/10S69
6726	S69-07997			Lê Minh Biểu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01378/08S69
6727	S69-07998			Trần Thúy Hằng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01379/08S69
6728	S69-07999			Nguyễn Văn Lâm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01380/08S69
6729	S69-08000			Nguyễn Đồi Mới	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01381/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6730	S69-08002			Trần Văn Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01383/08S69
6731	S69-08003			Nguyễn Văn Liệt	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01384/08S69
6732	S69-08004	CM-08569		Dương Huỳnh Dũng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/04/2010	15/04/2011	02057/10S69
6733	S69-08005			Nguyễn Văn Huyền	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02418/10S69
6734	S69-08007			Trương Hoàng Em	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01388/08S69
6735	S69-08008			Võ Minh Chiếm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01389/08S69
6736	S69-08009			Nguyễn út Em	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01390/08S69
6737	S69-08010			Trần Thanh Minh	Tạ an Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01391/08S69
6738	S69-08011			Nguyễn Văn Thanh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01392/08S69
6739	S69-08012	CM-08301		Trần Minh Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01834/10S69
6740	S69-08013			Bùi Văn Đám	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01394/08S69
6741	S69-08014			Trương Văn Tuấn	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01395/08S69
6742	S69-08015			Trần Văn Lợi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01396/08S69
6743	S69-08016	CM-08449		Phạm Chí Nam	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10228/12S69
6744	S69-08017			Trần Thị Lợi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01398/08S69
6745	S69-08018			Nguyễn Văn Hùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01399/08S69
6746	S69-08019			Trần Văn Nhớ	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01400/08S69
6747	S69-08020		Như ý	Đặng Thanh Hoàng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01401/08S69
6748	S69-08021			Phạm Văn Ngo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01402/08S69
6749	S69-08022			Đặng Hoàng Hớn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01403/08S69
6750	S69-08023			Nguyễn Minh Luân	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01404/08S69
6751	S69-08024	CM-08520		Trần Văn Liệt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10175/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6752	S69-08025	CM-08577		Trương Phương Hướng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00077/13S69
6753	S69-08026			Nguyễn Thùy Cung	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01407/08S69
6754	S69-08027			Nguyễn Việt Quốc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01408/08S69
6755	S69-08028	CM-08428		Phạm Văn Đượm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10209/12S69
6756	S69-08030	CM-08429		Nguyễn Minh Đang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	03/03/2015	03/03/2016	00383/15S69
6757	S69-08031			Võ Văn Điệp	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01412/08S69
6758	S69-08032			Nguyễn Trung Hào	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01413/08S69
6759	S69-08035		Hoàng Thạch	Dương Quốc Thù	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	01415/08S69
6760	S69-08037			Đoàn Văn Nhuệ	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/03/2008	11/03/2009	01118/08S69
6761	S69-08038			Phan Văn Quốc	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	12/03/2008	12/03/2009	01719/08S69
6762	S69-08039	CM-07950		Trần Thanh Trí	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/05/2013	20/05/2014	02609/13S69
6763	S69-08042			Nguyễn Văn Khánh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01419/08S69
6764	S69-08043			Đỗ Minh Cảnh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01420/08S69
6765	S69-08044	CM-08737		Trần Văn Thi	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01587/14S69
6766	S69-08045			Trần Minh Quốc	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01422/08S69
6767	S69-08046			Đào Ngọc Bình	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01423/08S69
6768	S69-08047			Nguyễn Việt Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01424/08S69
6769	S69-08048			Nguyễn Tiến Dũng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01425/08S69
6770	S69-08049			Đoàn Văn Huy	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01426/08S69
6771	S69-08050			Mai Thu Loan	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01427/08S69
6772	S69-08051			Phan Văn Nghiệp	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01428/08S69
6773	S69-08052			Nguyễn Văn Thắng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02550/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6774	S69-08053			Nguyễn Văn Hưởng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01430/08S69
6775	S69-08054			Ngô Thanh Giàu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01669/10S69
6776	S69-08055			Nguyễn Văn út	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01432/08S69
6777	S69-08056			Nguyễn Văn Ôn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01433/08S69
6778	S69-08057			Nguyễn Văn Kha	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01676/10S69
6779	S69-08058			Nguyễn Chí Dân	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01435/08S69
6780	S69-08059			Nguyễn Văn Tổng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01436/08S69
6781	S69-08060			Phạm Văn Chạnh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01437/08S69
6782	S69-08061			Hồ Văn Vũ	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01438/08S69
6783	S69-08062			Quách Văn Chính	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01439/08S69
6784	S69-08063			Nguyễn Hoàng Đội	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01440/08S69
6785	S69-08064			Nguyễn Văn Dương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01441/08S69
6786	S69-08065	CM-08709		Lý Đại Bình	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	21/07/2009	21/07/2010	04175/09S69
6787	S69-08066			Trần hiền Khanh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01443/08S69
6788	S69-08067			Bùi Văn Khởi	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01444/08S69
6789	S69-08068	CM-08724		Trần Văn Triều	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01642/10S69
6790	S69-08069			Phan Thanh Nguyên	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01446/08S69
6791	S69-08070			Nguyễn Hoàng Tươi	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01447/08S69
6792	S69-08071			Phan Dũng Chinh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01448/08S69
6793	S69-08072			Phạm Thanh Hiền	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01449/08S69
6794	S69-08073			Mai Ngọc Thái	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01450/08S69
6795	S69-08074	CM-08691		Lê Hồng Nhanh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00812/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6796	S69-08075			Nguyễn Văn Mục	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01452/08S69
6797	S69-08076			Trần Văn Giữ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01646/10S69
6798	S69-08077			Phùng Thanh Bích	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2008	08/03/2009	01454/08S69
6799	S69-08078			Nguyễn Văn Nguyên	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01455/08S69
6800	S69-08079			Nguyễn Văn Điền	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01456/08S69
6801	S69-08080			Nguyễn Duy Nhứt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01457/08S69
6802	S69-08081			Tô Trường Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01673/10S69
6803	S69-08082			Huỳnh Thanh Đồng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01668/10S69
6804	S69-08083			Trần Văn Toại	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01460/08S69
6805	S69-08084			Tô Văn Phu	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01461/08S69
6806	S69-08085			Nguyễn Hoàng Lệ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01462/08S69
6807	S69-08086			Văn Công Chiến	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	08/03/2009	01463/08S69
6808	S69-08087			Nguyễn Hoàng Nam	Quách Phẩm bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01464/08S69
6809	S69-08088			Mai Trí Tường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01465/08S69
6810	S69-08089			Tiêu Thanh Trọng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01466/08S69
6811	S69-08090			Nguyễn Văn Thái	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01467/08S69
6812	S69-08091			Nguyễn Văn Phúc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01468/08S69
6813	S69-08092			Trần Văn Nguyễn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01469/08S69
6814	S69-08093	CM-08702		Trương Hoàng Đấu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01639/10S69
6815	S69-08094			Nguyễn Khánh Băng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01471/08S69
6816	S69-08095			Phạm Hoàng Thơ	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01472/08S69
6817	S69-08096	CM-51102		Tô Bình Đăng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06510/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6818	S69-08097			Hồ Minh Điền	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01474/08S69
6819	S69-08098	CM-08741		Đào Ngọc Thuận	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08931/12S69
6820	S69-08099			Cao Hoàng Đô	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01476/08S69
6821	S69-08100			Mai Nhựt Duy	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01477/08S69
6822	S69-08101			Phan Văn Cuộc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01478/08S69
6823	S69-08102			Hồ Bá Tạng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01479/08S69
6824	S69-08103			Hồ Văn Đoàn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01480/08S69
6825	S69-08104			Trần Tấn Thành	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01481/08S69
6826	S69-08105			Đỗ Thanh Tùng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01482/08S69
6827	S69-08106			Nguyễn Văn Nhi	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01483/08S69
6828	S69-08107	CM-08739		Nguyễn Văn Nhi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01398/15S69
6829	S69-08108			Nguyễn Thanh Đô	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01485/08S69
6830	S69-08109			Nguyễn Văn Bưởi	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01486/08S69
6831	S69-08110			Dương Văn Khởi	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01487/08S69
6832	S69-08111	CM-00261		Võ Kim Xuân	23, Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Cà Mau	19/07/2010	19/07/2011	03721/10S69
6833	S69-08112			Dương Văn Đạt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01488/08S69
6834	S69-08113			Trần Văn Khâm	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01489/08S69
6835	S69-08114			Huỳnh Thị Dân	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01490/08S69
6836	S69-08115			Huỳnh Thanh Mẫn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01491/08S69
6837	S69-08116			Nguyễn Văn Mưa	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01492/08S69
6838	S69-08117			Lê Hoàng Đô	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01493/08S69
6839	S69-08118			Nguyễn Văn Cười	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01494/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6840	S69-08119			Bùi Văn Tâm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01495/08S69
6841	S69-08120	CM-10209		Nguyễn Thị bảnh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05031/10S69
6842	S69-08122			Nguyễn Văn Chiến	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01498/08S69
6843	S69-08123	CM-10218		Nguyễn Hoàng Ân	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01586/14S69
6844	S69-08124			Nguyễn Văn Thia	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01500/08S69
6845	S69-08126			Võ út Lớn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01502/08S69
6846	S69-08127	CM-14559		Trần Văn út	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01107/13S69
6847	S69-08128			Nguyễn Văn Bình	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01504/08S69
6848	S69-08129			Ngô Văn Việt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01505/08S69
6849	S69-08130			Nguyễn Việt Nam	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01506/08S69
6850	S69-08131			Võ Hoàng Thúc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01507/08S69
6851	S69-08132			Lê Hoàng Nam	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01508/08S69
6852	S69-08133			Trương Hoàng Đảm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01670/10S69
6853	S69-08134			Trương Tấn Quốc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01510/08S69
6854	S69-08136			Nguyễn Văn Nhỏ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01512/08S69
6855	S69-08140			Nguyễn Thanh Bình	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01516/08S69
6856	S69-08141			Đỗ Văn Mến	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01517/08S69
6857	S69-08142			Phan Hoàng Kia	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01518/08S69
6858	S69-08143			Nguyễn Khắc Phục	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01519/08S69
6859	S69-08144			Hồ út Mười Hai	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01520/08S69
6860	S69-08146			Trần Văn Thung	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01522/08S69
6861	S69-08148			Lê Văn Tài	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01524/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6862	S69-08150			Tô Văn Mến	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01526/08S69
6863	S69-08151			Nguyễn Văn Chổng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01527/08S69
6864	S69-08153			Trần Quốc Quyền	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01641/10S69
6865	S69-08154			Trần Văn Bạ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01643/10S69
6866	S69-08155			Phan Hoàng Xem	Qách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01645/10S69
6867	S69-08156			Võ Văn Màu	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01532/08S69
6868	S69-08160			Dương Văn Ngưỡng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01536/08S69
6869	S69-08162			Lê Hoàng Nhanh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01538/08S69
6870	S69-08164	CM-12464		Lái Văn Thắng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	26/08/2014	26/08/2015	02361/14S69
6871	S69-08166			Nguyễn Việt Trung	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02552/10S69
6872	S69-08169			Dương Hoàng Chờ	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01545/08S69
6873	S69-08170			Huỳnh Văn Khánh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01546/08S69
6874	S69-08174			Huỳnh Văn Vinh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01550/08S69
6875	S69-08175			Nguyễn Quốc Gin	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01551/08S69
6876	S69-08176			Thái Văn Bình	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01552/08S69
6877	S69-08178			Lê Hoàng Vũ	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01554/08S69
6878	S69-08179			Lê Trung Kiên	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01555/08S69
6879	S69-08180			Võ Văn Thắng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01556/08S69
6880	S69-08181			Huỳnh Hoàng Hải	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01557/08S69
6881	S69-08183			Đỗ Lợi Nhiều	Thường Trú Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01559/08S69
6882	S69-08184	CM-10999		Lê Thanh Mừng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01674/10S69
6883	S69-08186			Nguyễn Thanh Nhanh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01562/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6884	S69-08191			Phan Nhất Duy	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01567/08S69
6885	S69-08193			Huỳnh Văn Tùng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01569/08S69
6886	S69-08195			Nguyễn Trọng Lưu	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01571/08S69
6887	S69-08196			Nguyễn Văn Bảy	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01572/08S69
6888	S69-08197			Nguyễn Minh Ngự	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01573/08S69
6889	S69-08198			Phùng Thanh Tịnh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01574/08S69
6890	S69-08199			Huỳnh Quốc Kỳ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01575/08S69
6891	S69-08200	CM-09321		Huỳnh Văn Thắng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00546/10S69
6892	S69-08204			Nguyễn Văn Tâm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01580/08S69
6893	S69-08206			Trịnh Việt Sinh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01582/08S69
6894	S69-08207			Trần Hoàng Hợp	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01583/08S69
6895	S69-08211			Trần Văn Sơ	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01587/08S69
6896	S69-08212			HLH Phụ nữ xã Quách Phẩm Bắc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01588/08S69
6897	S69-08213			Huỳnh Thanh Đệ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01589/08S69
6898	S69-08214			Trần Văn Dũng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01590/08S69
6899	S69-08215			Trần Văn Kiệt,	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01591/08S69
6900	S69-08216			Dương Văn Lãng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01592/08S69
6901	S69-08218			Nguyễn Văn Bình	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01594/08S69
6902	S69-08219			Nguyễn Văn Điểm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01595/08S69
6903	S69-08220			Nguyễn Văn Nàng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01596/08S69
6904	S69-08221			Mai Minh Hải	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01597/08S69
6905	S69-08222			Trần Văn Phúc	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01598/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6906	S69-08225			Nguyễn Văn út	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01601/08S69
6907	S69-08226			Trịnh Việt Sinh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01602/08S69
6908	S69-08227			Nguyễn Văn Tèo	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01603/08S69
6909	S69-08230			Hồ Minh Đoan	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01647/10S69
6910	S69-08232			Nguyễn Văn Chung	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01608/08S69
6911	S69-08233			Nguyễn Văn Nhường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01609/08S69
6912	S69-08235	CM-09320		Lê Thân Thương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01638/10S69
6913	S69-08236			Nguyễn Văn Phụng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01612/08S69
6914	S69-08237			Trần Văn Nhựt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01613/08S69
6915	S69-08240			Nguyễn Văn Nhanh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01640/10S69
6916	S69-08241	CM-08294		Nguyễn út Nhỏ	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	12/07/2010	12/07/2011	03578/10S69
6917	S69-08242	CM-08293		Lý Bé Chín	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03893/10S69
6918	S69-08243	CM-07937		Trang Đăn	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	30/12/2014	30/12/2015	03599/15S69
6919	S69-08247			Hồ Minh Tân	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01619/08S69
6920	S69-08248			Châu Minh Quân	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01620/08S69
6921	S69-08249			Đặng Văn Nguyễn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01621/08S69
6922	S69-08250			Phạm Văn Đèo	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01622/08S69
6923	S69-08251			Nguyễn Văn Trúc	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01623/08S69
6924	S69-08254			Võ Văn Chánh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01626/08S69
6925	S69-08255			Lê Thanh Mộng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01627/08S69
6926	S69-08256			Trần Văn Triều	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01628/08S69
6927	S69-08257			Trần Hoàng Diệp	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01629/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6928	S69-08260			Đỗ Hoàng Thịnh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01632/08S69
6929	S69-08261			Lâm Văn Mục	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01633/08S69
6930	S69-08262			Phùng Vũ Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01635/10S69
6931	S69-08263			Trần Thanh Đoàn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01635/08S69
6932	S69-08265			Nguyễn Văn Nhã	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01637/08S69
6933	S69-08267			Nguyễn Hoàng Khá	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01639/08S69
6934	S69-08268			Hồ Văn Sù	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01640/08S69
6935	S69-08269	CM-08970		Huỳnh Thanh Triều	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/06/2010	07/06/2011	00396/10V69
6936	S69-08271			Hà Hoàng Hôn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01643/08S69
6937	S69-08272	CM-11297		Nguyễn Văn Thiên	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	11/11/2009	11/11/2010	06590/09S69
6938	S69-08273			Phạm Văn Xuyên	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01645/08S69
6939	S69-08274			Nguyễn Vũ Phong	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01646/08S69
6940	S69-08276			Nguyễn Hoàng Khanh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01648/08S69
6941	S69-08277			Nguyễn Thanh Xuân	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01649/08S69
6942	S69-08278			Hồ Quốc Tiến	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01650/08S69
6943	S69-08280			Lê Phước Lãnh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01652/08S69
6944	S69-08285			Nguyễn Văn Liệt	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01657/08S69
6945	S69-08286			Nguyễn Thanh Bình	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01658/08S69
6946	S69-08287			Đặng Văn Sáu	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01659/08S69
6947	S69-08289			Lê Thanh Nhật	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01661/08S69
6948	S69-08290			Nguyễn Văn Trường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01662/08S69
6949	S69-08292			Hồ Trường Giang	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01664/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6950	S69-08294			Huỳnh Thị Tốt	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01666/08S69
6951	S69-08297			Lê Văn Toàn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01669/08S69
6952	S69-08298			Nguyễn Hùng Em	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01670/08S69
6953	S69-08299			Phạm Quốc Hiền	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01671/08S69
6954	S69-08304			Đoàn Văn Muộn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01676/08S69
6955	S69-08305			Nguyễn Văn Mun	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01677/08S69
6956	S69-08306			Hứa Minh Dương	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01678/08S69
6957	S69-08307			Lê Quốc Khanh	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01679/08S69
6958	S69-08308			Văn Hoàng út	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01680/08S69
6959	S69-08310			Nguyễn Văn Nghị	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01682/08S69
6960	S69-08311			Nguyễn Văn Lượng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01683/08S69
6961	S69-08312			Lai Trịnh Ân	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01684/08S69
6962	S69-08314			Phạm Văn Nông	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01686/08S69
6963	S69-08315			Nguyễn Thanh Tuấn	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01687/08S69
6964	S69-08316			Nguyễn Văn Dũng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01688/08S69
6965	S69-08317			Cao Văn Nương	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01689/08S69
6966	S69-08318			Nguyễn Văn Thắng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01690/08S69
6967	S69-08321			Nguyễn Văn Mực	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01693/08S69
6968	S69-08322			Nguyễn Minh Đương	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01694/08S69
6969	S69-08324			Phạm Thanh Thoảng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00536/10S69
6970	S69-08325			Phạm Tấn Kha	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00535/10S69
6971	S69-08327			Châu Văn Nghĩa	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01699/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6972	S69-08328			Hồ Hoàng Đa	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01700/08S69
6973	S69-08330			Tô Thanh Nhân	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01702/08S69
6974	S69-08332			Phạm Văn Đây	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01704/08S69
6975	S69-08334			Trương Văn út	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01706/08S69
6976	S69-08336			Huỳnh Hoàng Hổ	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01708/08S69
6977	S69-08337			Đỗ Minh Hoành	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01709/08S69
6978	S69-08338			Trần Văn Việt	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01710/08S69
6979	S69-08339			Lê Văn Hùng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	01711/08S69
6980	S69-08340	CM-11632		Nguyễn Hoài Thanh	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08897/08S69
6981	S69-08342			Phan Hoàng Minh	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01714/08S69
6982	S69-08345	CM-03445		Lâm Văn Khởi	Khánh Lâm, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09866/12S69
6983	S69-08346	CM-03216		Huỳnh Văn Khởi	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02337/09S69
6984	S69-08347	CM-03217		Lê Văn Đây	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09870/12S69
6985	S69-08348	CM-03444		Lâm Văn Tuấn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09867/12S69
6986	S69-08349	CM-03441		Lưu Tấn Khởi	Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02336/09S69
6987	S69-08350	CM-03443		Nguyễn Văn Toàn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	21/06/2010	21/06/2011	03223/10S69
6988	S69-08351			Võ Minh Đương	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02338/09S69
6989	S69-08372	CM-08592		Huỳnh Kim Cương	Khánh An, Huyện U Minh	11/01/2011	11/01/2012	00157/11S69
6990	S69-08373	CM-08593		Lê Hà Tol	Khánh An, Huyện U Minh	12/08/2009	12/08/2010	04886/09S69
6991	S69-08374	CM-08611		Lê Vững Bền	Khánh An, Huyện U Minh	12/08/2009	12/02/2010	04887/09S69
6992	S69-08383	CM-08612		Huỳnh Hữu Tặng	Khánh An, Huyện U Minh	14/04/2009	14/04/2010	02491/09S69
6993	S69-08397			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Đầm Dơi	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01716/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
6994	S69-08398	CM-07965		Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Đầm Dơi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	07/04/2009	07/04/2010	02357/09S69
6995	S69-08399			Trung Tâm Dạy Nghề Huyện Đầm Dơi	Khóm II, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01793/08S69
6996	S69-08400			Trung Tâm Dạy Nghề Huyện Đầm Dơi	Khóm II, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01794/08S69
6997	S69-08401	CM-02536		Đỗ Văn út	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	03/06/2010	03/06/2011	03066/10S69
6998	S69-08402	CM-03233	Hoàng Vụ	Nguyễn Hồng Vụ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	17/09/2009	17/09/2010	05746/09S69
6999	S69-08408			Tiêu Bích Liên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/04/2009	20/04/2010	02521/09S69
7000	S69-08409	CM-08231		Nguyễn Thị Mỹ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	21/06/2010	21/06/2011	03244/10S69
7001	S69-08410			Tạ Văn Beo	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/03/2008	18/03/2009	01818/08S69
7002	S69-08411			Trần Văn Miên	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/03/2008	19/03/2009	01819/08S69
7003	S69-08412			Trịnh Tú Anh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	15/04/2009	15/04/2010	02498/09S69
7004	S69-08413	CM-02405		Trần Văn Đô	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/08/2009	21/08/2010	05118/09S69
7005	S69-08414	CM-07974		Trần Hoàng Diệu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	02/02/2010	02/02/2011	00680/10S69
7006	S69-08416			Lâm Quang Chạy	Phường 1, Thành phố Cà Mau	20/03/2008	20/03/2009	01952/08S69
7007	S69-08417	CM-07976		DNTN Thiên Phú	Khóm 6, Phường 9, Thành phố Cà Mau	15/02/2012	15/02/2013	00524/12S69
7008	S69-08419			Đặng Quốc Phong	Khóm 8, Phường 7, Thành phố Cà Mau	20/03/2008	20/03/2009	01953/08S69
7009	S69-08420	CM-07972		Nguyễn Văn Tâm	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	17/06/2015	17/06/2016	01113/15S69
7010	S69-08422			Trần Thanh Đài	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01831/08S69
7011	S69-08424			Trần Minh Diện	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01320/10S69
7012	S69-08425	CM-08790		Lê Kim Hoa	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02406/10S69
7013	S69-08427	CM-08766		Trần Thanh Mộng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/02/2012	20/02/2013	00559/12S69
7014	S69-08428	CM-08783		Dương Văn Hùng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01812/10S69
7015	S69-08429			Tô Văn Thắng	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01838/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7016	S69-08430			Nguyễn Minh Trí	Khóm 2, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01839/08S69
7017	S69-08432	CM-08765		Huỳnh Hữu út	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03333/13S69
7018	S69-08433	CM-03425		Ngô Minh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01322/10S69
7019	S69-08434	CM-08789		Trần Văn Đáng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/04/2010	14/04/2011	02082/10S69
7020	S69-08435	CM-08788		Trần Văn Đáng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/04/2010	14/04/2011	02083/10S69
7021	S69-08436	CM-08772	Ba Xuyên	Trần Văn Hoà	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05913/09S69
7022	S69-08437			Quách Phương Thanh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01845/08S69
7023	S69-08439			Nguyễn Văn Chiến	Khóm 4, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01847/08S69
7024	S69-08441	CM-08782		Trần Văn Tiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02499/12S69
7025	S69-08446	CM-08768		Nguyễn Chí Nguyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	01/06/2009	01/06/2010	03198/09S69
7026	S69-08448	CM-07945		Huỳnh Văn Đang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01906/09S69
7027	S69-08449			Trần Chí Tâm	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01813/08S69
7028	S69-08453	CM-08915		Trần Văn Quyền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08539/12S69
7029	S69-08454	CM-08914		Trần Trung Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08540/12S69
7030	S69-08457	CM-11029		Hoàng Văn Trung	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01675/10S69
7031	S69-08462	CM-		Tô Minh Chiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/05/2011	19/05/2012	01650/11S69
7032	S69-08463	Cm-10098		Nguyễn Văn Đua	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	13/07/2009	13/07/2010	03904/09S69
7033	S69-08467	CM-01711		Đào Tiến Hấu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05608/13S69
7034	S69-08469	CM-07977		Nguyễn Văn Tuấn	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	30/07/2010	30/07/2011	03976/10S69
7035	S69-08470			Hồ Nhật Linh	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01964/08S69
7036	S69-08472	CM-08949		Nguyễn Thanh Tùng	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	14/04/2009	14/04/2010	02490/09S69
7037	S69-08475			Đinh Phước Thiện	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01969/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7038	S69-08477	CM-08761		Phan Văn Thắng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	05/02/2013	05/02/2014	01264/13S69
7039	S69-08478			Trần Văn Dân	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01972/08S69
7040	S69-08479			Hồ Hoàng Giang	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01973/08S69
7041	S69-08480			Trần Hoàng Nam	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01974/08S69
7042	S69-08481			Bùi Văn Dưỡng	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01975/08S69
7043	S69-08482			Võ Văn Tuấn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01976/08S69
7044	S69-08483	CM-08763		Trịnh Bảo An	Khánh Hoà, Huyện U Minh	25/10/2010	25/10/2011	05389/10S69
7045	S69-08484			Phan Ly Na	Khánh Hoà, Huyện U Minh	25/10/2010	25/10/2011	05388/10S69
7046	S69-08485	CM-08759		Nguyễn Văn Hiếu	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06971/09S69
7047	S69-08486	CM-08920		Phan Văn Dũng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05540/10S69
7048	S69-08487	CM-08764		Lê Hoàng Phong	Khánh Hoà, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03070/09S69
7049	S69-08488	CM-08762		Nguyễn Văn Cọp	Khánh Hòa, Huyện U Minh	15/10/2010	15/10/2011	05207/10S69
7050	S69-08489	CM-08929		Hồ Ngọc ẩn	Khóm 8, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	14/04/2011	14/04/2012	01250/11S69
7051	S69-08492			Lữ Minh Thuận	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01986/08S69
7052	S69-08493	CM-08934		Võ Kim Thuyền	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	08/07/2009	08/07/2010	03749/09S69
7053	S69-08494			Vương Văn Lý	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01988/08S69
7054	S69-08496			Lê Thành Tuấn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01990/08S69
7055	S69-08497			Hồ Văn Thanh	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01991/08S69
7056	S69-08498			Danh Lương	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01992/08S69
7057	S69-08499			Nguyễn Văn Nam	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01903/08S69
7058	S69-08500			Ngô Văn Tấn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01994/08S69
7059	S69-08501			Trần Trung Kiên	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01995/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7060	S69-08502			Trần Lâm Chính	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01996/08S69
7061	S69-08503			Lê Hoàng Linh	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01997/08S69
7062	S69-08504			Phạm Văn Nguyên	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	01998/08S69
7063	S69-08506	CM-08940		Nguyễn Văn Dũng	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	08/06/2009	08/06/2010	03272/09S69
7064	S69-08509			Phạm Hùng Anh	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	02003/08S69
7065	S69-08510			Bùi Văn Đăng	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	02004/08S69
7066	S69-08511			Lê Minh Đảm	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	02005/08S69
7067	S69-08512			Trần Quốc Việt	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	02006/08S69
7068	S69-08513	CM-08925		Nguyễn Thanh Vũ	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	10/09/2013	10/09/2014	04266/13S69
7069	S69-08514			Nguyễn Mạnh Thường	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	02008/08S69
7070	S69-08515	CM-00607		Phạm Thị Thua	Khánh Hòa, Huyện U Minh	13/05/2013	13/05/2014	02531/13S69
7071	S69-08516	CM-03256		Lê Phước Triệu	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01037/10S69
7072	S69-08517			Trần Minh Sáng	Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/03/2008	25/03/2009	02018/08S69
7073	S69-08520			Võ Hoàng Giang	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02025/08S69
7074	S69-08521			Nguyễn Lâm Biểu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02026/08S69
7075	S69-08522			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02027/08S69
7076	S69-08523			Nguyễn Tấn Đạt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02028/08S69
7077	S69-08524			Trịnh Văn Thi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02029/08S69
7078	S69-08525			Nguyễn Như ý	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02030/08S69
7079	S69-08526			Lê Thị Cẩm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02031/08S69
7080	S69-08527			Nguyễn Văn Tường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02032/08S69
7081	S69-08528			Thái Văn Thi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02033/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7082	S69-08529			Trần Văn Thanh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02034/08S69
7083	S69-08530			Nguyễn Văn Phúc	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02035/08S69
7084	S69-08531			Lê Hải Triều	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02036/08S69
7085	S69-08532			Nguyễn Văn Sự	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02037/08S69
7086	S69-08533			Nguyễn Văn Tính	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02038/08S69
7087	S69-08534			Nguyễn Hoàng Tiến	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02039/08S69
7088	S69-08535			Cam Hùng Cường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02040/08S69
7089	S69-08536			Trịnh Văn Sự	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02041/08S69
7090	S69-08537			Huỳnh Văn Khởi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02042/08S69
7091	S69-08538			Huỳnh Văn Trung	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02043/08S69
7092	S69-08539	CM-10034		Nguyễn Văn Trường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2010	02/02/2011	00682/10S69
7093	S69-08540			Võ Văn Hùng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02045/08S69
7094	S69-08541			Nguyễn Văn út	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02046/08S69
7095	S69-08542			Huỳnh Văn Sáu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02047/08S69
7096	S69-08543			Lê Thanh Lâm	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02048/08S69
7097	S69-08544			Lê Văn Hữu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02049/08S69
7098	S69-08545			Lê Tuấn lập	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02050/08S69
7099	S69-08546			Bùi Trường Giang	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2010	31/12/2011	06407/10S69
7100	S69-08547			Diệp Văn Hiếu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02052/08S69
7101	S69-08548			Trần Quốc Trị	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02053/08S69
7102	S69-08549			Dương Thanh Thoảng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02054/08S69
7103	S69-08550			Bùi Minh Khiêm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02055/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7104	S69-08551	CM-10068		Lâm Văn Toàn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/07/2011	12/07/2012	02334/11S69
7105	S69-08552			Quách Văn Mía	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02057/08S69
7106	S69-08553			Lê An Tường	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02058/08S69
7107	S69-08554			Nguyễn Văn Minh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02059/08S69
7108	S69-08555			Huỳnh Văn út	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02060/08S69
7109	S69-08556			Nguyễn Chí Cường	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02061/08S69
7110	S69-08557			Trần Văn Hồng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02062/08S69
7111	S69-08558			Phạm Văn Hoàng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02063/08S69
7112	S69-08559			Nguyễn Văn Việt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02064/08S69
7113	S69-08560			Nguyễn Văn Nuôi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02065/08S69
7114	S69-08561			Thái Văn Luận	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02066/08S69
7115	S69-08562	CM-10063		Huỳnh Văn Thắng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	08/02/2010	08/02/2011	00812/10S69
7116	S69-08563			Huỳnh Văn Chương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02068/08S69
7117	S69-08564			Nguyễn Văn Bảo	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02069/08S69
7118	S69-08565			Trần Văn Tùng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02070/08S69
7119	S69-08566			Nguyễn Văn Cường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/03/2008	24/03/2009	02071/08S69
7120	S69-08567	CM-08965		Nguyễn Thanh Long	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/04/2012	24/04/2013	01786/12S69
7121	S69-08569			Nguyễn Minh Lợi	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	02075/08S69
7122	S69-08570	CM. 06688		Lê Minh Dũng	98, Khóm III, Phường 7, Thành phố Cà Mau	11/03/2011	11/03/2012	00826/11S69
7123	S69-08573			Trần Văn Sản	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/03/2008	27/03/2009	02083/08S69
7124	S69-08581			Nguyễn Văn Hiếu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	02098/08S69
7125	S69-08582	CM-08299		Dương Quốc Khởi	K7, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	15/04/2010	15/04/2011	02050/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7126	S69-08583			Nguyễn Văn Nhanh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	02105/08S69
7127	S69-08584			Trần Minh Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	02106/08S69
7128	S69-08585			Nguyễn Văn Tài	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/03/2008	07/03/2009	02107/08S69
7129	S69-08587			Phan Văn Duy	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	31/03/2008	31/03/2009	02113/08S69
7130	S69-08588	CM-08292		Đặng Văn Nghị	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	07/04/2009	07/04/2010	02366/09S69
7131	S69-08589	CM-08752		Trần Văn Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	26/03/2010	26/03/2011	00390/10S95
7132	S69-08590			Phạm Văn Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07396/09S69
7133	S69-08591			Trần Thanh Toàn	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	01/04/2008	01/04/2009	02126/08S69
7134	S69-08593	CM-08900		Trần Khải Tuấn	Khóm 2, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2009	28/08/2010	05221/09S69
7135	S69-08598			Trương Trường Giang	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/04/2008	07/04/2009	02152/08S69
7136	S69-08599			Trần Văn Hiến	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	07/04/2008	07/04/2009	02155/08S69
7137	S69-08600	CM-08742		Đặng Văn Đồ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/08/2012	29/08/2013	04611/12S69
7138	S69-08603			Nguyễn Văn Nguyễn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/04/2008	08/04/2009	02254/08S69
7139	S69-08604	CM-07799		Trần Văn Điệp	xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	27/04/2010	27/04/2011	02360/10S69
7140	S69-08606			Nguyễn Văn Tien	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02165/08S69
7141	S69-08607			Nguyễn Văn Mân	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02166/08S69
7142	S69-08608			Lê Thanh Hoá	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02167/08S69
7143	S69-08609			Tô Văn Liêm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02168/08S69
7144	S69-08610			Nguyễn Văn Sủ	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02169/08S69
7145	S69-08611			Phạm Văn Bắc	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02170/08S69
7146	S69-08612			Đoàn Minh Trí	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02171/08S69
7147	S69-08613			Đinh Văn Nhựt	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02172/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7148	S69-08614			Nguyễn Văn Hết	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02173/08S69
7149	S69-08615			Lê Văn Khởi	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02174/08S69
7150	S69-08616	CM-09048		Đình Văn Nhứt	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	14/10/2009	14/10/2010	06333/09S69
7151	S69-08617			Lâm Văn Bứ	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02176/08S69
7152	S69-08618			Trương Xiếu Hồn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02177/08S69
7153	S69-08619	CM-11068		Phan Văn Năng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	13/04/2012	13/04/2013	01628/12S69
7154	S69-08620			Trương Văn Đà	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02179/08S69
7155	S69-08621			Nguyễn Văn Thiện	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02180/08S69
7156	S69-08622			Tạ Văn Lùng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02181/08S69
7157	S69-08623			Nguyễn Văn Chiến	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02182/08S69
7158	S69-08624			Quách Văn Nhủ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02183/08S69
7159	S69-08626			Phạm Văn Đạm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02185/08S69
7160	S69-08627	CM-09453		Khổng Văn Đến	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/05/2014	20/05/2015	01315/14S69
7161	S69-08628			Nguyễn Văn Sơn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02187/08S69
7162	S69-08629			Lê Văn Long	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02188/08S69
7163	S69-08630			Đoàn Tất Linh	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02189/08S69
7164	S69-08631	CM-17729		Quang Văn Sảnh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/04/2010	08/04/2011	01950/10S69
7165	S69-08632			Nguyễn Văn Bử	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02191/08S69
7166	S69-08633			Thái Văn Quang	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02192/08S69
7167	S69-08634			Huỳnh Văn Việt	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02193/08S69
7168	S69-08635			Phạm Thành Tâm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02194/08S69
7169	S69-08636			Trương Văn Khởi	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02195/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7170	S69-08637			Mai Văn Phấn	xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02976/09S69
7171	S69-08638			Nguyễn Minh Truyền	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02197/08S69
7172	S69-08640			Lê Văn Nghĩa	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02199/08S69
7173	S69-08641			Trương Ngọc Lên	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02200/08S69
7174	S69-08642			Quách Văn Tây	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02201/08S69
7175	S69-08643			Đỗ Quốc Lập	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02202/08S69
7176	S69-08644			Võ Văn Chinh	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02203/08S69
7177	S69-08645			Nguyễn Thành Văn	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02204/08S69
7178	S69-08646			Nguyễn Văn Dương	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02205/08S69
7179	S69-08647			Phan Hoài Tâm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02206/08S69
7180	S69-08648			Phan Hiền Tốt	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02207/08S69
7181	S69-08649			Đỗ Thanh Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02208/08S69
7182	S69-08650			Nguyễn Văn Tuấn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02209/08S69
7183	S69-08651			Nguyễn Văn Giữ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02210/08S69
7184	S69-08652			Nguyễn Minh Chiến	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02211/08S69
7185	S69-08653			Trần Văn Việt	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02212/08S69
7186	S69-08654			Trần Bảo Đăng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02213/08S69
7187	S69-08655			Hồ Văn Trung	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02214/08S69
7188	S69-08656			Mai Hoàng Tâm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02215/08S69
7189	S69-08657	CM-09046		Huỳnh Văn Nam	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/09/2009	20/09/2010	05934/09S69
7190	S69-08658			Đoàn Thanh Nhân	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02217/08S69
7191	S69-08659			Nguyễn Minh Hiếu	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02218/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7192	S69-08660			Phan Văn Kha	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02219/08S69
7193	S69-08661			Phan Văn Ngót	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02220/08S69
7194	S69-08662			Phan Văn My	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02221/08S69
7195	S69-08663	CM-09040		Nguyễn Văn Hụm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	04/12/2012	04/12/2013	08130/12S69
7196	S69-08664			Nguyễn Văn Nở	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02223/08S69
7197	S69-08665			Võ Hải Phạn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02224/08S69
7198	S69-08666			Nguyễn Văn Dương	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02225/08S69
7199	S69-08667			Tô Văn Đợi	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02226/08S69
7200	S69-08668			Phạm Văn Nguyên	xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02973/09S69
7201	S69-08669			Phạm Văn Nguyên	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02975/09S69
7202	S69-08670	CM-18498		Nguyễn Văn Nhuận	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/12/2013	20/12/2014	06272/13S69
7203	S69-08671	CM-09033		Nguyễn Thanh Điền	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	19/03/2013	19/03/2014	01750/13S69
7204	S69-08672			Lâm Văn Phụng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02231/08S69
7205	S69-08673			Trương Văn Luân	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02232/08S69
7206	S69-08674			Lâm Thành Tới	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02233/08S69
7207	S69-08675			Phạm Thanh Liêm	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02234/08S69
7208	S69-08676			Phạm Thanh Sơn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02235/08S69
7209	S69-08677			Tô Mông	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02236/08S69
7210	S69-08678			Nguyễn Chí Nguyên	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01772/10S69
7211	S69-08679			Đặng Văn Khởi	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02238/08S69
7212	S69-08680			Nguyễn Văn út	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02239/08S69
7213	S69-08681			Dương Văn Nôi	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02240/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7214	S69-08682			Hồ Văn Chương	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02241/08S69
7215	S69-08683			Nguyễn Văn Hải	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02242/08S69
7216	S69-08684			Nguyễn Văn Thiên	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02243/08S69
7217	S69-08685			Trương Văn Đạm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02244/08S69
7218	S69-08686			Trần Quốc Bằng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02245/08S69
7219	S69-08687			Mai Đức Xuyên	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02246/08S69
7220	S69-08688			Trần Trung Khắc	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02247/08S69
7221	S69-08689			Nguyễn Thanh Di	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02248/08S69
7222	S69-08690			Quang Hoàng Huynh	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02249/08S69
7223	S69-08691			Đặng Văn Vũ	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02250/08S69
7224	S69-08692			Quách Văn Răng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02251/08S69
7225	S69-08693			Trần Quang Tùng	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02252/08S69
7226	S69-08695			Nguyễn Minh Xĩa	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02253/08S69
7227	S69-08696			Định Công Định	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	09/04/2008	09/04/2009	02263/08S69
7228	S69-08697			Khổng Bá Thành	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/04/2008	09/04/2009	02264/08S69
7229	S69-08698			Trịnh Thanh Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	02267/08S69
7230	S69-08699	CM-03509		Đặng Minh Trung	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	24/05/2010	24/05/2011	02837/10S69
7231	S69-08700	CM-08746		Nguyễn Văn Đạo	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	17/11/2008	17/11/2009	08986/08S69
7232	S69-08701			Nguyễn Quốc Khởi	Khánh An, Huyện U Minh	08/04/2008	08/04/2009	02273/08S69
7233	S69-08703	CM-08750		Phan Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	11/06/2010	11/06/2011	03168/10S69
7234	S69-08704			Ngô Chí Công	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2008	11/04/2009	02276/08S69
7235	S69-08705	CM-08870		Nguyễn Hữu Phước	K2, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/03/2012	29/03/2013	01183/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7236	S69-08706			Trần Văn Hiền	Trí Phải, Huyện Thới Bình	11/04/2008	11/04/2009	02278/08S69
7237	S69-08707	CM-01506		Lâm Văn Trắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01316/10S69
7238	S69-08709	CM-08755		Nguyễn Hoài Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00581/10S69
7239	S69-08711	CM-08791		Đặng Tấn Em	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	17/06/2015	17/06/2016	01104/15S69
7240	S69-08712			Quách Ngọc Keo	125 Phạm Hồng Thái, Khóm 4, Thành phố Cà Mau	12/04/2008	12/04/2009	02294/08S69
7241	S69-08713			Trần Thanh Tùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02296/08S69
7242	S69-08714			Đỗ Cao Toàn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02299/08S69
7243	S69-08715	CM-09231		Bùi Tuyết Lệ	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/07/2010	20/07/2011	03748/10S69
7244	S69-08716			Trạm y tế Xã Đông Hưng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02301/08S69
7245	S69-08717			Nguyễn Văn Phương	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02302/08S69
7246	S69-08718	CM-09248		Võ Trọng Tình	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	14/06/2013	14/06/2014	03105/13S69
7247	S69-08719			Đinh Văn ứng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02304/08S69
7248	S69-08720			Nguyễn Văn Toàn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02305/08S69
7249	S69-08721			Phan Văn Năm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02306/08S69
7250	S69-08722			Đặng Văn Cư	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02307/08S69
7251	S69-08723			Nguyễn Văn Non	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02308/08S69
7252	S69-08724	CM-02720	Đò	Nguyễn Công Thắng	ấp Tân Phong Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02309/08S69
7253	S69-08725			Nguyễn Văn Thiết	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02310/08S69
7254	S69-08726			Lê Văn Diễn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02311/08S69
7255	S69-08727	CM-09247		Trần Văn Cường	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/08/2015	12/08/2016	01509/15S69
7256	S69-08728			Nguyễn Văn Lập	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02313/08S69
7257	S69-08729	CM-09229		Hồ Văn Mãi	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01850/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7258	S69-08730			Trương Hoàng Khoa	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02315/08S69
7259	S69-08731			Nguyễn Văn Thiết	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02316/08S69
7260	S69-08732			Phạm Văn tèo	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02317/08S69
7261	S69-08733			Lê Minh Tuấn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02318/08S69
7262	S69-08734			Đặng Văn Hậu	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02319/08S69
7263	S69-08735			Nguyễn Chí Nguyễn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02320/08S69
7264	S69-08736	CM-09225		Triệu Hoàng Đảm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02580/12S69
7265	S69-08737			Phạm Vĩnh Tâm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02322/08S69
7266	S69-08738			Kiều Quốc Tiến	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02323/08S69
7267	S69-08739			Lê Hoàng Gấm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02324/08S69
7268	S69-08740			Nguyễn Văn Kiệt	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02325/08S69
7269	S69-08741			Đảng ủy xã Đông Hưng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02326/08S69
7270	S69-08742			Nguyễn Văn Khởi	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02327/08S69
7271	S69-08743			UBND Xã Đông Hưng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02328/08S69
7272	S69-08744			Khối Dân Vận Xã Đông Hưng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02329/08S69
7273	S69-08745			Nguyễn Quốc Lil	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2008	11/04/2009	02330/08S69
7274	S69-08746			Huỳnh Thị Bích Giang	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	14/04/2008	14/10/2008	02332/08S69
7275	S69-08747			Dương Văn Tính	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/04/2008	14/04/2009	02333/08S69
7276	S69-08748	CM-08871		Trần Văn Tiến	Khóm 2, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2009	24/01/2010	04253/09S69
7277	S69-08749	CM-08868		Lê Chí Linh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	18/05/2009	18/05/2010	02740/09S69
7278	S69-08750	CM-08861		Lưu Hoàng Anh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/10/2010	26/10/2011	05404/10S69
7279	S69-08751	CM-14381		CTy Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Chi Nhánh Cà Mau	39, Lý Thường Kiệt, K 7, P6, Thành phố Cà Mau	27/12/2010	27/12/2011	06283/06S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7280	S69-08752			Thái Quốc Quang	Khóm 2, KV2, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02344/08S69
7281	S69-08755			Phạm Thanh Phong	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02353/08S69
7282	S69-08756	CM-08880		Ngô Tấn Tài	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/11/2013	29/11/2014	06018/13S69
7283	S69-08757			Huỳnh Thanh Tuấn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02356/08S69
7284	S69-08758			Bùi Như ý	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02357/08S69
7285	S69-08759	CM-09217		Nguyễn Hoàng Chiến	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02804/10S69
7286	S69-08760			Cao Hữu Tuấn	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02359/08S69
7287	S69-08762			Nguyễn Văn Khải	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02361/08S69
7288	S69-08763			Phạm Thị Bé	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02362/08S69
7289	S69-08764	CM-09131		Phạm Văn Được	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02850/12S69
7290	S69-08765	CM-09121		Lê Hoàng Nam	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	22/12/2012	22/12/2013	09471/12S69
7291	S69-08766			Huỳnh Chiến Thắng	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02365/08S69
7292	S69-08767			Trần Hữu Đức	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02366/08S69
7293	S69-08768			Dương Thị út	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02367/08S69
7294	S69-08769			Trần Thị Nhị	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02368/08S69
7295	S69-08770			Ngô Minh Thiện	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02369/08S69
7296	S69-08771	CM-02035		Trương Văn Lớn	ấp Bình Thành, Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02370/08S69
7297	S69-08772			Phạm Văn Bảo Em	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02371/08S69
7298	S69-08773			Ngô Chấn Hoa	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05802/09S69
7299	S69-08774			Võ Minh Tấn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02373/08S69
7300	S69-08775	CM-09082		Phạm Ngọc Thanh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	24/06/2009	24/06/2010	03544/09S69
7301	S69-08777			Nguyễn Văn Giao	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02376/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7302	S69-08778			Tạ Minh Thọ	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02377/08S69
7303	S69-08779			Trần Phi Nho	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02378/08S69
7304	S69-08780	CM-09097		Phan Văn Thế	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02866/12S69
7305	S69-08781			Lê Bảo Xuyên	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02380/08S69
7306	S69-08782			Ngô Văn Hon	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02381/08S69
7307	S69-08783			Võ Văn Dũng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02382/08S69
7308	S69-08784	CM-09103		Phạm Văn Điều	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04960/11S69
7309	S69-08785			Nguyễn út Nhỏ	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02384/08S69
7310	S69-08786			Tạ Minh Phước	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02385/08S69
7311	S69-08787			Vũ Văn Biển	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02386/08S69
7312	S69-08788			Cao Trung Cường	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05807/09S69
7313	S69-08789	CM-08867		Huỳnh Kim Phụng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2015	11/03/2016	00454/15S69
7314	S69-08790			Nguyễn Văn Đoàn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02388/08S69
7315	S69-08791			Tạ Hoàng Giang	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02389/08S69
7316	S69-08792			Nguyễn Thanh Hùng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	27/11/2009	27/11/2010	06754/09S69
7317	S69-08793			Trần Thanh Bình	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02391/08S69
7318	S69-08794			Võ Văn Mãi	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02392/08S69
7319	S69-08795			Trương Văn Ty	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02393/08S69
7320	S69-08796			Trần Văn Hạnh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02394/08S69
7321	S69-08797			Võ Minh Trí	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02395/08S69
7322	S69-08798			Đoàn Văn Phu	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02396/08S69
7323	S69-08799			Phan Văn Duẩn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02397/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7324	S69-08800			Nguyễn Thanh Thuỷ	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02398/08S69
7325	S69-08801			Thạch Hoàng Trân	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02399/08S69
7326	S69-08802	CM-09086		Võ Văn Tý	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	24/06/2009	24/06/2010	03549/09S69
7327	S69-08803	CM-09132		Tạ Văn Mộng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	12/10/2010	12/10/2011	05194/10S69
7328	S69-08804			Lâm Văn Thảo	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02402/08S69
7329	S69-08805			Lâm Kim Búi	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02404/08S69
7330	S69-08807			Nguyễn Hoàng Phương	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02405/08S69
7331	S69-08808			Dương Linh Du	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02406/08S69
7332	S69-08809	CM-09178		Phạm Công Nguyên	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01628/14S69
7333	S69-08810			Phan Văn Toàn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03831/09S69
7334	S69-08811			Phạm Văn Cư	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02409/08S69
7335	S69-08812			Tô Hồng Nhanh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02410/08S69
7336	S69-08813			Tạ Vũ Lâm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02411/08S69
7337	S69-08814	CM-09166		Trần Vũ Thế Phong	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02192/12S69
7338	S69-08815	CM-09111		Ngô Quốc Văn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03833/09S69
7339	S69-08816	CM-09058		Đỗ Thành Nghĩa	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04959/11S69
7340	S69-08817			Hồ Mộng Linh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02415/08S69
7341	S69-08818			Ngô Xuân Trung	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02416/08S69
7342	S69-08819			Võ Văn Thơm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02417/08S69
7343	S69-08820			Võ Minh Hồng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02418/08S69
7344	S69-08821	CM-09112		Võ Việt Nhanh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03830/09S69
7345	S69-08822	CM-09067		Lê Chí Nguyễn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/10/2011	10/10/2012	03629/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7346	S69-08823			Lâm Văn Nghi	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02421/08S69
7347	S69-08824	CM-09159		Thạch An	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04414/11S69
7348	S69-08825			Nguyễn Hoàng Be	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02423/08S69
7349	S69-08826			Lâm Văn Thanh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02424/08S69
7350	S69-08827			Hồ Văn ồm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02425/08S69
7351	S69-08829			Nguyễn Thị Hoà	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02427/08S69
7352	S69-08830			Tạ Văn Mộng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02428/08S69
7353	S69-08831			Bùi Quang Minh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	11/04/2009	02429/08S69
7354	S69-08832			Tạ văn úi	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02430/08S69
7355	S69-08833			Trần Thị Mười	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02431/08S69
7356	S69-08834			Nguyễn Văn ánh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02432/08S69
7357	S69-08836			Nguyễn Hoàng Diễn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07013/09S69
7358	S69-08837			Trần Thanh Giang	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02435/08S69
7359	S69-08838			Trần Văn Cảnh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02436/08S69
7360	S69-08839	CM-09213		Nguyễn Văn Ngọt	Trần Thới, Huyện Cái Nước	14/12/2012	12/12/2013	08511/12S69
7361	S69-08840			Tô Văn Hải	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02438/08S69
7362	S69-08841	CM-09133		Phạm Chí Cường	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05015/09S69
7363	S69-08842			Huỳnh Văn Phong	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02440/08S69
7364	S69-08843			Nguyễn Minh Vui	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02441/08S69
7365	S69-08844			Trần Văn Trí	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02442/08S69
7366	S69-08845			Lê Hoàng Khởi	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02443/08S69
7367	S69-08846	CM-09195		Đổng Kim Cần	Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/07/2009	24/07/2010	04264/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7368	S69-08847			Lê Thanh Hùng	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02445/08S69
7369	S69-08848			Lê Hoàng Nguyên	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02446/08S69
7370	S69-08849			Đặng Văn Hơn	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02447/08S69
7371	S69-08850			Châu Hoàng To	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02448/08S69
7372	S69-08851			Nguyễn Thanh Vũ	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02449/08S69
7373	S69-08852			Trương Văn Lành	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02450/08S69
7374	S69-08853			Ngô Trường Giang	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02451/08S69
7375	S69-08854			Huỳnh Văn Phô	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02452/08S69
7376	S69-08855			Tạ Minh Lợi	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02453/08S69
7377	S69-08856			Cao Trung vĩnh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02454/08S69
7378	S69-08857			Nguyễn Văn Bầu	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02455/08S69
7379	S69-08859			Hồng Tuấn Kiệt	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02457/08S69
7380	S69-08860			Phạm Quang Trọng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02458/08S69
7381	S69-08861			Phạm Minh Tẩy	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02459/08S69
7382	S69-08863			Võ Văn Nghĩa	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02461/08S69
7383	S69-08864			Thạch Sel	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02462/08S69
7384	S69-08865			Trương Văn Thúc	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02463/08S69
7385	S69-08866			Mai Văn Đấu	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02464/08S69
7386	S69-08867	CM-09069		Lê Văn Minh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04415/11S69
7387	S69-08868	CM-09198		Nguyễn Minh Trung	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03873/12S69
7388	S69-08869			Tô Cường Minh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02467/08S69
7389	S69-08870	CM-09170		Võ Việt Khải	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03826/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7390	S69-08871			Trần Văn Quئن	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02469/08S69
7391	S69-08872			Lê Thành Công	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02470/08S69
7392	S69-08873	CM-09206		Huỳnh Tấn Khải	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2012	20/05/2013	02191/12S69
7393	S69-08874	CM-09071		Nguyễn Thị Thai	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04413/11S69
7394	S69-08875			Nguyễn Thị Lâu	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05014/09S69
7395	S69-08876			Huỳnh Minh Nghê	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02474/08S69
7396	S69-08877	CM-09147		Trịnh Trí Tài	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07306/09S69
7397	S69-08878			Lâm Văn Tệt	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02476/08S69
7398	S69-08879			Kim Giang	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02477/08S69
7399	S69-08880			Phạm Quang Vinh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02478/08S69
7400	S69-08881			Nguyễn Hùng Anh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02479/08S69
7401	S69-08882	CM-09205		Nguyễn Thành Hậu	Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/07/2009	24/07/2010	04266/09S69
7402	S69-08883	CM-09216		Trần Văn Minh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02806/10S69
7403	S69-08884			Lê Thị Cẩm	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02482/08S69
7404	S69-08885	CM-09211		Đồng Kim út	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01373/11S69
7405	S69-08886			Nguyễn Văn Lai	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02484/08S69
7406	S69-08887			Nguyễn Việt Thắng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02485/08S69
7407	S69-08888			Lâm Văn Sái	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02486/08S69
7408	S69-08889			Huỳnh Văn Chương	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02487/08S69
7409	S69-08890			Tô Cường Nghĩa	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02488/08S69
7410	S69-08891			Nguyễn Kim Nhân	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02489/08S69
7411	S69-08892			Hồ Minh Thức	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02490/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7412	S69-08893			Phạm Văn Kiên	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02491/08S69
7413	S69-08894			Lê Nhựt Phương	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02492/08S69
7414	S69-08895	CM-09215		Đổng Minh Trí	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03871/12S69
7415	S69-08896			Châu Thị Cẩm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02494/08S69
7416	S69-08897			Dương Hoàng Giang	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02495/08S69
7417	S69-08898	CM-09154		Nguyễn Trường Thanh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/07/2015	20/07/2016	01334/15S69
7418	S69-08899			Võ Văn út	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02497/08S69
7419	S69-08900			Phạm Minh Nhí	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02498/08S69
7420	S69-08901	CM-10674		Phạm Văn Cầu	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/07/2015	20/07/2016	01332/15S69
7421	S69-08902			Tô Trường Giang	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02500/08S69
7422	S69-08903			Võ Văn Trung	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02501/08S69
7423	S69-08904			Thạch Vũ	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02502/08S69
7424	S69-08905			Huỳnh Hoàng Thơ	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02503/08S69
7425	S69-08906			Nguyễn Văn Việt	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02504/08S69
7426	S69-08907	CM-09140		Nguyễn Văn Trạm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06414/09S69
7427	S69-08908			Tạ Công Khanh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02506/08S69
7428	S69-08909			Tạ Văn Hậu	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02507/08S69
7429	S69-08911			Du Thanh Hùng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02509/08S69
7430	S69-08912	CM-09201		Tô Trọng Thuỷ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/04/2012	20/04/2013	01747/12S69
7431	S69-08913			Phan Văn Kết	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02511/08S69
7432	S69-08914	CM-09085		Đặng Văn Hiền	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/06/2010	25/06/2011	03374/10S69
7433	S69-08915			Cao Thành Y	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02513/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7434	S69-08916	CM-09105		Lê Văn Minh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04412/11S69
7435	S69-08917			Nguyễn Văn Thịnh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02515/08S69
7436	S69-08918			Nguyễn Văn Tâm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02516/08S69
7437	S69-08919			Võ Văn Trường	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02517/08S69
7438	S69-08920			Phan Văn Sách	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02518/08S69
7439	S69-08921			Ngô Văn Hải	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02519/08S69
7440	S69-08922	CM-09088		Lâm Thành An	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02202/12S69
7441	S69-08923			Nguyễn Thị Hận	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02521/08S69
7442	S69-08924			Lý Minh Lờ	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02522/08S69
7443	S69-08925			Diệp Văn Hoàng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02523/08S69
7444	S69-08926			Bùi Văn Tiên	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02524/08S69
7445	S69-08927			Phan Văn Kế	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02525/08S69
7446	S69-08928			Võ Hoàng Đế	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02526/08S69
7447	S69-08929			Nguyễn Văn Liêm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2008	10/04/2009	02527/08S69
7448	S69-08930			Huỳnh Văn Văn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02528/08S69
7449	S69-08931			Nguyễn Văn Tô	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02529/08S69
7450	S69-08933			Trần Phương Thám	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02531/08S69
7451	S69-08934			Đặng út Thắng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02532/08S69
7452	S69-08935			Võ Văn Sĩ	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02533/08S69
7453	S69-08936	CM-08866		Trần Văn Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/05/2009	29/05/2010	03078/09S69
7454	S69-08937	CM-08865		Phạm Minh Phụng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/04/2012	13/04/2013	01633/12S69
7455	S69-08938			Võ Văn Nghiêm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	02534/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7456	S69-08943			Trần Văn Năm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	24/04/2009	02551/08S69
7457	S69-08944			Phan Văn Trấn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02552/08S69
7458	S69-08945			Trần Văn Ân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02553/08S69
7459	S69-08946			Mai Văn Hậu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02554/08S69
7460	S69-08947			Ngô Văn Lắm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	14/04/2009	02555/08S69
7461	S69-08948			Nguyễn Văn Kiểm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02556/08S69
7462	S69-08949			Trương Thanh Giang	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02557/08S69
7463	S69-08950			Đoàn Thanh Trung	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02558/08S69
7464	S69-08951			Phan Thanh Hải	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02639/09S69
7465	S69-08952			Nguyễn Tấn Thắng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02560/08S69
7466	S69-08953			Lê Văn Cao	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02561/08S69
7467	S69-08954			Tạ Thanh Bên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02562/08S69
7468	S69-08955	CM-12741		Mai Văn Soi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02644/09S69
7469	S69-08956			Tạ Văn Tảng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02564/08S69
7470	S69-08957			Huỳnh Hán úi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02565/08S69
7471	S69-08958			Trần Văn Dễ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02566/08S69
7472	S69-08959			Trần Văn Việt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02567/08S69
7473	S69-08960			Nguyễn Văn Được	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06106/10S69
7474	S69-08961			Trương Văn Nghiệp	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02569/08S69
7475	S69-08962			Mạc Thành Nghĩa	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02570/08S69
7476	S69-08963			Nguyễn Thanh Trong	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02571/08S69
7477	S69-08964			Phan Văn Hữu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02572/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7478	S69-08965			Phạm Văn Luyến	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02573/08S69
7479	S69-08966			Trần Hoàng Phúc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02574/08S69
7480	S69-08967			Lý Văn Đen	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02575/08S69
7481	S69-08968			Trần Văn Lâm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02576/08S69
7482	S69-08969			Ngô Văn Khen	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02577/08S69
7483	S69-08970			Tô Minh Tươi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02631/09S69
7484	S69-08971			Đoàn Thanh Hợp	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02579/08S69
7485	S69-08972			Huỳnh Vĩnh Phúc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02580/08S69
7486	S69-08973			Võ Văn Thiệt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02581/08S69
7487	S69-08974			Trần Văn Xưa	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02582/08S69
7488	S69-08975			Nguyễn Phú Tân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02583/08S69
7489	S69-08976			Đỗ Thanh Nghị	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02584/08S69
7490	S69-08977			Trần Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02585/08S69
7491	S69-08978			Lê út Nhỏ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	14/04/2008	14/04/2009	02586/08S69
7492	S69-08979			Ngô Văn Giữ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2008	14/04/2009	02587/08S69
7493	S69-08980	CM-09638		Trần Văn Hải	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05496/09S69
7494	S69-08981	CM-08886		Nguyễn Văn Tường	Khánh Hòa, Huyện U Minh	22/03/2013	22/03/2014	01875/13S69
7495	S69-08982			Trần Quang Vinh	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	14/04/2008	14/04/2009	02590/08S69
7496	S69-08983	CM-01784		Nguyễn Thanh Vũ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	02/02/2010	02/02/2011	00663/10S69
7497	S69-08984			Lê Quốc Danh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	22/04/2008	22/04/2009	02594/08S69
7498	S69-08986	CM-05342		Phạm Minh Sang	Khánh An, Huyện U Minh	28/08/2012	28/08/2013	04560/12S69
7499	S69-08990	CM-01676		Võ Văn Lựu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2011	10/12/2012	04772/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7500	S69-08991			Lê Văn Năm	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02601/08S69
7501	S69-08992			Nguyễn Văn Đón	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02602/08S69
7502	S69-08993			Trương Văn Lil	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02603/08S69
7503	S69-08994			Lương Văn Lợi	Phong lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02604/08S69
7504	S69-08995			Ngô Minh Nhưng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02605/08S69
7505	S69-08996			Nguyễn Văn Thương	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02606/08S69
7506	S69-08997			Phan Văn Thạnh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02607/08S69
7507	S69-08999			Trần Văn Định	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02609/08S69
7508	S69-09000			Ngô Hoàng Nhung	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02610/08S69
7509	S69-09001			Trần Kha Ly	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02612/08S69
7510	S69-09003			Huỳnh Thanh Yên	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02613/08S69
7511	S69-09004			Ngô Minh Nhung	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02614/08S69
7512	S69-09005			Thái Văn Nguyên	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02615/08S69
7513	S69-09006			Trần Thị Thơm	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02616/08S69
7514	S69-09007			Nguyễn Thanh Hùng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02617/08S69
7515	S69-09008			Phạm Văn Đen	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02618/08S69
7516	S69-09009			Đỗ Thanh Bình	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02619/08S69
7517	S69-09010			Nguyễn Minh Luận	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02620/08S69
7518	S69-09011			Lê Văn Tiến	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02621/08S69
7519	S69-09012			Trương Văn Lách	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02622/08S69
7520	S69-09013			Nguyễn Văn Gian	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02623/08S69
7521	S69-09014			Hồng Minh Lem	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02426/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7522	S69-09015	CM-09460		Nguyễn Văn Thành	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2014	10/06/2015	01525/14S69
7523	S69-09016			Huỳnh Văn Gạch	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02626/08S69
7524	S69-09017			Võ Hoàng Linh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02627/08S69
7525	S69-09018			Nguyễn Thị Dung	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02628/08S69
7526	S69-09020			Võ Văn Lưu	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02630/08S69
7527	S69-09021	CM-09481		Võ Văn Hữu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2011	10/02/2012	00485/11S69
7528	S69-09022			Võ Văn Tuấn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02632/08S69
7529	S69-09023			Dương Văn Nhứt	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02633/08S69
7530	S69-09024			Lê Văn Nê	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02634/08S69
7531	S69-09025			Đào Trọng Quyển	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02635/08S69
7532	S69-09026			Nguyễn Thành Tâm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02636/08S69
7533	S69-09028			Trần Văn Lương	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02638/08S69
7534	S69-09029			Nguyễn Văn Chiêu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02639/08S69
7535	S69-09030			Trần Văn Đạt	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02640/08S69
7536	S69-09031			Trần Việt Khái	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02641/08S69
7537	S69-09032			Huỳnh Văn Phil	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02642/08S69
7538	S69-09033			Nguyễn Văn Oanh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02643/08S69
7539	S69-09034			Nguyễn Văn Sự	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02644/08S69
7540	S69-09035			Cao Văn Tánh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02645/08S69
7541	S69-09036			Thái Văn Dẫn	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02646/08S69
7542	S69-09037			Dương Văn Phần	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02647/08S69
7543	S69-09038			Nguyễn Văn Tặng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02648/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7544	S69-09039			Đặng Văn ần	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02649/08S69
7545	S69-09040	CM-09464		Châu Văn Được	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04712/10S69
7546	S69-09041			Lê Văn Khâm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02651/08S69
7547	S69-09042			Phước Văn Đảm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02652/08S69
7548	S69-09043			Phạm Quốc Khởi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02653/08S69
7549	S69-09044			Đặng Văn Sơn	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02654/08S69
7550	S69-09046			Nguyễn Văn Nhuận	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02656/08S69
7551	S69-09047			Lê Thanh Phương	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02657/08S69
7552	S69-09048			Trương Văn Lơ	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02658/08S69
7553	S69-09049			Trần Văn Đức	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02659/08S69
7554	S69-09050			Nguyễn Văn Đang	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02660/08S69
7555	S69-09051			Trần Văn lành	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02661/08S69
7556	S69-09052			Huỳnh Thanh Trung	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02662/08S69
7557	S69-09053			Thái Văn Nguyên	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02663/08S69
7558	S69-09054			Nguyễn Thanh Tòng	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02664/08S69
7559	S69-09055			Nguyễn Văn Khánh	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02655/08S69
7560	S69-09056			Trần Thanh Phong	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02666/08S69
7561	S69-09057			Nguyễn Văn Dũng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02667/08S69
7562	S69-09058			Nguyễn Văn Tích	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02668/08S69
7563	S69-09059			Nguyễn Văn Tỏa	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02669/08S69
7564	S69-09060			Trần Văn Em	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02670/08S69
7565	S69-09061			Trương Văn út Định	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02671/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7566	S69-09062			Nguyễn Văn Hùng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02672/08S69
7567	S69-09063			Bào Thanh Đoàn	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02673/08S69
7568	S69-09064			Trương Văn út Lớn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02674/08S69
7569	S69-09065			Đặng Thanh Đồi	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02675/08S69
7570	S69-09066			Lê Thanh Phương	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02676/08S69
7571	S69-09067			Ngô Văn Miên	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02677/08S69
7572	S69-09068			Trần Văn Dung	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02678/08S69
7573	S69-09069			Võ Văn Sơn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02679/08S69
7574	S69-09070	CM- 09645		Hà Văn Hiếu	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	04/07/2009	04/07/2010	03739/09S69
7575	S69-09071			Trần Văn Khuyên	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02681/08S69
7576	S69-09072			Trần Văn Tường	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02683/08S69
7577	S69-09074			Nguyễn Lập Công	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02684/08S69
7578	S69-09075			Thái Văn Thống	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02685/08S69
7579	S69-09076			Trương Văn Đạt	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02686/08S69
7580	S69-09077			Phan Văn Thắng	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02687/08S69
7581	S69-09078			Văn Văn Thóm	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02688/08S69
7582	S69-09079			Phạm Văn Hùng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02689/08S69
7583	S69-09080			Cao Văn Nghĩa	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02690/08S69
7584	S69-09081			Tô Văn Linh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02691/08S69
7585	S69-09082			Nguyễn Văn Trung	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02692/08S69
7586	S69-09083			Võ Văn Đảnh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02693/08S69
7587	S69-09084			Phạm Văn Đổm	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05271/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7588	S69-09085			Lê Phi Thoàng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02695/08S69
7589	S69-09086			Trần Văn Luận	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02696/08S69
7590	S69-09087			Trần Văn Khinh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02697/08S69
7591	S69-09088			Huỳnh Văn Cuộc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02698/08S69
7592	S69-09089			Trương Văn Bo	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02699/08S69
7593	S69-09090			Cao Văn Lĩnh	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02700/08S69
7594	S69-09091			Trần Trung Trực	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02701/08S69
7595	S69-09092			Nguyễn Văn Làng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02702/08S69
7596	S69-09093			Nguyễn Văn Cai	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02703/08S69
7597	S69-09094			Nguyễn Văn Tánh	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02704/08S69
7598	S69-09095			Dương Văn Nam	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02705/08S69
7599	S69-09096			Nguyễn Văn Nữa	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02706/08S69
7600	S69-09097			Nguyễn Minh Luân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02707/08S69
7601	S69-09098			Nguyễn Thanh Tuấn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02708/08S69
7602	S69-09099			Trần Văn Mừng	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02709/08S69
7603	S69-09100			Cao Hải Sang	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02710/08S69
7604	S69-09101			Lê Thành Điển	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02711/08S69
7605	S69-09102			Võ Thanh Mộng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02712/08S69
7606	S69-09103			Nguyễn Lê Ba	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02713/08S69
7607	S69-09104			Nguyễn Văn Vện	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02714/08S69
7608	S69-09105			Lê Văn An	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02715/08S69
7609	S69-09106			Võ Quốc Trì	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02716/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7610	S69-09107			Phước Văn Hợp	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02717/08S69
7611	S69-09108			Nguyễn Thanh Tuấn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02718/08S69
7612	S69-09109			Nguyễn Văn Nghiệp	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02719/08S69
7613	S69-09110			Nguyễn Chí Tâm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02720/08S69
7614	S69-09111			Thái Văn Thư	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02721/08S69
7615	S69-09112			Bùi Văn Phúc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02722/08S69
7616	S69-09113			Thái Văn Nhan	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02723/08S69
7617	S69-09114			Nguyễn Văn Lến	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02724/08S69
7618	S69-09115			Đào Văn Bức	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02725/08S69
7619	S69-09116			Trương Văn Minh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02726/08S69
7620	S69-09117			Trần Việt Nam	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05582/10S69
7621	S69-09118			Phù Văn Đức	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02728/08S69
7622	S69-09119			Phan Văn Trực	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02729/08S69
7623	S69-09120			Nguyễn Thanh Vũ	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02730/08S69
7624	S69-09121			Nguyễn Văn Vũ	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02731/08S69
7625	S69-09122			Nguyễn Văn Bảo	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02732/08S69
7626	S69-09123			Trần Văn Đối	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02733/08S69
7627	S69-09124			Võ Văn Trí	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02734/08S69
7628	S69-09125			Võ Văn Tây	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02735/08S69
7629	S69-09126			Tô Văn Đung	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02736/08S69
7630	S69-09127			Bào Văn Phi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02737/08S69
7631	S69-09128			Nguyễn Thanh Danh	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02738/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7632	S69-09129			Huỳnh Văn Bảo	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02739/08S69
7633	S69-09130			Trương Văn Xuân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02740/08S69
7634	S69-09131			Thái Văn Bảy	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02741/08S69
7635	S69-09132			Trương Văn Cột	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02742/08S69
7636	S69-09133			Huỳnh Văn Thơm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02743/08S69
7637	S69-09134			Châu Trần	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02744/08S69
7638	S69-09135			Võ Văn Cải	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02745/08S69
7639	S69-09136			Phan Văn Tiếp	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02746/08S69
7640	S69-09137			Lê Minh Khương	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02747/08S69
7641	S69-09138			Nguyễn Văn Dương	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02748/08S69
7642	S69-09139			Trần Quốc Việt	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02749/08S69
7643	S69-09140			Nguyễn Văn Bê	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02750/08S69
7644	S69-09141			Bào Văn Pha	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02751/08S69
7645	S69-09142			Lê Thị Nhi	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02752/08S69
7646	S69-09143			Đào Văn Hòa	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02753/08S69
7647	S69-09144			Nguyễn Văn Tăng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02754/08S69
7648	S69-09145			Tô Văn Công	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02755/08S69
7649	S69-09146			Nguyễn Văn Thật	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02756/08S69
7650	S69-09147			Nguyễn Văn Lẹ	Phong lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02757/08S69
7651	S69-09148	CM-09526		Trần Văn út	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04247/10S69
7652	S69-09149			Trần Hoàng Khải	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02759/08S69
7653	S69-09150			Nguyễn Văn Mười	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02760/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7654	S69-09151	CM-09457		Lê Văn Thôi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	08/12/2009	08/12/2010	06942/09S69
7655	S69-09152			Nguyễn Văn Đắc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02762/08S69
7656	S69-09153			Đặng Văn Diệu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02763/08S69
7657	S69-09154			Hồ Hải Đăng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02764/08S69
7658	S69-09155			Trần Văn Dinh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02765/08S69
7659	S69-09156			Trần Văn Thiện	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02766/08S69
7660	S69-09157			Hồ Văn Sơn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02767/08S69
7661	S69-09158			Lê Bá Thành	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02768/08S69
7662	S69-09159			Trần Văn Thu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02769/08S69
7663	S69-09160			Nguyễn Văn Mộng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02770/08S69
7664	S69-09161			Lê Thanh Tính	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02771/08S69
7665	S69-09162			Trần Văn Thương	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02772/08S69
7666	S69-09163			Võ Văn Tuấn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02773/08S69
7667	S69-09164			Nguyễn Văn Trung	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02774/08S69
7668	S69-09165			Trác Hoàng Kiện	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02775/08S69
7669	S69-09166			Thái Văn Lil	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02776/08S69
7670	S69-09167			Hà Văn Bộ	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02777/08S69
7671	S69-09168			Võ Văn Nuôi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02778/08S69
7672	S69-09169			Võ Văn út	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02779/08S69
7673	S69-09170			Huỳnh Trung Duyên	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02780/08S69
7674	S69-09171			Nguyễn Văn Dữ	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02781/08S69
7675	S69-09172			Nguyễn Văn My	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02782/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7676	S69-09173			Hà Văn Dân	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02783/08S69
7677	S69-09174			Nguyễn Văn Nhựt	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02784/08S69
7678	S69-09175			Phan Thanh Trà	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01401/12S69
7679	S69-09176			Thái Văn Thám	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02786/08S69
7680	S69-09177	CM-		Võ Văn Quyền	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02787/08S69
7681	S69-09178			Trần Văn Việt	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02788/08S69
7682	S69-09179			Nguyễn Văn Phò	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02789/08S69
7683	S69-09180			Tô Văn Năng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02790/08S69
7684	S69-09181			Nguyễn Văn Trọng	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02791/08S69
7685	S69-09182			Hồng Nhủ Em	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02792/08S69
7686	S69-09183			Nguyễn Thái Tuấn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02793/08S69
7687	S69-09184			Nguyễn Văn Tùng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02794/08S69
7688	S69-09185			Nguyễn Lê Trung	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02795/08S69
7689	S69-09186			Trương Thanh Tiên	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02796/08S69
7690	S69-09187			Đặng Văn Dự	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02797/08S69
7691	S69-09188	CM-09547		Trương Chí Linh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2010	10/06/2011	03118/10S69
7692	S69-09189			Huỳnh Hoàng Em	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02799/08S69
7693	S69-09190			Nguyễn Văn Tảo	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02800/08S69
7694	S69-09191			Dương á Ly	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02801/08S69
7695	S69-09192			Nguyễn Văn Hận	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02802/08S69
7696	S69-09193			Hà Văn Khoa	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02803/08S69
7697	S69-09194			Lê Văn Công	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02804/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7698	S69-09195			Trần Văn Lắm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02805/08S69
7699	S69-09196			Bào Văn Hùng	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02806/08S69
7700	S69-09197			Ấu Văn Đức	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02807/08S69
7701	S69-09198			Nguyễn Văn Giang	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02808/08S69
7702	S69-09199			Tô Việt Phúc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02809/08S69
7703	S69-09200			Nguyễn Văn Quân	Pphong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02810/08S69
7704	S69-09201			Trần Văn Tuấn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02811/08S69
7705	S69-09202			Huỳnh út Xiểu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02812/08S69
7706	S69-09203			Trần Văn Tường	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02813/08S69
7707	S69-09204			Lê Văn Lắm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02814/08S69
7708	S69-09205			Lý Trường Em	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02815/08S69
7709	S69-09206			Dương Văn Bằng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02816/08S69
7710	S69-09207			Trần Việt Quốc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02817/08S69
7711	S69-09208			Nguyễn Văn Vệ	Phgong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02818/08S69
7712	S69-09212	CM- 08899		Ngô Hoàng Việt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03465/11S69
7713	S69-09214			Tôn Quang Hoà	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	24/04/2008	24/04/2009	02835/08S69
7714	S69-09215			Nguyễn Thị Hoa	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	30/12/2014	30/12/2015	03592/14S69
7715	S69-09216			Lâm Quang Neo	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	24/04/2008	24/04/2009	02839/08S69
7716	S69-09218			Nguyễn Văn Bình	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/04/2008	25/04/2009	02843/08S69
7717	S69-09228	CM-09933		Nguyễn Văn Nghiệm	Phú Tân, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01233/12S69
7718	S69-09229	CM-09879		Huỳnh Văn Na	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01234/12S69
7719	S69-09233			Lê Hoàng Oanh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/05/2009	02859/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7720	S69-09235			Lê Chí Thiện	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02861/08S69
7721	S69-09236			Trần Thanh Toàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02862/08S69
7722	S69-09237			Võ Văn Thông	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02863/08S69
7723	S69-09238			Đỗ Minh Thăng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02864/08S69
7724	S69-09240	CM-09935		Phan Văn Phát	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	31/05/2010	31/05/2011	02955/10S69
7725	S69-09241	CM-09937		Lê Nhật Linh	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/03/2011	16/03/2012	00909/11S69
7726	S69-09244			Võ Chí Hiếu	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02870/08S69
7727	S69-09256			Ngô Minh Sương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02882/08S69
7728	S69-09258			Trịnh Minh Trân	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02884/08S69
7729	S69-09259			Trịnh Thanh Sang	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02885/08S69
7730	S69-09261			Võ Quốc Oanh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02887/08S69
7731	S69-09264			Huỳnh Chí Nhứt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02890/08S69
7732	S69-09268			Trần Quốc Tuấn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02894/08S69
7733	S69-09269			Huỳnh Văn Hoi	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	10/01/2010	10/01/2011	00131/10S69
7734	S69-09273			Võ út Nhỏ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02899/08S69
7735	S69-09277			Phan Việt Suối	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02903/08S69
7736	S69-09278			Trần Văn Cung	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02904/08S69
7737	S69-09282			Dương Chí Linh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02908/08S69
7738	S69-09284			Huỳnh Hoài Hận	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02910/08S69
7739	S69-09290			Trần Văn Phước	Phú Lệ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02916/08S69
7740	S69-09293	CM-09804		Ngô Văn Lơ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/11/2013	26/11/2014	05906/13S69
7741	S69-09294			Nguyễn Thành Mộng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02920/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7742	S69-09299			Trần Vũ Đức	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02925/08S69
7743	S69-09301			Trần Văn Hoàng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02927/08S69
7744	S69-09311			Nguyễn Văn Bằng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02937/08S69
7745	S69-09312			Văn Minh Ngang	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02938/08S69
7746	S69-09313			Nguyễn Thành Sơn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02939/08S69
7747	S69-09317			Nguyễn Văn Đen	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02943/08S69
7748	S69-09318			Nguyễn Văn Quốc	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02944/08S69
7749	S69-09319			Huỳnh Bé Ba	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02945/08S69
7750	S69-09320			Nguyễn Thị Cơ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02946/08S69
7751	S69-09321			Trần Tuấn Em	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02947/08S69
7752	S69-09323			Đinh Văn Thắm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02949/08S69
7753	S69-09325			Lê Minh Tuấn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02951/08S69
7754	S69-09326			Trương Phi Long	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02952/08S69
7755	S69-09327			Nguyễn Văn Kiệt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02953/08S69
7756	S69-09328	CM-09790		Dương Văn Tiết	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	05/04/2012	05/04/2013	01443/12S69
7757	S69-09330	CM-09837		Trương Văn Nhựt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	12/11/2012	12/11/2013	06755/12S69
7758	S69-09331	CM-09936		Trần Thanh Hải	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/10/2012	16/10/2013	05502/12S69
7759	S69-09333			Nguyễn út Bé	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02959/08S69
7760	S69-09339			Trương Thanh Đông	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02965/08S69
7761	S69-09340			Phạm Văn Hậu	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02966/08S69
7762	S69-09341			Nguyễn Văn Duẩn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02967/08S69
7763	S69-09342			Kiều Văn Kiệp	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02968/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7764	S69-09343			Nguyễn Văn Giảng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02969/08S69
7765	S69-09345	CM-09810		Nguyễn Văn Tân	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04271/09S69
7766	S69-09347			Bùi Phương Tâm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02973/08S69
7767	S69-09348			Trương Minh Sang	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02974/08S69
7768	S69-09351			Trần Vũ Phương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02977/08S69
7769	S69-09352			Trần Quốc Khánh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02978/08S69
7770	S69-09353			Lê Chí Công	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02979/08S69
7771	S69-09355			Tô Văn Mộng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02981/08S69
7772	S69-09361			Nguyễn Minh Nhựt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02987/08S69
7773	S69-09362			Tô Chí Nguyên	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02988/08S69
7774	S69-09365	CM. 08917		Nhan Văn Bào	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	25/01/2010	25/01/2011	00457/10S69
7775	S69-09369	CM-08919		Trần Văn Thắm	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	18/03/2013	18/09/2013	01649/13S69
7776	S69-09370			Võ Công Linh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02991/08S69
7777	S69-09374			Nguyễn Minh Dương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02995/08S69
7778	S69-09375			UBND Xã Phú Mỹ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	02996/08S69
7779	S69-09392			Võ Văn Thi	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03013/08S69
7780	S69-09395	CM-09852		Võ Văn Lực	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00287/12S69
7781	S69-09396			Trịnh Minh Dân	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03017/08S69
7782	S69-09400			Trần Minh Phụng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03021/08S69
7783	S69-09401			Phạm Văn Tiến	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03022/08S69
7784	S69-09403	CM-09902		Lê Hoàng Mau	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/12/2010	13/12/2011	05962/10S69
7785	S69-09408			Huỳnh Việt Khái	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03029/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7786	S69-09411	CM-09927		Phạm Chí Cường	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/12/2010	24/12/2011	06289/10S69
7787	S69-09413			Lê Ngọc Chàng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03034/08S69
7788	S69-09414			Huỳnh Minh Nhật	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03035/08S69
7789	S69-09415			Phạm Minh Khiêm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03036/08S69
7790	S69-09416			Nguyễn Văn Hộp	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03037/08S69
7791	S69-09417			Phạm Hoà Bình	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03038/08S69
7792	S69-09418			Quách Văn Toàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03039/08S69
7793	S69-09419			Trần Văn út	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03040/08S69
7794	S69-09420			Lê út Lớn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03041/08S69
7795	S69-09421			Đặng Văn Lực	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03042/08S69
7796	S69-09422			Phan Tấn Trãi	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03043/08S69
7797	S69-09424			Nguyễn Văn Thắng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03045/08S69
7798	S69-09426			Trần Thanh Hồng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03047/08S69
7799	S69-09427			Đỗ Văn Bằng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2008	24/04/2009	03048/08S69
7800	S69-09429	CM-09009		Phạm Thành Tài	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	27/07/2009	27/07/2010	04269/09S69
7801	S69-09430	CM-08909		CTY TNHH SX Nhân Hoà	414 Lý Thường Kiệt, P6, Thành phố Cà Mau	10/05/2013	10/05/2014	02506/13S69
7802	S69-09432	CM-08903		Trần Minh Nghiệm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	01/06/2009	01/06/2010	03188/09S69
7803	S69-09433	CM-08906	GHE Tải	Nguyễn Văn Hiếu	Khóm 4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	15/06/2009	15/06/2010	03326/09S69
7804	S69-09434	CM-09291		Nguyễn Thế nhân	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	14/07/2010	14/07/2011	03629/10S69
7805	S69-09435			Lê Văn Tén	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03072/08S69
7806	S69-09436			Nguyễn Thành Đi	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03073/08S69
7807	S69-09437			Phan Văn Trường	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03074/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7808	S69-09438			Phan Minh Trí	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03075/08S69
7809	S69-09439			Trần Thanh Nha	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03076/08S69
7810	S69-09440			Nguyễn Văn Đặng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03077/08S69
7811	S69-09441			Phạm Văn Toàn	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03078/08S69
7812	S69-09442			Phạm Quốc Khánh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03079/08S69
7813	S69-09443			Phạm Văn Đát	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03080/08S69
7814	S69-09444			Trịnh Thanh Bon	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03081/08S69
7815	S69-09445			Trần Ngọc Thanh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03082/08S69
7816	S69-09446			Võ Thành Nghê	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	24/04/2009	24/04/2010	02594/09S69
7817	S69-09447			Thái Văn Đáng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03084/08S69
7818	S69-09448			Nguyễn Văn Phúc	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/04/2008	28/04/2009	03085/08S69
7819	S69-09449	CM-01665		NguyễnThanh Hồng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01080/12S69
7820	S69-09450	CM-00617		Huỳnh Văn Vũ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	24/04/2012	24/04/2013	01784/12S69
7821	S69-09451	CM-08905		Nguyễn Văn Thống	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	04/05/2009	04/05/2010	02672/09S69
7822	S69-09452	CM-18286		Hồ Minh Liệt	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	22/06/2010	22/06/2011	03274/10S69
7823	S69-09455	CM-08911		Phan Thanh Xuân	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	22/04/2009	22/04/2010	02544/09S69
7824	S69-09458			Cty TNHH XD Nhất Phương	Khóm 4, TT U Minh, Huyện U Minh	19/10/2009	19/10/2010	06356/09S69
7825	S69-09459	CM-09001		Tăng Quốc Văn	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	30/06/2015	30/06/2016	01209/15S69
7826	S69-09460	CM-09261		Nguyễn Văn Nguyễn	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	26/12/2012	26/12/2013	09650/12S69
7827	S69-09465	CM-09297		Phạm Quang Trung	Khóm 2, phường 6, Thành phố Cà Mau	17/01/2014	17/01/2015	00216/14S69
7828	S69-09466	CM-09285		Trần Văn Vở	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08151/12S69
7829	S69-09468			Nguyễn Mỹ Kiều	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2008	12/05/2009	03124/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7830	S69-09469			Phạm Sa Vel	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03125/08S69
7831	S69-09470			Trần Văn Hiếu	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03126/08S69
7832	S69-09471			Hồng Minh Cảnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03127/08S69
7833	S69-09472			Cao Văn Tèo	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03128/08S69
7834	S69-09473			Phan Văn Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03129/08S69
7835	S69-09474			Trần Văn Hùng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03132/08S69
7836	S69-09475			Nguyễn Thanh Tuấn	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03131/08S69
7837	S69-09477			Trần Thị Thuận	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2008	12/05/2009	03133/08S69
7838	S69-09478	CM-09953		Trương Minh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03813/10S69
7839	S69-09479			Nguyễn Văn Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03135/08S69
7840	S69-09480			Trần Văn Tỷ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03136/08S69
7841	S69-09481			Võ Văn út	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03137/08S69
7842	S69-09482	CM-09331		Lê Tiến Dũng	Khóm 3, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	04/08/2009	04/08/2010	04734/09S69
7843	S69-09483			Nguyễn Thanh Nghi	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03139/08S69
7844	S69-09484			Võ Văn Hoa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03140/08S69
7845	S69-09485			Hồ Ngọc Tường	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03141/08S69
7846	S69-09486			Trần Mến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03838/09S69
7847	S69-09488			Trần Văn Minh	KV1, Khóm 2, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03144/08S69
7848	S69-09490			Nguyễn Tấn Hưng	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03146/08S69
7849	S69-09491			Nguyễn Minh Nhật	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03147/08S69
7850	S69-09493	CM-09359		Đỗ Tấn Tài	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07314/09S69
7851	S69-09494			Nguyễn Thị út Em	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03150/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7852	S69-09495			Nguyễn Văn Sáng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03151/08S69
7853	S69-09496	CM-09696		Nguyễn Thanh Hùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	25/05/2012	24/05/2013	02401/12S69
7854	S69-09497	CM-09494		Trần Thanh Việt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06268/13S69
7855	S69-09498			Nguyễn Văn Tẹt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03154/08S69
7856	S69-09499	CM-09390		Lê Minh Lũy	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03240/10S69
7857	S69-09500			Võ Minh Hiền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03156/08S69
7858	S69-09501			Trần Quốc Thọ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03157/08S69
7859	S69-09502			Nguyễn Văn Gìn	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03158/08S69
7860	S69-09503			Nguyễn Văn Cuộc	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03159/08S69
7861	S69-09504			Nguyễn Văn Lợi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03160/08S69
7862	S69-09505			Ca Hạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03161/08S69
7863	S69-09507			Lê Cao Thúc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03163/08S69
7864	S69-09508	CM-09386		Phạm Văn Thanh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02766/10S69
7865	S69-09509			Lê Văn Khánh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03165/08S69
7866	S69-09510			Nguyễn Hoàng Oanh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03166/08S69
7867	S69-09511			Lê Thanh Sơn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03167/08S69
7868	S69-09512			Phạm Minh Chon	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03168/08S69
7869	S69-09513			Bùi Thanh Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03169/08S69
7870	S69-09514			Nguyễn Văn Lũy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03170/08S69
7871	S69-09515			Bùi Văn Diệu	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2008	12/05/2009	03171/08S69
7872	S69-09516			Trương Quang Trung	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03172/08S69
7873	S69-09522	CM-08981		Quách Hoàng Xuyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07899/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7874	S69-09524	CM-08990		Lâm Minh Luân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	15/01/2015	15/01/2016	00085/15S69
7875	S69-09525			Phạm Văn Trường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	12/06/2009	12/06/2010	03312/09S69
7876	S69-09526	CM-01384		Hứa Tấn Chiến	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2014	27/05/2015	02448/14V67
7877	S69-09527			Trần Việt Quốc	Khóm 4, Phường 6, Thành phố Cà Mau	15/05/2008	15/05/2009	03191/08S69
7878	S69-09531			Võ Văn Đồ	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	16/05/2008	16/05/2009	03197/08S69
7879	S69-09536	CM- 08984		Lê Văn Nhở	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/12/2014	19/12/2015	03375/14S69
7880	S69-09537	CM-03481		Nguyễn Thanh Tâm	Khóm 3, Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/05/2008	16/05/2009	03203/08S69
7881	S69-09538	CM-09013		Nguyễn Văn Cường	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/06/2011	10/06/2012	01897/11S69
7882	S69-09539	CM- 09329		Nguyễn Văn Hoàng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	31/08/2009	31/08/2010	05227/09S69
7883	S69-09540			Nguyễn Bạch Hiếu	Khóm 1, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03207/08S69
7884	S69-09541			Phạm Trí Phương	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03208/08S69
7885	S69-09542			Nguyễn Văn Hạnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03209/08S69
7886	S69-09543			Bùi Văn Quân	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03210/08S69
7887	S69-09544			Trần Minh Long	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03211/08S69
7888	S69-09545	CM-09388		Đặng Kiều Nhân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/06/2010	05012/09S69
7889	S69-09546			Nguyễn Văn Hùng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03213/08S69
7890	S69-09547			Nguyễn Hoàng Nam	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03214/08S69
7891	S69-09548			Phạm Văn Mạnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2008	13/05/2009	03215/08S69
7892	S69-09549	CM-19109		Đặng Minh Châu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03802/10S69
7893	S69-09550	CM-10112		Tạ Văn Chiến	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2011	20/08/2012	02853/11S69
7894	S69-09551			Nguyễn Văn Cung	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03218/08S69
7895	S69-09553			Nguyễn Tấn Em	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03220/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7896	S69-09554			Đỗ Minh Trí	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03221/08S69
7897	S69-09555			Nguyễn Văn Đường	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03222/08S69
7898	S69-09556			Huỳnh Văn Lén	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03223/08S69
7899	S69-09557			Nguyễn Minh Tura	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03224/08S69
7900	S69-09558			Nguyễn Văn Cường	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/05/2008	13/05/2009	03225/08S69
7901	S69-09560	CM-		Đoàn Thành Công	Đất mới, Huyện Năm Căn	22/05/2008	13/05/2009	03227/08S69
7902	S69-09561			Văn Chư	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03228/08S69
7903	S69-09562			Vương Hoàng Kiệt	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03229/08S69
7904	S69-09563			Nguyễn Hoàng Văn	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2008	13/05/2009	03230/08S69
7905	S69-09564			Nguyễn Văn Hiền	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03231/08S69
7906	S69-09565			Ngô Văn Tiền	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03232/08S69
7907	S69-09566			Võ Văn Hồ	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03233/08S69
7908	S69-09567	CM-		Vũ Khắc Tín	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/05/2008	13/05/2009	03234/08S69
7909	S69-09568			Nguyễn Văn Huỳnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03235/08S69
7910	S69-09569	CM-09382		Nguyễn Tấn Đạt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09260/12S69
7911	S69-09570			Văn Xiểu Hên	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03237/08S69
7912	S69-09571			Nguyễn Thị Liên	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03238/08S69
7913	S69-09572			Mã Sung Hoạc	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03239/08S69
7914	S69-09573			Đặng Văn Cường	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03240/08S69
7915	S69-09574			Trần Văn Cô	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/03/2012	07/03/2013	00831/12S69
7916	S69-09575			Huỳnh Văn Hắng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03242/08S69
7917	S69-09576			Huỳnh Văn Lũy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06424/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7918	S69-09577			Huỳnh Văn Lũy	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03244/08S69
7919	S69-09578			Nguyễn Văn Quốc	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/05/2008	13/05/2009	03245/08S69
7920	S69-09579			Phan Ngọc Thịnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03246/08S69
7921	S69-09580	CM-09397		Du Hiệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06413/09S69
7922	S69-09581			Nguyễn Văn Phúc	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03248/08S69
7923	S69-09582			Tô Chí Quang	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03249/08S69
7924	S69-09583			Nguyễn Anh Dũng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03250/08S69
7925	S69-09584			Trần Cao Tuấn	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03251/08S69
7926	S69-09585			Nguyễn Văn La	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03252/08S69
7927	S69-09586			Nguyễn Văn Hiếu	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05812/09S69
7928	S69-09587			Nguyễn Văn Phụng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03254/08S69
7929	S69-09588			Trần Thanh Thoảng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03255/08S69
7930	S69-09589			Nguyễn Thanh Tèo	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03256/08S69
7931	S69-09591			Võ Chí Thiện	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03258/08S69
7932	S69-09592	CM-10120		Ngô Xiêm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/01/2015	20/01/2016	00159/15S69
7933	S69-09593			Huỳnh Văn Ni	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03260/08S69
7934	S69-09594			Trần Văn Tới	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03261/08S69
7935	S69-09595			Nguyễn Hữu Vĩnh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03262/08S69
7936	S69-09596			Phạm Văn Thum	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03263/08S69
7937	S69-09597			Trịnh Minh Đỏ	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03264/08S69
7938	S69-09598			Nguyễn Văn Hoạch	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03265/08S69
7939	S69-09599			Nguyễn Văn Tý	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03266/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7940	S69-09600			Trương Minh Lâm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03267/08S69
7941	S69-09601			Huỳnh Tèo	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	21/05/2008	13/05/2009	03268/08S69
7942	S69-09602			Châu Hoàng Lập	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03269/08S69
7943	S69-09603			Dương Văn Thương	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03270/08S69
7944	S69-09604			Huỳnh Thanh Tùng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03271/08S69
7945	S69-09605			Nguyễn Minh Túy	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03272/08S69
7946	S69-09606			Nguyễn Văn Dũng	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03273/08S69
7947	S69-09608			Nguyễn Thành Lộc	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03275/08S69
7948	S69-09609			Lê Văn Bèo	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03276/08S69
7949	S69-09610			Nguyễn Minh Nam	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03277/08S69
7950	S69-09611			Nguyễn Minh Khải	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03278/08S69
7951	S69-09612			Hồng Văn Khải	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03279/08S69
7952	S69-09613			Võ Hoàng Minh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03280/08S69
7953	S69-09614			Nguyễn Văn Mãng	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/05/2008	13/05/2009	03281/08S69
7954	S69-09615			Văn Lộc Rực	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03282/08S69
7955	S69-09616			Trang Hoàng Mãi	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03283/08S69
7956	S69-09617			Dương Thanh Phong	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03284/08S69
7957	S69-09618			Nguyễn Trung Chính	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03285/08S69
7958	S69-09619			Trương Văn Nai	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03286/08S69
7959	S69-09620			Phòng Tài Nguyên và Môi Trường	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2008	13/05/2009	03287/08S69
7960	S69-09621	CM-10125		Nguyễn Văn Bảnh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00305/11S69
7961	S69-09622	CM-10122		Huỳnh Văn Quẹo	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00310/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7962	S69-09623			Tô Văn Mừng	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/05/2008	13/05/2009	03290/08S69
7963	S69-09624	CM-09011		Trần Văn Vén	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	03/03/2009	03/03/2010	01095/09S69
7964	S69-09625	CM. 09012		Lâm Thế Kiệt	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	09/03/2010	09/03/2011	01078/10S69
7965	S69-09626	CM-10680		Huỳnh Văn Thượng	Thị trấn U Minh, Huyện U Minh	14/12/2009	14/12/2010	07031/09S69
7966	S69-09627	CM-00985		Lý Văn Rết	K6, P8, Thành phố Cà Mau	10/01/2011	10/01/2012	00119/11S69
7967	S69-09629			Tô Thanh Liêm	ấp 4, Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	14/05/2008	14/05/2009	03298/08S69
7968	S69-09630	CM-09002		Du Vũ Khoa	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	22/03/2012	22/03/2013	01159/12S69
7969	S69-09631			Nguyễn Văn Thường	Phường 8, Thành phố Cà Mau	19/05/2008	19/05/2009	03302/08S69
7970	S69-09636			Huỳnh Văn Trước	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03307/08S69
7971	S69-09637			Phạm Văn Hùng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03308/08S69
7972	S69-09638			Trương Văn Hiền	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03309/08S69
7973	S69-09639			Trần Thị Hoa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	29/05/2008	14/05/2009	03310/08S69
7974	S69-09640			Hoàng Thị Phương	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03311/08S69
7975	S69-09641			Tô Văn Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03312/08S69
7976	S69-09642			Phạm Văn Chính	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03313/08S69
7977	S69-09643			Trần Văn Tịch	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03314/08S69
7978	S69-09644			Trần Ngọc ẩn	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03315/08S69
7979	S69-09645			Giảng Nhựt Em	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03316/08S69
7980	S69-09646			Hoàng Mạnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03317/08S69
7981	S69-09647			Trần Văn Nhứt	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03318/08S69
7982	S69-09648			Mã Văn Lén	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07315/09S69
7983	S69-09649	CM-09348		Nguyễn Văn Khởi	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/06/2013	20/06/2014	03192/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
7984	S69-09650	CM-09349		Lê Văn Quốc	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/06/2013	20/06/2014	03190/13S69
7985	S69-09651			Tô Văn Đảm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03322/08S69
7986	S69-09652			Tô Văn Công	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03323/08S69
7987	S69-09653	CM-09358		Ngô Thanh Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02193/12S69
7988	S69-09654			Huỳnh Văn Tùng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03325/08S69
7989	S69-09655			Nguyễn Văn Cửa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03326/08S69
7990	S69-09657			Đội Thuế Liên Xã Số 2 Đất Mới	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03328/08S69
7991	S69-09658			Lê Quốc Khởi	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03329/08S69
7992	S69-09661			Nguyễn Văn Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03332/08S69
7993	S69-09662			Nguyễn Kha Tùng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03333/08S69
7994	S69-09663			Bùi Thị Thanh Thảo	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07308/09S69
7995	S69-09664			Đỗ Thanh Bình	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03335/08S69
7996	S69-09666	CM-09437		Tô Văn Thông	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06415/09S69
7997	S69-09667	CM-61129		Vũ Hoàng Khiêm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09253/12S69
7998	S69-09668	CM-09326		Phạm Văn Phương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03823/09S69
7999	S69-09669	CM-61293		Trần Văn Giang	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07198/12S69
8000	S69-09670			Mã Khén	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03341/08S69
8001	S69-09671			Nguyễn Truyền Thống	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03342/08S69
8002	S69-09673			Trương Văn Giới	đất mới, Huyện Năm Căn	29/05/2008	14/05/2009	03344/08S69
8003	S69-09674			Nguyễn Văn Hận	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03345/08S69
8004	S69-09675	CM		Nguyễn Văn Dây	đất Mới, Huyện Năm Căn	29/05/2008	14/05/2009	03346/08S69
8005	S69-09677			Đỗ Thị Hồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07307/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8006	S69-09678			Lê Văn Thơm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07313/09S69
8007	S69-09679			Nguyễn Văn út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03350/08S69
8008	S69-09680			Võ Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03351/08S69
8009	S69-09681			Võ Văn Ngoan	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03352/08S69
8010	S69-09682			Phù Trường Niên	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03353/08S69
8011	S69-09683			Bùi Sĩ Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05814/09S69
8012	S69-09684			Lê Thành Tôn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	29/05/2008	14/05/2009	03355/08S69
8013	S69-09685	CM-61135		Phạm Văn Hưng	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07204/12S69
8014	S69-09687			Phan Trung Toàn	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03358/08S69
8015	S69-09689	CM-13379		Võ Văn Thái	Khóm 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/01/2013	24/01/2014	01168/13S69
8016	S69-09690			Lê Tiệp Khắc	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03361/08S69
8017	S69-09692	CM-02941		Phạm Văn Phương	Khu Vực II, Khóm I, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03837/09S69
8018	S69-09693	CM-09367		Lư Văn Quang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03834/09S69
8019	S69-09694			Vương Văn Em	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03365/08S69
8020	S69-09695			Lê Văn Lùng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03366/08S69
8021	S69-09697			Nguyễn Thị Loan	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03368/08S69
8022	S69-09703			Trần Diệu Hiền	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03374/08S69
8023	S69-09704	CM-10131		Trần Hoàng Dũng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2010	25/01/2011	00397/10S69
8024	S69-09705	CM-09347		Lê Phi Hoàng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07226/12S69
8025	S69-09706	CM-09346		Huỳnh Văn Đông	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09195/12S69
8026	S69-09709	CM-09368		Nguyễn Văn Mừng	Khóm 3, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	21/10/2013	21/10/2014	05018/13S69
8027	S69-09710			Nguyễn Văn Chinh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03381/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8028	S69-09711			Lê Hoàng Phú	Xã Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03382/08S69
8029	S69-09712	CM-09376		Lê Thị Giúp	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09267/12S69
8030	S69-09713			Trịnh Thanh Thoảng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03384/08S69
8031	S69-09714			Ngô Bá Phước	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03385/08S69
8032	S69-09715			Diệp Hùng Thắng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	28/05/2009	28/05/2010	00697/09S69
8033	S69-09716			Lê Văn Xuân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03387/08S69
8034	S69-09717			Tăng Văn Chên	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03388/08S69
8035	S69-09718			Lê Chí Tâm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03389/08S69
8036	S69-09719			Nguyễn Văn Em	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03390/08S69
8037	S69-09720	CM-09377		Mai Minh Luân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05811/09S69
8038	S69-09721			Lê Minh Hoàng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03392/08S69
8039	S69-09722			Nguyễn Văn Thống	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03393/08S69
8040	S69-09723	CM-21988		Võ Thanh Tùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04940/11S69
8041	S69-09724			Võ Thành Đồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03836/09S69
8042	S69-09725			Dương Quốc Khải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03396/08S69
8043	S69-09726			Hạt Kiểm Lâm Huyện Năm Căn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03397/08S69
8044	S69-09727			Hạt Kiểm Lâm Huyện Năm Căn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03398/08S69
8045	S69-09728			Hạt Kiểm Lâm Huyện Năm Căn	Thị Trấn năm Căn, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03399/08S69
8046	S69-09729			Phan Văn Đồi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03400/08S69
8047	S69-09730			Trương Văn Đỏ	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03401/08S69
8048	S69-09731	CM-09415		Nguyễn Văn Sét	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03798/10S69
8049	S69-09732			Du Bữu Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06425/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8050	S69-09733			Trần Văn Hôn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03404/08S69
8051	S69-09734			Lê Hoàng Phương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03405/08S69
8052	S69-09735			Ong Hoàng Phong	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03406/08S69
8053	S69-09736			Huỳnh Văn Hóa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03407/08S69
8054	S69-09737			Nguyễn Văn Le	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03408/08S69
8055	S69-09738			Diệp Minh Đương	Khu Vực 3, Khóm 3, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03409/08S69
8056	S69-09739			Trần Thanh Thoảng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03410/08S69
8057	S69-09740			Hồng Minh Tấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03411/08S69
8058	S69-09741			Nguyễn Văn Trọng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/06/2010	05016/09S69
8059	S69-09742			Lê Hiền Nữ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03413/08S69
8060	S69-09743			Đặng Hoàng Minh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	20/05/2008	20/05/2009	03414/08S69
8061	S69-09744	CM-09005		Lê Thanh Trúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/06/2009	15/06/2010	03319/09S69
8062	S69-09745	CM-11696		Đoàn Văn Múi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04556/09S69
8063	S69-09746	CM-09006		Phạm Thanh Xuân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04546/09S69
8064	S69-09748	CM-09254	CM-09254	Mai Thị Nhanh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước, Thành phố Cà Mau	16/12/2011	16/12/2012	11207/11V68
8065	S69-09749			Dương Minh Khởi	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	10/04/2008	10/04/2009	03422/08S69
8066	S69-09751	CM-09017		Phan Văn Tỷ	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	01/06/2015	01/06/2016	01002/15S69
8067	S69-09753			Trần Thanh Toàn	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	20/05/2008	20/05/2009	03426/08S69
8068	S69-09754	CM- 00892		Nguyễn Thị út	ấp Tắc Thủ Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	20/05/2008	20/05/2009	03427/08S69
8069	S69-09755	CM-09014		Lâm Văn út	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/08/2009	16/08/2010	00523/09V83
8070	S69-09756	CM-		Cty CPTVTK Và XD Vinh Mẫn	Phường 05, Thành phố Cà Mau	25/05/2010	25/05/2011	02905/10S69
8071	S69-09758			Huỳnh Văn Tới	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2008	20/05/2009	03433/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8072	S69-09760			Huỳnh Thanh Phong	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	19/01/2008	19/01/2009	03435/08S69
8073	S69-09761	CM-09447		Bùi Văn Thi	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	06/07/2009	06/07/2010	03743/09S69
8074	S69-09762			Nguyễn Văn Quang	Khóm 1, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	21/05/2008	21/05/2009	03439/08S69
8075	S69-09763			Nguyễn Văn Khải	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	03440/08S69
8076	S69-09764	CM-		Nguyễn Hoàng Nhiệm	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	21/07/2009	21/07/2010	04183/09S69
8077	S69-09765			Lê Công Dũng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	22/05/2008	22/05/2009	03442/08S69
8078	S69-09767	CM-09051		Phạm Văn Toàn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	24/06/2009	24/06/2010	03535/09S69
8079	S69-09768			Trần Văn Phương	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/05/2008	22/05/2009	03445/08S69
8080	S69-09769			Nguyễn Máy	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03446/08S69
8081	S69-09770			Trần Thị Thủy	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03447/08S69
8082	S69-09771			Nguyễn Kim Linh	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03448/08S69
8083	S69-09772			Ông Văn Tỷ	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03449/08S69
8084	S69-09775			Vũ Phước Hùng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03453/08S69
8085	S69-09776			Nguyễn Chí Cường	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03454/08S69
8086	S69-09777			Đỗ Hữu Quận	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03455/08S69
8087	S69-09778			Nguyễn Thanh Mộng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03456/08S69
8088	S69-09779			Nguyễn Tương Lai	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03457/08S69
8089	S69-09780			Trần Thị Hón	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03458/08S69
8090	S69-09781			Trần Văn Kem	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03459/08S69
8091	S69-09782			Trần Thiện Khiêm	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03460/08S69
8092	S69-09783			Nguyễn Hoàng Văn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03461/08S69
8093	S69-09784			Nguyễn Thế Diễn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03462/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8094	S69-09785			Nguyễn Thanh Bình	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03463/08S69
8095	S69-09786			Nguyễn Văn Hôn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03464/08S69
8096	S69-09787			Đặng Văn Để	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03465/08S69
8097	S69-09788			Kiều Việt Khái	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03466/08S69
8098	S69-09789			Nguyễn Văn Ly	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03467/08S69
8099	S69-09790			Đỗ Minh Thương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03468/08S69
8100	S69-09791			Kiều Vũ Linh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03469/08S69
8101	S69-09792			Nguyễn Nhật Thẩm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03470/08S69
8102	S69-09793			Lê Văn Diên	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03471/08S69
8103	S69-09794			Phạm Minh Đức	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03472/08S69
8104	S69-09795			Phan Văn Bá	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03473/08S69
8105	S69-09796			Nguyễn Bé Lâm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03474/08S69
8106	S69-09797			Trần Văn Lợi	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03475/08S69
8107	S69-09798			Phan Văn Cảnh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03476/08S69
8108	S69-09799			Võ Văn Toàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	06/06/2008	18/05/2009	03477/08S69
8109	S69-09800			Lê Văn Khắc	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03478/08S69
8110	S69-09801			Lê Văn Vĩnh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03479/08S69
8111	S69-09802			Trần Văn Dũng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03480/08S69
8112	S69-09803			Lưu Văn Tuấn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2009	18/05/2009	03481/08S69
8113	S69-09804			Phan Văn Tông	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03482/08S69
8114	S69-09805			Đoàn Thanh Tâm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03483/08S69
8115	S69-09806			Võ Văn Kiệt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03484/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8116	S69-09807			Võ Đông Giang	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03485/08S69
8117	S69-09808			Nguyễn Văn Lê	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03486/08S69
8118	S69-09809			Nguyễn Văn Tâm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03487/08S69
8119	S69-09810			Nguyễn Thanh Huy	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03488/08S69
8120	S69-09811			Nguyễn Hoàng Điểm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03489/08S69
8121	S69-09812			Nguyễn Văn Quýt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03490/08S69
8122	S69-09813			Võ Văn út	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03491/08S69
8123	S69-09814			Đỗ Hữu Nghĩa	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03492/08S69
8124	S69-09815			Hồ Thanh Lâm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03493/08S69
8125	S69-09816			Hồ Thanh Sơn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03494/08S69
8126	S69-09817			Huỳnh Văn Cung	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03495/08S69
8127	S69-09818			Trần Văn Nghiêm	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03496/08S69
8128	S69-09819			Lâm Minh Quang	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03497/08S69
8129	S69-09820			Kiều Thị Liễu	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03498/08S69
8130	S69-09821			Kiều Văn Trung	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2009	18/05/2009	03499/08S69
8131	S69-09822			Trần Văn Thánh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03500/08S69
8132	S69-09823			Nguyễn Văn Bằng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03501/08S69
8133	S69-09824			Trần Chí Lợi	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03502/08S69
8134	S69-09825			Huỳnh Văn Hội	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03503/08S69
8135	S69-09826			Nguyễn Ngọc Lợi	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2009	18/05/2009	03504/08S69
8136	S69-09827			Hồ Minh Tuyết	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03505/08S69
8137	S69-09828			Trần Văn Dương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03506/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8138	S69-09829			Nguyễn Văn Hải	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03507/08S69
8139	S69-09830			Trần Văn Nghĩa	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03508/08S69
8140	S69-09831			Nguyễn Văn Kiểm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03509/08S69
8141	S69-09832			Võ Tùng Chinh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03510/08S69
8142	S69-09834			Đặng Văn Kiển	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03512/08S69
8143	S69-09835			Nguyễn Văn Mạnh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03513/08S69
8144	S69-09836			Nguyễn Văn Nhanh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03514/08S69
8145	S69-09837			Phan Văn Truyền	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03515/08S69
8146	S69-09838			Võ Duy Khánh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03516/08S69
8147	S69-09839			Nguyễn Văn Thúc	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03517/08S69
8148	S69-09840			Trần Hoàng Hôn	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03518/08S69
8149	S69-09841			Thái Văn Việt	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03519/08S69
8150	S69-09842			Phan Văn Sơn	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03520/08S69
8151	S69-09843			Nguyễn Văn Mạnh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03521/08S69
8152	S69-09844			Võ Bích Châm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03522/08S69
8153	S69-09845			Võ Văn Bùa	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03523/08S69
8154	S69-09846			Lương Tứ Phương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03524/08S69
8155	S69-09847			Đào Hữu Tính	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03525/08S69
8156	S69-09848			Phạm Văn Hoàng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	15/06/2009	03526/08S69
8157	S69-09849			Nguyễn Thị Mãnh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03527/08S69
8158	S69-09850			Bùi Vĩnh Hảo	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03528/08S69
8159	S69-09851			Trần Hoàng Hôn	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03529/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8160	S69-09852			Huỳnh Văn Dũng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03530/08S69
8161	S69-09853			Đặng Văn Đây	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03531/08S69
8162	S69-09854			Nguyễn Văn Quẩn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	14/05/2009	03532/08S69
8163	S69-09855			Lê Văn Bé	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03533/08S69
8164	S69-09856	CM-12147		Nguyễn Văn Đạm	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	05/12/2013	05/12/2014	06099/13S69
8165	S69-09857			Trần Quốc Tiếp	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03535/08S69
8166	S69-09858			Lê Thị Mai	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03536/08S69
8167	S69-09859			Nguyễn Văn Miên	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03537/08S69
8168	S69-09860			Nguyễn Văn Đây	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03538/08S69
8169	S69-09861			Võ Văn Tấn	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03539/08S69
8170	S69-09862			Võ Minh Quang	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03540/08S69
8171	S69-09863			Tạ Văn Lào	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03541/08S69
8172	S69-09864			Kiều Thanh Bình	Xã Phú Thành, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03542/08S69
8173	S69-09865			Phan Thanh Điền	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03543/08S69
8174	S69-09866			Trần Văn Thiện	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03544/08S69
8175	S69-09867			Nguyễn Văn Dư	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03545/08S69
8176	S69-09868			Kiều Công Luận	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03546/08S69
8177	S69-09869			Nguyễn Thế Hâu	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03547/08S69
8178	S69-09870			Kiều Việt Khải	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03548/08S69
8179	S69-09871			Ngô Thành Nhon	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03549/08S69
8180	S69-09872			Lê Văn Khởi	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03550/08S69
8181	S69-09873			Lê Văn Độ	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03551/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8182	S69-09874			Nguyễn Văn Tèo	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03552/08S69
8183	S69-09875			Nguyễn Văn Phong	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03553/08S69
8184	S69-09876			Nguyễn Văn Phong	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03354/08S69
8185	S69-09877			Trần Quốc Toàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03555/08S69
8186	S69-09878			Huỳnh Văn Trai	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03356/08S69
8187	S69-09879			Võ Văn Đức	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03357/08S69
8188	S69-09880			Đỗ Văn Công	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03558/08S69
8189	S69-09881			Nguyễn Phong Cảnh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03359/08S69
8190	S69-09882			Đoàn Thanh Vũ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03360/08S69
8191	S69-09883			Trần Hoàng Vũ	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03561/08S69
8192	S69-09884			Đỗ Thị Thu	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03362/08S69
8193	S69-09885	CM-12172		Lê Thanh Hải	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01235/12S69
8194	S69-09886			Phan Minh Lâm	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03364/08S69
8195	S69-09887			Trần Kuy Ba	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03565/08S69
8196	S69-09888			Võ Quốc Khánh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03566/08S69
8197	S69-09889			Võ Trường Phúc	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03367/08S69
8198	S69-09890			Võ Chí Linh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03568/08S69
8199	S69-09891			Nguyễn Hoàng Nam	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03369/08S69
8200	S69-09892			Lê Thanh Dũng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03370/08S69
8201	S69-09893			Lê Văn Tăng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03371/08S69
8202	S69-09894			Nguyễn Văn Tèo	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03372/08S69
8203	S69-09895			Trần Trung Kiên	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	18/05/2008	18/05/2009	03373/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8204	S69-09896	CM-08986		Nguyễn Văn Thanh	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/04/2009	14/04/2010	02476/09S69
8205	S69-09897			Hồ Công Định	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	24/05/2008	24/05/2009	03574/08S69
8206	S69-09898			Nguyễn Văn Lắm	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	26/05/2008	26/05/2009	03575/08S69
8207	S69-09899	CM-09258		Ngô Chí Nguyễn	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	16/07/2009	16/07/2010	04010/09S69
8208	S69-09900	CM-02389		Nguyễn Thị Thùy	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	09/06/2010	09/06/2011	03099/10S69
8209	S69-09901	CM-09259		Lê Hoàng Mết	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	23/06/2009	23/06/2010	03461/09S69
8210	S69-09903			Phạm Văn Sơn	ấp 2, Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	26/05/2008	26/05/2009	03583/08S69
8211	S69-09905			Phạm Minh Cửa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	27/05/2008	27/05/2009	03587/08S69
8212	S69-09907			Bùi Văn Tùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/05/2008	23/05/2009	03589/08S69
8213	S69-09908			Hồ Thanh Danh	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	23/06/2009	23/06/2010	03457/09S69
8214	S69-09909	CM-09265		Nguyễn Hoàng Trí	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	23/06/2009	23/06/2010	03456/09S69
8215	S69-09910	CM-09251		Lê Tuấn Nghiệm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06006/12S69
8216	S69-09911	CM-09271		Hàng Thảo Đạt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/08/2010	16/08/2011	04366/10S69
8217	S69-09913			Nguyễn Văn Nhượng	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	28/05/2008	28/05/2009	03595/08S69
8218	S69-09914	CM-09317		Đặng Văn Hóa	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01887/12S69
8219	S69-09915	CM-09276		Đặng Tùng Lâm	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	07/05/2010	07/05/2011	02541/10S69
8220	S69-09916			Trần Văn Kha	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	28/05/2008	28/05/2009	03598/08S69
8221	S69-09917	CM-20977		Trần Quốc Minh	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00707/12S69
8222	S69-09919			Hồ Thị Nơi	Đông Thới, Huyện Cái Nước	13/01/2010	13/01/2011	00184/10S69
8223	S69-09920	CM-03074		Hồ Văn Cơ	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/01/2014	12/01/2015	00112/14S69
8224	S69-09921			Nguyễn Hoàng Khải	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03604/08S69
8225	S69-09922		Văn Phú	Võ Văn Phú	Tân hưng đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03605/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8226	S69-09923			Võ Văn Trí	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03606/08S69
8227	S69-09924			Trương Văn Việt	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03622/08S69
8228	S69-09925	CM-10082		Đặng Việt Nguyên	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	27/08/2009	27/08/2010	05207/09S69
8229	S69-09926			Trương Văn Thúc	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03624/08S69
8230	S69-09927			Nguyễn Tấn Đời	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03625/08S69
8231	S69-09928			Huỳnh Văn Phi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03626/08S69
8232	S69-09929			Phạm Văn Một	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03627/08S69
8233	S69-09930			Nguyễn Chí Lil	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03628/08S69
8234	S69-09931			Nguyễn Văn út	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03629/08S69
8235	S69-09932			Đặng Chí Tâm	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03630/08S69
8236	S69-09933			Nguyễn Văn Chiến	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03631/08S69
8237	S69-09934			Phạm Minh Hoàng	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03632/08S69
8238	S69-09935			Dương Văn Tổ	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03633/08S69
8239	S69-09936			Phan Văn Lực	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03634/08S69
8240	S69-09937	CM-10093		Mai Văn Hắng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01851/10S69
8241	S69-09938			Dương Văn Cường	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03636/08S69
8242	S69-09939			Dương Văn Cường	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03637/08S69
8243	S69-09940			Nguyễn Tri Phương	Đông Thới, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03638/08S69
8244	S69-09941			Nguyễn Văn Đợi	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03640/08S69
8245	S69-09942			Phạm Văn Lực	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03639/08S69
8246	S69-09943			Ngô Văn Vũ	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03641/08S69
8247	S69-09944			Ngô Văn Bạ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03642/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8248	S69-09945			Nguyễn Văn Thiểu	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03643/08S69
8249	S69-09946			Nguyễn Văn Huy	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03644/08S69
8250	S69-09947			Võ Văn Đến	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03645/08S69
8251	S69-09948	CM-10187		Phan Hữu Nghị	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	20/01/2010	20/01/2011	00345/10S69
8252	S69-09949			Nguyễn Văn Hoàng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03647/08S69
8253	S69-09950	CM-10077		Trần Văn Đen	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02509/12S69
8254	S69-09951			Võ Văn Thanh	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03649/08S69
8255	S69-09952			Nguyễn Chí Thanh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03650/08S69
8256	S69-09953			Nguyễn Văn Đâu	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/05/2008	28/05/2009	03651/08S69
8257	S69-09956	CM-		Trạm Y Tế Tân Hưng Đông	Tân hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/05/2008	27/05/2009	03655/08S69
8258	S69-09957	CM-09281		Nguyễn Minh Phước	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10293/12S69
8259	S69-09960			Nguyễn Văn Nam	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	18/06/2010	18/06/2011	03380/10S69
8260	S69-09961	CM-09277		Trần Văn Hôn	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	07/09/2010	07/09/2011	04667/10S69
8261	S69-09962	CM-09278		Đặng Văn Đoàn	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	24/06/2009	24/06/2010	03545/09S69
8262	S69-09963	CM-09280		Trần Văn Đáng	Xã Tân thuận, Huyện Đầm Dơi	24/06/2009	24/06/2010	03547/09S69
8263	S69-09965			Mai Văn Đức	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/05/2010	20/05/2011	02773/10S69
8264	S69-09966			Thái Văn Cảnh	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	02/06/2008	02/06/2009	03667/08S69
8265	S69-09967			Nguyễn Hoàng Nil	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	18/06/2009	18/06/2010	03413/09S69
8266	S69-09968			Trần Đức Linh	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	03/06/2008	03/06/2009	03669/08S69
8267	S69-09969	CM-09287		Trần Văn Nhu	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/11/2010	15/11/2011	05594/10S69
8268	S69-09971			Phạm Điền Kỵ	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	22/05/2008	22/05/2009	03674/08S69
8269	S69-09972			Trương Quốc Thắng	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	22/05/2008	22/05/2009	03675/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8270	S69-09974			Đỗ Hồng Chi	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	03677/08S69
8271	S69-09975			Hồ Văn út	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	03/06/2008	03/06/2009	03679/08S69
8272	S69-09976			Lê Văn Xuyên	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	04/06/2008	04/06/2009	03678/08S69
8273	S69-09977			Tạ Hoàng Sĩ	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/01/2010	20/01/2011	00283/10S69
8274	S69-09979	CM-09309		Phan Thanh Nam	ấp 1, Xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	07/07/2010	07/07/2011	03506/10S69
8275	S69-09980			Lâm Minh Định	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	04/06/2008	04/06/2009	03683/08S69
8276	S69-09981	CM-09313		Trịnh Minh Thế	Khu Vực 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04485/09S69
8277	S69-09982			Huỳnh Công Trọng	Khóm 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03685/08S69
8278	S69-09983	CM-09316		Nguyễn Tiến Văn	Khóm 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	10/10/2012	10/10/2013	05370/12S69
8279	S69-09985			Lê út Cung	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	05/06/2008	05/06/2009	03690/08S69
8280	S69-09987	CM-02648		Nguyễn Hoàng Thơm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	26/12/2014	26/12/2015	03474/14S69
8281	S69-09988			Nguyễn Văn Phụ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03695/08S69
8282	S69-09991	CM-10516		Thái Văn Dũng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04598/11S69
8283	S69-09992			Thái Văn Dũng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03699/08S69
8284	S69-09993			Hồ Minh Chiến	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03700/08S69
8285	S69-09994			Phan Văn Tông	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03701/08S69
8286	S69-09995			Phạm Văn Hùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03702/08S69
8287	S69-09996			Nguyễn Văn Đạt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03703/08S69
8288	S69-09997	CM-10594		Nguyễn Minh Đỡ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02387/14S69
8289	S69-09998			Nguyễn Văn Lộc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03705/08S69
8290	S69-09999			Trần Minh Hiếu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03706/08S69
8291	S69-10000			Trần Thanh Nhã	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03707/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8292	S69-10001			Đoàn Minh Văn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03708/08S69
8293	S69-10002			Thái Bích Thuận	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03709/08S69
8294	S69-10003	CM-10592		Nguyễn Văn Dũng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04087/13S69
8295	S69-10004			Đào Thanh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03712/08S69
8296	S69-10005	CM-10599		Phạm Văn Tấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04076/13S69
8297	S69-10006			Phan Thanh Tân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03713/08S69
8298	S69-10007			Trần Văn Sơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03714/08S69
8299	S69-10008			Huỳnh Hoàng Hiếu	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03715/08S69
8300	S69-10009			Mguyễn Văn Thắng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03716/08S69
8301	S69-10010	CM-10527		Phạm Văn Mạnh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04443/09S69
8302	S69-10011			Trương Văn Thân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03718/08S69
8303	S69-10012			Trần kim út	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03719/08S69
8304	S69-10013	CM-10529		Phạm Minh Thảo	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02383/14S69
8305	S69-10014			Nguyễn Thanh Bảy	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03721/08S69
8306	S69-10015	CM-10596		Nguyễn Văn Phi	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04620/11S69
8307	S69-10016			Triệu Văn Nghị	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03723/08S69
8308	S69-10017	CM-10520		Trần Quốc Bảo	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05794/12S69
8309	S69-10018	CM-10596		Nguyễn Văn Đông	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02377/14S69
8310	S69-10019			Nguyễn Trung Kiên	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03726/08S69
8311	S69-10020			Lê Vã út	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03727/08S69
8312	S69-10021			Nguyễn Văn Dũng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03728/08S69
8313	S69-10022			Nguyễn Văn Việt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03729/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8314	S69-10023			Phan Hồng Muôn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03730/08S69
8315	S69-10024			Võ Trường Tồn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03731/08S69
8316	S69-10025	CM-10268		Nguyễn Văn Nghiên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02391/14S69
8317	S69-10026			Võ Thị Hằng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03733/08S69
8318	S69-10027			Trần Thanh Việt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03734/08S69
8319	S69-10028			Lê Văn Sơn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03735/08S69
8320	S69-10029			Trần Quốc Đội	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03736/08S69
8321	S69-10030			Phan Công Định	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03737/08S69
8322	S69-10031			Lê Thành Tâm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03738/08S69
8323	S69-10032			Trần Văn Tiên	Xã Hoiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03739/08S69
8324	S69-10033	CM-10504		Thái Bình Minh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04608/11S69
8325	S69-10034	CM-10536		Nguyễn Minh Hoàng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04441/09S69
8326	S69-10035			Phan Văn Cang	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03742/08S69
8327	S69-10036			Võ Văn Đức	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03743/08S69
8328	S69-10037	CM-10534		Huỳnh Hồng Giang	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/12/2012	22/12/2013	09467/12S69
8329	S69-10038			Lê Triệu Vĩ	Xã Hiệp tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03745/08S69
8330	S69-10039			Nguyễn Văn ấu	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03746/08S69
8331	S69-10040	CM-10350		Trương Hoài Phương	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04629/11S69
8332	S69-10041	CM-10303		Nguyễn Văn óm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04458/09S69
8333	S69-10042			Võ Văn Nhung	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03749/08S69
8334	S69-10043			Võ Minh Trung	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03750/08S69
8335	S69-10044			Huỳnh Văn Thơi	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03751/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8336	S69-10045			Vũ Như Hậu	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03752/08S69
8337	S69-10046			Nguyễn Văn Phú	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03753/08S69
8338	S69-10047			Huỳnh Văn Lớn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03754/08S69
8339	S69-10049			Ngô Thị Cúc	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03756/08S69
8340	S69-10050			Mạc Văn Tuấn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03757/08S69
8341	S69-10051			Lê Chí Công	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03758/08S69
8342	S69-10052			Lâm Văn Mười	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03759/08S69
8343	S69-10053			Trần Hùng Chữ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03760/08S69
8344	S69-10054	CM-10245		Trần Quốc Vệ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05776/12S69
8345	S69-10055	CM-10540		Phan Văn Danh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04596/11S69
8346	S69-10056			Lê út Em	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03763/08S69
8347	S69-10057			Nguyễn Tấn Trung	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03764/08S69
8348	S69-10058			Tân Hoàng Hiện	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03765/08S69
8349	S69-10059			Phan Văn Tính	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03766/08S69
8350	S69-10060			Nguyễn Văn Trí	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03767/08S69
8351	S69-10061	CM-10539		Lê Minh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04465/09S69
8352	S69-10062			Nguyễn Ngọc Xinh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03769/08S69
8353	S69-10063			Nguyễn Văn Đợi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03770/08S69
8354	S69-10064			Nguyễn Văn Đợi	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03771/08S69
8355	S69-10065			Lê Văn Thiện	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03772/08S69
8356	S69-10066			Trần Văn Kiệt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03773/08S69
8357	S69-10067			Nguyễn Hoàng Khải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03774/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8358	S69-10068	CM-10473		Phan Trọng Sơn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04597/11S69
8359	S69-10069			Nguyễn Văn ở	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03776/08S69
8360	S69-10070	CM-10475		Phạm Văn Tiến	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02386/14S69
8361	S69-10071			Trần Văn Tình	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03778/08S69
8362	S69-10072			Huỳnh Thanh Thương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03779/08S69
8363	S69-10073			Ngô Đình Quang	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03780/08S69
8364	S69-10074			Nguyễn Văn Tư	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03781/08S69
8365	S69-10075			Lê Văn Khải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03782/08S69
8366	S69-10076			Đồng Quốc Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/08/2008	29/08/2009	06196/08S69
8367	S69-10077			Trần Văn Đang	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03784/08S69
8368	S69-10078			Võ Thanh Tiền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03785/08S69
8369	S69-10079			Nguyễn Văn Tâm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03786/08S69
8370	S69-10081			Phan Ngọc Xiêm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03788/08S69
8371	S69-10082			Đặng Hoàng Ân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03789/08S69
8372	S69-10083	CM-10287		Lê Thị Trúc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04442/09S69
8373	S69-10084			Phan Vũ Trường	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03791/08S69
8374	S69-10085			Huỳnh Ngọc Anh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06416/09S69
8375	S69-10086			Ngô Văn Phương	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03793/08S69
8376	S69-10087			Nguyễn Tuấn Kiệt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03794/08S69
8377	S69-10088	CM-10465		Đỗ Minh Đông	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06417/09S69
8378	S69-10089	CM-10293		Thạch Thanh Sa	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04079/13S69
8379	S69-10090			Nguyễn Hoàng Vũ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03797/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8380	S69-10091			Lê Văn Mến	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03798/08S69
8381	S69-10092	CM-10346		Lê Quốc Thống	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04615/11S69
8382	S69-10093			Lê Văn Việt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03800/08S69
8383	S69-10094			Trần Quốc Vũ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03801/08S69
8384	S69-10095			Tạ Văn Loa	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03802/08S69
8385	S69-10096			Phan Văn Toàn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03803/08S69
8386	S69-10097			Nguyễn Trường Giang	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03804/08S69
8387	S69-10098			Lâm Thành Ôn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03805/08S69
8388	S69-10099			Huỳnh Hữu Hạnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03806/08S69
8389	S69-10100			Nguyễn Quốc Chiến	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03807/08S69
8390	S69-10101			Nguyễn Minh Hoàng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03808/08S69
8391	S69-10102	CM-10286		Trần Văn Trúc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04599/11S69
8392	S69-10103			Trần Hoàng Du	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03810/08S69
8393	S69-10104	CM-10515		Phan Trọng Nhân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06418/09S69
8394	S69-10105	CM-10320		Đoàn Thanh Liêm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04439/09S69
8395	S69-10106			Nguyễn Tuyết Quỳ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03813/08S69
8396	S69-10107	CM-10584		Lê Thanh Trúc	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04433/09S69
8397	S69-10108			Nguyễn Văn Minh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03815/08S69
8398	S69-10109			Trần Văn Đạt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03816/08S69
8399	S69-10110			Lê Văn Dũng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03817/08S69
8400	S69-10111			Đỗ Văn Sơn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03818/08S69
8401	S69-10112	CM-09730		Phan Văn Linh	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/06/2014	24/06/2015	01691/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8402	S69-10113			Nguyễn Quốc Pháp	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03820/08S69
8403	S69-10114	CM-10519		Huỳnh Văn Bông	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04627/11S69
8404	S69-10115			Võ Việt Kháng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03822/08S69
8405	S69-10116			Trần Văn Dũng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03823/08S69
8406	S69-10117			Trần Minh Tiến	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03824/08S69
8407	S69-10118			Nguyễn Văn Phúc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03825/08S69
8408	S69-10119			Nguyễn Thanh Hùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03826/08S69
8409	S69-10120	CM-09729		Trần Quang	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03272/10S69
8410	S69-10121	CM-09728		Cao Văn Quyền	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	26/06/2014	26/06/2015	01723/14S69
8411	S69-10122	CM-09723		Cao Anh Chính	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/06/2014	24/06/2015	01689/14S69
8412	S69-10123	CM-09725		Trần Văn Trung	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/06/2014	24/06/2015	01690/14S69
8413	S69-10124	CM-10358		Nguyễn Quốc Thắng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04070/13S69
8414	S69-10125			Võ Tuấn Linh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03832/08S69
8415	S69-10127			Trần Tuấn Phương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03834/08S69
8416	S69-10128	CM-09726		Cao Văn Công	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	22/04/2010	22/04/2011	02216/10S69
8417	S69-10129			Lê Văn Huỳnh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03836/08S69
8418	S69-10130			Trần Văn Dời	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03837/08S69
8419	S69-10131			Ngô Văn ửng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03838/08S69
8420	S69-10132			Nguyễn Văn Trung	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03839/08S69
8421	S69-10133			Nguyễn Tuyết Phương	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03840/08S69
8422	S69-10134			Đinh Thanh Trung	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03841/08S69
8423	S69-10135			Trần Quang Thử	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03842/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8424	S69-10136			Nguyễn Minh Trí	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03843/08S69
8425	S69-10137			Nguyễn Văn Cuội	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03844/08S69
8426	S69-10138			Trần Văn Liệt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03845/08S69
8427	S69-10139			Nguyễn Văn Phườn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03846/08S69
8428	S69-10140			Võ Hữu Trí	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03847/08S69
8429	S69-10141			Võ Hồng Kiệt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03848/08S69
8430	S69-10142			Huỳnh Hoàng Linh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03849/08S69
8431	S69-10143			Thái Thành Trung	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03850/08S69
8432	S69-10144			Nguyễn Văn Tùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03851/08S69
8433	S69-10145			Phạm Văn Mộng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03852/08S69
8434	S69-10146	CM-10622		Nguyễn Văn Lên	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04081/13S69
8435	S69-10147	CM-10357		Nguyễn Văn Thuyền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05800/12S69
8436	S69-10148	CM-10418		Huỳnh thanh Tuấn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04084/13S69
8437	S69-10149	CM-10434		Dương Chí Thanh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	01/03/2011	01/03/2012	00654/11S69
8438	S69-10150			Hồ Anh Hớn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03857/08S69
8439	S69-10151	CM-10370		Nguyễn Văn Luận	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04431/09S69
8440	S69-10152			Võ Tấn Nhất	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03859/08S69
8441	S69-10153			Nguyễn Hoà Thuận	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03860/08S69
8442	S69-10154			Nguyễn Văn Xuân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03861/08S69
8443	S69-10155	CM-10624		Văn Hoàng Diễn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04623/11S69
8444	S69-10156			Nguyễn Thị ánh Hồng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03863/08S69
8445	S69-10157			Châu Văn Hải	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03864/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8446	S69-10158			Phạm Văn Cồ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03865/08S69
8447	S69-10159			Trần Văn Thanh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03866/08S69
8448	S69-10160			Phạm Văn Khỏe	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03867/08S69
8449	S69-10161	CM-10161		Lê Hoàng Kiệt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04459/09S69
8450	S69-10163			Đào Văn Hồn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03870/08S69
8451	S69-10164			Huỳnh Văn Tre	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03871/08S69
8452	S69-10165	CM-09727		Cao Văn Cường	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/06/2014	24/06/2015	01692/14S69
8453	S69-10166			Trần Hữu Nghị	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03873/08S69
8454	S69-10167			Lương Minh Thái	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03874/08S69
8455	S69-10168			Phạm Thị Lan	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03875/08S69
8456	S69-10169			Võ Thanh Hải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03876/08S69
8457	S69-10170			Lê Văn Hảo	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03877/08S69
8458	S69-10171	CM-10269		Đỗ Văn Nhờ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04466/09S69
8459	S69-10172			Lê Thanh Hải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03879/08S69
8460	S69-10173			Phạm Thị Hương	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03880/08S69
8461	S69-10174			Bùi Hoàng Thuởng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03881/08S69
8462	S69-10175			Nguyễn Thành Diệu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03882/08S69
8463	S69-10176			Đỗ Văn Mếp	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03883/08S69
8464	S69-10177			Triệu Văn Thuyền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03884/08S69
8465	S69-10178			Nguyễn Siêu Lan	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03885/08S69
8466	S69-10179			Nguyễn Thanh Sang	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03886/08S69
8467	S69-10180			Trương Văn Tuôi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03887/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8468	S69-10181			Nguyễn Văn Linh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03888/08S69
8469	S69-10182			Phan Văn Mẫn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03889/08S69
8470	S69-10183			Nguyễn Hoàng Kiệt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03890/08S69
8471	S69-10184			Trương Minh Cho	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03891/08S69
8472	S69-10185			Ngô Thành Đề	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03892/08S69
8473	S69-10186	CM-10313		Nguyễn Minh Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04607/11S69
8474	S69-10187	CM-09722		Huỳnh Văn Hó	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04441/10S69
8475	S69-10188	CM-09724		Nguyễn Hoàng Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	01/06/2009	01/06/2010	03193/09S69
8476	S69-10189	CM-09333		Nguyễn Văn Yên	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2009	13/11/2010	06619/09S69
8477	S69-10190			Trần Văn Quang	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/06/2008	06/06/2009	03897/08S69
8478	S69-10193			Trương Vũ Bằng	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	09/06/2008	09/06/2009	03901/08S69
8479	S69-10194	CM-09352		Mai Thanh Tín	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	10/08/2011	10/08/2012	02704/11S69
8480	S69-10195			Nguyễn Hoàng Phương	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03904/08S69
8481	S69-10197	CM-19615		Huỳnh Trường An	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03928/11S69
8482	S69-10198			Đỗ Văn Chàng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03908/08S69
8483	S69-10200			Huỳnh Văn Leo	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03910/08S69
8484	S69-10201			Đặng Văn Mãnh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Ngọc Hiển	03/06/2008	03/06/2009	03911/08S69
8485	S69-10202			Trần Văn Hải	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03912/08S69
8486	S69-10203			Nguyễn Chí Thân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03913/08S69
8487	S69-10204			Lê Minh Tâm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03914/08S69
8488	S69-10205	CM-10589		Dương Thanh Sơn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	10/02/2010	10/02/2011	00876/10S69
8489	S69-10206			Huỳnh Thanh Tùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03916/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8490	S69-10207			Nguyễn Dũng Kha	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03917/08S69
8491	S69-10208			Trần Văn Mừng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03918/08S69
8492	S69-10209			Huỳnh Thanh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03919/08S69
8493	S69-10210			Thái Thanh Nghiệp	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03920/08S69
8494	S69-10211			Nguyễn Văn Lắc	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03921/08S69
8495	S69-10212			Đặng Văn Dũng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03922/08S69
8496	S69-10213			Đỗ Hoàng Bảo Phương	Xã Hiệp Tùng, Thành phố Cà Mau	03/06/2008	03/06/2009	03923/08S69
8497	S69-10214			Bùi Văn Tánh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03924/08S69
8498	S69-10215			Trần Quốc Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03925/08S69
8499	S69-10216			Trần Văn Moi	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03926/08S69
8500	S69-10217			Hồ Văn Huấn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03927/08S69
8501	S69-10218			Huỳnh Văn Mỹ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03928/08S69
8502	S69-10219			Nguyễn Minh Hồng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03929/08S69
8503	S69-10220			Nguyễn Văn Nghiệp	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03930/08S69
8504	S69-10221			Nguyễn Thành Công	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03931/08S69
8505	S69-10222			Vũ Văn Công	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03932/08S69
8506	S69-10223			Lê Văn Thi	HiệpTùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03933/08S69
8507	S69-10224			Nguyễn Chí Hiền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03934/08S69
8508	S69-10225			Nguyễn Văn Kha	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03935/08S69
8509	S69-10226			Nguyễn Văn Liễu	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03936/08S69
8510	S69-10227			Nguyễn Trường Giang	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03937/08S69
8511	S69-10228			Nguyễn Anh Kiệt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03938/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8512	S69-10230	CM-10447		Trần Quốc Chánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/08/2011	22/08/2012	02903/11S69
8513	S69-10231			Phạm Minh Cách	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03941/08S69
8514	S69-10233			Phạm Minh Cẩm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03943/08S69
8515	S69-10235	CM-10611		Lê Bình An	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04080/13S69
8516	S69-10236	CM-		Trương Việt Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/01/2010	27/01/2011	00512/10S69
8517	S69-10237			Nguyễn Văn Nhỏ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03947/08S69
8518	S69-10238			Phạm Văn Huy	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03948/08S69
8519	S69-10239			Võ Văn Năm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03949/08S69
8520	S69-10240			Bùi Văn Minh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03950/08S69
8521	S69-10241			Mai Minh Văn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03951/08S69
8522	S69-10242			Thái Bé Hết	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03952/08S69
8523	S69-10243			Nguyễn Văn Hiền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03953/08S69
8524	S69-10244			Kim Sơn Minh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03954/08S69
8525	S69-10245			Ngô Hoàng Anh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03955/08S69
8526	S69-10246			Ngô Văn Suất	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03956/08S69
8527	S69-10247	CM-10454		Đoàn Thanh Sang	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/03/2013	22/03/2014	01940/13S69
8528	S69-10248	CM-10435		Võ Chí Phương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	19/07/2010	19/07/2011	03651/10S69
8529	S69-10249	CM-10613		Nguyễn Văn Tẻ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04436/09S69
8530	S69-10250			Phạm Minh Trung	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03960/08S69
8531	S69-10251	CM-10482		Đỗ Thanh Thế	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04477/09S69
8532	S69-10252			Ong Thanh Liêm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03962/08S69
8533	S69-10253			Tô Thanh Lào	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03963/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8534	S69-10254			Nguyễn Văn Thanh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03964/08S69
8535	S69-10255			Nguyễn Văn Lân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03965/08S69
8536	S69-10256			Nguyễn Thanh Dân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03966/08S69
8537	S69-10257			Trần Văn Phương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03967/08S69
8538	S69-10258			Nguyễn Văn Cứ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03968/08S69
8539	S69-10259			Nguyễn Văn Phong	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03696/08S69
8540	S69-10260			Ngô Tén Xía	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03970/08S69
8541	S69-10261	CM-10450		Nguyễn Văn Hải	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04904/10S69
8542	S69-10262			Trần Văn Việt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03972/08S69
8543	S69-10263			Nguyễn Văn Be	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03973/08S69
8544	S69-10264			Nguyễn Văn Đủ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03974/08S69
8545	S69-10265	CM-10444		Võ Hồng Viễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04632/11S69
8546	S69-10266			Đinh Thành Long	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03976/08S69
8547	S69-10267			Huỳnh Văn Muôn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03977/08S69
8548	S69-10268	CM-10259		Lê Quốc Dũng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05802/12S69
8549	S69-10269			Nguyễn Văn Hòa	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03979/08S69
8550	S69-10270			Lê Trọng Hữu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03980/08S69
8551	S69-10271			Phạm Văn Trắng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03981/08S69
8552	S69-10272			Nguyễn Hoàng Sơn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03982/08S69
8553	S69-10273			Hồng Văn Kiển	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03983/08S69
8554	S69-10274			Võ Hoàng Kiệt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03984/08S69
8555	S69-10275			Phan Văn Hưởng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03985/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8556	S69-10276			Lê Văn Ngoan	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03986/08S69
8557	S69-10277	CM-10275		Mai Văn Em	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04454/09S69
8558	S69-10278			Trương Văn Nghĩa	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03989/08S69
8559	S69-10279			Huỳnh Văn Vũ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03988/08S69
8560	S69-10280			Huỳnh Văn Hiệp	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03990/08S69
8561	S69-10281			Dương Thị Vân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03991/08S69
8562	S69-10282			Nguyễn Văn Cường	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03992/08S69
8563	S69-10283			Huỳnh Văn út	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03993/08S69
8564	S69-10284	CM-10456		Trần Văn Việt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04463/09S69
8565	S69-10285			Nguyễn Văn Diễn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03995/08S69
8566	S69-10286			Đỗ Minh Công	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03996/08S69
8567	S69-10287			Trần Thành Công	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03997/08S69
8568	S69-10288	CM-10329		Nguyễn Văn Mai	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04434/09S69
8569	S69-10289			Võ Văn Nghiêm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	03999/08S69
8570	S69-10290			Lê Văn Huyện	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04000/08S69
8571	S69-10291			Trần Quốc Chánh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04001/08S69
8572	S69-10292	CM-10483		Đặng Văn Ngoan	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04464/09S69
8573	S69-10293			Nguyễn Văn Đoàn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04003/08S69
8574	S69-10294			Hồ Văn Khiêm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04004/08S69
8575	S69-10295			Nguyễn Văn Nhiệm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04005/08S69
8576	S69-10296			Đỗ Thị Nhân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04006/08S69
8577	S69-10297			Đỗ út Dừa	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04007/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8578	S69-10298			Lê Văn Mây	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04008/08S69
8579	S69-10299			Tô Hoàng Phương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04009/08S69
8580	S69-10300			Bùi Hoàng Anh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04010/08S69
8581	S69-10301			Nguyễn Minh Điền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04011/08S69
8582	S69-10302			Nguyễn Văn Ngoan	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04012/08S69
8583	S69-10304			Nguyễn Văn Chuyển	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04014/08S69
8584	S69-10305	CM-10484		Trần Văn Bình	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04461/09S69
8585	S69-10306			Đình Minh Trí	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04016/08S69
8586	S69-10307			Nguyễn Hồng Thắm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04017/08S69
8587	S69-10308			Trần Văn Nhỏ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04018/08S69
8588	S69-10309			Lê Minh Trí	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04019/08S69
8589	S69-10310			Mạch Hồ Vũ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04020/08S69
8590	S69-10311			Nguyễn Hữu Lợi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03927/11S69
8591	S69-10312			Trịnh Minh Dũng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04022/08S69
8592	S69-10313			Trung Đình Phùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04023/08S69
8593	S69-10315	CM-10277		Ngô Minh Đua	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	16/09/2009	16/09/2010	05682/09S69
8594	S69-10316			Lê Minh Thừa	Xã HiệpTùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04026/08S69
8595	S69-10317			Lê Vũ Hà	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04027/08S69
8596	S69-10318			Nguyễn Minh Thắng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/06/2008	03/06/2009	04028/08S69
8597	S69-10319	CM-10279		Huỳnh Phong Vũ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04438/09S69
8598	S69-10320			Phan Hồng Anh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04030/08S69
8599	S69-10321			Nguyễn Hoài Hận	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04031/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8600	S69-10322			Trương Thanh Tuyền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04032/08S69
8601	S69-10323			Thái Minh Hoàng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04033/08S69
8602	S69-10324			Phan Ngọc Thái	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04034/08S69
8603	S69-10325			Phan Thanh Tân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04035/08S69
8604	S69-10327			Đỗ Văn Đoàn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04037/08S69
8605	S69-10328			Trần Anh Kiệt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04038/08S69
8606	S69-10329			Nguyễn An Biên	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04039/08S69
8607	S69-10330	CM-10571		Phạm Minh Kha	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04468/09S69
8608	S69-10331			Lâm Văn Nhơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04041/08S69
8609	S69-10332			Lâm Thành Nhật	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04042/08S69
8610	S69-10334			Nguyễn Thanh út	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04044/08S69
8611	S69-10335			Thái Cẩm Thu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04045/08S69
8612	S69-10336			Ngô Văn Hổ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04046/08S69
8613	S69-10337			Huỳnh Thanh út	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04047/08S69
8614	S69-10338			Diệp Hoàng Võ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04048/08S69
8615	S69-10339			Nguyễn Lệ Dung	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04049/08S69
8616	S69-10340			Tô Thanh Bình	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04050/08S69
8617	S69-10341			Trần Ngọc Phải	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04051/08S69
8618	S69-10342			Võ Văn Phong	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04052/08S69
8619	S69-10343	CM-10315		Ngô Văn Mịn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04449/09S69
8620	S69-10344	CM-10398		Nguyễn Văn Năm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02285/14S69
8621	S69-10345			Đoàn Thanh Dũng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04055/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8622	S69-10347			Nguyễn Văn Hùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04057/08S69
8623	S69-10348			Nguyễn Xuân Dũng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04058/08S69
8624	S69-10349			Đào Ngọc Chánh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04059/08S69
8625	S69-10350			Nguyễn Văn Việt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04060/08S69
8626	S69-10351			Ngô Minh Luân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04061/08S69
8627	S69-10352			Lý Văn Phúc	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04062/08S69
8628	S69-10353			Nguyễn Chí Thành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04063/08S69
8629	S69-10354			Huỳnh Thanh Hùm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04064/08S69
8630	S69-10355			Lâm Văn Đoàn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04065/08S69
8631	S69-10356	CM-10448		Nguyễn Văn Sơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05804/12S69
8632	S69-10357	CM-10258		Ngô Văn Quang	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04432/09S69
8633	S69-10358			Lâm Văn Ngây	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04068/08S69
8634	S69-10359			Hứa Văn Sanh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04069/08S69
8635	S69-10360	CM-10579		Phạm Sơn Hùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2009	26/08/2010	05188/09S69
8636	S69-10361			Ngô Văn Đạt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04071/08S69
8637	S69-10362			Trần Văn Hùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04072/08S69
8638	S69-10363	CM-10578		Trần Văn Dân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04604/11S69
8639	S69-10364	CM-10304		Nguyễn Văn Tùng	HiệpTùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04435/09S69
8640	S69-10365			Lê út Hậu	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04075/08S69
8641	S69-10366			Nguyễn Bình Đại	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04076/08S69
8642	S69-10367			Đoàn Thanh Vũ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04077/08S69
8643	S69-10368			Văn ánh Nguyệt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04078/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8644	S69-10369			Phan Văn Nói	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04079/08S69
8645	S69-10370			Lê Thanh Tuấn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04080/08S69
8646	S69-10371			Lê Minh Hoàng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04081/08S69
8647	S69-10372	CM-10543		Lê Công Thắng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02370/14S69
8648	S69-10373			Lê Thanh Hùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04083/08S69
8649	S69-10374	CM-10270		Huỳnh Kim Long	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04619/11S69
8650	S69-10375			Nguyễn Chí Hồng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04085/08S69
8651	S69-10376			Nguyễn Văn Thuận	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04086/08S69
8652	S69-10377			Nguyễn Minh Hiếu	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04087/08S69
8653	S69-10378	CM-10262		Nguyễn Văn Cường	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02771/10S69
8654	S69-10379			Lê Hoàng Cương	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04089/08S69
8655	S69-10380			Trần Văn Đăng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04090/08S69
8656	S69-10381			Đinh Trường Giang	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04091/08S69
8657	S69-10382	CM-10637		Lê Ngọc Quang	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	10/04/2014	10/04/2015	00955/14S69
8658	S69-10383			Lê Thanh Phong	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04093/08S69
8659	S69-10384			Lê Thanh Thủy	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04094/08S69
8660	S69-10385			Lê Chí Hiền	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04095/08S69
8661	S69-10386			Phan Văn Thống	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04096/08S69
8662	S69-10387	CM-10642		Đỗ Văn Mộng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04602/11S69
8663	S69-10388			Hà Văn Còi	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04098/08S69
8664	S69-10389			Nguyễn Thiện Chiến	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04099/08S69
8665	S69-10390			Võ Thanh Hải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04100/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8666	S69-10391			Hồ Thanh Lý	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04101/08S69
8667	S69-10392			Hà Văn ỏn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04102/08S69
8668	S69-10393	CM-10300		Nguyễn Văn Nhất	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04612/09S69
8669	S69-10395			Tô Hồng Kỳ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04105/08S69
8670	S69-10396	CM-10373		Phạm Văn Đoàn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05786/12S69
8671	S69-10397			Vũ Hoàng Dân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04107/08S69
8672	S69-10398			Lê Văn Bình	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04108/08S69
8673	S69-10399	CM-10278		Nguyễn Văn Hôn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02872/12S69
8674	S69-10400			Nguyễn Văn Hùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04110/08S69
8675	S69-10401	CM-10396		Đỗ Văn Huyền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04612/11S69
8676	S69-10402	CM-10267		Huỳnh Thanh Thủy	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04902/10S69
8677	S69-10403			Nguyễn Chí Hón	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04113/08S69
8678	S69-10404			Lâm Thị Kim Anh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04114/08S69
8679	S69-10405			Phạm Minh Phúc	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04115/08S69
8680	S69-10406			Phạm Văn Tui	Xã Hiệp Tùng, Huyện Ngọc Hiển	03/06/2008	03/06/2009	04116/08S69
8681	S69-10407			Ủy Ban Nhân Dân Xã Hiệp Tùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04117/08S69
8682	S69-10408			Dương Văn Diễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04118/08S69
8683	S69-10409			Nguyễn Quốc Khánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04119/08S69
8684	S69-10411			Nguyễn Quốc Phương	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04121/08S69
8685	S69-10412			Lê Công Lý	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04122/08S69
8686	S69-10413			Trương Văn Oai	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04123/08S69
8687	S69-10414			Phạm Đồng Thời	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04124/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8688	S69-10416			Lê Hoàng Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04126/08S69
8689	S69-10417			Lâm Chí Hiếu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04127/08S69
8690	S69-10418	CM-10252		Nguyễn Thanh Phú	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04437/09S69
8691	S69-10419			Trần Hữu Nghĩa	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04129/08S69
8692	S69-10420			Trần Chí Nguyên	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04130/08S69
8693	S69-10421			Nguyễn Chí Thân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04131/08S69
8694	S69-10422			Hứa Vũ Nguyên	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04132/08S69
8695	S69-10423			Nguyễn Văn Nguyễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04133/08S69
8696	S69-10424			Liên Chí Hiệp	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04134/08S69
8697	S69-10425			Lê Mol	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04135/08S69
8698	S69-10426			Phan Việt Hưng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04136/08S69
8699	S69-10427			Nguyễn Thanh Sang	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04137/08S69
8700	S69-10428			Lê Văn Sơn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04138/08S69
8701	S69-10429			Đỗ Văn Thủ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04139/08S69
8702	S69-10430			Quách Duy Khánh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04140/08S69
8703	S69-10431			Phạm Hoàng Thông	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04141/08S69
8704	S69-10432			Nguyễn Văn Cần	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04142/08S69
8705	S69-10433			Trần Văn Chấn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04143/08S69
8706	S69-10434	CM-10494		Nguyễn Văn Đời	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02390/14S69
8707	S69-10436			Ngô Văn Sáng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04146/08S69
8708	S69-10437			Lê Hoàng Bảo	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04147/08S69
8709	S69-10438			Võ Minh Chiến	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04148/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8710	S69-10439			Đoàn Thị Tuyết	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04149/08S69
8711	S69-10440			Huỳnh Thanh Kiểm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04150/08S69
8712	S69-10441	CM-10441		Trần Bình Tiến	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04115/13S69
8713	S69-10442			Trần Văn Tùng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04152/08S69
8714	S69-10443			Võ Thị Trăm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04153/08S69
8715	S69-10444			Đỗ Văn Trí	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04154/08S69
8716	S69-10445			Trần Thị Dữ	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04155/08S69
8717	S69-10446			Trần Văn Thắng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04156/08S69
8718	S69-10447			Ngô Bình Anh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04157/08S69
8719	S69-10448			Nguyễn Văn Khải	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04158/08S69
8720	S69-10449			Lê Thanh Vũ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04159/08S69
8721	S69-10450			Ngô Quốc Khánh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04170/08S69
8722	S69-10451			Huỳnh Hữu Phước	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04171/08S69
8723	S69-10452			Lê Văn Dũng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04172/08S69
8724	S69-10453			Huỳnh Thanh Quân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04173/08S69
8725	S69-10454			Trần Chí Nguyễn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2008	07/06/2009	04174/08S69
8726	S69-10455			Lâm Đông Hồ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04175/08S69
8727	S69-10456			Ông Văn út	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04176/08S69
8728	S69-10457			Đặng Hoàng Loa	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04177/08S69
8729	S69-10460			Võ Văn Hiếu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04180/08S69
8730	S69-10462	CM-10891		Nguyễn Thanh Tùng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03163/10S69
8731	S69-10463			Lữ Văn Đủ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04181/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8732	S69-10464			Nguyễn Văn Thuận	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04184/08S69
8733	S69-10465			Lưu Hoàng Nghĩa	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04185/08S69
8734	S69-10466			Võ Thanh Lâm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04186/08S69
8735	S69-10467			Nguyễn Văn Linh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04187/08S69
8736	S69-10468			Võ Hoàng Mạnh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2008	07/06/2009	04188/08S69
8737	S69-10469			Lưu Hoàng Vẹn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04189/08S69
8738	S69-10470			Hồ Thị Loan	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04190/08S69
8739	S69-10471			Lê Văn Bắc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04191/08S69
8740	S69-10472			Võ Hoàng Sơn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04192/08S69
8741	S69-10473			Lâm Chí Phong	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04193/08S69
8742	S69-10474			Hồ Hoàng Kiếm	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04194/08S69
8743	S69-10475			Trần Hoàng Vĩnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04195/08S69
8744	S69-10476			Lê Thùy Trang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04451/09S69
8745	S69-10477			Nguyễn Thanh Mật	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04197/08S69
8746	S69-10478			Đinh Quốc Phòng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04198/08S69
8747	S69-10479			Nguyễn Thanh Lạc	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04199/08S69
8748	S69-10480			Lữ Văn Suôi	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04200/08S69
8749	S69-10481			Huỳnh Minh Dương	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04201/08S69
8750	S69-10482			Nguyễn Văn Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04202/08S69
8751	S69-10483			Trần Văn Kê	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04203/08S69
8752	S69-10484			Ngô Quốc Thắng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04204/08S69
8753	S69-10485			Trần Kim Cương	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04205/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8754	S69-10486			Huỳnh Văn Định	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04206/08S69
8755	S69-10487			Châu Tấn Nhã	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	41207/08S69
8756	S69-10489			Nguyễn Thanh út	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04209/08S69
8757	S69-10490	CM-10810		Trương Minh Trí	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04286/11S69
8758	S69-10491			Nguyễn Văn Nhuận	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04211/08S69
8759	S69-10492			Cao Minh Khen	Tam giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04212/08S69
8760	S69-10493			Phạm Hồng Tươi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04213/08S69
8761	S69-10494			Hoàng Chí Hòa	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	08/07/2008	07/06/2009	04214/08S69
8762	S69-10495			Hoàng Ngọc Sáng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	41215/08S69
8763	S69-10496			Đỗ Xuân Cường	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	08/07/2008	07/06/2009	04216/08S69
8764	S69-10497	CM-		Lê Trường Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04444/09S69
8765	S69-10498			Ngô Văn Minh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04218/08S69
8766	S69-10499			Tạ Tuấn Kiệt	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2008	07/06/2009	04219/08S69
8767	S69-10500			Huỳnh Minh Khởi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	05220/08S69
8768	S69-10501			Ngô Thanh Toàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04221/08S69
8769	S69-10502			Lê Chí Tâm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04222/08S69
8770	S69-10503			Cao Văn Cuộc	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04223/08S69
8771	S69-10504	CM-10717		Ngô Thanh Hải	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/08/2013	30/08/2014	04170/13S69
8772	S69-10505			Nguyễn Vũ Lâm	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2008	07/06/2009	04225/08S69
8773	S69-10506			Thạch Chia	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04226/08S69
8774	S69-10508			Lê Văn Chinh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04228/08S69
8775	S69-10509			Nguyễn Ngọc Hoài	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04229/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8776	S69-10510			Phan Văn Chương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04230/08S69
8777	S69-10511			Lữ Văn Thum	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04231/08S69
8778	S69-10512			Võ Văn Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04232/08S69
8779	S69-10513			Nguyễn Hoàng Định	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04233/08S69
8780	S69-10514			Lý Tấn Lợi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04234/08S69
8781	S69-10515			Trần Văn Năm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04235/08S69
8782	S69-10516			Ngô Văn Lén	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04236/08S69
8783	S69-10517			Nguyễn Văn Thu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04237/08S69
8784	S69-10518			Lê Văn Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04238/08S69
8785	S69-10519			Huỳnh Chí Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04239/08S69
8786	S69-10520			Phan Văn Nhân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04240/08S69
8787	S69-10521	CM-10747		Nguyễn Văn Sơn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	11/06/2010	11/06/2011	03154/10S69
8788	S69-10522			Nguyễn Hoàng Khanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04242/08S69
8789	S69-10523	CM-10880		Lê Khánh Đông	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01728/13S69
8790	S69-10524			Nguyễn Công Thúc	Tam giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04244/08S69
8791	S69-10525			Trần Văn Rót	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04245/08S69
8792	S69-10526			Nguyễn Tấn Thành	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04246/08S69
8793	S69-10527			Kiều Văn Xứng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04247/08S69
8794	S69-10528			Chung Văn Tịch	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04248/08S69
8795	S69-10529			Lâm Thanh Tâm	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04249/08S69
8796	S69-10530			Hồ văn Khắp	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04250/08S69
8797	S69-10531			Bùi Văn Thuận	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04251/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8798	S69-10532			Lê Văn Hoàng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04252/08S69
8799	S69-10533			Quách Hoà Triệu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04253/08S69
8800	S69-10534			Quách Văn Lến	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04254/08S69
8801	S69-10535	CM-10782		Lê Hoàng Tuấn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	18/07/2013	18/07/2014	03564/13S69
8802	S69-10536			Đào Thanh Phong	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2008	07/07/2009	04256/08S69
8803	S69-10537			Đoàn Minh Chiến	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04257/08S69
8804	S69-10538			Phan Minh Tính	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04258/08S69
8805	S69-10539			Nguyễn Văn Hương	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04259/08S69
8806	S69-10540			Nguyễn Việt Khoa	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04260/08S69
8807	S69-10541	CM-10647		Trần Quốc Việt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2014	20/07/2015	01935/14S69
8808	S69-10542	CM-10648		Trần Văn Âu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04446/09S69
8809	S69-10543			Nguyễn Minh Trí	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04263/08S69
8810	S69-10544			Trần Văn Dũng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04264/08S69
8811	S69-10545			Nguyễn Minh Phú	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04278/08S69
8812	S69-10546			Nguyễn Chí Thiện	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04266/08S69
8813	S69-10547			Trần Ngọc Trung	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04267/08S69
8814	S69-10548			Nguyễn Thanh Hiền	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04268/08S69
8815	S69-10549			Trần Văn Thơm	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04269/08S69
8816	S69-10550			Ngô Thanh Bình	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04270/08S69
8817	S69-10551			Huỳnh Thanh Quân	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04271/08S69
8818	S69-10552	CM-05469		Thái Quốc Hải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04272/08S69
8819	S69-10553			Hồ Hoàng Khởi	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04273/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8820	S69-10554			Hồ Quốc Chính	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04274/08S69
8821	S69-10555			Trần Thanh Hát	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04275/08S69
8822	S69-10556			Trần Thanh Phương	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04276/08S69
8823	S69-10557			Nguyễn Văn Vũ	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04277/08S69
8824	S69-10558			Lý Nhuận Điền	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	41278/08S69
8825	S69-10559			Lê Thị Na	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04279/08S69
8826	S69-10560			Lê Văn Hát	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04280/08S69
8827	S69-10561	CM-09444		Trần Văn Sơn	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03805/10S69
8828	S69-10562			Trương Trí Bắc	Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	10/06/2008	10/06/2009	04164/08S69
8829	S69-10563			Cao Chí Linh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	27/05/2008	27/05/2009	04165/08S69
8830	S69-10564	CM-02449		Trần Thị Phú Em	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/06/2009	08/06/2010	00798/09S95
8831	S69-10565	CM-11286		Dương Văn Sơn	Xã Tạ An khuơng Nam, Huyện Đầm Dơi	01/07/2009	01/07/2010	03711/09S69
8832	S69-10566	CM-09449		Ngô Hoàng Nhí	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	16/06/2009	16/06/2010	03376/09S69
8833	S69-10570	CM-09683		Lê Quốc Lập	Khóm III TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07406/09S69
8834	S69-10572			Ngô Văn Ngoan	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/06/2008	12/06/2009	04288/08S69
8835	S69-10573	CM-09667		Phan Văn Sạch	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	13/07/2009	13/07/2010	03903/09S69
8836	S69-10574	CM-09668		Phan Văn Trung	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09448/12S69
8837	S69-10575			Hồ Thành Công	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	12/06/2008	12/06/2009	04292/08S69
8838	S69-10576			Trần Văn Then	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/06/2008	12/06/2009	04293/08S69
8839	S69-10577	CM-09664		Nguyễn Văn Khil	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	23/12/2009	23/12/2010	07265/09S69
8840	S69-10578	CM-09672		Nguyễn Văn Cường	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	04/08/2010	04/08/2011	04036/10S69
8841	S69-10579	CM-09663		Nguyễn Thanh Mộng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04002/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8842	S69-10580	CM-09479		Hồ Văn Đang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/08/2012	10/08/2013	04373/12S69
8843	S69-10581	CM-09509		Nguyễn Ru Bi	Khánh Hoà, Huyện U Minh	12/06/2008	12/06/2009	04299/08S69
8844	S69-10582			Nguyễn Văn Khái	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/06/2008	12/06/2009	04300/08S69
8845	S69-10583	CM-09702		Nguyễn Văn Vũ	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03429/09S69
8846	S69-10584	CM-09701		Trần Văn Toàn	Phú Tân, Huyện Phú Tân	25/11/2009	25/11/2010	06733/09S69
8847	S69-10585	CM- 09700		Đoàn Văn Dẫn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	01/07/2009	01/07/2010	03707/09S69
8848	S69-10586			Trần Văn Ngoan	Trí Lực, Huyện Thới Bình	12/06/2008	12/06/2009	04304/08S69
8849	S69-10587	CM-09690		Trần Văn Diển	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/12/2010	20/12/2011	06176/10S69
8850	S69-10588	CM-17084		Bùi Văn Hoàng	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	23/01/2014	23/01/2015	00286/14S69
8851	S69-10589			Đinh Văn út	ấp 4, Xã Tân Lộc, Huyện Thới Bình	13/06/2008	13/06/2009	04308/08S69
8852	S69-10590	CM-09680		Đặng Thanh Chuyển	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03713/13S69
8853	S69-10591	CM-09681		Phạm Văn Nghê	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/04/2015	14/04/2016	00684/15S69
8854	S69-10592			Trương Văn Đoàn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	16/06/2008	16/06/2009	04313/08S69
8855	S69-10593			Nguyễn Văn út	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	04315/08S69
8856	S69-10596			Nguyễn Thanh Hùng	Thới bình, Huyện Thới Bình	16/06/2008	16/06/2009	04319/08S69
8857	S69-10597	CM-09689			Nguyễn Phích, Huyện U Minh	20/04/2012	20/04/2013	01727/12S69
8858	S69-10598			Nguyễn Văn Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01302/10S69
8859	S69-10599	CM-09688		Nguyễn Hoàng Nhứt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	25/02/2010	25/02/2011	00953/10S69
8860	S69-10600			Kim Thanh Hùng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/07/2009	22/07/2010	04244/09S69
8861	S69-10602	CM-09704		Phạm Văn Trường	ấp 6, Trí phải, Huyện Thới Bình	22/08/2014	22/08/2015	02303/14S69
8862	S69-10603	CM-09697		Nguyễn Duy Tân	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/08/2009	24/08/2010	05098/09S69
8863	S69-10605			Trịnh Văn Đức	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	04333/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8864	S69-10606			Đường Minh Quân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	04334/08S69
8865	S69-10609			Võ Văn Thành	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	04337/08S69
8866	S69-10610			Trương Thanh Tuấn	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	04338/08S69
8867	S69-10611	CM-10017		Trương Hoàng Mẫn	K1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09132/08S69
8868	S69-10612			Trương Hoàng Mẫn	K I, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	04340/08S69
8869	S69-10613			Trần Văn Ân	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	04341/08S69
8870	S69-10614	CM-10014		Nguyễn Thị Hương	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05986/10S69
8871	S69-10615			Nguyễn Văn Hải	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	04343/08S69
8872	S69-10616	CM-10013		Phạm Chí Bình	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2012	10/02/2013	00487/12S69
8873	S69-10617	CM-10010		Võ Văn Tạng	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06036/10S69
8874	S69-10618			Huỳnh Văn Tuấn	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	04346/08S69
8875	S69-10619	CM-21462		Nguyễn Văn Tuấn	K1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2012	10/12/2013	08485/12S69
8876	S69-10620			Đặng Thanh Ai	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07086/09S69
8877	S69-10621	CM-10102		Phan Văn Sinh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/10/2009	02/10/2010	06072/09S69
8878	S69-10622	CM-10100		Phan Văn út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/10/2009	02/10/2010	06070/09S69
8879	S69-10623	CM-10103		Phan Thanh Bình	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2015	10/04/2016	00668/15S69
8880	S69-10624			Phan Văn Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04352/08S69
8881	S69-10626			Phạm Văn Hơ	Thới Bình, Huyện Thới Bình	02/06/2008	02/06/2009	04354/08S69
8882	S69-10627			Lê Văn Tới	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04356/08S69
8883	S69-10628	CM-09698		Nguyễn Văn Tuyển	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	01/07/2015	01/07/2016	01210/15S69
8884	S69-10630			Mai Trung Trực	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04360/08S69
8885	S69-10631			Lâm Thanh Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04361/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8886	S69-10632			Dương Nguyễn Em	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04362/08S69
8887	S69-10633			Trương Thành Được	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04363/08S69
8888	S69-10634			Nguyễn Hoàng Chon	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04364/08S69
8889	S69-10635			Nguyễn Khắc Điệp	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04365/08S69
8890	S69-10636			Bùi Văn Vũ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04366/08S69
8891	S69-10637			Tô Thanh Như	Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/07/2008	06/06/2009	04367/08S69
8892	S69-10638			Ngô Thành Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04368/08S69
8893	S69-10639			Nguyễn Ru Bi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04369/08S69
8894	S69-10640			Ngô Thanh Phong	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04370/08S69
8895	S69-10641			Nguyễn Chí Linh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04371/08S69
8896	S69-10642			Quách Thanh Hải	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04372/08S69
8897	S69-10643			Ngô Văn Ký	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04373/08S69
8898	S69-10644			Lê Hoàng Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04374/08S69
8899	S69-10646			Nguyễn Thành Động	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04376/08S69
8900	S69-10647			Nguyễn Văn Chiến	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04377/08S69
8901	S69-10648			Quách Văn Vũ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04378/08S69
8902	S69-10649			Nguyễn Văn Hai	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04379/08S69
8903	S69-10650			Nguyễn Thanh Hồng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04380/08S69
8904	S69-10651			Nguyễn Văn Thông	Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/07/2008	06/06/2009	04381/08S69
8905	S69-10652			Dương Ngọc Bích	Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/07/2008	06/06/2009	04382/08S69
8906	S69-10653			Đỗ Trường Quảng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04383/08S69
8907	S69-10654			Huỳnh Thành Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04384/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8908	S69-10655			Lê Văn Hiến	HiệpTùng, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04385/08S69
8909	S69-10656			Tạ Thanh Đăng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04386/08S69
8910	S69-10657			Tạ Ngọc Trinh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04387/08S69
8911	S69-10658			Nguyễn Chí Cường	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04388/08S69
8912	S69-10659			Phạm Văn Tấn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04389/08S69
8913	S69-10660			Trần Văn Quốc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04390/08S69
8914	S69-10661			Quách Minh Hải	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04391/08S69
8915	S69-10662			Diệp Văn Kháng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04392/08S69
8916	S69-10663			Phan Minh Chiến	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04393/08S69
8917	S69-10664			Huỳnh Dũng Liêm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04394/08S69
8918	S69-10665			Phạm Văn Dưỡng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04395/08S69
8919	S69-10666			Ngô Việt Hùng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04396/08S69
8920	S69-10667			Phan Thanh Tông	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04397/08S69
8921	S69-10668			Phan Thanh Tông	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04398/08S69
8922	S69-10669			Huỳnh Ngọc Giàu	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04399/08S69
8923	S69-10670			Võ Thành đảm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04400/08S69
8924	S69-10671			Trịnh Hoàng Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04401/08S69
8925	S69-10672			Hồ Đây	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04402/08S69
8926	S69-10673			Lữ Minh Tới	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04403/08S69
8927	S69-10675			Lâm Thanh Hải	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/05/2011	03158/10S69
8928	S69-10676			Đặng Văn Sĩa	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04406/08S69
8929	S69-10677			Lê Thuận Anh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04407/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8930	S69-10678			Lê Hoàng Năng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04408/08S69
8931	S69-10679			Nguyễn Minh Lèo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04409/08S69
8932	S69-10680			Trần Minh Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04410/08S69
8933	S69-10681			Trần Chí Công	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2008	06/06/2009	04411/08S69
8934	S69-10682			Nguyễn Đăng Triệu	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04412/08S69
8935	S69-10683			Đặng Hùng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04413/08S69
8936	S69-10684			Sử Văn Tỉnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04414/08S69
8937	S69-10685			Nguyễn Văn Nhân	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04415/08S69
8938	S69-10686			Nguyễn Quốc Khởi	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04416/08S69
8939	S69-10687			Đinh Văn Xinh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04417/08S69
8940	S69-10688			Lữ MinhThảo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2008	04418/08S69
8941	S69-10689			đặng Văn Tèo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04419/08S69
8942	S69-10690			Phạm Văn Suối	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04420/08S69
8943	S69-10691			Lê Hoàng Phúc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04421/08S69
8944	S69-10692			Lê Văn Hận	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04422/08S69
8945	S69-10693			Ngô Thanh Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04423/08S69
8946	S69-10694			Lê Văn Thanh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04424/08S69
8947	S69-10695			Huỳnh Văn Lâm	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04425/08S69
8948	S69-10696			Trương Văn Đến	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04426/08S69
8949	S69-10697			Võ Văn Châu	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04427/08S69
8950	S69-10698			Trần Tấn Lương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04428/08S69
8951	S69-10699			Thái Văn Thuận	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04429/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8952	S69-10700			Nguyễn Văn Hai	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04430/08S69
8953	S69-10701			Lê Văn Mạnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04431/08S69
8954	S69-10702			Phạm Vũ Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04432/08S69
8955	S69-10703			Quang Văn Kính	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04433/08S69
8956	S69-10704			Cao Hữu Bình	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04434/08S69
8957	S69-10705			Võ Văn Ngọc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04435/08S69
8958	S69-10706	CM-10865		Văn Thanh Thảo	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05068/10S69
8959	S69-10707			Nguyễn Đại Nghĩa	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04437/08S69
8960	S69-10708			Nguyễn Thanh Vũ	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04438/08S69
8961	S69-10709			Tạ Thanh Điền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04439/08S69
8962	S69-10710			Trần Văn Dinh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04440/08S69
8963	S69-10711			Khưu Đức Minh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04441/08S69
8964	S69-10712	CM-18060		Trương Văn Đây	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	11/06/2011	03160/10S69
8965	S69-10713	CM-18063		Võ Trường Hận	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04430/11S69
8966	S69-10714			Lê Duy Anh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04444/08S69
8967	S69-10715			Nguyễn Văn Thôn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04445/08S69
8968	S69-10716			Lý Tấn Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04446/08S69
8969	S69-10717			Trần Thanh Tuấn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04447/08S69
8970	S69-10718	CM-16969		Quách Thanh Truyền	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02669/13S69
8971	S69-10719			Tạ Minh Xuyên	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04449/08S69
8972	S69-10720	CM-10868		Văn Kim Lắm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/10/2009	28/10/2010	06476/09S69
8973	S69-10722			Giang Hoàng Đảo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04452/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8974	S69-10723	CM-10870		Trần Văn Khởi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01724/13S69
8975	S69-10724			Nguyễn Văn Lập	Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/07/2008	06/06/2009	04454/08S69
8976	S69-10725	CM-10737		Trịnh Việt Thù	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03156/10S69
8977	S69-10726			Tạ Minh Trạn	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04456/08S69
8978	S69-10727	CM-10761		Nguyễn Thanh Sang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02196/10S69
8979	S69-10728	CM-10738		Huỳnh Văn Học	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02198/10S69
8980	S69-10729			Lê Thành Nhựt	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04459/08S69
8981	S69-10730			Võ Văn Vẹn	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	19/06/2008	19/06/2009	04460/08S69
8982	S69-10732	CM-09705	Hoàng Lập	Trần Văn Lập	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	24/01/2013	24/01/2014	00959/13S69
8983	S69-10733			Chiêm Văn Tùng	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/01/2010	25/01/2011	00460/10S69
8984	S69-10734			Lê Hoàng Đen	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04465/08S69
8985	S69-10735	CM-10819		Dương Văn Tươi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04068/13S69
8986	S69-10736			Đặng Thống Nhứt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04467/08S69
8987	S69-10737			Nguyễn Minh Chiến	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04468/08S69
8988	S69-10738			Huỳnh Sơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04469/08S69
8989	S69-10739			Võ Chí Phong	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04470/08S69
8990	S69-10740			Nguyễn Văn thống	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04471/08S69
8991	S69-10741			Võ Quốc Kháng	Xã HIệp Tùng, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04472/08S69
8992	S69-10742			Lâm Hoàng Anh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04473/08S69
8993	S69-10743			Nguyễn Thanh Bình	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04474/08S69
8994	S69-10744			Huỳnh Việt Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04475/08S69
8995	S69-10745			Ngô Phước Hải	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04476/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
8996	S69-10746			Phan Trọng Ân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	00447/08S69
8997	S69-10747			Đỗ Bình Đăng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04478/08S69
8998	S69-10748			Hồ Hoàng Thái	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04479/08S69
8999	S69-10749			Võ Văn Mừng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04480/08S69
9000	S69-10750	CM-10726		Trần Thị ánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04601/11S69
9001	S69-10751			Trần Văn Mọi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04482/08S69
9002	S69-10752			Phan Thành Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04483/08S69
9003	S69-10753			Quách Văn Phường	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04484/08S69
9004	S69-10754			Lê Việt Quốc	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04485/08S69
9005	S69-10755			Mã Văn Thông	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04486/08S69
9006	S69-10757			Phạm Trọng Khanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04488/08S69
9007	S69-10758			Đoái Hoàng Vũ	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04489/08S69
9008	S69-10759			Lâm Văn Thương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04490/08S69
9009	S69-10760			Phạm Văn Hoà	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04491/08S69
9010	S69-10761			Trần Hùng Cường	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04492/08S69
9011	S69-10763			Lê Văn Vẹn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04494/08S69
9012	S69-10764			Hoàng Văn Thu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04495/08S69
9013	S69-10765			Võ Văn Mung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04496/08S69
9014	S69-10766			Trần Văn Khải	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04497/08S69
9015	S69-10767	CM-10800		Nguyễn Quốc Lễ	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07257/12S69
9016	S69-10768			Nguyễn Văn Duyên	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04499/08S69
9017	S69-10769			Nguyễn Công Ninh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04500/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9018	S69-10770			Nguyễn Văn Hoà	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04501/08S69
9019	S69-10771			Nguyễn Văn Kịch	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04502/08S69
9020	S69-10772			Bùi Thái Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04503/08S69
9021	S69-10773			Nguyễn Quốc Tiệp	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04504/08S69
9022	S69-10774			Phạm Danh Dự	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04505/08S69
9023	S69-10775			Võ Hoàng Anh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04506/08S69
9024	S69-10776			Nguyễn Minh Hùng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04507/08S69
9025	S69-10777			Trần Văn Chiến	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04508/08S69
9026	S69-10778	CM-10686		Hà Văn Toàn	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01718/13S69
9027	S69-10779	CM-10814		Huỳnh Minh Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00954/13S69
9028	S69-10780			Lưu Ninh Thiện	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04511/08S69
9029	S69-10781			Trần Quang Hưng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04512/08S69
9030	S69-10782			Võ Văn Ngại	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04513/08S69
9031	S69-10783			Tô Minh Cang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04514/08S69
9032	S69-10784	CM-10833		Trần út Mười	Tam Giang, Huyện Năm Căn	08/12/2009	08/12/2010	06944/09S69
9033	S69-10785			Trần Văn Sang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04516/08S69
9034	S69-10786			Trần út Tý	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04517/08S69
9035	S69-10787	CM-10834		Nguyễn Hoàng Khôn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	08/12/2009	08/12/2010	06945/09S69
9036	S69-10788			Trần út Lớn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04519/08S69
9037	S69-10789			Bùi Thanh Tri	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04520/08S69
9038	S69-10790			Võ Đại An	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04521/08S69
9039	S69-10791			Phan Hùynh Dân	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04522/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9040	S69-10792			Trần Văn Vĩnh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04523/08S69
9041	S69-10793			Nguyễn Văn Khanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04524/08S69
9042	S69-10794	CM-10736		Tạ Minh Trăn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	11/06/2010	11/06/2011	03169/10S69
9043	S69-10795			Bùi Huy Tập	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04526/08S69
9044	S69-10796			Trần Văn Bảy	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04527/08S69
9045	S69-10797			Trần Công Lý	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04528/08S69
9046	S69-10798			Lê Thanh Hải	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04529/08S69
9047	S69-10799			Nguyễn Ngọc Hiền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/12/2012	28/12/2013	10161/12S69
9048	S69-10800			Nguyễn Văn Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04531/08S69
9049	S69-10801	CM-10765		Phan Minh Đông	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04232/09S69
9050	S69-10802	CM-10855		Ngô Thanh Tuấn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03161/10S69
9051	S69-10803	CM-10821		Phan Văn Bắc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	10/02/2010	10/02/2011	00877/10S69
9052	S69-10804			Đoàn Minh Trí	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04535/08S69
9053	S69-10805	CM-10874		Tô Minh Thành	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01730/13S69
9054	S69-10806			Nguyễn Hoàng Tánh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04537/08S69
9055	S69-10807			phạm Văn Chung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/07/2008	06/06/2009	04538/08S69
9056	S69-10808			Nguyễn Hoàng Minh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/06/2008	03/06/2009	04539/08S69
9057	S69-10809			Nguyễn Phương Nam	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2008	06/06/2009	04540/08S69
9058	S69-10811			Phạm Văn Phước	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04542/08S69
9059	S69-10812	CM-17800		Lư Văn Khánh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09871/12S69
9060	S69-10813			Phạm Văn Được	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04544/08S69
9061	S69-10814	CM-		Nguyễn Văn Bình	Khánh Lâm, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04545/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9062	S69-10815			Nguyễn Thành Triệu	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04546/08S69
9063	S69-10816			Nguyễn Văn Nơi	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04547/08S69
9064	S69-10818	CM-10993		Nguyễn Thanh Nếp	Khánh Hoà, Huyện U Minh	10/09/2009	10/09/2010	05466/09S69
9065	S69-10819			Lê Văn Hẹn	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04550/08S69
9066	S69-10820			Phạm Văn út	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04551/08S69
9067	S69-10821			Quách Thanh Sơn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04552/08S69
9068	S69-10822	CM-10980		Ngô Văn Điền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09873/12S69
9069	S69-10823			Phạm Minh Luân	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04554/08S69
9070	S69-10824	CM-10907		Triệu Công Bằng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09872/12S69
9071	S69-10825			Nguyễn Trường Giang	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04556/08S69
9072	S69-10826			Nguyễn Văn Phương	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04557/08S69
9073	S69-10827	CM-10955		Võ Thanh Tuấn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02284/10S69
9074	S69-10828	CM. 10904		Ngô Hoàng Tân	Khánh Hoà, Huyện U Minh	10/12/2009	10/12/2010	06982/09S69
9075	S69-10829			Võ Văn Thành	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04560/08S69
9076	S69-10830			Huỳnh Văn Thừa	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04561/08S69
9077	S69-10831	CM-11020		Trần Văn Chúc	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06257/09S69
9078	S69-10832			Huỳnh Văn Phước	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/07/2008	11/06/2009	04563/08S69
9079	S69-10834			Hồ Quốc Doanh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04565/08S69
9080	S69-10835	CM-11002		Nguyễn Việt Thanh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06279/09S69
9081	S69-10836			Nguyễn Văn Quận	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04567/08S69
9082	S69-10837			Nguyễn Văn Hoàng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04568/08S69
9083	S69-10838			Huỳnh Quốc Khởi	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04569/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9084	S69-10839			Nguyễn Thanh Vũ	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04570/08S69
9085	S69-10840			Cao Văn Quận	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04571/08S69
9086	S69-10841			Hà Văn Kiệt	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04572/08S69
9087	S69-10843			Nguyễn Văn Toàn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04574/08S69
9088	S69-10844	CM-10976		Trịnh Văn Ninh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	08/11/2009	08/11/2010	06573/09S69
9089	S69-10845			Phạm Văn Phụng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04576/08S69
9090	S69-10846			Trần Văn Kết	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04577/08S69
9091	S69-10847			Nguyễn Chí Sa	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04578/08S69
9092	S69-10848	CM-10992		Trần Hồng Nhanh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04722/10S69
9093	S69-10849			Nguyễn Văn Mừng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	04/12/2009	04/12/2010	06918/09S69
9094	S69-10850	CM-11012	Bảo Toàn	Nguyễn Văn Toàn	Khánh Hoà, Huyện U Minh	14/09/2009	14/09/2010	05561/09S69
9095	S69-10853			Huỳnh Thị út Mót	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04584/08S69
9096	S69-10855			Nguyễn Xà Kil	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04586/08S69
9097	S69-10856	CM-10991		Nguyễn Việt Triều	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/11/2009	08/11/2010	06574/09S69
9098	S69-10858			Lê Quốc Dương	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04589/08S69
9099	S69-10859			Lưu Minh Lương	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04590/08S69
9100	S69-10862			Nguyễn Văn Đục	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04593/08S69
9101	S69-10864			Châu Thành Luân	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04595/08S69
9102	S69-10865	CM-11000		Trịnh Văn Tân	Khánh Lâm, Huyện U Minh	08/11/2009	08/11/2010	06572/09S69
9103	S69-10866			Huỳnh Tiến Diễn	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04597/08S69
9104	S69-10867	CM-11001		Võ Văn Nhì	Khánh Hoà, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03249/12S69
9105	S69-10868			Ngô Văn Mãi	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04599/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9106	S69-10869	CM-10962		Nguyễn Văn Âu	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05467/09S69
9107	S69-10870			Phạm Văn Xuyên	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04601/08S69
9108	S69-10871			Nguyễn Văn Cống	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04602/08S69
9109	S69-10872			Nguyễn Phú Hộ	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04603/08S69
9110	S69-10873	CM-11019		Nguyễn Viết Thanh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06280/09S69
9111	S69-10876			Võ Văn Lâm	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04607/08S69
9112	S69-10877			Ngô Công Lĩnh	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/07/2008	11/06/2009	04608/08S69
9113	S69-10878			Tăng Văn Phương	Khánh Hội, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04609/08S69
9114	S69-10879	CM-11021		Nguyễn Văn Cọp	Khánh Hòa, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03247/12S69
9115	S69-10880	CM-11011		Huỳnh Văn Nghị	Khánh Hoà, Huyện U Minh	05/08/2009	05/08/2010	04756/09S69
9116	S69-10882			Võ Văn Lắm	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04613/08S69
9117	S69-10883			Nguyễn Văn Tuyết	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/07/2008	11/06/2009	04614/08S69
9118	S69-10884	CM-10967		Nguyễn Tấn Đạt	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02283/10S69
9119	S69-10885	CM-10968		Trần Văn Bỏ	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04336/13S69
9120	S69-10886			Lê Văn Tuấn	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04617/08S69
9121	S69-10887			Võ Hoàng Anh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04618/08S69
9122	S69-10888			Phạm Văn Chàng	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04619/08S69
9123	S69-10890			Châu Văn Mãi	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04621/08S69
9124	S69-10891			Huỳnh Quốc Cường	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04622/08S69
9125	S69-10892			Nguyễn Trộn Vẹn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04623/08S69
9126	S69-10893			Lâm Văn Toàn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04624/08S69
9127	S69-10894			Phạm Văn Liêm	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04625/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9128	S69-10896			Nguyễn Văn Ấu	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04627/08S69
9129	S69-10897			Trương Văn Hợp	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04628/08S69
9130	S69-10898			Võ Văn Nguyễn	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04629/08S69
9131	S69-10900	CM-10997		Hồng Văn Thiên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	19/08/2009	19/08/2010	04945/09S69
9132	S69-10901			Nguyễn Văn Muộn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04632/08S69
9133	S69-10902			Lê Văn Bắc	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04633/08S69
9134	S69-10903	CM-10930		Trần Phương Hải	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06256/09S69
9135	S69-10904			Mai Hồng Quân	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04635/08S69
9136	S69-10906			Tôn Trung Kháng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04637/08S69
9137	S69-10907			Nguyễn Văn Giô	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04638/08S69
9138	S69-10908			Trần Hoàng Bảy	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04639/08S69
9139	S69-10909			Hà Chí Nguyễn	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04640/08S69
9140	S69-10910	CM-10959		Trịnh Quốc Tuấn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	25/01/2010	26/01/2011	00465/10S69
9141	S69-10911			Tôn Nam Tài	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04642/08S69
9142	S69-10912			Nguyễn Văn Hậu	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04643/08S69
9143	S69-10913	CM-10940		Ngô Minh Chiến	Khánh Hòa, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	04009/10S69
9144	S69-10914			Phạm Văn Đảnh	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04645/08S69
9145	S69-10917			Đoàn Văn Vũ	khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04648/08S69
9146	S69-10918			Võ Văn Đoàn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04649/08S69
9147	S69-10920			Trần Văn Đồng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04651/08S69
9148	S69-10921	CM-10981	Nhật Quy	Trần Thanh Phương	Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03248/12S69
9149	S69-10922	CM-10902		Nguyễn Văn Phong	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03698/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9150	S69-10923	CM-11013		Tăng Văn Sang	Khánh Lâm, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03369/12S69
9151	S69-10924			Nguyễn Công Hậu	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04655/08S69
9152	S69-10926	CM-11016		Huỳnh Văn Kiệt	Khánh Hoà, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02870/13S69
9153	S69-10928			Nguyễn Minh Đây	Khánh Hòa, Huyện U Minh	21/11/2008	11/06/2009	04659/08S69
9154	S69-10930	CM-		Trần Thanh Lâm	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/08/2009	11/08/2010	04842/09S69
9155	S69-10932			Lâm Văn Phương	Khánh Hoà, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04663/08S69
9156	S69-10933	CM-11009		Huỳnh Văn Thơ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03404/10S69
9157	S69-10935			Nguyễn Quốc Việt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/06/2008	20/06/2009	04667/08S69
9158	S69-10936	CM-10164		Ngô Minh Chí	Xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	25/05/2009	26/05/2010	03226/09S69
9159	S69-10938	CM-09715		Nguyễn Thành Văn	Xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	11/12/2014	11/12/2015	03290/14S69
9160	S69-10939	CM-09718		Nguyễn Văn Ry	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	04/12/2009	04/12/2010	06910/09S69
9161	S69-10940	CM-15701		Lê Văn Tèo	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	24/10/2012	24/10/2013	05587/12S69
9162	S69-10941			Lư Quốc Khanh	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	20/06/2008	20/06/2008	04674/08S69
9163	S69-10943			Lý Quang Minh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	23/06/2008	23/06/2009	04676/08S69
9164	S69-10944			Dương Văn Thắng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04541/09S69
9165	S69-10946			Trương Quốc Khởi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	21/06/2008	21/06/2009	04730/08S69
9166	S69-10948			Nguyễn Ngọc Trinh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04684/08S69
9167	S69-10949	CM - 02123		Nguyễn Văn Hưng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04685/08S69
9168	S69-10950			Võ Hồng Khánh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04686/08S69
9169	S69-10951	CM- 02115		Lê Thanh Hào	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/11/2009	13/11/2010	06610/09S69
9170	S69-10952	CM-02140		Nguyễn Văn Hẹ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04688/08S69
9171	S69-10953			Lê Hoàng Vinh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04689/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9172	S69-10954	CM-02147		Lê Hồng Phúc	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04690/08S69
9173	S69-10955			Lê Thanh Tùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04691/08S69
9174	S69-10956	CM-11870		Đặng Văn Nhi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04320/12S69
9175	S69-10957			Võ Hoàng Sang	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01057/09S69
9176	S69-10958	CM-11889		Nguyễn Văn Hở	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05281/13S69
9177	S69-10959			Nguyễn Văn Hưng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04695/08S69
9178	S69-10960			Lê Chí Cường	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04487/10S69
9179	S69-10961	CM-11771		Nguyễn Văn Sơn	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02245/14S69
9180	S69-10962			Châu Văn Mãng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04698/08S69
9181	S69-10963	CM-11765		Trần Văn Khương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00486/14S69
9182	S69-10965	CM-11734		Trương Bảo Quốc	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/12/2013	20/12/2014	06289/13S69
9183	S69-10966			Trần Thanh Giang	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04702/08S69
9184	S69-10967			Nguyễn Văn Uyển	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04703/08S69
9185	S69-10968			Lâm Thị Loan	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	14/07/2009	04704/08S69
9186	S69-10969	CM-11809		Nguyễn Thi Do	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04545/09S69
9187	S69-10970	CM-11908		Lê Hoài Phúc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00485/14S69
9188	S69-10971			Phạm Thanh Trung	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04707/08S69
9189	S69-10972			Trần Ngọc Hoài	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04708/08S69
9190	S69-10973			Lâm Thế Nhân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04709/08S69
9191	S69-10974	CM-11808		Phạm Chí Hiếu	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04555/09S69
9192	S69-10975			Lê Văn Đoàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04488/10S69
9193	S69-10976			Lê Văn Thắng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05153/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9194	S69-10977			Lê Thanh Liêm	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04713/08S69
9195	S69-10978			Lê Quốc Vinh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04714/08S69
9196	S69-10979	CM-11894		Lê Quốc Chiến	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	02005/14S69
9197	S69-10980			Phạm Thanh Miên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	11/06/2009	04716/08S69
9198	S69-10981			Nguyễn Hữu Bền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04717/08S69
9199	S69-10982			Lương Văn To	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04718/08S69
9200	S69-10983			Dương Thanh Mãng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2009	24/11/2010	06722/09S69
9201	S69-10984	CM-11874		Nguyễn Văn Bỉ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2012	24/02/2013	00780/12S69
9202	S69-10985			Nguyễn Xuân Them	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01738/10S69
9203	S69-10986			Trần Văn Lễ	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04722/08S69
9204	S69-10987			Lê Văn Toàn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2008	12/06/2009	04723/08S69
9205	S69-10988			Tô Phương Hồng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04724/08S69
9206	S69-10989	CM-11904		Quách Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04025/13S69
9207	S69-10990			Tạ Quốc Nam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04726/08S69
9208	S69-10991			Lê Văn Đạt	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04727/08S69
9209	S69-10992			Dương Thanh Tuấn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04728/08S69
9210	S69-10994			Trần Hoàng Lân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04737/08S69
9211	S69-10995	CM- 02547		Nguyễn Tiến Quốc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01534/12S69
9212	S69-10996	CM - 03137		Lê Văn Lâm	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04682/08S69
9213	S69-10997	CM - 03127		Phan Minh Trường	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04683/08S69
9214	S69-10999			Huỳnh Hoàng Đệ	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04739/08S69
9215	S69-11000			Đỗ Hữu Tín	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04740/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9216	S69-11001	CM-11885		Nguyễn Hoàng Được	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00892/12S69
9217	S69-11002			Nguyễn Trường Phong	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04742/08S69
9218	S69-11003			Phạm Quốc Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2011	09/03/2012	00857/11S69
9219	S69-11004			Hoàng Văn Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04744/08S69
9220	S69-11006			Dương Quốc Việt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04746/08S69
9221	S69-11007			Nguyễn Thanh Bình	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04747/08S69
9222	S69-11008			Nguyễn Văn Đoàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2011	09/03/2012	00860/11S69
9223	S69-11009	CM-11756		Trần Phương Nam	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01902/13S69
9224	S69-11010	CM-11792		Nguyễn Việt Toàn	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01575/12S69
9225	S69-11011	CM-11900		Huỳnh Văn Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00816/12S69
9226	S69-11012	CM-11857		Tổng Thu Ba	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2010	24/10/2011	05376/10S69
9227	S69-11013			Lê Thanh Duy	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04753/08S69
9228	S69-11014			Lê Thanh Duy	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04754/08S69
9229	S69-11015			Trần Thanh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00942/10S69
9230	S69-11016	CM-11673		Nguyễn Văn Giữ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01156/13S69
9231	S69-11017			Võ Văn Thật	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04757/08S69
9232	S69-11018			Nguyễn Minh Trí	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04758/08S69
9233	S69-11019			Lê Văn Thi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04759/08S69
9234	S69-11020			Lâm Chí Tâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04760/08S69
9235	S69-11021	CM-00714		Nguyễn Văn Lý	Khóm5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	01/02/2013	01/02/2014	01232/13S69
9236	S69-11023	CM-11776		Châu Văn Kiệt	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2014	20/07/2015	01957/14S69
9237	S69-11024			Nguyễn Thanh Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04762/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9238	S69-11025	CM-11835		Trương Thành Phúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09624/12S69
9239	S69-11026			Nguyễn Văn Bảo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04764/08S69
9240	S69-11027			Nguyễn Văn Bảo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04765/08S69
9241	S69-11028			Lê Văn Lớn	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04766/08S69
9242	S69-11029			Phạm Văn Đông	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04767/08S69
9243	S69-11030			Dương Phương Đông	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04768/08S69
9244	S69-11031			Nguyễn Văn Mai	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04769/08S69
9245	S69-11032			Hồng Quang Hô	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04770/08S69
9246	S69-11033	CM-11671		Ngô Văn Quang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00819/12S69
9247	S69-11034			Ngô Trường An	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/07/2008	12/06/2009	04772/08S69
9248	S69-11035			Vương Bé Ba	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04773/08S69
9249	S69-11036			Lê Hoàng Em	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04774/08S69
9250	S69-11037			Võ Văn Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04775/08S69
9251	S69-11038			Trần Văn út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04776/08S69
9252	S69-11040			Phan Văn Thấy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04778/08S69
9253	S69-11041			Lê Quốc Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04779/08S69
9254	S69-11042			Trịnh Minh Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04780/08S69
9255	S69-11043	CM-11749		Lê Chí Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01152/13S69
9256	S69-11044			Đỗ Liên Pha	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/07/2008	02/07/2009	04782/08S69
9257	S69-11045			Nguyễn Văn Pháo	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04783/08S69
9258	S69-11046			Nguyễn Trọng Hiếu	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04784/08S69
9259	S69-11047	CM- 11733		Nguyễn Thủy Thủ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06349/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9260	S69-11048	CM-11665		Lâm Việt Phục	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04544/09S69
9261	S69-11049			Huỳnh Ngọc Hiền	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04787/08S69
9262	S69-11051			Trần Văn Đến	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04789/08S69
9263	S69-11052	CM-11884		Trần Văn Đến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02634/11S69
9264	S69-11053			Lê Tấn Lực	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04791/08S69
9265	S69-11054			Lê Minh Tèo	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04792/08S69
9266	S69-11055			Nguyễn Thành Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2008	12/06/2009	04793/08S69
9267	S69-11056			Nguyễn Văn Cang	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04794/08S69
9268	S69-11057			Hồng Hữu Linh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04795/08S69
9269	S69-11059			Phan Văn út	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04797/08S69
9270	S69-11060			Nguyễn Minh Sang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04798/08S69
9271	S69-11061			Nguyễn Trung Liệt	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04799/08S69
9272	S69-11062	CM-11816		Nguyễn Văn Hoan	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00301/14S69
9273	S69-11063			Phan Anh Bảy	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04801/08S69
9274	S69-11064			Nguyễn Hoàng Minh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05565/13S69
9275	S69-11065			Phan Chí Công	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04803/08S69
9276	S69-11066	CM-11702		Lâm Quốc Lộc	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03280/13S69
9277	S69-11067			Tiết Minh Sang	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04805/08S69
9278	S69-11068	CM-11910		Phan Minh Ký	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	21/05/2014	21/05/2015	01355/14S69
9279	S69-11069			Dương Minh Hiếu	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04807/08S69
9280	S69-11070	CM-11753		Lê Văn Thích	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00905/12S69
9281	S69-11071			Lâm Kim Ngân	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04809/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9282	S69-11072	CM-11696		Phan Văn Hạnh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04558/09S69
9283	S69-11073			Nguyễn Thanh Điền	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04811/08S69
9284	S69-11074			Nguyễn Văn Đồng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04812/08S69
9285	S69-11075			Nguyễn Văn Tùng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04813/08S69
9286	S69-11076			Trần Văn Quý	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04814/08S69
9287	S69-11077			Nguyễn Văn Ty	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04815/08S69
9288	S69-11078			Hồ Văn Dũng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04816/08S69
9289	S69-11079			phan Chí Tôn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04817/08S69
9290	S69-11080			Mai Văn Phương	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/07/2008	12/06/2009	04818/08S69
9291	S69-11081			Trần Minh Nhựt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2009	12/06/2009	04819/08S69
9292	S69-11082			Ngô Minh Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04820/08S69
9293	S69-11083			Lương Hoàng Khái	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04821/08S69
9294	S69-11084			Lê Thành Miên	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04822/08S69
9295	S69-11086			Mai Ngọc Thống	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04824/08S69
9296	S69-11087			Trần Văn Tùng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04825/08S69
9297	S69-11088	CM-11730		Huỳnh Chí Phong	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02337/10S69
9298	S69-11090			Nguyễn Văn Kiên	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04828/08S69
9299	S69-11091			Mai Ngọc Điện	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04829/08S69
9300	S69-11092			Vũ Đình Thụ	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04830/08S69
9301	S69-11093			Trần Văn Trường	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04831/08S69
9302	S69-11094			Phạm Văn Hạnh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04832/08S69
9303	S69-11095			Phạm Quốc Nghĩa	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04833/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9304	S69-11096			La Trường Giang	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04834/08S69
9305	S69-11097			La Phương Đông	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04835/08S69
9306	S69-11098			Lâm Văn Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04836/08S69
9307	S69-11099			Đoàn Văn Đờ	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04837/08S69
9308	S69-11100	CM-11725		Tiết Minh Thành	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05563/13S69
9309	S69-11101			Trần Hải Văn	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04839/08S69
9310	S69-11103	CM-11711		Lê Văn Giàu	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2009	24/10/2010	06479/09S69
9311	S69-11107			Lương Hoà Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04845/08S69
9312	S69-11108			Danh Thanh Liền	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04846/08S69
9313	S69-11109			Nguyễn Tiến Trước	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04847/08S69
9314	S69-11110			Vũ Bằng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04848/08S69
9315	S69-11111			Nguyễn Văn Cư	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04849/08S69
9316	S69-11112			Mai Ngọc Hơ	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04850/08S69
9317	S69-11113			Phan Thị Vân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04851/08S69
9318	S69-11114			Nguyễn Văn Trang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04852/08S69
9319	S69-11115			Hồng Sản	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04853/08S69
9320	S69-11117			Trần Văn Thành	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04855/08S69
9321	S69-11118			Diệp Hoàng Vũ	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04856/08S69
9322	S69-11119			Lương Bảo Yến	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04857/08S69
9323	S69-11120	CM-11726		Nguyễn Trí Thúc	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04560/09S69
9324	S69-11121			Vũ Văn Toàn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04859/08S69
9325	S69-11122	CM-00895		Nguyễn Văn Quốc	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	02/01/2013	02/01/2014	00020/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9326	S69-11124	CM-10011		Nguyễn Minh Tuấn	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07077/09S69
9327	S69-11126			Lê Văn Quốc	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	25/06/2008	25/06/2009	04866/08S69
9328	S69-11128	CM-09942		Nguyễn Văn Chung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07744/12S69
9329	S69-11129	CM - 00897		Nguyễn Văn Sang	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	12/10/2011	12/10/2012	03682/11S69
9330	S69-11130			Nguyễn Văn Cuộc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04871/08S69
9331	S69-11131			Lê Thanh Trúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04872/08S69
9332	S69-11132			Nguyễn Văn Kỳ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04873/08S69
9333	S69-11133			Nguyễn Văn Bé	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04874/08S69
9334	S69-11134			Nguyễn Thanh Sang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	14875/08S69
9335	S69-11135			Đặng Văn Hải	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02464/13S69
9336	S69-11136			Dương Danh Minh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04877/08S69
9337	S69-11138			Lê Việt Trung	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04879/08S69
9338	S69-11139			Đỗ Phạm Duy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04880/08S69
9339	S69-11140			Phạm Văn Tám	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04881/08S69
9340	S69-11141			Lê Thanh Trúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04882/08S69
9341	S69-11142			Ngô Quốc Công	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05564/13S69
9342	S69-11143			Trần Hoàng Phương	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04884/08S69
9343	S69-11144	CM-11868		Huỳnh Văn Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2011	24/06/2012	02288/11S69
9344	S69-11145			Châu Thanh Trung	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04886/08S69
9345	S69-11146			Lê Văn Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04887/08S69
9346	S69-11147			Lê Văn Hạnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04888/08S69
9347	S69-11148	CM-11800		Nguyễn Văn Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2011	09/03/2012	00859/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9348	S69-11149			Võ Văn Thống	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2015	24/04/2016	00795/15S69
9349	S69-11150			Nguyễn Thanh Lam	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04891/08S69
9350	S69-11151			Lê Văn Báo	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04892/08S69
9351	S69-11152	CM-11684		Lê Văn Thành	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/02/2012	09/02/2013	00479/12S69
9352	S69-11153			Nguyễn Văn Phong	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04894/08S69
9353	S69-11154			Nguyễn Văn út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04895/08S69
9354	S69-11155			Tạ Văn Đức	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04896/08S69
9355	S69-11156			Lâm Văn Tèo	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04897/08S69
9356	S69-11157	CM-11856		Nguyễn Hữu Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	01/08/2010	04720/09S69
9357	S69-11158	CM-11751		Lê Minh Triều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04553/09S69
9358	S69-11159			Ngô Hoàng Mống	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04900/08S69
9359	S69-11160	CM-11782		Lê Thanh Điền	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05145/09S69
9360	S69-11161			Ngô Hoàng Hân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04902/08S69
9361	S69-11162			Ngô Hoàng Hân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04903/08S69
9362	S69-11163	CM-11793		Trần Văn Giang	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03449/13S69
9363	S69-11164	CM-11747		Tạ Văn Thắng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04554/09S69
9364	S69-11165			Huỳnh Văn Tý	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2008	12/06/2009	04906/08S69
9365	S69-11166			Quang Thị Dân	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04907/08S69
9366	S69-11168			Ngô Văn Mạnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04909/08S69
9367	S69-11169			Nguyễn Văn Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04910/08S69
9368	S69-11170			Phạm Xuân Thu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/07/2008	12/06/2009	04911/08S69
9369	S69-11171			Nguyễn Văn Chắm	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04912/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9370	S69-11172			Nguyễn Minh Dương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04913/08S69
9371	S69-11174			Đoàn Văn út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04915/08S69
9372	S69-11175			Quách Kim Hiên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04916/08S69
9373	S69-11176			Tạ Quốc Khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04917/08S69
9374	S69-11177			Phạm Văn Thanh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04918/08S69
9375	S69-11178			Lê Thị Túy	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04919/08S69
9376	S69-11179			Lý Thành Công	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04920/08S69
9377	S69-11180			Nguyễn Minh Bắc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04921/08S69
9378	S69-11181			Đỗ Minh Tuấn	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04922/08S69
9379	S69-11182			Nguyễn Văn Dũng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04923/08S69
9380	S69-11183	CM-11774		Nguyễn Khắc Võ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05430/13S69
9381	S69-11184			Nguyễn Công Định	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04925/08S69
9382	S69-11185			Mai Hoàng	Viên Ân Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04926/08S69
9383	S69-11186			Nguyễn Bá Vĩnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04927/08S69
9384	S69-11187	CM:11838		Trần Thanh Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2011	09/05/2012	01550/11S69
9385	S69-11188			Ngô Hoàng Sơn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04929/08S69
9386	S69-11189			Trần Hoàng Hà	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04930/08S69
9387	S69-11190	CM-66209		Nguyễn Anh Liệt	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09583/12S69
9388	S69-11191			Dương Văn Nghĩa	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04932/08S69
9389	S69-11192			Cao Thanh V ù	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04933/08S69
9390	S69-11194			Nguyễn Thị Phan	Xa Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04935/08S69
9391	S69-11195			Trần Trường Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04936/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9392	S69-11196			Phan Văn Nghệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04937/08S69
9393	S69-11197			Nguyễn Văn Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04938/08S69
9394	S69-11198			Phan Diệu Tâm	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04939/08S69
9395	S69-11199			Huỳnh Ninh Thuận	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04940/08S69
9396	S69-11200			Nguyễn Minh Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04941/08S69
9397	S69-11201			Trương Công Cuộc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04942/08S69
9398	S69-11202			Trần Trung Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04943/08S69
9399	S69-11203			Đinh Trường Thê	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04944/08S69
9400	S69-11204			Trương Văn Tỷ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04945/08S69
9401	S69-11205			Lưu Chí Tâm	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04946/08S69
9402	S69-11206			Phan Thanh Phương	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04947/08S69
9403	S69-11207	CM-11084		Lê Xuân Điều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/05/2014	20/05/2015	01326/14S69
9404	S69-11208			Nguyễn Văn Tám	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04949/08S69
9405	S69-11209			Châu Hoàng An	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04950/08S69
9406	S69-11210			Phạm Văn Sắc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04951/08S69
9407	S69-11211			Ngô Hồng Lến	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04955/08S69
9408	S69-11213			Nguyễn Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04954/08S69
9409	S69-11214			Hồng Tấn Bình	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04952/08S69
9410	S69-11215			Lý Chí Tâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04956/08S69
9411	S69-11216			Đặng Văn Hóa	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04957/08S69
9412	S69-11220			Nguyễn Văn Dệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04961/08S69
9413	S69-11221			Huỳnh Thanh Hùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04962/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9414	S69-11222			Nguyễn Quốc Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04963/08S69
9415	S69-11223	CM-11859		Ngô Hùng Cường	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04717/09S69
9416	S69-11225			Ngô Hồng Xương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04966/08S69
9417	S69-11226			Trần Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04967/08S69
9418	S69-11227			Trương Hoàng Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04968/08S69
9419	S69-11228			Tạ Thập Sư	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04969/08S69
9420	S69-11229			Tạ Hùng Phương	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04970/08S69
9421	S69-11231	CM-00587		Hà Văn Hiếu	ấp Vườn Tre, Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	12/11/2010	12/11/2011	05620/10S69
9422	S69-11232			Nguyễn Văn Sơn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	26/06/2008	26/06/2009	05037/08S69
9423	S69-11234			Trương Minh Tư	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	26/06/2008	26/06/2009	05039/08S69
9424	S69-11235			Từ Tâm Ngưng	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04978/08S69
9425	S69-11236			Nguyễn Thanh Nhiều	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04979/08S69
9426	S69-11237			Trần Hoàng Hải	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04980/08S69
9427	S69-11238			Huỳnh Văn Giúp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04981/08S69
9428	S69-11239	CM-11677		Lê Minh Phường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00306/14S69
9429	S69-11240			Nguyễn Phương Đông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04983/08S69
9430	S69-11241			Trần Quốc Thắng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04984/08S69
9431	S69-11242			Nguyễn Văn Cảnh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2010	20/04/2011	02207/10S69
9432	S69-11243			Nguyễn Công Danh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04986/08S69
9433	S69-11244			Nguyễn Minh Ba	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04987/08S69
9434	S69-11245			Nguyễn ý Nguyễn	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04989/08S69
9435	S69-11246			Nguyễn Văn Khõe	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04988/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9436	S69-11247			Phạm Minh Trí	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04990/08S69
9437	S69-11248			Nguyễn Văn Bé Hai	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04991/08S69
9438	S69-11249			Ngô Văn Pho	Tam Ging Tây`, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04992/08S69
9439	S69-11250			Lê Kha Ky	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04993/08S69
9440	S69-11252			Ngô Giám Thị	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04995/08S69
9441	S69-11253			Nguyễn Hoàng Nhi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04996/08S69
9442	S69-11254			Nguyễn Văn Hoài	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	04997/08S69
9443	S69-11256	CM-12008		Đàm Phan Huân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02641/10S69
9444	S69-11257			Nguyễn Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05000/08S69
9445	S69-11258			Cao Văn Kịch	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05001/08S69
9446	S69-11259			Trần Hoàng Thắng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2008	13/06/2009	05002/08S69
9447	S69-11260			Hoàng Viết Xuân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05003/08S69
9448	S69-11261			Nguyễn Hoàng Lâm	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05004/08S69
9449	S69-11262			Huỳnh Văn Phước	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05005/08S69
9450	S69-11263			Huỳnh Văn Lam	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05006/08S69
9451	S69-11264			Cao Minh Thới	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2008	13/06/2009	05007/08S69
9452	S69-11265			Lê Quốc Tiệp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05008/08S69
9453	S69-11266			Ngô Minh Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05009/08S69
9454	S69-11267			Tạ Văn Hoa	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05010/08S69
9455	S69-11268			Phan Quốc Bửu	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05011/08S69
9456	S69-11269	CM-11674		Tạ Văn Thắng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00489/14S69
9457	S69-11270			Trương Văn Thế	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05013/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9458	S69-11271			Nguyễn Văn Tám	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05014/08S69
9459	S69-11272			Lâm Trường Hải	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05015/08S69
9460	S69-11273			Dương Văn Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05016/08S69
9461	S69-11274	CM-11961		Dương Văn Công	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02657/10S69
9462	S69-11275			Đào Minh Trung	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05018/08S69
9463	S69-11276			Lê Văn Thành	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05019/08S69
9464	S69-11277	CM-11932		Dương Công Danh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02649/10S69
9465	S69-11278			Trần Như Thành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05021/08S69
9466	S69-11279			Đoàn Thanh Kiều	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02654/10S69
9467	S69-11280			Đỗ Chí Hiếu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05023/08S69
9468	S69-11281			Lê Quốc Khởi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05024/08S69
9469	S69-11282			Đào Công Hiếu	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05025/08S69
9470	S69-11283			Phạm Văn Tốt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05026/08S69
9471	S69-11284			Võ Thanh Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05027/08S69
9472	S69-11285			Tô Hồng Thông	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05028/08S69
9473	S69-11286			Trần Công Chánh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05029/08S69
9474	S69-11287			Tô Hồng Bé	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05030/08S69
9475	S69-11288			Nguyễn Minh Luân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05031/08S69
9476	S69-11289			Quách Văn Sinh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05032/08S69
9477	S69-11290	CM-12021		Huỳnh Văn To	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05528/09S69
9478	S69-11291			Phan Văn Đấu	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05034/08S69
9479	S69-11292			Nguyễn Trường Toàn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05035/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9480	S69-11293			Trần Công Danh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05036/08S69
9481	S69-11294			Mai Văn Năm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05047/08S69
9482	S69-11295			Hồ Hoàng Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05048/08S69
9483	S69-11296			Đoàn Việt Thành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05049/08S69
9484	S69-11297			Huỳnh Văn Liêm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05050/08S69
9485	S69-11298			Nguyễn Hoài Thương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05051/06S69
9486	S69-11299			Dương Quốc Hy	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05052/08S69
9487	S69-11300			Trần Văn Lực	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05053/08S69
9488	S69-11301			Huỳnh Văn Chiến	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05054/08S69
9489	S69-11302			Huỳnh Văn Sử	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05055/08S69
9490	S69-11303			Bùi Văn Tấn	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05056/08S69
9491	S69-11304			Nguyễn Nhật Huỳnh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05057/08S69
9492	S69-11305			Bùi Văn Tâm	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05058/08S69
9493	S69-11306	CM-11917		Huỳnh Thanh Lâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2011	24/06/2012	02286/11S69
9494	S69-11307	CM-11978		Nguyễn Chí Thành	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02642/10S69
9495	S69-11308			Huỳnh Văn Tại	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05061/08S69
9496	S69-11309			Dương Văn Hoàng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05062/08S69
9497	S69-11310			Đào Công Mừng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05063/08S69
9498	S69-11311			Đỗ Thanh Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05064/08S69
9499	S69-11312			Trịnh Văn Hào	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05065/08S69
9500	S69-11313			Huỳnh Duy Khánh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05066/08S69
9501	S69-11314			Lê Việt Tây	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05067/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9502	S69-11315			Trịnh Văn Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05068/08S69
9503	S69-11316			Đỗ Văn Nghiệp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05069/08S69
9504	S69-11317			Lý Quốc Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05070/08S69
9505	S69-11318			Lâm Văn Xuyên	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05071/08S69
9506	S69-11319	CM-11921		Huỳnh Thanh Tùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2010	20/04/2011	02205/10S69
9507	S69-11320			Nguyễn Văn Quý	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05073/08S69
9508	S69-11321			Nguyễn Quốc Danh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05074/08S69
9509	S69-11322			Lê Đông Em	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05075/08S69
9510	S69-11323			Trần Tiến Sĩ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05076/08S69
9511	S69-11324			Trương Văn A	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05077/08S69
9512	S69-11325			Lương Văn Ton	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05078/08S69
9513	S69-11326			Lê Thanh Đoàn	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05079/08S69
9514	S69-11327			Nguyễn Văn Hân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05080/08S69
9515	S69-11328	CM-09948		Trịnh Văn Hoài	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	29/11/2013	29/11/2014	06019/13S69
9516	S69-11331			Võ Trường Giang	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	26/06/2008	26/06/2009	04977/08S69
9517	S69-11332	CM-03488		Phạm Anh Kiệt	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/03/2013	27/03/2014	01952/13S69
9518	S69-11333			Huỳnh Văn Hùng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	27/06/2008	27/06/2009	05044/08S69
9519	S69-11334	CM-09957		Trần Văn Cường	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	01/11/2011	01/11/2012	04031/11S69
9520	S69-11336	CM-09969		Phạm Văn út	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/05/2013	20/05/2014	02660/13S69
9521	S69-11337	CM-09956		Lê Việt Trung	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01293/10S69
9522	S69-11340			Nguyễn Văn Bình	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	05087/08S69
9523	S69-11341			Nguyễn Văn Ngoan	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05088/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9524	S69-11342			Phan Minh Trung	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05089/08S69
9525	S69-11343			Nguyễn Minh Triều	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05090/08S69
9526	S69-11344	CM-09963		Trần Văn Thâu	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/08/2010	20/08/2011	04446/10S69
9527	S69-11345	CM-09960	69-11345	Nguyễn Văn Do	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	06/08/2012	06/08/2013	00774/12S95
9528	S69-11346	CM-09961		Trương Văn Phong	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/11/2009	09/11/2010	06568/09S69
9529	S69-11347			Tô Văn Khum	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	24/06/2008	24/06/2009	05097/08S69
9530	S69-11348	CM-09964		Lê Hoàng Thanh	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/03/2014	19/03/2015	00717/14S69
9531	S69-11350			Tạ Văn Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05104/08S69
9532	S69-11351			Nguyễn Hoàng Em	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05105/08S69
9533	S69-11352			Bào Chí Tâm	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05106/08S69
9534	S69-11353			Nguyễn Văn thuận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05107/08S69
9535	S69-11354			Nguyễn Văn Trần	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05108/08S69
9536	S69-11355			Bùi Thanh Phương	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05109/08S69
9537	S69-11356	CM-11990		Nguyễn Văn Mới	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04201/13S69
9538	S69-11357			Đoàn Văn Hiền	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05111/08S69
9539	S69-11358			Nguyễn Hoàng Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05112/08S69
9540	S69-11359	CM-11914		Huỳnh Thanh Nhân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2010	20/03/2011	01543/10S69
9541	S69-11360			Trương Văn Xu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05114/08S69
9542	S69-11361			Trần Thị Danh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05115/08S69
9543	S69-11362			Trần Như Tính	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05116/08S69
9544	S69-11363	CM-11916		Huỳnh Thanh Minh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2010	20/03/2011	01542/10S69
9545	S69-11364			Nguyễn Quốc Danh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05118/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9546	S69-11365	CM-11918		Nguyễn Thanh Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2010	20/03/2011	01544/10S69
9547	S69-11366			Nguyễn Văn Sang	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05120/08S69
9548	S69-11367			Đặng Văn Thế	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05121/08S69
9549	S69-11368			Từ Hữu Nghị	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05122/08S69
9550	S69-11369			Nguyễn Hoàng Dũng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05123/08S69
9551	S69-11370			Đào Duy Tân	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05124/08S69
9552	S69-11371			Ngô Thành Nghiệp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05125/08S69
9553	S69-11372			Nguyễn Chí Phải	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05126/08S69
9554	S69-11373			Trần Hoàng Phương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05127/08S69
9555	S69-11374			Văn Hở	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05128/08S69
9556	S69-11375			Mai Văn Hận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05129/08S69
9557	S69-11376			Nguyễn Văn Điện	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05130/08S69
9558	S69-11377	CM-		Lê Phước Tiến	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02651/10S69
9559	S69-11378			Nguyễn Văn Tảng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05132/08S69
9560	S69-11379			Trần Văn Phương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05133/08S69
9561	S69-11380			Nguyễn Ngọc Nam	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05134/08S69
9562	S69-11381			Hồ Văn Đoàn	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05135/08S69
9563	S69-11382			Huỳnh Văn Thông	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05136/08S69
9564	S69-11383			Trần Văn Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05137/08S69
9565	S69-11384			Nguyễn Văn Non	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05138/08S69
9566	S69-11385			Nguyễn Minh Thiện	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05139/08S69
9567	S69-11386			Hồ Văn Trường	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05140/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9568	S69-11387	CM-11920		Lê Mỹ Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2010	20/03/2011	01546/10S69
9569	S69-11388			Lê Văn Liệt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05142/08S69
9570	S69-11389			Lê Nhựt Tân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05143/08S69
9571	S69-11390			Trần Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05144/08S69
9572	S69-11391			Nguyễn Ngọc Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05145/08S69
9573	S69-11392			Trương Minh Thống	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05146/08S69
9574	S69-11393	CM-12024		Lê Minh Dương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/05/2011	26/05/2012	01735/11S69
9575	S69-11394			Lê Thảo Sương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05148/08S69
9576	S69-11395	CM-12020		Nguyễn Việt Quân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04547/09S69
9577	S69-11396	CM-11977		Dương Văn Hà	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02640/10S69
9578	S69-11397	CM-11951		Phan Hồng Nghĩa	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05297/10S69
9579	S69-11398			Trần Thanh Phương	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05152/08S69
9580	S69-11399			Lê Thanh Xuyên	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05153/08S69
9581	S69-11400			Nguyễn Văn Thuỳ	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05154/08S69
9582	S69-11401			Lâm Văn Thành	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05155/08S69
9583	S69-11402			Trần Thanh Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05156/08S69
9584	S69-11403			Phạm Ngọc Trường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05157/08S69
9585	S69-11404			Mai Thanh Tùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05158/08S69
9586	S69-11405			Trương Tấn Khương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05159/08S69
9587	S69-11406			Cao Trung Điều	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05160/08S69
9588	S69-11407			Nguyễn Văn Luyl	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05161/08S69
9589	S69-11408			Nguyễn Văn Khởi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05162/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9590	S69-11409			Dương Minh Châu	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05163/08S69
9591	S69-11410			Nguyễn Tấn Lộc	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05164/08S69
9592	S69-11411			Đặng Hoàng Minh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05165/08S69
9593	S69-11412			Lê Văn Tiền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05166/08S69
9594	S69-11413			Nguyễn Văn Bảy	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05167/08S69
9595	S69-11414			Qách Văn Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05168/08S69
9596	S69-11415			Nguyễn Văn Thủ	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05169/08S69
9597	S69-11416			Lê Thanh Hiền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02653/10S69
9598	S69-11417	CM-11959		Huỳnh Văn Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05315/13S69
9599	S69-11418			Lê Quốc Vàng	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05172/08S69
9600	S69-11419			Nguyễn Công Thành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05173/08S69
9601	S69-11420	CM-12000		Hồ Minh Phục	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01361/13S69
9602	S69-11421			Nguyễn Văn Trường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05175/08S69
9603	S69-11422			Trần Văn Nu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05176/08S69
9604	S69-11423			Đặng Hồng Khánh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05177/08S69
9605	S69-11424			Hồ Văn Gỏi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05178/08S69
9606	S69-11425			Hồ Minh Thành	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05179/08S69
9607	S69-11426			Thạch Văn Mười	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05180/08S69
9608	S69-11427			Nguyễn Văn Bi	Tam Giang Tây`, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05181/08S69
9609	S69-11428			Lâm Văn Đen	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05182/08S69
9610	S69-11429			Trịnh Văn Đất	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05183/08S69
9611	S69-11430			Đào Bá Thọ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05184/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9612	S69-11431			Huỳnh Tấn Dự	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/01/2010	28/01/2011	00525/10S69
9613	S69-11432			Cao Thành Nhơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05186/08S69
9614	S69-11433	CM-		Kiều Quốc Kháng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/07/2008	21/07/2009	05187/08S69
9615	S69-11436			Nguyễn Văn Cường	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	30/06/2008	30/06/2009	05194/08S69
9616	S69-11437	CM-		Nguyễn Chí Hiếu	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02495/10S69
9617	S69-11438	CM- 09984		Trương Văn Sơn	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	02/07/2009	02/07/2010	03719/09S69
9618	S69-11439	CM-09981		Thái Ngọc Lợi	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	24/01/2014	24/01/2015	00290/14S69
9619	S69-11440	CM-09980		Nguyễn Văn Công	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	19/08/2011	19/08/2012	02795/11S69
9620	S69-11441			Lâm Văn Tỏ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/06/2008	30/06/2009	05200/08S69
9621	S69-11443			Hồ Văn Hiền	Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	05202/08S69
9622	S69-11444			Nguyễn Văn Lưu	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	30/06/2008	30/06/2009	05203/08S69
9623	S69-11445	CM-09982		Trịnh Hoàng Phương	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	12/01/2010	12/01/2011	00168/10S69
9624	S69-11446	CM-09983		Lê Văn Lâm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	18/09/2009	18/09/2010	05749/09S69
9625	S69-11447	CM-09736		Trần Minh Sáng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02431/11S69
9626	S69-11448			Nguyễn Văn Tài	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04126/09S69
9627	S69-11449			Trương Văn Kiệt	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/06/2009	05211/08S69
9628	S69-11450	CM-10155		Dương Văn Hải	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01101/13S69
9629	S69-11452			Lâm Văn Được	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05221/08S69
9630	S69-11453			Nguyễn Văn Bình	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05222/08S69
9631	S69-11454			Lê Văn Thại	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/06/2008	26/06/2009	05223/08S69
9632	S69-11455			Trần Phong Phú	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05224/08S69
9633	S69-11456			Nguyễn Văn Lương	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05225/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9634	S69-11457			Trần Văn Thiểu	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05226/08S69
9635	S69-11458			Nguyễn Văn Dương	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05227/08S69
9636	S69-11459			Nguyễn Văn Mười	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05228/08S69
9637	S69-11460			Phan Quốc Việt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05229/08S69
9638	S69-11461			Trần Văn Tài	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05230/08S69
9639	S69-11462			Trương Hoàng Xil	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05231/08S69
9640	S69-11463			Trần Bình Phương	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05232/08S69
9641	S69-11464			Trịnh Văn Điều	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05233/08S69
9642	S69-11465			Ngô Văn Thắng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05234/08S69
9643	S69-11466			Lê Văn Hoà	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05235/08S69
9644	S69-11467			Nguyễn Tấn Tài	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05236/08S69
9645	S69-11468			Trần Văn Sơn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05237/08S69
9646	S69-11469			Trần Văn Sơn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05238/08S69
9647	S69-11470			Lê Văn Mùa	Phú Tân, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05239/08S69
9648	S69-11471			Huỳnh Văn Thiệp	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05240/08S69
9649	S69-11472			Huỳnh Văn Sáng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05241/08S69
9650	S69-11473			Bùi Văn Tào	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05242/08S69
9651	S69-11474			Đỗ Thanh Đoàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05243/08S69
9652	S69-11475			Dương Văn Giới	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05244/08S69
9653	S69-11476			Bùi Thanh Bình	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05245/08S69
9654	S69-11477			Trần Văn Tình	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05246/08S69
9655	S69-11478			Đỗ Văn Khai	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05247/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9656	S69-11479			Trần Minh Đoàn	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05248/08S69
9657	S69-11480			Nguyễn Văn Giàu	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05249/08S69
9658	S69-11481			Nguyễn Minh Khai	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05250/08S69
9659	S69-11482			Phạm Thị Kim Nhung	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05251/08S69
9660	S69-11483			Nguyễn Văn Thắng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05252/08S69
9661	S69-11484			Nguyễn Văn Luân	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05253/08S69
9662	S69-11485			Trương Văn Hôn	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05254/08S69
9663	S69-11486			Đỗ Văn Phích	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05255/08S69
9664	S69-11487			Nguyễn Văn Dũng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05256/08S69
9665	S69-11488			Võ Văn Chạy	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05257/08S69
9666	S69-11489			Võ Quốc Luyện	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05258/08S69
9667	S69-11491			Lê Minh Thắng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05260/08S69
9668	S69-11492			Nguyễn Văn Sự	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05261/08S69
9669	S69-11493	CM-12209		An Quốc Kỳ	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	01/02/2010	01/02/2011	00659/10S69
9670	S69-11494	CM-12208		Trần Văn Phúc	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/02/2012	16/02/2013	00543/12S69
9671	S69-11495			Võ Văn Tấn	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05264/08S69
9672	S69-11496			Trần Minh Luân	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05265/08S69
9673	S69-11497			Trần Mỹ Hiền	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05266/08S69
9674	S69-11498			Đỗ Minh Kiện	Phú Tân, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05267/08S69
9675	S69-11499			Đào Văn Ban	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/06/2008	13/06/2009	05268/08S69
9676	S69-11500			Đặng Văn Thắm	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05269/08S69
9677	S69-11501			Huỳnh Văn Thành	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05270/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9678	S69-11502			Đặng Thanh Bình	Phú Tân, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05271/08S69
9679	S69-11503			Trần Thanh An	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05272/08S69
9680	S69-11504			Phạm Quyết Tâm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05273/08S69
9681	S69-11505			Nguyễn Hùng Tân	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05274/08S69
9682	S69-11506			Võ Quốc Phong	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/06/2008	13/06/2009	05275/08S69
9683	S69-11507			Nguyễn Văn Đệ	Xa Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05276/08S69
9684	S69-11508			Nguyễn Ô Đên	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05277/08S69
9685	S69-11509			Nguyễn Văn Ký	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05278/08S69
9686	S69-11510			Châu Văn Thắng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05279/08S69
9687	S69-11511			Nguyễn Hoà Hiệp	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/06/2008	13/06/2009	05280/08S69
9688	S69-11512			Huỳnh Văn Lý	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05281/08S69
9689	S69-11513			Đỗ út Em	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05282/08S69
9690	S69-11514			Bùi Văn Nghĩa	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/06/2008	13/06/2009	05283/08S69
9691	S69-11515			Trần Văn Tài	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05284/08S69
9692	S69-11516			Đặng Văn Quảng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/06/2008	13/06/2009	05285/08S69
9693	S69-11517			Nguyễn Văn Tiên	Xa Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05286/08S69
9694	S69-11518			Kiều Việt Khoa	Phú Mỹ, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	05287/08S69
9695	S69-11519			Phan Văn Đông	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05288/08S69
9696	S69-11520			Tạ Minh Đoan	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/06/2008	13/06/2009	05289/08S69
9697	S69-11521			Đặng Văn Sơn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/06/2008	13/06/2009	05290/08S69
9698	S69-11522			Nguyễn Văn Thế	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	13/06/2008	13/06/2009	05291/08S69
9699	S69-11523			Phạm Hoàng Anh	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05292/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9700	S69-11524			Nguyễn Văn Bằng	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	52093/08S69
9701	S69-11525			Võ Văn Ngón	Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2008	24/06/2009	05294/08S69
9702	S69-11526			Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	16/06/2008	16/06/2009	05217/08S69
9703	S69-11528	CM-02852		Nguyễn Thanh Phong	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00173/12S69
9704	S69-11529	CM-09995		Nguyễn Hải Hồ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	11/09/2013	11/09/2014	04337/13S69
9705	S69-11530			Phạm Công Tất	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	02/07/2008	02/07/2009	05296/08S69
9706	S69-11531			Trần Thanh Trần	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	02/07/2008	02/07/2009	05297/08S69
9707	S69-11532	CM-10099		Trần Khải Tuấn	KII, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04025/11S69
9708	S69-11533	CM-09991		Nguyễn Hoàng Nam	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	29/01/2010	29/01/2011	00553/10S69
9709	S69-11534	CM-09990		Trần Hoàng Thám	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00545/10S69
9710	S69-11535	CM-09986		Nguyễn Văn Trường	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	21/02/2012	21/02/2013	00584/12S69
9711	S69-11536	CM-09987		Nguyễn Văn Trương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	05/01/2013	05/01/2014	00061/13S69
9712	S69-11537			Lưu Văn Phong	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	03/07/2008	03/07/2009	05303/08S69
9713	S69-11538	CM-10150		Nguyễn Văn Khải	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04100/12S69
9714	S69-11540	CM-10097		Huỳnh Văn Thảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06583/13S69
9715	S69-11541	CM-03259		Lê Công Khuây	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05318/08S69
9716	S69-11542			Phạm Minh Huynh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05319/08S69
9717	S69-11543	CM-11328		Đặng Quang Chiến	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/12/2012	20/12/2013	09232/12S69
9718	S69-11544			Hồng Văn Hữu	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05321/08S69
9719	S69-11545	CM-11168		Nguyễn Văn Lắng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00805/10S69
9720	S69-11546			Ngô Thanh Hải	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05323/08S69
9721	S69-11547			Phan Văn Long	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05324/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9722	S69-11548			Đặng Văn Khởi	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05325/08S69
9723	S69-11549			Võ Văn Thái	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	26/07/2008	26/06/2009	05326/08S69
9724	S69-11550			Trần Văn Cuộc	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05327/08S69
9725	S69-11551			Lê Hoàng Sơn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05332/08S69
9726	S69-11552			Lưu Văn Đen	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05329/08S69
9727	S69-11553			Lưu Văn Đen	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05330/08S69
9728	S69-11554			Phạm Minh Rum	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05331/08S69
9729	S69-11555			Diệp Văn Trường	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05328/08S69
9730	S69-11556	CM-11161		Huỳnh Văn Đứng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00294/10S69
9731	S69-11557			Nguyễn Hoàng Hân	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05334/08S69
9732	S69-11558	CM-11139		Đoàn Văn Phương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01688/12S69
9733	S69-11559			Lý Huy Trung	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05336/08S69
9734	S69-11560			Nguyễn Văn Thoảng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05337/08S69
9735	S69-11561	CM-11329		Nguyễn Hữu Hạnh	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/01/2011	17/01/2012	00233/11S69
9736	S69-11562			Huỳnh Văn Đứng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05339/08S69
9737	S69-11563			Ngô Hoàng Ken	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05340/08S69
9738	S69-11564			Huỳnh Minh Tăng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05341/08S69
9739	S69-11565	CM-11158		Lưu Ngọc ẩn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08520/12S69
9740	S69-11567	CM-11159		Nguyễn Minh Tuấn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	27/10/2009	27/10/2010	06471/09S69
9741	S69-11568			Nguyễn Văn Suôi	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05345/08S69
9742	S69-11569	CM-11079		Nguyễn Văn Thuâng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	04/01/2012	04/01/2013	00052/12S69
9743	S69-11571			Nguyễn Hoàng Anh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05348/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9744	S69-11572	CM-13378		Nguyễn Văn Thống	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03874/12S69
9745	S69-11573			Nguyễn Tuấn Em	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05350/08S69
9746	S69-11574			Lê Hoàng Dân	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05351/08S69
9747	S69-11575			Phạm Văn Tèo	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05352/08S69
9748	S69-11576			Trương Văn Em	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05353/08S69
9749	S69-11577			Trương Minh Thống	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05354/08S69
9750	S69-11578	CM-15727		Nguyễn Tấn Phong	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	06/09/2011	06/09/2012	03066/11S69
9751	S69-11579			Huỳnh Văn Hưởng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05356/08S69
9752	S69-11580			Phạm Văn Tuấn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05357/08S69
9753	S69-11582			Thái Đức Hiền	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05359/08S69
9754	S69-11583			Phạm Minh Đương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05360/08S69
9755	S69-11585			Trương Văn Tịnh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05362/08S69
9756	S69-11586			Phạm Văn Xét	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05363/08S69
9757	S69-11587			Lê Thành Phụng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	22/06/2010	22/06/2011	03276/06S69
9758	S69-11588			Lý Huy Trung	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05365/08S69
9759	S69-11589			Diệp Văn Nét	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05366/08S69
9760	S69-11590			Phạm Văn Thơ	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05367/08S69
9761	S69-11591	CM-11340		Nguyễn Hoàng Anh	Xã hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01691/12S69
9762	S69-11592			Lê Văn Kèo	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05369/08S69
9763	S69-11593			Lê Văn Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05370/08S69
9764	S69-11594			Nguyễn Minh Chơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	24/07/2008	24/07/2009	05900/08S69
9765	S69-11595			Đổng Văn Phước	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	23/07/2008	26/06/2009	05372/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9766	S69-11596			Lê Thanh Bưởi	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05373/08S69
9767	S69-11597			Lê Văn Minh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05374/08S69
9768	S69-11598			Nguyễn Minh Tuấn	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05375/08S69
9769	S69-11599			Đoàn Văn Hùng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05376/08S69
9770	S69-11600			Trần Văn Trắng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05377/08S69
9771	S69-11601			Đoàn Văn Khởi	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05378/08S69
9772	S69-11602			Lương Văn Biển	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2008	26/06/2009	05379/08S69
9773	S69-11603			Đặng Văn Bé Em	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05380/08S69
9774	S69-11604			Nguyễn Văn Nghiệp	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05381/08S69
9775	S69-11605			Nguyễn Văn Thám	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05382/08S69
9776	S69-11606	CM-11341		Nguyễn út Lớn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01687/12S69
9777	S69-11607			Nguyễn Văn Sự	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05384/08S69
9778	S69-11608			Nguyễn Văn Sử	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05385/08S69
9779	S69-11609	CM-11142		Lê Minh Tao	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2009	07/08/2010	04783/09S69
9780	S69-11611			Nguyễn Hoàng Văn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2008	07/07/2009	05389/08S69
9781	S69-11612	CM-10133		Nguyễn Văn Tùng	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	12/11/2009	12/11/2010	06600/09S69
9782	S69-11613			Trương Thanh Hồng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/07/2008	08/07/2009	05529/08S69
9783	S69-11614			Bùi Văn Chơn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05394/08S69
9784	S69-11615			Lê Minh Khỏe	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05395/08S69
9785	S69-11616			Lê Trung Bằng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05396/08S69
9786	S69-11617			Nguyễn Văn Tẻo	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05397/08S69
9787	S69-11618			Nguyễn Hoàng Thành	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05398/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9788	S69-11619			Nguyễn Văn Vũ	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05399/08S69
9789	S69-11620			Lê Hoàng Dự	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05400/08S69
9790	S69-11621			Hứa Mạnh Tuấn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05401/08S69
9791	S69-11622			Nguyễn Đồng Khởi	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05402/08S69
9792	S69-11623			Trần Minh Tiên	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05403/08S69
9793	S69-11624	CM-12531		Huỳnh Thanh Mộng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03373/09S69
9794	S69-11625			Nguyễn Quốc Bảo	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05405/08S69
9795	S69-11626			Trương Văn Năng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05406/08S69
9796	S69-11627			Liêu Văn Thừa	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	54070/08S69
9797	S69-11628			Lê Văn Hối	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	26/01/2010	26/01/2011	00497/10S69
9798	S69-11629			Trịnh Minh Đương	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05409/08S69
9799	S69-11630			Nguyễn Văn Cường	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05410/08S69
9800	S69-11631			Nguyễn Văn Hạnh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05411/08S69
9801	S69-11632			Hứa Văn Tiệp	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05412/08S69
9802	S69-11633			Huỳnh Tuấn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05413/08S69
9803	S69-11634			Liên Văn Tích	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05414/08S69
9804	S69-11635			Dương Chí Công	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05415/08S69
9805	S69-11636			Nguyễn Văn Chiêm	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05416/08S69
9806	S69-11637			Nguyễn Thanh Trung	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05417/08S69
9807	S69-11638			Phan Văn Hột	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05418/08S69
9808	S69-11639			Trần Thanh Tân	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05419/08S69
9809	S69-11640			Trương Viễn Đô	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05420/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9810	S69-11641			Đỗ Hùng Cường	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05421/08S69
9811	S69-11642	CM-15959		Trần Trung Tính	xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	31/08/2011	31/08/2012	03034/11S69
9812	S69-11643	CM-12476		Đoàn Quốc Sở	xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/04/2015	16/04/2016	00731/15S69
9813	S69-11644			Nguyễn Văn Ngọc	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05424/08S69
9814	S69-11645			Nguyễn Kim Nền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05425/08S69
9815	S69-11646			Lê Thanh Hùng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05426/08S69
9816	S69-11647			Tăng Văn Tuấn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05427/08S69
9817	S69-11648			Lê Quốc Phong	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05428/08S69
9818	S69-11649			Trần Văn Bắc	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05429/08S69
9819	S69-11650			Đặng Quốc Tợ	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05430/08S69
9820	S69-11651			Nguyễn Văn Xương	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05431/08S69
9821	S69-11652			Trần Văn Cơ	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05432/08S69
9822	S69-11653			Trần Văn Thuận	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05433/08S69
9823	S69-11654			Chung Chiêu Khén	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05434/08S69
9824	S69-11655			Tô Hoàng Khải	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05435/08S69
9825	S69-11656			Trương Minh Thắng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05436/08S69
9826	S69-11657			Lâm Việt Khoa	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05437/08S69
9827	S69-11658			Nguyễn Trường An	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/07/2010	20/07/2011	03751/10S69
9828	S69-11659	CM-10191		Lê Văn Thống	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2011	12/12/2012	04807/11S69
9829	S69-11660	CM-10192		Châu Văn Kiệt	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	28/11/2011	28/11/2012	04387/11S69
9830	S69-11661			Nguyễn Thành Đình	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05441/08S69
9831	S69-11662			Đỗ Thanh Mộng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05442/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9832	S69-11663			Huỳnh La Bel	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05443/08S69
9833	S69-11664			Tiêu Văn Sáng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05444/08S69
9834	S69-11665	CM-15332		Nguyễn Đò Lét	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03372/09S69
9835	S69-11666			Trương Thanh Việt	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/06/2008	04/06/2009	05446/08S69
9836	S69-11667			Nguyễn Chí Tâm	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05447/08S69
9837	S69-11668			Nguyễn Văn Đệ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05448/08S69
9838	S69-11669			Nguyễn Văn Sim	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05449/08S69
9839	S69-11670			Trần Thanh Phong	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05450/08S69
9840	S69-11671			Dương Tấn Hiệp	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05451/08S69
9841	S69-11672	CM-15694		Đoàn Văn Hiền	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04206/12S69
9842	S69-11673			Cao Chí Hoàng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05453/08S69
9843	S69-11674			Nguyễn Văn Minh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05454/08S69
9844	S69-11675			Nguyễn Thành Tân	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05455/08S69
9845	S69-11676			Trương Minh Trí	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05456/08S69
9846	S69-11677			Tiêu Văn Ô	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/06/2008	04/06/2009	05457/08S69
9847	S69-11678			Nguyễn Văn Mộng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/06/2008	04/06/2009	05458/08S69
9848	S69-11679			Trường TH Phú Mỹ 1	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05459/08S69
9849	S69-11680			Đặng Thị Hồng Lil	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05460/08S69
9850	S69-11681			Nguyễn Văn Nguyễn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05461/08S69
9851	S69-11682			Phạm Văn Thế	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	11/07/2008	04/07/2009	05462/08S69
9852	S69-11683			Dương Tấn Hiệp	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05463/08S69
9853	S69-11684			Huỳnh Văn Thâm	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05464/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9854	S69-11685			Phan Văn Lam	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05465/08S69
9855	S69-11686			Võ Minh Kháng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05466/08S69
9856	S69-11687			Phan Minh Lộc	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05467/08S69
9857	S69-11688			Chung Kim Ky	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05468/08S69
9858	S69-11689			Trần Ngọc Tăng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05469/08S69
9859	S69-11690			Đỗ Tấn Phong	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05470/08S69
9860	S69-11691			Lê Xuân Nghiêm	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05471/08S69
9861	S69-11692			Huỳnh Thanh Hải	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05472/08S69
9862	S69-11693			Nguyễn Hoàng Vũ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05473/08S69
9863	S69-11694			Nguyễn Văn Trồn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05474/08S69
9864	S69-11695			Đặng Văn Khởi	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05475/08S69
9865	S69-11696			Lâm Văn Hào	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05476/08S69
9866	S69-11697			Đặng Hải Trường	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05477/08S69
9867	S69-11698			Nguyễn Hoàng Sơn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05478/08S69
9868	S69-11699			Hùynh Văn Triều	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05479/08S69
9869	S69-11700			Lê Văn On	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05480/08S69
9870	S69-11701	CM-02535		Nguyễn Trọng Nguyễn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	12/08/2012	12/08/2013	04399/12S69
9871	S69-11702			Nguyễn Văn Tiên	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05482/08S69
9872	S69-11703			Lê Trọng Sĩ	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05483/08S69
9873	S69-11704			Phạm Trần Vinh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05484/08S69
9874	S69-11705			Võ Minh Luận	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05485/08S69
9875	S69-11706			Phạm Thành Nhân	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05486/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9876	S69-11707			Trương Hoàng út Sil	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05487/08S69
9877	S69-11708			Phạm Văn Sơn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05488/08S69
9878	S69-11709			Nguyễn Chí Nguyên	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05489/08S69
9879	S69-11710			Đoàn Thanh Thân	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05490/08S69
9880	S69-11711			Phạm Minh Tấn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05491/08S69
9881	S69-11712			Nguyễn Văn Cuộc	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05492/08S69
9882	S69-11713			Lâm Quốc Tuấn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05493/08S69
9883	S69-11714	CM-12468		Đinh Thị Hằng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/10/2012	16/04/2013	05650/12S69
9884	S69-11715			Tô Văn Chính	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05495/08S69
9885	S69-11716			Lê Văn Thi	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05496/08S69
9886	S69-11717			Phan Tấn Hùng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05497/08S69
9887	S69-11718			Phan Thanh Quang	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05498/08S69
9888	S69-11719			Võ Văn Ân	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05499/08S69
9889	S69-11720			Nguyễn Văn Thượng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05500/08S69
9890	S69-11721			Lê Minh Cuối	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05501/08S69
9891	S69-11722			Trần Văn út	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05502/08S69
9892	S69-11723	CM-12460		Nguyễn Văn Thơ	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	08/10/2009	08/10/2010	06142/09S69
9893	S69-11724			Nguyễn Từ Thiện	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05504/08S69
9894	S69-11725			Nguyễn Văn Trận	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05505/08S69
9895	S69-11726			Lưu Khánh Như	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05506/08S69
9896	S69-11727			Đào Văn Quân	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05507/08S69
9897	S69-11728			Lê Trường Sơn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05508/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9898	S69-11729			Nguyễn Văn Chuyển	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05509/08S69
9899	S69-11730			Trần Đại Thắng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05510/08S69
9900	S69-11731			Nguyễn Dũng Liêm	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05511/08S69
9901	S69-11732			Phạm Hùng Sơn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05512/08S69
9902	S69-11733			Bùi Văn út	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05513/08S69
9903	S69-11734	CM-11109		Võ Tuấn Anh	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	25/08/2009	25/08/2010	05185/09S69
9904	S69-11735			Lâm Hoàng Kha	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05515/08S69
9905	S69-11736			Nguyễn Hoàng Đảnh	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05516/08S69
9906	S69-11737			Võ Hoàng Chuộng	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05517/08S69
9907	S69-11738			Trương Tấn Bửu	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05518/08S69
9908	S69-11739			Huỳnh Văn Quân	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05519/08S69
9909	S69-11740			Phan Hoàng Phục	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05520/08S69
9910	S69-11741			Trương Văn Bá	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05521/08S69
9911	S69-11742			Phạm Văn Sỹ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05522/08S69
9912	S69-11743			Đặng Trường Giang	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05523/08S69
9913	S69-11745	CM-10134		Trần út Hiệp	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	27/07/2009	27/07/2010	04273/09S69
9914	S69-11746	CM-10153		Trương Tối Triều	Khóm 5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10807/08S69
9915	S69-11747	CM-10154		Nguyễn Văn Cơ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2014	06/10/2015	02734/14S69
9916	S69-11748	CM-09666	Quốc Toàn	Nguyễn Quốc Chiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05145/12S69
9917	S69-11749			Nguyễn Ngọc Vàng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	05536/08S69
9918	S69-11750			Nguyễn Văn Thắng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	05537/08S69
9919	S69-11751			Lê Thành Vinh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	09/07/2008	09/07/2009	05538/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9920	S69-11753			Trương Chí Nam	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	10/07/2008	10/07/2009	05540/08S69
9921	S69-11754	CM-10158		Nguyễn Hoàng Xương	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01143/14S69
9922	S69-11757			Đoàn Trường An	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	27/05/2008	27/05/2009	05544/08S69
9923	S69-11758	CM-10156		Nguyễn Văn Đình	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/07/2009	28/07/2010	04340/09S69
9924	S69-11760			Dương Hoàng Nghĩa	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06421/09S69
9925	S69-11761	CM-00426		Lý Minh An	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/08/2009	26/08/2010	05190/09S69
9926	S69-11764			Nguyễn Văn Tuấn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	12/08/2010	12/08/2011	04265/10S69
9927	S69-11765	CM-10179		Lương Văn Phúc	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/08/2010	16/08/2011	04291/10S69
9928	S69-11766	CM-10180		Hồ Chí Linh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	02/06/2014	02/06/2015	01466/14S69
9929	S69-11767	CM-10146		Nguyễn Văn Trường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	04/08/2009	04/08/2010	04743/09S69
9930	S69-11768			Nguyễn Thành Trung	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	05559/08S69
9931	S69-11769	CM-10145		Nguyễn Chí Tâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05177/12S69
9932	S69-11771	CM-10199	CM-10199	Trần Văn Thủ	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	20/03/2015	20/03/2016	00619/15V68
9933	S69-11774	CM-10165		Nguyễn Văn Trắng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	05/01/2012	05/01/2013	00060/12S69
9934	S69-11775	CM-10166		Hồ Văn Khánh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	03/10/2012	03/10/2013	05226/12S69
9935	S69-11776			Trịnh Thị Nga	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	10/03/2010	10/03/2011	01110/10S69
9936	S69-11777	CM-10162		Trần Văn Yêm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00591/13S69
9937	S69-11778	CM-10677		Trần Phi Long	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04452/09S69
9938	S69-11779	CM-10176		Dương Công Thắng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/07/2009	17/07/2010	04117/09S69
9939	S69-11780			Dương Hoàng Kiếm	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2008	19/03/2009	05573/08S69
9940	S69-11781			Trương Văn Thương	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/07/2008	14/07/2009	05574/08S69
9941	S69-11782	CM-10207		Nguyễn Văn Đẩu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02499/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9942	S69-11784			Trần Văn Tính	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/07/2008	15/07/2009	05579/08S69
9943	S69-11785			Lâm Văn Tèo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/07/2008	15/07/2009	05580/08S69
9944	S69-11786		Thành Đạt	Đặng Thanh Mộng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/01/2010	14/01/2011	00223/06S69
9945	S69-11787		Phà	Hồ Hoàng Giang	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05583/08S69
9946	S69-11788		Phà	Hồ Văn Bôi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05584/08S69
9947	S69-11789			Hồ Minh Thành	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	17/07/2008	17/07/2009	05585/08S69
9948	S69-11790	CM-10178		Nguyễn Hữu Phước	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/09/2013	17/09/2014	04404/13S69
9949	S69-11791	CM-10182		Lâm Thành Lộc	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	01/02/2010	01/08/2010	00658/10S69
9950	S69-11793			Hồng Văn Khanh	Khóm 6, Phường 6, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2008	18/07/2009	05590/08S69
9951	S69-11794			Đoàn Trường Hận	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05591/08S69
9952	S69-11795			Đặng Văn Chiến	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05592/08S69
9953	S69-11796			Võ Hiếu Mười	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05593/08S69
9954	S69-11797			Trần Văn Quang	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05594/08S69
9955	S69-11798			Nguyễn Minh Hoàng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05595/08S69
9956	S69-11799			Nguyễn Hoàng Lân	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04839/09S69
9957	S69-11800			Lê Thị Nguyên	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05597/08S69
9958	S69-11801			Huỳnh Văn Khởi	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05598/08S69
9959	S69-11802			Dương Thị Đẹp	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05599/08S69
9960	S69-11803			Dương Công An	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05600/08S69
9961	S69-11804			Nguyễn Việt Hồng	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05601/08S69
9962	S69-11805			Bùi Văn Săng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05602/08S69
9963	S69-11806			Nguyễn Vĩnh Nghi	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05603/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9964	S69-11807			Phạm Hồng út	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05604/08S69
9965	S69-11809			Nguyễn Hoàng Tha	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05606/08S69
9966	S69-11810			Trần Văn Như	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05607/08S69
9967	S69-11811			Trần Văn Hồng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05608/08S69
9968	S69-11812			Trần Văn Bao	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05609/08S69
9969	S69-11813			Võ Văn Minh	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05610/08S69
9970	S69-11814			Trần Phi Long	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05611/08S69
9971	S69-11815			Nguyễn Thế Nghi	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05612/08S69
9972	S69-11816			Huỳnh Quốc Cường	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05613/08S69
9973	S69-11817			Lê Trường Thủ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05614/08S69
9974	S69-11818			Tô Hồng Phúc	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05615/08S69
9975	S69-11819			Ông Huy Cường	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05616/08S69
9976	S69-11820			Nguyễn Văn Thương	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05617/08S69
9977	S69-11821			Lê Thanh Toàn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05618/08S69
9978	S69-11822			Phạm Văn Diện	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05619/08S69
9979	S69-11823			Trần Hữu Nghĩa	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05620/08S69
9980	S69-11824			Huỳnh Ly Thu	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05621/08S69
9981	S69-11825			Võ Văn Vũ	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05622/08S69
9982	S69-11826			Lê Văn Suôi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05623/08S69
9983	S69-11827			Võ Văn Hùng	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05624/08S69
9984	S69-11828			Trần Văn Be	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05625/08S69
9985	S69-11829			Lâm Hồng Cứ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05626/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
9986	S69-11830			Trương Văn Dũng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05627/08S69
9987	S69-11831			Huỳnh Văn Toàn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05628/08S69
9988	S69-11832			Cao Văn Vĩnh	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05629/08S69
9989	S69-11833			Thái Văn Tính	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05630/08S69
9990	S69-11834			Phan Văn Ngoan	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05631/08S69
9991	S69-11835			Võ Văn Đương	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05632/08S69
9992	S69-11836			Nguyễn Thị Thuý	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05633/08S69
9993	S69-11837			Nguyễn Văn Hiền	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05634/08S69
9994	S69-11839			Nguyễn Văn Y	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05636/08S69
9995	S69-11840			Huỳnh út Nhỏ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05637/08S69
9996	S69-11841			Võ Minh Chuối	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05638/08S69
9997	S69-11842			Nguyyễn Hoang Tha	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05639/08S69
9998	S69-11843			Ngô Văn Nhu	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05640/08S69
9999	S69-11844			Bùi Hoàng Lãng	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05641/08S69
10000	S69-11845			Tạ Anh Chiến	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05642/08S69
10001	S69-11846			Nguyễn Minh Trường	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05643/08S69
10002	S69-11847			Trịnh Minh Tuấn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05644/08S69
10003	S69-11848			Trần Văn Bụng	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05645/08S69
10004	S69-11849			Nguyễn Tấn Thủ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05646/08S69
10005	S69-11850			Trần Quốc Khởi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05647/08S69
10006	S69-11851	CM-11252		Trần Hoàng Đơn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	23/06/2015	23/06/2016	01146/15S69
10007	S69-11852			Nguyễn Văn Sơn	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05649/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10008	S69-11853			Phan Văn Liễu	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05650/08S69
10009	S69-11854			Trung Văn Hải	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05651/08S69
10010	S69-11855			Mai Thành Thạo	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05652/08S69
10011	S69-11857			Trần Trọng Nghĩa	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05654/08S69
10012	S69-11858			Lê Văn Tùng	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05655/08S69
10013	S69-11859			Lê Thanh Hiếu	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05656/08S69
10014	S69-11860			Nguyễn Chí Công	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05657/08S69
10015	S69-11861			Ngô Văn Hiễn	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05658/08S69
10016	S69-11862			Nguyễn Hoàng Oanh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05659/08S69
10017	S69-11863			Đào Thị Khen	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05560/08S69
10018	S69-11864			Đinh Văn Mười	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05661/08S69
10019	S69-11865			Nguyễn Văn Cọp	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05662/08S69
10020	S69-11866			Bùi Văn Khánh	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05663/08S69
10021	S69-11867			Trần Quốc Sự	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05664/08S69
10022	S69-11868			Trần Việt Hùng	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05665/08S69
10023	S69-11869			Huỳnh Thị Chính	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05666/08S69
10024	S69-11870			Lâm Duy Khuyên	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05667/08S69
10025	S69-11871			Nguyễn Khánh Quân	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05668/08S69
10026	S69-11872			Nguyễn Văn Tỷ	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05669/08S69
10027	S69-11873			Nguyễn Duy Đạt	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05670/08S69
10028	S69-11874			Nguyễn Văn út	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05671/08S69
10029	S69-11875			Đoàn Hồng Lạc	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05672/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10030	S69-11876			Phạm Ngọc Diễm	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05673/08S69
10031	S69-11877			Đào Văn Buôn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05674/08S69
10032	S69-11878			Trần Kim Biện	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05675/08S69
10033	S69-11879	CM-11225		Ngô Văn Phương	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05676/08S69
10034	S69-11880			Nguyễn Văn Lũy	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05677/08S69
10035	S69-11881			Hồ Thị Lãnh	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05678/08S69
10036	S69-11882			Nguyễn Thị Dung	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05679/08S69
10037	S69-11884			Nguyễn Văn Đông	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05681/08S69
10038	S69-11885			Lai Văn Đen	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05682/08S69
10039	S69-11886			Nguyễn Văn Đò	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05683/08S69
10040	S69-11887			Nguyễn Quốc Đạm	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05684/06S69
10041	S69-11889			Phan Trường Hận	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05686/08S69
10042	S69-11890			Đoàn Công Lịnh	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05687/08S69
10043	S69-11891			Nguyễn Minh Hoàng	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05688/08S69
10044	S69-11892			Nguyễn Văn Tuấn	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05689/08S69
10045	S69-11893			Trần Văn Lượm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/07/2008	16/07/2009	05690/08S69
10046	S69-11895			Trương Văn Hổ	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	21/07/2008	21/07/2009	05695/08S69
10047	S69-11896			Ngô Hồng Mơ	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05696/08S69
10048	S69-11897	CM-10196		Dương Văn Sứu	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	04/03/2013	04/03/2014	01458/13S69
10049	S69-11898			Ngô Thanh Mộng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05698/08S69
10050	S69-11899			Ngô Hồng Mơ	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05699/08S69
10051	S69-11900	CM-10681		Đoàn Văn Phương	Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2013	31/12/2014	06644/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10052	S69-11902			Lê Văn Huấn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04744/10S69
10053	S69-11903			Trần Văn Xuyên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06468/08S69
10054	S69-11904	CM-10205		Nguyễn Văn Phương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	30/08/2010	30/08/2011	04522/10S69
10055	S69-11905			Quách Thị Cẩm Tú	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/07/2008	15/07/2009	05707/08S69
10056	S69-11907			Phạm Văn Oanh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	24/07/2008	24/07/2009	05710/08S69
10057	S69-11909	CM-11274	Thanh Toàn	Phan Chí Toàn	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02492/10S69
10058	S69-11910	CM-10662		Hồ Hoàng Khâm	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	19/05/2014	19/05/2015	01298/14S69
10059	S69-11911			Nguyễn Văn Toàn	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	24/07/2008	24/07/2009	05715/08S69
10060	S69-11912	CM. 11082		Châu Văn Tráng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/02/2010	04/02/2011	00714/10S69
10061	S69-11913	CM-10659		Du Quốc Khánh	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	04/04/2012	04/04/2013	01421/12S69
10062	S69-11914	CM-10660		Hồ Văn Kết	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	23/12/2009	23/12/2010	07264/09S69
10063	S69-11915	CM-01870		Trần Thanh Liêm	Khóm 4 Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05719/08S69
10064	S69-11916			Nguyễn Văn Đen	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05721/08S69
10065	S69-11917			Huỳnh Hoàng Vũ	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05722/08S69
10066	S69-11918			Đoàn Văn Thối	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05723/08S69
10067	S69-11919			Nguyễn Văn Nghiêm	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05724/08S69
10068	S69-11920			Nguyễn Quốc Khải	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05725/08S69
10069	S69-11921			Nguyễn Hoàng Minh	Khóm 8, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05726/08S69
10070	S69-11922			Nguyễn Trường Sơn	Khóm 7, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05727/08S69
10071	S69-11923			Võ Thanh Hải	Biển Bạc Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05728/08S69
10072	S69-11924			Đặng Văn Sang	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05729/08S69
10073	S69-11925			Huỳnh Hoàng Diệp	ấp 1, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05730/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10074	S69-11926			Trần Văn Thanh	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05731/08S69
10075	S69-11927			Nguyễn Văn Ril	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05732/08S69
10076	S69-11928			Lê Chí Văn	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05733/08S69
10077	S69-11929			Đình Thanh Bình	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05734/08S69
10078	S69-11930			Phạm Văn Tuấn	Khóm 7, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05735/08S69
10079	S69-11932			Nguyễn Thanh Toàn	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05737/08S69
10080	S69-11933			Lê Minh Thệ	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05738/08S69
10081	S69-11934			Trịnh Minh Luân	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05739/08S69
10082	S69-11935			Nguyễn Văn Trường	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05740/08S69
10083	S69-11936			Trà Văn Thành	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05741/08S69
10084	S69-11937			Hứa Thanh Bình	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05742/08S69
10085	S69-11938			Phạm Văn Nghiệp	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05743/08S69
10086	S69-11939			Nguyễn Việt Khải	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05744/08S69
10087	S69-11940			Bùi Minh Tuyển	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05745/08S69
10088	S69-11941			Huỳnh Thanh Hoàng	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05746/08S69
10089	S69-11942			Ngô Chí Toại	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05747/08S69
10090	S69-11943			Ngô Chí Công	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05748/08S69
10091	S69-11944			Lý Hoàng Phong	K6, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05749/08S69
10092	S69-11945			Võ Hoàng Hôn	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05750/08S69
10093	S69-11946			Lê Thanh Hiền	Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05751/08S69
10094	S69-11947			Nguyễn Mộng Nghi	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05752/08S69
10095	S69-11948			Dương Văn Lơ	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05753/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10096	S69-11949			Bùi Thanh Dũng	Khóm 3, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05754/08S69
10097	S69-11950			Lê Văn Dương	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05755/08S69
10098	S69-11952			Dương Văn Định	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05757/08S69
10099	S69-11953			Nguyễn Văn Dẻ	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05758/08S69
10100	S69-11954			Trà Thị út	Khóm 5, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05759/08S69
10101	S69-11955			Lê Văn ản	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05760/08S69
10102	S69-11956			Lê Thị Đồng	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05761/08S69
10103	S69-11957			Phan Hùng Kiệt	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05762/08S69
10104	S69-11958			Đỗ Văn Giữ	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05763/08S69
10105	S69-11959			Nguyễn Công Lịch	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05764/08S69
10106	S69-11960			Nguyễn Hữu Thành	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05765/08S69
10107	S69-11961	CM-11379		Trần Thị Thành	Khóm 2, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	31/07/2009	31/07/2010	04614/09S69
10108	S69-11962	CM-11400		Lê Thị Bua	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	02/04/2014	02/04/2015	00887/14S69
10109	S69-11963	CM-11399	CM-11399	Lê Văn Quyền	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	06/09/2010	06/09/2011	10701/10V68
10110	S69-11964			Đỗ Văn Đan	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05769/08S69
10111	S69-11965			Phạm Văn Bé	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05770/08S69
10112	S69-11966			Lê Văn Nguyên	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05771/08S69
10113	S69-11967			Trịnh Kim Ngoạt	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05772/08S69
10114	S69-11968			Nguyễn Văn Tòng	Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05773/08S69
10115	S69-11969			Trần Văn Phong	Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05774/08S69
10116	S69-11970			Đỗ Minh Dương	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05775/08S69
10117	S69-11971			Trần Vũ Trường	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05776/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10118	S69-11972			Ngô Hoàng Sang	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05777/08S69
10119	S69-11973			Đoàn Thành Sắc	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05778/08S69
10120	S69-11974			Huỳnh Văn Núi	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05779/08S69
10121	S69-11975			Trần Trung Thảo	Xã Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05780/08S69
10122	S69-11976			Huỳnh Hữu Tiếp	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05781/08S69
10123	S69-11977			Cao Văn Đức	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05782/08S69
10124	S69-11978			Bùi Thanh Bạ	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2009	24/07/2009	05783/08S69
10125	S69-11979			Nguyễn Văn Lộc	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	27/08/2008	27/08/2009	05784/08S69
10126	S69-11981			Nguyễn Văn Phương	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05786/08S69
10127	S69-11982			Nguyễn Văn Tươi	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/06/2009	05787/08S69
10128	S69-11983			Tạ Minh Cảnh	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05788/08S69
10129	S69-11984			Huỳnh Văn Thuyền	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05789/08S69
10130	S69-11985			Lê Hoàng Mỹ	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05790/08S69
10131	S69-11986			Trần Trung Hiếu	Xã Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05791/08S69
10132	S69-11987			Trịnh Thị Nhanh	ấp 1, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05792/08S69
10133	S69-11988			Huỳnh Quốc Hoài	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05793/08S69
10134	S69-11989			Lê Ngọc Hiến	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05794/08S69
10135	S69-11990			Trần Văn út	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05795/08S69
10136	S69-11991			Đỗ Văn Lệ	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05796/08S69
10137	S69-11992			Trần Văn Quyền	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05797/08S69
10138	S69-11993			Phạm Văn Cuộc	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05798/08S69
10139	S69-11994			Dương Văn Đô	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05799/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10140	S69-11995			Lê Văn Khoa	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05800/08S69
10141	S69-11996			Nguyễn Huyền Suyền	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05801/08S69
10142	S69-11997			Nguyễn Văn Thống	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05802/08S69
10143	S69-11998			Đỗ Hoàng Giang	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05803/08S69
10144	S69-11999			Võ Văn Triệt	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05804/08S69
10145	S69-12000			Nguyễn Văn Chơn	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05805/08S69
10146	S69-12001			Nguyễn Văn Chơn	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05806/08S69
10147	S69-12002			Nguyễn Mạnh Đoàn	K6, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05807/08S69
10148	S69-12003			Danh Văn Đồng	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05808/08S69
10149	S69-12004			Phạm Minh Châu	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05809/08S69
10150	S69-12005			Nguyễn Văn Phần	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05810/08S69
10151	S69-12006			Phan Văn Hưng	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05811/08S69
10152	S69-12007			Bùi Việt Kha	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05812/08S69
10153	S69-12008			Lê Văn Chương	Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05813/08S69
10154	S69-12009			Trần Văn Quyết	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05814/08S69
10155	S69-12010			Phạm Văn Danh	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05815/08S69
10156	S69-12011	CM-11402		Quách Văn Đoàn	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01053/10S69
10157	S69-12012			Trần Văn Hoài	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05817/08S69
10158	S69-12013			Tô Thị Nga	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05818/08S69
10159	S69-12014			Trần Kiều Mơ	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05819/08S69
10160	S69-12015			Trần Thanh Hải	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05820/08S69
10161	S69-12016			Tạ Minh Xứng	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05821/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10162	S69-12017			Dương Công Hầu	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05822/08S69
10163	S69-12018			Lê Văn Thế	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05823/08S69
10164	S69-12019			Nguyễn Văn Lê	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05824/08S69
10165	S69-12020			Lư Thọ Cường	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05825/08S69
10166	S69-12021			Phạm Văn Siêu	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05826/08S69
10167	S69-12022			Trần Văn Triều	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05827/08S69
10168	S69-12023			Trần Văn Nhanh	Xa Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05828/08S69
10169	S69-12024			Phan Toàn Thư	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05829/08S69
10170	S69-12025			Võ Văn Vững	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05830/08S69
10171	S69-12026			Huỳnh Thanh Trung	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05831/08S69
10172	S69-12027			Nguyễn Văn Dũng	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05832/08S69
10173	S69-12028			Ngô Minh Thuỳ	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05833/08S69
10174	S69-12029			Huỳnh Phương Nam	ấp 5, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05834/08S69
10175	S69-12030			Trịnh A Tài	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05835/08S69
10176	S69-12031			Bùi Văn Kết	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05836/08S69
10177	S69-12032			Lê Trọng Nguyễn	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05837/08S69
10178	S69-12033			Tăng Văn Dũng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05838/08S69
10179	S69-12035			Vũ Văn Công	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05840/08S69
10180	S69-12036			Lê Văn Trung	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05841/08S69
10181	S69-12037			Lý Văn Noi	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05842/08S69
10182	S69-12038			Nguyễn Văn Khương	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05843/08S69
10183	S69-12039			Phan Quang Vinh	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05844/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10184	S69-12040			Trương Kim Ven	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05845/08S69
10185	S69-12041			Phạm Văn Bạc	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05846/08S69
10186	S69-12042			Nguyễn Thanh Sơn	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05847/08S69
10187	S69-12043			Phan Toàn Lợi	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05848/08S69
10188	S69-12044			Trương Văn Ly	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05849/08S69
10189	S69-12045			Nguyễn Minh Tấn	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05850/08S69
10190	S69-12046			Đinh Hoàng Tông	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05851/08S69
10191	S69-12047			Nguyễn Văn Việt	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05852/08S69
10192	S69-12048			Nguyễn Thành Được	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05853/08S69
10193	S69-12049			Phan Thanh Hùng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05854/08S69
10194	S69-12050			Nguyễn Văn Khánh	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05855/08S69
10195	S69-12051	CM-11380		Trần Tấn Long	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	14/01/2014	14/01/2015	00148/14S69
10196	S69-12052			Trương Kim Chi	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05857/08S69
10197	S69-12053			Lê Quốc Nghĩa	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05858/08S69
10198	S69-12054			Nguyễn Văn Hùng	Khóm 4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05859/08S69
10199	S69-12055			Võ Văn Chung	ấp10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05860/08S69
10200	S69-12056			Nguyễn Thị Kim Luyến	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05861/08S69
10201	S69-12057			Nguyễn Văn Văn	Khóm 9, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05862/08S69
10202	S69-12058	CM-11392		Trần Văn Lưỡng	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	01/12/2009	01/12/2010	06883/09S69
10203	S69-12059			Nguyễn Văn Hùng	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05864/08S69
10204	S69-12060			Nguyễn Thành Trung	ấp 8, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05865/08S69
10205	S69-12061			Vũ Văn Sạn	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05866/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10206	S69-12062			Đặng Văn Ngoan	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05867/08S69
10207	S69-12063			Trương Thị Thanh Vương	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05868/08S69
10208	S69-12064			Nguyễn Văn Đáng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05869/08S69
10209	S69-12065			Hoàng Minh Lương	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05870/08S69
10210	S69-12066			Bùi Văn Vũ	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05871/08S69
10211	S69-12067			Trần Văn Vĩnh	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05872/08S69
10212	S69-12068			Lê Công Thành	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05873/08S69
10213	S69-12069			Lê Hồng Thẩm	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05874/08S69
10214	S69-12070			Nguyễn Văn Lợi	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05875/08S69
10215	S69-12071			Phan Hữu Vĩnh	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05876/08S69
10216	S69-12072			Huỳnh Tấn Sơn	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05877/08S69
10217	S69-12073			Trần Cà Mơ	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05878/08S69
10218	S69-12074			Vương Công Thành	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05879/08S69
10219	S69-12075			Vương Văn Nhứt	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05880/08S69
10220	S69-12076			Phạm Minh Luân	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05881/08S69
10221	S69-12077			Trần văn Trường	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05882/08S69
10222	S69-12078			Nguyễn Văn Gương	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05883/08S69
10223	S69-12079			Quách Văn Luyến	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05884/08S69
10224	S69-12080			Ngô Văn Vũ	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05885/08S69
10225	S69-12081			Nguyễn Bé Tư	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05886/08S69
10226	S69-12082	CM-12651		Lê Minh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/07/2013	00094/13S69
10227	S69-12083			Nhan Văn Sửu	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05971/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10228	S69-12084			Trần Văn út	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05972/08S69
10229	S69-12085			Nhan Hoàng Triều	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05973/08S69
10230	S69-12086			Trịnh Văn Ty	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05974/08S69
10231	S69-12087			Trần Văn Mười	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05975/08S69
10232	S69-12088			Trịnh Văn Bền	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05976/08S69
10233	S69-12089	CM-10664		Trần Văn Gia	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	02/11/2009	02/11/2010	06519/09S69
10234	S69-12090	CM-11048		Trần Văn Minh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06441/13S69
10235	S69-12091			Đoàn Văn Dàng	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05979/08S69
10236	S69-12092			Dương Minh Cường	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05980/08S69
10237	S69-12093			Nguyễn Văn Vinh	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05981/08S69
10238	S69-12094			Lê Công Chính	Xã Ngọc Chính, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05982/08S69
10239	S69-12095			Trịnh Quý Dương	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05983/08S69
10240	S69-12096			Bạch Hoài Phong	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05984/08S69
10241	S69-12097	CM-11069		Nguyễn Văn Vinh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/12/2012	07827/12S69
10242	S69-12098			Tô Văn Thành	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05986/08S69
10243	S69-12099			Nguyễn Văn Chí	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	05987/08S69
10244	S69-12100	CM-11044		Tô Thanh Triều	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03350/13S69
10245	S69-12101			Tô Văn Điền	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01999/13S69
10246	S69-12102	CM-11037	THÙY DƯƠNG	Ngô Anh Phong	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06474/13S69
10247	S69-12103			Huỳnh Văn Thường	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05887/08S69
10248	S69-12104			Trần Văn Bình	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05888/08S69
10249	S69-12105			Phạm Minh Lý	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05889/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10250	S69-12106			Huỳnh Văn Thới	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05890/08S69
10251	S69-12107			Quách Văn Bé	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05891/08S69
10252	S69-12108			Lý Thành Công	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05892/08S69
10253	S69-12109			Đỗ Vĩnh Nghi	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05893/08S69
10254	S69-12110			Trần Văn út	Khóm 2, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05894/08S69
10255	S69-12111			Nguyễn Văn Thành	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05895/08S69
10256	S69-12112			Bùi Đông Giang	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05896/08S69
10257	S69-12113			Nguyễn Phước Hoà	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05897/08S69
10258	S69-12114			Trịnh Minh Thiều	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05898/08S69
10259	S69-12115			Bùi Văn Khang	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05899/08S69
10260	S69-12117			Lý Minh Mẫn	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05901/08S69
10261	S69-12118			Lý Văn Phong	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05902/08S69
10262	S69-12119			Phan Văn Đạm	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05903/08S69
10263	S69-12120			Đỗ Thành Nghiệp	Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05904/08S69
10264	S69-12121			Trần Văn Cường	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05905/08S69
10265	S69-12122			Nguyễn Văn Phong	ấp 5, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05906/06S69
10266	S69-12123			Nguyễn Hoàng Anh	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05907/08S69
10267	S69-12124			Phan Thị Xiếu	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05908/08S69
10268	S69-12125			Mai Hoàng Ân	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05909/08S69
10269	S69-12126	CM-11543		Lê Trường Hai	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/04/2010	04/04/2011	01923/10S69
10270	S69-12127			Lâm Văn Non	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05911/08S69
10271	S69-12128			Nguyễn Quốc Việt	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05912/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10272	S69-12129			Nguyễn Văn út	Khóm 2, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05913/08S69
10273	S69-12130			Dương Văn Đỏ	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05914/08S69
10274	S69-12131			Nguyễn Hồng Phương	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2009	24/07/2009	05915/08S69
10275	S69-12132			Huỳnh Văn Vương	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05916/08S69
10276	S69-12133			Dương Hoàng Lễ	ấp 7, Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/07/2008	07/08/2009	05917/06S69
10277	S69-12134			Quách Văn Họt	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05918/08S69
10278	S69-12135			Nguyễn Văn Khởi	Tân bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05919/08S69
10279	S69-12136			Huỳnh Văn Công	Xã Trí Lực, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05920/06S69
10280	S69-12137	CM-11389		Phạm Thanh Hoàng	ấp 4, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	21/08/2012	21/08/2013	04511/12S69
10281	S69-12138			Nguyễn Bé Tư	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05922/08S69
10282	S69-12139			Hồ Văn Toán	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05923/08S69
10283	S69-12140			Phan Thành Nghĩa	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05924/08S69
10284	S69-12141	CM- 13349		Đỗ Tấn út	Tạm Trú Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	10/11/2009	04/11/2010	06549/09S69
10285	S69-12143			Lê Huy Hùng	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05927/08S69
10286	S69-12145			Phan Minh Toàn	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05929/08S69
10287	S69-12146	CM-11382		Bùi Thanh Phương	Khóm 2, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/09/2009	08/09/2010	05465/09S69
10288	S69-12147			Bùi Văn Oanh	Khóm 9, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/11/2012	08/11/2013	06099/12S69
10289	S69-12148			Nguyễn Văn Phụng	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05932/08S69
10290	S69-12149			Hồ Văn Trừ	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05933/08S69
10291	S69-12150			Trần Văn Chính	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05934/08S69
10292	S69-12151			Nguyễn Chí Nguyễn	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05935/08S69
10293	S69-12152			Trần Quốc Khải	Xã Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05936/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10294	S69-12153			Lê Phương Em	Xã Tân Bàng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05937/08S69
10295	S69-12154			Phạm Thanh Tùng	Xã Tân Bàng, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05938/08S69
10296	S69-12155			Ngô Văn Cần	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05939/08S69
10297	S69-12156			Võ Văn út	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05940/08S69
10298	S69-12157			Lê Văn Lợi	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05941/08S69
10299	S69-12158			Lê Văn Sơn	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05942/08S69
10300	S69-12159			Trịnh Minh Thế	Khóm 9, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05943/08S69
10301	S69-12160			Nguyễn Văn Mới	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05944/08S69
10302	S69-12161			Phạm Duy Thảo	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05945/08S69
10303	S69-12162			Tổng Văn Đức	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05946/08S69
10304	S69-12163			Nguyễn Thanh Hùng	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05947/08S69
10305	S69-12164			Lê Văn Phi	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05948/08S69
10306	S69-12165			Phan Văn Trung	ấp 10, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05949/08S69
10307	S69-12166			Ngô Văn Luốc	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05950/08S69
10308	S69-12167			Phan Văn Toàn	K I, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05951/08S69
10309	S69-12168			Phạm Văn Phong	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05952/08S69
10310	S69-12169			Phạm Văn Chinh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05953/08S69
10311	S69-12170			Nguyễn Văn Nguyễn	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05954/08S69
10312	S69-12171			Nguyễn Văn Dũng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05955/08S69
10313	S69-12172			Ngô Văn út	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05956/08S69
10314	S69-12173			Vương Thanh Hùng	Khóm 1, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05957/08S69
10315	S69-12174			Danh Sang	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05958/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10316	S69-12175			Cao Văn Bình	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05959/08S69
10317	S69-12176			Nguyễn Minh Trọng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05960/08S69
10318	S69-12177			Nguyễn Hoàng Trăn	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05961/08S69
10319	S69-12178			Đình Hoài Bảo	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05962/08S69
10320	S69-12179			Lê Văn Liêm	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05963/08S69
10321	S69-12180			Nguyễn Văn Pháp	Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05964/08S69
10322	S69-12181			Nguyễn Văn Duyên	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05965/08S69
10323	S69-12182			Nguyễn Hoàng Liệt	ấp 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05966/08S69
10324	S69-12183			Nguyễn Thành Ngân	Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05967/08S69
10325	S69-12184			Quách Văn Việt	ấp 2, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05968/08S69
10326	S69-12185			Trần Văn Tùng	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	05969/08S69
10327	S69-12186	CM-12031		Nguyễn Văn Luân	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/06/2014	12/06/2015	01572/14S69
10328	S69-12187			Phan Văn Đắc	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/07/2008	25/07/2009	05992/08S69
10329	S69-12188	CM-12034		Đặng Việt Quân	Khóm 1, Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/04/2010	16/04/2011	02079/10S69
10330	S69-12189			Huỳnh Văn Chiến	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	25/07/2008	25/07/2009	05994/08S69
10331	S69-12190	Cm-11629		Võ Minh Tân	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	21/10/2009	21/10/2010	06377/09S69
10332	S69-12191			Võ Thanh Bằng	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/07/2008	25/07/2009	05996/08S69
10333	S69-12192			Nguyễn Văn Hái	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	25/07/2008	25/07/2009	05997/08S69
10334	S69-12193			Triệu Văn Đổm	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	25/07/2008	25/07/2009	05998/08S69
10335	S69-12194	CM-11627		Trần Văn Ngỏi	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	14/10/2014	14/10/2015	02779/14S69
10336	S69-12195			Trần Văn Phụng	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	25/07/2008	29/07/2009	06000/08S69
10337	S69-12196	CM-11162		Dương Văn Khởi	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	13/05/2010	13/05/2011	02658/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10338	S69-12197	CM-11060		Phạm Minh Điền	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	12/11/2009	12/11/2010	06624/09S69
10339	S69-12198			Ngô Văn Lến	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	25/07/2008	25/07/2009	06003/08S69
10340	S69-12199	CM-10649		Võ Hồng Minh	Tác Vân, Thành phố Cà Mau	08/08/2011	08/08/2012	02655/11S69
10341	S69-12203			Nguyễn Văn Phú	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	26/07/2008	26/07/2009	06013/08S69
10342	S69-12205	CM-10661		Huỳnh Vũ Linh	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	07/09/2012	07/09/2013	04690/12S69
10343	S69-12206	CM-10658		Trương Minh Trí	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/09/2012	28/09/2013	05174/12S69
10344	S69-12207	CM-12070		Nguyễn Chí Hùng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	13/09/2010	13/09/2011	04761/10S69
10345	S69-12208			Nguyễn Văn Trước	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	25/07/2008	25/07/2009	06018/08S69
10346	S69-12209			Trần Văn Chuộng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	25/07/2008	25/07/2009	06019/08S69
10347	S69-12210	CM-10657		Nguyễn Minh Hợp	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/08/2009	06/02/2010	04770/09S69
10348	S69-12211	CM-10655		Huỳnh Văn Đăng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07747/12S69
10349	S69-12213	CM-10650		Phạm Văn Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01270/10S69
10350	S69-12215	CM-10651		Nguyễn Thanh Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01291/12S69
10351	S69-12216			Phạm Văn Minh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	29/07/2008	29/07/2009	06027/08S69
10352	S69-12220	CM-10669		Lê Văn Cảnh	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	28/12/2009	28/12/2010	07377/09S69
10353	S69-12221			Trần Minh Kế	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	31/07/2008	31/07/2009	06035/08S69
10354	S69-12222			Huỳnh Văn Hiếu	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	31/07/2008	31/07/2009	06036/08S69
10355	S69-12223	CM-00895		Nguyễn Văn Quốc	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	24/06/2008	24/06/2009	04862/08S69
10356	S69-12224			Trần Văn Sơn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00702/10S69
10357	S69-12226			Tô Văn út	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	06039/08S69
10358	S69-12227			Trương Thế Anh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	06040/08S69
10359	S69-12229			Võ Văn Đĩnh	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	31/07/2008	31/07/2009	06045/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10360	S69-12230			Phạm Ngọc Đỗi	Xã Tân thành, Thành phố Cà Mau	17/07/2011	17/07/2012	02379/02S69
10361	S69-12231			Phan Văn Cường	Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2008	15/08/2009	06047/08S69
10362	S69-12233			Trịnh Văn Phú	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/07/2008	20/07/2009	06049/08S69
10363	S69-12234			Trần Trường Giang	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	01/08/2008	01/08/2009	06050/08S69
10364	S69-12235			Nguyễn Văn Nhinh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2008	04/08/2009	06055/08S69
10365	S69-12236			Nguyễn Văn Toàn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2008	04/08/2009	06056/08S69
10366	S69-12237			Nguyễn Văn Ngàn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2008	04/08/2009	06057/08S69
10367	S69-12239			Nguyễn Thanh Hùng	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2008	05/08/2009	06059/08S69
10368	S69-12240	CM-11025		Phạm Quang Trung	K I, Phường 6, Thành phố Cà Mau	30/08/2010	30/08/2011	04556/10S69
10369	S69-12241	CM-14670		Nguyễn Đông Kha	K I TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	15/11/2011	15/11/2012	04203/11S69
10370	S69-12242			Dã Văn Đon	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	06/08/2008	06/08/2009	06064/08S69
10371	S69-12243	CM-12068		Trần Văn Mùa	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	03/08/2009	03/08/2010	04722/09S69
10372	S69-12244			Lâm Quốc Khanh	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	06/08/2008	06/08/2009	06066/08S69
10373	S69-12245			Trần Văn Sĩ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	08/08/2008	08/08/2009	06067/08S69
10374	S69-12246	CM-11076	Phà	Lâm Hoàng Tâm	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	21/04/2011	21/10/2011	01398/11S69
10375	S69-12247	CM-11265		Phạm Minh Cảnh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2015	16/04/2016	00724/15S69
10376	S69-12249			Mã Ngọc Cúc	Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	17/07/2008	17/07/2009	06073/08S69
10377	S69-12250	CM-11024		Nguyễn Minh Trạn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/09/2012	17/09/2013	04788/12S69
10378	S69-12251	CM-11633		Hồ Minh Thơ	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2011	10/08/2012	02674/11S69
10379	S69-12252	CM-11031		Nguyễn Văn Hiếu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06417/13S69
10380	S69-12253			Nguyễn Việt Trung	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	08/08/2008	08/08/2009	06079/08S69
10381	S69-12257	CM-11057		Nguyễn Văn Diệu	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04861/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10382	S69-12260	CM-11055		Dương Văn Tài	ấp Sa Phô, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	06/01/2010	06/01/2011	00084/10S69
10383	S69-12261			Dương Văn Quận	ấp Sa Phô, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	09/08/2008	09/08/2009	06087/08S69
10384	S69-12262	CM-11033		Nguyễn Văn Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	06/07/2015	06/07/2016	01233/15S69
10385	S69-12263	CM-11058		Đỗ Hoàng Biển	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	26/02/2010	26/02/2011	00958/10S69
10386	S69-12264	CM-12045		Nguyễn Hoàng Minh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03540/12S69
10387	S69-12265	CM-11056		Hồ Minh Đảm	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04186/09S69
10388	S69-12266	CM-11067		Lý Hoàng Sơ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	14/01/2013	14/01/2014	00423/13S69
10389	S69-12268	CM-11062		Trần Văn Hảo	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2013	07/08/2014	03784/13S69
10390	S69-12269	CM-11063		Nguyễn Văn Thành	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	12/01/2011	12/01/2012	00158/11S69
10391	S69-12270			Trang Văn Gú	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	06099/08S69
10392	S69-12272	CM-11066		Phan Thanh Liêm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04359/10S69
10393	S69-12273	CM-03289		Võ Văn Thúc	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	17/08/2009	17/08/2010	04917/09S69
10394	S69-12274	CM-11265		Phạm Minh Cảnh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2008	12/08/2009	06104/08S69
10395	S69-12275			Dư Văn Sáu	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	13/08/2008	13/08/2009	06107/08S69
10396	S69-12276			Quách Văn Tuấn	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	13/08/2008	13/08/2009	06109/08S69
10397	S69-12277	CM-11070		Đinh Văn Phong	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	17/09/2009	17/09/2010	05744/09S69
10398	S69-12278			Trần Hải Đăng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/08/2008	15/08/2009	06116/08S69
10399	S69-12279	CM-11264		Nguyễn Văn Trúc	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01654/10S69
10400	S69-12280	CM-11270		Nguyễn Duy Hưng	Khóm 7, P7, Thành phố Cà Mau	05/01/2012	05/01/2013	00075/11S69
10401	S69-12282	CM-11275		Đào Thị Hồng Lâm	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	21/10/2014	21/10/2015	02821/14S69
10402	S69-12283			Phạm Văn Hải	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	19/08/2008	19/08/2009	06130/08S69
10403	S69-12284			Nguyễn Văn Việt	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	19/08/2008	19/08/2009	06131/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10404	S69-12286	CM-11635	Vũ Bảo III	Dương Văn Liễu	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	18/08/2008	18/08/2009	06133/08S69
10405	S69-12288	CM-11234		Lê Thực Hiện	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08155/12S69
10406	S69-12289	CM-11280		Trần Văn Nhẹ	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2014	10/06/2015	01526/14S69
10407	S69-12293			Huỳnh Văn Hiếu	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	25/08/2008	25/08/2009	06149/08S69
10408	S69-12294			Trần Văn Bạch	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	19/11/2008	19/11/2009	06150/08S69
10409	S69-12295			Nguyễn Thế Y	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	25/08/2008	25/08/2009	06151/08S69
10410	S69-12296	CM-11289		Võ Văn Vũ	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/03/2015	16/03/2016	00502/15S69
10411	S69-12297			Nguyễn Thị Loan	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	25/08/2008	25/02/2009	06155/08S69
10412	S69-12298	CM-04671		Chung Hữu ích	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05675/09S69
10413	S69-12300	CM-11584		Dương Bé Linh	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	19/01/2011	19/01/2012	00272/11S69
10414	S69-12301	CM-11587		Dương Bé Linh	Khóm 2, Thị trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00772/10S69
10415	S69-12302			Trần Văn Ty	Khóm 2, Thị trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06162/08S69
10416	S69-12303			Nguyễn Văn Hùng	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06163/08S69
10417	S69-12304			Đào Đức Lợi	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06164/08S69
10418	S69-12305			Châu Hồng Vũ	Biển bạch, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06165/08S69
10419	S69-12306			Nguyễn Thanh Điền	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06166/08S69
10420	S69-12307			Võ Văn Dũng	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06167/08S69
10421	S69-12308			Lê Hữu Săn	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06168/08S69
10422	S69-12309			Trần Minh Vũ	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06169/08S69
10423	S69-12310			Lê Bé Tám	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06170/08S69
10424	S69-12311			Lê Bé Tám	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06171/08S69
10425	S69-12312			Dương Bé Linh	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06172/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10426	S69-12313			Võ Văn Đen	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06173/08S69
10427	S69-12315	CM-11582		Vưu Khánh Lợi	Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00070/10S69
10428	S69-12316			Đào Đức Lợi	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/08/2008	24/08/2009	06176/08S69
10429	S69-12317	CM-12607	Tường Vi	Nguyễn Văn Bồ	ấp Xóm Chùa Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	02/01/2013	02/01/2014	00016/13S69
10430	S69-12318	CM-11313		Trần Trung Quốc	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02440/12S69
10431	S69-12319	CM-11622		Nguyễn Chí Trung	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2013	12/12/2014	06165/13S69
10432	S69-12320			Trần Minh Nhứt	Xã Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	24/07/2008	24/07/2009	06182/08S69
10433	S69-12321	CM-11310		Tăng Văn Hậu	21A Đường Lý Văn Lâm, K5, P1, Thành phố Cà Mau	14/10/2009	14/10/2010	06327/09S69
10434	S69-12322	CM-11314		Nguyễn Văn Triệu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2011	20/09/2012	03331/11S69
10435	S69-12323	CM-11316		Trương Tài Bé	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10184/12S69
10436	S69-12324	CM-11315		Mã Tấn Sĩ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	05/03/2012	05/03/2013	00756/12S69
10437	S69-12325			Trần Thanh Tuấn	K2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	27/08/2008	27/08/2009	06191/08S69
10438	S69-12327			Nguyễn Văn Cuộc	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2008	28/08/2009	06193/08S69
10439	S69-12329			Trương Văn Đăng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	01/09/2008	01/09/2009	06200/08S69
10440	S69-12330			Nguyễn Văn Thơ	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	01/09/2008	01/09/2009	06201/08S69
10441	S69-12331			Nguyễn Văn Vũ	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	01/09/2008	01/09/2009	06202/08S69
10442	S69-12332	CM-11349		Ngô Minh Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05676/12S69
10443	S69-12333			Lưu Ngọc ản	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2008	26/06/2009	06208/08S69
10444	S69-12334	CM-11615		Nguyễn Phú Hòa	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	18/01/2012	18/01/2013	00308/12S69
10445	S69-12335			Dương Bảo Vũ	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	03/09/2008	03/09/2009	06210/08S69
10446	S69-12336			Tô Hồng Thanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	06211/08S69
10447	S69-12337			Nguyễn Hoàng Thông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	06212/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10448	S69-12338			Thái Thành Đạt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2008	13/06/2009	06213/08S69
10449	S69-12339			Huỳnh Văn Đăng	ấp Vàm Đình - Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	04/09/2008	04/09/2009	06214/08S69
10450	S69-12340			Nguyễn Đăng Lâm	K4, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	04/09/2008	04/09/2009	06215/08S69
10451	S69-12341			Quách Văn Tính	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/09/2008	02/09/2009	06216/08S69
10452	S69-12342			Quách Văn Đặng	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/09/2008	02/09/2009	06217/08S69
10453	S69-12344	CM-00665		Quách Văn Đặng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2012	26/12/2013	07495/12S69
10454	S69-12345			Bùi Văn Khởi	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	08/03/2008	08/03/2009	06224/08S69
10455	S69-12346	CM-11619	Ghe Tải	Nguyễn Thị Kim Thủy	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	25/08/2009	25/08/2010	05129/09S69
10456	S69-12347	CM-11625		Nguyễn Văn Nhã	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10268/12S69
10457	S69-12348	CM-11624		Hồ Công Thành	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	30/09/2009	30/09/2010	06045/09S69
10458	S69-12351	CM-11646		Phạm Văn Danh	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2009	04/09/2010	05282/09S69
10459	S69-12352	CM-11647		Nguyễn Xuân Hưng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	17/09/2012	17/09/2013	04784/12S69
10460	S69-12354	CM-11634		Phạm Văn Đông	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05997/09S69
10461	S69-12355			Nguyễn Thị Tiến	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	09/09/2008	09/09/2009	06244/08S69
10462	S69-12356	CM-11639		Nguyễn Văn Quang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/09/2011	09/09/2012	03205/11S69
10463	S69-12357	CM-11653		Trần Văn Tú	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	18/06/2012	18/06/2013	02736/12S69
10464	S69-12358			Tạ Hoàng Anh	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	15/09/2008	15/09/2009	06248/08S69
10465	S69-12359			Lâm Trường Giang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/09/2008	14/09/2009	06250/08S69
10466	S69-12360			Huỳnh Minh Quang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/09/2008	14/09/2009	06251/08S69
10467	S69-12361			Huỳnh Công Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/09/2008	14/09/2009	06252/08S69
10468	S69-12363			Trần Văn Lện	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/09/2008	14/09/2009	06254/08S69
10469	S69-12364			Lê Văn Hùng	Phường 8, Thành phố Cà Mau	15/09/2008	15/09/2009	06377/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10470	S69-12365	cm-11649		Hồ út Tám	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01655/10S69
10471	S69-12366			Trương Phi Hùng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06257/08S69
10472	S69-12367	CM-12440		Nguyễn Thanh Tiền	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08148/12S69
10473	S69-12368	CM-12442		Mã Thanh Bình	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02606/11S69
10474	S69-12369	CM-12332		Nguyễn Văn Đạt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/10/2009	28/10/2010	06502/09S69
10475	S69-12370	CM-12376		Hồ Thanh Mộng	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08587/12S69
10476	S69-12371			Trần Anh Khoa	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06262/08S69
10477	S69-12372	CM-12368		Lê Văn Phương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/04/2012	28/04/2013	01904/12S69
10478	S69-12373	CM-12428		Chung Minh Trực	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05866/09S69
10479	S69-12374			Mã Chí Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/09/2008	13/09/2009	06265/08S69
10480	S69-12375			Hồ Văn út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06266/08S69
10481	S69-12376			Võ Hoàng út	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06267/08S69
10482	S69-12377			Phạm Văn Trắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06268/08S69
10483	S69-12378			Huỳnh Văn Khái	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06269/08S69
10484	S69-12379	CM-12443		Trần Văn Dũng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01284/12S69
10485	S69-12380	CM-12438		Nguyễn Minh Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01282/12S69
10486	S69-12381	CM-12417		Nguyễn Thanh Hoàng	Khóm 4, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00257/15S69
10487	S69-12382			Ngô Minh Lý	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06273/08S69
10488	S69-12383	CM-12309		Chung Trường Giang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07415/12S69
10489	S69-12385			Phạm Văn Chung	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06276/08S69
10490	S69-12386			Phùng Văn Kha	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06277/08S69
10491	S69-12387			Nguyễn Chí Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06278/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10492	S69-12388	CM-12347		Tô Duy Tân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02610/11S69
10493	S69-12389			Nguyễn Minh Trí	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2008	13/09/2009	06280/08S69
10494	S69-12390			Nguyễn Văn Khuyên	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	16/09/2008	13/09/2009	06281/08S69
10495	S69-12391	CM-12434		Phan Thành Nhân	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07396/12S69
10496	S69-12392			Chung Chí Thảo	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06283/08S69
10497	S69-12393	CM-12375		Mã Hoàng Hén	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	09/08/2013	09/08/2014	03816/13S69
10498	S69-12394			Lê Công Lập	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06285/08S69
10499	S69-12395			Trần Thanh Trung	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06286/08S69
10500	S69-12396	CM12358		Đặng Văn Mỹ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08566/12S69
10501	S69-12397			Nguyễn Văn Đạn	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06288/08S69
10502	S69-12398	CM-12364		Trịnh Trung Dũng	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07843/12S69
10503	S69-12399			Trần Quốc Tiến	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06290/08S69
10504	S69-12400			Trần Đăng Khoa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2009	28/09/2010	06040/09S69
10505	S69-12401	CM-12374		Trần Quốc Chương	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01765/14S69
10506	S69-12402	CM-12365		Bùi Kim Liên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2009	28/09/2010	06039/09S69
10507	S69-12403			Đoái Phước Hồi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06294/08S69
10508	S69-12404	CM-12371		Nguyễn Chí Công	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08571/12S69
10509	S69-12405			Lâm Văn Tiếng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06296/08S69
10510	S69-12406			Phan Trung Bắc	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04848/12S69
10511	S69-12407			Phan Trung Nam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06298/08S69
10512	S69-12408			La Minh Hơ	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06299/08S69
10513	S69-12409	CM-12311		Nguyễn Văn Hồi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02491/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10514	S69-12410			Lê Trường Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06301/08S69
10515	S69-12411			Lê Minh Sùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06302/08S69
10516	S69-12412	CM-12310		Nguyễn Văn Phong	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	25/09/2009	20/09/2010	05871/09S69
10517	S69-12413			Trần Văn Trường	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06304/08S69
10518	S69-12414	CM-12421		Nguyễn Quốc Dương	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07743/12S69
10519	S69-12415	CM-12454		Dương Văn Sơn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	01/07/2009	01/07/2010	03710/09S69
10520	S69-12416			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	17/09/2008	13/09/2009	06307/08S69
10521	S69-12417	CM-12339		Phòng Giáo Dục - Đào Tạo Đầm Dơi	Khóm I TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	05832/10S69
10522	S69-12418			Phan Linh Kha	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06309/08S69
10523	S69-12419			Đỗ Quốc Đăng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2008	13/09/2009	06310/08S69
10524	S69-12420	CM-12338		Trần Minh Thuận	Khóm II, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10212/12S69
10525	S69-12421			Phạm Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06312/08S69
10526	S69-12422			Đỗ Hồng Vui	Ngọc chánh, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06313/08S69
10527	S69-12423			Lê Rô Bil	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06314/08S69
10528	S69-12424			Trương Minh Khoa	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	16/09/2008	13/09/2009	06315/08S69
10529	S69-12425			Lê Văn Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/09/2008	13/09/2009	06316/08S69
10530	S69-12426			Nguyễn Văn Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06317/08S69
10531	S69-12427			Ngô Văn Linh	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06800/12S69
10532	S69-12428			Lý Văn Mây	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06319/08S69
10533	S69-12429			Phạm Văn Lầy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06320/08S69
10534	S69-12430	CM-12301		Lâm Tấn Mãi	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06797/12S69
10535	S69-12431	CM-12380		Trần Thanh Đai	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05901/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10536	S69-12432	CM-12436		Chung Ngọc Quận	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05878/09S69
10537	S69-12433			Nguyễn Thị Đẹp	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06324/08S69
10538	S69-12434			Trang Tấn Thành	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06325/08S69
10539	S69-12435	CM-12437		Chung Hoàng Xã	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05877/09S69
10540	S69-12436			Nguyễn Hoàng Ba	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06327/08S69
10541	S69-12437	CM-12455		Tạ Văn Tiền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/01/2011	25/01/2012	00339/11S69
10542	S69-12438			Nguyễn Thắng Lợi	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06329/08S69
10543	S69-12439	CM-12414		Lê Minh Trí	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01429/13S69
10544	S69-12440	CM-12401		Mã Chí Nguyên	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00932/14S69
10545	S69-12441	CM-12425		Trang Kim Xuyên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01289/12S69
10546	S69-12442			Võ Minh Thiện	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	13/09/2008	13/09/2009	06333/08S69
10547	S69-12444			Lý Văn Cường	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06335/08S69
10548	S69-12445			Mã Minh Cảnh	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06336/08S69
10549	S69-12446	CM-12335		Trịnh Minh Kháng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00075/13S69
10550	S69-12447			Trần Chí Công	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06338/08S69
10551	S69-12448			Trần Văn Kiệt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06339/08S69
10552	S69-12449			Phan Tuyết Lễ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06340/08S69
10553	S69-12450	CM. 12452		Huỳnh Văn Đáng	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	20/07/2012	20/07/2013	03882/12S69
10554	S69-12451	CM-12398		Hồ Hồng Liễu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05882/09S69
10555	S69-12452			Trần Văn Bình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06343/08S69
10556	S69-12453	CM-12433		Trần Phương Bắc	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07850/12S69
10557	S69-12454			Nguyễn Thạch Vũ	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06345/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10558	S69-12455			Nguyễn Hoàng Quốc	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06346/08S69
10559	S69-12456	CM-12399		Nguyễn Văn Nghiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05893/09S69
10560	S69-12457			Trương Tô Míl	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06348/08S69
10561	S69-12458			Trịnh Minh Hoàng	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06349/08S69
10562	S69-12459	CM-12346		Nguyễn Văn Thắng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04656/12S69
10563	S69-12460			Nguyễn Minh Bằng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06351/08S69
10564	S69-12461			Huỳnh Vương Anh Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06352/08S69
10565	S69-12462	CM-12320		Lâm Văn Tiếng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01250/10S69
10566	S69-12463			Trần Văn Gấm	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06354/08S69
10567	S69-12464	CM-12407		La Tấn Lợi	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01277/10S69
10568	S69-12465			Nguyễn Văn Tuấn	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06356/08S69
10569	S69-12466			Trần Văn Đảo	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06357/08S69
10570	S69-12467			Trần Hải Như	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06358/08S69
10571	S69-12468			Huỳnh Hoài Tâm	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06359/08S69
10572	S69-12469	CM-12377		Huỳnh Văn Vũ	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04857/12S69
10573	S69-12471	CM-12426		Trần Văn Thiện	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07816/12S69
10574	S69-12472	CM-12305		Mã Hoàng Hôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05180/12S69
10575	S69-12473	CM-12410		Lâm Văn Toàn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01662/10S69
10576	S69-12474			Phan Văn Ngọt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06365/08S69
10577	S69-12475	CM-12369		Mã Quốc Tăng	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	01002/10S69
10578	S69-12476			Lê Ngọc Sương	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06367/08S69
10579	S69-12477	CM-12390		Huỳnh Văn út	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	01001/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10580	S69-12478	CM-12453		Tạ Hoàng Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06864/09S69
10581	S69-12479			Lê Trung Kiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06370/08S69
10582	S69-12480	CM-12324		Lữ Minh Tấn	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05885/09S69
10583	S69-12481	CM-12396		Diệp Văn Khởi	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05895/09S69
10584	S69-12482	CM-12415		Hà Chí Nguyễn	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07745/12S69
10585	S69-12483	CM-12306		Trần Văn Liêm	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2009	28/09/2010	06036/09S69
10586	S69-12484	CM-12329		Trần Văn Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/10/2009	13/10/2010	06299/09S69
10587	S69-12485			Trần Văn Tiền	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06376/08S69
10588	S69-12486	CM-12028		Ngô Minh Tấn	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09454/12S69
10589	S69-12487			Bùi Minh Mạnh	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06387/08S69
10590	S69-12488			Nguyễn Phương Nam	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06479/08S69
10591	S69-12489			Trần Thanh Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06480/08S69
10592	S69-12490	CM-12435		Nguyễn Văn Khởi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07395/12S69
10593	S69-12491			Nguyễn Việt Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06482/08S69
10594	S69-12492			Châu Thanh Đoàn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06483/08S69
10595	S69-12493	CM-12416		Nguyễn Văn Quý	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00992/10S69
10596	S69-12494			Trần Khắc Quy	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06485/08S69
10597	S69-12496			Hồ út Mười Hai	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06487/08S69
10598	S69-12497			Ngô Văn Gấm	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06488/08S69
10599	S69-12498			Nguyễn Trọng Chí	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06489/08S69
10600	S69-12499			Nguyễn Thành Công	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06490/08S69
10601	S69-12501			Dương Hùng Duyên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06492/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10602	S69-12502	CM-12564		Lê Anh Dũng	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/12/2012	04491/11S69
10603	S69-12503			Nguyễn Chi Lăng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06494/08S69
10604	S69-12504			Trương Văn Níl	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06495/08S69
10605	S69-12505			Bùi Hoàng Dân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06496/08S69
10606	S69-12506			Phạm Văn Phương	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06497/08S69
10607	S69-12507			Trương Văn Thắng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06498/08S69
10608	S69-12508			Liêu Hoàng Em	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06499/08S69
10609	S69-12509	CM-12322		Lê Chí Ngoan	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/11/2014	14/11/2015	02978/14S69
10610	S69-12510	CM-12360		Dương Ngọc Bích	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08586/12S69
10611	S69-12511	Cm-12367		Trần Chúc Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2009	28/09/2010	06038/09S69
10612	S69-12512			Đào Vũ Phúc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06503/08S69
10613	S69-12514			Lê Thanh Thừa	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06505/08S69
10614	S69-12515			Nguyễn Thế Hóa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06506/08S69
10615	S69-12516			Trần Hoang Diễn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06507/08S69
10616	S69-12517			Đỗ Thanh Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06508/08S69
10617	S69-12518			Trần Văn Duẩn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06509/08S69
10618	S69-12520			Nguyễn Hoàng Lơ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06511/08S69
10619	S69-12521			Đồng Văn Cảnh	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06512/08S69
10620	S69-12522	CM-12379		Nguyễn Minh Hội	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05688/12S69
10621	S69-12523			Trần Văn Chiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06514/08S69
10622	S69-12524			Lâm Văn Nhản	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06515/08S69
10623	S69-12525	CM-12313		Trần Văn Tình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/08/2011	22/08/2012	02902/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10624	S69-12526	CM-12292		Cao Văn Đức	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07775/12S69
10625	S69-12527	CM-12290		Nguyễn Chí ái	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05997/13S69
10626	S69-12528			Phan Vũ Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06519/08S69
10627	S69-12529			Nguyễn Dũng Kiên	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06520/08S69
10628	S69-12530			Nguyễn Văn Lăng	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	16/09/2008	16/09/2009	06432/08S69
10629	S69-12532	CM-00576	CHÍN MIỀN	Huỳnh Thị Lang	20/4, Lý Thường Kiệt, K5, P6, Thành phố Cà Mau	16/09/2008	16/09/2009	06521/08S69
10630	S69-12533			Hồng Quốc Toàn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	18/09/2008	18/09/2009	06525/08S69
10631	S69-12534	CM-02049		Trương Minh Quang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	24/01/2011	24/01/2012	00322/11S69
10632	S69-12535			Nguyễn Văn Chùm	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	18/09/2008	18/09/2009	06582/08S69
10633	S69-12536			Trương Hoàng Vũ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07015/09S69
10634	S69-12537			Nguyễn Tấn Tài	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06527/08S69
10635	S69-12538			Châu Hồng Xĩa	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06528/08S69
10636	S69-12539			Đỗ Văn Xê	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06529/08S69
10637	S69-12540			Huỳnh Văn Hoạch	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06530/08S69
10638	S69-12541	CM-12545		Huỳnh Thanh Giàu	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/01/2015	12/01/2016	00058/15S69
10639	S69-12542			Trương Văn Ưa	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05588/09S69
10640	S69-12543			Lê Văn Nhã	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	01/03/2011	01/03/2012	00642/11S69
10641	S69-12544	CM-12544		Nguyễn Văn Vũ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/03/2011	04/03/2012	00727/11S69
10642	S69-12545			Nguyễn Văn Hữu	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06535/08S69
10643	S69-12546			Dương Thanh Toàn	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06536/08S69
10644	S69-12547	CM-12539		Trần Phước Thọ	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	22/06/2012	22/06/2013	02916/12S69
10645	S69-12548	CM-12538		Trần Phước Thọ	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/09/2012	12/09/2013	04758/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10646	S69-12549	CM-43078		Hồ Văn Nhỏ	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	16/11/2010	16/11/2011	05666/10S69
10647	S69-12550			Phạm Văn Nhi	Xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06540/08S69
10648	S69-12551			Tô Minh Hằng	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06541/08S69
10649	S69-12552			Tô Minh Đề	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06542/08S69
10650	S69-12553	CM-17988		Đình Văn ái	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	11/06/2013	11/06/2014	03076/13S69
10651	S69-12554			Nguyễn Vũ Lam	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06544/08S69
10652	S69-12555			Nguyễn Vũ Lam	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06545/08S69
10653	S69-12556			Trần Văn Trí	Trần Thới, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06546/08S69
10654	S69-12557			Nguyễn Văn Hiền	Trần Thới, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06547/08S69
10655	S69-12558			Nguyễn Chí Khanh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	16/09/2008	16/09/2009	06548/08S69
10656	S69-12559			Đặng Hoà An	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/09/2008	16/09/2009	06549/08S69
10657	S69-12560			Châu Thành Tiếng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	23/09/2008	16/09/2009	06550/08S69
10658	S69-12562	CM-03430		Trần Văn Lành	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05586/09S69
10659	S69-12563	CM-12053		Trương Thanh Kiều	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04590/12S69
10660	S69-12564			Lê Văn Ngoan	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06591/08S69
10661	S69-12565			Võ Văn Trường	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06592/08S69
10662	S69-12566			Lê Chí Nguyên	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/09/2009	06593/08S69
10663	S69-12568	CM-12051		Trần Thanh Toàn	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	14/04/2010	14/10/2010	02048/10S69
10664	S69-12569	CM-01292		Vũ Hồng Xuân	ấp Tân Khánh, Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	22/09/2008	22/09/2009	06601/08S69
10665	S69-12571	CM-12056		Trương Phước Dũng	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10320/12S69
10666	S69-12572			Nguyễn Văn Tông	Khóm 6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	23/09/2008	23/09/2009	06606/08S69
10667	S69-12573			Dương Văn Lắc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10310/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10668	S69-12574			Nguyễn Thanh Liêm	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	19/09/2008	19/09/2009	06607/08S69
10669	S69-12575			Phạm Thành Được	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06608/08S69
10670	S69-12576			Nguyễn Văn Tâm	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06609/08S69
10671	S69-12577			Nguyễn Văn Hoàng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06610/08S69
10672	S69-12578	CM-12633		Huỳnh Thanh Long	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	21/04/2011	21/04/2012	01370/11S69
10673	S69-12579			Võ Thị Phụng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06612/08S69
10674	S69-12580	CM-12636		Nguyễn Thành Long	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01321/14S69
10675	S69-12581			Nguyễn Hoàng Dũng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06614/08S69
10676	S69-12582	CM-12630		Nguyễn Tấn Thành	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01631/14S69
10677	S69-12583			Nguyễn Văn Cương	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06616/08S69
10678	S69-12584	CM-12632		Phan Hoà Bình	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	05/04/2010	05/04/2011	01914/10S69
10679	S69-12585			Võ Minh Gồm	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06618/08S69
10680	S69-12586			Nhan Hen	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06619/08S69
10681	S69-12587			Nguyễn Thành Sử	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06620/08S69
10682	S69-12588	CM-12641		Lê Văn Ngòi	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/07/2014	20/07/2015	01953/14S69
10683	S69-12589			Trần Thanh Hiếu	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06622/08S69
10684	S69-12590			Nguyễn Trung Hiếu	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06623/08S69
10685	S69-12591			Võ Văn Trường	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06624/08S69
10686	S69-12592	CM-12634		Nguyễn Văn Đen	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02809/10S69
10687	S69-12595			Bùi Thị Lịch	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	06628/08S69
10688	S69-12597			Lê Anh Kiệt	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/09/2008	24/09/2009	06643/08S69
10689	S69-12599			Trần Văn Lãng	ấp 4, Xã Tác Vân, Thành phố Cà Mau	24/09/2008	24/09/2009	06646/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10690	S69-12600			Nguyễn Quốc Khánh	ấp 4, Xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	24/09/2008	24/09/2009	06647/08S69
10691	S69-12601			Nguyễn Hoàng Nam	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	25/09/2008	25/09/2009	06649/08S69
10692	S69-12603	CM-12583		Phạm Văn Việt	Trí Phải, Huyện Thới Bình	16/09/2011	16/03/2012	03238/11S69
10693	S69-12604	CM-12584		Lương Minh Tươi	Trí Phải, Huyện Thới Bình	10/09/2010	10/03/2011	04680/10S69
10694	S69-12605			Huỳnh Văn Hoàng	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06653/08S69
10695	S69-12606			Huỳnh Chí Phong	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06654/08S69
10696	S69-12607			Huỳnh Văn Để	K1, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06655/08S69
10697	S69-12608			Nguyễn Văn Tuấn	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06656/08S69
10698	S69-12609	CM-12594		Trần Văn Việt	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	02/10/2009	02/10/2010	06068/09S69
10699	S69-12610			Nguyễn Chí Tâm	Khóm 5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06658/08S69
10700	S69-12611			Trần Thị Niềm	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06659/08S69
10701	S69-12612			Võ Văn Sỹ	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06660/08S69
10702	S69-12613			Nguyễn Văn Khang	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06661/08S69
10703	S69-12614			Tô Văn Đá	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06662/08S69
10704	S69-12615			Nguyễn Văn Tạo	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06663/08S69
10705	S69-12616			Lê Việt Trung	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06664/08S69
10706	S69-12617			Hồ Văn Sủ	Khóm 2, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01054/10S69
10707	S69-12618			Nguyễn Hoàng Vũ	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06666/08S69
10708	S69-12619			Nguyễn Thành Tâm	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06667/08S69
10709	S69-12620			Hồ Quốc Khanh	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06668/08S69
10710	S69-12621			Nguyễn Văn Nhỏ	Khóm 5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06669/08S69
10711	S69-12622			Võ Tấn Lợi	Khóm 4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06670/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10712	S69-12623			Nguyễn Thanh Hùng	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06671/08S69
10713	S69-12624			Nguyễn Trường Giang	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06672/08S69
10714	S69-12625			Nguyễn Văn Bình	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06673/08S69
10715	S69-12626			Nguyễn Tân Xuyên	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06674/08S69
10716	S69-12627			Huỳnh Duy Phương	Xã Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06675/08S69
10717	S69-12628			Huỳnh Văn Dễ	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06676/08S69
10718	S69-12629			Nguyễn Minh Đông	ấp 9, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06677/08S69
10719	S69-12630			Hứa Văn Triều	Xã Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06678/08S69
10720	S69-12631			Bùi Văn Vinh	ấp 7, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06679/08S69
10721	S69-12632			Nguyễn Chí Tâm	xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06680/08S69
10722	S69-12633			Trương Văn Tài	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06681/08S69
10723	S69-12634			Nguyễn Văn Bảnh	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06682/08S69
10724	S69-12635			Trần Thanh Nhân	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06683/08S69
10725	S69-12636			Trần Thái Châu	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06684/08S69
10726	S69-12637			Đinh Thanh Tú	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06685/08S69
10727	S69-12638			Phạm Thanh Phong	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06686/08S69
10728	S69-12639	CM-01868		Nguyễn Bé Năm	ấp 7 Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/09/2008	24/09/2009	06687/08S69
10729	S69-12640	CM-12071		Trịnh Hoàng Phong	Khóm 4, Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	08/11/2009	08/11/2010	06575/09S69
10730	S69-12641			Nguyễn Văn Vĩ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/09/2008	19/09/2009	06704/08S69
10731	S69-12642			Tô Hoàng Em	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	25/09/2008	25/09/2009	06701/08S69
10732	S69-12643			Nguyễn Văn Vĩ	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	19/09/2008	19/09/2009	06703/08S69
10733	S69-12644	CM-13356		Nguyễn Văn Vĩ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	16/04/2010	16/04/2011	02072/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10734	S69-12645	CM-13353		Huỳnh Thanh Hà	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2010	06/10/2011	05143/10S69
10735	S69-12646			Mai Văn Cường	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	10/09/2008	10/09/2009	06695/08S69
10736	S69-12648	CM-12343		Lê Hữu Có	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	21/01/2011	21/01/2012	00313/11S69
10737	S69-12649	CM-12307		Nguyễn Minh Chấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/09/2010	20/09/2011	04826/10S69
10738	S69-12650			Nguyễn Sỹ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	26/09/2008	26/09/2009	06712/08S69
10739	S69-12651	CM-12340		Trần Văn Sol	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/01/2011	14/01/2012	00190/11S69
10740	S69-12652	CM-12341		Trần Xuân Lộc	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/01/2011	14/01/2012	00191/11S69
10741	S69-12653	CM-01806		Huỳnh Thị Hà	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	30/09/2009	30/09/2010	05876/09V67
10742	S69-12659	CM-02217		Trịnh Văn Nôi	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06739/08S69
10743	S69-12660	CM-		Phạm Quốc Lâm	Tân Thuận, Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06744/08S69
10744	S69-12661	CM-00036	GHE Tải	Nguyễn Quang Vinh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06746/08S69
10745	S69-12662			Lữ Văn Tuấn	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06748/08S69
10746	S69-12663			Tô Chí Miên	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06749/08S69
10747	S69-12664			Trần Văn Phường	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06750/08S69
10748	S69-12665			Nguyễn Duy Khánh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06751/08S69
10749	S69-12666	CM-12684		Cao Văn Lến	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00295/10S69
10750	S69-12667			Phạm Văn Minh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06754/08S69
10751	S69-12668			Phùng Văn Hoàng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06755/08S69
10752	S69-12669	CM-12681		Ngô Thị Hạnh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	07/12/2009	07/12/2010	06924/09S69
10753	S69-12670			Nguyễn Văn Hoàng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06757/08S69
10754	S69-12671			Lê Thanh Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06758/08S69
10755	S69-12672			Trần Văn Đảm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06759/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10756	S69-12673			Lưu Hoàng Ngân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06760/08S69
10757	S69-12674	CM-12676		Trương Thanh Tòng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01328/12S69
10758	S69-12675	CM-13294		Lê Thành My	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03875/12S69
10759	S69-12676			Tạ Thanh út	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	24/09/2008	24/09/2009	06763/08S69
10760	S69-12677			Nguyễn Văn Tài	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06764/08S69
10761	S69-12678			Trần Văn Tẻo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06765/08S69
10762	S69-12679			Trần Văn Thức	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06766/08S69
10763	S69-12680			Trần Quang Khải	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06767/08S69
10764	S69-12681			Châu Văn Tổng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06768/08S69
10765	S69-12682			Lê Văn Hùm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06769/08S69
10766	S69-12683			Nguyễn Trường Giang	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06770/08S69
10767	S69-12684			Lưu Văn Tấn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06771/08S69
10768	S69-12685			Lâm Kim Phụng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06772/08S69
10769	S69-12686			Nguyễn Thanh Diện	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06773/08S69
10770	S69-12687			Trương Văn Buôi	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06774/08S69
10771	S69-12688			Nguyễn Văn Như	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06776/08S69
10772	S69-12689			Lưu Việt Khải	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06777/08S69
10773	S69-12690			Nguyễn Hoàng Chinh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06778/08S69
10774	S69-12691			Lý Hoàng Nam	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06779/08S69
10775	S69-12692			Nguyễn Văn Tủng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06780/08S69
10776	S69-12693	CM-12461		Phạm Văn Tuấn	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/03/2010	16/03/2011	01354/10S69
10777	S69-12694	CM-12717		Hồ Văn Khen	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/11/2009	17/11/2010	06661/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10778	S69-12695			Lê Quang Trung	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06792/08S69
10779	S69-12696	CM-12700		Nguyễn Văn Đền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03547/12S69
10780	S69-12698	CM-12720		Võ Văn Ai	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04079/12S69
10781	S69-12699			Trương Hoàng Kiếm	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06796/08S69
10782	S69-12700	CM-12694		Trương Phóng Sự	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05086/12S69
10783	S69-12701	CM-12698		Phạm Văn Nhân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/07/2012	26/07/2013	04085/12S69
10784	S69-12702			Đặng Hoài Thanh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06799/08S69
10785	S69-12703			Đặng Văn Chuyển	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06800/08S69
10786	S69-12704			Nguyễn Văn Đoán	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06801/08S69
10787	S69-12705	CM- 12714		Trần Vĩnh Chiến	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/10/2009	29/10/2010	06487/09S69
10788	S69-12706			Nguyễn Văn Đăng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04087/12S69
10789	S69-12707			Nguyễn Văn Cảnh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06804/08S69
10790	S69-12708			Triệu Hồng Thương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06805/08S69
10791	S69-12709	CM-12716		Hồ Minh Thới	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04080/12S69
10792	S69-12710			Lâm Quốc Phong	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06807/08S69
10793	S69-12711			Nguyễn Văn Khanh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06809/08S69
10794	S69-12712			Huỳnh Thanh Hùng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06837/08S69
10795	S69-12713			Ngô Quốc Mạnh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06811/08S69
10796	S69-12714			Nguyễn Văn Vững	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06812/08S69
10797	S69-12715	CM-12726		Trần Văn Kil	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/11/2010	01/11/2011	05463/10S69
10798	S69-12716	CM-12692		Nguyễn Quang Vinh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03554/12S69
10799	S69-12717			Trương Hùng Cường	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06815/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10800	S69-12718			Bùi Triều Tiên	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06816/08S69
10801	S69-12719	CM-12721		Nguyễn Đức Lập	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03499/13S69
10802	S69-12720	CM-12728		Dương Văn Việt	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05090/12S69
10803	S69-12721			Trần Phước Tuấn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06819/08S69
10804	S69-12722			Đặng Văn Lil	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06820/08S69
10805	S69-12723			Nguyễn Văn Chuẩn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06845/08S69
10806	S69-12724			Nguyễn Văn Hiếu	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06822/08S69
10807	S69-12725			Tô Thanh Tâm	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06823/08S69
10808	S69-12726			Trần Thanh Sử	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06824/08S69
10809	S69-12727			Nguyễn Thanh Phong	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06825/08S69
10810	S69-12728	CM-12671		Nguyễn Công Đĩnh	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07017/09S69
10811	S69-12729			Nguyễn Hoàng Phi	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06827/08S69
10812	S69-12730	CM-12665		Đào Vũ Phong	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01082/12S69
10813	S69-12731			Nguyễn Thanh Truyền	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06829/08S69
10814	S69-12732			Nguyễn Văn Bằng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	02/10/2008	30/09/2009	06830/08S69
10815	S69-12733			Huỳnh Minh Thủ	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06831/08S69
10816	S69-12734			Nguyễn Văn Khanh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	30/09/2008	30/09/2009	06832/08S69
10817	S69-12735	CM-12459		Châu Thành Danh	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	24/10/2012	24/10/2013	05636/12S69
10818	S69-12736			Huỳnh Văn Trường	ấp Bùng Bình, Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	06/10/2008	06/10/2009	06853/08S69
10819	S69-12737	CM-12610		Nguyễn Thanh Hải	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	19/10/2009	19/10/2010	06349/09S69
10820	S69-12738			Nguyễn Văn Quyên	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2008	06/10/2009	06858/08S69
10821	S69-12739	CM-12556		Nguyễn Văn Hữu	ấp 1, Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	05/01/2013	05/01/2014	00417/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10822	S69-12740			Nguyễn Văn Hiếu	Khóm 4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	04/10/2008	04/10/2009	06855/08S69
10823	S69-12741	CM-12559		Ngô Quốc Kiện	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06206/10S69
10824	S69-12742	CM-12790		Huỳnh Văn Tường	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	31/03/2011	30/03/2012	01120/11S69
10825	S69-12743			Phạm Văn Kía	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06865/08S69
10826	S69-12744			Võ Hoàng Em	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06866/08S69
10827	S69-12745	CM-12829		Nguyễn Văn Đen	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01096/13S69
10828	S69-12746			Nguyễn Văn Phước	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06868/08S69
10829	S69-12747	CM-12876		Võ Hoàng Ngân	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/11/2010	25/11/2011	05762/10S69
10830	S69-12749			Nguyễn Văn Võ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06871/08S69
10831	S69-12750			Nguyễn Văn Pháp	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06872/08S69
10832	S69-12751			Nguyễn Văn Thêm	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06873/08S69
10833	S69-12752			Lê Văn Thành	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06874/08S69
10834	S69-12753			Võ Hoàng Khải	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06875/08S69
10835	S69-12754			Nguyễn Văn Đăm	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06876/08S69
10836	S69-12755			Diệp Thanh Nhân	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06877/08S69
10837	S69-12756			Nguyễn Văn Nhanh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06878/08S69
10838	S69-12757			Lê Văn Đụng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06879/08S69
10839	S69-12758			Lý Văn Sơn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06880/08S69
10840	S69-12759			Nguyễn Văn Nguyệt	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06881/08S69
10841	S69-12760			Trần Văn út	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06882/08S69
10842	S69-12761			Nguyễn Văn Dương	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06883/08S69
10843	S69-12762			Trần Minh Văn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06884/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10844	S69-12763			Phạm Văn Đồ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06885/08S69
10845	S69-12764	CM-12919		Diệp Văn Suôi	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	23/12/2009	23/12/2010	07266/09S69
10846	S69-12765			Diệp Văn Tư	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06887/08S69
10847	S69-12766			Trần Quang Phục	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06888/08S69
10848	S69-12767			Phan Hoàng Nền	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06889/08S69
10849	S69-12768	CM-07766		Đào Tiến Quân	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	09/02/2010	09/02/2011	00865/10S69
10850	S69-12769	CM-12901		Lê Văn Nghĩa	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	03/12/2009	03/12/2010	06899/09S69
10851	S69-12770			Lê Anh Tèo	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06892/08S69
10852	S69-12772	CM-12771		Trương Văn Sử	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/02/2010	25/02/2011	00944/10S69
10853	S69-12773			Dương Văn Thanh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06895/08S69
10854	S69-12774			Dương Văn Tòng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06896/08S69
10855	S69-12775			Dương Thành Cu	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06897/08S69
10856	S69-12776			Dương Văn Tiên	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06898/08S69
10857	S69-12777	CM-12906		Thang Văn Nhó	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10313/12S69
10858	S69-12778			Lê Công Niêm	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06900/08S69
10859	S69-12779			Đào Tiến Giang	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06901/08S69
10860	S69-12780			Nguyễn Văn Dương	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06902/08S69
10861	S69-12781			Đào Dũng Em	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06903/08S69
10862	S69-12782			Lê Văn Chì	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06904/08S69
10863	S69-12783	CM-12903		Quách Văn Nhịn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	23/12/2009	23/12/2010	07268/09S69
10864	S69-12784	CM-08889		Trần Văn Cần	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07379/09S69
10865	S69-12785			Phan Văn Cương	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06907/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10866	S69-12786	CM-12889		Lê Văn Quốc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00563/10S69
10867	S69-12787	CM. 12854		Võ Thanh Phong	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/01/2010	13/01/2011	00198/10S69
10868	S69-12788			Lâm Tuấn Anh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06910/08S69
10869	S69-12789			Trương Văn út	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06911/08S69
10870	S69-12790	CM-12765		Diệp Minh Tông	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/01/2010	18/01/2011	00253/10S69
10871	S69-12791			Tăng Văn Xuân	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06913/08S69
10872	S69-12792			Trần Văn Liền	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06914/08S69
10873	S69-12793			Lê Minh Chiên	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06915/08S69
10874	S69-12794	CM-12791		Trần Văn Đức	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	27/01/2010	27/01/2011	00503/10S69
10875	S69-12795			Trần Văn Việt	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06917/08S69
10876	S69-12796			Nguyễn Văn Thảo	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06918/08S69
10877	S69-12797			Trần Văn Nghiêm	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06919/08S69
10878	S69-12798	CM - 02202		Trương Thanh Tùng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/03/2014	18/03/2015	00710/14S69
10879	S69-12799			Phạm Văn Liệu	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	07079/08S69
10880	S69-12800			Nguyễn Thị Sáu	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/09/2008	19/09/2009	07080/08S69
10881	S69-12802			Trần Bá Nhẫn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06921/08S69
10882	S69-12803			Nguyễn Thanh Bình	Xã Tân trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06922/08S69
10883	S69-12804			Đào Chí Linh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06923/08S69
10884	S69-12805			Thái Hoàng Bo	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06924/08S69
10885	S69-12806			UBND Xã Tân Trung	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06925/08S69
10886	S69-12807			UBND Xã Tân Trung	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06926/08S69
10887	S69-12808			Trần Văn Tong	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06927/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10888	S69-12809			Nguyễn Quốc Nghiêm	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06928/08S69
10889	S69-12810	CM-12849		Phan Văn Buôi	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	11/02/2010	11/02/2011	00878/10S69
10890	S69-12811			Ngô Văn Ngoan	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06930/08S69
10891	S69-12812			Đặng Hữu Duyên	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	09/10/2008	06/10/2009	06931/08S69
10892	S69-12813			Đặng Quốc Tuấn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06932/08S69
10893	S69-12814			Nguyễn Văn Mạnh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06933/08S69
10894	S69-12815	CM-12811		Nguyễn Tấn Thành	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10241/12S69
10895	S69-12816			Trần Văn Ninh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06935/08S69
10896	S69-12817	CM-02290		Võ Thị Ngọc Dung	Lý Thương Kiệt, K7, P6, Thành phố Cà Mau	08/10/2008	08/10/2009	07081/08S69
10897	S69-12819	CM-12802		Mã Văn Hùng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	24/11/2009	24/11/2010	06720/09S69
10898	S69-12820			Trần Minh Hoàng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06937/08S69
10899	S69-12821			Đào Văn Thống	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06938/08S69
10900	S69-12822	CM-12776		Trần Văn Mến	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10215/12S69
10901	S69-12824			Lê Văn Tuấn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06941/08S69
10902	S69-12825			Phạm Văn Nhân	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06942/08S69
10903	S69-12826	CM- 12782		Trần Văn Nhiều	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/12/2009	30/12/2010	07425/09S69
10904	S69-12827	CM-12827		Huỳnh Ngọc Đỉnh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	14/01/2010	14/01/2011	00233/10S69
10905	S69-12828	CM-12759		Nguyễn Văn Thống	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01110/13S69
10906	S69-12829			Nguyễn Tăng Xuyên	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06946/08S69
10907	S69-12830			Nguyễn Văn Thọ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06947/08S69
10908	S69-12831	CM-14812		Trần Văn Nhanh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/12/2009	30/12/2010	07426/09S69
10909	S69-12832			Lê Huy Phúc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06949/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10910	S69-12833			Trần Văn Linh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06950/08S69
10911	S69-12835			Mã Hồng Quân	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06952/08S69
10912	S69-12836			Phạm Quốc Như	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06953/08S69
10913	S69-12837			Bùi Công Môn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06954/08S69
10914	S69-12838			Phan Văn Bảy	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06955/08S69
10915	S69-12839	CM-12832		Nguyễn Minh Hiếu	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	26/01/2010	26/01/2011	00502/10S69
10916	S69-12840			Tạ Văn Tâm	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06957/08S69
10917	S69-12841			Lâm Phát Thêm	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06958/08S69
10918	S69-12842			Lê Văn Lập	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06959/08S69
10919	S69-12843			Nguyễn Hoàng Văn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	09/10/2009	06960/08S69
10920	S69-12844			Đào Trọng Nguyễn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06961/08S69
10921	S69-12845			Trạm Y Tế Xã Tân Trung	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06962/08S69
10922	S69-12846			Phan Hoàng Nhẹ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06963/08S69
10923	S69-12847			Trương Văn Thắng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06964/08S69
10924	S69-12848			Trần Văn Lâm	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07835/12S69
10925	S69-12849			Nguyễn Văn Suôi	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06966/08S69
10926	S69-12850			Nguyễn Văn Hiệp	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06967/08S69
10927	S69-12851			Nguyễn Văn Ut	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06968/08S69
10928	S69-12852			Nguyễn Công Danh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06969/08S69
10929	S69-12853			Lê Văn Trung	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	23/03/2010	23/03/2011	01700/10S69
10930	S69-12854			Nguyễn Văn Đen	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06971/08S69
10931	S69-12855			Trương Công Quay	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06972/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10932	S69-12856			Dư Văn Triệt	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06973/08S69
10933	S69-12857	CM-12900		Nguyễn Công Khanh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	22/09/2010	22/09/2011	04936/10S69
10934	S69-12858			Huỳnh Văn Hùng	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06975/08S69
10935	S69-12859			Trần Văn Thật	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06976/08S69
10936	S69-12860			Phạm Văn Huệ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06977/08S69
10937	S69-12861			Trịnh Văn Thảo	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06978/08S69
10938	S69-12862			Trần Mười Ba	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06979/08S69
10939	S69-12863	CM-12857		Thang Văn Bảnh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00561/10S69
10940	S69-12864	CM-12880		Hồ Văn Luận	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/01/2010	12/01/2011	00172/10S69
10941	S69-12865			Đào Chí Hiển	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06982/08S69
10942	S69-12866			Lê Văn Chơn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06983/08S69
10943	S69-12867			Lê Văn Đức	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06984/08S69
10944	S69-12868			Lê Văn Đen	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06985/08S69
10945	S69-12869			Bùi Thanh Tuấn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06986/08S69
10946	S69-12870			Lê Minh Tấn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06987/08S69
10947	S69-12871			Lê Văn Đẩu	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06988/08S69
10948	S69-12872			Nguyễn Văn Mua	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06989/08S69
10949	S69-12873			Đào Văn Vũ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06990/08S69
10950	S69-12874			Trần Văn Quận	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06991/08S69
10951	S69-12875			Thang Văn Cần	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06992/08S69
10952	S69-12876			Đinh Văn Vũ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06993/08S69
10953	S69-12877			Đặng Văn Chính	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06994/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10954	S69-12878			Nguyễn Văn Diệp	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06995/08S69
10955	S69-12879			Nguyễn Văn Cồ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06996/08S69
10956	S69-12880			Huỳnh Văn Hậu	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06997/08S69
10957	S69-12881			Trần Văn Mười Hai	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06998/08S69
10958	S69-12882			Phan Văn Tam	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	06999/08S69
10959	S69-12883			Đào Hữu Tình	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07000/08S69
10960	S69-12884			Nguyễn Thanh Thuỷ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07001/08S69
10961	S69-12885			Lê Văn Bé	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07002/08S69
10962	S69-12886			Nguyễn Văn Minh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07003/08S69
10963	S69-12887			Trần Văn Mung	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07004/08S69
10964	S69-12888	CM-12921		Huỳnh Văn Nhó	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	17/10/2011	17/10/2012	03732/11S69
10965	S69-12889			Nguyễn Việt Khái	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07006/08S69
10966	S69-12890	CM-12820		Lâm Hoàng Khải	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/07/2012	13/07/2013	03815/12S69
10967	S69-12891			Đào Thanh Long	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07008/08S69
10968	S69-12892			Trà Trung Lập	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07009/08S69
10969	S69-12893			Nguyễn Văn Phần	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07010/08S69
10970	S69-12894			Nguyễn Văn Sử	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07011/08S69
10971	S69-12895			Nguyễn Nam Kiều	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07012/08S69
10972	S69-12896			Nguyễn Thanh Dương	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07013/08S69
10973	S69-12897			Trần Mai Thanh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07014/08S69
10974	S69-12898			Đỗ Văn Phôi	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07015/08S69
10975	S69-12899	CM-12891		Bùi Chí Thuận	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00564/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10976	S69-12900			Phạm Văn Bỉ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	29/01/2010	29/01/2011	00623/10S69
10977	S69-12901	CM-12563		Nguyễn Văn Hiền	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00098/14S69
10978	S69-12902			Võ Văn Khởi	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07017/08S69
10979	S69-12903			Trịnh Văn Tuấn	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07018/08S69
10980	S69-12904			Võ Quốc ý	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07019/08S69
10981	S69-12905			Trần Hoàng Trinh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	20/01/2010	25/01/2011	00464/10S69
10982	S69-12906	CM-12810		Ngô Văn Chính	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07021/08S69
10983	S69-12907	CM-12878		Diệp Minh Vũ	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/01/2010	18/01/2011	00248/10S69
10984	S69-12908	CM-12778		Lê Văn Hạnh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00555/10S69
10985	S69-12909			Lê Văn Âu	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07024/08S69
10986	S69-12910			Nguyễn Văn Riết	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07025/08S69
10987	S69-12911			Võ Minh Điền	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07026/08S69
10988	S69-12912			Võ Minh Điền	Tân trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07027/08S69
10989	S69-12913			Võ Chí Nguyễn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07028/08S69
10990	S69-12914	CM-12835		Nguyễn Văn Vĩ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01091/13S69
10991	S69-12915	CM-12808		Trương Tuấn Em	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01093/13S69
10992	S69-12916	CM-12864		Nguyễn Chí Công	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	17/12/2009	17/12/2010	07209/09S69
10993	S69-12917	CM-12874		Diệp Văn Sáu	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/01/2013	18/01/2014	00644/13S69
10994	S69-12918	CM-12787		Phạm Văn Trận	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10220/12S69
10995	S69-12919			Trần Văn Phúc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07034/08S69
10996	S69-12920	CM-12769		Phạm Hồng Thái	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	04/02/2013	04/02/2014	01251/13S69
10997	S69-12921			Thang Hoàng Kha	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10192/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
10998	S69-12922			Bùi Văn Nghị	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07037/08S69
10999	S69-12923			Lê Hoàng Chanh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	71038/08S69
11000	S69-12924	CM-12784		Huỳnh Thái Hùng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07373/09S69
11001	S69-12925	CM-12823		Nguyễn Tấn Lộc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	04/02/2010	04/02/2011	00711/10S69
11002	S69-12926			Đặng Hoàng Phương	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07041/08S69
11003	S69-12927	CM-12884		Lâm Văn Tiến	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/01/2010	13/01/2011	00192/10S69
11004	S69-12928			Phạm Hoàng Anh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	06/10/2008	06/10/2009	07043/08S69
11005	S69-12929	CM-12643		Lê Hoàng Nam	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07371/09S69
11006	S69-12930	CM-13100		Ngô Văn Tỷ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06383/12S69
11007	S69-12931	CM-13246		Trần Văn Nhỏ	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00349/14S69
11008	S69-12932	CM-13247		Nguyễn Văn Thắng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06595/13S69
11009	S69-12933	CM-13104		Võ Văn Tuấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07778/12S69
11010	S69-12934	CM-13023		Nguyễn Văn Khởi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03955/10S69
11011	S69-12935	CM-13107		Nguyễn Văn Cửa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06367/12S69
11012	S69-12936			Trần Thanh Thảo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07104/08S69
11013	S69-12937			Trần Văn Thắng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07105/08S69
11014	S69-12938	CM-13132		Đỗ So Lớn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06357/12S69
11015	S69-12939			Mạch Đồng Rợ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07107/08S69
11016	S69-12940			Nguyễn Thu Trang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07108/08S69
11017	S69-12941			Trần Quốc Vinh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07109/08S69
11018	S69-12942	CM-13129		Võ Minh Hiền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06387/12S69
11019	S69-12943			Nguyễn Thành Hiếu	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07111/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11020	S69-12944	CM-13153		Lâm Việt Phương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00850/14S69
11021	S69-12945			Lê Công Lý	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07113/08S69
11022	S69-12946	CM-13202		Vưu Việt Bắc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10274/12S69
11023	S69-12948			Nguyễn Hoàng Phong	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07116/08S69
11024	S69-12949			Nguyễn Hoàng Chơn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07117/08S69
11025	S69-12950			Huỳnh Khái Khương	Tạ an Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07118/08S69
11026	S69-12951			Nguyễn Thanh Phong	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07119/08S69
11027	S69-12952	CM-13099		Nguyễn Văn Khởi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06340/12S69
11028	S69-12953			Trần Châu Long	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07121/08S69
11029	S69-12954			Trần Minh Hoàng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07122/08S69
11030	S69-12955			Huỳnh Minh Chánh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07123/08S69
11031	S69-12956	CM-13135		Trịnh Ngọc Lanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06412/12S69
11032	S69-12957			Phạm Trung Kiên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07125/08S69
11033	S69-12958	CM-13155		Nguyễn Văn Ngâu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06526/13S69
11034	S69-12959			Tô Phấn Đấu	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07127/08S69
11035	S69-12960			Trần Thanh Phong	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07128/08S69
11036	S69-12961	CM-13249		Nguyễn Minh Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06402/12S69
11037	S69-12963			Nguyễn Văn Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07131/08S69
11038	S69-12964			Huỳnh Văn Nhí	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07132/08S69
11039	S69-12965			Đoàn Văn Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07133/08S69
11040	S69-12966			Nguyễn Thanh Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07134/08S69
11041	S69-12967			Nguyễn Thanh Bạc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07135/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11042	S69-12968	CM-13217		Nguyễn Thành Tâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02417/10S69
11043	S69-12969	CM-13213		Nguyễn Phong Ba	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01108/13S69
11044	S69-12970	CM-13130		Nguyễn Văn Hến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06413/12S69
11045	S69-12971			Trần Minh Tuấn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07139/08S69
11046	S69-12972	CM-13116		Trần Thành Công	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05981/13S69
11047	S69-12973			Lê Thái Hợp	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07141/08S69
11048	S69-12974			Trần Thanh Xiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Thới Bình	10/10/2008	10/10/2009	07142/08S69
11049	S69-12975			Huỳnh Hải Do	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07143/08S69
11050	S69-12976			Trần Quốc Khánh	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07144/08S69
11051	S69-12977			Trần Minh Thuận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07145/08S69
11052	S69-12978			Trần Thanh Huấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07146/08S69
11053	S69-12979	CM-13063		Trịnh Hữu Tới	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01432/13S69
11054	S69-12980			Nguyễn Văn Trọng	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07148/08S69
11055	S69-12981			Đặng Hoàng Nam	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07149/08S69
11056	S69-12982			Phạm Văn Tiếp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07150/08S69
11057	S69-12983			Phạm Minh Quang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07151/08S69
11058	S69-12984	CM-13005		Nguyễn Văn Quán	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06339/12S69
11059	S69-12985			Nguyễn Văn Tiên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07153/08S69
11060	S69-12986	CM-13154		Võ Hải Hùng	Tạ An Khương Nam,, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01140/14S69
11061	S69-12987	CM-13124		Nguyễn Văn Hiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10183/12S69
11062	S69-12988			Châu Minh Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07156/08S69
11063	S69-12989			Lý Hồng Quân	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07157/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11064	S69-12990	CM-13006		Phan Vũ Linh	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06396/12S69
11065	S69-12991	CM-13205		Hồng Xuân Vũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01269/10S69
11066	S69-12992	CM-13049		Trương Hoàng Minh	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07774/12S69
11067	S69-12993	CM-13148		Đặng Chí Thiện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06404/12S69
11068	S69-12994			Nguyễn Văn Toàn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07162/08S69
11069	S69-12995	CM-13077		Trần Minh Châu	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01086/13S69
11070	S69-12996			Huỳnh Thị Phương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07164/08S69
11071	S69-12997	CM-13206		Võ Văn Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07887/12S69
11072	S69-12998			Võ Hữu Trí	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07166/08S69
11073	S69-12999			Nguyễn Minh Dương	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07167/08S69
11074	S69-13000	CM-13053		Nguyễn Minh Lực	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06359/12S69
11075	S69-13001			Lê Hoàng E	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	71069/08S69
11076	S69-13002			Hồ Văn Nhơn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07170/08S69
11077	S69-13003			Lê Văn Toàn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	13/10/2008	13/10/2009	07176/08S69
11078	S69-13004			Hồ Thanh Hận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07193/08S69
11079	S69-13005			Võ Văn Bắc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07194/08S69
11080	S69-13006	CM-13193		Võ Văn Dư	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10167/12S69
11081	S69-13007	CM-12997		Lê Thanh Cung	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06341/12S69
11082	S69-13008			Nguyễn Thanh Diện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07197/08S69
11083	S69-13009	CM-13019		Ngô Văn Thủ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00065/13S69
11084	S69-13011			Nguyễn Thanh Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07200/08S69
11085	S69-13012			Trịnh Quốc Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07201/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11086	S69-13013	CM-13137		Huỳnh Minh Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06397/12S69
11087	S69-13014	CM-13197		Võ Hoàng Non	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06358/12S69
11088	S69-13015			Nguyễn Văn Nghiệp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07204/08S69
11089	S69-13016			Nguyễn Văn Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07205/08S69
11090	S69-13017			Đặng Thành Lập	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07206/08S69
11091	S69-13018			Mai Thanh Thương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07207/08S69
11092	S69-13019	CM-13014		Nguyễn Văn Khôi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06407/12S69
11093	S69-13020	CM-13198		Diệp Văn Minh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00067/13S69
11094	S69-13021			Huỳnh Văn Trái	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07210/08S69
11095	S69-13022	CM-13004		Trần Thái Thuận	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04022/11S69
11096	S69-13023	CM-6375		Nguyễn Văn Quang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06375/12S69
11097	S69-13024	CM-13082		Nguyễn Hoàng Mạnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06378/12S69
11098	S69-13025	CM-13192		Huỳnh Văn Khoẻ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07780/12S69
11099	S69-13026			Huỳnh Chí Nguyễn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07215/08S69
11100	S69-13027	CM-13157		Hồ Hoàng Nền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01428/14S69
11101	S69-13028			Trịnh Minh Hiếu	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07217/08S69
11102	S69-13029			Trần Văn Vũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07218/08S69
11103	S69-13030			Nguyễn Văn Mạnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07219/08S69
11104	S69-13031			Trang Hoà Hiền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07220/08S69
11105	S69-13032			Phạm Thanh Mừng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07221/08S69
11106	S69-13033	CM-13051		Dương Thanh Đa	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	02/11/2012	02/11/2013	05819/12S69
11107	S69-13034	CM-13255		Nguyễn Hoàng Nghi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06364/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11108	S69-13035	CM-13115		Trương Thế Nhanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01411/14S69
11109	S69-13036	CM-13182		Trương Thanh Vũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05670/12S69
11110	S69-13037			Phạm Thị Bích	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07226/08S69
11111	S69-13038			Đỗ Thanh Hải	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07227/08S69
11112	S69-13039			Liên Thị Thu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07228/08S69
11113	S69-13040			Cao Văn Hoàng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07229/08S69
11114	S69-13041			Huỳnh Thanh Trung	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	72030/08S69
11115	S69-13042	CM-13110		Cao Thanh Dân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01094/13S69
11116	S69-13043			Nguyễn Thanh Rợ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07232/08S69
11117	S69-13044			Võ Văn Dũng	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07233/08S69
11118	S69-13045	CM-13258		Lê Hoàng Vũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01286/10S69
11119	S69-13046	CM-13265		Trương Văn Nghê	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04134/12S69
11120	S69-13047			Nguyễn Tuấn Kiệt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07236/08S69
11121	S69-13048	CM-13270		Nguyễn Văn Tường	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	29/01/2010	29/01/2011	00548/10S69
11122	S69-13049	CM-13066		Nguyễn Văn Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	29/12/2012	28/12/2013	10289/12S69
11123	S69-13050			Huỳnh Thiên Tứ	Khóm 3, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07239/08S69
11124	S69-13051			Dương Văn Lành	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07240/08S69
11125	S69-13053	CM-13164		Trần Thanh Thảo	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06470/13S69
11126	S69-13054			Diệp Văn Dương	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07243/08S69
11127	S69-13055	CM-13167		Trương Văn Phong	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06348/12S69
11128	S69-13056			Nguyễn Hoàng Lợi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07245/08S69
11129	S69-13057			Nguyễn Chí Bình	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07246/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11130	S69-13058			Nguyễn Minh út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07871/12S69
11131	S69-13059			Tô Minh Phong	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07248/08S69
11132	S69-13060			Nguyễn Vương	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07249/08S69
11133	S69-13061	CM-13098		Huỳnh Minh Chon	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06366/12S69
11134	S69-13062	CM-13064		Đào Minh Dương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06350/12S69
11135	S69-13063			Nguyễn Văn Liệt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07252/08S69
11136	S69-13064	13112		Hồ Văn Thảo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00998/10S69
11137	S69-13065			Trịnh Minh Thiện	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07254/08S69
11138	S69-13066			Đỗ Hoàng Ca	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07255/08S69
11139	S69-13067			Lê Quốc Chiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07256/08S69
11140	S69-13068			Dương Cung Anh	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07257/08S69
11141	S69-13069			Nguyễn Văn Khỏe	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07258/08S69
11142	S69-13070	CM:13181		Phan Văn Vững	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00252/15S69
11143	S69-13071			Trần Văn Chiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07260/08S69
11144	S69-13072			Nguyễn Tấn Bạc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	10/10/2009	07261/08S69
11145	S69-13073			Tô Minh Trung	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07262/08S69
11146	S69-13074			Trần Văn Thới	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	10/10/2009	07263/08S69
11147	S69-13075	CM-13111		Trương Trọng Thuỷ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01319/10S69
11148	S69-13076	CM-13201		Nguyễn Thành Thơ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	11/03/2014	11/03/2015	00656/14S69
11149	S69-13077	CM-13146		Nguyễn Văn Đô	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01300/10S69
11150	S69-13078	CM-13142		Lý Minh Ngọc	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06365/12S69
11151	S69-13079	CM-13043		Lâm Quang Thiện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06360/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11152	S69-13080			Trần Tấn Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07269/08S69
11153	S69-13081	CM-13188		Lâm Ngọc Đường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00558/14S69
11154	S69-13082			Đặng Văn Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07271/08S69
11155	S69-13083			Lê Chí Xuân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07272/08S69
11156	S69-13084	CM-12995		Lê Minh Quân	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06398/12S69
11157	S69-13085	CM-13166		Hồ Chí Khanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07874/12S69
11158	S69-13086			Đỗ Thanh Vũ	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07275/08S69
11159	S69-13087			Phạm Văn Dũng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07276/08S69
11160	S69-13088			Trần Hoàng Vinh	Khóm 3, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07277/08S69
11161	S69-13089	CM-13037		Huỳnh Thiên Lượng	Khóm 3, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06863/09S69
11162	S69-13090			Lý Vũ Thanh	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	13/10/2008	13/10/2009	07178/08S69
11163	S69-13091			Trần Hoàng Kha	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	15/01/2010	15/01/2011	00238/10S69
11164	S69-13092	CM-13008		Phạm Vũ Phong	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	12/11/2012	10/11/2013	06382/12S69
11165	S69-13093			Phạm Nguyên Khôi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07280/08S69
11166	S69-13095	CM-13143		Hà Thanh Lợi	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08147/12S69
11167	S69-13096			Trần Thanh Hồng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07283/08S69
11168	S69-13097	CM-13038		Nguyễn Thị Mai	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06343/12S69
11169	S69-13098			Phạm Thị Đẹp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07285/08S69
11170	S69-13099	CM-13092		Nguyễn Quốc Hiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06394/12S69
11171	S69-13100			Nguyễn Văn Giào	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07287/08S69
11172	S69-13101	CM-13161		Huỳnh Văn Triều	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06380/12S69
11173	S69-13102			Trần Quốc Phong	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07289/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11174	S69-13103	CM-13160		Huỳnh Văn Minh	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06399/12S69
11175	S69-13104			Trịnh Văn Sỹ	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07291/08S69
11176	S69-13106	CM-13234		Phạm Văn Tèo	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06400/12S69
11177	S69-13107			Trương Hoàng Tú	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07294/08S69
11178	S69-13108	CM-13085		Nguyễn Chí Thanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06390/12S69
11179	S69-13109			Liêu Thanh Căn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07296/08S69
11180	S69-13110	CM-13119		Nguyễn Hoàng Diễm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06388/12S69
11181	S69-13111			Nguyễn Thành Niên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07298/08S69
11182	S69-13112			Nguyễn Thành Niên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07299/08S69
11183	S69-13113	CM-13241		Bùi Minh Đường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06769/12S69
11184	S69-13114			Nguyễn Hoàng Em	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07301/08S69
11185	S69-13115			Lê ánh Thiết	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07302/08S69
11186	S69-13116			Phạm Phú Mạnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07303/08S69
11187	S69-13117			Phạm Phú Mạnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07304/08S69
11188	S69-13118	CM-13091		Trang Hòa Hận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06377/12S69
11189	S69-13120			Trần Văn Mỹ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07306/08S69
11190	S69-13121			Phạm Trường Danh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07307/08S69
11191	S69-13122	CM-12609		Đinh Văn Hùng	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	23/11/2009	23/11/2010	06687/09S69
11192	S69-13123			Nguyễn Hoàng Xuyên	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	14/10/2008	14/10/2009	07183/08S69
11193	S69-13124			Nguyễn Hoàng Xuyên	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	14/10/2008	14/10/2009	07184/08S69
11194	S69-13125	CM-12616		Lê Văn Tại	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	27/02/2014	27/02/2015	00519/14S69
11195	S69-13126	CM-13031		Nguyễn Minh Ba	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01081/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11196	S69-13127			Nguyễn Minh Sang	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07309/08S69
11197	S69-13128	CM-13012		Dương Văn Trúc	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10256/12S69
11198	S69-13129			Mạch Thanh Trúc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07311/08S69
11199	S69-13130			Nguyễn út Anh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07312/08S69
11200	S69-13131			Trần Vũ Phương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07313/08S69
11201	S69-13132	CM-13144		Nguyễn út Em	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00090/13S69
11202	S69-13133	CM-13046		Trần Văn Đương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06562/13S69
11203	S69-13134	CM-13223		Trịnh Văn Nhí	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07809/12S69
11204	S69-13135			Trương Quốc Cường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07317/08S69
11205	S69-13136			Tô Thanh Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07318/08S69
11206	S69-13137	CM-12993		Trần Triều Mến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04596/12S69
11207	S69-13138			Nguyễn Văn Đáng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07320/08S69
11208	S69-13139	CM-13150		Lữ Văn Tiến	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01297/10S69
11209	S69-13140			Trần Văn Luyến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07322/08S69
11210	S69-13141			Trần Văn Luyến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07323/08S69
11211	S69-13142	CM-13055		Trương Văn Miên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06392/12S69
11212	S69-13143	CM-13121		Trần Văn Cường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06361/12S69
11213	S69-13144			Trần Quốc Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	20/10/2008	10/10/2009	07326/08S69
11214	S69-13145			Lê Tấn Phong	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07327/08S69
11215	S69-13146			Trần Thanh Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07328/08S69
11216	S69-13147			Nguyễn Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	10/10/2009	07329/08S69
11217	S69-13148			Tạ Lý Tường	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07330/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11218	S69-13149	CM-13047		Trần Thanh Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08123/12S69
11219	S69-13150			Hồ Văn Thắng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07332/08S69
11220	S69-13151	CM-13088		Mai Kim Dễ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06411/12S69
11221	S69-13152			Huỳnh út Quý	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07334/08S69
11222	S69-13153	CM-13236		Tô Đồng Khởi	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01325/10S69
11223	S69-13154			Nguyễn Văn Hận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07336/08S69
11224	S69-13155			Nguyễn Chí Tâm	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07337/08S69
11225	S69-13156	CM-11366	Hồng Thắm	Nguyễn Văn Tứ	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	29/06/2010	29/06/2011	03399/10S69
11226	S69-13157			Trần Quốc Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07338/08S69
11227	S69-13158	CM-13089		Lê Minh Thuận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06372/12S69
11228	S69-13159	CM-13254		Nguyễn Văn Sơn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06555/13S69
11229	S69-13160			Võ Văn Luôn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07341/08S69
11230	S69-13161			Phạm Thanh Vân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07342/08S69
11231	S69-13162			Nguyễn Văn Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07343/08S69
11232	S69-13163	CM-13015		Trần Tấn Ngọc	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00560/14S69
11233	S69-13164			Quách Hải Tùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07345/08S69
11234	S69-13165			Mai Ngọc Lợi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07346/08S69
11235	S69-13166			Phạm Hồng Tươi	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07347/08S69
11236	S69-13167			Trần Quốc Tuấn	Tạ An Kương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07348/08S69
11237	S69-13168	CM-12962		Phạm Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01263/10S69
11238	S69-13169			Trần Thanh Kiểng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07350/08S69
11239	S69-13170			Nguyễn Văn Tâm	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07351/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11240	S69-13171			Trần Trung Trực	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07352/08S69
11241	S69-13172	CM-12992		Dương Thanh Việt	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	02/11/2012	02/11/2013	05818/12S69
11242	S69-13173			Nguyễn Phương Nam	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07354/08S69
11243	S69-13174			Nguyễn Thị út	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07355/08S69
11244	S69-13175			Huỳnh Tấn Tài	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07356/08S69
11245	S69-13176			Tô Quyết Thắng	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07357/08S69
11246	S69-13177	CM-12970		Trương Thanh Hải	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06005/13S69
11247	S69-13178			Phạm Văn Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10330/12S69
11248	S69-13179			Phạm Minh Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07360/08S69
11249	S69-13180			Nguyễn Hoài Hận	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07361/08S69
11250	S69-13181	CM-12967		Mai Thanh Hưng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06355/12S69
11251	S69-13182	CM-12972		Nguyễn Văn Chiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06356/12S69
11252	S69-13183			Dương Minh Hoàng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07364/08S69
11253	S69-13184	CM-12966		Trương Minh Hưởng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06363/12S69
11254	S69-13185	CM-12965		Đặng Hoài Hận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00084/13S69
11255	S69-13186	CM-12950		Mạch Đồng Vinh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	27/12/2014	27/12/2015	03506/14S69
11256	S69-13187			Trương Chí Thiện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07368/08S69
11257	S69-13188	CM-12964		Nguyễn Thành Trung	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07755/12S69
11258	S69-13189			Nguyễn Văn Phúc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07370/08S69
11259	S69-13190			Trần Công Cuộc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07371/08S69
11260	S69-13191			Nguyễn Văn Mưa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07372/08S69
11261	S69-13192			Trương Thanh Sử	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07373/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11262	S69-13193	CM-12991		Hà Văn Điền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00553/14S69
11263	S69-13194	CM-12951		Phạm Văn Luân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06386/12S69
11264	S69-13195	CM-12963		Huỳnh Văn Nghiêm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01839/10S69
11265	S69-13196	CM-12985		Lê Văn Khôn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02396/13S69
11266	S69-13197			Trương Văn Cảnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07378/08S69
11267	S69-13198	CM-12987		Nguyễn Minh Tri	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10194/12S69
11268	S69-13199			Phạm Văn Tư	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07380/08S69
11269	S69-13200	CM-12978		Huỳnh Văn Thua	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06566/13S69
11270	S69-13201			Huỳnh Quốc Triều	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07382/08S69
11271	S69-13202	CM-12608		Trần Văn Điểm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	24/09/2012	24/09/2013	05115/12S69
11272	S69-13203			Trần Văn Hiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10224/12S69
11273	S69-13204			Mai Hữu Măng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07384/08S69
11274	S69-13205			Đào Thị Hồng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07385/08S69
11275	S69-13206			Trần Tấn Đắc	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07386/08S69
11276	S69-13207	CM-12990		Lê Trung Hiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06370/12S69
11277	S69-13208			Quách Thanh Trà	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07388/08S69
11278	S69-13209	CM-12953		Hồ Quốc Nhựt	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03545/14S69
11279	S69-13210			Huỳnh Chính Đèo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07390/08S69
11280	S69-13211			Trần Văn Khỏe	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07391/08S69
11281	S69-13212			Nguyễn Văn Nghĩa	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07392/08S69
11282	S69-13213	CM-13151		Lữ Văn Lên	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07795/12S69
11283	S69-13214			Trần Văn Huấn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07394/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11284	S69-13215	CM-13093		Nguyễn Ngọc Truyền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	12/12/2012	12/12/2013	08459/12S69
11285	S69-13216			Huỳnh Trung Sơn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07396/08S69
11286	S69-13217	CM-13178		Lê Chí Tâm	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06371/12S69
11287	S69-13218	CM-13125		Tạ Hoàng Soan	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06379/12S69
11288	S69-13219			Nguyễn Văn Giỏi	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07399/08S69
11289	S69-13220			Huỳnh Văn Lành	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	15/10/2008	15/10/2009	07448/08S69
11290	S69-13221			Ngô Văn Quyến	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	15/10/2008	15/10/2009	07449/08S69
11291	S69-13222			Nguyễn Hùng Vĩnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07400/08S69
11292	S69-13223			Lương Văn Trường	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07401/08S69
11293	S69-13224			Lê Huyền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07402/08S69
11294	S69-13225			Ngô Văn Huyện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07403/08S69
11295	S69-13226	CM-13177		Trần Quốc Cường	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06479/13S69
11296	S69-13227			Trần Thanh Ngoãn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07405/08S69
11297	S69-13228			Đỗ Văn Có	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07406/08S69
11298	S69-13229	CM-13017		Trương Hoàng Sy	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01073/13S69
11299	S69-13230	CM-13016		Dương Minh Đương	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06560/13S69
11300	S69-13231			Nguyễn Thanh Bình	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07409/08S69
11301	S69-13233	CM-12612		Trần Văn Huấn	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	25/01/2011	25/01/2012	00340/11S69
11302	S69-13234			Ngô Tiến Dũng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07410/08S69
11303	S69-13235			Lê Hải Triều	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07411/08S69
11304	S69-13236			Trịnh Hữu Tính	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07412/08S69
11305	S69-13237			Tiêu Văn Kiệt	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07413/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11306	S69-13238			Nguyễn Thị Nga	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07414/08S69
11307	S69-13239			Tiêu Văn Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07415/08S69
11308	S69-13240			Lưu Thanh Lam	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07416/08S69
11309	S69-13241			Trần Minh Lâm	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07417/08S69
11310	S69-13242			Dương Văn Nền	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07418/08S69
11311	S69-13243			Nguyễn Văn Mặng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07419/08S69
11312	S69-13244			Huỳnh Văn Chiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07420/08S69
11313	S69-13245			Nguyễn Văn Quang	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07421/08S69
11314	S69-13247	CM-13033		Nguyễn Thanh Mộng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03467/11S69
11315	S69-13248			Mai Hoàng Diệu	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07424/08S69
11316	S69-13249	CM-13158		Tạ Văn Trí	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10195/12S69
11317	S69-13250			Huỳnh Thanh Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07426/08S69
11318	S69-13251			Tạ Văn Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07427/08S69
11319	S69-13252			Nguyễn Minh Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07428/08S69
11320	S69-13253			Phạm Văn Nhanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07429/08S69
11321	S69-13254			Trần Hùng Bạo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07430/08S69
11322	S69-13255	CM-13079		Trần Văn Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01109/13S69
11323	S69-13256	CM-13231		Nguyễn Văn Minh	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06368/12S69
11324	S69-13257	CM-13002		Trần Hữu Thương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06405/12S69
11325	S69-13258	CM-13230		Nguyễn Huy Hoàng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07836/12S69
11326	S69-13259			Nguyễn Minh Triều	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07435/08S69
11327	S69-13260			Huỳnh Diễn	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07436/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11328	S69-13261			Nguyễn Minh Cảnh	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07437/08S69
11329	S69-13262			Phan Trung Kiên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07438/08S69
11330	S69-13263			Trương Thuý Liễu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07439/08S69
11331	S69-13264	CM-13101		Tiêu Hoàng Nhân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/05/2013	28/05/2014	02796/13S69
11332	S69-13265			Phạm Văn Bùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07441/08S69
11333	S69-13266			Phạm Nguyên Khôi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07442/08S69
11334	S69-13267			Đặng Văn Trường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07479/08S69
11335	S69-13268			Mai Thanh Cần	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07480/08S69
11336	S69-13269	CM-13419		Lê Minh Cảnh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07436/12S69
11337	S69-13270	CM-13465		Lâm Thanh Hoá	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09511/12S69
11338	S69-13271			Tân Minh Truyền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07483/08S69
11339	S69-13272			Nguyễn Thành Trung	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07484/08S69
11340	S69-13273	CM-13435		Lê Quốc Tèo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09481/12S69
11341	S69-13274			Quách Văn Thống	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07486/08S69
11342	S69-13275	CM-13459		Huỳnh Văn Thiện	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07440/12S69
11343	S69-13277	CM-13455		Mai Vũ Trang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04930/12S69
11344	S69-13278			Phạm Văn Dương	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07490/08S69
11345	S69-13279	CM-13426		Trần Thanh Thoảng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07386/12S69
11346	S69-13280			Nguyễn Hoàng Thúc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/11/2009	07492/08S69
11347	S69-13281			Nguyễn Đức Đệ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07493/08S69
11348	S69-13282			Nguyễn Văn Mẫn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07494/08S69
11349	S69-13283			Phan Hữu Đức	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07495/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11350	S69-13284			Nguyễn Văn Tùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07496/08S69
11351	S69-13285			Ngô Bé Vui	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07497/08S69
11352	S69-13286			Trần Minh Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07498/08S69
11353	S69-13287			Mai Quốc Toàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07499/08S69
11354	S69-13288	CM-13422		Mai Vũ Trường	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04924/12S69
11355	S69-13289			Quách Văn Lúa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07444/12S69
11356	S69-13290			Huỳnh Vũ Hà	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07502/08S69
11357	S69-13291			Nguyễn Hoàng Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	03/11/2008	15/10/2009	07503/08S69
11358	S69-13292	CM-13463		Quách Minh Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07424/12S69
11359	S69-13293	CM-13432		Quách Ngọc Xứng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04931/12S69
11360	S69-13294			Phạm Minh Điền	Ngọc chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07506/08S69
11361	S69-13295			Nguyễn Văn Cọp	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07507/08S69
11362	S69-13296			Tô Vũ Hân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07508/08S69
11363	S69-13297			Tô Văn Phol	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07509/08S69
11364	S69-13298	CM-13423		Nguyễn Minh Dương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09442/12S69
11365	S69-13299			Trần Văn Đen	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07511/08S69
11366	S69-13300	CM-12648		Lê Quang Khá	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00246/15S69
11367	S69-13301			Phạm Trường Giang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07513/08S69
11368	S69-13302	CM-13427		Nguyễn Văn Thành	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09495/12S69
11369	S69-13303	CM-13468		Lưu Văn Quân	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09492/12S69
11370	S69-13304			Phạm Hoàng Bỉ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07516/08S69
11371	S69-13305			Lưu Hoàng Nam	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07517/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11372	S69-13306			Phạm út Nhỏ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07518/08S69
11373	S69-13307			Nguyễn Chí Thành	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07519/08S69
11374	S69-13308	CM-13409		Ngô Minh Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09463/12S69
11375	S69-13309			Nguyễn Văn Long	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07521/08S69
11376	S69-13310			Đỗ Hồng Phước	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07522/08S69
11377	S69-13311			Quách Văn Hận	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07523/08S69
11378	S69-13312	CM-13438		Nguyễn Quốc Hận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09476/12S69
11379	S69-13313	CM-13416		Thiều Văn Hữu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09515/12S69
11380	S69-13314			Võ Văn Nghiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07526/08S69
11381	S69-13315	CM-13443		Phạm Thanh Nhanh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09521/12S69
11382	S69-13316			Trần Hoài Hận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07528/08S69
11383	S69-13317			Đặng Hoàng Tiếp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07529/08S69
11384	S69-13318			Mai Thanh Vũ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07530/08S69
11385	S69-13319			Trần Thành Tài	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07531/08S69
11386	S69-13320			Nguyễn Thanh Nhuận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07532/08S69
11387	S69-13321	CM-13472		Trần Hiệp Thắng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10217/12S69
11388	S69-13322			Trần Thanh Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07534/08S69
11389	S69-13323			Lê Minh Đám	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07535/08S69
11390	S69-13324			Lý Văn Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07536/08S69
11391	S69-13325	13444		Huỳnh Minh Việt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2014	22/01/2015	00270/14S69
11392	S69-13326			Nguyễn Quốc Thám	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07538/08S69
11393	S69-13327	CM-13425		Trần Văn Y	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09472/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11394	S69-13328			Võ Ngọc Được	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07540/08S69
11395	S69-13329			Võ Minh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07541/08S69
11396	S69-13330			Ngô Chí Công	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07542/08S69
11397	S69-13331			Lê Chí Thiện	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07543/08S69
11398	S69-13332			Bùi Chí Cường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07544/08S69
11399	S69-13333			Quách Đình Diễn	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09508/12S69
11400	S69-13334			Trần Hoàng Đáo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07545/08S69
11401	S69-13335			Nguyễn Thanh Phong	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07546/08S69
11402	S69-13336			Tô Công Trình	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07547/08S69
11403	S69-13337	CM-13859		Lê Tấn Đợi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02506/10S69
11404	S69-13338	CM-13626		Trần Hoàng Thám	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09503/12S69
11405	S69-13339			Trần Chí Công	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07550/08S69
11406	S69-13340			Huỳnh Văn Vũ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07551/08S69
11407	S69-13341			Nguyễn Tiểu Hoa	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07552/08S69
11408	S69-13342	CM-13662		Trương Hữu Phước	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02504/10S69
11409	S69-13343			Thạch Văn Việt	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07458/08S69
11410	S69-13344			Thạch Văn Trường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07459/08S69
11411	S69-13345			Ngô út Em	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07554/08S69
11412	S69-13346			Nguyễn Văn Toàn	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07555/08S69
11413	S69-13347	CM-13660		Huỳnh Minh Đức	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00947/13S69
11414	S69-13349			Trần Minh Hiệp	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07558/08S69
11415	S69-13350			Nguyễn Minh Kha	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07559/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11416	S69-13351	CM:13858		Huỳnh Chí Nguyễn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04918/12S69
11417	S69-13352			Quách Chí Tiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07561/08S69
11418	S69-13353	CM-13536		Mai Văn Tân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02514/10S69
11419	S69-13355	CM-12644	Ba Xuyên	Trần Văn Xuyên	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05578/12S69
11420	S69-13356			Nguyễn Hoàng Em	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	16/10/2008	14/10/2009	07465/08S69
11421	S69-13357	CM-12654		Huỳnh Văn Đông	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02236/11S69
11422	S69-13358			Lê Minh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/04/2009	07468/08S69
11423	S69-13359	CM-12655		Lê Phú Hữu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/09/2009	01914/09S69
11424	S69-13360	CM-12653		Lê Thị Hạnh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/09/2009	01894/09S69
11425	S69-13361			Trương Văn Định	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/04/2009	07471/08S69
11426	S69-13362			Bùi Văn Kiều	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07474/08S69
11427	S69-13364	CM-13769		Thiều Văn Đet	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09498/12S69
11428	S69-13365	CM-14597		Ngô Văn Quyển	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	05/01/2012	05/01/2013	00068/12S69
11429	S69-13366			Bùi Minh Dương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07565/08S69
11430	S69-13367			Trần Hoàng Phăng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07566/08S69
11431	S69-13368			Nguyễn Trường Trinh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07567/08S69
11432	S69-13369			Nguyễn Văn Thắng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07569/08S69
11433	S69-13370			Mai Thanh Lạc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07570/08S69
11434	S69-13371	CM-11088		Võ Bảo Xuyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09479/12S69
11435	S69-13372	CM-12657		Hồ Thành Lập	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09496/12S69
11436	S69-13373			Trương Minh Lơ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07591/08S69
11437	S69-13374	CM-12658		Mai Trường Sơn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02527/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11438	S69-13375			Ngô Phía Lia	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07571/08S69
11439	S69-13376			Phan Minh Dũ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07572/08S69
11440	S69-13377			Lê Thanh Kiệt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07573/08S69
11441	S69-13378			Bùi Ngọc Như	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07574/08S69
11442	S69-13379			Nguyễn Bảo Xuyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07575/08S69
11443	S69-13380			Bùi Chí Dũng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07576/08S69
11444	S69-13381	CM-13941		Huỳnh Hoàng Anh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09514/12S69
11445	S69-13382			Ngô Chí Hiếu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07578/08S69
11446	S69-13383	CM-13667		Nguyễn út Chủ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	13667/12S69
11447	S69-13384			Võ Minh Cảnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07580/08S69
11448	S69-13385			Nguyễn Văn Tính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07581/08S69
11449	S69-13386			Đỗ Văn Lý	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07582/08S69
11450	S69-13387			Lê Trường An	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07583/08S69
11451	S69-13388			Đỗ Lý Ngân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07584/08S69
11452	S69-13389			Hồ Văn Gàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07585/08S69
11453	S69-13390	CM-13770		Trần Cao Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07458/12S69
11454	S69-13391	CM-13599		Mai Chiến Công	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04923/12S69
11455	S69-13392	CM-13728		Lê Quốc Sử	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04936/12S69
11456	S69-13393	CM-13849		Nguyễn Phước Thiện	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07427/12S69
11457	S69-13394			Trần Thanh Sol	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07612/08S69
11458	S69-13395			Nguyễn Văn Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07613/08S69
11459	S69-13396	CM-13847		Nguyễn Thanh Bằng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07435/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11460	S69-13397			Nguyễn Hoàng Nghiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07615/08S69
11461	S69-13398			Mai Anh Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07616/08S69
11462	S69-13399			Phạm Văn Cúp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07617/08S69
11463	S69-13400	CM-13666		Phạm Thanh Long	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07429/12S69
11464	S69-13401			Bùi Văn Sơn	Xã Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	16/10/2008	16/10/2009	07477/08S69
11465	S69-13402	CM-12661		Nguyễn Văn Hòa	Khóm 6, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	28/04/2010	28/04/2011	02369/10S69
11466	S69-13403			Nguyễn Văn Chinh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07619/08S69
11467	S69-13404	CM-13589		Huỳnh Thanh Liêm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09469/12S69
11468	S69-13405			Nguyễn Văn Lờ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07621/08S69
11469	S69-13406			Mai Thanh Phong	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07622/08S69
11470	S69-13407			Võ Chí Tâm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	17/10/2008	17/10/2009	07594/08S69
11471	S69-13408			Nguyễn Chí Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07623/08S69
11472	S69-13409			Lê Hoàng ánh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07624/08S69
11473	S69-13410			Ngô Quốc Thảo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07625/08S69
11474	S69-13411			Nguyễn Bình Tiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07626/08S69
11475	S69-13412			Ngô Văn Tỷ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07627/08S69
11476	S69-13413			Hồ Hoàng Trên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07628/08S69
11477	S69-13414	CM-13772		Ngô Quốc Lil	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07406/12S69
11478	S69-13415	CM-13622		Lâm Trung Tình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02522/10S69
11479	S69-13416			Quách Văn Nhiều	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07631/08S69
11480	S69-13417	Cm-13894		Tô Công Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06867/09S69
11481	S69-13418			Lê Trường Quyền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07633/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11482	S69-13419			Phạm Quốc Nam	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07634/08S69
11483	S69-13420			Lương Hồng Phúc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07635/08S69
11484	S69-13421			Trần Thanh Liêm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07636/08S69
11485	S69-13422	CM-13627		Ngô Minh Kết	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05577/12S69
11486	S69-13424	CM.13895		Dương Hoàng Mung	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	07/03/2011	07/03/2012	00736/11S69
11487	S69-13425	CM-13896		Phạm Văn Khen	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09443/12S69
11488	S69-13426			Nguyễn Văn Quốc	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07640/08S69
11489	S69-13427			Phan Minh Trí	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07641/08S69
11490	S69-13428			Phạm Thành Còi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07642/08S69
11491	S69-13430			Phạm Thanh Sơn	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07644/08S69
11492	S69-13431			Nguyễn Minh Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07645/08S69
11493	S69-13432	CM-13853		Đặng Văn Nam	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01301/10S69
11494	S69-13433	CM-13610		Lê Văn Khện	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02512/10S69
11495	S69-13434			Tô Việt Khái	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07648/08S69
11496	S69-13435	CM-13596		Nguyễn Quốc Xoài	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09440/12S69
11497	S69-13436			Văn Tấn Đương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07650/08S69
11498	S69-13437			Đặng Ngọc Hồng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07651/08S69
11499	S69-13438	CM-13799		Từ Thanh Liêm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07405/12S69
11500	S69-13439			Nguyễn Văn Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07653/08S69
11501	S69-13440	CM-13597		Lê Tiến Dũng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/03/2013	22/03/2014	01941/13S69
11502	S69-13441	CM-13771		Trần Thanh Mộng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09519/12S69
11503	S69-13442			Trần Thuận Nguyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07656/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11504	S69-13443			Nguyễn Tấn Huỳnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07657/08S69
11505	S69-13444			Đặng Văn Tư	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07658/08S69
11506	S69-13445	CM-13658		Lâm Văn út	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07397/12S69
11507	S69-13446			Quách Hoàng Nam	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07660/08S69
11508	S69-13447	CM-13657		Nguyễn Chí Tư	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	11/05/2011	02510/10S69
11509	S69-13448			Nguyễn Thanh Mộng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07662/08S69
11510	S69-13449			Nguyễn Minh Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07663/08S69
11511	S69-13450			Nguyễn Quốc Lượm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07664/08S69
11512	S69-13451	CM-13857		Thiều Văn Định	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00949/13S69
11513	S69-13452			Huỳnh Văn Kháng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07666/08S69
11514	S69-13453			Nguyễn Minh Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07667/08S69
11515	S69-13454			Nguyễn Văn Khải	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07668/08S69
11516	S69-13455			Trần Thanh Bé	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07669/08S69
11517	S69-13456			Nguyễn Thành Đô	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09509/12S69
11518	S69-13457			Nguyễn Hoàng Ngộ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07671/08S69
11519	S69-13458			Trần Thị Nhung	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07672/08S69
11520	S69-13459			Phan Trọng Thành	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07673/08S69
11521	S69-13460			Nguyễn Hoàng Thắng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07674/08S69
11522	S69-13461			Phan Văn Tình	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07675/08S69
11523	S69-13462	CM-13776		Huỳnh Thanh Ly	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07423/12S69
11524	S69-13463	CM-13557		Nguyễn Văn Trí	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09461/12S69
11525	S69-13464	CM-13775		Thiều Văn Khánh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09493/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11526	S69-13466			Nguyễn Hồng Nhẹ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07680/08S69
11527	S69-13467	CM-13582		Tô Văn Hoàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09488/12S69
11528	S69-13468			Bùi Trọng Hữu	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	21/10/2008	21/10/2009	07704/08S69
11529	S69-13469	CM: 12934		Đoàn Thống Nhứt	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01770/10S69
11530	S69-13470	CM-12732		Đoàn Văn Phương	Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	16/08/2009	16/08/2010	04914/09S69
11531	S69-13471	CM-12733		Đoàn Phước Trân	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	11/11/2011	11/11/2012	04129/11S69
11532	S69-13472	CM-12699		Tô Thanh Bình	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03398/10S69
11533	S69-13473			Lâm Ngọc Thân	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09517/12S69
11534	S69-13474			Thiều Hùng Linh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07682/08S69
11535	S69-13475			Nguyễn văn Chính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07683/08S69
11536	S69-13476	CM-13874		Tô Thanh Trà	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/05/2011	29/05/2012	01789/11S69
11537	S69-13477			Nguyễn Quốc Thái	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07685/08S69
11538	S69-13478	CM-13876		Vưu Minh Thắng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07391/12S69
11539	S69-13479			Lê Văn Dưỡng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07687/08S69
11540	S69-13480			Chung Quốc Việt	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07688/08S69
11541	S69-13481	CM-13907		Nguyễn Việt Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05876/09S69
11542	S69-13482			Võ Hoàng Đuộm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07690/08S69
11543	S69-13483	CM-13745		Võ Thanh Phong	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00944/13S69
11544	S69-13484	CM-13746		Nguyễn Thanh Liêm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00945/13S69
11545	S69-13485			Thạch Văn Thắng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07694/08S69
11546	S69-13486	CM-13587		Lâm Công Lịnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02521/10S69
11547	S69-13487	CM-13878		Đoàn Hoàng Anh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09491/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11548	S69-13488			Nguyễn Văn Tấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07697/08S69
11549	S69-13489	CM-12743	Trọng Kiên	Trần Văn Thám	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2010	28/10/2011	05433/10S69
11550	S69-13490			Võ Hoàng Thuận	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07698/08S69
11551	S69-13491	CM-13793		Nguyễn Văn Bắc	xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07450/12S69
11552	S69-13492			Đỗ Lý Tường	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07744/08S69
11553	S69-13493	CM-13550		Nguyễn Thanh Tùng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09520/12S69
11554	S69-13494			Dương Văn Diêm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07746/08S69
11555	S69-13495			Huỳnh Thanh Phong	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07717/08S69
11556	S69-13496			Phan Văn Dư	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07747/08S69
11557	S69-13498			Phạm Văn Vi	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07748/08S69
11558	S69-13500			La Quân Sự	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07750/08S69
11559	S69-13501	CM-12748		Nguyễn Văn Hiếu	Khóm 3, Phường 5, Thành phố Cà Mau	27/01/2010	27/01/2011	00514/10S69
11560	S69-13502			Nguyễn Văn Sáng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07751/08S69
11561	S69-13503			Lâm Văn Tín	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07752/08S69
11562	S69-13504			Lý Hoàng Thanh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07753/08S69
11563	S69-13505			Đỗ Văn Nữa	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07754/08S69
11564	S69-13506			Nguyễn Phương Tây	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07755/08S69
11565	S69-13507			Ngô Minh Hiếu	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/08/2009	07756/08S69
11566	S69-13508			Đặng Văn Đức	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07757/08S69
11567	S69-13509	CM-13748		Nguyễn Quốc Việt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09482/12S69
11568	S69-13510	CM-13625		Quách Hữu Hiệp	xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07381/12S69
11569	S69-13511			Nguyễn Anh Đệ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07760/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11570	S69-13512			Hồ Thị Tho	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07761/08S69
11571	S69-13513			Trần Thanh Nguyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07762/08S69
11572	S69-13514			Lê Quốc Ta	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07763/08S69
11573	S69-13515			Nguyễn Huỳnh Mi	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07764/08S69
11574	S69-13516			Quách Tuấn Kiệt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07765/08S69
11575	S69-13517	CM-13629		Trần Thanh Hòa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09512/12S69
11576	S69-13518	CM-13756		Nguyễn Văn Mực Em	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02501/10S69
11577	S69-13519			Nguyễn Văn Điệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07768/08S69
11578	S69-13520			Võ Tấn Lực	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07769/08S69
11579	S69-13521			Phan Văn Tỷ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07770/08S69
11580	S69-13522			Trần Văn Sơn	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07771/08S69
11581	S69-13523	CM-13952		Lê Quốc Thống	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/03/2013	22/03/2014	01942/13S69
11582	S69-13524			Nguyễn Văn Phư	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07773/08S69
11583	S69-13525	CM-13755		Lê Văn Sóc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09513/12S69
11584	S69-13526			Lê Văn Lâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07775/08S69
11585	S69-13527	CM-13478		Phan Văn Sang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05566/12S69
11586	S69-13528			Nguyễn Thanh Gân	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07777/08S69
11587	S69-13529	CM-13533		Châu Hoàng út	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09483/12S69
11588	S69-13530			Dương Vũ Lâm	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07779/08S69
11589	S69-13531			Cao Phương Kìa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07780/08S69
11590	S69-13532			Cao Trường Giang	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07781/08S69
11591	S69-13533			Dương Hoàng Vũ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07782/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11592	S69-13534			Trần Thanh Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07413/12S69
11593	S69-13535			Lê Văn Khuyển	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07784/08S69
11594	S69-13536			Kim Văn Dân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07785/08S69
11595	S69-13537			Thái Hoàng Việt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07786/08S69
11596	S69-13538			Võ út Cu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07787/08S69
11597	S69-13539	CM-13919		Trần Văn Khải	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07443/12S69
11598	S69-13540			Huỳnh Bắc	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07790/08S69
11599	S69-13541			Huỳnh Đại Hưng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07791/08S69
11600	S69-13542			Thạch Văn út	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07792/08S69
11601	S69-13543	CM-12745		Lâm Văn Phụng	Khốnm 10, Phường 6, Thành phố Cà Mau	07/03/2014	07/03/2015	00616/14S69
11602	S69-13544			Đoàn Thanh Hoàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07793/08S69
11603	S69-13545			Thạch Văn Hận	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07794/08S69
11604	S69-13546	CM-13633		Lê Văn Sáng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09525/12S69
11605	S69-13547	CM-13883		Lý Vũ Lam	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09500/12S69
11606	S69-13548	CM-13958		Phạm Văn Sự	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07758/12S69
11607	S69-13549	CM-13904		Lê Công Dự	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00675/11S69
11608	S69-13550			Lê Quyền Anh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07799/08S69
11609	S69-13552			Lê MINH Khấn	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07801/08S69
11610	S69-13553			Trần Huyện	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07802/08S69
11611	S69-13554	CM-13886		Trần Giải Phóng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00842/14S69
11612	S69-13555			Phạm Văn Nguyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07804/08S69
11613	S69-13556			Nguyễn Văn Đức	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07805/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11614	S69-13557			Trần Văn Thính	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10163/12S69
11615	S69-13558	CM-12744		Đinh Hoàng Thép	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01828/10S69
11616	S69-13559			Lý Văn Lập	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07806/08S69
11617	S69-13560			Lý Hồng Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07807/08S69
11618	S69-13561	CM-13910		Phan Văn Phương	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/04/2011	15/04/2012	01258/11S69
11619	S69-13562			Lê Trường Nguyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07809/08S69
11620	S69-13563			Châu Quốc Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09452/12S69
11621	S69-13564			Lê Văn Sáu	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07811/08S69
11622	S69-13565			Đặng Văn Mến	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07812/08S69
11623	S69-13566	CM-13811		Trần Văn Tạng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04935/12S69
11624	S69-13567	CM-13564		Lê Minh Lý	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02534/10S69
11625	S69-13568			Nguyễn Văn Triều	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07815/08S69
11626	S69-13569			Trần Thị Yến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07816/08S69
11627	S69-13570			Trần Công Tráng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07817/08S69
11628	S69-13571			Võ Hữu Hạng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07818/08S69
11629	S69-13572			Võ Thanh Điền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07819/08S69
11630	S69-13573			Nguyễn Văn út	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07820/08S69
11631	S69-13574			Lê Văn Màng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07821/08S69
11632	S69-13575			Trần Văn Tùng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07822/08S69
11633	S69-13576			Nguyễn Văn Mười	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07823/08S69
11634	S69-13577	CM-13530		Lê Văn Suốt	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00946/13S69
11635	S69-13578			Tô Công Hớn	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07825/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11636	S69-13579			Nguyễn Việt Bắc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07826/08S69
11637	S69-13580			Trần Chí Linh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07827/08S69
11638	S69-13581			Nguyễn Hoàng Lý	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07828/08S69
11639	S69-13582			La Thanh Liêm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	03/11/2008	15/10/2009	07829/08S69
11640	S69-13583			La Văn On	Quách phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07830/08S69
11641	S69-13584			Nguyễn Minh Dương	ThanhTùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07831/08S69
11642	S69-13585			Đỗ Trung Trực	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07832/08S69
11643	S69-13586	CM-13768		Tô Thanh Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07438/12S69
11644	S69-13587			Lê Văn Việt	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07834/08S69
11645	S69-13588			Lương Hùng Mạnh	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07835/08S69
11646	S69-13589			Tổng Kỳ Le	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07836/08S69
11647	S69-13590			Thạch Hoàng Trắc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07837/08S69
11648	S69-13591			Trần Văn Dư	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07838/08S69
11649	S69-13592	CM-13764		Đỗ Hoàng Khanh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09523/12S69
11650	S69-13593			Lâm Minh Thuận	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07840/08S69
11651	S69-13594			Trần Văn Hoàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07841/08S69
11652	S69-13595	CM-13570		Trần Chí Nguyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07441/12S69
11653	S69-13596	CM-13528		Ngô Bé Lớn	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00952/13S69
11654	S69-13597			Nguyễn Hòa Hên	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07844/08S69
11655	S69-13598			Phạm Văn Thôn	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07845/08S69
11656	S69-13599			Lý Văn Lưu	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07846/08S69
11657	S69-13600			Đàm Văn Thống	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07847/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11658	S69-13601			Trần Trung Bưởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07848/08S69
11659	S69-13602			Hồ Hoàng Giới	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07849/08S69
11660	S69-13603			Trần Văn Hiếu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07850/08S69
11661	S69-13604			Nguyễn Thành Nhân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07851/08S69
11662	S69-13605	CM-13697		Trương Tấn Công	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00939/13S69
11663	S69-13606			Võ Văn Diễm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07853/08S69
11664	S69-13607			Trịnh Thanh Hạt	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07854/08S69
11665	S69-13608			Lê Hoàng Nil	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07855/08S69
11666	S69-13609			Nguyễn Thanh Xiêm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07856/08S69
11667	S69-13610			Nguyễn Văn Chính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07857/08S69
11668	S69-13611			Lê Văn Cồ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07858/08S69
11669	S69-13612			Ngô Văn Hóa	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07859/08S69
11670	S69-13613			Thạch Văn Thành	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07860/08S69
11671	S69-13614			Nguyễn Văn út	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07861/08S69
11672	S69-13615			Thạch Văn Hoàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07862/08S69
11673	S69-13616			Lê Văn Nhỏ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07863/08S69
11674	S69-13617			Lê Trung Liệt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07864/08S69
11675	S69-13618			Nguyễn Hữu Phước	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07865/08S69
11676	S69-13619			Lê Minh Thương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07866/08S69
11677	S69-13620			Trần Hồng Nỹ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07867/08S69
11678	S69-13621	CM-13517		Trần Văn Duyệt	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04940/12S69
11679	S69-13622			Nguyễn Tiên Phong	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07869/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11680	S69-13623			Nguyễn Quốc Thới	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07870/08S69
11681	S69-13624			Phan Thanh Hoài	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07871/08S69
11682	S69-13625			Trần Hải Độ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07872/08S69
11683	S69-13626			Phạm Minh Tùng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07873/08S69
11684	S69-13627			Mai Hồng Thanh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07874/08S69
11685	S69-13628			Đặng Thanh Tùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07875/08S69
11686	S69-13629			Thạch Văn Tính	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07876/08S69
11687	S69-13630	CM-13826		Huỳnh Dương Tử	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02490/10S69
11688	S69-13631			Lê Văn Lan	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07878/08S69
11689	S69-13632			Lâm Thanh Vũ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07879/08S69
11690	S69-13633			Thái Thành Phần	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07880/08S69
11691	S69-13634	CM-13834		Nguyễn Văn An	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	17/12/2009	17/12/2010	07205/09S69
11692	S69-13635			Nguyễn Viết Quân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07882/08S69
11693	S69-13636			Lê Minh Tập	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07883/08S69
11694	S69-13637			Nguyễn Văn Thảo	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07884/08S69
11695	S69-13638	CM-13940		Trần Hữu Đúng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07380/12S69
11696	S69-13639	CM-13737		Nguyễn Hữu Ngọc	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07454/12S69
11697	S69-13640	CM-13705		Nguyễn Văn Đúng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04917/12S69
11698	S69-13641			Nguyễn Hoàng Lộc	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07428/12S69
11699	S69-13642			Hồ Thanh Tùng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07889/08S69
11700	S69-13643	CM-13914		Nguyễn Văn Tùng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09506/12S69
11701	S69-13644			Huỳnh Minh Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07891/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11702	S69-13645	CM-13842		Lê Quốc ái	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07434/12S69
11703	S69-13646			Phạm Thanh Tòng	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/10/2008	10/10/2009	07723/08S69
11704	S69-13647			Đoàn Hải Đăng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07894/08S69
11705	S69-13648			Phạm Hoàng Anh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07895/08S69
11706	S69-13649			Nguyễn Viết Cường	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07896/08S69
11707	S69-13650			Trần Thành Lê	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07897/08S69
11708	S69-13651			Nguyễn Văn Hóa	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07898/08S69
11709	S69-13652			Trần Văn Minh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07899/08S69
11710	S69-13653			Nguyễn Trường Xa	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07900/08S69
11711	S69-13654			Liêu Hoàng Cuội	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07901/08S69
11712	S69-13655	CM-13647		Nguyễn Minh Tiến	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00943/13S69
11713	S69-13656			Hồ Công Danh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07903/08S69
11714	S69-13657			Nguyễn Thiện Phúc	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07904/08S69
11715	S69-13658			Nguyễn Văn Hưởng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07905/08S69
11716	S69-13659			Trần Quít Anh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07906/08S69
11717	S69-13660			Trần Phụng Em	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07907/08S69
11718	S69-13661			Trần Văn Lực	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07908/08S69
11719	S69-13662			Ngô Văn Thế	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07909/08S69
11720	S69-13663			Trần Thanh Tùng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07910/08S69
11721	S69-13664			Nguyễn Văn Cảnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	15/10/2008	15/10/2009	07911/08S69
11722	S69-13665	CM-13518		Nguyễn Bé Ba	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/03/2013	22/03/2014	01939/13S69
11723	S69-13666			Trương Văn Tấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07913/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11724	S69-13667	CM-13523		Lê Thế Anh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09477/12S69
11725	S69-13669			Nguyễn Văn Linh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07915/08S69
11726	S69-13670	CM:13902		Trần Thanh Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05197/12S69
11727	S69-13671			Thạch Inh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07917/08S69
11728	S69-13673			Huỳnh Văn Bé	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07919/08S69
11729	S69-13674			Nguyễn Quốc Truyền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07920/08S69
11730	S69-13675	CM-13944		Lê Công Chánh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07442/12S69
11731	S69-13676			Lê Bảo Đăng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07922/08S69
11732	S69-13677			Lê Tiến Thành	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07923/08S69
11733	S69-13678			Nguyễn Thị Dung	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07924/08S69
11734	S69-13679	CM-13594		Huỳnh Văn Miên	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07393/12S69
11735	S69-13680	CM-13832		Trần Hoàng Nghi	xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07390/12S69
11736	S69-13681			Lương Minh Quý	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07927/08S69
11737	S69-13682			Lê Quốc Tám	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07928/08S69
11738	S69-13683	CM-13862		Trần Văn Lập	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07446/12S69
11739	S69-13684	CM-13551		Lê Kiều Dân	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02519/10S69
11740	S69-13685			Trần Hoàng Vui	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07931/08S69
11741	S69-13686			Nguyễn Văn Bình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07932/08S69
11742	S69-13687			Trần Chí Anh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07933/08S69
11743	S69-13688			Phan Hoàng Chính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07447/12S69
11744	S69-13689	CM-13476		Trần Văn Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02513/10S69
11745	S69-13690			Lê Hoàng Thụ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07936/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11746	S69-13691	CM-13885		Nguyễn Công Khanh	Xã Thanh tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07383/12S69
11747	S69-13692			Nguyễn Kim Trang	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07938/08S69
11748	S69-13693	CM-13537		Lê Kha Ly	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04942/12S69
11749	S69-13694			Đoàn Quốc Quy	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07940/08S69
11750	S69-13695	CM-13966		Phạm Văn Phiếu	Phường 8, Thành phố Cà Mau	28/01/2010	28/01/2011	00519/10S69
11751	S69-13696			Trần Minh Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07941/08S69
11752	S69-13697	CM-13884		Nguyễn Văn Gươm	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	04/01/2012	04/01/2013	00054/12S69
11753	S69-13698	CM-13592		Đoàn Văn Trị	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09473/12S69
11754	S69-13699			Đoàn Văn Có	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07944/08S69
11755	S69-13700			Trần Văn Thành	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07945/08S69
11756	S69-13701			Trần Hoàng út	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07946/08S69
11757	S69-13702			Tô Hoàng Thịnh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07947/08S69
11758	S69-13703			Nguyễn Văn Thuận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07948/08S69
11759	S69-13704			Tô Tân Giai	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07949/08S69
11760	S69-13705	CM-13486		Nguyễn Hoàng Xía	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09460/12S69
11761	S69-13706	CM-13488		Nguyễn Viết Hoài	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/08/2013	29/08/2014	04165/13S69
11762	S69-13707			Phan Văn Oai	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07952/08S69
11763	S69-13708			Huỳnh Tiên Phương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07953/08S69
11764	S69-13709			Trần Quốc Tấn	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07954/08S69
11765	S69-13710			Nguyễn Văn Linh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07955/08S69
11766	S69-13711			Lê út Năm	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07956/08S69
11767	S69-13712			Quách Ngọc Thuận	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07957/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11768	S69-13713	CM-13615		Lý Trường Vũ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01290/10S69
11769	S69-13714			Nguyễn Văn Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07959/08S69
11770	S69-13715			Nguyễn Hoàng Khâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07960/08S69
11771	S69-13716			Trương Minh út	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07961/08S69
11772	S69-13717	CM-13950		Nguyễn Văn Thông	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/08/2011	22/08/2012	02893/11S69
11773	S69-13718			Nguyễn Trường Hận	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07963/08S69
11774	S69-13719	CM-13830		Lâm Văn Ngọc	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09522/12S69
11775	S69-13720			Trần Chiến Lành	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07965/08S69
11776	S69-13721			Nguyễn Hoàng Nhanh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07966/08S69
11777	S69-13722			Đoàn Minh út	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07967/08S69
11778	S69-13723			Lê Thanh Hưng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07968/08S69
11779	S69-13724			Thạch Xuyên	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07969/08S69
11780	S69-13725			Trần Việt Luyến	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07970/08S69
11781	S69-13726	CM-13754		Huỳnh Tấn Pháp	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07407/12S69
11782	S69-13727			Nguyễn Văn Đây	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07972/08S69
11783	S69-13728			Huỳnh Thanh Tiến	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07973/08S69
11784	S69-13729			Trần Hiệp Định	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07974/08S69
11785	S69-13730	CM-13789		Trần Công Luận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04920/12S69
11786	S69-13731			Võ Hoàng Tập	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07976/08S69
11787	S69-13732	CM-13816		Quách Trọng Hữu	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00951/13S69
11788	S69-13733	CM-13812		Trần Quốc Anh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07403/12S69
11789	S69-13734			Nguyễn Văn Tươi	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07979/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11790	S69-13735	CM-13484		Nguyễn Hữu Ngọc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07409/12S69
11791	S69-13736			Nguyễn Văn Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07981/08S69
11792	S69-13737			Nguyễn Tấn An	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07982/08S69
11793	S69-13738			Thạch Văn Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07983/08S69
11794	S69-13739			Nguyễn Văn Hiếu	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07984/08S69
11795	S69-13740			Lê Văn Cuộc	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07985/08S69
11796	S69-13741			Lê Minh Đỉnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07986/08S69
11797	S69-13742			Nguyễn Văn Móm	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07987/08S69
11798	S69-13743	CM-13845		Đinh Văn Học	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01102/13S69
11799	S69-13744			Dương Chí Linh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07989/08S69
11800	S69-13745			Nguyễn Minh Tài	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07990/08S69
11801	S69-13746	CM-13750		Nguyễn Hồng Quang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09439/12S69
11802	S69-13747			Đoàn Hoàng khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07992/08S69
11803	S69-13748			Đoàn Hoài Hận	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07993/08S69
11804	S69-13749			Phạm Trường Giang	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07994/08S69
11805	S69-13750			Ngô Thắng Lợi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07995/08S69
11806	S69-13751			Nguyễn Thanh Đăng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07996/08S69
11807	S69-13752			Phạm út Lớn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07997/08S69
11808	S69-13753			Trần Cẩm Xuyên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07998/08S69
11809	S69-13754	CM-15363		Lê út Tốt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08000/08S69
11810	S69-13755			Ngô Bé Tư	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08001/08S69
11811	S69-13756			Phạm Mộng Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08002/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11812	S69-13757			Lê Hồng Nam	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08003/08S69
11813	S69-13758			Võ Thanh Tùng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08004/08S69
11814	S69-13759			Võ Hoàng Bảo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08005/08S69
11815	S69-13760			Võ Hoàng Hưởng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08006/08S69
11816	S69-13761			Tô Thanh Lạc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08007/08S69
11817	S69-13762			Tô Minh Ký	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08008/08S69
11818	S69-13763			Lê Thanh Hiệp	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08009/08S69
11819	S69-13764			Võ Chí Nguyễn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08010/08S69
11820	S69-13765	CM-13524		Nguyễn Hoàng Chiến	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04916/12S69
11821	S69-13766			Võ Minh Thành	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08012/08S69
11822	S69-13767			Tô Thanh Nhã	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08013/08S69
11823	S69-13768			Võ Hoàng Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08015/08S69
11824	S69-13769			Huỳnh Văn Dớt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08016/08S69
11825	S69-13771			Nguyễn Công Nghiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08018/08S69
11826	S69-13772	CM-13760		Huỳnh Quốc Thịnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07394/12S69
11827	S69-13773			Đoàn Thanh Tâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08020/08S69
11828	S69-13774	CM-13933		Trần Thanh Ngô	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06521/13S69
11829	S69-13775			Lê Thanh Mừng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08022/08S69
11830	S69-13776	CM-13701		Trần Hữu Phước	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04928/12S69
11831	S69-13777	CM-13677		Quách Khai Trí	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09510/12S69
11832	S69-13779	CM-13525		Mai Thanh Hào	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07456/12S69
11833	S69-13780	CM-13503		Trần Thanh Phong	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09464/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11834	S69-13781	CM-13788		Trần Phong Trần	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05907/09S69
11835	S69-13782	CM-13676		Trần Lam Phương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02516/10S69
11836	S69-13783	CM-17811		Nguyễn Trọng Nghĩa	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01666/10S69
11837	S69-13784	CM-13959		Thái Rô Y	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	30/12/2009	30/12/2010	07422/09S69
11838	S69-13785			Văn Tấn Dài	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08032/08S69
11839	S69-13786	CM-13707		Lâm Chí Lịnh	xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07399/12S69
11840	S69-13787			Phan Công Lịnh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08034/08S69
11841	S69-13788			Nguyễn Quốc Hội	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08035/08S69
11842	S69-13789			Tô Minh Nhị	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08036/08S69
11843	S69-13790	CM-13815		Trần Chí Tâm	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09487/12S69
11844	S69-13791			Đặng Chí Tâm	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08038/08S69
11845	S69-13792	CM-13489		Trần Bé Em	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07768/12S69
11846	S69-13793	CM-13839		Nguyễn Thanh Sang	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09474/12S69
11847	S69-13794			Lê Minh Đương	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08041/08S69
11848	S69-13795			Lê Minh Cảnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08042/08S69
11849	S69-13796			Nguyễn Thanh Biên	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08043/08S69
11850	S69-13797			Đặng Thị Nghi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08044/08S69
11851	S69-13798			Phùng Văn Mao	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08045/08S69
11852	S69-13799	CM-13735		Quách Văn Tông	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09478/12S69
11853	S69-13800			Thiều Thanh Phi	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08047/08S69
11854	S69-13801			Phan Văn Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08048/08S69
11855	S69-13802			Võ Hoàng Minh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08049/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11856	S69-13803			Trần Phi Long	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08050/08S69
11857	S69-13804			Trần Hoàng Sinh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08052/08S69
11858	S69-13805			Trần Văn Bé	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	80053/08S69
11859	S69-13806			Nguyễn Hoàng Thắng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08054/08S69
11860	S69-13807			Đỗ Hùng Ngoan	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08055/08S69
11861	S69-13808			Ngô Thanh Tú	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08056/08S69
11862	S69-13809			Phạm Văn Lực	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08057/08S69
11863	S69-13810			Châu Thanh Mộng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08058/08S69
11864	S69-13811			Đoàn Tấn Lực	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08059/08S69
11865	S69-13812			Lâm Văn Giác	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08060/08S69
11866	S69-13813	CM-13682		Huỳnh Văn Ngọc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07439/12S69
11867	S69-13814	CM-13703		Lâm Quốc Cường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07418/12S69
11868	S69-13815	CM-13929		Trần Văn Đồi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09485/12S69
11869	S69-13816	CM-13898		Võ Thanh Lâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07433/12S69
11870	S69-13817			Nguyễn Phong Vũ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08065/08S69
11871	S69-13818			Nguyễn Quốc Kỳ	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08066/08S69
11872	S69-13819			Dương Văn Lượng	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07437/12S69
11873	S69-13820	CM-12933		Thạch Xà Rây	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	22/07/2011	22/07/2012	02482/11S69
11874	S69-13821			Nguyễn Văn Cẩm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	21/10/2008	21/10/2009	07732/08S69
11875	S69-13822			Trương Ngọc Linh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08068/08S69
11876	S69-13823	CM-13690		Tô Minh Kha	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00942/13S69
11877	S69-13824			Trần Phụng Anh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08070/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11878	S69-13825			Trần Văn Hải	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08071/08S69
11879	S69-13826			Đặng Văn Cường	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08072/08S69
11880	S69-13827	CM-13695		Trần Văn Điền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07448/12S69
11881	S69-13828	CM-13767		Nguyễn Văn Phúc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09455/12S69
11882	S69-13829	CM-13778		Huỳnh Văn Việt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/08/2011	22/08/2012	02897/11S69
11883	S69-13830			Nguyễn Thị Hồng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08076/08S69
11884	S69-13831	CM-13680		Trương Thanh Bá	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07430/12S69
11885	S69-13832			Lưu Hoàng Kiệt	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08078/08S69
11886	S69-13834	CM- 13785		Lê Văn Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/10/2009	28/10/2010	06475/09S69
11887	S69-13835			Trần Văn Chênh	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08081/08S69
11888	S69-13836			Nguyễn Văn Kha	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08082/08S69
11889	S69-13837	CM-13742		Tô Văn Cường	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02507/10S69
11890	S69-13838			Nguyễn Văn Dong	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08084/08S69
11891	S69-13839			Đặng Ngọc Hải	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08085/08S69
11892	S69-13840	CM-13496		Mai Thanh út	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02529/10S69
11893	S69-13841			Kim Văn Ngân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08087/08S69
11894	S69-13842			Nguyễn Văn Cần	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08088/08S69
11895	S69-13843			Phạm Văn út	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08089/08S69
11896	S69-13844			Trần Đức Lợi	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08090/08S69
11897	S69-13845			Nguyễn Trung Tính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08092/08S69
11898	S69-13846			Lê Thành Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08091/08S69
11899	S69-13847	CM-13556		Huỳnh Quốc Trung	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02502/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11900	S69-13848			Đặng Thị Yến	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08094/08S69
11901	S69-13849			Võ Thị Nhấn	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08099/08S69
11902	S69-13850	CM-13303		Huỳnh Trung Kiên	Khánh An, Huyện U Minh	07/11/2014	07/11/2015	02919/14S69
11903	S69-13851			Phạm Văn Kiệt	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08101/08S69
11904	S69-13852			Nguyễn Thanh Chấn	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08102/08S69
11905	S69-13853			Trần Văn Kháng	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08103/08S69
11906	S69-13854			Nguyễn Văn Đa	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08104/08S69
11907	S69-13855			Đoàn Thanh Chi	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08105/08S69
11908	S69-13856			Bùi Văn Đặng	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08106/08S69
11909	S69-13857			Nguyễn Minh Sơn	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08107/08S69
11910	S69-13859			Nguyễn Văn Miên	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08109/08S69
11911	S69-13860			Hồ Hoàng ái	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08110/08S69
11912	S69-13861			Nguyễn Văn Cơ	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08111/08S69
11913	S69-13862	CM-13310		Trần Văn Triều	Khánh An, Huyện U Minh	24/12/2009	24/12/2010	07316/09S69
11914	S69-13863			Lê Văn Năm	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08113/08S69
11915	S69-13864			Nguyễn Hoàng Minh	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08114/08S69
11916	S69-13865			Trần Công Luận	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08115/08S69
11917	S69-13866			Trần Văn Đến	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08116/08S69
11918	S69-13867			Nguyễn Văn Nghị	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08117/08S69
11919	S69-13868			Dương Văn Phê	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08118/08S69
11920	S69-13869			Lê Hữu Thọ	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08119/08S69
11921	S69-13870			Dương Văn Phong	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08120/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11922	S69-13871			Trần Văn Toàn	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08121/08S69
11923	S69-13872			Trần Văn Hiệp	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08122/08S69
11924	S69-13873			Võ Tấn Lực	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08123/08S69
11925	S69-13874			Dương Văn Bư	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08124/08S69
11926	S69-13875			Dương Văn Uól	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08125/08S69
11927	S69-13876			Thái Bá Lân	Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08126/08S69
11928	S69-13877			Nguyễn Văn Bắc	Xã Khánh An, Huyện U Minh	20/10/2008	20/10/2009	08127/08S69
11929	S69-13878			Nguyễn Thành Lợi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	24/10/2008	24/10/2009	07735/08S69
11930	S69-13879		NHƯ QUỲNH	Đặng Văn Tiên	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	24/10/2008	24/10/2009	07739/08S69
11931	S69-13880			Trương Chí Toàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00978/10S69
11932	S69-13881			Dương Thanh Hải	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08129/08S69
11933	S69-13882			Nguyễn Thị Thảo	Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08130/08S69
11934	S69-13883	CM-12929		Huỳnh Thị Đẹp	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	23/01/2013	23/07/2013	00896/13S69
11935	S69-13884			Nguyễn Văn Thắng	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08133/08S69
11936	S69-13885			Phạm Quốc Việt	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08135/08S69
11937	S69-13887			Vương Thanh Tuấn	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08137/08S69
11938	S69-13888	CM-13343		Nguyễn Văn Trọng	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	07/06/2010	04/06/2011	03084/10S69
11939	S69-13889			Lê Trường Giang	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08139/08S69
11940	S69-13890			Phạm Văn Chỉ	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08140/08S69
11941	S69-13891			Đinh Hồng Phi	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08132/08S69
11942	S69-13892			Nguyễn Hồng Loan	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08141/08S69
11943	S69-13893			Nguyễn Thanh Tâm	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08142/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11944	S69-13894			Huỳnh Thanh Thoại	K 4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08143/08S69
11945	S69-13895	CM-13338		Nguyễn Văn Khởi	K2, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	10/11/2009	04/11/2010	06548/09S69
11946	S69-13896			Lê Ngọc Ân	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08146/08S69
11947	S69-13897			Lê Ngọc Ân	Trí Phải, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08147/08S69
11948	S69-13898			Nguyễn Thị Em	Khóm 6, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	27/10/2008	27/10/2009	08148/08S69
11949	S69-13900			Nguyễn Văn Sang	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08161/08S69
11950	S69-13901	CM-12939		Trần Văn Cuội	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	21/10/2009	21/10/2010	06368/09S69
11951	S69-13902			Trần út Em	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08163/08S69
11952	S69-13903	CM-66254		Nguyễn Văn Hoà	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/06/2014	20/06/2015	01630/14S69
11953	S69-13904			Nguyễn Văn Tính	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08165/08S69
11954	S69-13905			Tân Hải Dương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08166/08S69
11955	S69-13906	CM-14076		Nguyễn Văn Được	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01985/12S69
11956	S69-13907			Chi Nhánh Điện Ngọc Hiển	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08168/08S69
11957	S69-13908			Huỳnh Văn Ngoãn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08169/08S69
11958	S69-13909			Đỗ Minh Trung	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08170/08S69
11959	S69-13910			Mã Minh Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08171/08S69
11960	S69-13911			Lê Văn Lộc	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08172/08S69
11961	S69-13912			Huỳnh Văn Việt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08173/08S69
11962	S69-13913	CM-14122		Thái Trường Giang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2015	24/04/2016	00796/15S69
11963	S69-13914			Lý Hoàng Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08175/08S69
11964	S69-13915			Lê Việt Khái	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08176/08S69
11965	S69-13916			Lê Việt Kháng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08177/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11966	S69-13917			Tiêu Văn Hạng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08178/08S69
11967	S69-13918	CM-14077		Tô Văn Gú	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04712/09S69
11968	S69-13919			Mai Thanh Hải	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08180/08S69
11969	S69-13921			Tạ Đông Triều	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08182/08S69
11970	S69-13922			Nguyễn Văn Tánh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08183/08S69
11971	S69-13923			Nguyễn Thanh Hùng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08184/08S69
11972	S69-13924			Phạm Thị Diễm	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08185/08S69
11973	S69-13925			Tô Văn Đảm	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08186/08S69
11974	S69-13926			Hồ Minh Thức	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08187/08S69
11975	S69-13927			Mai Hồng Dự	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	25/10/2008	25/10/2009	08188/08S69
11976	S69-13928			Trương Văn Đức	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08189/08S69
11977	S69-13929			Nguyễn Văn Khanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08190/08S69
11978	S69-13930			Nguyễn Văn Đạt	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08191/08S69
11979	S69-13931			Phạm Văn Tốt	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08192/08S69
11980	S69-13932			Võ Văn Trước	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08193/08S69
11981	S69-13933			Châu Minh Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08194/08S69
11982	S69-13934			Phan Thanh Hiền	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08195/08S69
11983	S69-13936			Trần Thanh Thủ	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08197/08S69
11984	S69-13937			Ngô Ngọc Hưởng	Xã Viên An Đông, Huyện Đầm Dơi	25/10/2008	25/10/2009	08198/08S69
11985	S69-13938			Lê Quốc Khánh	Khóm 2, Phường 7, Thành phố Cà Mau	28/10/2008	28/10/2009	08155/08S69
11986	S69-13939			Nguyễn Văn Dọc	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08199/08S69
11987	S69-13940			Lê Văn Mãi	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08200/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
11988	S69-13941			Lâm Thành Quý	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08201/08S69
11989	S69-13942			Huỳnh Văn In	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	28/10/2008	28/10/2009	08159/08S69
11990	S69-13943			Lý Minh Cảnh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07105/09S69
11991	S69-13944			Lê Yến Ly	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08202/08S69
11992	S69-13945			Tô Văn Lê	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08203/08S69
11993	S69-13946			Nguyễn Trường Giang	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08204/08S69
11994	S69-13947			Quách Văn Dừng	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/10/2008	28/10/2009	08293/08S69
11995	S69-13948			Dương Văn Khải	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	07788/08S69
11996	S69-13949	CM-14036		Thái Hoàng Thuận	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/04/2010	21/04/2011	02102/10S69
11997	S69-13950	CM-16549		Đỗ Văn Thành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02631/12S69
11998	S69-13951			Tân Xuân Trường	Xã Viên AN, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08207/08S69
11999	S69-13952	CM-14073		Nguyễn Văn Phong	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	17/01/2012	17/01/2013	00298/12S69
12000	S69-13953			Nguyễn Bạch Đằng	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08209/08S69
12001	S69-13954			Phan Văn Minh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08210/08S69
12002	S69-13955			Phan Minh Chí	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	28/10/2008	28/10/2009	08295/08S69
12003	S69-13956	CM-12926		Huỳnh Văn Nguyên	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	14/05/2012	14/05/2013	02091/12S69
12004	S69-13957			Huỳnh Văn Nguyên	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/10/2008	28/10/2009	08298/08S69
12005	S69-13958			Lê Minh Đương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08211/08S69
12006	S69-13959			Lê Tấn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08212/08S69
12007	S69-13960	CM-14064		Trần Văn Sơn	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/05/2012	06/05/2013	01998/12S69
12008	S69-13961			Nguyễn Thị Nở	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08214/08S69
12009	S69-13962			Nguyễn Văn Sĩ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08215/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12010	S69-13963	CM-14047		Lữ Minh Quang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2011	04/01/2012	00068/11S69
12011	S69-13964			Huỳnh Văn Thơ	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08217/08S69
12012	S69-13965			Tạ Minh Phụng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08218/08S69
12013	S69-13966	CM-14121		Phạm Chí Nhớ	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07351/09S69
12014	S69-13967			Dương Đồng Ngân	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08220/08S69
12015	S69-13968			Lê Pa Ri	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08221/08S69
12016	S69-13969	CM-14085		Lê Văn Kiệt	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05282/13S69
12017	S69-13970	CM-14086		Nhâm Văn Phương	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2012	06/09/2013	04705/12S69
12018	S69-13971			Lương Văn út	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08224/08S69
12019	S69-13972			Võ Thanh Mộng	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08225/08S69
12020	S69-13973	CM-14052		Huỳnh Văn Tạng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07350/09S69
12021	S69-13974	CM-14110		Nguyễn Văn Đảm	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2010	06/04/2011	01935/10S69
12022	S69-13975			Phạm Văn Sử	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08229/08S69
12023	S69-13976			Nguyễn Công Trứ	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08227/08S69
12024	S69-13977	CM-12932		Nguyễn Văn Ca	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	18/01/2011	18/01/2012	00250/11S69
12025	S69-13978			Trần Văn Cảnh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	30/10/2008	30/10/2009	08308/08S69
12026	S69-13979			Nguyễn Việt Tiếng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08230/08S69
12027	S69-13980			Nguyễn Thanh Tao	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08231/08S69
12028	S69-13981			Trần Văn Đoan	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08232/08S69
12029	S69-13982	CM-14079		Trần Văn Lam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05228/13S69
12030	S69-13983			Vương Bảo Minh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08234/08S69
12031	S69-13984			Phan Thanh Trầm	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08235/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12032	S69-13985			Võ Văn Trảng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	08/11/2008	25/10/2009	08236/08S69
12033	S69-13986	CM-14051		Phạm Văn Lập	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/04/2010	26/04/2011	02223/10S69
12034	S69-13987	CM-14032		Tô Minh Đường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05361/12S69
12035	S69-13988			Tô Văn Bình	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08239/08S69
12036	S69-13989			Phan Chí Tâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08240/08S69
12037	S69-13990			Lê Văn Pha	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08241/08S69
12038	S69-13991	CM-14065		Nguyễn Duy Phương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05334/10S69
12039	S69-13992			Nguyễn Hoàng Tiến	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08243/08S69
12040	S69-13993			Phạm Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08244/08S69
12041	S69-13994			Lâm Hoàng Tính	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08245/08S69
12042	S69-13995			Trương Văn Nơi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08246/08S69
12043	S69-13996			Lê Rê Bol	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08247/08S69
12044	S69-13997			Huỳnh Quốc Khởi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08248/08S69
12045	S69-13998			Trương Thanh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08249/08S69
12046	S69-13999	CM-14101		Tổng Mạnh Tường	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04316/12S69
12047	S69-14000			Quách văn Tùng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08251/08S69
12048	S69-14001			Huỳnh Văn Canh	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08252/08S69
12049	S69-14002			Phan Văn Uôi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08253/08S69
12050	S69-14003	CM-14116		Nguyễn Trọng Tính	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	30/10/2009	30/10/2010	06507/09S69
12051	S69-14004			Nguyễn Văn Thanh	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08255/08S69
12052	S69-14005			Tô Hoàng Thái	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08256/08S69
12053	S69-14006			Nguyễn Hữu Phương	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08257/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12054	S69-14007			Nguyễn Công Đức	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08258/08S69
12055	S69-14008			Trần Bửu Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08259/08S69
12056	S69-14009			Nguyễn Văn Nhiệm	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08260/08S69
12057	S69-14010			Đỗ Văn Khởi	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08261/08S69
12058	S69-14011	CM-14040		Nguyễn Thành Nhân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/05/2015	20/05/2016	00947/15S69
12059	S69-14012	CM-05298		Nguyễn Văn Đa	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	12/10/2009	12/10/2010	06282/09S69
12060	S69-14013	CM-14105		Đỗ Văn Mến	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2010	07/06/2011	03092/10S69
12061	S69-14014			Lê Văn Ga	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08264/08S69
12062	S69-14015	CM-03342		Nguyễn Văn Chơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08265/08S69
12063	S69-14016	CM-03374		Phạm Văn Hoan	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08266/08S69
12064	S69-14017			Lâm Vũ Hùng	Viên an, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01987/10S69
12065	S69-14018	CM-03351		Trần Văn Bưởi	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08268/08S69
12066	S69-14019	CM-		Tô Hồng Khởi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02295/11S69
12067	S69-14020			Thái Văn U	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08270/08S69
12068	S69-14021	CM- 01577	Đò	Chem Kim Thanh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08271/08S69
12069	S69-14022	CM-03371		Trần Văn Phùng	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08272/08S69
12070	S69-14023			Lâm Trung Trực	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08273/08S69
12071	S69-14024			Nguyễn Thanh Dũng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08325/08S69
12072	S69-14025	CM-14336		Điền Mạnh Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07348/09S69
12073	S69-14026			Lê Văn Cum	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08317/08S69
12074	S69-14027			Nguyễn Văn Mãnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08318/08S69
12075	S69-14028			Ngô Tấn Tài	Tân ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08319/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12076	S69-14029			Tạ Văn Giang	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08320/08S69
12077	S69-14030			Lâm Vũ Tân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08321/08S69
12078	S69-14031			Tạ Thanh Danh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08322/08S69
12079	S69-14032			Tiết Thanh Danh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08323/08S69
12080	S69-14033			Nguyễn Vi Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08324/08S69
12081	S69-14035			Trần Tấn Định	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08326/08S69
12082	S69-14036			Phạm Văn Liệt	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08327/08S69
12083	S69-14037	CM-13983		Nguyễn Văn Tiến	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01901/13S69
12084	S69-14038	CM-02159		Phạm Văn Khanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08330/08S69
12085	S69-14039			Nguyễn Văn An	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08332/08S69
12086	S69-14040			Nguyễn Quốc Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08344/08S69
12087	S69-14041			Nguyễn Văn Kỷ	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08345/08S69
12088	S69-14042			Trần Thanh Giang	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08346/08S69
12089	S69-14043			Võ Minh Luân	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08347/08S69
12090	S69-14044			Trần Thanh Hải	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08348/08S69
12091	S69-14045			Nguyễn Hoàng út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08349/08S69
12092	S69-14046			Nguyễn Văn Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08350/08S69
12093	S69-14047			Huỳnh Văn Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08351/08S69
12094	S69-14048			Tạ Văn Chiến	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08352/08S69
12095	S69-14049			Phan Kiều Diễm	Xã Tân Ân tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08353/08S69
12096	S69-14050	CM-14004		Lê Văn Hội	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2010	20/07/2011	03796/10S69
12097	S69-14051			Chi Nhánh Điện Lực Ngọc Hiển	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08355/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12098	S69-14052			Nguyễn Duy	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08356/08S69
12099	S69-14053			Chi Nhánh Điện Ngọc Hiển	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08357/08S69
12100	S69-14054			Chi Nhánh Điện Lực Ngọc Hiển	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08358/08S69
12101	S69-14055			Văn Phòng Huyện Ủy Ngọc Hiển	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08359/08S69
12102	S69-14056			Chi Nhánh Điện Lực Ngọc Hiển	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08360/08S69
12103	S69-14057			Chi Nhánh Điện Lực Ngọc Hiển	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08361/08S69
12104	S69-14058			Nguyễn Hoàng Quân	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08362/08S69
12105	S69-14059			Chi Nhánh Điện Ngọc Hiển	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08363/08S69
12106	S69-14060			Trần Thanh Bè	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08364/08S69
12107	S69-14061			Lê Trung Tài	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08365/08S69
12108	S69-14062			Trương Chí Linh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08366/08S69
12109	S69-14063	CM-14082		Trần Thanh Phong	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	14/04/2012	01217/11S69
12110	S69-14064	CM-13976		Lâm Minh Hoàng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	07/11/2012	07/11/2013	06092/12S69
12111	S69-14065	CM-14026		Phạm Hoàng Chiến	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	06000/09S69
12112	S69-14066	CM-13995		Huỳnh Thu Tám	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2010	20/04/2011	02192/10S69
12113	S69-14067			Nguyễn Văn Khải	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08371/08S69
12114	S69-14068			Nguyễn Văn Khải	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08372/08S69
12115	S69-14069	CM-14072		Công Ty Lâm Nghiệp Ngọc Hiển	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	16/05/2011	16/05/2012	00282/11V69
12116	S69-14070			Nguyễn Văn Huệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08374/08S69
12117	S69-14071			Nguyễn Văn Hiếu	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08375/08S69
12118	S69-14072			Nguyễn Cát Ngà	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08376/08S69
12119	S69-14073			Trần Minh út	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08377/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12120	S69-14074			Trần Quốc Khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08378/08S69
12121	S69-14075	CM-13997		Tô Minh Châu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	14/10/2011	14/10/2012	03710/11S69
12122	S69-14076	CM-14081		Trương Việt Tàu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00891/12S69
12123	S69-14077	CM-14018		Trần Văn Thới	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	02000/14S69
12124	S69-14078	CM-13989		Nguyễn Văn út	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05117/12S69
12125	S69-14079			Lê Văn Trong	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08383/08S69
12126	S69-14080	CM-12931		Nguyễn Văn Tổng	Thới Bình, Huyện Thới Bình	25/12/2009	25/12/2010	07335/09S69
12127	S69-14081	CM-13978		Nguyễn Chí Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03996/12S69
12128	S69-14082			Võ Văn Bền	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08385/08S69
12129	S69-14083			Lâm Trường Khanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08386/08S69
12130	S69-14084			Nguyễn Thị Thanh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08387/08S69
12131	S69-14085			Lâm Văn Dũng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08388/08S69
12132	S69-14086	CM-14017		Nguyễn Văn Dư	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05149/09S69
12133	S69-14087	CM-13994		Lê Văn Sơn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05151/09S69
12134	S69-14088	CM-13980		Nguyễn Văn Bình	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05148/09S69
12135	S69-14089	CM-13981		Trần Văn Nên	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05150/09S69
12136	S69-14090	CM-13984		Trần Văn Mạnh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2010	24/12/2011	06302/10S69
12137	S69-14091	CM-12942		Hồ Văn Nhiệm	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06378/10S69
12138	S69-14092			Trần Thanh Tao	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05277/09S69
12139	S69-14093	CM-01505		Nguyễn Văn Tây	ấp Lung Trường, Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04710/10S69
12140	S69-14094			Ngô Minh Chánh	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08394/08S69
12141	S69-14095			Lê Thế Tân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08395/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12142	S69-14096			Nguyễn Phương Hồng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08396/08S69
12143	S69-14097			Phạm út Bảy	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08397/08S69
12144	S69-14098	CM-14010		Phạm Thanh Ngoan	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02752/13S69
12145	S69-14099			Lê Văn Mẫn	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08399/08S69
12146	S69-14100	CM-13988		Trần Văn Tuấn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2010	24/12/2011	06303/10S69
12147	S69-14101			Phan Quốc Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08401/08S69
12148	S69-14102	CM-14000		Nguyễn Minh Trí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00940/10S69
12149	S69-14103	CM-14029		Nguyễn Văn Trọng	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/01/2013	22/01/2014	00948/13S69
12150	S69-14104	CM-13990		Lê Văn Lợi	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05147/09S69
12151	S69-14105	CM-13271		Phan Nhựt Linh	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	04/08/2014	04/08/2015	02109/14S69
12152	S69-14106			Trần Hoàng Điệp	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08426/08S69
12153	S69-14107	CM-14188		Nguyễn Trọng Hiếu	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09265/12S69
12154	S69-14108			Ngô Minh Hoàng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08428/08S69
12155	S69-14109			Phan Thanh Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08429/08S69
12156	S69-14110			Bùi Phúc Toán	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08430/08S69
12157	S69-14111			Phan Minh Chí	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08431/08S69
12158	S69-14112			Đặng Văn Hạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08432/08S69
12159	S69-14113			Trần Văn Anh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08433/08S69
12160	S69-14114			Trần Lê Anh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08434/08S69
12161	S69-14115			Nguyễn Văn Linh	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08435/08S69
12162	S69-14116			Nguyễn Hữu Tín	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08436/08S69
12163	S69-14117	CM-14277		Huỳnh Minh Nghê	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04411/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12164	S69-14118			Huỳnh Văn Lượng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08438/08S69
12165	S69-14119			Lê Hoàng Huy	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08439/08S69
12166	S69-14120			Lê Văn Tân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08440/08S69
12167	S69-14121			Đoàn Thanh Liêm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08441/08S69
12168	S69-14122			Tăng Văn Ngoan	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08442/08S69
12169	S69-14123			Võ Văn Hóa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08443/08S69
12170	S69-14124			Trần Văn Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08444/08S69
12171	S69-14125			Châu Thuỷ	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08445/08S69
12172	S69-14126			Phan Thanh Liêm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08446/08S69
12173	S69-14127			Ngô Văn Tâm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08447/08S69
12174	S69-14128			Nguyễn Văn Chính	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08448/08S69
12175	S69-14129			Trần Văn Hong	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08449/08S69
12176	S69-14130			Nguyễn Ngọc Bích	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08450/08S69
12177	S69-14131	CM-14266		Nguyễn Văn Huân	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04951/11S69
12178	S69-14132			Phan Văn Sáng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08452/08S69
12179	S69-14133			Trần Văn Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08453/08S69
12180	S69-14134			Mai Văn Nghệ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08454/08S69
12181	S69-14135			Lê Văn Hoàng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08455/08S69
12182	S69-14136			Đặng Minh Châu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08456/08S69
12183	S69-14137			Lê Ngọc Châu	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08457/08S69
12184	S69-14138			Cao Hoài Nghĩa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08458/08S69
12185	S69-14139			Trần Văn Thống	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08459/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12186	S69-14140	CM-14180		Nguyễn Văn ép	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02194/10S69
12187	S69-14141	CM-14257		Đỗ Phương Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07311/09S69
12188	S69-14142			Vũ Đình Kháng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08462/08S69
12189	S69-14143			Phạm Công Hành	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08463/08S69
12190	S69-14144			Võ Thị Chúc	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08464/08S69
12191	S69-14145	CM-14267		Đoàn Thanh Hòa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06710/09S69
12192	S69-14146			Nguyễn Trọng Nghĩa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08466/08S69
12193	S69-14147			Vũ Đình Khu	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08467/08S69
12194	S69-14148			Bùi Minh Phụng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08468/08S69
12195	S69-14149			Lê Văn Hòa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08469/08S69
12196	S69-14150			Nguyễn Thành Đạt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08470/08S69
12197	S69-14151			Bùi Văn Tiến	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08471/08S69
12198	S69-14152	CM-14194		Nguyễn Văn Quến	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04905/10S69
12199	S69-14153			Nguyễn Văn Hoà	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08473/08S69
12200	S69-14154	CM-14214		Phan Thanh Bình	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	27/10/2010	27/10/2011	05413/10S69
12201	S69-14155			Trần Văn Thành	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08475/08S69
12202	S69-14156			Lê Văn Hậu	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08476/08S69
12203	S69-14157			Mai Phụng Em	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08477/08S69
12204	S69-14158	CM-14223		Huỳnh Văn Nhiều	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2011	20/02/2012	00705/11S69
12205	S69-14159			Phạm Thanh Hải	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08479/08S69
12206	S69-14160			Tô Anh Tuấn	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08480/08S69
12207	S69-14161			Tô Việt Cảnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08481/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12208	S69-14162			Nguyễn Trường Sơn	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08482/08S69
12209	S69-14163			Bùi Quốc Tế	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08483/08S69
12210	S69-14164			Võ Văn Hiếu	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08484/08S69
12211	S69-14165			Võ Văn Minh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08485/08S69
12212	S69-14166	CM-14269		Trịnh Minh Sắc	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06295/13S69
12213	S69-14167			Lê Thị Mềm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08487/08S69
12214	S69-14168			Nguyễn út Nhỏ	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08488/08S69
12215	S69-14169			Nguyễn Văn Tư	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08489/08S69
12216	S69-14170	CM-14261		Lê Hùng Thanh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/06/2010	21/06/2011	03241/10S69
12217	S69-14171	CM-14185		Trần Văn Khởi	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05278/10S69
12218	S69-14172			Nguyễn Hữu Nghĩa	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08492/08S69
12219	S69-14173			Lê Hoàng Thám	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08493/08S69
12220	S69-14174			Lê Văn Sô	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08494/08S69
12221	S69-14175			Nguyễn Văn Giữ	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08495/08S69
12222	S69-14176			Nguyễn Văn Ngoan	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08496/08S69
12223	S69-14177			Nguyễn Khắc Bình	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08497/08S69
12224	S69-14178	CM-14203		Nguyễn Văn Tiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06709/09S69
12225	S69-14179			Nguyễn Văn Hoàng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08499/08S69
12226	S69-14180			Huỳnh Văn Hơ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08500/08S69
12227	S69-14181			Dương Văn Khương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08501/08S69
12228	S69-14182	CM-14207		Nguyễn Trung Kiên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	10/09/2010	10/09/2011	04709/10S69
12229	S69-14183			Nguyễn Văn út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08503/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12230	S69-14184			Trà Hữu Tính	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08504/08S69
12231	S69-14185			Dương Văn Thạch	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08505/08S69
12232	S69-14186	CM-14206		Lê Văn Hiệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	67115/09S69
12233	S69-14187			Phạm Minh Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08507/08S69
12234	S69-14188			Đào Mộng Thảo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08508/08S69
12235	S69-14189			Tăng Khánh Huy	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08509/08S69
12236	S69-14190			Đặng Hoài Thanh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08510/08S69
12237	S69-14191			Võ Văn Lil	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08511/08S69
12238	S69-14192			Trần Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08512/08S69
12239	S69-14193	CM-14260		Lâm Hoàng Thảo	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07196/12S69
12240	S69-14194			Lâm Văn Huyền	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08514/08S69
12241	S69-14195	CM-14234		Lâm Văn Chiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05277/10S69
12242	S69-14196			Lê Văn Tám	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08516/08S69
12243	S69-14197			Đoàn Văn Kiếm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08517/08S69
12244	S69-14198			Nguyễn Thị Oanh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08518/08S69
12245	S69-14199			Ngô Văn Tươi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08519/08S69
12246	S69-14200			Phan Hoàng Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08520/08S69
12247	S69-14201			Trần Chí Hiếu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08521/08S69
12248	S69-14202	CM-14235		Trần Văn Vẹn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03917/11S69
12249	S69-14203			Huỳnh Văn Còn	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08523/08S69
12250	S69-14204			Phạm Văn Thành	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08524/08S69
12251	S69-14205			Nguyễn Văn Dươ ng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08525/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12252	S69-14206			Nguyễn Quang Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08526/08S69
12253	S69-14207			Tô Văn Đăng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08527/08S69
12254	S69-14208	CM-14271		Bùi Văn Le	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04910/10S69
12255	S69-14209			Đỗ Văn Cường	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08529/08S69
12256	S69-14210			Phan Văn Trọng	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08530/08S69
12257	S69-14211			Võ Tiệp Khắc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08531/08S69
12258	S69-14212			Nguyễn Văn Nguyên	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08532/08S69
12259	S69-14213			Trần Bảo Lộc	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00400/06S69
12260	S69-14214			Đoàn Minh Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08534/08S69
12261	S69-14215			Lê Văn Thi	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08535/08S69
12262	S69-14216			Lâm Cáo	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08536/08S69
12263	S69-14217			Nguyễn Văn Bảy	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08537/08S69
12264	S69-14218			Trương Công Đàm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/10/2008	26/10/2009	08538/08S69
12265	S69-14219			Nguyễn Văn Tâm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08542/08S69
12266	S69-14220			Tô Văn Ngon	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08543/08S69
12267	S69-14221			Hà Thanh Tiểu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08544/08S69
12268	S69-14222			Nguyễn Hoàng Nam	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08545/08S69
12269	S69-14223			Trần Minh Sáng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08546/08S69
12270	S69-14224			Trần Văn Lành	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08547/08S69
12271	S69-14225			Trần Văn Tổng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08548/08S69
12272	S69-14226			Nguyễn Văn Xiếu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08549/08S69
12273	S69-14227			Lê Văn Dũng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08550/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12274	S69-14228			Trần Văn Xệ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08551/08S69
12275	S69-14229			Võ Chí Công	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01771/10S69
12276	S69-14230			Võ Minh Thái	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	03/11/2008	03/11/2009	08414/08S69
12277	S69-14232			Lê Văn Hùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08553/08S69
12278	S69-14233			Bùi Minh Trung	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08554/08S69
12279	S69-14234			Phạm Văn Mát	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08555/08S69
12280	S69-14235			Trần Văn Lẹ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08556/08S69
12281	S69-14237			Trương Văn Tận	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08558/08S69
12282	S69-14238			Lê Văn Dư	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08559/08S69
12283	S69-14239			Lê Văn Hợp	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08560/08S69
12284	S69-14240			Lê Văn Thành	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08561/08S69
12285	S69-14241			Nguyễn Văn Dậm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08562/08S69
12286	S69-14242			Phạm Văn Hải	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08563/08S69
12287	S69-14243	CM-14600		Hồ Trung Hiếu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2010	10/07/2011	03541/10S69
12288	S69-14244			Trần Phước Nguyên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08565/08S69
12289	S69-14245			Trần văn Thuấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08566/08S69
12290	S69-14246			Nguyễn Văn Điều	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08567/08S69
12291	S69-14247			Trần Minh Bửu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08568/08S69
12292	S69-14248			Đặng Văn Thức	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	31/10/2009	08569/08S69
12293	S69-14249			Nguyễn Văn Công	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08570/08S69
12294	S69-14250	CM-14445		Nguyễn Tấn Chinh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	27/08/2010	27/08/2011	04521/10S69
12295	S69-14252			Lâm Văn Vĩnh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08572/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12296	S69-14253			Nguyễn Thanh Hợp	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08573/08S69
12297	S69-14254			Đặng Văn Nho	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08574/08S69
12298	S69-14255			Đỗ Văn Ngoãn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08575/08S69
12299	S69-14256			Đỗ Văn Hiệp	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/11/2009	08576/08S69
12300	S69-14257			Phạm Văn Hồi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08577/08S69
12301	S69-14258	CM: 14606		Quách Văn Hón	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/01/2011	25/01/2012	00357/11S69
12302	S69-14259			Lê Văn Ngon	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08579/08S69
12303	S69-14260			Trần Văn Hiếu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08580/08S69
12304	S69-14261			Trần Văn Thanh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08581/08S69
12305	S69-14262			Nguyễn Công Bằng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08582/08S69
12306	S69-14263			Hồng Văn Trường	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08583/08S69
12307	S69-14264			Dương Văn Bữu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08584/08S69
12308	S69-14265			Tô Minh Thành	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08585/08S69
12309	S69-14266	CM-14463		Tô Minh Hoàng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05173/10S69
12310	S69-14267			Lê Văn Tuấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08587/08S69
12311	S69-14268			Cao Văn Thuận	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08588/08S69
12312	S69-14269			Lê Thanh Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08589/08S69
12313	S69-14270			Nguyễn Văn Mau	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08590/08S69
12314	S69-14271			Nguyễn Văn Danh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08591/08S69
12315	S69-14272			Đỗ Văn Lợi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08592/08S69
12316	S69-14273			Thạch Ngát	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08593/08S69
12317	S69-14274			Nguyễn Văn Y	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08594/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12318	S69-14275			Lê Khoa	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08595/08S69
12319	S69-14276	CM-14551		Phạm Văn Bảy	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2014	10/10/2015	02758/14S69
12320	S69-14277	CM-14626		Lê Văn Dũng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06319/09S69
12321	S69-14278			Lê Văn ứng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08598/08S69
12322	S69-14279			Bùi Quốc Tuấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08599/08S69
12323	S69-14280			Nguyễn Văn Công	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08600/08S69
12324	S69-14281			Nguyễn Văn Phương	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08601/08S69
12325	S69-14282			Trần Văn Trung	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08602/08S69
12326	S69-14283	CM-14459		Quách Văn Chữ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2011	10/02/2012	00483/11S69
12327	S69-14284			Hà Thanh Liêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08604/08S69
12328	S69-14285	CM-14564		Nguyễn Hoàng Đảm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/10/2010	05/10/2011	05136/10S69
12329	S69-14286			Huỳnh Minh Chính	Khóm 3, Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08606/08S69
12330	S69-14287			Nguyễn Quốc Duyệt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08607/08S69
12331	S69-14288			Lê Thị Chung	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08608/08S69
12332	S69-14289			Huỳnh Thanh Phong	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08609/08S69
12333	S69-14290			Cao Thị Dân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08610/08S69
12334	S69-14291			Lê Văn Giang	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08611/08S69
12335	S69-14292			Huỳnh Văn Ca	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08612/08S69
12336	S69-14293			Võ Minh Thuận	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08613/08S69
12337	S69-14294			Nguyễn Văn Chính	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08614/08S69
12338	S69-14295			Nguyễn Sinh Cung	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08615/08S69
12339	S69-14296	CM-14596		Phạm Minh Trí	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2011	29/03/2012	01099/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12340	S69-14297			Đoàn Thành Lợi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08617/08S69
12341	S69-14298			Phạm Văn Nghĩa	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08618/08S69
12342	S69-14299			Nguyễn Văn Tân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08619/08S69
12343	S69-14300			Trần Văn Phúc	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08620/08S69
12344	S69-14301			Nguyễn Bé Năm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08621/08S69
12345	S69-14302			Đặng Văn Là	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08622/08S69
12346	S69-14303			Nguyễn Hoàng Hồ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08623/08S69
12347	S69-14304			Cao Văn Thương	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08624/08S69
12348	S69-14305			Châu Văn Mộng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08625/08S69
12349	S69-14306	CM-14554		Cao Văn Khánh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06321/09S69
12350	S69-14307			Đỗ Văn Thắng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08627/08S69
12351	S69-14308			Nguyễn Trường An	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08628/08S69
12352	S69-14309			Lê Văn Tân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08629/08S69
12353	S69-14310			Cao Văn Lực	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08630/08S69
12354	S69-14312	CM-12945		Võ Văn Chiến	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01663/10S69
12355	S69-14314	CM-00005	Vỏ HàNG	Huỳnh Tấn Mạnh	Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	25/10/2008	25/10/2009	08711/08S69
12356	S69-14315	CM-12944		Cao Tấn Tài	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	11/04/2012	11/04/2013	01549/12S69
12357	S69-14316			Xí Nghiệp Xây Dựng Tổng Hợp Năm Quân	Khóm2, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08719/08S69
12358	S69-14317	CM-13278		Đặng Việt Quân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	02/01/2011	02/01/2012	00045/11S69
12359	S69-14318	CM-13279		Đặng Lạc Dương	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	25/01/2011	25/01/2012	00362/11S69
12360	S69-14319			Cao Văn Thịnh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08631/08S69
12361	S69-14320			Nguyễn Thống Nhứt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08632/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12362	S69-14321		Phát Huy	Lê Thị Vân	Khánh Hội, Huyện U Minh	05/11/2008	05/11/2009	08722/08S69
12363	S69-14322			Nguyễn Thống Nhứt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08633/08S69
12364	S69-14323			Trần Văn Nhân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08634/08S69
12365	S69-14324			Đặng Văn Hiện	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08635/08S69
12366	S69-14325			Đoàn Văn Lạ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08636/08S69
12367	S69-14326			Lê Thanh Song	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08637/08S69
12368	S69-14327	CM-14474		Trần Quốc Biên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08638/08S69
12369	S69-14328			Lâm Văn Thành	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08639/08S69
12370	S69-14329			Trần Thanh Hiền	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08640/08S69
12371	S69-14330			Nguyễn Văn Nghị	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2012	17/01/2013	00296/12S69
12372	S69-14331			Văn Tài Đông	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/10/2008	15/10/2009	08642/08S69
12373	S69-14332			Nguyễn Văn Hải	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08643/08S69
12374	S69-14333			Võ Văn Khuôi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08644/08S69
12375	S69-14334			Nguyễn Hoàng Anh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08645/08S69
12376	S69-14335			Nguyễn Thành Công	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2010	20/01/2011	00410/10S69
12377	S69-14336			Nguyễn Thanh Biên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/11/2008	04/11/2009	08724/08S69
12378	S69-14337			Nguyễn Thanh Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/11/2008	04/11/2009	08725/08S69
12379	S69-14338			Mã Văn Công	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08646/08S69
12380	S69-14339			Lưu Đỗ Quân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08647/08S69
12381	S69-14340			Phạm Văn Tổ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08648/08S69
12382	S69-14341	CM-14603		Tăng Văn Loan	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/11/2010	25/11/2011	05754/10S69
12383	S69-14342			Phạm Văn Hiền	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08650/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12384	S69-14343			Trần Văn Tổ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08651/08S69
12385	S69-14344			Trần Văn Hải	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08652/08S69
12386	S69-14345			Lê Văn Quân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08653/08S69
12387	S69-14346			Trần Duy Khánh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08654/08S69
12388	S69-14347			Lê Thanh Chuẩn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08655/08S69
12389	S69-14348			Nguyễn Văn Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08656/08S69
12390	S69-14349			Lâm Thanh Bình	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08657/08S69
12391	S69-14350			Nguyễn Văn Chin	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08658/08S69
12392	S69-14351			Trần Văn Mười	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08659/08S69
12393	S69-14352			Nguyễn Văn Suối	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08660/08S69
12394	S69-14354			Lê Hoàng Anh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08662/08S69
12395	S69-14355			Nguyễn Văn Hoàng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08663/08S69
12396	S69-14356			Phạm Thanh Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08664/08S69
12397	S69-14357			Công Ty CP XNK NSTP Cà Mau	Phường 6, Thành phố Cà Mau	30/10/2008	30/10/2009	08665/08S69
12398	S69-14358			Lê Văn Hiệp	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08666/08S69
12399	S69-14359			Phạm Minh Thông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08667/08S69
12400	S69-14360			Phạm Văn Liêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08668/08S69
12401	S69-14361			Trương Quốc Hón	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08669/08S69
12402	S69-14362	CM-14624		Trương Minh Thắm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/01/2010	12/01/2011	00182/10S69
12403	S69-14363	CM-14418		Trương Văn Triệu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/01/2011	12/01/2012	00167/11S69
12404	S69-14364			Ngô Văn Giờ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08672/08S69
12405	S69-14365	CM-14597		Nguyễn Văn Quyền	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	24/02/2011	24/02/2012	00600/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12406	S69-14366			Huỳnh Hoàng Anh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08674/08S69
12407	S69-14367			Cao Văn Tho	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08675/08S69
12408	S69-14368			Mai Văn Dương	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08676/08S69
12409	S69-14369			Nguyễn Văn Xiếu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08677/08S69
12410	S69-14370			Nguyễn Hoàng Sa	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08678/08S69
12411	S69-14371			Lê Tấn Đạt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	14371/08S69
12412	S69-14372			Nguyễn Văn Phúc	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08680/08S69
12413	S69-14373			Lâm Văn Rong	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08681/08S69
12414	S69-14374			Trần Thanh Phong	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08682/08S69
12415	S69-14375			Huỳnh Hoàng Văn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08683/08S69
12416	S69-14376			Lâm Thanh Tòng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08684/08S69
12417	S69-14377			Lê Văn Tùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08685/08S69
12418	S69-14378	CM-14420		Huỳnh Việt Toàn	Khóm 4, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	25/05/2010	25/05/2011	02842/06S69
12419	S69-14379			Lưu Ngọc ấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08687/08S69
12420	S69-14380			Nguyễn Văn Lăng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08688/08S69
12421	S69-14381			Phan Văn Khanh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08689/08S69
12422	S69-14382			Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08690/08S69
12423	S69-14383			Lê Bé Ba	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08691/08S69
12424	S69-14384			Son Sal	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08692/08S69
12425	S69-14385			Đặng Quốc Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08694/08S69
12426	S69-14386			Trần Hoàng Nam	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08693/08S69
12427	S69-14387			Nguyễn Văn Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08695/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12428	S69-14388			Lê Văn Mẫn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08696/08S69
12429	S69-14389			Cao Văn Hải	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08697/08S69
12430	S69-14390			Nguyễn Văn Đăng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08698/08S69
12431	S69-14391			Lê Văn Mỹ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08699/08S69
12432	S69-14392			Trà Văn Huôi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08700/08S69
12433	S69-14393	CM-14595		Huỳnh Văn Hôn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/11/2010	25/11/2011	05755/10S69
12434	S69-14394			Nguyễn Văn Điều	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08702/08S69
12435	S69-14395			Lê Văn Nghĩa	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08703/08S69
12436	S69-14396			Lê Văn Mau	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08704/08S69
12437	S69-14397			Lê Văn Lâm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08705/08S69
12438	S69-14398	CM-14583		Nguyễn Trường Giang	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	03/04/2010	03/04/2011	01913/10S69
12439	S69-14399			Tôn Hồng Hiệp	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08707/08S69
12440	S69-14400			Trần Hữu Trọng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08708/08S69
12441	S69-14401			Đào Việt Thắng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08709/08S69
12442	S69-14402			Võ Minh Quang	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08710/08S69
12443	S69-14403			Lê Công Chánh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08733/08S69
12444	S69-14404			Phạm Văn Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08734/08S69
12445	S69-14405			Bùi Văn Đoàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08735/08S69
12446	S69-14406			Trần Văn Phong	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08736/08S69
12447	S69-14407			Trần Văn Hiền	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08737/08S69
12448	S69-14408			Nguyễn Văn Tổng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08738/08S69
12449	S69-14409			Trần Văn Thi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08739/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12450	S69-14410			Nguyễn Văn Khanh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08740/08S69
12451	S69-14411			Đỗ Văn Rô	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08741/08S69
12452	S69-14412	CM-14563		Cao Văn Thương	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/11/2010	12/11/2011	05590/10S69
12453	S69-14413			Châu Văn Cơ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08743/08S69
12454	S69-14414			Trần Văn Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08744/08S69
12455	S69-14415			Lý Văn Tổng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08745/08S69
12456	S69-14416			Sử Minh Đại	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08746/08S69
12457	S69-14417			Nguyễn Dũng Sỹ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08747/08S69
12458	S69-14418			Nguyễn Văn Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08748/08S69
12459	S69-14419			Lê Văn Lây	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08749/08S69
12460	S69-14420	CM-14659		Trần Văn Lâm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05729/13S69
12461	S69-14421			Nguyễn Văn Mụm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08751/08S69
12462	S69-14422			Từ Thanh Tùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08752/08S69
12463	S69-14423			Lâm Văn Trường	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08753/08S69
12464	S69-14424			Võ Văn Ninh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08754/08S69
12465	S69-14425			Huỳnh Văn A	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08755/08S69
12466	S69-14426	CM-14623		Đặng Văn Thường	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/02/2015	09/02/2016	00304/15S69
12467	S69-14427			Phạm Hùng Anh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08757/08S69
12468	S69-14428			Lê Công Luận	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08758/08S69
12469	S69-14429	CM-14609		Phan Văn Sự	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06429/12S69
12470	S69-14430			Ngô Văn Lượm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08760/08S69
12471	S69-14431			Nguyễn Văn Dội	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08761/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12472	S69-14432			Nguyễn Văn Khanh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08762/08S69
12473	S69-14433			Mai Văn Trường	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08763/08S69
12474	S69-14434			Nguyễn Văn Chương	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08764/08S69
12475	S69-14435			Bùi Văn Vui	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08765/08S69
12476	S69-14436	CM-14625		Hùynh Văn Nhỏ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/04/2011	25/04/2012	01390/11S69
12477	S69-14437			Lê Văn Nhớ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08767/08S69
12478	S69-14438	CM-14582		Dương Thanh Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04256/10S69
12479	S69-14439			Nguyễn Trường Giang	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08769/08S69
12480	S69-14440			Bùi Văn Châu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08770/08S69
12481	S69-14441			Bùi Thị Phụng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08771/08S69
12482	S69-14442			Nguyễn Văn Hợp	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08772/08S69
12483	S69-14443			Thái Trung Thật	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08773/08S69
12484	S69-14444			Trần Văn Đăng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08774/08S69
12485	S69-14445			Trần Văn út	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08775/08S69
12486	S69-14446			Nguyễn Vũ Ca	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08776/08S69
12487	S69-14447			Tăng Hoàng Văn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08777/08S69
12488	S69-14448			Thi Văn Bo	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/11/2009	08778/08S69
12489	S69-14449			Trần Việt Thắng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08779/08S69
12490	S69-14450			Thi Văn Tám	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08780/08S69
12491	S69-14451			Phạm Văn Lỡ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08781/08S69
12492	S69-14452			Tiết Văn út	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08782/08S69
12493	S69-14453			Nguyễn Tấn Tài	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08783/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12494	S69-14454			Lư Minh Non	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08784/08S69
12495	S69-14455			Lư Trọng Đang	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08785/08S69
12496	S69-14456			Nguyễn Văn Tèo	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08786/08S69
12497	S69-14457			Trần Văn út	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08787/08S69
12498	S69-14458			Thái Hữu Tạo	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08788/08S69
12499	S69-14460			Bùi thanh Giang	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08790/08S69
12500	S69-14461	CM-13274		Trần Duy Hưng	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07401/09S69
12501	S69-14462			Nguyễn Văn Ngại	Việt Thăng, Huyện Phú Tân	04/11/2008	04/11/2009	08730/08S69
12502	S69-14463			Nguyễn Ngọc Mười	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08731/08S69
12503	S69-14464			Lê Văn Việt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08791/08S69
12504	S69-14465			Lê Văn Nam	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08792/08S69
12505	S69-14466			Nguyễn Văn Lắm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08793/08S69
12506	S69-14467			Đặng Hoàng Giang	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08794/08S69
12507	S69-14468			Ngô Văn Năm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08795/08S69
12508	S69-14469	CM-14660		Trần Quốc Văn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/11/2010	25/11/2011	05753/10S69
12509	S69-14470			Lê Văn Thắng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08797/08S69
12510	S69-14471			Quách Văn Hón	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08798/08S69
12511	S69-14472	CM-13273		Dương Hoàng Tuấn	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08832/08S69
12512	S69-14474			Trần Văn Hoài	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08799/08S69
12513	S69-14475			Trần Văn Thuận	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08800/08S69
12514	S69-14476	CM-14610		Trần Quốc Yên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	23/05/2012	23/05/2013	02234/12S69
12515	S69-14477			Trần Quốc Yên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08802/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12516	S69-14478			Trần Hữu Hiếu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08803/08S69
12517	S69-14479			Nguyễn Văn Tám	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08804/08S69
12518	S69-14480			Trần Văn Bình	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08805/08S69
12519	S69-14481			Lê Văn Quân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08806/08S69
12520	S69-14482	CM-14602		Châu Quốc Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2015	10/02/2016	00312/15S69
12521	S69-14483			Nguyễn Văn Kết	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08808/08S69
12522	S69-14484			Nguyễn Văn Xuyên	Khóm 4 - TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08809/08S69
12523	S69-14485			Lâm Văn Cui	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08810/08S69
12524	S69-14486	CM-	TiN NHIỆM	Nguyễn Văn Đạt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08812/08S69
12525	S69-14487	CM-	Đồ	Trần Hoàng Tây	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08813/08S69
12526	S69-14488	CM-02264		Đặng Thanh Linh	Khánh bình đông, Huyện Trần Văn Thời	30/10/2008	30/10/2009	08823/08S69
12527	S69-14489	CM-14313		Trần Văn Hưng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04750/10S69
12528	S69-14490			Trần Hữu Lộc	Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08852/08S69
12529	S69-14491			Cao Việt Tuấn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	04/11/2008	04/11/2009	08853/08S69
12530	S69-14492	CM-14291		Nguyễn Văn Rồi	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	09/03/2010	09/03/2011	01105/10S69
12531	S69-14493			Trần Trường Hận	Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08855/08S69
12532	S69-14494	CM-14314		Đặng Văn Luận	Trần Thới, Huyện Cái Nước	03/07/2013	03/07/2014	03400/13S69
12533	S69-14495	CM-14305		Phạm Hoàng út	Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01039/12S69
12534	S69-14496			Hồ Thị Nghĩa	Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08858/08S69
12535	S69-14497			Hồ Văn Tổng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	08837/08S69
12536	S69-14498	CM-11999		Phạm Văn Linh	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/09/2009	10/09/2010	05519/09S69
12537	S69-14499			Lâm Văn Vinh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/11/2008	07/11/2009	08839/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12538	S69-14500			Hồ Văn Tol	Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08859/08S69
12539	S69-14501			Nguyễn Văn Ràng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08860/08S69
12540	S69-14502	CM-14312		Đặng Văn Đương	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07009/09S69
12541	S69-14503			Huỳnh Văn Toàn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08862/08S69
12542	S69-14504	CM-43235		Võ Văn Xê	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2013	00918/12S69
12543	S69-14505			Nguyễn Văn Dao	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	04/11/2008	04/11/2009	08864/08S69
12544	S69-14506			Võ Thanh Tâm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	04/11/2008	04/11/2009	08865/08S69
12545	S69-14507			Nguyễn Thành Thăng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	04/11/2008	04/11/2009	08866/08S69
12546	S69-14509	Cm-14301		Công Ty Xăng Dầu Cà Mau	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/01/2010	12/01/2011	00208/10S69
12547	S69-14510			Nguyễn Văn Thương	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	04/11/2008	04/11/2009	08869/08S69
12548	S69-14511			Nguyễn Văn Xinh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	04/11/2008	04/11/2009	08870/08S69
12549	S69-14512			Nguyễn Trung Liệt	Khóm I , TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08871/08S69
12550	S69-14513	CM-14283		Phạm Hữu sự	Khóm II, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/11/2010	16/11/2011	05667/10S69
12551	S69-14514			Trương Văn Hà	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08873/08S69
12552	S69-14515	CM-43352		Nguyễn Văn Hưởng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	30/12/2011	30/12/2012	00006/12S69
12553	S69-14516			Nguyễn Thành Trung	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08875/08S69
12554	S69-14517	CM-14286		Nguyễn Văn Đô	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00294/12S69
12555	S69-14518			Võ Thanh Giang	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08877/08S69
12556	S69-14519	CM-14296		Phạm Quốc Xưa	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/12/2011	30/12/2012	00007/12S69
12557	S69-14520			Tô Văn Tư	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08879/08S69
12558	S69-14521			Lê Đình Thal	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08880/08S69
12559	S69-14522	CM-14293		Nguyễn Văn Luól	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	21/12/2011	21/12/2012	04976/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12560	S69-14523			Trương Thanh Phong	Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08882/08S69
12561	S69-14524			Lê Minh Nhiệm	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08909/08S69
12562	S69-14525	CM-02141		Huỳnh Văn Lợi	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	08884/08S69
12563	S69-14526			Nguyễn Thị Kiều	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08910/08S69
12564	S69-14527			Lê Văn Vạn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08911/08S69
12565	S69-14528			Dương Minh Hào	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08912/08S69
12566	S69-14529			Lê Văn Sơn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08913/08S69
12567	S69-14530			Mạc Quốc Thuấn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08914/08S69
12568	S69-14531			Phạm Văn Nhứt	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08915/08S69
12569	S69-14532			Võ Văn Cảnh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08916/08S69
12570	S69-14533			Phạm Việt Mỹ	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08917/08S69
12571	S69-14534			Võ Văn Hồng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08918/08S69
12572	S69-14535			Phạm Văn Tăng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08919/08S69
12573	S69-14536			Võ Minh Thanh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08920/08S69
12574	S69-14537			Nguyễn Hoàng Vũ	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08921/08S69
12575	S69-14538			Đỗ Chí Nguyên	Khóm 3, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08922/08S69
12576	S69-14539			Huỳnh Văn Chân	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08923/08S69
12577	S69-14540			Nguyễn Hoàng Mum	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08924/08S69
12578	S69-14541			Trịnh Việt Hùng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08925/08S69
12579	S69-14542			Lý Bền	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08926/08S69
12580	S69-14543	CM-14353		Phan Văn Sơn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2011	12/08/2012	02690/11S69
12581	S69-14544			Nguyễn Văn Mến	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08928/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12582	S69-14545			Huỳnh Văn Tập	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08929/08S69
12583	S69-14546	CM-15327		Trần Thanh Tân	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00147/11S69
12584	S69-14547			Dương ái Chia	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	11/11/2008	08/11/2009	08931/08S69
12585	S69-14548			Lê Hoàng Non	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08932/08S69
12586	S69-14549			Bùi Ngọc Nhẫn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08933/08S69
12587	S69-14550			Nguyễn Văn Quang	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08934/08S69
12588	S69-14551			Huỳnh Thanh Trung	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08935/08S69
12589	S69-14552			Ngô Văn Diện	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08936/08S69
12590	S69-14553			Nguyễn Vũ Hoàng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08937/08S69
12591	S69-14554			Võ Văn Long	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08938/08S69
12592	S69-14555			Nguyễn Văn Luân	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08939/08S69
12593	S69-14556			Dương Văn Hiện	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08940/08S69
12594	S69-14557			Phạm Minh Đương	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08941/08S69
12595	S69-14558			Lâm Văn Diệu	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08942/08S69
12596	S69-14559			Huỳnh Văn Tổng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08943/08S69
12597	S69-14560			Nguyễn Văn Trình	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08944/08S69
12598	S69-14561			Nguyễn Văn Giàu	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08945/08S69
12599	S69-14562			Nguyễn Minh Kha	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08946/08S69
12600	S69-14563			Lê Hoàng Giang	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08947/08S69
12601	S69-14564			Đặng Thành Lập	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08948/08S69
12602	S69-14565			Trần Lượm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	04/11/2008	04/11/2009	08889/08S69
12603	S69-14566			Trang Văn Phương	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/10/2008	08/10/2009	08890/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12604	S69-14567			Bùi Văn Chơn	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	04/11/2008	04/11/2009	08893/08S69
12605	S69-14568			Nguyễn Minh Khương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08899/08S69
12606	S69-14569			Nguyễn Văn Xô	K4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	20/01/2010	20/01/2011	00284/10S69
12607	S69-14570	CM-13295		Nguyễn Văn út	Khánh An, Huyện U Minh	24/11/2010	24/11/2011	05750/10S69
12608	S69-14571	CM-13296		Phạm Việt Thắng	Xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00570/10S69
12609	S69-14573	CM-13358		Cao Minh Đuộm	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	24/06/2010	24/06/2011	03324/10S69
12610	S69-14574			CTy TNHH Thanh Nhân I	129 B Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Cà Mau	13/11/2008	13/11/2009	08956/08S69
12611	S69-14575			CTy TNHH Thanh Nhân I	129 B Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Cà Mau	13/11/2008	13/11/2009	08957/08S69
12612	S69-14577	CM-13360		Nguyễn Thị Hà	ấp Cây Trâm, Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	08/07/2010	08/07/2011	03520/10S69
12613	S69-14579	CM-13359		Phạm Văn Dũng	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/12/2009	07/12/2010	06931/09S69
12614	S69-14581			Lê Văn Côi	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	08969/08S69
12615	S69-14582			Lý Văn Trung	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/11/2008	14/11/2009	08971/08S69
12616	S69-14584	CM-13368		Lê Hoàng Thi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03789/12S69
12617	S69-14585	CM-13636		Nguyễn Hoàng Thăng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/08/2011	31/08/2012	03032/02S69
12618	S69-14586			Trần Trọng Hữu	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	17/11/2008	17/11/2009	08982/08S69
12619	S69-14587			Phạm Văn Tú	ấp Tân Hóa, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	17/11/2008	17/11/2009	08987/08S69
12620	S69-14588			Lê Văn Nhi	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	08997/08S69
12621	S69-14589			Võ Văn Lực	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	08998/08S69
12622	S69-14590			Nguyễn Văn Đăng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	08999/08S69
12623	S69-14591	CM-14727		Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04267/12S69
12624	S69-14592	CM-14714		Mã Văn Đức	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01421/11S69
12625	S69-14593			Nguyễn Văn Sáu	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09002/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12626	S69-14594	CM-13915		Lê Thanh Thiện	Khánh Tiến, Huyện U Minh	07/05/2013	07/05/2014	02474/13S69
12627	S69-14595	CM-13917		Lê Thanh Thiện	Khánh Tiến, Huyện U Minh	07/05/2013	07/05/2014	02473/13S69
12628	S69-14596			Nguyễn Văn Dư	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09005/08S69
12629	S69-14597			Trần Văn Hậu	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09006/08S69
12630	S69-14598			Nguyễn Văn Vũ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09007/08S69
12631	S69-14599			Trần Hữu Đất	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09008/08S69
12632	S69-14600			Nguyễn Văn Lũy	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09009/08S69
12633	S69-14601			Lê Hoàng Soi	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09010/08S69
12634	S69-14602			Nguyễn Văn My	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	17/11/2008	17/11/2009	09011/08S69
12635	S69-14603			Trương Hoàng Trung	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09012/08S69
12636	S69-14604			Lê Minh Trí	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09013/08S69
12637	S69-14605			Nguyễn Hoàng Vững	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09014/08S69
12638	S69-14606			Võ Văn Toàn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09015/08S69
12639	S69-14607			Trần Văn Chánh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09016/08S69
12640	S69-14608			Hùynh Thanh Đông	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09017/08S69
12641	S69-14609			Huỳnh Văn Vững	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09018/08S69
12642	S69-14610			Trần Chí Tâm	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09019/08S69
12643	S69-14611			Trần Văn Tây	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09020/08S69
12644	S69-14612			Võ Văn Bụi	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09021/08S69
12645	S69-14613			Lê Văn Hậu	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09022/08S69
12646	S69-14614			Nguyễn Văn Lụa	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09023/08S69
12647	S69-14615			Trịnh Văn Khải	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09024/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12648	S69-14616			Đặng Văn Bảy	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09025/08S69
12649	S69-14617	CM-14713		Nguyễn Văn Nhôm	Khánh hòa, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01422/11S69
12650	S69-14618			Huỳnh Văn Phết	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09027/08S69
12651	S69-14619	CM-14734		Lê Văn Chinh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01423/11S69
12652	S69-14620	CM-14707		Nguyễn Trung Kiên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01427/11S69
12653	S69-14621			Nguyễn Văn Thắng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09030/08S69
12654	S69-14622			Lê Văn Sệ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09031/08S69
12655	S69-14623			Nguyễn Văn Chiến	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09032/08S69
12656	S69-14624			Nguyễn Thanh Vũ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09033/08S69
12657	S69-14625			Nguyễn Đức Thuận	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09034/08S69
12658	S69-14626			Lê Văn Tiễn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09035/08S69
12659	S69-14627			Trần Văn Hùng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09036/08S69
12660	S69-14628			Huỳnh Thanh Đông	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09037/08S69
12661	S69-14629			Nguyễn Văn Chánh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09038/08S69
12662	S69-14630	CM: 13373		Đỗ Hoàng Anh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04697/10S69
12663	S69-14632			Đỗ Minh Đức	ấp Tân Hóa A, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	19/11/2008	19/11/2009	09043/08S69
12664	S69-14633			Nguyễn Văn Lợi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	19/11/2008	19/11/2009	09048/08S69
12665	S69-14635			Trần Bảo Quốc	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	20/11/2008	20/11/2009	09063/08S69
12666	S69-14636			Nguyễn Văn Chiến	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09064/08S69
12667	S69-14637	CM-.....	Ghe Tải	Tạ Văn Chiến	TT. Cái Nước, Huyện Cái Nước	02/12/2009	02/12/2010	02055/09S95
12668	S69-14638	CM-13401		Đỗ Đức Quân	Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	20/06/2012	20/06/2013	02988/12S69
12669	S69-14639	CM-13386		Nguyễn Văn Vũ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02285/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12670	S69-14640			Huỳnh Văn Giã	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09086/08S69
12671	S69-14641			Huỳnh Văn Vững	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09087/08S69
12672	S69-14642			Lê Quốc Nam	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09088/08S69
12673	S69-14643			Nguyễn Văn ức	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09089/08S69
12674	S69-14644			Phan Tấn Thừa	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09090/08S69
12675	S69-14645			Phan Văn Dương	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09091/08S69
12676	S69-14646			Nguyễn Văn Thắng	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09092/08S69
12677	S69-14647			nguyễn Văn Tính	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09093/08S69
12678	S69-14648			Nguyễn Đồng Khởi	Khánh Hoà, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09094/08S69
12679	S69-14649			Nguyễn Văn Tân	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09095/08S69
12680	S69-14650			Trần Minh Thiện	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09096/08S69
12681	S69-14651			Phạm Văn Thật	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09097/08S69
12682	S69-14652			Nguyễn Văn Vịnh	Khóm 3 - TT U Minh, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09098/08S69
12683	S69-14653			Nguyễn Văn Xuyên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09099/08S69
12684	S69-14654			Phạm văn Trang	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09100/08S69
12685	S69-14655	CM-13400		Ngô Văn Yên	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05975/10S69
12686	S69-14656			Trần văn Chuởng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	17/11/2008	17/11/2009	09103/08S69
12687	S69-14657			Tăng Hòa An	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	21/11/2008	21/11/2009	09104/08S69
12688	S69-14658			Kim Văn Quang	Khóm 6, Phường 8, Thành phố Cà Mau	24/11/2008	24/11/2009	09105/08S69
12689	S69-14659	Cm-13402		Phùng Văn Dũng	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	29/07/2011	29/07/2012	02507/11S69
12690	S69-14660	CM-13403		Trương Văn Tuấn	Khánh An, Huyện U Minh	21/12/2009	21/12/2010	07245/09S69
12691	S69-14661	CM-16554		Mai Văn Cảnh	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	13/04/2015	13/04/2016	00689/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12692	S69-14662			Thái Thanh Lan	Số 40,Phan Đình Phùng,Phường 2, Thành phố Cà Mau	02/12/2009	02/12/2010	06892/06S69
12693	S69-14663			Trần Chí Linh	Gạch Chèo, Huyện Phú Tân	12/11/2009	12/11/2010	06614/09S69
12694	S69-14664			Trương Văn Thâm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09070/08S69
12695	S69-14665			Dương Văn Danh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09071/08S69
12696	S69-14666			Nguyễn Lê Quân	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09072/08S69
12697	S69-14667			Nguyễn Văn Đăng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09073/08S69
12698	S69-14668			Võ Việt Cường	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09074/08S69
12699	S69-14669			Nguyễn Văn Thắng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09075/08S69
12700	S69-14670			Phan Thanh Thảo	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09076/08S69
12701	S69-14671			Huỳnh Hữu Truyền	Đông Thới, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09077/08S69
12702	S69-14672			Nguyễn Chí Tâm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09078/08S69
12703	S69-14673			Dương Văn Tô	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	24/06/2011	24/06/2012	02073/11S69
12704	S69-14674			Đoàn Hữu Hiếu	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09080/08S69
12705	S69-14675			Trần Văn Diện	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09081/08S69
12706	S69-14676			Nguyễn Thanh Sơn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09082/08S69
12707	S69-14677			Nguyễn Minh Luân	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2008	20/11/2009	09083/08S69
12708	S69-14678			Nguyễn Hùng Anh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09173/08S69
12709	S69-14679			Nguyễn Văn Việt	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09174/08S69
12710	S69-14680			Hồ Văn Trường	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09175/08S69
12711	S69-14681			Lê Văn Giờ	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09176/08S69
12712	S69-14682			Hồ Văn The	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09177/08S69
12713	S69-14683			Hồ Thanh Sơn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09178/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12714	S69-14684			Châu Văn Trạng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09179/08S69
12715	S69-14685			Phạm Văn Chiến	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09180/08S69
12716	S69-14686			Bùi Dũng Tiến	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09181/08S69
12717	S69-14687			Trần Văn Kích	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09182/08S69
12718	S69-14688			Lê Văn Tám	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09183/08S69
12719	S69-14689			Đặng Văn Hùng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09184/08S69
12720	S69-14690			Đỗ Văn Nối	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09185/08S69
12721	S69-14691			Lý Văn Huynh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09186/08S69
12722	S69-14692			Nguyễn Văn Chuộng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09187/08S69
12723	S69-14693			Bùi Văn Lên	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09188/08S69
12724	S69-14694			Hứa Thanh Phong	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09189/08S69
12725	S69-14695			Lý Thị Láng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09190/08S69
12726	S69-14696			Hồ Phi De	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09191/08S69
12727	S69-14697			Nguyễn Văn Thu	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09192/08S69
12728	S69-14698			Nguyễn Thanh Tòng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09193/08S69
12729	S69-14699			Lê Văn Thắng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09194/08S69
12730	S69-14700			Nguyễn Văn Nghiêm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09195/08S69
12731	S69-14701			Ngô Phước Thiện	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09196/08S69
12732	S69-14702			Phạm Hồng Nhung	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09197/08S69
12733	S69-14703			Nguyễn Nhơn Trường	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09198/08S69
12734	S69-14704			Nguyễn Văn Việt	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09199/08S69
12735	S69-14705			Phan Minh Giang	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09200/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12736	S69-14706			Nguyễn Văn Linh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09201/08S69
12737	S69-14707			Lê Tuấn Thành	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09202/08S69
12738	S69-14708			Lương Văn Bộ	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09203/08S69
12739	S69-14709			Lê Văn út	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09204/08S69
12740	S69-14710			Phan Văn Chuộn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09205/08S69
12741	S69-14711			Huỳnh Văn Được	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09206/08S69
12742	S69-14712			Trần Hưng Đạo	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09207/08S69
12743	S69-14713			Nguyễn Văn Mãi	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09208/08S69
12744	S69-14714			Võ Thị Nguyệt	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09209/08S69
12745	S69-14715			Nguyễn Văn út	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09210/08S69
12746	S69-14716			Ngô Văn Đẹp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09211/08S69
12747	S69-14717			Dương Văn Lợi	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09212/08S69
12748	S69-14718			Phan Hoàng Lanh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09213/08S69
12749	S69-14719			Trần Văn Mến	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09214/08S69
12750	S69-14721			Phan Văn Đồi	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09215/08S69
12751	S69-14722			Lê Văn Diễn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09216/08S69
12752	S69-14723			Lê Hoàng Tư	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09217/08S69
12753	S69-14724			Nguyễn Văn Huynh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09218/08S69
12754	S69-14725			Lê Văn Tập	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09219/08S69
12755	S69-14726			Mai út Nhỏ	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09220/08S69
12756	S69-14727			Phan Văn Ních	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09221/08S69
12757	S69-14728			Nguyễn Bình An	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09222/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12758	S69-14729			Phạm Quang Mẫn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09223/08S69
12759	S69-14730	CM-03038		Lê Văn Kiên	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	24/10/2011	24/10/2012	03813/11S69
12760	S69-14732	CM-13602		Nguyễn Văn Phục	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/04/2013	08/04/2014	02086/13S69
12761	S69-14733			Dương Mỹ Nương	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09224/08S69
12762	S69-14734			Ngô Văn Tròn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09225/08S69
12763	S69-14735			Phạm Văn Hợp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09226/08S69
12764	S69-14736			Lê Văn Đường	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09227/08S69
12765	S69-14737			Lê Hoàng Bé	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09228/08S69
12766	S69-14738			Nguyễn Văn Giáp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09229/08S69
12767	S69-14739			Trương Văn Chuyển	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09230/08S69
12768	S69-14740			Phạm Việt Hồng	Tân Lộc đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09231/08S69
12769	S69-14741			Trần Văn Te	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09232/08S69
12770	S69-14742			Hồ Văn Tâm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09233/08S69
12771	S69-14743			Đặng Văn Niên	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09234/08S69
12772	S69-14744			Nguyễn Văn út	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09235/08S69
12773	S69-14745			Phạm Phú Quốc	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09236/08S69
12774	S69-14746			Phạm Thanh Hùng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09237/08S69
12775	S69-14747			Nguyễn Văn Thơm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09238/08S69
12776	S69-14748			Huỳnh Văn Liên	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09239/08S69
12777	S69-14749			Bạch Công Mót	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09240/08S69
12778	S69-14750			Lâm Quốc Hùng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09241/08S69
12779	S69-14751			Bùi Văn út	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09242/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12780	S69-14752			Đỗ Văn Danh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09243/08S69
12781	S69-14753			Lê Thanh Tâm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09244/08S69
12782	S69-14754			Trần Văn Huyện	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09245/08S69
12783	S69-14755			Trương Văn Khả	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09246/08S69
12784	S69-14756			Trà Minh Dương	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09247/08S69
12785	S69-14757			Nguyễn Văn Đường	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09248/08S69
12786	S69-14758			Nguyễn Văn Kình	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09249/08S69
12787	S69-14759			Bùi Văn Kháng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09250/08S69
12788	S69-14760			Nguyễn Văn Tới	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09251/08S69
12789	S69-14761			Nguyễn Trung Khá	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09252/08S69
12790	S69-14762			Phan Văn Tâm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09253/08S69
12791	S69-14763			Nguyễn Văn Thắm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09254/08S69
12792	S69-14764			Lê Văn Thành	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09255/08S69
12793	S69-14765			Cao Văn Suối	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09256/08S69
12794	S69-14766			Võ Văn Dương	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09257/08S69
12795	S69-14767			Nguyễn Minh ẫn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09258/08S69
12796	S69-14768			Đặng Văn Lâm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09259/08S69
12797	S69-14769			Lâm Minh Hoàng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09260/08S69
12798	S69-14770			Phạm Chí Toàn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09261/08S69
12799	S69-14771			Kiều Văn Hậu	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09262/08S69
12800	S69-14772			Nguyễn Văn An	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09263/08S69
12801	S69-14773			Lê Văn Liệt	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09264/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12802	S69-14774			Huỳnh Văn Thắng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09265/08S69
12803	S69-14775			Đỗ Văn Hòa	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09266/08S69
12804	S69-14776			Lê Văn Hôn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09267/08S69
12805	S69-14777			Huỳnh Văn Cộp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09268/08S69
12806	S69-14778			Nguyễn Văn Đạt	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09269/08S69
12807	S69-14779			Nguyễn Văn Huấn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09270/08S69
12808	S69-14780			Lê Văn Tèo	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09271/08S69
12809	S69-14781			Lê Văn Dũng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09272/08S69
12810	S69-14784			Lâm Hoàng Dân	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09275/08S69
12811	S69-14785			Lê Thành Công	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09276/08S69
12812	S69-14786			Nguyễn Thanh Bình	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09277/08S69
12813	S69-14787			Thái Thành Đức	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09278/08S69
12814	S69-14788			Võ Văn Vui	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	92779/08S69
12815	S69-14789			Đỗ Văn Khanh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09280/08S69
12816	S69-14791			Phạm Văn Dũng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09282/08S69
12817	S69-14792			Trần Văn Nhơn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09283/08S69
12818	S69-14793			Trương Văn Đóm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09284/08S69
12819	S69-14795			Huỳnh Văn Đô	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09286/08S69
12820	S69-14796			Trương Văn Tiếp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09287/08S69
12821	S69-14797			Võ Văn Vui	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09288/08S69
12822	S69-14804			Trương Văn Võ	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09295/08S69
12823	S69-14805			Lê Minh Quân	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09296/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12824	S69-14806	CM-14745		Nguyễn Thị Cẩm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	12/03/2014	12/09/2014	00658/14S69
12825	S69-14807			Trần Hoàng Trang	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09298/08S69
12826	S69-14808			Hứa Văn Sơn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09299/08S69
12827	S69-14809			Hồ Quốc Hiệp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09300/08S69
12828	S69-14810			Nguyễn Văn Khánh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09301/08S69
12829	S69-14811			Nguyễn Thanh Bình	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09302/08S69
12830	S69-14812			Trương văn Trọng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09303/08S69
12831	S69-14813			Cao Phương Hồng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09304/08S69
12832	S69-14814			Trần Văn Vũ	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09305/08S69
12833	S69-14815			Mã Trung Kiên	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09306/08S69
12834	S69-14816			Lâm Văn Thêm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09307/08S69
12835	S69-14817			Mã Trung Kiên	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09308/08S69
12836	S69-14818			Nguyễn Văn Mừng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09309/08S69
12837	S69-14819			Trần Văn Bổng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09310/08S69
12838	S69-14820			Võ Văn Tiếp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09311/08S69
12839	S69-14821			Nguyễn Duy Huấn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09312/08S69
12840	S69-14822			Hứa Văn Cường	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09313/08S69
12841	S69-14823			Đặng Văn Sơn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09314/08S69
12842	S69-14824			Đỗ Văn Muôn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09315/08S69
12843	S69-14825			Nguyễn Văn Đen	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09316/08S69
12844	S69-14826			Nguyễn La Mạnh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09317/08S69
12845	S69-14827			Hứa Hoàng Huy	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09318/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12846	S69-14830			Phạm Văn Khai	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09321/08S69
12847	S69-14832	CM-18416		Bùi Văn Tới	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09323/08S69
12848	S69-14833			Nguyễn Minh Duyên	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09324/08S69
12849	S69-14834			Võ Trường Hận	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09325/08S69
12850	S69-14835			Phạm út Đen	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09326/08S69
12851	S69-14836			Đỗ Văn Thân	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09327/08S69
12852	S69-14837			Trần Văn Tuấn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09328/08S69
12853	S69-14838			Nguyễn Văn Lượm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09329/08S69
12854	S69-14839			Diệp Văn Linh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09330/08S69
12855	S69-14840	CM-14826		Trần Văn Dương	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	05/01/2012	05/01/2013	00066/12S69
12856	S69-14841			Phan Văn Lựa	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09332/08S69
12857	S69-14842			Lâm Văn Thiện	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09333/08S69
12858	S69-14843			Trần Văn Độ	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09334/08S69
12859	S69-14844			Phan Minh Hai	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09335/08S69
12860	S69-14845			Nguyễn Thanh Bình	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09336/08S69
12861	S69-14846			Đặng Hoàng Thường	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09337/08S69
12862	S69-14847			Nguyễn Ri Ne	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09338/08S69
12863	S69-14848			Đào Văn Đèo	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09339/08S69
12864	S69-14850			Nguyễn Văn Nghiệp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09341/08S69
12865	S69-14851			Trương Thanh Hải	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09342/08S69
12866	S69-14852			Ngô Thị Mạnh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09343/08S69
12867	S69-14853			Phan Văn Ngân	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09344/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12868	S69-14854			Bùi Văn Gạo	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09345/08S69
12869	S69-14855			Nguyễn Thanh Nhân	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09346/08S69
12870	S69-14856			Nguyễn Chí Tính	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09347/08S69
12871	S69-14857			Nguyễn Văn Tình	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09348/08S69
12872	S69-14858			Châu Văn Hột	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09349/08S69
12873	S69-14859			Trần Bá Nghê	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09350/08S69
12874	S69-14860			Phan Văn Thắng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09351/08S69
12875	S69-14861			Đặng Văn Khải	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09352/08S69
12876	S69-14862			Nguyễn Văn Lộc	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09353/08S69
12877	S69-14863			Nguyễn Văn Bé	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09354/08S69
12878	S69-14864			Phan Minh Tuấn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09355/08S69
12879	S69-14865			Đỗ Văn Tới	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09356/08S69
12880	S69-14866			Nguyễn Hồng Đào	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09357/08S69
12881	S69-14867			Võ Minh Liệt	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09367/08S69
12882	S69-14868			Hồ Văn Tèo	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09359/08S69
12883	S69-14869			Võ Trường Giang	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09360/08S69
12884	S69-14870			Trương Thanh Lâm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09361/08S69
12885	S69-14872			Nguyễn Hoàng Phi	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09363/08S69
12886	S69-14873			Quách Hoàng Em	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09364/08S69
12887	S69-14874			Đoàn Văn Liệt	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09365/08S69
12888	S69-14875			Nguyễn Văn út	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09366/08S69
12889	S69-14877			Cao Văn Tiến	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09368/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12890	S69-14878			Lâm Thị Nở	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09369/08S69
12891	S69-14879			Trần Đắc Thắng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09370/08S69
12892	S69-14880			Thái Bình Tiến	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09371/08S69
12893	S69-14881			Võ Văn Bảy	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09372/08S69
12894	S69-14882			Bùi Văn Đen	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09373/08S69
12895	S69-14883			Lâm Văn Thùy	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09374/08S69
12896	S69-14884			Võ Thị Thi	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09375/08S69
12897	S69-14885			Nguyễn Văn Lợi	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09376/08S69
12898	S69-14886			Lý Văn Vinh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09377/08S69
12899	S69-14887			Nguyễn Văn Lăng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09378/08S69
12900	S69-14888			Phan Thanh Liêm	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09379/08S69
12901	S69-14889			Nguyễn Văn Hiến	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09380/08S69
12902	S69-14890			Lê Văn Hoàng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09381/08S69
12903	S69-14891			Mai Văn út Lớn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09382/08S69
12904	S69-14892			Bùi Thanh Vui	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09383/08S69
12905	S69-14893			Nguyễn Văn Chất	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09384/08S69
12906	S69-14894			Cao Hồng Điệp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/12/2009	09385/08S69
12907	S69-14895			Nguyễn Minh Đát	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09386/08S69
12908	S69-14896			Bùi Văn Thừa	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09387/08S69
12909	S69-14897			Lê Văn Thuận	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09388/08S69
12910	S69-14898			Huỳnh Văn Đáng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09389/08S69
12911	S69-14899			Phan Văn Giữ	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09390/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12912	S69-14900			Đặng Hoàng Anh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09391/08S69
12913	S69-14901			Lưu Thị Ên	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09392/08S69
12914	S69-14902			Bùi Văn Nhanh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09393/08S69
12915	S69-14903			Biện Minh Hưng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09394/08S69
12916	S69-14904			Đỗ Văn Giang	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09395/08S69
12917	S69-14905			Từ Thanh Ngươn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09396/08S69
12918	S69-14906			Nguyễn Văn út	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09397/08S69
12919	S69-14907			Nguyễn Văn Hát	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09398/08S69
12920	S69-14908			Phan Văn Hường	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09399/08S69
12921	S69-14909			Hồ Văn Hiện	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09400/08S69
12922	S69-14910			Dương Văn Phong	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09401/08S69
12923	S69-14911			Nguyễn Thị Quyên	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09402/08S69
12924	S69-14912			Bùi Văn Thắng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09403/08S69
12925	S69-14913			Hồ Đoán	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09404/08S69
12926	S69-14914			Nguyễn Hòa Tiếp	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09405/08S69
12927	S69-14915			Trương Thành Phong	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09406/08S69
12928	S69-14916			Nguyễn Văn Chí	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09407/08S69
12929	S69-14917			Trần Văn Trung	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09408/08S69
12930	S69-14918			Trịnh Văn Chiến	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09409/08S69
12931	S69-14919			Nguyễn Lưu Sơn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09410/08S69
12932	S69-14920			Hồ Văn Bình	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09411/08S69
12933	S69-14921			Trần Văn Nhon	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09412/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12934	S69-14922			Nguyễn Chế Linh	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09413/08S69
12935	S69-14923			Phan ý Muốn	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	09414/08S69
12936	S69-14924			Ngô Văn Sang	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	24/11/2008	24/11/2009	09415/08S69
12937	S69-14925			Phan Thanh Nam	Khánh Lâm, Huyện U Minh	27/11/2008	27/11/2009	09144/08S69
12938	S69-14927			Dương Trường Giang	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	27/11/2008	27/11/2009	09146/08S69
12939	S69-14928			Nguyễn Bảo Điền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	20/11/2008	20/11/2009	09150/08S69
12940	S69-14929			Trần Văn út	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	27/11/2008	27/11/2009	09153/08S69
12941	S69-14930			Cao Thanh Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/11/2008	28/11/2009	09157/08S69
12942	S69-14931			Ngô Công Luận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/11/2008	28/11/2009	09158/08S69
12943	S69-14932			Võ Bé Phương	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07012/09S69
12944	S69-14934			Dương Văn Tài	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09164/08S69
12945	S69-14935			Lê Phước Hữu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2008	01/12/2009	09166/08S69
12946	S69-14936	CM-14139		Nguyễn Phát Quang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05718/12S69
12947	S69-14937	CM-14138		Vũ Minh Tỷ	ấp Cây Trâm, Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	13/09/2012	13/09/2013	04764/12S69
12948	S69-14938			Lê Thanh Thiệt	Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/03/2010	19/03/2011	01476/10S69
12949	S69-14939			Quách Văn Thăng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	02/12/2008	02/12/2009	09418/08S69
12950	S69-14940			Công Ty TNHH Thanh Nhân I	Phường 6, Thành phố Cà Mau	02/12/2008	02/12/2009	09420/08S69
12951	S69-14941			Công Ty TNHH Thanh Nhân I	Phường 6, Thành phố Cà Mau	02/12/2008	02/12/2009	09421/08S69
12952	S69-14942			Trịnh Văn Cường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09437/08S69
12953	S69-14943			Trịnh Minh Trường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09438/08S69
12954	S69-14944			Trần Văn Dương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09439/08S69
12955	S69-14945			Nguyễn Văn Kẹo	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2008	26/11/2009	09440/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12956	S69-14946			Huỳnh Văn Ly	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09441/08S69
12957	S69-14947	CM-10035		Huỳnh Văn út	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	03/11/2011	03/11/2012	04067/11S69
12958	S69-14948			Nguyễn út Em	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09443/08S69
12959	S69-14949			Trần Văn Dính	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09444/08S69
12960	S69-14950			Thạch Văn Dương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09445/08S69
12961	S69-14951	CM-16608		Từ Mỹ Dung	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	20/01/2011	20/01/2012	00270/11S69
12962	S69-14952	CM-16627		Nguyễn Văn Tô	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2013	09/01/2014	00251/13S69
12963	S69-14953	CM-16629		Huỳnh Công Khanh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2010	11/01/2011	00154/10S69
12964	S69-14954			Nguyễn Văn Còn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09449/08S69
12965	S69-14955			Nguyễn Văn Tài	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09450/08S69
12966	S69-14956	CM-16586		Nguyễn Thành Được	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	14/10/2011	14/10/2012	03708/11S69
12967	S69-14957	CM-16601		Dương Hoàng Nhật	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	22/12/2010	22/12/2011	06198/10S69
12968	S69-14958			Từ Văn Cường	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09453/08S69
12969	S69-14959			Lê Minh Quang	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09454/08S69
12970	S69-14960	CM-16565		Từ Thanh Trung	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2010	02/02/2011	00683/10S69
12971	S69-14961			Trương Thanh Điền	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09456/08S69
12972	S69-14962			Phan Việt Quốc	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09457/08S69
12973	S69-14963			Phạm Văn Phúc	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09458/08S69
12974	S69-14964			Lý Thanh Nhàn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09459/08S69
12975	S69-14965	CM-16595		Quách Minh Kha	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/10/2009	01/10/2010	06046/09S69
12976	S69-14966			Dư Văn Kiên	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09461/08S69
12977	S69-14967			Phạm Văn Giờ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09462/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
12978	S69-14968			Nguyễn Văn Thuần	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09463/08S69
12979	S69-14969	CM-16575		Nguyễn Văn Đường	xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	23/03/2012	23/03/2013	01163/12S69
12980	S69-14970			Diệp Tiến Phong	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09465/08S69
12981	S69-14971			Nguyễn Minh Luân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/12/2009	09466/08S69
12982	S69-14972			Trần Văn Muôn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09467/08S69
12983	S69-14973			Huỳnh Vũ Lan	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09468/08S69
12984	S69-14974			Lý Hữu Hào	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09469/08S69
12985	S69-14975			Trần Văn Vũ	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09470/08S69
12986	S69-14976			Trần Văn Tiến	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09471/08S69
12987	S69-14977			Trịnh Văn Hồng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09472/08S69
12988	S69-14978			Trần Văn Danh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09473/08S69
12989	S69-14979			Tiêu Quốc Duy	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09474/08S69
12990	S69-14980			Huỳnh Văn Hiếu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/10/2011	19/10/2012	03797/11S69
12991	S69-14981			Lê Văn Hải	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09476/08S69
12992	S69-14982			Trần Hương Triều	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09477/08S69
12993	S69-14983			Võ Minh Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09478/08S69
12994	S69-14984			Lê Văn Thống	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09479/08S69
12995	S69-14985			Trần Văn Dì	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09480/08S69
12996	S69-14986			Lê Văn út	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09481/08S69
12997	S69-14987			Lê Văn Cần	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09482/08S69
12998	S69-14988			Lê Vũ Kha	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09483/08S69
12999	S69-14989			Hồ Ngọc Dương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09484/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13000	S69-14990			Thái Văn Lắm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09485/08S69
13001	S69-14991			Trần Văn Khánh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09486/08S69
13002	S69-14992			Lục Văn Phương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09487/08S69
13003	S69-14993			Phạm Văn Thép	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09488/08S69
13004	S69-14994			Nguyễn Minh Tạng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09489/08S69
13005	S69-14995			Trần Quốc Vũ	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09490/08S69
13006	S69-14996			Trần Văn Cuôi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09491/08S69
13007	S69-14997			Nguyễn Văn Một	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09492/08S69
13008	S69-14998			Nguyễn Minh Thơi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09493/08S69
13009	S69-14999	CM-16622		Huỳnh Văn Cưu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	03/06/2013	03/06/2014	02885/13S69
13010	S69-15000			Nguyễn Bé Bảy	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09495/08S69
13011	S69-15001			Huỳnh Tấn Kế	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09496/08S69
13012	S69-15002	CM-16628		Dư Văn Cao	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00382/13S69
13013	S69-15003			Lê Văn Bắc	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09498/08S69
13014	S69-15004			Ký Thành Nhi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09499/08S69
13015	S69-15005	CM-16611		Tô Quốc Khởi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	28/03/2012	28/03/2013	01248/12S69
13016	S69-15006			Trần Việt Triều	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09501/08S69
13017	S69-15007			Phan Văn Hiếu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09502/08S69
13018	S69-15008			Lê Thành Nghiệp	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09503/08S69
13019	S69-15009			Nguyễn Văn Đăng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2008	26/11/2009	09504/08S69
13020	S69-15011			Trần Văn Thống	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	01/12/2008	01/12/2009	09428/08S69
13021	S69-15012			Trần Tuấn Kiệt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09513/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13022	S69-15013			Trần Văn Nguyễn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09514/08S69
13023	S69-15014			Lê Ngọc Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09515/08S69
13024	S69-15015			Nguyễn Văn Chiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09516/08S69
13025	S69-15016	CM-15174		Hồ Văn Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05515/09S69
13026	S69-15017			Mai Văn Chiêu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09518/08S69
13027	S69-15018			Bùi Văn Có	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09519/08S69
13028	S69-15019			Nguyễn Trường Xuân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09520/08S69
13029	S69-15020			Phan Văn Tây	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09521/08S69
13030	S69-15021			Nguyễn Chí Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09522/08S69
13031	S69-15022			Trần Thanh Bằng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09523/08S69
13032	S69-15023			Phạm Văn Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09524/08S69
13033	S69-15024			Đinh Văn Chuôn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09525/08S69
13034	S69-15025			Lê Tấn Lợi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09526/08S69
13035	S69-15026			Đỗ Nguyên Thịnh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09527/08S69
13036	S69-15027			Hồ Văn Đoàn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09528/08S69
13037	S69-15028	CM-15094		Lê Văn Lợi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04207/13S69
13038	S69-15029			Trần Văn Dụ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09530/08S69
13039	S69-15030			Nguyễn Việt Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09531/08S69
13040	S69-15031			Nguyễn Việt Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09532/08S69
13041	S69-15032			Nguyễn Thanh Phong	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09533/08S69
13042	S69-15033	CM-15176		Nguyễn Bảo Quốc	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2012	06/02/2013	00411/12S69
13043	S69-15034	CM-15182		Nguyễn Văn Lực	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2015	24/05/2016	00979/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13044	S69-15035			Lý Tuấn Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09536/08S69
13045	S69-15036			Lê Văn Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09537/08S69
13046	S69-15037			Trần Hoàng Chính	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09538/08S69
13047	S69-15038			Thạch Lợi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09539/08S69
13048	S69-15039			Trương Văn Thắng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09540/08S69
13049	S69-15040			Bùi Văn Điền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09541/08S69
13050	S69-15041			Nguyễn Văn Thống	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09542/08S69
13051	S69-15042			Trần Văn Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09543/08S69
13052	S69-15043			Phan Trọng Hữu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09544/08S69
13053	S69-15044			Huỳnh Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09545/08S69
13054	S69-15045			Lê Kim Nhanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09546/08S69
13055	S69-15046			Lê Văn Điều	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09547/08S69
13056	S69-15047			Trần Quốc Khanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09548/08S69
13057	S69-15048			Nguyễn Đức Lợi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/12/2008	28/11/2009	09549/08S69
13058	S69-15049	CM-15130		Hà Châu Pha	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01608/12S69
13059	S69-15050			Phạm Văn Vũ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09551/08S69
13060	S69-15051	CM-15112		Nguyễn Thanh Tuyền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	14/09/2011	14/09/2012	03218/11S69
13061	S69-15052			Lê Tấn Lộc	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09553/08S69
13062	S69-15053			Nguyễn Đồng Khởi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09554/08S69
13063	S69-15054			Quách Chí Nhân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09555/08S69
13064	S69-15055			Lê Thanh Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09556/08S69
13065	S69-15056			Lê Văn Giống	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09557/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13066	S69-15057			Lê Hoàng Quân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09558/08S69
13067	S69-15058	CM-15104		Phạm Minh Toàn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02646/10S69
13068	S69-15059			Trần Ngọc Quang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09560/08S69
13069	S69-15060			Nguyễn Hoàng Lập	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09561/08S69
13070	S69-15061	CM-15166		Nguyễn Hoàng Thám	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02650/10S69
13071	S69-15062			Trà Văn Hiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09563/08S69
13072	S69-15063			Nguyễn Văn Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09564/08S69
13073	S69-15065			Phạm Văn Mạnh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09566/08S69
13074	S69-15066			Mai Văn Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/11/2008	28/11/2009	09567/08S69
13075	S69-15067			Nguyễn Văn Điền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09568/08S69
13076	S69-15068			Nguyễn Việt Quân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09569/08S69
13077	S69-15069			Huỳnh Đức Lợi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09570/08S69
13078	S69-15070	CM-15103		Nguyễn Hải Đăng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04200/13S69
13079	S69-15071			Lê Minh Phụng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09572/08S69
13080	S69-15072			Nguyễn Trường Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09573/08S69
13081	S69-15073	CM-15109		Ngô Văn Dân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02655/10S69
13082	S69-15074			Huỳnh Minh Châu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09575/08S69
13083	S69-15075			Nguyễn Trung Trực	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09576/08S69
13084	S69-15076	CM-15114		Cao Minh Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02656/10S69
13085	S69-15077			Dương Hoàng Nghi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09578/08S69
13086	S69-15078			Nguyễn Văn Kha	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09579/08S69
13087	S69-15079			Nguyễn Văn Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09580/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13088	S69-15080			Võ Hoàng Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09581/08S69
13089	S69-15081			Nguyễn Quốc Việt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09582/08S69
13090	S69-15082			Lý Thanh Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09583/08S69
13091	S69-15083			Trần Văn Nói	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09584/08S69
13092	S69-15084			Danh Dù	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09585/08S69
13093	S69-15085			Phạm Thanh Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09586/08S69
13094	S69-15086			Thiều Hoàng Kiếm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09587/08S69
13095	S69-15087			Trương Hoàng Vui	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09588/08S69
13096	S69-15088			Nguyễn Văn Thắng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09589/08S69
13097	S69-15089			Lê Thanh Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09590/08S69
13098	S69-15090			Hồng Văn Chiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09591/08S69
13099	S69-15091			Mai Văn Hận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09592/08S69
13100	S69-15092			Nguyễn Thị Ngoan	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09593/08S69
13101	S69-15093			Phạm Thanh Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09594/08S69
13102	S69-15094			Huỳnh Văn Thắng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09595/08S69
13103	S69-15095			Châu Đức Hảo	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09596/08S69
13104	S69-15096			Nguyễn Chí Phong	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09597/08S69
13105	S69-15097			Huỳnh Văn Kiệp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09598/08S69
13106	S69-15098	CM-15147		Nguyễn Văn Lưu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09588/12S69
13107	S69-15100			Nguyễn Văn Thanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09601/08S69
13108	S69-15101			Bùi Duy Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09602/08S69
13109	S69-15102			Lê Trương Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09603/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13110	S69-15103			Văn Hoàng Lạc	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09604/08S69
13111	S69-15104			Phan Văn Thương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09605/08S69
13112	S69-15105			Nguyễn Thanh Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09606/08S69
13113	S69-15106			Đoái Quang Liệt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09607/08S69
13114	S69-15107			Quách Hồng Khánh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09608/08S69
13115	S69-15108			Nguyễn Văn Đời	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	24/11/2009	09600/08S69
13116	S69-15109	CM-14144		Nguyễn Văn Nhường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/03/2011	16/03/2012	00892/11S69
13117	S69-15110			Nguyễn Hoàng Giang	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01658/10S69
13118	S69-15112			Lê Hoàng Thịnh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	01/12/2008	01/12/2009	09635/08S69
13119	S69-15113			Nguyễn Văn Đặng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	02/12/2008	02/12/2009	09636/08S69
13120	S69-15114	CM-14146		Đỗ Văn Quyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00444/10S69
13121	S69-15116	CM-14149		Lê Minh Hải	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/01/2010	12/01/2011	00176/10S69
13122	S69-15117			Cao Thị Loan	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	05/12/2008	05/12/2009	09654/08S69
13123	S69-15118	CM-15082		Phan Văn Thạch	Khóm 3, Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01090/10S69
13124	S69-15119			Phạm Văn Thám	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09658/08S69
13125	S69-15120			Nguyễn Văn Dũng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09659/08S69
13126	S69-15121			Quách Văn Học	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09660/08S69
13127	S69-15122			Nguyễn Anh Hoàng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09661/08S69
13128	S69-15123			Võ Hoàng Thám	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09662/08S69
13129	S69-15124	CM-15184		Khưu Văn Miên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01424/11S69
13130	S69-15125			Trịnh Xuân Sắc	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09664/08S69
13131	S69-15126			Trịnh Trường Giang	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09665/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13132	S69-15127			Cao Minh Đặng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09666/08S69
13133	S69-15128			Phạm Văn Cường	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09667/08S69
13134	S69-15129			Đặng Văn Việt	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09668/08S69
13135	S69-15130			Trần Văn Mới	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09669/08S69
13136	S69-15132			Võ Minh Trung	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09671/08S69
13137	S69-15133			Trương Văn Khởi	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09672/08S69
13138	S69-15134			Phan Văn Bắc	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09673/08S69
13139	S69-15135			Trần Văn Lâm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09674/08S69
13140	S69-15136			Phan Minh Đồ	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09675/08S69
13141	S69-15137			Đỗ Minh Hiển	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09676/08S69
13142	S69-15138			Phan Quốc Cường	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09677/08S69
13143	S69-15139			Cao Văn Tư	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09678/08S69
13144	S69-15140			Phạm Minh Thúy	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09679/08S69
13145	S69-15141			Nguyễn Văn Lợi	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09680/08S69
13146	S69-15142			Trần Văn Túc	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09681/08S69
13147	S69-15143			Điệp út Hiển	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/01/2009	09682/08S69
13148	S69-15144			Thái Văn Chiêm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09683/08S69
13149	S69-15145			Đào Tấn Tài	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09684/08S69
13150	S69-15146			Danh Văn Hùng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09685/08S69
13151	S69-15147			Danh Văn Khải	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09686/08S69
13152	S69-15148			Danh Bạch Đăng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09687/08S69
13153	S69-15149			Phan Văn Thọ	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09688/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13154	S69-15150			Nguyễn Văn Tường	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09689/08S69
13155	S69-15151			Lê Văn Yên	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09690/08S69
13156	S69-15152	CM-15052		Dương Văn út	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05153/12S69
13157	S69-15153			Nguyễn Văn Kiểm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09692/08S69
13158	S69-15154			Danh Văn Xô	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09693/08S69
13159	S69-15155			Võ Quốc Yên	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09694/08S69
13160	S69-15156	CM-15064		Lưu Văn Hiền	Khánh Lâm, Huyện U Minh	01/07/2013	01/07/2014	03365/13S69
13161	S69-15157			Phan Thu Lạc	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09696/08S69
13162	S69-15158			Lê Văn Phước	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09697/08S69
13163	S69-15159			Nguyễn Minh Dương	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09698/08S69
13164	S69-15160			Nguyễn Văn Triều	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09699/08S69
13165	S69-15161			Lê Thanh Tùng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09700/08S69
13166	S69-15162	CM-15079		Nguyễn Minh Thành	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/12/2010	16/12/2011	06142/10S69
13167	S69-15163			Trần Hoàng Vĩnh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09702/08S69
13168	S69-15164			Lê Văn Khởi	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09703/08S69
13169	S69-15165			Huỳnh Thanh Dân	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09704/08S69
13170	S69-15166			Lê Văn Công	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09705/08S69
13171	S69-15167			Trương Văn Tâm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09706/08S69
13172	S69-15168			Nguyễn Văn Thiên	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09707/08S69
13173	S69-15169			Đào Văn Được	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09708/08S69
13174	S69-15170			Bùi Phú Đông	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09709/08S69
13175	S69-15171			Phan Văn Khôi	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09710/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13176	S69-15172			Hồ Văn Đuôn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09711/08S69
13177	S69-15173			Lê Văn Chơn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09712/08S69
13178	S69-15174			Trần Văn Oanh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09713/08S69
13179	S69-15175			Tô Phi Long	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09714/08S69
13180	S69-15176			Trần Ngọc Minh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09715/08S69
13181	S69-15177			Nguyễn Hoàng Văn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09716/08S69
13182	S69-15178			Phạm Văn Trường	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09717/08S69
13183	S69-15179			Nguyễn Văn Hiếu	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	07918/08S69
13184	S69-15180			Nguyễn Tấn Nhựt	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09719/08S69
13185	S69-15181			Nguyễn văn Thiệp	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09720/08S69
13186	S69-15182			Trần Phước Kiển	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09721/08S69
13187	S69-15183			Phạm Minh Nhẫn	Khóm 3, Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09722/08S69
13188	S69-15184			Huỳnh Văn Phong	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09723/08S69
13189	S69-15185			Nguyễn Công Khanh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09724/08S69
13190	S69-15186			Nguyễn Hoàng Phô	TT U Minh, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09725/08S69
13191	S69-15187			Lê Minh Đương	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09726/08S69
13192	S69-15188			Trần Thanh Khiêm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09727/08S69
13193	S69-15189			Võ Văn Nam	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09728/08S69
13194	S69-15190			Phạm Văn Tròn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09729/08S69
13195	S69-15191			Võ Trọng Hiếu	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09730/08S69
13196	S69-15192			Nguyễn Hoàng Hường	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09731/08S69
13197	S69-15193			Phạm Văn Cưng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09732/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13198	S69-15195			Lê Văn Chí	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09734/08S69
13199	S69-15196			Dương Văn Dưỡng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09735/08S69
13200	S69-15197			Huỳnh Công Thuật	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09736/08S69
13201	S69-15198			Thái Thị Vân	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09737/08S69
13202	S69-15199			Nguyễn Chí Dũng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09738/08S69
13203	S69-15200			Trần Minh Sơn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09739/08S69
13204	S69-15201			Lê Văn Oai	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09740/08S69
13205	S69-15202			Lê Hoàng Kiếm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09741/08S69
13206	S69-15203			Lê Văn Cường	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09742/08S69
13207	S69-15204			Thái Hồng Quân	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09743/08S69
13208	S69-15205			Huỳnh Tấn Sĩ	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09744/08S69
13209	S69-15206			Nguyễn Văn Hiền	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09745/08S69
13210	S69-15207			Châu Văn Chương	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09746/08S69
13211	S69-15208			Nguyễn Thành út	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09747/08S69
13212	S69-15209			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09748/08S69
13213	S69-15210			Mai Văn Đặng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09749/08S69
13214	S69-15211			Lê Văn Còn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09750/08S69
13215	S69-15212			Nguyễn Tấn Chấn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09751/08S69
13216	S69-15213			Lê Hoàng Thắng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09752/08S69
13217	S69-15214			Nguyễn Chí Dũng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09753/08S69
13218	S69-15215			Trần Văn Sen	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09754/08S69
13219	S69-15216			Nguyễn Văn Hiễn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09755/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13220	S69-15217			Danh Thị Huyền	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09756/08S69
13221	S69-15218			Danh Văn Thường	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09757/08S69
13222	S69-15219			Trần Hữu Phước	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09758/08S69
13223	S69-15220			Phan Văn Kiệm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09759/08S69
13224	S69-15221			Phan Văn Lập	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09760/08S69
13225	S69-15222			Nguyễn Thanh Liêm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09761/08S69
13226	S69-15223			Trần Bé Hai	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09762/08S69
13227	S69-15224			Dương Hoàng ảnh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09763/08S69
13228	S69-15225			Phạm Thanh Nhân	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09764/08S69
13229	S69-15226			Nguyễn Văn Điểm	156 Trương Phùng Xuân, K4, P8, Thành phố Cà Mau	08/12/2008	08/12/2009	09655/08S69
13230	S69-15227			Lâm Minh Tâm	418 Nguyễn Trãi, K6, P9, Thành phố Cà Mau	08/12/2008	08/12/2009	09656/08S69
13231	S69-15228			Trần Quang Du	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	08/12/2008	08/12/2009	09767/08S69
13232	S69-15229	CM-00021	Ghe tải	Đặng Hoàng Chiến	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/06/2011	24/06/2012	02296/11S69
13233	S69-15231			Trần Trung Thịnh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09670/08S69
13234	S69-15233	CM-00933		Nguyễn Xi Ra	Khánh Hoà, Huyện U Minh	04/12/2008	04/12/2009	09783/08S69
13235	S69-15235			Trần Văn Chấn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2008	11/12/2009	09798/08S69
13236	S69-15236			Đoàn Văn Hà	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09800/08S69
13237	S69-15237			Thái Trọng Nhân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	09801/08S69
13238	S69-15238			Lương Văn Sạn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2008	26/10/2009	09802/08S69
13239	S69-15239	CM-14338		Tô Văn Tốt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2010	24/12/2011	06301/10S69
13240	S69-15240	CM-14340		Tô Văn Tốt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2010	24/12/2011	06299/10S69
13241	S69-15241			Tô Minh ái	Xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	11/12/2008	11/12/2009	09807/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13242	S69-15242	CM-14377		Liêu Văn Em	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10186/12S69
13243	S69-15243			Tô Hoàng Vũ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	15/12/2009	15/12/2010	07174/09S69
13244	S69-15245	CM-14383		Trần Thanh Tuấn	Khóm 2 - phường 8, Thành phố Cà Mau	05/08/2009	05/08/2010	04744/09S69
13245	S69-15246	CM-14387		Nguyễn Minh Vụ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04206/13S69
13246	S69-15247			Võ Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	09993/08S69
13247	S69-15248	CM-14392		Quách Văn Phóng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00844/11S69
13248	S69-15249	CM-14319		Phan Thành Can	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/11/2012	19/11/2013	07082/12S69
13249	S69-15250	CM-15197		Phạm Văn Giàu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10327/12S69
13250	S69-15252			Nguyễn Trường Sơn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09813/08S69
13251	S69-15253			Nguyễn Văn Dũng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09814/08S69
13252	S69-15254			Từ Chí Gọi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09815/08S69
13253	S69-15255			Trương Thanh Nhanh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09816/08S69
13254	S69-15256			Trần Thanh Ân	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09817/08S69
13255	S69-15257			Huỳnh Bé Ba	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09818/08S69
13256	S69-15258			Nguyễn Thị Nhiên	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09819/08S69
13257	S69-15259			Trần Văn Nói	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09820/08S69
13258	S69-15260			Trần Văn Danh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	17/12/2009	09821/08S69
13259	S69-15262	CM-15304		Đặng Văn Hùng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00565/10S69
13260	S69-15263			Nguyễn Văn Tèo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09824/08S69
13261	S69-15264	CM-15303		Phạm Văn Ngon	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00549/10S69
13262	S69-15265			Kim Văn Phúc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09826/08S69
13263	S69-15266			Mai Thành Phương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09827/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13264	S69-15267	CM-15282		Huỳnh Thanh Hải	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00580/10S69
13265	S69-15268			Lê Chí Hiện	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	12/01/2010	12/01/2011	00163/06S69
13266	S69-15269			Nguyễn Quốc Bảo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09830/08S69
13267	S69-15270			Võ Chí Phong	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09831/08S69
13268	S69-15271			Trần Quang Nghị	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09832/08S69
13269	S69-15272			Châu Hoàng Yêm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09833/08S69
13270	S69-15273			Diệp Hoàng Sơn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09834/08S69
13271	S69-15274			Mai Thành Nin	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09835/08S69
13272	S69-15275			Quách Văn Khên	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09836/08S69
13273	S69-15276	CM-15204		Trần Chí Cường	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10216/12S69
13274	S69-15277			Quách Văn Chuôi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09838/08S69
13275	S69-15278	CM-15311		Diệp Văn Bình	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00572/10S69
13276	S69-15279			Huỳnh Chí Hiện	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09840/08S69
13277	S69-15280			Huỳnh Văn Khởi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09841/08S69
13278	S69-15281			Nguyễn Hùng Mạnh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09842/08S69
13279	S69-15282			Hà Minh Nhớ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09843/08S69
13280	S69-15283			Đỗ Hoàng Dũng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09844/08S69
13281	S69-15284			Nguyễn Thị Nguôi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09845/08S69
13282	S69-15285	CM-15205		Nguyễn Văn Đẩu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01092/13S69
13283	S69-15286	CM-15232		Trương Trường Cửu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00991/10S69
13284	S69-15287			Nguyễn Minh Cường	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09848/08S69
13285	S69-15288			Nguyễn Văn Thái	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09849/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13286	S69-15289			Phan Văn Lẹ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09850/08S69
13287	S69-15290	CM-15303		Phạm Văn Đèo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10233/12S69
13288	S69-15291	CM-15249		Nguyễn Văn Quấn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/02/2010	08/02/2011	00855/10S69
13289	S69-15292	CM-15230		Trần Văn Toàn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10193/12S69
13290	S69-15293	CM-15212		Nguyễn Văn Trung	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/03/2010	16/03/2011	01350/10S69
13291	S69-15294			Trần Thanh Phong	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09855/08S69
13292	S69-15295			Đỗ Triều Phong	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09856/08S69
13293	S69-15296			Trần Văn Liêm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09857/08S69
13294	S69-15297	CM-15264		Thang Đức Anh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10162/12S69
13295	S69-15298			Nguyễn Minh Hùng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09859/08S69
13296	S69-15299			Phạm Công Danh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09860/08S69
13297	S69-15300			Lê Thanh Tuấn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09861/08S69
13298	S69-15301			Từ Thanh Thoản	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09862/08S69
13299	S69-15302			Nguyễn Văn Đoan	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09863/08S69
13300	S69-15303	CM-15280		Huỳnh Thanh Chăng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/12/2012	20/12/2013	08953/12S69
13301	S69-15304	CM-15294		Thang Văn Mười	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00863/14S69
13302	S69-15305	CM-15293		Nguyễn Văn Lý	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	03/12/2010	03/12/2011	05876/10S69
13303	S69-15306	CM-15278		Lê Văn Vạn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	12/01/2010	12/01/2011	00162/10S69
13304	S69-15307			Nguyễn Văn Thắng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09868/08S69
13305	S69-15308	CM-15223		Nguyễn út Hết	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10164/12S69
13306	S69-15309			Ngô Văn Tân	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09870/08S69
13307	S69-15310			Trần Văn Gõ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09871/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13308	S69-15311	CM-15222		Nguyễn Chí Đăng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00554/10S69
13309	S69-15312			Mai Văn Tiến	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09873/08S69
13310	S69-15313			Mai Hoàng Thám	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09874/08S69
13311	S69-15314			Lê Thanh Tuấn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09875/08S69
13312	S69-15315			Trần Văn Oe	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09876/08S69
13313	S69-15316			Phan Văn Khởi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09877/08S69
13314	S69-15317			Lê Chí Hường	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09878/08S69
13315	S69-15318			Nguyễn Hùng Dũng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09879/08S69
13316	S69-15319	CM-15262		Nguyễn Văn Ngõi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	05/02/2010	05/02/2011	00811/10S69
13317	S69-15320	CM-15275		Nguyễn Văn Cu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00989/10S69
13318	S69-15321			Phạm Văn Chính	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09882/08S69
13319	S69-15322	CM-15219		Nguyễn Ngọc Phụng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01760/14S69
13320	S69-15323			Từ Văn Mừng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09884/08S69
13321	S69-15324			Đỗ Văn Đà	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09885/08S69
13322	S69-15325			Hà Văn Kiệt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09886/08S69
13323	S69-15326	CM-15260		Kim Văn Công	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01652/10S69
13324	S69-15327	CM-15310		Trần Văn Nam	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10160/12S69
13325	S69-15328	CM-15284		Nguyễn Thành Được	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03547/14S69
13326	S69-15329			Nguyễn Thanh Bình	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09890/08S69
13327	S69-15330			Mai Văn Tân	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09891/08S69
13328	S69-15331	CM-15316		Mai Thanh Phương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04004/11S69
13329	S69-15332	CM-15217		Lê Hồng Huynh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	01000/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13330	S69-15333			Thang Văn Mười	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09894/08S69
13331	S69-15334			Trần Quốc Toàn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/12/2008	08/12/2009	09895/08S69
13332	S69-15335			Thang Văn Cuộc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09896/08S69
13333	S69-15336	CM-15266		Nguyễn Chí Hòa	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00562/10S69
13334	S69-15337			Trần Chí Linh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09898/08S69
13335	S69-15338	CM-15226		Nguyễn Văn ái	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00538/10S69
13336	S69-15340			Trần Văn Thu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09901/08S69
13337	S69-15341	CM-15274		Nguyễn Văn Thắng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	11/02/2014	11/02/2015	00375/14S69
13338	S69-15342	CM-15297		Huỳnh Văn Hổ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	04/01/2010	04/01/2011	00012/10S69
13339	S69-15343			Trần Văn Bi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09904/08S69
13340	S69-15344	CM-15254		Đỗ Minh Thua	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00571/10S69
13341	S69-15345	CM-15314		Lê Tấn Sĩ	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07890/12S69
13342	S69-15346			Lê Hải Triều	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09907/08S69
13343	S69-15347			Lê Văn Thời	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09908/08S69
13344	S69-15350			Trần Văn Ngoán	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09911/08S69
13345	S69-15353	CM-15292		Nguyễn Hoàng Ngân	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02011/13S69
13346	S69-15356			Trần Quốc Việt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09917/08S69
13347	S69-15357			Lê Chí Nguyễn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09918/08S69
13348	S69-15358			Phan Văn Đương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09919/08S69
13349	S69-15360			Võ Việt Anh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	11/01/2010	11/01/2011	00151/10S69
13350	S69-15362			Nguyễn Hoàng Danh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09923/08S69
13351	S69-15363	CM-18771		Huỳnh Văn Thắng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09924/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13352	S69-15364			Phạm Thanh Ly	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09925/08S69
13353	S69-15365			Phạm Văn hiền	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09926/08S69
13354	S69-15366			Dương Hoàng Giao	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09927/08S69
13355	S69-15367			Trần Văn Thuận	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09928/08S69
13356	S69-15368			Lê Phước Toàn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09929/08S69
13357	S69-15369			Nguyễn Hoàng Diệu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09930/08S69
13358	S69-15370			Trần Thanh Phú	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09931/08S69
13359	S69-15371			Nguyễn Văn Phương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09932/08S69
13360	S69-15372			Thang Văn Biển	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	26/01/2010	26/01/2011	00492/10S69
13361	S69-15373			Lê Quốc Nam	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09934/08S69
13362	S69-15374			Diệp Mười Hai	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09935/08S69
13363	S69-15375			Nguyễn Văn Sự	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09936/08S69
13364	S69-15376			Hùynh Văn Quốc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09937/08S69
13365	S69-15377			Huỳnh Thị Nương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09938/08S69
13366	S69-15378			Trần Đức Lộc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09939/08S69
13367	S69-15379			Nguyễn Văn Sự	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09940/08S69
13368	S69-15380			Từ Chí Gỏi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09941/08S69
13369	S69-15381			Phan Văn Tới`	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09942/08S69
13370	S69-15382			Huỳnh Bé Tám	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09943/08S69
13371	S69-15383			Đặng Văn Thương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09944/08S69
13372	S69-15384	CM-18768		Trần Văn Cường	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	11/01/2010	11/01/2011	00150/10S69
13373	S69-15385			Huỳnh Văn Oanh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09946/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13374	S69-15386			Phạm Minh Hải	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09947/08S69
13375	S69-15387			Trần Quốc Việt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09948/08S69
13376	S69-15389	CM-		Đỗ Minh Đang	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00558/10S69
13377	S69-15390			Trần Văn Chưởng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09951/08S69
13378	S69-15391			Đinh Hữu Chí	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09952/08S69
13379	S69-15392			Hồ Văn Le	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09953/08S69
13380	S69-15393			Lê Anh Tuấn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09954/08S69
13381	S69-15394			Nguyễn Thanh Toàn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09956/08S69
13382	S69-15396			Võ Văn Lương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09958/08S69
13383	S69-15397			Võ Văn út	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09959/08S69
13384	S69-15399			Võ Văn Dân	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09960/08S69
13385	S69-15400			Võ Văn Thương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09961/08S69
13386	S69-15401			Từ Việt Cường	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	00962/08S69
13387	S69-15402			Nguyễn Văn Diệp	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09963/08S69
13388	S69-15403			Trần Văn Việt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09964/08S69
13389	S69-15404	CM-15296		Đỗ Văn Đắm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/08/2013	08/08/2014	03807/13S69
13390	S69-15405			Bùi Văn Huynh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09966/08S69
13391	S69-15406	CM-15272		Hà Hoàng Kháng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00583/10S69
13392	S69-15407			Nguyễn Văn Việt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09968/08S69
13393	S69-15408			Nguyễn Chí Hiếu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09969/08S69
13394	S69-15409			Trần Văn Bồ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09970/08S69
13395	S69-15410			Nguyễn Vũ Nhanh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09971/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13396	S69-15411			Phan Hoàng Khởi	ấp Tân Hòa, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	09973/08S69
13397	S69-15412	CM-21512		Châu Văn ảm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/12/2011	16/12/2012	04864/11S69
13398	S69-15413	CM-13535		Nguyễn Văn Gát	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/11/2009	20/11/2010	06676/09S69
13399	S69-15414			Đỗ Biên ải	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/12/2008	08/12/2009	10001/08S69
13400	S69-15415			Văn Phòng HĐND Và UBND Huyện Phú Tân	Khóm I, TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	14/12/2008	14/12/2009	10003/08S69
13401	S69-15417			Trần Văn Rất	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	15/12/2008	15/12/2009	10009/08S69
13402	S69-15419			Lý Văn Đấu	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	15/12/2008	15/12/2009	10011/08S69
13403	S69-15420	CM-01084		Cty Cổ Phần Xây Lắp Điện Cà Mau	138 Lê Lợi - Phường 2, Thành phố Cà Mau	15/12/2008	15/12/2009	10012/08S69
13404	S69-15421			Nguyễn Thanh Hải	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	15/12/2008	15/12/2009	10013/08S69
13405	S69-15422			Quách Văn Đặng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	15/12/2009	15/12/2010	07170/09S69
13406	S69-15423			Nguyễn Văn Công	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	29/09/2012	03473/11S69
13407	S69-15425	CM-14412		Lưu Văn Thêm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	24/02/2011	24/02/2012	00593/11S69
13408	S69-15426			Dương văn No	hòa Tân, Thành phố Cà Mau	17/12/2008	17/12/2009	10033/08S69
13409	S69-15427	CM-03103		Dư Thị Trưởng	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05727/13S69
13410	S69-15429			Phan Tấn Đại	ấp Hòa Nam, Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	17/12/2008	17/12/2009	10039/08S69
13411	S69-15430	CM-14408		Mai Tương Lai	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2012	10/07/2013	03655/12S69
13412	S69-15431	CM-14406		Liêu Tiến Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03396/10S69
13413	S69-15433			Nguyễn Thanh Truyền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	18/12/2008	18/12/2009	10051/08S69
13414	S69-15434	CM-14397		Nguyễn Thanh Hưng	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	01/02/2010	01/02/2011	00644/10S69
13415	S69-15435			Lê Thanh Nghi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	18/12/2008	18/12/2009	10054/08S69
13416	S69-15436	CM-14398		Nguyễn Hoàng Bửu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/12/2012	13/12/2013	08480/12S69
13417	S69-15438			Nguyễn Văn Uối	Xã hòa Tân, Thành phố Cà Mau	18/12/2008	18/12/2009	10060/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13418	S69-15439	CM-14396		Trần Văn Thuận	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	21/12/2011	21/12/2012	04969/11S69
13419	S69-15440			Hùynh Văn út	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	18/12/2008	18/12/2009	10063/08S69
13420	S69-15441	CM-14162		Phạm Vũ Bằng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/01/2010	12/01/2011	00183/10S69
13421	S69-15443			Đặng Việt Quân	Khóm I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/12/2008	20/12/2009	10075/08S69
13422	S69-15444			Ngô Văn Dũng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10084/08S69
13423	S69-15445			Trần Văn Thon	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10085/08S69
13424	S69-15446			Nguyễn Văn Tường	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	22/12/2008	22/12/2009	10089/08S69
13425	S69-15447	CM-14686		Trần Hiếu Hạnh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/02/2010	08/02/2011	00851/10S69
13426	S69-15448			Võ Văn Hiền	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	22/12/2008	22/12/2009	10092/08S69
13427	S69-15449			Lưu Văn Nhiệm	109, Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	24/12/2009	24/12/2010	07320/09S69
13428	S69-15450			Huỳnh Trung Khánh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10097/08S69
13429	S69-15451			Trương Quốc Toàn	Tân tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10098/08S69
13430	S69-15453			Trịnh Vũ Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10100/08S69
13431	S69-15454			Diệp Quốc Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10101/08S69
13432	S69-15455			Hồ Quốc Nghĩa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10102/08S69
13433	S69-15456			Ngô Văn Hổ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10103/08S69
13434	S69-15457	CM-15407		Trịnh Minh Hiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06790/12S69
13435	S69-15458			Trần Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10105/08S69
13436	S69-15459			Dương Kha Ly	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10106/08S69
13437	S69-15460	CM-15603		Tạ Văn Cường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08581/12S69
13438	S69-15461	CM-15408		Phạm Minh Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06785/12S69
13439	S69-15462			Lê Thanh Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10109/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13440	S69-15463			Trương Văn Hường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10110/08S69
13441	S69-15464			Thái Xí Méo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10111/08S69
13442	S69-15465			Bùi Văn Tươi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10112/08S69
13443	S69-15466	CM-15555		Nguyễn Tường Quốc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/05/2010	28/05/2011	03251/10S69
13444	S69-15467			Nguyễn Công Bằng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10114/08S69
13445	S69-15468	CM-15570		Lê Công Cuộc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08567/12S69
13446	S69-15469			Nguyễn văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10116/08S69
13447	S69-15470			Nguyễn Văn Vinh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10117/08S69
13448	S69-15471			Huỳnh Văn Thại	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10118/08S69
13449	S69-15472	CM-15590		Mã Văn Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06819/12S69
13450	S69-15473			Lâm Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10120/08S69
13451	S69-15474	CM-15477		Lê Văn Chiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/11/2012	15/11/2013	06782/12S69
13452	S69-15475			Trần Văn Phước	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10122/08S69
13453	S69-15476			Lê Minh Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10123/08S69
13454	S69-15477			Lâm Thành Bé	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10124/08S69
13455	S69-15478			Nguyễn Văn Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10125/08S69
13456	S69-15479			Trịnh Hoàng Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10126/08S69
13457	S69-15480			Trịnh Trọng kha	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10127/08S69
13458	S69-15481			Trịnh Đức Bền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10128/08S69
13459	S69-15482	CM-15586		Trần Kim Xuyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08558/12S69
13460	S69-15483			Nguyễn Hoàng Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10130/08S69
13461	S69-15484			Huỳnh Hồng Cẩm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10131/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13462	S69-15485			Trịnh Văn Điều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10132/08S69
13463	S69-15486	CM-15461		Trịnh Quốc Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08554/12S69
13464	S69-15487	CM-15469		Trương Minh Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08560/12S69
13465	S69-15488			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10135/08S69
13466	S69-15489			Lâm Văn Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10136/08S69
13467	S69-15490			Trương Văn Thuận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10137/08S69
13468	S69-15491	CM-15538		Trần Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06787/12S69
13469	S69-15492			Đoàn Văn Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10139/08S69
13470	S69-15493			Trần Văn Có	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10140/08S69
13471	S69-15494	CM-15629		Nguyễn Vũ Lâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08576/12S69
13472	S69-15495			Nguyễn Minh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10142/08S69
13473	S69-15496	CM-15619		Lê Thanh Trầm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03485/11S69
13474	S69-15497			Trương Việt Luyến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10144/08S69
13475	S69-15498			Văn Minh Tôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10145/08S69
13476	S69-15499	CM-15390		Mã Tấn Lâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06783/12S69
13477	S69-15500			Lưu Tấn Đạt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10147/08S69
13478	S69-15501			Lưu Chí Nguyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10148/08S69
13479	S69-15502	CM-15571		Lê Thanh Nghị	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08585/12S69
13480	S69-15503			Nguyễn Văn Ngon	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10150/08S69
13481	S69-15504			Phan Hoàng Phước	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10151/08S69
13482	S69-15505			Trần Như ý	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10152/08S69
13483	S69-15506	CM-15487		Lâm Chí Nguyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06813/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13484	S69-15507			Huỳnh Minh Khâu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10154/08S69
13485	S69-15508	CM-15647		Huỳnh Văn Đảm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01439/15S69
13486	S69-15509			Nguyễn Thị Phi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10156/08S69
13487	S69-15510			Nguyễn Cẩm Thùy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10157/08S69
13488	S69-15511			Đồng Bá Được	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10158/08S69
13489	S69-15512			Nguyễn Văn Hạnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10159/08S69
13490	S69-15513	CM-15501		Tô Hoàng Anh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08557/12S69
13491	S69-15514			Dương Tử Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10161/08S69
13492	S69-15515	CM-15639		Trần Minh Biển	TânTiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06818/12S69
13493	S69-15516	CM-15500		Ngô Minh Chính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08572/12S69
13494	S69-15517	CM-15641		Tô Anh Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06784/12S69
13495	S69-15518	CM-15455		Diệp Lương Bá	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04859/12S69
13496	S69-15519			Ngô Quốc Thái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10166/08S69
13497	S69-15520			Nguyễn Mười Hai	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10167/08S69
13498	S69-15521			Lê Văn Sự	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10168/08S69
13499	S69-15522			Đoàn Văn Tèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10169/08S69
13500	S69-15523			Nguyễn Văn Đen	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10170/08S69
13501	S69-15524	CM-15395		Trần Vệ Cường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08578/12S69
13502	S69-15525			Nguyễn Phương Nam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10172/08S69
13503	S69-15526	CM-15413		Diệp Hoàng Ân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04860/12S69
13504	S69-15527	CM-15415		Lê Văn Quý	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06789/12S69
13505	S69-15528	CM-15417		Huỳnh Tuấn Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04858/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13506	S69-15529	CM-15416		Huỳnh Ngọc Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/10/2009	13/10/2010	06298/09S69
13507	S69-15530			Nguyễn Hải Tùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10177/08S69
13508	S69-15531			Trần Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10178/08S69
13509	S69-15532	CM-15428		Nguyễn Chí Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06803/12S69
13510	S69-15533			Lý Văn Tĩnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10180/08S69
13511	S69-15534	CM-15419		Diep Thanh Danh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06804/12S69
13512	S69-15535			Trần út Em	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10182/08S69
13513	S69-15536			Huỳnh Nhất Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10183/08S69
13514	S69-15537			Nguyễn Văn Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10184/08S69
13515	S69-15538			Nguyễn Chí Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10185/08S69
13516	S69-15539			Hồ Văn Lơ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10186/08S69
13517	S69-15540	CM-15426		Nguyễn Văn Sáu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02035/14S69
13518	S69-15541	CM-15425		Tô Quốc Chanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06781/12S69
13519	S69-15542			Trần Minh Chính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10189/08S69
13520	S69-15543			Ngô Trường Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10190/09S69
13521	S69-15544	CM-15436		Huỳnh Tiến Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04855/12S69
13522	S69-15545			Trịnh Văn Nhi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10192/08S69
13523	S69-15546	CM-15610		Dương Văn Chánh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08543/12S69
13524	S69-15547			Trịnh Hoàng Kiệm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10194/08S69
13525	S69-15548	CM-15508		Đoàn Minh Thống	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08562/12S69
13526	S69-15549			Trịnh Văn Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10196/08S69
13527	S69-15551	CM-15637		Đoái Hoàng Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06801/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13528	S69-15552			Trương Chu Sa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10199/08S69
13529	S69-15553			Võ Vương Tiễn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10200/08S69
13530	S69-15554			Nghiêm Thanh Tú	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10201/08S69
13531	S69-15555	CM-15503		Nguyễn Thanh Mộng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08564/12S69
13532	S69-15556			Nguyễn Hoàng Thám	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10203/08S69
13533	S69-15557	CM-15514		Trịnh Văn Phương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08570/12S69
13534	S69-15558	CM-15671		Nguyễn Thắng Lợi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00532/10S69
13535	S69-15559			Huỳnh Quốc Nam	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10206/08S69
13536	S69-15560			Nguyễn Văn Vững	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10207/08S69
13537	S69-15561			Nguyễn Quốc Nam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10208/08S69
13538	S69-15562			Trần Thanh Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10209/08S69
13539	S69-15563			Dương Văn Vĩ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10210/08S69
13540	S69-15564			Trương Văn Gợ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10211/08S69
13541	S69-15565			Trịnh Văn Sáng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10212/08S69
13542	S69-15566			Đặng út Lớn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10213/08S69
13543	S69-15567			Hồ Trường Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10214/08S69
13544	S69-15568	CM-15687		Huỳnh Hùng Cường	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	01005/10S69
13545	S69-15569			Trần Chí Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10216/08S69
13546	S69-15570			Hồ Trường Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10217/08S69
13547	S69-15571	CM-15516		Nguyễn út Lớn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08583/12S69
13548	S69-15572			Trang Thành Nhơn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10219/08S69
13549	S69-15573	CM-15517		Diệp Trung Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08584/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13550	S69-15574	CM-15505		Trần Quốc Việt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01410/14S69
13551	S69-15575	CM-15622		Diệp Thanh Tèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06779/12S69
13552	S69-15576			Mã Văn Việt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10223/08S69
13553	S69-15577			Trịnh Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10224/08S69
13554	S69-15578			Nguyễn Hoàng Đức	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10225/08S69
13555	S69-15579			Phạm Kim Sáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10226/08S69
13556	S69-15580			Huỳnh Quốc Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10227/08S69
13557	S69-15581	CM-15528		Diệp Hồng Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08579/12S69
13558	S69-15582			Nguyễn Minh Hoàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10229/08S69
13559	S69-15583			Nguyễn Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10230/08S69
13560	S69-15584			Trần Quốc Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10231/08S69
13561	S69-15585			Trịnh Văn Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10232/08S69
13562	S69-15586			Mã út Mập	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10233/08S69
13563	S69-15587	CM-15564		Hồ Thị Téo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00988/10S69
13564	S69-15588			Huỳnh Văn Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10235/08S69
13565	S69-15589	CM-15623		Nguyễn Quốc Việt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07840/12S69
13566	S69-15590			Nguyễn Văn út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10237/08S69
13567	S69-15591			Võ Văn Lam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10238/08S69
13568	S69-15592			Nguyễn Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10239/08S69
13569	S69-15593	CM-15565		Trịnh Minh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04861/12S69
13570	S69-15594			Nguyễn Trường Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10241/08S69
13571	S69-15595			Lâm Hoàng Tám	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10242/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13572	S69-15596			Trương Văn Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10243/08S69
13573	S69-15597	CM-15624		Trần Văn Đảnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08589/12S69
13574	S69-15598			Trần Quốc Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10245/08S69
13575	S69-15599	CM-15625		Tô Quốc Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06793/12S69
13576	S69-15600			Tô Văn Nghiệp	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10247/08S69
13577	S69-15601			Đồng Văn Thăm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10248/08S69
13578	S69-15602			Huỳnh Khái Hưng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10249/08S69
13579	S69-15603			Lê Thanh Nhiều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10250/08S69
13580	S69-15604			Tạ Hoàng Giao	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10251/08S69
13581	S69-15605			Tạ Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10252/08S69
13582	S69-15606			Huỳnh Văn Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10253/08S69
13583	S69-15607	CM-15684		Nguyễn Chí Thao	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01830/10S69
13584	S69-15608			Trương Văn Điệp	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10255/08S69
13585	S69-15609	CM-15609		Trần Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05185/12S69
13586	S69-15610			Nguyễn Văn Thông	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10257/08S69
13587	S69-15611			Nguyễn Hoàng Tám	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10258/08S69
13588	S69-15612			Trương Nhựt Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10259/08S69
13589	S69-15613			Nguyễn Văn Thoàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10260/08S69
13590	S69-15614	CM-15607		Trịnh Thanh Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04864/12S69
13591	S69-15615	CM-15550		Lê Thanh Đương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/05/2010	31/05/2011	02934/10S69
13592	S69-15616	CM-15559		Bạo Minh Nhiều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08588/12S69
13593	S69-15617			Trần Minh Quang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10264/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13594	S69-15618	CM-15441		Võ Minh Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08577/12S69
13595	S69-15619	CM-15606		Tạ Thanh Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06795/12S69
13596	S69-15620	CM-15605		Trương Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05458/12S69
13597	S69-15621			Huỳnh Thanh Đô	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10268/08S69
13598	S69-15622			Nguyễn Văn Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10269/08S69
13599	S69-15623			Trịnh Công Khoa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10270/08S69
13600	S69-15624			Nguyễn Minh Đô	Tân tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10271/08S69
13601	S69-15625	CM-14672		Huỳnh Kim Phụng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	29/07/2014	29/07/2015	02026/14S69
13602	S69-15626	CM-15387		Nguyễn Văn Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04863/12S69
13603	S69-15627	CM-15537		Nguyễn Đức Khương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08552/12S69
13604	S69-15628			Trương Thanh Danh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10275/09S69
13605	S69-15629	CM-15660		Trịnh Minh Đạt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04853/12S69
13606	S69-15630			Huỳnh Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10277/08S69
13607	S69-15631			Ngô Công Điện	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10278/08S69
13608	S69-15632			Trương Minh Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10279/08S69
13609	S69-15633	CM-15657		Diệp Thanh Tân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08551/12S69
13610	S69-15634			Ngô Minh Trị	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10281/08S69
13611	S69-15635			Dương Văn Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10282/08S69
13612	S69-15636	CM-15656		Trần Thanh Vàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05455/12S69
13613	S69-15637			Trần Văn Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10284/08S69
13614	S69-15638			Nguyễn Việt Tiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10285/08S69
13615	S69-15639			Nguyễn Thanh Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06798/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13616	S69-15640	CM-15494		Văn Minh Toàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08568/12S69
13617	S69-15641	15655		Mã Tấn Thành	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00553/13S69
13618	S69-15642			Lưu Chí Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10289/08S69
13619	S69-15643	CM-15669		Phan Văn Quốc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04539/10S69
13620	S69-15644			Trần Văn Tươi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10291/08S69
13621	S69-15645			Phạm Trúc Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10292/08S69
13622	S69-15646	CM-15422		Huỳnh Tuấn An	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07821/12S69
13623	S69-15647			Nguyễn Đăng Khoa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10294/08S69
13624	S69-15648			Nguyễn Văn Đại	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10295/08S69
13625	S69-15649	CM-15681		Đặng Văn Dũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/03/2012	15/03/2013	00960/12S69
13626	S69-15650			Trần Minh Cảnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10297/08S69
13627	S69-15651			Lâm Văn Hưng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10298/08S69
13628	S69-15653			Trương Ngọc Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10300/08S69
13629	S69-15654			Lê Hoàng Tư	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10301/08S69
13630	S69-15655			Nguyễn Văn Thiết	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10302/08S69
13631	S69-15656			Nguyễn Văn Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10303/08S69
13632	S69-15657			Nguyễn Văn Hồng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10304/08S69
13633	S69-15658			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10305/08S69
13634	S69-15659			La Văn Bảo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10306/08S69
13635	S69-15660			Hồ Hoàng Nghĩa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10307/08S69
13636	S69-15661	CM-15574		Trang Chí Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04856/12S69
13637	S69-15662	CM-15437		Hồ Bình Tây	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08538/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13638	S69-15663			Trần Minh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10310/08S69
13639	S69-15664			Đinh Văn Hổ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10311/08S69
13640	S69-15665	CM-15492		Nguyễn Tiến Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04854/12S69
13641	S69-15666			Nguyễn Văn Luyện	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10313/08S69
13642	S69-15667	CM-15468		Trịnh Minh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08569/12S69
13643	S69-15668			Trần Văn út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10315/08S69
13644	S69-15669	CM-15675		Trương Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05459/12S69
13645	S69-15670	CM-15392		Bao Thắng To	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06799/12S69
13646	S69-15671			Nguyễn Văn Đèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10318/08S69
13647	S69-15672	CM-15449		Lê Tấn Lực	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08580/12S69
13648	S69-15673	CM--15430		Nguyễn Văn Sỹ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05454/12S69
13649	S69-15674	CM-15666		Vũ Việt Hảo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04527/11S69
13650	S69-15675			Trần Thanh Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10322/08S69
13651	S69-15676			Trần Minh Biển	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10323/08S69
13652	S69-15677			Võ Văn Mười Một	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10324/08S69
13653	S69-15678			Tô Quang Lãm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10325/08S69
13654	S69-15679			Ngô Tấn Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10326/08S69
13655	S69-15680			Nguyễn Văn Đẩu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10327/09S69
13656	S69-15681			Nguyễn Văn Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10328/08S69
13657	S69-15682	CM-15388		Phan Bé Ba	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06791/12S69
13658	S69-15683			Lê Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10330/08S69
13659	S69-15684			Tạ Biển Bạc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10331/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13660	S69-15685			Đoái Hoàng Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10332/08S69
13661	S69-15686			Nguyễn Trường Chinh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10333/08S69
13662	S69-15687			Trương Thái Duy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10334/08S69
13663	S69-15688			Trương Văn Vẹn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10335/08S69
13664	S69-15689			Nguyễn Văn Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10336/09S69
13665	S69-15690			Trạm Viễn Thông Tân Tiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10337/08S69
13666	S69-15691			Huỳnh Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10338/08S69
13667	S69-15692			Hữu Văn Tính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10339/08S69
13668	S69-15693			Trần Trung Lập	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10340/08S69
13669	S69-15694			Trần Văn Tài	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10341/08S69
13670	S69-15695	CM-15561		Nguyễn Trung Hậu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06788/12S69
13671	S69-15696	CM-15650		Trần Quốc Xính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06792/12S69
13672	S69-15697			Nguyễn Văn Thi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10344/08S69
13673	S69-15698			Huỳnh Minh Cảnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10345/09S69
13674	S69-15699			Trần Văn Tân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10346/09S69
13675	S69-15700			Ngô Văn Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10347/08S69
13676	S69-15701			Trần Văn Chín	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10348/08S69
13677	S69-15702	CM-15497		Trần Kiều Phương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08575/12S69
13678	S69-15703	CM-17813		Phan Văn Khuya	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02974/11S69
13679	S69-15704			Lê Văn Hồng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10351/08S69
13680	S69-15705			Phạm Minh Tèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10352/08S69
13681	S69-15706	CM-15452		Trần Diệu Hiền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08563/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13682	S69-15707			Nguyễn Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10354/08S69
13683	S69-15708	CM-15451		Tạ Hoàng Phục	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06796/12S69
13684	S69-15709			Nguyễn Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10356/08S69
13685	S69-15710			Phạm Văn Tây	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10357/08S69
13686	S69-15711			Nguyễn Văn Chấy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10358/08S69
13687	S69-15712			Đỗ Văn Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10359/08S69
13688	S69-15713			Trần Văn Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10360/08S69
13689	S69-15714	CM-15478		Thái Minh Thương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00555/13S69
13690	S69-15715			Trương Minh Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10362/08S69
13691	S69-15716	CM-15632		Nguyễn Lập Trường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01279/12S69
13692	S69-15717			Tô Văn Đội	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10364/08S69
13693	S69-15718			Phan Văn Bảo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10365/08S69
13694	S69-15719			Nguyễn Hoàng Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10366/08S69
13695	S69-15720	CM-15578		Trương Văn Nghét	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08546/12S69
13696	S69-15721			Tạ Pa Ri	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10368/08S69
13697	S69-15722	CM-15520		Trịnh Văn Lâu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/09/2014	29/09/2015	02677/14S69
13698	S69-15723			Phan Thanh Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10370/08S69
13699	S69-15724	CM-15414		Nguyễn Văn Tính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08555/12S69
13700	S69-15725	CM-15433		Nguyễn Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06802/12S69
13701	S69-15726			Nguyễn Văn Hiệp	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10373/08S69
13702	S69-15727			Tạ Hoàng Quân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10374/08S69
13703	S69-15728	CM-15402		Lê Thanh Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10207/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13704	S69-15729			Dương Trung Đèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10376/08S69
13705	S69-15730	CM-15405		Trần Quốc Trị	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08573/12S69
13706	S69-15731	CM-15404		Nguyễn Văn Dậu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2014	28/09/2015	02654/14S69
13707	S69-15732			Trần Văn Khái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10379/08S69
13708	S69-15733	CM-15519		Nguyễn Thanh Nhân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02007/13S69
13709	S69-15734			Liêu Kim Huệ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10381/08S69
13710	S69-15735			Huỳnh Văn Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10382/08S69
13711	S69-15736			Tô Văn Thừa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10383/08S69
13712	S69-15737			Nguyễn Văn Thoại	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10384/08S69
13713	S69-15738			Nguyễn Bửu Lâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10385/09S69
13714	S69-15739	CM-15642		Tạ Hoàng Bảy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06816/12S69
13715	S69-15740			Trương Hùng Nguyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10387/09S69
13716	S69-15741			Dương Văn Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10388/09S69
13717	S69-15742			Nguyễn Hoàng Thái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10389/08S69
13718	S69-15743			Trần Ngọc Nghĩ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10390/08S69
13719	S69-15744			Lâm Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10391/08S69
13720	S69-15745			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10392/09S69
13721	S69-15746			Tạ Hoàng Diễm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10393/08S69
13722	S69-15747			Ngô Minh Sáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10394/08S69
13723	S69-15748	CM-15680		Võ Văn Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08547/12S69
13724	S69-15749			Đặng Thanh Tùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10396/08S69
13725	S69-15750			Nguyễn Văn Hoàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10397/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13726	S69-15751			Huỳnh Trung Hiếu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10398/08S69
13727	S69-15753			Huỳnh Văn Giàu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	10400/08S69
13728	S69-15754			Lê Thanh Mộng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2010	01/02/2011	00655/10S69
13729	S69-15755			Trần Văn Thương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	10402/08S69
13730	S69-15756			Huỳnh Duy Lâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2008	28/11/2009	10403/08S69
13731	S69-15757	CM-14668		Cao Trí Nghiệp	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2010	10/05/2011	02578/10S69
13732	S69-15758			Lâm Văn Quảng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	23/12/2008	23/12/2009	10096/08S69
13733	S69-15759	CM-14671		Huỳnh Thanh Sơn	Khóm 7, Thị trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/02/2011	16/02/2012	00553/11S69
13734	S69-15760			Lê Minh Tùng	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	23/12/2008	23/12/2009	10410/08S69
13735	S69-15761			Trần Văn Đạo	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	24/12/2008	24/12/2009	10419/08S69
13736	S69-15762	CM-14700		Hồ Văn Thịnh	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	13/04/2011	13/04/2012	01199/11S69
13737	S69-15764			Nguyễn Hoàng Lưu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	25/12/2008	25/12/2009	10427/08S69
13738	S69-15765			Ngô Văn Dở	Đông Thới, Huyện Cái Nước	03/03/2009	03/03/2010	01098/09S69
13739	S69-15767	CM-15335		Lý Văn Long	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00358/13S69
13740	S69-15768	CM-15185		Nguyễn Thanh Hà	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04157/13S69
13741	S69-15769		Thanh Phong	Thái Văn Mít	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	26/12/2008	26/12/2009	10443/08S69
13742	S69-15773			Võ Văn út	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00991/12S69
13743	S69-15774			Trần Văn Ân	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06124/10S69
13744	S69-15775			Nguyễn Văn Khởi	Tân Phú, Huyện Thới Bình	29/12/2008	29/12/2009	10685/08S69
13745	S69-15776	CM-15187		Nguyễn Văn Tài	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2013	08/11/2014	05706/13S69
13746	S69-15777	CM-15331		Nguyễn Văn Sữa	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01397/12S69
13747	S69-15778			Trương Văn Hiếu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	22/12/2008	22/12/2009	10694/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13748	S69-15779	CM-15328	Trọng Phú	Mai Văn Phăng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03794/12S69
13749	S69-15780	CM-15863		Nguyễn Chí Nhân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08146/12S69
13750	S69-15781	CM-15883		Nguyễn Văn Sắt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02691/10S69
13751	S69-15782			Phạm Quốc Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10451/08S69
13752	S69-15783			Trương Quốc Kháng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10452/08S69
13753	S69-15784			Phan Hoàng Dẫn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10453/08S69
13754	S69-15785	CM-15938		Trần Khởi Nghĩa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00990/10S69
13755	S69-15786	CM-15814		Trịnh Độc Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06807/12S69
13756	S69-15787			Nguyễn Trường Ka	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10456/08S69
13757	S69-15788			Tô Thanh Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10457/08S69
13758	S69-15789	CM-15882		Lý Minh Tiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06045/12S69
13759	S69-15790			Trần Văn Khải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10459/08S69
13760	S69-15792			Tô Thành Danh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10461/09S69
13761	S69-15793			Ngô Chí Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10462/09S69
13762	S69-15794			Nguyễn Văn Được	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10463/09S69
13763	S69-15795			Võ Minh Đương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10464/08S69
13764	S69-15796	CM-15865		Nguyễn Văn Điểm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08139/12S69
13765	S69-15797			Hồ Thanh Tuấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10466/08S69
13766	S69-15798			Ngô Hoàng Nghiệm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10467/08S69
13767	S69-15799			Bùi Văn Liệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10468/08S69
13768	S69-15800			Trần văn Hồng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10469/08S69
13769	S69-15801	CM-15764		Lê Minh Đức	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00554/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13770	S69-15802			Trần Chiến Đấu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10471/09S69
13771	S69-15803			Võ Minh út Lớn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10472/08S69
13772	S69-15804			Trần Minh Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10473/08S69
13773	S69-15805	CM-15773		Nguyễn Minh Cường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07782/12S69
13774	S69-15806	CM15849		Lâm Hải Âu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07806/12S69
13775	S69-15807	CM-15834		Nguyễn Minh Tế	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07783/12S69
13776	S69-15808			Bùi Văn Chí	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10477/09S69
13777	S69-15809			Phạm Văn Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10478/08S69
13778	S69-15810			Nguyễn Văn Đạt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10479/08S69
13779	S69-15811			Nguyễn Minh Dương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10480/09S69
13780	S69-15812	CM-15767		Lâm Quốc Đại	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06544/13S69
13781	S69-15813			Trịnh Chí Trường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10482/09S69
13782	S69-15814			Trịnh Minh Phương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10483/08S69
13783	S69-15815			Tô Chí Duẩn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10484/08S69
13784	S69-15816			Phạm Công Chín	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10485/08S69
13785	S69-15817			Lâm Việt Chương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10486/08S69
13786	S69-15818	CM-15940		Nguyễn Văn Điệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/04/2012	28/04/2013	01916/12S69
13787	S69-15819			Đoàn Trọng Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10488/08S69
13788	S69-15820			Bùi Minh Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10489/08S69
13789	S69-15821	CM-15734		Trần Văn Thi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02681/10S69
13790	S69-15822	CM-15736		Nguyễn Hoàng Diệu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00088/13S69
13791	S69-15823	CM-15756		Phan Đức Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07790/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13792	S69-15824			Trương Văn Tào	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10493/08S69
13793	S69-15825	CM-15735		Nguyễn Phương Thảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04660/12S69
13794	S69-15826			Hồ Minh Khẩn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10495/08S69
13795	S69-15827			Trần Thanh Trường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10496/08S69
13796	S69-15828	CM-15754		Lê Thống Nhất	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05314/12S69
13797	S69-15829	CM-15739		Trịnh Trung Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06809/12S69
13798	S69-15830			Trương Thành Bảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10499/08S69
13799	S69-15831	CM-15732		Nguyễn Thanh Ly	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05611/13S69
13800	S69-15832			Lâm Đăng Lâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10501/09S69
13801	S69-15833	CM-15962		Nguyễn Hồng Thắm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00853/14S69
13802	S69-15834			Nguyễn Văn Thảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10503/08S69
13803	S69-15835	CM-15906		Đặng Thanh Hùm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02408/14S69
13804	S69-15836	CM-15875		Đặng Thanh Hùm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02683/10S69
13805	S69-15837			Lâm Giang Châu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10506/08S69
13806	S69-15838			Lý Minh Chuối	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10507/08S69
13807	S69-15839			Huỳnh Văn Khỏe	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10508/08S69
13808	S69-15840	CM-15888		Hồ Văn Đạm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06817/12S69
13809	S69-15841			Ngô Văn Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10510/08S69
13810	S69-15842			Nguyễn Văn Chính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10511/08S69
13811	S69-15843			Ngô Minh Tính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10512/08S69
13812	S69-15844			Nguyễn Văn Vắn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10513/08S69
13813	S69-15845			Hồ Văn Quân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10514/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13814	S69-15846			Nguyễn Văn Cai	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10515/08S69
13815	S69-15847			Phan Vũ Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	29/01/2010	29/01/2011	00617/10S69
13816	S69-15848			Phạm Thị Hồng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10517/08S69
13817	S69-15849			Nguyễn Trường An	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10518/08S69
13818	S69-15850			Phan Văn Tài	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10519/08S69
13819	S69-15851			Nguyễn Thanh Nhả	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10520/08S69
13820	S69-15852	CM-15830		Hồ Thanh Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05316/12S69
13821	S69-15853	CM-15854		Đặng Thanh Thuỷ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06041/12S69
13822	S69-15854			Nguyễn Văn Lược	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10523/08S69
13823	S69-15855	CM-15889		Lê Quốc Khương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10172/12S69
13824	S69-15856			Bùi Anh Giáp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10525/08S69
13825	S69-15857			Ngô Ngọc Hơ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10526/08S69
13826	S69-15858	CM-15861		Trần Văn Minh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05305/12S69
13827	S69-15859			Nguyễn Văn Đèo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10528/08S69
13828	S69-15860	CM-15917		Nguyễn Văn Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00093/13S69
13829	S69-15861			Hồ Hoàng Kiêm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10530/08S69
13830	S69-15862			Nguyễn Việt Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10531/08S69
13831	S69-15863			Lê Hoàng Phương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10532/08S69
13832	S69-15864			Phan Tấn Ngọc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10533/08S69
13833	S69-15865			Võ Văn Thủy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10534/08S69
13834	S69-15866	CM-15763		Tiêu Quốc Tuấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03153/11S69
13835	S69-15867			Nguyễn Văn Sum	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10536/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13836	S69-15868	CM-15954		Lâm Ngọc Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03148/11S69
13837	S69-15869	CM-15968		Phạm Minh Tèo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06347/12S69
13838	S69-15870			Nguyễn Vũ Xuyên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10539/08S69
13839	S69-15871			Lý Bích Hằng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10540/08S69
13840	S69-15872	CM-15899		Phạm Minh Duẩn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05301/12S69
13841	S69-15873			Huỳnh Văn Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10542/08S69
13842	S69-15874			Nguyễn Hoài Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10543/08S69
13843	S69-15875	CM-15831		Võ Văn Tiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01438/15S69
13844	S69-15876	CM-15787		Tạ Đức Hiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08141/12S69
13845	S69-15877	CM-15788		Nguyễn Minh Đương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07788/12S69
13846	S69-15878	CM-15943		Văn Công Sự	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05308/12S69
13847	S69-15879	CM-15845		Trương Quốc Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06577/13S69
13848	S69-15880			Nguyễn Minh Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10549/08S69
13849	S69-15881			Trần Văn Em	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2010	10550/08S69
13850	S69-15882			Bùi Thành Nghiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10551/08S69
13851	S69-15883	CM-15897		Hồ Văn Sáng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06536/13S69
13852	S69-15884	CM-15780		Võ Thanh Tiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08149/12S69
13853	S69-15885			Lê Minh Chánh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10554/08S69
13854	S69-15886			Nguyễn Văn Chắc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10555/08S69
13855	S69-15887	CM-15895		Ngô Hoàng Lãm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05299/12S69
13856	S69-15888			Võ Chí Lây	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10557/09S69
13857	S69-15889			Võ Chí Tòng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10558/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13858	S69-15890	CM-15738		Nguyễn Văn Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06589/13S69
13859	S69-15891			Hồ Văn Thường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10560/08S69
13860	S69-15892	CM-15740		Võ Quốc Tám	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10159/12S69
13861	S69-15893	CM-15751		Hồ Minh Phụng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00558/13S69
13862	S69-15894	CM-15750		Tạ Văn Thiết	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00349/13S69
13863	S69-15895	CM-15749		Trịnh Minh Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06808/12S69
13864	S69-15896	CM-15747		Ngô Hoàng Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10271/12S69
13865	S69-15897			Võ Hoàng Anh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10566/08S69
13866	S69-15898	CM-15753		Trương Thanh Trúc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/05/2013	28/05/2014	02792/13S69
13867	S69-15899	CM-15752		Nguyễn Văn Dương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10173/12S69
13868	S69-15900			Phan Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10569/08S69
13869	S69-15901	CM-15789		Vương Song Lót	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08144/12S69
13870	S69-15902			Nguyễn Văn Hoà	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10571/08S69
13871	S69-15903			Trần Văn Bửu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10572/08S69
13872	S69-15904			Nguyễn Tấn Luật	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10573/08S69
13873	S69-15905			Võ Văn Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10574/08S69
13874	S69-15906			Nguyễn Văn Vũ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10575/08S69
13875	S69-15907			Trần Trung Tính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10576/08S69
13876	S69-15908			Dương Văn Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10577/08S69
13877	S69-15909			Tạ Quốc Sự	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10578/08S69
13878	S69-15910			Trương Phong Vũ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10579/08S69
13879	S69-15911			Võ Hoàng Diễn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10580/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13880	S69-15912			Võ Văn Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10581/08S69
13881	S69-15913			Lê Hoài Thanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10582/08S69
13882	S69-15914	CM-15797		Lê Văn Tươi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10238/12S69
13883	S69-15915			Huỳnh Hoàng Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10584/08S69
13884	S69-15916			Trương Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10585/08S69
13885	S69-15917	CM-15844		Nguyễn Văn Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01095/13S69
13886	S69-15918			Nguyễn Phương Đông	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10587/08S69
13887	S69-15919			Dương Văn Trọng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10588/08S69
13888	S69-15920	CM-15953		Lê Văn Nghĩa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04668/12S69
13889	S69-15921			Ngô Minh Trung	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10590/08S69
13890	S69-15922			Trương ý Nguyễn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10591/08S69
13891	S69-15923	CM-15801		Tạ Hoàng Phú	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03149/11S69
13892	S69-15924			Lâm Chí Bền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10593/08S69
13893	S69-15925			Lê Thanh Thảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10594/08S69
13894	S69-15926			Nguyễn Minh Thứ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10595/08S69
13895	S69-15927			Nguyễn Tấn Bạc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10596/08S69
13896	S69-15928			Trần Hải Đăng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10597/08S69
13897	S69-15929	CM-15928		Trịnh Bé Tư	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06810/12S69
13898	S69-15930			Nguyễn Văn Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10599/08S69
13899	S69-15931			Nguyễn Văn Chiến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10600/08S69
13900	S69-15932			Nguyễn Văn Biên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10601/08S69
13901	S69-15933	CM-15836		Trần Thanh Nhơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08145/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13902	S69-15934			Trần Thanh Hưởng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10603/08S69
13903	S69-15935			Nguyễn Thị Dung	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10604/08S69
13904	S69-15936	CM-15933		Trương Văn Nhanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2011	04/10/2012	03562/11S69
13905	S69-15937			Nguyễn Văn Cùm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10606/08S69
13906	S69-15938			Trịnh Việt Trung	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10607/08S69
13907	S69-15939			Nguyễn Ngọc Cẩn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10608/08S69
13908	S69-15940	CM-15909		Lê văn Mến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06013/12S69
13909	S69-15941			Võ Văn Tây	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10610/08S69
13910	S69-15942			Tô Xuân Thắm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10611/08S69
13911	S69-15943	CM-15798		Kiều Minh Hiếu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08412/12S69
13912	S69-15944			Võ Việt Văn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10613/08S69
13913	S69-15945			Hồ Thị Loan	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	12/12/2008	12/12/2009	10614/08S69
13914	S69-15946	CM-15941		Hồ Văn Nghĩa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03144/11S69
13915	S69-15947			Đặng Ngọc Sum	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10616/08S69
13916	S69-15948			Ngô Tấn Tại	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10617/08S69
13917	S69-15949	CM-15956		Trương Hoàng Minh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08550/12S69
13918	S69-15950	CM-15870		Lâm Sơn kính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03145/11S69
13919	S69-15951			Nguyễn Thạch Tuất	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10620/08S69
13920	S69-15952	CM-15965		Lý Hoài Vũ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07876/12S69
13921	S69-15953			Nguyễn Thành Lớn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10622/08S69
13922	S69-15954			Trương Văn Hồng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10623/08S69
13923	S69-15955			Nguyễn Phi Nhạn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10624/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13924	S69-15956			Đặng Minh Đường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10625/08S69
13925	S69-15957			Ngô Việt Quốc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10626/08S69
13926	S69-15958			Nguyễn Minh Sơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10627/08S69
13927	S69-15959			Võ Việt Trung	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10628/08S69
13928	S69-15960			Ngô Hải Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10629/08S69
13929	S69-15961	CM-15942		Trần Rô Y	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01266/10S69
13930	S69-15963			Nguyễn Văn Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10632/08S69
13931	S69-15964			Hồ Minh Chơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10633/08S69
13932	S69-15965			Huỳnh Hoàng Nghiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10634/08S69
13933	S69-15966			Hồ Quốc Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10635/08S69
13934	S69-15967			Lê Quốc Đoàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10636/08S69
13935	S69-15968	CM-15964		Nguyễn Văn Trắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00064/13S69
13936	S69-15969			Nguyễn Văn Thám	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10638/08S69
13937	S69-15970	CM-15931		Nguyễn Minh Ký	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02403/14S69
13938	S69-15971			Trương Minh Thảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10640/08S69
13939	S69-15972			Võ Trung Thực	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10641/08S69
13940	S69-15973			Trương Thanh Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10642/08S69
13941	S69-15974	CM-15760		Phùng Minh Thắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08140/12S69
13942	S69-15975			Nguyễn Tuấn Kiệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10644/08S69
13943	S69-15976	CM-15729		Lâm Sơn Hải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03146/11S69
13944	S69-15977			Nguyễn Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10646/08S69
13945	S69-15978			Nguyễn Thanh Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10647/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13946	S69-15979			Trịnh Thanh Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10648/08S69
13947	S69-15980	CM-15851		Huỳnh Văn Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04659/12S69
13948	S69-15981			Trần Văn Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10650/08S69
13949	S69-15982			Đỗ Văn Thương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10651/08S69
13950	S69-15983	CM-15876		Lê Văn Đoàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00089/13S69
13951	S69-15984			Nguyễn Văn Sáng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10653/08S69
13952	S69-15985	CM-15877		Trương Vũ Phương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07877/12S69
13953	S69-15986			Huỳnh Văn Cò	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10655/08S69
13954	S69-15987			Lâm Bạch Đằng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10656/08S69
13955	S69-15988	CM-15842		Trương Minh Dương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00072/13S69
13956	S69-15989			Phạm Văn Tuyến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10658/08S69
13957	S69-15990			Phạm Văn Mười	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10659/08S69
13958	S69-15991			Phạm Văn Thi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10660/08S69
13959	S69-15992	CM-15859		Ngô Văn Vui	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05295/12S69
13960	S69-15993	CM-15805		Nguyễn ái Dân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/12/2012	05/12/2013	08161/12S69
13961	S69-15994			Lâm Chí Vững	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10663/08S69
13962	S69-15995	CM-15927		Lê Thanh Hải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10158/12S69
13963	S69-15996	CM-15939		Trần Bạch Đằng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06449/13S69
13964	S69-15997	CM-15955		Nguyễn Văn Tiếp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03156/11S69
13965	S69-15998	CM-15857		Phạm Văn Trí	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06592/13S69
13966	S69-15999	CM-15904		Trương Thái Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07815/12S69
13967	S69-16000			Nguyễn An Toàn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/01/2009	02/01/2010	00004/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13968	S69-16001			Ngô Văn Tiếng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/01/2009	02/01/2010	00005/09S69
13969	S69-16002			Ngô Văn Toàn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/01/2009	02/01/2010	00006/09S69
13970	S69-16003			Trần Văn Nhị	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	02/01/2009	02/01/2010	00007/09S69
13971	S69-16004			Trần Văn Tú	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	02/01/2009	02/01/2010	00008/09S69
13972	S69-16005			Nguyễn Quốc Hen	Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/01/2009	02/01/2010	00009/09S69
13973	S69-16006	CM-15347		Phan Chi Lăng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02160/13S69
13974	S69-16007			Nguyễn Văn Thanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/07/2010	19/07/2011	03722/10S69
13975	S69-16008			Phẩm Văn Linh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	00017/09S69
13976	S69-16009			Nguyễn Văn Cửa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	05/01/2009	05/01/2010	00021/09S69
13977	S69-16010	CM-15353		Nguyễn Trọng Nghĩa	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	01/02/2011	01/02/2012	00480/11S69
13978	S69-16011			Cao Trí Nghiệp	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	05/01/2009	05/01/2010	00027/09S69
13979	S69-16012	CM-		Võ Phi Công	Tân Thành, Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	05/01/2009	05/01/2010	00028/09S69
13980	S69-16013	CM-15351		Phạm Văn Hận	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/07/2010	08/07/2011	03519/10S69
13981	S69-16014			Cao Văn Đương	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	05/01/2009	05/01/2010	00031/09S69
13982	S69-16015			Cao Văn Đát	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	05/01/2009	05/01/2010	00032/09S69
13983	S69-16016			Phan Văn Liêm	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	05/01/2009	05/01/2010	00033/09S69
13984	S69-16017			Bùi Tấn Thảo	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	06/01/2009	06/01/2010	00041/08S69
13985	S69-16018	CM-15346		Huỳnh Minh Lợi	Khóm 7, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/05/2013	16/05/2014	02559/13S69
13986	S69-16019			Hà Thanh Thoảng	ấp Xóm Chùa, Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	06/01/2009	06/01/2010	00044/09S69
13987	S69-16020	CM-15343		Đặng Văn Thám	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	02/01/2012	02/01/2013	00024/13S69
13988	S69-16021			Trương Minh Châu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10953/08S69
13989	S69-16022			Tô Thanh Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10669/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
13990	S69-16023			Diệp Thành Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10670/08S69
13991	S69-16024			Lê Văn Chính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10671/08S69
13992	S69-16025	CM-15915		Lê Thanh Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03482/11S69
13993	S69-16026			Lê út Hiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10673/08S69
13994	S69-16027			Trang Thanh Vũ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10674/08S69
13995	S69-16028			Nguyễn Văn Đúng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10675/08S69
13996	S69-16029			Võ Thích Hào	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10676/08S69
13997	S69-16030			Phạm Trường Chinh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10677/08S69
13998	S69-16031	CM-15862		Nguyễn Văn Trinh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01296/10S69
13999	S69-16032			Nguyễn Văn Liệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/12/2008	16/12/2009	10679/08S69
14000	S69-16033	CM-15916		Nguyễn Thành Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05304/12S69
14001	S69-16035			Sử Quốc Thạch	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	29/12/2008	29/12/2009	10696/08S69
14002	S69-16036	CM-15340		Trần Minh Tới	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2011	10/02/2012	00487/11S69
14003	S69-16037			Nguyễn Bé Năm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	31/12/2008	31/12/2009	10709/08S69
14004	S69-16038			Dương Văn Tung	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/12/2008	30/06/2009	10710/08S69
14005	S69-16040			Phan Vũ Bảo	ấp Xóm Chùa, Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	31/12/2008	31/12/2009	10712/08S69
14006	S69-16041			Phan Văn Châu	ấp Xóm Chùa, Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	31/12/2008	31/12/2009	10713/08S69
14007	S69-16042			Nguyễn Đạo Đức	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/12/2008	30/12/2009	10714/08S69
14008	S69-16043			Ngô Văn Lên	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2008	31/12/2009	10716/08S69
14009	S69-16044			Lê Thị Ngọc Tuyết	Khóm 4, Phường 5, Thành phố Cà Mau	30/12/2008	30/12/2009	10717/08S69
14010	S69-16045			Ngô Thanh Phong	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04909/10S69
14011	S69-16046			Trần Tấn Đức	K9, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10723/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14012	S69-16048			Lê Văn áo	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10725/08S69
14013	S69-16049	CM-16093		Phạm Văn Trường	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06014/10S69
14014	S69-16050	CM-16097		Huỳnh Văn Be	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05991/10S69
14015	S69-16051	CM-16099		Hồ Quốc Hiệp	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/11/2010	16/11/2011	05633/10S69
14016	S69-16052			Lê Hoàng Nhanh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10729/08S69
14017	S69-16053	CM-16074		Nguyễn Văn Bạch	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06031/10S69
14018	S69-16054			Nguyễn Hồng Cẩm	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10731/08S69
14019	S69-16055	CM-16122		Trần Thanh Điền	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05984/10S69
14020	S69-16056			Lê Văn Sang	Phú Tân, Huyện Phú Tân	20/12/2008	20/12/2009	10733/08S69
14021	S69-16057	CM-16082		Đoàn Minh Dương	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06129/10S69
14022	S69-16058			Nguyễn Hoài Phú	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10735/08S69
14023	S69-16059			Trần Thanh Mộng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10736/08S69
14024	S69-16060	CM-17709		Nguyễn Văn Vũ	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05985/10S69
14025	S69-16061	CM-16094		Dương Văn Hận	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2012	04/01/2013	00046/11S69
14026	S69-16062			Trần Trường Giang	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	30/11/2009	30/11/2010	06876/09S69
14027	S69-16063			Trần Văn Tĩnh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10740/08S69
14028	S69-16064			Đoàn Văn Tuyến	K10, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10741/08S69
14029	S69-16065	CM-16071		Lâm Văn Hậu	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05992/10S69
14030	S69-16066	CM-16125		Lăng Văn Thị	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07132/09S69
14031	S69-16067	CM-16127		Nguyễn Thanh Sĩ	K10, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07061/09S69
14032	S69-16068	CM-16102		CTY TNHH CBTS SHANG Yi V-N	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	19/08/2009	19/08/2010	04946/09S69
14033	S69-16069	CM-16126		Huỳnh Văn Ngỗi	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03050/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14034	S69-16070	CM-16128		Đặng Khánh An	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2015	10/07/2016	01261/15S69
14035	S69-16071	CM-16113		Nguyễn Văn Hạnh	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2009	14/12/2010	07029/09S69
14036	S69-16072			Phạm Quốc Qui	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10749/08S69
14037	S69-16073			Nguyễn Văn Cọp	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10750/08S69
14038	S69-16074	CM-16115		Nguyễn Thanh Tâm	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07146/09S69
14039	S69-16075			Nguyễn Văn Tuấn	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10752/08S69
14040	S69-16076			Nguyễn Minh Thạnh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10753/08S69
14041	S69-16077	CM-16121		Huỳnh Văn Cảnh	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05983/10S69
14042	S69-16078	CM-16076		Nguyễn Thanh Phong	K9, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07107/09S69
14043	S69-16079			Huỳnh Văn Thía	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10756/08S69
14044	S69-16080			Trịnh Việt Bắc	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10757/08S69
14045	S69-16081			Nguyễn Đức Thành	K9, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10758/08S69
14046	S69-16082	CM-16120		Dương Minh Luận	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07091/09S69
14047	S69-16083			Trương Minh Chơn	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10760/08S69
14048	S69-16084	CM-16091		Trần Văn Kỳ	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03060/13S69
14049	S69-16085	CM-16096		Nguyễn Minh Lùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07108/09S69
14050	S69-16086			Lê Văn Kiệt	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10763/08S69
14051	S69-16087	CM-16081		Nguyễn Văn Giang	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07076/09S69
14052	S69-16089	CM-16117		Phạm Văn Viên	K5, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03046/13S69
14053	S69-16090	CM-16118		Huỳnh Văn Ngàn	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03067/13S69
14054	S69-16091	CM-16119		Lâm Văn Nghị	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05998/10S69
14055	S69-16092			Nguyễn Văn Thạo	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10769/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14056	S69-16093	CM-03283	Anh Thương	Võ Văn Thương	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	11/04/2013	11/04/2014	02112/13S69
14057	S69-16094	CM-	Đò	Tô Vũ Hào	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10788/08S69
14058	S69-16095	CM-03451		Phạm Văn Nhứt	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10794/08S69
14059	S69-16096	CM-16111		Nguyễn Văn Bằng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03049/13S69
14060	S69-16097	CM-16057		Nguyễn Thanh Tâm	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/10/2013	05254/12S69
14061	S69-16098			Đặng Văn Bé Tư	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10825/08S69
14062	S69-16099			Bùi Văn Thủy	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06035/10S69
14063	S69-16100	CM-	Đò	Lê Hữu Tĩnh	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10859/08S69
14064	S69-16101			Trần Thanh Tuấn	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10868/08S69
14065	S69-16103		Đò	Phạm Hoàng Sơn	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10870/08S69
14066	S69-16105	CM-15454		Nguyễn Ngọc Diệp	Khánh An, Huyện U Minh	11/01/2013	11/01/2014	00388/13S69
14067	S69-16107			Nguyễn Thành Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	00055/08S69
14068	S69-16108			Trương Văn Tùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	00056/08S69
14069	S69-16109			Nguyễn Văn Tỏ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	00057/08S69
14070	S69-16110			Đoàn Văn Trọng Thủy	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	00058/08S69
14071	S69-16111	CM-01561		Nguyễn Hồng Gấm	ấp Cái Xếp Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	07/01/2009	07/01/2010	00060/09S69
14072	S69-16112			Huỳnh Kim Cà	Định Bình, Thành phố Cà Mau	07/01/2009	07/01/2010	00067/09S69
14073	S69-16114			Lê Quốc Cường	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	07/01/2009	07/01/2010	00070/09S69
14074	S69-16117	CM-15358		Đỗ Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	05/03/2010	05/03/2011	01058/10S69
14075	S69-16118	CM-15357		Trần Thanh Trắng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01650/10S69
14076	S69-16119	CM-15356		Trần Thanh Đoàn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01649/10S69
14077	S69-16120			Nguyễn Hoàng Tuấn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	08/01/2009	08/01/2010	00079/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14078	S69-16121			Nguyễn Văn Nhượng	Định Bình, Thành phố Cà Mau	08/01/2009	08/01/2010	00081/09S69
14079	S69-16122			Trương Văn Quốc	Quách Phấn, Huyện Đầm Dơi	09/01/2009	09/01/2010	00086/09S69
14080	S69-16123	CM-15368		Đỗ Văn Kiệt	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	13/10/2011	13/10/2012	03687/11S69
14081	S69-16124	CM-15367		Nguyễn Văn Dầy	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	23/01/2013	23/01/2014	00955/13S69
14082	S69-16125			Lưu Văn Cuộc	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2009	09/01/2010	00090/09S69
14083	S69-16126	CM-15366		Huỳnh Tấn Hát	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	22/02/2010	22/02/2011	00880/10S69
14084	S69-16127			Tô Văn Đông	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	00095/09S69
14085	S69-16129			Lâm Chí Tâm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10950/08S69
14086	S69-16130			Bùi Hải Phong	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10951/08S69
14087	S69-16131			Lê Thanh Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10952/08S69
14088	S69-16132			Phạm Tấn Lộc	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10954/08S69
14089	S69-16133			Mã Văn Suối	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10955/08S69
14090	S69-16134			Thái Chí Tâm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10956/08S69
14091	S69-16135			Mã Công Toại	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10957/08S69
14092	S69-16136			Mã Hồng Gương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10958/08S69
14093	S69-16137			Nguyễn Văn Quốc	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10959/08S69
14094	S69-16138			Trương Hồng Thoại	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10960/08S69
14095	S69-16139			Võ Hoàng Giang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10961/08S69
14096	S69-16140			Trần Văn Dừng	Đất Mũi, Huyện Năm Căn	22/12/2008	22/12/2009	10962/08S69
14097	S69-16141			Nguyễn Văn Khải	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10963/08S69
14098	S69-16142			Huỳnh Văn Hiếu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10964/08S69
14099	S69-16143			Lý Văn Quý	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10965/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14100	S69-16144			Nguyễn Văn Cành	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10966/08S69
14101	S69-16145			Nguyễn Thanh Thương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10967/08S69
14102	S69-16146			Trần Văn Bé	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10968/08S69
14103	S69-16147			Mã Văn Lến	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10969/08S69
14104	S69-16148			Trương Công Lập	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10970/08S69
14105	S69-16149			Lê Hoàng Liêm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10971/08S69
14106	S69-16150			Dương Văn Hạnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10972/08S69
14107	S69-16151			Cao Thù Em	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10973/08S69
14108	S69-16152			Dư Văn Bay	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10974/08S69
14109	S69-16153			Phạm Văn Đồng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10975/08S69
14110	S69-16154			Dương Văn Vui	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	24/12/2009	10976/08S69
14111	S69-16155			Lê Công Định	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10977/08S69
14112	S69-16156			Hà Quốc Nhơn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10978/08S69
14113	S69-16157			Cao Thanh Nhã	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10979/08S69
14114	S69-16158			Lý Văn Kiệt	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10980/08S69
14115	S69-16159			Trần Việt Sô	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10981/08S69
14116	S69-16160			Trương Minh Ký	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10982/08S69
14117	S69-16161			Thái Văn Khải	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10983/08S69
14118	S69-16162			Nguyễn Văn Hải	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10984/08S69
14119	S69-16163			Hồ Văn Lào	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10985/08S69
14120	S69-16164			Trần Thanh Thủ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10986/08S69
14121	S69-16165	CM-16255		Nguyễn Huệ Thông	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2010	20/04/2011	02206/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14122	S69-16166			Tổ Điện Đất Mũi	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10988/08S69
14123	S69-16167			Phan Văn Thắm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10989/08S69
14124	S69-16168			Võ Hoàng Trinh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10990/08S69
14125	S69-16169			Nguyễn Hồng Kông	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10991/08S69
14126	S69-16170			Nguyễn ánh Hồng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10992/08S69
14127	S69-16171			Huỳnh Văn Dũ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10998/08S69
14128	S69-16172			Nguyễn Công Tèo	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10994/08S69
14129	S69-16173			Vũ Quý Ly	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10995/08S69
14130	S69-16174			Vũ Xuân Hào	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10996/08S69
14131	S69-16175			Võ út Chai	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10997/08S69
14132	S69-16177			Tăng Quốc Thới	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	10999/08S69
14133	S69-16178			Nguyễn Văn Sang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11000/08S69
14134	S69-16179			Đình Văn Thu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11001/08S69
14135	S69-16180			Huỳnh Văn Lâm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11002/08S69
14136	S69-16181			Nguyễn Văn Hậu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11003/08S69
14137	S69-16182			Vũ Văn Tam	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11004/08S69
14138	S69-16183			Nguyễn Minh Thắng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11005/08S69
14139	S69-16184			Thái Thanh Sang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11006/08S69
14140	S69-16185			Thái Phi Hùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11007/08S69
14141	S69-16186			Phan Thanh Tao	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11008/08S69
14142	S69-16187			Phan Thanh Trí	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11009/08S69
14143	S69-16188			Cao Văn Minh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11010/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14144	S69-16189			Lê Văn Duy	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11011/08S69
14145	S69-16190			Tăng Việt Thống	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11012/08S69
14146	S69-16191			Đỗ Chí Toàn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11013/08S69
14147	S69-16192			Tô Minh Đường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11014/08S69
14148	S69-16193			Nguyễn Hoàng Anh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11015/08S69
14149	S69-16194			Lê Hoàng Hà	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10871/08S69
14150	S69-16195			Mã La Vui	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10872/08S69
14151	S69-16196			Nguyễn Văn Ca	Tân phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10873/08S69
14152	S69-16197			Nguyễn Văn Nhì	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10874/08S69
14153	S69-16198			Nguyễn Văn Mừng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10875/08S69
14154	S69-16199			Nguyễn Văn Hùng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10876/08S69
14155	S69-16200			Nguyễn Văn Tỷ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10877/08S69
14156	S69-16201			Trần Chí Công	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10878/08S69
14157	S69-16202			Lê Thanh Hiền	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10879/08S69
14158	S69-16203			Huỳnh Thanh Vĩ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10880/08S69
14159	S69-16204			Trần Hoàng An	Tân Phú, Huyện Trần Văn Thời	24/12/2008	24/12/2009	10881/08S69
14160	S69-16205			Trần Văn Hiển	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10882/08S69
14161	S69-16206			Nguyễn Thành Được	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10883/08S69
14162	S69-16207			Nguyễn Văn Sôm	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10884/08S69
14163	S69-16208			Võ Văn Na	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10885/08S69
14164	S69-16209			Phan Thị Xuyến	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10886/08S69
14165	S69-16210			Nguyễn Văn Sĩ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10887/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14166	S69-16211			Trình Thị Phần	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10888/08S69
14167	S69-16212			Kha Văn Thới	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10889/08S69
14168	S69-16213			Nguyễn Văn Minh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10890/08S69
14169	S69-16214			Nguyễn Văn út	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10891/08S69
14170	S69-16215			Trương Văn Đố	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10892/08S69
14171	S69-16216			Nguyễn Thanh Xuân	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10893/08S69
14172	S69-16217			Nguyễn thị Bảnh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10894/08S69
14173	S69-16218			Bùi Văn Thiết	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10895/08S69
14174	S69-16219			Nguyễn Thị Đẹp	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10896/08S69
14175	S69-16220			Phan Văn Liệt	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10897/08S69
14176	S69-16221			Nguyễn Văn Hận	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10898/08S69
14177	S69-16222			Nguyễn Văn Hải	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10899/08S69
14178	S69-16223			Phan Văn Hùng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10900/08S69
14179	S69-16224			Nguyễn Hữu Cường	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10901/08S69
14180	S69-16225			Nguyễn Hoàng Chiến	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10902/08S69
14181	S69-16226			Võ Văn Tuấn	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10903/08S69
14182	S69-16227			Nguyễn Văn Chiến	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10904/08S69
14183	S69-16228			Ngô Thị Hạnh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10905/08S69
14184	S69-16229			Nguyễn Văn Ngoạt	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10906/08S69
14185	S69-16230			Hứa Vũ Phong	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10907/08S69
14186	S69-16231			Châu Hoàng Trãi	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10908/08S69
14187	S69-16232			Quách Thanh Mơ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10909/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14188	S69-16233			Trần Đức Ninh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10910/08S69
14189	S69-16234			Phan Văn Minh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10911/08S69
14190	S69-16235			Từ Thiện Đen	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/06/2009	10912/08S69
14191	S69-16236			Trần Thị Lài	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10913/08S69
14192	S69-16237			Bùi Văn Niên	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10914/08S69
14193	S69-16238			Lê Văn Phụng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10915/08S69
14194	S69-16239			Trần Văn Thế	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10916/08S69
14195	S69-16240			Trần Văn Vinh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10917/08S69
14196	S69-16241	CM-15711		Trương Hoàng Phong	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00842/11S69
14197	S69-16242			Lê Văn Cường	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10919/08S69
14198	S69-16243	CM-15985		Quách Thanh Mơ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	19/12/2011	17/12/2012	04890/11S69
14199	S69-16244			Hồ Văn Phong	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10921/08S69
14200	S69-16245			Dương Văn Xưa	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10922/08S69
14201	S69-16246			Nguyễn Văn Hoá	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10923/08S69
14202	S69-16247			Biện Văn Chợ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10924/08S69
14203	S69-16248			Lâm Hoàng Mi	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10925/08S69
14204	S69-16249			Trương Văn Phúc	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10926/08S69
14205	S69-16250			Nguyễn Văn Tại	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10927/08S69
14206	S69-16251			Phan Văn Trí	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10928/08S69
14207	S69-16252			Nguyễn Thị Bích	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10929/08S69
14208	S69-16253			Cao Vũ Bình	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10930/08S69
14209	S69-16254			Phan Văn Nghiệp	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10931/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14210	S69-16255			Trần Thanh An	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10932/08S69
14211	S69-16256			Nguyễn Thành Lập	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10933/08S69
14212	S69-16257			Lê Trung Tính	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10934/08S69
14213	S69-16258			Võ Văn Bình	Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10935/08S69
14214	S69-16259			Hồ Thanh Trảng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10936/08S69
14215	S69-16260			Phan Văn Nương	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10937/08S69
14216	S69-16261			Biện Văn Nhu	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10938/08S69
14217	S69-16262			Nguyễn Cail	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10939/08S69
14218	S69-16263			Nguyễn A Na Xil	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10940/08S69
14219	S69-16264			Biện Văn Dư	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10941/08S69
14220	S69-16265			Phan Văn Thường	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10942/08S69
14221	S69-16266			Nguyễn A Na Gil	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10943/08S69
14222	S69-16267			Trần Văn Hồng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10944/08S69
14223	S69-16268			Dương Văn Nghiệp	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10945/08S69
14224	S69-16269			Lê Mỹ Thị	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10946/08S69
14225	S69-16270	CM-02055		Trần Văn Hiếu	Tân Phú, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	10948/08S69
14226	S69-16271	CM-15377		Huỳnh Văn Hòa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02397/12S69
14227	S69-16273	CM-15379		Võ Minh Mỹ	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2013	11/03/2014	01583/13S69
14228	S69-16274			Quách Văn Thạnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11016/08S69
14229	S69-16275			Phạm Chí Linh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11017/08S69
14230	S69-16276			Tạ Thành Mung	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11018/08S69
14231	S69-16277			Lý Minh Cảnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11019/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14232	S69-16278			Nguyễn Trường Giang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11020/08S69
14233	S69-16279			Nguyễn Văn Tường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11021/08S69
14234	S69-16281			Quách Văn Bền	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11023/08S69
14235	S69-16282			Trần Hoài Bảo	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11024/08S69
14236	S69-16283			Nguyễn Quốc Sĩ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11025/08S69
14237	S69-16284	CM-16306		Phạm Minh Cào	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01984/10S69
14238	S69-16285	CM-16275		Nguyễn Quốc Hậu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	05013/13S69
14239	S69-16287			Trịnh Hoàng Trung	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11029/08S69
14240	S69-16288			Bùi Văn Thắng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11030/08S69
14241	S69-16289			Lê Văn Cường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11031/08S69
14242	S69-16290			Dương Văn Quân	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11032/08S69
14243	S69-16291			Nguyễn Duy Phương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11033/08S69
14244	S69-16292			Trần Chí Công	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11034/08S69
14245	S69-16293			Trương Long Châu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11035/08S69
14246	S69-16294			Nguyễn Thị Thoa	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11036/08S69
14247	S69-16295			Tạ Chí Cường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11037/08S69
14248	S69-16296			Cao Văn Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11038/08S69
14249	S69-16297			Phạm Hùng Sang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11039/08S69
14250	S69-16298			Hồng Văn Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11040/08S69
14251	S69-16299			Trần Văn Tươi	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11041/09S69
14252	S69-16300			Tô Văn Cường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11042/08S69
14253	S69-16301			Nguyễn Thị Phương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11043/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14254	S69-16302			Tạ Văn út	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11044/08S69
14255	S69-16303			Tạ Thanh Tuấn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11045/08S69
14256	S69-16304			Phạm Ga Lăng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11046/08S69
14257	S69-16305			Nguyễn Văn Tuấn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11047/08S69
14258	S69-16306			Nguyễn Hải Lập	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11048/08S69
14259	S69-16307			Lâm Như Hoa	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11049/08S69
14260	S69-16308			Huỳnh Hồng Sương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11050/08S69
14261	S69-16309			Trương Văn Tuấn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11051/08S69
14262	S69-16310			Trương Văn Cảnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11052/08S69
14263	S69-16311			Trương Hoài Tâm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11053/08S69
14264	S69-16312			Nguyễn Thanh Sơn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11054/08S69
14265	S69-16313			Phạm Văn Đen	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11055/08S69
14266	S69-16314			Vưu Trường An	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11056/08S69
14267	S69-16315			Nguyễn Văn Mạnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11057/08S69
14268	S69-16316			Lâm Chí Quang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11058/08S69
14269	S69-16317			Trương Phương Nam	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11059/08S69
14270	S69-16318			Nguyễn Thành Trang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11060/08S69
14271	S69-16319			Phan Thanh Trí	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11061/08S69
14272	S69-16320			Lê Quang Vinh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11062/08S69
14273	S69-16321			Phan Việt Xinh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11063/08S69
14274	S69-16322			Lê Văn Cường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11064/08S69
14275	S69-16323			Thái Hoàng Tiếng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11065/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14276	S69-16324	CM-01596	Đò	Lâm Quốc Hải	ấp Cái Xếp Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	16068/08S69
14277	S69-16325	CM-02730		Lê Văn Tám	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11069/08S69
14278	S69-16327	CM-02800		Lê Minh Quynh	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11081/08S69
14279	S69-16328	CM-02773		Nguyễn Thị Vui	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11083/08S69
14280	S69-16329	CM-02817		Lý Thanh Mộng	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11087/08S69
14281	S69-16330	CM-15826		Nguyễn Văn Khanh	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02204/10S69
14282	S69-16331	CM-15827		Phan Văn Sự	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	08/03/2010	08/03/2011	01069/10S69
14283	S69-16332	CM-15829		Nguyễn Việt Trung	Khu Vực I, Khóm I, Huyện Năm Căn	18/03/2010	18/03/2011	01545/10S69
14284	S69-16333	CM-02752		Nguyễn Khải Anh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11097/08S69
14285	S69-16334		Đò	Bùi Mỹ Phương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11098/08S69
14286	S69-16335	CM-03000		Lâm Văn Lem	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11107/08S69
14287	S69-16336			Trần Văn Ngoan	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11111/08S69
14288	S69-16337			Châu Thanh Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11112/08S69
14289	S69-16338	CM-16330		Mai Văn Thảo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2011	06/03/2012	00758/11S69
14290	S69-16339			Nguyễn Công Bằng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11114/08S69
14291	S69-16340			Lê Văn Kiệt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11115/08S69
14292	S69-16341	CM-16337		Trần Quốc Khởi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03284/13S69
14293	S69-16342			Nguyễn Văn Khởi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11117/08S69
14294	S69-16343			Nguyễn Trường Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11118/08S69
14295	S69-16344	CM-16332		Tạ Thanh Định	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03313/10S69
14296	S69-16345			Đinh Văn Hưng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11120/08S69
14297	S69-16346			Trần Trí Nhớ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11121/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14298	S69-16347			Nguyễn Văn Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11122/08S69
14299	S69-16348			Trần Minh Ghil	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03282/13S69
14300	S69-16349	CM-16325		Nguyễn Văn Lâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01987/12S69
14301	S69-16350			Trương Quốc Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11125/08S69
14302	S69-16351			Nguyễn Hữu Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11126/08S69
14303	S69-16352			Phan Minh Kha	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11127/08S69
14304	S69-16353			Đặng Tấn Lực	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11128/08S69
14305	S69-16354			Lê Văn Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11130/08S69
14306	S69-16355	CM-16309		Nguyễn Văn Sỹ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01985/14S69
14307	S69-16356	CM-16338		Lâm Mộng Đẹp	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	21/12/2009	21/12/2010	07236/09S69
14308	S69-16357			Nguyễn Quốc Phục	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11133/08S69
14309	S69-16358			Nguyễn Văn Sáng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11134/08S69
14310	S69-16359			Lê Hoàng Vân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11135/08S69
14311	S69-16360			Lê Văn Mãi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11136/08S69
14312	S69-16361	CM-16333		Phạm Thanh Cho	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2011	04/01/2012	00064/11S69
14313	S69-16362			Tô Đình Đoàn	Viên An Đông, Huyện Cái Nước	22/12/2008	22/12/2009	11138/08S69
14314	S69-16363			Tô Thanh Mừng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11139/08S69
14315	S69-16364			Nguyễn Văn Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11129/08S69
14316	S69-16365			Lê Công Cẩn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	14/01/2009	14/01/2010	00132/08S69
14317	S69-16366			Đoàn Thanh Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11140/08S69
14318	S69-16367			Lưu Văn Non	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11141/08S69
14319	S69-16368			Trần Văn Kiệt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2008	22/12/2009	11142/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14320	S69-16369			Lê Hoàng Tâm	TT U Minh, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00158/09S69
14321	S69-16370	CM-16186		Lê Văn Phương	TT U Minh, Huyện U Minh	03/06/2010	03/06/2011	03065/10S69
14322	S69-16371			Đặng San Yô	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00160/09S69
14323	S69-16372			Hồ Minh Miên	TT U Minh, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00161/09S69
14324	S69-16374	CM-16177		Huỳnh Thị Phuong	Khánh Hòa, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03257/12S69
14325	S69-16375			Nguyễn Văn Thuận	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00164/09S69
14326	S69-16376			Lê Thanh Dân	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00165/09S69
14327	S69-16377			bùi Thành Thật	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00166/09S69
14328	S69-16378			Trịnh Văn Tèo	TT U Minh, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00167/09S69
14329	S69-16379			Trần Văn Biên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00168/09S69
14330	S69-16380			Lý Văn Bá	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00169/09S69
14331	S69-16381			Đặng Chí Bền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00170/09S69
14332	S69-16382			Võ Quốc Luyến	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11143/08S69
14333	S69-16383			Trần Văn Nghĩa	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11144/08S69
14334	S69-16384			Huỳnh Văn Đẹp	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11145/08S69
14335	S69-16385			Nguyễn Văn Quân	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11146/08S69
14336	S69-16386	CM-16157		Trần Văn Kháng	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01811/13S69
14337	S69-16387	CM-16156		Lê Văn Tới	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	25/12/2009	25/12/2010	07343/09S69
14338	S69-16388			Phạm Trung Hiếu	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11149/08S69
14339	S69-16389			Tô Văn Tờ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11150/08S69
14340	S69-16390			Lê Văn Cảnh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11151/08S69
14341	S69-16391	CM-16167		Nguyễn Văn Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/11/2013	16/11/2014	05795/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14342	S69-16392	CM-16158		Kỷ Hoàng Nhi	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/03/2011	16/03/2012	00910/11S69
14343	S69-16393			Nguyễn Tấn Hùng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11154/08S69
14344	S69-16394	CM-16149		Võ Văn Kiệt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06110/09S69
14345	S69-16396			Trường Tiểu Học Phú Mỹ 4	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11157/08S69
14346	S69-16397			Bùi Văn Trí	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11158/08S69
14347	S69-16398			Diệp Thị Phụng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/12/2008	26/12/2009	11159/08S69
14348	S69-16399			Nguyễn Văn Hoàng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11160/08S69
14349	S69-16400	CM-16164		Trần Văn Yêm	ấp Cái Đôi, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/02/2014	16/02/2015	00417/14S69
14350	S69-16401	CM-16163		Tô Minh Tâm	Tân Hải, Huyện Phú Tân	11/03/2010	11/03/2011	01213/10S69
14351	S69-16402	CM-16159		Nguyễn Văn Tuấn	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00222/11S69
14352	S69-16403			Lê út Lớn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11164/08S69
14353	S69-16404			Lò Văn Quân	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11165/08S69
14354	S69-16405			Phùng Tấn Y	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11166/08S69
14355	S69-16406			Đỗ Thanh Tuấn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11167/08S69
14356	S69-16407			Đào Hồng Khởi	Tân Hải, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11168/08S69
14357	S69-16408			Nguyễn Văn Tuấn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11169/08S69
14358	S69-16409			Nguyễn Văn Liếp	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11170/08S69
14359	S69-16410	CM-16151		Trương Thanh Đông	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	11/01/2010	11/07/2010	00142/10S69
14360	S69-16411			Quách Hồng Phương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11172/08S69
14361	S69-16412			Võ Trường Long	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11173/08S69
14362	S69-16413			Lê Tuấn Khanh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11174/08S69
14363	S69-16414			Nguyễn Thanh Bình	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11175/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14364	S69-16415			Nguyễn Vũ Hiệp	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11176/08S69
14365	S69-16416			Bùi Quốc Dũng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11177/08S69
14366	S69-16417			Phạm Minh Trí	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11178/08S69
14367	S69-16418			Nguyễn Minh Khai	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11179/08S69
14368	S69-16419			Lữ Văn Lập	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	26/12/2008	26/12/2009	11180/08S69
14369	S69-16420	CM-15699		Đỗ Minh Hiệp	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	21/12/2011	21/12/2012	04967/11S69
14370	S69-16422			Nghiêm Phước Hùng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2009	12/01/2010	00140/09S69
14371	S69-16423			Trần Văn Dân	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2009	12/01/2010	00141/09S69
14372	S69-16424			Trần Trung Tính	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2009	12/01/2010	00142/09S69
14373	S69-16426			Dương Văn Hiếu	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2009	12/01/2010	00144/09S69
14374	S69-16427			Trần Thanh Phong	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05097/10S69
14375	S69-16428			Mai Thị Nghệ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2009	12/07/2009	00146/09S69
14376	S69-16429	CM-90013		Tô Văn Toàn	Khóm 6, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01398/12S69
14377	S69-16430			Huỳnh Thanh Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/01/2009	15/01/2010	00178/09S69
14378	S69-16431			Trịnh Minh Hồng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00199/09S69
14379	S69-16432			Phạm Minh Cảnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00200/09S69
14380	S69-16433			Trần Văn Lý	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00201/09S69
14381	S69-16434			Quách Văn Sơn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00202/09S69
14382	S69-16435			Nguyễn Văn Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00203/09S69
14383	S69-16436			Lê Văn Cương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00204/09S69
14384	S69-16437			Lữ Văn Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00205/09S69
14385	S69-16438	CM-16512		Trịnh Hải Đăng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/09/2011	11/09/2012	03192/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14386	S69-16439			Quách Phú Cường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00207/09S69
14387	S69-16440			Nguyễn Ngọc Liêm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00208/09S69
14388	S69-16441			Nguyễn Minh Trung	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00209/09S69
14389	S69-16442			Bùi Văn Vĩ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00210/09S69
14390	S69-16443			Ngô Thanh Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00211/09S69
14391	S69-16444			Châu Minh Vương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00212/09S69
14392	S69-16445			Nguyễn Văn Tuội	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00213/09S69
14393	S69-16446			Trương Minh Hiền	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00214/09S69
14394	S69-16447			Nguyễn Văn Sáu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00215/09S69
14395	S69-16448			Huỳnh Văn Sển	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00216/09S69
14396	S69-16449			Huỳnh Văn Chuyên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00217/09S69
14397	S69-16450	CM-16407		Huỳnh Văn Thiện	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03037/10S69
14398	S69-16451			Nguyễn Hoàng Sơn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00219/09S69
14399	S69-16452			Trịnh Minh Thế	KI, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00220/09S69
14400	S69-16453			Bùi Thái Nguyên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00221/09S69
14401	S69-16454	CM-16459		Huỳnh Văn Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03034/10S69
14402	S69-16455			Lâm Quốc Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00223/09S69
14403	S69-16456			Đoái Văn Mến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00224/09S69
14404	S69-16457			Đặng Văn Nhân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00225/09S69
14405	S69-16458			Đặng Văn Hoá	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00226/09S69
14406	S69-16459	CM-98607		Huỳnh Vũ Lân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01634/14S69
14407	S69-16460			Trần Hồng Tươi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00228/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14408	S69-16461	CM-16476		Lê Hữu Chánh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02750/11S69
14409	S69-16463			Cao Văn Xứng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00231/09S69
14410	S69-16464			Ngô Thanh Thắng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00232/09S69
14411	S69-16465	CM-16356		Lê Văn Kịch	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03027/10S69
14412	S69-16466			Trần Văn Tân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00234/09S69
14413	S69-16467	CM-16450		Lê Hoàng Thi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03036/10S69
14414	S69-16468			Đoái Phước ừng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00236/09S69
14415	S69-16469			Đoái Văn Thống Em	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00237/09S69
14416	S69-16470			Đoái Văn Thống Anh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00238/09S69
14417	S69-16471			Nguyễn Văn Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00239/09S69
14418	S69-16472			Lê Văn Mục	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00240/09S69
14419	S69-16473			Nguyễn Văn Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00241/09S69
14420	S69-16474	CM-16473		Nguyễn Văn Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03038/10S69
14421	S69-16475			Nguyễn Văn Nghệ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00243/09S69
14422	S69-16476	CM-16523		Lê Chí Dũng	Lâm hải, Huyện Năm Căn	22/12/2009	22/12/2010	07254/09S69
14423	S69-16477			Phạm Văn Lắm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00245/09S69
14424	S69-16478			Lê Văn Đế	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00246/09S69
14425	S69-16479			Ngô Văn Điền	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00247/09S69
14426	S69-16480			Đoái Văn Tịnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00248/09S69
14427	S69-16481			Trần Duy Khánh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00249/09S69
14428	S69-16482	CM-16522		Châu Hoàng Diệu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02745/11S69
14429	S69-16483			Nguyễn Thị Hương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00251/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14430	S69-16484			Nguyễn Văn Thắng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00252/09S69
14431	S69-16485	CM-16502		Phan Như Lai	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07309/09S69
14432	S69-16486			Nguyễn Hoàng Ân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00254/09S69
14433	S69-16487			Đỗ Văn Khoai	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00255/09S69
14434	S69-16488			Nguyễn Văn Tim	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00256/09S69
14435	S69-16489			Lê Bắc Phương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00257/09S69
14436	S69-16490			Lê Ngọc Đây	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00258/09S69
14437	S69-16491			Nguyễn Thanh Sự	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00259/09S69
14438	S69-16492			Nguyễn Văn Lợi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00260/09S69
14439	S69-16493			Đỗ Xuân Thuỷ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00261/09S69
14440	S69-16494	CM-16495		Nguyễn Tấn Đạt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/03/2011	20/03/2012	00948/11S69
14441	S69-16495			Nguyễn Văn Toán	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00263/09S69
14442	S69-16496			Ngô Minh Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00264/09S69
14443	S69-16497			Mai Thành Khăng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00265/09S69
14444	S69-16498			Phạm Văn Chằng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00266/09S69
14445	S69-16499			Huỳnh Văn Tân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00267/09S69
14446	S69-16500			Nguyễn Văn Phong	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00268/09S69
14447	S69-16501	CM-16464		La Hồng Sơn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02382/12S69
14448	S69-16502			Nguyễn Thanh Đoàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00270/09S69
14449	S69-16503			Huỳnh Văn Thọ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00271/09S69
14450	S69-16504			Nguyễn Văn Định	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00272/09S69
14451	S69-16505			Nguyễn Văn Ca	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00273/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14452	S69-16506			Trần Văn Chiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00274/09S69
14453	S69-16507			Nguyễn Hữu Chí	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00275/09S69
14454	S69-16508			Nguyễn Văn Nhuốt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00276/09S69
14455	S69-16509			Trần Thanh Hoàng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00277/09S69
14456	S69-16510			Lê Văn Định	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00278/09S69
14457	S69-16511			Dương Hữu Khil	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00279/09S69
14458	S69-16512	CM-16457		Trần Minh Quyền	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02201/12S69
14459	S69-16513			Lê Hoàng Phụng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00281/09S69
14460	S69-16514			Châu Mai Lộc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00282/09S69
14461	S69-16515			Huỳnh Việt Lên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00283/09S69
14462	S69-16516			Phạm Thanh Phép	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00284/09S69
14463	S69-16517			Nguyễn Quốc Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00285/09S69
14464	S69-16518			Trần Thanh Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00286/09S69
14465	S69-16519			Phan Trung Ái	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00179/09S69
14466	S69-16520			Mã Thanh Sơn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00180/09S69
14467	S69-16521			Đặng Văn Sơn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00181/09S69
14468	S69-16522			Trần Văn Đen	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00182/09S69
14469	S69-16523	CM-16176		Biện Văn Dã	Khánh Hòa, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04268/12S69
14470	S69-16524			Trần Xuân Đào	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00184/09S69
14471	S69-16525			Nguyễn Thị Cảnh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00185/09S69
14472	S69-16526			Hồ Thanh Dũng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00186/09S69
14473	S69-16527			Nguyễn Văn Quân	Khánh Hòa, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00187/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14474	S69-16528			Nguyễn Hoàng Đảo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	12/01/2009	12/01/2010	00188/09S69
14475	S69-16529			Quách Văn Tẻo	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	15/01/2009	15/01/2010	00191/08S69
14476	S69-16530			Trịnh Thành Công	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00287/09S69
14477	S69-16531	CM-16453		Nguyễn Tuấn Kiệt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03033/10S69
14478	S69-16532			Huỳnh Văn Đoan	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00289/09S69
14479	S69-16533			Vũ Văn Nhi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00290/09S69
14480	S69-16534			Tạ Thanh Phong	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00291/09S69
14481	S69-16535			Nguyễn Hồng Trung	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00292/09S69
14482	S69-16536			Ngô Văn Huyết	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00293/09S69
14483	S69-16537	CM-16347		Bùi Văn Lộc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03047/10S69
14484	S69-16538			Lê Văn Hường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00295/09S69
14485	S69-16539			Trần Văn Tiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00296/09S69
14486	S69-16540			Lê Nhật Huy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00297/09S69
14487	S69-16541			Cao Thanh Phong	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00298/09S69
14488	S69-16542			Nguyễn Ngọc Mẫn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00299/09S69
14489	S69-16543			Phan Văn Hồng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00300/09S69
14490	S69-16544			Lê Thanh Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00301/09S69
14491	S69-16545			Ngô Văn Lùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00302/09S69
14492	S69-16546			Phan Văn Trò	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00303/09S69
14493	S69-16547			Trần Văn Tiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00304/09S69
14494	S69-16548			Tô Hiền Nhon	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00305/09S69
14495	S69-16549			Huỳnh Thanh Tâm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00306/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14496	S69-16550			Châu Thanh Hồng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00307/09S69
14497	S69-16551			Phạm Văn ý	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00308/09S69
14498	S69-16554			Lê Thanh Hùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00311/09S69
14499	S69-16555			Trần Văn Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00323/09S69
14500	S69-16556			Lê Thanh Triều	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00313/09S69
14501	S69-16557			Nguyễn Văn Ginh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00314/09S69
14502	S69-16558			Trương Văn Đồng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00315/09S69
14503	S69-16559	CM-16503		Huỳnh Văn Chấm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03041/10S69
14504	S69-16560	CM-16439		Đặng Văn Tốt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02769/10S69
14505	S69-16561			Nguyễn Văn Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00318/09S69
14506	S69-16562			Nguyễn Văn Lâm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00319/09S69
14507	S69-16563			Trần Văn Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00320/09S69
14508	S69-16564			Nguyễn Thanh Khải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00321/09S69
14509	S69-16565	CM-16541		Nguyễn Quyết Liệt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02366/14S69
14510	S69-16567			Hoàng Văn Khoa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00324/09S69
14511	S69-16568			Bào Thành Lai	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00325/09S69
14512	S69-16569			Trương Minh Đức	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00326/09S69
14513	S69-16570			Đoàn Văn Đạm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00327/09S69
14514	S69-16571	CM-16509		Võ Phong Thái	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05284/10S69
14515	S69-16572			Bào Văn Nhó	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00329/09S69
14516	S69-16573			Cao Văn Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00330/09S69
14517	S69-16574			Trần Văn Luyến	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	16/01/2009	16/01/2010	00192/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14518	S69-16575	CM-15720		Võ Thế Hùng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2013	11/01/2014	00413/13S69
14519	S69-16576	CM-15718		Đoái Văn Tươi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	23/06/2010	23/06/2011	03282/10S69
14520	S69-16577	CM-16631		Đỗ Văn Chúc	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03869/12S69
14521	S69-16578			Nguyễn Văn Thông	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00331/09S69
14522	S69-16579			Ngô Văn Khách	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00332/09S69
14523	S69-16580	CM-16480		Trần Văn Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03024/10S69
14524	S69-16581			Thái Văn Thành	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00334/09S69
14525	S69-16582			Nguyễn Hồng Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00335/09S69
14526	S69-16583	CM-16479		Hồ Văn Nết	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06271/13S69
14527	S69-16584	CM-16518		Bùi Quốc Việt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03792/10S69
14528	S69-16585	CM-16542		Nguyễn Văn Thế	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05407/12S69
14529	S69-16586	CM-16470		Nguyễn Văn Hiếu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02394/12S69
14530	S69-16587	CM-16528		Kiều Văn Nghĩa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02772/10S69
14531	S69-16588			Phạm Chí Linh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00341/09S69
14532	S69-16589	CM-16505		Châu Minh Phụng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03026/10S69
14533	S69-16590	CM-16506		Biện Văn Súa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	05/08/2009	05/08/2010	04762/09S69
14534	S69-16591			Bùi Minh Hạ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00344/09S69
14535	S69-16592			Đặng Văn Nghị	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00345/09S69
14536	S69-16593			Tạ Như ý	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00346/09S69
14537	S69-16594			Nguyễn Khoa Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00347/09S69
14538	S69-16595			Huỳnh Thanh Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00348/09S69
14539	S69-16596	CM-16448		Nguyễn Phú Sơn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02392/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14540	S69-16597			Kiều Hoài Bảo	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00350/09S69
14541	S69-16598			Phạm Minh Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00351/09S69
14542	S69-16599			Huỳnh Văn Duy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00352/09S69
14543	S69-16600	CM-16440		Võ Văn Diệp	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02389/12S69
14544	S69-16601	CM-16436		Võ Chí Tâm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00398/10S69
14545	S69-16602			Nguyễn Khoa Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00355/09S69
14546	S69-16603			Nguyễn Quốc Em	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00356/09S69
14547	S69-16604			Nguyễn Văn Cứng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00357/09S69
14548	S69-16605			Nguyễn Văn Tâm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00358/09S69
14549	S69-16606			Phạm Văn Dượng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00359/09S69
14550	S69-16607			Nguyễn Đăng Thết	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00360/09S69
14551	S69-16608			Cao Trung Thuỷ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00361/09S69
14552	S69-16609			Lê Văn Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00362/09S69
14553	S69-16610			Kiều Phong Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00363/09S69
14554	S69-16611			Võ Văn Tiễn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00364/09S69
14555	S69-16612			Lê Hữu Nghị	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00365/09S69
14556	S69-16613	CM-16489		Trịnh Văn Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03999/09S69
14557	S69-16614			Nguyễn Văn Phụng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00367/09S69
14558	S69-16615			Dương Thị Toán	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00368/09S69
14559	S69-16616	CM-16499		Võ Kim Hà	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02774/10S69
14560	S69-16617	CM-16538		Nguyễn Văn Quới	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03025/10S69
14561	S69-16618			Nguyễn Niêm Tin	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00371/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14562	S69-16619			Trần Văn Ngoan	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00372/09S69
14563	S69-16620	CM-16488		Lê Văn Thừa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02391/12S69
14564	S69-16621			Lê Thị Bích Vân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00374/09S69
14565	S69-16622			Phạm Minh Chiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00375/09S69
14566	S69-16623			Nguyễn Văn Pha	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00376/09S69
14567	S69-16624			Nguyễn Minh Cường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00377/09S69
14568	S69-16625	CM-16399		Nguyễn Văn Trung	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03043/10S69
14569	S69-16626			Phạm Văn Trận	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00379/09S69
14570	S69-16627			Nguyễn Văn Lành	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00380/09S69
14571	S69-16628	CM-16424		Cao Minh Quang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03044/10S69
14572	S69-16629			Tô Minh Đảm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02201/06S69
14573	S69-16630	CM-16487		Dương Văn Kháng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02228/13S69
14574	S69-16631			Kiều Tuấn Kiệt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00384/09S69
14575	S69-16632			Nguyễn Hoài Linh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00385/09S69
14576	S69-16633			Trần Thanh Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00386/09S69
14577	S69-16634	CM-16497		Ngô Ngọc Diệp	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02045/11S69
14578	S69-16635			Đoàn Tấn Đạt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00388/09S69
14579	S69-16636			Lê Văn Danh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00389/09S69
14580	S69-16637			Võ Mộng Cẩm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00390/09S69
14581	S69-16638			Đặng Văn Thơm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00391/09S69
14582	S69-16639			Phạm Thị Tươi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00392/09S69
14583	S69-16640			Phạm Khánh Hưng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00393/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14584	S69-16641	CM-16491		Nguyễn Văn Cường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05552/12S69
14585	S69-16642	CM-16525		Lê Quốc Hận	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03042/10S69
14586	S69-16643	CM-15817		Huỳnh Văn Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02388/12S69
14587	S69-16644			Hồ Chí Vọng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00397/09S69
14588	S69-16645			Lê Văn Sự	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00398/09S69
14589	S69-16646	CM-16539		Lê Thị Thảo	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02400/12S69
14590	S69-16647			Lê Chí Linh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00400/09S69
14591	S69-16648			Huỳnh Văn Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00401/09S69
14592	S69-16649			Lê Trường Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00402/09S69
14593	S69-16650			Phan Hoàng Sang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00403/09S69
14594	S69-16651			Trần Hoàng Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00404/09S69
14595	S69-16652			Trần Văn Thanh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	08/01/2009	08/01/2010	00405/09S69
14596	S69-16653	CM-16508		Lê Hoà Hợp	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	10/06/2010	11/06/2011	03162/10S69
14597	S69-16654			Phan Văn Mười	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	19/01/2009	19/01/2010	00411/09S69
14598	S69-16656			Nguyễn Văn Sô	Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/01/2009	19/01/2010	00416/09S69
14599	S69-16657	CM-15716		Nguyễn Văn khởi	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/12/2011	19/12/2012	04904/11S69
14600	S69-16660			Lê Công Bằng	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	19/01/2009	19/01/2010	00422/09S69
14601	S69-16661			Phan Văn Nhật	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	18/03/2010	18/03/2011	01408/10S69
14602	S69-16662	CM-15777	Chí Toàn	Trương Chí Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04538/10S69
14603	S69-16663	CM-15722		Đoàn Dũng Lam	K4, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	18/07/2012	18/01/2013	03878/12S69
14604	S69-16664			Nguyễn Văn Đen	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	20/01/2009	20/01/2010	00429/09S69
14605	S69-16665	CM-15822		Huỳnh Tuấn Kiệt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03304/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14606	S69-16666	CM-15821		Bùi Minh Đây	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/05/2013	15/11/2013	02554/13S69
14607	S69-16667	CM-15824		Trần Văn út	Đông Thới, Huyện Cái Nước	22/06/2010	22/06/2011	03273/10S69
14608	S69-16668	CM-15820		Phạm Văn Mới	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/11/2013	08/11/2014	05707/13S69
14609	S69-16669	CM-15819	Hoàng Nhứt	Nguyễn Hoàng Nhứt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03337/13S69
14610	S69-16674	CM-15825		Nguyễn Văn Đặng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	04/02/2010	04/02/2011	00726/10S69
14611	S69-16675			Lê Văn Sang	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	02/02/2009	02/02/2010	00464/09S69
14612	S69-16676	CM-16544		Lê Minh Quang	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	19/08/2015	19/08/2016	01551/15S69
14613	S69-16677	CM-16589		Nguyễn Văn Năng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	14/01/2015	14/01/2016	00073/15S69
14614	S69-16678			Nguyễn Văn Tùng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	09/02/2009	09/02/2010	00491/09S69
14615	S69-16679	CM-16569		Lê Bửu Long	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	29/08/2016	29/02/2016	01897/16S69
14616	S69-16680	CM-16546	Đồ Dọc	Lê Thành Lĩa	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	20/09/2011	20/09/2012	03259/11S69
14617	S69-16682			Châu Minh Kha	ấp 1, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	24/12/2008	24/12/2009	00503/09S69
14618	S69-16683			Trương Thanh Niêm	ấp 5, Xã Tân Thành, Thành phố Cà Mau	10/02/2009	10/02/2010	00505/09S69
14619	S69-16684			Từ Văn Miến	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	24/10/2008	24/10/2009	08128/08S69
14620	S69-16686			Nguyễn Văn Đông	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00563/09S69
14621	S69-16687	CM-16695		Nguyễn Việt Khải	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00950/13S69
14622	S69-16688			Lê Thanh Tòng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00573/09S69
14623	S69-16689			Tô Minh Sang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00576/09S69
14624	S69-16690			Nguyễn Hoàng Vũ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00578/09S69
14625	S69-16691			Lê Văn Đông	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00577/09S69
14626	S69-16692			Trần Hiếu Điền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00570/09S69
14627	S69-16693			Phạm Chí Tâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00556/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14628	S69-16694			Lý Văn Phúc	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00584/09S69
14629	S69-16695			Nguyễn Thái Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00586/09S69
14630	S69-16696			Nguyễn Duy Thanh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00588/09S69
14631	S69-16697	CM-16731		Lê Minh Kiên	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07382/12S69
14632	S69-16698	CM-16698		Tô Minh Hiến	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07432/12S69
14633	S69-16699			Tổng Hoàng Nam	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00595/09S69
14634	S69-16700	CM-16733		Nguyễn Minh Tấn	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07408/12S69
14635	S69-16701			Phạm Hữu Thừa	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00592/09S69
14636	S69-16702	CM-16770		Phạm Văn Lợi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07385/12S69
14637	S69-16703			Nguyễn Chí Nguyễn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00605/09S69
14638	S69-16704			Bùi Văn Tới	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00615/09S69
14639	S69-16705			Huỳnh Văn Sứ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00612/09S69
14640	S69-16706			Huỳnh Văn Sừ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00610/09S69
14641	S69-16707			Mai Thái Ngươn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00614/09S69
14642	S69-16708	CM-16712		Trương Thị Duyên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09466/12S69
14643	S69-16709	CM-16716		Trịnh Hoài Giác	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06568/13S69
14644	S69-16710			Hồ Văn Tèo	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00619/09S69
14645	S69-16711			Hồ Văn Cường	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00620/09S69
14646	S69-16712			Trần Quang Thắng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00639/09S69
14647	S69-16713			Phan Minh Đương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00645/09S69
14648	S69-16714			Trần Văn Hậu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00666/09S69
14649	S69-16715	CM-16640		Lê Văn Đen	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09505/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14650	S69-16716			Trần Văn Đăng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00674/09S69
14651	S69-16717	CM-16774		Nguyễn Chí Khanh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	05/05/2009	05/05/2010	02682/09S69
14652	S69-16718			Đặng Văn Mười	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	13/02/2009	13/02/2010	00529/09S69
14653	S69-16719	CM-16555		Nguyễn Hùng Mạnh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03710/13S69
14654	S69-16721			Võ Hồng Sơn	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	13/02/2009	13/02/2010	00533/09S69
14655	S69-16722			Dương Hoàng Diễm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	14/02/2009	12/02/2010	00537/09S69
14656	S69-16723			Liêu Văn Việt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	14/02/2009	12/02/2010	00538/09S69
14657	S69-16724	CM-16704		Võ Văn Thù	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01659/10S69
14658	S69-16725			Châu Lam	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	14/02/2009	12/02/2010	00540/09S69
14659	S69-16726			Tô Hoàng út	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	14/02/2009	12/02/2010	00541/09S69
14660	S69-16727			Trương Anh út	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	14/02/2009	12/02/2010	00542/09S69
14661	S69-16728			Lê Văn út	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00543/09S69
14662	S69-16729			Hoàng Văn Thủ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00544/09S69
14663	S69-16730			Vũ Tuấn Ninh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00545/09S69
14664	S69-16731			Lê Thanh Tùng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00546/09S69
14665	S69-16732			Phan Quốc Khanh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00547/09S69
14666	S69-16733	CM-16765		Lê Thanh Mộng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01758/14S69
14667	S69-16734			Dương Hoàng Nam	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00549/09S69
14668	S69-16735			Hồng Thiện Tâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00550/09S69
14669	S69-16736			Tô Trường Đạm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	14/02/2009	12/02/2010	00551/09S69
14670	S69-16737			Nguyễn Thanh Hiền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00552/09S69
14671	S69-16738			Nguyễn Văn Thống	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00553/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14672	S69-16739	CM-16757		Lê Hoàng Kiệt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04938/12S69
14673	S69-16740	CM-16678		Trương Hoàng Minh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	30/03/2010	30/03/2011	01845/10S69
14674	S69-16741			Bùi Hữu Nghị	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00557/09S69
14675	S69-16742			Tô Minh Tân	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00558/09S69
14676	S69-16743			Nguyễn Văn Sinh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00559/09S69
14677	S69-16744			Lâm Hoàng Hiền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/12/2010	00560/09S69
14678	S69-16745	CM-16760		Hồ Văn Tạo	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07401/12S69
14679	S69-16746			Hồ Duy Khánh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00562/09S69
14680	S69-16747			Lâm Ngọc Huyền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00564/09S69
14681	S69-16748			Dương Văn Vĩnh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00565/09S69
14682	S69-16749			Trần Thanh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00566/09S69
14683	S69-16750			Hồ Hoàng Một	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00568/09S69
14684	S69-16751			Phan Văn Việt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00569/09S69
14685	S69-16752	CM-16653		Lê Văn Duy	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09501/12S69
14686	S69-16753			Trương Hoài Phong	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00572/09S69
14687	S69-16754			Lê Hoàng Dứa	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00574/09S69
14688	S69-16755			Lê Minh Sáng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00575/09S69
14689	S69-16756	CM-16703		Tổng Minh Thuận	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07431/12S69
14690	S69-16757			Tô Minh út	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00580/09S69
14691	S69-16758			Cù Minh Vui	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00581/09S69
14692	S69-16759			Cù Trúc Mừng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00582/09S69
14693	S69-16760	CM-16720		Hoàng Văn Mong	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04925/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14694	S69-16761			Nguyễn Văn Thống	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04932/12S69
14695	S69-16762			Phan Văn Long	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00590/09S69
14696	S69-16763			Tô Thành Mung	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00591/09S69
14697	S69-16764			Lê Hoàng Anh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00594/09S69
14698	S69-16765			Võ Hoàng Phương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00596/09S69
14699	S69-16766			Hoàng Thuý Trinh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00597/09S69
14700	S69-16767			Võ Văn Vui	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00598/09S69
14701	S69-16768	CM-16718		Tô Minh Hải	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09504/12S69
14702	S69-16769	CM-16763		Nguyễn Văn Hảo	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01664/10S69
14703	S69-16770			Tô Văn Tùng	Ngọc Châu, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00601/09S69
14704	S69-16771			Tô Văn Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00602/09S69
14705	S69-16772			Phạm Văn Hận	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00603/09S69
14706	S69-16773			Lê Vũ Phương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00604/09S69
14707	S69-16774			Lê Minh Liệt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00606/09S69
14708	S69-16775			Phạm Văn Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00607/09S69
14709	S69-16776	CM-16769		Trần Việt á	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00953/13S69
14710	S69-16777			Nguyễn Thanh Thống	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00611/09S69
14711	S69-16778			Tô Minh Mộng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00613/09S69
14712	S69-16779			Chung Minh Kiên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00618/09S69
14713	S69-16780	CM-16761		Phạm Văn Vinh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07451/12S69
14714	S69-16781			Lê Ngọc Chiếp	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00622/09S69
14715	S69-16782			Lê Văn Triệu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00623/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14716	S69-16783			Lê Minh Mười	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00624/09S69
14717	S69-16784			Lê Minh Dạng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00625/09S69
14718	S69-16785			Trần Văn Hải	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00626/09S69
14719	S69-16786			Đoàn Văn út	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00627/09S69
14720	S69-16787			Dương Ba Năng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00628/09S69
14721	S69-16788			Đoàn Văn Liệt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00629/09S69
14722	S69-16789			Nguyễn Thanh Xuyên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00630/09S69
14723	S69-16790	CM-16670		Lê Phước Điền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07398/12S69
14724	S69-16791			Nguyễn Văn Chiến	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00632/09S69
14725	S69-16792			Cù Hoàng Nhi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00633/09S69
14726	S69-16793			Nguyễn Van Kiểm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00634/09S69
14727	S69-16794	CM-16744		Nguyễn Minh Kết	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07445/12S69
14728	S69-16795			Nguyễn Quốc Sử	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00636/09S69
14729	S69-16796			Hồng Thanh Khởi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00637/09S69
14730	S69-16797			Hồ Việt Linh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00640/09S69
14731	S69-16798			Võ Vũ Bằng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00641/09S69
14732	S69-16799			Nguyễn Văn Yên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00642/09S69
14733	S69-16800			Nguyễn Tấn Thâu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00643/09S69
14734	S69-16801			Tô Thanh Đảm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00644/09S69
14735	S69-16802			Dương Minh Quang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00646/09S69
14736	S69-16803			Nguyễn Công Luận	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00647/09S69
14737	S69-16804			Trần Thị Đào	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00648/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14738	S69-16805			Trần Quốc Hiệp	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00649/09S69
14739	S69-16806			Quảng Minh Cửa	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00650/09S69
14740	S69-16807			Hồ Văn Lĩnh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00651/09S69
14741	S69-16808			Hồ Văn Thọ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00652/09S69
14742	S69-16809			Dương Minh Đương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00653/09S69
14743	S69-16810			Trần Thanh Quang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00654/09S69
14744	S69-16811			Đoàn Văn Hùng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00655/09S69
14745	S69-16812	CM-16645		Trần Hữu Thiện	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06522/13S69
14746	S69-16813			Lưu Văn Phong	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00658/09S69
14747	S69-16814			Lê Trung Nguyên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00659/09S69
14748	S69-16815	CM-16746		Văn Đình Phong	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01657/10S69
14749	S69-16816			Nguyễn Văn Vũ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00661/09S69
14750	S69-16817			Nguyễn Văn Hiệp	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00662/09S69
14751	S69-16818			Lâm Văn Thắng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00663/09S69
14752	S69-16819			Lương Hoàng Khải	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00664/09S69
14753	S69-16820			Lê Văn Hồng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	12/02/2010	00665/09S69
14754	S69-16821			Lê Văn Chinh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00667/09S69
14755	S69-16822	CM-16638		Trần Việt Hùng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01088/13S69
14756	S69-16823			Huỳnh Văn Ly	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00670/09S69
14757	S69-16824			Nguyễn Văn Khái	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00671/09S69
14758	S69-16825			Trần Minh Quang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00672/09S69
14759	S69-16826	CM-16706		Lê Ngọc Anh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09489/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14760	S69-16827			Trần Bảo Giang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00675/09S69
14761	S69-16828			Phạm Minh Trường	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00676/09S69
14762	S69-16829	CM-16749		Đoàn Hoàng Thập	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09457/12S69
14763	S69-16830	CM-16735		Võ Văn Phong	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09456/12S69
14764	S69-16831			Nguyễn Văn Giàu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00680/09S69
14765	S69-16832			Nguyễn Thanh Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00681/09S69
14766	S69-16833			Mai Thành Hiếu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00682/09S69
14767	S69-16834			Võ Trường Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00683/09S69
14768	S69-16835			Lý Hoàng Đông	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00684/09S69
14769	S69-16836			Bùi Văn Mai	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00685/09S69
14770	S69-16837			Trần Trường Hận	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00686/09S69
14771	S69-16838	CM-16734		Hoàng Văn Dũng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01660/10S69
14772	S69-16839			Nguyễn Trọng Bồi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00688/09S69
14773	S69-16840			Nguyễn Trường Giang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00689/09S69
14774	S69-16841			Hồ Hoàng Thương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	12/02/2009	12/02/2010	00690/09S69
14775	S69-16842			Văn Đình Việt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00691/09S69
14776	S69-16844	CM-16559		Nguyễn Văn Minh	Phường 5, Thành phố Cà Mau	02/12/2013	02/12/2014	06045/13S69
14777	S69-16846			Lê Thanh Phong	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00705/09S69
14778	S69-16847			Nguyễn Thanh Kỳ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00706/09S69
14779	S69-16848			Dương Văn Lợi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00707/09S69
14780	S69-16849	CM-16932		Phạm Minh Lèo	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08131/12S69
14781	S69-16850			Đặng Văn Bình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00709/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14782	S69-16851			Phạm Công Đoàn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00710/09S69
14783	S69-16852	CM-16908		Bùi Ngọc Hương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07810/12S69
14784	S69-16853	CM-16933		Phan Văn Toàn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06027/12S69
14785	S69-16854	CM-16928		Phạm Văn Hải	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00074/13S69
14786	S69-16855			Phan Văn Sử	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00714/09S69
14787	S69-16856			Nguyễn Như Núi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00715/09S69
14788	S69-16857			Nguyễn Văn Thương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00716/09S69
14789	S69-16858			Nguyễn Văn Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00718/09S69
14790	S69-16859			Trương Thành Đông	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	18/02/2009	16/02/2010	00719/09S69
14791	S69-16860			Lê Văn Ai	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	18/02/2009	16/02/2010	00720/09S69
14792	S69-16861			Huỳnh Văn Việt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00721/09S69
14793	S69-16862			Trương Tấn Phát	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	18/02/2009	16/02/2010	00722/09S69
14794	S69-16863	CM-16985		Hồ Minh Chiến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00066/13S69
14795	S69-16864	CM-16974		Quách Thống Nhất	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	01/04/2010	01/04/2011	01903/10S69
14796	S69-16865			Lê Minh Quận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00752/09S69
14797	S69-16866	CM-16820		Tạ Văn Hoàng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00080/13S69
14798	S69-16867			Trần Thanh Tuấn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	17/02/2010	00700/09S69
14799	S69-16868	CM-16865		Chung Quốc Việt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06053/12S69
14800	S69-16869			Võ Văn Dễ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00728/09S69
14801	S69-16870	CM-03236		Nguyễn Công Thành	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	17/02/2009	17/02/2010	00701/09S69
14802	S69-16871	CM-16561		Trần Khắc Huy	xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	07/12/2009	07/06/2010	06927/09S69
14803	S69-16872	CM-16885		Lư Tuấn Em	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06020/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14804	S69-16873			Trần Quốc Tính	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00730/09S69
14805	S69-16874	CM-16931		Hồ Văn Ca	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06038/12S69
14806	S69-16875	CM-16968		Trần Hữu Thành	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06047/12S69
14807	S69-16876			Nguyễn Văn Tươi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	18/02/2009	16/02/2010	00734/09S69
14808	S69-16877			Phương Văn Ngoan	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00735/09S69
14809	S69-16878			Đặng Trí Nối	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00736/09S69
14810	S69-16879	CM-16975		Lê Cao Đăng	Tạ An khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06033/12S69
14811	S69-16880	CM-16845		Trần Cao Phán	Tạ An Kkương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08117/12S69
14812	S69-16881	CM-16844		Bùi Trường Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06051/12S69
14813	S69-16882			Đào Thanh Hiền	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	21/02/2009	16/02/2010	00740/09S69
14814	S69-16883			Nguyễn Hoàng Thọ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00741/09S69
14815	S69-16884	CM-16857		Võ Văn Dữ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08153/12S69
14816	S69-16885	CM-16817		Trần Văn Đen	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00079/13S69
14817	S69-16886	CM-16862		Nguyễn Văn Nghiêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08125/12S69
14818	S69-16887	CM-16843		Phạm Văn Toàn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08126/12S69
14819	S69-16888	CM-16842		Lưu Quốc Khái	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06049/12S69
14820	S69-16889	CM-16936		Bùi Thanh Dân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08124/12S69
14821	S69-16890	CM-16930		Hồ Hoàng Chiếm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06039/12S69
14822	S69-16892	CM-16973		Hồ Công Thành	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06018/12S69
14823	S69-16893			Nguyễn Văn Châu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	21/02/2009	16/02/2010	00751/09S69
14824	S69-16894	CM-16811		Nguyễn Trung Quân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00078/13S69
14825	S69-16895	CM-16840		Đỗ Văn Lực	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08135/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14826	S69-16896			Huỳnh Văn Nghiệm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00754/09S69
14827	S69-16897	CM-16934		Nguyễn Hoàng út	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06023/12S69
14828	S69-16898			Huỳnh Văn Lực	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00756/09S69
14829	S69-16899			Lê Thanh Sử	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00757/09S69
14830	S69-16900			Lê Hữu Nghị	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00758/09S69
14831	S69-16901	CM-16904		Lê Hoàng Khoa	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06031/12S69
14832	S69-16902	CM-16977		Nguyễn Văn Bạc	Tạ An khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06050/12S69
14833	S69-16903			Bùi Trung Tính	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00761/09S69
14834	S69-16904			Huỳnh Thanh Hùng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00762/09S69
14835	S69-16905			Đỗ So Hiền	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00763/09S69
14836	S69-16906	CM-16964		Phạm Văn Đến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06032/12S69
14837	S69-16907	CM-16859		Phạm Văn Mũi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06043/12S69
14838	S69-16908			Lê Trung Hiếu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00766/09S69
14839	S69-16909	CM-16813		Lê Thanh Tâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00071/13S69
14840	S69-16910	CM-16940		Hồ Tuấn Anh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/07/2010	20/07/2011	03725/10S69
14841	S69-16911			Ngô Văn Hoi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00769/09S69
14842	S69-16912			Dương Hoàng Lam	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00770/09S69
14843	S69-16913			Nguyễn Công Thành	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00771/09S69
14844	S69-16914			Nguyễn Văn Tường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	16/02/2010	00772/09S69
14845	S69-16915			Nguyễn Văn Trường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00773/09S69
14846	S69-16916			Lê Hoàng Giao	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	17/02/2009	16/02/2010	00774/09S69
14847	S69-16917			Trần Thanh Tâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00775/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14848	S69-16918	CM-16967		Trương Hoàng Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06036/12S69
14849	S69-16919			Nguyễn Chính Tính	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00777/09S69
14850	S69-16920			Hồ út Nhỏ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00778/09S69
14851	S69-16921			Lê Quốc Danh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00779/09S69
14852	S69-16922			Lương Minh Trường	Tạ An khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00780/09S69
14853	S69-16923	CM-16834		Lê Tích Thiểu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06026/12S69
14854	S69-16924			Phạm Văn Tằng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00782/09S69
14855	S69-16925	CM-16815		Trương Thành Phong	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06035/12S69
14856	S69-16926			Phạm Văn Hạnh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00784/09S69
14857	S69-16927			Diệp Văn Non	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00785/09S69
14858	S69-16928	CM-16866		Dương Tấn Nhiệm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06019/12S69
14859	S69-16929	CM-16914		Nguyễn Hoàng Nghiêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08129/12S69
14860	S69-16930			Phạm Công Thành	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00788/09S69
14861	S69-16931			Tiêu Quốc Việt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00789/09S69
14862	S69-16932			Huỳnh Trường Giang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	21/02/2009	16/02/2010	00790/09S69
14863	S69-16933	CM-16906		Lê Quốc Thường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08133/12S69
14864	S69-16934	CM-16948		Trương Văn Tuyển	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08150/12S69
14865	S69-16935			Đặng Thanh Phong	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00793/09S69
14866	S69-16936	CM-16900		Đặng Tường Vy	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08128/12S69
14867	S69-16937	CM-16912		Lê Minh Đương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06030/12S69
14868	S69-16938	CM-16828		Nguyễn Tấn Lực	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08132/12S69
14869	S69-16939			Đặng Văn Được	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00797/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14870	S69-16940	CM-16876		Phạm Hoàng Đỗi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06029/12S69
14871	S69-16941			Phan Văn Ni	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00799/09S69
14872	S69-16942	CM-16825		Bùi Văn Tảo	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08116/12S69
14873	S69-16943			Hà Thanh Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00801/09S69
14874	S69-16944	CM-16877		Nguyễn Thanh Toàn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06044/12S69
14875	S69-16945	CM-16852		Lê Văn Đời	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00082/13S69
14876	S69-16946			Nguyễn Văn Bía	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00804/09S69
14877	S69-16947			Dương Thanh Toàn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00805/09S69
14878	S69-16948			Dương Quốc An	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00806/09S69
14879	S69-16949	CM-16989		Lê Thanh Bình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01290/12S69
14880	S69-16950	CM-16894		Nguyễn Chí Hiếu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00085/13S69
14881	S69-16951			Nguyễn Hoàng Nghiêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00809/09S69
14882	S69-16952			Ngô Văn Vạn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00810/09S69
14883	S69-16953	CM-16970		Dương Văn Kiện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06003/12S69
14884	S69-16954			Nguyễn Thanh Phong	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00812/09S69
14885	S69-16955			Phạm Minh Nhật	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	12/02/2010	00813/09S69
14886	S69-16956			Trần Hoàng Huy	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00814/09S69
14887	S69-16957			Lê Trường Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00717/09S69
14888	S69-16958	CM-16839		Trần Hoàng Lực	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06374/12S69
14889	S69-16959			Huỳnh Thanh Sử	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00816/09S69
14890	S69-16960	CM-16952		Ngô Hoàng Giang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05681/12S69
14891	S69-16961	CM-16846		Phan Văn Tấn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00070/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14892	S69-16962	CM-16895		Nguyễn Văn Gấm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06015/12S69
14893	S69-16963			Huỳnh Văn Việt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00821/09S69
14894	S69-16964			Nguyễn Văn Chiêu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00822/09S69
14895	S69-16965	CM-16994		Lê Minh Thông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/11/2012	14/11/2013	06763/12S69
14896	S69-16966			Phạm Văn Duyên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00824/09S69
14897	S69-16967	CM-16951		Lê Minh Thông	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	14/11/2012	14/11/2013	06762/12S69
14898	S69-16968			Lê Vũ Luân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00826/09S69
14899	S69-16969			Huỳnh Trung Hậu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00827/09S69
14900	S69-16970			Phạm Hoàng Lực	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00828/09S69
14901	S69-16971			Trần Quốc Lợi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00829/09S69
14902	S69-16972			Lê Văn Mến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00830/09S69
14903	S69-16973	CM-16830		Nguyễn Văn Nhum	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08120/12S69
14904	S69-16974	CM-16887		Nguyễn Hồng Thi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06042/12S69
14905	S69-16975			Nguyễn Thành Đồng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00833/09S69
14906	S69-16976	CM-16939		Lê Quốc Diệp	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06014/12S69
14907	S69-16977	CM-16923		Trương Chí Hiếu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06017/12S69
14908	S69-16978			Trương Hoàng Nghi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00836/09S69
14909	S69-16979			Phạm Vũ Trường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00837/09S69
14910	S69-16980			Lư Sơn Quay	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00838/09S69
14911	S69-16981	CM-16867		Phạm Văn Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00081/13S69
14912	S69-16982			Nguyễn Thị ánh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00840/09S69
14913	S69-16983			Nguyễn Văn Khoanh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	21/02/2009	16/02/2010	00841/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14914	S69-16984	CM-16945		Thái Anh Động	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08127/12S69
14915	S69-16985			Phan Văn Tuấn	Tạ ANnKhương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00843/09S69
14916	S69-16986			Nguyễn Hoàng Nguyễn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00844/09S69
14917	S69-16987			Lê Hùng Anh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00845/09S69
14918	S69-16988			Huỳnh Văn Nhiên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00846/09S69
14919	S69-16989			Ngô Văn Guồl	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	21/02/2009	16/02/2010	00847/09S69
14920	S69-16990	CM-16883		Nguyễn Văn Hái	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05975/13S69
14921	S69-16991			Dương Thanh Xuyên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00849/09S69
14922	S69-16992			Huỳnh Hải Đăng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00850/09S69
14923	S69-16993			Kiều Minh Ngoan	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00851/09S69
14924	S69-16994			Trần Văn Hải	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00852/09S69
14925	S69-16995			Lê Hoàng Thiên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00853/09S69
14926	S69-16996	CM-16920		Lê Yên Tịnh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08122/12S69
14927	S69-16997			Phạm Văn Lẹ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00856/09S69
14928	S69-16998			Trần Hoàng Vĩnh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00857/09S69
14929	S69-16999	CM-16874		Nguyễn Văn Còn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06016/12S69
14930	S69-17000			Phạm Minh Nhục	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00859/09S69
14931	S69-17002			Trà Văn Kiệt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00861/09S69
14932	S69-17003	CM-16856		Nguyễn Phương Bình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06024/12S69
14933	S69-17004			Trương Chí Trung	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00863/09S69
14934	S69-17005			Trần Trung Hiếu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00864/09S69
14935	S69-17006			Bùi Công Danh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	21/02/2009	16/02/2010	00865/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14936	S69-17007			Nguyễn Văn Giàu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00866/09S69
14937	S69-17008			Ngô Chí An	Tạ An khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00867/09S69
14938	S69-17009			Huỳnh Văn Đen	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00868/09S69
14939	S69-17010	CM-16921		Nguyễn Minh Hải	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00076/13S69
14940	S69-17011			Nguyễn Hoàng Dễ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00870/09S69
14941	S69-17012			Nguyễn Thanh Lâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00871/09S69
14942	S69-17013	CM-16901		Nguyễn Ngọc Liêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00091/13S69
14943	S69-17014			Nguyễn Văn Kiệt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00874/09S69
14944	S69-17015	CM-16961		Chung Quốc Khởi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06034/12S69
14945	S69-17016			Phạm Huy Xuyên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00876/09S69
14946	S69-17017	CM-16962		Nguyễn Thanh Phương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06046/12S69
14947	S69-17018			Trịnh Trung Hiếu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00880/09S69
14948	S69-17019			Phạm Minh Hải	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00881/09S69
14949	S69-17020	CM-16963		Võ Tấn Lợi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08119/12S69
14950	S69-17021	CM-16956		Kiều Chấn Hưng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08154/12S69
14951	S69-17022			Nguyễn Văn Tâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00884/09S69
14952	S69-17023	CM-17023		Nguyễn Văn Hậu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06052/12S69
14953	S69-17024			Lâm Quang Quến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00886/09S69
14954	S69-17025			Phạm Minh Khương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00887/09S69
14955	S69-17026			Bạch Thanh Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00888/09S69
14956	S69-17027			Nguyễn Văn Lâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00889/09S69
14957	S69-17028	CM-16872		Bùi Văn Tao	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06022/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14958	S69-17029			Nguyễn Ngọc Hân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	20/02/2009	16/02/2010	00891/09S69
14959	S69-17030	CM-16833		Lê Chí Nhân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08121/12S69
14960	S69-17031			Lê Hoàng Thịnh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00893/09S69
14961	S69-17032			Nguyễn Hoàng Giao	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00894/09S69
14962	S69-17033			Huỳnh Văn Thiểu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00895/09S69
14963	S69-17034			Trần Ngọc Trị	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	00819/09S69
14964	S69-17035	CM-15678		Phạm Minh Trí	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07251/12S69
14965	S69-17036	CM-16562		Trần Hoàng Vũ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/04/2011	21/04/2012	01363/11S69
14966	S69-17037	CM-02691		Cao Văn Phong	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00915/09S69
14967	S69-17038	CM-16630		Phạm Trường Giang	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	07/07/2010	07/07/2011	03513/10S69
14968	S69-17039	CM-16790		Lê Văn Thiên	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/09/2012	14/09/2013	04767/12S69
14969	S69-17040			Phạm Văn Bình	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00933/09S69
14970	S69-17041			Lê Ngọc Dân	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00938/09S69
14971	S69-17042			Nguyễn Văn Tân	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00939/09S69
14972	S69-17043			Trương Văn Chệt	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00940/09S69
14973	S69-17044			Trần Văn Trí	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00941/09S69
14974	S69-17045			Bùi Văn Cương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	19/02/2009	19/02/2010	00942/09S69
14975	S69-17046	CM-	Đồ	Nguyễn Hoàng Khởi	Rau Dừa, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00943/09S69
14976	S69-17047			Trương Bé Năm	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00944/09S69
14977	S69-17048			Phù Thị Lăng	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00945/09S69
14978	S69-17049			Nguyễn Hoàng Nha	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2009	19/02/2010	00946/09S69
14979	S69-17050	CM-16801		Nguyễn Văn Đức	Phường 8, Thành phố Cà Mau	21/03/2011	21/03/2012	00936/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
14980	S69-17055	CM-66212		Nguyễn Thanh Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05428/13S69
14981	S69-17056			Lâm Quốc Bằng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01000/09S69
14982	S69-17057			Lâm Thúy Quỳnh	Tân Ân Tây, Huyện Năm Căn	24/02/2009	24/02/2010	01005/09S69
14983	S69-17058			Nguyễn Văn Quý	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	00997/09S69
14984	S69-17059			Nguyễn Chí Thiện	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01003/09S69
14985	S69-17060			Đỗ Thanh Đoàn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01004/09S69
14986	S69-17061			Huỳnh Thanh Hùng	Nguyễn Quân, Huyện Đầm Dơi	26/02/2009	26/02/2010	00968/09S69
14987	S69-17062			CTy TNHH TM & DV Xây Dựng ACB	29 Lý Thường Kiệt - K1 - P5, Thành phố Cà Mau	24/02/2009	24/02/2010	00969/09S69
14988	S69-17063			Cty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Xây Dựng ACB	29 Lý Thường Kiệt, K1, P5, Thành phố Cà Mau	24/02/2009	24/02/2010	00970/09S69
14989	S69-17064			Cty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Xây Dựng ACB	29 Lý Thường Kiệt, K1, P5, Thành phố Cà Mau	24/02/2009	24/02/2010	00971/09S69
14990	S69-17065			CTy TNHH TM & DV Xây Dựng ACB	29 Lý Thường Kiệt - K1 - P5, Thành phố Cà Mau	24/02/2009	24/02/2010	00972/09S69
14991	S69-17066	CM-17083		Đỗ Chí Hạnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05618/12S69
14992	S69-17067	CM-17080		Phan Thanh Sang	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02628/11S69
14993	S69-17068	CM-17073		Lê Văn Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/09/2011	09/09/2012	03203/11S69
14994	S69-17069			Nguyễn Văn Thiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01018/09S69
14995	S69-17070			Lê Văn Triều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01024/09S69
14996	S69-17073			DNTN Ngô Trung	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	25/02/2009	25/02/2010	00980/09S69
14997	S69-17074			Nguyễn Văn Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	00993/09S69
14998	S69-17075			Lê Minh Dương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	00994/09S69
14999	S69-17076			Lê Hữu Thọ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	00995/09S69
15000	S69-17077			Tạ Văn Chuyển	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	00996/09S69
15001	S69-17078			Nguyễn Thành Tân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	00998/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15002	S69-17079	CM-17037		Lê Thanh Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/12/2012	20/12/2013	09255/12S69
15003	S69-17080	CM-17034		Nguyễn Văn Tiến	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05419/13S69
15004	S69-17081			Nguyễn Văn Sữ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01007/09S69
15005	S69-17082			Hồng Chí Quyến	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	26/02/2010	01009/09S69
15006	S69-17083			Nguyễn Văn Tùng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01010/09S69
15007	S69-17084			Huỳnh Minh Châu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01011/09S69
15008	S69-17085			Dương Văn Thủy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01014/09S69
15009	S69-17086			Phan Quốc Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01016/09S69
15010	S69-17087			Nguyễn Minh Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01017/09S69
15011	S69-17088			Trần Văn Quý	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01019/09S69
15012	S69-17089			Phạm Thành Nghiệp	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01020/09S69
15013	S69-17090			Lê Thanh Tùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01021/09S69
15014	S69-17091	CM-17063		Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/11/2011	09/11/2012	04140/11S69
15015	S69-17092			Nguyễn Thanh Tú	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01023/09S69
15016	S69-17093			Hoàng Hùng Anh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01025/09S69
15017	S69-17094			Tăng Hoàng Đệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01026/09S69
15018	S69-17095	CM-17041		Nguyễn Văn Kiệp	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09599/12S69
15019	S69-17096			Nguyễn Thanh Tân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01028/09S69
15020	S69-17097	CM-17075		Lê Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2010	20/09/2011	04920/06S69
15021	S69-17098	CM-17049		Trần Hoàng Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09607/12S69
15022	S69-17099			Hồ Văn Tèo	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01031/09S69
15023	S69-17100			Võ Minh Long	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01032/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15024	S69-17101			Tô Huỳnh Thu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01033/09S69
15025	S69-17102			Lê Minh Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01034/09S69
15026	S69-17103			Lê Văn Trọng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01035/09S69
15027	S69-17104	CM-17031		Nguyễn Hoàng Trị	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2011	09/05/2012	01548/11S69
15028	S69-17105			Lâm Văn Phước	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01042/09S69
15029	S69-17106			Nguyễn Minh Quang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01044/09S69
15030	S69-17107			Bùi Thanh Vũ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01046/09S69
15031	S69-17108			Nguyễn Văn Lãng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01049/09S69
15032	S69-17109			Võ Thanh Nhân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01050/09S69
15033	S69-17110			Lê Thanh Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01051/09S69
15034	S69-17111			Nguyễn Văn Hoành	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01052/09S69
15035	S69-17112			Nguyễn Thanh Tuyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01053/09S69
15036	S69-17113			Lâm Vương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01054/09S69
15037	S69-17114			Huỳnh Cẩm Huệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01056/09S69
15038	S69-17115			Nguyễn Huy Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01058/09S69
15039	S69-17116			Nguyễn Thanh Tú	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2009	24/02/2010	01059/09S69
15040	S69-17118	CM-16809		Nguyễn Thanh Liêm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	29/08/2013	29/08/2014	04174/13S69
15041	S69-17120			Trần Văn Vĩnh	Khóm1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/02/2009	24/02/2010	01071/09S69
15042	S69-17123	CM-17008		Trần Văn Lùng	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2014	15/06/2015	03304/14S69
15043	S69-17124			Trịnh Hữu Nghĩa	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	02/03/2009	02/03/2010	01081/09S69
15044	S69-17125			Trịnh Hữu Nghĩa	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	02/03/2009	02/03/2010	01082/09S69
15045	S69-17126	CM-16999		Phạm Minh Bồn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04143/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15046	S69-17127	CM-17018		Châu Hồng Thọ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	11/09/2012	11/09/2013	04741/12S69
15047	S69-17128			Thái Hoàng Đăng	13B/2 Lâm Thành Mậu, K4, P4, Thành phố Cà Mau	03/03/2009	03/03/2009	01089/09S69
15048	S69-17129			Đinh Chí Hiền	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/06/2009	15/06/2010	03328/09S69
15049	S69-17130			Trương Công Xinh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/03/2009	27/02/2010	01123/09S69
15050	S69-17131			Ngô Minh Tám	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/03/2009	27/02/2010	01124/09S69
15051	S69-17132	CM-17168		Trần Công Đoàn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03551/14S69
15052	S69-17133	CM-17289		Đông Văn Hùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06866/09S69
15053	S69-17134	CM-17290		Trần Văn Nhân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03532/14S69
15054	S69-17135	CM-17135		Lê Hoàng Thi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01288/10S69
15055	S69-17136	CM-17254		Đào Tiến Trạng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07853/12S69
15056	S69-17137	CM-17257		Ngô Văn Tươi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01838/10S69
15057	S69-17138			Nguyễn Tấn Thành	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01131/09S69
15058	S69-17139			Kim Vũ Điệp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01132/09S69
15059	S69-17140			Huỳnh Văn Tùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01133/09S69
15060	S69-17141			Lâm Hoài Hận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01134/09S69
15061	S69-17142	CM-17292		Nguyễn Văn Thọ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07452/12S69
15062	S69-17143			Lê Dũng Sĩ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/03/2009	27/02/2010	01136/09S69
15063	S69-17144	CM-17166		Lê Văn Tùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07873/12S69
15064	S69-17145			Lý Văn Mục	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01138/09S69
15065	S69-17146	CM-17211		Trần Văn Tuổi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01332/10S69
15066	S69-17147			UBND xã Tân Duyệt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01140/09S69
15067	S69-17148			Lâm Văn út	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01141/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15068	S69-17149			Nguyễn Ngọc Diễm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01142/09S69
15069	S69-17150			Nguyễn Thanh Sữ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01143/09S69
15070	S69-17151			Nguyễn Văn Khoẻ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/03/2009	27/02/2010	01144/09S69
15071	S69-17152			Dương Hùng Tấn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01145/09S69
15072	S69-17153			Nguyễn Hoàng Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01146/09S69
15073	S69-17154			Đặng Văn Trang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01147/09S69
15074	S69-17155			Trần Đồng Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/03/2009	27/02/2010	01148/09S69
15075	S69-17156			Nguyễn Thanh Nhân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/03/2009	27/02/2010	01149/09S69
15076	S69-17157			Nguyễn Chí Trung	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01150/09S69
15077	S69-17158			Nguyễn Minh Giới	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01151/09S69
15078	S69-17159			Võ Văn Lý	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01152/09S69
15079	S69-17160	CM-17128		Ngô Phi Hùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/04/2012	28/04/2013	01907/12S69
15080	S69-17161			Dương Tấn Mạnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01154/09S69
15081	S69-17162			Đỗ Văn Chanh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01155/09S69
15082	S69-17163			Nguyễn Minh Chiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/03/2009	27/02/2010	01156/09S69
15083	S69-17164			Nguyễn Hoàng Tỷ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2009	27/02/2010	01157/09S69
15084	S69-17165			Trang Văn Tiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2009	27/02/2010	01158/09S69
15085	S69-17166			Tiền Vũ Phong	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01159/09S69
15086	S69-17167			Ngô Minh Hẩn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01160/09S69
15087	S69-17168	CM-17253		Trương Văn Tài	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07838/12S69
15088	S69-17169			Phan Xuân Vũ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01162/09S69
15089	S69-17170			Hồ Hoàng Mải	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01163/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15090	S69-17171	CM-17169		Nguyễn Văn Cảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05616/13S69
15091	S69-17172	CM-17162		Ngô Minh Phụng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00882/13S69
15092	S69-17173	CM-17173		Ngô Minh Hoàng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2011	28/07/2012	02548/11S69
15093	S69-17174			Phạm Minh Kiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2009	27/02/2010	01167/09S69
15094	S69-17175	CM-17259		Phạm Văn Kim	Tân Duyệt, Thành phố Cà Mau	28/03/2013	28/03/2014	01997/13S69
15095	S69-17176			Nguyễn Thu Hà	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2009	27/02/2010	01169/09S69
15096	S69-17177			Đào Văn Kha	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2009	27/02/2010	01170/09S69
15097	S69-17178	CM-17104		Võ Kiến Thiết	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01257/10S69
15098	S69-17179	CM-17159		Nguyễn Hữu Thái	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01283/10S69
15099	S69-17180			Võ Hoàng Nhiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2009	27/02/2010	01173/09S69
15100	S69-17181	CM-17208		Nguyễn Văn Phong	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01282/10S69
15101	S69-17182	CM-17200		Ngô Vũ Phong	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07776/12S69
15102	S69-17183			Phạm Văn Mun	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01176/09S69
15103	S69-17184			Nguyễn Minh Sơn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01177/09S69
15104	S69-17185	CM-17307		Mai Thành Đen	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	29/01/2013	29/01/2014	00982/13S69
15105	S69-17186			Trịnh Quốc Việt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01179/09S69
15106	S69-17187			Lê Minh Đương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01180/09S69
15107	S69-17188			Trương Văn Cường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01181/09S69
15108	S69-17189			Nguyễn Văn Quốc	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01182/09S69
15109	S69-17190			Lâm Văn Hiếu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01183/09S69
15110	S69-17191	CM-17179		Dương Thanh Thuận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01298/10S69
15111	S69-17192	CM-17165		Trần Văn Danh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06445/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15112	S69-17193			Đỗ Hoàng Pháp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01186/09S69
15113	S69-17194			Nguyễn Trường Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01187/09S69
15114	S69-17195	CM-17123		Hồ Chí Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00672/11S69
15115	S69-17196			Lê Văn Lực	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2009	27/02/2010	01189/09S69
15116	S69-17197			Đào Minh Chiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01190/09S69
15117	S69-17198	CM-17203		Huỳnh Văn Hải	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06412/13S69
15118	S69-17199	CM-17303		Lê Thanh Bạch	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/04/2010	16/04/2011	02044/10S69
15119	S69-17200	CM-17310		Lê Thanh Bạch	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/04/2010	16/04/2011	02045/10S69
15120	S69-17201			Tô Thanh Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01194/09S69
15121	S69-17202			Phạm Văn Phương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01195/09S69
15122	S69-17203			Tô Văn Cảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01196/09S69
15123	S69-17204			La Thanh Hiệp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/03/2009	27/02/2010	01197/09S69
15124	S69-17205			Trịnh Thái Học	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01198/09S69
15125	S69-17206	CM-17202		Trang Văn Thiện	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10181/12S69
15126	S69-17207	CM-17161		Hứa Hồng Thật	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06437/13S69
15127	S69-17208	CM-17191		Nguyễn Chí Nguyễn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10297/12S69
15128	S69-17209	CM-17204		Hứa Hồng Sự	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01069/11S69
15129	S69-17210			Lâm Hùng Phương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01203/09S69
15130	S69-17211			Nguyễn Hữu Cường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01204/09S69
15131	S69-17212			Nguyễn Văn Đet	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01205/09S69
15132	S69-17213			Huỳnh Chí Duẩn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01206/09S69
15133	S69-17214			Hà Hồng Kính	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01207/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15134	S69-17215	CM-17244		Trần Văn Chuyển	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03534/14S69
15135	S69-17216			Nguyễn Thanh Hiền	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01209/09S69
15136	S69-17217	CM-17184		Lâm Văn Khanh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06009/13S69
15137	S69-17218			Đinh Hoàng Thương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01211/09S69
15138	S69-17219			Lê Phương Quang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01212/09S69
15139	S69-17220			Đoàn Mạnh Đồng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01213/09S69
15140	S69-17221			Lâm Văn Bảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01214/09S69
15141	S69-17222			Đoàn Mậu Công	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01215/09S69
15142	S69-17224	CM-17246		Phạm Thị Biên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01100/13S69
15143	S69-17225	CM-17185		Lâm Văn Đoàn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00703/12S69
15144	S69-17227			Liêu Văn Quyền	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01220/09S69
15145	S69-17228			Lê Thanh Chí	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01221/09S69
15146	S69-17229			Lương Hoàng Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01222/09S69
15147	S69-17230			Nguyễn Ngọc Hoàng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01223/09S69
15148	S69-17231			Lê Minh Được	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01224/09S69
15149	S69-17232			Ngô Văn Cung	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01225/09S69
15150	S69-17233			Lâm Văn Hiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01226/09S69
15151	S69-17234			Lê Văn Quân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01227/09S69
15152	S69-17235	CM-17297		Huỳnh Văn Trí	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02872/14S69
15153	S69-17237	CM-17293		Nguyễn Văn Hùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02413/10S69
15154	S69-17238	CM-17118		Trương Chí Thông	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04001/11S69
15155	S69-17239	CM-17149		Nguyễn Như Quyền	Tân Duyệt, Thành phố Cà Mau	22/12/2012	22/12/2013	09445/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15156	S69-17240			Nguyễn Văn Dĩ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01233/09S69
15157	S69-17241			Cao Hoàng Lắm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01234/09S69
15158	S69-17242	CM-17286		Ngô Minh Đèo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	08/03/2012	08/03/2013	00850/12S69
15159	S69-17243	CM-17148		Nguyễn Văn Đệ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01275/12S69
15160	S69-17244	CM-17296		Nguyễn Văn Đệ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2015	28/02/2016	00363/15S69
15161	S69-17245			Kim Văn Mum	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01238/09S69
15162	S69-17246			Trương Chí Linh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01239/09S69
15163	S69-17247			Nguyễn Văn Bằng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01240/09S69
15164	S69-17248	CM-17197		Nguyễn Ngọc Nhuận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01090/13S69
15165	S69-17249			Nguyễn Văn Nè	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01242/09S69
15166	S69-17250			Nguyễn Văn Vương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01243/09S69
15167	S69-17251			Huỳnh Văn Thi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01244/09S69
15168	S69-17252			Huỳnh Thành Được	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01245/09S69
15169	S69-17253			Nguyễn Văn Đại	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01246/09S69
15170	S69-17254			Nguyễn Văn Sáu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01247/09S69
15171	S69-17255	CM-17236		Văn Phòng Huyện ủy Đầm Dơi	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03316/12S69
15172	S69-17256	CM-17231		Văn Phòng Huyện ủy Đầm Dơi	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03313/12S69
15173	S69-17257			Văn Phòng Huyện Ủy Đầm Dơi	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01250/09S69
15174	S69-17258	CM-17229		Nguyễn Thanh Toàn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10285/12S69
15175	S69-17259			Dương Thế Tính	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01252/09S69
15176	S69-17260			Nguyễn Văn Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01253/09S69
15177	S69-17261			Phạm Minh Đăng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01254/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15178	S69-17262	CM-17309		Nguyễn Minh Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04521/11S69
15179	S69-17263			Nguyễn Duy Đặng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01256/09S69
15180	S69-17264			Nguyễn Phi Long	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01257/09S69
15181	S69-17265			Lương Văn Triệu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01258/09S69
15182	S69-17266			Đặng Trường Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01259/09S69
15183	S69-17267			Trần Văn Thông	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01260/09S69
15184	S69-17268	CM-17214		Nguyễn Thành Đông	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07855/12S69
15185	S69-17269			Phạm Văn Hồng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01262/09S69
15186	S69-17270			Phan Văn Mẫn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/03/2009	27/02/2010	01263/09S69
15187	S69-17271			Lương Cao Ly	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01264/09S69
15188	S69-17272			Nguyễn Ngọc Hảo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01265/09S69
15189	S69-17273			Đoàn Quốc Duyệt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01266/09S69
15190	S69-17274			Trương Văn Hào	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01267/09S69
15191	S69-17275			Cao Hoàng Hiệp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01268/09S69
15192	S69-17276			Nguyễn Tấn Phúc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01269/09S69
15193	S69-17277			Võ Văn Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01270/09S69
15194	S69-17278			Lương Văn Quýt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01271/09S69
15195	S69-17279			Nguyễn Hồng Nhung	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01272/09S69
15196	S69-17280			Đào Thanh Tân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01273/09S69
15197	S69-17281			Trương Văn Tảo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01274/09S69
15198	S69-17282			Dương Văn Tèo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01275/09S69
15199	S69-17283			Nguyễn Chí Hiện	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01276/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15200	S69-17284	CM-17269		Trần văn Báu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07867/12S69
15201	S69-17285	CM-17151		Trần Minh Lê	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05173/12S69
15202	S69-17286	CM-17268		Huỳnh Công Lĩnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06001/13S69
15203	S69-17287			Hà Quốc Việt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01280/09S69
15204	S69-17288	CM-17113		Nguyễn Hoàng Hà	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09470/12S69
15205	S69-17289			Phạm Văn Bổng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01282/09S69
15206	S69-17290			Huỳnh Hữu Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01283/09S69
15207	S69-17291	CM-17152		Lâm Văn Minh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01281/12S69
15208	S69-17292			Lê Văn Danh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01285/09S69
15209	S69-17293			Đào Tiến Vinh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01286/09S69
15210	S69-17294			Phạm Tuấn Hải	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01287/09S69
15211	S69-17295	CM-17270		Lâm Minh Sơn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00981/10S69
15212	S69-17296	CM-17215		Trịnh Hoàng Nghĩa	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00534/14S69
15213	S69-17297	CM-17153		Dương Thế Thuận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02413/14S69
15214	S69-17299			Lâm Đức Lộc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01292/09S69
15215	S69-17300			Trịnh Hoàng Lợi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01293/09S69
15216	S69-17301			Nguyễn Văn Bộ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01294/09S69
15217	S69-17302	CM-17154		Lý Hoàng Mến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10243/12S69
15218	S69-17303	CM-17237		Trương Văn Sam	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01106/13S69
15219	S69-17304	CM-17120		Lý Minh Đương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10180/12S69
15220	S69-17305			Nguyễn Văn Đàng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01298/09S69
15221	S69-17306			Đoàn Thái Hùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01299/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15222	S69-17307	CM-17216		Huỳnh Hữu Phước	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00347/14S69
15223	S69-17308			Nguyễn Văn Thống	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01301/09S69
15224	S69-17309			Lâm Văn Hải	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10282/12S69
15225	S69-17310			Phạm Văn Chanh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01303/09S69
15226	S69-17311			Lê Minh Động	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01304/09S69
15227	S69-17312			Nguyễn Văn Tèo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01305/09S69
15228	S69-17314			Lâm Văn Hùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01307/09S69
15229	S69-17315			Huỳnh Văn Kiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01308/09S69
15230	S69-17316			Trịnh Văn Tùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01309/09S69
15231	S69-17317			Lê Công Danh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01310/09S69
15232	S69-17318			Huỳnh Văn Xê	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01311/09S69
15233	S69-17319			Đặng Chiến Thắng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01312/09S69
15234	S69-17320	CM-17235		Quách Thanh Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02987/11S69
15235	S69-17321			Đặng Hữu Thọ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	09/03/2009	27/02/2010	01314/09S69
15236	S69-17322			Tô Văn Bằng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01315/09S69
15237	S69-17323			Trương ánh Nguyệt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01316/09S69
15238	S69-17324			Trịnh Văn Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01317/09S69
15239	S69-17325			Ngô Chí Linh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01318/09S69
15240	S69-17326			Đặng Triều Trung	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01319/09S69
15241	S69-17327			Lê Thanh Bạch	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01320/09S69
15242	S69-17328			Lâm Văn Hậu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01321/09S69
15243	S69-17330			Đoàn Thanh Việt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01062/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15244	S69-17333			Trần Kim Tý	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01113/09S69
15245	S69-17334	CM-17026		Trần Văn Đen	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	23/04/2013	23/04/2014	02272/13S69
15246	S69-17335			Cao Văn Thiệu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01119/09S69
15247	S69-17336			Lê Minh Bằng	Hòa Thành, Huyện Đầm Dơi	06/03/2010	06/03/2010	01120/09S69
15248	S69-17338			Nguyễn Phước Hiền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	06/03/2009	06/03/2010	01327/09S69
15249	S69-17340			Lê Tân Việt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01343/09S69
15250	S69-17341			Lê Văn Chí	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01344/09S69
15251	S69-17342			Nguyễn Hồng Thái	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01345/09S69
15252	S69-17343			Lê Thành Minh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01346/09S69
15253	S69-17344			Trịnh Việt Hờ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01347/09S69
15254	S69-17345			Hồ Văn Khang	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01348/09S69
15255	S69-17346			Quách Văn Tý	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01349/09S69
15256	S69-17347			Trần Thanh Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01350/09S69
15257	S69-17348			Lê Bá Nha	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01351/09S69
15258	S69-17349			Nguyễn Văn Bài	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01352/09S69
15259	S69-17350			Lê Thanh Tùng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01353/09S69
15260	S69-17351			Nguyễn Bé Năm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01354/09S69
15261	S69-17352			Đỗ Văn Lũy	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	11/03/2009	04/03/2010	01355/09S69
15262	S69-17353			Đỗ Văn Sang	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	04/03/2009	04/03/2010	01356/09S69
15263	S69-17354			Nguyễn Văn Mến	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01357/09S69
15264	S69-17355			Võ Thanh Đảm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01358/09S69
15265	S69-17356			Chung Thái Trân	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01359/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15266	S69-17357			Trình Quốc Thiều	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01360/09S69
15267	S69-17358			Nguyễn Văn Bền	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01361/09S69
15268	S69-17359			Liễu Hiền Tính	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01362/09S69
15269	S69-17360			Nguyễn Tú Anh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01363/09S69
15270	S69-17361			Nguyễn Văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01364/09S69
15271	S69-17362			Nguyễn Văn Tam	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01365/09S69
15272	S69-17363			Võ Văn Quân	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01366/09S69
15273	S69-17364			Lê Văn Tấn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01367/09S69
15274	S69-17365			Trần Hoàng Việt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01368/09S69
15275	S69-17366			Đỗ Văn Tân	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01369/09S69
15276	S69-17367			Lê Thanh Đoàn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01370/09S69
15277	S69-17368			Nguyễn Thanh Sang	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01371/09S69
15278	S69-17369			Lê Văn út	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01372/09S69
15279	S69-17370			Lê Văn Buól	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01373/09S69
15280	S69-17371			Nguyễn Tương Lai	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01374/09S69
15281	S69-17372			Nguyễn Thanh Lũy	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01375/09S69
15282	S69-17373			Lê Văn Phụng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01376/09S69
15283	S69-17374			Trần Hoài Tâm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01377/09S69
15284	S69-17375			Lê Văn Tẻo	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01378/09S69
15285	S69-17377			Huỳnh Văn Thanh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01380/09S69
15286	S69-17378			Lê Quốc Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01381/09S69
15287	S69-17379			Nguyễn Văn Chính	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01382/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15288	S69-17380			Phạm Chí Cường	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01383/09S69
15289	S69-17381			Nguyễn Văn Tùng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01384/09S69
15290	S69-17382			Thạch Kim Phư	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01385/09S69
15291	S69-17383			Lê Văn Dương	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01386/09S69
15292	S69-17384			Lê Việt Triều	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01387/09S69
15293	S69-17385			Lê Hoàng Thịnh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01388/09S69
15294	S69-17386			Lê Ngọc Dẫn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01389/09S69
15295	S69-17387			Võ Văn Ca	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01390/09S69
15296	S69-17388			Lê Hùng Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01391/09S69
15297	S69-17389			Lê Văn Khỏe	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01392/09S69
15298	S69-17390			Lê Văn Nhỏ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01393/09S69
15299	S69-17391			Hồ Văn Nguyễn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01394/09S69
15300	S69-17392			Trần Công Đình	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01395/09S69
15301	S69-17393			Lương Thị Hồng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01396/09S69
15302	S69-17394			Nguyễn Văn Phong	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01379/09S69
15303	S69-17395			Nguyễn Văn Sỹ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01398/09S69
15304	S69-17396			Lưu Hoàng My	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01399/09S69
15305	S69-17397			Lê Văn Bay	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01400/09S69
15306	S69-17398			Nguyễn Văn Nghĩa	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01401/09S69
15307	S69-17399			Dương Văn Bảy	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01402/09S69
15308	S69-17400			Kiều Minh Tài	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01403/09S69
15309	S69-17401			Nguyễn Trọng Thuỷ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01404/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15310	S69-17402			Trần Văn Tấn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01405/09S69
15311	S69-17403			Lai Hiệp Định	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01406/09S69
15312	S69-17404			Nguyễn Văn Lai	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01407/09S69
15313	S69-17405			Phạm Văn Đạm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01408/09S69
15314	S69-17406			Trần Văn Nghĩa	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01409/09S69
15315	S69-17407			Nguyễn Quang Sương	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01410/09S69
15316	S69-17408			Lê Văn Lăng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01411/09S69
15317	S69-17409			Bùi Văn Sơn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01412/09S69
15318	S69-17410			Huỳnh Văn Nam	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01413/09S69
15319	S69-17411			Nguyễn Văn Tú	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01414/09S69
15320	S69-17412			Trương văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01415/09S69
15321	S69-17413			Nguyễn Văn Quý	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01416/09S69
15322	S69-17414			Trần Văn Tháo	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01417/09S69
15323	S69-17415			Nguyễn Văn Viễn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01418/09S69
15324	S69-17416			Huỳnh Văn Bòl	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01419/09S69
15325	S69-17417			Quách Văn Khánh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01420/09S69
15326	S69-17418			Quách Văn Phil	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01421/09S69
15327	S69-17419			Trần Quốc Việt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01422/09S69
15328	S69-17421			Ngô Văn Diệm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01424/09S69
15329	S69-17422			Huỳnh Văn Vinh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01425/09S69
15330	S69-17423			Lý Văn Trị	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01426/09S69
15331	S69-17424	CM-17403		Liều Văn Mẫn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2010	12/08/2011	04258/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15332	S69-17425			Nguyễn Văn Tình	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01428/09S69
15333	S69-17426			Huỳnh Văn Nam	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01429/09S69
15334	S69-17427			Lâm Hoàng Dân	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01430/09S69
15335	S69-17428			Hồ Ngọc Đăng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	10/03/2010	01431/09S69
15336	S69-17429			Lê Văn Thuận	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01432/09S69
15337	S69-17430			Huỳnh Văn Lập	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01433/09S69
15338	S69-17431			Huỳnh Văn Hòn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01434/09S69
15339	S69-17432	CM-17370		Nguyễn Văn Sang	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	18/04/2014	18/04/2015	01028/14S69
15340	S69-17433	CM-17371		Đinh Đức Thi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04260/10S69
15341	S69-17434	CM-17468		Kim Bạch Tiết	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	13/09/2010	13/09/2011	04756/10S69
15342	S69-17435			Nguyễn Văn Miên	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01438/09S69
15343	S69-17436			Nguyễn Văn Vũ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01439/09S69
15344	S69-17437			Lê Văn Hiếu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01440/09S69
15345	S69-17438			Lê Văn Hây	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01441/09S69
15346	S69-17439			Ngô Văn Tèo	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01442/09S69
15347	S69-17440			Nguyễn Văn Đỉnh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01443/09S69
15348	S69-17441			Lê Văn Bảy	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01444/09S69
15349	S69-17442			Phạm Văn Trạng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01445/09S69
15350	S69-17443			Trịnh Văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01446/09S69
15351	S69-17444			Huỳnh Văn Trường	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01447/09S69
15352	S69-17445			Đỗ Khắc Vũ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01448/09S69
15353	S69-17446			Huỳnh Văn Khả	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01449/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15354	S69-17447			Nguyễn Văn Cu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01450/09S69
15355	S69-17448			Dư Văn Long	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01451/09S69
15356	S69-17449			Huỳnh Văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01452/09S69
15357	S69-17450			Lê Văn Thống	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01453/09S69
15358	S69-17451			Trần Văn Long	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01454/09S69
15359	S69-17452			Võ Minh Trung	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01455/09S69
15360	S69-17453			Lê Quốc Hận	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01456/09S69
15361	S69-17454			Trần Minh Nhân	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01457/09S69
15362	S69-17455			Trịnh Văn Tám	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01458/09S69
15363	S69-17456	CM-17437		Hồ Văn Đen	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	23/07/2010	23/07/2011	03837/10S69
15364	S69-17457			Nguyễn Văn Tỷ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01460/09S69
15365	S69-17458			Huỳnh Văn Toán	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01461/09S69
15366	S69-17459			Phan Thanh Vũ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01462/09S69
15367	S69-17460			Phan Bé Bấy	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01463/09S69
15368	S69-17461			Trần Văn Trường	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01464/09S69
15369	S69-17462			Cao Chí Kil	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01465/09S69
15370	S69-17463			Hồ Văn Nguyên	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01466/09S69
15371	S69-17464			Nguyễn Văn Tình	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01467/09S69
15372	S69-17465	CM-17400		Lưu Trọng Nguyễn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	18/04/2011	18/04/2012	01274/11S69
15373	S69-17466			Huỳnh Văn Cón	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01469/09S69
15374	S69-17467			Phan Văn Có	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01470/09S69
15375	S69-17468			Châu Văn Liệt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01471/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15376	S69-17469	CM-17455		Chung Văn Toàn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00985/12S69
15377	S69-17470			Lê Văn Sơn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01473/09S69
15378	S69-17471			Cao Văn Việt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01474/09S69
15379	S69-17472			Nguyễn Minh Đoàn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01475/09S69
15380	S69-17473			Quách văn Dương	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	09/03/2009	04/03/2010	01476/09S69
15381	S69-17474			Nguyễn Văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01477/09S69
15382	S69-17475			Ngô Văn Nhân	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	09/03/2009	04/03/2010	01478/09S69
15383	S69-17476			Lê Văn Kính	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	09/03/2009	04/03/2010	01479/09S69
15384	S69-17477			Phạm Văn Thiên	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01480/09S69
15385	S69-17478			Phan Hùng Nửa	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01481/09S69
15386	S69-17479			Nguyễn Văn Năng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01482/09S69
15387	S69-17480			Lê Minh Luân	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01483/09S69
15388	S69-17481			Trần Văn Bình	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01484/09S69
15389	S69-17482			Nguyễn Văn Kiêm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01485/09S69
15390	S69-17483			Nguyễn Văn Nên	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01486/09S69
15391	S69-17484			Cao Văn Giới	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2009	04/03/2010	01487/09S69
15392	S69-17485			Trịnh Văn Sĩ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01488/09S69
15393	S69-17486			Nguyễn Văn Nên	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01489/09S69
15394	S69-17487			Phan Thành Cuốn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01490/09S69
15395	S69-17488			Phạm Thanh Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01491/09S69
15396	S69-17489			Đặng Tấn Hưng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01492/09S69
15397	S69-17490			Lê Văn Dữ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01493/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15398	S69-17491			Lê Văn Mol	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01494/09S69
15399	S69-17492			Lê Thanh Hùng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01495/09S69
15400	S69-17493			Nguyễn Văn Giới	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01496/09S69
15401	S69-17494	CM-17103		Nguyễn Ngọc Bửu	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01890/12S69
15402	S69-17495	CM-17089		Cao Văn Quang	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/01/2012	16/01/2013	00248/12S69
15403	S69-17496	CM-17088		Cao Văn Hiệp	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	02/01/2012	02/01/2013	00026/12S69
15404	S69-17497	CM-17177		Tống Minh Xanh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	29/11/2013	29/11/2014	06024/13S69
15405	S69-17498			Nguyễn Văn Châm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01341/09S69
15406	S69-17499	CM-03100		Lê Việt Triều	Rạch Nhum, Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2009	04/03/2010	01502/09S69
15407	S69-17500			Lê Quang Phục	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01509/09S69
15408	S69-17502	CM-17101		Phạm Văn Khuyên	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	31/05/2013	31/05/2014	02824/13S69
15409	S69-17503			Cao Văn Hải	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01513/09S69
15410	S69-17504			Nguyễn Văn Gấu	Trí Phải, Huyện Thới Bình	09/03/2009	09/03/2010	01515/09S69
15411	S69-17505			Trần Công Đồng	Trí Phải, Huyện Thới Bình	09/03/2009	09/03/2010	01516/09S69
15412	S69-17506			Cao Văn Lùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01541/09S69
15413	S69-17507			Ngô Văn Hậu	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01542/09S69
15414	S69-17508			Lâm Minh Chiến	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01543/09S69
15415	S69-17509			Nguyễn Hùng Văn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01544/09S69
15416	S69-17510			Ngô Minh Cẩn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	11545/09S69
15417	S69-17511			Trần Dũng Liêm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01546/09S69
15418	S69-17512			Nguyễn Văn Hiền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01547/09S69
15419	S69-17513			Phạm Văn Lập	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01548/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15420	S69-17514			Nguyễn Minh Tú	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01549/09S69
15421	S69-17515			Phan Văn Hiền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01550/09S69
15422	S69-17516			UBND Xã Khánh Hải	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01551/09S69
15423	S69-17517			Phạm Minh Cảnh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01552/09S69
15424	S69-17518			Lê Văn Thanh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01553/09S69
15425	S69-17519			Nguyễn Văn Lập	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01554/09S69
15426	S69-17520			Trần Hữu Liệt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01555/09S69
15427	S69-17521			Nguyễn Văn Nhấn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01556/09S69
15428	S69-17522			Nguyễn Văn Hí	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01557/09S69
15429	S69-17523			Phạm Văn Xuân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01558/09S69
15430	S69-17524			Ngô Văn Hường	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01559/09S69
15431	S69-17525			Đinh Minh Khéo	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01560/09S69
15432	S69-17526			UBND Xã Khánh Hải	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01561/09S69
15433	S69-17527			Nguyễn Văn Chiến	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01562/09S69
15434	S69-17528			Dương Văn Đèo	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01563/09S69
15435	S69-17529			Huỳnh Việt Thơ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01564/09S69
15436	S69-17530			Trần Văn Mãi	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01565/09S69
15437	S69-17531			Trần Trọng Nhân	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01566/09S69
15438	S69-17532			Nguyễn Văn Quý	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01567/09S69
15439	S69-17533			Nguyễn Văn Đo	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01568/09S69
15440	S69-17534			Ngô Văn Giác	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01569/09S69
15441	S69-17535			Lê Quốc Tiến	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01570/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15442	S69-17536			Phan Minh Nhứt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01571/09S69
15443	S69-17537			Huỳnh Việt Triều	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01572/09S69
15444	S69-17538			Huỳnh Việt Mạnh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01573/09S69
15445	S69-17539			Huỳnh Việt Mạnh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01574/09S69
15446	S69-17540			Phạm Trung Trực	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01575/09S69
15447	S69-17541			Nguyễn Xuân Mai	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01576/09S69
15448	S69-17542			Võ Văn Thường	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01577/09S69
15449	S69-17543			Nguyễn Văn Hiền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01578/09S69
15450	S69-17545			Nguyễn Văn Sơn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01580/09S69
15451	S69-17546			Trần Minh Vương	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01581/09S69
15452	S69-17547			Võ Hoàng Nam	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01582/09S69
15453	S69-17548			Nguyễn Duy Trọng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01583/09S69
15454	S69-17549			Lâm Văn Mười	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01584/09S69
15455	S69-17550			Tô Ngọc ẫn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01585/09S69
15456	S69-17551			Nguyễn Hoàng Vũ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01586/09S69
15457	S69-17552			Phạm Văn Tùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01587/09S69
15458	S69-17553			Hồ Chí Để	Khánh hải, Huyện Trần Văn Thời	17/03/2009	08/03/2010	01588/09S69
15459	S69-17554			Nguyễn Quốc Trung	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01589/09S69
15460	S69-17555			Trần Tấn Đạt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01590/09S69
15461	S69-17556			Lưu Hồng Dân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01591/09S69
15462	S69-17557			Bùi Thanh Hiền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01592/09S69
15463	S69-17558			Tô Văn Tân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01593/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15464	S69-17559			Hồ Văn Tâm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01594/09S69
15465	S69-17560			Hồ Văn Tâm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01595/09S69
15466	S69-17561			Lâm Minh Quyền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01596/09S69
15467	S69-17562			Phan Văn Tình	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01579/09S69
15468	S69-17563			Trần An Tim	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01598/09S69
15469	S69-17564			Võ Minh Luân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01599/09S69
15470	S69-17565			Trần Trung Tiến	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01600/09S69
15471	S69-17566			Dương Văn Lâu	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01601/09S69
15472	S69-17567			Phan Thanh Tuấn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01602/09S69
15473	S69-17568			Huỳnh Minh Học	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01603/09S69
15474	S69-17569			Phạm Chí Nguyễn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01604/09S69
15475	S69-17570			Võ Trường Giang	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01605/09S69
15476	S69-17571			Lê Văn Khôn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01606/09S69
15477	S69-17572			Phan Văn Đức	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01607/09S69
15478	S69-17573			Bùi Văn Lùm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	17/03/2009	08/03/2010	01608/09S69
15479	S69-17574			Nguyễn Chí Việt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01609/09S69
15480	S69-17575			Huỳnh Ngọc Tân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01610/09S69
15481	S69-17576			Phạm Thanh Tùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01611/09S69
15482	S69-17577			Phan Văn Thắng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01612/09S69
15483	S69-17578			Nguyễn Quốc Đảm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01613/09S69
15484	S69-17579			Nguyễn Tấn Đạt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01614/09S69
15485	S69-17580			Tiêu Trường Giang	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01615/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15486	S69-17581			Trần Minh Luân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01616/09S69
15487	S69-17582			Tôn Văn Cuộc	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01617/09S69
15488	S69-17583	CM-17640		Trần Văn Thơ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00842/10S69
15489	S69-17584			Trần Tấn Phát	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01619/09S69
15490	S69-17585			Châu Văn Tạo	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01620/09S69
15491	S69-17587			Lê Văn Tiến	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01622/09S69
15492	S69-17588			Nguyễn Văn Giới	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01623/09S69
15493	S69-17590			Châu Tuấn Em	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01625/09S69
15494	S69-17591			Phạm Văn Dự	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01626/09S69
15495	S69-17592			Trương Văn Kháng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01627/09S69
15496	S69-17593	CM-17631		Đinh Hữu Trí	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2011	10/05/2012	01563/11S69
15497	S69-17594			Lê Văn Bước	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01629/09S69
15498	S69-17595			Tăng Văn Tùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01630/09S69
15499	S69-17596			Ngô Văn Dũng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01631/09S69
15500	S69-17597			Trần Anh Thường	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01632/09S69
15501	S69-17598			Hồ Tấn Lực	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01633/09S69
15502	S69-17599			Nguyễn Văn Thành	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01634/09S69
15503	S69-17600			Trịnh Văn Họt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01635/09S69
15504	S69-17601	CM-17683		Trịnh Văn Họt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2011	12/08/2012	02686/11S69
15505	S69-17602			Lê Minh Hoàng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01637/09S69
15506	S69-17603			Nguyễn Hồng Búp	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01638/09S69
15507	S69-17604			Nguyễn Văn Hùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01639/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15508	S69-17605			Phạm Văn Dương	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2009	08/03/2010	01640/09S69
15509	S69-17606			Lý Việt Cường	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01641/09S69
15510	S69-17607			Phạm Văn Tinh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01642/09S69
15511	S69-17608			Dương Minh Quốc	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01643/09S69
15512	S69-17609			Trần Bình Đăng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01644/09S69
15513	S69-17610			Dương Trọng Kha	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01645/09S69
15514	S69-17611			Nguyễn Văn Nhân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01646/09S69
15515	S69-17612			Phạm Tuấn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01647/09S69
15516	S69-17613			Võ Văn Đà	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01648/09S69
15517	S69-17614			Nguyễn Hoàng Mười	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01649/09S69
15518	S69-17615			Lê Văn Ngau	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01650/09S69
15519	S69-17616			Lê Trường Khánh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01651/09S69
15520	S69-17617			Phạm Văn Miên	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01652/09S69
15521	S69-17618			Nguyễn Hoàng Em	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01653/09S69
15522	S69-17619			Võ Trung Tới	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01654/09S69
15523	S69-17620			Phạm Văn Đây	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01655/09S69
15524	S69-17621			Hồ Trúc Ly	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01656/09S69
15525	S69-17622			Võ Hoàng Phương	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01657/09S69
15526	S69-17623			Võ Hòa An	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01658/09S69
15527	S69-17624			Lý Văn Tuấn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01659/09S69
15528	S69-17625			Tiêu Văn Ly	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01660/09S69
15529	S69-17626			Lê Thanh Hùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01661/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15530	S69-17627			Nguyễn Văn Me	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01662/09S69
15531	S69-17628			Nguyễn Văn Sự	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01663/09S69
15532	S69-17629			Võ Văn Miên	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01664/09S69
15533	S69-17630			Huỳnh Văn Đệ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01665/09S69
15534	S69-17631			Ngô Văn Tư	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01666/09S69
15535	S69-17632			Trần Minh Ngọt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01667/09S69
15536	S69-17633			Đặng Văn Dũng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01668/09S69
15537	S69-17634			Phạm Văn Thâm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01669/09S69
15538	S69-17635			Nguyễn Thanh Tươi	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01670/09S69
15539	S69-17636			Trương Văn Liên	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01671/09S69
15540	S69-17637			Lê Thanh Hải	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01672/09S69
15541	S69-17638			Tổng Viêt Điền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01673/09S69
15542	S69-17639			Nguyễn Văn Lượng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01674/09S69
15543	S69-17640			Khuu Minh Quởn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01675/09S69
15544	S69-17641			Trương Tấn Đạt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01676/09S69
15545	S69-17642			Phan Văn Tâm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01677/09S69
15546	S69-17643			Phan Văn Tâm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01678/09S69
15547	S69-17644			Lê Hoàng Công	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01679/09S69
15548	S69-17645			Lê Hữu Nghị	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01680/09S69
15549	S69-17646			Nguyễn Hoàng Chem	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01681/09S69
15550	S69-17647			Huỳnh Văn Đua	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01682/09S69
15551	S69-17648	CM: 17644		Đinh Hữu Tài	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00356/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15552	S69-17649			Nguyễn Công Trường	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01684/09S69
15553	S69-17650			Nguyễn Văn Bào	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01685/09S69
15554	S69-17651			Trần Thanh Kha	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01686/09S69
15555	S69-17652			Trần Xí Khén	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01687/09S69
15556	S69-17653			Trần Xí Khén	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01688/09S69
15557	S69-17654			Huỳnh Thanh Long	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01689/09S69
15558	S69-17655			Trần Huy Tám	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01690/09S69
15559	S69-17656			Dương Việt Quốc	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01691/09S69
15560	S69-17657			Nguyễn Văn Thắng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01692/09S69
15561	S69-17658			Lý Văn Cung	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01693/09S69
15562	S69-17659			Lý Văn Cung	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01694/09S69
15563	S69-17660			Phạm Tấn Dai	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01695/09S69
15564	S69-17661			Lê Tấn Đạt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01696/09S69
15565	S69-17662			Nguyễn Văn Nghiệp	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01697/09S69
15566	S69-17663			Phạm Công Nghiệp	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01698/09S69
15567	S69-17664			Phan Văn Búa	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01699/09S69
15568	S69-17665			Lý Văn Quyết	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01700/09S69
15569	S69-17666			Nguyễn Văn Trí	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01701/09S69
15570	S69-17667			Trần Quý Dương	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01702/09S69
15571	S69-17668			Nguyễn Văn Thành	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01703/09S69
15572	S69-17669			Lê Quốc Khởi	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01704/09S69
15573	S69-17670			Phạm Văn Hiền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01705/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15574	S69-17671			Nguyễn Chí Toàn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01706/09S69
15575	S69-17672	CM:17671		Nguyễn Văn Tranh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	22/08/2013	22/08/2014	03982/13S69
15576	S69-17673			Võ Văn Thanh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01708/09S69
15577	S69-17674			Nguyễn Thanh Tuấn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01709/09S69
15578	S69-17675	CM-17668		Phan Minh Yên	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06015/10S69
15579	S69-17676			Phạm Trung Nghĩa	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01711/09S69
15580	S69-17677			Nguyễn Kha Ly	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01712/09S69
15581	S69-17678			Trần Thanh Khiêm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01713/09S69
15582	S69-17679			Trần Văn Tuấn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01714/09S69
15583	S69-17680			Dương Văn Hận	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01715/09S69
15584	S69-17681			Từ Văn Thắng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01716/09S69
15585	S69-17682			Huỳnh Văn Linh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01717/09S69
15586	S69-17683			Nguyễn Văn Thành	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01718/09S69
15587	S69-17684			Nguyễn Long Sỹ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01719/09S69
15588	S69-17685			Trần Văn Ty	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01720/09S69
15589	S69-17686			Phan Văn Trung	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01721/09S69
15590	S69-17687			Võ Văn Kết	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01722/09S69
15591	S69-17688			Phan Ngọc Y	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01723/09S69
15592	S69-17689			Phan Thị Thơ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01724/09S69
15593	S69-17690			Phan Văn tuấn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01725/09S69
15594	S69-17691			Nguyễn Nghĩa Mai	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01726/09S69
15595	S69-17692			Lê Quốc Sự	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01727/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15596	S69-17693			Phan Cẩm Loan	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01728/09S69
15597	S69-17694			Nguyễn Nhật Trường	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01729/09S69
15598	S69-17695			Nguyễn Văn Dân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01730/09S69
15599	S69-17696			Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01731/09S69
15600	S69-17697			Thái Văn Hội	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01732/09S69
15601	S69-17698			Nguyễn Hoàng Chung	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01733/09S69
15602	S69-17699			Lý Văn Mới	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01734/09S69
15603	S69-17700			Lê Thanh Huỳnh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01735/09S69
15604	S69-17701			Bùi Văn Kết	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01736/09S69
15605	S69-17702			Huỳnh Trung Kết	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01737/09S69
15606	S69-17703			Lê Trường Sơn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01738/09S69
15607	S69-17704			Lê Trường Tình	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01739/09S69
15608	S69-17705			Võ Việt Tùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01740/09S69
15609	S69-17706			Khưu Minh Triều	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01741/09S69
15610	S69-17707			Bùi Văn Hải	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01742/09S69
15611	S69-17708			Bùi Văn Rêu	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01743/09S69
15612	S69-17709			Huỳnh Văn Thương	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01744/09S69
15613	S69-17710			Nguyễn Việt út	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01745/09S69
15614	S69-17711			Trương Văn Lợi	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01746/09S69
15615	S69-17712			Đỗ Việt Hùng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01747/09S69
15616	S69-17713			Võ Văn Thắng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01748/09S69
15617	S69-17714			Trần Ngọc Thạch	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01749/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15618	S69-17715			Nguyễn Thanh Nhân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01750/09S69
15619	S69-17716			Nguyễn Văn Hiếu	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01751/09S69
15620	S69-17717			Nguyễn Văn Toàn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01752/09S69
15621	S69-17718			Trần Văn Danh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2009	08/03/2010	01753/09S69
15622	S69-17719	CM-17099	Hoàng Yên	Lê Hoàng Yên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/05/2013	02/05/2014	02403/13S69
15623	S69-17721	CM-17096		Bùi Văn Bưng	Khánh An, Huyện U Minh	11/03/2010	11/03/2011	01151/10S69
15624	S69-17722			Lâm Minh Tâm	Phường 9, Thành phố Cà Mau	11/03/2009	11/03/2010	01528/09S69
15625	S69-17723			Phạm Tấn Sĩ	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	11/03/2009	11/03/2010	01531/09S69
15626	S69-17724			Phạm Văn Thuận	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	11/03/2009	11/03/2010	01532/09S69
15627	S69-17725	CM-17094		Hồ Văn Công	Khóm 6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00995/12S69
15628	S69-17726	CM-17093	Ghe Tải	Đinh Văn Hoàng	Khóm 5, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	31/03/2011	31/03/2012	01118/11S69
15629	S69-17729			Trần Thanh Hùng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01760/09S69
15630	S69-17730			Cao Hữu Đức	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01761/09S69
15631	S69-17731			Đặng Quang Nghiêm	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01762/09S69
15632	S69-17732			Nguyễn Trường Sơn	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01763/09S69
15633	S69-17733			Nguyễn Thanh Hiền	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01764/09S69
15634	S69-17734			Võ Thành Lộc	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01765/09S69
15635	S69-17735			Nguyễn Thanh Dũng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01766/09S69
15636	S69-17736			Lê Quốc Cường	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01767/09S69
15637	S69-17737			Trần Thanh Lâm	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01768/09S69
15638	S69-17738			Tạ Thanh Trung	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01769/09S69
15639	S69-17739			Lê Việt Khởi	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01770/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15640	S69-17740			Trần ái Nguyễn	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01771/09S69
15641	S69-17741			Huỳnh Văn Trị	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01772/09S69
15642	S69-17742			Trương Anh Cai	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01773/09S69
15643	S69-17743			Nguyễn Hữu Sự	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01774/09S69
15644	S69-17744			Tô Trí Nguyễn	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01775/09S69
15645	S69-17745			Nguyễn Văn Ngoan	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01776/09S69
15646	S69-17746			Hà Minh Luân	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01777/09S69
15647	S69-17747			Lê Văn Nghiệp	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01778/09S69
15648	S69-17748			Hứa Hoàng Anh	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01779/09S69
15649	S69-17749			Trần Quốc Khởi	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01780/09S69
15650	S69-17750			Nguyễn Đắc Lực	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01781/09S69
15651	S69-17751			Trương Thanh Tùng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01782/09S69
15652	S69-17753			Huỳnh Văn Đen	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01784/09S69
15653	S69-17754			Trần ản	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01785/09S69
15654	S69-17755	CM-17791		Trương Phước Hùng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	09/08/2010	09/08/2011	00523/10V69
15655	S69-17756			Phạm Văn Thường	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01787/09S69
15656	S69-17757			Nguyễn Minh Phụng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01788/09S69
15657	S69-17758			Đoàn Thanh Phương	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01789/09S69
15658	S69-17759			Nguyễn Văn Tèo	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01790/09S69
15659	S69-17760			Lưu Thanh Danh	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01791/09S69
15660	S69-17761			Lý Văn Nhịn	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01792/09S69
15661	S69-17762			Lý Văn Mót	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	10/03/2009	10/03/2010	01793/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15662	S69-17763			Nguyễn Văn Tím	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01794/09S69
15663	S69-17764			Quách Văn Dưa	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01795/09S69
15664	S69-17765			Trần Chí Thương	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01796/09S69
15665	S69-17766			Đội Kiểm Lâm Cơ Động & PCCCR Số 2	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01797/09S69
15666	S69-17767			Đội Kiểm Lâm Cơ Động & PCCCR Số 2	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01798/09S69
15667	S69-17768			Lư Thanh Điền	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01799/09S69
15668	S69-17769			Phan Văn Lúa	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01800/09S69
15669	S69-17770			Nguyễn Văn Đúng	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01801/09S69
15670	S69-17771			Từ Văn Giàu	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01802/09S69
15671	S69-17772			Nguyễn Hùng	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01803/09S69
15672	S69-17773			Nguyễn Đức Trọng	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01804/09S69
15673	S69-17774			Cao Văn Bé	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01805/09S69
15674	S69-17775			Lê Việt Hồng	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01806/09S69
15675	S69-17776			Trần Thị Lệ	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01807/09S69
15676	S69-17777			Lê Hoàng Thích	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01808/09S69
15677	S69-17778			Quách Văn Hoàng	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01809/09S69
15678	S69-17779			Nguyễn Thành Sơn	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01810/09S69
15679	S69-17780			Nguyễn Thành Niên	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01811/09S69
15680	S69-17781			Quách Văn Húi	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01812/09S69
15681	S69-17782			Nguyễn Văn Dũng	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01813/09S69
15682	S69-17783			Trần Văn Lăm	Tân Bàng, Huyện Thới Bình	17/03/2009	12/03/2010	01814/09S69
15683	S69-17784			Nguyễn Thành Đô	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01827/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15684	S69-17785	CM-17839		Nguyễn Thái Giao	Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07868/12S69
15685	S69-17786	CM-17837		Trần Thanh Vũ	Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03954/10S69
15686	S69-17787	CM-17825		Lâm Văn Bào	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01308/10S69
15687	S69-17788			Võ Trung Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	19/03/2009	14/03/2010	01831/09S69
15688	S69-17789	CM-17829		Hồ Văn Hồng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04603/12S69
15689	S69-17790	CM-17826		Lê Văn Hưởng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06005/12S69
15690	S69-17791			Trần Văn Miên	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	19/03/2009	14/03/2010	01834/09S69
15691	S69-17792			Phạm Minh Tấn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01835/09S69
15692	S69-17793			Kim Hậu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/02/2009	27/02/2010	01836/09S69
15693	S69-17794			Trần Công Đệ	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2009	14/03/2010	01837/09S69
15694	S69-17795			Mai Thanh Hùng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	19/03/2009	14/03/2010	01838/09S69
15695	S69-17796			Phạm Văn Chuôi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	19/03/2009	14/03/2010	01839/09S69
15696	S69-17797			Phạm Thanh Chở	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	19/03/2009	14/03/2010	01840/09S69
15697	S69-17798	CM-17827		Dương Văn Quang	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06548/13S69
15698	S69-17799			Trương Văn Bắc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	19/03/2009	14/03/2010	01842/09S69
15699	S69-17800	CM-17823		Dương Trung Tình	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01251/10S69
15700	S69-17801			Phạm Văn Tròn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2009	14/03/2010	01844/09S69
15701	S69-17802	CM-17819		Nguyễn Văn Cơ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00086/13S69
15702	S69-17803	CM-17813		Trịnh Thanh Liêm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05675/12S69
15703	S69-17804			Trịnh Thị Xuyên	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01847/09S69
15704	S69-17805			Du Thành Bẩy	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01848/09S69
15705	S69-17806	CM-17809		Nguyễn Văn Ngà	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00087/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15706	S69-17807			Tạ Hoàng Chiến	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01850/09S69
15707	S69-17808			Đỗ Văn Kịch	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01851/09S69
15708	S69-17809			Nguyễn Thanh Hùng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01923/09S69
15709	S69-17810			Phan Tuấn Kiệt	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	16/03/2009	16/03/2010	01816/09S69
15710	S69-17811	CM-17314		Lê Thanh Bạch	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/04/2010	16/04/2011	02046/10S69
15711	S69-17812			Huỳnh Văn Ngân	Hoà Tân, Thành Phố Cà Mau, Thành phố Cà Mau	10/06/2010	10/12/2010	03106/10S69
15712	S69-17813			Phạm Văn Việt	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01924/09S69
15713	S69-17814			Nguyễn Văn Đây	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01925/09S69
15714	S69-17815	CM-17831		Nguyễn Văn Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04550/10S69
15715	S69-17816			Huỳnh Quốc Hội	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01927/09S69
15716	S69-17817	CM-17318		Nguyễn Văn Chiến	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/06/2012	25/06/2013	03228/12S69
15717	S69-17818			Dương Văn Tươi	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/03/2009	18/03/2010	01826/09S69
15718	S69-17819			Nguyễn Văn Nhàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2009	18/03/2010	01929/09S69
15719	S69-17820	CM-17802		Nguyễn Ngọc Hân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/07/2013	17/07/2014	03554/13S69
15720	S69-17821			Lê Thanh Danh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	19/03/2009	13/03/2010	01933/09S69
15721	S69-17824	CM-17326		Cao Văn Tỷ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	12/05/2015	12/05/2016	00893/15S69
15722	S69-17825			Nguyễn Văn Hải	Trí Phải, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01942/09S69
15723	S69-17826			Lê Quốc Khải	Trí Phải, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01943/09S69
15724	S69-17827			Lữ Văn Luân	Trí Phải, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01944/09S69
15725	S69-17828			Nguyễn Văn Lào	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01945/09S69
15726	S69-17829			Đinh Văn Ôn	Trí Phải, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01946/09S69
15727	S69-17830			Phạm Viết Lộc	Trí Phải, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01947/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15728	S69-17831			Trần Quốc Khởi	Trí Phải, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01948/09S69
15729	S69-17832			Vũ Văn Vụ	Trí Phải, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01949/09S69
15730	S69-17833			Phạm Văn Hai	Trí Hải, Huyện Thới Bình	23/03/2009	18/03/2010	01950/09S69
15731	S69-17834	CM-17475		Phan Hoàng út	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	11/04/2014	11/04/2015	00962/14S69
15732	S69-17836			Trần Văn Dụ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2009	20/03/2010	01954/09S69
15733	S69-17837			Lê Công Danh	Trí Phải, Huyện Thới Bình	20/03/2009	18/03/2010	01955/09S69
15734	S69-17838	CM-17689		Trần Khắc Mẫn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	09/04/2013	09/04/2014	02097/13S69
15735	S69-17839	CM-17688		Huỳnh Bé Nhân	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/09/2009	07/09/2010	05317/09S69
15736	S69-17840			Nguyễn Văn Sinh	Đông Thới, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	01987/09S69
15737	S69-17841			Đoàn Minh Đa	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	01988/09S69
15738	S69-17842			Đặng Văn Bi	Trần Thới, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	01989/09S69
15739	S69-17843			Lê Công Bằng	Đông Hưng, Huyện Phú Tân	23/03/2009	20/03/2010	01990/09S69
15740	S69-17844			Trần Thanh Liêm	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	23/03/2009	20/03/2010	01991/09S69
15741	S69-17845			Kiều Tấn Hổ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	23/03/2009	20/03/2010	01992/09S69
15742	S69-17846			Lê Tuấn Lực	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	10/03/2011	10/03/2012	00818/11S69
15743	S69-17847			Lê Bé Sáu	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	23/03/2009	20/03/2010	01994/09S69
15744	S69-17848			Lê Thanh Phong	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	01995/09S69
15745	S69-17849	CM-17967		Trần Văn Thơi	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/04/2013	12/04/2014	02133/13S69
15746	S69-17850			Tô Thành Công	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	01997/09S69
15747	S69-17851			Lê Thị Lal	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	01998/09S69
15748	S69-17852			Trần Văn Đậm	Đông Thới, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	01999/09S69
15749	S69-17853			Nguyễn Văn Bằng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	02000/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15750	S69-17854			Nguyễn Văn Nhung	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	02001/09S69
15751	S69-17855	CM-18003		Đặng Văn Liêm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02953/10S69
15752	S69-17856			Nguyễn Văn Hải	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	02003/09S69
15753	S69-17857			Lê Chí Cường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02004/09S69
15754	S69-17858	CM-17977		Đặng Văn Nguyên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/03/2010	19/03/2011	01472/10S69
15755	S69-17859	CM-17978		Tô Chí Đoàn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2013	12/04/2014	02126/13S69
15756	S69-17860			Bùi Minh Chiêu	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02007/09S69
15757	S69-17861			Trương Văn Thành	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02008/09S69
15758	S69-17862			Đặng Văn Duyên	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02009/09S69
15759	S69-17863	CM-17995		Nguyễn Tri Phương	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01313/12S69
15760	S69-17864			Phan Hữu Nghị	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/07/2010	12/07/2011	03569/10S69
15761	S69-17865			Nguyễn Văn Khải	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/04/2010	16/04/2011	02080/10S69
15762	S69-17866			Huỳnh Văn Tàu	Đông Thới, Huyện Cái Nước	29/10/2010	29/10/2011	05476/10S69
15763	S69-17867			Lê Hoàng My	Đông Thới, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02015/09S69
15764	S69-17868			Bùi Văn Đường	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02016/09S69
15765	S69-17869			Dương Hoàng Giang	Đông Thới, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02017/09S69
15766	S69-17870			Tô Quốc Khởi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	23/03/2009	20/03/2010	02018/09S69
15767	S69-17871			Nguyễn Văn Lan	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02019/09S69
15768	S69-17872			Huỳnh Văn Thắng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02020/09S69
15769	S69-17873			Nguyễn Văn Linh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02021/09S69
15770	S69-17874			Lê Văn Lôi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02022/09S69
15771	S69-17875			Nguyễn Quốc Khởi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02023/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15772	S69-17876			Đặng Ra Băng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02024/09S69
15773	S69-17877			Lê Phước Lâm	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/03/2009	23/03/2010	02028/09S69
15774	S69-17878	CM-17702		Nguyễn Văn Bình	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	20/01/2014	20/01/2015	00239/14S69
15775	S69-17879			Nguyễn Văn Lắc	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	23/03/2009	23/03/2010	02030/09S69
15776	S69-17880	CM-17703		Trần Hoàng Huấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/08/2010	24/08/2011	04463/10S69
15777	S69-17881			Võ Phước Hiền	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04346/11S69
15778	S69-17882	CM-17700		Trần Văn Việt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/10/2010	30/09/2011	05094/10S69
15779	S69-17884			Tạ Hùng Cường	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/03/2009	20/03/2010	02040/09S69
15780	S69-17885			Tô Văn Khuân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02041/09S69
15781	S69-17886			Dương Minh Đương	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08517/12S69
15782	S69-17887			Trịnh Minh Khởi	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/03/2009	20/03/2010	02043/09S69
15783	S69-17888			Khưu Thành Tiến	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	24/03/2009	18/03/2010	02044/09S69
15784	S69-17889			Ka Minh Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02047/09S69
15785	S69-17890			Lê Long Nguyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02048/09S69
15786	S69-17891			Nguyễn Chí Cảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02049/09S69
15787	S69-17892			Trần Văn Tèo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02050/09S69
15788	S69-17893			Phan Văn Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02051/09S69
15789	S69-17894			Nguyễn Thanh Nhân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02052/09S69
15790	S69-17895			Nguyễn Văn Vương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02053/09S69
15791	S69-17896			Huỳnh Văn Gò	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02054/09S69
15792	S69-17897			Văn Phòng Xã Ủy Tân Thuận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02055/09S69
15793	S69-17898			Lê Văn Tốt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02056/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15794	S69-17899	CM-17953		Nguyễn Quốc Dân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	04/03/2013	04/03/2014	01463/13S69
15795	S69-17900			Trần Thanh Lam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02058/09S69
15796	S69-17901			Ngô Hoàng Lâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02059/09S69
15797	S69-17902			Nguyễn Văn Nghiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02060/09S69
15798	S69-17903			Trần Thanh Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02061/09S69
15799	S69-17904			Mai Minh Cảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02062/09S69
15800	S69-17905			Nguyễn Văn V ũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02063/09S69
15801	S69-17906	CM-17933		Trần Văn Bình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06705/12S69
15802	S69-17907	CM-17902		Trịnh Khởi Nghĩa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06700/12S69
15803	S69-17908			Trương Thanh Ngọt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02066/09S69
15804	S69-17909			Trịnh Hoàng Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02067/09S69
15805	S69-17910			Nguyễn Văn Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02068/09S69
15806	S69-17911			Trương Ngọc Đẹp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02069/09S69
15807	S69-17912			Phạm Minh Chiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02070/09S69
15808	S69-17913			Đặng Hồng Công	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02071/09S69
15809	S69-17914	CM-17930		Mai Thanh Ngoan	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00348/13S69
15810	S69-17915	CM-17943		Hà Văn Lâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08428/12S69
15811	S69-17916	CM-17921		Nguyễn Văn Lợi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06692/12S69
15812	S69-17917			Nguyễn Thị Đào	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02075/09S69
15813	S69-17918			Nguyễn Minh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02076/09S69
15814	S69-17919			Trần Văn Diễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02077/09S69
15815	S69-17920			Nguyễn Thị Tươi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02078/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15816	S69-17921	CM-17889		Ngô Tấn Lực	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06690/12S69
15817	S69-17922			Lương Minh Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02080/09S69
15818	S69-17924			Son Quốc Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02082/09S69
15819	S69-17925	CM-17940		Phan Minh Luân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08415/12S69
15820	S69-17926			Trịnh Hoàng Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02084/09S69
15821	S69-17927	CM-17941		Nguyễn Việt Khải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06688/12S69
15822	S69-17928			Quách Thành Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02086/09S69
15823	S69-17929	CM-17962		Nguyễn Việt Khải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06689/12S69
15824	S69-17930			Ngô Hữu Diễm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02088/09S69
15825	S69-17931			Lê Minh Đồ	Tân thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02089/09S69
15826	S69-17932	CM-17853		Nguyễn Lăng Tĩnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08409/12S69
15827	S69-17934			Ngô Hữu Kha	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02092/09S69
15828	S69-17935			Bùi Văn Chung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02093/09S69
15829	S69-17936			Lưu Hiệp Lợi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02094/09S69
15830	S69-17937			Huỳnh Văn Lắm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02095/09S69
15831	S69-17938			Trần Công Vinh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02096/09S69
15832	S69-17939	CM-17919		Phương Tấn Hảo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06702/12S69
15833	S69-17940			Lý Văn Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02098/09S69
15834	S69-17941	CM-17904		Trần Thanh Bình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00350/13S69
15835	S69-17942			Lê Văn Hội	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02100/09S69
15836	S69-17943			Nguyễn Duy Khánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02101/09S69
15837	S69-17944			Nguyễn Tấn Phát	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02102/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15838	S69-17945			Nguyễn Tấn Đạt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02103/09S69
15839	S69-17946	CM-17891		Nguyễn Hoàng Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08426/12S69
15840	S69-17947			Trương Mộng Em	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02105/09S69
15841	S69-17948			Ngô Tấn Lực	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02106/09S69
15842	S69-17949	CM-17870		Nguyễn Văn út	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/06/2013	09/06/2014	02924/13S69
15843	S69-17950			Dương Văn Dũng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06710/12S69
15844	S69-17951			Huỳnh Tuấn kiệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02109/09S69
15845	S69-17952			Lữ Thành Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02110/09S69
15846	S69-17953	CM-17936		Ngô Việt Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00353/13S69
15847	S69-17954			Nguyễn Hoàng Chiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02112/09S69
15848	S69-17955			Phan Văn Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02113/09S69
15849	S69-17956			Nguyễn Minh Hoàng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02114/09S69
15850	S69-17957			Lâm Khánh Duy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02115/09S69
15851	S69-17958			Ngô Minh Dương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02116/09S69
15852	S69-17959	CM-17925		Nguyễn Hồng Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06701/12S69
15853	S69-17960			Từ Văn Danh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/03/2009	22/03/2010	02118/09S69
15854	S69-17961			Trần Văn Biển	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02119/09S69
15855	S69-17962	CM-17880		Nguyễn Văn Đẩu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00943/14S69
15856	S69-17963	CM-17928		Lữ Hoàng Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06693/12S69
15857	S69-17964			Nguyễn Văn Tiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02122/09S69
15858	S69-17965			Tạ Văn Thức	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02123/09S69
15859	S69-17966			Tô Minh Thông	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02124/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15860	S69-17967			Nguyễn Văn Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02125/09S69
15861	S69-17968			Nguyễn Văn Danh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02126/09S69
15862	S69-17969	CM-17929		Tô Minh Lâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06696/12S69
15863	S69-17970			Tiêu Hoàng Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02128/09S69
15864	S69-17971			Trần Văn Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02129/09S69
15865	S69-17972			Phạm Ngọc Thơ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02130/09S69
15866	S69-17973	CM-17899		Trần Văn Cảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08423/12S69
15867	S69-17974	CM-17872		Nguyễn Thanh Hiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06712/12S69
15868	S69-17975	CM-17923		Nguyễn Đức Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08417/12S69
15869	S69-17976	CM-17879		Trần Hoàng Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08411/12S69
15870	S69-17977	CM-17864		Diệp Thanh Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06711/12S69
15871	S69-17978			Trần Văn Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02136/09S69
15872	S69-17979			Lê Văn Tràm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02137/09S69
15873	S69-17980			Trạm Viễn Thông Tân Thuận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02138/09S69
15874	S69-17981			Tô Chiến Trạn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02139/09S69
15875	S69-17982			Tô Văn Sử	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02140/09S69
15876	S69-17983	CM-17913		Thái Hoàng Hiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08424/12S69
15877	S69-17984			Ngô Minh Thạnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02142/09S69
15878	S69-17985			Nguyễn Văn Danh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02143/09S69
15879	S69-17986			Nguyễn Hoàng Liêm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02144/09S69
15880	S69-17987	CM-17960		Trần Văn Hận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04919/12S69
15881	S69-17988			Châu Văn Thời	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02146/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15882	S69-17989			Ngô Thành Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02147/09S69
15883	S69-17990			Nguyễn Thanh Luân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06709/12S69
15884	S69-17991	CM-17917		Nguyễn Văn Dễ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08420/12S69
15885	S69-17992			Trần Chiến Đấu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02150/09S69
15886	S69-17993			Nguyễn Văn Chơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02151/09S69
15887	S69-17994			Nguyễn Văn Loa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02152/09S69
15888	S69-17995			Nguyễn Hữu Phước	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/03/2009	22/03/2010	02153/09S69
15889	S69-17996	CM-17869		Võ Việt Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00351/13S69
15890	S69-17997			Lý Văn Nhịn	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	26/03/2009	10/03/2010	02165/09S69
15891	S69-17998	CM-17799		Lê Văn Suôi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/01/2013	05/01/2014	00217/13S69
15892	S69-18000	CM-17803		Thái Hoàng Đăng	Khóm 4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	20/06/2012	20/06/2013	02965/12S69
15893	S69-18001			Nguyễn Văn Bình	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	02176/09S69
15894	S69-18002	CM-17806		Trang Văn Rem	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06597/13S69
15895	S69-18003			Nguyễn Thanh Sơn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	02178/09S69
15896	S69-18004	CM-17805		Võ Văn Hiệp	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01431/15S69
15897	S69-18005	CM-17843		Trương Tối Triều	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2014	06/10/2015	02733/14S69
15898	S69-18006	CM-17858		Phan Văn Côn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05731/13S69
15899	S69-18007			Thang Văn Oai	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/07/2013	17/07/2014	03552/13S69
15900	S69-18008			Lê Minh Ty	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	30/03/2009	30/03/2010	02191/09S69
15901	S69-18009			Ngô Văn Sự	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07123/09S69
15902	S69-18010			Nguyễn Hoàng Vũ	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	26/03/2009	26/03/2010	02200/09S69
15903	S69-18013			Tôn Hồng Xuân Nhỏ	393 Lý Văn Lâm, P1, Thành phố Cà Mau	27/03/2009	27/03/2010	02205/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15904	S69-18014			Trương Văn Hậu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02223/09S69
15905	S69-18015			Tô Văn Khoẻ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02224/09S69
15906	S69-18016			Trương Thành Phương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02225/09S69
15907	S69-18017			Phạm Văn Thức	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02226/09S69
15908	S69-18018			Đặng Văn Đước	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02227/09S69
15909	S69-18019			Lê Quốc Việt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02228/09S69
15910	S69-18020			Trần Bá Lập	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02229/09S69
15911	S69-18021			Trịnh Thanh Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02230/09S69
15912	S69-18022	CM-18039		Nguyễn Văn Thảo	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2010	13/09/2011	04758/10S69
15913	S69-18023			Nguyễn Văn Đua	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02232/09S69
15914	S69-18024	CM-18041		Nguyễn Văn Thảo	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2010	13/09/2011	04757/10S69
15915	S69-18025			Cao Thanh Đoàn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02234/09S69
15916	S69-18026			Đỗ Văn Em	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01981/10S69
15917	S69-18027	CM-18030		Đỗ Văn Thuỳ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02648/10S69
15918	S69-18028			Châu Thanh Phương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02237/09S69
15919	S69-18029	CM-18035		Từ Văn Yên	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2015	24/04/2016	00797/15S69
15920	S69-18030			Lâm Văn Bá	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02239/09S69
15921	S69-18031			Nguyễn Chí Linh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02240/09S69
15922	S69-18032			Huỳnh Văn Trí	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02241/09S69
15923	S69-18033	CM-18037		Trần Hữu Lâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05514/09S69
15924	S69-18034			UBND xã Tam Giang Tây	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02206/09S69
15925	S69-18035			Trương Hoàng Linh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02207/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15926	S69-18036			Huỳnh Văn Liệt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02208/09S69
15927	S69-18037			Huỳnh Tươi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02246/09S69
15928	S69-18038			Ngô Minh Trí	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02247/09S69
15929	S69-18039			Văn Thành Hải	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02248/09S69
15930	S69-18040			Nguyễn Văn Phười	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02249/09S69
15931	S69-18041			Đặng Thanh Tèo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02250/09S69
15932	S69-18042			Võ Hoàng Đảm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02251/09S69
15933	S69-18043			Trần Thi Sò	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02252/09S69
15934	S69-18044	CM-18092		Nguyễn Thanh Hồng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	26/04/2011	26/04/2012	01403/11S69
15935	S69-18045			Lương Văn Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02254/09S69
15936	S69-18046	CM-18081		Huỳnh Tuấn Anh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03165/10S69
15937	S69-18047	CM-18084		Huỳnh Văn Lượm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	11/06/2011	03166/10S69
15938	S69-18048			Nguyễn Minh Đương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02257/09S69
15939	S69-18049	CM-18075		Ông Văn Sái	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01722/13S69
15940	S69-18050			Trần Thanh Trí	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02259/09S69
15941	S69-18051			Cao Thanh Lâm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02260/09S69
15942	S69-18052			Đinh Văn Nghê	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02261/09S69
15943	S69-18053			Nguyễn Văn Phát	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	22632/09S69
15944	S69-18054			Ngô Chí Thắng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02263/09S69
15945	S69-18055	CM-18088		Nguyễn Văn Lợi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01723/13S69
15946	S69-18056			Phạm Văn Thắng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02265/09S69
15947	S69-18057	CM-18093		Đoàn Văn Mười	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05072/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15948	S69-18058			Lâm Quốc Toàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02267/09S69
15949	S69-18059			Thái Bình Phước	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02268/09S69
15950	S69-18060			Nguyễn Văn Bảy	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02269/09S69
15951	S69-18061			Phan Hoàng Vinh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02270/09S69
15952	S69-18062			Tăng Bạch Đằng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02271/09S69
15953	S69-18063			Võ Trường Hận	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02272/09S69
15954	S69-18064			Võ Minh Miên	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02273/09S69
15955	S69-18065			Hồ Minh Tám	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02274/09S69
15956	S69-18066			Tô Thị Niêm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/03/2009	30/03/2010	02275/09S69
15957	S69-18067	CM-17807		Trương Văn Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/04/2013	08/04/2014	02079/13S69
15958	S69-18069			Thái Ngọc Hào	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02209/09S69
15959	S69-18070			Đỗ Chí Linh Em	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02210/09S69
15960	S69-18071			Đỗ Đức Sứ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02211/09S69
15961	S69-18072			Nguyễn Đức Thành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02212/09S69
15962	S69-18073			Phan Thanh Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02213/09S69
15963	S69-18074			Trần Triệu Vồng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02214/09S69
15964	S69-18075			Nguyễn Tính Nhiệm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02215/09S69
15965	S69-18076			Hồ Minh Cảnh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02216/09S69
15966	S69-18077			Nguyễn Văn Cường	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02217/09S69
15967	S69-18078			Trần Minh Hoàng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02218/09S69
15968	S69-18079			Bùi Tuyết Hồng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02219/09S69
15969	S69-18080			Võ Thượng An	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02220/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15970	S69-18081			Dương Văn Luận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02221/09S69
15971	S69-18082			Nguyễn Văn Đua	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/03/2009	27/03/2010	02222/09S69
15972	S69-18084	CM-17840		Thái Kim Thuý	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	19/07/2010	19/07/2011	03696/10S69
15973	S69-18085	CM-17848		Trần An Tim	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09165/12S69
15974	S69-18087	CM-17847		Hà Hoàng Lâm	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	20/05/2013	20/05/2014	02600/13S69
15975	S69-18088			Trần Văn Đảm	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	03/04/2009	03/04/2010	02299/09S69
15976	S69-18089			Nguyễn Văn Hoà	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/04/2009	02/04/2010	02300/09S69
15977	S69-18090	CM-17849		Nguyễn Văn Tèo	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03953/10S69
15978	S69-18091	CM-18132		Ngô Minh Huy	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09868/12S69
15979	S69-18092			Lê Văn Mười	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02311/09S69
15980	S69-18093	CM-18131		Phạm Trọng Triều	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09869/12S69
15981	S69-18094			Lý Văn Hoà	Khánh Hoà, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02313/09S69
15982	S69-18095			Nguyễn Thanh Trường	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02314/09S69
15983	S69-18096			Cao Văn Ty	Khánh Hòa, Huyện U Minh	01/04/2009	02/04/2010	02315/09S69
15984	S69-18097			Trần Thanh Ngoãn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02316/09S69
15985	S69-18098			Nguyễn Văn Nông	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02317/09S69
15986	S69-18099			Trà Thanh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02343/09S69
15987	S69-18100			Nguyễn Văn Hợp	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02344/09S69
15988	S69-18101			Nguyễn Văn Hân	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02345/09S69
15989	S69-18102			Nguyễn Văn Lăng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02346/09S69
15990	S69-18103			Nguyễn Văn Kiệu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	07/04/2009	07/04/2010	02356/09S69
15991	S69-18104	CM-18056		Lê Văn Nam	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2011	06/10/2012	03577/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
15992	S69-18105	CM-02364		Lê Văn Nhở	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	26/10/2010	26/10/2011	05454/10S69
15993	S69-18107			Lâm Vĩnh Lý	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	07/04/2009	07/04/2010	02365/09S69
15994	S69-18108	CM-02548	CM-02548	Nguyễn Thanh Sơn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/05/2013	16/05/2014	02562/13S69
15995	S69-18110	CM-18051		Nhang Hữu Hiếu	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	20/05/2010	20/05/2011	02725/10S69
15996	S69-18112	CM-18052		Nguyễn Hoàng Linh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	09/08/2011	09/08/2012	02647/11S69
15997	S69-18113			Đặng Văn Nghị	Khóm 4, Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/04/2009	08/04/2010	02376/09S69
15998	S69-18114	CM-03243		Hoa Văn Khánh	K3, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2009	26/11/2010	06750/09S69
15999	S69-18115			Nguyễn Hữu Phú	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	08/04/2009	08/04/2010	02380/09S69
16000	S69-18116	CM-18054		Nguyễn Hữu Phú	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	14/11/2012	14/11/2013	06760/12S69
16001	S69-18117			Trịnh Văn Tiền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02318/09S69
16002	S69-18118			Đinh Văn Đoàn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02319/09S69
16003	S69-18119	CM-18138		Đoàn Văn Tùng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03255/12S69
16004	S69-18120			Danh Thảo	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02321/09S69
16005	S69-18121			Đặng Văn Chuyển	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02322/09S69
16006	S69-18122			Mai Văn Chiêu	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02323/09S69
16007	S69-18123			Nguyễn Văn Được	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02324/09S69
16008	S69-18124			Mai Văn Khanh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02325/09S69
16009	S69-18125			Đinh Quang Vinh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02326/09S69
16010	S69-18126			Trần Văn Phúc	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02327/09S69
16011	S69-18127			Lý Thị Dêl	Khánh Hoà, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02328/09S69
16012	S69-18128			Nguyễn Đồng Thơm	Khánh Hoà, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02329/09S69
16013	S69-18129			Diệp Văn út	Khánh Hoà, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02330/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16014	S69-18130	CM-18139		Đặng Văn Huỳnh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04264/12S69
16015	S69-18131			Phạm Văn Ly	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02332/09S69
16016	S69-18132			Dương Văn Mẫn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02333/09S69
16017	S69-18133			Đặng Hoàng Giang	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02334/09S69
16018	S69-18134	CM-18130		Cao Việt Toàn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03403/10S69
16019	S69-18135	CM-18121		Trần Văn Hùng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02282/10S69
16020	S69-18136			Phùng Văn Lý	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02348/09S69
16021	S69-18137			Phùng Văn Lý	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02349/09S69
16022	S69-18138			Đoàn Văn Phỉ	Khánh Lâm, Huyện U Minh	02/04/2009	02/04/2010	02350/09S69
16023	S69-18139	CM-18095		Nguyễn Văn Liệt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/04/2010	08/04/2011	01991/10S69
16024	S69-18140			Trần Văn Lâm	Thị Tấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	09/04/2009	09/04/2010	02395/09S69
16025	S69-18141	CM-18103		Nguyễn Văn Hiếu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	26/05/2010	26/05/2011	02913/10S69
16026	S69-18142			Đinh Hoàng Sông	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	11/04/2009	11/04/2010	02407/09S69
16027	S69-18143			Đinh Hoàng Ân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	11/04/2009	11/04/2010	02408/09S69
16028	S69-18144			Trần Văn Diên	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	11/04/2009	11/04/2010	02409/09S69
16029	S69-18145			Lê Văn Thum	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/06/2010	28/06/2011	03378/10S69
16030	S69-18146			Nguyễn Văn Diên	Khóm III, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	11/04/2009	11/04/2010	02411/09S69
16031	S69-18147			Phạm Văn Minh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	11/04/2009	11/04/2010	02412/09S69
16032	S69-18148	CM-18107		Trần Anh Việt	Khóm 1, Phường 8, Thành phố Cà Mau	06/04/2011	06/04/2012	01162/11S69
16033	S69-18149			Nguyễn Văn Chung	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/04/2009	13/04/2010	02417/09S69
16034	S69-18150			Huyềnh Sông Lam	Đông Thới, Huyện Cái Nước	14/04/2009	14/04/2010	02473/09S69
16035	S69-18151			Lê Thị Non	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02949/06S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16036	S69-18152			Đỗ Minh Lương	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/04/2009	14/04/2010	02482/09S69
16037	S69-18155			Đặng Minh Hiền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02426/09S69
16038	S69-18156	CM-18185		Nguyễn Minh Tuấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06401/12S69
16039	S69-18157			Huỳnh Văn Thăng	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02428/09S69
16040	S69-18158			Huỳnh Bắc ái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/04/2009	13/04/2010	02429/09S69
16041	S69-18159			Trần Chí Cường	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/04/2009	13/04/2010	02430/09S69
16042	S69-18160			Trương Minh Phước	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02431/09S69
16043	S69-18161			Dương Văn Tư	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02432/09S69
16044	S69-18162			Trần Khánh Dư	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/04/2009	13/04/2010	02433/09S69
16045	S69-18163			Nguyễn Thanh Sang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/04/2009	13/04/2010	02434/09S69
16046	S69-18164	CM-18170		Lê Chí Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06403/12S69
16047	S69-18165	CM-18182		Đoàn Hoàng Nghi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	06/10/2010	06/10/2011	05148/10S69
16048	S69-18166			Nguyễn Thị Hồng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/04/2009	13/04/2010	02437/09S69
16049	S69-18167			Trần Chí Trung	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02438/09S69
16050	S69-18168			Nguyễn Văn Hóa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/04/2009	13/04/2010	02439/09S69
16051	S69-18169			Võ Văn Lai	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/04/2009	13/04/2010	02440/09S69
16052	S69-18170	CM-18175		Điền Văn Thuật	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07767/12S69
16053	S69-18171			Nguyễn Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02442/09S69
16054	S69-18172			Võ Văn Mẫn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02443/09S69
16055	S69-18173			Trương Văn Đứng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	15/04/2009	13/04/2010	02444/09S69
16056	S69-18174			Nguyễn Thanh Phong	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02445/09S69
16057	S69-18175	CM-18172		Tiêu Văn Tý	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06389/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16058	S69-18176	CM-18187		Lê Phương Đăng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01822/10S69
16059	S69-18177			Lê Hùng Kha	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02448/09S69
16060	S69-18178	CM-18186		Phạm Minh Huệ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06381/12S69
16061	S69-18179	CM-18156		Nguyễn Văn Chắc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06545/13S69
16062	S69-18180			Trần Toàn Thiện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02451/09S69
16063	S69-18181			Phạm Thanh Hợp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02452/09S69
16064	S69-18182	CM-18171		Trịnh Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06410/12S69
16065	S69-18183			Điền Văn Tuôn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02454/09S69
16066	S69-18184			Nguyễn Văn Thắng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02455/09S69
16067	S69-18185	CM-18169		Nguyễn Văn Tèo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06408/12S69
16068	S69-18186			Nguyễn Văn Thành	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02457/09S69
16069	S69-18187			Đặng Minh Hiền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02458/09S69
16070	S69-18188			Nguyễn Văn Đen	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02459/09S69
16071	S69-18189			Trần Việt Hoa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02460/09S69
16072	S69-18190	CM-18178		Liêu Hồng Sáu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06352/12S69
16073	S69-18191	CM-18191		Phạm Chí Nhân	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00566/14S69
16074	S69-18192			Nguyễn Thanh Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02463/09S69
16075	S69-18193	CM-18163		Huỳnh Thanh Giữ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06406/12S69
16076	S69-18194	CM-18162		Huỳnh Thanh Đình	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01085/13S69
16077	S69-18195			Phạm Thanh Bình	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02466/09S69
16078	S69-18196	CM-18173		Nguyễn Văn Tiểu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06346/12S69
16079	S69-18197	CM-18157		Phạm Trường Huấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06391/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16080	S69-18198			Lâm Văn Hon	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02469/09S69
16081	S69-18199			Hứa Hoàng Hứa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	13/04/2009	13/04/2010	02470/09S69
16082	S69-18200	CM-18188		Nguyễn Văn Sở	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08118/12S69
16083	S69-18201			Nguyễn Văn Hưng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/04/2009	15/04/2010	02499/09S69
16084	S69-18202	CM-18189		Lê Hoàng Thụ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04149/13S69
16085	S69-18204	CM-18111		Hoa Văn Khánh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/02/2012	17/02/2013	00548/12S69
16086	S69-18208			Đặng Văn Quyền	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	20/04/2009	20/04/2010	02519/09S69
16087	S69-18210			Phạm Hoàng Khéo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02533/09S69
16088	S69-18211			Phạm Thanh Đăng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2009	20/03/2010	02534/09S69
16089	S69-18212			Đỗ Văn Sinh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	21/04/2009	21/04/2010	02536/09S69
16090	S69-18214			Trần Minh Khải	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	21/04/2009	21/04/2010	02542/09S69
16091	S69-18216			Tô Văn út	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02619/09S69
16092	S69-18217			Lê Văn Mung	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	22/04/2009	22/04/2010	02550/09S69
16093	S69-18218	CM-17724		Nguyễn Văn Bạc	ấp Rạch Ruộng B, Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2010	10/05/2011	02577/10S69
16094	S69-18219			Nguyễn Công Toại	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	23/04/2009	23/04/2010	02553/09S69
16095	S69-18220	CM-17728		Nguyễn Đan Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/09/2012	04/09/2013	04627/12S69
16096	S69-18221			Hồ Văn Dự	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/04/2009	23/04/2010	02556/09S69
16097	S69-18222			Trương Văn Chậm	Khánh An, Huyện U Minh	23/04/2009	23/04/2010	02559/09S69
16098	S69-18224			Lê Văn Sơn	Khóm 9, Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	24/04/2009	24/04/2010	02562/09S69
16099	S69-18225			Lê Văn Sơn	Khóm 9, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	24/04/2009	24/04/2010	02563/09S69
16100	S69-18227			Trần Văn Sản	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	22/04/2009	22/04/2010	02567/09S69
16101	S69-18228	CM-18222		Cao Chí Linh	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	24/04/2009	24/04/2010	02572/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16102	S69-18229	CM-18249		Trần Văn Há	K7, TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00580/13S69
16103	S69-18230			Lý Văn Đức	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	24/04/2009	24/04/2010	02574/09S69
16104	S69-18231			Lâm Quốc Nở	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	24/04/2009	24/04/2010	02575/09S69
16105	S69-18232			Nguyễn Văn Cường	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	24/04/2009	24/04/2010	02576/09S69
16106	S69-18233			Lưu Chấn Lộc	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	24/04/2009	24/04/2010	02577/09S69
16107	S69-18234			Trần Minh Thuận	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	24/04/2009	24/04/2010	02578/09S69
16108	S69-18235			Nguyễn Hữu Sĩ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	24/04/2009	24/04/2010	02579/09S69
16109	S69-18236			Nguyễn Quốc Phục	Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/04/2009	24/04/2010	02580/09S69
16110	S69-18238	CM-18241		Võ Văn Đáng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/06/2011	12/06/2012	01934/11S69
16111	S69-18239			Lê Văn Bán	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	24/04/2009	24/04/2010	02583/09S69
16112	S69-18240			Phạm Văn út	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	24/04/2009	24/04/2010	02584/09S69
16113	S69-18241	CM-18247		Trần Trọng Sĩ	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	24/12/2010	24/12/2011	06292/10S69
16114	S69-18242			Trần Văn Ái	Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/04/2009	24/04/2010	02586/09S69
16115	S69-18243	CM-18208		Nguyễn Ngọc Mật	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	02/03/2012	02/03/2013	00736/12S69
16116	S69-18244	CM-18206		Nguyễn Ngọc Mật	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04338/10S69
16117	S69-18245	CM-18244		Nguyễn Ngọc Mật	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04340/10S69
16118	S69-18246	CM-18234		Nguyễn Văn Thuật	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	14/03/2012	14/03/2013	01005/12S69
16119	S69-18247			Nguyễn Văn Sót	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	25/04/2009	25/04/2010	02601/09S69
16120	S69-18248			Huỳnh Văn Lành	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	25/04/2009	25/04/2010	02602/09S69
16121	S69-18250			Võ Văn Quý	Gành Hào1, Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	27/04/2009	27/04/2010	02606/09S69
16122	S69-18251	CM-18223		Huỳnh Thanh Phong	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03681/10S69
16123	S69-18252			Nguyễn Văn Dũng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02610/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16124	S69-18253			Lê Văn Cọt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02611/09S69
16125	S69-18254			Trần Minh Tân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02612/09S69
16126	S69-18255	CM-90341		Phan Thanh Dũng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2014	10/07/2015	01848/14S69
16127	S69-18256			Bùi Ngọc Luyện	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02614/09S69
16128	S69-18257			Bùi Hữu Sáng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02615/09S69
16129	S69-18258			Trần Văn Bình	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03665/11S69
16130	S69-18259			Trần út Em	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/04/2009	26/04/2010	02617/09S69
16131	S69-18260	CM-18272		Nguyễn Văn Sen	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2010	10/07/2011	03540/10S69
16132	S69-18261	CM-17724		Dương Thị út	Khóm I, Phường 8, Thành phố Cà Mau	06/04/2012	06/04/2013	01444/12S69
16133	S69-18262			Nguyễn Văn Linh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02620/09S69
16134	S69-18263			Nguyễn Văn Trân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02621/09S69
16135	S69-18264			Trần Văn Phụng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02622/09S69
16136	S69-18265			Trần Văn Lễ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02623/09S69
16137	S69-18266			Phạm Văn Hoàng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02624/09S69
16138	S69-18267	CM-18278		Trần Văn Xiếu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	11/07/2011	11/07/2012	02303/11S69
16139	S69-18268	CM-18276		Nguyễn Chí Nguyên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06107/10S69
16140	S69-18269			Lê Văn Đăng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02627/09S69
16141	S69-18270			Châu Văn út	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02628/09S69
16142	S69-18271	CM-18266		Trương Thanh Liêm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06101/13S69
16143	S69-18272	CM-18280		Lê Văn Thắng	xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2012	27/04/2013	01823/12S69
16144	S69-18273			Ngô Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2009	27/04/2010	02652/09S69
16145	S69-18274			Nguyễn Văn Việt	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/04/2009	28/04/2010	02653/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16146	S69-18275	CM-18217		Võ Văn Quyết	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02338/10S69
16147	S69-18278			Công Ty CPXD Phúc Hậu	156, Tôn Đức Thắng, Phường 5, Thành phố Cà Mau	28/04/2009	28/04/2010	02662/09S69
16148	S69-18279	CM-18221		Danh Nu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/01/2012	06/01/2013	00114/12S69
16149	S69-18280	CM-01834		Chung Thành Liêm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2010	10/07/2011	03548/10S69
16150	S69-18281	CM-01833		Chung Thành Liêm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2011	07/08/2012	02682/11S69
16151	S69-18282	CM-90149	DNTN Minh Phát	Chung Thành Liêm	ấp Công Nghiệp, Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2011	07/08/2012	02681/11S69
16152	S69-18283	CM-01831		Chung Thành Liêm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2011	07/08/2012	02684/11S69
16153	S69-18284	CM-01830		Chung Thành Liêm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2011	07/08/2012	02683/11S69
16154	S69-18285	CM-18229		Phan Tuấn Kiệt	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	20/05/2010	20/05/2011	02726/10S69
16155	S69-18288	CM-18226		Nguyễn Hữu Lợi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09236/12S69
16156	S69-18289			Lê Thanh Tùng	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	05/05/2009	05/05/2010	02685/09S69
16157	S69-18290			Lê Thanh Tuấn	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	05/05/2009	05/05/2010	02686/09S69
16158	S69-18291			Lê Thị Loan	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/05/2009	05/05/2010	02687/09S69
16159	S69-18292			Trần Thanh Nhiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	19/05/2010	19/05/2011	02711/10S69
16160	S69-18293	CM-18237		Tô Công Bằng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	13/07/2010	13/07/2011	03621/10S69
16161	S69-18294	CM-18236		Dương Văn Trọng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05307/12S69
16162	S69-18295	CM-18253		Trương Thành Long	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/07/2013	00199/12S69
16163	S69-18296	CM-18235		Nguyễn Thị Mỹ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/12/2011	13/12/2012	04790/11S69
16164	S69-18297	CM-18289		Nguyễn Phú Bền	K7, phường 7, Thành phố Cà Mau	30/12/2014	30/12/2015	03594/14S69
16165	S69-18298	CM-03183	Phà Đặt Máy Bơm Cát (B4)	Công Ty TNHH 1 TV Xây Dựng Bảo An	Số 88, Phan Bội Châu, K3, P7, Thành phố Cà Mau	08/05/2009	08/05/2010	02704/09S69
16166	S69-18299	CM-09977		Trần Thanh Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/11/2013	07/11/2014	05697/13S69
16167	S69-18300			Nguyễn Minh Tạng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2010	10/07/2011	03542/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16168	S69-18302			Tô Văn Mưa	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	11/05/2009	11/05/2010	02709/09S69
16169	S69-18303			Trần Hữu Thọ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/05/2009	20/04/2010	02710/09S69
16170	S69-18304	CM-18293		Nguyễn Văn Định	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	09/12/2013	09/12/2014	06122/13S69
16171	S69-18305			Mai Văn Đợi	Khánh An, Huyện U Minh	17/05/2010	17/05/2011	02694/10S69
16172	S69-18306	CM-18291		Lê Vũ Trường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05125/11S69
16173	S69-18307	CM-18397		CTy Cổ Phần TVKSTK & XD Vinh Mẫn	K7, Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/11/2010	15/11/2011	05611/10S69
16174	S69-18309			Trần Văn Nhân	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	15/05/2009	24/04/2010	02734/09S69
16175	S69-18310	CM-18600		Nguyễn Văn Khởi	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00275/12S69
16176	S69-18311	CM-18297		Phan Thanh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06215/10S69
16177	S69-18312	CM-18888		Nguyễn Việt Hoài	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	16/09/2011	16/09/2012	03236/11S69
16178	S69-18313			Nguyễn Minh Triều	Định Bình, Thành phố Cà Mau	18/05/2009	18/05/2010	02746/09S69
16179	S69-18314	CM-18303		Phạm Anh Việt	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/05/2011	27/05/2012	01748/11S69
16180	S69-18315			Trần Hoàng Em	Định Bình, Thành phố Cà Mau	18/05/2009	18/05/2010	02751/09S69
16181	S69-18317	CM-18296		Trần Văn Sáu	KII, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02394/11S69
16182	S69-18318		Ghe Tải	Nguyễn Văn Định	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/05/2009	14/05/2010	02724/09S69
16183	S69-18322			Cao Văn Long	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02755/09S69
16184	S69-18323			Nguyễn Văn Phước	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02756/09S69
16185	S69-18324			Huỳnh Văn Sơn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02757/09S69
16186	S69-18325	CM-18338		Danh Sách	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2011	06/10/2012	03585/11S69
16187	S69-18326			Danh Dưỡng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02759/09S69
16188	S69-18327	CM-18391		Danh Dưỡng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00149/11S69
16189	S69-18328			Lê Văn Hưởng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02761/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16190	S69-18329			Đặng Khánh Lâm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02762/09S69
16191	S69-18330			Lê Vũ Sơn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02763/09S69
16192	S69-18331			Trương Văn Kha	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02764/09S69
16193	S69-18332			Ngô Văn Khánh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02765/09S69
16194	S69-18333			Nguyễn Văn Hùng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02766/09S69
16195	S69-18334			Lý Văn Lượm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02767/09S69
16196	S69-18335	CM-18341		Lâm Quang Thông	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	28/07/2011	28/07/2012	02501/11S69
16197	S69-18336			Phạm Minh Cần	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02769/09S69
16198	S69-18337			Lê Quốc Doanh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02770/09S69
16199	S69-18338			Nguyễn Hoàng Tánh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02771/09S69
16200	S69-18339			Tạ Văn Mộng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02772/09S69
16201	S69-18340			Thạch Minh Thành	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02773/09S69
16202	S69-18341			Thái Văn Lan	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02774/09S69
16203	S69-18342	CM-18395		Trần Minh Tựa	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03895/10S69
16204	S69-18343			Thạch Văn Tuấn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02776/09S69
16205	S69-18344			Nguyễn Thanh Liêm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02777/09S69
16206	S69-18345			Son Thị Thi	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02778/09S69
16207	S69-18346			Trần Đình Nam	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02779/09S69
16208	S69-18347			Bùi Văn Năm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02780/09S69
16209	S69-18348			Đoàn Ngọc Thiết	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02781/09S69
16210	S69-18349	CM-18335		Khưu Văn Bình	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	17/05/2011	17/05/2012	01607/02S69
16211	S69-18350			Dương Kiện Thiện	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02783/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16212	S69-18351			Nguyễn Quốc Đoàn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02784/09S69
16213	S69-18352	CM-18320		Trần Chí Nghiệm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2011	06/10/2012	03586/11S69
16214	S69-18353			Mai Văn Hớn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02786/09S69
16215	S69-18354			Lý Sung	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02787/09S69
16216	S69-18355			Lê Văn Quyết	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02788/09S69
16217	S69-18356			Từ Văn Ái	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02789/09S69
16218	S69-18357			Trần Văn Nhựt	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02790/09S69
16219	S69-18358			Phan Văn Quang	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02791/09S69
16220	S69-18359			Trần Thanh Đăng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02792/09S69
16221	S69-18360			Nguyễn Thương Anh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02793/09S69
16222	S69-18361			Danh Quy Rép	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02794/09S69
16223	S69-18362			Lý Văn Giới	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02795/09S69
16224	S69-18363			Trần Văn Truyền	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02796/09S69
16225	S69-18364			Trường Tiểu Học Nông Trường 402	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02797/09S69
16226	S69-18365			Danh Tinh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02798/09S69
16227	S69-18366			Trần Hoàng Thắng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02799/09S69
16228	S69-18367			Trần Quốc Thạch	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02800/09S69
16229	S69-18368			Nguyễn Việt Hưng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02801/09S69
16230	S69-18369			Nguyễn Việt Hưng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02802/09S69
16231	S69-18370	CM-18353		Nguyễn Văn Tám	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03898/10S69
16232	S69-18371			Nguyễn Văn Tám	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02804/09S69
16233	S69-18372			Huỳnh Thị Tiên	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02805/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16234	S69-18373			Nguyễn Thanh Trúc	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02806/09S69
16235	S69-18374			Nguyễn Thanh Toàn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02807/09S69
16236	S69-18375			Nguyễn Tấn Đạt	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02808/09S69
16237	S69-18376			Lý Văn Pha	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02809/09S69
16238	S69-18377			Phạm Văn Tuyển	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02810/09S69
16239	S69-18378	CM-18326		Nguyễn Văn Người	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2011	01/12/2012	04543/11S69
16240	S69-18379			Đỗ Viết Viên	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02812/09S69
16241	S69-18380			Đặng Văn Đọt	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02813/09S69
16242	S69-18381			Hồ Văn Cò	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02814/09S69
16243	S69-18382			Nguyễn Văn Vui	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02815/09S69
16244	S69-18383			Nguyễn Văn Vui	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02816/09S69
16245	S69-18384			Trần Văn Ngưng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02817/09S69
16246	S69-18385			Trần Văn Ngưng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02818/09S69
16247	S69-18386	CM-18329		Nguyễn Văn Kiệp	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	27/12/2013	27/12/2014	06394/13S69
16248	S69-18387			Phan Văn Thu	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02820/09S69
16249	S69-18388			Trần Thiết Học	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02821/09S69
16250	S69-18389			Lê Văn Phương	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02822/09S69
16251	S69-18390			Lê Văn Tấn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02823/09S69
16252	S69-18391			Lê Văn Tấn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02824/09S69
16253	S69-18392			Nguyễn Văn Tường	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02825/09S69
16254	S69-18393			Lâm Quốc Trung	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02826/09S69
16255	S69-18395			Phạm Thành Long	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02828/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16256	S69-18396	CM-18386		Nguyễn Phương Nam	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06143/13S69
16257	S69-18397			Huỳnh Văn Kính	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02830/09S69
16258	S69-18398			Đặng Văn Nhẹ	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/05/2009	15/05/2010	02831/09S69
16259	S69-18399			Trần Văn Đoàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/05/2009	19/05/2010	02835/09S69
16260	S69-18400	CM-18383		Tăng Vũ Phong	Khóm 5, Phường 6, Thành phố Cà Mau	17/01/2013	17/01/2014	00626/13S69
16261	S69-18401	CM-18302		Trương Minh Hải	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06342/12S69
16262	S69-18402	CM-18300		Bùi Thanh Phúc	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	23/08/2011	23/08/2012	02885/11S69
16263	S69-18404			Nguyễn Văn Thanh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	26/05/2010	26/05/2011	02915/10S69
16264	S69-18406	CM-18309		Huỳnh Chí Ngoan	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02989/11S69
16265	S69-18407	CM-18310		Võ Văn Tình	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02384/13S69
16266	S69-18408	CM-18308		Nguyễn Quốc Truyền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09458/12S69
16267	S69-18409	CM-18306		Thạch Văn Quý	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03657/11S69
16268	S69-18410			UBND Xã Tân Hưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02855/09S69
16269	S69-18411			Từ Văn Vện	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02856/09S69
16270	S69-18412			Từ Văn Vện	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02857/09S69
16271	S69-18413			Nguyễn Văn Khang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02858/09S69
16272	S69-18414			Nguyễn Văn Lâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02859/09S69
16273	S69-18415			Võ Văn út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02860/09S69
16274	S69-18416			Huỳnh Văn Tẩu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02861/09S69
16275	S69-18417	CM-18402		Lâm Bá Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04088/12S69
16276	S69-18418			Lâm Hoài Hận	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02863/09S69
16277	S69-18419			Từ Văn Toàn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02864/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16278	S69-18420			Nguyễn Văn Ngữ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02865/09S69
16279	S69-18421			Nguyễn Văn Phĩ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02866/09S69
16280	S69-18422			Nguyễn Văn Đỉnh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02867/09S69
16281	S69-18423	CM-18410		Lý Văn Phúc	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	06/12/2013	06/12/2014	06110/13S69
16282	S69-18424			Nguyễn Sơn Vàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02869/09S69
16283	S69-18425			Biện Văn út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02870/09S69
16284	S69-18426	CM-18415		Lâm Văn Dừng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03543/12S69
16285	S69-18427	CM-18418		Trần Văn Quới	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03882/13S69
16286	S69-18428			Trần Phương Thuỳ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02873/09S69
16287	S69-18429			Nguyễn Văn Thống	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02874/09S69
16288	S69-18430	CM-18409		Phạm Văn Ngon	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05100/10S69
16289	S69-18431	CM-18420		Nguyễn Văn út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05089/12S69
16290	S69-18432	CM-18416		Trần Hoàng Kiệm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/06/2010	08/06/2011	03098/10S69
16291	S69-18433			Đặng Hoàng Vui	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02883/09S69
16292	S69-18434	CM-18454		Võ Văn Phong	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03682/10S69
16293	S69-18435			Trần Ngọc Tính	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02885/09S69
16294	S69-18436			Trần Văn Tiến	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02886/09S69
16295	S69-18438			Hồ Văn Thả	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02888/09S69
16296	S69-18439			Nguyễn Văn Huyền	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02889/09S69
16297	S69-18440			Lê Thanh Tùng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02890/09S69
16298	S69-18441			Lê Văn Thọ	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02891/09S69
16299	S69-18442			Trần Tèo Anh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02892/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16300	S69-18443			Đình Công Thành	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02893/09S69
16301	S69-18444			Tô Minh Nhị	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02894/09S69
16302	S69-18445			Nguyễn Văn Bằng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02895/09S69
16303	S69-18446	CM-18445		Phạm Hữu Ly	Tân Hải, Huyện Phú Tân	23/01/2013	23/01/2014	00900/13S69
16304	S69-18447			Phạm Hữu Nghĩa	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02897/09S69
16305	S69-18448			Huỳnh Văn Thành	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02898/09S69
16306	S69-18449			Nguyễn Văn Hường	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02899/09S69
16307	S69-18450			Phan Quốc Sử	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02900/09S69
16308	S69-18451			Ngô Tấn Thi	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02901/09S69
16309	S69-18452			Ngô Minh Dương	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02902/09S69
16310	S69-18453			Mai Thanh Phong	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02903/09S69
16311	S69-18454	CM-18455		Võ Thanh Lập	K1, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00273/12S69
16312	S69-18455			Nguyễn Văn Hao	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02905/09S69
16313	S69-18456			Phan Thanh Chuyên	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02906/09S69
16314	S69-18457			Lê Thanh Vũ	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02907/09S69
16315	S69-18458			Nguyễn Thanh Tùng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02908/09S69
16316	S69-18459			Nguyễn Thùng Anh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02909/09S69
16317	S69-18460			Lương Minh Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02910/09S69
16318	S69-18461	CM-18443		Tô Hoàng Luận	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04808/10S69
16319	S69-18463		Ghe Tải	DNTN Ngọc Lệ	144D, Quang Trung K 5, P 5, Thành phố Cà Mau	15/05/2009	15/05/2010	02919/09S69
16320	S69-18465	CM-18314		Lê Văn Vũ	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/11/2013	16/11/2014	05802/13S69
16321	S69-18466	CM-18315		Dương Văn Quận	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/03/2011	04832/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16322	S69-18467	CM-18399		Đặng Hòa An	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	06/11/2012	06/11/2013	06066/12S69
16323	S69-18468			Nguyễn Văn Toàn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/05/2009	20/05/2010	02935/09S69
16324	S69-18469			Lê Hoàng An	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02940/09S69
16325	S69-18470			Nguyễn Văn Bảy	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02941/09S69
16326	S69-18471			Nguyễn Minh Chiến	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02942/09S69
16327	S69-18472			Phạm Văn Trạn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02943/09S69
16328	S69-18473			Nguyễn Văn Ngạn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02944/09S69
16329	S69-18474			Trần Văn Tranh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02945/09S69
16330	S69-18475			Văn Văn Cẩn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02946/09S69
16331	S69-18476			Nguyễn Văn Mộng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02947/09S69
16332	S69-18477			Phạm Văn Sông	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02948/09S69
16333	S69-18478			Bùi Văn Hoàng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02949/09S69
16334	S69-18479			Nguyễn Văn út	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02950/09S69
16335	S69-18480			Trần Thị Mười	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02951/09S69
16336	S69-18481			Lê Văn Hưng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02952/09S69
16337	S69-18482			Huỳnh Tuấn Thanh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02953/09S69
16338	S69-18483			Võ Thanh Tùng	Vệt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02954/09S69
16339	S69-18484			Lê Văn Đình	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02955/09S69
16340	S69-18485			Dương Văn Tới	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02956/09S69
16341	S69-18486			Dương Văn Thọ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/05/2009	20/05/2010	02957/09S69
16342	S69-18487	CM-18505		Đặng Văn Giang	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/11/2013	12/11/2014	05766/13S69
16343	S69-18488			Nguyễn Minh Truyền	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02959/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16344	S69-18489			Võ Thị Bé	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02960/09S69
16345	S69-18490			Hồ Văn Noi	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02961/09S69
16346	S69-18491			Trần Văn Vũ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02962/09S69
16347	S69-18492			Trương Minh Tính	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02963/09S69
16348	S69-18493			Lâm Thị Bé Hai	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02964/09S69
16349	S69-18494			Nguyễn Minh Gòn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02965/09S69
16350	S69-18495			Nguyễn Quốc Thái	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02966/09S69
16351	S69-18496	CM-18501		Tiết Thanh Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	26/11/2010	26/11/2011	05799/10S69
16352	S69-18497			Phan Quốc Toàn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02968/09S69
16353	S69-18498			Lâm Thị Bé Hai	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02969/09S69
16354	S69-18499			Nguyễn Văn Hậu	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/05/2009	23/05/2010	02970/09S69
16355	S69-18500	CM-18495		Huỳnh Văn Nguyễn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	01/11/2011	01/11/2012	04035/11S69
16356	S69-18501	CM-18496		Phạm Thái Bình	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/07/2010	20/07/2011	03808/10S69
16357	S69-18502			Trương Văn Đấu	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	26/05/2009	26/05/2010	02980/09S69
16358	S69-18503			Trần Trường Giang	Khóm 4, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	26/05/2009	26/05/2010	02982/09S69
16359	S69-18504			Phạm Văn Ly	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03045/09S69
16360	S69-18505			Phạm Văn Trường	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03046/09S69
16361	S69-18506			Trần Việt Tiên	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03047/09S69
16362	S69-18507			Lê Văn Ba	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03048/09S69
16363	S69-18508			Phạm Văn Phó	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03049/09S69
16364	S69-18509			Nguyễn Hải Đăng	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03050/09S69
16365	S69-18510			Doãn Việt Toàn	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03051/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16366	S69-18511			Trương Văn Pha	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03052/09S69
16367	S69-18512			Phan Chí Linh	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03053/09S69
16368	S69-18513			Trần Văn Tuấn	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03054/09S69
16369	S69-18514			Triệu Hoàng Dũng	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03055/09S69
16370	S69-18515			Đào Văn Đây	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03056/09S69
16371	S69-18516			Phan Vũ Linh	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03057/09S69
16372	S69-18517			Đào Văn Gội	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03058/09S69
16373	S69-18518			Nguyễn Văn Mum	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03059/09S69
16374	S69-18519			Trần Văn Quen	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03060/09S69
16375	S69-18520	CM-18541		Nguyễn Thị Liễu	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03061/09S69
16376	S69-18521			Đỗ Văn Chiến	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03062/09S69
16377	S69-18522	CM-18558		Nguyễn Văn Định	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/08/2013	27/02/2014	04042/13S69
16378	S69-18526			Trần Hồng Phương	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02988/09S69
16379	S69-18527			Nguyễn Văn Sang	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02989/09S69
16380	S69-18528			Phạm Văn Tèo	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02990/09S69
16381	S69-18529			Nguyễn Thị Ngọt	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02991/09S69
16382	S69-18530			Bùi Văn út	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02992/09S69
16383	S69-18531			Võ Văn Dạn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02993/09S69
16384	S69-18532			Trần Trương Thoại	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02994/09S69
16385	S69-18533			Phạm Minh Hùng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02995/09S69
16386	S69-18534			Nguyễn Thái Lam	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02996/09S69
16387	S69-18535			Đỗ Sếp Phơ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02997/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16388	S69-18536			Nguyễn Văn Hầy	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02998/09S69
16389	S69-18537			Trần Thị Thủy	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	02999/09S69
16390	S69-18538			Trương Văn Nền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03000/09S69
16391	S69-18539			Danh Thanh Hưởng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03001/09S69
16392	S69-18540			Dương Hoàng Diệu	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03002/09S69
16393	S69-18541			Nguyễn Bảo Đức	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03003/09S69
16394	S69-18542			Võ Hùng Hoa	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03004/09S69
16395	S69-18543			Lê Trường Sơn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03005/09S69
16396	S69-18544			Phạm Thanh Điền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03006/09S69
16397	S69-18545			Trần Văn Nhiệt	Khánh Hòa, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03007/09S69
16398	S69-18546			Nguyễn Văn Có	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03008/09S69
16399	S69-18547			Huỳnh Văn Đua	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03009/09S69
16400	S69-18548			Nguyễn Hoàng Linh	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03010/09S69
16401	S69-18549			Trần Thanh Tâm	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03011/09S69
16402	S69-18550			Trần Văn Cai	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03012/09S69
16403	S69-18551			Phạm Văn Oai	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03013/09S69
16404	S69-18552			Nguyễn Văn Đơm	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03014/09S69
16405	S69-18553			Nguyễn Phương Nam	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03015/09S69
16406	S69-18554			Nguyễn Văn Sáng	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/05/2009	26/05/2010	03016/09S69
16407	S69-18555			Trần Ngọc Lợi	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03017/09S69
16408	S69-18556			Lê Hoàng Lung	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03018/09S69
16409	S69-18557			Nguyễn Quốc Duy	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03019/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16410	S69-18558			Phạm Minh Tiền	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03020/09S69
16411	S69-18559			Lý Văn Khả	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03021/09S69
16412	S69-18560			Phan Văn út	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03022/09S69
16413	S69-18561			Phạm Chí Dũng	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03023/09S69
16414	S69-18562			Lữ Minh Hoàng	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03024/09S69
16415	S69-18563			Phạm Văn Thượng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03025/09S69
16416	S69-18564			Đoàn Văn Thới	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03026/09S69
16417	S69-18565			Võ Văn Đảo	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03027/09S69
16418	S69-18566			Trần Văn Hiếu	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03028/09S69
16419	S69-18567			Trần Văn Dương	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03029/09S69
16420	S69-18568	CM-18560		Phạm Quyết Thắng	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03374/12S69
16421	S69-18569			Nguyễn Văn Linh	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03031/09S69
16422	S69-18570			Đoàn Văn Sai	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03032/09S69
16423	S69-18571			Nguyễn Ngọc Thủy	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03033/09S69
16424	S69-18572			Quách Văn Phải	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03034/09S69
16425	S69-18573			Trần Văn Ga	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03035/09S69
16426	S69-18574			Nguyễn Hoàng Cương	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03036/09S69
16427	S69-18575			Nguyễn Văn Ngọc	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03037/09S69
16428	S69-18576	CM-18572		Lê Hoàng Sơn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03372/12S69
16429	S69-18577			Nguyễn Văn Lắm	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03039/09S69
16430	S69-18578			Trần Thị Phụng	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03040/09S69
16431	S69-18579			Nguyễn Văn Năm	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03041/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16432	S69-18580			Lương Văn Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03089/09S69
16433	S69-18581			Nguyễn Minh Nhựt	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03043/09S69
16434	S69-18582	CM-18559		Doãn Tuyết Hằng	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03377/12S69
16435	S69-18583	CM-18456		Đình Hoàng Hương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03496/11S69
16436	S69-18584	CM-18459		Nguyễn Văn Đây	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	03/01/2014	03/01/2015	00010/14S69
16437	S69-18585	CM-18457		Ngô Văn Cửa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	03/08/2012	03/08/2013	04217/12S69
16438	S69-18586	CM-18464		Lê Thị Muội	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/10/2011	24/10/2012	03809/11S69
16439	S69-18587			Lư Văn Tuy	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03086/09S69
16440	S69-18588	CM-18677		Dỗ Quốc Đoàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01540/13S69
16441	S69-18589			Bùi Văn Minh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03088/09S69
16442	S69-18591			Nguyễn Bình Trị	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03090/09S69
16443	S69-18592			Châu Văn Bắc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03091/09S69
16444	S69-18593			Võ Văn Vũ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03092/09S69
16445	S69-18594			Lư Thị Diệu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03093/09S69
16446	S69-18595	CM-18710		Phạm Hữu Lợi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03211/12S69
16447	S69-18596			Đỗ Hoàng Đến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03095/09S69
16448	S69-18597			Đỗ Văn Thâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03096/09S69
16449	S69-18598			Lê Thị Nhanh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03097/09S69
16450	S69-18599			Lê Văn Hận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03098/09S69
16451	S69-18600			Lư Thị Tươi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03099/09S69
16452	S69-18601			Lâm Bảo An	Định Bình, Thành phố Cà Mau	26/05/2009	26/05/2010	03063/09S69
16453	S69-18602			Tô Hồng Thanh	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	27/05/2009	27/05/2010	03064/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16454	S69-18603			Nguyễn Văn Phúc	Phường 7, Thành phố Cà Mau	27/05/2009	27/05/2010	03066/09S69
16455	S69-18604	CM-18630		Phạm Minh Kiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	12/12/2011	12/12/2012	04855/11S69
16456	S69-18606	CM-18662		Nguyễn Thị Phil	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03196/12S69
16457	S69-18607			Phạm Công Cuộc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03101/09S69
16458	S69-18608			Phạm Thanh Nhân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03102/09S69
16459	S69-18609			Hứa Minh Nguyễn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03103/09S69
16460	S69-18610			Hứa Văn Năng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03104/09S69
16461	S69-18611			Trần Văn Xê	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03105/09S69
16462	S69-18612			Trần Văn An	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03106/09S69
16463	S69-18613			Lê Văn Hoài	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03107/09S69
16464	S69-18614			Vũ Việt Đăng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03108/09S69
16465	S69-18615			Võ Tuyết Bạc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03109/09S69
16466	S69-18616			Huỳnh Khuôi Anh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	04/06/2010	03110/09S69
16467	S69-18617	CM-18654		Ngô Quốc Mai	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03225/12S69
16468	S69-18618	CM-18726		Nguyễn Thanh Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03195/12S69
16469	S69-18619			Nguyễn Văn Đặng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03113/09S69
16470	S69-18620			Nguyễn Văn Mau	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03114/09S69
16471	S69-18621	CM-18734		Nguyễn Văn Thoảng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03187/12S69
16472	S69-18622			Trần Văn Thị	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03116/09S69
16473	S69-18623			Dương Văn Đồi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03117/09S69
16474	S69-18624			Dương Văn Mới	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03118/09S69
16475	S69-18625			Dương Văn Hận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03119/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16476	S69-18626	CM-18644		Trần Trọng Nguyễn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03421/12S69
16477	S69-18627			Nguyễn Văn Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03121/09S69
16478	S69-18628			Châu Văn Thi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03122/09S69
16479	S69-18629			Thái Hoàng Thoáng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03123/09S69
16480	S69-18630			Nguyễn Quốc Việt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03124/09S69
16481	S69-18631			Nguyễn Thị Thắm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03125/09S69
16482	S69-18632	CM-18646		Lê Chí Nguyễn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03198/12S69
16483	S69-18633			Nguyễn Văn Được	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03127/09S69
16484	S69-18634			Lý út Mười	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03128/09S69
16485	S69-18635			Phan Cẩm Hồng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03129/09S69
16486	S69-18636			Nguyễn Văn Nhiều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03130/09S69
16487	S69-18637			Nguyễn Trường Sơn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03131/09S69
16488	S69-18638			Thái Văn Pha	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03132/09S69
16489	S69-18639			Lư Văn Tới	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03133/09S69
16490	S69-18640			Nguyễn Văn Giang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03134/09S69
16491	S69-18641			Thái Văn Triều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03135/09S69
16492	S69-18642			Nguyễn Văn Hùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03136/09S69
16493	S69-18643			Lư Hoàng Trang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03137/09S69
16494	S69-18644			Phan Việt Kiều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03138/09S69
16495	S69-18645	CM-18657		Lý Văn Hoàng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03221/12S69
16496	S69-18646			Trịnh Thanh Thoáng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03140/09S69
16497	S69-18647			NguyễnThanh Trường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03141/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16498	S69-18648	CM-18649		Nguyễn Văn Phơ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03191/12S69
16499	S69-18649			Võ Văn Hiệp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03143/09S69
16500	S69-18650	CM-18729		Trần Văn Ngọc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02872/13S69
16501	S69-18651			Nguyễn Văn Dũng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03145/09S69
16502	S69-18652			Ngô Quốc Khánh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03146/09S69
16503	S69-18653			Trần Hùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03147/09S69
16504	S69-18654			Dương Minh Đức	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03148/09S69
16505	S69-18655			Lâm Quang Thái	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03149/09S69
16506	S69-18656	CM-18694		Nguyễn Chí Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04241/12S69
16507	S69-18657			Nguyễn Văn Sòl	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03151/09S69
16508	S69-18658			Đỗ Văn Dẫn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03152/09S69
16509	S69-18659			Đỗ Văn Khấp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03153/09S69
16510	S69-18660			Huỳnh Văn Điền	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03154/09S69
16511	S69-18661			Lâm Tuấn Nghĩa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03155/09S69
16512	S69-18662	CM-18632		Ngô Tấn Đức	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03420/12S69
16513	S69-18663			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03157/09S69
16514	S69-18664			Lư Quốc Ngoãn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03158/09S69
16515	S69-18665			Đoàn Minh Lắm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03159/09S69
16516	S69-18666			Đoàn Minh Lắm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03160/09S69
16517	S69-18667			Ngô Quốc Hương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03161/09S69
16518	S69-18668			Nguyễn Văn Le	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03162/09S69
16519	S69-18669			Võ Thanh Phong	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03163/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16520	S69-18670			Trương Gia Mẫn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03164/09S69
16521	S69-18671			Trạm Viễn Thông Xã Khánh Tiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03165/09S69
16522	S69-18672			Thái Văn Giang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03166/09S69
16523	S69-18673	CM-18669		Trương Văn Vui	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03224/12S69
16524	S69-18674	CM-18670		Hứa Văn Chào	Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/06/2012	24/06/2013	03203/12S69
16525	S69-18675			Bùi Văn Lắm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03169/09S69
16526	S69-18676			Nguyễn Dư	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03170/09S69
16527	S69-18677			Ngô Mạnh Huỳnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03171/09S69
16528	S69-18678			Lê Văn Đèo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03172/09S69
16529	S69-18679	CM-18679		Nguyễn Văn Tình	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03219/12S69
16530	S69-18680			Nguyễn Văn Dũng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03174/09S69
16531	S69-18681			Lê Thành Sỏi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03175/09S69
16532	S69-18682			Trần Văn Tròn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03176/09S69
16533	S69-18683			Đoàn Công Minh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03177/09S69
16534	S69-18684			Huỳnh Anh Cường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/06/2009	29/05/2010	03178/09S69
16535	S69-18685			Lê Kim Thoa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03179/09S69
16536	S69-18686			Nguyễn Chí Lộng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03180/09S69
16537	S69-18687			Lâm Minh Chí	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03181/09S69
16538	S69-18688			Nguyễn Thanh Phong	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03182/09S69
16539	S69-18689	CM-18721		Ngô Văn Trung	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03214/12S69
16540	S69-18690			Trương Khắc Giữ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/05/2009	29/05/2010	03184/09S69
16541	S69-18691	CM-18703		Lý Văn Báo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03193/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16542	S69-18692			Nguyễn Văn Năm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/06/2009	01/06/2010	03190/09S69
16543	S69-18693			Phạm Văn Tốt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/06/2009	01/06/2010	03191/09S69
16544	S69-18694			Trần Thanh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/06/2009	01/06/2010	03192/09S69
16545	S69-18695	CM-18472		Trịnh Văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	02/06/2010	02/06/2011	03061/10S69
16546	S69-18696			Văn Bình Nghiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	02/06/2009	02/06/2010	03208/09S69
16547	S69-18697	CM-18469		Võ Văn Đăng	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/05/2015	27/05/2016	01000/15S69
16548	S69-18698	CM. 18470		Trần Văn Có	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	25/01/2010	25/07/2010	00453/10S69
16549	S69-18699			Lý Văn Khen	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	03/06/2009	03/06/2010	03215/09S69
16550	S69-18700			Trần Trung Hoan	Trí Phải, Huyện Thới Bình	03/06/2009	03/06/2010	03217/09S69
16551	S69-18701	CM-18473		Trần Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	21/12/2012	21/12/2013	09651/12S69
16552	S69-18703			Lê Thị Kiều Oanh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2009	26/05/2010	03228/09S69
16553	S69-18704	CM-18516		Huỳnh Văn Nông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	20/06/2011	20/06/2012	01999/11S69
16554	S69-18705			Nguyễn Văn Phú	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	04/06/2009	04/06/2010	03231/09S69
16555	S69-18707	CM-18515		Nguyễn Văn Việt	Trí Phải, Huyện Thới Bình	07/10/2011	07/10/2012	03593/11S69
16556	S69-18708			Nguyễn Văn Hùng	K5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	05/06/2009	05/06/2010	03239/09S69
16557	S69-18709	Cm-18761		Trần Văn Nhó	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	23/11/2009	23/11/2010	06715/09S69
16558	S69-18710			Lê Thanh Lai	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	04/06/2009	04/06/2010	03246/09S69
16559	S69-18711			Trần Văn Vở	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	05/06/2009	05/06/2010	03247/09S69
16560	S69-18712			Nguyễn Văn Thống	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	05/06/2009	05/06/2010	03249/09S69
16561	S69-18713	CM-18621		Huỳnh Văn Tâm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03788/12S69
16562	S69-18714			Nguyễn Văn Khuyến	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/06/2009	05/06/2010	03251/09S69
16563	S69-18715	CM-18619		Phan Việt Suối	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2012	24/04/2013	01799/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16564	S69-18716			Lê Thanh Tuấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	05/06/2009	05/06/2010	03253/09S69
16565	S69-18717	CM-18617		Võ Văn Thái	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02825/10S69
16566	S69-18718			Nguyễn Văn Khải	Trần Thới, Huyện Cái Nước	05/06/2009	05/06/2010	03255/09S69
16567	S69-18719	CM-01688		Châu Hoàng An	KI, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/10/2010	20/10/2011	05421/10S69
16568	S69-18720	CM-18569		Nguyễn Văn Châu	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	12/07/2010	12/07/2011	03554/10S69
16569	S69-18721	CM-18613		Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	04/08/2010	04/08/2011	04035/10S69
16570	S69-18722	CM-18602		Lâm Ngọc Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	16/01/2013	16/01/2014	00583/13S69
16571	S69-18723			Trịnh Minh Hà	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03690/10S69
16572	S69-18724			Nguyễn Văn Dũng	Định Bình, Thành phố Cà Mau	09/06/2009	09/06/2010	03279/09S69
16573	S69-18725	CM-18597		Trương Văn Tĩnh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2011	16/11/2012	04260/11S69
16574	S69-18726			Trịnh Văn Giá	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	10/06/2009	10/06/2010	03285/09S69
16575	S69-18727			Phù Văn út	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	10/06/2009	10/06/2010	03286/09S69
16576	S69-18728			Huỳnh Văn Liệt	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	10/06/2009	10/06/2010	03287/09S69
16577	S69-18729	CM-18603		Từ Văn Khương	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	12/01/2015	12/01/2016	00063/15S69
16578	S69-18730			Huỳnh Quang Bá	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	10/06/2009	10/06/2010	03293/09S69
16579	S69-18731	CM-18601		Ngô Hùng Hổ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05303/12S69
16580	S69-18732			Phan Văn Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	11/06/2009	11/06/2010	03298/09S69
16581	S69-18733			Phan Văn Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	25/10/2012	25/10/2013	05808/12S69
16582	S69-18734			Nguyễn Việt Triều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	11/06/2009	11/06/2010	03302/09S69
16583	S69-18735			Nguyễn Văn An	Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	11/06/2009	11/06/2010	03304/09S69
16584	S69-18736			Lê Hoàng Định	31/8 Lâm Thành Mậu, Thành phố Cà Mau	11/06/2009	11/06/2010	03305/09S69
16585	S69-18737	CM-18655		Nguyễn Văn Sơn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2013	26/11/2014	05910/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16586	S69-18739			Phạm Hoàng Lộ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/06/2009	15/06/2010	03317/09S69
16587	S69-18740	CM-18629		Trương Hiền Thương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02494/10S69
16588	S69-18741			Ông Văn Tỷ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	15/06/2010	03320/09S69
16589	S69-18742	CM-18627		Tạ Văn Beo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02608/11S69
16590	S69-18743	CM-18622		Ngô Trường Dậm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	19/10/2010	19/10/2011	05235/10S69
16591	S69-18744			Trương Việt Luyến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/06/2009	15/06/2010	03325/09S69
16592	S69-18745			Trần Vũ Linh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/06/2009	15/06/2010	03329/09S69
16593	S69-18746	CM : 18623		Trương Văn Quốc	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	16/07/2010	16/07/2011	03643/10S69
16594	S69-18747			Hồ Văn Nhum	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/06/2009	15/06/2010	03331/09S69
16595	S69-18748			Hồng Thanh Cường	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03335/09S69
16596	S69-18749			Dương Văn Tốt	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	17/06/2009	17/06/2010	03336/09S69
16597	S69-18750			Bùi Văn út	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03337/09S69
16598	S69-18751			Quảng Thanh Triều	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03338/09S69
16599	S69-18752			Bùi Văn Nhung	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03339/09S69
16600	S69-18753			Huỳnh Chí Toàn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03340/09S69
16601	S69-18754			Nguyễn Tấn Công	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03341/09S69
16602	S69-18755			Phạm Hoàng Phương	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03342/09S69
16603	S69-18756			Phan Tấn Kiệt	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03343/09S69
16604	S69-18757			Nguyễn Văn Thương	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03344/09S69
16605	S69-18758			Nguy Thị Mận	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03345/09S69
16606	S69-18759			Phan Văn Dũng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03346/09S69
16607	S69-18761			Cao Tấn Cẩm	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	17/06/2010	03348/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16608	S69-18762			Huỳnh Việt Thắng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03352/09S69
16609	S69-18763			Võ Minh Thống	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03349/09S69
16610	S69-18764			Lê Văn Chinh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03350/09S69
16611	S69-18765			Lưu Đăng Minh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03351/09S69
16612	S69-18766			Tô Ngọc Hiện	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03353/09S69
16613	S69-18767			Dương Quốc Hưng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03354/09S69
16614	S69-18768	CM-18839		Đoàn Trường An	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/09/2012	16/09/2013	04783/12S69
16615	S69-18769			Phạm Chí Quân	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03356/09S69
16616	S69-18770			Đặng Quốc Tợ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03357/09S69
16617	S69-18771			Cao Chí Hoàng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03358/09S69
16618	S69-18772			Phan Văn Hoàng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03359/09S69
16619	S69-18773			Lê Thanh Mộng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03360/09S69
16620	S69-18774			Đỗ Văn Dự	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03361/09S69
16621	S69-18775			Dương Tấn Hòa	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03362/09S69
16622	S69-18776			Trần Văn Dũng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03363/09S69
16623	S69-18777			Tiêu Văn Lợi	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03364/09S69
16624	S69-18778			Đoàn Chí Nguyễn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03365/09S69
16625	S69-18779			Trương Hoàng Giang	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03366/09S69
16626	S69-18780			Lê Tấn Tài	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03367/09S69
16627	S69-18781			Nguyễn Hoàng Khải	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03368/09S69
16628	S69-18782			Bùi Minh Hùng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03369/09S69
16629	S69-18783			Phạm Thị Đẹp	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/06/2009	13/06/2010	03370/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16630	S69-18786	CM-18695		Lê Quốc Thống	Quách Phẩm`, Huyện Đầm Dơi	21/10/2014	21/10/2015	02823/14S69
16631	S69-18787	CM-18740		Nguyễn Văn Hòa	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	24/02/2012	24/02/2013	00604/12S69
16632	S69-18789	CM-18739		Nguyễn Văn Thương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	11/02/2014	11/02/2015	00383/14S69
16633	S69-18790			Phạm Văn Mới	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	17/06/2009	17/06/2010	03387/09S69
16634	S69-18791		Ghe Tải	Trần Văn Hốt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	17/06/2009	17/06/2010	03388/09S69
16635	S69-18793	CM-18756		Phan Văn Chính	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01134/12S69
16636	S69-18794	CM-18757		Nguyễn Văn Diêm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04362/10S69
16637	S69-18796			Hồ Công Định	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	01/10/2010	01/10/2011	05138/10S69
16638	S69-18798	CM-18739		Nguyễn Văn Thương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/02/2011	21/02/2012	00570/11S69
16639	S69-18799	CM-18752		Trần Hiệp Định	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10262/12S69
16640	S69-18800	CM-18754		Khổng Sài Bựu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05549/12S69
16641	S69-18802			Nguyễn Văn Đẩu	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/06/2009	18/06/2010	03419/09S69
16642	S69-18803			Nguyễn Văn Nguyễn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	19/06/2009	19/06/2010	03422/09S69
16643	S69-18804	CM-18753		Nguyễn Văn Thương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06137/13S69
16644	S69-18805			Trần Văn Nấu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	19/06/2009	19/06/2010	03427/09S69
16645	S69-18806	CM:18765		Trần Văn Cảnh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/03/2011	30/03/2012	01107/11S69
16646	S69-18808			Tô Quốc Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/06/2009	20/06/2010	03435/09S69
16647	S69-18809			Trần Văn Linh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/06/2009	19/06/2010	03436/09S69
16648	S69-18810	CM-18773		Mai Hùng Vương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	24/01/2011	24/01/2012	00334/11S69
16649	S69-18811	CM-18750		Tô Thành Ôn	276 Nguyễn Ngọc Cung, Phường 8, Thành phố Cà Mau	29/06/2011	29/06/2012	02142/11S69
16650	S69-18812			Trần Văn Giới	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	22/06/2009	22/06/2010	03445/09S69
16651	S69-18813			Phạm Tấn Thành	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	22/06/2009	22/06/2010	03446/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16652	S69-18814	CM-18749		Trần Ngọc Cẩm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10252/12S69
16653	S69-18815			Huỳnh Thanh Danh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	22/06/2009	22/06/2010	03451/09S69
16654	S69-18817	CM-18763		Trần Quang Sang	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	11/08/2011	11/08/2012	02663/11S69
16655	S69-18818			Trịnh Văn Cuội	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	23/06/2009	23/06/2010	03463/09S69
16656	S69-18819	CM-18897		Thi Minh Hải	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/10/2011	16/10/2012	03723/11S69
16657	S69-18820			Thái Văn Em	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03466/09S69
16658	S69-18821			Hồng Văn Thăng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03467/09S69
16659	S69-18822			Tô Tấn Kiệt	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03468/09S69
16660	S69-18823			Huỳnh Văn Trắng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03469/09S69
16661	S69-18824	CM-18841		Nguyễn Văn Duyên	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/12/2010	16/12/2011	06171/10S69
16662	S69-18825			Đảng ủy Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03471/09S69
16663	S69-18826	CM-18894		Lâm Minh Tuấn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04358/10S69
16664	S69-18827			Trần Văn Gan	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03473/09S69
16665	S69-18828			Xã Đoàn Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03474/09S69
16666	S69-18829			Phạm Văn Sáu	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03475/09S69
16667	S69-18830			Huỳnh Văn Ngoan	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03476/09S69
16668	S69-18831			Nguyễn Văn Nam	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03477/09S69
16669	S69-18832			Công An Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03478/09S69
16670	S69-18833			HĐND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03479/09S69
16671	S69-18834			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03480/09S69
16672	S69-18835			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03481/09S69
16673	S69-18836			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03482/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16674	S69-18837			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03483/09S69
16675	S69-18838			Hồ Văn Tịnh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03484/09S69
16676	S69-18839			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03485/09S69
16677	S69-18840			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03486/09S69
16678	S69-18841			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03487/09S69
16679	S69-18842			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03488/09S69
16680	S69-18843			Hoàng Văn Thịnh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03489/09S69
16681	S69-18844			Nguyễn Văn Khánh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03490/09S69
16682	S69-18845			Trần Văn Nguyên	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03491/09S69
16683	S69-18846			Trần Văn Bảy	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03492/09S69
16684	S69-18847	CM-18884		Nguyễn Thanh Long	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05644/10S69
16685	S69-18848			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03494/09S69
16686	S69-18849			Nguyễn Văn út	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03495/09S69
16687	S69-18850			Phạm Hòa Hợp	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03496/09S69
16688	S69-18851			Cao Toàn Vẹn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03497/09S69
16689	S69-18852			Lê Thị Cẩm Cuồn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03498/09S69
16690	S69-18853			Nguyễn Văn Khâm	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03499/09S69
16691	S69-18854			Bùi Văn Thượng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03500/09S69
16692	S69-18855			Nguyễn Trường Giang	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03501/09S69
16693	S69-18856			Khối Dân Vận	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03502/09S69
16694	S69-18857			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03503/09S69
16695	S69-18858			Đảng Ủy Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03504/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16696	S69-18859			Nguyễn Hoàng Phong	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03505/09S69
16697	S69-18860			UBND Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03506/09S69
16698	S69-18861			Dương Văn Dũng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03507/09S69
16699	S69-18862			Nguyễn Văn Đấu	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03508/09S69
16700	S69-18863			Huỳnh Văn Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03509/09S69
16701	S69-18864			Trần Hải Quang	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03510/09S69
16702	S69-18865			Lê Văn Hiền	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03511/09S69
16703	S69-18866			Nguyễn Văn Điều	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03512/09S69
16704	S69-18867			Dương Văn Phương	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03513/09S69
16705	S69-18868			Trần Thanh Dũng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03514/09S69
16706	S69-18869			Bông Thành Văn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03515/09S69
16707	S69-18870			Huỳnh Văn Nghiệp	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03516/09S69
16708	S69-18871			Bông Thanh Hội	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03517/09S69
16709	S69-18872			Trần Thanh Thuyền	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03518/09S69
16710	S69-18873	CM-18860		Phan Thiên Thanh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/10/2012	16/10/2013	05501/12S69
16711	S69-18874			Trần Hoàng Dạn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03520/09S69
16712	S69-18875			Tô Minh Sang	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03521/09S69
16713	S69-18876			Hội LHPN Xã Tân Hải	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03522/09S69
16714	S69-18877	CM-18873		Nguyễn Minh Trí	Việt Khái, Huyện Phú Tân	23/06/2014	23/06/2015	01666/14S69
16715	S69-18878			Lữ Văn Liếp	Tân Hải, Huyện Phú Tân	22/06/2009	22/06/2010	03524/09S69
16716	S69-18879			Trương Văn Ghe	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	24/06/2009	24/06/2010	03528/09S69
16717	S69-18880	CM-18770		Đào Chí Công	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	04/11/2010	04/11/2011	05501/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16718	S69-18881			Quách Văn Đà	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	24/06/2009	24/06/2010	03536/09S69
16719	S69-18882	CM-18764		Nguyễn Hùng Cường	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	04/07/2011	04/07/2012	02178/11S69
16720	S69-18883	CM-19163		Tạ Thanh Hiểu	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	24/06/2011	24/06/2012	19163/11S69
16721	S69-18884			Nguyễn Văn Hùng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	24/06/2009	24/06/2010	03541/09S69
16722	S69-18885			Nguyễn Lý Thól	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/06/2009	25/06/2010	35556/09S69
16723	S69-18886	CM-18992		Nguyễn Văn Toàn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03373/12S69
16724	S69-18887			Nguyễn Văn Thời	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03653/09S69
16725	S69-18888			Huỳnh Văn Tèo	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03654/09S69
16726	S69-18889	CM-18981		Nguyễn Thu Thủy	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03376/12S69
16727	S69-18890			Trần Văn Giang	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03656/09S69
16728	S69-18891			Nguyễn Văn Kính	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03657/09S69
16729	S69-18892			Lê Văn Hoài	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03658/09S69
16730	S69-18893			Nguyễn Văn Hương	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03659/09S69
16731	S69-18894			Trần Văn Chánh	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03660/09S69
16732	S69-18895			Lê Văn Đủ	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03681/09S69
16733	S69-18896			Trần Văn Nghị	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03680/09S69
16734	S69-18897			Nguyễn Văn Quanh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03678/09S69
16735	S69-18898			Nguyễn Văn Quanh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03679/09S69
16736	S69-18899			Nguyễn Chí Càn	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03661/09S69
16737	S69-18900			Nguyễn Chí Cầm	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03694/09S69
16738	S69-18901			Trần Văn Đém	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	29/06/2009	29/06/2010	03627/09S69
16739	S69-18902	CM-18906		Hứa Văn Quan	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/07/2010	16/07/2011	03640/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16740	S69-18903	CM-18790		Đình Thanh Tuấn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	13/10/2010	13/10/2011	05189/10S69
16741	S69-18904	CM-20791		Nguyễn Công Lý	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01680/11S69
16742	S69-18905			Dương Hồng Nga	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	29/06/2009	29/06/2010	03637/09S69
16743	S69-18906			Nguyễn Văn út	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	26/06/2009	26/06/2010	03563/09S69
16744	S69-18907			Trần Văn Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	26/06/2009	26/06/2010	03564/09S69
16745	S69-18908	CM-18778		Lê Thanh Nghiệm	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	05834/10S69
16746	S69-18909	CM-18779		Lê Văn Nghiệm	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	30/06/2015	30/06/2016	01204/15S69
16747	S69-18910			Phạm Văn Đảm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03569/09S69
16748	S69-18911	CM-18945		Nguyễn Mỹ Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03222/12S69
16749	S69-18912			Dương Bá An	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01542/13S69
16750	S69-18913	CM-18959		Đặng Văn Đỡ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03194/12S69
16751	S69-18914			Lâm Thanh Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03573/09S69
16752	S69-18915			Huỳnh Văn Tập	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03574/09S69
16753	S69-18916			Nguyễn Chí Tâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03575/09S69
16754	S69-18917			Nguyễn Hà Tây	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03576/09S69
16755	S69-18918			Lâm Thành Phương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03577/09S69
16756	S69-18919			Nguyễn Minh Nhớ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03578/09S69
16757	S69-18920			Nguyễn Tấn Vinh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03579/09S69
16758	S69-18921			Nguyễn Văn Đoàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03580/09S69
16759	S69-18922			Huỳnh Văn Thông	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03581/09S69
16760	S69-18923			Lâm Văn Kiện	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03582/09S69
16761	S69-18924			Nguyễn Văn Luận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03583/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16762	S69-18925			Phạm Quốc Việt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03584/09S69
16763	S69-18926			Huỳnh Văn Xía	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03585/09S69
16764	S69-18927			Dương Thành Trường Giang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03586/09S69
16765	S69-18928			Võ Văn Tuấn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03587/09S69
16766	S69-18929			Nguyễn Văn Lem	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03588/09S69
16767	S69-18930			Huỳnh Thanh Định	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03589/09S69
16768	S69-18931			Trần Ly Em	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03590/09S69
16769	S69-18932			Trần Văn Guôi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03591/09S69
16770	S69-18933			Nguyễn Văn Mạnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03592/09S69
16771	S69-18934			Võ Văn Cước	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03593/09S69
16772	S69-18935			Lư Văn Tấn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03594/09S69
16773	S69-18936			Trần Văn Lầy	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03595/09S69
16774	S69-18937			Trần Khánh Dũng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03596/09S69
16775	S69-18938			Võ Huỳnh Lâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	02597/09S69
16776	S69-18939			UBND Xã Khánh Tiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03598/09S69
16777	S69-18940	CM-18918		Đội Thuế Xã Khánh Tiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03190/12S69
16778	S69-18941			Cao Văn Trạm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03600/09S69
16779	S69-18942	CM-18937		Dương Văn út	Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/06/2012	24/06/2013	03206/12S69
16780	S69-18943	CM-18946		Đặng Văn Hai	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/07/2012	03/07/2013	03422/12S69
16781	S69-18944			Lâm Văn Kiếm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03603/09S69
16782	S69-18945	CM-18952		Phạm Văn Nam	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03189/12S69
16783	S69-18946			Trần Quốc Hương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03605/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16784	S69-18947			Lê Văn Nil	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03606/09S69
16785	S69-18948			Huỳnh Văn Hiếu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03607/09S69
16786	S69-18949			Phạm Văn Hiếu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03608/09S69
16787	S69-18950	CM-18953		Nguyễn Văn Thủ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03215/12S69
16788	S69-18951			Nguyễn Văn Tèo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03610/09S69
16789	S69-18952			Dương Văn ảnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03611/09S69
16790	S69-18953	CM-18948		Phan Văn Hoàng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03185/12S69
16791	S69-18954	CM-18954		Phan Văn Vinh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03186/12S69
16792	S69-18955			Nguyễn Văn Ty	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03614/09S69
16793	S69-18956			Phan Văn Tảo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03615/09S69
16794	S69-18957	CM-18933		Nguyễn Tấn Hậu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03220/12S69
16795	S69-18958			Nguyễn Tấn Tài	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03617/09S69
16796	S69-18959			Trương Văn Xuyên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03618/09S69
16797	S69-18960			Lý Văn Đội	Khánh Tiến, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03619/09S69
16798	S69-18961	CM-18923		Châu Văn Gặp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01541/13S69
16799	S69-18962			Trần Hoàng Tứ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	25/06/2009	25/06/2010	03621/09S69
16800	S69-18963			Võ Nguồn Thảo	Khóm 4, Phường 5, Thành phố Cà Mau	27/06/2009	27/06/2010	03623/09S69
16801	S69-18964	CM-18971		Ong Văn Kía	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	21/04/2011	21/10/2011	01375/11S69
16802	S69-18966			Cty Cổ Phần Vinh Mẫn	Phường 5, Thành phố Cà Mau	09/07/2010	09/07/2011	03526/10S69
16803	S69-18967	CM-18783		Nguyễn Chí Phong	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2012	20/04/2013	01750/12S69
16804	S69-18968			Lê Thanh Hùng	Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	30/06/2009	30/06/2010	03644/09S69
16805	S69-18970			Trương Hoàng Hận	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/06/2009	30/06/2010	03650/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16806	S69-18971			Nguyễn Văn Vĩ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	16/04/2010	16/04/2011	02071/10S69
16807	S69-18972			Thái Văn Phê	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03662/09S69
16808	S69-18973	CM-18978		Nguyễn Hồng Cẩm	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03375/12S69
16809	S69-18974			Trần Minh Hoàng	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03664/09S69
16810	S69-18975			Lê Hoàng Mau	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03665/09S69
16811	S69-18976			Nguyễn Văn Ny	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03666/09S69
16812	S69-18977			Võ Văn Thám	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03667/09S69
16813	S69-18978			Trần Thanh Thiên	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03668/09S69
16814	S69-18979	CM-18979		Phạm Văn Diễn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03378/12S69
16815	S69-18980			Phạm Văn Nhân	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03670/09S69
16816	S69-18981			Võ Văn Ngọc	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03671/09S69
16817	S69-18982			Diệp Văn Xía	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03672/09S69
16818	S69-18983			Nguyễn Văn Lan	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03673/09S69
16819	S69-18984			Lư Văn Cuộc	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03674/09S69
16820	S69-18985			Lâm Văn út	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03675/09S69
16821	S69-18986			Nguyễn Văn Nuôi	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03676/09S69
16822	S69-18987			Trịnh Thị Đang	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03677/09S69
16823	S69-18988			Nguyễn Thị Hoa	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03682/09S69
16824	S69-18989			Nguyễn Văn Nhỏ	Khánh Hội, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03683/09S69
16825	S69-18990			Huỳnh Ngọc Hằng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03684/09S69
16826	S69-18991			Nguyễn Thanh Hồng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03685/09S69
16827	S69-18992			Nguyễn Văn Trọng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03686/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16828	S69-18993			Nguyễn Văn Khăng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03687/09S69
16829	S69-18994			Huỳnh Quốc Toại	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03688/09S69
16830	S69-18995			Cao Văn Thụng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03689/09S69
16831	S69-18996			Phạm Hồng Bảy	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03690/09S69
16832	S69-18997			Ngô Minh Lương	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03691/09S69
16833	S69-18998			Đặng Văn Điệp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03692/09S69
16834	S69-18999			Lê Hồng Nhì	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03693/09S69
16835	S69-19000	CM-18907		Hồ Hoàng Trang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05015/10S69
16836	S69-19005	CM-18908		Võ Văn Tỷ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02015/13S69
16837	S69-19006			Trần Văn Đương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	01/07/2009	01/07/2010	03709/09S69
16838	S69-19007			Đặng Quốc Toàn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2009	02/07/2010	03713/09S69
16839	S69-19008	CM-18904		Nguyễn Văn Thường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	21/06/2010	21/06/2011	03239/10S69
16840	S69-19010	CM-19035		Liêu Văn Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01427/14S69
16841	S69-19011	CM-51119		Trần Chí Tâm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08929/12S69
16842	S69-19012		Ghe Tải	Ngô Văn Tuấn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	09/10/2009	09/10/2010	06268/09S69
16843	S69-19013			Trương Văn Lợi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	16/02/2009	16/02/2010	03731/09S69
16844	S69-19014	CM-19118		Trần Văn Khôi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00633/11S69
16845	S69-19015			Trương Văn Quý	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	03/07/2009	03/07/2010	03735/09S69
16846	S69-19017			Nguyễn Văn Thắng	Hàng Vĩnh, Huyện Năm Căn	03/07/2009	03/07/2010	03738/09S69
16847	S69-19018	CM-19381		Nguyễn Văn Gấm	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2013	22/07/2014	03619/13S69
16848	S69-19019			Nguyễn Văn Hiếm	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	07/07/2009	07/07/2010	03747/09S69
16849	S69-19021			Tăng Thành Đạm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	08/07/2009	08/07/2010	03753/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16850	S69-19022			Trần Văn Cáo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	08/07/2009	08/07/2010	03754/09S69
16851	S69-19023			Trần Văn Toàn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03756/09S69
16852	S69-19024			Lê Văn Sơn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	06/07/2009	06/07/2010	03757/09S69
16853	S69-19025			Huỳnh Văn Vĩ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03758/09S69
16854	S69-19026			Nguyễn Tuấn Khởi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03759/09S69
16855	S69-19027			Phan Văn Đời	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/07/2009	08/07/2010	03845/09S69
16856	S69-19028			Nguyễn Văn Công	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03760/09S69
16857	S69-19029			Đào Văn Anh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03761/09S69
16858	S69-19030			Đỗ Văn Lưu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03762/09S69
16859	S69-19031	CM-19105		Nguyễn Chí Công	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01336/14S69
16860	S69-19032	CM-19087		Trần Văn Hận	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03811/10S69
16861	S69-19033	CM-19094		Lê Thanh Cẩm	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/08/2011	20/08/2012	02872/11S69
16862	S69-19034			Trần Văn Tèo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03766/09S69
16863	S69-19035	CM-19051		Ngô Văn Bảy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09268/12S69
16864	S69-19036			Ngô Văn út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03768/09S69
16865	S69-19037			Nguyễn Thành Lực	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03769/09S69
16866	S69-19038	CM-19073		Du Sên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03794/10S69
16867	S69-19039			Mã Thôn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03771/09S69
16868	S69-19040			Huỳnh Văn Thương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	06/07/2009	06/07/2010	03772/09S69
16869	S69-19041			Nguyễn Văn Lưu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03773/09S69
16870	S69-19042		lái cần	Lê Văn Việt	Đất Mới, Huyện Phú Tân	09/07/2009	07/07/2010	03774/09S69
16871	S69-19043			Nguyễn Văn Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03775/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16872	S69-19044			Võ Văn Nghiêm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03776/09S69
16873	S69-19045			Thái Văn Viễn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03777/09S69
16874	S69-19046	CM-19048		Phan Vũ Bằng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/08/2010	26/08/2011	04518/10S69
16875	S69-19047	CM-19079		Mã Sung Hoạch	Đất Mới, Huyện Năm Căn	29/03/2012	29/03/2013	01199/12S69
16876	S69-19048	CM-19057		Nguyễn Văn Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00684/13S69
16877	S69-19049			Trần Thị Mai	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	09/07/2010	03781/09S69
16878	S69-19050			Võ Chí Thiện	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	09/07/2010	03782/09S69
16879	S69-19051			Võ Hoàng Minh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03783/09S69
16880	S69-19052	CM-19074		Giang Nhựt Em	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2012	20/08/2013	04488/12S69
16881	S69-19053			Lê Quang Dũng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03785/09S69
16882	S69-19055			Thạch Hải	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03787/09S69
16883	S69-19056			Phạm Thanh Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	09/07/2010	03788/09S69
16884	S69-19057	CM-19100		Huỳnh út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05285/10S69
16885	S69-19058			Bùi Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03790/09S69
16886	S69-19059			Bùi Trường Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03791/09S69
16887	S69-19060			Hà Minh Cảnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03792/09S69
16888	S69-19061			Lê Văn Dạng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03793/09S69
16889	S69-19062			Trương Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03794/09S69
16890	S69-19063			Phan Quốc Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03795/09S69
16891	S69-19064			Lâm Quốc Việt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03796/09S69
16892	S69-19065	CM: 19076		Nguyễn Kha Tùng	Đất mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04292/11S69
16893	S69-19066	CM-19077		Lê Việt Anh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/04/2015	01035/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16894	S69-19067			Nguyễn Tuấn Kiệt	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03799/09S69
16895	S69-19068			Phan Văn Đứng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03800/09S69
16896	S69-19069	CM-19065		Phan Văn Giao	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05810/09S69
16897	S69-19070			Phạm Tấn Kiệt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03802/09S69
16898	S69-19071			Ninh Văn Bảy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03803/09S69
16899	S69-19072			Võ Hoàng Vĩnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03804/09S69
16900	S69-19073			Nguyễn Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03805/09S69
16901	S69-19074			Hồ Minh Chính	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/07/2009	06/07/2010	03806/09S69
16902	S69-19075			Nguyễn Hồng Thắng	Khóm I, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03807/09S69
16903	S69-19076			Lê Tiệp Khắc	Khóm I, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03808/09S69
16904	S69-19077			Văn Hoàng Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03809/09S69
16905	S69-19078			Đỗ Chí Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2009	07/07/2010	03810/09S69
16906	S69-19079			Trương Minh Dư	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2009	07/07/2010	03811/09S69
16907	S69-19080	CM-19106		Lê Văn Mạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04443/10S69
16908	S69-19082	CM-19102		Trương Văn Hải	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04435/10S69
16909	S69-19083			Nguyễn Văn Phường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03815/09S69
16910	S69-19084			Văn Hoàng Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03812/09S69
16911	S69-19085	CM-19101		Huỳnh Thanh Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2013	20/01/2014	00680/13S69
16912	S69-19086	CM: 19038		Đỗ Văn Hoạch	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04916/10S69
16913	S69-19087	CM-19037		Lý Minh Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01624/14S69
16914	S69-19088	CM-19062		Ngô Thế Anh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	05/01/2011	05/01/2012	00039/11S69
16915	S69-19089			Nguyễn Văn Liễn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	07/07/2009	07/07/2010	03821/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16916	S69-19090			Lê Văn Dũng	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	13/07/2009	13/07/2010	03861/09S69
16917	S69-19091			Trần Chí Tâm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03868/09S69
16918	S69-19092			Tạ Quốc Lâm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03869/09S69
16919	S69-19093			Quang Thanh Tâm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03870/09S69
16920	S69-19094			Đình Minh Việt	Hàm Rông, Huyện Năm Căn	10/07/2009	10/07/2010	03871/09S69
16921	S69-19095			Nguyễn Thị Đượm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03872/09S69
16922	S69-19096			Lê Văn Đô	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03873/09S69
16923	S69-19097			Ngô Văn Trí	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03874/09S69
16924	S69-19098			Trần Văn Vũ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03875/09S69
16925	S69-19099			Ngô út Sáu	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03876/09S69
16926	S69-19100			Huỳnh Tuấn Thanh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/07/2009	08/07/2010	03847/09S69
16927	S69-19101			Khuu Thanh Dễ	Trí Lực, Huyện Thới Bình	08/07/2009	08/07/2010	03850/09S69
16928	S69-19102			Trịnh Chí Đàng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/07/2009	08/07/2010	03851/09S69
16929	S69-19103			Trịnh Chí Đàng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/07/2009	08/07/2010	03852/09S69
16930	S69-19104	CM19021		Nguyễn Văn Nguyên	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2014	29/05/2015	01456/14S69
16931	S69-19105			Trần Chí Cường	Định Bình, Thành phố Cà Mau	10/07/2009	10/07/2010	03859/09S69
16932	S69-19106	CM-00762	CM-00762	Lê Văn Ban	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/07/2013	16/07/2014	00571/13S95
16933	S69-19107			Trần Thanh Ngà	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/03/2010	03877/09S69
16934	S69-19108	CM-19143		Nguyễn Văn Hiền	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/04/2015	12/04/2016	00695/15S69
16935	S69-19109			Trần Văn Trí	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03879/09S69
16936	S69-19111	CM-19123		Phan Văn Nhớ	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2013	12/11/2014	05762/13S69
16937	S69-19112			Nguyễn Hoàng Nha	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03882/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16938	S69-19113			Trần Văn Ton	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03883/09S69
16939	S69-19114			Trần Minh Thùy	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03884/09S69
16940	S69-19115			Đặng Văn Chon	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03885/09S69
16941	S69-19116			Ngô Nghĩa	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03886/09S69
16942	S69-19117			Nguyễn Văn Hiệp	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03887/09S69
16943	S69-19119			Trần Văn út	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03889/09S69
16944	S69-19120			Trần Văn Xiếu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03890/09S69
16945	S69-19121			Võ Tiền Phong	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03891/09S69
16946	S69-19122	CM-19148		Dương Minh Kha	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2011	12/08/2012	02701/11S69
16947	S69-19123	CM-19147		Tô Minh Đen	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2010	12/07/2011	03573/10S69
16948	S69-19124			Ngô Văn Tự	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03894/09S69
16949	S69-19125			Phạm Văn Sáng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03895/09S69
16950	S69-19126			Nguyễn Thanh Dân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	10/07/2009	10/07/2010	03896/09S69
16951	S69-19127	CM-19151		Võ Minh Hiệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/09/2012	23/09/2013	04988/12S69
16952	S69-19128			Phan Thái Hai	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	13/07/2009	13/07/2010	03905/09S69
16953	S69-19129			Phạm Minh Trí	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/07/2009	13/07/2010	03906/09S69
16954	S69-19130	CM-19203		Nguyễn Hoàng Lam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05726/10S69
16955	S69-19131			Châu Văn Tiên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	13/07/2010	03910/09S69
16956	S69-19132	CM-19294		Nguyễn Văn Bạch	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03028/10S69
16957	S69-19133	CM: 19337		Nguyễn Hồng Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03320/11S69
16958	S69-19134	CM-19310		Tàu Phú Công	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05405/12S69
16959	S69-19135	CM-19248		Nguyễn Thanh Kha	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04901/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16960	S69-19136	CM-19293		Nguyễn Thanh Khang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/02/2012	20/02/2013	00624/12S69
16961	S69-19137			Nguyễn Văn Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03916/09S69
16962	S69-19138	CM-19292		Châu Văn Sĩ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2014	20/07/2015	01954/14S69
16963	S69-19139			Nguyễn Thanh Giang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03918/09S69
16964	S69-19140			Nguyễn Thành Trung	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03919/09S69
16965	S69-19141			Trần Thanh Hùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03920/09S69
16966	S69-19142			Huỳnh Văn Tới	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03921/09S69
16967	S69-19143			Nguyễn Văn Bằng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03922/09S69
16968	S69-19144			Lê Hồng Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	03923/09S69
16969	S69-19145			Nguyễn Văn Hội	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03924/09S69
16970	S69-19146			Tô Văn Sự	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03925/09S69
16971	S69-19147	CM-19342		Nguyễn Châu á	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	01/08/2011	01/08/2012	02748/11S69
16972	S69-19148	CM-19189		Lê Văn Quý	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2011	24/05/2012	01722/11S69
16973	S69-19149	CM-19268		Huỳnh Văn Công	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02393/12S69
16974	S69-19150			Huỳnh Thanh Phúc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03929/09S69
16975	S69-19151			Trần Như Thủy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03930/09S69
16976	S69-19152			Võ Văn Phó	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03931/09S69
16977	S69-19153			Tăng Quốc Trung	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03932/09S69
16978	S69-19154			Huỳnh Văn Đông	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03933/09S69
16979	S69-19155			Nghị Trung Lương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03934/09S69
16980	S69-19156			Ngô Tấn Phát	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03937/09S69
16981	S69-19157			Nguyễn Huy Nhưng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03936/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
16982	S69-19159			Đặng Văn út	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03938/09S69
16983	S69-19160			Lê Văn Khả	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03939/09S69
16984	S69-19161	CM-19323		Trần Việt Quân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02386/12S69
16985	S69-19162	CM-19267		Nguyễn Hoàng Dư	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02398/12S69
16986	S69-19163			Trần Văn Thuỷ	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03942/09S69
16987	S69-19164	CM-19346		Nguyễn Hùng Cường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	01/08/2011	01/08/2012	02753/11S69
16988	S69-19165			Hồ Minh Trước	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03944/09S69
16989	S69-19166			Nguyễn Văn Tính	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03945/09S69
16990	S69-19167			Ngô Phương Tính	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03946/09S69
16991	S69-19168			Lê Việt Khang	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03947/09S69
16992	S69-19169			Nguyễn Phước Cuộc	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03948/09S69
16993	S69-19170			Đinh Phước Nhiều	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03949/09S69
16994	S69-19171			Đinh Quốc Toàn	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03950/09S69
16995	S69-19172			Hồ Văn Đoàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03951/09S69
16996	S69-19173			Lữ Văn Lâm	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03952/09S69
16997	S69-19174			Nguyễn Thanh Nhứt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03953/09S69
16998	S69-19175			Phạm Văn Khía	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03954/09S69
16999	S69-19176			Nguyễn Văn Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03955/09S69
17000	S69-19177	CM-19185		Nguyễn Quốc Thái	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	17/01/2012	17/01/2013	00297/12S69
17001	S69-19178	CM-19303		Nguyễn Văn Tùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03046/10S69
17002	S69-19179			Đặng Quốc Hội	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03958/09S69
17003	S69-19180			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03959/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17004	S69-19181			Hồ Hữu Huỳnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03960/09S69
17005	S69-19182			Triệu Hữu Minh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03961/09S69
17006	S69-19183			Dương Minh Hồng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03962/09S69
17007	S69-19184			Lê Phi Hoàng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03963/09S69
17008	S69-19185			Chung Thành Công	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03964/09S69
17009	S69-19186			Nguyễn Văn Quốc	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03965/09S69
17010	S69-19187	CM-19322		Nguyễn Minh Trí	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/09/2010	20/09/2011	04898/10S69
17011	S69-19188			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03967/09S69
17012	S69-19189			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03968/09S69
17013	S69-19190			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03969/09S69
17014	S69-19191			Phạm Ni Điền	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03970/09S69
17015	S69-19192			Nguyễn Văn Đông	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03971/09S69
17016	S69-19193			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Năm Căn	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03972/09S69
17017	S69-19194			Ngô Thanh Mộng	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03973/09S69
17018	S69-19195	CM-19252		Châu Mai Lộc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05412/12S69
17019	S69-19196			Lê Văn Đức	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/07/2009	13/07/2010	03975/09S69
17020	S69-19197			Võ Văn Đoàn	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03976/09S69
17021	S69-19198			Huỳnh Văn út	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	13/07/2010	03977/09S69
17022	S69-19199			Lý Văn Nghiêng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03978/09S69
17023	S69-19200	CM-19317		Nguyễn Minh Dương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03039/10S69
17024	S69-19201			Trần Hữu Phước	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	13/07/2010	03980/09S69
17025	S69-19202			Phạm Văn Cầu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	13/07/2010	03981/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17026	S69-19203			Võ Văn Thích	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03982/09S69
17027	S69-19204			Tăng Đức Quốc	Xã lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03983/09S69
17028	S69-19205			Trần Hữu Tại	Xã lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03984/09S69
17029	S69-19206			Đặng Chí Phục	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03985/09S69
17030	S69-19207			Trương Minh Liệt	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	16/07/2009	13/07/2010	03986/09S69
17031	S69-19208	CM-19319		Nguyễn Văn Sáu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02384/12S69
17032	S69-19209			Lâm Văn Chía	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03988/09S69
17033	S69-19210			Ngô Minh Khanh	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03989/09S69
17034	S69-19211			Phạm Thạch La	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	13/07/2010	03990/09S69
17035	S69-19212			Phạm Văn Tý	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03991/09S69
17036	S69-19213			Huỳnh Văn Hoàng	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03992/09S69
17037	S69-19214			Đinh Văn Dũng	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03993/09S69
17038	S69-19215			Tô Minh Sang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03994/09S69
17039	S69-19216			Cao Trung Ngôn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	13/07/2010	03995/09S69
17040	S69-19217			Huỳnh Văn Dũng	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03996/09S69
17041	S69-19218			Ngô Thanh Luận	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03997/09S69
17042	S69-19219			Nguyễn Văn Hoà	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2009	13/07/2010	03998/09S69
17043	S69-19221	CM-19024		Nguyễn Văn Bình	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03157/14S69
17044	S69-19222	CM-19023		Trần Thanh Tuấn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/07/2011	20/07/2012	02393/11S69
17045	S69-19223			Nguyễn Chí Tình	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/07/2009	14/07/2010	04007/09S69
17046	S69-19224			Đặng Thái Rỏ	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04011/09S69
17047	S69-19225			Phạm Văn Một	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04012/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17048	S69-19226			Nguyễn Ngọc Chỉ	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04013/09S69
17049	S69-19227			Lê Văn Thù	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04014/09S69
17050	S69-19228	CM-19278		Huỳnh Văn Kha	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02395/12S69
17051	S69-19229			Châu Minh Kết	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04016/09S69
17052	S69-19230			Tạ Văn út	Khóm I, Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04017/09S69
17053	S69-19231			Nguyễn Hoàng Chiến	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04018/09S69
17054	S69-19232			Huỳnh Văn Quờn	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04019/09S69
17055	S69-19233			Phạm Văn Phương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04020/09S69
17056	S69-19234			Lê Hoàng Ân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04021/09S69
17057	S69-19235			Nguyễn Văn Biền	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04022/09S69
17058	S69-19236			Chung Kiến Thức	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04023/09S69
17059	S69-19237			Nguyễn Phi Nál	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04024/09S69
17060	S69-19238			Trần Văn Liêu	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04025/09S69
17061	S69-19239			Nguyễn Hoàng Anh	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04026/09S69
17062	S69-19240	CM-19240		Phạm Hoàng Em	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02402/12S69
17063	S69-19241			Trần Thanh Hỷ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04028/09S69
17064	S69-19242			Trần Văn Đáo	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04029/09S69
17065	S69-19243			Tiêu Minh Chánh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04030/09S69
17066	S69-19244			Nguyễn Thanh Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04031/09S69
17067	S69-19245			Châu Minh Hon	Xã lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04032/09S69
17068	S69-19246			Phạm Văn Liêm	Lâm hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04033/09S69
17069	S69-19247	CM-19335		Tiêu Văn Miêng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02399/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17070	S69-19248			Trần Chí Nguyên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04035/09S69
17071	S69-19249			Lê Văn út	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04036/09S69
17072	S69-19250			Nguyễn Văn Mum	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04037/09S69
17073	S69-19251			Võ Văn Mộng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04038/09S69
17074	S69-19252			Lưu Văn Kiếm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04039/09S69
17075	S69-19253			Võ Thị Phương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04040/09S69
17076	S69-19254			Văn Thành Thái	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04041/09S69
17077	S69-19255	CM-19275		Phan Văn Chuẩn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/02/2012	20/02/2013	00623/12S69
17078	S69-19256			Trần Quốc Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04043/09S69
17079	S69-19257			Trần Công ái	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04044/09S69
17080	S69-19258			Trần Văn Hoàng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04045/09S69
17081	S69-19259			Nguyễn Văn Tâm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04046/09S69
17082	S69-19260	CM-19043		Nguyễn Hoàng Phong	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00584/13S69
17083	S69-19261	CM-19045		Nguyễn Văn Hùng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02176/13S69
17084	S69-19262			Nguyễn Văn Bé	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04052/09S69
17085	S69-19263			Nguyễn Văn Tam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04053/09S69
17086	S69-19264			Tô Quốc Đăng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04054/09S69
17087	S69-19265			Trần Thanh Hùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04055/09S69
17088	S69-19266			Nguyễn Thế Hồng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04056/09S69
17089	S69-19268			Tô Minh Can	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04058/09S69
17090	S69-19269			Lê Văn Đoàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04059/09S69
17091	S69-19270	CM-19221		Nguyễn Thanh Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04442/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17092	S69-19271			Lê Văn Khang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04061/09S69
17093	S69-19272	CM-19272		Nguyễn Minh Trường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05850/13S69
17094	S69-19273			Hồ Phong Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04063/09S69
17095	S69-19274			Phạm Văn Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04064/09S69
17096	S69-19275			Huỳnh Phú Hưởng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04065/09S69
17097	S69-19276			Nguyễn Hoàng Bắc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04066/09S69
17098	S69-19277			Phan Văn Hoàng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04067/09S69
17099	S69-19278			Nguyễn Văn Hùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04068/09S69
17100	S69-19279			Nguyễn Văn Quang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04069/09S69
17101	S69-19280	cm-19276		Hồ Phi Hùm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01320/11S69
17102	S69-19281			Nguyễn Duy Thanh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04071/09S69
17103	S69-19282			Đỗ Thị Diệu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04072/09S69
17104	S69-19283			Tô Văn Sóc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	14/07/2010	04073/09S69
17105	S69-19285	CM-19193		Huỳnh Văn Cẩn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02377/12S69
17106	S69-19286			Châu Hoàng Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04076/09S69
17107	S69-19287			Ngô Văn Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04077/09S69
17108	S69-19288			Nguyễn Hoàng Kha	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04078/09S69
17109	S69-19289	CM-19329		Hồ Hoàng Thắng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02385/12S69
17110	S69-19290			Tô Văn Xuân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04080/09S69
17111	S69-19291			Trương Văn Lương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04081/09S69
17112	S69-19292			Phan Văn Mười	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04082/09S69
17113	S69-19293			Trần Văn Lộc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04083/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17114	S69-19294			Đinh Văn Ngon	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04084/09S69
17115	S69-19295			Nguyễn Văn Mót	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04085/09S69
17116	S69-19296			Lê Chí Linh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04086/09S69
17117	S69-19297			Nguyễn Hoàng Lộc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04087/09S69
17118	S69-19298	CM-19231		Phạm Duy Tân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03040/10S69
17119	S69-19299			Nguyễn Minh Trí	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04089/09S69
17120	S69-19300			Phan Văn Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04090/09S69
17121	S69-19301	CM-19194		Trần Văn Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05411/12S69
17122	S69-19302			Trần Văn Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04092/09S69
17123	S69-19303			Nguyễn Hữu Thắng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04093/09S69
17124	S69-19304			Nguyễn Văn Trung	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04094/09S69
17125	S69-19305			Đỗ Tiến Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04095/09S69
17126	S69-19306			Lê Ngọc Đây	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04096/09S69
17127	S69-19307			Nguyễn Ngọc Khái	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04097/09S69
17128	S69-19308			Nguyễn Minh Tân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04098/09S69
17129	S69-19309			Nguyễn Văn Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04099/09S69
17130	S69-19310			Tạ Văn Thành	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04100/09S69
17131	S69-19311	CM-19250		Lữ Hoàng Kham	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05410/12S69
17132	S69-19312			Tạ Thanh Phong	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04102/09S69
17133	S69-19313			Nguyễn Đăng Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04103/09S69
17134	S69-19314			Ngô Văn Đủ	, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04104/09S69
17135	S69-19315			Ngô Văn Đủ	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04105/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17136	S69-19316			Dương Văn Phúc	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	02/06/2010	28/05/2011	03029/10S69
17137	S69-19318	CM-	VTCM - 01	CN Kỹ Thuật Tỉnh Cà Mau - CTy Viễn Thông Viettel	18 N.Ngọc Xanh - Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/07/2009	15/07/2010	06578/09V68
17138	S69-19319	CM -	VTCM - 02	CN Kỹ Thuật Tỉnh cà Mau - CTy Viễn Thông Viettel	18 N. Ngọc Xanh - Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/07/2009	15/07/2010	06579/09V68
17139	S69-19320	CM-	VTCM - 03	CN Kỹ Thuật Tỉnh Cà Mau - CTy Viễn Thông Viettel	18 N. Ngọc Xanh - Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/07/2009	15/07/2010	06580/09V68
17140	S69-19321	CM-	VTCM - 04	CN Kỹ thuật Tỉnh Cà Mau - CTy Viễn Thông Viettel	18 N.Ngọc Xanh - Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/07/2009	15/07/2010	06581/09V68
17141	S69-19322	CM -	VTCM - 05	CN Kỹ thuật Tỉnh Cà Mau - CTy Viễn Thông Viettel	18 N. Ngọc Xanh - Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/07/2009	15/07/2010	06582/09V68
17142	S69-19323	CM-	VTCM - 06	CN K.Thuật Tỉnh Cà Mau - CTy Viễn Thông Viettel	18 N. Ngọc Xanh - Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/07/2009	15/07/2010	06583/09V68
17143	S69-19324	CM-	VTCM - 07	CN Kỹ Thuật Tỉnh Cà Mau - CTy Viễn Thông Viettel	18 N. Ngọc Xanh, Thành phố Cà Mau	15/07/2009	15/07/2010	06584/09V68
17144	S69-19325	CM-	VTCM - 08	CN Kỹ Thuật Tỉnh Cà Mau - CTy Viễn Thông Viettel	18 N. Ngọc Xanh - Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/07/2009	15/07/2010	06585/09V68
17145	S69-19327			Lê Thị Thúy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	16/07/2009	16/07/2010	04108/09S69
17146	S69-19328	CM-19052		Quách Văn Nai	Tam Giang, Huyện Năm Căn	09/05/2011	09/05/2012	01538/11S69
17147	S69-19329	CM-19054		Nguyễn Hoàng Kil	Tam Giang, Huyện Năm Căn	16/07/2009	16/07/2010	04111/09S69
17148	S69-19330			Phan Văn Phụng	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	16/07/2009	16/07/2010	04112/09S69
17149	S69-19332	CM-01471		Trần Văn Sung	ấp Trại Lưới B, Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04464/13S69
17150	S69-19333	CM-19117		Trần Văn Cuội	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/11/2012	13/11/2013	06735/12S69
17151	S69-19334			Trương Thanh Vũ	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	17/07/2009	17/07/2010	04118/09S69
17152	S69-19335	CM-19113		Nguyễn Quốc Danh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08460/12S69
17153	S69-19337			Huỳnh Văn Giàu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2009	18/07/2010	04124/09S69
17154	S69-19338			Châu Văn Thới	Khóm I, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04128/09S69
17155	S69-19339			Đinh Minh Luân	Khóm III, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04129/09S69
17156	S69-19340			Nguyễn Văn Quốc	Khóm I, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04130/09S69
17157	S69-19341			Châu Văn Thới	Khóm 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04131/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17158	S69-19342			Trần Kim Bảnh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/07/2009	20/07/2010	04132/09S69
17159	S69-19343			Nguyễn Văn Lai	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/07/2009	20/07/2010	04135/09S69
17160	S69-19344	CM-17804		Nguyễn Thanh Sơn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10302/12S69
17161	S69-19348			Cty TNHH Đạt Lợi	25A, Nguyễn Bình Khiêm, K8, P8, Thành phố Cà Mau	20/07/2009	20/07/2010	04143/09S69
17162	S69-19349			UBND Xã Khánh Bình Đông	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04144/09S69
17163	S69-19350			Văn Phòng UBND Xã Khánh Bình Đông	, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04145/09S69
17164	S69-19351			Công An Xã Khánh Bình Đông	, Huyện Trần Văn Thời	21/07/2009	20/07/2010	04146/09S69
17165	S69-19352			Nguyễn Hoàng Bi	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04147/09S69
17166	S69-19353			Trạm Viễn Thông Xã Khánh Bình Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2009	20/07/2010	04148/09S69
17167	S69-19354			Dương Văn Lọ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2009	20/07/2010	04149/09S69
17168	S69-19355	CM-19512		Đỗ Văn Phối	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	14/01/2015	14/01/2016	00074/15S69
17169	S69-19356			Trần Văn Triều	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04151/09S69
17170	S69-19357	CM-19515		Lê Thanh Lâm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	14/05/2013	14/05/2014	02547/13S69
17171	S69-19358			Lê Văn Song	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04153/09S69
17172	S69-19359	CM-19513		Lê Văn Lam	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/05/2014	22/05/2015	01357/14S69
17173	S69-19360			Đảng ủy Xã Khánh Bình Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2009	20/07/2010	04155/09S69
17174	S69-19361			Xã Đoàn Xã Khánh Bình Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2009	20/07/2010	04156/09S69
17175	S69-19362			Đảng ủy Xã Khánh Bình Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2009	20/07/2010	04157/09S69
17176	S69-19363			Hội Cựu Chiến Binh Xã Khánh Bình Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2009	20/07/2010	04158/09S69
17177	S69-19364			UBND Xã Khánh Bình Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2009	20/07/2010	04159/09S69
17178	S69-19366			Hội Đồng Nhân Dân Xã Khánh bình Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04161/09S69
17179	S69-19367	CM-14258		Đặng Minh Châu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02864/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17180	S69-19368			Mặt Trận Tổ Quốc Xã Khánh Bình Đông	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04163/09S69
17181	S69-19369			Nguyễn Văn Bảo	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04164/09S69
17182	S69-19370			Nguyễn Hoàng Việt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04165/09S69
17183	S69-19371			Nguyễn Hoàng Biết	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04166/09S69
17184	S69-19372			Nguyễn Bích Thủy	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/07/2009	20/07/2010	04167/09S69
17185	S69-19373			Nguyễn Chí Trường	Phường 9, Thành phố Cà Mau	21/07/2009	21/07/2010	04178/09S69
17186	S69-19374			Lưu Văn Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/06/2010	30/06/2011	03461/10S69
17187	S69-19376			Phạm Văn Khánh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04187/09S69
17188	S69-19377			Ngô Thanh Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04188/09S69
17189	S69-19378			Lê Tấn Đạt	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04189/09S69
17190	S69-19379			Lê Minh Sang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04190/09S69
17191	S69-19380			Hồng Văn Cường	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04191/09S69
17192	S69-19381			Nguyễn Văn Sáu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04192/09S69
17193	S69-19382			Nguyễn Thanh Tùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04193/09S69
17194	S69-19383			Trương Văn Thắng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04194/09S69
17195	S69-19384			Cao út Hùng	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04195/09S69
17196	S69-19385	CM-19393		Nguyễn Văn Vinh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02243/11S69
17197	S69-19386			Huỳnh Văn Hiến	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04197/09S69
17198	S69-19387			Hứa Văn Khuynh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04198/09S69
17199	S69-19388			Trần Quốc Vương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04199/09S69
17200	S69-19389			Lê Văn Nhiều	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04200/09S69
17201	S69-19390			Chung Minh Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04201/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17202	S69-19391			Lai Viễn Phúc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04202/09S69
17203	S69-19392			Nguyễn Hoàng Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04203/09S69
17204	S69-19393	CM-19404		Cao Quốc Sử	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05071/10S69
17205	S69-19394			Huỳnh Minh Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04205/09S69
17206	S69-19395			Nguyễn Hoàng Tre	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04206/09S69
17207	S69-19396			Đặng Văn Nghĩa	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04207/09S69
17208	S69-19397			Phạm Thị Bảy	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04208/09S69
17209	S69-19398			Nguyễn Thanh Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04209/09S69
17210	S69-19399			Lưu Minh Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04210/09S69
17211	S69-19400			Lưu Hoàng Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04211/09S69
17212	S69-19401			Tạ Văn Lùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04212/09S69
17213	S69-19402	CM-19415		Nguyễn Hoàng Đình	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03164/10S69
17214	S69-19403			Huỳnh Dũng Sỹ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04214/09S69
17215	S69-19404	CM- 19410		Trần Văn Đoàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/07/2013	29/07/2014	03682/13S69
17216	S69-19405			Võ Văn Hết	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04216/09S69
17217	S69-19406	CM-19433		Lâm Văn Sơn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/12/2009	15/12/2010	07183/09S69
17218	S69-19407			Nguyễn Diệu Em	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04218/09S69
17219	S69-19408			Nguyễn Thanh Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04219/09S69
17220	S69-19409	CM: 19393		Phạm Hoàng Vũ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05077/10S69
17221	S69-19410	CM-19394		Nguyễn Văn Mạnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03594/12S69
17222	S69-19411			Nguyễn Văn Nguyễn	Tam giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04222/09S69
17223	S69-19412			Lâm Việt Hoa	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04223/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17224	S69-19413			Dương Văn Sil	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	22/07/2010	04224/09S69
17225	S69-19414			Lê Văn Thành	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04225/09S69
17226	S69-19415			UBND xã Tam Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04226/09S69
17227	S69-19416	CM: 19420		Lữ Minh Thảo	Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05067/10S69
17228	S69-19417			Tô Thị Kiều	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2009	21/07/2010	04228/09S69
17229	S69-19418			Ngô Hoàng phú	Xã Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	20/07/2009	20/07/2010	04229/09S69
17230	S69-19419			Phạm Văn Bi	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/07/2009	22/07/2010	04239/09S69
17231	S69-19420			Nguyễn Thanh Hổ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	22/07/2009	22/07/2010	04240/09S69
17232	S69-19421			Lê Văn Hận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06376/10S69
17233	S69-19422	CM-19154		Nguyễn Hoàng Vũ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03908/10S69
17234	S69-19423	CM-10184		Tô Thành Ôn (Cty TNHH Tín Thành)	276 Nguyễn Ngọc Cung, P8, Thành phố Cà Mau	14/12/2012	14/12/2013	08535/12S69
17235	S69-19424			Đặng Thị Lắm	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	23/07/2009	23/07/2010	04251/09S69
17236	S69-19425			Lâm Văn Nhường	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	24/07/2009	24/07/2010	04252/09S69
17237	S69-19427	CM-19506		Dương Bá Đương	TT.Cái Nước, Huyện Cái Nước	02/07/2012	26/07/2013	04078/12S69
17238	S69-19428	CM-19503		Trương Văn Mừng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2011	12/12/2012	04813/11S69
17239	S69-19429			Đoàn Văn Tuấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	25/07/2009	24/07/2010	04259/09S69
17240	S69-19430			Phạm Văn Minh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	25/07/2009	24/07/2010	04260/09S69
17241	S69-19431	CM-03158		Trần Thị Nhiều	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	24/07/2009	24/07/2010	04261/09S69
17242	S69-19432			Lâm Quốc Nguyên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	27/07/2009	27/07/2010	04270/09S69
17243	S69-19433			Nguyễn Văn Cầu	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/07/2009	28/07/2010	04275/09S69
17244	S69-19434			Võ Văn Thùy	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04281/09S69
17245	S69-19435			Nguyễn Thanh Hùng	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04282/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17246	S69-19436			Lữ Văn Nhở	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04283/09S69
17247	S69-19437			Lưu Văn Hùng	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04284/09S69
17248	S69-19438			Lâm Văn Thành	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04285/09S69
17249	S69-19439			Lữ Văn Hôn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04286/09S69
17250	S69-19440			Lê Thanh Hồng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04287/09S69
17251	S69-19441			Lê Quốc Đạt	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04288/09S69
17252	S69-19442			Đỗ Thị Nhờ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04289/09S69
17253	S69-19443			Lữ Văn Nhờ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04290/09S69
17254	S69-19444			Trần Thị Liễu	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04291/09S69
17255	S69-19445			Nguyễn Văn Nghị	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04292/09S69
17256	S69-19446			Trần Văn Giới	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04293/09S69
17257	S69-19447			Nguyễn Trường	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04294/09S69
17258	S69-19448			Đặng Văn Đém	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04295/09S69
17259	S69-19449			Trần Văn Đại	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04296/09S69
17260	S69-19450			Huỳnh Văn Có	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04297/09S69
17261	S69-19451			Mai Thành Lâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04298/09S69
17262	S69-19453			Lê Hữu Đức	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04300/09S69
17263	S69-19454	CM-19484		Trần Quốc Việt	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/04/2011	01/04/2012	01139/11S69
17264	S69-19455			Lê Văn Lâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04302/09S69
17265	S69-19456			Lê Văn Minh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04303/09S69
17266	S69-19457			Đào Văn Khải	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04304/09S69
17267	S69-19458			Đỗ Quốc Khởi	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04305/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17268	S69-19459	CM-19492		Nguyễn Văn Giàu	Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00283/12S69
17269	S69-19460			Du Tấn Bình	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04307/09S69
17270	S69-19461			Đình Minh Khai	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04308/09S69
17271	S69-19462			Võ Văn Khởi	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04309/09S69
17272	S69-19463			Huỳnh Chí Hiếu	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04310/09S69
17273	S69-19464			Phan Hải Hoàng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04311/09S69
17274	S69-19466			Trần Văn On	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04313/09S69
17275	S69-19467			Bùi Hoàng Anh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04314/09S69
17276	S69-19468			Dư Trường Sơn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04315/09S69
17277	S69-19469			Lê Văn Lước	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04316/09S69
17278	S69-19470			Phước Văn Đương	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04317/09S69
17279	S69-19471			Lê Thanh Hải	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04318/09S69
17280	S69-19472			Lê Thanh Sang	Việt Khái, Huyện Phú Tân	30/07/2009	27/07/2010	04319/09S69
17281	S69-19473			Đỗ Minh Hùng	Việt Khái, Huyện Phú Tân	31/07/2009	27/07/2010	04320/09S69
17282	S69-19474			Nguyễn Văn Công	Việt Khái, Huyện Phú Tân	31/07/2009	27/07/2010	04321/09S69
17283	S69-19475			Dương Tấn Tài	Việt Khái, Huyện Phú Tân	31/07/2009	27/07/2010	04322/09S69
17284	S69-19477			Phạm Thanh Trung	Việt Khái, Huyện Phú Tân	31/07/2009	27/07/2010	04324/09S69
17285	S69-19478			Đỗ Văn Tổ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04325/09S69
17286	S69-19479			Đỗ Văn Trung	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04326/09S69
17287	S69-19480			Đỗ Hoàng Những	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04327/09S69
17288	S69-19481			Trần Vinh Báu	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04328/09S69
17289	S69-19482			Tạ Văn Sành	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04329/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17290	S69-19483			Nguyễn Trung Thắng	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04330/09S69
17291	S69-19484			Nguyễn Hoàng Duy	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04331/09S69
17292	S69-19485			Trần Trung Trực	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04332/09S69
17293	S69-19486			Nguyễn Văn Liêm	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04333/09S69
17294	S69-19487			Lữ Quốc Ril	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/07/2009	27/07/2010	04334/09S69
17295	S69-19488	CM: 19489		Lê Văn Thanh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/12/2010	16/12/2011	06169/10S69
17296	S69-19489	CM-19181		Nguyễn Thanh Long	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	24/04/2012	24/04/2013	01787/12S69
17297	S69-19490	CM-19435		Trần Văn Đoàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	17/07/2014	17/07/2015	01913/14S69
17298	S69-19491			Trần Hoàng Hiệp	Tân Trung, Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/07/2009	28/07/2010	04345/09S69
17299	S69-19492	CM-19622		Phạm Văn Cồ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05779/12S69
17300	S69-19493	CM-19620		Tô Thanh Bình	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02372/14S69
17301	S69-19494	CM-19621		Ngô Chí Công	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05721/12S69
17302	S69-19495			Phan Huỳnh Hưng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04349/09S69
17303	S69-19496			Nguyễn Văn Khóm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04350/09S69
17304	S69-19497			Phạm Ngọc Thuỳ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04351/09S69
17305	S69-19498			Hà Nhựt Phương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04352/09S69
17306	S69-19499			Đỗ Văn Sơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04353/09S69
17307	S69-19500			Võ Thị Hạnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04354/09S69
17308	S69-19501			Võ Thị Hạnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04355/09S69
17309	S69-19502			Võ Thị Hạnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04356/09S69
17310	S69-19503			Trần Lâm Vũ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04357/09S69
17311	S69-19504			Nguyễn Văn Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04358/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17312	S69-19505	CM-19619		Trần Minh Dương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05783/12S69
17313	S69-19506			Trần Văn Khánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04360/09S69
17314	S69-19507			Nguyễn Văn Hón	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04361/09S69
17315	S69-19508			Nguyễn Chí Đánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04362/09S69
17316	S69-19509			Nguyễn Kim Hen	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04363/09S69
17317	S69-19510			Đỗ Văn Mến	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04364/09S69
17318	S69-19511	CM-19596		Đỗ Mộng Em	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	12/11/2011	12/11/2012	04193/11S69
17319	S69-19512			Nguyễn Chệt Ao	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04366/09S69
17320	S69-19513			Đoàn Thanh Yên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04367/09S69
17321	S69-19514	CM-19613		Võ văn Nhung	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04635/11S69
17322	S69-19515			Nguyễn Văn út	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04369/09S69
17323	S69-19516	CM-19598		Nhan To	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/01/2013	22/01/2014	00874/13S69
17324	S69-19517			Phạm Mạnh Tường	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04371/09S69
17325	S69-19518	CM-19556		Phan Văn Chính	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05785/12S69
17326	S69-19519			Ngô Thanh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04373/09S69
17327	S69-19520			Phạm Thanh Đời	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/07/2009	28/07/2010	04374/09S69
17328	S69-19521			Nguyễn Thành Quyết	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04375/09S69
17329	S69-19522			Phan Thanh Nhân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04376/09S69
17330	S69-19523			Phan Thanh Nhân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04377/09S69
17331	S69-19524			Huỳnh Quốc Khánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04378/09S69
17332	S69-19525			Huỳnh Thanh Tùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04379/09S69
17333	S69-19526			Nguyễn Minh Châu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04380/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17334	S69-19527			Lê Hoàng Thám	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04381/09S69
17335	S69-19528			Nguyễn Minh Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04382/09S69
17336	S69-19529			Nguyễn Việt Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04383/09S69
17337	S69-19530	CM-19602		Huỳnh Thanh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04630/11S69
17338	S69-19531			Nguyễn Văn Tới	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04385/09S69
17339	S69-19532			Trần Thanh Bắc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04386/09S69
17340	S69-19533			Lê Văn Hòa	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04387/09S69
17341	S69-19534			Lê Văn Đờ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04388/09S69
17342	S69-19535			Phạm Hồng Nhiên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	04/08/2009	27/07/2010	04389/09S69
17343	S69-19536			Dương Văn Khải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04390/09S69
17344	S69-19537	CM-19617		Ngô Hoàng Anh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/03/2011	20/03/2012	00950/11S69
17345	S69-19538			Thái Thành Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04392/09S69
17346	S69-19539			Lê Thái Bảo	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04393/09S69
17347	S69-19540	CM-19601		Lâm Văn Đồi	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	16/11/2010	16/11/2011	05627/10S69
17348	S69-19541	CM-19600		Ngô Minh Hoàng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	25/10/2012	25/10/2013	05641/12S69
17349	S69-19542			UBND Xã Hiệp Tùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04396/09S69
17350	S69-19543	CM-19603.		Hoàng Trọng Định	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05803/12S69
17351	S69-19544			Trần Quang Lành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04398/09S69
17352	S69-19545			Lâm Văn Toàn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04399/09S69
17353	S69-19546			Hồ Hoàng Nam	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04400/09S69
17354	S69-19547			Nguyễn Thị Liên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04401/09S69
17355	S69-19548			Nguyễn Công Thành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04402/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17356	S69-19549	CM: 19599		Trần Văn Âu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04914/10S69
17357	S69-19550			Nguyễn Văn Lắc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04404/09S69
17358	S69-19551			Nguyễn Hoàng Em	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04405/09S69
17359	S69-19552			Nguyễn Trường Giang	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04406/09S69
17360	S69-19553			Đào Văn Hớn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04407/09S69
17361	S69-19554			Võ Văn Trường	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04408/09S69
17362	S69-19555			Lê Hoàng Thương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2009	28/07/2010	04409/09S69
17363	S69-19556			Trần Văn Trận	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04410/09S69
17364	S69-19557			Trần Văn Y	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04411/09S69
17365	S69-19558			Nguyễn Chí Tâm	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04412/09S69
17366	S69-19559	CM-19631		Phan Việt Hưng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04073/13S69
17367	S69-19560			Huỳnh Văn Thu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	31/07/2009	31/07/2010	04700/09S69
17368	S69-19561	CM: 19618		Trần Văn Liệt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04915/10S69
17369	S69-19562			Nguyễn Tuyết Quỳ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	31/07/2009	31/07/2010	04702/09S69
17370	S69-19563			Ngô Văn Kiệt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04417/09S69
17371	S69-19564			Ngô Thanh Tươi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/08/2009	27/07/2010	04418/09S69
17372	S69-19565			Nguyễn Văn Hận	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04419/09S69
17373	S69-19566	CM-19633		Nguyễn Quốc Nhã	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02393/14S69
17374	S69-19567			Trần Tứ Hiệp	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04421/09S69
17375	S69-19568			Nguyễn Văn Thông	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04422/09S69
17376	S69-19569			Nguyễn Văn Vinh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04423/09S69
17377	S69-19570			Phạm Minh Trung	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04424/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17378	S69-19571			Nguyễn Trường Anh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04425/09S69
17379	S69-19572			Lâm Văn Tình	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04426/09S69
17380	S69-19573			Nguyễn Xuân Hoàng	Hiệp tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04427/09S69
17381	S69-19574			Nguyễn Văn Nhiệm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04428/09S69
17382	S69-19575			Nguyễn Tấn Lực	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/07/2009	27/07/2010	04429/09S69
17383	S69-19576			Võ Văn Nuôi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	03/08/2009	27/07/2010	04430/09S69
17384	S69-19578	CM-19178		Phan Văn Bắc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09459/12S69
17385	S69-19579			Nguyễn Văn Kiệt	Tam Giang, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04474/09S69
17386	S69-19580	CM-19177		Trần Thanh Dũng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03807/10S69
17387	S69-19581	CM-19176	Vỏ Hàng	Dương Hoài Tín	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/11/2012	23/11/2013	07287/12S69
17388	S69-19582			Đặng Văn khánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	30/07/2009	30/07/2010	04488/09S69
17389	S69-19583			Tổng Minh Tiến	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04489/09S69
17390	S69-19584	CM-19682		Trần Minh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05368/10S69
17391	S69-19585	CM-19684		Trần Minh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00821/12S69
17392	S69-19587	CM-19687		Đặng Hoàng Minh	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2010	24/07/2011	03857/10S69
17393	S69-19588			Nguyễn Văn Bạch	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04494/09S69
17394	S69-19589			Lê Quốc Việt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04495/09S69
17395	S69-19591			Nguyễn Văn Nhứt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04497/09S69
17396	S69-19592			Trần Văn Nhân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04498/09S69
17397	S69-19593	CM-19672		Phạm Thanh Trung	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2011	06/10/2012	03623/11S69
17398	S69-19594	CM-19374		Nguyễn Hữu Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2010	20/07/2011	03804/10S69
17399	S69-19595			Nguyễn Văn Linh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04501/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17400	S69-19596			Trần Văn Đon	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04502/09S69
17401	S69-19597			Đỗ Thành Nghĩ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04503/09S69
17402	S69-19598	CM-66220		Tạ Quốc Khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00904/12S69
17403	S69-19599	CM-19647		Lê Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2013	20/10/2014	05045/13S69
17404	S69-19600			Nguyễn Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04506/09S69
17405	S69-19601			Trương Văn Đáng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04507/09S69
17406	S69-19602			Hà Thanh Trị	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04508/09S69
17407	S69-19603			Dương Khải Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04509/09S69
17408	S69-19604	CM-19649		Nguyễn Thắng Lợi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2015	24/07/2016	01368/15S69
17409	S69-19605			Nguyễn Trường Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/09/2010	22/09/2011	04935/06S69
17410	S69-19606	CM-19634		Lưu Vĩnh Bình	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2011	09/03/2012	00862/11S69
17411	S69-19607	CM-19643		Nguyễn Thái Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09580/12S69
17412	S69-19608			Nguyễn Minh Sử	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04514/09S69
17413	S69-19609			Đặng Văn Mừng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04515/09S69
17414	S69-19610	CM-19660		Nguyễn Thái Nguơn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01983/14S69
17415	S69-19611			Võ Bé Loan	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04517/09S69
17416	S69-19612	CM: 19683		Lê Văn Hạnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2010	24/10/2011	05375/10S69
17417	S69-19613			Võ Văn Hồng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/08/2009	29/07/2010	04519/09S69
17418	S69-19614			Nguyễn Hoàng Quân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04520/09S69
17419	S69-19615	CM-19675		Trần Văn Dụ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01994/14S69
17420	S69-19616			Ngô Minh Vũ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04522/09S69
17421	S69-19617			Lê Thanh Trúc	, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04523/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17422	S69-19618			Trần Trung Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04524/09S69
17423	S69-19619			Hồng Quang Minh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04525/09S69
17424	S69-19620			Nguyễn Quốc Điền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04526/09S69
17425	S69-19621			Nguyễn Thành Công	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04527/09S69
17426	S69-19622	CM-19645		Lữ Hoàng Kiên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02467/13S69
17427	S69-19623			Lâm Vương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04529/09S69
17428	S69-19624	CM-19658		Tô Văn Lành	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2012	24/08/2013	04546/12S69
17429	S69-19625			Huỳnh Thanh Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04531/09S69
17430	S69-19626			Nguyễn Văn Thường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04532/09S69
17431	S69-19627			Phạm Trung Tính	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04533/09S69
17432	S69-19628	CM-19681		Nguyễn Văn Cảnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2009	25/10/2010	06463/09S69
17433	S69-19629			Dương Hoàng Đại	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04535/09S69
17434	S69-19630			Nguyễn Văn Thương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04536/09S69
17435	S69-19631			Lâm Trường Khanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04537/09S69
17436	S69-19632			Nguyễn Trọng Thông	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04538/09S69
17437	S69-19633			Nguyễn Hoàng Lâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	04539/09S69
17438	S69-19634	CM-19648		Quách Văn Thám	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05567/13S69
17439	S69-19635			Lý Văn Nhấn	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04564/09S69
17440	S69-19636			Nguyễn Văn Sơn	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04565/09S69
17441	S69-19637			Huỳnh Thanh Giàu	Khóm III, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04566/09S69
17442	S69-19638	CM-19737		Trương Công Danh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/02/2013	20/02/2014	01324/13S69
17443	S69-19639			Nguyễn Văn Giống	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04568/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17444	S69-19640			Huỳnh Văn Lý	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04569/09S69
17445	S69-19641			Huỳnh Văn Lý	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04570/09S69
17446	S69-19642			Trần Văn Trí	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04571/09S69
17447	S69-19643			Triệu Thanh Phương	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04572/09S69
17448	S69-19644			Nguyễn Tấn Lợi	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04573/09S69
17449	S69-19645			Tạ Thanh Hậu	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04574/09S69
17450	S69-19646			Lê Thanh Tùng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04575/09S69
17451	S69-19647			Trần Văn Vũ	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04576/09S69
17452	S69-19648			Trần Văn út	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04577/09S69
17453	S69-19649			Nguyễn Văn Nhinh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04578/09S69
17454	S69-19650			Nguyễn Văn An	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04579/09S69
17455	S69-19651			Nguyễn Văn Nào	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04580/09S69
17456	S69-19652			Nguyễn Thị Diễm Hiền	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04581/09S69
17457	S69-19653			Hồ Văn Nam	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04582/09S69
17458	S69-19654			Quách Minh Tài	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04583/09S69
17459	S69-19655			Trần Văn Phúc	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04584/09S69
17460	S69-19656			Triệu Dũng Sĩ	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04585/09S69
17461	S69-19657			Lê Minh Dương	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04586/09S69
17462	S69-19658			Trần Dũng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04587/09S69
17463	S69-19659			Lâm Văn Mến	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04588/09S69
17464	S69-19660			Dương Việt Văn	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04589/09S69
17465	S69-19661			Trần Vũ Quốc Cường	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04590/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17466	S69-19662			Nguyễn Văn Trí	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04591/09S69
17467	S69-19663			Huỳnh Công Chức	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04592/09S69
17468	S69-19664			Nguyễn Trung Khánh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04593/09S69
17469	S69-19665			Lâm Văn út	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04594/09S69
17470	S69-19666			Trần Duy Khánh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04595/09S69
17471	S69-19667			Huỳnh Văn Thuận	Tân Ân Tây, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04596/09S69
17472	S69-19668	CM-19757		Lê Minh Dương	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03795/10S69
17473	S69-19670	CM-19756		Trần Thanh Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02635/11S69
17474	S69-19671			Trần Văn Thi	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04600/09S69
17475	S69-19672			Thanh út	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04601/09S69
17476	S69-19673			Lê Văn Cường	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04602/09S69
17477	S69-19674			Nguyễn Minh Chuyện	Khóm III, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04603/09S69
17478	S69-19675			Hồ Hữu Sự	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04604/09S69
17479	S69-19676			Trần Vũ Liêm	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04605/09S69
17480	S69-19677			Nguyễn Văn Tài	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04606/09S69
17481	S69-19678			Huỳnh Văn Huệ	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04607/09S69
17482	S69-19679			Phan Chí Tâm	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04608/09S69
17483	S69-19680			Trương Minh Liêm	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04609/09S69
17484	S69-19681			Trần Minh Hoàn	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04610/09S69
17485	S69-19682	CM-19373		Nguyễn Văn Hồng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	06/06/2014	06/06/2015	01497/14S69
17486	S69-19683	CM-19372		Trần Văn Lành	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03334/11S69
17487	S69-19684			Trần Văn Tân	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2009	31/07/2010	04621/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17488	S69-19685			Trần Văn Bảy	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2009	31/07/2010	04622/09S69
17489	S69-19687			Lê Hoàng Nhẫn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01374/11S69
17490	S69-19688			Lý Minh Thành	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	01/08/2009	01/08/2010	04628/09S69
17491	S69-19689			Trương Minh Hoàng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	01/08/2009	01/08/2010	04629/09S69
17492	S69-19690			Đặng Văn nguyên	Đông Thới, Huyện Cái Nước	01/08/2009	01/08/2010	04630/09S69
17493	S69-19691			Trương Minh Hoàng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	01/08/2009	01/08/2010	04631/09S69
17494	S69-19692			Huỳnh Văn Miên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	01/08/2009	01/08/2010	04632/09S69
17495	S69-19693			Lâm Văn Kiệt	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	30/07/2009	30/07/2010	04633/09S69
17496	S69-19694			Huỳnh Bằng Em	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04634/09S69
17497	S69-19695			Nguyễn Văn Trãi	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04635/09S69
17498	S69-19696			Đội Môi Trường Xã Đất Mũi	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04636/09S69
17499	S69-19697			Mã Hồng Gương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04637/09S69
17500	S69-19698	CM-09354		Quách Đol	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00401/10S69
17501	S69-19700			Nguyễn Văn Chuyển	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04640/09S69
17502	S69-19701			Đoàn Văn Trọng Thủy	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04641/09S69
17503	S69-19702	CM-		Đoàn Văn Trọng Thủy	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04642/09S69
17504	S69-19703			Trương Phương Nam	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04643/09S69
17505	S69-19704			Lương Văn Hoán	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04644/09S69
17506	S69-19705			Trần Hoàng Giang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04645/09S69
17507	S69-19706			Nguyễn Văn Mười	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04646/09S69
17508	S69-19707			Trần Tân Xuyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04647/09S69
17509	S69-19708			Nguyễn Công Đức	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04648/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17510	S69-19709	CM-19806		Hồ Văn Tỷ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	08/03/2013	08/03/2014	01465/13S69
17511	S69-19710	CM-19834		Lê Hoàng Văn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03470/14S69
17512	S69-19711			Trần Minh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04651/09S69
17513	S69-19712			Lý Minh Đường	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04652/09S69
17514	S69-19714			Nguyễn Thanh Đình	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04654/09S69
17515	S69-19715	CM-19861		Phạm Văn Niên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03771/12S69
17516	S69-19716			Tiết Văn Mùa	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04656/09S69
17517	S69-19717			Lê Văn Hận	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04657/09S69
17518	S69-19718			Lê Chí Khanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04658/09S69
17519	S69-19719			Lê Minh Cảnh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04659/09S69
17520	S69-19720			Trần Minh Hoàng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04660/09S69
17521	S69-19721			Nguyễn Văn Lâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04661/09S69
17522	S69-19722			Trần Hoài Hận	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04662/09S69
17523	S69-19723			Trần Văn Đoàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04663/09S69
17524	S69-19724			Quách Văn Chánh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04664/09S69
17525	S69-19725	CM-19831		Trần Văn Trứ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01532/12S69
17526	S69-19726			Thái Văn Hy	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04666/09S69
17527	S69-19727			Trần Văn Khởi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04667/09S69
17528	S69-19728			Lê Văn Kiên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04668/09S69
17529	S69-19729	CM-19848		Cao Ky	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04496/10S69
17530	S69-19730			Nguyễn Văn Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04670/09S69
17531	S69-19731	CM-19844		Tạ Minh Vương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	05015/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17532	S69-19732	CM-19805		Tạ Thu Nhân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01695/14S69
17533	S69-19733	CM-19863		Trương Văn Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03323/10S69
17534	S69-19734			Phan Quốc Toán	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04674/09S69
17535	S69-19735			Nguyễn Quốc Giàu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04675/09S69
17536	S69-19736			Lê Văn Phục	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04676/09S69
17537	S69-19737			Võ Văn ất	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04677/09S69
17538	S69-19738	CM-19856		Huỳnh Công Thiện	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05340/10S69
17539	S69-19739			Diệp Thanh Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04679/09S69
17540	S69-19740			Nguyễn Hoàng Toán	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04680/09S69
17541	S69-19741			Nguyễn Văn Lợi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04681/09S69
17542	S69-19742			Tạ Văn Chi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04682/09S69
17543	S69-19743			Huỳnh Thanh Tài	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04683/09S69
17544	S69-19744	CM-19804		Lê Hoàng Ân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05223/13S69
17545	S69-19745			Võ Vũ Ca	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04685/09S69
17546	S69-19746			Trần Văn Dũng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	08/10/2012	08/10/2013	05323/12S69
17547	S69-19747	CM-19858		Cao Văn Duyên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05785/10S69
17548	S69-19748			Phạm Văn Ngời	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04688/09S69
17549	S69-19749			Sơn Tèo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04689/09S69
17550	S69-19750			Trần Hồng Hạnh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04690/09S69
17551	S69-19751			Châu Thanh Phong	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04691/09S69
17552	S69-19752	CM-19841		Huỳnh Văn Quây	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04032/13S69
17553	S69-19753			Lư Minh Tòng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04693/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17554	S69-19754			Nguyễn Văn Mẫn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04694/09S69
17555	S69-19755			Lưu Văn Nghinh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04695/09S69
17556	S69-19756			Lý Văn Đung	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04696/09S69
17557	S69-19757			Ngô Văn ía	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04697/09S69
17558	S69-19758	CM-19842		Dương Minh Dương	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/10/2013	17/10/2014	05003/13S69
17559	S69-19759			Lê Văn Nil	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04699/09S69
17560	S69-19761			Phan Văn Đẹp	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04701/09S69
17561	S69-19763	CM-19854		Phương Văn Chiến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03366/10S69
17562	S69-19764			Lê Quốc Khải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04704/09S69
17563	S69-19765			Phạm Văn Bi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04705/09S69
17564	S69-19766	Cm-03359		Huỳnh Minh Thân	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04706/09S69
17565	S69-19767	CM-02553		Nguyễn Quốc Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04707/09S69
17566	S69-19768	CM-02574		La Văn Phiên	Viên an, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04708/09S69
17567	S69-19769	CM-19501		Trần Văn Đen	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	19/03/2012	19/03/2014	01084/12S69
17568	S69-19770	CM-19360		Trịnh Văn Đát	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/08/2014	11/08/2015	02157/14S69
17569	S69-19771	CM-19361		Nguyễn Văn Bảo	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02934/12S69
17570	S69-19772			Nguyễn Văn út	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04726/09S69
17571	S69-19773			Trần Viết Kiệm	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04732/09S69
17572	S69-19774			Trần Viết Kiệm	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04733/09S69
17573	S69-19775			Lê Văn Tám	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04736/09S69
17574	S69-19776			Lê Văn Tám	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04737/09S69
17575	S69-19777			Lê Văn Tám	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	29/07/2009	29/07/2010	04738/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17576	S69-19778			Nguyễn Văn Diệu	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	04/08/2009	04/08/2010	04741/09S69
17577	S69-19779			Nguyễn Văn Diệu	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	04/08/2009	04/08/2010	04742/09S69
17578	S69-19780	CM-00374	GHE	Nguyễn Văn Uớt	Khóm 5 , Phường 5, Thành phố Cà Mau	23/12/2010	23/12/2011	06262/06S69
17579	S69-19781			Nguyễn Văn Diệu	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	05/08/2009	05/08/2010	04747/09S69
17580	S69-19782	CM-19384		Phạm Văn Sửu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	24/10/2011	05339/10S69
17581	S69-19783	CM-20792		Son Văn Hoàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2015	12/01/2016	00022/15S69
17582	S69-19785			Lâm Việt Triều	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/08/2009	06/08/2010	04764/09S69
17583	S69-19787			Trần Văn Đức	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	04/11/2010	04/11/2011	05505/10S69
17584	S69-19789	CM-20179		Nguyễn Văn Tài	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	05/06/2012	05/06/2013	02611/12S69
17585	S69-19790	CM-19499		Trần Nam Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2013	11/07/2014	03482/13S69
17586	S69-19791			Từ Chí Gợi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	07/08/2009	07/08/2010	04780/09S69
17587	S69-19793	CM-19496		Lê Văn Gỏi	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	17/11/2010	17/11/2011	05665/10S69
17588	S69-19794	CM-19906		Trần Văn Dũng	Khánh An, Huyện U Minh	02/05/2012	02/05/2013	01926/12S69
17589	S69-19795			Nguyễn Chí Thịnh	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04793/09S69
17590	S69-19796			Huỳnh Minh Đức	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04794/09S69
17591	S69-19797			Lâm Văn Nhiệm	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04795/09S69
17592	S69-19798			Nguyễn Văn Kỷ	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04796/09S69
17593	S69-19799			Đoàn Văn Nghệ	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04797/09S69
17594	S69-19800			Võ Minh Dục	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04798/09S69
17595	S69-19801			Tôn Văn Thăng	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04799/09S69
17596	S69-19802			Trịnh Văn Lâm	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04800/09S69
17597	S69-19803			Tiết Thị Hiền	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04801/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17598	S69-19804			Tiết Văn Thôi	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04802/09S69
17599	S69-19805			Trịnh Văn Lâm	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04803/09S69
17600	S69-19806			Dương Văn Diễn	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04804/09S69
17601	S69-19807			Nguyễn Văn Chính	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04805/09S69
17602	S69-19808			Tiết Văn Bảy	Khánh An, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04806/09S69
17603	S69-19809	CM-19502		Tiều Quốc Duy	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2010	31/12/2011	06404/10S69
17604	S69-19810			Trần Quốc Cường	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04809/09S69
17605	S69-19811	CM: 19866		Vũ Văn Hoàng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04696/10S69
17606	S69-19812			Vũ Thành Công	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04811/09S69
17607	S69-19813	CM: 19867		Vũ Văn Định	Khánh Thuận, Huyện U Minh	14/09/2010	10/09/2011	04695/10S69
17608	S69-19814			Bùi Văn Hạnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04813/09S69
17609	S69-19815			Hồ văn út	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04814/09S69
17610	S69-19816			Nguyễn Hoàng Lăng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04815/09S69
17611	S69-19817			Mã Văn LiL	Nguyễn phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04816/09S69
17612	S69-19818			Mai Quốc Sự	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04817/09S69
17613	S69-19819			Võ Văn Lâm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04818/09S69
17614	S69-19820			Dương Minh Nhứt	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04819/09S69
17615	S69-19821	CM: 19869		Võ Thanh Tùng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	04/12/2012	04/12/2013	07932/12S69
17616	S69-19822			Nguyễn Văn Tài	nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04821/09S69
17617	S69-19823			Võ Văn Thật	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04822/09S69
17618	S69-19824			Trịnh Văn út	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04823/09S69
17619	S69-19825			Trịnh Minh Tuấn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04824/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17620	S69-19826			Trần Văn Đen	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04825/09S69
17621	S69-19827			Ngô Văn Đém	Nguyễn phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04826/09S69
17622	S69-19828			Ngô Văn Đém	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04827/09S69
17623	S69-19829			Phan Thanh Tuấn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04828/09S69
17624	S69-19830			Trần Minh Quang	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04829/09S69
17625	S69-19831			Nguyễn Hoàng Giang	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04830/09S69
17626	S69-19832			Tôn Minh Thông	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04831/09S69
17627	S69-19833	CM-19500		Bùi Thị Loan	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04386/10S69
17628	S69-19834			Nguyễn Chí Trung	Khóm 3, Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04832/09S69
17629	S69-19835			Trịnh Văn Ken	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04833/09S69
17630	S69-19837			Đặng Văn Đố	Việt Thắng, Huyện Năm Căn	10/08/2009	10/08/2010	04841/09S69
17631	S69-19838			Nguyễn Thanh Phong	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04846/09S69
17632	S69-19839			Nguyễn Văn Bảy	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04847/09S69
17633	S69-19841	CM-02908		Tô Linh	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04249/10S69
17634	S69-19842	CM-02917		Tô Linh	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	25/08/2014	25/08/2015	02337/14S69
17635	S69-19843			Nguyễn Văn Hiều	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/08/2009	11/08/2010	04852/09S69
17636	S69-19845	CM-03070		Võ Thanh Tùng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01807/13S69
17637	S69-19846			Phạm Văn Phi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/08/2009	11/08/2010	04856/09S69
17638	S69-19847			Lê Văn Sở	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	12/08/2009	12/08/2010	04857/09S69
17639	S69-19848			Lâm Trung Tính	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	12/08/2009	12/08/2010	04860/09S69
17640	S69-19849	CM-01250		Phạm Văn Lãng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04862/09S69
17641	S69-19850			Trần Văn Lũng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	12/08/2009	12/08/2010	04864/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17642	S69-19851			Lê Văn Dũng	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04865/09S69
17643	S69-19852			Trịnh Hoàng Lăng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	13/08/2009	12/08/2010	04866/09S69
17644	S69-19853			Huỳnh Hữu Bền	Trần thới, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04867/09S69
17645	S69-19854			Hứa văn Thuấn	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/08/2009	12/08/2010	04868/09S69
17646	S69-19856			Phan Trung Trực	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04870/09S69
17647	S69-19857			Nguyễn Văn Tèo	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04871/09S69
17648	S69-19858			Đặng Quốc Toàn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04872/09S69
17649	S69-19859			Huỳnh Văn Ngọt	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04873/09S69
17650	S69-19861	CM-19775		Ngô Minh Sử	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2012	13/07/2013	03807/12S69
17651	S69-19862			Lê Văn Đời	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04876/09S69
17652	S69-19863			Nguyễn Văn Lung	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04877/09S69
17653	S69-19864			Trần Việt Cường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2009	12/08/2010	04878/09S69
17654	S69-19865	CM-19779		Đỗ Văn On	Trần Thới, Huyện Cái Nước	26/08/2010	26/08/2011	04516/10S69
17655	S69-19866	CM-19773		Nguyễn Văn Mun	Trần Thới, Huyện Cái Nước	26/08/2011	26/08/2012	02952/11S69
17656	S69-19867	CM-02694		Bùi Như Líp	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/08/2009	08/08/2010	04883/09S69
17657	S69-19870			Nguyễn Hồng Nghi	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	13/08/2009	13/08/2010	04890/09S69
17658	S69-19871	CM-19624		Nguyễn Văn Khỏe	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05136/11S69
17659	S69-19873			DNTN Đức Tâm Hiệp 7	Khánh An, Huyện U Minh	13/08/2009	13/08/2010	04894/09S69
17660	S69-19874	CM-19559		Đinh Văn Đơ	Trí Phải, Thành phố Cà Mau	14/05/2015	14/05/2016	00909/15S69
17661	S69-19875	CM-19700		Nguyễn Văn Tập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	09/04/2011	09/04/2012	01188/11S69
17662	S69-19876			Nguyễn Minh Kiệt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2009	14/08/2010	04898/09S69
17663	S69-19877	CM-19695		Đặng Tấn Bền	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	01/06/2015	01/06/2016	01044/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17664	S69-19880			Nguyễn Văn Hòa	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2012	14/05/2013	02077/12S69
17665	S69-19881	CM-19769	Chở Học Sinh	Trần Văn Thi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/08/2011	31/08/2012	03030/11S69
17666	S69-19882	CM-19770		Phan Văn Giới	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	17/04/2013	17/04/2014	02144/13S69
17667	S69-19883			Nguyễn Văn Thi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2010	29/09/2010	01773/10S69
17668	S69-19884	CM-19698		Lê Ngọc Đồi	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	27/01/2013	27/01/2014	01115/13S69
17669	S69-19885	CM-19697		Trần Văn Huyện	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	02/11/2010	02/11/2011	05483/10S69
17670	S69-19886			Nguyễn Văn Tèo	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04920/09S69
17671	S69-19887			Hồng Phong Châu	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04921/09S69
17672	S69-19888			Võ Trường An	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04922/09S69
17673	S69-19889	CM-19908		Võ Trường An	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00191/14S69
17674	S69-19890			Nguyễn Việt Hùng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04924/09S69
17675	S69-19891			Duy Minh Tèo	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04925/09S69
17676	S69-19892			Trương Văn Thắng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04926/09S69
17677	S69-19893			Tô Minh Tuấn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04927/09S69
17678	S69-19894			Trần Văn Hổ	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04928/09S69
17679	S69-19895			Nguyễn Trung Tèo	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2009	16/08/2010	04929/09S69
17680	S69-19896			Châu Văn Thì	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04933/09S69
17681	S69-19897	CM-19705		Đoàn Trường Giang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10325/12S69
17682	S69-19898			Trần Quốc Thôn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2009	14/08/2010	04937/09S69
17683	S69-19899			Sử Văn Khởi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	18/08/2009	18/08/2010	04939/09S69
17684	S69-19900			Phan Hoài Nhân	Khánh Thuận, Huyện U Minh	18/08/2009	18/08/2010	04940/09S69
17685	S69-19901	CM-01812		Phạm Quốc Khởi	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	25/06/2012	25/06/2013	03229/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17686	S69-19902	CM-19763		Huỳnh Văn Tập	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04253/10S69
17687	S69-19904			Phạm Trường An	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	14/08/2009	14/08/2010	04949/09S69
17688	S69-19906			Trần Văn Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	19/08/2009	19/08/2010	04948/09S69
17689	S69-19907	CM-21494		Lê Văn Hiền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/09/2010	23/09/2011	04948/10S69
17690	S69-19908	CM-19761		Võ Văn Hiền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/08/2010	12/08/2011	04269/10S69
17691	S69-19909	CM-19923		Châu Văn Trắng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	18/03/2014	18/03/2015	00711/14S69
17692	S69-19910			Lê Minh Có	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	20/08/2009	20/08/2010	04957/09S69
17693	S69-19911			Lê Văn Bèo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04959/09S69
17694	S69-19912	CM-20093		Trịnh Văn Hiệp	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05554/12S69
17695	S69-19913			Nguyễn Thanh Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04961/09S69
17696	S69-19914	CM-20102		Nguyễn Văn Tình	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2014	20/04/2015	01033/14S69
17697	S69-19915	CM-20101		Nguyễn Minh Trí	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04899/10S69
17698	S69-19916			Ô Hữu Tấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04964/09S69
17699	S69-19917			Huỳnh Văn Giêm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04965/09S69
17700	S69-19918			Lê Mộng Em	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04966/09S69
17701	S69-19919			Đào Văn Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04967/09S69
17702	S69-19920			Lê Văn Chổ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04968/09S69
17703	S69-19921			Ngô Văn Dương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04969/09S69
17704	S69-19922			Huỳnh Văn Thâu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04970/09S69
17705	S69-19923			Lưu An Phương	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04971/09S69
17706	S69-19924			Nguyễn Tiến Hoàng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04972/09S69
17707	S69-19925			Nguyễn Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04973/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17708	S69-19926	CM-20079		Phan Thanh Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	27/10/2010	27/10/2011	05414/10S69
17709	S69-19927			Nguyễn Thái Vách	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04975/09S69
17710	S69-19928	CM-20103		Phạm Văn Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04071/13S69
17711	S69-19929			Nguyễn Chí Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/08/2009	20/08/2010	04977/09S69
17712	S69-19930			Mai út Chì	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04978/09S69
17713	S69-19931			Phan Thị Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04979/09S69
17714	S69-19932			Nguyễn Vũ Linh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04980/09S69
17715	S69-19933	CM:20075		Võ Kim Thi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05283/10S69
17716	S69-19934			Trần Văn Tường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04982/09S69
17717	S69-19935			Huỳnh Thị Hồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04983/09S69
17718	S69-19936	CM-20099		Tiều Minh Trung	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2011	24/02/2012	00613/11S69
17719	S69-19937			Huỳnh Văn Hoài	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/08/2009	20/08/2010	04985/09S69
17720	S69-19938			Nguyễn Thanh Tú	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04986/09S69
17721	S69-19939			Đinh Văn Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04987/09S69
17722	S69-19940			Lê Văn Chờ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04988/09S69
17723	S69-19941	CM: 20083		Nguyễn Hoàng Oanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04897/10S69
17724	S69-19942			Lê Minh Thủ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/08/2009	20/08/2010	04990/09S69
17725	S69-19943			Huỳnh Văn Luận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04991/09S69
17726	S69-19944			Thái Trung Hiếu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04992/09S69
17727	S69-19945	CM:20058		Mai Hữu Sự	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05279/10S69
17728	S69-19946			Huỳnh Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04994/09S69
17729	S69-19947			Nguyễn Văn Hoàng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04995/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17730	S69-19948			Nguyễn Văn Kha	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04996/09S69
17731	S69-19949			Trần Thanh Vũ	Đất mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04997/09S69
17732	S69-19950			Phạm Văn Lâm	TT Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	26/08/2009	20/08/2010	04998/09S69
17733	S69-19951			Nguyễn Thanh Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	04999/09S69
17734	S69-19952			Phạm Văn Lâm	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	26/08/2009	20/08/2010	05000/09S69
17735	S69-19953			Phan Văn Trọng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05001/09S69
17736	S69-19954			Trần Văn Liệt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05002/09S69
17737	S69-19956			Duy Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05004/09S69
17738	S69-19957			Ngô Minh Dương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05005/09S69
17739	S69-19958			Nguyễn Chí Nghiệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05006/09S69
17740	S69-19959			Võ Văn Tre	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05007/09S69
17741	S69-19961			Nguyễn Văn Ca	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05009/09S69
17742	S69-19962			Võ Quốc Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2009	20/08/2010	05010/09S69
17743	S69-19963	CM-20095		Đàm Văn Phước	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/10/2011	19/10/2012	03789/11S69
17744	S69-19964			Võ Văn Hên	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	21/08/2009	21/08/2010	05018/09S69
17745	S69-19965			Lê Văn Kiệt	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	26/08/2010	26/08/2011	04517/10S69
17746	S69-19966			Ngụy Văn Tý	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/08/2009	20/08/2010	05022/09S69
17747	S69-19967	CM-19928		Lê Hoàng Văn	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08455/12S69
17748	S69-19968			Võ Phi Trường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/08/2009	21/08/2010	05024/09S69
17749	S69-19969			Võ Văn Quyết	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/08/2009	21/08/2010	05025/09S69
17750	S69-19970	CM-19941		Võ Văn Sử	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2010	24/09/2011	04970/10S69
17751	S69-19971			Phạm Trường Chinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/08/2009	21/08/2010	05027/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17752	S69-19972			Nguyễn Văn Chính	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	21/08/2009	21/08/2010	05028/09S69
17753	S69-19973	CM-19920		Trần Hồng Nhanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04085/11S69
17754	S69-19974			Trần Văn Khang	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05033/09S69
17755	S69-19975			Huỳnh Minh Tân	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05034/09S69
17756	S69-19976			Hồng Thanh Nghị	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05035/09S69
17757	S69-19977	CM-19990		Phạm Việt Lắm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/12/2012	16/12/2013	08903/12S69
17758	S69-19978			Trần Thanh Toàn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05037/09S69
17759	S69-19979			Trần Hoàng Duy	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05038/09S69
17760	S69-19980			Phạm Minh Ngãi	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05039/09S69
17761	S69-19981			Nguyễn Chí Linh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05040/09S69
17762	S69-19982			Võ Văn Linh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05041/09S69
17763	S69-19983			Nguyễn Văn Phấn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05042/09S69
17764	S69-19984			Phạm Văn Đáng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05043/09S69
17765	S69-19985			Phạm Văn Trị	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05044/09S69
17766	S69-19986			Hồng Phúc Kháng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05045/09S69
17767	S69-19987			Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05046/09S69
17768	S69-19988	CM-19992		Nguyễn Văn Phấn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/04/2011	01/04/2012	01140/11S69
17769	S69-19989			Lâm Văn Cẩm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05048/09S69
17770	S69-19990			Tạ Văn Tạng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05049/09S69
17771	S69-19991			Dư Tấn Phong	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05050/09S69
17772	S69-19992			Trần Văn Tánh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05051/09S69
17773	S69-19993			Phan Văn Hận	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05052/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17774	S69-19994			Trần Văn Phong	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05053/09S69
17775	S69-19995			Lư Minh Tâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	25/08/2010	05054/09S69
17776	S69-19996			Trần Chí Nguyên	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05055/09S69
17777	S69-19997			Phan Văn Thắng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05056/09S69
17778	S69-19998			Nguyễn Hữu Lợi	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05057/09S69
17779	S69-20000			Nguyễn Minh Cảnh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05059/09S69
17780	S69-20001			Nguyễn Văn Lâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05060/09S69
17781	S69-20002			Lê Hoàng Hiên	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05061/09S69
17782	S69-20003			Nguyễn Văn Thuận	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05062/09S69
17783	S69-20004			Nguyễn Hoàng Oanh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05063/09S69
17784	S69-20005			Trần Vũ Khang	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05064/09S69
17785	S69-20006			Phan Minh Thuận	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05065/09S69
17786	S69-20007			Vi Hoàng Tuấn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05066/09S69
17787	S69-20008			Phạm Văn Đây	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05067/09S69
17788	S69-20009			Nguyễn Chí Tôn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05068/09S69
17789	S69-20010			Trần Văn Chánh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05069/09S69
17790	S69-20011			Hồ Công Định	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/06/2010	05070/09S69
17791	S69-20012	CM-20013		Trần Văn út	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/07/2012	16/07/2013	03838/12S69
17792	S69-20013			Trần Văn Chánh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05072/09S69
17793	S69-20014			Trần Văn Dương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05073/09S69
17794	S69-20015			Nguyễn Thành Đô	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05074/09S69
17795	S69-20016			Nguyễn Văn Vàng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05075/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17796	S69-20017			Nguyễn Thành Văn	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05076/09S69
17797	S69-20018			Trương Tấn Quân	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05077/09S69
17798	S69-20019			Trương Tấn Quân	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05078/09S69
17799	S69-20020			Nguyễn Châu á	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05079/09S69
17800	S69-20021			Trần Văn út	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05080/09S69
17801	S69-20022	CM-20006		Trần Minh Quang	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	19/08/2013	19/08/2014	03909/13S69
17802	S69-20023			Huỳnh Công Luận	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05082/09S69
17803	S69-20024			Nguyễn Quốc Triều Anh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05083/09S69
17804	S69-20025			Phan Văn Nam	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05084/09S69
17805	S69-20026			Huỳnh Tấn Dũng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05085/09S69
17806	S69-20027			Triệu Hoài Bảo	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05086/09S69
17807	S69-20028			Cao Văn Nhớ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05087/09S69
17808	S69-20029			Lương Thanh Hồng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05088/09S69
17809	S69-20030			Võ Văn Tùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05089/09S69
17810	S69-20031			Nguyễn Văn Tỉnh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05090/09S69
17811	S69-20032			Triệu Hoài Bảo	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05091/09S69
17812	S69-20033			Nguyễn Bé Tư	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05092/09S69
17813	S69-20034			Huỳnh Văn Long	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05093/09S69
17814	S69-20035			Nguyễn Hùng Dư	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	22/08/2009	22/08/2010	05094/09S69
17815	S69-20036			Phùng Sơn Thạch	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	24/08/2009	24/08/2010	05099/09S69
17816	S69-20037			Huỳnh Văn Thanh	Phú Mỹ, Huyện Cái Nước	24/08/2009	24/08/2010	05102/09S69
17817	S69-20038			Trương Văn Khởi	Khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau	20/08/2009	20/08/2010	05103/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17818	S69-20039	CM-20712		Võ Trường Giang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/09/2012	14/09/2013	04773/12S69
17819	S69-20040			Cao Văn Trường	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/08/2009	21/08/2010	05105/09S69
17820	S69-20041			Hồng Ngọc Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/08/2009	21/08/2010	05106/09S69
17821	S69-20042			Nguyễn Hoàng Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	21/08/2010	05107/09S69
17822	S69-20043			Trần Văn Đô	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/08/2009	21/08/2010	05108/09S69
17823	S69-20044			Nguyễn Văn Lờ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/08/2009	21/08/2010	05109/09S69
17824	S69-20045			Lê Hùng Thanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/08/2009	21/08/2010	05110/09S69
17825	S69-20046			Lê Hùng Thanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/08/2009	21/08/2010	05111/09S69
17826	S69-20047			Võ Hoàng Nam	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/08/2009	21/08/2010	05112/09S69
17827	S69-20048			Cao Văn Trường	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/08/2009	21/08/2010	05113/09S69
17828	S69-20049			Nguyễn Hoàng Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/08/2009	21/08/2010	05114/09S69
17829	S69-20050	CM-19968		Hồng Ngọc Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01852/13S69
17830	S69-20051			Quách Văn Tèo	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/08/2009	21/08/2010	05116/09S69
17831	S69-20052			Trà Văn Mơi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/08/2009	21/08/2010	05117/09S69
17832	S69-20053	CM-19981		Lâm Chí Lãng	Định Bình, Thành phố Cà Mau	18/10/2011	18/10/2012	03743/11S69
17833	S69-20055			Lâm Minh Sớm	Định Bình, Thành phố Cà Mau	25/08/2009	25/08/2010	05130/09S69
17834	S69-20056	CM-20117		Trần Văn Tạo	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01164/13S69
17835	S69-20057			Lê Văn Sơn	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05132/09S69
17836	S69-20058			Đặng Quốc Sự	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05133/09S69
17837	S69-20059	CM-20116		Ngô Hoàng Khải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04508/13S69
17838	S69-20060			Nguyễn Tiến Sĩ	Tân Ân tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04494/10S69
17839	S69-20061	CM-20119		Trần Văn Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2011	24/08/2012	03087/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17840	S69-20062	CM-20120		Lê út Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2012	09/05/2013	02029/12S69
17841	S69-20064	CM-20195		Tiết Văn Sử	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05790/10S69
17842	S69-20065	CM-20121		Trương Văn Triều	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04746/11S69
17843	S69-20067			Trần Việt Nam	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05142/09S69
17844	S69-20068	CM-20124		Nguyễn Chí Nguyễn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05789/10S69
17845	S69-20069	CM-20122		Tăng Văn Chót	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2011	24/04/2012	01382/11S69
17846	S69-20070	CM-19961		Trần Văn Lên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	18/08/2011	18/08/2012	02782/11S69
17847	S69-20073			Huỳnh Văn Danh	Khánh An, Huyện U Minh	25/08/2009	25/08/2010	05163/09S69
17848	S69-20074	CM-19926		Bùi Thanh Hải	Phường 5, Thành phố Cà Mau	17/08/2010	17/08/2011	00561/10V69
17849	S69-20075	CM-19934		Lê Hoàng Sơn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	07/03/2011	05/03/2012	00745/11S69
17850	S69-20076	CM-19925		Ngô Mười Ba	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	24/12/2012	24/12/2013	09283/12S69
17851	S69-20077	CM-19937		Nguyễn Văn Thiện	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	29/12/2010	29/12/2011	06348/10S69
17852	S69-20078			Dương Thùy Niên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	25/08/2009	25/08/2010	05177/09S69
17853	S69-20079			Trần Văn Lem	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	25/08/2009	25/08/2010	05178/09S69
17854	S69-20080			Nguyễn Văn Thuấn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	25/08/2009	25/08/2010	05179/09S69
17855	S69-20081	CM-19952		Nguyễn Thị Đang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/08/2011	09/08/2012	02642/11S69
17856	S69-20082			Đinh Thị Hiền	Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/08/2009	25/08/2010	05181/09S69
17857	S69-20084	CM-04831		Nguyễn Văn Mến	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05119/10S69
17858	S69-20085			Huỳnh Bé Hai	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	26/08/2009	26/08/2010	05186/09S69
17859	S69-20086			Nguyễn Văn út	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	26/08/2009	26/08/2010	05187/09S69
17860	S69-20089			Trịnh Thanh Triều	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	27/08/2009	27/08/2010	05196/09S69
17861	S69-20090			Nguyễn Văn Trạn	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	27/08/2009	27/08/2010	05197/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17862	S69-20091			Võ Văn Kỳ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	27/08/2009	27/08/2010	05199/09S69
17863	S69-20092			Trần Thanh Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/02/2012	17/02/2013	00546/12S69
17864	S69-20093			Nguyễn Minh Trung	Khánh An, Huyện U Minh	27/08/2009	27/08/2010	05203/09S69
17865	S69-20094			Quách Chí Ngoan	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/08/2009	27/08/2010	05204/09S69
17866	S69-20096			Đình Công Huân	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/09/2010	22/09/2011	04933/06S69
17867	S69-20097	CM-19949		Trần Văn Lùng	Trí Phải, Huyện Thới Bình	05/01/2011	05/07/2011	00047/11S69
17868	S69-20098	CM-19946		Phạm Văn Dương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05542/10S69
17869	S69-20099			Trịnh Văn Dầy	Khánh Thuận, Huyện U Minh	31/08/2009	31/08/2010	05216/09S69
17870	S69-20100	CM-		Kiều Duy Khánh	Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	31/08/2009	31/08/2010	05213/09S69
17871	S69-20101			Trần Tấn Lợi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	31/08/2009	31/08/2010	05217/09S69
17872	S69-20102	CM-19975		Huỳnh Văn Lâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04541/10S69
17873	S69-20103			Nguyễn Thanh Phong	Khóm II, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2009	28/08/2010	05220/09S69
17874	S69-20105			Nguyễn Dũng Kha	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	31/08/2009	31/08/2010	05225/09S69
17875	S69-20106			Nguyễn Văn Hon	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05228/09S69
17876	S69-20107			Lê Văn Quận	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05229/09S69
17877	S69-20108			Huỳnh Minh Hùng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05230/09S69
17878	S69-20109			Trương Minh Luân	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05231/09S69
17879	S69-20110			Trương Văn Hậu	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	01/09/2009	31/08/2010	05232/09S69
17880	S69-20111			Trần Quốc Thuận	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05233/09S69
17881	S69-20112	CM: 20131		Trần Thanh Đợi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/12/2010	16/12/2011	06170/10S69
17882	S69-20113			Trần Hồng Đợi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05235/09S69
17883	S69-20114			Trương Văn Hậu	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05236/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17884	S69-20115	CM-20128		Nguyễn Phú Khánh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	20/01/2011	20/01/2012	00280/11S69
17885	S69-20116			Phạm Công Tuấn	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05238/09S69
17886	S69-20117			Trần Thanh Thường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	31/08/2009	31/08/2010	05240/09S69
17887	S69-20118			Nguyễn Văn Trường	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	01/09/2009	01/09/2010	05241/09S69
17888	S69-20119			Đặng Hoàng Nghĩa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/09/2009	01/09/2010	05242/09S69
17889	S69-20120			Ngô Minh Truyền	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/09/2009	01/09/2010	05246/09S69
17890	S69-20121			Ngô Việt Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04908/10S69
17891	S69-20122	CM-20112		Lê Văn Đáo	Tân Phú , Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	08/03/2012	08/03/2013	00848/12S69
17892	S69-20124			Nghiêm Văn Thương	Thị Trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	02/09/2009	02/09/2010	05255/09S69
17893	S69-20125			Nguyễn Minh Quân	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	05257/09S69
17894	S69-20126			Trần Chí Cường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	05258/09S69
17895	S69-20127			Nguyễn Thanh Dung	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	05259/09S69
17896	S69-20128			Lê Văn Gỏi	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	03/09/2009	03/09/2010	05260/09S69
17897	S69-20129			Phạm Văn Dành	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05261/09S69
17898	S69-20130	CM-20200		Võ Văn Ghi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2012	10/06/2013	02675/12S69
17899	S69-20131	CM-20199		Đỗ Thanh Điền	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04714/10S69
17900	S69-20132	CM-20201		Dương Văn Sơn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04715/10S69
17901	S69-20133			Bùi Thanh Liệt	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05265/09S69
17902	S69-20134			Thái Văn Long	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05266/09S69
17903	S69-20135			Nguyễn Văn Quyền	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05267/09S69
17904	S69-20136			Trần Văn Sal	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05268/09S69
17905	S69-20137	CM-20204		Huỳnh Văn Bình	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00377/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17906	S69-20138			Võ Văn Phong	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	03/09/2009	03/09/2010	05270/09S69
17907	S69-20139			Nguyễn Hải Đăng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	04/09/2009	04/09/2010	05280/09S69
17908	S69-20140	CM-20108		Nguyễn Thanh Trần	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	22/09/2011	22/09/2012	03356/11S69
17909	S69-20141			Nguyễn Trung Tính	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05287/09S69
17910	S69-20142			Trần Văn Thừa	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05288/09S69
17911	S69-20143			Nguyễn Văn Đền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05289/09S69
17912	S69-20144			Đoàn Sóng Võ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05290/09S69
17913	S69-20145			Trần Văn Hà	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05291/09S69
17914	S69-20146			Nguyễn Trọng Hiếu	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05292/09S69
17915	S69-20147			Đặng Hoàng Chiến	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05293/09S69
17916	S69-20148			Nguyễn Việt Quốc	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05294/09S69
17917	S69-20149			Nguyễn Chí Hải	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05295/09S69
17918	S69-20150			Bùi Minh Giang	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05296/09S69
17919	S69-20151			Phan Văn Nên	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05297/09S69
17920	S69-20152			Chung Văn Sơn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05298/09S69
17921	S69-20153			Nguyễn Văn Vinh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05299/09S69
17922	S69-20154			Tô thành Long	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05300/09S69
17923	S69-20155			Đặng Văn lưu	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05301/09S69
17924	S69-20156			Lê Văn Phường	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05302/09S69
17925	S69-20157			Liên Tương Lai	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05303/09S69
17926	S69-20158			Phan Văn Phố	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05304/09S69
17927	S69-20159			Phạm Trọng Nguyễn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05305/06S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17928	S69-20160			Phạm Trọng Nguyễn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05306/06S69
17929	S69-20163	CM-20231		Trần Quốc Khải	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	27/12/2010	27/12/2011	06320/10S69
17930	S69-20164			Nguyễn Việt Hồng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	07/09/2009	07/09/2010	05309/09S69
17931	S69-20165	CM-20111		Nguyễn Văn Nghệ	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	19/12/2012	19/12/2013	08951/12S69
17932	S69-20167	CM-20110		Trần Minh Luân	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/12/2010	20/12/2011	06209/10S69
17933	S69-20168	CM-20138		Võ Thanh Tâm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/10/2012	19/10/2013	05533/12S69
17934	S69-20169	CM-20109		Tô Minh Háo	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/10/2011	20/10/2012	03930/11S69
17935	S69-20170	CM-19666		Đặng Quang Chiến	Trần Thới, Huyện Cái Nước	26/11/2013	26/11/2014	05904/13S69
17936	S69-20172			Đoàn Thanh Lam	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05320/09S69
17937	S69-20173			Đoàn Văn Suông	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05321/09S69
17938	S69-20174			Hồ Xuân Hiền	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05322/09S69
17939	S69-20175			Nguyễn Văn Mẫn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05323/09S69
17940	S69-20176			Lâm Văn Oanh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05324/09S69
17941	S69-20177			Huỳnh Thanh Tấn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05325/09S69
17942	S69-20178			Mai Minh Tuyên	Nguyễn việt khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05326/09S69
17943	S69-20179			Nguyễn Hiền Hoà	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05327/09S69
17944	S69-20180			Dương Chí Công	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05328/09S69
17945	S69-20181			Nguyễn Thanh Tùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05329/09S69
17946	S69-20182			Nguyễn Văn Trơn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05330/09S69
17947	S69-20183	CM-20399		Phan Văn Tấn	Nguyễn việt Khái, Huyện Phú Tân	16/11/2011	16/11/2012	04263/11S69
17948	S69-20184			Trần Thanh Vinh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05332/09S69
17949	S69-20185			Cao Văn Phong	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05333/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17950	S69-20186			Huỳnh Hận	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05334/09S69
17951	S69-20187			Lê Quốc Tuấn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05335/09S69
17952	S69-20188			Phạm Minh Phổ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05336/09S69
17953	S69-20189			Ngô Minh Vũ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05338/09S69
17954	S69-20190			Trần Hải Đăng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05337/09S69
17955	S69-20191			Hồng Văn Đăng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05339/09S69
17956	S69-20192			Hồ Xuân Chàng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	15/09/2009	07/09/2010	05340/09S69
17957	S69-20193			Lê Ngô Lil	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05341/09S69
17958	S69-20195			Võ Văn Bảnh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05343/09S69
17959	S69-20196			Phạm Hồng Công	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05344/09S69
17960	S69-20197			Ngô Hoàng Vũ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05345/09S69
17961	S69-20198			Lê Quốc Khởi	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05346/09S69
17962	S69-20199			Lê Quốc Nam	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05347/09S69
17963	S69-20200			Lê Quốc Hưng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05348/09S69
17964	S69-20201	CM-20393		Trần Thanh Phong	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00224/11S69
17965	S69-20202			Hồng Ngọc Hào	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05350/09S69
17966	S69-20203			Nguyễn Văn Tài	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05351/09S69
17967	S69-20204			Phạm Văn Rông	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05352/09S69
17968	S69-20205			Trần Văn Sù	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05353/09S69
17969	S69-20206			Lê Văn Phụng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05354/09S69
17970	S69-20207			Trần Văn Tèo	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05355/09S69
17971	S69-20208			Cao Hồng Thủy	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05356/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17972	S69-20209			Hồ Văn Niệm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05357/09S69
17973	S69-20210			Ngô Hoàng Lập	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05358/09S69
17974	S69-20211			Tô Minh Văn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05359/09S69
17975	S69-20212			Huỳnh Thanh Truyền	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05360/09S69
17976	S69-20213			Lâm Việt Khải	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05361/09S69
17977	S69-20214			Lâm Thanh Đáng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05362/09S69
17978	S69-20215			Lê Văn Tới	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05363/09S69
17979	S69-20216			Kim Minh Sơn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05364/09S69
17980	S69-20217			Phạm Biên Huy	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05365/09S69
17981	S69-20218			Cao Thanh Em	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05366/09S69
17982	S69-20219			Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05367/09S69
17983	S69-20220			Kiều Trung Tâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05368/09S69
17984	S69-20221			Lê Văn Chiến	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05369/09S69
17985	S69-20222			Nguyễn Văn Nam	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05370/09S69
17986	S69-20223			Kiều Trung Nghi	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05371/09S69
17987	S69-20224			Đinh Văn Hải	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05373/09S69
17988	S69-20225			Nguyễn Hoàng Sơn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05372/09S69
17989	S69-20226			Huỳnh Văn Chính	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05374/09S69
17990	S69-20227			Nguyễn Long Phụng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	25375/09S69
17991	S69-20228			Phạm Văn Điển	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05376/09S69
17992	S69-20229			Võ Văn Mau	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05377/09S69
17993	S69-20230			Trần Văn Nhút	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05378/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
17994	S69-20231			Nguyễn Văn Tâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05379/09S69
17995	S69-20232			Trần Nghĩa Hiệp	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05380/09S69
17996	S69-20233			Nguyễn Văn Dư	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05381/09S69
17997	S69-20234			Trần Văn Khánh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05382/09S69
17998	S69-20235			Huỳnh Văn An	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05383/09S69
17999	S69-20236			Trần Văn Phước	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05384/09S69
18000	S69-20237			Nguyễn Văn Hải	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05385/09S69
18001	S69-20238	CM-20308		Phạm Ngọc Đình	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00196/14S69
18002	S69-20239			Phạm Thái Tổng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05387/09S69
18003	S69-20240			Nguyễn Minh Khương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05388/09S69
18004	S69-20241			Phạm út Nhỏ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05389/09S69
18005	S69-20242			Trần Văn Tý	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05390/09S69
18006	S69-20243			Lâm Thanh Sang	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05391/09S69
18007	S69-20244			Lê Trường Sơn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05392/09S69
18008	S69-20245			Phạm Duy Phúc	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05393/09S69
18009	S69-20246	CM-20323		Ngô Xuân Hiền	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/07/2015	16/07/2016	01300/15S69
18010	S69-20247			Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05395/09S69
18011	S69-20248			Lâm Văn Mộng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05396/09S69
18012	S69-20249			Ngô Hoàng Dương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05397/09S69
18013	S69-20250			Kiều Văn út	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05398/09S69
18014	S69-20251			Lê Văn Hải	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05399/09S69
18015	S69-20252			Chế Văn Sử	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05400/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18016	S69-20253			Nguyễn Thanh Điền	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05401/09S69
18017	S69-20254			Ngô Văn Tiến	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05402/09S69
18018	S69-20255			Nguyễn Văn Nguyên	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05403/09S69
18019	S69-20256			Nguyễn Hoàng Anh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05404/09S69
18020	S69-20257			Huỳnh Quốc Kiệt	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05405/09S69
18021	S69-20258			Huỳnh Hùng Cường	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05406/09S69
18022	S69-20259			Sử Thành Đấu	Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05407/09S69
18023	S69-20260			Đinh Văn Nghĩa	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	20260/09S69
18024	S69-20261			Huỳnh Văn Dĩnh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05409/09S69
18025	S69-20262			Võ Văn Thù	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05410/09S69
18026	S69-20263			Trần Văn Nam	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05411/09S69
18027	S69-20264	CM-20312		Huỳnh Văn Tâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00265/12S69
18028	S69-20265			Võ Văn Tôn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05413/09S69
18029	S69-20266			Võ Minh Cảnh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05414/09S69
18030	S69-20267			Nguyễn Phước Liêm	Nguyễn Văn Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05415/09S69
18031	S69-20268			Huỳnh Hồng Xuân	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05416/09S69
18032	S69-20269			Trần Văn Diệu	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05417/09S69
18033	S69-20270			Đào Phước Lập	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05418/09S69
18034	S69-20271			Nguyễn Minh Dũng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05419/09S69
18035	S69-20272			Phạm Anh Dũng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05420/09S69
18036	S69-20273			Trần Văn Quê	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05421/09S69
18037	S69-20274			Lê Kế Nghiệp	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05422/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18038	S69-20275			Nguyễn Văn Nết	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05423/09S69
18039	S69-20276			Tăng Hồng ửng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05424/09S69
18040	S69-20277			La Văn Chiêu	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05425/09S69
18041	S69-20278			Chế Kiều Oanh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05426/09S69
18042	S69-20279			Phạm Hồng Xuân	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05427/09S69
18043	S69-20280			Phan Thanh Chùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05428/09S69
18044	S69-20281			Phạm Văn Nhung	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05429/09S69
18045	S69-20282			Trần Văn Dễ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05430/09S69
18046	S69-20283			Huỳnh Tài	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05431/09S69
18047	S69-20284			Phạm Tấn Đạt	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05432/09S69
18048	S69-20285			Nguyễn Thị Cúc	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05433/09S69
18049	S69-20286			Huỳnh Minh Đương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05434/09S69
18050	S69-20287			Quách Thanh Hoài	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05435/09S69
18051	S69-20288			Tạ Thanh Trung	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05436/09S69
18052	S69-20289			Trần Thanh Hùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	06/09/2009	06/09/2010	05437/09S69
18053	S69-20290			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Sào Lưới	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05438/09S69
18054	S69-20291			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Sào Lưới	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05439/09S69
18055	S69-20293			Trần Thanh Nhiều	Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05447/09S69
18056	S69-20296			Mã Thanh Sơn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05451/09S69
18057	S69-20297			Triệu Quốc Đăng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05452/09S69
18058	S69-20298			Nguyễn Văn Kinh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05453/09S69
18059	S69-20299			Huỳnh Bé My	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05454/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18060	S69-20300			Lê Trường Sơn	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05455/09S69
18061	S69-20301	CM-20240		Nguyễn Thanh Quang	Khánh Hòa, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04266/12S69
18062	S69-20302			Lê Trường Sa	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05457/09S69
18063	S69-20303			Nguyễn Thị Kim Thanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05458/09S69
18064	S69-20304			Mai Thành Nhị	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05459/09S69
18065	S69-20306			Phạm Thế Cường	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05461/09S69
18066	S69-20307			Nguyễn Hoàng Thọ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05462/09S69
18067	S69-20308			Lâm Văn Thế	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05463/09S69
18068	S69-20309			Nguyễn Văn Thắng	Khánh An, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05464/09S69
18069	S69-20311	CM-20144		Lê Minh Thiện	Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2010	06/08/2011	04207/10S69
18070	S69-20312	CM-20145		Lê Chí Linh	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2010	06/08/2011	04208/10S69
18071	S69-20313			Lê Chí Hăng	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	05478/09S69
18072	S69-20314			Lê Chí Hăng	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2009	29/07/2010	05479/09S69
18073	S69-20315			Trần Minh Sang	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05482/09S69
18074	S69-20316			Nguyễn Minh Đức	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05483/09S69
18075	S69-20317			Nguyễn Văn Thừa	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05484/09S69
18076	S69-20318			Nguyễn Văn Minh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05485/09S69
18077	S69-20319	CM-20251		Trần Văn Cảnh	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	11/11/2013	11/11/2014	05744/13S69
18078	S69-20320			Nguyễn út Nhanh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05487/09S69
18079	S69-20321			Nguyễn Thị Ngân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05488/09S69
18080	S69-20322			Nguyễn Minh Hoàng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05489/09S69
18081	S69-20323			Võ Minh Kha	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05490/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18082	S69-20324			Nguyễn Thu Trang	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05491/09S69
18083	S69-20325			Nguyễn Văn Hận	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05492/09S69
18084	S69-20326			Nguyễn Dũng Tiến	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05493/09S69
18085	S69-20327	CM-20257		Nguyễn Long Sỹ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00992/12S69
18086	S69-20328	CM-03634		Nguyễn Vũ Hoàng	K7 TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2009	10/09/2010	05495/09S69
18087	S69-20329			Từ Tấn Em	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/11/2012	12/11/2013	06441/12S69
18088	S69-20331			Hà Ly Bi Cốp	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2009	24/08/2010	05505/09S69
18089	S69-20332	CM-20595		Lâm Văn Tia	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2010	24/12/2011	06297/10S69
18090	S69-20333			Trần Kim Chi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05508/09S69
18091	S69-20334			Đội Môi Trường xã Tam Giang Tây	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05509/09S69
18092	S69-20335	CM-20591		Tô Hồng Thanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2011	07/07/2012	02238/11S69
18093	S69-20336			Nguyễn Trường Hận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05511/09S69
18094	S69-20337	CM-20594		Châu Trọng Nguyễn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05298/10S69
18095	S69-20338			La Văn Trường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05513/09S69
18096	S69-20339			Lê Văn Nhơn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	11/09/2009	11/09/2010	05531/09S69
18097	S69-20340			Nguyễn Khôi Nguyên	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05533/09S69
18098	S69-20341			Huỳnh Văn Liêm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05534/09S69
18099	S69-20342			Trần Văn Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	15/09/2010	05535/09S69
18100	S69-20343			Đào Bá Tho	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05536/09S69
18101	S69-20344	CM-20592		Nguyễn Minh Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/09/2010	29/09/2011	05066/10S69
18102	S69-20345	CM: 20188		Đinh Hồng Anh	Định Bình, Thành phố Cà Mau	19/01/2011	19/01/2012	00255/11S69
18103	S69-20346	CM-20165		Nguyễn Hoàng Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00880/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18104	S69-20347			La Văn Dũng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2009	14/09/2010	05543/09S69
18105	S69-20348			Trịnh Quốc Vũ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2009	14/09/2010	05544/09S69
18106	S69-20349			Lưu Hoàng Phương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2009	14/09/2010	05545/09S69
18107	S69-20350	CM-20162		Phạm Văn Boi	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	28/11/2010	28/11/2011	05833/10S69
18108	S69-20351			Nguyễn Bá Lộc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2009	14/09/2010	05547/09S69
18109	S69-20352			Nguyễn Thanh Hiền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	21/01/2014	00869/13S69
18110	S69-20353			Mã Thị Thảo	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2009	14/09/2010	05549/09S69
18111	S69-20354	CM-20195		Lê Văn Vũ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00427/13S69
18112	S69-20355			Võ Hoàng Minh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2009	14/09/2010	05551/09S69
18113	S69-20356	CM-20167		Nguyễn Văn Cảnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	03/11/2010	03/11/2011	05492/10S69
18114	S69-20359			DNTN Sử Thành Phú	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	14/09/2009	14/09/2010	05555/09S69
18115	S69-20360			DNTN Sử Thành Phú	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	14/09/2009	14/09/2010	05556/09S69
18116	S69-20361			DNTN Sử Thành Phú	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	14/09/2009	14/09/2010	05557/09S69
18117	S69-20362	CM-20175		Hồ Văn Khoa	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05583/10S69
18118	S69-20363	CM-20148		Nguyễn Quốc Toại	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05236/13S69
18119	S69-20364			Trần Chí Thức	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	14/09/2009	14/09/2010	05568/09S69
18120	S69-20365			Võ Hoà Hưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05571/09S69
18121	S69-20366			Nguyễn Thành Dân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05570/09S69
18122	S69-20368			Nguyễn Văn Công	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05573/09S69
18123	S69-20369			Hồ Hoàng Khởi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05574/09S69
18124	S69-20370			Nguyễn Văn Hòn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05575/09S69
18125	S69-20371			Nguyễn Quốc Trung	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05576/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18126	S69-20372			Nguyễn Văn Lấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05577/09S69
18127	S69-20373			Trần Văn Sơn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05578/09S69
18128	S69-20374			Bùi Trường Nhật	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05579/09S69
18129	S69-20375			Dương Văn Lương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05580/09S69
18130	S69-20376			Nguyễn Văn Châu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05581/09S69
18131	S69-20377	CM-20607		Đặng Hoài Thanh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/09/2012	11/09/2013	04748/12S69
18132	S69-20379			Trần Thanh Thảo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/09/2009	11/09/2010	05592/09S69
18133	S69-20380			Trần Hoàng Nói	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00691/12S69
18134	S69-20381			Đỗ Thị Năm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	14/09/2009	14/09/2010	05594/09S69
18135	S69-20383			Nguyễn Văn Luân	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05597/09S69
18136	S69-20385			Tô Minh Những	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05599/09S69
18137	S69-20386			Lê Thanh Đà	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05600/09S69
18138	S69-20387			Hồ Việt Thanh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05601/09S69
18139	S69-20388			Nguyễn Việt Kỳ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05602/09S69
18140	S69-20389			Nguyễn Văn Dũng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05603/09S69
18141	S69-20390	CM-20529		Nguyễn Trường Giang	xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/08/2011	31/08/2012	03033/11S69
18142	S69-20391	CM: 20532		Trần Văn Giữ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2011	12/11/2012	04188/11S69
18143	S69-20392			Nguyễn Thanh Lâm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05606/09S69
18144	S69-20393			Huỳnh Văn Dễ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05607/09S69
18145	S69-20394	CM-20527		Nguyễn Tấn Đồi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	22/09/2010	22/09/2011	04946/10S69
18146	S69-20395			Nguyễn Hoàng Hải	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05609/09S69
18147	S69-20396			Trần Văn Đây	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05610/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18148	S69-20397	CM: 20531		Trần Văn Năm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04749/10S69
18149	S69-20398			Nguyễn Nha Trang	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05612/09S69
18150	S69-20399	CM-43278		Dương Văn Hải	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00835/11S69
18151	S69-20400	CM-01892		Lê Văn Toàn	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05614/09S69
18152	S69-20401			Lê Văn Toàn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05615/09S69
18153	S69-20402			Lê Hiếu Hỷ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05623/09S69
18154	S69-20403	CM-20184		Trần Chí Công	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05541/10S69
18155	S69-20404			Huỳnh Văn Lẹ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05625/09S69
18156	S69-20405			Phạm Thanh Sang	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05626/09S69
18157	S69-20406			Đinh Văn Thừa	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/09/2009	08/09/2010	05627/09S69
18158	S69-20407			Đoàn Văn Hiền	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/08/2009	28/08/2010	05628/09S69
18159	S69-20408			Lê Văn Nghị	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05629/09S69
18160	S69-20409			Quách Hoài Vũ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05630/09S69
18161	S69-20410			Ngô Minh Khện	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05631/09S69
18162	S69-20411			Phạm Văn Tánh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05632/09S69
18163	S69-20412			Nguyễn Văn Hiến	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05633/09S69
18164	S69-20413			Quách Khánh Ly	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05634/09S69
18165	S69-20414			Quách Hoài Thanh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05635/09S69
18166	S69-20415			Hà Thanh Phong	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05636/09S69
18167	S69-20416			Đoàn Thị Chiến	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05637/09S69
18168	S69-20417			Nguyễn Thị Liễu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05638/09S69
18169	S69-20418			Nguyễn Văn Thông	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05639/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18170	S69-20419			Nguyễn Văn Thường	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05460/09S69
18171	S69-20420			Trần Văn Tạng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05641/09S69
18172	S69-20421			Trần Văn Trì	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05642/09S69
18173	S69-20422			Huỳnh Văn To	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05643/09S69
18174	S69-20423			Trương Huệ Lâm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05644/09S69
18175	S69-20424			Huỳnh Văn Liệt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05645/09S69
18176	S69-20425			Nguyễn Văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05646/09S69
18177	S69-20426			Trần Văn út	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05647/09S69
18178	S69-20427			Huỳnh Quốc Khánh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05648/09S69
18179	S69-20428			Bùi Minh Nguyệt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05649/09S69
18180	S69-20429			Nguyễn Văn Khởi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05650/09S69
18181	S69-20430			Nguyễn Văn Điều	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05651/09S69
18182	S69-20431			Lê Văn Dây	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05652/09S69
18183	S69-20432			Nguyễn Văn Ru	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05653/09S69
18184	S69-20433	CM-20408		Ngô Thành Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	27/08/2011	27/08/2012	02958/11S69
18185	S69-20434			Mai Quốc Khải	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05655/09S69
18186	S69-20435			Thái Thành Kiển	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05656/09S69
18187	S69-20436	CM-20447		Nguyễn Văn Bảy	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05586/10S69
18188	S69-20437			Liều Văn Thắng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05658/09S69
18189	S69-20438			Cao Văn Tuấn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05659/09S69
18190	S69-20439			Thái Trinh Hiểu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05660/09S69
18191	S69-20440			Võ Minh Thi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05662/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18192	S69-20441			Trần Văn Liễu	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05663/09S69
18193	S69-20442			Đoàn Văn Khởi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05664/09S69
18194	S69-20443			Nguyễn Văn Lãng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05665/09S69
18195	S69-20444	CM-20442		Quách Minh Răng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2013	10/09/2014	04275/13S69
18196	S69-20445			Võ Thanh Sơn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05667/09S69
18197	S69-20446			Nguyễn Văn Mộng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05668/09S69
18198	S69-20447			Quách Văn Hon	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05669/09S69
18199	S69-20448			Trịnh Văn út	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05670/09S69
18200	S69-20449			Lưu Minh Duông	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05671/09S69
18201	S69-20450			Trịnh Minh Đương	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05672/09S69
18202	S69-20451	CM-20451		Bùi Văn Um	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	21/04/2011	21/04/2012	01287/11S69
18203	S69-20452			Nguyễn Minh Hợp	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2009	11/09/2010	05674/09S69
18204	S69-20454	CM-20178	Chở Học Sinh	Trần Minh Bềnh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04356/10S69
18205	S69-20455			Lê Minh Duyên	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	31/08/2009	31/08/2010	05679/09S69
18206	S69-20456			Phan Việt Sử	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/09/2009	16/09/2010	05683/09S69
18207	S69-20457			Võ Văn Đông	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2012	10/07/2013	03659/12S69
18208	S69-20458	CM-20170		Trần Minh Sơn	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07892/12S69
18209	S69-20459			Nguyễn Hoàng Nhứt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/09/2009	16/09/2010	05686/09S69
18210	S69-20461	CM-20520		Đoái Minh Giây	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02950/12S69
18211	S69-20462	CM-20509		Đỗ Văn Thương	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05643/10S69
18212	S69-20463			Trần Văn Tiên	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05692/09S69
18213	S69-20464			Võ Văn Lil	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05693/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18214	S69-20465	CM-20514		Lâm Văn Nhanh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05641/10S69
18215	S69-20466	CM-20513		Đỗ Văn Bạc	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/12/2011	16/12/2012	04905/11S69
18216	S69-20467			Trần Văn Toàn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05696/09S69
18217	S69-20468	CM-20508		Đỗ Hoài Linh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05639/10S69
18218	S69-20469	CM-20517		Ngô Thanh Bình	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2013	16/11/2014	05803/13S69
18219	S69-20470	CM-20510		Lâm Văn Trường	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05642/10S69
18220	S69-20471			Huỳnh Văn Huynh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05700/09S69
18221	S69-20472			Nguyễn Minh Thư	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05701/09S69
18222	S69-20473	CM-20511		Nguyễn Văn Khánh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2012	16/09/2013	04777/12S69
18223	S69-20475			Đỗ Văn Dạng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05703/09S69
18224	S69-20476			Võ Thị Hạnh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05705/09S69
18225	S69-20477			Trần Bảo Xuyên	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05706/09S69
18226	S69-20478			Nguyễn Văn Trục	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05708/09S69
18227	S69-20479			Lâm Trần Lâm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05709/09S69
18228	S69-20480	CM-72191		Lư Thanh LiL	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00577/13S69
18229	S69-20481			Trần Quốc Khánh	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05711/09S69
18230	S69-20482			Phạm Tấn Lộc	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05712/09S69
18231	S69-20483			Phạm Tấn Phước	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05713/09S69
18232	S69-20484			Phạm Văn Thọ	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05714/09S69
18233	S69-20485			Nguyễn Thành Lập	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05715/09S69
18234	S69-20486			Nguyễn Vũ Lâm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05716/09S69
18235	S69-20487			Nguyễn Văn Kịch	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05717/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18236	S69-20488			Cao Bé Mười	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05718/09S69
18237	S69-20489			Nguyễn Văn Hôn	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05719/09S69
18238	S69-20490			Trần Văn Thành	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05720/09S69
18239	S69-20491			Nguyễn Văn Rượu	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05721/09S69
18240	S69-20492	CM-20169		Nguyễn Văn Việt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/09/2010	17/09/2011	04810/10S69
18241	S69-20493			Lâm Hồng Xuân	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05723/09S69
18242	S69-20494			Lê Văn Sơn	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05724/09S69
18243	S69-20495			Trần Hữu Tuấn	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05725/09S69
18244	S69-20496			Phạm Văn Thoại	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05726/09S69
18245	S69-20497	CM-20459		Đặng Văn Ly	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05636/10S69
18246	S69-20498			Mai Văn Kha	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05728/09S69
18247	S69-20499			Trần Văn Khoẻ	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05729/09S69
18248	S69-20500			Trần Văn Nhon	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05730/09S69
18249	S69-20501			Hồng Minh Tãi	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05731/09S69
18250	S69-20502			Lâm Văn Bé Năm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05732/09S69
18251	S69-20503			Nguyễn Văn Liêm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05733/09S69
18252	S69-20504			Lê Tấn Việt	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05734/09S69
18253	S69-20505			Nguyễn Minh Tuấn	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05735/09S69
18254	S69-20506			Phạm Văn Mạnh	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05736/09S69
18255	S69-20507			Trần Văn Khuyến	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05737/09S69
18256	S69-20508			Phan Văn Phon	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05738/09S69
18257	S69-20509			Phan Văn Minh	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05739/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18258	S69-20510			Trần Kế Trường	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05740/09S69
18259	S69-20511			Nguyễn Thanh Sơn	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05741/09S69
18260	S69-20512			Trần Thanh Tuấn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05742/09S69
18261	S69-20513	CM-20490		Nguyễn Tấn Tới	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	22/01/2013	22/01/2014	00872/13S69
18262	S69-20515	CM-20193		Nguyễn Đức Toàn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	19/12/2012	19/12/2013	08943/12S69
18263	S69-20516			Hồ Văn Hùng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/09/2009	12/09/2010	05751/09S69
18264	S69-20517			Châu Văn Bằng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/09/2009	12/09/2010	05752/09S69
18265	S69-20519			Ban Quản Lý Rừng Phòng Hộ Sào Lưới	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	07/09/2009	07/09/2010	05754/09S69
18266	S69-20520	CM-20264		Nguyễn Hoàng Dũng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03656/11S69
18267	S69-20521			Nguyễn Văn Khởi	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05756/09S69
18268	S69-20522	CM-		Nguyễn Ngọc Châu	Phú Tân, Huyện Phú Tân	10/12/2010	10/12/2011	06034/10S69
18269	S69-20523			Nguyễn Văn Dũng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	21/09/2009	21/09/2010	05758/09S69
18270	S69-20524	CM-20263		Trần Bảo	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	13/01/2016	13/07/2016	00125/16S69
18271	S69-20525			Phạm Chí Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05761/09S69
18272	S69-20526	CM-20564		Trần Văn ú	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2011	20/02/2012	00706/11S69
18273	S69-20527	CM-20552		Nguyễn Hữu Phúc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04912/10S69
18274	S69-20528			Nguyễn Quang Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05764/09S69
18275	S69-20529			Lê Thanh Hùng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05765/09S69
18276	S69-20530	CM-20578		Lâm Hoàng Toán	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09266/12S69
18277	S69-20531			Cao Hoàng Lâm	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05767/09S69
18278	S69-20532	CM-20553		Nguyễn Văn Thế	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/02/2013	21/02/2014	01329/13S69
18279	S69-20533			Phan Văn Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05769/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18280	S69-20534			Lê Văn Phương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05770/09S69
18281	S69-20535			Phạm Văn Lành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05771/09S69
18282	S69-20536			Đỗ Văn Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05772/09S69
18283	S69-20537			Nguyễn Văn Hai	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05773/09S69
18284	S69-20538			Dương Hữu Khil	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05774/09S69
18285	S69-20539	CM-20574		Phan Hồng Xuân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09258/12S69
18286	S69-20540			Nguyễn Văn Triều	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05776/09S69
18287	S69-20541			Huỳnh Tấn Phát	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05777/09S69
18288	S69-20542	CM-20577		Trương Hoài Phương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04609/11S69
18289	S69-20543			Lâm Hoàng Diễn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05779/09S69
18290	S69-20544			Nguyễn Hùng Em	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05780/09S69
18291	S69-20545	CM-20581		Nguyễn Duy Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2013	12/06/2014	03089/13S69
18292	S69-20546			Hồ Văn Mười	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05782/09S69
18293	S69-20547			Nguyễn Văn Tới	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05783/09S69
18294	S69-20548	CM: 20569		Nguyễn Văn út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04893/10S69
18295	S69-20549			Trương Hoàng Vũ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05785/09S69
18296	S69-20550			Nguyễn Minh Thư	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05786/09S69
18297	S69-20551	CM-20555		Lê Văn út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05469/12S69
18298	S69-20552			Huỳnh Văn Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2009	20/09/2010	05788/09S69
18299	S69-20553			Lê Thanh Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05789/09S69
18300	S69-20554			Tạ Thanh Nhanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05790/09S69
18301	S69-20555	CM-20549		Dương Văn Tam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05044/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18302	S69-20556			Nguyễn Quốc Vũ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05792/09S69
18303	S69-20557			Trần Tuấn Vũ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05793/09S69
18304	S69-20558			Hà Văn Đen	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05794/09S69
18305	S69-20559			Trương Hồng Y	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05795/09S69
18306	S69-20560			Nguyễn Hoàng Oanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03914/11S69
18307	S69-20561			Hồ Văn Hiển	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/09/2009	20/09/2010	05797/09S69
18308	S69-20562			Trần Văn Thống	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05798/09S69
18309	S69-20563			Tăng Văn Ngỏ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05799/09S69
18310	S69-20564			Nguyễn Minh Nhật	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2009	20/09/2010	05800/09S69
18311	S69-20565	CM-20567		Đặng Hồng Phúc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02851/12S69
18312	S69-20566	CM-03353		Huỳnh Mỹ Hén	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/02/2012	20/02/2013	00620/12S69
18313	S69-20567			Nguyễn Văn Bằng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2009	16/09/2010	05930/09S69
18314	S69-20568			Nguyễn Máy	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	10/03/2011	10/03/2012	00804/11S69
18315	S69-20569			Phạm Văn Phụng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/09/2009	20/09/2010	05932/09S69
18316	S69-20570	CM-20266		Phan Văn Nhàn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/04/2015	20/04/2016	00749/15S69
18317	S69-20571			Nguyễn Văn út	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05821/09S69
18318	S69-20572	CM-20693		Nguyễn Minh Lương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03506/11S69
18319	S69-20573			Chung Văn Lễ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05823/09S69
18320	S69-20574			Phạm Văn Đông	Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00539/10S69
18321	S69-20575			Dương Hoàng Triều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05825/09S69
18322	S69-20576			Nguyễn Thu Trang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05826/09S69
18323	S69-20577	CM-20671		Phạm Thành Ân	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03195/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18324	S69-20578			Tổng Văn Hòa	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10174/12S69
18325	S69-20579			Châu Thành Được	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05847/09S69
18326	S69-20580	CM-20672		Nguyễn Minh Đăng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04018/11S69
18327	S69-20581	CM-20686		Nguyễn Thành Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	08/12/2010	08/12/2011	05929/10S69
18328	S69-20582			Vưu Tấn Tài	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05832/09S69
18329	S69-20583			Nguyễn Quốc Nghĩa	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05833/09S69
18330	S69-20584	CM-20701		Vưu Hùng Cường	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07785/12S69
18331	S69-20585			Phan Thanh Ngoan	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05835/09S69
18332	S69-20586			Nguyễn Văn ở	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05836/09S69
18333	S69-20587	CM-20683		Hồ Thành Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04591/12S69
18334	S69-20588			Nguyễn Văn Nhũ	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05838/09S69
18335	S69-20589	CM: 20683		Lê Hoàng Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05040/10S69
18336	S69-20590	CM-20699		Ngô Hoàng Nam	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	30/01/2013	30/01/2014	01089/13S69
18337	S69-20591			Ngô Minh Cẩm	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05841/09S69
18338	S69-20592			Đào Văn Thông	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05842/09S69
18339	S69-20593	CM: 20684		Nguyễn Hoàng Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05033/10S69
18340	S69-20594	CM-20674		Nguyễn Văn Quý	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06584/13S69
18341	S69-20595	CM-20692		Trịnh Hoài Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09159/12S69
18342	S69-20596	CM-20695		Ngô Công Thành	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00715/12S69
18343	S69-20598			Huỳnh Văn Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05848/09S69
18344	S69-20599			Huỳnh Chí Tôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05849/09S69
18345	S69-20600	CM: 20669		Huỳnh Văn Bình	Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04497/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18346	S69-20601			Nguyễn Văn Ngàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05851/09S69
18347	S69-20602	CM-20673		Trần Văn Kết	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05024/10S69
18348	S69-20603	CM-20679		Nguyễn Thị Năm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06376/12S69
18349	S69-20604			Đoàn Thanh Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05854/09S69
18350	S69-20605			Huỳnh Văn Nam	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05855/09S69
18351	S69-20606			Dư Văn Tỷ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05856/09S69
18352	S69-20607			Tạ Thanh Tuấn	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05857/09S69
18353	S69-20608	CM-21002		Ngô Trung Tiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04851/12S69
18354	S69-20609			Nguyễn Tuấn Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05859/09S69
18355	S69-20611	CM-20697		Lê Minh Công	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	30/08/2013	30/08/2014	04172/13S69
18356	S69-20612	CM-20709		Ngô Thành Tỷ	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	08/05/2014	08/05/2015	01225/14S69
18357	S69-20613			Phạm Văn Trắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/09/2009	20/09/2010	05863/09S69
18358	S69-20614	CM-21001		Lê Thanh Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04944/12S69
18359	S69-20615	CM-20690		Nguyễn Văn Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05175/12S69
18360	S69-20616	CM-20261		Trần Huy Chương	Hàm Rông, Huyện Năm Căn	07/10/2010	07/10/2011	05150/10S69
18361	S69-20617			Lý Quốc Vũ	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	22/09/2009	22/09/2010	05940/09S69
18362	S69-20618			Nguyễn Thanh Tú	Định Bình, Thành phố Cà Mau	22/09/2009	22/09/2010	05941/09S69
18363	S69-20619	CM-20274		Trần Văn Cuội	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/11/2013	25/11/2014	05895/13S69
18364	S69-20620	CM-20273		Phạm Thanh Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	23/01/2011	23/07/2011	00376/11S69
18365	S69-20621	CM-01085		Cty Cổ Phần Xây Lắp Điện Cà Mau	Số 10, Lý Văn Lâm, P1, Thành phố Cà Mau	28/02/2014	28/02/2015	00526/14S69
18366	S69-20622	CM- 20272		Nguyễn Văn Triều	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10258/12S69
18367	S69-20623			Ngô Hùng Anh	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	24/09/2009	24/09/2010	05954/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18368	S69-20624	CM-20268		Lý Vũ Thanh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2010	04/10/2011	05128/10S69
18369	S69-20625	CM-20276		Lê Hoàng Em	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/09/2010	24/09/2011	04956/10S69
18370	S69-20627			Lê Minh Cảnh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/09/2009	10/09/2010	05961/09S69
18371	S69-20628			Lê Minh Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05962/09S69
18372	S69-20629			Dương Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05963/09S69
18373	S69-20630	CM-20640		Đoàn Văn út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05455/13S69
18374	S69-20631	CM-20639		Phạm Ngọc Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2010	24/09/2011	04975/10S69
18375	S69-20632	CM-20650		Nguyễn Văn Thoảng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2011	24/01/2012	00351/11S69
18376	S69-20634			Trần Thanh Bè	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05968/09S69
18377	S69-20635			Nguyễn Thanh Dũng	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05969/09S69
18378	S69-20636			Ngô Văn Hoà	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05970/09S69
18379	S69-20637	CM-20799		Nguyễn Văn Tý Em	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/11/2011	12/11/2012	04183/11S69
18380	S69-20638	CM-20641		Nguyễn Vi Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05614/12S69
18381	S69-20639	CM: 20634		Nguyễn Xuân Viếng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2010	24/10/2011	05377/10S69
18382	S69-20640			Nguyễn Trung Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05974/09S69
18383	S69-20641			Nguyễn Văn Chuẩn	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05975/09S69
18384	S69-20642			Nguyễn Văn Lưng	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05976/09S69
18385	S69-20643			Trần Văn Sang	Thị Trấn Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05977/09S69
18386	S69-20644	CM-20623		Nguyễn Văn Trồn	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00482/14S69
18387	S69-20645	CM-66388		Nguyễn Văn Minh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05612/12S69
18388	S69-20646	CM-20644		Lê Thanh Duy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2011	24/06/2012	02293/11S69
18389	S69-20647	CM-20635		Lê Thanh Hải	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2011	24/02/2012	00617/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18390	S69-20648			Huỳnh Hữu Triệu	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05982/09S69
18391	S69-20649			Mai Ngọc Thống	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05983/09S69
18392	S69-20650			Đỗ Hữu Tính	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05984/09S69
18393	S69-20651			Huỳnh Hoàng Toàn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05985/09S69
18394	S69-20652	CM-20638		Trần Quốc Phong	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2013	24/11/2014	05876/13S69
18395	S69-20653	CM-20649		Nguyễn Duy Tân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	29/03/2012	29/03/2013	01242/12S69
18396	S69-20654			Mai Ngọc Hôn	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05988/09S69
18397	S69-20655	CM: 20633		Phan Quốc Tiến	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2010	24/10/2011	05373/10S69
18398	S69-20656			Nguyễn Trung Dũng	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05989/09S69
18399	S69-20657			Lê Quốc Sử	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05991/09S69
18400	S69-20659	CM: 20628		Huỳnh Minh Đạt	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2010	24/10/2011	05374/10S69
18401	S69-20660			Nguyễn Thành Tâm	Thị Trấn Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05994/09S69
18402	S69-20661	CM-20646		Đặng Văn Tèo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2014	24/05/2015	01373/14S69
18403	S69-20663	CM-20277		Phạm Minh Tẩy	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06207/10S69
18404	S69-20664			Nguyễn Ngọc Xe	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	28/09/2009	28/09/2010	06008/09S69
18405	S69-20665			Bùi Văn Um	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	28/09/2009	28/09/2010	06012/09S69
18406	S69-20666			Khổng Minh Mẫn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/09/2009	28/09/2010	06013/09S69
18407	S69-20667	CM-20401		Nguyễn Thắng Lợi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	30/11/2010	30/11/2011	05848/10S69
18408	S69-20668			Nguyễn Vũ Cơ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	29/09/2009	29/09/2010	06018/09S69
18409	S69-20670	CM-20456		Phạm Văn Linh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/11/2011	30/11/2012	04654/11S69
18410	S69-20671			Phạm Văn Tèo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2009	29/09/2010	06021/09S69
18411	S69-20672			Trần Văn Triệu	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	29/09/2009	29/09/2010	06023/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18412	S69-20674			Mai Đạt Hậu	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	29/09/2009	29/09/2010	06025/09S69
18413	S69-20675	CM-20662		Trang Văn Dal	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10323/12S69
18414	S69-20676			Nguyễn Thanh Hải	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/09/2009	28/09/2010	06027/09S69
18415	S69-20677			Trần Văn Việt	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	30/09/2009	28/09/2010	06028/09S69
18416	S69-20678			Trương Thanh Tuấn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/09/2009	28/09/2010	06029/09S69
18417	S69-20679	CM: 20660		Trần Đăng Khoa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/10/2010	28/10/2011	05439/10S69
18418	S69-20680			Nguyễn Văn Thuận	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	30/09/2009	28/09/2010	06031/09S69
18419	S69-20681			Ngô Văn Mót	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	30/09/2009	28/09/2010	06032/09S69
18420	S69-20682	CM-20661		Nguyễn Văn Thúc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10283/12S69
18421	S69-20683	CM-20664		Tạ Văn Trung	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00938/13S69
18422	S69-20684			Phạm Thành Tôn, DNTN Thành An	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	30/09/2009	30/09/2010	06041/09S69
18423	S69-20685			Phạm Thành Tôn, DNTN Thành An	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	30/09/2009	30/09/2010	06042/09S69
18424	S69-20686			Nguyễn Văn Xô	Phường 4, Thành phố Cà Mau	02/10/2009	01/10/2010	06047/09S69
18425	S69-20687	CM-20618		Nguyễn Văn Hùng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06177/13S69
18426	S69-20688	CM-20617		Lê Văn Luân	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06182/13S69
18427	S69-20689			Từ Văn Vẹn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2009	30/09/2010	06056/09S69
18428	S69-20690	CM-20615		Trần Văn Sáu	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/11/2011	12/11/2012	04185/11S69
18429	S69-20691	CM-20458		Lê Thị Thúy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04451/13S69
18430	S69-20694	CM-20506		Nguyễn Văn Đảm	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	31/08/2011	31/08/2012	03029/11S69
18431	S69-20695	CM-20505		Trần Văn ỏn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05091/10S69
18432	S69-20696			Phan Văn Nghiệp	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	02/10/2009	02/10/2010	06073/09S69
18433	S69-20698			Phan Văn Hồi	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	07/10/2009	03/10/2010	06079/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18434	S69-20699			Nguyễn Thuý ái	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06080/09S69
18435	S69-20700			Trần Văn Được	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06081/09S69
18436	S69-20701			Dương Hoàng Nghĩa	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06082/09S69
18437	S69-20702			Trần Văn Tâm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06083/09S69
18438	S69-20703			Nguyễn Văn Duyên	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06084/09S69
18439	S69-20704	CM-20725		Dương Chí Tâm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	10/11/2010	10/11/2011	05545/10S69
18440	S69-20705			Đỗ Hồng Sơn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06086/09S69
18441	S69-20706			Công An Xã Phú Mỹ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06087/09S69
18442	S69-20707			Lê Văn Hoàng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06088/09S69
18443	S69-20708			Phan Thanh Việt	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06089/09S69
18444	S69-20709			Nguyễn Hoàng Ghi	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06090/09S69
18445	S69-20710			Nguyễn Minh Luân	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06091/09S69
18446	S69-20711			Lê Văn Ba	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06092/09S69
18447	S69-20712			Dương Thanh Bình	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06093/09S69
18448	S69-20713			Đỗ Minh Tiệp	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06094/09S69
18449	S69-20714			Thái Văn Hùng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/11/2011	23/11/2012	04331/11S69
18450	S69-20715			Phan Công Đoàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06096/09S69
18451	S69-20716			Nguyễn Văn Đen	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06097/09S69
18452	S69-20717			Bùi út Em	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06098/09S69
18453	S69-20718			Lê Thanh Liêm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06099/09S69
18454	S69-20719			Nguyễn Văn Quốc	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06100/09S69
18455	S69-20720	CM-20745		Huỳnh Thanh Tú	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/12/2010	08/12/2011	05931/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18456	S69-20721			Bùi Văn Dũng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06102/09S69
18457	S69-20722			Phan Văn Vũ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06103/09S69
18458	S69-20723			Trịnh Kha Lil	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06104/09S69
18459	S69-20724			Phan Văn Nông	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06105/09S69
18460	S69-20725			Nguyễn Minh Cần	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06106/09S69
18461	S69-20726			Phạm Chí Nguyễn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06107/09S69
18462	S69-20727	CM-20742		Tăng Văn Hậu	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	25/02/2011	25/02/2012	00603/11S69
18463	S69-20728			Huỳnh Văn Triều	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	03/10/2009	03/10/2010	06109/09S69
18464	S69-20729	CM-20612		Trần Văn Thiệt	Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	22/05/2012	22/05/2013	02235/12S69
18465	S69-20730	CM-20496		Nguyễn Hiệp Sỹ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05026/10S69
18466	S69-20731			Dương Minh Đức	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/10/2010	06118/09S69
18467	S69-20732			Đỗ Văn Sùng	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/10/2010	06119/09S69
18468	S69-20733			Nguyễn Văn Đùng	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/10/2010	06120/09S69
18469	S69-20734			Dương Văn Miên	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/10/2010	06121/09S69
18470	S69-20735			Trần Thanh Bình	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/10/2010	06122/09S69
18471	S69-20736			Nguyễn Văn Mến	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/10/2010	06123/09S69
18472	S69-20737			Nguyễn Văn Mến	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/10/2010	06124/09S69
18473	S69-20738			Nguyễn Trường Giang	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/10/2010	06125/09S69
18474	S69-20739			Phạm Thanh Tòng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	05/10/2009	05/10/2010	06126/09S69
18475	S69-20740			Võ Văn Mãng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2009	06/10/2010	06132/09S69
18476	S69-20741			Trần Trường Giang	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2009	06/10/2010	06133/09S69
18477	S69-20742			Ngô Thanh Trảng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2009	06/10/2010	06134/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18478	S69-20743			Nguyễn Hồng Cẩm	Phường 1, Thành phố Cà Mau	07/10/2009	07/10/2010	06135/09S69
18479	S69-20744	CM-20143		DNTN Nguyễn Bảo Toàn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2012	13/11/2013	06724/12S69
18480	S69-20745	CM-20142		DNTN Nguyễn Bảo Toàn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2012	13/11/2013	06725/12S69
18481	S69-20746			Lê Chí Hiếu	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/10/2009	07/10/2010	06139/09S69
18482	S69-20747			Châu Văn Tuấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	07/10/2009	07/10/2010	06140/09S69
18483	S69-20748			Hồng Trọng Khang	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06144/09S69
18484	S69-20749			Nguyễn Văn Bình	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06145/09S69
18485	S69-20750			Nguyễn Văn Ngòi	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06146/09S69
18486	S69-20751			Nguyễn Văn Nhà	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06147/09S69
18487	S69-20752			Đặng Công Khoảnh	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06148/09S69
18488	S69-20753			Lê Trọng Luật	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	05/10/2010	06149/09S69
18489	S69-20754			Huỳnh Văn Thống	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06150/09S69
18490	S69-20755	CM-20757		Ong Phú Quới	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05637/10S69
18491	S69-20756			Nguyễn Hoàng Huynh	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06152/09S69
18492	S69-20757			Võ Ngọc Hận	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06153/09S69
18493	S69-20758			Trần Văn Luân	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06154/09S69
18494	S69-20759			Lê Văn Chính	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06155/09S69
18495	S69-20760			Cao Chí Nguyễn	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06156/09S69
18496	S69-20761			Ông Văn Hùng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/10/2009	06/10/2010	06157/09S69
18497	S69-20762			Phạm Văn Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	08/10/2009	08/10/2010	06160/09S69
18498	S69-20763			Trương Văn Hùng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	08/10/2009	08/10/2010	06161/09S69
18499	S69-20764			Lâm Văn Phi	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	08/10/2009	08/10/2010	06162/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18500	S69-20765			Nguyễn Văn Gọn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/10/2009	08/10/2010	06163/09S69
18501	S69-20766			Nguyễn Công Lệnh	Tân an Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/10/2009	09/10/2010	06166/09S69
18502	S69-20768			Trần Hoàng Vũ	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	06168/09S69
18503	S69-20769	CM-21590		Hồ út Mười Hai	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/12/2012	07824/12S69
18504	S69-20771			Huỳnh Công Nghiệp	Khánh Hội, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06170/09S69
18505	S69-20772			Huỳnh Văn Linh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06171/09S69
18506	S69-20773			Thái Văn Kiểm	Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06172/09S69
18507	S69-20774			Nguyễn Văn Minh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06173/09S69
18508	S69-20775			Đặng Thị Hiền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06174/09S69
18509	S69-20776			Lê Hoàng Diễn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06175/09S69
18510	S69-20777			Lê Thanh Bình	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06176/09S69
18511	S69-20778			Lê Quốc Văn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06177/09S69
18512	S69-20779			Nguyễn Kim Cương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06178/09S69
18513	S69-20780			Nguyễn Văn Thi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06179/09S69
18514	S69-20781			Trần Tiến Lên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06180/09S69
18515	S69-20782			Nguyễn Văn Bạc	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06181/09S69
18516	S69-20783			Phan Văn Hóa	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06182/09S69
18517	S69-20784			Lê Hoàng Thơ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06183/09S69
18518	S69-20785			Nguyễn Thái Hà	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06184/09S69
18519	S69-20786			Trần Văn Phước	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06185/09S69
18520	S69-20787			Tô Văn Mum	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06186/09S69
18521	S69-20788			Đỗ Văn Toàn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06187/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18522	S69-20789			Nguyễn Văn Hiền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06188/09S69
18523	S69-20790			Trần Thế Giới	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06189/09S69
18524	S69-20791			Lê Văn Pháp	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06190/09S69
18525	S69-20792			Phạm Minh Vương	Khánh Hội, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06191/09S69
18526	S69-20793			Đảng uỷ Xã Khánh Thuận	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06192/09S69
18527	S69-20794			Đào Tấn Đại	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06193/09S69
18528	S69-20795			Nguyễn Tấn Đạt	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06194/09S69
18529	S69-20796			Nguyễn Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06195/09S69
18530	S69-20797			Nguyễn Vũ Cần	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06196/09S69
18531	S69-20798			Trần Văn Ngọc	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06197/09S69
18532	S69-20799			Nguyễn Quốc Lâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06198/09S69
18533	S69-20800			Trần Văn Luận	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04269/12S69
18534	S69-20801			Trần Y Rắc	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06200/09S69
18535	S69-20802			Nguyễn Văn Lập	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06201/09S69
18536	S69-20803			Nguyễn Văn Suôi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02436/12S69
18537	S69-20804	CM-20853		Đỗ Văn Khén	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01420/11S69
18538	S69-20805			Châu Bảo Sơn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06204/09S69
18539	S69-20806			Huỳnh Văn Thừa	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06205/09S69
18540	S69-20807			Đoàn Văn Tiên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06206/09S69
18541	S69-20808			Phạm Thanh Truyền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06207/09S69
18542	S69-20809			Trần Văn Liêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06208/09S69
18543	S69-20810			Đỗ Văn Tuấn	K4, TTU Minh, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06209/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18544	S69-20811			Lê Tuấn Ngoan	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06210/09S69
18545	S69-20812			Võ Thị Lựu	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06211/09S69
18546	S69-20813			Trần Văn Đứng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06212/09S69
18547	S69-20814			Nguyễn Văn Khang	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06213/09S69
18548	S69-20815			Nguyễn Văn Giảng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06214/09S69
18549	S69-20816			Cao Hoàng Huy	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06215/09S69
18550	S69-20817			Trịnh Quốc Lan	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06216/09S69
18551	S69-20818			Lương Văn Liêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06217/09S69
18552	S69-20819			Nguyễn ánh Xuân	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06218/09S69
18553	S69-20820			Trần Văn Ke	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06219/09S69
18554	S69-20821			Trần Minh Lương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06220/09S69
18555	S69-20822			Nguyễn Thị Diện	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06221/09S69
18556	S69-20823			Trần Văn Tiếp	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06222/09S69
18557	S69-20825			Nguyễn Văn Thành	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06224/09S69
18558	S69-20826			Lâm Văn Thối	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06225/09S69
18559	S69-20827			Nguyễn Văn Đấng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06226/09S69
18560	S69-20828			Lê Quang Đảm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06227/09S69
18561	S69-20829			Võ Văn Đương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06228/09S69
18562	S69-20830			Lê Văn Phô	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06229/09S69
18563	S69-20831			Nguyễn Văn Mây	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06230/09S69
18564	S69-20832			Võ Việt Triều	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06231/09S69
18565	S69-20833			Nguyễn Văn Nhân	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06232/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18566	S69-20834			Nguyễn Văn Bền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06233/09S69
18567	S69-20835			Tạ Văn Trí	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06234/09S69
18568	S69-20836			Quách Văn Điền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06235/09S69
18569	S69-20837			Phạm Văn Dũng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06236/09S69
18570	S69-20838			Dương Chi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06237/09S69
18571	S69-20839			Phạm Văn Chiến	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06238/09S69
18572	S69-20840			Phạm Văn Thanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06239/09S69
18573	S69-20841			Nguyễn Văn Mười	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06240/09S69
18574	S69-20842			Nguyễn Văn Tuồng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06241/09S69
18575	S69-20843			Phạm Văn Vũ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06242/09S69
18576	S69-20844	CM-20851		Nguyễn Quốc Kết	Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00519/11S69
18577	S69-20845			Trần Trung Tính	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06244/09S69
18578	S69-20846			Nguyễn Hoàng Vinh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06245/09S69
18579	S69-20847			Lâm Thị Bích	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06246/09S69
18580	S69-20848			Phan Thanh Trung	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06247/09S69
18581	S69-20849			Lương Văn Hận	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06248/09S69
18582	S69-20850			Nguyễn Hữu Tình	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06249/09S69
18583	S69-20851			Đỗ Minh Lợi	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06250/09S69
18584	S69-20852			Nguyễn Minh Chính	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06251/09S69
18585	S69-20853			Lương Vũ Ca	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06252/09S69
18586	S69-20854			Nguyễn Văn Việt	Khánh Thuận, Huyện U Minh	14/10/2009	08/10/2010	06253/09S69
18587	S69-20855			Ngô Mạnh Quỳnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06254/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18588	S69-20856			Nguyễn Văn Trung	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06255/09S69
18589	S69-20858			Trần Thanh Bình	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	09/10/2009	09/10/2010	06262/09S69
18590	S69-20859			DNTN Chánh Lộc	Phường 5, Thành phố Cà Mau	09/10/2009	09/10/2010	06264/09S69
18591	S69-20860			Trần Văn Chiến	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2009	09/10/2010	06266/09S69
18592	S69-20861	CM-20771		Nguyễn út Nhỏ	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	06/03/2013	06/03/2014	01478/13S69
18593	S69-20862			Lý Va Giản	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	06273/09S69
18594	S69-20863	CM: 20816		Trần Văn Động	Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	19/10/2010	19/10/2011	05232/10S69
18595	S69-20864			Thái Văn Kiểm	Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	08/10/2009	08/10/2010	06275/09S69
18596	S69-20865	CM-20814		Nguyễn Công Khanh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	25/07/2014	25/07/2015	02016/14S69
18597	S69-20866	CM-20817		Trần Minh Nga	TT U Minh, Huyện U Minh	23/08/2012	23/08/2013	04523/12S69
18598	S69-20867	CM-20775		Trần Tấn Đạt	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	15/01/2014	15/01/2015	00165/14S69
18599	S69-20868			Võ Văn Lơ	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2009	12/10/2010	06283/09S69
18600	S69-20869			Phạm Ngọc Thuận	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2009	12/10/2010	06284/09S69
18601	S69-20870	CM-20780		Đỗ Văn Oanh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04319/10S69
18602	S69-20871			Lê Quốc Khánh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2009	12/10/2010	06286/09S69
18603	S69-20872			Nguyễn Việt ấn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2009	12/10/2010	06287/09S69
18604	S69-20873			Trần Xuân Đủ	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06288/09S69
18605	S69-20874	CM-20714		Lê Minh Có	Thạn Phú, Huyện Cái Nước	14/01/2013	14/01/2014	00473/13S69
18606	S69-20875			Hồ Công Định	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	12/10/2009	12/10/2010	06292/09S69
18607	S69-20876			Lữ Văn Nam	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/10/2009	04/04/2010	06294/09S69
18608	S69-20877			Trần Văn Trắng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	13/10/2009	13/10/2010	06301/09S69
18609	S69-20878			Huỳnh Văn Long	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/10/2009	12/10/2010	06303/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18610	S69-20879	CM-20770		Trần Thanh Phong	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04361/11S69
18611	S69-20880			Đinh Hồng Diệu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06310/09S69
18612	S69-20881	CM-20783		Nguyễn Bảo Toàn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2012	13/11/2013	06723/12S69
18613	S69-20882			Ngô Lục Hiệp	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06312/09S69
18614	S69-20883			Nguyễn Văn Hoá	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06313/09S69
18615	S69-20884	CM-20788		Nguyễn Văn Tèo	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00374/13S69
18616	S69-20885			Nguyễn Văn Ngoán	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06315/09S69
18617	S69-20886			Nguyễn Hoàng Thắng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06316/09S69
18618	S69-20887			Đỗ Yến Ly	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06317/09S69
18619	S69-20888	CM-20925		Dương Tấn Mạnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02002/13S69
18620	S69-20889	CM-02324		Trần Văn Thâm	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	14/10/2009	14/10/2010	06326/09S69
18621	S69-20890	20801		Nguyễn Văn Hoàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00550/13S69
18622	S69-20891			Nguyễn Văn Riết	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	25/10/2010	25/10/2011	05396/10S69
18623	S69-20892			Công Ty TNHH chế biến thuỷ sản SHANG YI- VN	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06340/09S69
18624	S69-20893	CM-21024		Dư Thị Chinh	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	19/12/2011	19/12/2012	04891/11S69
18625	S69-20894	CM-20798		Huỳnh Minh Châu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03981/12S69
18626	S69-20895	CM-20795		Nguyễn Minh Tuấn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	13/09/2010	13/09/2011	04755/10S69
18627	S69-20896			Nguyễn Văn Thật	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	19/10/2009	19/04/2010	06346/09S69
18628	S69-20897			Trần Hoàng Vũ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/10/2009	16/10/2010	06347/09S69
18629	S69-20898			Trương Minh Hoàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	19/10/2009	19/10/2010	06353/09S69
18630	S69-20900	CM-05533	CM-05533	Nguyễn Quốc Khánh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	24/05/2012	24/05/2013	01420/12V68
18631	S69-20901	CM-20806		Lương Văn Phương	24E, Nguyễn Trãi, K1, P9, Thành phố Cà Mau	11/08/2011	11/08/2012	02678/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18632	S69-20902	CM-43455		Lê Thanh Xuân	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	19/02/2014	19/02/2015	00436/14S69
18633	S69-20903			Lê Hoàng Đạo	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	21/10/2009	21/10/2010	06375/09S69
18634	S69-20905			Trần Văn Đô	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	15/04/2011	15/04/2012	01253/11S69
18635	S69-20906			Tô Phương Hồng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2009	20/10/2010	06380/09S69
18636	S69-20907			Nguyễn Minh Trí	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06381/09S69
18637	S69-20908			Lê Hồng Phắc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06382/09S69
18638	S69-20909	CM-20947		Nguyễn Thị Nhiều	Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/02/2012	20/02/2013	00625/12S69
18639	S69-20910			Trần Minh Tân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06384/09S69
18640	S69-20911			Lê Hậu Giang	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06385/09S69
18641	S69-20912			Trần Văn Nhứt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06386/09S69
18642	S69-20913			Cao Thanh Chí	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2009	20/10/2010	06387/09S69
18643	S69-20914			Nguyễn Thành Tâm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06388/09S69
18644	S69-20915			Ông Văn Phải	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/10/2009	20/10/2010	06389/09S69
18645	S69-20916			Lạc Văn Giỏi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06390/09S69
18646	S69-20917			Chu Văn Khương	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06391/09S69
18647	S69-20919			Bùi Hoàng Vĩ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06393/09S69
18648	S69-20920	CM-20956		Ban Chỉ Huy Quân Sự Huyện Năm Căn	Khóm 3, TT. Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03968/13S69
18649	S69-20921	CM-20946		Trần Thanh Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02034/11S69
18650	S69-20922	CM-20954		Đình Hoàng Hận	KV2,TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01579/15S69
18651	S69-20923			Lê Văn Dự	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06397/09S69
18652	S69-20924	CM-20933		Nguyễn Minh Nhân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2014	20/01/2015	00258/14S69
18653	S69-20925	CM-20945		Huỳnh Văn Lũy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00306/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18654	S69-20926	CM-20936		Phạm Văn Mun	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06211/10S69
18655	S69-20927			Nguyễn Đắc Cường	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06401/09S69
18656	S69-20928			Lê Mộng Em	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06402/09S69
18657	S69-20929			Lê Thanh Đoàn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06403/09S69
18658	S69-20930			Phạm Công Danh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06404/09S69
18659	S69-20931			Nguyễn Minh Chiêu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06405/09S69
18660	S69-20932			Tạ Văn út	Khu vực I, Khóm 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06406/09S69
18661	S69-20933			Cao Văn Hột	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06407/09S69
18662	S69-20934			Nguyễn Văn Thịnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06408/09S69
18663	S69-20935	CM-61650		Trần Phú Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05839/13S69
18664	S69-20936	CM-20934		Trương Đình Thạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03328/11S69
18665	S69-20937			Đào Duy Khánh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06411/09S69
18666	S69-20940			Lê Chí Hiếu	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06431/09S69
18667	S69-20941	CM-21031		Trần Ngọc Phưởng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	05225/10S69
18668	S69-20942	CM-20808		Huỳnh Kim Đồng CTy TNHH Huỳnh Long	Phường 9, Thành phố Cà Mau	01/12/2011	01/12/2012	04646/11S69
18669	S69-20944			Đặng Hòa Hợp	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	23/10/2009	23/10/2010	06442/09S69
18670	S69-20945			Phạm Văn Khanh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	23/10/2009	23/10/2010	06443/09S69
18671	S69-20946	CM-20811		Huỳnh Văn Đông	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05060/11S69
18672	S69-20948			Nguyễn Văn Chuyển	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	26/10/2009	26/10/2010	06447/09S69
18673	S69-20949	CM-20912		Huỳnh Quang Bá	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	18/01/2012	18/01/2013	00310/12S69
18674	S69-20950	CM-		Phan Văn Cuộc	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2009	25/10/2010	06450/09S69
18675	S69-20951	CM-20967		Vương Bảo Luân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2012	06/02/2013	00441/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18676	S69-20952			Trần Trầm Luân	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/10/2009	25/10/2010	06452/09S69
18677	S69-20953			Lâm Thành Nhân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2009	25/10/2010	06453/09S69
18678	S69-20954			Lê Thanh Tâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2009	25/10/2010	06454/09S69
18679	S69-20955			Thạch Vũ	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2009	25/10/2010	06455/09S69
18680	S69-20956			Tăng Hoài Thiện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2009	25/10/2010	06456/09S69
18681	S69-20957			Lê Văn Trần	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	26/10/2009	26/10/2010	06464/09S69
18682	S69-20959	CM-20910		Hà Thanh Thoảng	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	02/11/2010	02/11/2011	05485/10S69
18683	S69-20960			Lê Đình Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/06/2011	28/06/2012	02103/11S69
18684	S69-20961			Nguyễn Minh Tuấn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	27/10/2009	27/10/2010	06472/09S69
18685	S69-20963			Trịnh Văn Thắm	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	28/10/2009	28/10/2010	06477/09S69
18686	S69-20966	CM-20926		Cty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Đông Hải	Phường 5, Thành phố Cà Mau	19/07/2013	19/07/2014	03576/13S69
18687	S69-20968			Trương Minh Tâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2009	28/10/2010	06490/09S69
18688	S69-20969			Tiêu Văn Chánh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/10/2009	28/10/2010	06491/09S69
18689	S69-20970			Tiêu Thanh Long	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/10/2009	28/10/2010	06492/09S69
18690	S69-20971			Ngô Văn Quang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/10/2009	28/10/2010	06493/09S69
18691	S69-20973	CM: 20973		Lê Trường Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05039/10S69
18692	S69-20974			Nguyễn Văn Hiền	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/10/2009	28/10/2010	06496/09S69
18693	S69-20975	CM-20975		CTY TNHH Xây Dựng Thái Anh	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10290/12S69
18694	S69-20976			Nguyễn Văn Vũ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	30/10/2009	30/10/2010	06505/09S69
18695	S69-20977			Nguyễn Văn Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/10/2009	28/10/2010	06506/09S69
18696	S69-20978			Đặng Văn Đạt	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/10/2009	30/10/2010	06509/09S69
18697	S69-20979			Đoái Thanh Thảo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	30/10/2009	30/10/2010	06510/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18698	S69-20980	CM-20920		Nguyễn Văn Khánh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2014	00929/12S69
18699	S69-20981			Đinh Văn Ân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/03/2011	03/03/2012	00718/11S69
18700	S69-20982			Trần Văn Nam	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06522/09S69
18701	S69-20983			Lê Hoàng Ân	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	03/11/2009	03/11/2010	06513/09S69
18702	S69-20984	CM-20989		Trần Văn Lắm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/01/2012	13/01/2013	00220/12S69
18703	S69-20986			Phạm Văn Chuôi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/11/2009	04/11/2010	06534/09S69
18704	S69-20987			Đoàn Quốc Khải	Tam Giang, Huyện Năm Căn	04/11/2009	04/11/2010	06535/09S69
18705	S69-20988	CM: 20971		Dương Văn Mực	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01891/12S69
18706	S69-20989			Ấu Văn Công	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/11/2009	04/11/2010	06540/09S69
18707	S69-20990	CM-20974		Nguyễn Minh Tuấn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01667/12S69
18708	S69-20991			Nguyễn Trường Giang	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	04/11/2009	04/11/2010	06542/09S69
18709	S69-20992			Huỳnh A Gin	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/11/2009	04/11/2010	06543/09S69
18710	S69-20993			Huỳnh Công Thành	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/11/2009	04/11/2010	06544/09S69
18711	S69-20995			Lê Thanh Tùng	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/11/2009	04/11/2010	06546/09S69
18712	S69-20997			Nguyễn Trường Giang	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	06/11/2009	06/11/2010	06554/09S69
18713	S69-20998			Võ Minh Thi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/11/2009	06/11/2010	06556/09S69
18714	S69-20999			Chi Nhánh Cty TNHH TV ĐT XD-TM & DV Minh Duy	K2 , Phường 9, Thành phố Cà Mau	07/11/2009	07/11/2010	06558/09S69
18715	S69-21001			Nghiêm Phước Hùng	xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	09/11/2009	09/10/2010	06562/09S69
18716	S69-21002			Lê Thị Kim Năm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/11/2009	08/11/2010	06569/09S69
18717	S69-21003			Lê Văn Tài	Khóm 4, TT U Minh, Huyện U Minh	08/11/2009	08/11/2010	06570/09S69
18718	S69-21004			Phan Văn Thiện	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/11/2009	08/10/2010	06571/09S69
18719	S69-21005	CM-20995		Quách Trường Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	03/04/2015	03/04/2016	00640/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18720	S69-21006			Nguyễn Trung Lập	Thị Trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	10/11/2009	10/11/2010	06582/09S69
18721	S69-21007			Đặng Thành Nhiều	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	10/11/2009	10/11/2010	06584/09S69
18722	S69-21008			Võ Văn Toàn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2009	10/11/2010	06586/09S69
18723	S69-21009			Võ Thành Lập	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2009	10/11/2010	06587/09S69
18724	S69-21010	CM-21016		Trần Văn Hồng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/03/2015	00648/14S69
18725	S69-21011			Vũ Minh Thành	Khnách Thuận, Huyện U Minh	10/11/2009	10/11/2010	06591/09S69
18726	S69-21012			Vũ Minh Tâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/11/2009	10/11/2010	06592/09S69
18727	S69-21013	CM-21019		Nguyễn Văn Queo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00848/14S69
18728	S69-21014			Nguyễn Văn Thương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	11/11/2009	11/11/2010	06596/09S69
18729	S69-21016			Trần Văn Sấn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	12/11/2009	12/11/2010	06604/09S69
18730	S69-21017	CM-21020		Trần Thanh Trí	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00425/13S69
18731	S69-21018	CM: 21012		Nguyễn Văn Hoàng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	05/06/2013	05/06/2014	02907/13S69
18732	S69-21019	CM-21010		Nguyễn Văn Khánh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2010	12/11/2011	05604/10S69
18733	S69-21020			Nguyễn Văn Vũ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	05/10/2009	05/10/2010	06618/09S69
18734	S69-21021			Trần Văn Hệ	xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/11/2009	13/11/2010	06621/09S69
18735	S69-21022			Lê Anh Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2009	20/10/2010	06622/09S69
18736	S69-21023			Dương Tấn Tài	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/11/2009	12/11/2010	06630/09S69
18737	S69-21024	CM-21051		Nguyễn Vũ Lam	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	22/06/2012	22/06/2013	02915/12S69
18738	S69-21025			Đặng Quốc Công	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2009	12/11/2010	06632/09S69
18739	S69-21026			Đỗ Thu Hai	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/11/2009	12/11/2010	06633/09S69
18740	S69-21027			Nghiêm Phước Hùng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2009	12/11/2010	06634/09S69
18741	S69-21028			Nguyễn Ngọc Thọ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	26/08/2010	26/08/2011	04514/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18742	S69-21029			Trương Thanh Đoàn	Phú Tân, Huyện Phú Tân	12/11/2009	12/11/2010	06636/09S69
18743	S69-21030			Nguyễn Ngọc Mười	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2009	12/11/2010	06637/09S69
18744	S69-21031			Nguyễn Văn Hiệp	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2009	12/11/2010	06638/09S69
18745	S69-21032			Trần Văn Mẹo	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2009	12/11/2010	06639/09S69
18746	S69-21033			Trần Văn Hổ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2009	12/11/2010	06640/09S69
18747	S69-21034			Nguyễn Vũ Mạnh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	16/11/2009	16/11/2010	06642/09S69
18748	S69-21035	CM-21266		Đặng Văn Sét	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/12/2014	20/12/2015	03405/14S69
18749	S69-21036			Nguyễn Văn Trung	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/11/2009	12/11/2010	06644/09S69
18750	S69-21037	CM-03224		Lý Tùng Nhĩ	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	28/12/2015	28/06/2016	02625/15S69
18751	S69-21038			Trần Văn Nhân	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	17/11/2009	17/11/2010	06651/09S69
18752	S69-21039			Trần Văn Nhân	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	17/11/2009	17/11/2010	06652/09S69
18753	S69-21040			Trần Văn Nhân	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	17/11/2009	17/11/2010	06653/09S69
18754	S69-21041			Trần Văn Nhân	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	17/11/2009	17/11/2010	06654/09S69
18755	S69-21042			Trần Văn Nhân	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	17/11/2009	17/11/2010	06655/09S69
18756	S69-21044	Cm-21030		Lâm Văn Chê	Định Bình, Thành phố Cà Mau	16/03/2011	16/03/2012	00900/11S69
18757	S69-21045			Lê Văn Xuyên	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	19/11/2009	06/11/2010	06674/09S69
18758	S69-21046	CM-21032		Nguyễn Văn Hiếu	Khánh An, Huyện U Minh	30/01/2013	30/07/2013	01187/13S69
18759	S69-21047	CM-21075		Phan Văn Ro	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05725/10S69
18760	S69-21048			Huỳnh Văn Bền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06693/09S69
18761	S69-21049	CM-21078		CTy Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Năm Căn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/11/2010	25/11/2011	05761/10S69
18762	S69-21050	CM-21081		Cao Thanh Thiện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2011	06/03/2012	00757/11S69
18763	S69-21051	CM-21079		Trần Tuyết Liễu	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04941/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18764	S69-21052			Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06697/09S69
18765	S69-21053	CM-21086		Trần Văn Tám	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/11/2012	20/11/2013	07218/12S69
18766	S69-21054			Trương Văn Bảnh	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06699/09S69
18767	S69-21055	CM-21085		Cao Quốc Tịnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02040/11S69
18768	S69-21056			Hồ Minh Nhiệm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06701/09S69
18769	S69-21057			Đỗ Kim Đa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06702/09S69
18770	S69-21058			Khổng Đức Xieu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06703/09S69
18771	S69-21059	CM-21071		Trần Kiên Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	02/06/2011	02/06/2012	01818/11S69
18772	S69-21060			Bùi Văn Luyến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06705/09S69
18773	S69-21061			Nguyễn Văn Suối	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2009	20/11/2010	06706/09S69
18774	S69-21063	CM-21034		Phạm Quốc Đầu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	21/01/2013	21/01/2014	00646/13S69
18775	S69-21064	CM-21082		Trần A Liệt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2011	24/03/2012	01013/11S69
18776	S69-21065	CM-21084		Hứa Minh Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03447/13S69
18777	S69-21066			Lê Văn Hồng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2009	24/11/2010	06730/09S69
18778	S69-21067	CM-21037		Trần Thành Đài	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04600/12S69
18779	S69-21068			Trần Văn Đẹp	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	25/11/2009	25/11/2010	06734/09S69
18780	S69-21069	CM: 21036		Tạ Quang Đa	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	17/09/2013	17/03/2014	04402/13S69
18781	S69-21070			Cty TNHH Hưng Lợi	845 Võ Thị Sáu, K1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/11/2009	26/11/2010	06740/09S69
18782	S69-21071			Cty TNHH Hưng Lợi	845 Võ Thị Sáu, K1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/11/2009	26/11/2010	06741/09S69
18783	S69-21072			Cty TNHH Hưng Lợi	845 võ Thị Sáu, K1, TT Cà Nước, Huyện Cái Nước	26/11/2009	26/11/2010	06742/09S69
18784	S69-21073			Cty TNHH Hưng Lợi	845 Võ Thị Sáu, K1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/11/2009	26/11/2010	06743/09S69
18785	S69-21074			Cty TNHH Hưng Lợi	845 Võ Thị Sáu, K1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/11/2009	26/11/2010	06744/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18786	S69-21075			Cty TNHH Hưng Lợi	845 Võ Thị Sáu, K1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/11/2009	26/11/2010	06745/09S69
18787	S69-21076			Cty TNHH Hưng Lợi	845 Võ Thị Sáu, K1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/11/2009	26/11/2010	06746/09S69
18788	S69-21077	CM-21033		Đỗ Tấn Nghĩa	Trí Lực, Huyện Thới Bình	09/04/2010	09/04/2011	01953/10S69
18789	S69-21078			Nguyễn Việt Tiếng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	19/04/2012	19/04/2013	01715/12S69
18790	S69-21080			CTY TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng T & C	Phường 8, Thành phố Cà Mau	27/11/2009	27/11/2010	06755/09S69
18791	S69-21082			Trần Ngọc Giàu	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	28/11/2009	28/11/2010	06760/09S69
18792	S69-21083			Lê Văn Khánh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2010	12/12/2011	06086/10S69
18793	S69-21085	CM-21041		Đặng Việt Nguyên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2014	12/01/2015	00107/14S69
18794	S69-21087			Trương Văn Hiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06769/09S69
18795	S69-21088			Trần Văn Long	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06770/09S69
18796	S69-21089			Ngô Thanh Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06771/09S69
18797	S69-21090			Trương Thị Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06772/09S69
18798	S69-21091	CM-21145		Phùng Thanh Tùng	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06694/12S69
18799	S69-21092	CM-21204		Nguyễn Hoàng Ba	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06501/13S69
18800	S69-21093			Lâm Chí Công	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06775/09S69
18801	S69-21094	CM-21180		Bùi Văn Quyền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08544/12S69
18802	S69-21095			Nguyễn Văn Sệ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06777/09S69
18803	S69-21096			Nguyễn Nhật Trường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06778/09S69
18804	S69-21097	CM-21138		Huỳnh Thanh Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08422/12S69
18805	S69-21098			Nguyễn Việt Tiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06780/09S69
18806	S69-21099			Nguyễn Văn Đoàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06781/09S69
18807	S69-21100	CM-21171		Lâm Thanh Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00935/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18808	S69-21101			Nguyễn Phát Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06783/09S69
18809	S69-21102			Nguyễn Hoàng Tiên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06784/09S69
18810	S69-21103	CM-21163		Nguyễn Như ý	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08410/12S69
18811	S69-21104			Phan Văn Minh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06786/09S69
18812	S69-21105			Phan Hoàng Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06787/09S69
18813	S69-21106			Nguyễn Văn Xây	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06788/09S69
18814	S69-21107			Trần Mười Hai	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06789/09S69
18815	S69-21108			Nguyễn Văn Xệ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06790/09S69
18816	S69-21109			Lê Minh Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	03/11/2010	06791/09S69
18817	S69-21110			Lâm Văn Danh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06792/09S69
18818	S69-21111	CM-21134		Sao Anh Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08425/12S69
18819	S69-21112			Bùi Văn Em	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06794/09S69
18820	S69-21113			Huỳnh út Ngưng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06795/09S69
18821	S69-21114	CM-21193		Quách Thanh Dân	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06707/12S69
18822	S69-21115	CM-21133		Tô Văn Đình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00352/13S69
18823	S69-21116			Huỳnh Văn Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06798/09S69
18824	S69-21117			Huỳnh Hoàng Đương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06799/09S69
18825	S69-21118			Nguyễn Quốc Cường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06800/09S69
18826	S69-21119			Huỳnh út Chín	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06801/09S69
18827	S69-21120			Ngô Minh Chiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06802/09S69
18828	S69-21121			Tô Thanh Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06803/09S69
18829	S69-21122			Nguyễn Văn Vũ	Tân Hưng, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06804/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18830	S69-21123			Ngô Hoàng Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06805/09S69
18831	S69-21124			Huỳnh Văn Quán	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06806/09S69
18832	S69-21125			Phan Văn Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06807/09S69
18833	S69-21126	CM-21206		Phan Minh Ca	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08553/12S69
18834	S69-21127			Nguyễn Đăng Khoa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06809/09S69
18835	S69-21128			Nguyễn Tiệp Khắc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06810/09S69
18836	S69-21129			Ngô Trung Quốc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06811/09S69
18837	S69-21130			Phạm Văn Lôi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06812/09S69
18838	S69-21131			Phạm Văn Tánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06813/09S69
18839	S69-21132			Trần Văn Liêm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06814/09S69
18840	S69-21133			Nguyễn Công Bằng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06815/09S69
18841	S69-21134			Hồ Chí Nguyễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06816/09S69
18842	S69-21135			La Văn Cảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06817/09S69
18843	S69-21136			Nguyễn Văn Hoài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06818/09S69
18844	S69-21137			Nguyễn Hoàng Hiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06819/09S69
18845	S69-21138	CM-21175		Phạm Minh Đương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00933/14S69
18846	S69-21139			Trần Văn Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06821/09S69
18847	S69-21140			Phan Công Sĩ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06822/09S69
18848	S69-21141			Mai Hùng Xuân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06823/09S69
18849	S69-21142			Trần Thanh Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06824/09S69
18850	S69-21143			Cao Phương Thủy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06825/09S69
18851	S69-21144			Huỳnh Văn Nghiêm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06826/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18852	S69-21145			Huỳnh Văn Kiên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06827/09S69
18853	S69-21146	CM-21169		Diệp Văn Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06703/12S69
18854	S69-21147			Nguyễn Thành Luân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06829/09S69
18855	S69-21148			Huỳnh Hoàng Kiên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06830/09S69
18856	S69-21149			Nguyễn Hữu Hồng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06831/09S69
18857	S69-21150			Tiêu Nhuận Điền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06832/09S69
18858	S69-21151	CM-21144		Hồ Văn Sang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00937/14S69
18859	S69-21152	CM-21153		Hồ Văn Phúc	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06706/12S69
18860	S69-21153			Trần Văn Toàn	ánTan Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06835/09S69
18861	S69-21154	CM-21151		Trần Văn Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08574/12S69
18862	S69-21155	CM-21131		Huỳnh Văn Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06691/12S69
18863	S69-21156			Tiêu Văn Nhanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06838/09S69
18864	S69-21157			Lê Văn Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06839/09S69
18865	S69-21158			Lê Văn Tám	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06840/09S69
18866	S69-21159			Huỳnh Văn Hận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06841/09S69
18867	S69-21160			Thái Chí Công	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06842/09S69
18868	S69-21161			Huỳnh Văn Phát	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06843/09S69
18869	S69-21162			Trương Văn Nhì	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06844/09S69
18870	S69-21163			Trương Minh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06845/09S69
18871	S69-21164			Trương Văn Tỷ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2009	27/11/2010	06846/09S69
18872	S69-21165			Nguyễn Chí Thăng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06847/09S69
18873	S69-21167	CM-21044		Nguyễn Văn Lùng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10213/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18874	S69-21168	CM: 21216		Lê Tấn Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/04/2013	05318/12S69
18875	S69-21169			Phạm Trung Kiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06856/09S69
18876	S69-21170	CM-21219		Phạm Văn Mênh	Ngọc chánh, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00671/11S69
18877	S69-21171			Trịnh Minh Phụng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06858/09S69
18878	S69-21172			Lê Văn Hậu	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2009	28/11/2010	06859/09S69
18879	S69-21173	CM-21215		Huỳnh Văn Việt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01280/12S69
18880	S69-21174	CM-21213		Mai Thành Dắt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01428/13S69
18881	S69-21175	CM-21214		Trần Hồ Ba	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03412/11S69
18882	S69-21176	CM-21038		DNTN Từ Tạo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/08/2011	23/08/2012	02948/11S69
18883	S69-21177	CM-21046		Văn Phòng Huyện ủy Đầm Dơi	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03315/12S69
18884	S69-21179			Nguyễn Văn Tâm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2009	01/12/2010	06885/09S69
18885	S69-21180			Nguyễn Minh Điều	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/12/2009	01/12/2010	06887/09S69
18886	S69-21182			Bùi Minh Thùy	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	03/12/2009	03/12/2010	06896/09S69
18887	S69-21183			Trần Hoàng Oanh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	04/12/2009	04/12/2010	06903/09S69
18888	S69-21184	CM-21077		Nguyễn Hoàng An	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/12/2010	06/12/2011	05894/10S69
18889	S69-21185			Nguyễn Văn Dũng	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	04/12/2009	04/12/2010	06909/09S69
18890	S69-21186			Nguyễn Thanh Cấn	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/12/2009	04/12/2010	06912/09S69
18891	S69-21187	CM-21065		Huỳnh Văn Đến	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	16/12/2010	16/12/2011	06141/10S69
18892	S69-21188			Lê Văn Bé	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/12/2009	04/12/2010	06914/09S69
18893	S69-21189			Lê Viết Mãi	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/12/2009	04/12/2010	06917/09S69
18894	S69-21190	CM-51015		Thái Thanh Liêm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	05/05/2015	05/11/2015	00830/15S69
18895	S69-21191	CM-21112		Nguyễn Thanh Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05920/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18896	S69-21192	CM-21089		Dương Văn Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	02/12/2013	02/12/2014	06047/13S69
18897	S69-21193	CM-21092		Trần Văn Trung	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	18/07/2013	18/07/2014	03566/13S69
18898	S69-21194	CM-21098		Nguyễn Văn Nhật	Tân Trung, Huyện Cái Nước	30/06/2011	30/06/2012	02152/11S69
18899	S69-21195			Trần Văn Lâm	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	08/12/2009	08/12/2010	06939/09S69
18900	S69-21196			Nguyễn Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/12/2009	09/12/2010	06948/09S69
18901	S69-21197	CM-21094		Bùi Thái Nguyên	K1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05034/13S69
18902	S69-21198			Trịnh Minh Thế	KI, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	09/12/2009	09/12/2010	06953/09S69
18903	S69-21199			Cty Lâm Nghiệp U Minh Hạ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06955/09S69
18904	S69-21200			Cty Lâm Nghiệp U Minh Hạ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06956/09S69
18905	S69-21201			Cty Lâm Nghiệp U Minh Hạ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06957/09S69
18906	S69-21202			Nguyễn Văn Đoàn	K2, TT U Minh, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06958/09S69
18907	S69-21203			Huỳnh Thị Biển	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06959/09S69
18908	S69-21204			Nguyễn Văn Dón	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06960/09S69
18909	S69-21205			Hồ Minh Giang	K2, TT U Minh, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06961/09S69
18910	S69-21206	CM-21223		Đặng Văn Chánh	TT U Minh, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04304/13S69
18911	S69-21207			Nguyễn Đức Phúc	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/12/2009	08/12/2010	06963/09S69
18912	S69-21208			Lê Văn Thái	KII, TT U Minh, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06964/09S69
18913	S69-21209	CM-21232		Đặng Tuấn Khanh	TT U Minh, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04305/13S69
18914	S69-21210	CM-21233		Lê Văn Sơn	KII, TT U Minh, Huyện U Minh	25/04/2011	25/04/2012	01388/11S69
18915	S69-21211			Võ Văn Mến	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06967/09S69
18916	S69-21212			Nguyễn Văn Hoá	K4, TT U Minh, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06968/09S69
18917	S69-21213			Võ Văn Nguyễn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/12/2009	08/12/2010	06969/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18918	S69-21214			Dương Thị Tươi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/10/2010	25/10/2011	05399/10S69
18919	S69-21215			Đoàn Văn Cộp	Thanh Tùng, Huyện Cái Nước	09/12/2009	09/12/2010	06975/09S69
18920	S69-21216			Nguyễn Văn Tới	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	10/12/2009	10/12/2010	06977/09S69
18921	S69-21217			Lê Hữu Phước	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2009	10/12/2010	06978/09S69
18922	S69-21218			Lê Kim Nga	Phường 8, Thành phố Cà Mau	10/12/2009	10/12/2010	06979/09S69
18923	S69-21219			Phạm Văn Phụng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	10/12/2009	10/12/2010	06980/09S69
18924	S69-21220	CM-21090		Lê Hoàng Thám	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	12/01/2015	12/01/2016	00018/15S69
18925	S69-21221	CM-21102		Dương Việt Khoa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	17/01/2013	17/01/2014	00619/13S69
18926	S69-21222			Nguyễn Hữu Công	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2009	11/12/2010	06988/09S69
18927	S69-21223			Biện Văn Nhỏ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/12/2009	11/12/2010	06991/09S69
18928	S69-21224			Ngô Quang Khải	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2009	11/12/2010	06993/09S69
18929	S69-21225			Nguyễn Văn Lãm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/12/2009	11/12/2010	06996/09S69
18930	S69-21226	CM-21270		Lê Văn Đáo	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/02/2015	12/02/2016	00328/15S69
18931	S69-21227			Nguyễn Văn Tươi	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	06999/09S69
18932	S69-21228	CM-21118		Nguyễn Văn Hùng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/10/2011	12/10/2012	03694/11S69
18933	S69-21229			Đặng Hoàng Nam	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07001/09S69
18934	S69-21230			Võ Văn Thái	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07002/09S69
18935	S69-21231			Thái Văn Đoán	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07003/09S69
18936	S69-21232			Huỳnh Thanh Mụm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07004/09S69
18937	S69-21233	CM-21109		Trần Minh Thuận	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	27/12/2010	27/12/2011	06291/10S69
18938	S69-21234			Nguyễn Hoàng Diễn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2012	14/05/2013	02079/12S69
18939	S69-21235			Nguyễn Văn Thu	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2009	12/12/2010	07007/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18940	S69-21236			Tiêu Bích Liên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2009	14/12/2010	07024/09S69
18941	S69-21237			Trần Hoàng Em	Định Bình, Thành phố Cà Mau	14/12/2009	14/12/2010	07026/09S69
18942	S69-21238			Trần Thanh Sơn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2009	14/12/2010	07028/09S69
18943	S69-21239			Nguyễn Văn Liêl	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2009	14/12/2010	07033/09S69
18944	S69-21240	CM-21103		Nguyễn Văn Kiệt	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2012	10/04/2013	01558/12S69
18945	S69-21241	CM-21249		Trung Tâm Viễn Thông Đầm Dơi	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10247/12S69
18946	S69-21242			Trần Văn Định	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07043/09S69
18947	S69-21243	Cm-21365		Nguyễn Thanh Đụng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/09/2011	14/09/2012	03216/11S69
18948	S69-21244	CM-21360		Vũ Hoàng Minh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06008/10S69
18949	S69-21245			Phạm Minh Dương	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07046/09S69
18950	S69-21246			Nguyễn Chí An	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07047/09S69
18951	S69-21247			Nguyễn Thanh Tùng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07048/09S69
18952	S69-21248	CM-21392		Dương Việt Sử	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07049/09S69
18953	S69-21249	CM-21383		Ngô Văn Đương	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	29/11/2012	29/11/2013	07900/12S69
18954	S69-21250	CM-21370		Nguyễn Hoàng Phương	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/01/2010	25/01/2011	00455/10S69
18955	S69-21251	CM-21393		Lê Thanh Tân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	31/12/2010	31/12/2011	06403/10S69
18956	S69-21252	CM-		Nguyễn Minh Vương	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06040/10S69
18957	S69-21253			Trần Thanh Mộng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07054/09S69
18958	S69-21254			Đoàn Văn Khá	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06038/10S69
18959	S69-21255			Huỳnh Thị Phấn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07056/09S69
18960	S69-21256			Lê Thanh Liêm	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07057/09S69
18961	S69-21257	CM-21380		Dương Văn Tấn	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2012	09/10/2013	05347/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18962	S69-21258			Nguyễn Văn Mau	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07059/09S69
18963	S69-21259			Võ Văn Dũng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07060/09S69
18964	S69-21260	CM-21369		Trương Phi Long	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00977/12S69
18965	S69-21261			Trần Văn Thon	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05990/10S69
18966	S69-21262			Võ Quốc Khánh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07063/09S69
18967	S69-21263			Phạm Văn Tính	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07064/09S69
18968	S69-21264			Lê Văn Ngoan	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2012	10/02/2013	00486/12S69
18969	S69-21265	CM-21388		Lê Văn Tâm	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00084/14S69
18970	S69-21266			Hợp Tác Xã Vệ Sinh Môi Trường Thống Nhất	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07067/09S69
18971	S69-21267			Bao Văn Tú	TT sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07068/09S69
18972	S69-21268			Lê Văn Trường	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07069/09S69
18973	S69-21269	CM-21390		Đặng Lực Sĩ	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00145/12S69
18974	S69-21271	CM-21397		Trần Văn Luân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/10/2013	21/10/2014	05294/13S69
18975	S69-21272			Lê Văn Tuyết	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/12/2009	15/12/2010	07167/09S69
18976	S69-21273			Đỗ Thanh Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	15/12/2009	15/12/2010	07168/09S69
18977	S69-21275			Nguyễn Tấn Vũ	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	15/12/2009	15/12/2010	07172/09S69
18978	S69-21276			Nguyễn Tấn Nguyên	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	15/12/2009	15/12/2010	07173/09S69
18979	S69-21278			Nguyễn Văn Tính	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07163/09S69
18980	S69-21279			Trần Văn Chuyện	Trăng Hới, Huyện Trần Văn Thời	15/12/2009	15/12/2010	07178/09S69
18981	S69-21281	CM-21248		Thái Hồng Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/02/2014	10/02/2015	00367/14S69
18982	S69-21282	CM-20994		Nguyễn Bá Phúc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2011	04/12/2012	04699/11S69
18983	S69-21283	CM-21239		Lê Bảo Đăng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05317/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
18984	S69-21284	CM-21127		Nguyễn Thanh Phong	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2013	17/04/2014	02143/13S69
18985	S69-21285			Huỳnh Văn Dũng	xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	16/12/2009	16/12/2010	07193/09S69
18986	S69-21286			Huỳnh Văn Hữu	xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	16/12/2009	16/12/2010	07194/09S69
18987	S69-21287	CM-21128		Đỗ Văn Mừng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	20/09/2011	20/09/2012	03288/11S69
18988	S69-21288	CM: 21246		Trần Văn Chuyển	Định Bình, Thành phố Cà Mau	30/11/2010	30/11/2011	05844/10S69
18989	S69-21290	CM-212411		Hoa Như Xê	Khóm 3, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00152/11S69
18990	S69-21291			Nguyễn Văn Tính	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/12/2010	07211/09S69
18991	S69-21292			Lý Quang Minh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2012	09/10/2013	05344/12S69
18992	S69-21293			Nguyễn Hoàng Lưu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	18/12/2009	18/12/2010	07219/09S69
18993	S69-21294			Tô Văn Trường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/12/2009	20/12/2010	07225/09S69
18994	S69-21295			Nguyễn Bé Giang	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	21/12/2009	21/12/2010	07231/09S69
18995	S69-21296			Ngô Văn Tuấn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	26/11/2009	26/11/2010	07233/09S69
18996	S69-21297	CM-21263		Lê Văn Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	30/07/2012	30/07/2013	04152/12S69
18997	S69-21298			Đặng Hữu Toàn	Phường 8, Thành phố Cà Mau	21/12/2009	21/12/2010	07246/09S69
18998	S69-21299			Nguyễn Tấn Bảo	Phường 8, Thành phố Cà Mau	21/12/2009	21/12/2010	07247/09S69
18999	S69-21300			Nguyễn Văn Chiêu	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	22/12/2009	22/12/2010	07252/09S69
19000	S69-21301			Doanh Nghiệp Tư Nhân Mỹ Linh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	22/12/2009	22/12/2010	07253/09S69
19001	S69-21302			Tạ Văn Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07256/09S69
19002	S69-21304			Trần Văn Trắng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	22/12/2009	22/12/2010	07258/09S69
19003	S69-21305			Trần Văn Bé	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	22/12/2009	22/12/2010	07261/09S69
19004	S69-21306	CM-21269		Bùi Minh Cảnh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/01/2012	12/01/2013	00180/12S69
19005	S69-21308			Nguyễn Chí Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	23/12/2009	23/12/2010	07271/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19006	S69-21309	CM-21271		Trần Văn Thiệt	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	08/05/2015	08/05/2016	00874/15S69
19007	S69-21310			Võ Quốc Thắng	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07273/09S69
19008	S69-21311	CM-21345		Phan Thanh Liêm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07227/12S69
19009	S69-21312			Trần Tấn Sang	Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07275/09S69
19010	S69-21314			Trần Văn Le	Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07277/09S69
19011	S69-21317			Khổng Hó	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01317/11S69
19012	S69-21318			Lê Văn Tiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07281/09S69
19013	S69-21319	CM-21337		Nguyễn Thanh Tú	Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/08/2011	20/08/2012	02867/11S69
19014	S69-21321			Trương Ngọc Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07284/09S69
19015	S69-21322			Phan Tấn Lộc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07285/09S69
19016	S69-21323	CM-21338		Nguyễn Doãn Tường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2015	20/07/2016	01325/15S69
19017	S69-21324			Phù Thanh Tuấn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07287/09S69
19018	S69-21325			Ngô Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07288/09S69
19019	S69-21326			Tạ Ngọc Tấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/12/2009	20/12/2010	07289/09S69
19020	S69-21327			Phạm Đình Sơn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	20/12/2009	20/12/2010	07290/09S69
19021	S69-21328			Huỳnh Văn Mãi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07291/09S69
19022	S69-21329	CM-21340		Ngô Tấn Lộc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2012	20/01/2013	00371/12S69
19023	S69-21330			Võ Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07293/09S69
19024	S69-21331			Trần Văn Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07294/09S69
19025	S69-21332			Nguyễn Tấn Lực	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07295/09S69
19026	S69-21333			Phạm Thị Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07296/09S69
19027	S69-21334			Trịnh Minh Hiền	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07297/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19028	S69-21335			Trần Chí Nguyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/12/2009	20/12/2010	07298/09S69
19029	S69-21336			Nguyễn Văn Dư	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	20/12/2009	20/12/2010	07299/09S69
19030	S69-21337			Nguyễn Trí Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07300/09S69
19031	S69-21338			Trần Văn Hy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07301/09S69
19032	S69-21339			Lê Văn Tây	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07302/09S69
19033	S69-21340	CM-21346		Huỳnh Văn Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	07/04/2011	07/04/2012	01171/11S69
19034	S69-21341			Bùi Văn Kỷ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2009	20/12/2010	07304/09S69
19035	S69-21342	CM-21298		Nguyễn Văn Cường	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	17/09/2011	17/09/2012	03277/11S69
19036	S69-21343	CM-21402		Phạm Văn Dũng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07546/12S69
19037	S69-21344	CM-21438		Quách Phương Thanh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00254/15S69
19038	S69-21345			Phan Văn Thám	Lương Thế Chân, Huyện Cái Nước	24/12/2009	24/12/2010	07326/09S69
19039	S69-21346			Nguyễn Hoàng Hưng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07327/09S69
19040	S69-21347	CM-21272		Trà Quốc Toàn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	29/01/2015	29/07/2015	00276/15S69
19041	S69-21348	CM-21279		Huỳnh Văn Thơm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/01/2012	00441/11S69
19042	S69-21349	CM-21310		Trương Công Cuộc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	01205/12S69
19043	S69-21350			Võ Hoàng Sang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2011	24/01/2012	00350/11S69
19044	S69-21351			Huỳnh Thanh Lâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07356/09S69
19045	S69-21352	CM-21309		Nguyễn Ngọc Huyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02756/13S69
19046	S69-21353			Đoàn Trường Hận	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07358/09S69
19047	S69-21354			Lê Văn Đảo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07359/09S69
19048	S69-21355			Lâm Văn Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07360/09S69
19049	S69-21356			Đỗ Ngọc Điện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07361/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19050	S69-21357	CM-21303		Huỳnh Đồng Xuân	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	20/08/2012	20/08/2013	04482/12S69
19051	S69-21358			Lê Văn Nam	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2009	24/12/2010	07363/09S69
19052	S69-21359			Trần Quốc Tuấn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	25/12/2009	25/12/2010	07365/09S69
19053	S69-21360	CM-21280		Bùi Văn Hồ	Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	27/12/2010	27/12/2011	06307/10S69
19054	S69-21361			Nguyễn Văn Hải	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2009	28/12/2010	07380/09S69
19055	S69-21362	CM-21289		Lê Chí Bảo	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	04/02/2013	04/02/2014	01257/13S69
19056	S69-21363			Trịnh Minh Trọng	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/12/2009	29/12/2010	07383/09S69
19057	S69-21364			Diệp Minh Hoàng	Khóm 3, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07384/09S69
19058	S69-21365			Phan Trọng Toàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07385/09S69
19059	S69-21366	CM-21321		La Văn Lâm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08932/12S69
19060	S69-21368			Nguyễn Thành Thông	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07388/09S69
19061	S69-21369	CM-21324		Trương Chí Hiền	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07769/12S69
19062	S69-21370			Trần Văn Tư	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07390/09S69
19063	S69-21371			Trần Hoàng út	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07391/09S69
19064	S69-21372			Nguyễn Trung Trực	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07392/09S69
19065	S69-21373	CM-21316		Trương Văn Tâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07898/12S69
19066	S69-21374	CM-21320		Lê Chí Ngoan	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/12/2012	07825/12S69
19067	S69-21375			Trần Văn Đảo	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2009	28/12/2010	07395/09S69
19068	S69-21376			Mguyễn Văn Thơ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2009	28/12/2010	07407/09S69
19069	S69-21377			Lê Văn Hoàng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2009	28/12/2010	07408/09S69
19070	S69-21378	CM-21283		Đặng Văn Tuấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2012	28/12/2013	09683/12S69
19071	S69-21379	CM-21281		Trần Quốc Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2012	28/12/2013	09684/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19072	S69-21380	CM-21285		Ngô Hồng Thắm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	18/05/2012	18/05/2013	02183/12S69
19073	S69-21383	CM-21284		Võ Minh Trường	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2011	10/06/2012	01918/11S69
19074	S69-21384			Điệp Thị Hai	Khánh Tiến, Huyện U Minh	30/12/2009	30/12/2010	07420/09S69
19075	S69-21385			Huỳnh Văn út	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	30/12/2009	30/12/2010	07421/09S69
19076	S69-21386	CM-21394		Trần Vũ Linh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07151/12S69
19077	S69-21387	CM-21290		Huỳnh Văn Tuấn	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/01/2011	14/07/2011	00202/11S69
19078	S69-21388			Trương Thanh Điền	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2009	30/12/2010	07432/09S69
19079	S69-21389			CTY TNHH Thanh Tùng	89 A, Trần Hưng Đạo, K4, P5, Thành phố Cà Mau	30/12/2009	30/12/2010	07433/09S69
19080	S69-21390	CM-21423		Võ Trúc Phương	Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/02/2011	15/02/2012	00526/11S69
19081	S69-21392	CM-21292		Tạ Thành Công	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2014	10/12/2014	01530/14S69
19082	S69-21393	CM-21294		Nguyễn Phương Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	11/03/2013	11/03/2014	01585/13S69
19083	S69-21394			Cty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Thới Bình	Phường 8, Thành phố Cà Mau	31/12/2009	31/12/2010	00004/10S69
19084	S69-21395	CM-21396		Bùi Văn Nghét	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	28/02/2012	28/02/2013	00634/12S69
19085	S69-21396	CM-21395		Bùi Văn Nghét	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	28/02/2012	28/02/2013	00635/12S69
19086	S69-21399	CM-21399		Hồ Văn Khen	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/03/2011	16/03/2012	00897/11S69
19087	S69-21400	CM-21296		Nguyễn Minh Kiệm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	28/11/2013	28/11/2014	05926/13S69
19088	S69-21401			Đặng Thị Trinh	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	05/01/2010	04/01/2011	00017/10S69
19089	S69-21402	CM-21301		Trương Văn Phát	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	02/07/2012	02/07/2013	03443/12S69
19090	S69-21404			Trần Minh út	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00020/10S69
19091	S69-21405			Bùi Quốc Nhỏ	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00021/10S69
19092	S69-21406			Nguyễn Văn Tiêu	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00022/10S69
19093	S69-21407			Nguyễn Văn Chiến	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00023/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19094	S69-21408			Nguyễn Văn Thắng	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00024/10S69
19095	S69-21409			Lê Văn Dương	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00025/10S69
19096	S69-21410			Nguyễn Văn Nghiệp	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00026/10S69
19097	S69-21411			Cao Huỳnh Kha	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00027/10S69
19098	S69-21412			Nguyễn Hoàng Khởi	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00028/10S69
19099	S69-21413	CM-21401		Nguyễn Văn Toàn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	03/01/2013	03/01/2014	00036/13S69
19100	S69-21414			Đỗ Hoàng Luật	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00030/10S69
19101	S69-21415			Trần Văn Đọt	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00031/10S69
19102	S69-21416			Phan Văn Trung	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00032/10S69
19103	S69-21417			Huỳnh Văn Đấu	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00033/10S69
19104	S69-21418			Nguyễn Thị Oanh	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00034/10S69
19105	S69-21419			Lê Thị Bảy	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00035/10S69
19106	S69-21420			Lý Huỳnh Giao	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00036/10S69
19107	S69-21421			Võ Chí Công	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00037/10S69
19108	S69-21422			Nguyễn Hồng Thắm	Trí Lực, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00038/10S69
19109	S69-21423			Trần Văn Lành	Trí Lực, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00039/10S69
19110	S69-21424			Lê Văn Tỷ	Trí Phải, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00040/10S69
19111	S69-21425			Trần Văn Mác	Trí Lực, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00041/10S69
19112	S69-21426			Trần Văn Lê	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/01/2010	04/01/2011	00042/10S69
19113	S69-21427			Nguyễn Xuân Khoa	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/01/2010	04/01/2011	00043/10S69
19114	S69-21428			Lê Hoàng Du	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/01/2010	04/01/2011	00044/10S69
19115	S69-21429			Huỳnh Thanh Dũng	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00045/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19116	S69-21430			Nguyễn Văn Công	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00046/10S69
19117	S69-21431			Nguyễn Chúc Hà	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00047/10S69
19118	S69-21432			Võ Thị Tâm	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00048/10S69
19119	S69-21433			Võ Văn Tèo	Trí Lực, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00049/10S69
19120	S69-21434			Nguyễn Văn Quý	Trí Phải, Huyện Thới Bình	05/01/2010	05/01/2011	00050/10S69
19121	S69-21435			Cao Văn Hiền	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/01/2010	04/01/2011	00051/10S69
19122	S69-21436			Cao Thị Huệ	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/01/2009	04/01/2011	00052/09S69
19123	S69-21437			Ngô Văn Đèo	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/01/2009	04/01/2011	00053/09S69
19124	S69-21438			Đàm Văn Nghiệp	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/01/2009	04/01/2011	00054/09S69
19125	S69-21439			Hồ Thanh Ren	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/01/2009	04/01/2011	00055/09S69
19126	S69-21440			Huỳnh Thị Tiên	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/01/2009	04/01/2011	00056/09S69
19127	S69-21441			Võ Văn Lờ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00057/10S69
19128	S69-21442			Nguyễn Văn Mum	Thới Bình, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00058/10S69
19129	S69-21443			Nguyễn Văn Diễn	Trí Phải, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00059/10S69
19130	S69-21444			Lương Văn Cu	Trí Phải, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00060/10S69
19131	S69-21445			Nguyễn Văn Phong	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00061/10S69
19132	S69-21446			Phạm Bảo Xuyên	Trí Lực, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00062/10S69
19133	S69-21447	CM-79002		Nguyễn Thị Kim Luyến	Tú Lực, Huyện Thới Bình	27/03/2014	27/03/2015	00789/14S69
19134	S69-21448			Nguyễn Phước Trọng	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00064/10S69
19135	S69-21449			Nguyễn Minh Hùng	Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00065/10S69
19136	S69-21450			Trần Văn Khá	Thới Bình, Huyện Thới Bình	06/01/2010	04/01/2011	00066/10S69
19137	S69-21451			Trần Văn Đệ	Trí Lực, Huyện Thới Bình	08/09/2011	08/09/2012	03107/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19138	S69-21452	CM-21422		Nguyễn Văn Nuôi	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	17/12/2012	17/12/2013	08864/12S69
19139	S69-21453	CM-21411		Trần Việt Quốc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2012	31/07/2013	04161/12S69
19140	S69-21455	CM-21398		Nguyễn Văn Hiền	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	06/12/2012	06/12/2013	08167/12S69
19141	S69-21456	CM-21400		Nguyễn Quốc Khá	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/12/2010	29/12/2011	06340/10S69
19142	S69-21457			Trần Văn Đảm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/01/2010	07/01/2011	00093/10S69
19143	S69-21459	CM-21407		Trần Văn Luân	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10254/12S69
19144	S69-21461			Lâm Văn Triều	Việt Khái, Huyện Phú Tân	08/01/2010	08/01/2011	00109/10S69
19145	S69-21462			Bùi Hoàng Chiến	Khóm 4, phường 8, Thành phố Cà Mau	08/01/2010	08/01/2011	00114/10S69
19146	S69-21463	CM-21425		Phạm Văn Điều	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01748/14S69
19147	S69-21464			Nguuyễn Hoàng Bấy	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2010	09/01/2011	00119/10S69
19148	S69-21466			Trần Thái Ngọc	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2010	12/01/2010	00121/10S69
19149	S69-21467			Trần Hoàng Nghiệp	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2010	10/01/2011	00122/10S69
19150	S69-21468	CM-90004		Đỗ Văn Thạnh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/01/2014	15/01/2015	00166/14S69
19151	S69-21469			Huỳnh Văn Tân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2010	10/01/2011	00124/10S69
19152	S69-21470			Đỗ Văn Rô	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2010	11/01/2011	00134/10S69
19153	S69-21471			Huỳnh Văn Vũ	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2010	10/01/2011	00126/10S69
19154	S69-21472			Bùi Bạch Đằng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2010	10/01/2011	00127/10S69
19155	S69-21473	CM-90003		Nguyễn Văn Hùng	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06141/13S69
19156	S69-21475			Nguyễn Vũ Phương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/01/2010	08/01/2011	00138/10S69
19157	S69-21476			Trần Văn Nơ	Khánh Hoà, Huyện U Minh	08/01/2010	08/01/2011	00139/10S69
19158	S69-21477			Nguyễn Minh Đương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/01/2010	12/01/2011	00140/10S69
19159	S69-21478			Nguyễn Trường Vũ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/01/2010	08/01/2011	00141/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19160	S69-21479			Trần Minh Thắng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	11/01/2010	11/01/2011	00143/10S69
19161	S69-21481			Phạm Ngọc Phán	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/01/2010	11/01/2011	00147/10S69
19162	S69-21482			Đoàn Văn Dàng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	11/01/2010	11/06/2010	00156/10S69
19163	S69-21483	CM-21410		Trương Minh Tân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02239/11S69
19164	S69-21484	CM-21409		Nguyễn Văn Đoan	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	20/12/2012	20/12/2013	08955/12S69
19165	S69-21486			Nguyễn Văn Ngọc	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00836/10S69
19166	S69-21487			Nguyễn Hoàng Bấy	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/01/2010	13/01/2010	00188/10S69
19167	S69-21491	CM-43005		Nguyễn Văn Tiếp	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	13/01/2015	13/01/2016	00031/15S69
19168	S69-21492	CM-43004		Đặng Hoàng Dũng	xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	06/01/2012	06/01/2013	00083/12S69
19169	S69-21493	CM-43006		Trần Văn Lam	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/04/2013	12/04/2014	02129/13S69
19170	S69-21494	CM-43001		Dương Văn Hoạch	Trần Thới, Huyện Cái Nước	23/09/2012	23/09/2013	04987/12S69
19171	S69-21495	CM-21424		Đình Quốc Trung	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00195/12S69
19172	S69-21496			Huỳnh Văn Vị	Thị trấn Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/01/2010	12/01/2011	00205/10S69
19173	S69-21497			Nguyễn Văn Hiệp	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2010	12/01/2011	00206/10S69
19174	S69-21498			Nguyễn Đô Léc	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	12/01/2010	12/01/2011	00207/10S69
19175	S69-21502	CM-02072		Trần Văn Sến	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	29/07/2014	29/07/2015	02082/14S69
19176	S69-21503			Huỳnh Văn Giới	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04349/12S69
19177	S69-21504			Trần Văn Mìl	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04348/12S69
19178	S69-21506			Nguyễn Văn Mót	Tân Hải, Huyện Phú Tân	15/01/2010	15/01/2011	00241/10S69
19179	S69-21507			Lê Thị Một	Phường 8, Thành phố Cà Mau	18/01/2010	18/01/2011	00244/10S69
19180	S69-21508			Trần Văn Đém	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01942/11S69
19181	S69-21510			Nguyễn Chí Hiện	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	18/01/2010	18/01/2011	00249/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19182	S69-21511	CM-21450		Lương Văn Biển	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/01/2014	14/01/2015	00150/14S69
19183	S69-21513			Đỗ Hoàng Minh	Phường 8, Thành phố Cà Mau	19/01/2010	19/01/2011	00258/10S69
19184	S69-21515	CM-21454		Nguyễn Chí Nguyễn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/01/2013	17/01/2014	00570/13S69
19185	S69-21516	CM-21443		Lâm Văn Nhã	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	18/12/2013	18/12/2014	06234/13S69
19186	S69-21517			Nguyễn Văn Lý	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	20/01/2010	20/01/2011	00278/10S69
19187	S69-21518			Phùng Hoàng Hận	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	20/01/2010	20/01/2011	00279/10S69
19188	S69-21519	CM-21444		Lâm Văn Luân	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	18/12/2013	18/12/2014	06235/13S69
19189	S69-21520			Đặng Văn Thiện	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/01/2010	20/01/2011	00282/10S69
19190	S69-21521			Trần Văn Hải	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2010	10/01/2011	00287/10S69
19191	S69-21522	CM: 21449		Dương Văn Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	05/01/2011	05/01/2012	00052/11S69
19192	S69-21523	CM-43009		Võ Văn Xiểu	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2011	12/05/2012	01592/11S69
19193	S69-21524	CM-43046		Đặng Việt Nguyên	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	10/07/2011	10/07/2012	06217/11V68
19194	S69-21526			Châu Văn Kiệt	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00293/10S69
19195	S69-21527			Võ Hoàng Ngưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00303/10S69
19196	S69-21528			Dương Văn Đời	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00304/10S69
19197	S69-21529			Nguyễn Văn áp	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00305/10S69
19198	S69-21531			Nguyễn Văn Đen	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00307/10S69
19199	S69-21532			Nguyễn Văn Việt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00308/10S69
19200	S69-21533	CM-43051		Tô Hồng Gương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04081/12S69
19201	S69-21534			Trần Văn Bới	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00310/10S69
19202	S69-21535			Trần Văn Nốp	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00311/10S69
19203	S69-21536			Phạm Văn Chon	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00312/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19204	S69-21537			Lâm Hoàng Giang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00313/10S69
19205	S69-21538			Lê Trường An	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2010	00314/10S69
19206	S69-21539			Nguyễn Văn Ngõi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00315/10S69
19207	S69-21540	CM-43037		Nguyễn Văn Dũng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04376/11S69
19208	S69-21541	CM-43054		Triệu Quốc Bảo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/03/2011	22/03/2012	00963/11S69
19209	S69-21542	CM-43038		Triệu Văn Phục	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01063/12S69
19210	S69-21543	CM-43049		Triệu Hoàng Thượng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01062/12S69
19211	S69-21544			Đinh Văn Sệ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00320/10S69
19212	S69-21545			Nguyễn Văn Tý	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00321/10S69
19213	S69-21546			Phạm Văn Truyền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00322/10S69
19214	S69-21547			Bùi Văn Khánh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00323/10S69
19215	S69-21548			Lâm Văn Điệp	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00324/10S69
19216	S69-21549	CM-43017		Nguyễn Văn Thắng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03545/12S69
19217	S69-21550			Cao Văn Đen	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00326/10S69
19218	S69-21551			Hồ Hoàng Xa	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00327/10S69
19219	S69-21552	CM-43048		Đặng Quốc Hận	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04375/11S69
19220	S69-21553			Lê Thanh Nghị	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00329/10S69
19221	S69-21554			Trần Chí Ninh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00330/10S69
19222	S69-21555			Tiêu Thanh Tân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00331/10S69
19223	S69-21556			Nguyễn Văn Bảy	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03546/12S69
19224	S69-21558			Tiêu Chí Cường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00334/10S69
19225	S69-21559			Nguyễn Thị Tím	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00335/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19226	S69-21560	CM-43047		Lê Quang Thọ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05095/12S69
19227	S69-21561	CM-43022		Nguyễn Văn Lùn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05083/12S69
19228	S69-21562			Nguyễn Nhựt Trường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	10/02/2012	10/02/2013	00465/12S69
19229	S69-21563	CM-43024		Phan Văn Tùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/02/2011	17/02/2012	00541/11S69
19230	S69-21564			Dương Văn Toàn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00340/10S69
19231	S69-21565	CM-43014		Lê Quốc Rợ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03552/12S69
19232	S69-21566			Nguyễn Văn Tèo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00342/10S69
19233	S69-21567			Đặng Hoài Hận	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/01/2010	20/01/2011	00343/10S69
19234	S69-21568	CM-21442		Trần Văn Yêm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/04/2015	16/04/2016	00733/15S69
19235	S69-21569	CM-21445		Nguyễn Thanh Liêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	06/05/2013	06/05/2014	02425/13S69
19236	S69-21571			Võ Văn Đà	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00363/10S69
19237	S69-21572	CM-21481		Nguyễn Minh Phụng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03326/11S69
19238	S69-21573			Từ Minh Dương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01314/11S69
19239	S69-21574			Nguyễn Hoàng Triều	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01675/11S69
19240	S69-21575	CM-61024		Đặng Ngọc Dành	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/01/2013	03920/12S69
19241	S69-21576			Diệp Hoàng Võ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00368/10S69
19242	S69-21577			Nguyễn Văn Thành	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00369/10S69
19243	S69-21578			Nguyễn Văn Lắm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00370/10S69
19244	S69-21579			Trương Văn Đỏ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/01/2010	22/01/2011	00371/10S69
19245	S69-21580			Phan Văn Hôn	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01681/11S69
19246	S69-21581			Lữ Văn Thù	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00373/10S69
19247	S69-21582			Trịnh Quốc Minh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00374/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19248	S69-21583			Lâm Trường Linh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	12/11/2011	12/11/2012	04186/11S69
19249	S69-21584			Trịnh Văn út	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00376/10S69
19250	S69-21585			Trần Quốc Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00377/10S69
19251	S69-21586			Trương Văn Phong	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	20/01/2010	20/01/2011	00378/10S69
19252	S69-21587	CM:61020		Phạm Văn Thành	Đất Mới, Huyện Năm Căn	28/02/2011	28/02/2012	00704/11S69
19253	S69-21588			Du Văn Xía	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00380/10S69
19254	S69-21589	CM-61011		Phạm Trọng Nhân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/08/2011	22/08/2012	02905/11S69
19255	S69-21590	CM-61006		Lê Thiện Trí	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2015	20/05/2016	00941/15S69
19256	S69-21591			Nguyễn Thiện Luân	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00383/10S69
19257	S69-21592			Trương Minh Thơ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00384/10S69
19258	S69-21593			Nguyễn Thanh Sơn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00385/10S69
19259	S69-21594			Nguyễn Tuấn Kiệt	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	20/01/2010	20/01/2011	00386/10S69
19260	S69-21595			Trương Văn Nghĩa	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00387/10S69
19261	S69-21596	CM-72003		Lê Trường Sơn	Rạch chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00225/11S69
19262	S69-21597	CM-61265		Đào Văn Anh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04295/11S69
19263	S69-21598			Phan Thành Công	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	20/01/2010	20/01/2011	00390/10S69
19264	S69-21599	CM-61019		Trần Ngọc Trang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05847/13S69
19265	S69-21600			Nguyễn Hoàng Trọng	Đất Mới, Huyện Phú Tân	20/01/2010	20/01/2011	00392/10S69
19266	S69-21601			Dương Văn Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00393/10S69
19267	S69-21602			Phạm Văn Phong	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/01/2010	20/01/2011	00394/10S69
19268	S69-21603	CM-21485		Nguyễn Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/05/2012	06/05/2013	01995/12S69
19269	S69-21604			Nguyễn Văn Điểm	156 Trương Phùng Xuân, K4, P8, Thành phố Cà Mau	22/01/2010	22/01/2011	00413/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19270	S69-21605	CM-00176		Nguyễn Văn Thắng	ấp 4, Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	25/06/2014	25/06/2015	01673/14S69
19271	S69-21606	CM-66014		Nguyễn Văn Lành	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09625/12S69
19272	S69-21607			Mai Ngọc Lập	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00424/10S69
19273	S69-21608			Đình Văn Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02938/11S69
19274	S69-21609			Phan Công Trường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00426/10S69
19275	S69-21610			Lê Minh Ty	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00427/10S69
19276	S69-21611	CM-66010		Lưu Minh Vương	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2015	24/04/2016	00788/15S69
19277	S69-21612	CM-66009		Phạm Văn Be	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/06/2011	20/06/2012	02047/11S69
19278	S69-21613	CM-66008		Lê Hồng Tự	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01905/13S69
19279	S69-21614			Huỳnh Hoàng Phúc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05275/13S69
19280	S69-21615			Lê Văn Việt	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00432/10S69
19281	S69-21616			Trần Thường Kiệt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00433/10S69
19282	S69-21617	CM-66006		Nguyễn Văn Trung	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2011	24/04/2012	01384/11S69
19283	S69-21618	CM-66003		Trần Văn Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2011	20/01/2012	00301/11S69
19284	S69-21619			Lâm Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00436/10S69
19285	S69-21620			Huỳnh Hoàng Phúc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00437/10S69
19286	S69-21621	CM-21487		Nguyễn Văn Ngoan	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01358/13S69
19287	S69-21622			Ngô Văn Khải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00439/10S69
19288	S69-21623	CM-		Trần Văn Trọng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2011	06/03/2012	00759/11S69
19289	S69-21624	CM: 21453		Nguyễn Hoàng Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00303/11S69
19290	S69-21625	CM-21452		Huỳnh Văn Hó	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00693/13S69
19291	S69-21626	CM-21457		Hà Văn Hiền	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	13/10/2014	13/10/2015	02775/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19292	S69-21627			Hà Thanh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/01/2010	25/01/2011	00459/10S69
19293	S69-21628	CM-21458		Nguyễn Phong Vinh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	18/01/2012	18/01/2013	00318/12S69
19294	S69-21629			Trần Đắc Minh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	25/01/2010	25/01/2011	00462/10S69
19295	S69-21630			Nguyễn Văn Tỏa	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00466/10S69
19296	S69-21631			Mguyễn Văn Thoại	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00467/10S69
19297	S69-21632			Võ Văn Lý	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00468/10S69
19298	S69-21633			Nguyễn Văn Buội	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00469/10S69
19299	S69-21634			Lê Hoàng Thanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00470/10S69
19300	S69-21635			Đặng Văn Mạch	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00471/10S69
19301	S69-21636			Nguyễn Bé Hai	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00472/10S69
19302	S69-21637			Đoàn Văn Điệp	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00473/10S69
19303	S69-21638			Lê Văn Phúc	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00474/10S69
19304	S69-21639			Trần Tấn Phong	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00475/10S69
19305	S69-21640			Hồ Văn Sang	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00476/10S69
19306	S69-21641			Nguyễn Thanh Phương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00477/10S69
19307	S69-21642			Nguyễn Văn Tường	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00478/10S69
19308	S69-21643			Lê Quốc Toàn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00479/10S69
19309	S69-21644			Nguyễn Hữu Tình	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00480/10S69
19310	S69-21645			Nguyễn Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00484/10S69
19311	S69-21646	CM-21491		Nguyễn Thanh Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04513/13S69
19312	S69-21647	CM-21492		Phạm Ngọc Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01911/13S69
19313	S69-21648			Phạm Hoàng Diệu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00487/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19314	S69-21649			Nguyễn Văn Quyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2010	24/01/2011	00488/10S69
19315	S69-21651			Phạm Thanh Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/01/2010	26/01/2011	00493/10S69
19316	S69-21652			Thái Thị Đen	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/01/2010	26/01/2011	00494/10S69
19317	S69-21653			Võ Hoàng Xuyên	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/01/2010	26/01/2011	00495/10S69
19318	S69-21654			Trần Đức Lợi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/01/2010	26/01/2011	00496/10S69
19319	S69-21655			Tô Văn Kha	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2011	30/12/2012	00011/12S69
19320	S69-21656			Nguyễn Tuấn An	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	27/01/2010	27/01/2011	00509/10S69
19321	S69-21657	CM: 21529		Phan Văn Bắc	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2012	20/03/2013	01173/12S69
19322	S69-21658			Nguyễn Thanh Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/01/2010	25/01/2011	00516/10S69
19323	S69-21659			Trần Văn Đảm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	27/01/2010	27/01/2011	00517/10S69
19324	S69-21660			Nguyễn Văn Dễ	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	28/01/2010	28/01/2011	00520/10S69
19325	S69-21661			Võ Thanh Bình	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/01/2010	26/01/2011	00523/10S69
19326	S69-21662	CM-21499		Hồ Tấn Lùng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01434/15S69
19327	S69-21663			Lê Trường Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00530/10S69
19328	S69-21664			Phạm Quốc Khanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/01/2010	28/01/2011	00531/10S69
19329	S69-21665			Nguyễn Chí Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00589/10S69
19330	S69-21666			Nguyễn Duy Đoàn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00590/10S69
19331	S69-21667			Nguyễn Văn Đen	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00591/10S69
19332	S69-21668			Nguyễn Chí Thiện	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00592/10S69
19333	S69-21669			Nguyễn Văn Thiện	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00593/10S69
19334	S69-21671			Lê Chí Thanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00595/10S69
19335	S69-21672			Trần Văn Mãi	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00596/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19336	S69-21673	CM-51005		Đặng Văn Hoài	Trần phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06508/13S69
19337	S69-21674	CM-51003		Nguyễn Trọng Cần	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10246/12S69
19338	S69-21675			Võ Hoàng Hưởng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00599/10S69
19339	S69-21676			Lê Văn Tiếng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00600/10S69
19340	S69-21677			Nguyễn Văn Sang	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00601/10S69
19341	S69-21678			Lê Vũ Phương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00602/10S69
19342	S69-21679	CM-51006		Nguyễn Hoàng Giám	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10244/12S69
19343	S69-21680			Trần Quốc Dũng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08134/12S69
19344	S69-21681			Trần Phú Hào	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00605/10S69
19345	S69-21682			Kim Văn Phúc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00606/10S69
19346	S69-21683			Nguyễn Văn Lắm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00607/10S69
19347	S69-21684			Nguyễn Văn Thắng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00608/10S69
19348	S69-21685			Nguyễn Văn ái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00609/10S69
19349	S69-21686			Nguyễn Văn Thiểu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00616/10S69
19350	S69-21687			Nguyễn Văn Lâu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00611/10S69
19351	S69-21688			Phan Minh Hoá	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00588/10S69
19352	S69-21689	CM-21495		Trần Kim Bo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	27/06/2011	27/06/2012	02086/11S69
19353	S69-21690	CM-21521		Huỳnh Thanh Liêm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	02/07/2014	02/07/2015	01802/14S69
19354	S69-21691			Ngô Vũ Phương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06371/10S69
19355	S69-21694	CM-		Lý Văn Lộc	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	29/01/2010	29/01/2011	00628/10S69
19356	S69-21695			Lê Thắng Lợi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	01/02/2010	01/02/2011	00629/10S69
19357	S69-21697			Nguyễn Văn Hùng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00631/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19358	S69-21698			Võ Văn Chuẩn	Đồng Thới, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00632/10S69
19359	S69-21699			Nguyễn Việt Kỳ	Đồng Thới, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00633/10S69
19360	S69-21700			Lê Quốc Hùng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00636/10S69
19361	S69-21701			Lê Hoàng Nam	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00637/10S69
19362	S69-21702	CM-43066		Nguyễn Văn Minh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2014	12/04/2015	00975/14S69
19363	S69-21704			Nguyễn Hiền Đức	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/07/2010	00640/10S69
19364	S69-21705			Lê Hoàng Cương	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00641/10S69
19365	S69-21706			Đặng Văn Chở	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00642/10S69
19366	S69-21707	CM-21496		Nguyễn Hoàng Nam	Định Bình, Thành phố Cà Mau	17/09/2010	17/09/2011	04814/10S69
19367	S69-21708	CM-21503		Phạm út Nhỏ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/06/2015	28/06/2016	01188/15S69
19368	S69-21709			Nguyễn Văn Danh	Định Bình, Thành phố Cà Mau	01/02/2010	01/02/2011	00651/10S69
19369	S69-21710			Nguyễn Văn Tình	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	21/01/2010	21/01/2011	00653/10S69
19370	S69-21712			Phùng Văn Răng	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	10/05/2010	10/05/2011	02573/10S69
19371	S69-21714			Võ Bé Phương	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	02/02/2010	02/02/2011	00667/10S69
19372	S69-21715			Trần Thị Bé	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/02/2010	02/02/2011	00679/10S69
19373	S69-21717			Tô Văn Toàn	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	03/02/2010	03/02/2011	00688/10S69
19374	S69-21718	CM-90012		Tô Văn Đông	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/10/2013	05253/12S69
19375	S69-21719	CM-90016		Nguyễn Văn Bảy	Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	07/09/2012	07/09/2013	04689/12S69
19376	S69-21720			Nguyễn Minh Trung	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	03/02/2010	03/02/2011	00691/10S69
19377	S69-21721	CM:43055		Châu Ngọc Tấn	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	07/03/2011	07/03/2012	00748/11S69
19378	S69-21722	CM-21506		Nguyễn Hoàng Đạm	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	16/12/2013	16/12/2014	06218/13S69
19379	S69-21723			Lê Văn Gọc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	03/02/2010	03/02/2011	00697/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19380	S69-21724	CM-21514		Hồ Tấn Sỹ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10329/12S69
19381	S69-21728			Trần Chi Lăng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	29/04/2011	29/04/2012	01491/11S69
19382	S69-21729	CM-94545		Nguyễn Thanh Hiền	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	11/02/2015	11/02/2016	00315/15S69
19383	S69-21730			Trần Văn Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/02/2010	04/02/2011	00710/10S69
19384	S69-21731			Nguyễn Thị Trán	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	04/02/2010	04/08/2010	00713/10S69
19385	S69-21732			Nguyễn văn Minh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/01/2010	25/01/2011	00718/10S69
19386	S69-21733			Nguyễn Việt ái	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	04/02/2010	04/02/2011	00719/10S69
19387	S69-21734			Huỳnh Văn Điều	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	04/02/2010	04/02/2011	00720/10S69
19388	S69-21735			Trần Minh Dương	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00727/10S69
19389	S69-21736			Lê Văn út	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00728/10S69
19390	S69-21737			Đặng Văn Nửa	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00729/10S69
19391	S69-21738			Nguyễn Vĩnh Nhi	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00730/10S69
19392	S69-21739			Lê Ngọc Khăm	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00731/10S69
19393	S69-21740			Nguyễn Văn Mến	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00732/10S69
19394	S69-21741			Phạm Văn Chương	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00733/10S69
19395	S69-21742			Ngô Chí Huynh	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00734/10S69
19396	S69-21743			Trần thị Đẹt	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00735/10S69
19397	S69-21744			Trần Thị Đẹp	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00736/10S69
19398	S69-21746			Nguyễn Văn Sang	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00738/10S69
19399	S69-21747			Trần Văn Khanh	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00739/10S69
19400	S69-21748			Phạm Minh Tuấn	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00740/10S69
19401	S69-21749			Phạm Văn Y	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00741/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19402	S69-21750			Huỳnh Thu Tư	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00742/10S69
19403	S69-21751			Lê Văn Là	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00743/10S69
19404	S69-21752			Nguyễn Văn Đen	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00744/10S69
19405	S69-21753			Nguyễn Văn Lưu	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00745/10S69
19406	S69-21754			Phạm Văn Diễn	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00746/10S69
19407	S69-21755			Lê Thị Hoa	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00747/10S69
19408	S69-21756			Trần Thanh Nhân	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00748/10S69
19409	S69-21757			Phan Thị Lụa	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00749/10S69
19410	S69-21758			Nguyễn Văn Nhiều	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00750/10S69
19411	S69-21759			Đặng Văn Nghi	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00751/10S69
19412	S69-21760			Nguyễn Văn Hon	Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00752/10S69
19413	S69-21761			Trần Kim Vân	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00753/10S69
19414	S69-21762			Nguyễn Văn Em	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00754/10S69
19415	S69-21763			Nguyễn Văn Thiện	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00755/10S69
19416	S69-21764			Lê Phát Lợi	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00756/10S69
19417	S69-21765			Nguyễn Văn Tiếp	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00757/10S69
19418	S69-21766			Đặng Văn Dự	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00758/10S69
19419	S69-21767			Nguyễn Văn Lắm	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00759/10S69
19420	S69-21768			Nguyễn Tứ Hải	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00760/10S69
19421	S69-21769			Phạm Văn Lèo	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00761/10S69
19422	S69-21770			Đặng Thị Thủy	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00762/10S69
19423	S69-21771			Triệu Đức Huỳnh	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00763/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19424	S69-21772			Huỳnh Văn Lợi	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00764/10S69
19425	S69-21773			Nguyễn Thị Diệu	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00765/10S69
19426	S69-21774			Đặng Văn Lạng	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00766/10S69
19427	S69-21775			Nguyễn Văn Quang	ấp 5, Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00767/10S69
19428	S69-21776			Đặng Văn Gỏi	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/02/2010	04/02/2011	00768/10S69
19429	S69-21777	CM-90467		Huỳnh Văn Phúc	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	06/02/2012	06/02/2013	00410/12S69
19430	S69-21778	21520		Lê Minh Phụng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/08/2011	20/08/2012	02856/11S69
19431	S69-21779			CTy CP Tư Vấn Khảo Sát TK & XD Vĩnh Mẫn	K7, Phường 5, Thành phố Cà Mau	25/04/2011	25/04/2012	01348/11S69
19432	S69-21780			Hồng Chí Công	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	05/02/2010	05/02/2011	00778/10S69
19433	S69-21781			Huỳnh Văn Nhỏ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	05/02/2010	05/02/2011	00783/10S69
19434	S69-21782			Nguyễn Thành Đẹp	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	05/02/2010	05/02/2011	00791/10S69
19435	S69-21783	CM-43065		Lâm Hồng Xương	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03872/12S69
19436	S69-21784			Nguyễn Thanh Vũ	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00795/10S69
19437	S69-21785	CM-43057		Đoàn Văn Hạng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2012	12/04/2013	01604/12S69
19438	S69-21786			Võ Văn Thà	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00797/10S69
19439	S69-21787			Lê Văn Thuận	Trần Thới, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00798/10S69
19440	S69-21788			Nguyễn Văn Sol	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00799/10S69
19441	S69-21789			Nguyễn Thị Kim Nhẫn	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00800/10S69
19442	S69-21790			Nguyễn Bé Kế	Đông Thới, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00801/10S69
19443	S69-21791			Hồ Chí Linh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	05/02/2010	05/02/2011	00808/10S69
19444	S69-21792			Phùng Văn Cử	Hoà Trung, Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	15/04/2011	15/04/2012	01259/11S69
19445	S69-21793			Lê Văn Tòng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00813/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19446	S69-21794			Trần Hoàng bửu	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00814/10S69
19447	S69-21795			Phan Hồng Thới	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00815/10S69
19448	S69-21796			Nguyễn Chí Linh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00816/10S69
19449	S69-21797			Nguyễn Văn Duẩn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00817/10S69
19450	S69-21798			Lê Tấn Dương	Khánh hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00818/10S69
19451	S69-21799			Nguyễn Tấn Thành	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00819/10S69
19452	S69-21800			Võ Diệu Linh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00820/10S69
19453	S69-21801			Nguyễn Văn Định	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00821/10S69
19454	S69-21802			Phạm Văn Ngoan	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00822/10S69
19455	S69-21803			Lưu Văn Khanh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00823/10S69
19456	S69-21804			Trạm Y Tế Xã Khánh Hải	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00824/10S69
19457	S69-21805			Lê Văn Quan	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00825/10S69
19458	S69-21806			Phạm Văn Ruân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00826/10S69
19459	S69-21807			Nguyễn Văn Hiền	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00827/10S69
19460	S69-21808			Võ Văn Bé	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00828/10S69
19461	S69-21809			Dương Trọng Kha	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00829/10S69
19462	S69-21810			Võ Hoàng Nam	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00830/10S69
19463	S69-21811			Nguyễn Văn Hoàng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00831/10S69
19464	S69-21812			Nguyễn Văn Minh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00832/10S69
19465	S69-21813			Đỗ Văn Mum	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00833/10S69
19466	S69-21814			Dương Văn Sĩ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00834/10S69
19467	S69-21815			Nguyễn Văn Bình	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00835/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19468	S69-21817			Nguyễn Văn Trâm	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00837/10S69
19469	S69-21818			Phạm Quốc Việt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00838/10S69
19470	S69-21819			Phạm Thanh Thoảng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00839/10S69
19471	S69-21820			Nguyễn út Em	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00840/10S69
19472	S69-21821			Mai Văn Diện	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	07/02/2010	07/02/2011	00841/10S69
19473	S69-21823	CM-90051		Huỳnh Văn Việt	xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2014	26/11/2015	03099/14S69
19474	S69-21824			Nguyễn Văn Phong	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2011	12/07/2011	00176/11S69
19475	S69-21825			Nguyễn Ngọc Vĩnh	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	08/02/2010	08/02/2011	00853/10S69
19476	S69-21827			Nguyễn Văn Lập	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	05/02/2010	05/02/2011	00860/10S69
19477	S69-21828			Lê Văn Dũng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/02/2010	09/02/2011	00863/10S69
19478	S69-21830	CM-72061		Phan Văn út	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	13/06/2013	13/06/2014	03095/13S69
19479	S69-21831	CM-21526		Trần Văn Hân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00668/11S69
19480	S69-21832			Ngô Văn Dở	Đông Thới, Huyện Cái Nước	05/02/2010	05/02/2011	00869/10S69
19481	S69-21835	CM-43083		Huỳnh Văn Đương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	25/05/2011	25/05/2012	01730/11S69
19482	S69-21836			Phạm Quốc Lãm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	23/02/2010	23/02/2011	00904/10S69
19483	S69-21837	CM-79090		Hồ Văn Thuận	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	08/05/2012	08/05/2013	02012/12S69
19484	S69-21838			Nguyễn Văn Bé	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	23/02/2010	23/02/2011	00907/10S69
19485	S69-21839	CM-21537		Nguyễn Văn Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00907/12S69
19486	S69-21840			Ngô Chí Nguyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00916/10S69
19487	S69-21841			Đỗ Quốc Khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00917/10S69
19488	S69-21842			Lê Chí Hăng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00918/10S69
19489	S69-21843			Lê Chí Hăng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00919/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19490	S69-21844	CM-66032		Nguyễn Văn Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2015	24/04/2016	00792/15S69
19491	S69-21845			Tiêu Minh Thông	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00811/12S69
19492	S69-21846			Võ Văn Đồng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00922/10S69
19493	S69-21847			Cù Thị Thoa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00923/10S69
19494	S69-21848	CM-66030		Trần Trường Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2011	24/04/2012	01381/11S69
19495	S69-21849			Tiết Minh Phương	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00925/10S69
19496	S69-21850			Nguyễn Văn Thường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00926/10S69
19497	S69-21851	CM-66027		Dương Thanh Mãng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2013	24/11/2014	05877/13S69
19498	S69-21852			Nguyễn Văn Quý	Tân ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00928/10S69
19499	S69-21853			Nguyễn Thanh Giang	Tân ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	14/04/2012	01220/11S69
19500	S69-21854	CM-66024		Phan Quốc Thanh	Tân ân, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05110/12S69
19501	S69-21855	CM-66017		Lê Thanh Tùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2014	24/03/2015	00756/14S69
19502	S69-21857	CM- 66019		Nguyễn Minh Hiếu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00302/14S69
19503	S69-21858			Phạm Văn Xù	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00934/10S69
19504	S69-21859			Trần Thanh Triết	Tân ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00935/10S69
19505	S69-21860			Nguyễn Thanh Nhanh	Tân ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00936/10S69
19506	S69-21861			Lâm Kim Ngân	Tân ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2010	24/02/2011	00937/10S69
19507	S69-21862			Nguyễn Văn Vũ	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	25/02/2010	25/02/2011	00946/10S69
19508	S69-21865			Nguyễn Trung Tính	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2010	28/01/2011	00961/10S69
19509	S69-21866			Huỳnh Hoàng Lâm	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00962/10S69
19510	S69-21867	CM-51022		Lê Văn Phương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02497/12S69
19511	S69-21868			Nguyễn Văn Tám	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00964/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19512	S69-21870			Quảng Thành Tâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00966/10S69
19513	S69-21871			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00967/10S69
19514	S69-21872	CM-51020		Nguyễn Văn Vũ	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01104/13S69
19515	S69-21873	CM: 51032		Huỳnh Văn Ngoan	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	22/04/2011	22/04/2012	01342/11S69
19516	S69-21874			Trương Văn Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00970/10S69
19517	S69-21875			Nguyễn Văn Nghiệp	Tal An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00971/10S69
19518	S69-21876	CM-51026		Huỳnh Văn Tiếp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	08/01/2013	08/01/2014	00235/13S69
19519	S69-21878	CM-51023		Thái Công Một	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10168/12S69
19520	S69-21879			Đào Hoàng Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	00975/10S69
19521	S69-21880			Bùi Văn Hai	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06704/12S69
19522	S69-21881	CM-51014		Huỳnh Thanh Danh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10237/12S69
19523	S69-21882			Phạm Văn Đạt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	01011/10S69
19524	S69-21883			Thái Văn Mừng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/03/2010	02/03/2011	01014/10S69
19525	S69-21884			Lâm Văn Tín	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	01018/10S69
19526	S69-21885	CM-21546		Nguyễn Hoàng Giang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/05/2014	26/05/2015	01387/14S69
19527	S69-21886	CM: 21540		Lê Quốc Trinh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	28/02/2011	28/02/2012	00687/11S69
19528	S69-21887			Cty Cổ Phần Vinh Mẫn	Phường 5, Thành phố Cà Mau	02/03/2010	02/03/2011	01026/06S69
19529	S69-21888	CM-21559		Lâm Minh Tâm	Phường 6, Thành phố Cà Mau	19/08/2014	19/08/2015	02270/14S69
19530	S69-21889	CM-21548		Huỳnh Sông Lam	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	22/03/2011	22/03/2012	00973/11S69
19531	S69-21890			Trần Văn Hai	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01043/10S69
19532	S69-21891			Nguyễn Hoàng Hận	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01044/10S69
19533	S69-21892			Đỗ Thị Búp	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01045/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19534	S69-21893			Phạm Thanh Tuấn	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01046/10S69
19535	S69-21894			Châu Thanh Chi	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01047/10S69
19536	S69-21895			Trần Văn Mười	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01048/10S69
19537	S69-21896			Trần Văn Chính	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01049/10S69
19538	S69-21897			Lê Văn Chinh	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01050/10S69
19539	S69-21898			Võ Thanh Hải	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01051/10S69
19540	S69-21899			Dương Thị Mỹ	Trí Lực, Huyện Thới Bình	04/03/2010	04/03/2011	01052/10S69
19541	S69-21900			Nguyễn Văn Hoàng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04017/11S69
19542	S69-21901			Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01079/10S69
19543	S69-21902			Trần Quốc Chiến	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01080/10S69
19544	S69-21903			Nguyễn Thành Công	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01081/10S69
19545	S69-21904			Nguyễn Tuyết Loan	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01082/10S69
19546	S69-21905			Dương Thị Nhem	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01083/10S69
19547	S69-21906			Trần Văn Tròn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01084/10S69
19548	S69-21907			Bùi Văn Lãm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01085/10S69
19549	S69-21908			Cao Văn Dũng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01086/10S69
19550	S69-21909			Quách Văn Xum	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01087/10S69
19551	S69-21910			Quảng Văn Lên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01088/10S69
19552	S69-21911			Phạm Bé Ngoan	Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	08/03/2010	08/03/2011	01096/10S69
19553	S69-21912			Nguyễn Văn Nam	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	09/03/2010	09/03/2011	01097/10S69
19554	S69-21913			Hà Thuý Phượng	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	09/03/2010	09/03/2011	01099/10S69
19555	S69-21914	CM-43085		Huỳnh Văn Tâm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00839/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19556	S69-21915			Huỳnh Hữu Trí	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	09/03/2010	09/03/2011	01108/10S69
19557	S69-21916	CM-43094		Võ Hoàng Nhi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/03/2014	21/03/2015	00742/14S69
19558	S69-21918			Trần Văn Sum	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01120/10S69
19559	S69-21919			Phù Quốc Nam	Khóm 2, Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01121/10S69
19560	S69-21920			Lưu Quốc Lương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	10/03/2010	10/03/2011	01122/10S69
19561	S69-21921			Nguyễn Văn Hên	Khóm 4, Thị trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01123/10S69
19562	S69-21922			Trường Tiểu Học Lợi An 2	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01124/10S69
19563	S69-21923			Lê Văn Suông	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2011	10/05/2012	01565/11S69
19564	S69-21924			Lê Thanh Tùng	Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2011	01126/10S69
19565	S69-21925			Trương Văn Vự	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	11/03/2010	11/03/2011	01145/10S69
19566	S69-21926	CM-21560		Đỗ Kim Ba	Phường 6, Thành phố Cà Mau	06/12/2013	06/12/2014	06111/13S69
19567	S69-21927	CM-		Phạm Văn Vững	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/12/2011	07/12/2012	04720/11S69
19568	S69-21928	CM-21568		Lương Văn Bảnh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04388/11S69
19569	S69-21930			Phan Văn Phong	Tân Hải, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01159/10S69
19570	S69-21931			Phùng Thanh Hiệp	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/03/2010	12/03/2011	01160/10S69
19571	S69-21932	CM-72046		Võ Văn Ứng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00270/12S69
19572	S69-21933			Tạ Thanh Tuấn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01165/10S69
19573	S69-21934			Huỳnh Văn Hận	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01166/10S69
19574	S69-21935			Lê Văn Danh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01167/10S69
19575	S69-21936			Hồ Văn Niệm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01168/10S69
19576	S69-21937			Hồng Phúc Giang	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01169/10S69
19577	S69-21938			Nguyễn Thanh Hùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01170/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19578	S69-21939			Khấu Hoàng Triều	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	11/03/2011	01171/10S69
19579	S69-21940			Khấu Triều Em	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	15/03/2011	01172/10S69
19580	S69-21941			Trần Văn Bảy	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01173/10S69
19581	S69-21942			Nguyễn Quốc Thế	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01174/10S69
19582	S69-21943			Dư Tấn Phong	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	11/03/2010	11/03/2011	01175/10S69
19583	S69-21944			Châu Việt Trung	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	11/03/2010	11/03/2011	01176/10S69
19584	S69-21945			Nguyễn Thị ánh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	11/03/2010	11/03/2011	01177/10S69
19585	S69-21947			Võ Văn Hiếu	Nguyễn việt Khái, Huyện Phú Tân	11/03/2010	11/03/2011	01179/10S69
19586	S69-21948			Lê Văn Phiến	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	11/03/2010	11/03/2011	01180/10S69
19587	S69-21949			Trần Khánh Huyền	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	11/03/2010	11/03/2011	01181/10S69
19588	S69-21950			Phạm Thanh Vũ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01182/10S69
19589	S69-21951			Nguyễn Thanh Lợi	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01183/10S69
19590	S69-21952			Huỳnh Chí Toàn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01184/10S69
19591	S69-21953			Trần Văn Cường	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01185/10S69
19592	S69-21954			Nguyễn Văn Hòa	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01186/10S69
19593	S69-21955			Tạ Văn Nho	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01187/10S69
19594	S69-21956			Quách Thanh Lâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01188/10S69
19595	S69-21957			Trần Hoàng Thủ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01189/10S69
19596	S69-21958			Trần Văn Một	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01190/10S69
19597	S69-21959	CM-72024		Hồ Trường Thịnh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	19/08/2013	19/08/2014	03908/13S69
19598	S69-21960			Huỳnh Thanh Tùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01192/10S69
19599	S69-21961			Nguyễn Văn Cường	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01193/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19600	S69-21962			Văn Phòng Huyện Ủy Huyện Phú Tân	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	11/03/2010	11/03/2011	01194/10S69
19601	S69-21963			Nguyễn Minh Trang	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01195/10S69
19602	S69-21964			Quách Văn Nhỏ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01196/10S69
19603	S69-21965			Dương Tấn Kiệt	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01197/10S69
19604	S69-21966			Nguyễn Văn Hổ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01198/10S69
19605	S69-21967			Nguyễn Văn Lâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01199/10S69
19606	S69-21968			Trần Quốc Dũng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01200/10S69
19607	S69-21969			Lê Văn Mỹ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01201/10S69
19608	S69-21970			Lê Hoàng Đối	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01202/10S69
19609	S69-21971			Huỳnh Thị Phụng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01203/10S69
19610	S69-21972			Phạm Thanh Hùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01204/10S69
19611	S69-21973			Võ Văn Dương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01205/10S69
19612	S69-21974			Trương Minh Triều	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/03/2010	12/03/2011	01206/10S69
19613	S69-21975	CM-21574		Nguyễn Thị Tiến	Khóm 6, Phường 9, Thành phố Cà Mau	30/05/2011	30/05/2012	01794/11S69
19614	S69-21976			Đỗ Văn Hưng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01218/10S69
19615	S69-21978			Nguyễn Văn Cháy	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01222/10S69
19616	S69-21979			Phượng Văn Thắng	Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01223/10S69
19617	S69-21980	CM-51063		Ngô Văn Phước	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09162/12S69
19618	S69-21981			Phan Văn Vũ	Khóm II, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01225/10S69
19619	S69-21982	CM-51062		Ngụy Văn Giám	Khóm III, Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05677/12S69
19620	S69-21983	CM-51054		Dương Hoàng Mỹ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07801/12S69
19621	S69-21984	CM-51039		Phạm Văn Chanh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00840/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19622	S69-21985			Nguyễn Văn Bé	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01229/10S69
19623	S69-21986			Trần Quốc Phong	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01230/10S69
19624	S69-21987	CM-51059		Lâm Văn Minh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07882/12S69
19625	S69-21988	CM-51041		Nguyễn Chí Linh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00817/14S69
19626	S69-21989			Trần Minh Rõng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01233/10S69
19627	S69-21990			Trần Quốc Việt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01234/10S69
19628	S69-21991			Võ Hoàng Nhu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01235/10S69
19629	S69-21992			Võ Xuân Tiệp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01236/10S69
19630	S69-21993	CM-51045		Đỗ Văn Hưng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10202/12S69
19631	S69-21994	CM-51049		Phạm Văn út	Khóm III, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01155/14S69
19632	S69-21995			Trần Văn Vui Em	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01239/10S69
19633	S69-21996			Nguyễn Minh Đương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01240/10S69
19634	S69-21997	CM-51048		Huỳnh Phước Thiện	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02139/11S69
19635	S69-21998	CM-51047		Dương Văn Mạnh	Khóm III, Thị trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07752/12S69
19636	S69-22000	CM-51043		Phạm Văn Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06410/13S69
19637	S69-22001	CM-51040		Kim Văn Thực	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05632/13S69
19638	S69-22002	CM-51050		Lý Hoàng Vương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03156/14S69
19639	S69-22003			Phạm Quốc Sỹ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01247/10S69
19640	S69-22004			Phan Nhất Duy	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01248/10S69
19641	S69-22005	CM-21591		Trần Rô Y	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/04/2013	04/04/2014	02072/13S69
19642	S69-22006			Nguyễn Quốc Cường	Định Bình, Thành phố Cà Mau	15/03/2010	15/03/2011	01348/10S69
19643	S69-22007			Trần Thanh Tòng	Phường 7, Thành phố Cà Mau	16/03/2010	16/03/2011	01352/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19644	S69-22008			Châu Văn ảm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2010	16/03/2011	01358/10S69
19645	S69-22009	CM-51036		Trần Văn Việt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02131/11S69
19646	S69-22010			Lý Chí Linh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/03/2010	16/09/2010	01366/10S69
19647	S69-22011			Lê Minh Đây	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	13/03/2011	01367/10S69
19648	S69-22012			Huỳnh Tuấn Kiệt	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01368/10S69
19649	S69-22013			Đoàn Văn Thanh	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01369/10S69
19650	S69-22014			Nguyễn Tuyết Đạm	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01370/10S69
19651	S69-22015			Lê Bích Liên	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01371/10S69
19652	S69-22016			Phan Thanh Tuấn	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01372/10S69
19653	S69-22017			Lê Thanh Tùng	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01373/10S69
19654	S69-22018			Nguyễn Văn Mai	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01374/10S69
19655	S69-22019			Trà Phương Nam	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01375/10S69
19656	S69-22020			Trịnh Bé Nghiệm	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01376/10S69
19657	S69-22021	CM-87031		Trần Vũ Ca	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03371/12S69
19658	S69-22022			Lê Văn Minh	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01378/10S69
19659	S69-22023			Hồ Thu Hiền	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01379/10S69
19660	S69-22024			Nguyễn Hồng Lẻn	Khánh Hội, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01380/10S69
19661	S69-22025			Dương Văn Dân	Khánh Thuận, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01381/10S69
19662	S69-22026			Trần Văn Hoài	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01382/10S69
19663	S69-22027			Nguyễn Văn Đào	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01383/10S69
19664	S69-22028			Trần Quốc Khánh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01384/10S69
19665	S69-22029			Hồ Bé Tư	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01385/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19666	S69-22030			Đoàn Công Du	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01386/10S69
19667	S69-22031			Cao Phương Đình	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01387/10S69
19668	S69-22032			Võ Văn Nhen	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01388/10S69
19669	S69-22033			Phạm Thị út	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01389/10S69
19670	S69-22034			Mai Văn Mân	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01390/10S69
19671	S69-22035			Trường Tiểu Học Nguyễn Văn Tố	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02471/12S69
19672	S69-22036			Đoàn Kim Ny	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01392/10S69
19673	S69-22037			Nguyễn Văn Khánh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01393/10S69
19674	S69-22038			Nguyễn Văn Bấy	khánh Thuận, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01394/10S69
19675	S69-22039			Trần Thành Ngung	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01395/10S69
19676	S69-22040			Nguyễn Văn Phụng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01396/10S69
19677	S69-22041			Nguyễn Tấn Thành	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01397/10S69
19678	S69-22042			Bùi Văn Linh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01398/10S69
19679	S69-22043			Nguyễn Văn Danh	NGuyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01399/10S69
19680	S69-22044			Nguyễn Đại Bằng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/03/2010	16/03/2011	01400/10S69
19681	S69-22047	CM-21575		Quách Tuấn	Phường 4, Thành phố Cà Mau	18/07/2011	18/07/2012	02344/11S69
19682	S69-22048	CM-51073		Dương Trường Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08418/12S69
19683	S69-22049	CM-51074		Nguyễn Hoàng Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06695/12S69
19684	S69-22050			Đoàn Văn Bình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01421/10S69
19685	S69-22051			Bao Tiến Công	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01422/10S69
19686	S69-22052			Trần Văn Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01423/10S69
19687	S69-22053			Hồ Minh Phước	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01424/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19688	S69-22054			Nguyễn Thanh Dân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01425/10S69
19689	S69-22055			Hồ Quang Trung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01426/10S69
19690	S69-22057	CM-51084		Huỳnh Minh Dương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08413/12S69
19691	S69-22058	CM-51085		Tô Thanh Liền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08414/12S69
19692	S69-22059	CM-51086		Tiêu Như ý	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06780/12S69
19693	S69-22060			Đỗ Văn Trung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01431/10S69
19694	S69-22061			Vũ Trung Tính	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00552/13S69
19695	S69-22062			Phan Thanh Vui	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01433/10S69
19696	S69-22063			Phan Hải Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01434/10S69
19697	S69-22064			Trịnh Tuấn Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01435/10S69
19698	S69-22065	CM-51093		Lâm Vũ Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06587/13S69
19699	S69-22066			Diệp Văn Khương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01437/10S69
19700	S69-22067	CM-51082		Nguyễn Văn Đông	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06685/12S69
19701	S69-22068			Nguyễn Hoàng Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01439/10S69
19702	S69-22069			Nguyễn Văn Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01440/10S69
19703	S69-22070	CM-51057		Hứa Văn Sển	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01288/12S69
19704	S69-22071	CM-03310		Lê Văn Hiệp	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06095/13S69
19705	S69-22074	CM-21584		Đặng Văn Đố	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/03/2011	30/03/2012	01106/11S69
19706	S69-22075	CM-21585		Võ Văn Trắng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	27/12/2011	27/12/2012	05032/11S69
19707	S69-22076			Lữ Văn Thắng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	19/03/2010	19/03/2011	01451/10S69
19708	S69-22077			Huỳnh Văn Phong	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	19/03/2010	19/03/2011	01452/10S69
19709	S69-22078	CM-43090		Lê Văn Đạm	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01076/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19710	S69-22079	CM-43088		Nguyễn Trọng Trí	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	22/03/2011	22/03/2012	00974/11S69
19711	S69-22080			Lê Văn Nghĩa	Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/03/2010	19/03/2011	01455/10S69
19712	S69-22081			Phạm Minh Điền	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	19/03/2010	19/03/2011	01456/10S69
19713	S69-22082	CM-21587		Phan Công Định	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/11/2011	16/11/2012	04261/11S69
19714	S69-22083			Phạm Tự Hào	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/03/2010	19/03/2011	01458/10S69
19715	S69-22084			Trương Văn Thuận	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	19/03/2010	19/03/2011	01459/10S69
19716	S69-22085	CM-43086		Lương Văn Hiền	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/07/2015	01874/14S69
19717	S69-22086			Nguyễn Minh Truyền	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	19/03/2010	19/03/2011	01461/10S69
19718	S69-22087	CM-21580		Phạm Văn Có	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	30/11/2012	30/11/2013	01201/12V94
19719	S69-22088			Trần Thanh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/03/2010	22/03/2011	01488/10S69
19720	S69-22089	CM-61038		Nguyễn Thị Bé	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06266/13S69
19721	S69-22090			Nguyễn Văn Hiếu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01491/10S69
19722	S69-22091			Nguyễn Tuấn Em	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01492/10S69
19723	S69-22092	CM-61030		Lâm Văn Chuyện	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02241/13S69
19724	S69-22093	CM-61070		Lê Thiện Trí	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01690/11S69
19725	S69-22094			Huỳnh Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01495/10S69
19726	S69-22095			Lê Mỹ Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/03/2010	18/03/2011	01496/10S69
19727	S69-22096	CM-61051		Vũ Đình Chung	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01322/11S69
19728	S69-22097			Lâm Vũ Tân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01498/10S69
19729	S69-22098	CM-61035		Võ Thanh Việt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2015	20/07/2016	01335/15S69
19730	S69-22099			Bùi Quang Dũng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01500/10S69
19731	S69-22101	CM-61052		Lữ Văn Thù	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03952/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19732	S69-22102			Huỳnh Tấn Truyền	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01758/12S69
19733	S69-22103			Nguyễn Văn Phương	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01504/10S69
19734	S69-22104			Phùng Văn Đoàn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01505/10S69
19735	S69-22105			Nguyễn Văn Giàu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01506/10S69
19736	S69-22106			Thạch Kim Cương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01507/10S69
19737	S69-22107			Trần Chí Nguyễn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2011	20/08/2012	02862/11S69
19738	S69-22108	CM-61025		Quách Văn Hải	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01760/12S69
19739	S69-22109			Trương Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01510/10S69
19740	S69-22110			Trần Công Lập	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01511/10S69
19741	S69-22111			Trần Văn Thôn	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01512/10S69
19742	S69-22112			Trần Văn Thọ	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01513/10S69
19743	S69-22113			Trần Thành Công	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01514/10S69
19744	S69-22114			Dương Minh Dũng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01515/10S69
19745	S69-22115	CM-61060		Nguyễn Văn Giống	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/11/2014	20/11/2015	03042/14S69
19746	S69-22116			Trịnh Ngọc Hiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01517/10S69
19747	S69-22117			Phan Thanh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01518/10S69
19748	S69-22118			Lê Văn Tèo	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01519/10S69
19749	S69-22119	CM-61063		Lâm Văn Chuyện	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04944/11S69
19750	S69-22120			Phan Văn Giao	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01521/10S69
19751	S69-22121	CM-66068		Hồng Hữu Linh	Tân Ân Tây, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01318/11S69
19752	S69-22122	CM-61068		Nguyễn Văn Sáu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01333/14S69
19753	S69-22123			Trần Văn Đăng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01524/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19754	S69-22124	CM-61036		Phạm Văn Hồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07200/12S69
19755	S69-22125			Huỳnh Văn út	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01526/10S69
19756	S69-22126			Bùi Văn Quân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01527/10S69
19757	S69-22127			Quách Duy Thanh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01528/10S69
19758	S69-22128			Nguyễn Vũ Thương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01529/10S69
19759	S69-22129			Nguyễn Hoàng Y	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01530/10S69
19760	S69-22130	CM-61042		Lê Công Định	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/08/2013	29/08/2014	04164/13S69
19761	S69-22132	CM-61044		Trần Văn Dân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02375/14S69
19762	S69-22133	CM-61047		Đoàn Thanh Hòa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/04/2015	01036/14S69
19763	S69-22134			Nguyễn Duy Phương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01535/10S69
19764	S69-22135			Trần Văn Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01536/10S69
19765	S69-22136			Huỳnh Minh Phụng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2010	20/03/2011	01537/10S69
19766	S69-22137	CM-21599		Lê Chí Khanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2012	20/08/2013	04480/12S69
19767	S69-22138	CM-51038		Đặng Văn Nam	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	07/04/2015	07/04/2016	00658/15S69
19768	S69-22140			Trương Văn Quý	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	22/03/2010	22/03/2011	01556/10S69
19769	S69-22142			DNTN Mỹ Linh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	22/03/2010	22/03/2011	01561/10S69
19770	S69-22143	CM-21593		Võ Văn út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/11/2013	05/11/2014	05674/13S69
19771	S69-22144			Phan Trường Giang	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01565/10S69
19772	S69-22145			Lê Hoàng Triều	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01566/10S69
19773	S69-22146			Mai Văn Tèo	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01567/10S69
19774	S69-22147			Lê Minh Phước	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01568/10S69
19775	S69-22148			Phạm Quốc Gọi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01569/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19776	S69-22149			Nguyễn Vũ Nguyên	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01570/10S69
19777	S69-22150			Trần Hoàng Ninh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08928/12S69
19778	S69-22151	CM-51145		Lê Văn Sáu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06483/13S69
19779	S69-22152			Đình Hữu Thức	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01573/10S69
19780	S69-22153			Lâm Văn Đệ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01574/10S69
19781	S69-22154			Trương Văn Ninh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01575/10S69
19782	S69-22155			Phùng Văn Nghĩa	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01576/10S69
19783	S69-22156			Trần Văn Mạnh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01577/10S69
19784	S69-22157			Trương Vũ Linh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01578/10S69
19785	S69-22158			Hứa Minh Đương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01579/10S69
19786	S69-22159			Hứa Minh Dương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01580/10S69
19787	S69-22160			Lê Chí Cường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01581/10S69
19788	S69-22161			Nguyễn Ô Ren	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01582/10S69
19789	S69-22162			Biện Bé Năm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01583/10S69
19790	S69-22163			Lê Thanh Đặng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01584/10S69
19791	S69-22164			Nguyễn Quốc Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01585/10S69
19792	S69-22165			Hồ Đức Bình	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01586/10S69
19793	S69-22166	CM-51164		Trần Văn Nhuận	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04518/11S69
19794	S69-22167			Tô Văn Cảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01588/10S69
19795	S69-22168	CM-51167		Huỳnh Thanh Tuấn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06475/13S69
19796	S69-22169	CM-51166		Trần Ngọc Vịnh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	12/11/2012	12/11/2013	06444/12S69
19797	S69-22170			Nguyễn Chí Linh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01591/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19798	S69-22171			Phan Hải Triều	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01592/10S69
19799	S69-22172			Nguyễn Thanh Hiền	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01593/10S69
19800	S69-22173			Huỳnh Quốc Hậu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01594/10S69
19801	S69-22174			Lâm Văn Điền	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01595/10S69
19802	S69-22175	CM-51158		Trần Minh Dương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06015/13S69
19803	S69-22176			Ngô Văn Nhanh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01597/10S69
19804	S69-22177			Hà Thanh Dũng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01598/10S69
19805	S69-22178			Nguyễn Văn Dũng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01599/10S69
19806	S69-22179			Trần Văn Phước	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01600/10S69
19807	S69-22180			Lê Quốc Khánh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01601/10S69
19808	S69-22181			Nguyễn Hoàng Dứt	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01602/10S69
19809	S69-22182			Bùi Văn Khởi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01603/10S69
19810	S69-22183			Hồ Hoàng Mộng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01604/10S69
19811	S69-22184			Dương Minh Tường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01605/10S69
19812	S69-22185			Huỳnh Văn Dũng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01606/10S69
19813	S69-22186			Nguyễn Văn Mung	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01607/10S69
19814	S69-22187			Nguyễn Thanh Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01608/10S69
19815	S69-22188			Biện Bé Tư	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01609/10S69
19816	S69-22189			Lê Hồng Hiệp	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01610/10S69
19817	S69-22190			Nguyễn Vũ Linh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01611/10S69
19818	S69-22191			Lê Thanh Nhật	Quách Phẩm Bắc, Thành phố Cà Mau	20/03/2010	20/03/2011	01612/10S69
19819	S69-22193			Nguyễn Trường Sơn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01614/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19820	S69-22194	CM-51159		Hà Văn Khánh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08927/12S69
19821	S69-22195			Hà Minh Cảnh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01616/10S69
19822	S69-22196			Trần Việt Bắc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01617/10S69
19823	S69-22197			Nguyễn Minh Hoàng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01618/10S69
19824	S69-22198			Phan Thị Ngọc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01619/10S69
19825	S69-22199			Nguyễn Văn Đông	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01620/10S69
19826	S69-22200			Đặng Chí Thuôi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01621/10S69
19827	S69-22201			Đỗ Thanh Nam	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01622/10S69
19828	S69-22202			Biện Văn Tiếp	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01623/10S69
19829	S69-22203			Nguyễn Văn Nguyên	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01624/10S69
19830	S69-22204			Phùng Thanh Nhanh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01625/10S69
19831	S69-22205			Nguyễn Thanh Nhanh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01626/10S69
19832	S69-22206			Phan Trọng Nghĩa	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01627/10S69
19833	S69-22207			Nguyễn Văn Miên	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01628/10S69
19834	S69-22208			Nguyễn Việt Khải	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01629/10S69
19835	S69-22209			Nguyễn Chí Cường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01630/10S69
19836	S69-22210			Nguyễn Văn Đoàn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01631/10S69
19837	S69-22211			Trần Văn Chuộng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01632/10S69
19838	S69-22212			Phan Văn Trường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01633/10S69
19839	S69-22213			Phan Thành Nguyên	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01634/10S69
19840	S69-22214			Phan Văn Linh	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	19/03/2010	19/03/2011	01681/10S69
19841	S69-22216			Trần út Hiệp	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	23/03/2010	23/03/2011	01687/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19842	S69-22217			Trần Văn Mùa	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/03/2010	23/03/2011	01689/10S69
19843	S69-22218			Lê Văn Tới	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	23/03/2010	23/03/2011	01695/10S69
19844	S69-22219	CM-21592		Phan Văn Nhỏ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04921/12S69
19845	S69-22220			Lâm Tường Khanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01708/10S69
19846	S69-22221	CM-21615		Nguyễn Văn Tài	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05285/13S69
19847	S69-22222	CM-21620		Lê Minh Ty	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05120/12S69
19848	S69-22223	CM-21613		Ấu Văn Công	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	31/08/2011	31/08/2012	03024/11S69
19849	S69-22225	CM-21611		Lê Tú Hải	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02743/13S69
19850	S69-22226			Tô Văn Lê	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	01204/12S69
19851	S69-22227			Huỳnh Văn Dụ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	29/03/2011	01715/10S69
19852	S69-22228	CM-21607		Nguyễn Văn Kiệt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/05/2015	05/05/2016	00844/15S69
19853	S69-22229			Ngô Văn Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2011	24/02/2012	00619/11S69
19854	S69-22230	CM-66053		Vũ Bằng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03467/14S69
19855	S69-22231	CM-66052		Đỗ Thanh Đoàn	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00475/14S69
19856	S69-22232	CM-66051		Trần Văn Đon	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2012	09/05/2013	02031/12S69
19857	S69-22233	CM-66050		Nghiêm Văn Rol	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2013	20/03/2014	01853/13S69
19858	S69-22234			Cao Thanh Nhựt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01722/10S69
19859	S69-22235			Huỳnh Chí Linh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01723/10S69
19860	S69-22236	CM-66047		Lê Ngọc Quang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05225/13S69
19861	S69-22237			Đinh Bình Luận	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01725/10S69
19862	S69-22238			Trần Phú Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01726/10S69
19863	S69-22239	CM-66045		Đặng Văn Mỹ	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01986/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19864	S69-22240	CM-66054		Trần Tấn Định	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01574/12S69
19865	S69-22241			Nguyễn Văn Sáng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01729/10S69
19866	S69-22242			Mai Văn Buôi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01730/10S69
19867	S69-22243	CM-66041		Lê Thanh Điền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2014	24/11/2015	03088/14S69
19868	S69-22244	CM-66040		Tạ Văn Mạnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05421/13S69
19869	S69-22245			Nguyễn Hoàng Ân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01733/10S69
19870	S69-22246			Nguyễn Văn Lên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2010	24/03/2011	01734/10S69
19871	S69-22247	CM-66037		Phạm Chí Hiếu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02247/14S69
19872	S69-22248	CM:66036		Phạm Hoàng Diệu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	17/06/2011	17/06/2012	01990/11S69
19873	S69-22249			Nguyễn Quốc Việt	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01741/10S69
19874	S69-22250	CM-21596		Võ Văn Đoàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/04/2012	18/04/2013	01789/12S69
19875	S69-22251			Võ Văn Đoàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/03/2010	18/03/2011	01743/10S69
19876	S69-22252	CM-66066		Lê Thanh Mộng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	08/09/2014	08/09/2015	02476/14S69
19877	S69-22254	CM-21594		Võ Hoàng Vĩnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01313/11S69
19878	S69-22255	CM-21602		Vũ Đình Khu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09240/12S69
19879	S69-22256			Nguyễn Minh Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02407/14S69
19880	S69-22258			Hồ Minh Pho	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01758/10S69
19881	S69-22259			Nguyễn Văn Hộp	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01759/10S69
19882	S69-22260			Châu Văn Sải	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01760/10S69
19883	S69-22261	CM-72052		Lê Văn Đô	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/06/2011	20/06/2012	02042/11S69
19884	S69-22262			Lê Ngọc Nhẫn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01762/10S69
19885	S69-22263			Nguyễn Văn Nam	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01763/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19886	S69-22264			Lâm Quang Vũ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/03/2010	28/03/2011	01764/10S69
19887	S69-22265	CM-43148		Trần Văn Minh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01365/11S69
19888	S69-22266	CM-72053		Phạm Văn Miên	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	24/08/2011	20/08/2012	02861/11S69
19889	S69-22267	CM-72054		Khổng Văn Thạnh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/10/2011	12/10/2012	03693/11S69
19890	S69-22268	CM-72055		Phạm Văn Khởi	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/08/2012	20/08/2013	04500/12S69
19891	S69-22269	CM-43149		Nguyễn Hoàng Chiến	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01364/11S69
19892	S69-22270	CM-51187		Phạm Văn Vị	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01082/13S69
19893	S69-22271			Trần Văn Thảo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01775/10S69
19894	S69-22272			Võ Minh Tiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01776/10S69
19895	S69-22273	CM-51190		Thang Chí Thuận	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/05/2011	28/05/2012	01777/11S69
19896	S69-22274	CM:06368		Huỳnh Thanh Ngoan	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01482/11S69
19897	S69-22275			Nguyễn Phương Nam	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01779/10S69
19898	S69-22276	CM-51192		Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05698/12S69
19899	S69-22277			Lê Hoàng Phú	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01781/10S69
19900	S69-22278	CM-51200		Nguyễn Tấn Thành	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02980/11S69
19901	S69-22279			Trần Thanh Hồng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01783/10S69
19902	S69-22282	CM-51051		Kiều Minh Đương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06499/13S69
19903	S69-22283	CM-51196		Lưu Thanh Dân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	03/08/2011	03/08/2012	02554/11S69
19904	S69-22285			Hồ Minh Sáng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01789/10S69
19905	S69-22286			Trần Thanh Tâm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/03/2010	28/03/2011	01790/10S69
19906	S69-22287			Nguyễn Văn Khởi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01791/10S69
19907	S69-22288			Trịnh Văn Thích	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05693/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19908	S69-22289			Nguyễn Văn Hậu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01793/10S69
19909	S69-22290			Phạm Văn Mao	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01794/10S69
19910	S69-22291	CM-51184		Nguyễn Văn Mến	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10208/12S69
19911	S69-22292	CM-51203		Nguyễn Văn Năng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07860/12S69
19912	S69-22293			Lê Văn Non	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01797/10S69
19913	S69-22294	CM-51206		Dương Hùng Tấn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05635/13S69
19914	S69-22295	CM-51182		Phạm Hồng Khê	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10198/12S69
19915	S69-22296			Nguyễn Văn Hiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01800/10S69
19916	S69-22298	CM-51179		Trương Trường Giang	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06591/13S69
19917	S69-22299	CM-51178		Phạm Công Nghiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08590/12S69
19918	S69-22300			Ngô Bảo Kiếm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01804/10S69
19919	S69-22301			Trịnh Quốc Khải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01805/10S69
19920	S69-22302			Tạ Hoàng Triều	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01806/10S69
19921	S69-22304	CM:21603		Nguyễn Văn Hiền	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	07/06/2011	07/06/2012	01845/11S69
19922	S69-22305	CM-21623		Nguyễn Văn Hồ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01459/11S69
19923	S69-22308			Lê Hiếu Đăng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01855/10S69
19924	S69-22309			Trương Minh Hoàng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01856/10S69
19925	S69-22310			Nguyễn Văn Xuyên	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01857/10S69
19926	S69-22311			Nguyễn Văn Chơi	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01858/10S69
19927	S69-22312			Cao Văn Trường	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01859/10S69
19928	S69-22313			Quách Văn Dừng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01860/10S69
19929	S69-22314			Nguyễn Văn Hiệp	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01861/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19930	S69-22315			Trần Văn Đến	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01862/10S69
19931	S69-22316	CM-43104		Cao Hoàng Hanh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2013	12/09/2014	04346/13S69
19932	S69-22317			Phan Minh Nhớ	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01864/10S69
19933	S69-22318	CM-43123		Nguyễn Thanh Tuấn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02577/12S69
19934	S69-22319			Tiêu Văn Năng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01866/10S69
19935	S69-22320			Nguyễn Văn Thi	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01867/10S69
19936	S69-22321			Lê Thanh Luận	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01868/10S69
19937	S69-22322			Chương Văn Són	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01869/10S69
19938	S69-22323	CM:43127		Lương Thanh Tùng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	16/05/2011	16/05/2012	01606/11S69
19939	S69-22324			Nguyễn Văn Giỏi	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01871/10S69
19940	S69-22325			Nguyễn Văn Hiền	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01872/10S69
19941	S69-22326			Lâm Văn Mãi	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01873/10S69
19942	S69-22327			Đặng Hữu Nghị	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01874/10S69
19943	S69-22328			Lê Kỳ Hùng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01875/10S69
19944	S69-22329			Cao Hoàng Quốc	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01876/10S69
19945	S69-22330			Nguyễn Văn Đầu	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01877/10S69
19946	S69-22331			Võ Minh Hải	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01878/10S69
19947	S69-22332			Trần Văn Méo	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01879/10S69
19948	S69-22333			Đỗ Cao Trí	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01880/10S69
19949	S69-22334			Nguyễn Văn Lượng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01881/10S69
19950	S69-22335			Dương Bảo Đảm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01882/10S69
19951	S69-22336			Bùi Minh Dương	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01883/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19952	S69-22337			Nguyễn Văn Nhe	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01884/10S69
19953	S69-22338	CM-43105		Triệu Quốc Việt	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	05/08/2011	05/08/2012	02580/11S69
19954	S69-22339	CM-02017		Nguyễn út Mười	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01886/10S69
19955	S69-22341			Lê Hồng Quân	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01889/10S69
19956	S69-22342			Nguyễn Văn Đoàn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01890/10S69
19957	S69-22343			Nguyễn Văn Khuông	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01891/10S69
19958	S69-22344	CM-21673		Nguyễn Văn Thanh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	06/04/2011	06/04/2012	01160/11S69
19959	S69-22345	CM-21634		Nguyễn Trọng My	Khóm 1, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	01/08/2013	01/08/2014	03737/13S69
19960	S69-22346			Nguyễn Thanh Phong	Phường 6,, Thành phố Cà Mau	02/04/2010	02/04/2011	01912/10S69
19961	S69-22348	CM-21632		Đỗ Văn Đoàn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04600/11S69
19962	S69-22349			Phan Thanh Xiêm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/08/2011	22/08/2012	02896/11S69
19963	S69-22350			Nguyễn Văn Chuẩn	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/04/2010	04/04/2011	01919/10S69
19964	S69-22351			Lê Thanh Phong	Khóm 5, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/04/2010	04/04/2011	01920/10S69
19965	S69-22352			Lê Hồng Tươi	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/04/2010	04/04/2011	01921/10S69
19966	S69-22353	CM-21636		Trần Văn Chống	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	31/05/2012	31/05/2013	02588/12S69
19967	S69-22356	CM-51290		Nguyễn Chí Khanh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01472/11S69
19968	S69-22357	CM-90099	MINH PHÁT	Chung Thành Liêm	ấp Công Nghiệp, xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2011	07/08/2012	02680/11S69
19969	S69-22358	CM-51174		Trần Văn Cường	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	13/03/2013	13/03/2014	01623/13S69
19970	S69-22361	CM-21629		Thạch Kim Cương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/02/2013	24/02/2014	01352/13S69
19971	S69-22362			Cty Cổ Phần Tư Vấn KSTK & XD Vinh Mẫn	K7 , Phường 5, Thành phố Cà Mau	25/04/2011	25/04/2012	01347/11S69
19972	S69-22363			Hồ Công Cường	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	07/04/2010	07/04/2011	01943/10S69
19973	S69-22364	CM-21639		Cao Tấn Tài	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	21/06/2013	21/06/2014	03215/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19974	S69-22365	CM-21638		Huỳnh Minh Dương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	17/05/2013	17/05/2014	02607/13S69
19975	S69-22370			Trần Hoàng Nam	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2010	10/03/2010	01964/10S69
19976	S69-22371	CM-90061		Phạm Thanh Mộng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03840/13S69
19977	S69-22372			Lê Việt Triều	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2010	10/04/2011	01966/10S69
19978	S69-22373			Đỗ Vũ Phương	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2010	10/04/2011	01967/10S69
19979	S69-22374			Lê Việt Triều	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2010	10/04/2011	01968/10S69
19980	S69-22375			Huỳnh Thanh Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	03/06/2011	03/06/2012	01830/11S69
19981	S69-22376			Nguyễn Thanh Nhân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01972/10S69
19982	S69-22377			Đinh Thái Ngọc	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01973/10S69
19983	S69-22378			Tạ Phương Đông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01974/10S69
19984	S69-22379			Nguyễn Thị Quyên	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01975/10S69
19985	S69-22380			Trần Văn Tới	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01976/10S69
19986	S69-22381			Phan Văn KHiết	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01977/10S69
19987	S69-22382			Phan Thành Công	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01978/10S69
19988	S69-22383			Vưu Trường An	xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01979/10S69
19989	S69-22386			Bùi Duy Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01982/10S69
19990	S69-22387	CM-43130		Trần Văn Lâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/03/2012	26/03/2013	01206/12S69
19991	S69-22389			Đặng Văn Mến	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02002/10S69
19992	S69-22390			Võ Thị Trung	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02003/10S69
19993	S69-22391			Nguyễn Văn Hậu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02004/10S69
19994	S69-22392			Nguyễn Văn Tình	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02005/10S69
19995	S69-22393			Trần Văn Kiên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02006/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
19996	S69-22394			Trần Văn Đồi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02007/10S69
19997	S69-22395			Trang Văn Triết	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02008/10S69
19998	S69-22396			Đặng Hoài Thanh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02009/10S69
19999	S69-22397			Trần Văn Súa	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/05/2012	12/05/2013	02068/12S69
20000	S69-22398			Lê Văn Thái	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02011/10S69
20001	S69-22399			Đặng Văn Tâm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02012/10S69
20002	S69-22400			Đặng Văn Nhớ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02013/10S69
20003	S69-22401			Đặng Văn Được	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02014/10S69
20004	S69-22402			Phạm Văn Chờ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02015/10S69
20005	S69-22403			Phạm Văn Đấu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02016/10S69
20006	S69-22405	CM-62071		Huỳnh Thanh Phong	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01692/11S69
20007	S69-22406	CM-79179		Trần Văn Tiến	Khóm 2, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/09/2012	13/03/2013	04761/12S69
20008	S69-22407			Tạ Văn Bé	Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/04/2010	13/04/2011	02028/10S69
20009	S69-22408	CM-21647		Nguyễn Văn Chính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01481/11S69
20010	S69-22409			Mạc Văn Mil	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	15/01/2010	15/01/2011	02047/10S69
20011	S69-22410			Trần Thành Độ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	15/04/2010	15/04/2011	22410/10S69
20012	S69-22412			Đặng Văn Danh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02017/10S69
20013	S69-22413			Lê Văn Sự	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/04/2010	12/04/2011	02056/10S69
20014	S69-22414	CM-90068		Đỗ Văn Sấm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/10/2012	15/10/2013	05386/12S69
20015	S69-22415			Võ Đồng Ban	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/04/2010	15/04/2011	02060/10S69
20016	S69-22416			Dương Thuý Nga	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/04/2010	15/04/2011	02061/10S69
20017	S69-22417			Võ Thành Kiệt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/04/2010	15/04/2011	02062/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20018	S69-22418			Đỗ Văn Mừng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/04/2010	15/04/2011	02063/10S69
20019	S69-22419			Trần Văn Đồi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2010	16/04/2011	02077/10S69
20020	S69-22421	CM-79107		Võ Văn Mực	Tân Phú, Huyện Thới Bình	23/11/2011	23/11/2012	04329/11S69
20021	S69-22422	CM-51202		Trần Minh Nghiệm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/10/2013	15/10/2014	04921/13S69
20022	S69-22423	CM-51207		Nguyễn Văn Lượng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02420/14S69
20023	S69-22424	CM-03063		Nguyễn Văn Thới	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02103/10S69
20024	S69-22425	CM-03061		Lê Minh Luân	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02104/10S69
20025	S69-22426			Lê Văn Ca	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02105/10S69
20026	S69-22427			Lâm Văn Năm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02106/10S69
20027	S69-22428			Võ Văn Càng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02107/10S69
20028	S69-22429			Huỳnh Văn Do	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02108/10S69
20029	S69-22430			Trần Văn Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02109/10S69
20030	S69-22431	CM-43158		Phạm Minh Triết	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06195/13S69
20031	S69-22432	CM-43133		Nguyễn Thành Dũng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	13/05/2011	13/05/2012	01595/11S69
20032	S69-22433			Nguyễn Văn Chuột	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02112/10S69
20033	S69-22434			Mai Văn Đáng	TT, Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02113/10S69
20034	S69-22435			Lê Quốc Khải	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02114/10S69
20035	S69-22436	CM: 43156		Phạm Văn Phi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	06/10/2014	06/10/2015	02732/14S69
20036	S69-22437			Từ Văn Toàn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02116/10S69
20037	S69-22438			Võ Hòa Hưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02117/10S69
20038	S69-22439	CM-43162		Phạm Tấn Tài	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05092/12S69
20039	S69-22441	CM-21659		Võ Chí Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01762/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20040	S69-22442	CM-21657		Nguyễn Văn Phong	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/05/2013	07/05/2014	02479/13S69
20041	S69-22443			Phạm Trí Phương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02128/10S69
20042	S69-22444	CM-21653		Bùi Sĩ Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01677/11S69
20043	S69-22445			Trần Văn Cuội	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/11/2012	13/11/2013	06733/12S69
20044	S69-22446	CM-21656		Phan Thị Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02879/12S69
20045	S69-22447	CM-21660		Huỳnh Trung Tính	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04293/11S69
20046	S69-22448			Phan Thanh Răng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02133/10S69
20047	S69-22450			Nguyễn Văn Đức	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02135/10S69
20048	S69-22451			Vũ Đình Hiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02136/10S69
20049	S69-22453	CM-61075		Trần Văn Tiến	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05848/13S69
20050	S69-22454	CM-61076		Nguyễn Trường Hận	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	20/04/2010	20/04/2011	02139/10S69
20051	S69-22455			Trần Đại Đình	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01691/11S69
20052	S69-22458			La Văn Vũ	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02143/10S69
20053	S69-22459	CM-61081		Mã Thôn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02036/11S69
20054	S69-22460			Nguyễn Văn Đức	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02145/10S69
20055	S69-22461			Đỗ Văn Hiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02146/10S69
20056	S69-22462	CM-61084		Đỗ Văn Mục	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	04/04/2012	29/03/2013	01180/12S69
20057	S69-22463	CM-61085		Nguyễn Văn Tư	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06292/13S69
20058	S69-22464			Phạm Hoàng Văn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02149/10S69
20059	S69-22465	CM-61087		Nguyễn Văn Hoàng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02420/11S69
20060	S69-22466	CM-61088		Nguyễn Quang Thuận	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05557/12S69
20061	S69-22467			Ngô Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02152/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20062	S69-22468			Nguyễn Văn Nguyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02153/10S69
20063	S69-22469	CM-61091		Ngô Thanh Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01577/15S69
20064	S69-22470			Nguyễn Tuấn khởi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	02/06/2011	02/06/2012	01817/11S69
20065	S69-22471	CM-61093		Huỳnh Văn Lớn	xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2014	20/10/2015	02812/14S69
20066	S69-22472			Phan Văn Lực	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02157/10S69
20067	S69-22473	CM-61095		Tô Trọng Thủy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2015	20/04/2016	00746/15S69
20068	S69-22474	CM-61096		Huỳnh Văn Lén	Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/08/2011	20/08/2012	02870/11S69
20069	S69-22475			Quách Có	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02160/10S69
20070	S69-22476			Phan Văn Tỷ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02161/10S69
20071	S69-22477	CM-61099		Hồ Văn Cảnh	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02032/11S69
20072	S69-22478	CM-61100		Nguyễn Văn Oanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09261/12S69
20073	S69-22479	CM-61101		Nguyễn Văn Lệnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01676/11S69
20074	S69-22480			Nguyễn Văn Thanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02165/10S69
20075	S69-22481	CM-61103		Lâm Hồng Khanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2014	20/01/2015	00251/14S69
20076	S69-22482			Huỳnh Văn Nghiệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02167/10S69
20077	S69-22483			Phạm Thái Điền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02168/10S69
20078	S69-22484	CM-61106		Trần Văn Vẹn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04463/13S69
20079	S69-22485			Nguyễn Văn Công	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02170/10S69
20080	S69-22486			Huỳnh Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02171/10S69
20081	S69-22487			Nguyễn Văn Hiền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02172/10S69
20082	S69-22488			Nguyễn Thanh Sang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02173/10S69
20083	S69-22489	CM-61111		Huỳnh Văn Học	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02656/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20084	S69-22490			Nguyễn Thanh Sang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02175/10S69
20085	S69-22491			Trang Bích Thuỷ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02176/10S69
20086	S69-22492			Nguyễn Văn Khanh	KI, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01316/11S69
20087	S69-22493			Ngô Hoàng Linh	K4, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02178/10S69
20088	S69-22494			Lê Văn Tài	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02179/10S69
20089	S69-22495			Trần Văn Chuyển	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02180/10S69
20090	S69-22496			Trần Phước Tài	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02181/10S69
20091	S69-22497			Trần Minh Hoàng	Hàng Vính, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01674/02S69
20092	S69-22498			Trần Thanh Thuyền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02183/10S69
20093	S69-22499			Nguyễn Kiên Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02184/10S69
20094	S69-22500			Nguyễn Kiều Oanh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02185/10S69
20095	S69-22501			Huỳnh Văn Hoá	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02186/10S69
20096	S69-22502	CM-61124		Trần Văn Chí	Hàng Vính, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02048/11S69
20097	S69-22503			Nguyễn Hữu Nghĩa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02188/10S69
20098	S69-22504			Võ Văn Tý	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02189/10S69
20099	S69-22505			Trần Văn Khanh	Hàng Vính, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02190/10S69
20100	S69-22506			Trần Văn Rót	Hàng Vính, Huyện Năm Căn	20/04/2010	20/04/2011	02191/10S69
20101	S69-22507	CM-21652		Trương Văn Trợ	Khánh Lâm, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2012	10/10/2013	05375/12S69
20102	S69-22508	CM-51209		Trần Hoàng út	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04014/11S69
20103	S69-22511			Trần Kinh Kha	Káhnh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02226/10S69
20104	S69-22512			Đặng Văn Đức	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/07/2011	02227/10S69
20105	S69-22513			Phạm Văn Lệm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02228/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20106	S69-22514			Phạm Văn Trường	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02229/10S69
20107	S69-22515			Lê Văn á	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02230/10S69
20108	S69-22517			Đặng Chí Bền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02232/10S69
20109	S69-22518			Phạm Văn Ngờ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02233/10S69
20110	S69-22519			Huỳnh Văn Lép	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02234/10S69
20111	S69-22520			Huỳnh Văn Liêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02235/10S69
20112	S69-22521			Nguyễn Văn Dự	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02236/10S69
20113	S69-22522			Nguyễn Văn Điền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02237/10S69
20114	S69-22523			Võ Văn Hải	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02238/10S69
20115	S69-22524			Tôn Minh Khánh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02239/10S69
20116	S69-22525			Ngô Trung Kiên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02240/10S69
20117	S69-22526			Cao Văn Vũ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02241/10S69
20118	S69-22527			Ngô Quốc Trung	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02242/10S69
20119	S69-22528			Dương Văn Đà	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02243/10S69
20120	S69-22529			Lư Văn Chơn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02244/10S69
20121	S69-22530			Đoàn Khánh Ly	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02245/10S69
20122	S69-22531	CM-87075		Phạm Thanh Huy	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02847/13S69
20123	S69-22532			Nguyễn Minh Hoàng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02247/10S69
20124	S69-22533			Ngô Văn Quốc	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02248/10S69
20125	S69-22534			Nguyễn Văn Pho	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02249/10S69
20126	S69-22535			Nguyễn Minh Cảnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02250/10S69
20127	S69-22536			Huỳnh Lý Tường	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02251/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20128	S69-22537			Huỳnh Văn Bảy	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02252/10S69
20129	S69-22538			Dương Minh Cơ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02253/10S69
20130	S69-22539			Nguyễn Hoàng Anh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02254/10S69
20131	S69-22540	CM-87066		Nguyễn Văn Đông	Khánh Thuận, Huyện U Minh	02/06/2011	02/06/2012	01874/11S69
20132	S69-22541			Phạm Phú Quốc	Phú Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02256/10S69
20133	S69-22542			Du Tấn Thép	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02257/10S69
20134	S69-22543			Trịnh Công Bằng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02258/10S69
20135	S69-22544			Nguyễn Văn Giang	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02259/10S69
20136	S69-22545	CM-61076		Nguyễn Văn Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04285/11S69
20137	S69-22546			Trần Văn út Thật	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02261/10S69
20138	S69-22547			Huỳnh Văn Độ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02262/10S69
20139	S69-22548			Đặng Văn Tổng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02263/10S69
20140	S69-22549			Biện Minh Phước	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02264/10S69
20141	S69-22550			Nguyễn Văn Cho	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02265/10S69
20142	S69-22551	CM-87073		Nguyễn Quốc Bình	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04332/13S69
20143	S69-22552			Nguyễn Văn Quyền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02267/10S69
20144	S69-22553			Nguyễn Thị Kiều Nga	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02268/10S69
20145	S69-22554			Nguyễn Hải Âu	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02269/10S69
20146	S69-22555			Nguyễn Văn Nhiệm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02270/10S69
20147	S69-22556			Đặng Văn Xiêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02271/10S69
20148	S69-22557			Nguyễn Trung Kiêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02272/10S69
20149	S69-22558			Trần Văn Hải	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02273/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20150	S69-22559			Võ Văn Đề	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02274/10S69
20151	S69-22560			Nguyễn Thị Nhanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02275/10S69
20152	S69-22561			Trần Quốc Chiến	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02276/10S69
20153	S69-22562			Huỳnh Kiêm Hồi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02277/10S69
20154	S69-22563			Nguyễn Văn Lý	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02278/10S69
20155	S69-22564			Ngô Văn Cường	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02279/10S69
20156	S69-22565			Trà Thanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02280/10S69
20157	S69-22566	CM-87064		Nguyễn Minh Đương	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00515/11S69
20158	S69-22567	CM-43174		Lưu Văn Bạ	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	20/07/2011	20/07/2012	02383/11S69
20159	S69-22568			Đoàn Thanh Hoàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/07/2010	05/07/2011	03496/10S69
20160	S69-22569			Cao Văn Tánh	Khánh An, Huyện U Minh	22/04/2010	22/04/2011	02293/10S69
20161	S69-22570			Đoàn Văn Lương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02294/10S69
20162	S69-22571	CM-21689		Châu Trọng Nguyễn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09597/12S69
20163	S69-22572			Châu Thanh Phương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02296/10S69
20164	S69-22573			Phan Văn Tền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02297/10S69
20165	S69-22574	CM-21688		Nguyễn Việt Trung	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05611/12S69
20166	S69-22575			Dương Hoàng Nghi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02299/10S69
20167	S69-22576	CM-21682		Cao Trung Kiên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03622/12S69
20168	S69-22577	CM-21696		Huỳnh Văn Cường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2013	03/07/2014	03399/13S69
20169	S69-22578			Lê Văn Đảo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02302/10S69
20170	S69-22579			Diệp Hoàng Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02303/10S69
20171	S69-22580	CM-21684		Lê Minh Ngà	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/07/2012	13/07/2013	03821/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20172	S69-22582			Nguyễn Văn Hân	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02306/10S69
20173	S69-22583	CM-66097		Nguyễn Thanh Tạo	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2015	24/06/2016	01160/15S69
20174	S69-22584			Dương Văn Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/06/2011	09/06/2012	01911/11S69
20175	S69-22585			Lê Thanh Long	TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02309/10S69
20176	S69-22586			Võ Minh Cảnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02310/10S69
20177	S69-22587			Nguyễn Bạch Đằng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02311/10S69
20178	S69-22588			Nguyễn ý Nguyễn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02312/10S69
20179	S69-22589	CM-66075		Nguyễn Thắng Lợi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/08/2011	09/08/2012	02814/11S69
20180	S69-22590			Huỳnh Văn Thương	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02314/10S69
20181	S69-22591	CM-66073		Phan Văn Quyền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/11/2011	25/11/2012	04416/11S69
20182	S69-22592			Bưu Điện Huyện Ngọc Hiển	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02316/10S69
20183	S69-22593	CM-66071		Trương Văn Tỷ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2014	24/03/2015	00771/14S69
20184	S69-22594			Lê Văn Lượng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02318/10S69
20185	S69-22595			Nguyễn Văn Cảnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02319/10S69
20186	S69-22596			Nguyễn Văn Khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05413/13S69
20187	S69-22597			Nguyễn Chi Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02321/10S69
20188	S69-22598	CM-66093		Nguyễn Văn Dệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2014	24/04/2015	01107/14S69
20189	S69-22600	CM-66086		Phạm Trường Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02447/11S69
20190	S69-22601			Ngô Hoàng Hân	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02325/10S69
20191	S69-22602	CM-66089		Lê Văn Nhứt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02937/12S69
20192	S69-22604			Tạ Văn Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05420/13S69
20193	S69-22605	CM-66092		Lê Văn Bé	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09595/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20194	S69-22606	CM-66096		Tiết Minh Kết	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2011	24/05/2012	01721/11S69
20195	S69-22607	CM-06539		Lê Hoàng Thám	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02331/10S69
20196	S69-22608	CM-66070		Nguyễn Trí Thúc	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2012	24/08/2013	04544/12S69
20197	S69-22609			Nguyễn Văn Thực	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	26/04/2010	26/04/2011	02346/10S69
20198	S69-22611	CM-66088		Hồng Văn Chiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02930/12S69
20199	S69-22612	CM-21709		Trịnh Minh Thế	KI, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	03/07/2013	03/07/2014	03398/13S69
20200	S69-22613			Trịnh Minh Thế	KI, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	27/04/2010	27/04/2011	02354/10S69
20201	S69-22614	CM-43155		Trương Minh Ty	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	11/11/2011	11/11/2012	04144/11S69
20202	S69-22615			Lâm Văn Khởi	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	27/04/2010	27/04/2011	02357/10S69
20203	S69-22616	CM-66076		Lý Minh Dương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02929/12S69
20204	S69-22618	CM-21670		Hà Vũ Phong	Định Bình, Thành phố Cà Mau	26/12/2013	26/12/2014	06383/13S69
20205	S69-22620			Nguyễn Tuấn Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02379/10S69
20206	S69-22621	CM-21695		Lê Thị Tâm	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01164/14S69
20207	S69-22622	CM-21677		Phạm Văn Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05671/12S69
20208	S69-22623			Huỳnh Văn Đen	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02382/10S69
20209	S69-22624	CM-51218		Hồ Quốc Mẫn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01612/15S69
20210	S69-22625			Hồ Quốc Mẫn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02384/10S69
20211	S69-22626			Trương Minh Nhật	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10165/12S69
20212	S69-22627	CM-51215		Bùi Trung Thới	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02014/13S69
20213	S69-22628			Tô Chí Dẫn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02387/10S69
20214	S69-22631			Cao Văn Hoàng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02390/10S69
20215	S69-22632			Trương Minh Pháp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02391/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20216	S69-22633			Lê Hoàng Đáng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	28/04/2010	28/04/2011	02392/10S69
20217	S69-22634	CM-51220		Huỳnh Văn Lập	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05700/12S69
20218	S69-22635			Ngô Minh Dương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02394/10S69
20219	S69-22636			Trương Minh Nhứt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02395/10S69
20220	S69-22637			Huỳnh Văn Dũng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02396/10S69
20221	S69-22638	CM-51223		Ngô Minh Vui	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05302/12S69
20222	S69-22639	CM-51222		Trương Thanh Sử	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05672/12S69
20223	S69-22640	CM-51056		Mã Hoàng Nghiêm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03173/14S69
20224	S69-22641			Trần Quốc Lộc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2010	28/04/2011	02400/10S69
20225	S69-22642	CM-43167		Lâm Văn Tiệp	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	15/11/2011	15/11/2012	04174/11S69
20226	S69-22643			Nguyễn Văn Đề	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	29/04/2010	29/04/2011	02433/10S69
20227	S69-22644	CM-43169		Nguyễn Văn Oai	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	18/10/2011	18/10/2012	03738/11S69
20228	S69-22645			Mạc Văn Tuấn	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	29/04/2010	29/04/2011	02435/10S69
20229	S69-22646			Phạm Minh Chiến	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	29/04/2010	29/04/2011	02436/10S69
20230	S69-22647			Phạm Văn Liên	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	29/04/2010	29/04/2011	02437/10S69
20231	S69-22648			Nguyễn Minh Lành	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	29/04/2010	29/04/2011	02438/10S69
20232	S69-22649			Hồ Gia Nghĩa	Khánh An, Huyện U Minh	04/05/2010	04/05/2011	02442/10S69
20233	S69-22650			Hồ Gia Nghĩa	Khánh An, Huyện U Minh	04/05/2010	04/05/2011	02441/10S69
20234	S69-22651			Cty TNHH Huỳnh Đức	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	04/05/2010	04/05/2011	02440/10S69
20235	S69-22652			Nguyễn Vũ Trường	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	04/05/2010	04/05/2011	02443/10S69
20236	S69-22653			Nguyễn Chí Tâm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	05/05/2010	05/05/2011	02448/10S69
20237	S69-22654			Huỳnh Minh Phước	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/05/2010	10/05/2011	02452/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20238	S69-22655	CM-79104		Trần Văn Hết	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	28/02/2013	28/02/2014	01386/13S69
20239	S69-22656			Nguyễn Văn Đẩu	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02454/10S69
20240	S69-22657			Nguyễn Văn Kha	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02455/10S69
20241	S69-22658			Huỳnh Hồng Phong	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02456/10S69
20242	S69-22659			Từ Phú Lâm	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02457/10S69
20243	S69-22660			Lê Văn Mười	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02458/10S69
20244	S69-22661			Nguyễn Văn Quẹo	Trí phải, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02459/10S69
20245	S69-22662			Nguyễn Văn Xiêm	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02460/10S69
20246	S69-22663			Nguyễn Văn Vũ	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02461/10S69
20247	S69-22664			Trương Văn Tùng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02462/10S69
20248	S69-22665	CM-90071		Nguyễn Văn Quý	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	16/07/2012	16/07/2013	03827/12S69
20249	S69-22666			Ngô Văn út	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/04/2010	28/04/2011	02465/10S69
20250	S69-22667			Bùi Bá nghĩa	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2010	24/04/2011	02335/10S69
20251	S69-22668			Lương Văn Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02468/10S69
20252	S69-22669			Đỗ Lý Ngân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02469/10S69
20253	S69-22670			Đỗ Lý Tường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02470/10S69
20254	S69-22671			Chung Văn Thống	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02471/10S69
20255	S69-22672	CM-51231		Lê Thành Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/05/2011	29/05/2012	01791/11S69
20256	S69-22673	CM-51232		Trần Hải Độ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07388/12S69
20257	S69-22674			Trần Chí Linh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02474/10S69
20258	S69-22676	CM-51236		Đoàn Thanh Chào	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09486/12S69
20259	S69-22677			Đoàn Văn Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02477/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20260	S69-22678			Huỳnh Minh Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02478/10S69
20261	S69-22679			Nguyễn Thành Lập	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02005/13S69
20262	S69-22680			Trần Văn Tá	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02480/10S69
20263	S69-22681			Huỳnh Vũ Bảo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02481/10S69
20264	S69-22682			Lê Thanh Tợn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02482/10S69
20265	S69-22683	CM-51241		Lê Duy Kha	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00711/12S69
20266	S69-22684			Lê Chí Công	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02484/10S69
20267	S69-22685			Huỳnh Văn Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02485/10S69
20268	S69-22686			Văn Tấn Đương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02486/10S69
20269	S69-22687			Trương Hoàng Thiện	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	05/05/2010	05/05/2011	02487/10S69
20270	S69-22688	CM-21702		Lê Rô Bil	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05576/12S69
20271	S69-22689			Nguyễn Văn Đệ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/05/2010	06/05/2011	02537/10S69
20272	S69-22692			Nguyễn Văn út	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02553/10S69
20273	S69-22693			Nguyễn Văn Thắng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02554/10S69
20274	S69-22694			Lương Văn Danh	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02555/10S69
20275	S69-22695			Nguyễn Văn Luận	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02556/10S69
20276	S69-22696			Trần Văn Việt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02557/10S69
20277	S69-22697			Huỳnh Quốc Hận	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02558/10S69
20278	S69-22698			Cao Văn Hiếu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02559/10S69
20279	S69-22699			Võ Văn Tho	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02560/10S69
20280	S69-22700			Nguyễn Văn Chơn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02561/10S69
20281	S69-22701			Nguyễn Văn Toàn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02562/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20282	S69-22702	CM-51249		Sử Công Khanh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/07/2011	20/07/2012	02387/11S69
20283	S69-22703			Tiêu Văn Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02564/10S69
20284	S69-22704			Mai Văn Vàng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02565/10S69
20285	S69-22705			Ngô Văn Quốc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02566/10S69
20286	S69-22706			Tiêu Văn Điền	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02567/10S69
20287	S69-22707			Nguyễn Văn Ớt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02568/10S69
20288	S69-22708	CM-51250		Lê Hoàng Mến	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00855/14S69
20289	S69-22709			Ngô Văn Chuyện	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02570/10S69
20290	S69-22710			Nguyễn Chi Lăng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02571/10S69
20291	S69-22711			Lương Thanh Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	07/05/2010	07/05/2011	02572/10S69
20292	S69-22714			Nguyễn Văn Nô	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2010	10/05/2011	02579/10S69
20293	S69-22715	CM-90055		Đoàn Văn Phương	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	19/12/2012	19/12/2013	08944/12S69
20294	S69-22716			Phù Trường Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2010	10/05/2011	02581/10S69
20295	S69-22718	CM-90072		Lâm Văn Luân	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01955/11S69
20296	S69-22719			Lý Minh An	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/05/2010	07/05/2011	02590/10S69
20297	S69-22720			Nguyễn Tấn Hoàng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/05/2011	26/05/2012	01737/11S69
20298	S69-22721	CM-66118		Thạch Văn Đen	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08461/12S69
20299	S69-22722			Huỳnh Văn Trí	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02605/10S69
20300	S69-22723			Nguyễn Minh Luân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02606/10S69
20301	S69-22724			Lê Thanh Dân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02607/10S69
20302	S69-22725			Lê Thanh Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02608/10S69
20303	S69-22726			Cao Văn Hoá	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02609/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20304	S69-22727			Nguyễn Văn Phúc	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02610/10S69
20305	S69-22728			Dương Văn Công	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	30/07/2013	28/07/2014	03729/13S69
20306	S69-22729			Văn Hở	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02612/10S69
20307	S69-22730			Đoàn Quốc Giống	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02613/10S69
20308	S69-22731			Võ Hoàng Âu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02614/10S69
20309	S69-22732			Lý Thanh Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	03/06/2011	03/06/2012	01829/11S69
20310	S69-22733			Dương Văn Dự	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02616/10S69
20311	S69-22734			Lê Thanh Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02617/10S69
20312	S69-22735			Huỳnh Văn Cầu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02618/10S69
20313	S69-22736			Nguyễn Văn Đủ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02619/10S69
20314	S69-22737			Lâm Văn Dừa	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02620/10S69
20315	S69-22738			Nguyễn Tấn Vĩnh Hoà	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02621/10S69
20316	S69-22739			Huỳnh Tân Lực	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02622/10S69
20317	S69-22740			Nguyễn Văn Cư	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02623/10S69
20318	S69-22741			Trần Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02624/10S69
20319	S69-22742			Nguyễn Văn Chót	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02625/10S69
20320	S69-22743			Nguyễn Thanh Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02626/10S69
20321	S69-22744			Nguyễn Văn Minh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02627/10S69
20322	S69-22745			Lê Anh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02628/10S69
20323	S69-22746			Nguyễn Văn Nghiêm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02629/10S69
20324	S69-22747			Nguyễn Chí Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02630/10S69
20325	S69-22748			Thái Thanh Tân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02631/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20326	S69-22749			Dương Văn Mun	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02632/10S69
20327	S69-22750			Lê Quốc Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02633/10S69
20328	S69-22751			Lê Minh Phục	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02634/10S69
20329	S69-22752			Lương Tuấn Khanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02635/10S69
20330	S69-22753			Nguyễn Trung Mỹ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02636/10S69
20331	S69-22754			Ngô Văn Bé	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02637/10S69
20332	S69-22755			Ngô Quốc Chiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/05/2010	13/05/2011	02638/10S69
20333	S69-22756	CM-66100		Lê Tấn Lợi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01606/12S69
20334	S69-22757			Trần út Lớn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02667/10S69
20335	S69-22760			Nguyễn Văn An	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02669/10S69
20336	S69-22761		Phượng Vỹ	Tô Thế Kỷ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05296/12S69
20337	S69-22762			Nguyễn Văn Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02671/10S69
20338	S69-22763			Phạm Nhựt Minh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02672/10S69
20339	S69-22764	CM-51276		Trương Văn Tiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05605/13S69
20340	S69-22765	CM-51275		Tô Hoàng Nghi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03161/14S69
20341	S69-22766	CM-51274		Trần Bảo Trung	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06805/12S69
20342	S69-22767			Hồ Văn Mạnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02676/10S69
20343	S69-22768			Huỳnh Mãnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02677/10S69
20344	S69-22769	CM-51270		Võ Thành Đắc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05993/13S69
20345	S69-22770			Nguyễn Văn Nhi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02679/10S69
20346	S69-22771			Lê Chí Nguyễn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/05/2010	14/05/2011	02680/10S69
20347	S69-22772	CM-43177		Nguyễn Văn Thống	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	04/07/2011	04/07/2012	02182/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20348	S69-22773	CM-51283		Trương Hữu Phước	Khóm 2, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04512/11S69
20349	S69-22779			Nguyễn Minh Nhường	Khánh An, Huyện U Minh	18/05/2010	18/05/2011	02704/10S69
20350	S69-22780			Nguyễn Văn Tiền	K6, Phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau	19/05/2010	19/05/2011	02705/10S69
20351	S69-22781			Nguyễn Văn Tiền	K6, Phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau	19/05/2010	19/05/2011	02706/10S69
20352	S69-22784			Sầm Thanh Tân	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	20/05/2010	20/05/2011	02724/10S69
20353	S69-22785	CM-21720		Võ Văn Phó	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01682/11S69
20354	S69-22786			Trần Văn Hận	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02730/10S69
20355	S69-22787	CM-21723		Trần Văn Hiệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03324/11S69
20356	S69-22789			Lê Việt út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02733/10S69
20357	S69-22790			Trương Đình Phương Quang	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02734/10S69
20358	S69-22791	CM-61151		Nguyễn Hữu Để	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09238/12S69
20359	S69-22792			Văn Báu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02736/10S69
20360	S69-22793	CM-61150		Hồ Minh Nhiệm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03950/13S69
20361	S69-22794			Nguyễn Vũ Linh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2012	20/01/2013	00370/12S69
20362	S69-22795	CM-61154		Võ Văn Hồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2014	20/03/2015	00727/14S69
20363	S69-22796			Thái Minh Trường	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02740/10S69
20364	S69-22797	CM-61161		Đỗ Văn Tien	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2014	20/01/2015	00253/14S69
20365	S69-22798			Lê Phong Phú	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02742/10S69
20366	S69-22799			Võ Minh Trí	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02743/10S69
20367	S69-22800	CM-61138		Trần Văn Le	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02861/12S69
20368	S69-22801			Thạch Hưởng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02745/10S69
20369	S69-22802	CM-61157		Nguyễn Văn Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02424/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20370	S69-22803			Trần Luyện	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02747/10S69
20371	S69-22804	CM-61139		Đào Duy Khánh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05030/13S69
20372	S69-22805			Lê Tiệp Khắc	Khóm I, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02749/10S69
20373	S69-22806	CM-61169		Lý Minh Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01685/11S69
20374	S69-22807	CM-61141		Hồng Văn Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01851/13S69
20375	S69-22808			Trương Thanh Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02752/10S69
20376	S69-22809			Phạm Tuấn Kiệt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02753/10S69
20377	S69-22810			Phạm Công Khải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02754/10S69
20378	S69-22811			Trần Văn Lẹ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02755/10S69
20379	S69-22812			Phan Văn Thăm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02756/10S69
20380	S69-22813			Trịnh Công Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02757/10S69
20381	S69-22814			Võ Văn Quý	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02758/10S69
20382	S69-22815			Trịnh Thanh Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02759/10S69
20383	S69-22816			Nguyễn Thanh Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02760/10S69
20384	S69-22817	CM-61166		Phạm Hoàng Vũ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00685/13S69
20385	S69-22818	CM-61165		Nguyễn Văn Tới	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03592/13S69
20386	S69-22819			Lê Hoàng Thụy	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02763/10S69
20387	S69-22820			Đoàn Văn Lâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02764/10S69
20388	S69-22821			Phan Văn Răng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02765/10S69
20389	S69-22823			Trần Văn Hết	Khóm 2, Huyện Thới Bình	04/05/2010	04/05/2011	02778/10S69
20390	S69-22824			Trịnh Minh Kha	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	07/06/2011	07/06/2012	01885/11S69
20391	S69-22825			Nguyễn Văn Năng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02780/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20392	S69-22826	CM-43182		Trần Văn Hùng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01041/12S69
20393	S69-22827	CM-43202		Mai Thanh Hải	Trần Thới, Huyện Cái Nước	13/01/2014	13/01/2015	00139/14S69
20394	S69-22828			Trần Văn Quang	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02783/10S69
20395	S69-22829	CM-43203		Nguyễn Bắc ái	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03870/12S69
20396	S69-22830			Hồ Đức Huy	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02785/10S69
20397	S69-22831			Trần Quốc Du	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02786/10S69
20398	S69-22832	CM-43198		Huỳnh Văn Phô	Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01040/12S69
20399	S69-22833			Trương Văn Thư	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02788/10S69
20400	S69-22834			Lê Quang Bình	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02789/10S69
20401	S69-22835	CM-43200		Nguyễn Văn Dạn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01038/12S69
20402	S69-22836			Võ Văn Nghị	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02791/10S69
20403	S69-22837	CM-43204		Huỳnh Hoàng Phước	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01368/11S69
20404	S69-22839	CM-43206		Trần Văn á	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03868/12S69
20405	S69-22841			Nguyễn Văn Bảy	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02796/10S69
20406	S69-22842	CM-43194		Lâm Văn Phương	Đông Thới, Huyện Cái Nước	13/11/2012	13/05/2013	06728/12S69
20407	S69-22844			Lê Thanh Tuấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02799/10S69
20408	S69-22845			Nguyễn Văn Hùng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02800/10S69
20409	S69-22846			Nguyễn Phước Lành	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02801/10S69
20410	S69-22847	CM-43189		Nguyễn Văn Khải	Trần Thới, Huyện Cái Nước	14/06/2013	14/06/2014	03104/13S69
20411	S69-22848			Cao Hoàng Minh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02813/10S69
20412	S69-22849			Lê Quốc Việt	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02814/10S69
20413	S69-22850	CM-43180		Lê Hoài Hận	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/10/2013	05468/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20414	S69-22851	CM-51284		Nguyễn Văn Đầy	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07147/12S69
20415	S69-22856	CM-43187		Trần Chí Nhân	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/06/2011	12/06/2012	01930/11S69
20416	S69-22857			Nghiêm Văn Đạm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/05/2010	20/05/2011	02822/10S69
20417	S69-22859	CM-43178		Phạm Thanh Nhanh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00192/12S69
20418	S69-22860			La Văn Liễu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02830/10S69
20419	S69-22861			Tô Văn Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02831/10S69
20420	S69-22862			Nguyễn Hoàng Khánh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2010	20/05/2011	02832/10S69
20421	S69-22864			CTY TNHH Huỳnh Đức	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/05/2010	21/05/2011	02834/10S69
20422	S69-22866	CM-21755		Nguyễn Phương Em	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03197/12S69
20423	S69-22867			Trần Văn Đệ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02844/10S69
20424	S69-22868			Trần Hữu Phước	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02845/10S69
20425	S69-22869			Đặng Hoàng Nhi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02846/10S69
20426	S69-22870			Lê Văn Lâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02847/10S69
20427	S69-22871			Lê Phù Đồng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02848/10S69
20428	S69-22872			Lê Văn Phước	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02849/10S69
20429	S69-22873			Lê Văn Anh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02850/10S69
20430	S69-22874	CM-87137		Nguyễn Văn Kiệt	Khánh Thuận, Huyện U Minh	15/08/2011	15/08/2012	02716/11S69
20431	S69-22875			Nguyễn Văn Thám	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02852/10S69
20432	S69-22876			Phan Văn Chương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02853/10S69
20433	S69-22877			Huỳnh Văn Sáng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/05/2010	21/05/2011	02854/10S69
20434	S69-22878			Lâm Phú Trường	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/05/2010	21/05/2011	02855/10S69
20435	S69-22879			Lê Minh Nguyên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/05/2010	21/05/2011	02856/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20436	S69-22880			Nguyễn Văn Sol	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02857/10S69
20437	S69-22881			Phan Tấn Ngoi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02858/10S69
20438	S69-22882			Huỳnh Văn Hoàng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02859/10S69
20439	S69-22883			Phạm Văn Kính	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02860/10S69
20440	S69-22884			Phạm Văn Kính	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02861/10S69
20441	S69-22885	CM-87129		Nguyễn Văn Nghĩa	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01426/11S69
20442	S69-22886			Đặng Thị Huỳnh Mai	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02863/10S69
20443	S69-22887			Nguyễn Văn Tích	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02864/10S69
20444	S69-22888			Võ Văn Chiến	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/05/2010	21/05/2011	02865/10S69
20445	S69-22889	CM-21715		Phạm Văn Chiến	Khóm 4, Phường 7, Thành phố Cà Mau	27/05/2011	27/05/2012	01747/11S69
20446	S69-22890	CM-21740		Trần Thị Trang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2011	24/12/2012	05019/11S69
20447	S69-22891			Nguyễn Văn Xài	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	25/05/2010	25/05/2011	02869/10S69
20448	S69-22892			Trần Thanh Nhiên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02870/10S69
20449	S69-22893	CM-21736		Nguyễn Minh Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03648/13S69
20450	S69-22895			Lê Văn Tuy	TT Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02873/10S69
20451	S69-22896			Trương Thanh Nhân	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02874/10S69
20452	S69-22897	CM-21735		Ngô Đức Lành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	21/01/2013	21/01/2014	00647/13S69
20453	S69-22899			Ngô Đức Lành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02877/10S69
20454	S69-22901	CM-21739		Tạ Hồng Phương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09678/12S69
20455	S69-22902			Phan Quốc Quân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02880/10S69
20456	S69-22903			Nguyễn Thanh Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02881/10S69
20457	S69-22904	CM-21737		Phan Văn Sự	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02755/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20458	S69-22905	CM-66156		Lê Hữu Phước	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07478/12S69
20459	S69-22906			Nguyễn Minh Thuận	TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02884/10S69
20460	S69-22907	CM-66123		Huỳnh Văn Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02240/14S69
20461	S69-22910			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02888/10S69
20462	S69-22911	CM-66144		Nguyễn Hoàng Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05306/13S69
20463	S69-22912			Nguyễn Văn Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02890/10S69
20464	S69-22913	CM-66154		Trương Văn Ten	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02631/11S69
20465	S69-22914			Trần Hoàng Đông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	25/05/2011	02892/10S69
20466	S69-22915			Lâm Thanh Xua	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02893/10S69
20467	S69-22916			Nguyễn Thanh Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/05/2010	25/05/2011	02894/10S69
20468	S69-22917			Nguyễn Chí Phải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02895/10S69
20469	S69-22918			Nguyễn Văn Trang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02896/10S69
20470	S69-22919			Trương Văn Phi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02897/10S69
20471	S69-22920	CM-66147		Dương Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2011	24/06/2012	02290/11S69
20472	S69-22921	CM-66149		Ngô Ngọc Hưởng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03621/12S69
20473	S69-22922			Lê Quốc Việt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02900/10S69
20474	S69-22923	CM-66151		Nguyễn Minh Nghiêm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04321/12S69
20475	S69-22924			Nguyễn Chí Hướng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2010	24/05/2011	02902/10S69
20476	S69-22926	CM-87138		Nguyễn Thanh Lôi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/02/2016	26/08/2016	00442/16S69
20477	S69-22927	CM-21714		Nguyễn Hoàng Hôn	Phường 7,, Thành phố Cà Mau	07/03/2011	07/03/2012	00747/11S69
20478	S69-22928		Ghe Hàng	Huỳnh Minh Chuyển	Việt Khái, Huyện Phú Tân	27/05/2010	27/05/2011	02918/10S69
20479	S69-22930	CM-87141		Trần Cẩm Loan	Khánh Thuận, Huyện U Minh	20/08/2013	20/08/2014	03926/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20480	S69-22931	CM-21732		Ngô Minh Triều	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00355/13S69
20481	S69-22932	CM-21731		Bùi Hoàng Dân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	30/11/2011	30/11/2012	04439/11S69
20482	S69-22933			Nguyễn Phi Long	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/05/2010	28/05/2011	02926/10S69
20483	S69-22934	CM-51286		Văn Công Tuấn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02985/11S69
20484	S69-22936	CM-51306		Trần Đồng Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04513/11S69
20485	S69-22937	CM-51287		Lê Chí Học	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/05/2011	28/05/2012	01773/11S69
20486	S69-22938	CM: 51289		Lê Văn Trường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	03/12/2010	03/06/2011	05881/10S69
20487	S69-22939			Lê Văn Phước	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/05/2010	28/05/2011	02932/10S69
20488	S69-22940	CM-43215		Đặng Tấn Tăng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02979/12S69
20489	S69-22941			Đông Minh Thuận	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02941/10S69
20490	S69-22942			Cao Tuấn Em	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02942/10S69
20491	S69-22943	CM-43209		Trần Thanh Tùng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01327/12S69
20492	S69-22944			Phạm Minh Điểm	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02944/10S69
20493	S69-22945			Nguyễn Văn Khởi	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02945/10S69
20494	S69-22946			Từ Văn Đức	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02946/10S69
20495	S69-22947			Đặng Văn Đô	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02947/10S69
20496	S69-22948			Nguyễn Văn Nhịn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02948/10S69
20497	S69-22949			Phan Văn Dỗ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02956/10S69
20498	S69-22950			Hồ Văn Thừa	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02957/10S69
20499	S69-22951			Nguyễn Văn Tuấn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02958/10S69
20500	S69-22952			Nguyễn Văn Thạch	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02959/10S69
20501	S69-22953	CM-43230		Huỳnh Văn Nho	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/01/2015	12/01/2016	00050/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20502	S69-22954			Huỳnh Văn Tuấn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02961/10S69
20503	S69-22955			Võ Văn Don	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02962/10S69
20504	S69-22956			Trần Văn Lia	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02963/10S69
20505	S69-22957			Nguyễn Văn Cần	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02964/10S69
20506	S69-22958			Nguyễn Văn Thanh	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02965/10S69
20507	S69-22959			Nguyễn Minh Thành	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02966/10S69
20508	S69-22960			Võ Văn Trang	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02967/10S69
20509	S69-22961			Nguyễn Văn Dễ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02968/10S69
20510	S69-22962			Bùi Văn Cộp	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02969/10S69
20511	S69-22963			Bùi Văn Đẹp	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/05/2010	28/05/2011	02970/10S69
20512	S69-22965			Huỳnh Văn Chấm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02978/10S69
20513	S69-22966			Nguyễn Văn Hưng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02979/10S69
20514	S69-22968			Nguyễn Hoàng Chiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02981/10S69
20515	S69-22969	CM-61241		Phạm Thanh Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02387/12S69
20516	S69-22970	CM-61240		Lê Văn Bưư	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02383/12S69
20517	S69-22971			Trần Vinh Quang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02984/10S69
20518	S69-22972			Ngô út Nhỏ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02985/10S69
20519	S69-22973			Huỳnh Văn Miên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02986/10S69
20520	S69-22974			Huỳnh Văn Tánh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02987/10S69
20521	S69-22975			Nguyễn ánh Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02988/10S69
20522	S69-22976	CM-61233		Võ Văn Hùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/06/2014	24/06/2015	01677/14S69
20523	S69-22977			Nguyễn Na Tra	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02990/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20524	S69-22978			Ngô Văn Vô	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02991/10S69
20525	S69-22979			Nguyễn Tứ Xuyên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02992/10S69
20526	S69-22980			Phạm Văn Lượng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02993/10S69
20527	S69-22981			Nguyễn Thế Hiển	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02994/10S69
20528	S69-22982			Nguyễn Hoàng Sơn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02995/10S69
20529	S69-22983			Lê Văn Đế	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02996/10S69
20530	S69-22984	CM-61225		Trần Xuân Sắc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02390/12S69
20531	S69-22985			Tô Minh Sang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	02998/10S69
20532	S69-22986	CM-61223		Nguyễn Văn Thắng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02396/12S69
20533	S69-22987			Trương Văn Việt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03000/10S69
20534	S69-22988			Đặng Văn Thơm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03001/10S69
20535	S69-22989			Vương Bảo Huy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03002/10S69
20536	S69-22991			Lâm Thị Phụng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03004/10S69
20537	S69-22992			Ngô Văn Mèo	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03005/10S69
20538	S69-22993	CM-61216		Nguyễn Văn Phụng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2014	20/11/2015	03048/14S69
20539	S69-22994			Bùi Sắc Rùa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03007/10S69
20540	S69-22995			Nguyễn Phi Nál	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03008/10S69
20541	S69-22996			Nguyễn Văn Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03009/10S69
20542	S69-22997			Lê Văn Cường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03010/10S69
20543	S69-22998			Tạ Văn Sanh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03011/10S69
20544	S69-22999	CM-51046		Nguyễn Hoàng Phủ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00856/14S69
20545	S69-23000	CM-61209		Kiều Phong Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02381/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20546	S69-23001	CM-61208		Trần Văn Tiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02754/11S69
20547	S69-23002			Nguyễn Quốc Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03015/10S69
20548	S69-23003			Huỳnh Thanh Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03016/10S69
20549	S69-23004			Lâm Văn Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/05/2010	28/05/2011	03017/10S69
20550	S69-23005	CM-61402		Phạm Văn Lắm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/12/2011	12/12/2012	04808/11S69
20551	S69-23006	CM-61203		Lê Chí Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	04/08/2014	04/08/2015	02120/14S69
20552	S69-23007	CM-21753		Nguyễn Văn Đen	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02855/12S69
20553	S69-23009	CM-90129		Huỳnh Văn Quang	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	15/09/2011	15/09/2012	03228/11S69
20554	S69-23010	CM-21799		Nguyễn Hoàng Kil	Tam Giang, Huyện Năm Căn	01/07/2013	01/07/2014	03367/13S69
20555	S69-23011			Ông Văn Hậu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	21/04/2011	21/04/2012	01327/11S69
20556	S69-23016	CM-79119		Lê Thị Nhi	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/06/2015	08/06/2016	01067/15S69
20557	S69-23017			Nguyễn Văn Trí	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/06/2010	04/06/2011	03081/10S69
20558	S69-23018			Lê Văn Còn	Trí Phải, Huyện Thới Bình	04/06/2010	04/06/2011	03082/10S69
20559	S69-23019	CM-79121		Bùi Thanh Thép	TT. Thới Bình, Huyện Thới Bình	19/08/2013	19/08/2014	03920/13S69
20560	S69-23020			Nguyễn Văn Chiếm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2010	07/06/2011	03086/10S69
20561	S69-23022			Trần Văn Đen	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01124/12S69
20562	S69-23023	CM-21757		Nguyễn Văn Lơ	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	02/08/2011	02/08/2012	02532/11S69
20563	S69-23024			Đinh Văn Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02624/12S69
20564	S69-23025	CM-43233		Phạm Văn Chọn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/08/2013	01/08/2014	03743/13S69
20565	S69-23027	CM-90082		Võ Văn Sống	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2012	10/08/2013	04391/12S69
20566	S69-23028	CM-90080		Trần Việt Nhanh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2014	10/11/2015	02926/14S69
20567	S69-23029	CM-90081		Nguyễn Chí Nguyên	Phong lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2011	10/11/2012	04234/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20568	S69-23030	CM-90079		Phan Thành Khởi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06072/13S69
20569	S69-23031	CM-21756		Nguyễn Văn Đẩu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03322/12S69
20570	S69-23032			Lê Văn Tuyết	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03122/10S69
20571	S69-23033			Đỗ Kiều Diễm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03123/10S69
20572	S69-23034			Nguyễn Thành Điền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03124/10S69
20573	S69-23035			Lâm Văn Sự	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03125/10S69
20574	S69-23036			Ngô Văn Linh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03126/10S69
20575	S69-23037			Nguyễn Thanh Liêm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03127/10S69
20576	S69-23039	CM-61195		Huỳnh Ninh Khởi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/01/2015	15/01/2016	00088/15S69
20577	S69-23040	CM-61194		Phan Thanh Dân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02244/11S69
20578	S69-23041			Đỗ Hoàng Kha	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03131/10S69
20579	S69-23042			Nguyễn Minh Dương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03132/10S69
20580	S69-23043			Phạm Minh Thảo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03133/10S69
20581	S69-23044			Nguyễn Văn Lãm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03134/10S69
20582	S69-23046			Mai Hoàng Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03137/10S69
20583	S69-23047			Nguyễn Hồng Nhân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03136/10S69
20584	S69-23048	CM-61190		Đinh Công Ràng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02242/11S69
20585	S69-23049			Trần Thanh Ngàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03139/10S69
20586	S69-23050			Hồng Cu Ba	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03140/10S69
20587	S69-23051			Nguyễn Văn Đù	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03141/10S69
20588	S69-23052	CM-61182		Nguyễn Hoàng Vinh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04614/11S69
20589	S69-23053			Nguyễn Minh Quang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03143/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20590	S69-23054			Hồ Hùng Linh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03144/10S69
20591	S69-23055			Hà Thành Được	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03145/10S69
20592	S69-23056			Lữ Văn Thum	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03146/10S69
20593	S69-23057			Lê Văn Nhiều	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03147/10S69
20594	S69-23058			Trần Văn Sơn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03148/10S69
20595	S69-23059			Trương Văn Thái	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07256/12S69
20596	S69-23060			Quách Hòa Triệu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03150/10S69
20597	S69-23061			Huỳnh Minh Tân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2010	03151/10S69
20598	S69-23062	CM-61172		Đường Khoán Bội	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/06/2011	06/06/2012	01831/11S69
20599	S69-23063			Lâm Quốc Toàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/06/2010	10/06/2011	03153/10S69
20600	S69-23064			Hồ Văn Tại	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	14/06/2010	14/11/2010	03175/10S69
20601	S69-23065			Trần Văn Đáng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	03176/10S69
20602	S69-23067	CM-		Phan Quốc Lưu	xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	12/12/2011	12/06/2012	04779/11S69
20603	S69-23068			Nguyễn Chí Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02468/11S69
20604	S69-23069	CM-02652		Phan Văn Vui	Đất Mới, Huyện Năm Căn	16/06/2010	16/06/2011	03186/10S69
20605	S69-23070	CM-21758		Nguyễn Thanh Liêm	Phường 8, Thành phố Cà Mau	17/07/2013	17/07/2014	03557/13S69
20606	S69-23071			Lưu Văn Tèo	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03195/10S69
20607	S69-23072			Tô Trường Xuân	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/10/2012	16/10/2013	05500/12S69
20608	S69-23073			Trương Văn Trưởng	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03197/10S69
20609	S69-23074			Trần Văn Nól	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03198/10S69
20610	S69-23075			Lâm Ngọc Phong	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03199/10S69
20611	S69-23076	CM-72084		La Văn Nhiều	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/07/2011	19/07/2012	02351/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20612	S69-23077	CM-72077		Võ Văn Truyền	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00278/12S69
20613	S69-23078			Phan Thị Thùy Linh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03202/10S69
20614	S69-23079			Lâm Hữu Nghĩa	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03203/10S69
20615	S69-23080			Trịnh Văn Chiến	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03204/10S69
20616	S69-23081			Trương Văn Nghị	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03205/10S69
20617	S69-23082			Trương Văn Chưởng	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03206/10S69
20618	S69-23083			Huỳnh Thanh Hải	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03207/10S69
20619	S69-23084			Trần Văn Dũng	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2011	16/06/2012	01985/11S69
20620	S69-23085			Nguyễn Thanh Vũ	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03209/10S69
20621	S69-23086			Nguyễn Hoàng Lang	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03210/10S69
20622	S69-23087			La Văn Để	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03211/10S69
20623	S69-23088			Lê Chí Tâm	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03212/10S69
20624	S69-23089			Nguyễn Văn Dừa	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03213/10S69
20625	S69-23090			Trần Văn Minh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03214/10S69
20626	S69-23091			Nguyễn Thanh Hiền	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03215/10S69
20627	S69-23092			Nguyễn Văn Thạnh	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03216/10S69
20628	S69-23093	CM-61248		Châu Văn Hải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/05/2012	28/05/2013	02416/12S69
20629	S69-23094	CM-21769		Nguyễn Chí Công	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09237/12S69
20630	S69-23095	CM-21773		Nguyễn Thanh Nhanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	08/10/2012	08/10/2013	05365/12S69
20631	S69-23096	CM-21768		Võ Văn Thái	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04305/11S69
20632	S69-23097	CM-61249		Phạm Hoàng Văn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2015	20/04/2016	00752/15S69
20633	S69-23099	CM-61250		Nguyễn Thanh Suốt	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/11/2014	24/11/2015	03081/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20634	S69-23100			Nguyễn Minh Dương	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03230/10S69
20635	S69-23101			Nguyễn Văn Xĩa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03231/10S69
20636	S69-23102			Phan Hoàng Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03232/10S69
20637	S69-23103	CM-61256		Nguyễn Thanh Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02368/14S69
20638	S69-23104			Thái Ngọc Vẹn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03234/10S69
20639	S69-23106			Bùi Văn Nhân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03236/10S69
20640	S69-23107			Ngô Văn Dũng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03237/10S69
20641	S69-23108			Nguyễn Thanh Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2010	20/06/2011	03238/10S69
20642	S69-23109	CM-61246		Nguyễn Hoàng Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02240/11S69
20643	S69-23110			Huỳnh Văn Danh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	22/06/2010	22/06/2011	03255/10S69
20644	S69-23111			Nguyễn Văn Trắng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	21/06/2006	21/06/2011	03256/06S69
20645	S69-23112			Đoàn Trường Giang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02371/11S69
20646	S69-23113	CM-43237		Phạm Minh Triều	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	06/07/2011	06/07/2012	02191/11S69
20647	S69-23114			Phan Thanh Bình	Trần Thới, Huyện Cái Nước	15/11/2011	15/11/2012	04242/11S69
20648	S69-23115	CM-43236		Võ Thành Nghê	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02707/12S69
20649	S69-23116	CM-21770		Nguyễn Hoàng Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2012	31/07/2013	04174/12S69
20650	S69-23117			Nguyễn Hoàng Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2006	21/06/2011	03287/06S69
20651	S69-23119			Diệp Văn Mơ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03289/10S69
20652	S69-23120			Nhan Văn Xéng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03011/13S69
20653	S69-23121			Nguyễn Văn Thảo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03291/10S69
20654	S69-23122			Phan Quốc Vinh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03292/10S69
20655	S69-23123			Trần Hoàng Giang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03293/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20656	S69-23124			Lâm Văn Vẹn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03294/10S69
20657	S69-23125			Trần Văn Khởi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03295/10S69
20658	S69-23126			Trần Ngọc Dư	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03296/10S69
20659	S69-23127	CM-66174		Tạ Minh Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03000/13S69
20660	S69-23128			Lê Chí Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03298/10S69
20661	S69-23129			Phan Minh Bờ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03299/10S69
20662	S69-23130			Tô Văn Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03300/10S69
20663	S69-23131			Huỳnh Văn Khái	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03301/10S69
20664	S69-23132	CM-66169		Diệp Thanh Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03767/12S69
20665	S69-23133	CM-66168		Võ Hoàng Phương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04745/11S69
20666	S69-23134			Võ Hoàng Phương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03304/10S69
20667	S69-23135			Hồ Văn Tài	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03305/10S69
20668	S69-23136			Trần Văn Kết	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	21/06/2010	21/06/2011	03306/10S69
20669	S69-23137			Lâm Văn La	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03307/10S69
20670	S69-23138	CM-66162		Đặng Văn Sĩ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	20/11/2011	20/10/2012	03921/11S69
20671	S69-23139			Nguyễn Thanh Bình	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03309/10S69
20672	S69-23140	CM-66159		Đặng Trường Giang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03459/13S69
20673	S69-23141			Võ Hoàng Khởi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03311/10S69
20674	S69-23142			Nguyễn Văn Nam	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03312/10S69
20675	S69-23143	CM-02531		Đặng Công Chánh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03314/10S69
20676	S69-23144			Nguyễn Văn Đặng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	24/06/2010	24/06/2011	03326/10S69
20677	S69-23145	CM-51333		Nguyễn Hoàng Nhứt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02978/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20678	S69-23146			Nguyễn Quốc Minh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03334/10S69
20679	S69-23147			Trần Thanh Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/06/2010	21/06/2011	03335/10S69
20680	S69-23148	CM-21793		Phạm Văn Tốt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2013	03/07/2014	03396/13S69
20681	S69-23150	CM-21794		Lê Vũ Khang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03988/12S69
20682	S69-23151	CM-21800		Phạm Văn Núi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03794/11S69
20683	S69-23152	CM-21780		Phạm Cao Phổ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02998/13S69
20684	S69-23153			Phạm Cao Phổ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03341/10S69
20685	S69-23155	CM-21792		Võ Hồng Khánh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05630/12S69
20686	S69-23156			Nguyễn Văn Sĩ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	02344/10S69
20687	S69-23157	CM-21786		Nguyễn Văn Nhờ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04749/11S69
20688	S69-23158			Tạ Văn Tuấn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03346/10S69
20689	S69-23159			Thái Hoàng Tiêng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03347/10S69
20690	S69-23160	CM-21791		Lê Minh Lâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	08/11/2011	08/11/2012	04113/11S69
20691	S69-23161			Nguyễn Trường Tộ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03349/10S69
20692	S69-23162			Lưu Văn Nghinh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03350/10S69
20693	S69-23163	CM-21781		Trần Việt Bắc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00897/12S69
20694	S69-23164	CM-21795		Nguyễn Minh Đăng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	08/06/2012	08/06/2013	02669/12S69
20695	S69-23165	CM-66184		Trần Quốc Khanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2011	24/09/2012	03384/11S69
20696	S69-23166			Dương Văn Thủy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02466/13S69
20697	S69-23168	CM-66189		Trần Văn Chuộng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2014	24/03/2015	00767/14S69
20698	S69-23169			Trần Thanh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03357/10S69
20699	S69-23170			Lý Văn Nam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03358/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20700	S69-23171			Nguyễn Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03359/10S69
20701	S69-23172			Đỗ Văn Quyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2010	24/06/2011	03360/10S69
20702	S69-23173	CM-66180		Tăng Hoàng Đệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01172/13S69
20703	S69-23175	CM-18513		Lâm Thị Bé Hai	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	14/11/2012	14/11/2013	06761/12S69
20704	S69-23176			Nguyễn May	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	16/08/2011	16/08/2012	02765/11S69
20705	S69-23178	CM-21810		Võ Văn Hòa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	06/08/2012	06/08/2013	04273/12S69
20706	S69-23181			Trần út Lớn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03386/10S69
20707	S69-23182			Dương Văn Vũ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04543/10S69
20708	S69-23184			CTy TNHH Thương Mại Dịch Vụ Minh Hải	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03389/10S69
20709	S69-23185	CM-51298		Mai Văn Đen	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00807/14S69
20710	S69-23186			Nguyễn Thanh Trà	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03391/10S69
20711	S69-23187			Nguyễn Thế Hoá	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03392/10S69
20712	S69-23188			Trương Thanh Thoảng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03393/10S69
20713	S69-23189			Huỳnh Tý Hon	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/06/2010	28/06/2011	03394/10S69
20714	S69-23190	CM-87172		Nguyễn Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	24/06/2012	24/06/2013	03207/12S69
20715	S69-23191			Phạm Văn Duyên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03406/10S69
20716	S69-23192			Nguyễn Thị Loán	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03407/10S69
20717	S69-23193			Hồ Nhật Huy	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03408/10S69
20718	S69-23194			Cao Văn Giữ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03409/10S69
20719	S69-23195			Nguyễn Văn Linh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	34010/10S69
20720	S69-23196			Huỳnh Văn Hải	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03411/10S69
20721	S69-23197			Nguyễn Văn Khởi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03412/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20722	S69-23198			Cao Văn Thi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03413/10S69
20723	S69-23199			Võ Quốc Linh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03414/10S69
20724	S69-23200			Hồ Hoàng Khiêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2010	03415/10S69
20725	S69-23201			Nguyễn Thị Ớt	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03416/10S69
20726	S69-23202			Lê Hợp Đồng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03417/10S69
20727	S69-23203			Đoàn Quốc Biển	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03418/10S69
20728	S69-23204			Lê Thành Công	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03419/10S69
20729	S69-23205			Phạm Thị Thuỳ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03420/10S69
20730	S69-23206			Lê Anh Văn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03421/10S69
20731	S69-23207			Lê Văn Lâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03422/10S69
20732	S69-23208			Trần Văn Chơn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03423/10S69
20733	S69-23209			Lê Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03253/12S69
20734	S69-23210			Hồ Tấn Tài	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03425/10S69
20735	S69-23211			Cao Thị Oanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03251/12S69
20736	S69-23212			Lê Văn On	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03427/10S69
20737	S69-23214			Đặng Hoàng Gia	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04265/12S69
20738	S69-23215			Lê Việt Ngữ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03430/10S69
20739	S69-23216			Lê Văn Lâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03431/10S69
20740	S69-23217			Cao Thành Toàn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03432/10S69
20741	S69-23218			Nguyễn Văn Định	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03433/10S69
20742	S69-23219			Đặng Minh Tứ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03434/10S69
20743	S69-23220			Cao Văn Bẩy	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03435/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20744	S69-23221			Cao Tiến Nghị	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03436/10S69
20745	S69-23222			Lê Văn Năng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03437/10S69
20746	S69-23223			Dương Công Nghiệp	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03438/10S69
20747	S69-23224	CM-87164		Lâm Văn Phương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02842/13S69
20748	S69-23225			Bùi Văn Nhó	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03440/10S69
20749	S69-23226			Phạm Quốc Toàn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/06/2010	29/06/2011	03441/10S69
20750	S69-23227	CM-87169		Trần Chí Nguyễn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04086/11S69
20751	S69-23228			Nguyễn Thanh Toàn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/06/2010	29/06/2011	03447/10S69
20752	S69-23230	CM-43241		Phạm Văn Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/06/2011	22/06/2012	02065/11S69
20753	S69-23231			Nguyễn Thành Đông	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	29/06/2010	29/06/2011	03450/10S69
20754	S69-23232	CM-43242		Tăng Văn Bol	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/02/2013	01/02/2014	01213/13S69
20755	S69-23233	CM-43246		Võ Tấn Cuộc	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/07/2015	09/07/2016	01225/15S69
20756	S69-23234			Bùi Thanh Tú	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	29/06/2010	29/06/2011	03453/10S69
20757	S69-23235			Huỳnh Văn Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/06/2010	29/06/2011	03454/10S69
20758	S69-23236			Lê Chí Nguyễn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/06/2010	29/06/2011	03455/10S69
20759	S69-23237	CM-43243		Lâm Thanh Nhã	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02578/12S69
20760	S69-23238			Huỳnh Văn Tiên	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00290/12S69
20761	S69-23239	CM-21774		Trần Văn Toàn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/06/2012	12/06/2013	02706/12S69
20762	S69-23240			Nguyễn Văn Nhiệm	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	01/07/2010	01/07/2011	03468/10S69
20763	S69-23241	CM-72085		Huỳnh Văn Bình	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00185/14S69
20764	S69-23243			Đặng Thanh Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/06/2010	16/06/2011	03471/10S69
20765	S69-23245			Trần Thanh Mộng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/07/2010	02/07/2011	03474/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20766	S69-23246			Mai Khánh Ly	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/07/2010	02/07/2011	03475/10S69
20767	S69-23247	CM-51294		Phạm Quốc Khởi	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	30/07/2016	01409/15S69
20768	S69-23248			Phạm Quốc Khởi	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	21/06/2010	21/06/2011	03477/10S69
20769	S69-23249	CM-21929		Nguyễn Hùng Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01151/13S69
20770	S69-23250			Quách Hồng Đông	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/07/2010	04/07/2011	03486/10S69
20771	S69-23251			Trần Văn Vinh	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	04/07/2010	04/07/2011	03487/10S69
20772	S69-23252			Phan Văn Huynh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/07/2010	04/07/2011	03488/10S69
20773	S69-23253	CM-79130		Trần Thanh Hải	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	26/02/2014	26/02/2015	00511/14S69
20774	S69-23255			Trương Văn Lệ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/07/2010	04/07/2011	03491/10S69
20775	S69-23256			Phan Văn Huynh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/07/2010	04/07/2011	03492/10S69
20776	S69-23257	CM-21805		Lê Văn Niệm	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	16/06/2011	16/06/2012	01971/11S69
20777	S69-23259			Lư Thị Bông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	02/07/2010	02/07/2011	03497/10S69
20778	S69-23261	CM-21812		Nguyễn Hoàng Phương	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05457/12S69
20779	S69-23262			Đỗ Văn Hoàng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	06/07/2010	06/07/2011	03501/10S69
20780	S69-23263			Phan Hoàng Anh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	06/07/2010	06/07/2011	03502/10S69
20781	S69-23264	CM-21814		Châu Văn Sáng	xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	17/03/2014	17/03/2015	00693/14S69
20782	S69-23265			Nguyễn Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/06/2010	30/06/2011	03505/10S69
20783	S69-23266			Lê Hoàng Phong	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02844/13S69
20784	S69-23267	CM-21813		Trần Văn Dương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04634/11S69
20785	S69-23268	CM-21816		Nguyễn Văn Phúc	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02582/13S69
20786	S69-23269	CM-90086		Huỳnh Việt Toàn	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	21/10/2011	21/10/2012	03806/11S69
20787	S69-23271	CM-21803		Trần Văn Xuyên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05184/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20788	S69-23272			Võ Văn Hảo	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2010	10/07/2011	03534/10S69
20789	S69-23273			Dương Văn Hiếu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2010	10/07/2011	03535/10S69
20790	S69-23274			Hồ Văn ý	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2010	10/07/2011	03536/10S69
20791	S69-23275			Phạm Minh Nguyễn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2010	10/07/2011	03537/10S69
20792	S69-23276	CM-90090		Dương Văn Canh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00988/12S69
20793	S69-23277	CM-00819		Huỳnh Văn út	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/08/2015	12/08/2016	01507/15S69
20794	S69-23279			Quách Chí Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/07/2010	12/07/2011	03556/10S69
20795	S69-23280			Lâm Văn út	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	12/07/2010	12/07/2011	03559/10S69
20796	S69-23281			Đặng Trúc Phương	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/07/2010	12/07/2011	03560/10S69
20797	S69-23282			Võ Văn Mãi	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2010	12/07/2011	03561/10S69
20798	S69-23283	CM-43255		Trần Tấn Thuận	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	21/12/2012	21/12/2013	09274/12S69
20799	S69-23284	CM-43252		Tô Văn út	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2012	12/08/2013	04396/12S69
20800	S69-23285	CM-19138		Đình Hoàng Song	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2013	12/03/2014	01613/13S69
20801	S69-23286			Lê Văn A	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	12/07/2010	12/07/2011	03565/10S69
20802	S69-23287			Nguyễn Văn Đủ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2010	12/07/2011	03566/10S69
20803	S69-23288	CM-61306		Võ Văn Trãi	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2010	12/07/2011	03567/10S69
20804	S69-23289	CM-90091		Dương Quốc Khởi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00151/12S69
20805	S69-23290			Nguyễn Văn Xinh	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03583/10S69
20806	S69-23291			Võ Minh Hoài	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03584/10S69
20807	S69-23292			Nguyễn Văn Kiện	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03585/10S69
20808	S69-23293			Nguyễn Thanh Danh	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03586/10S69
20809	S69-23294			Trương Văn Vũ	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03587/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20810	S69-23295			Lê Văn Phúc	Khánh An, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03588/10S69
20811	S69-23296	CM-87181		Quách Văn Cuộc	Khánh An, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01491/13S69
20812	S69-23297			Võ Văn Phép	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03590/10S69
20813	S69-23298			Lâm Văn Ngừ	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03591/10S69
20814	S69-23299			Đặng Quốc Sử	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03592/10S69
20815	S69-23300			Nguyễn Công Bằng	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03593/10S69
20816	S69-23301			Tăng Văn Thêm	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03594/10S69
20817	S69-23302			Dương Văn Thái	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03595/10S69
20818	S69-23303			Võ Văn Đạt	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03596/10S69
20819	S69-23304			Lê Văn Hùng	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03597/10S69
20820	S69-23305			Lê Văn Dương	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03598/10S69
20821	S69-23306			Lê Văn Toàn	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03599/10S69
20822	S69-23307			Nguyễn Văn Tươi	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03600/10S69
20823	S69-23308			Lý Trung Định	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03601/10S69
20824	S69-23309			Nguyễn Võ Hoàng	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03602/10S69
20825	S69-23310			Thạch Dang	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03603/10S69
20826	S69-23311			Nguyễn Thanh Minh	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03604/10S69
20827	S69-23312			Trịnh Minh Tuấn	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03605/10S69
20828	S69-23313			Hồ Văn Bạc	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03606/10S69
20829	S69-23314			Nguyễn Minh Đảo	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03607/10S69
20830	S69-23315			Huỳnh Minh Đường	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03608/10S69
20831	S69-23316			Huỳnh Tuyết Xuân	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03609/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20832	S69-23317			Đỗ Thành Ngoan	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03610/10S69
20833	S69-23318		Võ Minh Thường	Võ Trung Hậu	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03611/10S69
20834	S69-23319			Trần Thị Khoa	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03612/10S69
20835	S69-23320			Nguyễn Minh Hải	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03613/10S69
20836	S69-23321			Võ Văn Khôn	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03614/10S69
20837	S69-23322			Trương Minh Thắng	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03615/10S69
20838	S69-23323			Lê Văn Tĩ	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03616/10S69
20839	S69-23324			Lê Văn Chinh	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03617/10S69
20840	S69-23325			Nguyễn Văn út	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03618/10S69
20841	S69-23326			Nguyễn Minh Cà	TT U Minh, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03619/10S69
20842	S69-23328			Thạch Thanh Tùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/07/2010	13/07/2011	03623/10S69
20843	S69-23329			Bùi Vũ Linh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/07/2010	14/07/2011	03625/10S69
20844	S69-23330	CM-66190		Nguyễn Quốc Việt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/12/2012	22/12/2013	09499/12S69
20845	S69-23331			Hồ Văn Nhum	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	16/07/2010	16/07/2011	03642/10S69
20846	S69-23332			Lê Minh Thương	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03652/10S69
20847	S69-23333			Nghị Thanh Tuấn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03653/10S69
20848	S69-23334			Nguyễn Hùng Anh	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03654/10S69
20849	S69-23335			Lê Thanh Thoảng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03655/10S69
20850	S69-23336			Võ Văn Đường	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03656/10S69
20851	S69-23337			Nguyễn Hùng Em	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03657/10S69
20852	S69-23338	CM-87225		Nguyễn á Châu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03423/12S69
20853	S69-23339			Đặng Văn Măng	TT U Minh, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03659/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20854	S69-23340			Nguyễn Văn Cảnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03660/10S69
20855	S69-23341			Phạm Minh Thuật	Khánh Lâm, Huyện U Minh	16/07/2010	16/07/2011	03661/10S69
20856	S69-23343	CM-72090		Lê Văn Tư	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/11/2013	16/11/2014	05797/13S69
20857	S69-23344			Trần Văn Điền	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03664/10S69
20858	S69-23345	CM-72097		Võ Văn Chiêu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03119/13S69
20859	S69-23346	CM-72102		Trần Văn Bửu	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07077/12S69
20860	S69-23347			La Hoàng Thống	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03667/10S69
20861	S69-23348	CM-72103		Trương Hoàng Lơ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/08/2015	16/08/2016	01539/15S69
20862	S69-23349			Ngô Vũ Phương	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03669/10S69
20863	S69-23350			Trần Văn Tính	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03670/10S69
20864	S69-23351			Phạm Văn Ngoán	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2012	16/09/2013	04778/12S69
20865	S69-23352			Nguyễn Văn út	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03672/10S69
20866	S69-23353			Phạm Văn Triệu	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03673/10S69
20867	S69-23354			Lê Thanh Hải	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03674/10S69
20868	S69-23355	CM-72088		Trần Văn Hận	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02370/11S69
20869	S69-23356			Trần Văn Cường	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03676/10S69
20870	S69-23357			Trần Văn Hoàng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03677/10S69
20871	S69-23358			Phan Văn Phát	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03678/10S69
20872	S69-23359			Trịnh Phú Quốc	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/07/2010	16/07/2011	03679/10S69
20873	S69-23360			Lê Chí Linh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2012	16/09/2013	04782/12S69
20874	S69-23361	CM-21821		Cao Hoàng Hanh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2013	12/09/2014	04345/13S69
20875	S69-23362			Lê Thanh Trung	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	19/07/2010	19/07/2011	03695/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20876	S69-23363	CM-90094		Nguyễn Văn Hải	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2012	10/04/2013	01560/12S69
20877	S69-23365			Nguyễn Phúc Lộc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	17/07/2010	17/07/2011	03700/10S69
20878	S69-23366	CM-90092		Nguyễn Hoàng Phúc	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	06/08/2014	06/08/2015	02135/14S69
20879	S69-23367			Nguyễn Thanh Tùng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	17/07/2010	17/07/2011	03702/10S69
20880	S69-23368	CM-90095		Lý Minh Tâm	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00099/14S69
20881	S69-23369	CM-90093		Huỳnh Văn Mỹ	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2012	04/01/2013	00049/12S69
20882	S69-23370	CM-21938		Lâm Văn Bé Năm	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02589/13S69
20883	S69-23371			Lưu Văn Đoạn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03713/10S69
20884	S69-23372			Trần Chí Công	Khánh Thuận, Huyện U Minh	12/07/2010	12/07/2011	03714/10S69
20885	S69-23373	CM:21825		Nguyễn Hoàng Lưu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	13/04/2011	13/04/2012	01242/11S69
20886	S69-23374	CM-21823		Nguyễn Hoài Phú	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2013	25/07/2014	03666/13S69
20887	S69-23375	CM-00859	Đò	Ngô Văn Nhân	Khóm 1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03051/13S69
20888	S69-23376	CM-43258		Mã Văn Khải	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/01/2012	16/01/2013	00293/12S69
20889	S69-23377	CM-21826		Đào út Em	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	19/10/2012	19/10/2013	05525/12S69
20890	S69-23378			Trịnh Văn Vũ	Khánh Hội, Huyện U Minh	20/07/2010	20/07/2011	03733/10S69
20891	S69-23379			Phạm Văn Đa	Khánh Hội, Huyện U Minh	20/07/2010	20/07/2011	03734/10S69
20892	S69-23380	CM-87231		Huỳnh Văn Chon	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03379/12S69
20893	S69-23381			Phạm Văn Toán	Khánh Hội, Huyện U Minh	20/07/2010	20/07/2011	03736/10S69
20894	S69-23382			Ngô Quốc Việt	Khánh Hội, Huyện U Minh	20/07/2010	20/07/2011	03737/10S69
20895	S69-23383			Nguyễn Văn Hai	Khánh Lâm, Huyện U Minh	20/07/2010	20/07/2011	03738/10S69
20896	S69-23384			Hoàng Tấn Hình	Khánh Hội, Huyện U Minh	20/07/2010	20/07/2011	03739/10S69
20897	S69-23385			Nguyễn Văn Hậu	Khánh Hội, Huyện U Minh	20/07/2010	20/07/2011	03740/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20898	S69-23386	CM-87235		Nguyễn Quốc Khánh	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03370/12S69
20899	S69-23387			Bùi Công Thủ	Khánh Hội, Huyện U Minh	20/07/2010	20/07/2011	03742/10S69
20900	S69-23388			Nguyễn Hoàng Anh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/07/2010	20/07/2011	03744/10S69
20901	S69-23389			Đỗ Văn Hường	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/07/2010	20/07/2011	03745/10S69
20902	S69-23391			Bùi Hữu Phước	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/07/2010	20/07/2011	03747/10S69
20903	S69-23392			Nguyễn Huệ Thông	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03752/10S69
20904	S69-23394	CM-21840		Võ Thành Đồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02433/11S69
20905	S69-23395	CM-21841		Châu Văn Thì	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02418/11S69
20906	S69-23396			Lê Thanh Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03756/10S69
20907	S69-23397			Lê Chí Khanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03757/10S69
20908	S69-23398	CM-21843		Nguyễn Văn Tuấn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07203/12S69
20909	S69-23399	CM-21844		Huỳnh Văn Bến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/01/2013	23/01/2014	00901/13S69
20910	S69-23400	CM-21832		Lê Chí Hiếu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04975/12S69
20911	S69-23401	CM-21831		Lê Văn Mạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2012	20/08/2013	04470/12S69
20912	S69-23403			Nguyễn Hiền Lương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03763/10S69
20913	S69-23404			Bùi Quốc Việt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03764/10S69
20914	S69-23405			Nguyễn Văn Dũng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03765/10S69
20915	S69-23406			Phạm Thị Si	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03766/10S69
20916	S69-23407			Trương Vĩnh Điền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03767/10S69
20917	S69-23408			Nguyễn Việt Triều	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03768/10S69
20918	S69-23410			Cao Văn Ngon	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03770/10S69
20919	S69-23411	CM-61282		Trần Văn Tình	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03317/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20920	S69-23412			Trần Nhựt Trường	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03772/10S69
20921	S69-23413			Ngô Tuyết Hạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03773/10S69
20922	S69-23414			Chu Văn Khương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03774/10S69
20923	S69-23415	CM-61287		Nguyễn Văn Mạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04288/11S69
20924	S69-23416			Hồ Văn Chánh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03776/10S69
20925	S69-23417	CM-61269		Trần Văn Vân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02296/14S69
20926	S69-23418	CM-61270		Huỳnh Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01855/13S69
20927	S69-23419			Trần Thanh Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03779/10S69
20928	S69-23420			Phan Văn Mới	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03780/10S69
20929	S69-23421	CM-61274		Huỳnh Văn Tan	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03944/11S69
20930	S69-23422	CM-61275		Lưu Kim Tiền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	28/09/2011	28/09/2012	03508/11S69
20931	S69-23423			Tô Minh Kết	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03783/10S69
20932	S69-23424			Phạm Văn Lành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03784/10S69
20933	S69-23425	CM-61276		Trương Văn Bảy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07199/12S69
20934	S69-23426			Dương Hồi Nam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2010	20/07/2011	03786/10S69
20935	S69-23427	CM-61284		Võ Thanh Giàu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05043/13S69
20936	S69-23429	CM-61266		Đặng Phương Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03918/11S69
20937	S69-23430	CM-61263		Trương Minh Tiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04297/11S69
20938	S69-23431			Trần Chí Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2010	20/07/2011	03791/10S69
20939	S69-23432			Nguyễn Văn Diêm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/07/2010	21/07/2011	03816/10S69
20940	S69-23433	CM-		Phạm Hoàng Hân	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	13/05/2013	13/05/2014	02536/13S69
20941	S69-23434	CM-43256		Nguyễn Thanh Khiết	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	31/03/2014	31/03/2015	00868/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20942	S69-23435	CM-21846		Nguyễn Tấn Lộc	Nguyễn Việt Khải, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02172/13S69
20943	S69-23437			Hồ Vĩnh Hội	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	08/07/2010	08/07/2011	03828/10S69
20944	S69-23439			Trương Thanh Phong	168A, P7 Thành Phố Cà Mau, Thành phố Cà Mau	22/07/2010	22/01/2011	03830/10S69
20945	S69-23440			Ngô Chí An	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	22/07/2010	23/07/2011	03831/10S69
20946	S69-23443			Trần Vũ Linh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2010	24/07/2011	03841/10S69
20947	S69-23444			Nguyễn Minh Phú	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2010	24/07/2011	03842/10S69
20948	S69-23445			Trương Văn Lướt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2010	24/07/2011	03843/10S69
20949	S69-23446	CM-66204		Nguyễn Hữu Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03669/12S69
20950	S69-23447	CM-66197		Lê Hữu Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01353/13S69
20951	S69-23448			Võ Thành Phong	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2010	24/07/2011	03846/10S69
20952	S69-23449	CM-66196		Trần Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06351/13S69
20953	S69-23500			Lê Thanh Trúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2010	24/07/2011	03848/10S69
20954	S69-23501			Nguyễn Văn Trang	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2010	24/07/2011	03849/10S69
20955	S69-23504	CM-66200		Nguyễn Văn Luật	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05619/12S69
20956	S69-23505			Nguyễn Hoàng Tuấn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	22/07/2010	22/07/2011	03859/10S69
20957	S69-23508	CM-51308		Văn Minh Huy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02972/11S69
20958	S69-23509			Lâm Văn Sơn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03864/10S69
20959	S69-23510			Trần Thanh Sáng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03865/10S69
20960	S69-23511			Trịnh Văn Họt	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	27/07/2010	25/07/2011	03866/10S69
20961	S69-23512			Nguyễn Văn Vãng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03867/10S69
20962	S69-23513			Thạch Văn Anh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03868/10S69
20963	S69-23514			Nguyễn Văn Thương	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03869/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20964	S69-23515			Ninh Trung Thái	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03870/10S69
20965	S69-23516			Mạc Hoàng Phong	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03871/10S69
20966	S69-23517			Nguyễn Chí Tâm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03872/10S69
20967	S69-23518			Lê Văn Trắng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03873/10S69
20968	S69-23519			Danh Trường	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03664/11S69
20969	S69-23520			Trịnh Văn Đen	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03875/10S69
20970	S69-23521			Nguyễn Hữu Nghĩa	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03876/10S69
20971	S69-23522			Trần Văn Cương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03877/10S69
20972	S69-23523			Võ Lam Sơn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03878/10S69
20973	S69-23524			Huỳnh Hoàng Em	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03879/10S69
20974	S69-23525			Thái Văn Tuấn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03880/10S69
20975	S69-23526			Trà Văn Phùng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03881/10S69
20976	S69-23527			Bùi Hữu Phước	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03882/10S69
20977	S69-23528			Lý Văn Nga	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03883/10S69
20978	S69-23529			Lý Bé Bảy	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03884/10S69
20979	S69-23530	CM-90105		Huỳnh Văn Hải	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06142/13S69
20980	S69-23531			Võ Thị Hoa	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03886/10S69
20981	S69-23532			Phạm Minh Cẩn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03887/10S69
20982	S69-23533			Nguyễn Văn Phong	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03888/10S69
20983	S69-23534	CM-90111		Lê Văn Toàn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03667/11S69
20984	S69-23535			Trần Văn Nhựt	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03890/10S69
20985	S69-23536			Nguyễn Văn Tám	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03891/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20986	S69-23537			Danh Sơn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2010	25/07/2011	03892/10S69
20987	S69-23539			Trần Văn Míl	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	28/07/2010	28/07/2011	03907/10S69
20988	S69-23540	CM-90096		Võ Minh Thi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	22/01/2014	22/01/2015	00272/14S69
20989	S69-23541			Đoàn Hoàng Đệ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/07/2010	28/07/2011	03910/10S69
20990	S69-23542			Đỗ Thành Tượng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/07/2010	28/07/2011	03911/10S69
20991	S69-23543			Hồ Chí Hơ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	28/07/2010	28/07/2011	03912/10S69
20992	S69-23544	CM-43257		Nguyễn Văn ất	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	28/11/2011	28/11/2012	04377/11S69
20993	S69-23546	CM-21853		Nguyễn Chí Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/11/2013	06/11/2014	05690/13S69
20994	S69-23547			Trần Văn Phương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03924/10S69
20995	S69-23549			Trần Khởi Nghĩa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03926/10S69
20996	S69-23550	CM-51321		Lê Hoàng Phinh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05717/12S69
20997	S69-23552			Trần Minh Quốc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03929/10S69
20998	S69-23554	CM-51325		Nguyễn Văn Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00708/12S69
20999	S69-23555			Phạm Văn Khởi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03932/10S69
21000	S69-23556			Trương Văn LuôL	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03933/10S69
21001	S69-23557			Lê Minh Chánh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03934/10S69
21002	S69-23558			Lê Văn Hoàng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03935/10S69
21003	S69-23559	CM-51330		Trịnh Quốc Nguyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03936/10S69
21004	S69-23560	CM-51331		Nguyễn Chí Đệ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00697/12S69
21005	S69-23561	CM-51332		Nguyễn Văn Khởi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03323/12S69
21006	S69-23562	CM-51334		Nguyễn Trường Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05702/12S69
21007	S69-23563	CM-51335		Huỳnh Thanh Đạm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02982/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21008	S69-23564	CM-51337		Trình Văn Đen	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	06/08/2012	06/08/2013	00945/12V83
21009	S69-23565			Võ Minh Huyền	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03942/10S69
21010	S69-23566			Đặng Văn Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03943/10S69
21011	S69-23567	CM-21858		Hồ Văn Lập	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	22/03/2013	22/03/2014	01943/13S69
21012	S69-23568	CM-21856		Phạm Văn Trắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05456/12S69
21013	S69-23569	CM-21857		Lê Tuấn Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10236/12S69
21014	S69-23570	CM-21863		Trương Phùng Thắng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	21/11/2012	21/11/2013	07164/12S69
21015	S69-23571			Mã Hoàng Hén	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	03948/10S69
21016	S69-23572	CM-21855		Nguyễn Văn Lăm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08495/12S69
21017	S69-23573			Trương Anh Tiến	Tân Phú, Huyện Thới Bình	04/07/2010	04/07/2011	03966/10S69
21018	S69-23574			Nguyễn Văn Hiền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/07/2010	29/07/2011	03967/10S69
21019	S69-23575	CM-43260		Lê Văn Hùm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/06/2011	30/06/2012	02214/11S69
21020	S69-23576	CM-		Nguyễn Chí Hoà	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	30/07/2010	30/07/2011	03978/10S69
21021	S69-23577			Dương Minh Thù	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03985/10S69
21022	S69-23578			Huỳnh Văn Tâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03986/10S69
21023	S69-23579			Hồng Dân Dạng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03987/10S69
21024	S69-23580			Bùi Văn Vệ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03988/10S69
21025	S69-23581	CM-87243		Lê Thanh Thiện	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02869/13S69
21026	S69-23582			Nguyễn Văn Hùng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03990/10S69
21027	S69-23583	CM-87259		Ngô Văn Tám	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/12/2014	09/12/2015	03270/14S69
21028	S69-23584			Nguyễn Văn Ngoan	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03992/10S69
21029	S69-23585			Hồ Văn Giao	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03993/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21030	S69-23586			Huỳnh Văn Linh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03994/10S69
21031	S69-23587	CM-87246		Huỳnh Trọng Hiếu	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04334/13S69
21032	S69-23588			Huỳnh Văn Hóa	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03996/10S69
21033	S69-23589			Nguyễn Văn Thi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03997/10S69
21034	S69-23590			Lê Mỹ Nhân	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	03998/10S69
21035	S69-23591	CM-87251		Trương Văn Khởi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04335/13S69
21036	S69-23592			Lâm Văn Hưng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	04000/10S69
21037	S69-23593			Trần Thanh Hùng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	04001/10S69
21038	S69-23595			Nguyễn Thắng Em	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	04003/10S69
21039	S69-23596			Sơn Thi Hưng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	04004/10S69
21040	S69-23597			Nguyễn Văn Tuồng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03256/12S69
21041	S69-23598			Phạm Văn à	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	04006/10S69
21042	S69-23599			Lê Trường Sa	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/07/2010	30/07/2011	04007/10S69
21043	S69-23600	CM-87252		Nguyễn Văn Hoàng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04333/13S69
21044	S69-23601	CM-51316		Lữ Hoàng Khởi	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	06/07/2011	06/01/2012	02194/11S69
21045	S69-23603			Lê Văn ở	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	02/08/2010	02/02/2011	04012/10S69
21046	S69-23605	CM-21871		Nguyễn Hoàng Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01226/13S69
21047	S69-23606			Nguyễn Thanh Bình	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03267/11S69
21048	S69-23607			Võ Hồng Minh	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	04/08/2010	04/08/2011	04027/10S69
21049	S69-23608			Tô út Mười	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	04/08/2010	02/08/2011	04031/10S69
21050	S69-23609			Trần Văn ánh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2010	04/08/2011	04032/10S69
21051	S69-23610	CM-90130		Hà Văn Thảo	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	18/12/2013	18/12/2014	06242/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21052	S69-23613			Phạm Huy Trường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03424/12S69
21053	S69-23614			Phan Văn Rễn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04042/10S69
21054	S69-23615			Lê Văn Vũ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04043/10S69
21055	S69-23616			Lê Thành Tâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04044/10S69
21056	S69-23617			Phạm Hoàng Lắm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04045/10S69
21057	S69-23618			Trần Hoàng Mến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04046/10S69
21058	S69-23619			Nguyễn Văn Quốc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04047/10S69
21059	S69-23620			Lê Chí Cường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04048/10S69
21060	S69-23621			Trần Văn Bích	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04049/10S69
21061	S69-23622			Phạm Văn Ngãi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04050/10S69
21062	S69-23623			Trần Văn Tia	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04051/10S69
21063	S69-23624			Lê Văn Hăng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04052/10S69
21064	S69-23625			Phạm Văn Thống	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04053/10S69
21065	S69-23626			Trần Phi Học	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04054/10S69
21066	S69-23627			Nguyễn Văn Uyên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04055/10S69
21067	S69-23628			Phan Văn Khỏe	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04056/10S69
21068	S69-23629			Nguyễn Kiều Diễm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04057/10S69
21069	S69-23630			Lê Tấn Lực	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04058/10S69
21070	S69-23631	CM-87374		Nguyễn Văn Sơn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/06/2012	24/06/2013	03209/12S69
21071	S69-23632	CM-87373		Nguyễn Văn Đẹp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03200/12S69
21072	S69-23633			Lê Văn Chiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04061/10S69
21073	S69-23634			Trần Văn Kiêm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04062/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21074	S69-23635			Phạm Văn Bắc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04063/10S69
21075	S69-23636			Nguyễn Văn Vũ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04064/10S69
21076	S69-23637	CM-87336		Trần Văn Dũng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	16/07/2012	16/07/2013	03831/12S69
21077	S69-23638			Trần Văn Có	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04066/10S69
21078	S69-23639			Phạm Văn Thiện	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04067/10S69
21079	S69-23640			Tăng Văn Dương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04068/10S69
21080	S69-23641			Trần Văn Thành	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04069/10S69
21081	S69-23642			Phạm Trọng Thâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04070/10S69
21082	S69-23643			Nguyễn Thanh Vũ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04071/10S69
21083	S69-23644			Trần Văn Công	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04072/10S69
21084	S69-23645	CM-87376		Huỳnh Văn Triều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03201/12S69
21085	S69-23646	CM-87389		Mã Ngọc ẩn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03216/12S69
21086	S69-23647	CM-87388		Lương Văn Bền	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04242/12S69
21087	S69-23648	CM-87345		Huỳnh Văn Mung	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03223/12S69
21088	S69-23649			Nguyễn Văn Tho	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04077/10S69
21089	S69-23650	CM-82386		Lê Văn Thọ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03192/12S69
21090	S69-23651			Phan Văn Hận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04079/10S69
21091	S69-23652			Văn Thanh Phố	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04080/10S69
21092	S69-23653			Nguyễn Văn Tâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04081/10S69
21093	S69-23654			Nguyễn Văn Ngoan	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04082/10S69
21094	S69-23655			Cao Hồng Tươi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04083/10S69
21095	S69-23656			Hình ích An	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04084/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21096	S69-23657	CM-87342		Phạm Hoàng Em	Khánh Tiến, Huyện U Minh	16/07/2012	16/07/2013	03830/12S69
21097	S69-23658			Trần Quốc Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04086/10S69
21098	S69-23659			Bùi Văn Đoàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04087/10S69
21099	S69-23660			Nguyễn Văn Chum	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04088/10S69
21100	S69-23661			Đặng Văn Đố	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04089/10S69
21101	S69-23662			Nguyễn Quốc Việt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04090/10S69
21102	S69-23663			Nguyễn Hoàng Tuấn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04091/10S69
21103	S69-23664			Nguyễn Minh Cảnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04092/10S69
21104	S69-23665			Dương Văn Bi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04093/10S69
21105	S69-23666			Dương Tuyết Nga	Khánh Tiến, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02871/13S69
21106	S69-23667			Ngô Quốc Anh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04095/10S69
21107	S69-23668			Lê Thành Công	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04096/10S69
21108	S69-23669			Lê Văn Tới	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04097/10S69
21109	S69-23670			Ngô Văn Quý	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04098/10S69
21110	S69-23671			Nguyễn Văn Đảm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04099/10S69
21111	S69-23672			Nguyễn Văn Hương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04100/10S69
21112	S69-23673			Nguyễn Văn My	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04101/10S69
21113	S69-23674			Nguyễn Văn Thới	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04102/10S69
21114	S69-23675			Nguyễn Văn Minh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04103/10S69
21115	S69-23676			Trần Hải Đăng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04104/10S69
21116	S69-23677			Trần Văn út	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04105/10S69
21117	S69-23678	CM-87268		Huỳnh Phước Hải	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03213/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21118	S69-23679			Phạm Thế Dũng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04107/10S69
21119	S69-23680	CM-87379		Đặng Văn Vạng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03210/12S69
21120	S69-23681			Trần Văn Khởi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04109/10S69
21121	S69-23682			Nguyễn Văn Cu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04110/10S69
21122	S69-23683			Võ Hoàng Văn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04111/10S69
21123	S69-23684			Phạm Văn Col	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04112/10S69
21124	S69-23685			Trần Văn Toán	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04113/10S69
21125	S69-23686			Ngô Văn Trung	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04114/10S69
21126	S69-23687			Trần Văn Thích	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04115/10S69
21127	S69-23688			Trần Văn Trãi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04116/10S69
21128	S69-23689			Đặng Văn Cụng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04117/10S69
21129	S69-23690			Lê Văn Tèo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04118/10S69
21130	S69-23691			Nguyễn Văn Phơ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04243/12S69
21131	S69-23692			Lê Trọng Hữu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04120/10S69
21132	S69-23693			Lê Văn Lâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04121/10S69
21133	S69-23694			Châu Văn Phinh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04122/10S69
21134	S69-23695			Đặng Minh út	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04123/10S69
21135	S69-23696			Đỗ Thanh Phong	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/06/2011	04124/10S69
21136	S69-23697			Nguyễn Văn Đật	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/06/2011	04125/10S69
21137	S69-23698			Nguyễn Văn Hùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04126/10S69
21138	S69-23699			Bùi Văn Lọng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04127/10S69
21139	S69-23700			Thái Văn Bình	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04128/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21140	S69-23701			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04129/10S69
21141	S69-23702			Huỳnh Xa Rơ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04130/10S69
21142	S69-23703			Cao Minh Dũng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04131/10S69
21143	S69-23704			Ngô Văn Lành	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	06/08/2011	04132/10S69
21144	S69-23705			Đặng Thị Rô	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04133/10S69
21145	S69-23706			Từ Minh Hạp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04134/10S69
21146	S69-23707			Nguyễn Văn Búp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04135/10S69
21147	S69-23708			Nguyễn Văn Miên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04136/10S69
21148	S69-23709			Lê Chí Tình	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04137/10S69
21149	S69-23710			Nguyễn Văn Sin	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04138/10S69
21150	S69-23711			Nguyễn Long Riêl	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01539/13S69
21151	S69-23712			Phạm Văn Thanh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04140/10S69
21152	S69-23713			Lê Văn Tâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04141/10S69
21153	S69-23714			Bùi Trường Giang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04142/10S69
21154	S69-23715	CM-87307		Quảng Văn Loan	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03212/12S69
21155	S69-23716	CM-87308		Nguyễn Văn Rớt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/06/2012	24/06/2013	03204/12S69
21156	S69-23717	CM-87310		Huỳnh Văn Thời	Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/06/2012	24/06/2013	03205/12S69
21157	S69-23718			Huỳnh Văn Dư	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04146/10S69
21158	S69-23719			Bùi Văn Thảo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04147/10S69
21159	S69-23720			Trần Văn Thừa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04148/10S69
21160	S69-23721			Trần Văn Hoàng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04149/10S69
21161	S69-23722	CM-87302		Nguyễn Quốc Yên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/06/2012	24/06/2013	03202/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21162	S69-23723			Nguyễn Văn Kiệm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04151/10S69
21163	S69-23724			Lê Văn Cường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04152/10S69
21164	S69-23725			Nguyễn Văn Mâu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04153/10S69
21165	S69-23726			Nguyễn Thúy Vân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04154/10S69
21166	S69-23727			Cao Thành Trung	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04155/10S69
21167	S69-23728			Chung Trường Hận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04156/10S69
21168	S69-23729			Nguyễn Hoàng Thắng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04157/10S69
21169	S69-23730			Nguyễn Văn Mích	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04158/10S69
21170	S69-23731			Lê Văn Hối	Khánh tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04159/10S69
21171	S69-23732			Trần Văn Ninh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04160/10S69
21172	S69-23733	CM-87312		Võ Văn Hạnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/06/2012	24/06/2013	03208/12S69
21173	S69-23734			Lê Văn Khởi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04162/10S69
21174	S69-23735			Trần Văn Hồi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04163/10S69
21175	S69-23736	CM-87315		Tiêu Văn Một	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03217/12S69
21176	S69-23737			Nguyễn Văn Tân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04165/10S69
21177	S69-23738			Đoàn Văn Nam	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04166/10S69
21178	S69-23739			Ngô Văn Quận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04167/10S69
21179	S69-23740			Nguyễn Văn To	Khaqnhs Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04168/10S69
21180	S69-23741			Nguyễn Khắc Đình	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04169/10S69
21181	S69-23742			Chu Văn Tín	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04170/10S69
21182	S69-23743	CM-87402		Nguyễn Văn Phục	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03218/12S69
21183	S69-23744			Huỳnh VănThảo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04172/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21184	S69-23745			Lê Văn Quang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04173/10S69
21185	S69-23746			Lê Thanh Huy	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04174/10S69
21186	S69-23747			Trần Duy Bảo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04175/10S69
21187	S69-23748			Nguyễn Văn Cả	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04176/10S69
21188	S69-23749			Lê Văn Kiểng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04177/10S69
21189	S69-23750			Trần Văn Tước	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04178/10S69
21190	S69-23751			Lê Minh Trí	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04179/10S69
21191	S69-23752			Trương Văn Nin	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04180/10S69
21192	S69-23753			Phan Văn Quang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04181/10S69
21193	S69-23754	CM-87328		Trần Văn Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	16/07/2012	16/07/2013	03832/12S69
21194	S69-23755			Huỳnh Văn Hiền	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04183/10S69
21195	S69-23756			Phạm Hoa Cà	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04184/10S69
21196	S69-23757			Phạm Hùng Cường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01543/13S69
21197	S69-23758			Lê Quốc Khánh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04186/10S69
21198	S69-23759			Đỗ Hoàng Tự	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04187/10S69
21199	S69-23760	CM-87408		Nguyễn Văn Lòng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2012	03184/12S69
21200	S69-23761			Võ Văn Phụng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04189/10S69
21201	S69-23762			Phan Văn Quân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04190/10S69
21202	S69-23763			Dương Văn Thọ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04191/10S69
21203	S69-23764			Lê chí Nguyễn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04192/10S69
21204	S69-23765			Nguyễn Duy	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04193/10S69
21205	S69-23766			Nguyễn Văn út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	05/08/2010	05/08/2011	04197/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21206	S69-23767			Đặng Văn Tốt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	05/08/2010	05/08/2011	04198/10S69
21207	S69-23768			Nguyễn Minh Lành	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	20/07/2010	20/07/2011	04202/10S69
21208	S69-23769			Lê Hoàng Đảm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/08/2010	09/08/2011	04212/10S69
21209	S69-23770			Lê Hoàng Đang	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/08/2010	09/08/2011	04213/10S69
21210	S69-23771	CM-66205		Dương Văn Hà	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2011	24/09/2012	03383/11S69
21211	S69-23772	CM-66206		Nguyễn Văn Tiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/08/2014	11/08/2015	02161/14S69
21212	S69-23773	CM-87262		Lê Văn Khởi	Khánh An, Huyện U Minh	07/05/2015	07/11/2015	00851/15S69
21213	S69-23774			Nguyễn Chí Nguyễn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	12/08/2011	04234/10S69
21214	S69-23775			Nguyễn Tấn Đoàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04235/10S69
21215	S69-23776			Huỳnh Bé Hai	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	00970/12S69
21216	S69-23777			Trần Văn Nhân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04237/10S69
21217	S69-23778	CM-90133		Trần Văn Mừng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2014	10/09/2015	02496/14S69
21218	S69-23779			Trần Văn Phải	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04239/10S69
21219	S69-23780			Nguyễn Văn Dậm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04240/10S69
21220	S69-23781			Nguyễn Văn Cưu	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04241/10S69
21221	S69-23782			Lê Thanh Ngoãn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04242/10S69
21222	S69-23783			Trần Thanh Tân	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	06/01/2012	06/01/2013	00085/12S69
21223	S69-23784			Phan Văn Lành	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04244/10S69
21224	S69-23785			Lê Dũng Biên	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2010	10/08/2011	04245/10S69
21225	S69-23787	CM-21883		Trần Thanh Phương	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	06/10/2014	06/10/2015	02700/14S69
21226	S69-23788			Nguyễn Minh Luân	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	12/08/2010	12/08/2011	04268/10S69
21227	S69-23789			Huỳnh Hắc Mây	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2010	04/08/2011	04272/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21228	S69-23790			Lê Công Tấn	xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	13/08/2010	13/08/2011	04277/10S69
21229	S69-23791			Hồng Văn Hây	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	12/08/2010	12/08/2011	04278/10S69
21230	S69-23792			Biện Văn Nhỏ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	12/08/2010	12/08/2011	04279/10S69
21231	S69-23793	CM-43261		Quách Văn Điền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/02/2015	09/02/2016	00306/15S69
21232	S69-23794	CM-43263		Trần Hoàng Cảnh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/09/2011	12/09/2012	03178/11S69
21233	S69-23795			Trương Văn Lên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/08/2010	13/08/2011	04283/10S69
21234	S69-23796	CM-21907		Quách văn Đặng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	30/01/2011	30/01/2012	00059/11V69
21235	S69-23797			Nguyễn Văn Biên	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	13/08/2010	13/08/2011	04286/10S69
21236	S69-23798			Lê Phú Trung	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2010	12/08/2011	04287/10S69
21237	S69-23799			Cái Văn Tám	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/08/2010	12/08/2011	04288/10S69
21238	S69-23800			Huỳnh Văn Thuận	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04292/10S69
21239	S69-23801			Phan Duy Hải	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04293/10S69
21240	S69-23802			Trần Chi Lăng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04294/10S69
21241	S69-23803			Trần Chi Lăng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04295/10S69
21242	S69-23804			Phan Thành Nam	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04296/10S69
21243	S69-23805			Trần Mến Anh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04297/10S69
21244	S69-23806			Nguyễn Văn Gọn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04298/10S69
21245	S69-23807			Lê Văn Đảo	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04299/10S69
21246	S69-23808			Lâm Thanh Hồng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04300/10S69
21247	S69-23809	CM-90152		Lê Hoàng Giang	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	18/08/2011	18/08/2012	02781/11S69
21248	S69-23810			Lê Thị Hằng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04302/10S69
21249	S69-23811			Lê Ngọc Biết	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04303/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21250	S69-23812			Đỗ Minh Cảnh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04304/10S69
21251	S69-23813			Lê Minh Đạm	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04305/10S69
21252	S69-23814			Trương Văn Mẽ	Kánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04306/10S69
21253	S69-23815			Nguyễn Văn Trí	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04307/10S69
21254	S69-23816			Trần Xuân Quýt	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04308/10S69
21255	S69-23817			Dương Tấn Guơng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04309/10S69
21256	S69-23818			Trần Hoàng Việt	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04310/10S69
21257	S69-23819			Trần Thanh Đoàn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04311/10S69
21258	S69-23820			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04312/10S69
21259	S69-23821			Trịnh Hồng Thẩm	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04313/10S69
21260	S69-23822			Trần Trung Kiên	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04314/10S69
21261	S69-23823			Nguyễn Văn Kiệt	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04315/10S69
21262	S69-23824			Trịnh Công Danh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04316/10S69
21263	S69-23825			Nguyễn Văn Dương	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04317/10S69
21264	S69-23826			Trần Văn Hùng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04318/10S69
21265	S69-23827	CM-21877		Bùi Trường Giang	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	23/09/2014	23/09/2015	02605/14S69
21266	S69-23829			Trần Hoài Phương	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2010	12/08/2011	04330/10S69
21267	S69-23831			Văn Tiến Mãi	Chùa Hưng Nghĩa Tự, Huyện Cái Nước	12/08/2010	12/08/2011	04332/10S69
21268	S69-23832	CM-72140		Nguyễn Ngọc Mật	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	14/03/2012	14/03/2013	01006/12S69
21269	S69-23833			Huỳnh Văn Huynh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04342/10S69
21270	S69-23834	CM-21896		Trần Ngọc Phưởng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2012	16/09/2013	04780/12S69
21271	S69-23835			Phạm Ngọc Hù	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04344/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21272	S69-23836			Nguyễn Văn Tâm	Nguyễn Việt Khải, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04345/10S69
21273	S69-23837	CM-72108		Nguyễn Phúc Đông	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2015	16/01/2016	00127/15S69
21274	S69-23838	CM-72116		Lâm Công Khanh	Phú Tân, Huyện Phú Tân	28/11/2012	28/11/2013	07812/12S69
21275	S69-23839			Lê Văn Diện	Nguyễn Việt Khải, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04348/10S69
21276	S69-23840	CM-72107		Võ Trọng Long	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03258/11S69
21277	S69-23841	CM-72117		Ông Văn Tỷ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/10/2012	16/10/2013	05503/12S69
21278	S69-23842	CM-72115		Trần Hoàng Khải	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/10/2011	16/10/2012	03722/11S69
21279	S69-23843			Đinh Thanh Quảng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04352/10S69
21280	S69-23844			Nguyễn Văn Triều	Nguyễn Việt Khải, Huyện Phú Tân	16/08/2010	16/08/2011	04353/10S69
21281	S69-23845	CM-72110		Lê Văn Tân	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00594/13S69
21282	S69-23846	CM-21884	Ba Xuyên	Trần Văn Hòa	K6, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	30/11/2012	30/11/2013	07907/12S69
21283	S69-23847	CM-21881		Nguyễn Văn Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05791/12S69
21284	S69-23848			Trương Văn Dinh	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	19/08/2010	19/08/2011	04375/10S69
21285	S69-23850	CM-21882		Nguyễn Hoàng Nha	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	01/02/2013	01/02/2014	01214/13S69
21286	S69-23851			Trịnh Trí Tài	Đất Mới, Huyện Năm Căn	19/08/2010	19/08/2011	04378/10S69
21287	S69-23852			Lâm Hữu Phần	Định Bình, Thành phố Cà Mau	16/08/2010	16/08/2011	04381/10S69
21288	S69-23853			Trịnh Văn Hơ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2010	28/07/2011	04382/10S69
21289	S69-23854			Đỗ Hữu Phần	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04384/10S69
21290	S69-23855	CM-21903		Trần Văn Phải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00701/13S69
21291	S69-23856	CM-21904		Nguyễn Văn Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2012	20/08/2013	04494/12S69
21292	S69-23857			Bông Minh Quân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04389/10S69
21293	S69-23858			Đào Văn Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04390/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21294	S69-23859			Tô Văn Đẩu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04391/10S69
21295	S69-23860			Khổng Văn Khén	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04392/10S69
21296	S69-23861	CM-21911		Lê Văn Kê	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/10/2012	06/10/2013	05360/12S69
21297	S69-23862			Trà Kim Ngân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04394/10S69
21298	S69-23863	CM-61327		Trần Văn Nguyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03912/11S69
21299	S69-23864			Hồ Văn Mộc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04396/10S69
21300	S69-23865	CM-61325		Đỗ Minh Động	Đất Mới, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02385/14S69
21301	S69-23866	CM-61324		Lê Văn Tèo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03329/11S69
21302	S69-23867	CM-61323		Hồ Minh Đảm	Vạn Nam, Huyện Năm Căn	20/08/2011	20/08/2012	02857/11S69
21303	S69-23868			Lê Thanh Thy	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04400/10S69
21304	S69-23869			Đỗ Thanh Dũng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04401/10S69
21305	S69-23870	CM-61320		Nguyễn Thanh Phong	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/11/2011	23/11/2012	04322/11S69
21306	S69-23871			Thái Minh Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/08/2010	24/08/2011	04403/10S69
21307	S69-23872			Nguyễn Thanh Bình	TT Năm căn, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04404/10S69
21308	S69-23873	CM-61307		Nguyễn Minh Sử	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/04/2014	24/04/2015	01105/14S69
21309	S69-23874			Phạm Văn Tồn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04406/10S69
21310	S69-23875	CM-61316		Trương út Lớn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/10/2011	27/10/2012	03871/11S69
21311	S69-23876	CM-61315		Phạm Văn Thêm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2011	20/08/2012	02849/11S69
21312	S69-23877			Huỳnh Văn Mười	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04409/10S69
21313	S69-23879			Lê Văn Khởi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04411/10S69
21314	S69-23880			Nguyễn Văn Oai	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04412/10S69
21315	S69-23881	CM-61309		Nguyễn Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03913/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21316	S69-23882			Nguyễn Vũ Hiện	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04414/10S69
21317	S69-23884			Vương Châu Nhân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04416/10S69
21318	S69-23885	CM-61304		Quách Hoàng Thanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	31/03/2015	31/03/2016	00625/15S69
21319	S69-23886			Tạ Vũ Lâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04418/10S69
21320	S69-23887			Cao Văn Sô	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04419/10S69
21321	S69-23888	CM-61301		Bùi Minh Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04294/11S69
21322	S69-23889			Phạm Bình Trung	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04421/10S69
21323	S69-23890			Cao Văn Sô	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04422/10S69
21324	S69-23891	CM-61297		Nguyễn Minh Nhật	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05851/13S69
21325	S69-23892	CM-61296		Võ Văn Minh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2011	20/08/2012	02869/11S69
21326	S69-23893	CM-61295		Huỳnh Văn Đoàn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	26/12/2013	26/12/2014	06392/13S69
21327	S69-23894			Ngô Hoàng Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04426/10S69
21328	S69-23895	CM-61313		Bùi Văn Luyến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2015	20/05/2016	00942/15S69
21329	S69-23896	CM-61314		Lê Văn Chờ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2015	20/06/2016	01136/15S69
21330	S69-23897			Đỗ Hữu Đoàn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2010	20/08/2011	04447/10S69
21331	S69-23898			Nguyễn Văn Môn	xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	23/08/2010	23/08/2011	04448/10S69
21332	S69-23899			Hồ Văn Hiếu	Khóm 7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	24/08/2010	24/08/2011	04453/10S69
21333	S69-23900			Nguyễn Quốc Bình	Khóm 1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	24/08/2010	24/08/2011	04454/10S69
21334	S69-23901			CtyTNHH1 Thành Viên & DVTM Trần Dương	Phường 8, Thành phố Cà Mau	24/08/2010	24/08/2011	04455/10S69
21335	S69-23902			Đặng Thống Nhứt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	25/08/2010	25/08/2011	04465/10S69
21336	S69-23903	CM-21902		Đỗ Văn Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2012	06/09/2013	04706/12S69
21337	S69-23905			Phạm Văn Đông	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04468/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21338	S69-23906	CM-21931		Nguyễn Văn Chiêu	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01165/13S69
21339	S69-23907			Trương Hoàng Dân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04470/10S69
21340	S69-23908	CM-21924		Phan Quốc Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2011	24/08/2012	03081/11S69
21341	S69-23909	CM-21930		Phương Văn Chiến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04318/12S69
21342	S69-23911	CM-21943		Nguyễn Thanh Nhanh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2011	24/09/2012	03381/11S69
21343	S69-23913	CM-21920		Trần Văn Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05629/12S69
21344	S69-23914			Võ Văn Mến	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04477/10S69
21345	S69-23915			Huỳnh Văn Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04478/10S69
21346	S69-23916	CM-21923		Thái Trọng Nhân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/12/2011	01/12/2012	04648/11S69
21347	S69-23917	CM-21918		Ngô Đức Lành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/05/2012	07/05/2013	02003/12S69
21348	S69-23918			Nguyễn Thắng Lợi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04481/10S69
21349	S69-23919	CM-66199		Lý Thanh Mộng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02626/12S69
21350	S69-23920	CM-66210		Vũ Hoàng Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2013	24/11/2014	05888/13S69
21351	S69-23921	CM-66208		Lâm Văn Bá	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05113/12S69
21352	S69-23922	CM-66207		Lê Minh Hải	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03650/13S69
21353	S69-23923			Nguyễn Văn Dũng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04486/10S69
21354	S69-23924			Trần Hồng Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	25/08/2010	25/08/2011	04500/10S69
21355	S69-23925	CM- 21984		Phạm Văn Sĩ	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06139/13S69
21356	S69-23929			Nguyễn Văn Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	30/08/2011	04523/10S69
21357	S69-23930			Tạ Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04524/10S69
21358	S69-23931	CM-51342		Bùi Văn Ký	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00747/12S69
21359	S69-23932			Nguyễn Văn Lực	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04526/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21360	S69-23933	CM-51344		Phường Chiến Thắng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04155/13S69
21361	S69-23934			Trần Văn Giang	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04528/10S69
21362	S69-23937			Huỳnh Ngọc Thạch	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04531/10S69
21363	S69-23938			Nguyễn Văn Đò	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04532/10S69
21364	S69-23939			Công An Huyện Đầm Dơi	Khóm 2, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04533/10S69
21365	S69-23940			Lê Thanh Hiền	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	30/08/2010	30/08/2011	04558/10S69
21366	S69-23942			Nguyễn Thanh Thừa	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2010	15/08/2011	04564/10S69
21367	S69-23943			Lê Minh Dương	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04565/10S69
21368	S69-23944			Lê Hoài Vũ	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04566/10S69
21369	S69-23945			Nguyễn Văn Ngoan	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04567/10S69
21370	S69-23946			Tạ Văn Minh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04568/10S69
21371	S69-23947			Phạm Văn Tuấn	Khánh Bình Tây bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04569/10S69
21372	S69-23948			Trần Thanh Sử	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04570/10S69
21373	S69-23949			Nguyễn Hồng Đạm	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04571/10S69
21374	S69-23950			Nguyễn Hoàng Giao	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04572/10S69
21375	S69-23951			Lê Văn Không	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04573/10S69
21376	S69-23952			Ngô Chí Công	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04574/10S69
21377	S69-23953			Nguyễn Hoàng Anh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04575/10S69
21378	S69-23954			Trần Văn Niên	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04576/10S69
21379	S69-23955			Lê Hoàng No	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04577/10S69
21380	S69-23956			Trần Văn Khởi	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04578/10S69
21381	S69-23957			Lê Văn Danh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04579/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21382	S69-23958			Trịnh Cửu Long	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04580/10S69
21383	S69-23959			Lê Thanh Hùng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04581/10S69
21384	S69-23960			Lê Văn Sơn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04582/10S69
21385	S69-23961			Nguyễn Văn Sơn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04583/10S69
21386	S69-23962			Hồ Văn Nguyệt	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04584/10S69
21387	S69-23963			Trịnh Vũ Thạo	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04585/10S69
21388	S69-23964			Huỳnh Văn Dự	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04586/10S69
21389	S69-23965			Võ Thanh Sang	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04587/10S69
21390	S69-23966			Võ Văn Buôi	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04588/10S69
21391	S69-23967			Phạm Ngọc Thuận	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04589/10S69
21392	S69-23968			Trần Văn Tài	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04590/10S69
21393	S69-23969			Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04591/10S69
21394	S69-23970			Nguyễn Văn Nối	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04592/10S69
21395	S69-23971			Nguyễn Văn Khánh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04593/10S69
21396	S69-23972			Nguyễn Văn Hiến	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04594/10S69
21397	S69-23973			Nguyễn Văn Nam	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04595/10S69
21398	S69-23974			Nguyễn Thanh Hải	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04596/10S69
21399	S69-23975			Trần Hoàng Cương	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04597/10S69
21400	S69-23976			Phan Hoàng Nhựt	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	28/08/2010	28/08/2011	04598/10S69
21401	S69-23977	CM-92002		Phạm Văn Hùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/09/2014	22/03/2015	02603/14S69
21402	S69-23981			Quách Văn Tính	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	31/08/2010	31/08/2011	04604/10S69
21403	S69-23982			Công An Huyện Đầm Dơi	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2010	28/08/2011	04605/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21404	S69-23984			Tô Ngọc Uôi	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	01/09/2010	01/09/2011	04611/10S69
21405	S69-23985			Trương Văn Trắng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04618/10S69
21406	S69-23986			Trần Quốc Triễn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04619/10S69
21407	S69-23987			Nguyễn Minh Hải	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04620/10S69
21408	S69-23988			Cao Việt Khái	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04621/10S69
21409	S69-23989			Dương Hồng Đức	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04622/10S69
21410	S69-23990			Trịnh Bình Xuyên	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04623/10S69
21411	S69-23991			Nguyễn Văn Khái	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04624/10S69
21412	S69-23992			Tạ Văn Đông	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04625/10S69
21413	S69-23993			Lý út Tuấn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04626/10S69
21414	S69-23994			Lê Minh Thành	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04627/10S69
21415	S69-23995			Lê Hải Dương	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04628/10S69
21416	S69-23996			Đinh Văn Tuấn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04629/10S69
21417	S69-23997			Nguyễn Hùng Duyên	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04630/10S69
21418	S69-23998			Nguyễn Văn Mừng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04631/10S69
21419	S69-23999	CM-22122		Nguyễn Minh Đỡ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04075/13S69
21420	S69-24000			Trần Văn Oai	Khánh Bình Tây bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04633/10S69
21421	S69-24001			Nguyễn Hoàng Dũng	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04634/10S69
21422	S69-24002			Nguyễn Thanh Điền	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04635/10S69
21423	S69-24003			Lê Minh Quyên	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04636/10S69
21424	S69-24004			Phùng Văn Phương	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04637/10S69
21425	S69-24005			Trần Văn Khởi	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04638/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21426	S69-24006			Nguyễn Văn Bi	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04639/10S69
21427	S69-24007			Tăng Hồng Hải	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04640/10S69
21428	S69-24008			Trần Quốc Khánh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04641/10S69
21429	S69-24009			Bùi Tấn Thám	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04642/10S69
21430	S69-24010			Phạm Văn Hậu	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04643/10S69
21431	S69-24011			Trần Minh Kha	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04644/10S69
21432	S69-24012			Nguyễn Thanh Mến	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04645/10S69
21433	S69-24013			Nguyễn Ngọc Hạp	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04646/10S69
21434	S69-24014			Nguyễn Văn Mãnh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04647/10S69
21435	S69-24015			Hồ Phương Nam	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04648/10S69
21436	S69-24016			Đoàn Ngọc Phúc	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04649/10S69
21437	S69-24017			Nguyễn Văn Cho	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04650/10S69
21438	S69-24019			Dương Văn Tánh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04652/10S69
21439	S69-24020			Lê Thị Rở	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04653/10S69
21440	S69-24021			Trần Văn Thâm	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04654/10S69
21441	S69-24022			Nguyễn Thanh Hải	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04655/10S69
21442	S69-24023			Trương Văn Được	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/09/2010	04/09/2011	04656/10S69
21443	S69-24025			Trần Hoàng Vũ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2010	06/09/2011	04658/10S69
21444	S69-24026			Võ Văn Mẫn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2010	06/09/2011	04659/10S69
21445	S69-24027	CM-21935		Nguyễn Văn Thuấn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02749/12S69
21446	S69-24028	CM-22022		Phạm Vũ Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	01/06/2012	01/06/2013	02599/12S69
21447	S69-24029	CM-21937		Nguyễn Tân Ân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/08/2011	09/08/2012	02815/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21448	S69-24031	CM-87426		Mã Thanh Sơn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04083/11S69
21449	S69-24032			Hứa Văn Diện	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04686/10S69
21450	S69-24033			Lâm Thái Đường	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04687/10S69
21451	S69-24034			Ngô Minh Cảnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04688/10S69
21452	S69-24035			Nguyễn Hùng Hiệu	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03254/12S69
21453	S69-24036	CM-87418		Đoàn Mộng Cẩm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02848/13S69
21454	S69-24037			Đặng Ngọc Thanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04691/10S69
21455	S69-24038			Phạm Văn Điện	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04692/10S69
21456	S69-24039			Lê Văn Tài	TT U Minh, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04693/10S69
21457	S69-24040			Nguyễn Văn Đĩnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/09/2010	10/09/2011	04694/10S69
21458	S69-24041			Cao Văn Loa	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03666/11S69
21459	S69-24042			Huỳnh Văn Hánh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04699/10S69
21460	S69-24043			Nguyễn Văn Thân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04700/10S69
21461	S69-24044			Bùi Văn Tân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03662/11S69
21462	S69-24045			Nguyễn Văn Hùng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04702/10S69
21463	S69-24046			Nguyễn Trung Kiên	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04703/10S69
21464	S69-24047	CM-90261		Nguyễn Văn Tâm	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	26/09/2011	26/09/2012	03387/11S69
21465	S69-24048			Lê Dũng Ngoãn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2010	10/09/2011	04705/10S69
21466	S69-24049	CM-90269		Văn Trung Trực	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06097/13S69
21467	S69-24053			Đỗ Minh Thủy	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04726/10S69
21468	S69-24054			Phạm Viết Bảo	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04727/10S69
21469	S69-24055			Bùi Hoàng Phép	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/09/2010	12/09/2011	04728/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21470	S69-24056	CM-61329		Trần Văn Khai	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/02/2012	20/02/2013	00622/12S69
21471	S69-24057	CM-43270		Lê Văn Toàn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/02/2012	12/02/2013	00496/12S69
21472	S69-24058			Nguyễn Văn Tám	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04731/10S69
21473	S69-24059	CM-43271		Phạm Minh Trọng	TT.Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/09/2012	12/09/2013	04760/12S69
21474	S69-24060			Huỳnh Văn Xa	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04733/10S69
21475	S69-24061	CM-43273		Lê Văn Kiến	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02704/12S69
21476	S69-24062	CM-43274		Tạ Văn Xuyên	Trần Thới, Huyện Cái Nước	23/04/2014	23/04/2015	01076/14S69
21477	S69-24063	CM-51352		Nguyễn Văn Tiến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	21/12/2011	21/12/2012	04975/11S69
21478	S69-24064			Ngô Thanh Toại	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01126/12S69
21479	S69-24065	CM-72119		Trương Hoàng Linh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	20/09/2012	20/03/2013	04890/12S69
21480	S69-24068			Lê Tứ Hải	Phường 1, Thành phố Cà Mau	19/08/2010	19/08/2011	04766/10S69
21481	S69-24069			Lý An Trường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04767/10S69
21482	S69-24070			Nguyễn Lý Nguoi	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04768/10S69
21483	S69-24071			Lý An Trường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2010	12/09/2011	04769/10S69
21484	S69-24073	CM-90271		Phạm Minh Tâm	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00149/12S69
21485	S69-24075	CCM-90222		Nguyễn Trung Tính	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/03/2012	05/03/2013	00757/12S69
21486	S69-24076			Hà Phước Huỳnh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/09/2010	16/09/2011	04782/10S69
21487	S69-24077			Phan Văn Thuộc	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04787/10S69
21488	S69-24078			Diệp Văn Sách	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04788/10S69
21489	S69-24079			Tô Điền Trung	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04789/10S69
21490	S69-24080			Đỗ Thanh Tuấn	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04790/10S69
21491	S69-24081			Trần Văn Thắng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	28/09/2011	28/09/2012	03407/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21492	S69-24082			Trà Việt Quang	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04792/10S69
21493	S69-24083			Trần Văn Sinh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04793/10S69
21494	S69-24084			Lê Chí Thanh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01138/12S69
21495	S69-24085	CM-72123		Phan Trí Mưu	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03116/13S69
21496	S69-24086	CM-72134		Nguyễn Trọng Đức	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00183/14S69
21497	S69-24087			Nguyễn Văn Huệ	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04797/10S69
21498	S69-24088	CM-72127		Tiết Văn Hồn	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07070/12S69
21499	S69-24089			Trương Việt Phúc	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04799/10S69
21500	S69-24090			Trần Văn Minh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04800/10S69
21501	S69-24091	CM-72130		Biện Văn Miến	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07076/12S69
21502	S69-24092	CM-72132		Nguyễn Văn Lil	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2015	16/01/2016	00129/15S69
21503	S69-24093			Quách Văn Mộng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04803/10S69
21504	S69-24094			Nguyễn Văn Tình	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04804/10S69
21505	S69-24095			Lư Văn Kiên	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04805/10S69
21506	S69-24096			Sơn Thiện Tuyền	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04806/10S69
21507	S69-24097			Dương Văn Tuấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	04807/10S69
21508	S69-24098			Trần Văn Vũ	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	07/11/2012	07/11/2013	06091/12S69
21509	S69-24099			Lê Chí Ngoan	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	20/09/2010	20/09/2011	04821/10S69
21510	S69-24100	CM-43276		Nguyễn Chí Nguyễn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	15/04/2014	15/04/2015	00997/14S69
21511	S69-24101	CM-21950		Trần Bình Hòa	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	04/10/2012	04/10/2013	05235/12S69
21512	S69-24102	CM-21951		Võ Thanh Sang	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	19/10/2012	19/10/2013	05529/12S69
21513	S69-24103			Nguyễn Văn Lực	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/09/2010	20/09/2011	04827/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21514	S69-24104			Phạm Văn Đức	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/09/2010	20/09/2011	04836/10S69
21515	S69-24105	CM-21992		Trần Lộc Ninh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01325/14S69
21516	S69-24106	CM-21991		Nguyễn Công Thúc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	04/07/2014	04/07/2015	01824/06S69
21517	S69-24107	CM-21965		Trần Văn Định	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	21/05/2012	21/05/2013	02213/12S69
21518	S69-24108			DNTN Nguyễn Bảo Toàn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	21/09/2010	21/09/2011	04842/10S69
21519	S69-24109			Hồ Văn Mười	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04843/10S69
21520	S69-24110	CM-21982		Nguyễn Văn Thành	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02235/13S69
21521	S69-24111			Hồng Ngọc Thắng	Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04845/10S69
21522	S69-24112	CM-21986		Nguyễn Huệ Thông	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04977/12S69
21523	S69-24113	CM-21987		Nguyễn Minh Sang	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/01/2013	24/01/2014	01169/13S69
21524	S69-24114	CM-21894		Nguyễn Tấn Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05415/12S69
21525	S69-24116			Trần Thanh Thuyền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04850/10S69
21526	S69-24117			Phan Văn Thâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04851/10S69
21527	S69-24118			Ngô Văn Đen	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04852/10S69
21528	S69-24119			Đỗ Văn Hoạch	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04853/10S69
21529	S69-24120	CM-61365		Nguyễn Quốc Khải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00697/13S69
21530	S69-24121			Nguyễn Văn Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04855/10S69
21531	S69-24122	CM-61421		Phan Thùy Ngân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06278/13S69
21532	S69-24123			Tạ Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/09/2010	20/09/2011	04857/10S69
21533	S69-24124			Lâm Kim Dung	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04858/10S69
21534	S69-24125			Đặng Thanh Nhân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04859/10S69
21535	S69-24127	CM-61372		Vương Trung Quý	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05856/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21536	S69-24128	CM-61356		Đặng Kiều Nhân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07229/12S69
21537	S69-24129			Nguyễn Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04863/10S69
21538	S69-24130	CM-61358		Phạm Công Danh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03321/11S69
21539	S69-24131			Nguyễn Thành Danh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04865/10S69
21540	S69-24132			Nguyễn Văn Điệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04866/10S69
21541	S69-24133			Đỗ Văn Hoạch	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04867/10S69
21542	S69-24134	CM-51354		Trần Tuyết Mai	Khóm 4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	09/09/2012	09/09/2013	04713/12S69
21543	S69-24135			Nguyễn Văn Thảo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04869/10S69
21544	S69-24136			Võ Minh Trí	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04870/10S69
21545	S69-24139			Thái Văn Hết	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04873/10S69
21546	S69-24140			Trương Minh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04874/10S69
21547	S69-24141	CM-61353		Đỗ Ngọc Điện	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03330/11S69
21548	S69-24142			Khổng Văn Hấu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04876/10S69
21549	S69-24143			Nguyễn Minh Thư	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04877/10S69
21550	S69-24144			Đinh Thanh Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04878/10S69
21551	S69-24145			Phan Thành Đoàn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04879/10S69
21552	S69-24146			Nguyễn Trường Hận	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04880/10S69
21553	S69-24147	CM-61338		Nguyễn Thanh Dũng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03922/11S69
21554	S69-24149			Nguyễn Văn Tèo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2010	20/09/2011	04883/10S69
21555	S69-24150	CM-61340		Trần Quốc Sỹ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02223/13S69
21556	S69-24151	CM-61341		Ngô Hải Đăng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01642/14S69
21557	S69-24152	CM-61342		Nguyễn Văn Thuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02429/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21558	S69-24153	CM-61354		Nguyễn Văn Nhuộm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04625/11S69
21559	S69-24155	CM-61360		Đình Văn Tú	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2012	21/05/2013	02203/12S69
21560	S69-24156	CM-21980		Võ Phong Thái	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05558/12S69
21561	S69-24157	CM-21970		Phan Thanh Xiêm	xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/11/2012	22/11/2013	07410/12S69
21562	S69-24158			Nguyễn Văn Môn	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	21/09/2010	21/09/2011	04924/10S69
21563	S69-24159			Cty TNHH Hùng Hải	165 Nguyễn Tất Thành, P8, Thành phố Cà Mau	22/09/2010	22/09/2011	04926/10S69
21564	S69-24160			Cty TNHH Hùng Hải	165 Nguyễn Tất Thành, P8, Thành phố Cà Mau	22/09/2010	22/09/2011	04927/10S69
21565	S69-24161			Cty TNHH Hùng Hải	165 Nguyễn Tất Thành, P8, Thành phố Cà Mau	22/09/2010	22/09/2011	04928/10S69
21566	S69-24162			Cty TNHH Hùng Hải	165 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Cà Mau	20/09/2013	20/09/2014	04452/13S69
21567	S69-24163			Cty TNHH Hùng Hải	165 Nguyễn Tất Thành, P8, Thành phố Cà Mau	22/09/2010	22/09/2011	04930/10S69
21568	S69-24164			Cty TNHH Hùng Hải	165 Nguyễn Tất Thành, P8, Thành phố Cà Mau	22/09/2010	22/09/2011	04931/10S69
21569	S69-24166			Nguyễn Thế Nhân	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	22/09/2010	22/09/2011	04940/10S69
21570	S69-24167			Nguyễn Trọng My	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	22/09/2010	22/09/2011	04941/10S69
21571	S69-24168			Lê Văn Luận	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	22/09/2010	22/09/2011	04942/10S69
21572	S69-24169			Đặng Văn Đoàn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	22/09/2010	22/09/2011	04943/10S69
21573	S69-24170			Nguyễn Văn Tèo	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	22/09/2010	22/09/2011	04944/10S69
21574	S69-24175			Đỗ Văn Nhứt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	22/09/2010	22/09/2011	04957/10S69
21575	S69-24176			Diệp Đức Hiếu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2010	24/09/2011	04958/10S69
21576	S69-24177			Nguyễn Long	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2010	24/09/2011	04959/10S69
21577	S69-24178			Tạ Văn Triều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2010	24/09/2011	04960/10S69
21578	S69-24179	CM-21966		Huỳnh Văn Năng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09620/12S69
21579	S69-24180			Nguyễn Việt Thanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2010	24/09/2011	04962/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21580	S69-24181	CM-22002		Nguyễn Thái Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01229/13S69
21581	S69-24182	CM-66218		Đào Quốc Quy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/03/2012	29/03/2013	01244/12S69
21582	S69-24183			Trần Thanh Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2010	24/09/2011	04965/10S69
21583	S69-24186	CM-66223		Nguyễn Thanh Hoà	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/10/2011	09/10/2012	03607/11S69
21584	S69-24187	CM-66222		Lưu Văn Non	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2013	24/11/2014	05885/13S69
21585	S69-24188			Cty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Hoàng Anh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	25/09/2010	25/09/2011	04981/10S69
21586	S69-24189			Cty TNHH Một Thành Viên Xây Dựng Hoàng Anh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	24/09/2010	24/09/2011	04982/10S69
21587	S69-24190			Liều A Hòa	Trần Thới, Huyện Cái Nước	28/09/2010	28/09/2011	04990/10S69
21588	S69-24191			Cao Văn Bậm	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	28/09/2010	28/09/2011	04991/10S69
21589	S69-24192	CM-79132		Lê Minh Hải	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	14/04/2014	14/04/2015	00985/14S69
21590	S69-24193			Yên Huệ	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	28/09/2010	28/09/2011	04993/10S69
21591	S69-24194			Trần Quốc Khải	Phường 7, Thành phố Cà Mau	29/09/2010	29/09/2011	04994/10S69
21592	S69-24195			Nguyễn Thanh Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	04995/10S69
21593	S69-24196			Trần Hoàng Kết	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	04996/10S69
21594	S69-24198	CM-22010		Phạm Văn Tân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05183/12S69
21595	S69-24199	CM-22012		Nguyễn Văn Uôi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09176/12S69
21596	S69-24200	CM-22011		Phạm Công Mức	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00693/12S69
21597	S69-24201			Dương Văn Liễu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05001/10S69
21598	S69-24202			Lâm Văn Hiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05002/10S69
21599	S69-24203	CM-51363		Lê Văn Nhính	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03493/11S69
21600	S69-24204			Tạ Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05004/10S69
21601	S69-24205	CM-51361		Trương Minh Lợi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04498/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21602	S69-24206	CM-51360		Trình Lý Đáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	30/07/2015	30/07/2016	01455/15S69
21603	S69-24207	CM-51359		Nguyễn Văn Đảo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05181/12S69
21604	S69-24208			Nguyễn Văn Lâu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05008/10S69
21605	S69-24209			Huỳnh Văn Ri	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05009/10S69
21606	S69-24210	CM-51356		Tạ Thanh Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08545/12S69
21607	S69-24211	CM-51355		Phạm Thị Tiên	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	11/02/2014	11/02/2015	00381/14S69
21608	S69-24212			Phạm Hoài Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05012/10S69
21609	S69-24216	CM-21994		Nguyễn Văn Phong	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00818/12S69
21610	S69-24217	CM-21995		Ngô Hùng Cường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05632/12S69
21611	S69-24218	CM-22015		Lý Hiền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05775/12S69
21612	S69-24219	CM-22016		Tạ Văn Tiên	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05781/12S69
21613	S69-24220			Bùi Văn Thừa	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05056/10S69
21614	S69-24221			Lê Văn Nhiều	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05057/10S69
21615	S69-24222			Võ Tấn Đạt	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05058/10S69
21616	S69-24223			Huỳnh Văn Chí	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05059/10S69
21617	S69-24224			Đoái Hoàng Vũ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05060/10S69
21618	S69-24225			Trương Văn Thôn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05061/10S69
21619	S69-24226			Trần Văn Tâm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05062/10S69
21620	S69-24227			Trương Minh Thừa	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05063/10S69
21621	S69-24228			Nguyễn Thanh Mật	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05064/10S69
21622	S69-24229			Huỳnh Thanh Bình	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/09/2010	29/09/2011	05065/10S69
21623	S69-24230			Nguyễn Thanh Hùng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	18/11/2011	18/11/2012	04247/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21624	S69-24231			Nguyễn Linh Nghiệm	Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	28/09/2010	28/09/2011	05082/10S69
21625	S69-24232			Lê Văn Du	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	01/10/2010	01/10/2011	05084/10S69
21626	S69-24233	CM-90320		Nguyễn Việt Thanh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	30/09/2011	30/09/2012	03518/11S69
21627	S69-24234	CM-22004		Cty TNHH Minh Khang	Phường 5, Thành phố Cà Mau	24/08/2015	24/08/2016	01217/15S65
21628	S69-24235	CM-43285		Đặng Việt Quân	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	08/04/2014	08/04/2015	00914/14S69
21629	S69-24236			Từ Văn Lập	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05090/10S69
21630	S69-24237			Lý Văn út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05102/10S69
21631	S69-24238	CM-43287		Phạm Văn Đông	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05093/12S69
21632	S69-24239	CM-24239		Ngô Công Văn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/10/2011	30/09/2012	03526/11S69
21633	S69-24240	CM-43290		Nguyễn Hoàng Văn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/11/2012	16/11/2013	07037/12S69
21634	S69-24241	CM-43291		Trương Văn ủa	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05088/12S69
21635	S69-24242			Lâm Văn Huynh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05107/10S69
21636	S69-24243	CM-43293		Lê Văn Khang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04084/12S69
21637	S69-24244			Ngô Tấn Hữu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05109/10S69
21638	S69-24245			Cao Văn Ngộ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05110/10S69
21639	S69-24246			Nguyễn Thùy Trao	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05111/10S69
21640	S69-24247			Phạm Trung Tiến	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05112/10S69
21641	S69-24248			Nguyễn Văn Chính	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05113/10S69
21642	S69-24249			Trần Văn Khen	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2010	30/09/2011	05144/10S69
21643	S69-24250			Nguyễn Văn Thuận	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/08/2012	21/08/2013	04513/12S69
21644	S69-24251	CM-43301		Võ Văn Điện	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07547/12S69
21645	S69-24252	CM-43302		Trần Văn Dũng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03884/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21646	S69-24253	CM-03040		Tô Văn Nguyên	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	06/10/2011	06/10/2012	03583/11S69
21647	S69-24254			Huỳnh Chí Dũng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	04/10/2010	04/10/2011	05130/10S69
21648	S69-24256	CM-61330		Trần Thị Hai	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	26/01/2016	26/07/2016	00266/16S69
21649	S69-24257			Nguyễn Văn Tường	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	06/10/2010	06/10/2011	05140/10S69
21650	S69-24259	CM-90272		Lê Đức Trọng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/03/2014	03030/13S69
21651	S69-24262			Lâm Văn Giới	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	08/10/2010	08/10/2011	05155/10S69
21652	S69-24263			Nguyễn Trường Giang	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05158/10S69
21653	S69-24264			Đoàn Văn Trình	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05159/10S69
21654	S69-24265			Trần Văn Đức	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	21/05/2013	21/05/2014	02677/13S69
21655	S69-24266	CM-90281		Trần Văn Tuấn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	23/04/2013	23/04/2014	02271/13S69
21656	S69-24267			Dương Hoàng Tư	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2010	05162/10S69
21657	S69-24268			Nguyễn Việt Hải	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05163/10S69
21658	S69-24269	CM-90284		Nguyễn Hữu Chiếm	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05722/13S69
21659	S69-24270			Nguyễn Văn Hùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05165/10S69
21660	S69-24271			Phạm Văn Tạo	Khóm 5, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05166/10S69
21661	S69-24272			Tôn Minh Hùng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05167/10S69
21662	S69-24273	CM-90278		Lê Văn Hùng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03048/13S69
21663	S69-24274			Võ Văn Đen	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05169/10S69
21664	S69-24275			Hà Thanh Phương	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05170/10S69
21665	S69-24276			Đỗ Văn Kiệm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2010	10/10/2011	05174/10S69
21666	S69-24277			Trần Văn Điệp	Tân Hải, Huyện Phú Tân	15/10/2010	15/10/2011	05183/10S69
21667	S69-24278			Đỗ Văn Triều	Đất Mới, Huyện Năm Căn	13/10/2010	13/10/2011	05187/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21668	S69-24279	CM-22267		Cty TNHH TM XD Nam á	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	02/06/2014	02/06/2015	01476/14S69
21669	S69-24280			Đặng Quốc Nghi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/10/2010	12/10/2011	05191/10S69
21670	S69-24281	CM-43305		Hồ Văn Buôi	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04353/12S69
21671	S69-24282			Lại Văn Mạnh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/10/2010	12/10/2011	05199/10S69
21672	S69-24283			Nguyễn Phúc Lâm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/10/2010	12/10/2011	05200/10S69
21673	S69-24284			Trần Văn Triển	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/10/2010	12/10/2011	05201/10S69
21674	S69-24285			CTY TNHH Một Thanh Viên Phúc Nguyên	433C Nguyễn Trãi, P9, Thành phố Cà Mau	14/10/2010	14/10/2011	05206/10S69
21675	S69-24287	CM-90273		Nguyễn Văn Bình	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/01/2012	20/01/2013	00334/12S69
21676	S69-24289			Ngô Minh Vũ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	05216/10S69
21677	S69-24290			Thạch Quan Hiền	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	05217/10S69
21678	S69-24291	CM-79134		Trần Thị ái Lan	Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	29/11/2011	29/11/2012	04438/11S69
21679	S69-24292	CM-72145		Đình Quốc Trinh	xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00195/14S69
21680	S69-24294			Võ Văn Mẫn	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	05221/10S69
21681	S69-24295			Nguyễn Văn Tỏi	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	05222/10S69
21682	S69-24296			Phan Quốc Quy	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	05223/10S69
21683	S69-24297			Trần Văn Bol	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	05224/10S69
21684	S69-24298			Lê Văn Nhớ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	18/10/2010	18/10/2011	05230/10S69
21685	S69-24299			Dương Văn út	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	19/10/2010	19/10/2011	05246/10S69
21686	S69-24300	CM-22033		Nguyễn Việt Trấn	Khánh An, Huyện U Minh	11/07/2012	11/07/2013	03649/12S69
21687	S69-24301			Nguyễn Văn Lập	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	29/10/2011	29/10/2012	03885/11S69
21688	S69-24302	CM-22031		Lâm Vương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06262/13S69
21689	S69-24303	CM-22029		Trần Hoài Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/11/2011	09/11/2012	04143/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21690	S69-24304	CM-22027		Trương Minh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04938/11S69
21691	S69-24305			Kiều Văn Nghĩa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05252/10S69
21692	S69-24306	CM-22028		Nguyễn Văn Khanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	22/01/2013	22/01/2014	00871/13S69
21693	S69-24307			Nguyễn Văn Quân	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05254/10S69
21694	S69-24309	CM-61401		Bùi Phúc Toán	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2015	20/05/2016	00943/15S69
21695	S69-24310			Trần Văn Khanh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05257/10S69
21696	S69-24311			Trần Văn Rớt	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05258/10S69
21697	S69-24312	CM-61397		Nguyễn Văn Hải	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/02/2014	20/02/2015	00443/14S69
21698	S69-24313			Nguyễn Văn Quân	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05260/10S69
21699	S69-24314	CM-61395		Huỳnh út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04299/11S69
21700	S69-24315	CM-61394		Nguyễn Văn Tương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03332/11S69
21701	S69-24316			Đoàn Minh Tâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05263/10S69
21702	S69-24317			Dương Minh Duýn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05264/10S69
21703	S69-24318	CM-61391		Lê Mai Thảo	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04461/13S69
21704	S69-24319			Trần Văn Liệt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05266/10S69
21705	S69-24320	CM-61389		Nguyễn Văn Lộc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02037/11S69
21706	S69-24321			Trần Thái Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05268/10S69
21707	S69-24322			Tạ Văn Bé	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2010	20/10/2011	05269/10S69
21708	S69-24323	CM-61386		Nguyễn Văn Hiền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07212/12S69
21709	S69-24324	CM-61385		Tạ Thanh Định	Đất Mới, Huyện Năm Căn	11/07/2012	11/07/2013	03765/12S69
21710	S69-24325	CM-61384		Huỳnh út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03937/11S69
21711	S69-24326	CM-61383		Phạm Thái Điền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03940/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21712	S69-24327			Nguyễn Chí Bằng	Khóm6, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	20/10/2010	20/10/2011	05289/10S69
21713	S69-24328	CM-43308		Lê Văn Kiệt	Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01030/12S69
21714	S69-24329			Châu Văn Tuấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/01/2012	12/01/2013	00182/12S69
21715	S69-24330	CM-22032		DNTN Vũ Kiệt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/01/2012	06/01/2013	00077/12S69
21716	S69-24333			Nguyễn Chí Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05309/10S69
21717	S69-24335			Đỗ Thanh Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05311/10S69
21718	S69-24336	CM-66240		Nguyễn Chí Nguyễn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05316/13S69
21719	S69-24337			Nguyễn Văn Năm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03772/12S69
21720	S69-24338			Trần Hoàng Thống	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05314/10S69
21721	S69-24339	CM-66237		Nguyễn Văn Bảy	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03465/14S69
21722	S69-24340			Lê Trường Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05316/10S69
21723	S69-24341			Thạch Thanh Tùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05317/10S69
21724	S69-24342			Phan Thanh Trí	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05318/10S69
21725	S69-24343			Trần Văn Khủng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05319/10S69
21726	S69-24344			Nguyễn Văn Lý	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05320/10S69
21727	S69-24345	CM-66230		Lâm Văn Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/11/2011	29/11/2012	04611/11S69
21728	S69-24347	CM-66229		Quách Văn Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05305/13S69
21729	S69-24348			Nguyễn Văn Giáp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05324/10S69
21730	S69-24349	CM-14665		Huỳnh Duy Lân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/03/2013	15/03/2014	01731/13S69
21731	S69-24350			Hồ Văn Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2010	20/10/2011	05326/10S69
21732	S69-24352			Trần Hoàng Linh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2011	24/12/2012	05024/11S69
21733	S69-24354	CM-22034		Bùi Thanh Tùng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	07/12/2011	07/12/2012	04717/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21734	S69-24355			Trần Như Thành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02237/14S69
21735	S69-24356			Huỳnh Văn Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05342/10S69
21736	S69-24357	CM-66245		Huỳnh Văn Canh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05258/13S69
21737	S69-24358			Nguyễn Văn Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05344/10S69
21738	S69-24359			Trần Văn Hăng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05345/10S69
21739	S69-24360			Văn Công Tỏ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05346/10S69
21740	S69-24362	CM-66251		Trịnh Thu Hoài	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2014	20/09/2015	02596/14S69
21741	S69-24363			Nguyễn Quốc Việt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05349/10S69
21742	S69-24364	CM- 66253		Chém Văn Thống	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03353/11S69
21743	S69-24365			Nguyễn Văn Hòa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05351/10S69
21744	S69-24366	CM-66255		Võ Chí Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	19/12/2011	19/12/2012	04883/11S69
21745	S69-24367			Nguyễn Công Thắng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05353/10S69
21746	S69-24368	CM-66257		Nguyễn Văn Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	12/01/2015	12/01/2016	00062/15S69
21747	S69-24369			Tô Phương Hồng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05355/10S69
21748	S69-24370			Lâm Chí Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05356/10S69
21749	S69-24371	CM-66260		Phan Tuấn Kiệt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2012	24/05/2013	02249/12S69
21750	S69-24372			Nguyễn Văn Đảnh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05358/10S69
21751	S69-24373			Hồng Tuấn Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05359/10S69
21752	S69-24374			Nguyễn Tấn Tài	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05360/10S69
21753	S69-24375			Nguyễn Văn Tuất	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05361/10S69
21754	S69-24376			Trần Hoàng Quân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05362/10S69
21755	S69-24377			Lê Quốc Khải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05363/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21756	S69-24379	CM-22061		Lâm Thành Nhân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	03/05/2013	03/05/2014	02418/13S69
21757	S69-24380			Lê Minh Hóa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2011	06/10/2012	03619/11S69
21758	S69-24381	CM-22059		Nguyễn Thanh Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2011	20/10/2012	03929/11S69
21759	S69-24384			Đặng Tài Ngân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05370/10S69
21760	S69-24385	CM-66244		Tạ Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04747/11S69
21761	S69-24386	CM-66263		Lữ út Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00895/12S69
21762	S69-24387	CM-66264		Trương Quốc Sự	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09610/12S69
21763	S69-24388	CM-66265		Nguyễn Văn Định	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2011	24/10/2012	04108/11S69
21764	S69-24390			Lâm Văn Phước	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2010	24/10/2011	05383/10S69
21765	S69-24391			Phạm Việt Linh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2010	24/10/2011	05384/10S69
21766	S69-24393			Trần Vũ Phương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/10/2010	25/10/2011	05391/10S69
21767	S69-24394	CM-22039		Lý Vũ Thanh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	31/10/2011	31/10/2012	03945/11S69
21768	S69-24395	CM-22038		Hồ Văn Hùng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/10/2011	12/10/2012	03696/11S69
21769	S69-24396			Huỳnh Văn Đương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	05405/10S69
21770	S69-24397	CM-87441		Võ Minh Điền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	20/07/2012	20/07/2013	03891/12S69
21771	S69-24398			Nguyễn út Anh	Khóm 1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/10/2010	27/10/2011	05416/10S69
21772	S69-24400			Nguyễn Văn Tiếp	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/10/2010	27/10/2011	05418/10S69
21773	S69-24402			Nguyễn Hoài Hận	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2010	28/10/2011	05423/10S69
21774	S69-24404	CM-51366		Trương Văn Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2014	28/09/2015	02656/14S69
21775	S69-24406	CM-51368		Nguyễn Văn Hưng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2011	04/12/2012	04697/11S69
21776	S69-24407			Nguyễn Văn Trung	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2010	28/10/2011	05428/10S69
21777	S69-24408			Đào Văn Vũ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/10/2010	28/10/2011	05429/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21778	S69-24409	CM-51371		Trần Việt Bắc	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07426/12S69
21779	S69-24410	CM-51372		Võ Tòng Anh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07845/12S69
21780	S69-24411	CM-51373		Nguyễn Chí Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05311/12S69
21781	S69-24412	CM-22040		Phan Minh Tuấn	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	28/11/2013	28/11/2014	05925/13S69
21782	S69-24413			Nguyễn Kha Ly	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/09/2011	05447/10S69
21783	S69-24414			Lê Phương Bằng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2010	16/10/2011	05448/10S69
21784	S69-24415	CM-22043		Thi Minh Khải	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01802/13S69
21785	S69-24417	CM: 02235		Trương Minh Tường	TT U Minh, Huyện U Minh	28/10/2010	28/10/2011	05451/10S69
21786	S69-24418	CM-22042		Nguyễn Hoàng Thôn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	04/01/2012	04/01/2013	00055/12S69
21787	S69-24419	CM-90318		Huỳnh Kim Phụng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2011	26/12/2012	05003/11S69
21788	S69-24420			Huỳnh Văn Danh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	29/10/2010	29/10/2011	05462/10S69
21789	S69-24421			Phạm Văn Ngót	Khánh An, Huyện U Minh	01/11/2010	01/11/2010	05464/10S69
21790	S69-24423	CM-343310		Nguyễn Minh Nguyễn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02980/12S69
21791	S69-24425	CM-43317		Trần Hoàng Nam	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	20/03/2013	20/03/2014	01784/13S69
21792	S69-24426	CM-43332		Lê Văn Phúc	TT.Cái Nước, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04351/12S69
21793	S69-24427	CM-43312		Phạm Văn Truyền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/10/2014	30/10/2015	02852/14S69
21794	S69-24430	CM-43309		Trương Văn Suối	Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02981/12S69
21795	S69-24431			Huỳnh Văn Tàu	Đông Thới, Huyện Cái Nước	29/10/2010	29/10/2011	05474/10S69
21796	S69-24440	CM-43313		Nguyễn Minh Tân	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	21/11/2014	21/11/2015	03060/14S69
21797	S69-24444			Lê Hồng Nhân	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	06/11/2010	06/11/2011	05512/10S69
21798	S69-24445	CM-66233		Bùi Duy Bình	Tam giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/11/2011	17/11/2012	04210/11S69
21799	S69-24447	CM-43354		Lâm Chí Cường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03550/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21800	S69-24448	CM-51375		Nguyễn Văn Liệt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06502/13S69
21801	S69-24449			Đỗ Thành Ngoan	TT U Minh, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05523/10S69
21802	S69-24450			Nguyễn Thanh Dũng	TT U Minh, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05524/10S69
21803	S69-24451			Trần Văn Khiêm	TT U Minh, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05525/10S69
21804	S69-24452			Nguyễn Thanh Thuyền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05526/10S69
21805	S69-24453			Huỳnh Công Cuộc	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05527/10S69
21806	S69-24454			Đặng Ngọc Thanh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05528/10S69
21807	S69-24455			Nguyễn Thị Chín	Khánh Thuận, Huyện U Minh	05/02/2013	05/02/2014	01265/13S69
21808	S69-24456			Đỗ Hoàng Ghi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03252/12S69
21809	S69-24457			Đặng Văn Triều	TT U Minh, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05531/10S69
21810	S69-24458			Nguyễn Thanh Quang	TT U Minh, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05532/10S69
21811	S69-24459			Trịnh Hoàng Lâm	TT U Minh, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05533/10S69
21812	S69-24460			Nguyễn Hoàng Nô	Khóm 4, TT U Minh, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05534/10S69
21813	S69-24461	CM-87438		Trần Văn Hùng	Khóm 4, TT U Minh, Huyện U Minh	07/08/2015	07/08/2016	14731/15S69
21814	S69-24462	CM-87439		Trần Văn Hùng	TT U Minh, Huyện U Minh	07/08/2015	07/08/2016	14741/15S69
21815	S69-24463	CM-87440		Trần Văn Hùng	TT U Minh, Huyện U Minh	07/08/2015	07/08/2016	01475/15S69
21816	S69-24464			Nguyễn Chí Nguyên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05538/10S69
21817	S69-24465			Nguyễn Thanh Hoàng	Khóm 4, TT U Minh, Huyện U Minh	09/11/2010	09/11/2011	05539/10S69
21818	S69-24467			Nguyễn Văn Hằng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	11/11/2010	11/11/2011	05551/10S69
21819	S69-24468			Huỳnh Văn Tèo	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05553/10S69
21820	S69-24469			Huỳnh Văn Hối	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05554/10S69
21821	S69-24470			Lâm Văn Đỉnh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05555/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21822	S69-24472			Phan Thanh Việt	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05557/10S69
21823	S69-24473			Nguyễn Văn Thắng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05558/10S69
21824	S69-24474			Lê Mỹ A	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05559/10S69
21825	S69-24475			Nguyễn Thị Lua	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05560/10S69
21826	S69-24476			Nguyễn Minh Luân	TT TVT, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05561/10S69
21827	S69-24477			Trần Văn Bằng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05562/10S69
21828	S69-24478	CM-90293		Nguyễn Văn Tài	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00997/12S69
21829	S69-24479			Trần Đắc Khải	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05564/10S69
21830	S69-24480	CM-90294		Nguyễn Văn Chủ	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2014	10/11/2015	02925/14S69
21831	S69-24481			Hồ Thanh Thùy	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05566/10S69
21832	S69-24482			Trần Thanh Mộng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05567/10S69
21833	S69-24483			Hồ Văn Khoa	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05568/10S69
21834	S69-24484			Lê Khoa	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05569/10S69
21835	S69-24485	CM-90299		Mai Văn Cảnh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2012	10/04/2013	01588/12S69
21836	S69-24486			Trần Văn Nam	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05571/10S69
21837	S69-24487	CM-90301		Nguyễn Văn Cam	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	13/01/2012	13/01/2013	00217/12S69
21838	S69-24488	CM-90306		Nguyễn Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05714/13S69
21839	S69-24489			Trần Văn Trọng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05574/10S69
21840	S69-24490			Ngô Vũ Ca	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05575/10S69
21841	S69-24491			Nguyễn Văn Quyền	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05576/10S69
21842	S69-24492	CM-90305		Quách Văn Phil	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2013	10/09/2014	04277/13S69
21843	S69-24493			Kim Bé Ba	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05578/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21844	S69-24494	CM-22074		Nguyễn Thị Cẩm Phượng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	01001/12S69
21845	S69-24495			Trần Hoàng Giang	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2010	10/11/2011	05580/10S69
21846	S69-24497	CM-22071		Trương Thanh Bình	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04091/13S69
21847	S69-24498	90292		Bùi Văn Tạo	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	09/05/2012	09/05/2013	02013/12S69
21848	S69-24499	CM-43325		Nguyễn Văn Tiến	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08512/12S69
21849	S69-24500	CM- 43320		Lâm Bá Tân	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06172/13S69
21850	S69-24501	CM-43336		Tô Văn Khuôn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00191/12S69
21851	S69-24502			Nguyễn Văn Tính	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/11/2010	12/11/2011	05600/10S69
21852	S69-24503			Hồ Văn Xệ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/11/2010	12/11/2011	05601/10S69
21853	S69-24504			Châu Thái Chắc	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2010	12/11/2011	05602/10S69
21854	S69-24508			Trần Hoàng Nam	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2010	12/11/2011	05613/10S69
21855	S69-24509			Nguyễn Văn Khởi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2010	12/11/2011	05614/10S69
21856	S69-24511			Nguyễn Văn Hoà	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	16/11/2010	16/11/2011	05632/10S69
21857	S69-24513			Lê Minh Thới	Xã Phú thuận, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05649/10S69
21858	S69-24514			Huỳnh Văn Kha	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05650/10S69
21859	S69-24515			Mai Hải Phòng	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05651/10S69
21860	S69-24516			Nguyễn Văn á	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05652/10S69
21861	S69-24517			Trần Văn Đen	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05653/10S69
21862	S69-24518			Nguyễn Văn Chảnh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01122/12S69
21863	S69-24519	CM-72162		Trần Văn Cường	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/07/2012	16/07/2013	03842/12S69
21864	S69-24520			Lâm Minh Vương	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05656/10S69
21865	S69-24521			Nguyễn Quốc Thế	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05657/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21866	S69-24522	CM-72159		Nguyễn Trường Giang	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02580/13S69
21867	S69-24523			Trà Việt Quang	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05659/10S69
21868	S69-24524			Nguyễn Trọng Nghĩa	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05660/10S69
21869	S69-24525			Dư Tấn Phong	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05661/10S69
21870	S69-24526	CM-22098		Trương Văn út Một	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02166/13S69
21871	S69-24527	CM-22092		Trần Văn Quang	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00600/13S69
21872	S69-24529	CM-22084		Nguyễn Văn Tiếp	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04204/12S69
21873	S69-24530			Nguyễn Văn Ca	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/11/2010	16/11/2011	05670/10S69
21874	S69-24531			Nguyễn Văn Còn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/11/2010	16/11/2011	05671/10S69
21875	S69-24532			Võ Văn Chính	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/11/2010	16/11/2011	05672/10S69
21876	S69-24533			DNTN Sử Thành Phú	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/11/2010	16/11/2011	05673/10S69
21877	S69-24534	CM-22085		Nguyễn Hoàng Quốc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06812/12S69
21878	S69-24535			Nguyễn Văn Hoàng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	18/11/2010	18/11/2011	05680/10S69
21879	S69-24537	CM-61418		Nguyễn Văn Thống	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/05/2015	07/05/2016	00862/15S69
21880	S69-24538	CM-22090		Nguyễn Văn Vũ	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	14/04/2014	14/04/2015	00981/14S69
21881	S69-24539	CM-22108		Nguyễn Văn Cẩm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/12/2011	28/12/2012	05154/11S69
21882	S69-24540	CM-61415		Quang Khánh Hiền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	15/05/2012	15/05/2013	02099/12S69
21883	S69-24542			Nguyễn Văn Thảo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05704/10S69
21884	S69-24543	CM-61413		Vũ Đình Khảm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04946/11S69
21885	S69-24544	CM-61412		Đỗ Phương Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09241/12S69
21886	S69-24545			Trịnh Trí Tài	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05707/10S69
21887	S69-24546			Dương Thanh Phương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05708/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21888	S69-24547			Lê Văn Tèo	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05709/10S69
21889	S69-24548	CM-61408		Nguyễn Văn Giồng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01572/15S69
21890	S69-24549			Nguyễn Trục Em	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05711/10S69
21891	S69-24550			Nguyễn Tấn Xuyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05712/10S69
21892	S69-24551	CM-61405		Trần Văn Thủy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2014	20/12/2015	03400/14S69
21893	S69-24552	CM-61404		Nguyễn Văn Tám	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01637/14S69
21894	S69-24553	CM-22106		Vũ Mạnh Khởi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07274/12S69
21895	S69-24555	CM-22107		Phan Văn Ro	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09233/12S69
21896	S69-24556	CM-22104		Trần Thanh Thuyền	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07222/12S69
21897	S69-24557	CM-22097		Nguyễn Văn Vàng	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	27/06/2013	27/06/2014	03299/13S69
21898	S69-24558	CM-22091		Phạm Văn Chính	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	11/02/2014	11/02/2015	00382/14S69
21899	S69-24559			Nguyễn Văn Hận	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/11/2010	23/11/2011	05741/10S69
21900	S69-24560			Nguyễn Thanh Hoa	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/11/2010	20/11/2011	05746/10S69
21901	S69-24561	CM-43331		Trần Văn Đảm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/12/2011	30/12/2012	00016/12S69
21902	S69-24562	CM-22102		Nguyễn Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	26/11/2011	26/05/2012	04417/11S69
21903	S69-24564			Phạm Thành Nên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05766/10S69
21904	S69-24565			Nguyễn Văn Tào	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05767/10S69
21905	S69-24566			Nguyễn Minh Trí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05768/10S69
21906	S69-24567	CM-66274		Nguyễn Thanh Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/11/2011	21/11/2012	04316/11S69
21907	S69-24568	CM-66275		Tiết Văn Đoàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2011	24/12/2012	05016/11S69
21908	S69-24569			Phạm Trường Chinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05771/10S69
21909	S69-24570	CM-66277		Phạm Hoàng Chiến	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00469/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21910	S69-24571	CM-66269		Võ Minh Hiếu	TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	09/01/2012	09/01/2013	00131/12S69
21911	S69-24572	CM-72152		Nguyễn Thị Châu	Tân Hải, Huyện Phú Tân	12/08/2012	12/08/2013	04412/12S69
21912	S69-24573	CM-66272		Nguyễn Thành Công	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2015	24/08/2016	01588/15S69
21913	S69-24574	CM-22113		Đặng Hoàng Minh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03464/14S69
21914	S69-24575	CM-22119		Lưu Văn Nghinh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	16/05/2013	16/05/2014	02591/13S69
21915	S69-24576			Nguyễn Minh Châu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05778/10S69
21916	S69-24578			Tăng Quốc Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05780/10S69
21917	S69-24580			Tạ Hoàng Phong	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05782/10S69
21918	S69-24581			Lê Truyền Thống	TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05783/10S69
21919	S69-24582	CM-90319		Võ Hoàng Lăng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	23/07/2014	23/07/2015	01978/14S69
21920	S69-24583			Ngô Văn Dũng	Khánh An, Huyện U Minh	26/11/2010	26/11/2011	05795/10S69
21921	S69-24584	CM-22103		Trần Văn Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08429/12S69
21922	S69-24585			Phùng Quốc Khởi	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	29/11/2010	29/11/2011	05805/10S69
21923	S69-24586			Nguyễn Thành Độ	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/11/2010	16/11/2011	05806/10S69
21924	S69-24588	CM-22133		Phùng Thanh Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	01/10/2012	01/10/2013	05210/12S69
21925	S69-24589			Nguyễn Văn Đợi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	05810/10S69
21926	S69-24590			Đào Văn Tuồng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06001/12S69
21927	S69-24591			Lâm Văn Tiếng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	05812/10S69
21928	S69-24592	CM-51392		Nguyễn Thắng Lợi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	25/09/2012	21/09/2013	04896/12S69
21929	S69-24593	CM-51383		Trần Thanh Khải	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/04/2012	28/04/2013	01917/12S69
21930	S69-24595			Nguyễn Minh Trí	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	05816/10S69
21931	S69-24596			Phạm Hoàng Thành	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	05817/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21932	S69-24597	CM-51391		Nguyễn Thanh Nhân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06462/13S69
21933	S69-24599	CM-51385		Phạm Văn Minh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06448/13S69
21934	S69-24601			Phan Tuấn Kiệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	05822/10S69
21935	S69-24602	CM-51389		Nguyễn Văn Thọ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06471/13S69
21936	S69-24603	CM-51390		Huỳnh Minh Dương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	02/07/2015	02/07/2016	01211/15S69
21937	S69-24604			Trần Hoàng Em	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	29/11/2010	29/11/2011	05839/10S69
21938	S69-24605	CM-79136		Trịnh Văn Chí	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	19/11/2013	19/11/2014	05821/13S69
21939	S69-24606			Võ Hoàng Sương	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	04/07/2013	04/07/2014	03420/13S69
21940	S69-24608	CM22121		Nguyễn Vũ Phong	Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	10/04/2014	10/04/2015	00957/14S69
21941	S69-24609	CM-72167		Phan Văn Sĩ	Tân Hải, Huyện Phú Tân	02/01/2012	02/01/2013	00022/13S69
21942	S69-24610			Phan Văn Sĩ	Tân Hải, Huyện Phú Tân	02/01/2012	02/01/2013	00023/13S69
21943	S69-24611			Nguyễn Thanh Tuấn	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	01/12/2010	24/11/2011	05856/10S69
21944	S69-24612			Lữ Thị Huệ	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	01/12/2010	01/12/2011	05857/10S69
21945	S69-24613			Nguyễn Minh Phụng	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	01/12/2010	01/12/2011	05858/10S69
21946	S69-24614			Phạm Hồ Vũ	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	05861/10S69
21947	S69-24615			Nguyễn Văn Ngươn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/10/2013	05414/12S69
21948	S69-24616			Nguyễn Văn Nổi	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	01/12/2010	01/12/2011	05866/10S69
21949	S69-24617			Hồ Văn Thành	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2010	02/12/2011	05873/10S69
21950	S69-24618	CM-43338		Huỳnh Văn Túc	Đông Thới, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03432/12S69
21951	S69-24619	CM-51376		Lữ Hoàng Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/09/2011	01054/11S69
21952	S69-24620			Trương Minh Quang	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	03/12/2010	03/12/2011	05883/10S69
21953	S69-24622	CM-22162		Lưu Hoàng Ty	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04490/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21954	S69-24623	CM-51379		Võ Minh Luân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	08/02/2014	08/02/2015	00356/14S69
21955	S69-24624			Trần Khởi Nghĩa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	03/12/2010	03/12/2011	05887/10S69
21956	S69-24626			Lê Văn Toàn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05897/10S69
21957	S69-24627			Trần Ngọc Huynh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05585/12S69
21958	S69-24628	CM-22145		Phạm Văn Lập	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/12/2012	20/12/2013	09247/12S69
21959	S69-24629			Lại Việt Thắng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05900/10S69
21960	S69-24631			Bùi Văn Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05945/10S69
21961	S69-24632			Trần Văn Ngỡ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05903/10S69
21962	S69-24633			Nguyễn Quốc Trung	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2012	06/02/2013	00426/12S69
21963	S69-24634	CM-66279		Nguyễn Văn Thảo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2012	06/02/2013	00443/12S69
21964	S69-24635			Lê Văn Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05906/10S69
21965	S69-24636			Tạ Minh Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2012	06/02/2013	00427/12S69
21966	S69-24637	CM-66292		Nguyễn Quốc Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05240/13S69
21967	S69-24638			Đinh Minh Luân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05909/10S69
21968	S69-24639	CM-66290		Nguyễn Văn Đoán	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04750/11S69
21969	S69-24640			Huỳnh Hoàng Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05911/10S69
21970	S69-24641			Cao Văn Luân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05912/10S69
21971	S69-24642			Nguyễn Văn Lưỡng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05913/10S69
21972	S69-24643			Nguyễn Thanh Dừa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05914/10S69
21973	S69-24644			Lê Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05915/10S69
21974	S69-24645			Chem Văn Hận	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05916/10S69
21975	S69-24646			Nguyễn Phương Đang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05917/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21976	S69-24647			Tô Thị Nhỏ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05256/13S69
21977	S69-24648			Đình Văn Chương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/12/2010	04/12/2011	05919/10S69
21978	S69-24649	CM-90324		Nguyễn Thanh Hoàng	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2011	12/12/2012	04761/11S69
21979	S69-24650	CM-90322		Cao Thanh Phong	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	28/02/2013	28/02/2014	01395/13S69
21980	S69-24651	CM-90323		Hồ Văn Khen	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	20/02/2012	20/02/2013	00561/12S69
21981	S69-24653			Tiết Thị Hiền	Khánh An, Huyện U Minh	21/09/2010	21/09/2011	05933/10S69
21982	S69-24654			Nguyễn Văn Đạt	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	08/12/2010	08/12/2011	05938/10S69
21983	S69-24655			Dư Văn Quân	K8, P7, Thành phố Cà Mau	09/11/2010	19/11/2011	05942/10S69
21984	S69-24656			Nguyễn Tấn Xuyên	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/12/2010	09/12/2011	05944/10S69
21985	S69-24657	CM-51409		Trương Minh Tài	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01103/13S69
21986	S69-24660			Lê Phú Trung	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2010	12/12/2011	05963/10S69
21987	S69-24661			Hà Văn Thật	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	10/06/2011	10/12/2011	01921/11S69
21988	S69-24662			Huỳnh Hữu Hoá	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05965/10S69
21989	S69-24663	CM-90398		Lâm Chí Công	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2015	10/03/2016	00448/15S69
21990	S69-24664			Nhan Văn Hùng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05967/10S69
21991	S69-24665			Nguyễn Văn Doanh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05968/10S69
21992	S69-24666			Trần Văn Trãi	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05969/10S69
21993	S69-24667			Huỳnh Quốc Danh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	05970/10S69
21994	S69-24668	CM-90333		Nguyễn Văn Ngoan	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/10/2012	04/10/2013	05257/12S69
21995	S69-24669			Nguyễn Văn Toàn	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	01/07/2012	01/07/2013	03438/12S69
21996	S69-24670			Quách Văn Đảnh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06053/10S69
21997	S69-24671			Nguyễn Thanh Nhân	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06054/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
21998	S69-24672	CM-90351		Hồ Văn Trực	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2013	10/03/2014	01509/13S69
21999	S69-24673			Tô Vũ Hào	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	24673/10S69
22000	S69-24674	CM-90350		Huỳnh Thanh Vũ	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	19/04/2012	19/04/2013	01711/12S69
22001	S69-24675			Mã Đại Lợi	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06058/10S69
22002	S69-24678	CM-90342		Huỳnh Thị Phấn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/05/2012	10/05/2013	02045/12S69
22003	S69-24679			Nguyễn Thành Lý	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06062/10S69
22004	S69-24680			Nguyễn Thanh Phong	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06063/10S69
22005	S69-24681			Lý Văn Còn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06064/10S69
22006	S69-24682			Nguyễn Văn Hiệp	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06065/10S69
22007	S69-24683			Nguyễn Hoàng Phong	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06066/10S69
22008	S69-24685			Nguyễn Văn Dữ	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06068/10S69
22009	S69-24686	CM-22229		Nguyễn Hoài Phương	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2014	08/01/2015	00057/14S69
22010	S69-24687	CM-66262		Lê Hữu Đức	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2014	24/03/2015	00769/14S69
22011	S69-24688			Lê Thanh Tuấn	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	03/12/2012	03/12/2013	07915/12S69
22012	S69-24689			Nguyễn Văn Kết	Tân Phú, Huyện Thới Bình	13/12/2010	13/06/2011	06075/10S69
22013	S69-24690			Nguyễn Văn Kết	Tân Phú, Huyện Thới Bình	13/12/2010	13/12/2011	06076/10S69
22014	S69-24692			Trần Hiền Tấn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/12/2010	12/12/2011	06078/10S69
22015	S69-24693			Tô Minh Đen	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2014	12/04/2015	00971/14S69
22016	S69-24694			Nguyễn Đức Trường	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2010	12/12/2011	06080/10S69
22017	S69-24695	CM-43342		Mã Minh Khải	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/11/2013	06753/12S69
22018	S69-24696	CM-72168		Lâm Văn Phú	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02583/13S69
22019	S69-24697	CM-43344		Tăng Văn Tống	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	09/07/2012	09/07/2013	03573/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22020	S69-24698			Dương Minh Tuyển	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/12/2010	12/12/2011	06084/10S69
22021	S69-24699			Võ Văn Sơn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2010	12/12/2011	06085/10S69
22022	S69-24702			Lê Vũ Ca	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/12/2010	14/12/2011	06105/10S69
22023	S69-24703			Võ Duy Lăng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06108/10S69
22024	S69-24704			Phan Văn Rở	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2010	14/12/2011	06109/10S69
22025	S69-24705	CM-22153		Nguyễn Ngọc Hồ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07412/12S69
22026	S69-24709			Lê Minh Cảnh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2010	28/11/2011	06118/10S69
22027	S69-24710	CM-43349		Nguyễn Văn Phú	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	22/08/2012	22/08/2013	04520/12S69
22028	S69-24711			Lê Văn út	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2010	10/12/2011	06123/10S69
22029	S69-24712	CM-09357		Nguyễn Văn Thương	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03053/13S69
22030	S69-24713	CM-22150		Trần Văn Dũng	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	26/12/2013	26/12/2014	06384/13S69
22031	S69-24714	CM-90325		Võ Thái Gil	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00144/12S69
22032	S69-24715			Lê Thanh Phong	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/12/2010	16/12/2011	06145/10S69
22033	S69-24716			Lý Minh Ngoan	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	05/12/2010	05/12/2011	06147/10S69
22034	S69-24717	CM-43368		Lại Văn Mạnh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	16/08/2012	16/02/2013	04428/12S69
22035	S69-24718	CM-72169		Trương Thanh Đoàn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	12/06/2014	12/06/2016	01568/14S69
22036	S69-24719			Lê Thanh Lâm	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	17/12/2010	17/12/2011	06154/11S69
22037	S69-24720			Phan Văn Hoàng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03199/12S69
22038	S69-24721	CM-22219		Nguyễn Hoàng Kha	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00268/12S69
22039	S69-24722			Phan Hoàng Lăng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	29/12/2011	29/12/2012	05155/11S69
22040	S69-24723			Phan Hoàng Ca	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	29/12/2011	29/12/2012	05153/11S69
22041	S69-24724			Sấm A Giảng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/12/2010	16/12/2011	06159/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22042	S69-24725			Bùi Tấn Hóa	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/12/2010	16/12/2011	06160/10S69
22043	S69-24726			Lữ Văn Thắng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/12/2010	16/12/2011	06161/10S69
22044	S69-24727	CM-72181		Tô Minh Dương	Tân Hải, Huyện Phú Tân	21/11/2013	21/11/2014	05829/13S69
22045	S69-24728			Phạm Văn Lào	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/12/2010	16/12/2011	06163/10S69
22046	S69-24729	CM-72174		Nguyễn Hoàng Quân	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01135/12S69
22047	S69-24730			Trần Văn Bé	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	15/12/2010	15/12/2011	06173/10S69
22048	S69-24731	CM-22154		Nguyễn Việt Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09516/12S69
22049	S69-24732	CM-43351		Mã Văn Chung	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	13/03/2014	13/03/2015	00670/14S69
22050	S69-24733	CM-90379		Tạ Quang Nhiệm	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	06/01/2016	06/07/2016	00040/16S69
22051	S69-24735	CM-72173		Đông Văn Thiện	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00588/13S69
22052	S69-24736			Nguyễn Văn Thành	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06217/10S69
22053	S69-24737			Vũ Đình Khá	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06218/10S69
22054	S69-24738			Nguyễn Việt Hận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	28/12/2010	20/12/2011	06219/10S69
22055	S69-24739			Huỳnh Trí Dũng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06220/10S69
22056	S69-24740	CM-61435		Lê Văn Tiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00686/13S69
22057	S69-24741	CM-61434		Phan Văn Phát	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01862/13S69
22058	S69-24742			Nguyễn Thanh Vẹn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/12/2010	24/12/2011	06223/10S69
22059	S69-24743			Trần Văn Tính	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06224/10S69
22060	S69-24744			Trần Văn Toán	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06225/10S69
22061	S69-24745			Trần Văn Toán	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06226/10S69
22062	S69-24746			Thái Quốc Quang	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06227/10S69
22063	S69-24747			Bùi Thị Loan	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06228/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22064	S69-24748	CM-61428		Nguyễn Tấn Đạt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05844/13S69
22065	S69-24749			Ngô Văn Tum	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06230/10S69
22066	S69-24750			Nguyễn Văn Xinh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06231/10S69
22067	S69-24751			Lê Hoàng Đảm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06232/10S69
22068	S69-24752			Diệp Minh Dương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06233/10S69
22069	S69-24753			Huỳnh Thanh Phương	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06234/10S69
22070	S69-24754	CM-61422		Thạch Hưởng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02856/12S69
22071	S69-24755			Nguyễn Văn Đảng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/12/2010	20/12/2011	06236/10S69
22072	S69-24756			Nguyễn Thành Thân	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06237/10S69
22073	S69-24757	CM-22160		Du Sên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05561/12S69
22074	S69-24758			Trần Văn Tính	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06239/10S69
22075	S69-24759			Trần Văn Tính	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06240/10S69
22076	S69-24760	CM-22171		Nguyễn Văn Phi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09242/12S69
22077	S69-24761			Nguyễn Văn Hưởng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06242/10S69
22078	S69-24762	CM-22179		Phùng Thị Loan	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04957/11S69
22079	S69-24763	CM-22168		Nguyễn Văn Quốc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03606/13S69
22080	S69-24764	CM-22167		Mã Thiện Tín	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01854/13S69
22081	S69-24765			Nguyễn Văn Dao	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06246/10S69
22082	S69-24766	CM-22161		Lâm Thành Thái	Cái Nai, TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/03/2013	19/03/2014	01745/13S69
22083	S69-24767			Nguyễn Văn Chol	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06248/10S69
22084	S69-24768	CM-22174		Huỳnh Văn Tại	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01749/12S69
22085	S69-24769	CM-22175		Huỳnh Văn Hải	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/09/2011	19/09/2012	03280/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22086	S69-24770			Ngô Hoàng Lĩnh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2010	20/12/2011	06251/10S69
22087	S69-24772			Dương Văn Nhỏ	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/12/2010	24/12/2011	06270/10S69
22088	S69-24773	CM-79140		Phạm Văn Bạc	Trí Phải, Huyện Thới Bình	13/12/2012	13/12/2013	08525/12S69
22089	S69-24774			Nguyễn Thiện Tồn	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	27/12/2010	27/12/2011	06278/10S69
22090	S69-24775	CM-43350		Lâm Văn Đạt	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	15/01/2012	15/07/2012	00234/12S69
22091	S69-24777	CM-43346		Nguyễn Hoàng Chinh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/02/2012	12/02/2013	00497/12S69
22092	S69-24778			Tiêu Văn Nhỡ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/12/2010	24/12/2011	06287/10S69
22093	S69-24779			Nguyễn Hoàng Chinh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/12/2010	24/12/2011	06288/10S69
22094	S69-24780	CM-22189		Võ Chí Nguyễn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03287/13S69
22095	S69-24781	CM-22187		Nguyễn Xuân Viếng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	14/03/2013	14/03/2014	01635/13S69
22096	S69-24782	CM-22186		Huỳnh Minh Đạt	TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01161/13S69
22097	S69-24783			Võ Ngọc Anh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2010	24/12/2011	06296/10S69
22098	S69-24785	CM-87449		Cao Thanh Trường	Khán An, Huyện U Minh	05/11/2012	05/11/2013	05833/12S69
22099	S69-24786			DNTN Sử Thành Phú	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2010	26/12/2011	06314/10S69
22100	S69-24787			Nguyễn Tố Hữu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/12/2010	27/12/2011	06319/10S69
22101	S69-24788	CM-72182		CTY TNHH MTV Thương Mại Lê Phát	ấp Vàm Đình, xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	19/05/2015	19/05/2016	00929/15S69
22102	S69-24790			Võ Văn Tèo	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2010	28/12/2011	06332/10S69
22103	S69-24791	CM-51393		Lương Văn Thịnh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/04/2015	20/04/2016	00751/15S69
22104	S69-24792	CM-22164		Nguyễn Quốc Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09451/12S69
22105	S69-24793			Hồ Minh Tây	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06349/10S69
22106	S69-24794			Trương Thanh Hải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06350/10S69
22107	S69-24795	CM-22185		Huỳnh Văn Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10245/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22108	S69-24796			Nguyễn Văn Quốc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06352/10S69
22109	S69-24797			Đoàn Hoài Hận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06353/10S69
22110	S69-24798	CM-51405		Huỳnh Ngọc Thạch	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	24/02/2013	00704/12S69
22111	S69-24799			Châu Văn Ngoãn	Tam Giang Đông, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06355/10S69
22112	S69-24801			Đoàn Hoàng Bảy	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06357/10S69
22113	S69-24802	CM-51402		Đình Văn Học	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05696/12S69
22114	S69-24803	CM-51410		Huỳnh Thanh Dũng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03319/12S69
22115	S69-24804			Trần Văn Trinh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06360/10S69
22116	S69-24805			Trương Thanh Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06361/10S69
22117	S69-24806			Hồ Văn Lập	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06362/10S69
22118	S69-24807			Huỳnh Hoàng Phúc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2010	28/12/2011	06363/10S69
22119	S69-24808	CM-51398		Phan Văn Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06349/12S69
22120	S69-24809	CM-51396		Hồ Đức Bình	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00860/14S69
22121	S69-24810	CM-51397		Cao Văn Hoàng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03720/13S69
22122	S69-24811			Nguyễn Minh Lùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2010	30/12/2011	06393/10S69
22123	S69-24812			Lê Tiến Vững	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	30/12/2010	30/12/2011	06394/10S69
22124	S69-24813	CM-90368		Lê Văn Lil	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/12/2013	25/12/2014	06370/13S69
22125	S69-24814	CM-22180		Lê Văn Thắng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	25/04/2012	25/04/2013	01811/12S69
22126	S69-24815			Phạm Văn Sâm	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	03/01/2011	03/01/2011	00010/11S69
22127	S69-24817			Huỳnh Văn Hùng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2011	04/01/2012	00024/11S69
22128	S69-24818			Trần Phước Trung	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2011	04/01/2012	00028/11S69
22129	S69-24819			Trương Tấn Lộc	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	04/01/2011	04/01/2012	00029/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22130	S69-24820			Nguyễn Văn út	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01296/12S69
22131	S69-24822	CM-72170		Trần Thị Trang	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	10/07/2015	10/07/2016	01263/15S69
22132	S69-24823			Nguyễn Văn Đua	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	02/01/2011	02/01/2012	00043/11S69
22133	S69-24824			Nguyễn Văn Tịnh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/01/2011	05/01/2012	00048/11S69
22134	S69-24826			Nguyễn Văn Chinh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2011	04/01/2012	00054/11S69
22135	S69-24828			Nguyễn Trường Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2011	04/01/2012	00056/11S69
22136	S69-24829			Trương Hoàng Anh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2011	04/01/2012	00057/11S69
22137	S69-24830			Trịnh Văn Mung	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2011	04/01/2012	00058/11S69
22138	S69-24831			Lâm Hùng Em	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	19/04/2012	19/04/2013	01714/12S69
22139	S69-24832	CM-66300		Cao Minh Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01990/12S69
22140	S69-24834	CM-66303		Đinh Văn Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01538/12S69
22141	S69-24835	CM-66304		Dương Phương Đông	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/06/2014	25/06/2015	01713/14S69
22142	S69-24837			Phan Văn Phô	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	04/01/2011	04/01/2012	00071/11S69
22143	S69-24840			Hồng Văn Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	03/12/2010	03/12/2011	00083/11S69
22144	S69-24841			Tô Văn Tiến	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2011	04/01/2012	00084/11S69
22145	S69-24842	CM-90422		Nguyễn Văn Đền	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	22/01/2015	22/01/2016	00178/15S69
22146	S69-24843			Nguyễn Văn Cường	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	07/01/2011	07/01/2012	00089/11S69
22147	S69-24844	CM-09373		Huỳnh Văn Toàn	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	12/06/2014	12/06/2015	01574/14S69
22148	S69-24846	CM-22195		Đặng Văn Thám	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	12/03/2013	12/03/2014	01740/87S69
22149	S69-24847			Trần Công Thành	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/01/2011	07/01/2012	00114/11S69
22150	S69-24848	CM-61442		Tạ Minh Quân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02237/11S69
22151	S69-24849			Phù Văn Học	K7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	07/01/2011	07/07/2011	00116/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22152	S69-24850	CM-66306		Đào Bá Thọ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/01/2012	09/01/2013	00104/12S69
22153	S69-24851	CM-79144		Võ Văn Vui	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	20/02/2013	20/02/2014	01301/13S69
22154	S69-24853			Đình Hoàng Xuyên	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00135/11S69
22155	S69-24854			Huỳnh Thanh Bình	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00136/11S69
22156	S69-24855			Nguyễn Văn Hùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00137/11S69
22157	S69-24856	CM-90381		Nguyễn Ngọc Diệp	Khóm 3, Huyện Trần Văn Thời	11/02/2015	11/02/2016	00314/15S69
22158	S69-24858	CM-90393		Ngô Kế Thừa	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	13/12/2013	13/12/2014	06201/13S69
22159	S69-24859			Dương Thanh Hoàng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00141/11S69
22160	S69-24860			Trần Bình Triệu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00142/11S69
22161	S69-24861	CM-90392		Lý Minh Cảnh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00978/12S69
22162	S69-24862	CM-20391		Nguyễn Văn Quân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01442/12S69
22163	S69-24863			Nguyễn Chí Trung	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2011	09/01/2012	00159/11S69
22164	S69-24864			Lê Văn Hòa	tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/01/2011	12/01/2012	00161/11S69
22165	S69-24865	CM90374		Lý Vũ Thanh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	29/01/2013	29/01/2014	00993/13S69
22166	S69-24866			Võ Hữu Quang	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01118/12S69
22167	S69-24870			Nguyễn Văn Tiếp	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2011	12/01/2012	00172/11S69
22168	S69-24873			Trần Văn Lãm	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	11/01/2011	11/01/2012	00188/11S69
22169	S69-24874	CM-22204		Hồ Văn Việt	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	06/02/2012	06/02/2013	00421/12S69
22170	S69-24876	CM-79141		Hồng Minh	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	21/05/2012	21/05/2013	02219/12S69
22171	S69-24878	CM-90484		Trần Tuấn Em	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	31/01/2012	31/01/2013	00358/12S69
22172	S69-24879	CM-22713		Nguyễn Tấn Liêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	23/04/2012	23/04/2013	01768/12S69
22173	S69-24880			Nguyễn Hoàng Thương	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00207/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22174	S69-24881	CM-72190		Nguyễn Văn Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/05/2012	17/05/2013	02113/12S69
22175	S69-24882			Phan Văn Ni	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00209/11S69
22176	S69-24883	CM-		Ngô Tấn Thi	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01128/12S69
22177	S69-24884	CM-72186		Ngô Minh Dương	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02165/13S69
22178	S69-24885			Nguyễn Hoài Hận	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00212/11S69
22179	S69-24886			Huỳnh Văn Xuyên	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00213/11S69
22180	S69-24887			Nguyễn Văn Mãng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00214/11S69
22181	S69-24888			Nguyễn Văn Phul	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00215/11S69
22182	S69-24889	CM-72193		Phạm Đình Sơn	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00194/14S69
22183	S69-24890			Võ Văn Khóa	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00217/11S69
22184	S69-24891	CM-72195		Nguyễn Văn Bằng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00576/13S69
22185	S69-24892			Đoàn Thanh Toàn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2011	17/01/2012	00236/11S69
22186	S69-24893			Nguyễn Văn Hậu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00950/12S69
22187	S69-24894	CM-90385		Lê Văn Vàng	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	31/03/2014	31/03/2015	00883/14S69
22188	S69-24895			Nguyễn Duy Tân	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2011	17/01/2012	00239/11S69
22189	S69-24896	CM-90376		Hồ Văn Nhanh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/02/2013	04/02/2014	01256/13S69
22190	S69-24898	CM-51411		Trần Hải Âu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	11/06/2014	11/06/2015	01533/14S69
22191	S69-24899	CM-43358		Từ Văn Miên	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	06/01/2012	06/01/2013	00082/12S69
22192	S69-24901	CM-22213		Lê Văn Sang	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	09/04/2012	09/04/2013	01449/12S69
22193	S69-24903	CM-22980		Lâm Thanh Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2013	11/03/2014	01582/13S69
22194	S69-24906			Nguyễn Văn Tùng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	19/01/2011	19/01/2012	00281/11S69
22195	S69-24907			Nguyễn Quốc Việt	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	21/01/2011	21/01/2012	00282/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22196	S69-24908			Trịnh Văn Chiến	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2011	16/01/2012	00284/11S69
22197	S69-24910			Trần Văn Kiệt	Hàng Vĩnh, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00288/11S69
22198	S69-24913			Nguyễn Phú Hùng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00292/11S69
22199	S69-24914	CM-22217		Nguyễn Văn Lợi	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01858/13S69
22200	S69-24915	CM-61446		Huỳnh Văn Lập	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2012	21/05/2013	02204/12S69
22201	S69-24916			Nguyễn Văn Lành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2011	20/01/2012	00295/11S69
22202	S69-24917			Trần Văn Diễn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00296/11S69
22203	S69-24918			Đàm Trường Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00297/11S69
22204	S69-24919			Đoàn Văn Trường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00298/11S69
22205	S69-24920			Võ Văn Thương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00299/11S69
22206	S69-24921			Chu Văn Khương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00300/11S69
22207	S69-24922			Lâm Văn Thường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/01/2011	21/01/2012	00312/11S69
22208	S69-24923			Nguyễn Phương Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	21/01/2011	21/01/2012	00317/11S69
22209	S69-24924	CM-22239		Hồ Hoàng Trang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02386/13S69
22210	S69-24925	CM-22226		Ông Minh Phải	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02857/12S69
22211	S69-24926	CM-90423		Huỳnh Kim Huệ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	25/08/2014	25/08/2015	02336/14S69
22212	S69-24927			Tô Văn Kiên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/01/2011	25/01/2012	00337/11S69
22213	S69-24928	CM-22228		Trần Minh út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2011	24/06/2012	02297/11S69
22214	S69-24929			Tiêu Thanh Bấy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2011	24/01/2012	00348/11S69
22215	S69-24931	CM-90410		Nguyễn Văn Kiêm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/12/2014	29/12/2015	03511/14S69
22216	S69-24932	CM-22203		Cty TNHH TV XD Bình Minh	Phường 5, Thành phố Cà Mau	26/02/2013	26/02/2014	01379/13S69
22217	S69-24933	CM-90396		Đặng Văn Tính	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/03/2013	18/03/2014	01657/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22218	S69-24934			Nguyễn Thanh Trọng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02952/12S69
22219	S69-24935			Lê Văn Mến	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00391/11S69
22220	S69-24936			Tô Phát Vững	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00392/11S69
22221	S69-24937			Nguyễn Tấn Đạt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	23/10/2013	23/10/2014	05343/13S69
22222	S69-24938			Nguyễn Tuấn Anh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00394/11S69
22223	S69-24939	CM-72202		Trần Văn Thu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01131/12S69
22224	S69-24940			Nguyễn Trường Sơn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01127/12S69
22225	S69-24941			Nguyễn Văn Phước	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00397/11S69
22226	S69-24942			Lê Hồng Mạnh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00398/11S69
22227	S69-24943			Nguyễn Chí Tâm	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00399/11S69
22228	S69-24944			Phan Văn Thắng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00400/11S69
22229	S69-24945			Tô Minh Tuấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00401/11S69
22230	S69-24946			Nguyễn Văn Nghị	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00402/11S69
22231	S69-24947			Đỗ Văn Thông	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00403/11S69
22232	S69-24948			Lê Thanh Tuấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00404/11S69
22233	S69-24949			Trần Thanh Sang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00405/11S69
22234	S69-24950	CM-72214		Dương Thế Anh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02951/12S69
22235	S69-24951			Trần Quốc Tỉnh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	27/01/2011	27/01/2012	00381/11S69
22236	S69-24952			Đồng Xuân Cường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/04/2012	17/04/2013	01649/12S69
22237	S69-24954			Trịnh Văn Pha	Phường 6, Thành phố Cà Mau	27/01/2011	27/01/2012	00388/11S69
22238	S69-24955			Điệp Thị Hai	Khánh Tiến, Huyện U Minh	28/12/2012	28/12/2013	09687/12S69
22239	S69-24956			Phan Văn Nhiệt	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00407/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22240	S69-24957			Huỳnh Văn Khang	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00408/11S69
22241	S69-24959			Lâm Trung Liệt	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00410/11S69
22242	S69-24960			Bùi Thị Ngân	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00411/11S69
22243	S69-24961			Trần Quốc Thuận	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00412/11S69
22244	S69-24962			Phan Công Định	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00413/11S69
22245	S69-24963			Hồng Văn Toàn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00414/11S69
22246	S69-24964	CM-22241		Lê Hiền Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	06/08/2012	06/08/2013	04322/12S69
22247	S69-24966	CM-22240		Trần Văn Nguyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00698/12S69
22248	S69-24967			Trần Thị Bé	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/01/2012	00423/11S69
22249	S69-24968			Trần Tiến Quân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/01/2012	00424/11S69
22250	S69-24969	CM-51421		Châu Văn Ngoãn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00830/14S69
22251	S69-24971	CM-51417		Lê Tuấn Kiệt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06011/12S69
22252	S69-24972			Phạm Thanh Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/01/2012	00428/11S69
22253	S69-24973	CM-51422		Trần Rô Y	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/04/2013	04/04/2014	02071/13S69
22254	S69-24974			Trần Thanh Thảo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/01/2012	00430/11S69
22255	S69-24975			Đinh Công Tráng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2011	28/01/2012	00431/11S69
22256	S69-24976	CM-51419		Kim Hậu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00854/14S69
22257	S69-24977	CM-51418		Trần Phương Đông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/02/2012	10/02/2013	00461/12S69
22258	S69-24978	CM-51416		Huỳnh Văn Đăng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07746/12S69
22259	S69-24981			Nguyễn Tiến Thành	Phường 8, Thành phố Cà Mau	16/08/2013	16/08/2014	03912/13S69
22260	S69-24982	CM-43359		Nguyễn Văn Hiếu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2014	12/04/2015	00973/14S69
22261	S69-24983	CM-61444		Đặng Văn Hiền	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	06/03/2014	06/03/2015	00603/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22262	S69-24984			Lê Nhật Tân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	11/02/2011	11/02/2012	00492/11S69
22263	S69-24985			Trần Văn Đức	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	17/01/2011	17/01/2012	00493/11S69
22264	S69-24986			Ngô Trường Dậm	xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	26/01/2011	26/01/2012	00494/11S69
22265	S69-24987			Nguyễn Văn Nhiệm	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00497/11S69
22266	S69-24988			Nguyễn Hoàng Hưởng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00498/11S69
22267	S69-24989			Nguyễn Văn Cát	Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00499/11S69
22268	S69-24990			Nguyễn Văn Đạm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00500/11S69
22269	S69-24991			Đinh Xuân Quẩn	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00501/11S69
22270	S69-24992			Phạm Hoang Giang	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00502/11S69
22271	S69-24993			Trang Văn Bực	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00503/11S69
22272	S69-24994			Trương Quốc Khởi	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00504/11S69
22273	S69-24995			Nguyễn Minh Chính	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00505/11S69
22274	S69-24996			Phạm Văn Sết	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00506/11S69
22275	S69-24997			Nguyễn Văn Kiệt	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00507/11S69
22276	S69-24998			Nguyễn Hữu Đức	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00508/11S69
22277	S69-24999			Trương Văn Hường	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00509/11S69
22278	S69-25000			Võ Minh Tuấn	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00510/11S69
22279	S69-25001			Mai Thị Dương	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00511/11S69
22280	S69-25002			Nguyễn Thanh Phong	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00512/11S69
22281	S69-25003			Lê Trí Thông	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/01/2011	19/01/2012	00513/11S69
22282	S69-25004			Nguyễn Văn Diệu	Đông Thới, Huyện Cái Nước	15/02/2011	15/08/2011	00528/11S69
22283	S69-25006	CM-90397		Nguyễn Văn Giữ	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03832/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22284	S69-25008	CM-22244		Lâm Văn Chưởng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01133/12S69
22285	S69-25009	CM-72225		Trần Ngọc Thi	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02158/13S69
22286	S69-25010			Tạ Văn Miên	Xã Phú, Huyện Phú Tân	16/02/2011	16/02/2012	00549/11S69
22287	S69-25011	CM-72224		Lê Trường Sơn	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00598/13S69
22288	S69-25012			Trần Văn Lĩnh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/02/2011	16/02/2012	00551/11S69
22289	S69-25014	CM-43360		Nguyễn Văn Hoàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01065/12S69
22290	S69-25015			Lê Văn út	Khánh Tiến, Huyện U Minh	21/02/2011	21/02/2012	00566/11S69
22291	S69-25016			Phan Văn Thắng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	21/02/2011	21/02/2012	00568/11S69
22292	S69-25017			Lý Thị Chưởng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	21/02/2011	21/02/2012	00571/11S69
22293	S69-25018	CM-22247		Nguyễn Văn Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02327/13S69
22294	S69-25020			Lê Văn Mung	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	22/02/2011	22/02/2012	00577/11S69
22295	S69-25021			Nguyễn Văn Chuyện	TT Năn Cản, Huyện Năm Căn	20/01/2011	20/01/2012	00578/11S69
22296	S69-25022	CM-61458		Trần Văn Liệt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2014	20/07/2015	01936/14S69
22297	S69-25023	CM-22246		Huỳnh Phước Tân	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01120/12S69
22298	S69-25024	CM-90399		Cao Văn Thảo	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2013	04/01/2014	00060/13S69
22299	S69-25025	CM-90400		Trần Lưu Que	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2012	16/03/2013	01077/12S69
22300	S69-25027	CM-43363		Trần Văn Chửng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	18/02/2014	18/02/2015	00433/14S69
22301	S69-25028	CM-22261		Nguyễn Hoàng Phương	xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	03/06/2013	03/06/2014	02894/13S69
22302	S69-25029	CM-22262		Lâm Vũ Tân	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/07/2013	18/07/2014	03565/13S69
22303	S69-25030	CM-22263		Châu Hoàng Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2012	24/04/2013	01803/12S69
22304	S69-25031			Lý Thanh Nam	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2011	24/02/2012	00610/11S69
22305	S69-25032			Nguyễn Thái Huy	xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2011	24/02/2012	00611/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22306	S69-25033			Nguyễn Văn Hiền	xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2011	24/02/2012	00612/11S69
22307	S69-25034			Võ Văn Nhựt	K6, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2011	25/02/2012	00625/11S69
22308	S69-25035	CM-87471		Trần Văn Đoàn	Khánh Hội, Huyện U Minh	27/01/2015	27/01/2016	00213/15S69
22309	S69-25036	CM-87472		Trần Văn Đoàn	Khánh Hội, Huyện U Minh	27/01/2015	27/01/2016	00212/15S69
22310	S69-25037	CM-22256		Nguyễn Văn Hùng	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	10/04/2012	10/04/2013	01559/12S69
22311	S69-25039	CM-72223		Huỳnh Văn Quốc	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	21/07/2014	21/07/2015	01927/14S69
22312	S69-25040	CM-22258		Trịnh Minh Hà	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/07/2014	16/07/2015	01903/14S69
22313	S69-25041			Huỳnh Văn No	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	01/03/2011	01/03/2012	00641/11S69
22314	S69-25044			Trương Tấn Lộc	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	01/03/2011	01/03/2012	00653/11S69
22315	S69-25045			Huỳnh Quốc Hội	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	03/08/2012	03/08/2013	04216/12S69
22316	S69-25046	CM-51436		Phạm Chí Tân	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	03/01/2013	03/01/2014	00034/13S69
22317	S69-25047	CM-51435		Châu Huy Hận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07805/12S69
22318	S69-25048			Phan Minh Hóa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00659/11S69
22319	S69-25049			Nguyễn Chí Nguyễn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00660/11S69
22320	S69-25050	CM-51432		Nguyễn Thành Tâm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06351/12S69
22321	S69-25051	CM-51431		Lâm Văn Bảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02414/14S69
22322	S69-25052			Nguyễn Văn Quốc	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00663/11S69
22323	S69-25054	CM-51429		Trương Thanh Vũ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01614/15S69
22324	S69-25057			Nguyễn Minh Thiện	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2011	20/02/2012	02011/11S69
22325	S69-25058			Huỳnh Văn Hải	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	28/02/2011	28/02/2012	00696/11S69
22326	S69-25059			Nguyễn Văn Lộc	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00697/11S69
22327	S69-25060			Trần Văn Công	Đất Mới, Huyện Năm Căn	28/02/2011	28/02/2012	00698/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22328	S69-25061			Huỳnh Nhựt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2011	20/02/2012	00699/11S69
22329	S69-25062	CM-61454		Phan Vũ Bằng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02853/12S69
22330	S69-25063	CM-61455		Bùi Thị Loan	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00682/13S69
22331	S69-25064			Nguyễn Minh Thiện	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2011	20/02/2012	00702/11S69
22332	S69-25065	CM-66317		Hà Thanh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01894/13S69
22333	S69-25066	CM-43365		Nguyễn Chí Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	14/09/2012	14/09/2013	04768/12S69
22334	S69-25067			Lê Hữu Phước	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2011	10/01/2012	00726/11S69
22335	S69-25068	CM-90404		Sử Văn Dũng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2013	08/01/2014	00245/13S69
22336	S69-25069			Trần Chí Nguyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2011	06/03/2012	00753/11S69
22337	S69-25070			Huỳnh Văn Lâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05586/12S69
22338	S69-25071	CM-43367		Đoàn Văn Sĩ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	27/06/2014	27/06/2015	01733/14S69
22339	S69-25073			Bùi Văn Phước	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00784/11S69
22340	S69-25074			Bùi Hoàng Toàn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00785/11S69
22341	S69-25075			Tô Văn Đạo	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00786/11S69
22342	S69-25076			Phạm Văn Danh	Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00787/11S69
22343	S69-25077			Nguyễn Minh Chí	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00788/11S69
22344	S69-25078			Nguyễn út Hiền	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00789/11S69
22345	S69-25079			Võ Văn Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00790/11S69
22346	S69-25080	CM-72229		Phạm Minh Hoàng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00604/13S69
22347	S69-25081			Nguyễn Tấn Đạo	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00792/11S69
22348	S69-25082			Dương Đồng Khởi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00793/11S69
22349	S69-25083			Nguyễn Văn Hội	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00794/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22350	S69-25084			Nguyễn Văn Ninh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00795/11S69
22351	S69-25085			Nguyễn Văn Hải	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00796/11S69
22352	S69-25086	CM-72238		Nguyễn Quốc Khởi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00182/14S69
22353	S69-25087	CM-66310		Trịnh Hoàng Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09592/12S69
22354	S69-25088			Ngô Hoàng Sơn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09623/12S69
22355	S69-25089			Mai Văn Cao	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00798/11S69
22356	S69-25090			Phạm Văn Truyền	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	10/03/2011	08/03/2012	00799/11S69
22357	S69-25091	CM-51427		Tô Minh Cảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05952/13S69
22358	S69-25092			Nguyễn Văn Sang	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	27/01/2011	27/01/2012	00778/11S69
22359	S69-25093			Lê Văn Đò	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00779/11S69
22360	S69-25094			Đỗ Quốc Lập	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	15/10/2013	15/10/2014	04922/13S69
22361	S69-25095	CM-72236		Phạm Văn Mộng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01803/13S69
22362	S69-25096			Mai Văn Phôi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/03/2011	08/03/2012	00801/11S69
22363	S69-25097	CM-90408		Phan Nhật Nam	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03059/13S69
22364	S69-25098			Nguyễn Thị Cẩm Phượng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2011	10/03/2012	00815/11S69
22365	S69-25106	CM-22272		Huỳnh Phước Hải	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03286/13S69
22366	S69-25107			Lê Quốc Việt	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/10/2010	16/10/2011	00712/11S69
22367	S69-25108	CM-22270		Nguyễn Văn Mót	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/07/2012	16/07/2013	03839/12S69
22368	S69-25110			Trương Văn Hà	xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00829/11S69
22369	S69-25111	CM-72227		Đỗ Tấn Em	xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	12/03/2012	12/03/2014	00923/12S69
22370	S69-25112	CM-43370		Nguyễn Văn Bình	xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2014	00928/12S69
22371	S69-25113			Nguyễn Công Đĩnh	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00832/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22372	S69-25114			Trương Hoàng Vũ	xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2011	12/03/2012	00833/11S69
22373	S69-25115	CM-22274		Hồng Minh Khương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02461/13S69
22374	S69-25116			Phan Thượng Thơ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2011	09/03/2012	00851/11S69
22375	S69-25117			Tiết Văn Qui	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2011	09/03/2012	00852/11S69
22376	S69-25118	CM-66312		Nguyễn Văn Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09617/12S69
22377	S69-25119			Huỳnh My	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2011	09/03/2012	00854/11S69
22378	S69-25120	CM-22271		Nguyễn Văn Tố	Khánh An, Huyện U Minh	09/04/2012	09/04/2013	01450/12S69
22379	S69-25121			Trương Văn Trúc	xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/03/2011	14/03/2012	00868/11S69
22380	S69-25122			Nguyễn Quốc Việt	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	03/03/2011	03/03/2012	00869/11S69
22381	S69-25124			CTY TNHH Xây Dựng Thịnh Phát	Phường 1,, Thành phố Cà Mau	14/03/2011	14/03/2012	00880/11S69
22382	S69-25125			Trương Lực Xây	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/03/2011	15/03/2012	00882/11S69
22383	S69-25126			Lê Công Bằng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	08/03/2011	08/03/2012	00885/11S69
22384	S69-25127	CM-22276		Liều A Hòa	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/03/2013	20/03/2014	01873/13S69
22385	S69-25128	CM-22279		Nguyễn Văn Phục	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	24/12/2013	24/12/2014	06330/13S69
22386	S69-25129			Phan Văn Toàn	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/03/2011	16/03/2012	00903/11S69
22387	S69-25130	CM-72244		Trần Trọng Khang	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03115/13S69
22388	S69-25131	CM-72243		Lâm Văn Kết	Tân Hải, Huyện Phú Tân	20/04/2015	16/04/2016	00735/15S69
22389	S69-25132	CM-22297		Trần Văn Minh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/04/2012	16/04/2013	01647/12S69
22390	S69-25136	CM-66327		Huỳnh Văn Đạo	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05314/13S69
22391	S69-25137			Trương Văn Hoàng	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2011	16/03/2012	00898/11S69
22392	S69-25138	CM-22281		Nguyễn Hoàng Phương	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	25/10/2012	25/10/2013	05634/12S69
22393	S69-25139	CM-90411		Đặng Văn Đọt	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	28/02/2014	28/02/2015	00528/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22394	S69-25140			Mai Hòa Trung	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	15/03/2011	15/03/2012	00918/11S69
22395	S69-25141			Nguyễn Văn Liêm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	17/03/2011	17/03/2012	00919/11S69
22396	S69-25143	CM-22282		Nguyễn Minh Công	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2013	04/01/2014	00039/13S69
22397	S69-25145			Trần Quốc Hận	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/03/2011	17/03/2012	00930/11S69
22398	S69-25148			Nguyễn Bé Năm	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	21/03/2011	16/03/2012	00933/11S69
22399	S69-25149			Lê Chí Khanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03188/13S69
22400	S69-25150	CM-61461		Trần Văn Nhứt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2014	20/09/2015	02590/14S69
22401	S69-25151			Lê Chiến Thắng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/03/2011	20/03/2012	00940/11S69
22402	S69-25152			Phạm Văn Lành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/03/2011	20/03/2012	00941/11S69
22403	S69-25153			Nguyễn Duy Thái	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2011	20/03/2012	00942/11S69
22404	S69-25154			Trần Văn Lắc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2011	20/03/2012	00943/11S69
22405	S69-25155	CM-90419		Phan Văn Hầu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01392/12S69
22406	S69-25156			Võ Văn Quốc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/02/2011	12/02/2012	00953/11S69
22407	S69-25158	CM-43383		Võ Văn Thủ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	26/11/2013	26/11/2014	05903/13S69
22408	S69-25159			Phạm Minh Nhứt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/03/2011	22/03/2012	00957/11S69
22409	S69-25160	CM-43380		Nguyễn Văn Đài	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05081/12S69
22410	S69-25161			Nguyễn Chí Hiếu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/03/2011	22/03/2012	00959/11S69
22411	S69-25163	CM-43375		Lê Văn Ruột	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	13/05/2014	13/05/2015	01268/14S69
22412	S69-25164			Nguyễn Thiện Thanh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/03/2011	22/03/2012	00962/11S69
22413	S69-25165	CM-79145		Huỳnh Quốc Việt	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	25/06/2013	25/06/2014	03233/13S69
22414	S69-25167			Nguyễn Vũ Ca	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2011	16/03/2012	00979/11S69
22415	S69-25168			Phan Hữu Nghị	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	22/03/2011	22/03/2012	00980/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22416	S69-25169	CM- 01070		Võ Văn Hiền	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	06/06/2012	06/06/2013	00160/12S65
22417	S69-25171	CM-43382		Bùi Văn Tới	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/04/2012	20/04/2013	01722/12S69
22418	S69-25172			Nguyễn út Đẩu	Quách phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	22/03/2011	22/03/2012	00993/11S69
22419	S69-25173	CM-90424		Phan Văn Giào	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	03/01/2013	03/01/2014	00027/12S69
22420	S69-25174	CM-22302		Phạm Văn Đông	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05363/12S69
22421	S69-25175			Diệp Hùng Thắng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2011	24/03/2012	01011/11S69
22422	S69-25176	CM-22288		Hồ Thanh Danh	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	06/05/2013	06/05/2014	02427/13S69
22423	S69-25178			Lê Văn Sang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	28/03/2011	28/03/2012	01027/11S69
22424	S69-25179	CM-22296		CTY TNHH SX - TM và DV Thanh Sơn	219 Quang Trung, K3, P5, Thành phố Cà Mau	17/08/2012	17/08/2013	04455/12S69
22425	S69-25181	CM-90425		Nguyễn Cu La	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	20/11/2012	20/11/2013	07085/12S69
22426	S69-25182	CM-43385		Trương Minh Hoàng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	10/04/2013	10/04/2014	02101/13S69
22427	S69-25183			Nguyễn Việt Khái	Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/03/2011	25/03/2012	01034/11S69
22428	S69-25184			Trương Minh Hoàng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01310/12S69
22429	S69-25185			Đình Minh Cảnh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	25/03/2011	25/03/2012	01036/11S69
22430	S69-25186			Lê Bảo Viễn	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01040/11S69
22431	S69-25187			Nguyễn Văn Dũng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01041/11S69
22432	S69-25188			Lý Văn Chính	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01042/11S69
22433	S69-25189			Bùi Thanh Hùng	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01043/11S69
22434	S69-25190			Nguyễn Văn út	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01044/11S69
22435	S69-25191			Lê Văn Thi	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01045/11S69
22436	S69-25192			Nguyễn Chí Nguyên	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01046/11S69
22437	S69-25193			Từ Văn Mười	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01047/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22438	S69-25194			Lâm út Nhỏ	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01048/11S69
22439	S69-25195			Lê Văn Sanh	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01049/11S69
22440	S69-25196			Phạm Văn Hùng	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01050/11S69
22441	S69-25197			Từ Phú Lâm	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	27/03/2011	27/03/2012	01051/11S69
22442	S69-25198	CM-51450		Lữ Hoàng Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/11/2011	29/05/2012	04661/11S69
22443	S69-25199	CM-		Nguyễn Chí Nguyễn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	18/04/2013	18/04/2014	02191/13S69
22444	S69-25200	CM-22313		Mã Thành Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02490/12S69
22445	S69-25201	CM-22314		Nguyễn Văn Đúng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02826/12S69
22446	S69-25202	CM-51447		Tô Công Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/04/2012	28/04/2013	01918/12S69
22447	S69-25203			Phạm Văn Mênh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	25203/11S69
22448	S69-25204	CM-51448		Tiền Văn Kha	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01277/12S69
22449	S69-25205	CM-51449		Nguyễn Văn Thanh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/04/2012	28/04/2013	01909/12S69
22450	S69-25206	CM-51441		Nguyễn Văn Lâm	Nguyễn Huân, Thành phố Cà Mau	28/04/2012	28/04/2013	01906/12S69
22451	S69-25207	CM-51442		Nguyễn Văn Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01622/15S69
22452	S69-25208	CM-51445		Nguyễn Trung Lý	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	01/06/2012	01/06/2013	02595/12S69
22453	S69-25209			Lương Thanh Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03718/13S69
22454	S69-25210			Huỳnh Văn Trường	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2011	29/03/2012	01100/11S69
22455	S69-25211	CM-90420		Phan Thị Gái	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/04/2012	19/10/2012	01712/12S69
22456	S69-25212			Nguyễn Văn Dương	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2011	16/03/2012	01102/11S69
22457	S69-25213	CM-22295		Đặng Quang Chiến	Trần Thới, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03433/12S69
22458	S69-25214			Nguyễn Văn Ngây	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	30/03/2011	30/03/2012	01109/11S69
22459	S69-25217	CM-51440		Huỳnh Văn Khanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10301/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22460	S69-25219	CM-43387		Nguyễn Văn Phụng	xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	11/09/2015	11/03/2016	01743/15S69
22461	S69-25222			Nguyễn Văn Tý	xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/04/2011	01/04/2012	01128/11S69
22462	S69-25223			Huỳnh Quốc Khải	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	02/04/2011	02/04/2012	01129/11S69
22463	S69-25224			Trần Văn Phương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	02/04/2011	02/04/2012	01130/11S69
22464	S69-25225			Trần Văn Diệu	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	02/04/2011	02/04/2012	01131/11S69
22465	S69-25226	CM-72247		Dư Trường Thọ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	19/08/2013	19/08/2014	03903/13S69
22466	S69-25227	CM-72257		Cao Toàn Diện	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/12/2013	16/12/2014	06220/13S69
22467	S69-25228			Đỗ Thành Trung	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	02/04/2011	02/04/2012	01134/11S69
22468	S69-25229			Đỗ Văn Lý	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	02/04/2011	02/04/2012	01135/11S69
22469	S69-25230			Cao Thanh Em	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	18/08/2015	18/08/2016	01541/15S69
22470	S69-25231			Trần Văn On	xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/04/2011	01/04/2012	01137/11S69
22471	S69-25232			Nguyễn Văn Quân	xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	01/04/2011	01/04/2012	01138/11S69
22472	S69-25233	CM-22307		Hồ Văn Kiên	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	25/03/2015	25/03/2016	00553/15S69
22473	S69-25234	CM-43388		Trần Hoàng Nam	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	16/06/2014	16/06/2015	01554/14S69
22474	S69-25235	CM-22306		Trần Văn Hữu	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	06/07/2015	06/07/2016	01232/15S69
22475	S69-25237			Nguyễn Hùng Cường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2011	06/04/2012	01172/11S69
22476	S69-25238			Phan Chí Toại	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2011	06/04/2012	01173/11S69
22477	S69-25239			Cù Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01648/14S69
22478	S69-25240	CM-66323		Nguyễn Công Đức	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02754/13S69
22479	S69-25242			Lý Văn Toại	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2011	06/04/2012	01177/11S69
22480	S69-25243			Nguyễn Thanh Toàn	Phường 8, Thành phố Cà Mau	07/04/2011	07/04/2012	01178/11S69
22481	S69-25244			Tiền Quốc Dũng	xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	07/04/2011	07/04/2012	01180/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22482	S69-25248			Nguyễn Văn Việt	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	08/04/2011	08/04/2012	01187/11S69
22483	S69-25249	CM-22317		Phạm Thanh Cho	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01994/12S69
22484	S69-25250	CM-22318		Nguyễn Bình An	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03269/13S69
22485	S69-25251	CM-72261		Võ Văn Màu	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/06/2013	12/06/2014	03093/13S69
22486	S69-25252			Nguyễn Trọng Tâm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/08/2012	16/08/2013	04453/12S69
22487	S69-25253			Lâm Văn Cầu	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/04/2011	08/04/2012	01204/11S69
22488	S69-25254	CM-66331		Nguyễn Văn Năm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07476/12S69
22489	S69-25255			Nguyễn Văn Thường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	09/04/2012	01207/11S69
22490	S69-25256			Dương Hoàng Đại	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	09/04/2012	01208/11S69
22491	S69-25257			Ngô Minh Vũ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	09/04/2012	01209/11S69
22492	S69-25258	CM-66332		Lê Minh Ty	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2015	24/05/2016	00978/15S69
22493	S69-25260			Nguyễn Văn Nhứt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	09/04/2012	01212/11S69
22494	S69-25261	CM-66333		Nguyễn Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02462/13S69
22495	S69-25262			Trần Thanh Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	09/04/2012	01214/11S69
22496	S69-25263			Lê Quốc Việt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	09/04/2012	01215/11S69
22497	S69-25264			Huỳnh Văn Tý	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/04/2011	09/04/2012	01216/11S69
22498	S69-25265			Trần Phi Long	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2011	10/04/2012	01225/11S69
22499	S69-25266			Châu Văn Bên	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2011	10/04/2012	01226/11S69
22500	S69-25267			Trịnh Cẩm Thúy	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2011	10/10/2011	01227/11S69
22501	S69-25269			Nguyễn Văn Hùng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2012	10/08/2013	04393/12S69
22502	S69-25270	CM-90433		Nguyễn Văn Sĩ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2012	10/08/2013	04392/12S69
22503	S69-25271			Cao Văn Đông	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2011	10/04/2012	01231/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22504	S69-25273			Cty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Gia Phú	15 Ngõ Gia Tự, Phường 5, Thành phố Cà Mau	11/04/2011	11/04/2012	01238/11S69
22505	S69-25274	CM-22312		Hồ Công Thành	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	23/04/2013	23/04/2014	02268/13S69
22506	S69-25275			Nguyễn Thái Học	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	03/05/2012	03/05/2013	01933/12S69
22507	S69-25276	CM-22319		Nguyễn Minh Hợp	224 Ngõ Quyền, K1, P9, Thành phố Cà Mau	26/05/2014	26/05/2015	01392/14S69
22508	S69-25277			Lê Thị Như ý	Phường 6, Thành phố Cà Mau	14/04/2011	14/04/2012	01252/11S69
22509	S69-25278	CM-22320		Nguyễn Văn Giàu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01757/12S69
22510	S69-25279	CM-22309		Võ Quốc Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01756/12S69
22511	S69-25280			Nguyễn Thành Nhân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2011	20/03/2012	01257/11S69
22512	S69-25281			Nguyễn Hoàng Anh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2011	06/04/2012	01261/11S69
22513	S69-25282	CM-90427		Nguyễn Văn Nhường	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	19/04/2012	19/04/2013	01719/12S69
22514	S69-25284			Võ Văn Thanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	04/07/2012	04/07/2013	03560/12S69
22515	S69-25285			Phan Hoàng Phương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	12/04/2011	12/04/2012	01271/11S69
22516	S69-25286			Trần Văn Cường	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	09/04/2011	09/04/2012	01281/11S69
22517	S69-25288			Võ Quang Sáng	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01288/11S69
22518	S69-25289			Lê Văn Phùng	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01289/11S69
22519	S69-25290	CM-22337		Trương Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02225/13S69
22520	S69-25291	CM-22338		Võ Hoàng Vĩnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03966/13S69
22521	S69-25292			Tô Minh Kết	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01292/11S69
22522	S69-25294			Trần Trâm Luân	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01294/11S69
22523	S69-25296	CM-22332		Nguyễn Văn Ngoan	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04457/13S69
22524	S69-25298			Phan Văn Tồn	xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01298/11S69
22525	S69-25299	CM-61475		Phan Văn Chương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	22/10/2012	22/10/2013	05539/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22526	S69-25300	CM-61474		Nguyễn Văn Thành	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02196/12S69
22527	S69-25301	CM-66358		Lê Hoàng Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2014	20/01/2015	00250/14S69
22528	S69-25303	CM-61466		Trần Mỹ Liên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01316/14S69
22529	S69-25304	CM-61473		Trần Hoàng Liêu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	21/05/2012	21/05/2013	02217/12S69
22530	S69-25305			Hồ Việt Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01305/11S69
22531	S69-25306	CM-61470		Võ Văn Tổ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03918/12S69
22532	S69-25307			Nguyễn Văn Lương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01307/11S69
22533	S69-25308			Võ Văn Trường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01308/11S69
22534	S69-25309			Trần Văn Cuộc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01309/11S69
22535	S69-25310	CM-61472		Nguyễn Thanh Sang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/05/2015	20/05/2016	00949/15S69
22536	S69-25311	CM-43393		Dư Văn Linh	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/08/2014	14/08/2015	02215/14S69
22537	S69-25312			Võ Văn Mãi	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01343/11S69
22538	S69-25313	CM-22329		Huỳnh Thanh Tuấn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02867/12S69
22539	S69-25314			Tạ Quốc Lâm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01345/11S69
22540	S69-25315			Nguyễn Văn Lực	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01351/11S69
22541	S69-25316			Nguyễn Văn Hoàng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01352/11S69
22542	S69-25317	CM-43401		Nguyễn Thanh Liêm	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/07/2015	01873/14S69
22543	S69-25320	CM-43400		Nguyễn Văn Vũ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2015	12/07/2016	01289/15S69
22544	S69-25321	CM-43407		Võ Hải Đảo	Đông Thới, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/02/2013	04354/12S69
22545	S69-25322	CM-43398		Lê Thanh Tùng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	14/05/2014	14/05/2015	01284/14S69
22546	S69-25323			Nguyễn Hoàng Khang	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01359/11S69
22547	S69-25324			Võ Văn Cường	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01360/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22548	S69-25325			Nguyễn Phước Lành	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01361/11S69
22549	S69-25326			Nguyễn Văn Sung	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/04/2012	12/04/2013	01600/12S69
22550	S69-25328	CM-66340		Phạm Ngọc Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05627/12S69
22551	S69-25329	CM-43391		Nguyễn Văn Chánh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01883/12S69
22552	S69-25330	CM-22331		Trần Văn Bưởi	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	21/01/2015	21/01/2016	00168/15S69
22553	S69-25332	CM-22344		Võ Văn Ty	Đông Thới, Huyện Cái Nước	09/07/2012	09/07/2013	03634/12S69
22554	S69-25334			Phan Ly Na	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01428/11S69
22555	S69-25335			Trịnh Văn Mãi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	28/04/2012	01429/11S69
22556	S69-25336			Hồ Thanh Dũng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01430/11S69
22557	S69-25337			Nguyễn Hoàng Anh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01431/11S69
22558	S69-25338			Nguyễn Hoàng Nô	Khóm 4, TT U Minh, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01432/11S69
22559	S69-25339			Nguyễn Thị Lài	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01433/11S69
22560	S69-25340			Trần Văn Điển	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01434/11S69
22561	S69-25341			Đặng Thanh Tú	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01435/11S69
22562	S69-25342			Sơn Hôn	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01436/11S69
22563	S69-25343			Nguyễn Văn Tiếp	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01437/11S69
22564	S69-25344			Nguyễn Văn Chiến	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01438/11S69
22565	S69-25345			Lê Văn Khâm	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01439/11S69
22566	S69-25346			Nguyễn Minh Hải	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01440/11S69
22567	S69-25347			Phạm Văn Chiến	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01441/11S69
22568	S69-25348			Nguyễn Văn Lý	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01442/11S69
22569	S69-25349			Huỳnh Văn Giả	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01443/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22570	S69-25350			Huỳnh Văn Giả	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01444/11S69
22571	S69-25351	CM-22381		Trần Thanh Hoàng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00881/13S69
22572	S69-25353			Lê Văn Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01447/11S69
22573	S69-25354			Văn Phòng Huyện ủy Đầm Dơi	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03314/12S69
22574	S69-25355			Nguyễn Văn Trúc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01449/11S69
22575	S69-25356	CM-51467		Tô Văn Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00256/15S69
22576	S69-25357			Huỳnh Thanh Dũng	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01451/11S69
22577	S69-25359	CM-51464		Trần Văn Tuổi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01136/14S69
22578	S69-25360	CM-51463		Nguyễn Văn Bảnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01607/15S69
22579	S69-25361	CM-51462		Trang Văn Tiến	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07891/12S69
22580	S69-25362	CM-51461		Nguyễn Văn Vinh	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06468/13S69
22581	S69-25363			Huỳnh Vũ Phong	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01457/11S69
22582	S69-25364	CM-51459		Lý Thanh Hùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2014	04/09/2015	02445/14S69
22583	S69-25365			Lê Minh Sang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01483/11S69
22584	S69-25366			Hà Minh Tỷ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01484/11S69
22585	S69-25367	CM-43392		Đỗ Thành Tín	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/05/2012	12/05/2013	02067/12S69
22586	S69-25368	CM-22360		Phan Văn Thắng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02838/13S69
22587	S69-25369	CM-22359		Phan Ly Na	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02841/13S69
22588	S69-25370	CM-23283		Phan Văn Dũng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02837/13S69
22589	S69-25371	CM-22362		Diệp Văn Hồ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02439/12S69
22590	S69-25372			Nguyễn Văn Giang	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03250/12S69
22591	S69-25373			Lê Văn Cầu	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01497/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22592	S69-25374	CM-22356		Mai Việt Hùng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/07/2013	25/07/2014	03661/13S69
22593	S69-25375			Phan Văn Chính	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/05/2011	04/05/2012	01501/02S69
22594	S69-25376	CM-66337		Vương Ngọc Pha	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	14/05/2012	14/05/2013	02093/12S69
22595	S69-25377	CM-51469		Đặng Trường Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	29/01/2013	28/07/2013	00986/13S69
22596	S69-25378			Trần Văn Miên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	14/03/2011	14/03/2012	01510/11S69
22597	S69-25379	CM-51484		Tô Thanh Bình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01435/15S69
22598	S69-25381			Đào Hải Long	Khánh Lâm, Huyện U Minh	26/04/2011	26/04/2012	01526/11S69
22599	S69-25382			Trần Văn Luân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	04/05/2011	04/05/2012	01527/11S69
22600	S69-25383	CM-90443		Hồ Thanh Sang	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00095/14S69
22601	S69-25384	CM-22369		Tăng Văn Chót	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2012	24/05/2013	02252/12S69
22602	S69-25385			Nguyễn Văn Phước	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01230/13S69
22603	S69-25388	CM-22363		Trương Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02662/13S69
22604	S69-25389	CM-90442		Phan Thanh Hoàng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	22/05/2012	22/05/2013	02224/12S69
22605	S69-25390	CM-66343		Hồng Sản	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04024/13S69
22606	S69-25391	CM-66342		Đặng Văn Quốc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02753/13S69
22607	S69-25392			Huỳnh Văn Tý	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2011	09/05/2012	01545/11S69
22608	S69-25393	CM-66339		Trần Văn Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/11/2014	20/11/2015	03054/14S69
22609	S69-25396	CM-90444		Nguyễn Văn Tính	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	31/05/2012	31/05/2013	02551/12S69
22610	S69-25397			Nguyễn Quốc Tịch	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	11/05/2011	11/05/2012	01572/11S69
22611	S69-25398			Võ Trường Đông	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	12/05/2011	12/05/2012	01575/11S69
22612	S69-25399			Phạm Minh Kiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	12/05/2011	12/05/2012	02576/11S69
22613	S69-25402	CM-22375		Ngô Văn Dở	Đông Thới, Huyện Cái Nước	24/05/2012	24/05/2013	02236/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22614	S69-25403			Nguyễn Hoàng Đăng	xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/05/2011	12/05/2012	01586/11S69
22615	S69-25404			Nguyễn Việt Kỳ	xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2011	12/05/2012	01587/11S69
22616	S69-25405			Tô Văn Kiệt	xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/05/2011	12/05/2012	01588/11S69
22617	S69-25407			Phạm Văn Giàu	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	17/05/2011	17/05/2012	01612/02S69
22618	S69-25408			Nguyễn Quốc Khánh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/05/2011	16/05/2012	01613/11S69
22619	S69-25409			DNTN Sử Thành Phú	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	04/05/2011	04/05/2012	01617/11S69
22620	S69-25410			DNTN Sử Thành Phú	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	04/05/2011	04/05/2012	01618/11S69
22621	S69-25411			DNTN Sử Thành Phú	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	04/05/2011	04/05/2012	01619/11S69
22622	S69-25412	CM-22373		Ngô Thiện Tính	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	01/07/2013	01/07/2014	03361/13S69
22623	S69-25413			Huỳnh Quốc Trung	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	06/05/2011	06/05/2012	01627/11S69
22624	S69-25414	CM-51470		Nguyễn Văn Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/09/2013	01744/13S69
22625	S69-25415	CM-22374		Huỳnh Minh Dương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	17/05/2013	17/05/2014	02608/13S69
22626	S69-25416			Huỳnh Văn Thoại	xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	19/05/2011	19/05/2012	01633/11S69
22627	S69-25417			Lê Thị Diễm Kiều	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/04/2011	16/04/2012	01634/11S69
22628	S69-25418			Lê Thị Diễm Kiều	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/04/2011	16/04/2012	01635/11S69
22629	S69-25419			Lê Văn Tèo	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/04/2011	28/04/2012	01636/11S69
22630	S69-25420			Bùi Văn Sul	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/05/2011	16/05/2012	01637/11S69
22631	S69-25421			Võ Văn Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/05/2011	20/05/2012	01638/11S69
22632	S69-25422			Đặng Văn Nhiều	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2012	10/07/2013	03657/12S69
22633	S69-25423			Bùi Quang Vinh	Phường 8, Thành phố Cà Mau	19/05/2011	19/05/2012	01640/11S69
22634	S69-25424			Hồng Văn Đen	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/05/2012	28/05/2013	02502/12S69
22635	S69-25427			Mã Thanh Long`	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/05/2011	19/05/2012	01645/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22636	S69-25429	CM-51474		Huỳnh Ngọc Thạch	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01598/15S69
22637	S69-25430	CM-51473		Trương Minh Khúng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00878/13S69
22638	S69-25431	CM-51472		Trương Minh Khúng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00879/13S69
22639	S69-25432			Lê Anh Kiệt	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01653/11S69
22640	S69-25433			Võ Hoàng Khương	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01654/11S69
22641	S69-25435	CM-22397		Võ Văn Minh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03199/13S69
22642	S69-25436			Nguyễn Nhật Huỳnh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01657/11S69
22643	S69-25437			Đặng Thống Nhứt	xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01658/11S69
22644	S69-25438	CM-22396		Trần Văn Sỹ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03962/13S69
22645	S69-25440			Nguyễn Chí Nguyên	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01661/11S69
22646	S69-25441	CM-61482		Nguyễn Văn Thanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02197/12S69
22647	S69-25442	CM-61483		Võ Văn Tỷ	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02194/12S69
22648	S69-25444	CM-61485		Chu Văn Khương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03603/13S69
22649	S69-25445			Trần Văn Vũ	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03913/12S69
22650	S69-25447	CM-61488		Nguyễn Văn Diễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03916/12S69
22651	S69-25448	CM-61489		Lê Thanh Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02871/12S69
22652	S69-25449			Nguyễn Văn Tăng	xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01670/11S69
22653	S69-25450	CM-61491		Lê Chí Hiền	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	12/07/2015	12/07/2016	01287/15S69
22654	S69-25451			Nguyễn Thành Công	xã Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/05/2011	20/05/2012	01672/11S69
22655	S69-25455			Dương Thị Nhi	xã Khánh An, Huyện U Minh	23/05/2011	23/05/2012	01698/11S69
22656	S69-25456	CM-79158		Mã Khánh Hùng	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	31/12/2013	31/12/2014	06634/13S69
22657	S69-25457			Lý Văn Đưng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2011	06/05/2012	01711/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22658	S69-25458	CM-22350		Nguyễn Văn Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/06/2012	20/06/2013	02989/12S69
22659	S69-25461	CM-22410		Tiết Văn Sử	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03651/13S69
22660	S69-25462			Phạm Văn Nhân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2011	24/05/2012	01716/11S69
22661	S69-25463	CM-66344		Lê Văn Khởi	TT Rạch gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03987/12S69
22662	S69-25464	CM-22353		Huỳnh Văn Đông	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	02/01/2013	02/01/2014	00017/13S69
22663	S69-25465	CM-90453		Lê Văn Phụng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2013	08/01/2014	00244/13S69
22664	S69-25466	CM-66359		Lê Tấn Phong	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01607/12S69
22665	S69-25468			Võ Chí Phương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04986/12S69
22666	S69-25469			Trần Văn Sơn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	22/08/2012	22/08/2013	04516/12S69
22667	S69-25470	CM-22354		Nguyễn Thanh Vẹn	Phường 8, Thành phố Cà Mau	07/06/2013	07/06/2014	02911/13S69
22668	S69-25471			Phan Văn Thắng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	27/05/2011	27/05/2012	01757/11S69
22669	S69-25473			Trần Hợp Em	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02503/12S69
22670	S69-25474	CM-22402		Nguyễn Hoàng Can	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07414/12S69
22671	S69-25476			Đào Quốc Toàn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/05/2011	28/05/2012	01763/11S69
22672	S69-25479	CM-51489		Đông Văn Hùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00810/14S69
22673	S69-25480			Nguyễn Trường Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/05/2011	28/05/2012	01767/11S69
22674	S69-25481	CM-51486		Nguyễn Văn Trường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01440/15S69
22675	S69-25482	CM-51485		Mã Văn Diện	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06002/13S69
22676	S69-25483	CM-51483		Phạm Văn Khanh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04126/12S69
22677	S69-25485	CM-51482		Trần Đô Ri	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07417/12S69
22678	S69-25487			Liêu Hoàng kha	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	29/05/2011	29/05/2012	01796/11S69
22679	S69-25488	CM-43408		Trần Thanh Hải	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/05/2012	08/05/2013	02010/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22680	S69-25489			Huỳnh Việt Thù	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	29/05/2011	29/05/2012	01800/11S69
22681	S69-25490	CM-61480		Mã Bằng Sen	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	07/06/2013	07/06/2014	02993/13S69
22682	S69-25491			Ngô Văn Mai	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	31/05/2011	31/05/2012	01803/11S69
22683	S69-25493	CM-22388		Du Hoàng Dân	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	16/10/2013	16/10/2014	04927/13S69
22684	S69-25494	CM-22387		Võ Văn Tý	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03340/13S69
22685	S69-25495			Nguyễn Văn Bền	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	28/05/2011	28/05/2012	01809/11S69
22686	S69-25496			Lê Thị Kiều	xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	01/06/2011	01/06/2012	01813/11S69
22687	S69-25497			Lê Thị Kiều	xã Khánh Lâm, Huyện U Minh	01/06/2011	01/06/2012	01814/11S69
22688	S69-25499			CTY TNHH MTV Nuôi Tôm Sinh Thái Minh Phú	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	02/06/2011	02/06/2012	01820/11S69
22689	S69-25500	CM-43411		Nguyễn Văn Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	04/05/2015	04/05/2016	00836/15S69
22690	S69-25501			Thái Minh Luân	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	06/06/2011	06/06/2012	01834/11S69
22691	S69-25502	CM-22401		Võ Văn Huỳnh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/09/2014	26/09/2015	02640/14S69
22692	S69-25504			Nguyễn Văn Thuận	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2011	24/05/2012	01847/11S69
22693	S69-25505			BCHQS xã Viên An Đông	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2011	06/06/2012	01849/11S69
22694	S69-25506			Nguyễn Minh Triệu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2011	06/06/2012	01850/11S69
22695	S69-25507			Lê Chí Khanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2011	06/06/2012	01851/11S69
22696	S69-25508	CM-79159		Danh Lương	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	11/03/2015	11/03/2016	00440/15S69
22697	S69-25510	CM-90551		Lâm Văn Quảng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03063/13S69
22698	S69-25511			Nguyễn Văn Đáng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/06/2011	08/06/2012	01865/11S69
22699	S69-25513			Phạm Thị Ghê	Khánh Thuận, Huyện U Minh	02/06/2011	02/06/2012	01868/11S69
22700	S69-25514			Nguyễn Văn Ca	Khánh Thuận, Huyện U Minh	02/06/2011	02/06/2012	01869/11S69
22701	S69-25515			Trần Văn Tạo	Khánh Thuận, Huyện U Minh	02/06/2011	02/06/2012	01870/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22702	S69-25516			Nguyễn Quốc Nam	Khánh Thuận, Huyện U Minh	02/06/2011	02/06/2012	01871/11S69
22703	S69-25517			Nguyễn Văn Cuôl	Khánh Thuận, Huyện U Minh	02/06/2011	02/06/2012	01872/11S69
22704	S69-25518			Trịnh Quốc Tuấn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	02/06/2011	02/06/2012	01873/11S69
22705	S69-25520			Tô Minh Điều	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/06/2011	08/06/2012	01877/11S69
22706	S69-25521			Tiết Thanh Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/06/2011	08/06/2012	01878/11S69
22707	S69-25522	CM-72274		Nguyễn Văn Luân	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	05/11/2013	05/11/2014	05679/13S69
22708	S69-25523			Đỗ Văn Trắng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/06/2011	08/06/2012	01880/11S69
22709	S69-25524	CM-72272		Nguyễn Mạnh Tuấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00579/13S69
22710	S69-25525			Võ Văn Ngờ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/06/2011	08/06/2012	01882/11S69
22711	S69-25526			Huỳnh Công Luận	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	08/06/2011	08/06/2012	01883/11S69
22712	S69-25528			Phan Văn Me	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/06/2011	09/06/2012	01886/11S69
22713	S69-25529			Sơn Văn Cảnh	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	09/06/2011	09/06/2012	01887/11S69
22714	S69-25530			Lê Hoàng Phong	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02845/13S69
22715	S69-25531	CM-43413		Đặng Văn Tùng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	06/03/2015	06/03/2016	00429/15S69
22716	S69-25533			Lê Việt Triều	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/06/2011	08/06/2012	01895/02S69
22717	S69-25535	CM-09730		Phạm Văn Linh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	18/06/2012	18/06/2013	02960/12S69
22718	S69-25536			Nguyễn Văn Vàng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/06/2011	09/06/2012	01905/11S69
22719	S69-25537			Nguyễn Tấn Tài	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/06/2011	09/06/2012	01906/11S69
22720	S69-25538			Ngô Văn Kìl	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/06/2011	09/06/2012	01907/11S69
22721	S69-25539	CM-66352		Nguyễn Văn Nguyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05429/13S69
22722	S69-25540			Nguyễn Văn Minh	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2011	10/06/2012	01912/11S69
22723	S69-25541			Ngô Minh Nhuận	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2011	10/06/2012	01913/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22724	S69-25542			Lâm Thiện Minh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2011	10/06/2012	01914/11S69
22725	S69-25543			Ngô Hoàng Phương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2011	10/06/2012	01915/11S69
22726	S69-25544			Nguyễn Hữu Giang	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	10/06/2011	10/06/2012	01920/11S69
22727	S69-25545			Võ Văn Mẫn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2011	13/06/2012	01926/11S69
22728	S69-25546	CM-61539		Mã Ngọc Thái	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	06/07/2012	06/07/2013	03623/12S69
22729	S69-25548	CM-98843		Thái Bế Năm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	03/06/2014	03/06/2015	01479/14S69
22730	S69-25549			Nguyễn Văn Nhanh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01945/11S69
22731	S69-25550			Lê Văn Việt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01946/11S69
22732	S69-25551			Lê Văn Trà	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01947/11S69
22733	S69-25552			Lê Thế Dữ	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01948/11S69
22734	S69-25553	CM- 72267		Nguyễn Văn Đệ	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/01/2014	06/01/2015	00032/14S69
22735	S69-25554	CM-90458		Võ Văn Nghị	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	12/09/2013	12/09/2014	04343/13S69
22736	S69-25555			Nguyễn Thị Loan	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	13/06/2011	13/06/2012	01953/11S69
22737	S69-25557	CM-90459		Nguyễn Văn Liêm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/10/2013	06424/12S69
22738	S69-25559	CM-51488		Trần Quốc Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/04/2015	28/04/2016	00815/15S69
22739	S69-25560			Trần Văn Lý	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	15/06/2011	15/06/2012	01967/11S69
22740	S69-25561			Đoàn Văn Lắm	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	12/06/2011	12/06/2012	01972/11S69
22741	S69-25562			Trần Thanh Phong	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/06/2011	16/06/2012	01980/11S69
22742	S69-25563			Trần Văn Suối	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2011	16/06/2012	01981/11S69
22743	S69-25564			Nguyễn Văn Giàu	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/06/2011	16/06/2012	01982/11S69
22744	S69-25565	CM-72275		Võ Văn Tấn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02953/12S69
22745	S69-25566	CM-22433		Lưu Văn Tèo	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/07/2012	16/07/2013	03844/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22746	S69-25567			Lê Văn Sê	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	17/06/2011	17/06/2012	01988/11S69
22747	S69-25568	CM-51496		Nguyễn Văn Chiến	Quác Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/08/2012	12/08/2013	04398/12S69
22748	S69-25569	CM-		Nguyễn Văn Khanh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	21/11/2012	21/11/2013	07157/12S69
22749	S69-25570			Mai Thanh Lâm	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	19/11/2012	19/11/2013	07084/12S69
22750	S69-25571	CM-43415		Lê Văn Mung	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	06/03/2014	06/03/2015	00602/14S69
22751	S69-25572			Phạm Văn Tuấn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02004/11S69
22752	S69-25574	CM-22425		Lê Thiện Trí	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03191/13S69
22753	S69-25575	CM-22426		Huỳnh Quốc Khởi	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03594/13S69
22754	S69-25577	CM-61500		Nguyễn Tấn Xuyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07216/12S69
22755	S69-25578	CM-61501		Phạm Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02863/12S69
22756	S69-25579	CM-61496		Nguyễn Hoàng Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06274/13S69
22757	S69-25581			Đặng Thùy	xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02022/11S69
22758	S69-25582			Trần Văn Khởi	Khánh Hòa, Huyện U Minh	21/06/2011	21/06/2012	02054/11S69
22759	S69-25584	CM-90466		Trần Quan Trung	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2013	08/01/2014	00241/13S69
22760	S69-25585			Quách Chí Tiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09490/12S69
22761	S69-25587	CM-22411		Cao Văn Công	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03205/13S69
22762	S69-25589			Quách Văn Sạch	K1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2011	20/06/2012	02079/11S69
22763	S69-25590			Lý Thiên Kiếm	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	23/06/2011	23/06/2012	02080/11S69
22764	S69-25593			Trương Văn Chấy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09170/12S69
22765	S69-25594			Trịnh Hoàng Thông	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	27/06/2011	27/06/2012	02093/11S69
22766	S69-25595	CM-22417		Nguyễn Hoàng Chiến	Trần Thới, Huyện Cái Nước	02/07/2013	02/07/2014	03385/13S69
22767	S69-25596	CM-87500		Đào Vũ Minh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	21/10/2014	21/10/2015	02819/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22768	S69-25597	CM-22424		Huỳnh Văn Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	13/07/2012	13/07/2013	03814/12S69
22769	S69-25601			Phạm Thành Đồ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02114/11S69
22770	S69-25603	CM-22439		Trương Minh Dương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/05/2015	28/05/2016	01030/15S69
22771	S69-25604	CM-51516		Nguyễn Văn Luyện	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03707/13S69
22772	S69-25606	CM-51514		Nguyễn Phương Bắc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	07/11/2014	07/11/2015	02916/14S69
22773	S69-25607	CM-51513		Bùi Hữu Nghị	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/05/2014	12/05/2015	01257/14S69
22774	S69-25608			Châu Khắc Trường	Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02121/11S69
22775	S69-25610	CM-51510		Lê Minh Cảnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05190/12S69
22776	S69-25611	CM-51509		Hồ Quốc Mẫn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02418/14S69
22777	S69-25613			Nguyễn Quốc Chánh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02126/11S69
22778	S69-25615	CM-22416		Lê Văn Tỉnh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	07/01/2013	07/01/2014	00222/13S69
22779	S69-25619	CM-51497		Nguyễn Văn Nhờ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	06/11/2012	06/11/2013	06082/12S69
22780	S69-25620	CM-25620		Phan Phương Bình	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/01/2013	01/01/2014	00006/13S69
22781	S69-25621	CM-22421		Trần Văn Dũng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	20/08/2013	20/08/2014	03931/13S69
22782	S69-25622	CM-22420		Huỳnh Thanh Sơn	TT,Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	17/06/2012	17/06/2013	02955/12S69
22783	S69-25623			Trần Văn Giang	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	30/06/2011	30/06/2012	02163/11S69
22784	S69-25624			Trần Công Tài	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/06/2011	30/06/2012	02164/11S69
22785	S69-25625	CM-90470		Quách Thanh Hồng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	07/08/2015	07/08/2016	01472/15S69
22786	S69-25626	CM-22581		Nguyễn Thanh Dương	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	02/09/2012	02/03/2013	04624/12S69
22787	S69-25629	CM-51500		Đỗ Văn Thương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01606/15S69
22788	S69-25631	CM-43417		Nguyễn Văn Kết	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/08/2014	14/08/2015	02216/14S69
22789	S69-25632	CM-90471		Nguyễn Bé Tỷ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2012	10/08/2013	04386/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22790	S69-25634	CM-22430		Nguyễn Văn Quới	xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	23/12/2015	23/06/2016	02585/15S69
22791	S69-25635	CM-22436		Quách Văn Đen	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10226/12S69
22792	S69-25636			Trương Thành Thái	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2011	19/06/2012	02206/11S69
22793	S69-25637	CM-22434		Lê Hoàng Ngân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10312/12S69
22794	S69-25638	CM-22435		Lý Minh Phú	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	25/03/2013	25/03/2014	01883/13S69
22795	S69-25639			Nguyễn Ngọc Xe	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/07/2011	07/07/2012	02210/11S69
22796	S69-25640			Cao Hùng Tráng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/07/2011	07/07/2012	02211/11S69
22797	S69-25641			Lữ Thị Niềm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02217/11S69
22798	S69-25642			Nguyễn Văn Bền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02218/11S69
22799	S69-25643			Nguyễn Ku Bi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02219/11S69
22800	S69-25644			Tạ Tuấn Kiệt	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02220/11S69
22801	S69-25645			Lê Văn Nhiều	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02221/11S69
22802	S69-25646			Công An Xã Tam Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02222/11S69
22803	S69-25647			Trần Chí Bình	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02223/11S69
22804	S69-25648			Cao Quốc Sử	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02224/11S69
22805	S69-25649			Trần Vũ An	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02225/11S69
22806	S69-25651			Nguyễn Minh Hà	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02227/11S69
22807	S69-25652			Nguyễn Văn Chiến	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02228/11S69
22808	S69-25653			Nguyễn Văn Chiến	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02229/11S69
22809	S69-25654			Nguyễn Văn Ngươn	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02230/11S69
22810	S69-25655			Nguyễn Văn Tùng	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02231/11S69
22811	S69-25656			Huỳnh Ngọc Giàu	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02232/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22812	S69-25657			Huỳnh Văn Chí	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02233/11S69
22813	S69-25658	CM-61523		Trương Văn Thái	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01845/13S69
22814	S69-25661	CM-51506		Nguyễn Văn Đạt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06007/12S69
22815	S69-25662			Lê Hoàng Nghiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/07/2011	04/07/2012	02258/11S69
22816	S69-25663			Nguyễn Văn Sự	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2011	10/07/2012	02259/11S69
22817	S69-25664	CM-90479		Nguyễn Văn Nô	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	03/06/2013	03/06/2014	02893/13S69
22818	S69-25665			Nguyễn Văn Tường	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2011	10/07/2012	02261/11S69
22819	S69-25666			Lý Cúc	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2011	10/07/2012	02262/11S69
22820	S69-25667	CM-90477		Trần Văn Thấy	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2015	10/03/2016	00451/15S69
22821	S69-25669			Võ Minh Tuấn	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2011	10/07/2012	02265/11S69
22822	S69-25670			Nguyễn Minh Hưng	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2011	10/07/2012	02266/11S69
22823	S69-25671	CM-22448		Nguyễn Bạch Đằng	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/09/2011	29/09/2012	03426/11S69
22824	S69-25672			Bùi Chí Cẩn	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2011	24/06/2012	02275/11S69
22825	S69-25674	CM-22444		Lâm Văn Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03274/13S69
22826	S69-25675	CM-22446		Tiết Nhật Trường	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02928/12S69
22827	S69-25677	CM-66357		Tô Minh Châu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	02002/14S69
22828	S69-25679	CM-66353		Danh Thanh Liên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04030/13S69
22829	S69-25680	CM-22451		Võ Chí Hiếu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	24/12/2012	24/12/2013	09281/12S69
22830	S69-25681	CM-22453		Võ Hoàng Thông	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09264/12S69
22831	S69-25682	CM-22452		Nguyễn Chí Cường	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03589/12S69
22832	S69-25683			Phạm Văn Linh	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2011	07/07/2012	02301/11S69
22833	S69-25685	CM-21549		Lê Quốc Trình	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	09/12/2013	09/12/2014	06120/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22834	S69-25686	CM-43421		Nguyễn Văn Sự	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	29/01/2013	29/01/2014	00985/13S69
22835	S69-25689	CM-79161		Lữ Thanh Miên	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	17/05/2013	17/05/2014	02597/13S69
22836	S69-25690	CM-79162		Phạm Văn Hải	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	17/05/2013	17/05/2014	02596/13S69
22837	S69-25691			Nguyễn Văn Xuyên	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/07/2011	12/07/2012	02324/11S69
22838	S69-25692	CM-43427		Trang Văn Triết	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06199/13S69
22839	S69-25693			Mạc Văn Cười	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	13/07/2011	13/07/2012	02330/11S69
22840	S69-25694			Nguyễn Thanh Trường	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/07/2011	07/07/2012	02331/11S69
22841	S69-25696	CM-90472		Phạm Văn Toàn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/08/2013	01/08/2014	03755/13S69
22842	S69-25697			Phạm Nhật Trường	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/07/2011	16/07/2012	02346/11S69
22843	S69-25698			Nguyễn Văn Phul	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/07/2011	16/07/2012	02347/11S69
22844	S69-25699			Đỗ Thanh Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/07/2011	16/07/2012	02348/11S69
22845	S69-25700	CM-22746		Đặng Văn Hải	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2015	14/04/2016	00671/15S69
22846	S69-25702	CM-72283		Mai Hùng Vương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01805/13S69
22847	S69-25703			Dương Văn Tuấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02357/11S69
22848	S69-25704			Trần Minh Phát	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2012	16/09/2013	04781/12S69
22849	S69-25705			Nguyễn Đô Lél	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02361/11S69
22850	S69-25706			Trần Văn Còn	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02362/11S69
22851	S69-25707			Nguyễn Văn Thanh	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02363/11S69
22852	S69-25708			Nguyễn Văn Xuân	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02364/11S69
22853	S69-25709			Huỳnh Thanh Tú	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02365/11S69
22854	S69-25710			Nguyễn Văn Công	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02366/11S69
22855	S69-25711	CM-72284		Dương Tấn Hiệp	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03118/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22856	S69-25712		Lê Phát	Huỳnh Ngọc Bích	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	08/07/2011	08/07/2012	02368/11S69
22857	S69-25713			Trần Thị Bân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2012	10/09/2013	04735/12S69
22858	S69-25714			Lê Hoàng Vũ	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	19/12/2012	19/12/2013	09167/12S69
22859	S69-25715			Thái Văn Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/07/2011	19/07/2012	02390/11S69
22860	S69-25716	CM-90473		Phạm Văn Chót	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	23/06/2014	23/06/2015	01659/14S69
22861	S69-25717	CM-22464		Lê Thanh Hào	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05553/12S69
22862	S69-25718			Châu Văn Nhân	Xã Viên Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2011	20/07/2012	02398/11S69
22863	S69-25720	CM-22468		Nguyễn Văn Thắng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04965/12S69
22864	S69-25721	CM-61530		Bùi Thanh Danh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2015	24/04/2016	00798/15S69
22865	S69-25722			Bùi Đình Duy	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02402/11S69
22866	S69-25724			Nguyễn Thanh Cường	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02404/11S69
22867	S69-25726	CM-66387		Nguyễn Văn Rộng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03006/13S69
22868	S69-25728			Ngô Văn Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02408/11S69
22869	S69-25729	CM-61532		Mã Văn Khén	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09251/12S69
22870	S69-25730			Nguyễn Khoa Nhi	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02410/11S69
22871	S69-25731			Phù Thanh Tuấn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02411/11S69
22872	S69-25732	CM-61533		Huỳnh Văn Lũy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05027/13S69
22873	S69-25733			Lê Tiểu Tư	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/07/2011	20/07/2012	02413/11S69
22874	S69-25734	CM-22889		Nguyễn Văn Rồi	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	25/07/2012	25/07/2013	03997/12S69
22875	S69-25736			Nguyễn Văn Dương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	14/07/2011	14/07/2012	02435/11S69
22876	S69-25739	CM-22460		Thái Việt Hùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03271/13S69
22877	S69-25740	CM-22457		Cao Trung Kiên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07477/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22878	S69-25741			Phạm Chí Nhớ	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02440/11S69
22879	S69-25743			Trần Văn Hiến	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02442/11S69
22880	S69-25744	CM-66361		Nguyễn Minh Thành	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03001/13S69
22881	S69-25745			Nguyễn Kha Băng	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02444/11S69
22882	S69-25746			Lê Hoàng Vũ	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02445/11S69
22883	S69-25747			Tiêu Minh Hùng	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02446/11S69
22884	S69-25748	CM-25748		Nguyễn Văn Quân	Tân Hải, Huyện Phú Tân	07/11/2014	07/11/2015	02917/14S69
22885	S69-25749			Nguyễn Văn Giang	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	22/07/2011	22/01/2012	02456/11S69
22886	S69-25750	CM-43429		Tiêu Thị Lan Chi	Trần Thới, Huyện Cái Nước	11/07/2012	11/07/2013	03764/12S69
22887	S69-25751			Huỳnh Huỳnh Tấn	Xã Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	25/07/2011	25/07/2012	02458/11S69
22888	S69-25752			Phạm Văn Năm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2011	20/07/2012	02465/11S69
22889	S69-25754	CM-22463		Trần Văn Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03195/13S69
22890	S69-25755	CM-43430		Nguyễn Văn Thái	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/03/2013	25/03/2014	01912/13S69
22891	S69-25756			Trần Thành Độ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/07/2011	22/07/2012	02473/11S69
22892	S69-25757	CM-51524		Phạm Thành Coi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07379/12S69
22893	S69-25758	CM-51523		Lê Minh Lý	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00834/14S69
22894	S69-25759	CM-51522		Phạm Mộng Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07387/12S69
22895	S69-25760	CM-51521		Văn Tấn Dài	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07421/12S69
22896	S69-25761			Lê Văn Lâm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2011	25/07/2012	02485/11S69
22897	S69-25762			Lê Văn Lo	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	25/07/2011	25/07/2012	02488/11S69
22898	S69-25763	CM-51517		Nguyễn Hoàng Khá	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01597/14S69
22899	S69-25764	CM-22476		Lưu Bá Ước	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	11/08/2014	11/08/2015	02155/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22900	S69-25769	CM-22553		Nguyễn Hoàng Chiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01861/13S69
22901	S69-25771			Phù Văn Nguyên	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	01/08/2011	01/08/2012	02521/11S69
22902	S69-25772			Trần Văn Kiên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	02/08/2011	02/08/2012	02535/11S69
22903	S69-25773			Trần Khải Tuấn	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/07/2011	28/07/2012	02538/11S69
22904	S69-25775			Lê Chí Cường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/07/2011	28/07/2012	02536/11S69
22905	S69-25776	CM-51525		Lê Duy Khánh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03706/13S69
22906	S69-25777			Trần Hoàng Anh	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/07/2011	28/07/2012	02540/11S69
22907	S69-25778	CM-51377		Phạm Hồng Nhị	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05179/12S69
22908	S69-25779			Mã Hoàng Hén	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04592/12S69
22909	S69-25780	CM-51528		Lê Văn Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01613/15S69
22910	S69-25781		Huỳnh Lan	Huỳnh Trung Khánh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/08/2012	28/08/2013	04595/12S69
22911	S69-25782	CM-51530		Trần Quốc Cường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06478/13S69
22912	S69-25785	CM-22482		Huỳnh Tấn Kế	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/02/2014	26/02/2015	00510/14S69
22913	S69-25786			Trần Vi Thanh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2011	03/08/2012	02575/11S69
22914	S69-25787			Huỳnh Văn Ân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/08/2011	05/08/2012	02581/11S69
22915	S69-25790	CM-51544		Nguyễn Trường An	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04657/12S69
22916	S69-25791	CM-51543		Trương Văn Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/09/2014	28/09/2015	02661/14S69
22917	S69-25792	CM-51542		Liêu Quốc Thống	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08561/12S69
22918	S69-25793			Nguyễn Chí Nguyên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02595/11S69
22919	S69-25794			Mã Văn Thanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02596/11S69
22920	S69-25795			Nguyễn Trung Vệ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02597/11S69
22921	S69-25796			Trương Phi hùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02598/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22922	S69-25797			Trịnh Văn Thám	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02599/11S69
22923	S69-25798			Trịnh Văn Kế	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/08/2011	04/08/2012	02600/11S69
22924	S69-25799	CM-51536		Lê Minh Chánh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04666/12S69
22925	S69-25800	CM-51535		Mã Thanh Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08159/12S69
22926	S69-25802	CM-51533		Phan Quốc Thoại	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04661/12S69
22927	S69-25803			Nguyễn Nhất Thuận	xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	08/08/2011	08/08/2012	02613/11S69
22928	S69-25804	CM-66369		Huỳnh Văn Hiến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03652/13S69
22929	S69-25805			Quách Hoài Hận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02616/11S69
22930	S69-25806	CM-66367		Nguyễn Văn Thế	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03281/13S69
22931	S69-25807			Tăng Quốc Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2011	24/07/2012	02618/11S69
22932	S69-25808	CM-22522		Quách Thanh Tài	TT Rạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2012	24/08/2013	04541/12S69
22933	S69-25811			Lâm Văn Tia	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2012	24/08/2013	04542/12S69
22934	S69-25812	CM-22520		Lê Văn Tuy	TT Rạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03991/12S69
22935	S69-25813	CM-22518		Lương Hoàng Khái	TT Rạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04031/13S69
22936	S69-25814	CM-22517		Cao Minh Vương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03766/12S69
22937	S69-25815	CM-22516		Lê Văn Tuy	TT Rạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2012	24/05/2013	02251/12S69
22938	S69-25817			Đỗ Văn Danh	xã Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	08/08/2011	08/08/2012	02636/11S69
22939	S69-25818	CM-72296		Phan Phúc Hậu	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	15/01/2013	15/01/2014	00462/13S69
22940	S69-25820	CM-72294		Lê Văn Chơn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02588/13S69
22941	S69-25821	CM-22481		Nguyễn Văn Lĩnh	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	22/08/2012	22/08/2013	04519/12S69
22942	S69-25822			Nguyễn Văn Lĩnh	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	09/08/2011	09/08/2012	02652/11S69
22943	S69-25823	CM-22493		Võ Hồng Minh	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	11/03/2014	11/03/2015	00652/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22944	S69-25824			Nguyễn Văn Dóng	Xã Khánh An, Huyện U Minh	09/08/2011	09/08/2012	02658/11S69
22945	S69-25825			Võ Văn Phá	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	11/08/2011	11/08/2012	02661/11S69
22946	S69-25826			Nguyễn Minh Công	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	11/08/2011	11/08/2012	02664/11S69
22947	S69-25827			Trần Công Danh	Phường 2, Thành phố Cà Mau	09/08/2011	09/08/2012	02665/11S69
22948	S69-25828	CM-90489		Phạm Thanh Mộng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03841/13S69
22949	S69-25829			Nguyễn Văn Trạng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2011	10/08/2012	02668/11S69
22950	S69-25830	CM-90490		Hồ Trường Hận	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03054/13S69
22951	S69-25831	CM-22507		Ngô Chí Lợi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09234/12S69
22952	S69-25832			Huỳnh Quốc Sĩ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/08/2011	05/08/2012	02691/11S69
22953	S69-25833			Lý Hiền	Khánh Lâm, Huyện U Minh	04/08/2011	04/08/2012	02693/11S69
22954	S69-25834	CM-22498		Trần Hoàng Là	xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08532/12S69
22955	S69-25835	CM-43434		Ngô Tấn Tài	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/11/2013	29/11/2014	06017/13S69
22956	S69-25836			Trần Quốc Tạo	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2011	12/08/2012	02696/11S69
22957	S69-25837	CM-43435		Dương Văn Hải	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/04/2014	12/04/2015	00968/14S69
22958	S69-25840	CM-22506		Phan Minh Dương	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	02/08/2013	02/08/2014	03746/13S69
22959	S69-25842			Nguyễn Phú Vinh	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	15/08/2011	15/08/2012	02708/11S69
22960	S69-25843	15/08/11		Nguyễn Văn Lai	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03258/12S69
22961	S69-25844			Nguyễn Thanh Sang	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	15/08/2011	15/08/2012	02718/11S69
22962	S69-25845			Trần Văn Dương	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	14/08/2011	14/08/2012	02719/11S69
22963	S69-25846			Tạ Quốc Thanh	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	14/08/2011	14/08/2012	02720/11S69
22964	S69-25847			Phan Thanh Vũ	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	14/08/2011	14/08/2012	02721/11S69
22965	S69-25848			Sơn Tèo	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	14/08/2011	14/08/2012	02722/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22966	S69-25849			Trần Văn Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02726/11S69
22967	S69-25850			Trần Văn Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02727/11S69
22968	S69-25852			Nguyễn Minh Tươi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02729/11S69
22969	S69-25853	CM-61556		Nguyễn Trung Tính	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05409/12S69
22970	S69-25854			Huỳnh Văn Tỷ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02731/11S69
22971	S69-25855	CM-61554		Nguyễn Văn Kha	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02378/12S69
22972	S69-25856	CM-61540		Ngô Minh Khải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/03/2015	20/03/2016	00545/15S69
22973	S69-25857			Thạch Sơn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02734/11S69
22974	S69-25858			Lê Hữu Chánh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02735/11S69
22975	S69-25859			Nguyễn Hoàng Chiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02736/11S69
22976	S69-25860	CM-61544		Nguyễn Trần Nổ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02231/13S69
22977	S69-25862			Lê Hoàng Diện	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02739/11S69
22978	S69-25863			Nguyễn Văn Tới	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02740/11S69
22979	S69-25864			Nguyễn Niềm Tin	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/08/2011	11/08/2012	02741/11S69
22980	S69-25865	CM-61550		Nguyễn Văn Đức	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02287/14S69
22981	S69-25866			Bùi Kim Luyến	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	16/08/2011	16/08/2012	02759/11S69
22982	S69-25867			Trương Hoàng Lâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2011	19/06/2012	02761/11S69
22983	S69-25868			Trương Văn Tỷ	Trí Phải, Huyện Thới Bình	16/08/2011	16/08/2012	02766/11S69
22984	S69-25869	CM-22524		Từ Văn Kháng	Phường 6, Thành phố Cà Mau	09/04/2013	09/04/2014	02096/13S69
22985	S69-25870	CM-22512		Nguyễn Thị Nương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/07/2013	10/07/2014	03488/13S69
22986	S69-25872			Trần Văn Đàn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	19/08/2011	19/08/2012	02793/11S69
22987	S69-25873	CM-22525		Trần Văn Sái	Khóm 4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	11/09/2012	11/09/2013	04745/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
22988	S69-25875			Lê Văn Cảnh	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/08/2011	09/08/2012	02797/11S69
22989	S69-25876			Đặng Văn Ngỏ.	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/08/2011	09/08/2012	02798/11S69
22990	S69-25877	CM-22546		Trần Thanh Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/09/2012	24/09/2013	02799/11S69
22991	S69-25878	CM-22545		Nguyễn Đại Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09598/12S69
22992	S69-25880	CM-66382		Đào Vũ Tien	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01685/14S69
22993	S69-25881	CM-66381		Phan Quốc Dương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02463/13S69
22994	S69-25882			Nguyễn Văn Lượm	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/08/2011	09/08/2012	02804/11S69
22995	S69-25883	CM-66379		Lê Văn Lượm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01996/14S69
22996	S69-25884			Dương Ngọc Hiển	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/08/2011	09/08/2012	02806/11S69
22997	S69-25885			Trần Hữu Chức	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/08/2011	09/08/2012	02807/11S69
22998	S69-25886	CM-66377		Lâm Phước Hoàng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01995/14S69
22999	S69-25887	CM-43438		Võ Văn Dư	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	30/01/2015	30/01/2016	00283/15S69
23000	S69-25888			Đỗ Quang Chiếm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	21/08/2011	21/08/2012	02818/11S69
23001	S69-25889			Ngô Hoàng Lâm	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	21/08/2011	21/08/2012	02819/11S69
23002	S69-25890			Trương Văn Tính	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	21/08/2011	21/08/2012	02820/11S69
23003	S69-25893	CM-22601		Nguyễn Thành Trung	xã Quách Phẩm bắc, Huyện Đầm Dơi	28/03/2015	28/03/2016	00604/15S69
23004	S69-25894	CM-22541		Quách Hoàng Khanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03959/13S69
23005	S69-25895	CM-22537		Lê Ngọc Đây	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/04/2013	11/04/2014	02119/13S69
23006	S69-25896	CM-22542		Nguyễn Thanh Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07213/12S69
23007	S69-25897	CM-22540		Nguyễn Hữu Phước	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/09/2013	24/09/2014	04507/13S69
23008	S69-25898	CM-22539		Bùi Văn Le	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05555/12S69
23009	S69-25899	CM-22538		Tạ Văn út	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07278/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23010	S69-25900			Nguyễn Hữu Phúc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2011	20/08/2012	02837/11S69
23011	S69-25901			Đỗ Thị Hoàng Oanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2011	20/08/2012	02838/11S69
23012	S69-25902			Phan Văn Thịnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2011	20/08/2012	02839/11S69
23013	S69-25903	CM61565		Nguyễn Văn Nguyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07214/12S69
23014	S69-25904	CM-61564		Diệp Minh Dương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2014	20/03/2015	00726/14S69
23015	S69-25905	CM-61563		Trần Văn Kiệt	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/08/2012	20/08/2013	04491/12S69
23016	S69-25906	CM-61562		Trương Hoàng Vũ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04968/12S69
23017	S69-25907			Trần Văn Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/08/2011	20/08/2012	02844/11S69
23018	S69-25908	CM-61561		Lê Thanh Hùng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/01/2015	20/01/2016	00155/15S69
23019	S69-25909			Huỳnh Sền Hôn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/08/2011	20/08/2012	02846/11S69
23020	S69-25910			Phạm Văn Trường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/08/2011	20/08/2012	02847/11S69
23021	S69-25911			Nguyễn Văn Sét	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/08/2011	20/08/2012	02848/11S69
23022	S69-25912			Hồ Văn Tuấn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	23/08/2011	22/08/2012	02875/11S69
23023	S69-25913			Trần Thanh Tuấn	xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2011	16/08/2012	02876/11S69
23024	S69-25915	CM-72297		Nguyễn Văn Bình	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07069/12S69
23025	S69-25916			Nguyễn Văn á	xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/08/2011	16/08/2012	02879/11S69
23026	S69-25917			Nguyễn Văn Nhứt	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2011	16/08/2012	02880/11S69
23027	S69-25918			Nguyễn Văn Huyền	xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/08/2011	16/08/2012	02881/11S69
23028	S69-25921			Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/08/2011	19/08/2012	02888/11S69
23029	S69-25922			Phan Minh Điều	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/08/2011	19/08/2012	02889/11S69
23030	S69-25923	CM-51546		Hồ Văn Đẩu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00828/14S69
23031	S69-25924	CM-51545		Nguyễn Hoàng Thám	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04929/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23032	S69-25926	CM-22536		Trần Văn Tám	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	03/12/2014	03/12/2015	03217/14S69
23033	S69-25928			Nguyễn Thanh Phong	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/08/2011	16/02/2012	02920/11S69
23034	S69-25929	CM-22533		Trần Minh Tràm	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/09/2012	13/09/2013	04765/12S69
23035	S69-25930			Nguyễn Văn Phúc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02922/11S69
23036	S69-25931			Nguyễn Chí Tài	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02923/11S69
23037	S69-25932	CM-22571		Đỗ Văn Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03265/13S69
23038	S69-25933			Huỳnh Văn Khái	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02925/11S69
23039	S69-25934			Trương Thanh Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02926/11S69
23040	S69-25935			Đặng Văn Hóa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02927/11S69
23041	S69-25936			Lê Văn Cường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02928/11S69
23042	S69-25938	CM-22567		Võ Ngọc Chàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	14/11/2012	14/11/2013	06089/12S69
23043	S69-25939			Trương Văn Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02931/11S69
23044	S69-25940	CM-66374		Nguyễn Mỹ Dân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05279/13S69
23045	S69-25941			Tạ Quốc Khiêm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02933/11S69
23046	S69-25943			Võ Văn Ten	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02935/11S69
23047	S69-25946	CM-43443		Huỳnh Hồng Thẩm	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	18/02/2014	18/02/2015	00431/14S69
23048	S69-25947			Lê Hoàng Đệ	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	27/08/2011	27/08/2012	02955/11S69
23049	S69-25949			Phan Văn Lập	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2012	10/09/2013	04734/12S69
23050	S69-25950	CM-22550		Phạm Vũ Bằng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/02/2013	04/02/2014	01261/13S69
23051	S69-25951	CM-66375		Trịnh Minh Trí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2015	24/07/2016	01370/15S69
23052	S69-25952	CM-22593		Trần Thanh Việt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05674/12S69
23053	S69-25954			Nguyễn Hoàng Em	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02966/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23054	S69-25955			Nguyễn Văn Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02967/11S69
23055	S69-25956			Trần Văn Việt	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2011	28/08/2012	02968/11S69
23056	S69-25957	CM-51549		Ngô Văn Tươi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07862/12S69
23057	S69-25958	CM-51550		Nguyễn Chí Thao	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08548/12S69
23058	S69-25961	CM-22557		Cao Văn Dũng	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	18/06/2014	18/12/2014	01577/14S69
23059	S69-25963			Phan Văn Nhật	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	30/08/2011	30/08/2012	03018/11S69
23060	S69-25964	CM-22554		Nguyễn Văn Người	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	24/12/2013	24/12/2014	06337/13S69
23061	S69-25965			Nguyễn Tấn Nguyên	xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	29/08/2011	29/08/2012	03025/11S69
23062	S69-25966			Nguyễn Bích Lớn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03110/11S69
23063	S69-25967	CM-43444		Trần Tấn Thuận	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	21/12/2012	21/12/2013	09275/12S69
23064	S69-25968	CM-43441		Hồ Văn Gõ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/02/2015	12/02/2016	00338/15S69
23065	S69-25969	CM-22558		Dương Minh Cảnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01620/15S69
23066	S69-25970	CM-22560		Bùi Trường Giang	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	10/01/2014	10/01/2015	00140/14S69
23067	S69-25971	CM-22559		Cao Minh Trí	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	19/12/2012	19/12/2013	08941/12S69
23068	S69-25972	CM-22562		Cty TNHH MTV Và DV Xây Dựng Tạ Tỷ Cà Mau	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	27/01/2014	27/01/2015	00328/14S69
23069	S69-25973	CM-22561		Cty TNHH TV XD Bình Minh	Phường 5, Thành phố Cà Mau	21/11/2012	21/11/2013	07167/12S69
23070	S69-25974	CM-22563		CTY TNHH MTV XD TM Thái Dương	130/4 Phạm Hồng Thám, K2, P4, Thành phố Cà Mau	15/10/2014	15/10/2015	02789/14S69
23071	S69-25975			Trương Văn Tiền	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	24/08/2011	24/08/2012	03058/11S69
23072	S69-25976			Đỗ Lê Lam	Phường 9,, Thành phố Cà Mau	05/09/2011	05/09/2012	03060/11S69
23073	S69-25977			Đoàn Như Mỹ	Phường 8, Thành phố Cà Mau	05/09/2011	05/09/2012	03061/11S69
23074	S69-25979			Nguyễn Thanh Phong	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	06/09/2011	06/09/2012	03064/11S69
23075	S69-25980			Võ Văn Tuấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	05/09/2011	05/09/2012	03069/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23076	S69-25982	CM-22582		Trần Dương Kiểm	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	23/12/2013	23/12/2014	06301/13S69
23077	S69-25983	CM-22609		Nguyễn Văn Khải	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2012	24/08/2013	04547/12S69
23078	S69-25985			Nguyễn Văn Hoàng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2011	24/08/2012	03078/11S69
23079	S69-25986			Bùi Văn Thế	Tân Phú, Huyện Thới Bình	07/09/2011	07/09/2012	03096/11S69
23080	S69-25987			Huỳnh Văn Đáng	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	07/09/2011	07/09/2012	03097/11S69
23081	S69-25988			Bùi Văn Được	Tân Phú, Huyện Thới Bình	07/09/2011	07/09/2012	03098/11S69
23082	S69-25990	CM-51588		Trần Văn Tông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05623/13S69
23083	S69-25991			Nguyễn Thị Cẩm	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/09/2011	08/09/2012	03103/11S69
23084	S69-25992			Lê Văn Tỷ	Trí Phải, Huyện Thới Bình	08/09/2011	08/09/2012	03104/11S69
23085	S69-25993			Trần Văn Thiệt	Trí Lực, Huyện Thới Bình	08/09/2011	08/09/2012	03105/11S69
23086	S69-25994			Lê Trường Hai	Trí Lực, Huyện Thới Bình	08/09/2011	08/09/2012	03106/11S69
23087	S69-25995			Huỳnh Văn Công	Trí Lực, Huyện Thới Bình	08/09/2011	08/09/2012	03108/11S69
23088	S69-25997			Hồ Văn Quân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03111/11S69
23089	S69-25998			Tiền Hải Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08158/12S69
23090	S69-25999			Trần Minh Đương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03113/11S69
23091	S69-26000			Trương Văn Chiến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03114/11S69
23092	S69-26001	CM-51582		Quách Tuấn Anh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01447/15S69
23093	S69-26002	CM-51581		Võ Văn Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01072/13S69
23094	S69-26003			Trần Quốc Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03117/11S69
23095	S69-26004	CM-51578		Tạ Chí Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06456/13S69
23096	S69-26005	CM-51576		Nguyễn Hữu Nghị	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05607/13S69
23097	S69-26006			Trương Văn Lờ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03120/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23098	S69-26007			Diệp Thành Linh	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07820/12S69
23099	S69-26008	CM-51573		Trần Hoàng Diệu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04665/12S69
23100	S69-26009			Tiền Hải Dương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08157/12S69
23101	S69-26010			Nguyễn Văn Lực	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03124/11S69
23102	S69-26011			Nguyễn Văn Cùm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03125/11S69
23103	S69-26012			Trần Hoàng Thám	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03126/11S69
23104	S69-26013	CM-51568		Nguyễn Văn Vững	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04663/12S69
23105	S69-26014			Võ Hoàng Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03128/11S69
23106	S69-26015			Dương Tự Lực	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03129/11S69
23107	S69-26016	CM-51565		Bùi Hoàng Liệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00538/14S69
23108	S69-26017	CM-51564		Huỳnh Sô Đa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05309/12S69
23109	S69-26018			Lê Hữu Tạo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03132/11S69
23110	S69-26019			Nguyễn Bảo Sơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03133/11S69
23111	S69-26020	CM-51561		Nguyễn Hoàng Tươi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05297/12S69
23112	S69-26022			Trương Minh Dương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03136/11S69
23113	S69-26023	CM-51558		Nguyễn Văn Thiệu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06537/13S69
23114	S69-26024	CM-51557		Lê Hoàng Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/09/2014	28/09/2015	02653/14S69
23115	S69-26025			Trần Văn Tiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03139/11S69
23116	S69-26026			Nguyễn Văn Quang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03140/11S69
23117	S69-26027			Phạm Nhựt Minh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03141/11S69
23118	S69-26028			Võ Văn Níl	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03142/11S69
23119	S69-26029			Đoàn Trung Kỳ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2011	04/09/2012	03143/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23120	S69-26031	CM-22606		Huỳnh Văn Thắng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	13/11/2012	13/11/2013	06105/12S69
23121	S69-26034			Lê Văn Việt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/09/2011	12/09/2012	03183/11S69
23122	S69-26035	CM-61589		Nguyễn Văn Thùy	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	17/10/2013	17/10/2014	05005/13S69
23123	S69-26036	CM-61590		Nguyễn Văn Cơ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07208/12S69
23124	S69-26037			Lê Văn Thù	xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/09/2011	11/09/2012	03189/11S69
23125	S69-26038			Huỳnh Văn Thạch	xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/09/2011	11/09/2012	03190/11S69
23126	S69-26039			Lâm Minh Đương	xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	11/09/2011	11/09/2012	03191/11S69
23127	S69-26040			Phan Văn Thấy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/09/2011	09/09/2012	03195/11S69
23128	S69-26042			Nguyễn Văn Kỳ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/09/2011	09/09/2012	03197/11S69
23129	S69-26043	CM-66391		Trần Văn Kế	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01683/14S69
23130	S69-26044	CM-66390		Lê Văn Hạnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05118/12S69
23131	S69-26045			Lê Minh Triều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/09/2011	09/09/2012	03200/11S69
23132	S69-26046			Ngô Minh Vũ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01906/13S69
23133	S69-26047			Huỳnh Văn Sử	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	09/09/2011	09/09/2012	03202/11S69
23134	S69-26049	CM-22603		Võ Chí Danh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	30/08/2013	30/08/2014	04169/13S69
23135	S69-26050			Nguyễn Quốc Chiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05146/12S69
23136	S69-26051			Lê Kim Nga	Phường 8, Thành phố Cà Mau	12/09/2011	12/09/2012	03214/11S69
23137	S69-26052	CM-22633		Châu Tố Linh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	18/11/2014	18/11/2015	03023/14S69
23138	S69-26055			Trần Huỳnh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	05/01/2013	05/01/2014	00213/13S69
23139	S69-26056			Phạm Văn Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/09/2011	09/09/2012	03229/11S69
23140	S69-26059	CM-72307		Hồng Tấn Kiệt	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00595/13S69
23141	S69-26060			Lê Nhật Linh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03245/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23142	S69-26061	CM-72304		Nguyễn Văn Phấn	Nguyễn Việt Khải, Huyện Phú Tân	16/12/2013	16/12/2014	06221/13S69
23143	S69-26062			Nguyễn Thanh Hiền	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03247/11S69
23144	S69-26063	CM- 72303		La Văn Dể	Nguyễn Việt Khải, Huyện Phú Tân	16/10/2013	16/10/2014	04941/13S69
23145	S69-26064			Du Tấn Hoà	Nguyễn Việt Khải, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03249/11S69
23146	S69-26065	CM-72306		Nguyễn Quốc Thông	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00587/13S69
23147	S69-26066			Trần Thành Công	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03251/11S69
23148	S69-26067	CM-72308		Nguyễn Minh Dương	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2012	16/09/2013	04776/12S69
23149	S69-26068			Nguyễn Văn Kha	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03253/11S69
23150	S69-26069			Thi Minh Hải	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03254/02S69
23151	S69-26070	CM-22607		Huỳnh Thành Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	21/07/2015	21/07/2016	01342/15S69
23152	S69-26073	CM-22612		Nguyễn Việt Kỳ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	02/07/2015	02/07/2016	01200/15S69
23153	S69-26074			Huỳnh Văn Khuynh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	16/09/2011	16/09/2012	03279/11S69
23154	S69-26075			Võ Thanh Phong	, Huyện Năm Căn	25/06/2012	25/06/2013	02911/12S69
23155	S69-26076			Nguyễn Văn Dũng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/09/2011	19/09/2012	03283/11S69
23156	S69-26077	CM-61573		Nguyễn Tiến Minh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	10/10/2012	10/10/2013	05372/12S69
23157	S69-26078			Trần Ly Hận	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	19/09/2011	19/09/2012	03285/11S69
23158	S69-26080			Mai Thanh Hận	xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/09/2011	20/09/2012	03291/11S69
23159	S69-26081	CM-61571		Nguyễn Văn Rông	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	21/05/2015	21/05/2016	00939/15S69
23160	S69-26082			Trần Văn Khôi	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	20/09/2011	20/09/2012	03296/11S69
23161	S69-26083	CM-22667		Dương Hoàng Nghĩa	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04984/12S69
23162	S69-26084	CM-22668		Trần Văn Hoàng	Hàm Rông, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09250/12S69
23163	S69-26086	CM-22669		Lê Chí Hướng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/02/2013	20/02/2014	01317/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23164	S69-26087	CM-61576		Phùng Văn Đoàn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09239/12S69
23165	S69-26088			Đoàn Thị Tím	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03302/11S69
23166	S69-26089	CM-61580		Lâm Tấn Tài	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04454/13S69
23167	S69-26090	CM-61587		Trần Thanh Thoảng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01573/15S69
23168	S69-26091			Trần Văn Hoàng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03305/11S69
23169	S69-26093			Nguyễn Văn Thuận	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03307/11S69
23170	S69-26094	CM-61581		Phan Chí Hiểu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04971/12S69
23171	S69-26095	CM-61577		Tô Việt Khoa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02289/14S69
23172	S69-26096	CM-61579		Nguyễn Thành Công	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	21/11/2014	21/11/2015	03025/14S69
23173	S69-26097			Đỗ Văn Toán	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2011	20/09/2012	03311/11S69
23174	S69-26098			Đỗ Phương Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03312/11S69
23175	S69-26102	CM-22618		Đặng Hoàng Gỏi	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/06/2015	18/06/2016	01114/15S69
23176	S69-26103			Hạt Kiểm Lâm Ngọc Hiển	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03341/11S69
23177	S69-26104			Lý Minh Cảnh	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03340/11S69
23178	S69-26105	CM-22639		Lâm Văn La	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/06/2013	17/06/2014	03107/13S69
23179	S69-26106	CM-22638		Nguyễn Hoàng Thân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03024/13S69
23180	S69-26107			Lý Chí Nguyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03344/11S69
23181	S69-26108			Lê Hoàng Diệu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	23/09/2012	03345/11S69
23182	S69-26109			Chem Văn Thống	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03346/11S69
23183	S69-26110	CM-66397		Ngô Tuấn Anh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03021/13S69
23184	S69-26111			Ngô Văn Khải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03348/11S69
23185	S69-26112			Lương Xuân Thao	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03349/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23186	S69-26114			Phạm Minh ý	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03351/11S69
23187	S69-26115			Lâm Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03354/11S69
23188	S69-26116	CM-90497		Trần Văn Ngon	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	24/01/2013	24/01/2014	00970/13S69
23189	S69-26117			Nguyễn Văn Cung	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	06/09/2011	06/09/2012	03359/11S69
23190	S69-26118			Huỳnh út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03360/11S69
23191	S69-26119	CM-22671		Nguyễn Văn Lộc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07232/12S69
23192	S69-26120			Nguyễn Hoàng Danh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03362/11S69
23193	S69-26121			Nguyễn Văn Ca	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2011	20/09/2012	03363/11S69
23194	S69-26125	CM-66402		Danh Thanh Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06365/13S69
23195	S69-26126	CM-66403		Tiết Văn Phương	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05631/12S69
23196	S69-26127			Trần Chung Tình	TT U Minh, Huyện U Minh	26/09/2011	26/09/2012	03385/11S69
23197	S69-26128			Trần Vũ Phương	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	26/09/2011	26/09/2012	03390/11S69
23198	S69-26131	CM-22644		Lê Hồng Trí	Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	28/09/2012	28/09/2013	05149/12S69
23199	S69-26132			Trần Văn Việt	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	26/09/2011	26/09/2012	03395/11S69
23200	S69-26133			Hồ Văn Phú	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	26/09/2011	26/09/2012	03396/11S69
23201	S69-26134	CM-22641		Ngô Thị Tho	Xã Tác Vân, Thành phố Cà Mau	27/12/2013	27/06/2014	06395/13S69
23202	S69-26135			Nguyễn Bé Tư	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	20/08/2011	20/08/2012	03400/11S69
23203	S69-26136	CM-43446		Bùi Văn Chơn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	14/09/2012	14/09/2013	04769/12S69
23204	S69-26137			Kim Văn Phúc	xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03411/11S69
23205	S69-26139	CM-22635		Cao Thanh Thiện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2012	06/09/2013	04707/12S69
23206	S69-26140	CM-22652	Ba Xuyên	Trần Văn Xuyên	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08870/12S69
23207	S69-26141			Nguyễn Văn Hải	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	05/10/2012	05/04/2013	05322/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23208	S69-26142			Nguyễn Công Danh	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03423/11S69
23209	S69-26143			Hà Văn Hoàng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03424/11S69
23210	S69-26144			Lê Trung Dũng	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10199/12S69
23211	S69-26145			Phòng Kinh Tế Và Hạ Tầng Đầm Dơi	K1, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05673/12S69
23212	S69-26146	CM-22759		Phan Anh Linh	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	11/03/2013	11/03/2014	01586/13S69
23213	S69-26149			Huỳnh Ngọc Du	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05712/12S69
23214	S69-26150			Nguyễn Chí Thơ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05194/12S69
23215	S69-26152	CM-51608		Tô Trường Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07146/12S69
23216	S69-26153			Huỳnh Văn Bê	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07817/12S69
23217	S69-26154	CM-51606		Hồng Thanh Khôn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09502/12S69
23218	S69-26156	CM-51604		Lê Thanh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00567/14S69
23219	S69-26157			Nguyễn Văn Giang	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03442/11S69
23220	S69-26158	CM-51602		Tô Xuân Thẩm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/04/2015	28/04/2016	00822/15S69
23221	S69-26160	CM-51600		Nguyễn Trường Giang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01076/13S69
23222	S69-26161	CM-51599		Trần Tuấn Em	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06353/12S69
23223	S69-26162	CM-51598		Huỳnh Trung Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00338/14S69
23224	S69-26163			Lê Anh Xua	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03448/11S69
23225	S69-26164	CM-51597		Phạm Chí Tâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07457/12S69
23226	S69-26165	CM-51596		Huỳnh Chí Tâm	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01425/13S69
23227	S69-26166			Nguyễn Công Trãi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03451/11S69
23228	S69-26167	CM-51594		Võ Minh Huyền	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07793/12S69
23229	S69-26168	CM-51593		Trần Quốc Khén	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04849/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23230	S69-26169	CM-51592		Huỳnh Ngọc Du	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05710/12S69
23231	S69-26171	CM-51590		Trần Văn Duẩn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03530/14S69
23232	S69-26172	CM-51589		Nguyễn Văn Tình	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05716/12S69
23233	S69-26173			Huỳnh Ngọc Lộc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03458/11S69
23234	S69-26174	CM-51614		Võ Minh Tuấn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06446/13S69
23235	S69-26176	CM-51612		Huỳnh Ngọc Thơ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05968/13S69
23236	S69-26177			Trần Văn Lực	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03462/11S69
23237	S69-26178	CM-61610		Nguyễn Văn Lai	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05711/12S69
23238	S69-26179			Châu Huy Hận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03464/11S69
23239	S69-26180	CM-90498		Phan Văn Hoài	Xã Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06427/12S69
23240	S69-26181			Nguyễn Thanh Long	Khóm 7, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	30/09/2011	30/09/2012	03512/11S69
23241	S69-26182	CM-22655		Trần Vũ Linh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	06/01/2014	06/01/2015	00029/14S69
23242	S69-26183			Nguyễn Hữu Đức	Khánh Thuận, Huyện U Minh	29/09/2011	29/09/2012	03515/11S69
23243	S69-26184			Nguyễn Thanh Trường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/09/2011	29/09/2012	03516/11S69
23244	S69-26185			Nguyễn Văn Hà	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/09/2011	13/09/2012	03519/11S69
23245	S69-26186			Đông Minh Thuận	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2011	30/09/2012	03520/11S69
23246	S69-26187			Bao Văn Ten	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/09/2011	30/09/2012	03521/11S69
23247	S69-26188			Nguyễn Văn Tèo	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	30/09/2011	30/09/2012	03522/11S69
23248	S69-26190	CM-22659		Bùi Văn Hồ	Xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/10/2014	30/10/2015	02848/14S69
23249	S69-26193			Phạm Minh Chiến	xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	27/09/2011	27/09/2012	03536/11S69
23250	S69-26194			Lê Chí Công	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	04/10/2011	04/10/2012	03545/11S69
23251	S69-26195	CM-22675		Phạm Hùng Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03061/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23252	S69-26196	CM-51616		Phương Kim Sáu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02873/14S69
23253	S69-26197	CM-51617		Đặng Văn Lợi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01087/13S69
23254	S69-26198			Nguyễn Phước Phục	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2011	04/10/2012	03552/11S69
23255	S69-26199			Bùi Hồng Quang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2011	04/10/2012	03553/11S69
23256	S69-26200	CM-51620		Trần Văn Mười	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06525/13S69
23257	S69-26201			Trần Hoàng Lam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2011	04/10/2012	03555/11S69
23258	S69-26202	CM-51621		Đặng Ngọc Về	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06004/12S69
23259	S69-26203	CM-51622		Võ Minh Đường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06459/13S69
23260	S69-26205			Phạm Văn Tuấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2011	04/10/2012	03559/11S69
23261	S69-26207			Lê Văn Sệ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03571/11S69
23262	S69-26209	CM-22688		Lê Công Bằng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	21/11/2012	21/11/2013	07155/12S69
23263	S69-26211			Nguyễn Văn Chí	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/10/2011	05/10/2012	03596/11S69
23264	S69-26212			Trần Minh Kháng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	05/10/2011	05/10/2012	03597/11S69
23265	S69-26213			Phạm Kiều Trang	xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	07/10/2011	07/10/2012	03599/11S69
23266	S69-26214			Phan Chí Dũng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/09/2011	16/09/2012	03500/11S69
23267	S69-26215	CM-66408		Trần Văn Nhân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01990/14S69
23268	S69-26216	CM-66407		Nguyễn Văn Năm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04509/13S69
23269	S69-26217	CM-66406		Phan Văn Chính	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05621/12S69
23270	S69-26218			Lê Thanh Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/10/2011	09/10/2012	03604/11S69
23271	S69-26219			Lê Văn Miên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2011	06/10/2012	03612/11S69
23272	S69-26220	CM-22730		Nguyễn Chí Nin	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03457/13S69
23273	S69-26221			Nguyễn Văn Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2011	06/10/2012	03614/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23274	S69-26222			Nguyễn Văn Bước	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05255/13S69
23275	S69-26223	CM-66412		Nguyễn Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03457/14S69
23276	S69-26224			Trần Thu Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	11/10/2011	06/10/2012	03617/11S69
23277	S69-26225	CM-66413		Nguyễn Văn Sang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03458/14S69
23278	S69-26226			Lê Thị Thuý	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	10/10/2011	10/10/2012	03627/11S69
23279	S69-26228			Sử Văn Chuối	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	07/10/2011	07/10/2012	03632/11S69
23280	S69-26229			Nguyễn Nhân	Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	07/01/2013	07/01/2014	00223/13S69
23281	S69-26230			Dương Việt Sử	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06432/12S69
23282	S69-26231	CM-22761		Nguyễn Văn Biên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06430/12S69
23283	S69-26232			Huỳnh Ngọc Lân	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03641/11S69
23284	S69-26233			Bùi Bạch Đằng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03642/11S69
23285	S69-26234			Nguyễn Chí Dũng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03643/11S69
23286	S69-26235	CM-90510		Nguyễn Việt Phong	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05715/13S69
23287	S69-26236			Nguyễn Đức Chí	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03645/11S69
23288	S69-26237	CM-90505		Quách Văn Lập	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	04/02/2013	04/02/2014	01260/13S69
23289	S69-26239			Lê Chánh Đáng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03648/11S69
23290	S69-26240			Nguyễn Thị Ngân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03649/11S69
23291	S69-26241			Lê Hoàng Dũng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03650/11S69
23292	S69-26242			Nguyễn Văn Lệnh	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03651/11S69
23293	S69-26243			Huỳnh Thanh Nhanh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00375/13S69
23294	S69-26245			Lê Minh Đăng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03654/11S69
23295	S69-26246			Nguyễn Văn Vũ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03655/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23296	S69-26247	CM-22687		Trương Hữu Thiệp	K10, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06125/13S69
23297	S69-26248	CM-72314		Tô Minh Sang	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00582/13S69
23298	S69-26249			Võ Minh Luân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/10/2011	11/10/2012	03676/11S69
23299	S69-26250			Công Ty TNHH Tín Thành	276, Nguyễn Ngọc Cung, P8, Thành phố Cà Mau	11/10/2011	11/10/2012	03677/11S69
23300	S69-26251			Trần Bé Sáu	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03680/11S69
23301	S69-26252	CM-22736		Trương Văn Tông	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2012	10/12/2013	08487/12S69
23302	S69-26253			Nguyễn Minh Hoàng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	13/10/2011	13/10/2012	03689/11S69
23303	S69-26254			Nguyễn Minh Hoàng	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	13/10/2011	13/10/2012	03690/11S69
23304	S69-26255	CM-22689		Nguyễn Chí Hùng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	10/12/2012	10/12/2013	08431/12S69
23305	S69-26256			Đặng Quốc Công	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08515/12S69
23306	S69-26257	CM-23204		Huỳnh Minh Tâm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01408/15S69
23307	S69-26258	CM-22691		Trần Bá Phúc	Trần Thới, Huyện Cái Nước	25/12/2012	25/12/2013	09529/12S69
23308	S69-26259			nguyễn Linh Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	14/10/2011	14/10/2012	03709/11S69
23309	S69-26261	CM-22695		Đào Chí Hùng	Khánh Hưng, Thành phố Cà Mau	10/11/2013	10/11/2014	05726/13S69
23310	S69-26262			Trương Văn Hận	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	14/10/2011	14/10/2012	03714/11S69
23311	S69-26263			Nguyễn Văn Ril	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	14/10/2011	14/10/2012	03715/11S69
23312	S69-26266	CM-72318		Lữ Văn Nghị	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/12/2012	16/12/2013	08902/12S69
23313	S69-26268			Trương Văn Chấn	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/10/2011	16/10/2012	03726/11S69
23314	S69-26269			Nguyễn Phong Trào	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/10/2011	16/10/2012	03727/11S69
23315	S69-26271			Nguyễn Văn Nam	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	14/08/2013	14/08/2014	03870/13S69
23316	S69-26272			Nguyễn Văn Thừa	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2011	28/09/2012	03734/11S69
23317	S69-26273	CM-22708		Sầm A Giảng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07062/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23318	S69-26274	CM-22703		Nguyễn Văn Đô	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03527/14S69
23319	S69-26278			Nguyễn Văn Lưu	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	18/10/2011	18/10/2012	03747/11S69
23320	S69-26279			Nguyễn Thanh Trường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	18/10/2011	18/10/2012	03748/11S69
23321	S69-26280	CM-22709		Trần Văn Sáu	Trần Thới, Huyện Cái Nước	25/06/2013	25/06/2014	03291/13S69
23322	S69-26281	CM-06099		Lưu Quang Dũng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	14/11/2012	14/11/2013	06767/12S69
23323	S69-26282			Nguyễn Văn Rai	TT U Minh, Huyện U Minh	19/10/2011	19/10/2012	03756/11S69
23324	S69-26283			Phạm Quốc Lâm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	14/10/2011	14/10/2012	03579/11S69
23325	S69-26284			Trần Văn Đỏ	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	19/10/2011	19/10/2012	03760/11S69
23326	S69-26285	CM-22710		Nguyễn May	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	05/11/2012	05/11/2013	06055/12S69
23327	S69-26286			Trương Đình Phương Quang	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/10/2011	19/10/2012	03762/11S69
23328	S69-26287			Nguyễn Thanh Tùng	Khóm 7, Phường 8,, Thành phố Cà Mau	19/10/2011	19/10/2012	03763/11S69
23329	S69-26288			Nguyễn Minh Tới	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03764/11S69
23330	S69-26289	CM-66425		Nguyễn Tấn Hoàng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00490/14S69
23331	S69-26290	CM-66424		Nguyễn Thanh Nhân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/08/2014	11/08/2015	02164/14S69
23332	S69-26291	CM-66423		Võ Hoàng Em	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05310/13S69
23333	S69-26292	CM-66422		Nguyễn Tấn Vĩnh Hòa	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01895/13S69
23334	S69-26293	CM-66421		Nguyễn Trung Trực	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2015	24/01/2016	00192/15S69
23335	S69-26294			Phạm Hữu Nghĩa	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03771/11S69
23336	S69-26295	CM-66419		Hồ Minh Hằng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05313/13S69
23337	S69-26296			Đỗ Văn Cần	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03773/11S69
23338	S69-26298			Ngô Dũng Tiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03775/11S69
23339	S69-26299			Phạm Bé Ngoan	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03776/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23340	S69-26300			Trương Văn Diệp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03777/11S69
23341	S69-26301	CM-66427		Nguyễn Văn Lưu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09590/12S69
23342	S69-26302			Nguyễn Văn Lượm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03779/11S69
23343	S69-26303			Đỗ Văn Đạt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03780/11S69
23344	S69-26304			Tô Văn Hân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	03781/11S69
23345	S69-26305	CM-66386		Nguyễn Việt Quân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/08/2014	11/08/2015	02162/14S69
23346	S69-26306	CM-22733		Trần Minh Sáng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05402/12S69
23347	S69-26308			Hoa Văn Khánh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	24/12/2012	24/12/2013	09526/12S69
23348	S69-26309			Phan Văn Linh	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	24/10/2011	24/10/2012	03810/11S69
23349	S69-26310	CM-51677		Lâm Hoàng Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	30/12/2013	30/06/2014	06618/13S69
23350	S69-26314			Lê Thị Đẹt	Phường 9, Thành phố Cà Mau	24/10/2011	24/10/2012	03822/11S69
23351	S69-26316	CM-22723		Bùi Văn Oanh	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/11/2012	08/11/2013	06098/12S69
23352	S69-26317			Đoàn Hữu Nghị	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	25/10/2011	25/10/2012	03829/11S69
23353	S69-26318			Tạ Quốc Khiêm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2011	25/10/2012	03830/11S69
23354	S69-26319			Trần Minh Phụng	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2011	25/10/2012	03831/11S69
23355	S69-26320			Cao Trung Hoà	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03834/11S69
23356	S69-26321			Nguyễn Đại Nghĩa	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03835/11S69
23357	S69-26324	CM-61630		Trần Văn Vinh	Tam giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03593/12S69
23358	S69-26325			Nguyễn Minh Lèo	Tam giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03840/11S69
23359	S69-26326			Nguyễn Minh Hời	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03899/11S69
23360	S69-26327			Nguyễn Văn Hiện	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03841/11S69
23361	S69-26328			Lâm Quốc Toàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03842/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23362	S69-26329	CM-61624		Nguyễn Thanh Hồng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/11/2013	28/11/2014	05924/13S69
23363	S69-26330			Phạm Thị Bảy	Tam giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03844/11S69
23364	S69-26331			Nguyễn Hải Đăng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03845/11S69
23365	S69-26332			Nguyễn Văn Khê	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03846/11S69
23366	S69-26333			Tạ Thành út Nhỏ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03847/11S69
23367	S69-26334	CM-61621		Nguyễn Chí Anh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	06/07/2015	06/07/2016	01234/15S69
23368	S69-26335	CM-61622		Chung Minh Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01727/13S69
23369	S69-26337			Lê Minh Trí	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03851/11S69
23370	S69-26338	CM-22749		Phan Thanh Dân	Tam giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01726/13S69
23371	S69-26340	CM-22748		Nguyễn Văn Lợi	Tam giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07252/12S69
23372	S69-26341			Lê Tỷ Anh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03855/11S69
23373	S69-26342			Lê Hoàng Dũng	k4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03860/11S69
23374	S69-26343			Huỳnh Văn Chí	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2011	10/09/2012	03869/11S69
23375	S69-26344	CM-22735		Phan Quốc Thoại	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04671/12S69
23376	S69-26345			Võ Văn Mến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	31/10/2011	31/10/2012	03884/11S69
23377	S69-26346			Đỗ Quang Sáng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03886/11S69
23378	S69-26347			Trần Thanh Điền	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03887/11S69
23379	S69-26348			Trần Văn Sen	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03888/11S69
23380	S69-26349			Lê Minh Tiên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03889/11S69
23381	S69-26350			Ngô Văn Chiến	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03890/11S69
23382	S69-26351	CM-61599		Đặng Phương	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02252/13S69
23383	S69-26352			Lê Văn Đạt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03892/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23384	S69-26353			Huỳnh Văn Tre	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03893/11S69
23385	S69-26354			Tạ Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03894/11S69
23386	S69-26355			Thái Ngọc Vẹn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03895/11S69
23387	S69-26356			Nguyễn Văn Thanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03896/11S69
23388	S69-26357			Trần Văn Nam	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03897/11S69
23389	S69-26358			Trần Văn Bắc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03898/11S69
23390	S69-26359	CM-61595		Đỗ Hữu Quý	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2015	20/04/2016	00750/15S69
23391	S69-26360			Huỳnh Văn Vĩ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03900/11S69
23392	S69-26361	CM-61597		Phạm Thái Bình	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2014	20/01/2015	00245/14S69
23393	S69-26362	CM-61602		Lê Vũ Hà	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/01/2013	22/01/2014	00941/13S69
23394	S69-26363			Lê Thanh Thy	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05547/12S69
23395	S69-26365			Hồng Tuấn Kiệt	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/10/2011	20/10/2012	26365/11S69
23396	S69-26366			Trần Văn Liêm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03906/11S69
23397	S69-26367			Phạm Thế Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	03907/11S69
23398	S69-26368	CM-61601		Nguyễn Văn Kiệt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04069/13S69
23399	S69-26370	CM-61612		Nguyễn Hoàng Oanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2014	20/12/2015	03397/14S69
23400	S69-26373	CM-22792		Dương Văn Tín	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09166/12S69
23401	S69-26375	CM-22795		Nguyễn Phúc Lâm	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07923/12S69
23402	S69-26377	CM-22794		Lê Văn Hùng	xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07411/12S69
23403	S69-26378			Phạm Văn Đức	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03954/11S69
23404	S69-26379	CM-51634		Nguyễn Thanh Tấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06424/13S69
23405	S69-26380	CM-51639		Nguyễn Minh Hoàng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07786/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23406	S69-26383	CM-51640		Nguyễn Hoàng Huỳnh	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/09/2014	28/09/2015	02673/14S69
23407	S69-26384	CM-51633		Huỳnh Văn Kiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07837/12S69
23408	S69-26385			Huỳnh Ngọc Lễ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03961/11S69
23409	S69-26386			Ngô Văn Tỷ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03962/11S69
23410	S69-26387	CM-51579		Nguyễn Phương Đông	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06503/13S69
23411	S69-26388			Trần Văn Nhẫn	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03964/11S69
23412	S69-26389	CM-51654		Trần Hoàng Thơ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03515/14S69
23413	S69-26390	CM-51652		Võ Minh Hiền	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07792/12S69
23414	S69-26391			Hồ Văn Bắc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03967/11S69
23415	S69-26394	CM-51646		Lâm Văn Hậu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01433/14S69
23416	S69-26395			Văn Công Tuấn	xa Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03971/11S69
23417	S69-26396			Lâm Văn Tình	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10314/12S69
23418	S69-26398	CM-51655		Trần Thanh Mộng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01616/15S69
23419	S69-26399	CM-51657		Trần Thanh Đoàn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01162/14S69
23420	S69-26400	CM-51673		Huỳnh Quốc Tuấn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	30/01/2013	30/01/2014	01084/13S69
23421	S69-26401	CM-51662		Nguyễn Hoàng Em	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05957/13S69
23422	S69-26402			Nguyễn Minh Đức	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03978/11S69
23423	S69-26403	CM-51669		Nguyễn Thanh Phong	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08152/12S69
23424	S69-26404	CM-51629		Nguyễn Kha Ly	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06814/12S69
23425	S69-26405			Phạm Tường Núi	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03981/11S69
23426	S69-26406	CM-51671		Nguyễn Văn Cường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10296/12S69
23427	S69-26407	CM-51665		Nguyễn Hoàng Anh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05958/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23428	S69-26410			Trần Minh Đường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06454/13S69
23429	S69-26411	CM-51638		Trần Văn Nhân	Xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01156/14S69
23430	S69-26412	CM-51637		Trần Chí Phán	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02869/14S69
23431	S69-26413	CM-51632		Nguyễn Văn Lục	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04862/12S69
23432	S69-26414	CM-51635		Mai Hồng Kỳ	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10204/12S69
23433	S69-26415	CM-51631		Võ Văn Oai	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	13/05/2015	13/05/2016	00887/15S69
23434	S69-26417	CM-51641		Lâm Văn Vĩ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07772/12S69
23435	S69-26418			Đoàn Tuấn Anh	xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03994/11S69
23436	S69-26419			Trương Văn Quốc	xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03995/11S69
23437	S69-26420	CM-51477		Chu Thanh Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03175/14S69
23438	S69-26421	CM-51656		Dương Công Minh	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07819/12S69
23439	S69-26422	CM-51667		Nguyễn Chí Công	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/04/2015	28/04/2016	00820/15S69
23440	S69-26423			Trần Văn Mãi	xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	03999/11S69
23441	S69-26424			Nguyễn Văn Khởi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/11/2011	01/11/2012	04042/11S69
23442	S69-26425	CM-22740		Lê Quốc Khánh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07549/12S69
23443	S69-26426			Trần Tứ Hiệp	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	04050/11S69
23444	S69-26427	CM-22739		Phạm Trường Giang	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	14/01/2015	14/01/2016	00082/15S69
23445	S69-26428	CM-00447		Đặng Văn Hải	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	02/11/2011	02/11/2012	04052/11S69
23446	S69-26429			Nguyễn Văn Hoà	Khánh An, Huyện U Minh	12/10/2011	12/10/2012	04053/11S69
23447	S69-26431			Huỳnh Công Danh	Thới Bình, Thành phố Cà Mau	03/11/2011	03/11/2012	04066/11S69
23448	S69-26432			Nguyễn Thị út Nhỏ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04072/11S69
23449	S69-26433			Đoàn Huỳnh Ni	Khánh Hoà, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04073/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23450	S69-26434	CM-87510		Trần Văn Thái	Khánh Hoà, Huyện U Minh	14/02/2014	14/02/2015	00413/14S69
23451	S69-26435			Nguyễn Minh Dũng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04075/11S69
23452	S69-26436			Trịnh Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/10/2012	04076/11S69
23453	S69-26437			Cao Phúc Vinh	Khánh Hoà, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04077/11S69
23454	S69-26438			Phạm Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04078/11S69
23455	S69-26439			Lê Văn Khởi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04079/11S69
23456	S69-26440			Huỳnh Văn Lâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04080/11S69
23457	S69-26441			Nguyễn Hoàng Âu	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/11/2011	04/11/2012	04081/11S69
23458	S69-26442	CM-61606		Dương Việt Văn	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00692/13S69
23459	S69-26443			Trần Văn Thắm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	04090/11S69
23460	S69-26444			Cao Quốc Văn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	04091/11S69
23461	S69-26446			Nguyễn Văn Toàn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	07/11/2011	07/11/2012	04096/11S69
23462	S69-26447			Quách Hồng Khánh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	04097/11S69
23463	S69-26449			Lâm Văn Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	16/10/2011	19/10/2012	04099/11S69
23464	S69-26451	CM-22772		Huỳnh Duy Lâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04502/13S69
23465	S69-26452			Nguyễn Chí Tâm	Tam giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	04102/11S69
23466	S69-26453	CM-22764		Phạm Thành Công	Tam Gang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2015	24/07/2016	01364/15S69
23467	S69-26454			Võ Hoàng Sang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07488/12S69
23468	S69-26455			Hồng Hữu Linh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07484/12S69
23469	S69-26456			Nguyễn Văn Thứng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2011	08/11/2012	04114/11S69
23470	S69-26457	CM-22751		Huỳnh Văn Hùng	xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/01/2013	04/01/2014	00056/13S69
23471	S69-26459	CM-22754		Phạm Thanh Vũ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08463/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23472	S69-26460			Trần Chí Nguyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/10/2011	20/10/2012	04106/11S69
23473	S69-26461			Nguyễn Văn Thanh	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	10/11/2011	10/11/2012	04123/11S69
23474	S69-26462	CM-22757		Nguyễn Minh Hợp	Phường 9, Thành phố Cà Mau	26/05/2014	26/05/2015	01391/14S69
23475	S69-26463	CM-22802		Trần Ru Bi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02470/13S69
23476	S69-26465	CM-22806		Nguyễn Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01903/13S69
23477	S69-26466	CM-22807		Trần Minh Thụ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09584/12S69
23478	S69-26467			Nguyễn Văn Thường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/11/2011	09/11/2012	04134/11S69
23479	S69-26468			Trần Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/11/2011	09/11/2012	04135/11S69
23480	S69-26469			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/11/2011	09/11/2012	04136/11S69
23481	S69-26470			Diệp Thanh Đó Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/11/2011	09/11/2012	04137/11S69
23482	S69-26471	CM-66431		Nguyễn Văn Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09603/12S69
23483	S69-26472	CM-66432		Ngô Quốc Sử	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01162/13S69
23484	S69-26473			Võ Văn Huy	Khánh An, Huyện U Minh	11/11/2011	11/11/2012	04147/11S69
23485	S69-26474	CM-51676		Trương Thanh Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08156/12S69
23486	S69-26475	CM - 51674		Tô Hoàng Duy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	23/12/2013	23/12/2014	06297/13S69
23487	S69-26476			Trịnh Hoàng Kha	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08137/12S69
23488	S69-26477	CM-22762		Lê Văn Việt	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	11/03/2013	11/03/2014	01579/13S69
23489	S69-26478			Võ Minh Trí	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	14/11/2011	14/11/2012	04169/11S69
23490	S69-26481			Võ Văn Vũ	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/11/2011	12/11/2012	04179/11S69
23491	S69-26482	CM-61641		Phan Văn Hon	Hàm Rồng, Huyện Cái Nước	20/12/2012	20/12/2013	09243/12S69
23492	S69-26483	CM-03008		Huỳnh Văn Dậm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2011	12/11/2012	04181/11S69
23493	S69-26484			Nguyễn Văn Lập	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2011	12/11/2012	04182/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23494	S69-26485	CM-43456		Phạm Văn Thế	Khóm 2, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	03/12/2014	03/06/2015	03212/14S69
23495	S69-26486			Nguyễn Văn Dũng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	15/11/2011	15/11/2012	04198/11S69
23496	S69-26487			Trịnh Văn Chơn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	14/11/2011	14/11/2012	04201/11S69
23497	S69-26488	CM-90516		Võ Văn Chấn	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/10/2013	05259/12S69
23498	S69-26489			Nguyễn Đông Kha	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	16/11/2011	15/11/2012	04206/11S69
23499	S69-26490			Nguyễn Văn Hoàng	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	17/11/2011	17/11/2012	04212/11S69
23500	S69-26493	CM-22775		Nguyễn Thanh Hải	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	30/09/2014	30/09/2015	02683/14S69
23501	S69-26497			Lê Thanh Tân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2011	10/11/2012	04226/11S69
23502	S69-26498	CM-90528		Trần Văn Nam	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03044/13S69
23503	S69-26499			Nguyễn Văn Khanh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2011	10/11/2012	04228/11S69
23504	S69-26500	CM-90526		Võ Văn Chuyển	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00385/13S69
23505	S69-26501	CM-90525		Trần Văn Toàn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/03/2015	00642/14S69
23506	S69-26502	CM-90524		Lê Bé Tư	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	18/06/2015	18/06/2016	01115/15S69
23507	S69-26503	CM-90521		Nguyễn Văn Dậm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2015	10/06/2016	01074/15S69
23508	S69-26504	CM-90520	CM-90520	Nguyễn Hữu Lộc	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/05/2013	16/05/2014	01322/13V68
23509	S69-26505			Huỳnh Văn Chí	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2011	10/11/2012	04237/11S69
23510	S69-26507			Hứa Văn Quang	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	18/11/2011	18/11/2012	04243/11S69
23511	S69-26508	CM-87513		Lê Văn Phúc	Khánh An, Huyện U Minh	11/03/2013	11/03/2014	01578/13S69
23512	S69-26511			Giang Nhật Thanh	Phường 1, Thành phố Cà Mau	18/11/2011	18/11/2012	04252/11S69
23513	S69-26512			Nguyễn Công	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/11/2011	16/11/2012	04253/11S69
23514	S69-26513			Nguyễn Trung Tèo	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2011	16/11/2012	04254/11S69
23515	S69-26514			Nguyễn Văn Nam	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/11/2011	16/11/2012	04255/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23516	S69-26515			Ngô Thanh Hiền	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/11/2011	16/11/2012	04256/11S69
23517	S69-26516	CM-72322		Lâm Văn Nhanh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02748/12S69
23518	S69-26517	CM-72377		Tô Minh Tâm	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2014	16/11/2015	02985/14S69
23519	S69-26518			Nguyễn Văn Thường	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/11/2011	16/11/2012	04259/11S69
23520	S69-26519	CM-98020		Lê Văn Tới	K4, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/09/2013	16/09/2014	04387/13S69
23521	S69-26520			Nguyễn Văn Luồi	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	21/11/2011	21/11/2012	04270/11S69
23522	S69-26522			Quách Văn Đol	K7, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04272/11S69
23523	S69-26523			Quan Quốc Phong	xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04273/11S69
23524	S69-26524	CM-61645		Lý Điền Danh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03196/13S69
23525	S69-26525	CM-61642		Huỳnh Văn Ngô	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/02/2014	20/02/2015	00442/14S69
23526	S69-26526			Bùi Hoàng Vĩ	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04276/11S69
23527	S69-26527	CM-61643		Lưu Minh Trí	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05801/12S69
23528	S69-26528			Nguyễn Văn Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04963/12S69
23529	S69-26529			Võ Hoàng Khương	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04279/11S69
23530	S69-26530			Nguyễn Thanh Tú	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04280/11S69
23531	S69-26531	CM-22838		Lê Văn Nhớ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09231/12S69
23532	S69-26532	CM-22840		Phan Tấn Lộc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07228/12S69
23533	S69-26533			Lê Văn Nhớ	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2011	20/11/2012	04283/11S69
23534	S69-26537	CM-61636		Quan Minh Hưởng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01844/13S69
23535	S69-26541	CM-22800		Nguyễn Văn Tèo	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2014	13/11/2015	02968/14S69
23536	S69-26542			Nguyễn Quốc Cường	Định Bình, Thành phố Cà Mau	22/11/2011	22/11/2012	04317/11S69
23537	S69-26547	CM-22821		Phan Văn Mít	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	02/12/2013	02/12/2014	06042/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23538	S69-26548	CM-22809		Lâm Văn Chê	Định Bình, Thành phố Cà Mau	16/12/2013	16/12/2014	06217/13S69
23539	S69-26549			Lê Vũ Anh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	24/11/2011	24/11/2012	04337/11S69
23540	S69-26550	CM-22813		Đinh Văn Tính	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/12/2013	16/12/2014	06216/13S69
23541	S69-26552			Trà Minh Cảnh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	25/11/2011	25/11/2012	04342/11S69
23542	S69-26553	CM-22817		Lê Văn Châm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/08/2013	01/08/2014	03754/13S69
23543	S69-26555			Phan Văn Hoàng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	23/11/2011	23/11/2012	04351/11S69
23544	S69-26556			Cao Minh Nghiệp	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04353/11S69
23545	S69-26557			Nguyễn Văn Biển	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	26557/11S69
23546	S69-26558			Võ Văn Kỳ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/11/2011	24/11/2012	04355/11S69
23547	S69-26559	CM-72320		Đặng Hùng Vũ	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00585/13S69
23548	S69-26560	CM-25863		Đặng Văn Xô	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2014	12/01/2015	00105/14S69
23549	S69-26561			Nguyễn Văn Đoàn	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04358/11S69
23550	S69-26562			Dương Thanh út	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04359/11S69
23551	S69-26563			Dương Thanh Toàn	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04360/11S69
23552	S69-26564			Nguyễn Văn Đạt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04366/11S69
23553	S69-26565			Lê Văn Sáu	Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04367/11S69
23554	S69-26566			Phạm Văn Sự	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04368/11S69
23555	S69-26567			Ngô Minh Đời	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04369/11S69
23556	S69-26568			Đặng Văn Tạng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04370/11S69
23557	S69-26569			Châu Minh Hiền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04371/11S69
23558	S69-26570	CM-43472		Võ Hòa Hưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/05/2015	27/05/2016	00997/15S69
23559	S69-26571			Lê Công Đoàn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/11/2011	24/11/2012	04373/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23560	S69-26572	CM-43459		Đào Văn Tâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/08/2014	12/08/2015	02175/14S69
23561	S69-26575			Huỳnh Hoàng Toàn	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2011	24/11/2012	26575/11S69
23562	S69-26576			Tiết Kim Huệ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2011	24/11/2012	04381/11S69
23563	S69-26577			Tiết Văn Linh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2011	24/11/2012	04382/11S69
23564	S69-26578	CM-66438		Lê Văn Ni	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2013	24/11/2014	05884/13S69
23565	S69-26579			Phạm Văn Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/11/2011	24/11/2012	26579/11S69
23566	S69-26580			Lê Bảo Xuyên	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04389/11S69
23567	S69-26581			Bùi Văn Tánh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04390/11S69
23568	S69-26582			Tạ Thị Tú Liên	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04391/11S69
23569	S69-26583			Phan Tiền Phương	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04392/11S69
23570	S69-26584			Võ Thị Thu Hồng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04393/11S69
23571	S69-26585			Lê Phương Danh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04394/11S69
23572	S69-26586			Lâm Văn Khỏe	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04395/11S69
23573	S69-26587	CM-61657		Lâm Hồng Láng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09262/12S69
23574	S69-26588			Ngô Văn Hiện	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04397/11S69
23575	S69-26589			Trần Minh Đức	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04398/11S69
23576	S69-26590			Ngụy Văn Tý	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04399/11S69
23577	S69-26591			Phạm Hoàng Huynh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04400/11S69
23578	S69-26592			Lê Phương Danh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04401/11S69
23579	S69-26593			Phan Hòa Bình	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04402/11S69
23580	S69-26594			Thạch Hải Đăng	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04403/11S69
23581	S69-26595	CM-61659		Trương Hoài Nam	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06264/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23582	S69-26596			Tô Minh Kha	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04405/11S69
23583	S69-26597			Nguyễn Văn Điệp	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04406/11S69
23584	S69-26599	CM-22988		Nguyễn Thành Danh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00696/13S69
23585	S69-26600			Nguyễn Văn Dao	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04409/11S69
23586	S69-26601			Phạm Văn Hợp	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	28/11/2011	28/11/2012	04418/11S69
23587	S69-26602			Nguyễn Hữu Tài	Khánh Lâm, Huyện U Minh	29/11/2011	29/11/2012	04420/11S69
23588	S69-26603			Tô Thanh Trị	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04422/11S69
23589	S69-26604			Võ Hùng Mạnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04423/11S69
23590	S69-26605	CM-22853		Lê Hoàng Thịnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	14/12/2012	17/12/2013	08866/12S69
23591	S69-26606			Ngô Việt Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04425/11S69
23592	S69-26607			Nguyễn Văn Hai	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/11/2011	25/11/2012	04426/11S69
23593	S69-26608	CM-22851		Hồ Văn Tổng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05805/12S69
23594	S69-26609	CM-22850		Cao út Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01725/13S69
23595	S69-26610	CM-22872		Nguyễn Hoàng Dân	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	05/09/2013	05/09/2014	04254/13S69
23596	S69-26611	CM-22938		Nguyễn Văn Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08427/12S69
23597	S69-26612			Trương Văn Mi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04443/11S69
23598	S69-26613			Mã Hoàng Hôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/12/2012	07826/12S69
23599	S69-26614	CM-22870		Phan Duy Khánh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10182/12S69
23600	S69-26615			Đỗ Văn Khánh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10255/12S69
23601	S69-26617			Lê Minh Tèo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04448/11S69
23602	S69-26618			Lê Anh Xua	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04449/11S69
23603	S69-26620	CM-22863		Ngô Tấn Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06687/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23604	S69-26621	CM-22868		Phan Văn Kỳ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/12/2012	07831/12S69
23605	S69-26622			Nguyễn Minh Tâm	xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04453/11S69
23606	S69-26623	CM-51708		Phạm Văn Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06452/13S69
23607	S69-26624			Nguyễn Văn út	xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04455/11S69
23608	S69-26626			Trần Văn Do	xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04457/11S69
23609	S69-26627	CM-51691		Phạm Minh Hoàng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10280/12S69
23610	S69-26628			Nguyễn Văn Nhỏ	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04459/11S69
23611	S69-26629	CM-51693		Ngô Minh Cảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07794/12S69
23612	S69-26630	CM-51694		Trần Văn Vĩ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01165/14S69
23613	S69-26631			Lê Văn Hậu	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07754/12S69
23614	S69-26632	CM-51696		Trần Hoàng Vũ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09173/12S69
23615	S69-26634			Nguyễn Thanh Xuyên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07823/12S69
23616	S69-26635			Tiêu Văn Phong	xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04466/11S69
23617	S69-26636	CM-51700		Trương Hoàng Minh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05935/13S69
23618	S69-26638			Trần Văn Đạt	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04469/11S69
23619	S69-26639			Nguyễn Minh Dũng	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04470/11S69
23620	S69-26640	CM-51704		Phạm Việt Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10316/12S69
23621	S69-26641			Đỗ Lý Tường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08930/12S69
23622	S69-26642			Trần Lộc Phú	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04473/11S69
23623	S69-26643	CM-51709		Phạm Thuyết Trình	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/03/2015	16/03/2016	00497/15S69
23624	S69-26644	CM-51679		Quách Văn Hiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06420/13S69
23625	S69-26645	CM-51680		Đinh Công Huân	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01596/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23626	S69-26646	CM-51681		Hồ Chí Công	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10253/12S69
23627	S69-26648	CM-51683		Huỳnh Văn Thuận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08582/12S69
23628	S69-26649	CM-51684		Trần Công Danh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00870/13S69
23629	S69-26650			Trương Văn Phong	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10205/12S69
23630	S69-26651			Lê Minh Khải	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04482/11S69
23631	S69-26652	CM-57687		Hồ Việt Linh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07763/12S69
23632	S69-26653	CM-90522		Huỳnh Văn Liệt	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	20/10/2013	20/10/2014	05029/13S69
23633	S69-26656	CM-90517		Quách Văn Bé	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/03/2013	20/03/2014	01791/13S69
23634	S69-26658	CM-22836		Nguyễn Văn Phước	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09602/12S69
23635	S69-26659			Dương Tiến Khải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04547/11S69
23636	S69-26660			Dương Tiến Khải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04548/11S69
23637	S69-26661			Nguyễn Văn Hận	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04549/11S69
23638	S69-26662			Trần Đức Thờ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04550/11S69
23639	S69-26663			Thái Thanh Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04551/11S69
23640	S69-26664			Trần Duy Phong	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04552/11S69
23641	S69-26665			Nguyễn Hoàng Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04553/11S69
23642	S69-26666			Ngô Hoàng Xinh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04554/11S69
23643	S69-26667			Phan Văn Toàn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04555/11S69
23644	S69-26668			Nguyễn Văn Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04556/11S69
23645	S69-26669			Trần Chí Nguyễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04557/11S69
23646	S69-26670			Huỳnh Thanh Tùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04558/11S69
23647	S69-26671			Nguyễn Tấn Quốc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04559/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23648	S69-26672			Vũ Văn Vương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04560/11S69
23649	S69-26673	CM-61674		Lý Thái Thông	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04089/13S69
23650	S69-26674			Võ Chí Lil	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04562/11S69
23651	S69-26675	CM-61687		Nguyễn Văn Khanh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04090/13S69
23652	S69-26676			Nguyễn Văn Bé	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04564/11S69
23653	S69-26677			Trần Hoàng Anh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04565/11S69
23654	S69-26678			Nguyễn Văn ở	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04566/11S69
23655	S69-26679	CM-61691		Ngô Thành Đề	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2015	20/07/2016	01322/15S69
23656	S69-26680	CM-61694		Huỳnh Thanh Thủy	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2014	20/07/2015	01958/14S69
23657	S69-26681			Nguyễn Văn Hòa	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04569/11S69
23658	S69-26682	CM-61696		Trần Thanh Việt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/07/2014	28/07/2015	02040/14S69
23659	S69-26683			Trương Chí Tâm	Hiệp Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09507/12S69
23660	S69-26684			Đông Quốc Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04572/11S69
23661	S69-26685			Lê Trường Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04573/11S69
23662	S69-26686			Đỗ Văn Mến	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04574/11S69
23663	S69-26687	CM-61702		Nguyễn Văn Triều	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09257/12S69
23664	S69-26688			Nguyễn Thành Tài	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04576/11S69
23665	S69-26689			Đông Văn Lệnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05798/12S69
23666	S69-26690			Huỳnh Bình Tiến	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04578/11S69
23667	S69-26691	CM-61699		Lê Hoàng Bảo	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04088/13S69
23668	S69-26692			Trần Văn Thành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04580/11S69
23669	S69-26693			Lê út Hậu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04581/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23670	S69-26694	CM-61713		Nguyễn Hoàng Giang	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05799/12S69
23671	S69-26695	CM-61711		Nguyễn Trường Giang	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02384/14S69
23672	S69-26696	CM-61710		Trần Minh Tân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05790/12S69
23673	S69-26697			Hồ Thanh An	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04585/11S69
23674	S69-26698			Võ Việt Kháng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04586/11S69
23675	S69-26699	CM-22877		Nguyễn Văn Lũy	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07220/12S69
23676	S69-26700			Trần Công Thành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04588/11S69
23677	S69-26701			Quách Văn Tình	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04589/11S69
23678	S69-26702			Mạc Văn Tuấn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04590/11S69
23679	S69-26703	CM-61688		Đặng Chí Lăng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07254/12S69
23680	S69-26704			Nguyễn Vũ Xuyên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/11/2011	29/11/2012	04592/11S69
23681	S69-26705	CM-22825		Nguyễn Văn Quý	Tân Hải, Huyện Phú Tân	10/06/2013	10/06/2014	03039/13S69
23682	S69-26706	CM-22826		Lê Công Danh	Trí Phải, Huyện Thới Bình	19/02/2014	19/02/2015	00438/14S69
23683	S69-26707			Lữ Hoàng Khởi	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/11/2011	29/05/2012	04463/11S69
23684	S69-26709			Võ Hòa Hưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/12/2011	02/12/2012	04664/11S69
23685	S69-26712			Dương Minh Thệ	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2011	10/11/2012	04672/11S69
23686	S69-26713	CM-22843		Tô Văn Bình	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2013	20/01/2014	00688/13S69
23687	S69-26714			Nguyễn Hồng Gấm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/11/2011	11/11/2012	04684/11S69
23688	S69-26715			Phạm Thanh Dân	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2011	05/12/2012	04686/11S69
23689	S69-26717	CM-22909		Lê Hoàng Danh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06820/12S69
23690	S69-26718			Lê Chí Cường	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2011	04/12/2012	04689/11S69
23691	S69-26719	CM-22907		Phạm Hoài Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01078/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23692	S69-26720	CM-22916		Trương Văn Tới	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05959/13S69
23693	S69-26721	CM-22915		Đoàn Quốc Sỹ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/03/2013	04667/12S69
23694	S69-26722			Lưu Hiệp Lợi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08421/12S69
23695	S69-26723			Võ Văn Tây	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2011	04/12/2012	04694/11S69
23696	S69-26724			Bùi Cẩm Tú	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2011	04/12/2012	04695/11S69
23697	S69-26725			Diệp Thành Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01751/14S69
23698	S69-26726	CM-22832		Phạm Văn Thương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2014	30/12/2015	03582/14S69
23699	S69-26730	CM-22845		Lương Chí Hưởng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06435/12S69
23700	S69-26731			Ngô Văn Phên	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2011	04/12/2012	04715/11S69
23701	S69-26732			Nguyễn Thanh Liêm	Phường 8, Thành phố Cà Mau	07/12/2011	07/12/2012	04718/11S69
23702	S69-26734			Huỳnh Minh Tiên	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	07/12/2011	07/12/2012	04725/11S69
23703	S69-26735			Huỳnh Minh Tiên	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	07/12/2011	07/12/2012	04726/11S69
23704	S69-26736			Trịnh Văn Vự	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2011	04729/11S69
23705	S69-26737			Nguyễn Văn Cu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	11/01/2013	11/01/2014	00399/13S69
23706	S69-26738			Nguyễn Thanh Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04731/11S69
23707	S69-26739	CM-66451		Lê Văn Trung	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01666/15S69
23708	S69-26740	CM-66447		Trịnh Quốc Việt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01163/13S69
23709	S69-26741			Nguyễn Văn Tụ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04734/11S69
23710	S69-26742			Trần Văn Thanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04735/11S69
23711	S69-26743			Đào Quốc Sư	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2011	06/12/2012	04736/11S69
23712	S69-26745	CM-22941		Dương Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	27/11/2012	24/11/2013	07479/12S69
23713	S69-26747	CM-22942		Lâm Văn Tấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09581/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23714	S69-26748			Võ Văn Quyết	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09612/12S69
23715	S69-26751			Phan Thanh Hiền	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03014/13S69
23716	S69-26752			Bùi Trường Giang	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	08/12/2011	08/12/2012	04753/11S69
23717	S69-26753	CM-22856		Huỳnh Ngọc Chuẩn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06467/13S69
23718	S69-26755			Nguyễn Văn út	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	09/12/2011	09/12/2012	04757/11S69
23719	S69-26756			Nguyễn Thị út Nhỏ	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	09/12/2011	09/12/2012	04758/11S69
23720	S69-26757			Nguyễn Thị Vui	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	09/12/2011	09/12/2012	04759/11S69
23721	S69-26758			Lâm Phú Khánh	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2011	10/12/2012	04767/11S69
23722	S69-26759			Phạm Công Vương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2011	12/12/2012	04777/11S69
23723	S69-26760			Võ Minh Luận	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2011	12/12/2012	04782/11S69
23724	S69-26761			Trần Văn Thân	Khóm 6, Phường 8, Thành phố Cà Mau	13/12/2011	13/12/2012	04787/11S69
23725	S69-26763	CM-22859		Nguyễn Hải Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	18/03/2013	18/03/2014	01741/13S69
23726	S69-26764			Lê Hải Triều	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/12/2011	13/12/2012	04795/11S69
23727	S69-26765			Nguyễn Minh Chiến	xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	14/12/2011	14/12/2012	04798/11S69
23728	S69-26766			Lê Văn Liệt	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/03/2013	12/03/2014	01617/13S69
23729	S69-26767	CM-22887		Nguyễn Văn Tấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00454/13S69
23730	S69-26768			Bạch Văn Quang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2011	12/12/2012	04801/11S69
23731	S69-26769	CM-43476		Hồ Văn Tiếp	Trần Thới, Huyện Cái Nước	22/12/2015	22/06/2016	02582/15S69
23732	S69-26770			Nguyễn Văn Nhân	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2011	12/12/2012	04803/11S69
23733	S69-26771	CM-43477		Nguyễn Chí Ngoan	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03530/13S69
23734	S69-26772			Phan Thị Lan	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2011	12/12/2012	04805/11S69
23735	S69-26774			Trần Trung Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/12/2011	09/12/2012	04821/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23736	S69-26775			Nguyễn Văn Ninh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2011	09/12/2012	04822/11S69
23737	S69-26776	CM-66444		Lê Hoàng Diễm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03450/13S69
23738	S69-26778			Nguyễn Hoàng Lộc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01154/13S69
23739	S69-26779			Ngô Chí Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02465/13S69
23740	S69-26780			Lê Thanh Trúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/12/2011	09/12/2012	04827/11S69
23741	S69-26781			Lưu Văn Như	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07483/12S69
23742	S69-26782			Lái Văn Hoai	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/12/2011	09/12/2012	04829/11S69
23743	S69-26783			Huỳnh Thái Lâm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/12/2011	13/12/2012	04839/11S69
23744	S69-26784	CM-90536		Cao Quốc Văn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2013	08/01/2014	00237/13S69
23745	S69-26787			Nguyễn Thành Thân	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	15/12/2011	15/12/2012	04845/11S69
23746	S69-26789	CM-22884		Cao Tài Lợi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	20/02/2013	20/02/2014	01320/13S69
23747	S69-26790	CM-22885		Nguyễn Thành Long	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	20/03/2014	20/03/2015	00415/14S65
23748	S69-26791	CM-22886		Lương Văn Bảnh	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	27/12/2012	27/12/2013	09662/12S69
23749	S69-26792			Nguyễn Nhựt Trường	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	16/12/2011	16/12/2012	04862/11S69
23750	S69-26793			Cao Tài Lợi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/12/2011	16/12/2012	04868/11S69
23751	S69-26794	CM-87516		Trần Thanh Ngoãn	Khánh Hoà, Huyện U Minh	18/05/2015	18/05/2016	00923/15S69
23752	S69-26795	CM-22919		Cao Văn Kết	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/08/2013	01/08/2014	03761/13S69
23753	S69-26796	CM-22890		Nguyễn Văn Mãi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/07/2014	29/07/2015	02060/14S69
23754	S69-26798	CM-22895		Lý Văn Miên	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	14/03/2014	14/03/2015	00679/14S69
23755	S69-26799			Đỗ Văn Thủ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02244/13S69
23756	S69-26802			Trịnh Phú Quốc	K7, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/12/2011	16/12/2012	04892/11S69
23757	S69-26803	CM-22968		Trần Văn Dũng	K1 TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	17/12/2012	17/12/2013	08926/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23758	S69-26804	CM-22969		Trịnh Văn Chiến	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02162/13S69
23759	S69-26805			Ông Văn Kía	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	17/12/2012	17/06/2013	08865/12S69
23760	S69-26806	CM-72328		Lê Thanh Phong	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02173/13S69
23761	S69-26807			Nguyễn Văn Ty	xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/12/2011	16/12/2012	04897/11S69
23762	S69-26808			Đỗ Văn Thương	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	16/12/2011	16/12/2012	04898/11S69
23763	S69-26809			Phạm Văn Lào	xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/12/2011	16/12/2012	04899/11S69
23764	S69-26810			Trà Việt Quang	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/12/2011	16/12/2012	04900/11S69
23765	S69-26812			Nguyễn Văn Đồi	xã Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/12/2011	16/12/2012	04902/11S69
23766	S69-26813			Nguyễn Văn Xuân	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2011	20/12/2012	04910/11S69
23767	S69-26815			Nguyễn Chí Tâm	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	21/12/2011	21/12/2012	04918/11S69
23768	S69-26817	CM-22905		Trần Văn Lam	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/04/2013	12/04/2014	02127/13S69
23769	S69-26819	CM-22894		Nguyễn Văn Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06547/13S69
23770	S69-26820			Đỗ Ngọc Hiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04928/11S69
23771	S69-26822	CM-61724		Phạm Văn Thành	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01848/13S69
23772	S69-26823	CM-61729		Trần Văn Tư	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09259/12S69
23773	S69-26824			Phạm Văn Mun	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04932/11S69
23774	S69-26825			Dương Văn Lộc	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04933/11S69
23775	S69-26826	CM-61728		Nguyễn Ngọc Bình	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06286/13S69
23776	S69-26827	CM-22935		Võ Văn Thái	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/01/2013	24/01/2014	01150/13S69
23777	S69-26828			Trần Hoàng Dũng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04936/11S69
23778	S69-26830	CM-22937		Nguyễn Văn Khanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	12/01/2013	12/01/2014	00455/13S69
23779	S69-26831			Châu Văn Thì	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2011	20/12/2012	04989/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23780	S69-26832			Cao Thanh Tâm	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	22/12/2011	22/12/2012	04990/11S69
23781	S69-26833			Nguyễn Trung Hiếu	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	23/12/2011	23/12/2012	04997/11S69
23782	S69-26834	CM-22906		Nguyễn Văn Lên	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	29/11/2013	29/11/2014	06020/13S69
23783	S69-26835			Nguyễn Văn Sinh	xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/12/2011	26/12/2012	04999/11S69
23784	S69-26836	CM-22925		Trần Văn Công	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	05/06/2015	05/06/2016	01052/15S69
23785	S69-26837			Lý Văn Phụng	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	26/12/2011	26/12/2012	05008/11S69
23786	S69-26838	CM-66459		Võ Văn Sử	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2014	24/04/2015	01102/14S69
23787	S69-26839	CM-66440		Nguyễn Văn Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2015	24/11/2015	00973/15S69
23788	S69-26840	CM-66460		Tô Văn Tốt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09585/12S69
23789	S69-26841	CM-66457		Thái Hoàng Sử	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2014	24/05/2015	01380/14S69
23790	S69-26842	CM-66458		Hồng Quang Niệm	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00311/14S69
23791	S69-26843	CM-22924		Huỳnh Công Thiện	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02738/13S69
23792	S69-26844			Dương Văn Việt	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	27/12/2011	27/12/2012	05046/11S69
23793	S69-26845			Nguyễn Hoàng Giao	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	27/12/2011	27/12/2012	05049/11S69
23794	S69-26846	CM-22927		Lê Văn Mê	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02919/13S69
23795	S69-26847	CM-22934		Lê Thị Muội	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	15/01/2013	15/01/2014	00479/13S69
23796	S69-26848			Lâm Văn Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01360/13S69
23797	S69-26849			Nguyễn Văn Đệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2011	24/12/2012	05026/11S69
23798	S69-26850			Lê Minh Cảnh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2011	24/12/2012	05027/11S69
23799	S69-26851			Châu Văn Mười	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2011	24/12/2012	05028/11S69
23800	S69-26852			Diệp Hoàng Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2011	24/12/2012	05029/11S69
23801	S69-26853	CM-22952		Nguyễn Văn Tuyển	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2013	20/01/2014	00698/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23802	S69-26854			Nguyễn Trường Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2011	24/12/2012	05031/11S69
23803	S69-26856			Nguyễn Hoàng Lưu	xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05069/11S69
23804	S69-26857	CM-22965		Huỳnh Hoàng Diệu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00069/13S69
23805	S69-26858			Trần Minh Hải	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05071/11S69
23806	S69-26859			Trần Văn út	xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05072/11S69
23807	S69-26860			Lê Minh Vũ	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05073/11S69
23808	S69-26861			Phạm Thanh Miên	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05074/11S69
23809	S69-26862	CM-22957		Nguyễn Vũ Phương	TT. Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01430/15S69
23810	S69-26863			Liêu Trần Khánh	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05076/11S69
23811	S69-26864	CM-22958		Nguyễn Văn Hồ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	25/03/2013	25/03/2014	01913/13S69
23812	S69-26866	CM-51741		Nguyễn Minh Phòng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10240/12S69
23813	S69-26867	CM-51740		Trần Văn Hoàng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10305/12S69
23814	S69-26868			Trương Văn Nghiêm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05081/11S69
23815	S69-26870			Phan Văn Liệt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05083/11S69
23816	S69-26871			Đoàn Hoàng Nghị	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05084/11S69
23817	S69-26872	CM-51735		Huỳnh Văn Trực	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10306/12S69
23818	S69-26873	CM-51734		Mạc Văn Đến	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/03/2014	17/03/2015	00698/14S69
23819	S69-26874			Hồ Minh Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05087/11S69
23820	S69-26875	CM-51732		Lê Văn Cửa	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01422/13S69
23821	S69-26876	CM-51731		Lê Văn Cồn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01423/13S69
23822	S69-26877			Bùi Chí Cường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05090/11S69
23823	S69-26878	CM-51729		Trần Thanh Phong	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10298/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23824	S69-26879	CM-51728		Dương Tấn Mạnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/06/2015	28/06/2016	01187/15S69
23825	S69-26880	CM-51727		Trần Văn Bấu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03540/14S69
23826	S69-26882			Huỳnh Văn Bảo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05095/11S69
23827	S69-26883			Dương á Châu	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05096/11S69
23828	S69-26884			Nguyễn Văn Kiên	xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05097/11S69
23829	S69-26885	CM-51722		Nguyễn Văn Mười	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10176/12S69
23830	S69-26886	CM-51721		Hồ Minh Đấu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00829/14S69
23831	S69-26887			Ngô Vũ Lâm	xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05100/11S69
23832	S69-26888	CM-51719		Nguyễn Văn Thiện	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10200/12S69
23833	S69-26889	CM-51718		Lê Thanh Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00556/13S69
23834	S69-26890	CM-51717		Trương Minh Hoàng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01416/14S69
23835	S69-26891			Trương Thanh Truyền	xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05104/11S69
23836	S69-26892	CM-51715		Huỳnh Minh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00347/13S69
23837	S69-26893	CM-51714		Trương Tấn Đường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00563/14S69
23838	S69-26894			Nguyễn út Chính	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05107/11S69
23839	S69-26895	CM-51712		Hồ Văn Nhum	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	27/08/2014	27/08/2015	02382/14S69
23840	S69-26896			Lê Chí Bạch	xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05109/11S69
23841	S69-26897	CM-51711		Le Văn Tới	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00818/14S69
23842	S69-26898			Dương Chí Minh	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	05111/11S69
23843	S69-26899	CM-22926		Trần Văn Nung	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	07/01/2013	07/01/2014	00220/13S69
23844	S69-26900			Trần Văn Dương	Phường 8., Thành phố Cà Mau	18/12/2011	18/12/2012	05148/11S69
23845	S69-26901			Nguyễn Khiêm Sơn	Định Bình, Thành phố Cà Mau	29/12/2011	29/12/2012	05149/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23846	S69-26902			Mạc Văn út	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	23/12/2011	23/12/2012	05156/11S69
23847	S69-26903	CM-43479		Lê Thành Năng	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	10/05/2013	10/05/2014	02507/13S69
23848	S69-26905	CM-43480		Lê Văn Hải	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	31/12/2013	31/12/2014	06639/13S69
23849	S69-26907	CM-22949		Diệp Văn Suối	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/01/2013	18/01/2014	00637/13S69
23850	S69-26908	CM-22946		Huỳnh Văn Tâm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00449/13S69
23851	S69-26909			Huỳnh Văn Tâm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00452/13S69
23852	S69-26910	CM-22975		Phan Quốc Lưu	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	13/12/2015	13/06/2016	02468/15S69
23853	S69-26911			Phạm Hoàng Anh	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	05/01/2012	05/01/2013	00059/12S69
23854	S69-26913			Phạm Minh Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2012	04/01/2013	00063/12S69
23855	S69-26914	CM-22990		Lý Văn Duyên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/05/2013	20/11/2013	02617/13S69
23856	S69-26915			Nguyễn Kiều Oanh	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	03/01/2012	03/07/2012	00072/11S69
23857	S69-26916	CM-22982		Cao Tấn Mức	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	02/04/2015	02/04/2016	00627/15S69
23858	S69-26917	CM-22972		Tôn Minh Mộng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	08/01/2013	08/01/2014	00240/13S69
23859	S69-26918			Nguyễn Văn Năng	xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	06/01/2012	06/01/2013	00086/12S69
23860	S69-26920			Nguyễn Văn Triệu	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	06/01/2012	06/01/2013	00088/12S69
23861	S69-26921	CM-22981		Phạm Anh Động	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	14/01/2013	14/07/2013	00459/13S69
23862	S69-26922			Đặng Cu Tèo	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2012	09/01/2013	00094/12S69
23863	S69-26923			Trương Văn Ngon	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2012	09/01/2013	00095/12S69
23864	S69-26924			Trương Văn Di	Khánh Hội, Huyện Trần Văn Thời	09/01/2012	09/01/2013	00097/12S69
23865	S69-26925	CM-22984		Nguyễn Văn Thiện	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01083/13S69
23866	S69-26926			Trần Văn Giúp	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2012	08/07/2012	00101/12S69
23867	S69-26928	CM-22995		Giang Văn Hiếu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	03/01/2014	03/01/2015	00015/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23868	S69-26977	CM-22991		Lâm Cao Đăng	Định Bình, Thành phố Cà Mau	15/01/2013	15/01/2014	00474/13S69
23869	S69-26982			Nguyễn Duy Khánh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/01/2012	06/01/2013	00116/12S69
23870	S69-26983			Nguyễn Hải Em	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/01/2012	06/01/2013	00117/12S69
23871	S69-26985	CM-23005		Lê Bình Dân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02988/13S69
23872	S69-26986			Nguyễn Văn Tèo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/01/2012	06/01/2013	00120/12S69
23873	S69-26987	CM-66463		Nguyễn Trường Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	05017/13S69
23874	S69-26989			Huỳnh Văn Việt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/01/2012	06/01/2013	00123/12S69
23875	S69-26990			Nguyễn Anh Sương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/01/2012	06/01/2013	00124/12S69
23876	S69-26991			Bùi Văn Chương	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01153/13S69
23877	S69-26992			Trần Văn út	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/01/2012	09/01/2013	00129/12S69
23878	S69-26993	CM-66467		Ngô Văn Linh	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03266/13S69
23879	S69-26994			Trần Văn Điệp	Xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	10/01/2012	10/01/2013	00134/12S69
23880	S69-26995	CM-22985		Bùi Trường Giang	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	10/01/2013	10/01/2014	00359/13S69
23881	S69-26996			Cao Minh Truyền	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	10/01/2012	10/01/2013	00138/12S69
23882	S69-26997	CM-90426		Đặng Thị Dân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2013	10/03/2014	01508/13S69
23883	S69-26998			Trần Chí Nguyên	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00140/12S69
23884	S69-26999	CM-90547		Nguyễn Văn Chương	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2014	10/11/2015	02928/14S69
23885	S69-27000			Trần Văn Hận	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00142/12S69
23886	S69-27001			Đoàn Hùng Anh	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00143/12S69
23887	S69-27002	CM-90559		Lê Văn Hưởng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00102/14S69
23888	S69-27004			Lê Văn Việt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2011	28/12/2012	00158/12S69
23889	S69-27005			Nguyễn Tấn Chiến	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00161/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23890	S69-27006	CM-22993		Huỳnh Minh Tân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01720/13S69
23891	S69-27007	CM-23009		Trần Văn My	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	11/02/2015	11/02/2016	00316/15S69
23892	S69-27008			Đoàn Văn Xuyên	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/01/2012	12/01/2013	00177/12S69
23893	S69-27009	CM-22996		Nguyễn Thanh Vũ	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/01/2013	30/01/2014	01183/13S69
23894	S69-27010			Trần Thị Tuyến	K2, P8, Thành phố Cà Mau	12/01/2012	12/01/2013	00184/12S69
23895	S69-27012			Nguyễn Văn Hoàng	xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00186/12S69
23896	S69-27014			Nguyễn Quốc Ninh	xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00188/12S69
23897	S69-27015			Lê Văn Chuẩn	xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00189/12S69
23898	S69-27016			Hồ Văn ấn	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/01/2012	12/01/2013	00190/12S69
23899	S69-27017			Nguyễn Văn Lăng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2012	10/01/2013	00210/12S69
23900	S69-27018	CM-23001		Nguyễn Văn Doanh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	22/01/2013	22/01/2014	00886/13S69
23901	S69-27020	CM-23072		Lâm Ly Phăng	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	22/04/2013	22/04/2014	02267/13S69
23902	S69-27021			Hứa Văn Trọng	xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	16/01/2012	16/01/2013	00232/12S69
23903	S69-27025	CM-23015		Lê Văn Tèo	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	24/01/2013	24/01/2014	00956/13S69
23904	S69-27026			Trương Tấn Hiển	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	16/01/2012	16/01/2013	00240/12S69
23905	S69-27028			Bùi Thanh Tùng	xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	17/07/2013	17/07/2014	03535/13S69
23906	S69-27029			Lâm Văn Tân	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	16/01/2012	16/01/2013	00252/12S69
23907	S69-27030	CM-72338		Nguyễn Văn Thành	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/07/2014	16/07/2015	01905/14S69
23908	S69-27031	CM-72339		Lâm Văn Trường	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/12/2014	16/12/2015	03349/14S69
23909	S69-27032	CM-72337		Nguyễn Văn Thiết	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00593/13S69
23910	S69-27033			Huỳnh Chí Toàn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00258/12S69
23911	S69-27034			Nguyễn Thanh Liêm	K7, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00259/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23912	S69-27035	CM-72340		Nguyễn Bé Tư	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/04/2014	16/04/2015	01015/14S69
23913	S69-27036	CM-27036		Nguyễn Văn Thạnh	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/10/2014	16/10/2015	02793/14S69
23914	S69-27037	CM-72342		Nguyễn Văn Kích	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/10/2014	16/10/2015	02794/14S69
23915	S69-27039	CM-23018		Trần Thị Hiền	Phường 6,, Thành phố Cà Mau	25/06/2013	25/06/2014	03290/13S69
23916	S69-27040	CM-87519		Thạch Hai	Khánh Hoà, Huyện U Minh	21/07/2014	21/07/2015	01862/14S69
23917	S69-27041			Tăng Văn Dương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	17/01/2012	17/01/2013	00300/12S69
23918	S69-27043	CM-23020		Cam Hùng Duyên	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2015	10/08/2016	01487/15S69
23919	S69-27044	CM-23021		Trần Quốc Tĩnh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	21/01/2015	21/01/2016	00174/15S69
23920	S69-27045			Phạm Công Lý	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	17/01/2012	17/01/2013	00307/12S69
23921	S69-27046	CM-23022		Phạm Trung Toàn	Tạ An khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	06002/12S69
23922	S69-27047			Nguyễn Quốc Anh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2012	17/01/2013	00320/12S69
23923	S69-27048			Nguyễn Quốc Anh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2012	17/01/2013	00321/12S69
23924	S69-27049			Nguyễn Quốc Anh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2012	17/01/2013	00322/12S69
23925	S69-27054	CM-23024		Nguyễn Văn Hữu	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	03/01/2014	03/01/2015	00011/14S69
23926	S69-27055	CM-23025		Đặng Văn Đoàn	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	04/03/2013	04/03/2014	01446/13S69
23927	S69-27056			Lưu Thanh Điền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	31/01/2012	31/01/2013	00351/12S69
23928	S69-27057			Lưu Thanh Điền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	31/01/2012	31/01/2013	00352/12S69
23929	S69-27058			Trần Minh Luân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2012	20/01/2013	00359/12S69
23930	S69-27059			Nguyễn Văn Sơn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/01/2012	20/01/2013	00360/12S69
23931	S69-27061			Nguyễn Quốc Văn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2012	20/01/2013	00362/12S69
23932	S69-27063	CM-61734		Huỳnh Trí Dũng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00681/13S69
23933	S69-27064	CM-61738		Nguyễn Thành Công	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01868/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23934	S69-27066	CM-23037		Mạc Đăng Tàu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00683/13S69
23935	S69-27067			Nguyễn Văn Quốc	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	31/01/2012	31/07/2012	00384/12S69
23936	S69-27068			Quách Thanh Vân	Phường 8, Thành phố Cà Mau	05/01/2012	05/01/2013	00392/12S69
23937	S69-27069	CM-23028		Nguyễn Văn Sơn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	26/11/2013	26/11/2014	05909/13S69
23938	S69-27070	CM-23026		Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	02/09/2013	02/09/2014	04178/13S69
23939	S69-27071			Huỳnh Văn Mù	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	01/02/2012	01/02/2013	00395/12S69
23940	S69-27074			Dương Tấn Đạt	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	03/02/2012	03/02/2013	00403/12S69
23941	S69-27077			Nguyễn Văn Phương	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/02/2012	06/02/2013	00418/12S69
23942	S69-27078			Lê Văn Dũng	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	30/01/2012	30/01/2013	00422/12S69
23943	S69-27079	CM-23034		Đặng Văn Lũy	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/06/2015	20/06/2016	01133/15S69
23944	S69-27080			Võ Hoàng Khởi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2012	06/02/2013	00435/12S69
23945	S69-27081	CM-66475		Tô Văn Gú	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2015	20/07/2016	01320/15S69
23946	S69-27083	CM-66472		Nguyễn Hoàng Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04503/13S69
23947	S69-27084			Nguyễn Văn Hoà	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2012	06/02/2013	00439/12S69
23948	S69-27085			Hoàng Minh Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2012	06/02/2013	00440/12S69
23949	S69-27086			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	08/02/2012	08/02/2013	00456/12S69
23950	S69-27087	CM-23043		Trần Thanh Đăng	Phường 9, Thành phố Cà Mau	06/03/2014	06/03/2015	00607/14S69
23951	S69-27088	CM-23055		Huỳnh Văn Tùng	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	23/12/2013	23/12/2014	06320/13S69
23952	S69-27089			Nguyễn Trường Sơn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02341/13S69
23953	S69-27090			Lâm Quốc Bằng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/02/2012	09/02/2013	00474/12S69
23954	S69-27091	CM-66477		Lâm Quốc Trí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05412/13S69
23955	S69-27092	CM-66476		Lê Quốc Việt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01987/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23956	S69-27093	CM-90555		Nguyễn Văn Nhã	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2013	10/03/2014	01514/13S69
23957	S69-27094			Lê Văn Toàn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2012	10/02/2013	00483/12S69
23958	S69-27095			Nguyễn Thị Vương	K8, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2012	10/02/2013	00484/12S69
23959	S69-27096			Nguyễn Văn Hổ	K5, TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2012	10/02/2013	00485/12S69
23960	S69-27099	CM-23039		Châu Văn Dũng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2014	10/02/2015	00370/14S69
23961	S69-27100			Phạm Văn Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	13/02/2012	13/02/2013	00500/12S69
23962	S69-27101			Lâm Hoàng Vũ	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	13/02/2012	13/02/2013	00503/12S69
23963	S69-27103			Lê Văn Then	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/02/2012	12/02/2013	00509/12S69
23964	S69-27105			Lê Quốc Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	08/02/2012	08/02/2013	00516/12S69
23965	S69-27106	CM-23044		Tổng Thanh Chót	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	18/03/2013	18/03/2014	01655/13S69
23966	S69-27107			Nguyễn Văn Lắm	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	15/02/2012	15/02/2013	00523/12S69
23967	S69-27109			Bùi Hoàng Nam	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	15/02/2012	15/02/2013	00533/12S69
23968	S69-27111			Huỳnh Văn Thành	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/02/2012	16/02/2013	00540/12S69
23969	S69-27112			Nguyễn Văn Lượm	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/02/2012	16/02/2013	00541/12S69
23970	S69-27113			Phù Lâm Phước	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/02/2012	16/02/2013	00542/12S69
23971	S69-27114			Hồ Văn My	Khóm 5, P5, Thành phố Cà Mau	13/02/2012	13/02/2013	00549/12S69
23972	S69-27115			Nguyễn Hùng Kiệt	xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	17/02/2012	17/02/2013	00554/12S69
23973	S69-27116	CM-23048		Du Tấn Hoàng	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/05/2015	25/05/2016	00981/15S69
23974	S69-27117	CM-23066		Nguyễn Hoàng Kil	Tam Giang, Huyện Năm Căn	01/07/2013	01/07/2014	03366/13S69
23975	S69-27118			Nhan Chí Công	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	20/02/2012	20/02/2013	00558/12S69
23976	S69-27119	CM-23049		Đoàn Văn Xuyên	Khánh An, Huyện U Minh	22/07/2015	22/07/2016	01353/15S69
23977	S69-27122			Lê Văn Tới	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	19/02/2012	19/02/2013	00574/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
23978	S69-27123	CM-23068		Nguyễn Hồng Cúc	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	19/08/2014	19/02/2015	02269/14S69
23979	S69-27124	CM-23194		Phạm Ngọc Hoàng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	29/07/2014	29/07/2015	02080/14S69
23980	S69-27125	CM-23058		Nguyễn Văn Lượng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	29/07/2014	29/07/2015	02081/14S69
23981	S69-27126	CM-23069		Trần Hoàng Vũ	ấp Quảng Phú, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02581/13S69
23982	S69-27127			Trần Văn Lắc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2012	20/02/2013	00609/12S69
23983	S69-27128	CM-61745		Quách Văn Nhứt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02293/14S69
23984	S69-27129			Trần Minh Hiếu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/02/2012	20/02/2013	00611/12S69
23985	S69-27130	CM-61744		Nguyễn Thanh Tú Duy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01763/12S69
23986	S69-27131	CM-61747		Nguyễn Hồng Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/01/2015	20/01/2016	00154/15S69
23987	S69-27132			Trần Văn Khanh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/02/2012	20/02/2013	00614/12S69
23988	S69-27133	CM-61740		Trần Văn Rớt	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/04/2015	01034/14S69
23989	S69-27135			Phan Văn Danh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2012	20/02/2013	00617/12S69
23990	S69-27136			Nguyễn Văn Thường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/07/2013	00700/13S69
23991	S69-27137			Lê Văn út	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/01/2012	16/01/2013	00626/12S69
23992	S69-27140			Võ Văn Tài	Khánh Thuận, Huyện U Minh	27/02/2012	27/02/2013	00629/12S69
23993	S69-27142	CM-72349		Tô Trần Vĩ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01797/13S69
23994	S69-27143	CM-23268		Võ Hoàng Khương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2013	20/02/2014	01323/13S69
23995	S69-27144	CM-23088		Tô Văng Lang	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01796/13S69
23996	S69-27145	CM-23087		Tô Hoàng Luận	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01798/13S69
23997	S69-27146			Lê Ngọc Nhan	K5, P5, Thành phố Cà Mau	28/02/2012	28/02/2013	00645/12S69
23998	S69-27147	CM-23057		Nhan Văn bảo	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	28/03/2013	28/03/2014	01955/13S69
23999	S69-27148			Trần Ly Hận	Phường 5, Thành phố Cà Mau	28/02/2012	28/02/2013	00647/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24000	S69-27150			Thạch Thế Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00653/12S69
24001	S69-27151			Trần Hoàng Nói	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00654/12S69
24002	S69-27152			Lê Văn Mol	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02390/13S69
24003	S69-27153	CM-03111		Huỳnh Văn Hùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/03/2013	04/03/2014	01456/13S69
24004	S69-27154	CM-51772		Hà Chí Nguyễn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04151/13S69
24005	S69-27155			Nguyễn Hoàng Thông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00658/12S69
24006	S69-27156	CM-51770		Nguyễn Hoàng Thông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02394/13S69
24007	S69-27157	CM-51769		Lâm Công Lĩnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	24/03/2014	24/03/2015	00759/14S69
24008	S69-27158			Huỳnh Hoàng Phúc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00661/12S69
24009	S69-27159	CM- 51767		Hồng Bảo Toàn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06016/13S69
24010	S69-27160			Trần Bảo Xuyên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00663/12S69
24011	S69-27162			Nguyễn Văn Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00665/12S69
24012	S69-27164			Trương Văn Nhanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00667/12S69
24013	S69-27166			Trương Hoàng Đô	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00669/12S69
24014	S69-27167			Nguyễn Hoài Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04129/12S69
24015	S69-27168			Hội Thánh Tin Lành Thuận Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00671/12S69
24016	S69-27169	CM-51758		Trịnh Thái Học	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	24/09/2013	24/09/2014	04486/13S69
24017	S69-27170			Dương Chí Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00673/12S69
24018	S69-27171			Cao Minh Cảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00674/12S69
24019	S69-27172	CM-51755		Lê Hữu Hậu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02048/14S69
24020	S69-27173			Trần Minh Nhiều	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00676/12S69
24021	S69-27175	CM-51753		Võ Văn Thọ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02003/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24022	S69-27176			Bùi Thanh Vũ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00679/12S69
24023	S69-27177			Nguyễn Thanh Vũ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00680/12S69
24024	S69-27178			Mạch Văn Khuyên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00681/12S69
24025	S69-27179			Lê Thanh Thoảng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00682/12S69
24026	S69-27180	CM-51748		Bùi Hữu Nghị	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00858/14S69
24027	S69-27181	CM-51747		Nguyễn Minh Thới	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01993/13S69
24028	S69-27182	CM-51746		Nguyễn Văn Tiếp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02054/14S69
24029	S69-27183			Phạm Ngọc Bầu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03719/13S69
24030	S69-27184			Nguyễn Văn Đức	Khóm 8, Phường 6, Thành phố Cà Mau	28/02/2012	28/02/2013	00719/12S69
24031	S69-27185	CM-23075		Huỳnh Văn Chí	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	17/06/2015	17/06/2016	01105/15S69
24032	S69-27186	CM-		Trần Văn Hùng	TT U Minh, Huyện U Minh	07/08/2015	07/08/2016	01476/15S69
24033	S69-27187			Đặng Văn Đố	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/02/2012	20/02/2013	00722/12S69
24034	S69-27189	CM-23080		Hồ Công Thành	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/04/2013	22/04/2014	02255/13S69
24035	S69-27190			Phạm Phước Tấn	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	02/03/2012	02/03/2013	00738/12S69
24036	S69-27191	CM-23076		Trần Phú Lâm	Phường 5, Thành phố Cà Mau	18/03/2013	18/03/2014	01743/13S69
24037	S69-27192			Hồ Văn Tại	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	29/02/2012	29/08/2012	00743/12S69
24038	S69-27193			Nguyễn út Nhỏ	xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	00744/12S69
24039	S69-27194			Trịnh Văn Sáng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2012	28/02/2013	00745/12S69
24040	S69-27196	CM-23078		Lê Văn Thêm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	02006/13S69
24041	S69-27197	CM-23079		Lê Tùng Em	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	12/04/2013	12/04/2014	02125/13S69
24042	S69-27198			Đinh Thị Hằng	xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	05/03/2012	05/03/2013	00760/12S69
24043	S69-27199			Lưu Thanh Điền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	05/03/2012	05/03/2013	00769/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24044	S69-27200			Lưu Thanh Điền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	05/03/2012	05/03/2013	00770/12S69
24045	S69-27201			Vũ Bằng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2012	24/02/2013	00771/12S69
24046	S69-27203	CM-23104		Nguyễn Trường Giang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01392/13S69
24047	S69-27204			Tạ Văn Hòa	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2012	24/02/2013	00774/12S69
24048	S69-27205			Nguyễn Thanh Văn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2012	24/02/2013	00775/12S69
24049	S69-27206			Nguyễn Tấn Tài	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2012	24/02/2013	00776/12S69
24050	S69-27208			Nguyễn Việt Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2012	24/02/2013	00778/12S69
24051	S69-27209	CM-66470		Trịnh Văn Đồng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02338/13S69
24052	S69-27210			Nguyễn Nhựt Nam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00785/12S69
24053	S69-27211			Nguyễn Văn Quân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00786/12S69
24054	S69-27212	CM-66483		Lý Văn Hùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05286/13S69
24055	S69-27213			Đình Hoàng Đuôn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00788/12S69
24056	S69-27214			Quách Văn Lem	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00789/12S69
24057	S69-27215			Lê Văn Huyện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00790/12S69
24058	S69-27217	CM-66489		Đỗ Văn Chơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05274/13S69
24059	S69-27218	CM-66490		Nguyễn Quang Trung	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05276/13S69
24060	S69-27219			Đỗ Văn Khởi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00794/12S69
24061	S69-27220			Nguyễn Chí Tính	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00795/12S69
24062	S69-27221			Trần Văn Thường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00796/12S69
24063	S69-27222			Ngô Văn Khải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00797/12S69
24064	S69-27223	CM-66895		Trần Văn Nguyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2015	24/06/2016	01164/15S69
24065	S69-27224	CM-66496		Nguyễn Văn Gát	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	05/06/2014	05/06/2015	01494/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24066	S69-27225	CM-66503		Đình Thanh Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	16/04/2014	16/04/2015	01009/14S69
24067	S69-27226			Thái Văn Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00801/12S69
24068	S69-27227			Phạm Văn Buôi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00802/12S69
24069	S69-27228	CM- 66499		Trần Minh Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06355/13S69
24070	S69-27229	CM-66500		Huỳnh Dũng Lớn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05251/13S69
24071	S69-27230			Huỳnh Văn Giàu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00805/12S69
24072	S69-27231			Trần Văn Ngoan	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2012	24/02/2013	00806/12S69
24073	S69-27232	CM-66501		Trần Văn Đến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2014	24/04/2015	01103/14S69
24074	S69-27233			Vũ Văn Tam	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00808/12S69
24075	S69-27234			Đỗ Văn Quyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00809/12S69
24076	S69-27235			Lương Văn Khát	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00810/12S69
24077	S69-27237			Trần Ngọc Trường	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	22/07/2013	22/07/2014	03616/13S69
24078	S69-27238	CM-23143		Nguyễn Văn Trãi	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03267/13S69
24079	S69-27239			Nguyễn Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00814/12S69
24080	S69-27240			Lâm Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/03/2012	07/03/2013	00833/12S69
24081	S69-27242	CM-23086		Hồ Văn Toàn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02196/14S69
24082	S69-27243			Tô Quốc Tường	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/03/2012	06/03/2013	00838/12S69
24083	S69-27244	CM-23085		Hồ Thanh Sơn	Khánh An, Huyện U Minh	11/04/2013	11/04/2014	02120/13S69
24084	S69-27252			Nguyễn Thanh Nhanh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/03/2012	12/03/2013	00862/12S69
24085	S69-27253	CM-43490		Châu Văn Kiệt	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	23/04/2014	23/04/2015	01075/14S69
24086	S69-27254			Chung Thái Trần	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00873/12S69
24087	S69-27255	CM-90560		Nguyễn Văn Phương	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2013	10/09/2014	04281/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24088	S69-27256	CM-23098		Đặng Văn Việt	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/03/2013	18/03/2014	01656/13S69
24089	S69-27257			Lê Việt Thuận	Phường 8, Thành phố Cà Mau	13/03/2012	13/03/2013	00880/12S69
24090	S69-27259	CM-66508		Nguyễn Việt Thương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03647/13S69
24091	S69-27260	CM-66507		Đoàn Văn Múi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05454/13S69
24092	S69-27261	CM-66505		Trịnh Hòa Thanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2014	24/05/2015	01374/14S69
24093	S69-27262	CM-66506		Nguyễn út Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01357/13S69
24094	S69-27263			Đặng Quốc Liệt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01908/13S69
24095	S69-27264			Nguyễn Hoàng Lâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00887/12S69
24096	S69-27265	CM-23128		Huỳnh Chí Phong	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01899/13S69
24097	S69-27266			Nguyễn Văn Kỳ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00889/12S69
24098	S69-27267			Nguyễn Thanh Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/03/2012	09/03/2013	00890/12S69
24099	S69-27270	CM-43505		Trần Văn Trí	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/04/2014	29/04/2015	01175/14S69
24100	S69-27272			Trương Khánh Vân	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2014	00912/12S69
24101	S69-27274			Lương Văn Tèo	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2014	00914/12S69
24102	S69-27275			Lê Quốc Nguyên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2014	00915/12S69
24103	S69-27276	CM-72352		Nguyễn Chí Thanh	xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	22/04/2013	22/04/2014	02264/13S69
24104	S69-27279	CM-23109		Võ Văn Thắng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	24/09/2013	24/09/2014	04488/13S69
24105	S69-27280			Cty Điện Lực Cà Mau	Phường 2, Thành phố Cà Mau	14/03/2012	14/03/2013	00958/12S69
24106	S69-27281	CM-90567		Trần Thanh Phong	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/07/2013	12/01/2014	03501/13S69
24107	S69-27282			Lê Hoàng Phương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00967/12S69
24108	S69-27283	CM-90571		Huỳnh Thanh Phong	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03042/13S69
24109	S69-27284			Nguyễn Văn Sen	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00969/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24110	S69-27286	CM-90569		Nguyễn Thành Nĩa	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/03/2015	00646/14S69
24111	S69-27287			Võ Văn Phương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	11/04/2013	11/04/2014	02111/13S69
24112	S69-27288			Lê Văn Đen	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2012	10/03/2013	00973/12S69
24113	S69-27289	CM-90565		Huỳnh Kim Loan	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2015	10/06/2016	01077/15S69
24114	S69-27292	CM-23092		Phạm Minh Nghiệp	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	10/03/2014	10/03/2015	00625/14S69
24115	S69-27293			Đàm Thị Riêng	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/03/2012	15/03/2013	01010/12S69
24116	S69-27294			Nguyễn Thị Diễm	Khóm 9, Phường 6, Thành phố Cà Mau	15/03/2012	15/03/2013	01012/12S69
24117	S69-27295			Nguyễn Thị Diễm	Khóm 9, Phường 6, Thành phố Cà Mau	15/03/2012	15/03/2013	01013/12S69
24118	S69-27296			Nguyễn Văn Đặng	xã Hàm Rồng, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01015/12S69
24119	S69-27297			Huỳnh Văn Kinh	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01016/12S69
24120	S69-27298			Trần Thanh Dân	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01017/12S69
24121	S69-27299			Huỳnh Lộc Ninh	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01018/12S69
24122	S69-27300			Nguyễn Văn út	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01019/12S69
24123	S69-27301			Phạm Văn Phúc	xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	29/03/2012	29/03/2013	01020/12S69
24124	S69-27302			Nguyễn Văn Ven	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01021/12S69
24125	S69-27303			Nguyễn Văn Đen	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01022/12S69
24126	S69-27304			Trần Văn Nhân	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01023/12S69
24127	S69-27305			Phan Hoàng Tiến	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01024/12S69
24128	S69-27306			Trần Văn Hy	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01025/12S69
24129	S69-27307			Nguyễn Văn Điệp	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01026/12S69
24130	S69-27308			Phan Văn Trắng	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01027/12S69
24131	S69-27309			Phan Văn Ghi	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01028/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24132	S69-27310			Nguyễn Tiệp Khắc	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	29/03/2012	29/03/2013	01029/12S69
24133	S69-27311			Đỗ Minh Cảnh	Xã Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2012	16/03/2013	01049/12S69
24134	S69-27312			Đỗ Văn Được	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	16/03/2012	16/03/2013	01052/12S69
24135	S69-27314	CM-23106		Phạm Chí Nghiệm	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	05/12/2014	05/12/2015	03240/14S69
24136	S69-27315			Nguyễn Văn Đầy	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/03/2012	19/03/2013	01055/12S69
24137	S69-27316			Lê Văn Hùm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01056/12S69
24138	S69-27317			Bùi Văn Sang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01057/12S69
24139	S69-27318			Bùi Quốc Việt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01058/12S69
24140	S69-27319			Nguyễn Thanh Hằng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01059/12S69
24141	S69-27320			Thái Bảo Lộc	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	21/03/2012	16/03/2013	01066/12S69
24142	S69-27321			Lê Hoàng Hậu	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	21/03/2012	16/03/2013	01067/12S69
24143	S69-27322			Đặng Văn Hiếu	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	21/03/2012	16/03/2013	01068/12S69
24144	S69-27323			Trịnh Quốc Sỹ	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	21/03/2012	16/03/2013	01069/12S69
24145	S69-27324			Nguyễn Trường Giang	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01070/12S69
24146	S69-27325			Nguyễn Hoang Phương	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01071/12S69
24147	S69-27326			Lê Chí Xĩa	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01072/12S69
24148	S69-27327			Phan Tiên Phong	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01073/12S69
24149	S69-27328			Nguyễn Văn Dương	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01074/12S69
24150	S69-27329			Nguyễn Phước Anh	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	16/03/2012	16/03/2013	01075/12S69
24151	S69-27330			Nguyễn Văn Minh	Xã Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	14/03/2012	14/03/2013	01085/12S69
24152	S69-27331	CM-23149		Nguyễn út Hiền	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02161/13S69
24153	S69-27332			Lê Thanh Đoàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01090/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24154	S69-27333			Biên Văn Nhỏ	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01091/12S69
24155	S69-27334	CM-23146		Tô Điền Trung	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02156/13S69
24156	S69-27335			Nguyễn Thành Long	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01093/12S69
24157	S69-27336			Nguyễn Văn Hiền	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01094/12S69
24158	S69-27337	CM-72360		Nguyễn Tấn Lộc	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/05/2014	16/05/2015	01293/14S69
24159	S69-27338			Tô Văn Đạo	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01096/12S69
24160	S69-27340			Nguyễn Văn Lành	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01098/12S69
24161	S69-27341			Nguyễn Trường Chinh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01099/12S69
24162	S69-27342	CM-72359		Đỗ út Em	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/07/2015	16/07/2016	01303/15S69
24163	S69-27345	CM-72355		Lữ Văn Thắng	xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2014	16/08/2015	02264/14S69
24164	S69-27346			Lê Văn Thoảng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01104/12S69
24165	S69-27347	CM-72356		Nguyễn Thị Niềm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/12/2014	16/12/2015	03348/14S69
24166	S69-27348			Nguyễn Kim Đồng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01106/12S69
24167	S69-27349			Nguyễn Văn Tiến	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01107/12S69
24168	S69-27350	CM-72368		Huỳnh Văn Có	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/09/2014	16/09/2015	02553/14S69
24169	S69-27351	CM-72371		Tô hoàng Chiến	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	05/12/2014	05/12/2015	03231/14S69
24170	S69-27352			Nguyễn Văn Đen	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01110/12S69
24171	S69-27353			Tiêu Văn Bi	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	12/04/2012	12/04/2013	01111/12S69
24172	S69-27354			Lê Văn Thông	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	19/08/2013	19/08/2014	03906/13S69
24173	S69-27355			Thái Chí Điền	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01113/12S69
24174	S69-27356	CM-72370		Châu Văn Phong	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02578/13S69
24175	S69-27357			Nguyễn Văn Hưng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01115/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24176	S69-27358			Võ Văn Sỏi	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01116/12S69
24177	S69-27360			Đỗ Văn Sang	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/03/2012	12/03/2013	01145/12S69
24178	S69-27361			Mai Văn Hùng	xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	21/03/2012	21/03/2014	01150/12S69
24179	S69-27362			Nguyễn Hoàng Triều	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/05/2013	07/05/2014	02481/13S69
24180	S69-27363	CM-61753		Nguyễn Văn Liêm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03957/13S69
24181	S69-27364			Phạm Văn Thâm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	29/03/2012	29/03/2013	01166/12S69
24182	S69-27365			Đào Văn út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	29/03/2012	29/03/2013	01167/12S69
24183	S69-27366	CM-61751		Trần Văn An	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02670/13S69
24184	S69-27367			Nguyễn Văn Mon	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/03/2012	29/03/2013	01169/12S69
24185	S69-27369	CM-61755		Trương Thị Kiều	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01644/14S69
24186	S69-27370	CM-61749		Trịnh Ngọc Hiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01312/14S69
24187	S69-27371	CM-23134		Tăng Hoàng Sơn	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	05/05/2014	05/05/2015	01199/14S69
24188	S69-27372			Trần Văn Mục	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	23/03/2012	23/03/2013	01186/12S69
24189	S69-27375	CM-23196		Tô Minh Kết	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01857/13S69
24190	S69-27376	CM-23197		Huỳnh Bương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02249/13S69
24191	S69-27378	CM-23199		Trần Văn Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03207/13S69
24192	S69-27379			Phạm Thành Hận	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	26/03/2012	26/03/2013	01201/12S69
24193	S69-27380	CM-23159		Lâm Công Khanh	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02157/13S69
24194	S69-27381			Nguyễn Thanh Long	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01208/12S69
24195	S69-27382			Nguyễn Văn út	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01209/12S69
24196	S69-27383			Trần Văn Tình	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01210/12S69
24197	S69-27384			Trần Văn Công	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2012	16/03/2013	01211/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24198	S69-27386	CM-23133		Lê Văn Cường	Xã Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	17/05/2013	17/05/2014	02593/13S69
24199	S69-27387			Nguyễn Văn Tân	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01219/12S69
24200	S69-27388			Huỳnh Văn Hai	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01220/12S69
24201	S69-27389			Đỗ Minh Cảnh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01221/12S69
24202	S69-27390			Nguyễn Văn Dương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01222/12S69
24203	S69-27391			Võ Văn Ngoan	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01223/12S69
24204	S69-27392			Châu Hoàng Dương	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01224/12S69
24205	S69-27393			Nguyễn Hoàng Điểm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01225/12S69
24206	S69-27394			Phạm Văn Thắng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01226/12S69
24207	S69-27395			Trần Quốc Toàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01227/12S69
24208	S69-27396			Trần Ky Ba	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01228/12S69
24209	S69-27397			Ngô Trung Hiếu	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01229/12S69
24210	S69-27398			Trần Văn á	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01230/12S69
24211	S69-27399			Nguyễn Ô Đên	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01231/12S69
24212	S69-27400			Phạm Minh Khiêm	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01232/12S69
24213	S69-27401			Nông Trường 414, Quân Khu 9	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/03/2012	29/03/2013	01236/12S69
24214	S69-27404	CM-66511		Nguyễn Văn Thoảng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2015	24/05/2016	00975/15S69
24215	S69-27405			Nông Trường 414 Quân Khu 9	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/03/2012	29/03/2013	01240/12S69
24216	S69-27406	CM-66509		Nguyễn Văn Cách	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02742/13S69
24217	S69-27408	CM-23119		Lê Hữu Duyên	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/12/2013	18/12/2014	06243/13S69
24218	S69-27409	CM-23120		Lê Minh Đức	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	23/04/2014	23/04/2015	01074/14S69
24219	S69-27410			Nguyễn Minh Tâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01255/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24220	S69-27411			Trần Hợp Em	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01256/12S69
24221	S69-27412	CM-23183		Nguyễn Phương Bắc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/05/2013	28/05/2014	02797/13S69
24222	S69-27413			Nguyễn Hoàng Bảy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01258/12S69
24223	S69-27414	CM-61758		Nguyễn Văn Bằng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01849/13S69
24224	S69-27415			Nguyễn út Chính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01260/12S69
24225	S69-27416	CM-51778		Huỳnh Việt Thù	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/03/2015	28/03/2016	00594/15S69
24226	S69-27417	CM-51780		Nguyễn Văn Tới	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02398/13S69
24227	S69-27418	CM-51781		Trần Tấn Hùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02395/13S69
24228	S69-27419			Nguyễn Chí Nguyên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01264/12S69
24229	S69-27420	CM-51783		Bùi Văn Liệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05940/13S69
24230	S69-27421	CM-51784		Trần Thái Thuận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02055/14S69
24231	S69-27422			Nguyễn Văn Hoá	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01267/12S69
24232	S69-27425			Nguyễn Văn Bằng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01270/12S69
24233	S69-27426	CM-51789		Phan Phước Nguyên	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01442/15S69
24234	S69-27428	CM-51791		Phạm Công Mức	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05636/13S69
24235	S69-27429			Nguyễn Quốc Khanh	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	27/03/2012	27/03/2013	01295/12S69
24236	S69-27431			Huỳnh Việt Đoan	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	23/03/2012	23/03/2013	01218/12S69
24237	S69-27432	CM-43518		Tô Minh Khanh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2013	12/04/2014	02128/13S69
24238	S69-27433			Nguyễn Văn Đoan	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01301/12S69
24239	S69-27434			Trần Văn Quân	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01302/12S69
24240	S69-27435			Huỳnh Thanh Tuấn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01303/12S69
24241	S69-27436			Huỳnh Văn Đương	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01304/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24242	S69-27437			Nguyễn Tuấn Kiệt	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01305/12S69
24243	S69-27438	CM-43427		Trang Văn Khum	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03516/13S69
24244	S69-27440			Trần Hoàng Nhị	Đông Thới, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01308/12S69
24245	S69-27441	CM-23205		Trần Văn Đen	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2013	17/04/2014	02177/13S69
24246	S69-27442			Nguyễn Hồng Linh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01315/12S69
24247	S69-27443			Bùi Văn Oai	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01316/12S69
24248	S69-27444			Phan Văn Gân	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01317/12S69
24249	S69-27445			Phan Văn Giang	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01318/12S69
24250	S69-27446			Bùi Văn Phước	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01319/12S69
24251	S69-27447			Nguyễn Văn Tuấn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01320/12S69
24252	S69-27448			Trần Văn Hải	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01321/12S69
24253	S69-27449			Trần Văn Trinh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01322/12S69
24254	S69-27450			Bùi Văn Lý	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01323/12S69
24255	S69-27451			Nguyễn Thị Chúc	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01324/12S69
24256	S69-27452			Phan Thanh Nữ	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	28/03/2012	28/03/2013	01325/12S69
24257	S69-27453	CM- 90599		Huỳnh Văn Mạnh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06078/13S69
24258	S69-27454			Ca Hoàng Phố	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01330/12S69
24259	S69-27455	CM-90597		Nguyễn Hữu Hón	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06093/13S69
24260	S69-27456	CM-90581		Bào Văn Khởi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06088/13S69
24261	S69-27458	CM-90587		Nguyễn Phúc Lộc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	11/05/2013	10/05/2014	02518/13S69
24262	S69-27459	CM-90580		Huỳnh Văn Nhi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06098/13S69
24263	S69-27460			Trương Văn Ai	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01336/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24264	S69-27461			Trương Văn Hôn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01337/12S69
24265	S69-27462			Lê Văn Sắc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01338/12S69
24266	S69-27463			Trịnh Minh Kha	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01339/12S69
24267	S69-27464			Lâm Văn Bằng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01340/12S69
24268	S69-27465			Trần út Em	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01341/12S69
24269	S69-27467			Đảng ủy Xã Phong Điền	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01343/12S69
24270	S69-27468			Phan Văn Lương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01344/12S69
24271	S69-27470			Trương Văn Pho	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01346/12S69
24272	S69-27471			Phan Minh Trường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01347/12S69
24273	S69-27472			Phan Văn Hoàng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01348/12S69
24274	S69-27474	CM-90583		Nguyễn Hoàng Hánh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06087/13S69
24275	S69-27475			Nguyễn Văn Được	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01351/12S69
24276	S69-27476	CM-90616		Ngô Văn Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06079/13S69
24277	S69-27477	CM-90611		Tô Văn Quởn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06083/13S69
24278	S69-27478			Phan Văn Hữu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01354/12S69
24279	S69-27479			Phạm Quang Vũ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01355/12S69
24280	S69-27480			Phan Tấn Hùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01356/12S69
24281	S69-27481			Lý Văn Trường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01357/12S69
24282	S69-27482	CM- 90592		Nguyễn Việt Trung	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00088/14S69
24283	S69-27483	CM- 90622		Trần Văn Hâu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00085/14S69
24284	S69-27484			Lâm Văn Đèo	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01360/12S69
24285	S69-27485			Nguyễn Việt Bắc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01361/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24286	S69-27486			Nguyễn Văn Quyền	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01362/12S69
24287	S69-27487			Trần Thanh Tân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01363/12S69
24288	S69-27488			Trịnh Phước Tuy	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01364/12S69
24289	S69-27489			Lê Minh Phục	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01365/12S69
24290	S69-27490			Võ Văn Tùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01366/12S69
24291	S69-27491			Lê Thành Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01367/12S69
24292	S69-27493			Nguyễn Văn Nhiệt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01369/12S69
24293	S69-27494			Nguyễn Văn Liệt	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01370/12S69
24294	S69-27495	CM-09614		Phan Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2013	10/11/2014	05732/13S69
24295	S69-27496			Trịnh Văn Quốc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01372/12S69
24296	S69-27497			Lê Văn Sắc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01373/12S69
24297	S69-27498			Huỳnh Văn Yêm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01374/12S69
24298	S69-27500	CM- 90613		Tô Minh Tươi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06076/13S69
24299	S69-27501			Nguyễn Văn Chính	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	12/04/2012	12/04/2013	01377/12S69
24300	S69-27502	CM-90720		Nguyễn Việt Thành	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2015	13/01/2016	00014/15S69
24301	S69-27504			Huỳnh Văn Cường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01380/12S69
24302	S69-27505			Nguyễn Hữu Nghị	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01381/12S69
24303	S69-27506			Nguyễn Linh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01382/12S69
24304	S69-27507			Trương Thanh Tùng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01383/12S69
24305	S69-27508	CM-90575		Nguyễn Quốc Sử	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06074/13S69
24306	S69-27509			Ngô Quốc Toàn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/03/2012	29/03/2013	01385/12S69
24307	S69-27511			Huỳnh Văn Biển	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	03/04/2012	03/04/2013	01410/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24308	S69-27512			Trương Chí Tình	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	03/04/2012	03/04/2013	01411/12S69
24309	S69-27513			Hồ Bình Tây	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01417/12S69
24310	S69-27514	CM-23154		Trương Văn Hoàng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2015	11/03/2016	00466/15S69
24311	S69-27515	CM-51801		Phạm Thành Đồ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08868/12S69
24312	S69-27517			Ngô Văn Nam	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2012	28/03/2013	01431/12S69
24313	S69-27518			Huỳnh Văn Quyền	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	05/04/2012	05/04/2013	01432/12S69
24314	S69-27519			Nguyễn Hải Anh	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	05/04/2012	05/04/2013	01433/12S69
24315	S69-27520			Hà Văn ái	xã Tam Giang, Huyện Năm Căn	05/04/2012	05/04/2013	01434/12S69
24316	S69-27521			Phan Văn Liêm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	04/04/2012	04/04/2013	01436/12S69
24317	S69-27522			Nguyễn Văn Trung	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	04/04/2012	04/04/2013	01437/12S69
24318	S69-27523			Nguyễn Bé Giang	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	04/04/2012	04/04/2013	01438/12S69
24319	S69-27524			Nguyễn Chí Cuộc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03058/13S69
24320	S69-27525			Trần Thanh Hiền	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	04/04/2012	04/04/2013	01440/12S69
24321	S69-27526			Nguyễn Tuấn Anh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	05/04/2012	05/04/2013	01441/12S69
24322	S69-27527	CM-23160		Đặng Nguyễn Thành Vương	Phường 6, Thành phố Cà Mau	25/04/2013	25/04/2014	02346/13S69
24323	S69-27529			Lâm Chí Thiện	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01453/12S69
24324	S69-27530			Cao Văn Thăm	xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01454/12S69
24325	S69-27531	CM-23222		Lý Hoàng Hải	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02986/13S69
24326	S69-27532			Tân Hải Dương	xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01456/12S69
24327	S69-27533	CM-23223		Thái Việt Khái	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03272/13S69
24328	S69-27534			Nguyễn Duy Phương	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01458/12S69
24329	S69-27535			Nguyễn Văn út	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01459/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24330	S69-27536			Cao Minh Dương	xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01460/12S69
24331	S69-27537	CM-23226		Võ Thanh Tùng	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01227/13S69
24332	S69-27538			Nguyễn Tấn Vũ	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01462/12S69
24333	S69-27539			Trần Thanh Dũng	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/08/2013	07/08/2014	03795/13S69
24334	S69-27540			Mai Thanh Hải	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01464/12S69
24335	S69-27541			Huỳnh Văn Tèo	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01465/12S69
24336	S69-27542			Nguyễn Tấn Tài	xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01466/12S69
24337	S69-27543			Nguyễn Quốc Khởi	xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03007/13S69
24338	S69-27544	CM-23230		Nguyễn Chiến Thắng	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	21/05/2013	20/05/2014	02658/13S69
24339	S69-27545			Nguyễn Văn Sinh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01469/12S69
24340	S69-27546	CM-66565		Nguyễn Văn Sĩ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01984/14S69
24341	S69-27547			Lê Ngọc Đây	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01471/12S69
24342	S69-27548	CM-66525		Nguyễn Văn Tươi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/05/2015	12/05/2016	00890/15S69
24343	S69-27549			Tổng Trung Nguyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01743/12S69
24344	S69-27550	CM-66524		Nguyễn Văn Sáng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2015	24/06/2016	01163/15S69
24345	S69-27551	CM-66526		Nguyễn Ngọc Huyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2015	24/08/2016	01587/15S69
24346	S69-27552	CM-66527		Phạm Văn Đẩu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2013	12/12/2013	03083/13S69
24347	S69-27553			Tạ Văn Liếp	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01477/12S69
24348	S69-27554	CM-66529		Nguyễn Văn Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05230/13S69
24349	S69-27556			Trần Văn Cẩm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01480/12S69
24350	S69-27557			Diệp Hoàng Vẽ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01481/12S69
24351	S69-27558			Hồ Văn Ngon	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2012	06/04/2013	01482/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24352	S69-27559			Nguyễn Văn Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01483/12S69
24353	S69-27560			Cao Văn Sông	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01484/12S69
24354	S69-27561			Ngô Văn Lượm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01485/12S69
24355	S69-27562			Đặng Văn Đông	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01486/12S69
24356	S69-27563			Lê Thanh Chương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01487/12S69
24357	S69-27564			Trần Tấn Đời	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01488/12S69
24358	S69-27565			Trương Văn Hận	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01489/12S69
24359	S69-27566			Trần Ngọc Hoài	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01490/12S69
24360	S69-27567	CM-66573		Nguyễn Minh Quân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05266/13S69
24361	S69-27568			Nguyễn Văn Dự	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01492/12S69
24362	S69-27569			Ngô Quốc Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01493/12S69
24363	S69-27570			Huỳnh Văn Đắc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01494/12S69
24364	S69-27571	CM-66553		Nguyễn Thị Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05289/13S69
24365	S69-27572	CM-66552		Phan Thành Đoàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05287/13S69
24366	S69-27573	CM-66568		Lê Việt Kháng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05273/13S69
24367	S69-27574			Nguyễn Văn Dân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01498/12S69
24368	S69-27575			Cao Văn Tâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01499/12S69
24369	S69-27576	CM-66520		Lê Văn Kiệt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05262/13S69
24370	S69-27577	CM-66538		Tạ Việt Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05460/13S69
24371	S69-27578	CM-66522		Nguyễn Văn Phương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05242/13S69
24372	S69-27579	CM-66537		Triệu Thanh Liêm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05241/13S69
24373	S69-27580			Nguyễn Minh Thanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01504/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24374	S69-27581			Trần Minh Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01505/12S69
24375	S69-27582			Nguyễn Minh Thiện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01506/12S69
24376	S69-27583			Lê Đình Quyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05248/13S69
24377	S69-27584	CM-66556		Nguyễn Xuân Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05237/13S69
24378	S69-27585			Trần Cao Cường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05247/13S69
24379	S69-27586	CM-66571		Nguyễn Thanh Giàu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05239/13S69
24380	S69-27587			Trần Minh Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01511/12S69
24381	S69-27588			Hồng Tấn An	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05245/13S69
24382	S69-27589			Nguyễn Thanh Nhân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05243/13S69
24383	S69-27590			Nguyễn Văn Cương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05246/13S69
24384	S69-27591	CM-66545		Ngô Văn Khải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02758/13S69
24385	S69-27592	CM-66544		Trần Thanh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2015	24/04/2016	00787/15S69
24386	S69-27593			Lý Minh Phương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05234/13S69
24387	S69-27594	CM-66548		Nguyễn Văn Phương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05238/13S69
24388	S69-27595			Nguyễn Quốc Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01519/12S69
24389	S69-27596	CM-66541		Nguyễn Thanh Nhân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05244/13S69
24390	S69-27597			Nguyễn Văn Việt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01521/12S69
24391	S69-27598	CM-66540		Lâm Công Thành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05268/13S69
24392	S69-27599	CM-66523		Đỗ Quốc Nghị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05290/13S69
24393	S69-27600			Tổng Trung Nguyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05264/13S69
24394	S69-27601	CM-66510		Ngô Trung Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05425/13S69
24395	S69-27602			Nguyễn Thị Lệ Thu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01526/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24396	S69-27603	CM-66516		Nguyễn Minh Phùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/02/2014	20/02/2015	00444/14S69
24397	S69-27604	CM-66550		Nguyễn Văn Công	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05269/13S69
24398	S69-27605			Tạ chí Hướng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01529/12S69
24399	S69-27606			Nguyễn Văn Phiên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01530/12S69
24400	S69-27607			Huỳnh Thanh Ngoan	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	10/04/2012	10/04/2013	01548/12S69
24401	S69-27608			Huỳnh Văn Thuận	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2012	10/04/2013	01551/12S69
24402	S69-27609			Lê Thành Công	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01561/12S69
24403	S69-27610			Phạm Chí Công	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01562/12S69
24404	S69-27611			Lê Thanh Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	10/04/2012	10/04/2013	01563/12S69
24405	S69-27613	CM-66581		Lê Văn Hạnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05411/13S69
24406	S69-27614	CM-66578		Trương Văn Hợp	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07493/12S69
24407	S69-27615	CM-66580		Lý Trường An	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02246/14S69
24408	S69-27616	CM-66579		Nguyễn Phi Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2015	24/03/2016	00566/15S69
24409	S69-27617			Dương Văn Thừa	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2012	10/04/2013	01577/12S69
24410	S69-27619			Huỳnh Thái Lan	Phường 8, Thành phố Cà Mau	12/04/2012	12/04/2013	01592/12S69
24411	S69-27621	CM-23202		Trần Vũ Linh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07896/12S69
24412	S69-27622	CM-23201		Trần Văn Vân	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/03/2015	00639/14S69
24413	S69-27623			Châu Văn Khôn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2012	12/04/2013	01597/12S69
24414	S69-27624			Đỗ Văn Trí	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/04/2012	12/04/2013	01598/12S69
24415	S69-27625	CM-43547		Lê Văn Chiến	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	21/05/2013	21/05/2014	02683/13S69
24416	S69-27626			Nguyễn Thanh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01609/12S69
24417	S69-27627	CM-66588		Cao Minh Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05318/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24418	S69-27628	CM-66288		Lê Văn Lượm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02330/14S69
24419	S69-27629			Lê Trường Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01612/12S69
24420	S69-27630	CM-66590		Đặng Trung Kiên	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04208/13S69
24421	S69-27631	CM-66591		Nguyễn Quốc Tiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05312/13S69
24422	S69-27632			Trần Quốc Đoạt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02335/13S69
24423	S69-27633			Thái Văn Năm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01616/12S69
24424	S69-27634			Lý Minh Dương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01617/12S69
24425	S69-27636			Đoàn Thanh Tùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01619/12S69
24426	S69-27637			Đoàn Thanh Tùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/04/2012	12/04/2013	01620/12S69
24427	S69-27638	CM-23241		Trần Quốc Bảo	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02747/13S69
24428	S69-27640	CM-66594		Trần Văn Nguyễn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2014	24/05/2015	01384/14S69
24429	S69-27643			Nguyễn Văn Trung	Trần Thới, Huyện Cái Nước	13/04/2012	13/04/2013	01629/12S69
24430	S69-27644			Huỳnh Thanh Tươi	Trần Thới, Huyện Cái Nước	13/04/2012	13/04/2013	01630/12S69
24431	S69-27648			Võ Văn Yên	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	13/04/2012	13/04/2013	01635/12S69
24432	S69-27650			Nguyễn Văn Bình	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/10/2013	16/10/2014	04943/13S69
24433	S69-27651			Nguyễn Văn Huyền	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/04/2012	16/04/2013	01644/12S69
24434	S69-27652			Ngô Văn út	xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/08/2013	12/08/2014	03855/13S69
24435	S69-27653	CM-90627		Nguyễn Văn Cảnh	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	19/08/2013	19/08/2014	03921/13S69
24436	S69-27654			Võ Quốc Nguyên	xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	19/04/2012	19/04/2013	01652/12S69
24437	S69-27655	CM-98005		Nguyễn Văn Tây	xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	22/04/2013	22/04/2014	02257/13S69
24438	S69-27656			Huỳnh Bé Hiền	xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	19/04/2012	19/04/2013	01654/12S69
24439	S69-27657			Nguyễn Văn Phụng	xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	06/11/2013	06/11/2014	05686/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24440	S69-27658			Võ Văn Trí	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01661/12S69
24441	S69-27659			Trần Văn Trung	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01662/12S69
24442	S69-27660			Võ Văn Thương	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01663/12S69
24443	S69-27661			Nguyễn Hữu Nghị	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01664/12S69
24444	S69-27662	CM-43552		Nguyễn Văn Bình	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	12/05/2013	12/05/2014	02550/13S69
24445	S69-27663	CM-23212		Nông Trường 414 - Quân Khu 9	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00483/14S69
24446	S69-27664			Trương Thanh Bình	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01669/12S69
24447	S69-27665			Lê Văn Minh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01670/12S69
24448	S69-27666			Lê Minh Tao	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01671/12S69
24449	S69-27667			Lê Hoàng Sơn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01672/12S69
24450	S69-27668			Nguyễn Văn Chiến	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01673/12S69
24451	S69-27669			Lê Văn Chương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01674/12S69
24452	S69-27670			Nguyễn Văn Tèo	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01675/12S69
24453	S69-27671			Lê Thị Tám	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01676/12S69
24454	S69-27672			Nguyễn Văn Trận	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01677/12S69
24455	S69-27673			Nguyễn Minh Cảnh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/04/2012	17/04/2013	01678/12S69
24456	S69-27674			Nguyễn Văn Quốc	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01679/12S69
24457	S69-27675			Lý Huy Trung	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01680/12S69
24458	S69-27676			Nguyễn Thành Trung	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01681/12S69
24459	S69-27677			Hồ Văn Kiệt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	19/04/2013	01682/12S69
24460	S69-27678			Lâm Văn Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01683/12S69
24461	S69-27679			Trương Phú Hùng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01684/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24462	S69-27680			Trương Phi Hùng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01685/12S69
24463	S69-27681			Lê Văn Kèo	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	17/04/2012	17/04/2013	01686/12S69
24464	S69-27682	CM-23209		Trương Chí Tình	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/10/2014	13/10/2015	02771/14S69
24465	S69-27684			Ngô Quốc Điệp	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	18/04/2012	18/04/2013	01695/12S69
24466	S69-27685			Biện Hải Đăng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	18/04/2012	18/04/2013	01696/12S69
24467	S69-27686			Nguyễn Văn Mừng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	18/04/2012	18/04/2013	01697/12S69
24468	S69-27687	CM-61781		Nguyễn Minh Quang	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05037/13S69
24469	S69-27689			Hồ Đức Ngoan	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	19/04/2012	19/04/2013	01705/12S69
24470	S69-27690			Nguyễn Chí Lil	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	19/04/2012	19/04/2013	01706/12S69
24471	S69-27691			Lý Huy Trung	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	19/04/2012	19/04/2013	01707/12S69
24472	S69-27692			Nguyễn Hữu Nghi	xã Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	19/04/2012	19/04/2013	01708/12S69
24473	S69-27693	CM-23515		Võ Văn Xưa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	15/05/2013	15/05/2014	02556/13S69
24474	S69-27694	CM-23214		Huỳnh Thanh Tuấn	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/08/2015	19/08/2016	01550/15S69
24475	S69-27695			Đặng Văn Tắc	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	19/04/2012	19/04/2013	01718/12S69
24476	S69-27697			Từ Minh Dương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/05/2013	07/05/2014	02480/13S69
24477	S69-27698	CM-23252		Nguyễn Văn Hải	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02238/13S69
24478	S69-27700			Trần Minh Luân	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01732/12S69
24479	S69-27701	CM-61768		Trần Văn Chí	xã Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02226/13S69
24480	S69-27703	CM-61769		Trần Minh Hoàn	Hành Vịnh, Huyện Năm Căn	20/01/2015	20/01/2016	00151/15S69
24481	S69-27704			Trịnh Văn Hiệp	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01736/12S69
24482	S69-27706			Trần Văn Khanh	xã Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01738/12S69
24483	S69-27707	CM-61760		Võ Thanh Việt	xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/04/2015	01044/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24484	S69-27708			Nguyễn Văn Hằng	xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01740/12S69
24485	S69-27711	CM-61770		Huỳnh Việt	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02240/13S69
24486	S69-27712			Đặng Vũ Phương	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/04/2012	20/04/2013	01744/12S69
24487	S69-27713	CM-61759		Phạm Văn Tồn	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/04/2015	01032/14S69
24488	S69-27714			Đoàn Văn Phụng	Phường 8, Thành phố Cà Mau	23/04/2012	23/04/2013	01767/12S69
24489	S69-27718			Trần Đạt Bản	Phường 2, Thành phố Cà Mau	23/04/2012	23/04/2013	01774/12S69
24490	S69-27719	CM-23249		Võ Thành Đồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02661/13S69
24491	S69-27720	CM-23251		Võ Hoàng Vĩnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02659/13S69
24492	S69-27721			Trần Văn Vĩnh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/04/2012	24/04/2013	01779/12S69
24493	S69-27722	CM-98002		Lê Thành Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/07/2014	14/07/2015	01878/14S69
24494	S69-27723	CM-66582		Bùi Thanh Vũ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05416/13S69
24495	S69-27724			Lê Thành Công	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2012	24/04/2013	01795/12S69
24496	S69-27725			Đỗ Thanh Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2012	24/04/2013	01796/12S69
24497	S69-27726	CM-		Nguyễn Thái Huy	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2014	24/05/2015	01383/14S69
24498	S69-27727			Nguyễn Văn Chuẩn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2012	24/04/2013	01798/12S69
24499	S69-27728	CM-98009		Ngô Văn Toàn	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	09/05/2013	09/05/2014	02503/13S69
24500	S69-27729			Phạm Thành Năng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/04/2012	25/04/2013	01810/12S69
24501	S69-27730			Trương Hoàng Trung	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2012	26/04/2013	01812/12S69
24502	S69-27731			Sơn Văn Cảnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/04/2012	26/04/2013	01813/12S69
24503	S69-27733			Võ Văn Hiệp	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	24/12/2013	24/12/2014	06328/13S69
24504	S69-27734			Trương Văn Dạng	xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/04/2012	27/04/2013	01821/12S69
24505	S69-27735			Nguyễn Hoàng Thám	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01827/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24506	S69-27736			Nguyễn Trung Hiếu	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01828/12S69
24507	S69-27737			Bùi Tấn Thảo	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01829/12S69
24508	S69-27738			Bùi Tấn Thảo	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01830/12S69
24509	S69-27739			Phan Hoàng Mải	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01831/12S69
24510	S69-27740			Trần Văn Míl	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01832/12S69
24511	S69-27741			Tô Văn Tiến	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01833/12S69
24512	S69-27742			Phan Hoàng Nam	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01834/12S69
24513	S69-27743			Lê Công Đăng	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01835/12S69
24514	S69-27744			Nguyễn Văn Khuynh	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01836/12S69
24515	S69-27745			Lê Văn Huynh	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01837/12S69
24516	S69-27746			Võ Văn Bi	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	02/05/2012	02/05/2013	01838/12S69
24517	S69-27747			Hàn Bé Tư	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01839/12S69
24518	S69-27748			Nguyễn út Nhỏ	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01840/12S69
24519	S69-27749			Nguyễn Phi Hổ	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01841/12S69
24520	S69-27750			Nguyễn Trung Nguyễn	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01842/12S69
24521	S69-27751			Huỳnh Văn In	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01843/12S69
24522	S69-27752			Trần Văn Tại	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01844/12S69
24523	S69-27753			Nguyễn Việt Khái	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01845/12S69
24524	S69-27754			Nguyễn Văn Đeo	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01846/12S69
24525	S69-27755			Nguyễn Văn út	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01847/12S69
24526	S69-27756			Trần Văn Ước	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01848/12S69
24527	S69-27757			Nguyễn Văn Minh	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01849/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24528	S69-27758			Nguyễn Văn Chem	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01850/12S69
24529	S69-27759			Nguyễn Văn Nhiệm	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01851/12S69
24530	S69-27760			Trần Văn Thịnh	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01852/12S69
24531	S69-27761			Dương Quốc khánh	xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01853/12S69
24532	S69-27762			Nguyễn Sa Bol	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01854/12S69
24533	S69-27763			Phan Văn Bình	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01855/12S69
24534	S69-27764			Lê Văn Lál	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01856/12S69
24535	S69-27765			Nguyễn Minh Toàn	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01857/12S69
24536	S69-27766			Nguyễn Văn Hậu	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01858/12S69
24537	S69-27767			Huỳnh Thanh Truyền	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01859/12S69
24538	S69-27768			Nguyễn Vũ Linh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01860/12S69
24539	S69-27769			Trần Văn Thảo	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01861/12S69
24540	S69-27770			Nguyễn Văn Riếp	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01862/12S69
24541	S69-27771			Nguyễn Văn Mẩn	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01863/12S69
24542	S69-27772			Lê Văn Chờ	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01864/12S69
24543	S69-27773			Trịnh Văn Phụ	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01865/12S69
24544	S69-27774			Nguyễn Hoàng Nhó	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01866/12S69
24545	S69-27775			Nguyễn Văn Lành	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01867/12S69
24546	S69-27776			Nguyễn Quốc Giỏi	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01868/12S69
24547	S69-27777			Nguyễn Văn Linh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01869/12S69
24548	S69-27778			Bùi Tấn út	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01870/12S69
24549	S69-27779			Tổng Quốc Tổng	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01871/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24550	S69-27780			Đặng Đồng Khởi	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01872/12S69
24551	S69-27781			Cô Hữu Trọng	xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	27/04/2012	27/04/2013	01893/12S69
24552	S69-27782			Dương Quốc Tuấn	xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	27/04/2012	27/04/2013	01894/12S69
24553	S69-27783	CM-51800		Huỳnh Chí Ngoan	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04139/13S69
24554	S69-27784			Lê Văn Phú	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/04/2012	28/04/2013	01896/12S69
24555	S69-27785	CM-51798		Diệp Chí Hiếu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03332/13S69
24556	S69-27787	CM-51796		Nguyễn Thành Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04140/13S69
24557	S69-27789	CM-51794		Lê Chí Linh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04137/13S69
24558	S69-27790			Lâm Văn Tèo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/04/2012	28/04/2013	01902/12S69
24559	S69-27791	CM-51792		Hồ Minh Dũng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01424/14S69
24560	S69-27792			Nguyễn Văn Tuấn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	02/05/2012	02/05/2013	01923/12S69
24561	S69-27793			Nguyễn Văn Thành	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	24/06/2013	24/06/2014	03221/13S69
24562	S69-27794	CM-98011		Lê Quốc Thái	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	26/04/2014	26/04/2015	01122/14S69
24563	S69-27795	CM-98019		Lê Minh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	23/09/2014	23/03/2015	02612/14S69
24564	S69-27796			Huỳnh Sông Lam	Trần Thới, Huyện Cái Nước	02/05/2012	02/05/2013	01939/12S69
24565	S69-27797	CM-98012		Nguyễn Văn Thôi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	13/08/2015	13/08/2016	01516/15S69
24566	S69-27798	CM-23345		Huỳnh Văn Nam	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	12/07/2013	12/07/2014	03497/13S69
24567	S69-27799			Nguyễn Thúy Kiều	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01950/12S69
24568	S69-27800			Tô Văn Đen	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01951/12S69
24569	S69-27801			Tổng Thu Ba	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01952/12S69
24570	S69-27802			Trần Văn Ngở	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01953/12S69
24571	S69-27803			Dương Hoàng Sa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01954/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24572	S69-27804			Diệp Trường An	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01955/12S69
24573	S69-27805			Huỳnh Văn Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01956/12S69
24574	S69-27806			Cao Văn Thâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01957/12S69
24575	S69-27807			Dương Phương Cường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05265/13S69
24576	S69-27808			Tô Hoàng Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01959/12S69
24577	S69-27809			Phan Quốc Trừ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01960/12S69
24578	S69-27810			Phạm Lâm Sanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05250/13S69
24579	S69-27811	CM-66627		Lê Hoàng Đa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05278/13S69
24580	S69-27812			Tạ Minh Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05260/13S69
24581	S69-27813			Dương Quốc Thế	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03002/13S69
24582	S69-27814			Phạm Văn Thụ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03003/13S69
24583	S69-27815	CM-66631		Trần Quốc Bảo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05252/13S69
24584	S69-27816			Đặng Văn Đạt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01967/12S69
24585	S69-27817			Võ Văn Sự	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01968/12S69
24586	S69-27818			Trương Trường Yên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01969/12S69
24587	S69-27819			Nguyễn Việt Thế	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01970/12S69
24588	S69-27820	CM-66601		Nguyễn Hoàng Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05272/13S69
24589	S69-27821			Lê Minh Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01972/12S69
24590	S69-27822	CM-66603		Trương Văn Đức	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02185/14S69
24591	S69-27823			Trần Minh Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01974/12S69
24592	S69-27824			Triệu Thanh Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01975/12S69
24593	S69-27825			Nguyễn Thanh Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01976/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24594	S69-27826			Trương Quốc Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/05/2012	06/05/2013	01977/12S69
24595	S69-27827			Tô Văn Vũ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/05/2012	06/05/2013	01978/12S69
24596	S69-27829			Nguyễn Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01980/12S69
24597	S69-27830			Nguyễn Tuấn Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01981/12S69
24598	S69-27831			Nguyễn Văn Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01982/12S69
24599	S69-27832	CM-66609		Đặng Văn Thế	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06359/13S69
24600	S69-27833			Nguyễn Quốc Việt	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	07/05/2012	07/05/2013	01999/12S69
24601	S69-27834	CM-23257		Mai Thanh Tín	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/07/2013	29/07/2014	03679/13S69
24602	S69-27836	CM-02998		Trần Thanh Danh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01991/12S69
24603	S69-27837			Huỳnh Thanh Hùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2012	06/05/2013	01949/12S69
24604	S69-27838	CM-98015		Nguyễn Thanh Toàn	Phường 8, Thành phố Cà Mau	30/08/2013	30/08/2014	04168/13S69
24605	S69-27839			Bùi Thanh Hùng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	07/05/2012	07/05/2013	02009/12S69
24606	S69-27840			Lê Văn Tiến	Tam Giang, Huyện Năm Căn	09/05/2012	09/05/2013	02020/12S69
24607	S69-27841			Cao Tấn Kỵ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2012	09/05/2013	02021/12S69
24608	S69-27842			Ngô Hoàng Hân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2012	09/05/2013	02022/12S69
24609	S69-27843			Nguyễn Đồng Khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2012	09/05/2013	02023/12S69
24610	S69-27844			Nguyễn Hoàng Hiển	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/05/2012	09/05/2013	02024/12S69
24611	S69-27845	CM-66598		Lê Minh Triều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02235/14S69
24612	S69-27847	CM-66597		Nguyễn Chí Bằng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05415/13S69
24613	S69-27850	CM-90635		Phạm Văn Hiền	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2014	10/09/2015	02494/14S69
24614	S69-27854			Châu Minh Luân	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/05/2012	12/05/2013	02060/12S69
24615	S69-27855			Nguyễn Văn Năm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2012	14/05/2013	02061/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24616	S69-27856	CM-72387		Nguyễn Văn Thiên	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	21/05/2013	20/05/2014	02666/13S69
24617	S69-27857	CM- 43633		Nguyễn Văn Lý	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03323/14S69
24618	S69-27858			Nguyễn Văn Chánh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2012	14/05/2013	02080/12S69
24619	S69-27859			Nguyễn Văn Hiền	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2012	14/05/2013	02081/12S69
24620	S69-27860			Huỳnh Văn Thông	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2012	14/05/2013	02082/12S69
24621	S69-27861	CM-43634		Hồ Văn Nhỏ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	18/06/2015	18/06/2016	01116/15S69
24622	S69-27862			Lê Hoàng Nhẫn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2012	14/05/2013	02084/12S69
24623	S69-27863	CM-43630		Trần Văn Minh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2014	12/05/2015	01262/14S69
24624	S69-27864			Nguyễn Trung Kiên	Trần Thới, Huyện Cái Nước	14/05/2012	14/05/2013	02086/12S69
24625	S69-27865	CM-72406		Lê Việt Triều	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/06/2015	20/06/2016	01135/15S69
24626	S69-27866	CM-23260		Võ Văn Chính	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/08/2013	07/08/2014	03799/13S69
24627	S69-27867	CM-23256		Phạm Cao Việt Nam	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02999/13S69
24628	S69-27868	CM-90638		Trần Văn Bằng	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03839/13S69
24629	S69-27869	CM-98021		Nguyễn Văn Lưu	Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	10/05/2013	10/05/2014	02509/13S69
24630	S69-27870			Chi Nhánh CTy CP ĐT TM Đông Hải	Phường 9, Thành phố Cà Mau	15/05/2012	15/05/2013	02100/12S69
24631	S69-27871			Chi Nhánh CTY CP ĐT TM Đông Hải	33 Nguyễn Trãi, P9, Thành phố Cà Mau	15/05/2012	15/05/2013	02101/12S69
24632	S69-27872			Chi Nhánh CTy CP ĐT TM Đông Hải	Phường 9, Thành phố Cà Mau	15/05/2012	15/05/2013	02102/12S69
24633	S69-27873			Chi Nhánh CTY CP ĐT TM Đông Hải	33 Nguyễn Trãi, P9, Thành phố Cà Mau	15/05/2012	15/05/2013	02103/12S69
24634	S69-27874			Nguyễn Văn Vĩ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/05/2012	15/05/2013	02105/12S69
24635	S69-27875	CM-72388		Tiết Thanh Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	17/07/2013	17/07/2014	03550/13S69
24636	S69-27877			Tiết Thanh Đời	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/05/2012	17/05/2013	02108/12S69
24637	S69-27878			Trần Văn To	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	17/05/2012	17/05/2013	02109/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24638	S69-27879			Ngô Văn Tỉnh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/05/2012	17/05/2013	02110/12S69
24639	S69-27880			Trần Văn Hận	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/05/2012	17/05/2013	02111/12S69
24640	S69-27884			Lý Văn Bảy	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02123/12S69
24641	S69-27885			Trương Thái Dân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02124/12S69
24642	S69-27886			Phạm Văn Tùng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02125/12S69
24643	S69-27887	CM-43686		Nguyễn Văn Huê	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2015	12/01/2016	00052/15S69
24644	S69-27888			Nguyễn Văn út	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02127/12S69
24645	S69-27889			Nguyễn Văn Hà	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02128/12S69
24646	S69-27890			Nguyễn Văn Nê	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02129/12S69
24647	S69-27891	CM-43682		Phạm Văn Phu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/06/2014	12/06/2015	01565/14S69
24648	S69-27892			Hồ Văn Hùng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02131/12S69
24649	S69-27893			Trần Văn Chơn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02132/12S69
24650	S69-27894	CM-43680		Đỗ Văn Trường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2013	12/09/2014	04342/13S69
24651	S69-27895			Nguyễn Hoàng Nhi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02134/12S69
24652	S69-27896			Trần Kha Minh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02135/12S69
24653	S69-27897	CM-43677		Quách Văn Thanh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/02/2015	12/02/2016	00334/15S69
24654	S69-27898			Nguyễn Thanh Lâm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02137/12S69
24655	S69-27899			Nguyễn Văn Liêm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02138/12S69
24656	S69-27900	CM-43674		Lê Văn Rở	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/07/2015	01868/14S69
24657	S69-27901	CM-43673		Trần Văn Mẹo	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03316/14S69
24658	S69-27902			Nguyễn Trường Giang	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02141/12S69
24659	S69-27903			Nguyễn Hồng Cơ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02142/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24660	S69-27904			Nguyễn Thế Tân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02143/12S69
24661	S69-27905			Trần Văn Nhó	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02144/12S69
24662	S69-27906			Dương Văn An	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02145/12S69
24663	S69-27907			Lê Văn Châu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02146/12S69
24664	S69-27908			Trần Văn Dự	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02147/12S69
24665	S69-27909			Nguyễn Văn Chính	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02148/12S69
24666	S69-27910			Hồ Văn Quỳ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02149/12S69
24667	S69-27911			Phan Chí Công	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02150/12S69
24668	S69-27912			Nguyễn Quốc Toàn	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02151/12S69
24669	S69-27913			Phạm Minh Hiện	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02152/12S69
24670	S69-27914			Bùi Thanh Tú	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02153/12S69
24671	S69-27915			Nguyễn Văn Tiến	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02154/12S69
24672	S69-27916			Lý Văn Sáu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02155/12S69
24673	S69-27917			Võ Nhựt ý	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02156/12S69
24674	S69-27918			Nguyễn Văn Sáu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02157/12S69
24675	S69-27919			Nguyễn Văn Hằng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02158/12S69
24676	S69-27920			Nguyễn Văn Quang	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02159/12S69
24677	S69-27921	CM-43658		Nguyễn Văn Bước	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/08/2014	12/08/2015	02169/14S69
24678	S69-27922			Nguyễn Văn Bình	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	17/05/2013	02161/12S69
24679	S69-27923			Nguyễn Thành Được	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02162/12S69
24680	S69-27924			Dương Văn Lập	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02163/12S69
24681	S69-27925			Nguyễn Văn Thơ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02164/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24682	S69-27926			Nguyễn Văn Sáu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02165/12S69
24683	S69-27927			Võ Văn Nhường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02166/12S69
24684	S69-27928			Nghiêm Văn Nhó	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02167/12S69
24685	S69-27929			Lê Văn Tỏa	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02168/12S69
24686	S69-27930			Võ Nguyên Văn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02169/12S69
24687	S69-27931			Trần Văn Nhơn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02170/12S69
24688	S69-27932			Nghiêm Văn Cống	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02171/12S69
24689	S69-27933			Trần Minh Thùy	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02172/12S69
24690	S69-27934			Phan Văn Mãi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02173/12S69
24691	S69-27935			Nguyễn Ngọc Chi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02174/12S69
24692	S69-27936			Lê Văn Hân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02175/12S69
24693	S69-27937			Trần Thị Nhiệm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02176/12S69
24694	S69-27938			Nguyễn Văn Vũ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02177/12S69
24695	S69-27939			Lê Văn Nghĩa	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02178/12S69
24696	S69-27940			Phạm Văn Phận	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	17/05/2012	18/05/2013	02179/12S69
24697	S69-27941	CM-43638		Nguyễn Phi Nal	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2015	12/01/2016	00054/15S69
24698	S69-27942			Trương Hiền Nhân	Định Bình, Thành phố Cà Mau	18/05/2012	18/05/2013	02182/12S69
24699	S69-27943	CM-98026		Nguyễn Văn Sệ	Phường 7, Thành phố Cà Mau	10/04/2015	10/04/2016	00670/15S69
24700	S69-27944	CM-61785		Nguyễn Thanh Tuấn	TT, Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03187/13S69
24701	S69-27945			Lê Văn Cò	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02187/12S69
24702	S69-27946	CM-61783		Lê Hồng Mến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02664/13S69
24703	S69-27947	CM-61784		Nguyễn Văn Vàng	TT. Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2014	20/11/2015	03055/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24704	S69-27948			Hồng Thanh Phong	TT. Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2012	20/05/2013	02190/12S69
24705	S69-27949			Lê Văn Chệt	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	21/05/2012	21/05/2013	02220/12S69
24706	S69-27950	CM-98028		Đỗ Tấn Tài	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	30/05/2013	30/05/2014	02821/13S69
24707	S69-27952			Võ Thanh Tùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2012	23/05/2013	02233/12S69
24708	S69-27954	CM-98032		Nguyễn Văn Giào	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	03/06/2014	03/06/2015	01483/14S69
24709	S69-27955			Nguyễn Hùng Cường	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2012	25/05/2013	02241/12S69
24710	S69-27956			Cao Văn Kết	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2012	25/05/2013	02242/12S69
24711	S69-27957			Võ Ngọc Anh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2012	25/05/2013	02243/12S69
24712	S69-27959			Nguyễn Văn Đạt	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2012	25/05/2013	02245/12S69
24713	S69-27960			Lê Văn Bồi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2012	25/05/2013	02246/12S69
24714	S69-27961	CM-66637		Nguyễn Minh Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02757/13S69
24715	S69-27963			Ngô Minh Cảnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02258/12S69
24716	S69-27964	CM-61884		Lâm Văn Chía	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	29/08/2015	29/08/2016	01667/15S69
24717	S69-27965			Nguyễn Văn Sang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02260/12S69
24718	S69-27966			Nguyễn Văn Thành	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02261/12S69
24719	S69-27967			Huỳnh Thanh Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02262/12S69
24720	S69-27968			Trần Hoàng Lụa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02263/12S69
24721	S69-27969			Dương Văn hùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02264/12S69
24722	S69-27970			Châu Thanh Hồng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02265/12S69
24723	S69-27971			Văn Công Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02266/12S69
24724	S69-27972			Lâm Văn Kiểm	Lâm hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02267/12S69
24725	S69-27973			Tô Thanh Ngon	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02268/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24726	S69-27974			Trình Văn Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02269/12S69
24727	S69-27975			Mai Văn Trân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02270/12S69
24728	S69-27976			Phạm Văn Phương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02271/12S69
24729	S69-27977			Nguyễn Văn Tâm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02272/12S69
24730	S69-27978			Lê Thị Thúy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2012	02273/12S69
24731	S69-27979			Trần Văn Đáo	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02274/12S69
24732	S69-27980	CM-61827		Trần Văn Kết	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	29/08/2015	29/08/2016	01648/15S69
24733	S69-27981			Phạm Chí Linh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02276/12S69
24734	S69-27982			Cao Thanh Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02277/12S69
24735	S69-27983			Võ Kim Hà	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02278/12S69
24736	S69-27984			Châu Minh Phụng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02279/12S69
24737	S69-27985	CM-61870		Phạm Văn Cấu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06280/13S69
24738	S69-27986			Trần Hữu Tịnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02281/12S69
24739	S69-27987	CM-61813		Võ Hoàng Oai	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01571/15S69
24740	S69-27988			Lê Văn Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02283/12S69
24741	S69-27989			Trần Văn Việt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02284/12S69
24742	S69-27990			Nguyễn Văn Sơn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02285/12S69
24743	S69-27991			VP UBND Xã Lâm Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02286/12S69
24744	S69-27992			Danh Triều	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02287/12S69
24745	S69-27993			Lê Thị Thúy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02288/12S69
24746	S69-27994			Lê Chí Linh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02289/12S69
24747	S69-27995			Huỳnh Văn Tỷ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02290/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24748	S69-27996			Phạm Quốc Anh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02291/12S69
24749	S69-27997			Bùi Văn Tiếp	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02292/12S69
24750	S69-27998			Dương Việt Truyền	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02293/12S69
24751	S69-27999			Huỳnh Văn Chấm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02294/12S69
24752	S69-28000			Trần Văn Chắc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02295/12S69
24753	S69-28001			Lâm Văn Hoàng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02296/12S69
24754	S69-28002			Nguyễn Thị Loan	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02297/12S69
24755	S69-28003			Trần Trung Nghĩa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02298/12S69
24756	S69-28004			Lê Thanh Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02299/12S69
24757	S69-28005	CM-61862		Trần Văn Giặc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/02/2014	20/02/2015	00448/14S69
24758	S69-28007			Nguyễn Khải Nhuận	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02302/12S69
24759	S69-28008			Huỳnh Văn Hòa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02303/12S69
24760	S69-28009	CM-61859		Nguyễn Văn Diện	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/01/2014	20/01/2015	00242/14S69
24761	S69-28010			Phạm Văn Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02305/12S69
24762	S69-28011			Nguyễn Văn Chất	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02306/12S69
24763	S69-28012			Nguyễn Văn Lil	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02307/12S69
24764	S69-28013			Trần Thanh Hùng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02308/12S69
24765	S69-28014			Nguyễn Minh Tân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02309/12S69
24766	S69-28015			Lâm Văn Hoàng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02310/12S69
24767	S69-28016			Đoái Phước Ứng	Laam Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02311/12S69
24768	S69-28017			Nguyễn Quốc Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02312/12S69
24769	S69-28018			Nguyễn Văn Cứng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02313/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24770	S69-28019			Đồng Thanh Thắng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02314/12S69
24771	S69-28020			Trần Thanh Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02315/12S69
24772	S69-28021			Nguyễn Thành Chon	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02316/12S69
24773	S69-28022			Tạ Thanh Phong	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02317/12S69
24774	S69-28023			Nguyễn Văn Hên	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02318/12S69
24775	S69-28024			Bùi Hùng Cường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02319/12S69
24776	S69-28025			Trần Văn Hường	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02320/12S69
24777	S69-28026			Nguyễn Văn Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02321/12S69
24778	S69-28027			Hồ Chí Nghiệp	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02322/12S69
24779	S69-28028			Châu Minh Hon	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02323/12S69
24780	S69-28029			Vòng Mỹ Kim	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02324/12S69
24781	S69-28030			Trần Hoàng Liêm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02325/12S69
24782	S69-28031			Lê Văn Kiệt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02326/12S69
24783	S69-28032			Nguyễn Quốc Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02327/12S69
24784	S69-28033			Ngô Ngọc Diệp	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02328/12S69
24785	S69-28034	CM-61835		Võ Văn Mười	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	18/10/2013	18/10/2014	05291/13S69
24786	S69-28035			Ngô Văn Tèo	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02330/12S69
24787	S69-28036			Tiêu Minh Chánh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02331/12S69
24788	S69-28037			Huỳnh Thanh Hải	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02332/12S69
24789	S69-28038			Trần Văn Minh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02333/12S69
24790	S69-28039	CM-61815		Nguyễn Văn Cảnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04465/13S69
24791	S69-28040			Nguyễn Văn Sự	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02335/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24792	S69-28041			Tô Minh Sang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02336/12S69
24793	S69-28042			Lê Thành Công	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02337/12S69
24794	S69-28043			Nguyễn Văn Mới	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02338/12S69
24795	S69-28044			Nguyễn Thanh Tuyền	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02339/12S69
24796	S69-28045			Bùi Văn út	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02340/12S69
24797	S69-28046			Nguyễn Thanh Phong	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02341/12S69
24798	S69-28047			Lê Thành Công	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02342/12S69
24799	S69-28048			Trần Quốc Giang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02343/12S69
24800	S69-28049			Nguyễn Văn Triệu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02344/12S69
24801	S69-28050			Phạm Thành Lập	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02345/12S69
24802	S69-28051			Tạ Thanh Mộng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02346/12S69
24803	S69-28052			Nguyễn Thanh Sang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02347/12S69
24804	S69-28053			Lê Văn Rắc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02348/12S69
24805	S69-28054			Huỳnh Ngôn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02349/12S69
24806	S69-28055			Nguyễn Thanh Vẹn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02350/12S69
24807	S69-28056			Nguyễn Hoàng Chiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02351/12S69
24808	S69-28057			Nguyễn Hoàng Chiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02352/12S69
24809	S69-28058			Lê Thị Bích Vân	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02353/12S69
24810	S69-28059			Trương Văn Lương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02354/12S69
24811	S69-28060			Trịnh Văn ảnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02355/12S69
24812	S69-28061			Lê Văn Quờn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02356/12S69
24813	S69-28062			Ngô Anh Pha	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02357/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24814	S69-28063			Nguyễn Đăng Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02358/12S69
24815	S69-28064			Nguyễn Thành Tâm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02359/12S69
24816	S69-28065			Nguyễn Văn Nghệ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02360/12S69
24817	S69-28066			Dương Thanh Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02361/12S69
24818	S69-28067			Lê Văn Vũ	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02362/12S69
24819	S69-28068			Phan Văn Mười	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02363/12S69
24820	S69-28069			Nguyễn Đăng Tiếp	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02364/12S69
24821	S69-28070			Trần Quang Thoan	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02365/12S69
24822	S69-28071			Tô Thanh Kien	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02366/12S69
24823	S69-28072			Trần Quốc Mạnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	28072/12S69
24824	S69-28073			Nguyễn Thị Thương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02368/12S69
24825	S69-28074			Ngô Văn Phòng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02369/12S69
24826	S69-28075			Phan Thanh Pha	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04962/12S69
24827	S69-28076	CM-61792		Phan Văn Đăng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01318/14S69
24828	S69-28077			Nguyễn Văn Ginh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02372/12S69
24829	S69-28078			Tô Văn út	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02373/12S69
24830	S69-28079			Nguyễn Nhật Quang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02374/12S69
24831	S69-28080			Nguyễn Thanh Giang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	25/05/2012	24/05/2013	02375/12S69
24832	S69-28081			Huỳnh Thanh Phúc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02404/12S69
24833	S69-28083	CM-98034		Bùi Phú Quốc	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	24/06/2015	24/06/2016	01151/15S69
24834	S69-28084	CM-98035		Bùi Phú Quốc	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	26/05/2014	26/05/2015	01390/14S69
24835	S69-28085			Lê Minh Dương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02412/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24836	S69-28086			Phạm Anh Dũng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02414/12S69
24837	S69-28087			Nguyễn Văn Cường	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	28/05/2012	28/05/2013	02422/12S69
24838	S69-28088	CM-98037		Hồng Hoàng Khanh	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	13/09/2013	13/09/2014	04354/13S69
24839	S69-28089			Nguyễn Văn Tuấn	Hồ Thị Kỹ, Huyện Thới Bình	28/05/2012	28/05/2013	02424/12S69
24840	S69-28090			Ngô Thanh Phong	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/05/2012	28/05/2013	02425/12S69
24841	S69-28091	CM-87531		Nguyễn Việt Phương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/07/2014	21/07/2015	01966/14S69
24842	S69-28092			Nguyễn Văn Đỉnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02427/12S69
24843	S69-28093			Đặng Văn Sơn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02428/12S69
24844	S69-28094			Hồ Bích Tuyền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02429/12S69
24845	S69-28095			Phạm Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02430/12S69
24846	S69-28096			Lâm Văn Huynh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02431/12S69
24847	S69-28097			Sơn Văn Thành	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02432/12S69
24848	S69-28098			Lê Việt Lên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02433/12S69
24849	S69-28099			Lê Thành Nghĩa	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02434/12S69
24850	S69-28100			Huỳnh Thị út Mót	Khánh Thuận, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02435/12S69
24851	S69-28101			Hồ Văn Nam	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02443/12S69
24852	S69-28102			Trần Văn Bình	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02444/12S69
24853	S69-28103			Trần Văn Tài	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02445/12S69
24854	S69-28104			Đỗ Hồng Chi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02446/12S69
24855	S69-28105			Phạm Văn Đời	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02447/12S69
24856	S69-28106			Lê Thanh Toàn	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02448/12S69
24857	S69-28107			Nguyễn Văn Pho	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02449/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24858	S69-28108			Phạm Công Bình	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02450/12S69
24859	S69-28109			Trần Văn Hoàng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02451/12S69
24860	S69-28110			Nguyễn Ty Phô	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02452/12S69
24861	S69-28111			Võ Thị Sa	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02453/12S69
24862	S69-28112			Nguyễn Văn Suôi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02454/12S69
24863	S69-28113			Châu Sang	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02455/12S69
24864	S69-28114			Đặng Ngọc Bình	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02456/12S69
24865	S69-28115			Kim Kha Ly	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02457/12S69
24866	S69-28116			Nguyễn Văn Đường	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02458/12S69
24867	S69-28117			Đoàn Văn Lượng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02459/12S69
24868	S69-28118			Nguyễn Văn Phụng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02460/12S69
24869	S69-28119			Trần Văn Nam	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02461/12S69
24870	S69-28120			Lê Văn Lâm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02462/12S69
24871	S69-28121			Nguyễn Văn Tền	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02463/12S69
24872	S69-28122	CM-87538		Nguyễn Văn ảnh	Nguyễn phích, Huyện U Minh	28/09/2014	28/09/2015	02671/14S69
24873	S69-28123			Võ Văn Xê	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02465/12S69
24874	S69-28124			Trà Phú Buôi	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02466/12S69
24875	S69-28125			Nguyễn Văn ảnh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02467/12S69
24876	S69-28126			Kim Chẹ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02468/12S69
24877	S69-28127			Nguyễn Văn Phụng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02469/12S69
24878	S69-28128			Trương Văn Lây	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	26/05/2012	26/05/2013	02470/12S69
24879	S69-28129			Lý Họt	Tam Giang Đông, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02474/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24880	S69-28130			Nguyễn Chí Khanh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02475/12S69
24881	S69-28131			Lê Thanh Nhiều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02476/12S69
24882	S69-28132			Nguyễn Văn Thi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02477/12S69
24883	S69-28133			Đoàn Văn Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02478/12S69
24884	S69-28134			Trương Hữu Phước	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02479/12S69
24885	S69-28135			Phạm Hoàng Lợi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03715/13S69
24886	S69-28136			Trần Việt Hoa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03721/13S69
24887	S69-28137	CM-51807		Trần Thanh Tùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01744/14S69
24888	S69-28138	CM-51806		Phạm Minh Quận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03153/14S69
24889	S69-28139	CM- 51805		Huỳnh Duy Tân	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/03/2015	28/03/2016	00599/15S69
24890	S69-28140			Lý Hoàng Mến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02485/12S69
24891	S69-28141			Ngô Quốc Kỳ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/05/2012	28/05/2013	02486/12S69
24892	S69-28142	CM-51803		Trần Văn Trọt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05615/13S69
24893	S69-28143	CM-51802		Huỳnh Thanh Trung	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03339/13S69
24894	S69-28144			Đỗ Trường Sơn	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02511/12S69
24895	S69-28145			Nguyễn Văn Châu	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02512/12S69
24896	S69-28146			Nguyễn Văn Khoa	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02513/12S69
24897	S69-28147			Châu Thanh Hiền	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02514/12S69
24898	S69-28148			Tạ Văn Minh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02515/12S69
24899	S69-28149			Đoàn Minh hải	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02516/12S69
24900	S69-28150			Trương Kim Quyên	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02517/12S69
24901	S69-28151			Trịnh Cửu Long	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02518/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24902	S69-28152			Nguyễn Chí Trung	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02519/12S69
24903	S69-28153			Nguyễn Văn Kinh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02520/12S69
24904	S69-28154			Nguyễn Văn Hải	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02521/12S69
24905	S69-28155			Trần Thanh Thoảng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02522/12S69
24906	S69-28156			Trần Võ Đang	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02523/12S69
24907	S69-28157			Trần Văn Sự	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02524/12S69
24908	S69-28158			Trần Văn Vui	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02525/12S69
24909	S69-28159			Đặng Văn Dũng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02526/12S69
24910	S69-28160			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02527/12S69
24911	S69-28161			Huỳnh Trường Giang	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02528/12S69
24912	S69-28162			Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02529/12S69
24913	S69-28163			Quách Văn Việt	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02530/12S69
24914	S69-28164			Nguyễn Thị Hận	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02531/12S69
24915	S69-28165			Lê Phước Đồng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02532/12S69
24916	S69-28166			Nguyễn Văn Niêm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02533/12S69
24917	S69-28167			Nguyễn Thành Lập	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02534/12S69
24918	S69-28168			Nguyễn Chí Tâm	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02535/12S69
24919	S69-28169			Đặng Văn Đen	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02536/12S69
24920	S69-28170			Trần Thị ánh	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02537/12S69
24921	S69-28171			Lê Thanh Bình	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02538/12S69
24922	S69-28172			Nguyễn Văn Nô	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02539/12S69
24923	S69-28173			Phan Văn Luông	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02540/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24924	S69-28174			Võ Lam Sơn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02541/12S69
24925	S69-28175			Huỳnh Việt Hùng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02542/12S69
24926	S69-28176			Lê Văn Chí	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2012	29/05/2013	02543/12S69
24927	S69-28177	CM-98039		Phạm Tuấn Kiệt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03597/13S69
24928	S69-28178			Trương Văn Liếp	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2012	30/05/2013	02552/12S69
24929	S69-28179			Trương Thanh Tòng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	31/05/2012	31/05/2013	02558/12S69
24930	S69-28180			Lê Văn Đô	Trần Thới, Huyện Cái Nước	31/05/2012	31/05/2013	02559/12S69
24931	S69-28181	CM-43697		Phạm Văn Triều	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	30/12/2013	30/12/2014	06620/13S69
24932	S69-28182			Trần Văn Trí	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02563/12S69
24933	S69-28183			Huỳnh Thanh Mi	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02564/12S69
24934	S69-28184	CM-43694		Phạm Văn Cu Ràng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	26/08/2014	26/08/2015	02359/14S69
24935	S69-28185			Nguyễn Văn Song	Thạnh phú, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02566/12S69
24936	S69-28186			Bạch Văn Quang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02567/12S69
24937	S69-28188			Phạm Chí Cường	Thạnh phú, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02569/12S69
24938	S69-28189			Mạc Hải Đăng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02570/12S69
24939	S69-28190			Cao Văn Bi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02571/12S69
24940	S69-28191			Lâm Hoàng Giang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02572/12S69
24941	S69-28192			Lê Thanh Toàn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02573/12S69
24942	S69-28193			Nguyễn Văn Hoàng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02574/12S69
24943	S69-28194			Lâm Lý Tưởng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/05/2012	30/05/2013	02575/12S69
24944	S69-28199			Phạm Văn Trận	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02586/12S69
24945	S69-28202		Duy Khánh	Trịnh Văn Dũng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	01/06/2012	01/06/2013	02600/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24946	S69-28203	CM-66657		Huỳnh Cao Tâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05277/13S69
24947	S69-28204	CM-43690		Nguyễn Quyết Liệt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	15/11/2013	15/11/2014	05788/13S69
24948	S69-28205			Bạch Văn Quang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/06/2012	05/06/2013	02615/12S69
24949	S69-28206			Võ Mỹ Dung	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	04/06/2012	04/06/2013	02616/12S69
24950	S69-28207			Trần Văn Vinh	Tân Lộc, Huyện Thới Bình	06/06/2012	06/06/2013	02618/12S69
24951	S69-28208			Nguyễn Văn Mộng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	06/06/2012	06/06/2013	02619/12S69
24952	S69-28209			Tạ Văn Hiệp	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02632/12S69
24953	S69-28210			Đặng Trung Đình	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02633/12S69
24954	S69-28211	CM-66650		Trần Văn Luyện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05232/13S69
24955	S69-28212			Lại Văn Tèo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02635/12S69
24956	S69-28213			Trần Văn Luyện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02636/12S69
24957	S69-28214			Nguyễn Văn Quân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02637/12S69
24958	S69-28215			Tạ Thanh Lam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02638/12S69
24959	S69-28216	CM-66645		Ngô Thị Nương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05235/13S69
24960	S69-28217			Nguyễn Hùng Vĩ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02640/12S69
24961	S69-28218			Trần Chí Nguyễn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02641/12S69
24962	S69-28219			Thái Hoàng Ni	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02642/12S69
24963	S69-28220	CM-66667		Nguyễn Quốc Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	09/09/2013	09/09/2014	04260/13S69
24964	S69-28221			Phan Minh Ký	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02644/12S69
24965	S69-28222			Phan Đức Ân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02645/12S69
24966	S69-28223			Trần Văn Tươi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02646/12S69
24967	S69-28224			Dương Phương Đông	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02647/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24968	S69-28225			Huỳnh Văn Đăng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02648/12S69
24969	S69-28226	CM-66670		Nguyễn Anh Sương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/08/2014	04/08/2015	02126/14S69
24970	S69-28227			Trần Văn Bị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02650/12S69
24971	S69-28228	CM-66653		Danh Nu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05288/13S69
24972	S69-28229			Đình Minh Luân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02652/12S69
24973	S69-28230			Huỳnh Văn Đồng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	04/06/2012	04/06/2013	02608/12S69
24974	S69-28231			Huỳnh Văn Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05249/13S69
24975	S69-28232			Nguyễn Văn Xem	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02655/12S69
24976	S69-28233			Huỳnh Văn Tám	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02656/12S69
24977	S69-28234			Võ Thu Hà	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05283/13S69
24978	S69-28236			Thạch Lan	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02659/12S69
24979	S69-28237			Tô Văn Gú	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02660/12S69
24980	S69-28238			Nguyễn Thanh Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02661/12S69
24981	S69-28239			Ngô Minh Bạch	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02662/12S69
24982	S69-28240			Nguyễn Huy Hoàng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/06/2012	08/06/2013	02667/12S69
24983	S69-28241			Nguyễn Văn Nhỏ	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2012	10/06/2013	02673/12S69
24984	S69-28243			Dương Quốc Toàn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2012	10/06/2013	02676/12S69
24985	S69-28244			Nguyễn Hữu Lộc	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2012	10/06/2013	02677/12S69
24986	S69-28245			Nguyễn Văn Mạn	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2012	12/06/2013	02689/12S69
24987	S69-28247	CM-23287		Từ Văn Miên	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02587/13S69
24988	S69-28248			Trần Văn Tuấn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02695/12S69
24989	S69-28249			Lê Hoàng Linh	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02696/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
24990	S69-28250			Cao Hoàng Thiều	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02697/12S69
24991	S69-28251			Nguyễn Văn Ngợi	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/06/2012	12/06/2013	02698/12S69
24992	S69-28252			Nguyễn Văn Bàn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/04/2014	12/04/2015	00972/14S69
24993	S69-28253			Nguyễn Tấn Kiệt	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02700/12S69
24994	S69-28255			Nguyễn Hoàng Đăng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02702/12S69
24995	S69-28256	CM-98047		Nguyễn Văn Hận	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2013	10/09/2014	04282/13S69
24996	S69-28257			Nguyễn Thị Bé Ba	Phường 9, Thành phố Cà Mau	13/06/2012	13/06/2013	02712/12S69
24997	S69-28258			Lê Quốc Thắm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/06/2012	12/06/2013	02713/12S69
24998	S69-28260			Cao Văn Duyên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02990/13S69
24999	S69-28261			Đỗ Văn Mật	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/06/2012	06/06/2013	02716/12S69
25000	S69-28262			Trương Văn Cảnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2012	13/06/2013	02717/12S69
25001	S69-28263	CM-23291		Trần Hồng Tươi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02739/13S69
25002	S69-28264			Nguyễn Văn Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/06/2012	13/06/2013	02719/12S69
25003	S69-28265			Nguyễn Chí Tài	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03218/13S69
25004	S69-28266	CM-23295		Thái Việt Khái	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03270/13S69
25005	S69-28269			Dương Văn Dũng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03121/13S69
25006	S69-28270	CM-23300		Phan Thanh Liêm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03114/13S69
25007	S69-28271			Võ Văn Ngân	Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02740/12S69
25008	S69-28272			Nguyễn Văn Thắng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	17/06/2012	17/06/2013	02741/12S69
25009	S69-28273	CM-72392		Lâm Chí Cường	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/05/2014	16/05/2015	01294/14S69
25010	S69-28274			Nguyễn Hoàng Tâm	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02743/12S69
25011	S69-28275			Nguyễn Văn Xì	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02744/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25012	S69-28276			Trần Hoàng Phụng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02745/12S69
25013	S69-28277			Đỗ Văn Khem	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02746/12S69
25014	S69-28278			Dương Tấn Hòa	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02747/12S69
25015	S69-28279			Nguyễn Văn út	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	18/06/2012	18/06/2013	02961/12S69
25016	S69-28280			Nguyễn Văn Thới	TT.Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	18/06/2012	18/06/2013	02962/12S69
25017	S69-28281			Nguyễn Văn Đò	Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02966/12S69
25018	S69-28282			Nguyễn Văn Sô	Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02967/12S69
25019	S69-28283	CM-43723		Ngô Thị Bé Tám	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/08/2014	20/08/2015	02294/14S69
25020	S69-28284			Huỳnh Văn Chưa	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02969/12S69
25021	S69-28285	CM-43720		Trần Văn Quát	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/07/2015	01870/14S69
25022	S69-28286			Lê Văn Phết	Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02971/12S69
25023	S69-28287			Nguyễn Văn Đò	Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02972/12S69
25024	S69-28288			Nguyễn Vũ Trường	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	19/06/2012	19/06/2013	02973/12S69
25025	S69-28289	CM-43726		Đinh Văn Ân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2015	12/01/2016	00061/15S69
25026	S69-28290			Hồ Văn ấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/06/2012	17/06/2013	02992/12S69
25027	S69-28291			Hồ Văn ấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/06/2012	17/06/2013	02993/12S69
25028	S69-28292			Hồ Văn ấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/06/2012	17/06/2013	02994/12S69
25029	S69-28294			Trương Chí Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02803/12S69
25030	S69-28295			Ngô Minh Tấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02804/12S69
25031	S69-28296	CM-20684		Nguyễn Hoàng Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02805/12S69
25032	S69-28297			Nguyễn Văn Aí	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02806/12S69
25033	S69-28298			Bùi Văn Đạo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02807/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25034	S69-28299			Đặng Văn Rộn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02808/12S69
25035	S69-28300	CM-51828		Trương Văn Tiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05596/13S69
25036	S69-28301			Huỳnh Kim Duyên Em	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02810/12S69
25037	S69-28302			Nguyễn Tấn Anh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02811/12S69
25038	S69-28303			Phù Chí Hoan	, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02812/12S69
25039	S69-28304			Lê Thanh Sơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02813/12S69
25040	S69-28305			Lê Minh Búa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02814/12S69
25041	S69-28306			Đoàn Văn Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02815/12S69
25042	S69-28307			Nguyễn Văn Phương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02816/12S69
25043	S69-28308			Phạm Vũ Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02817/12S69
25044	S69-28310			Trương Thanh Sang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02819/12S69
25045	S69-28311			Phạm Minh Thiện	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02820/12S69
25046	S69-28312			Nguyễn Duy Khánh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02821/12S69
25047	S69-28313			Huỳnh Văn Lâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02822/12S69
25048	S69-28314			Trương Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02823/12S69
25049	S69-28315			Huỳnh Hoàng Nghiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/06/2012	20/06/2013	02824/12S69
25050	S69-28316	CM-23301		Lê Minh Dương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03596/13S69
25051	S69-28318	CM-61928		Bùi Sỹ Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01324/14S69
25052	S69-28319			Nguyễn Văn Diễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/12/2012	02833/12S69
25053	S69-28321			Trần Văn Chảng	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02835/12S69
25054	S69-28322			Nguyễn Văn Lên	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02836/12S69
25055	S69-28323			Trần Thanh Danh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02837/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25056	S69-28324			Nguyễn Giao Huỳnh	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02838/12S69
25057	S69-28325	CM-61925		Trần Văn Thắng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05028/13S69
25058	S69-28326			Đình Quốc Tuấn	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02840/12S69
25059	S69-28328	CM-61666		Trần Thanh Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	28/07/2015	28/07/2016	01420/15S69
25060	S69-28330			Trần Văn Tịch	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02844/12S69
25061	S69-28331	CM-61938		Lê Văn Đăng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2014	20/07/2015	01939/14S69
25062	S69-28332			Nguyễn Tấn Xuyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02846/12S69
25063	S69-28333			Nguyễn Văn Trí	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02847/12S69
25064	S69-28335	CM-61927		Nguyễn Minh Trí	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06285/13S69
25065	S69-28336			Phan Thanh Bình	Trần Thới, Huyện Cái Nước	21/06/2012	21/06/2013	02874/12S69
25066	S69-28337			Huỳnh Văn Khắp	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/06/2012	16/06/2013	02875/12S69
25067	S69-28338			Thái Ngọc Do	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/06/2012	20/06/2013	02876/12S69
25068	S69-28343	CM-23307		Trần Minh Khải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03276/13S69
25069	S69-28344			Nguyễn Thanh Toàn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02889/12S69
25070	S69-28345			Đào Quốc Thắng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02890/12S69
25071	S69-28346			Trần Văn Phụng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02891/12S69
25072	S69-28347			Nguyễn Văn Trấn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02892/12S69
25073	S69-28348			Hồ Quốc Tường	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02893/12S69
25074	S69-28349			Lê Minh Hồng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/06/2012	19/06/2013	02894/12S69
25075	S69-28350			Mai Công Định	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	21/06/2012	21/06/2013	02897/12S69
25076	S69-28352	CM-98063		Lê Thị Nốp	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	25/04/2015	25/04/2016	00806/15S69
25077	S69-28353			Ong Thanh Liêm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	21/06/2012	21/06/2013	02900/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25078	S69-28354			Sử Công Nhanh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	21/06/2012	21/06/2013	02901/12S69
25079	S69-28355			Đình Minh Cảnh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	21/06/2012	21/06/2013	02902/12S69
25080	S69-28356			Nguyễn Tuấn Hiệp	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	21/06/2012	21/06/2013	02903/12S69
25081	S69-28357			Nguyễn Minh Trí	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	25/06/2012	25/06/2013	02905/12S69
25082	S69-28358			Nguyễn Hoàng Khanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/06/2012	25/06/2013	02906/12S69
25083	S69-28359	CM-98068		Trần Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01729/13S69
25084	S69-28360			Nguyễn Hoàng Phương	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	22/06/2012	22/06/2013	02912/12S69
25085	S69-28361			Phùng Văn Hoàng	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	22/06/2012	22/06/2013	02913/12S69
25086	S69-28362			Võ Quốc Hưng	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	22/06/2012	22/06/2013	02914/12S69
25087	S69-28363			Huỳnh Minh Khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02919/12S69
25088	S69-28364	CM-66676		Nguyễn Thanh Tuyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01678/14S69
25089	S69-28365			Võ Văn Ngộ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02921/12S69
25090	S69-28366			Huỳnh Thắng Lợi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02922/12S69
25091	S69-28367			Tiết Minh Đoàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02923/12S69
25092	S69-28368	CM-66679		Lâm Văn Kiệt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	02004/14S69
25093	S69-28370			Huỳnh Minh Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2012	24/06/2013	02926/12S69
25094	S69-28371			Huỳnh Minh Kha	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	28/10/2013	26/10/2014	05570/13S69
25095	S69-28372			Châu Minh Trung	Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	25/06/2012	25/06/2013	02938/12S69
25096	S69-28373			Nguyễn Văn Thắng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02942/12S69
25097	S69-28374			Sử Văn Khởi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02943/12S69
25098	S69-28375			Nguyễn Tấn Tài	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02944/12S69
25099	S69-28376			Phạm Văn Luân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02945/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25100	S69-28377			Trần Thị ái	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02946/12S69
25101	S69-28378			Nguyễn Thanh Tú	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02947/12S69
25102	S69-28379			Nguyễn Thanh Hồng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02948/12S69
25103	S69-28380			Văn Hoàng Oanh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02949/12S69
25104	S69-28381			Ngô Văn Tánh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02750/12S69
25105	S69-28382			Nguyễn Văn Giao	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02751/12S69
25106	S69-28383			Võ Thị Kiệt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02752/12S69
25107	S69-28384			Trần Minh Dương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02753/12S69
25108	S69-28385			Đặng Văn Thắng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02754/12S69
25109	S69-28386			Đỗ Minh Thân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02755/12S69
25110	S69-28387			Lê Văn Dệ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02756/12S69
25111	S69-28388			Nguyễn Văn Thoại	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02757/12S69
25112	S69-28389			Nguyễn Văn Niên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02758/12S69
25113	S69-28390			Lê Quốc Trưởng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02759/12S69
25114	S69-28391			Châu Văn Khắp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02760/12S69
25115	S69-28392			Huỳnh Văn út	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02761/12S69
25116	S69-28393			Nguyễn Văn Phước	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02762/12S69
25117	S69-28394			Lý Văn Trí	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02763/12S69
25118	S69-28395			Thạch Ngọc Lành	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02764/12S69
25119	S69-28396			Nguyễn Hữu Nghĩa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02765/12S69
25120	S69-28397			Lê Thị Quyền	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02766/12S69
25121	S69-28398			Lê Văn Đời	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02767/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25122	S69-28399			Trương Minh Hương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02768/12S69
25123	S69-28400			Trần Phương Bắc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02769/12S69
25124	S69-28401			Trần Văn Hậu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02770/12S69
25125	S69-28402			Nguyễn Thị Huệ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02771/12S69
25126	S69-28403			Nguyễn Quốc Việt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02772/12S69
25127	S69-28404			Hứa Hoàng Em	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02773/12S69
25128	S69-28405			Hứa Văn Hoàng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02774/12S69
25129	S69-28406			Nguyễn Văn Nhiều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02775/12S69
25130	S69-28407			Nguyễn Văn Lý	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02776/12S69
25131	S69-28408			Mai Chí Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02777/12S69
25132	S69-28409			Trương Văn Kiểu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02778/12S69
25133	S69-28410			Trần Văn Nghị	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02779/12S69
25134	S69-28411			Nguyễn Văn Phố	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02780/12S69
25135	S69-28412			Nguyễn Việt Triều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02781/12S69
25136	S69-28413			Lý Văn Nối	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02782/12S69
25137	S69-28414			Nguyễn Hoàng Đảo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02783/12S69
25138	S69-28415			Nguyễn Văn Khởi	TT.U Minh, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02784/12S69
25139	S69-28416			Trần Văn Ngừ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02785/12S69
25140	S69-28417			Đặng Văn Lem	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02786/12S69
25141	S69-28418			Nguyễn Văn Cuộc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02787/12S69
25142	S69-28419			Dương Văn Quận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02788/12S69
25143	S69-28420			Nguyễn Văn Nil	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02789/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25144	S69-28421			Đặng Văn Mười	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02790/12S69
25145	S69-28422			Trần Minh Triều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02791/12S69
25146	S69-28423			Phan Tấn Đông	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02792/12S69
25147	S69-28424			Tạ Thanh Hóa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02793/12S69
25148	S69-28425			Dương Văn Hộp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02794/12S69
25149	S69-28426			Võ Minh Luân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02795/12S69
25150	S69-28427			Nguyễn Văn Khỏe	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02796/12S69
25151	S69-28428			Dương Hoàng Văn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02797/12S69
25152	S69-28429			Đặng Văn Đồng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02798/12S69
25153	S69-28430			Trần Văn Tế	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02799/12S69
25154	S69-28431			Nguyễn Văn Đèo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02800/12S69
25155	S69-28432			Lê Minh Lên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02801/12S69
25156	S69-28433			Đặng Văn Mạnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	02802/12S69
25157	S69-28434			Trần Quốc Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03003/12S69
25158	S69-28435			Lâm Văn Lý	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03004/12S69
25159	S69-28436			Đặng Văn Tối Anh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03005/12S69
25160	S69-28437			Nguyễn Văn Tượng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03006/12S69
25161	S69-28438			Dương Quốc Tận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03007/12S69
25162	S69-28439			Văn Thanh Phố	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03008/12S69
25163	S69-28440			Nguyễn Văn Độc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03009/12S69
25164	S69-28441			Nguyễn Trường Em	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03010/12S69
25165	S69-28442			Trần Văn Hưởng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03011/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25166	S69-28443			Nguyễn Văn Lòng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03012/12S69
25167	S69-28444			Phạm Phi Thoàng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03013/12S69
25168	S69-28445			Võ Phước Hữu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03014/12S69
25169	S69-28446			Võ Phước Thiện	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03015/12S69
25170	S69-28447			Nguyễn Văn Nhi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03016/12S69
25171	S69-28448			Nguyễn Quốc Lol	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03017/12S69
25172	S69-28449			Phạm Văn Sĩa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03018/12S69
25173	S69-28450			Nguyễn Việt Khái	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03019/12S69
25174	S69-28451			Dương Văn Lụa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03020/12S69
25175	S69-28452			Dương Văn Đờm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03021/12S69
25176	S69-28453			Dương Văn Mới	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03022/12S69
25177	S69-28454			Phan Văn Minh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03023/12S69
25178	S69-28455			Nguyễn Văn Chậy	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03024/12S69
25179	S69-28456			Nguyễn Xa Mít	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03025/12S69
25180	S69-28457			Huỳnh Văn Cúp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03026/12S69
25181	S69-28458			Nguyễn Văn Khuya	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03027/12S69
25182	S69-28459			Nguyễn Minh Sáng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03028/12S69
25183	S69-28460			Huỳnh Văn Thương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03029/12S69
25184	S69-28461			Huỳnh Phi Long	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03030/12S69
25185	S69-28462			Trần Quốc Khải	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03031/12S69
25186	S69-28463			Phạm Quốc Thông	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03032/12S69
25187	S69-28464			Lý Văn Tiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03033/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25188	S69-28465			Phan Văn Dợt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03034/12S69
25189	S69-28466			Đặng Văn Miên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03035/12S69
25190	S69-28467			Trương Văn Giữ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03036/12S69
25191	S69-28468			Nguyễn Văn Kiểm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03037/12S69
25192	S69-28469			Hình Văn Huynh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03038/12S69
25193	S69-28470			Phạm Văn Hiếu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03039/12S69
25194	S69-28471			Trịnh Văn Biển	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03040/12S69
25195	S69-28472			Nguyễn Lạc Man	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03041/12S69
25196	S69-28473			Phan Văn Tính	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03042/12S69
25197	S69-28474			Trương Văn Đệ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03043/12S69
25198	S69-28475			Nguyễn Văn Tài	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03044/12S69
25199	S69-28476			Lâm Thành Nhơn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03045/12S69
25200	S69-28477			Võ Minh Trí	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03046/12S69
25201	S69-28478			Nguyễn Văn Thuấn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03047/12S69
25202	S69-28479			Nguyễn Văn Lót	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03048/12S69
25203	S69-28480			Phạm Văn Lịnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03049/12S69
25204	S69-28481			Nguyễn Văn Hối	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03050/12S69
25205	S69-28482			Nguyễn Văn Hậu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03051/12S69
25206	S69-28483			Trần Thanh Hùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03052/12S69
25207	S69-28484			Quách Văn Bé	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03053/12S69
25208	S69-28485			Lê Văn Hoài	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03054/12S69
25209	S69-28486			Tô Thanh Tần	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03055/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25210	S69-28487			Trương Văn Xuyên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03056/12S69
25211	S69-28488			Huỳnh Văn Tùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03057/12S69
25212	S69-28489			Trần Văn Chổng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03058/12S69
25213	S69-28490			Nguyễn Văn Khánh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03059/12S69
25214	S69-28491			Lý Văn Biển	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03060/12S69
25215	S69-28492			Lê Chí Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03061/12S69
25216	S69-28493			Nguyễn Văn Oai	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03062/12S69
25217	S69-28494			Trần Văn Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03063/12S69
25218	S69-28495			Lâm Văn Ril	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03064/12S69
25219	S69-28496			Mã Hoàng Văn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03065/12S69
25220	S69-28497			Lâm Văn Hái	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03066/12S69
25221	S69-28498			Nguyễn Bình Trị	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03067/12S69
25222	S69-28499			Võ Văn hiệp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03068/12S69
25223	S69-28500			Bùi Văn Thêm	Khánh Hòa, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03069/12S69
25224	S69-28501			Nguyễn Thị Tím	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03070/12S69
25225	S69-28502			Nguyễn Phúc Hậu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03071/12S69
25226	S69-28503			Trịnh Minh Quân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03072/12S69
25227	S69-28504			Huỳnh Văn Chuyển	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03073/12S69
25228	S69-28505			Nguyễn Văn Trung	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03074/12S69
25229	S69-28506			Dương Văn Trào	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03075/12S69
25230	S69-28507			Võ Hoàng Ril	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03076/12S69
25231	S69-28508			Nguyễn Thị Đẹp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03077/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25232	S69-28509			Bùi Trúc Lيا	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03078/12S69
25233	S69-28510			Phạm Hoàng Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03079/12S69
25234	S69-28511			Châu Hoàng Huy	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03080/12S69
25235	S69-28512			Võ Minh Đầy	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03081/12S69
25236	S69-28513			Huỳnh Hồng Liễu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03082/12S69
25237	S69-28514			Huỳnh Canh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03083/12S69
25238	S69-28515			Nguyễn Thành Ký	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03084/12S69
25239	S69-28516			Lê Thanh Hùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03085/12S69
25240	S69-28517			Dương Văn Khoan	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03086/12S69
25241	S69-28518			Phạm Thanh Điền	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03087/12S69
25242	S69-28519			Nguyễn Văn Đón	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03088/12S69
25243	S69-28520			Nguyễn Hoàng Giang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03089/12S69
25244	S69-28521			Nguyễn Văn Cuộc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03090/12S69
25245	S69-28522			Bùi Quốc Sử	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03091/12S69
25246	S69-28523			Nguyễn Điền Đang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03092/12S69
25247	S69-28524			Trần Văn Thừa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03093/12S69
25248	S69-28525			Nguyễn Văn Sang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03094/12S69
25249	S69-28526			Châu Minh Hải	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03095/12S69
25250	S69-28527			Huỳnh Công Chánh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03096/12S69
25251	S69-28528			Huỳnh Tài Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03097/12S69
25252	S69-28529			Dương Tấn Lành	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03098/12S69
25253	S69-28530			Trần Văn Lo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03099/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25254	S69-28531			Trần Văn Ao	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03100/12S69
25255	S69-28532			Võ Văn Le	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03101/12S69
25256	S69-28533			Phạm Công Cải	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03102/12S69
25257	S69-28534			Nguyễn Minh Dương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03103/12S69
25258	S69-28535			Võ Văn Tánh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03104/12S69
25259	S69-28536			Thái Văn Thám	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03105/12S69
25260	S69-28537			Nguyễn Văn Quang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03106/12S69
25261	S69-28538			Trần Thành Hợp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03107/12S69
25262	S69-28539			Phạm Hoài Tâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03108/12S69
25263	S69-28540			Nguyễn Văn Hiếu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03109/12S69
25264	S69-28541			Trịnh Tấn Hùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03110/12S69
25265	S69-28542			Trần Tấn Luật	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03111/12S69
25266	S69-28543			Võ Hoàng Xiếu	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03112/12S69
25267	S69-28544			Lý Văn Chân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03113/12S69
25268	S69-28545			Lê Minh Trí	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03114/12S69
25269	S69-28546			Lê Thành Công	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03115/12S69
25270	S69-28547			Trần Văn Lùm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03116/12S69
25271	S69-28548			Lương Văn Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03117/12S69
25272	S69-28549			Châu Văn Bắc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03118/12S69
25273	S69-28550			Võ Văn Vũ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03119/12S69
25274	S69-28551			Nguyễn Hoàng Thâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03120/12S69
25275	S69-28552			Trần Văn Nhữ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03121/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25276	S69-28553			Nguyễn Văn Tính	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03122/12S69
25277	S69-28554			Đỗ Văn Dũng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03123/12S69
25278	S69-28555			Ngô Quốc Hải	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03124/12S69
25279	S69-28556			Võ Tấn Nghi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03125/12S69
25280	S69-28557			Nguyễn Thanh Bạch	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03126/12S69
25281	S69-28558			Đặng Văn Sơn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03127/12S69
25282	S69-28559			Trần Văn Hoàng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03128/12S69
25283	S69-28560			Nguyễn Thị Phí	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03129/12S69
25284	S69-28561			Nguyễn Văn Tùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03130/12S69
25285	S69-28562			Nguyễn Thiên Triều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03131/12S69
25286	S69-28563			Nguyễn Văn Luận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03132/12S69
25287	S69-28564			Huỳnh Văn Xinh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03133/12S69
25288	S69-28565			Huỳnh Văn Nel	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03134/12S69
25289	S69-28566			Huỳnh Văn Khỏe	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03135/12S69
25290	S69-28567			Trần Văn Kía	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03136/12S69
25291	S69-28568			Nguyễn Văn Hải	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03137/12S69
25292	S69-28569			Nguyễn Văn Hùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03138/12S69
25293	S69-28570			Lý Nam Tiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03139/12S69
25294	S69-28571			Lê Văn Quân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03140/12S69
25295	S69-28572			Trần Phương Nam	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03141/12S69
25296	S69-28573			Võ Ngọc Hiền	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03142/12S69
25297	S69-28574			Nguyễn Minh Triều	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03143/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25298	S69-28575			Lý Thành Công	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03144/12S69
25299	S69-28576			Phạm Huy Phong	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03145/12S69
25300	S69-28578			Lê Thị út	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03147/12S69
25301	S69-28579			Đỗ Hoa Lia	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03148/12S69
25302	S69-28580			Nguyễn Văn Sự	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03149/12S69
25303	S69-28581			Trần Văn Thoáng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03150/12S69
25304	S69-28582			Võ Văn Tèo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03151/12S69
25305	S69-28583			Nguyễn Văn Lịnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03152/12S69
25306	S69-28584			Lâm Xuân Kỳ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03153/12S69
25307	S69-28585			Lê Thanh Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03154/12S69
25308	S69-28586			Cao Thanh Dạng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03155/12S69
25309	S69-28587			Lê Minh Sĩ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03156/12S69
25310	S69-28588			Dương Văn Hòa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03157/12S69
25311	S69-28589			Cao Kha Li	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03158/12S69
25312	S69-28590			Nguyễn Văn Kỳ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03159/12S69
25313	S69-28591			Trần Văn Kỳ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03160/12S69
25314	S69-28592			Nguyễn Văn Hưởng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03161/12S69
25315	S69-28593			Nguyễn Minh Tuyển	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03162/12S69
25316	S69-28594			Dương Văn Chương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03163/12S69
25317	S69-28595			Đặng Văn Đạo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03164/12S69
25318	S69-28596			Châu Văn Tấp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03165/12S69
25319	S69-28597			Võ Minh Kía	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03166/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25320	S69-28598			Nguyễn Văn Hồng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03167/12S69
25321	S69-28599			Quách Văn Chen	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03168/12S69
25322	S69-28600			Nguyễn Văn Thành	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03169/12S69
25323	S69-28601			Nguyễn Tấn Phước	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03170/12S69
25324	S69-28602			Lâm Thành Công	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03171/12S69
25325	S69-28603			Phạm Văn Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03172/12S69
25326	S69-28604			Nguyễn Văn Cảnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03173/12S69
25327	S69-28605			Phạm Văn Hoàng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03174/12S69
25328	S69-28606			Lê Văn Nil	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03175/12S69
25329	S69-28607			Nguyễn Việt Thái	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03176/12S69
25330	S69-28608			Huỳnh Thanh Lòng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03177/12S69
25331	S69-28609			Võ Thị Hạnh	, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03178/12S69
25332	S69-28610			Đỗ Hoàng Tâm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03179/12S69
25333	S69-28611			Nguyễn Văn Khởi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03180/12S69
25334	S69-28612			Nguyễn Thị Thắm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03181/12S69
25335	S69-28613			Nguyễn Văn Đạt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03182/12S69
25336	S69-28615			Mã Thanh Sơn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03231/12S69
25337	S69-28616			Đặng Trung Quốc	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03232/12S69
25338	S69-28617			Lê Văn Thắng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03233/12S69
25339	S69-28618			Hồ Văn Thương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03234/12S69
25340	S69-28619			Phạm Văn Tú	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03235/12S69
25341	S69-28620			Mai Thanh Tao	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03236/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25342	S69-28621			Nguyễn Minh Bằng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03237/12S69
25343	S69-28622			Lâm Văn Tâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03238/12S69
25344	S69-28623			Nguyễn Thanh Đề	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03239/12S69
25345	S69-28624			Huỳnh Thị Thể	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03240/12S69
25346	S69-28625			Đinh Văn Phương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03241/12S69
25347	S69-28626			Biện Văn Dội	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03242/12S69
25348	S69-28627			Nguyễn Văn Giang	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03243/12S69
25349	S69-28628			Mai Thanh Tao	Khánh Thuận, Huyện U Minh	22/06/2012	22/06/2013	03244/12S69
25350	S69-28629	CM-98083		Trương Văn Hợp	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02843/13S69
25351	S69-28631	CM-23303		Đào Văn Nguyễn	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	30/07/2013	30/07/2014	03722/13S69
25352	S69-28633			Trần Văn Trắng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2012	26/06/2013	03270/12S69
25353	S69-28634			Trần Minh Nhựt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2012	26/06/2013	03271/12S69
25354	S69-28635			Trần Quốc Việt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2012	26/06/2013	03272/12S69
25355	S69-28636			Trần Minh Nhựt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2012	26/06/2013	03273/12S69
25356	S69-28637			Lý Văn Tài	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2012	26/06/2013	03274/12S69
25357	S69-28638			Nguyễn Văn Luyến	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2012	26/06/2013	03275/12S69
25358	S69-28639			Nguyễn Thanh Tân	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/06/2012	26/06/2013	03276/12S69
25359	S69-28640	CM-23306		Chung Minh Vương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	26/06/2013	26/06/2014	03293/13S69
25360	S69-28642	CM-51834		Nguyễn Hoàng Lưu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01594/14S69
25361	S69-28643	CM-51835		Nguyễn Hoàng Thể	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01449/15S69
25362	S69-28644			Nguyễn Minh Đường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03287/12S69
25363	S69-28645			Nguyễn Trọng Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03288/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25364	S69-28648			Trương Văn Thắm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03291/12S69
25365	S69-28649			Đoàn Minh Đơ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03292/12S69
25366	S69-28650			Nguyễn Văn Liệt	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03293/12S69
25367	S69-28651			Nguyễn Văn Nhiệt	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03294/12S69
25368	S69-28652	CM-51843		Đỗ Hoàng Khanh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02864/14S69
25369	S69-28653			Hà Quốc Sử	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03296/12S69
25370	S69-28654	CM-51833		Nguyễn Vũ Phong	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06469/13S69
25371	S69-28655			Phòng NN và Phát Triển NT Đầm Dơi	Thị Trấn Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03298/12S69
25372	S69-28656			Tạ Minh Luận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/06/2012	28/06/2013	03299/12S69
25373	S69-28658			Nguyễn Văn Thống	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03326/12S69
25374	S69-28659			Phan Thanh Tuấn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03327/12S69
25375	S69-28660			Đỗ Văn Nghĩa	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03328/12S69
25376	S69-28661			Phạm Toàn Năng	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03329/12S69
25377	S69-28662			Nguyễn Văn Thôn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03330/12S69
25378	S69-28663			Nguyễn Văn Thời	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03331/12S69
25379	S69-28664			Huỳnh Văn Đa	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03332/12S69
25380	S69-28665			Trần Hữu Trang	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03333/12S69
25381	S69-28666			Huỳnh út Phủ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03334/12S69
25382	S69-28667			Lê Việt Thanh	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03335/12S69
25383	S69-28668			Trần Văn Cai	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03336/12S69
25384	S69-28669			Nguyễn Văn Tâm	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03337/12S69
25385	S69-28670			Bùi Văn Doãn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03338/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25386	S69-28671			Trần Văn Dương	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03339/12S69
25387	S69-28672			Phan Thanh Đời	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03340/12S69
25388	S69-28673			Võ Văn Dương	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03341/12S69
25389	S69-28674			Phạm Minh Tăng	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03342/12S69
25390	S69-28675			Nguyễn Việt Trấn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03343/12S69
25391	S69-28676			Bùi Văn Đồng	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03344/12S69
25392	S69-28677			Trương Trường Tập	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03345/12S69
25393	S69-28678			Huỳnh Hữu Vinh	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03346/12S69
25394	S69-28679			Nguyễn Tùng Chinh	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03347/12S69
25395	S69-28680			Nguyễn Công Hận	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03348/12S69
25396	S69-28681			Huỳnh Văn Tèo	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03349/12S69
25397	S69-28682			Triệu Hoàng Dũng	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03350/12S69
25398	S69-28683			Lê Văn Trung	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03351/12S69
25399	S69-28684			Trịnh Quốc Việt	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03352/12S69
25400	S69-28685			Nguyễn Thị Tuyết	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03353/12S69
25401	S69-28686			Ngô Văn Tuấn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03354/12S69
25402	S69-28687			Nguyễn Minh Đây	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03355/12S69
25403	S69-28688			Phan Văn Y	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03356/12S69
25404	S69-28689			Nguyễn Phương Nam	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03357/12S69
25405	S69-28690			Nguyễn Anh Thư	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03358/12S69
25406	S69-28691			Phạm Văn Nhân	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03359/12S69
25407	S69-28692			Lê Văn Vinh	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03360/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25408	S69-28693			Phạm Văn Hữu	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03361/12S69
25409	S69-28694			Trần Thanh Hải	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03362/12S69
25410	S69-28695			Lê Văn Toàn	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03363/12S69
25411	S69-28696			Nguyễn Tấn Kiệt	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03364/12S69
25412	S69-28697			Đỗ Văn Khấp	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03365/12S69
25413	S69-28698			Điệp Vũ Anh	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03366/12S69
25414	S69-28699			Huỳnh Thanh Hiền	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03367/12S69
25415	S69-28700			Trịnh Hoàng No	Khánh Hội, Huyện U Minh	30/06/2012	29/06/2013	03368/12S69
25416	S69-28701			Phạm Văn Kế	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03380/12S69
25417	S69-28702			Lê Văn Cường	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	28702/12S69
25418	S69-28703			Đặng Bé Bảy	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03382/12S69
25419	S69-28704			Nguyễn Văn Nhựt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03383/12S69
25420	S69-28706			Võ Thanh Bình	TT U Minh, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03385/12S69
25421	S69-28707			Huỳnh Minh Hiền	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03386/12S69
25422	S69-28708			Nguyễn Tuyết Băng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03387/12S69
25423	S69-28709	CM-87818		Lâm Thành Thắng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01544/13S69
25424	S69-28710			Phạm Văn út	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03389/12S69
25425	S69-28711			Nguyễn Văn Tuấn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03390/12S69
25426	S69-28712			Nguyễn Thanh Xuyên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03391/12S69
25427	S69-28713			Dương Văn Diễn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03392/12S69
25428	S69-28714			Nguyễn Thị Nông	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03393/12S69
25429	S69-28715			Nguyễn Trọng Em	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03394/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25430	S69-28716			Trần Văn Quen	Khánh Hội, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03395/12S69
25431	S69-28717			Thái Minh Phụng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03396/12S69
25432	S69-28718			Công An Xã Khánh Tiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03397/12S69
25433	S69-28719			UBND xã Khánh Tiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03398/12S69
25434	S69-28720			Phan Minh Ngoan	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03399/12S69
25435	S69-28721			Hội Nông Dân xã Khánh Tiến	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03400/12S69
25436	S69-28722			Nguyễn Văn Trọng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03401/12S69
25437	S69-28723			Trần Văn Long	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03402/12S69
25438	S69-28724			Trần Văn Năm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03403/12S69
25439	S69-28725			Phạm Huy Trường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03404/12S69
25440	S69-28726			Đặng Văn Thọ	khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03405/12S69
25441	S69-28727			Lê Minh Tân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03406/12S69
25442	S69-28728			Phạm Lý Huỳnh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03407/12S69
25443	S69-28729			Phạm Văn Danh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03408/12S69
25444	S69-28730			Lê Điền Nghi	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03409/12S69
25445	S69-28731			Lê Văn Tân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03410/12S69
25446	S69-28732			Trần Văn Bé	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03411/12S69
25447	S69-28733			Nguyễn Thị Hiền	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03412/12S69
25448	S69-28734			Nguyễn Văn Lãm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03413/12S69
25449	S69-28735			Trịnh Chí Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03414/12S69
25450	S69-28736			Trương Hoàng Đoan	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03415/12S69
25451	S69-28737			Nguyễn Trường Sơn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03416/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25452	S69-28738			Hồ Thị Sương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03417/12S69
25453	S69-28739			Đỗ Văn Mười	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03418/12S69
25454	S69-28740			Trần Thị Sương	Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/06/2012	29/06/2013	03419/12S69
25455	S69-28741			Nguyễn Văn Thương	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03428/12S69
25456	S69-28742			Nguyễn Văn Nhó	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03429/12S69
25457	S69-28744	CM-98074		Lê Văn Ngời	Khánh An, Huyện U Minh	07/09/2015	07/03/2016	01694/15S69
25458	S69-28745	CM-98073		Cty TNHH Một Thành ViênTM Lê Phát	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	19/05/2015	19/05/2016	00930/15S69
25459	S69-28747			Nguyễn Minh Thuận	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	02/07/2012	02/07/2013	03453/12S69
25460	S69-28748	CM-98075		Bùi Hữu Phước	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/12/2013	12/12/2014	06200/13S69
25461	S69-28749	CM-43818		Tô Văn Trường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	09/12/2014	09/12/2015	03258/14S69
25462	S69-28750			Lưu Văn Thơm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03456/12S69
25463	S69-28751			Trương Văn Liệt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03457/12S69
25464	S69-28752			Bùi Văn Đoan	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03458/12S69
25465	S69-28753			Huỳnh Xuân Diện	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03459/12S69
25466	S69-28754			Trần Quốc Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03460/12S69
25467	S69-28755			Phạm Vũ Linh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03461/12S69
25468	S69-28756			Nguyễn Văn Đảm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03462/12S69
25469	S69-28757	CM-43800		Bùi Văn Cảnh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/09/2014	12/09/2015	02529/14S69
25470	S69-28758			Lê Thành Công	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03464/12S69
25471	S69-28759			Võ Văn Tá	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03465/12S69
25472	S69-28760	CM-43807		Bùi Văn Thâu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2013	27/11/2014	05914/13S69
25473	S69-28761			Phạm Văn Thêm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03467/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25474	S69-28762			Trần Văn Nam	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03468/12S69
25475	S69-28763			Lý Minh Nhựt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03469/12S69
25476	S69-28764	CM- 43788		Nguyễn Văn Thắng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06176/13S69
25477	S69-28765			Võ Văn Bền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03471/12S69
25478	S69-28766			Phạm Hồng Cúc	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03472/12S69
25479	S69-28767			Phạm Văn Khánh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03473/12S69
25480	S69-28768			Phạm Văn Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03474/12S69
25481	S69-28769			Trương Minh Sơn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03475/12S69
25482	S69-28770			Nguyễn Văn Phong	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03476/12S69
25483	S69-28772			Tiêu Tiến Thành	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03478/12S69
25484	S69-28773			Trần Văn Háp	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03479/12S69
25485	S69-28774			Du Tô Cu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03480/12S69
25486	S69-28775			Nguyễn Tấn Sứ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03481/12S69
25487	S69-28776			Tô Thanh Dù	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03482/12S69
25488	S69-28777			Nguyễn Văn Lanh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03483/12S69
25489	S69-28778			Trần Văn Na	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03484/12S69
25490	S69-28779			Trịnh Văn Phú	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03485/12S69
25491	S69-28780			Cao Văn Trần	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03486/12S69
25492	S69-28781			Hồ Trần Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03487/12S69
25493	S69-28782			Nguyễn Văn Tạo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03488/12S69
25494	S69-28783			Quách Văn Khiêm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03489/12S69
25495	S69-28784			Trần Kim Khâu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03490/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25496	S69-28785			Võ Văn Nhỏ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03491/12S69
25497	S69-28786			Trần Văn Triệu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03492/12S69
25498	S69-28787			Nguyễn Văn Kha	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03493/12S69
25499	S69-28788			Phạm Tấn Sĩ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03494/12S69
25500	S69-28789			Nguyễn Văn Tước	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03495/12S69
25501	S69-28790			Võ Văn Lập	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03496/12S69
25502	S69-28791			Phan Trọng Nguyễn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03497/12S69
25503	S69-28792			Lê Thị ánh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03498/12S69
25504	S69-28793			Lâm Văn Thắm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03499/12S69
25505	S69-28794			Hồ Văn Thơi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03500/12S69
25506	S69-28795			Đoàn Văn Tính	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03501/12S69
25507	S69-28796			Phạm Trung Tiến	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03502/12S69
25508	S69-28797			Nguyễn Văn Thảo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03503/12S69
25509	S69-28798			Nguyễn Trường Sơn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03504/12S69
25510	S69-28799			Trương út Hai	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03505/12S69
25511	S69-28800			Trần Văn Phận	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03506/12S69
25512	S69-28801			Trần Quốc Liệt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03507/12S69
25513	S69-28802	CM-43756		Nguyễn Văn Bỏ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	31/07/2014	31/07/2015	02097/14S69
25514	S69-28803			Nguyễn Văn Sơn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03509/12S69
25515	S69-28804			Nguyễn Hoàng An	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03510/12S69
25516	S69-28805			Đặng Văn Tèo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03511/12S69
25517	S69-28806			Quách Thành An	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03512/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25518	S69-28807			Nguyễn Văn Tèo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03513/12S69
25519	S69-28808			Nguyễn Minh Hoàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03514/12S69
25520	S69-28809			Trần Tiền Giang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03515/12S69
25521	S69-28810			Nguyễn Văn Dương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03516/12S69
25522	S69-28811			Hồ Minh Chơn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03517/12S69
25523	S69-28812			Võ Thanh Đảm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03518/12S69
25524	S69-28813			Nguyễn Văn Quốc	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03519/12S69
25525	S69-28814			Nguyễn Văn Chơn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03520/12S69
25526	S69-28815			Trần Văn Hoa	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03521/12S69
25527	S69-28816			Trần Văn Tùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03522/12S69
25528	S69-28817			Tiêu Chí Cường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03523/12S69
25529	S69-28818			Nguyễn Văn Chương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03524/12S69
25530	S69-28819			Nguyễn Văn Bình	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03525/12S69
25531	S69-28820			Nguyễn Văn Ngỗi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03526/12S69
25532	S69-28821			Nguyễn Văn Hòa	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03527/12S69
25533	S69-28822			Nguyễn Văn Tèo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03528/12S69
25534	S69-28823			Mai Hoàng Phi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03529/12S69
25535	S69-28824			Trương Thiên Văn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03530/12S69
25536	S69-28825			Quách Minh Lợi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03531/12S69
25537	S69-28826			Du Tô Công	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03532/12S69
25538	S69-28827			Nguyễn Đăng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03533/12S69
25539	S69-28828			Trần Văn Lành	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03534/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25540	S69-28829			Lê Chí Ngưỡng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2012	02/07/2013	03535/12S69
25541	S69-28830			Huỳnh Văn Sum	Khánh Hội, Huyện U Minh	04/07/2012	04/07/2013	03557/12S69
25542	S69-28833	CM-98089		Nguyễn Văn Hào	Xã Tác Vân, Thành phố Cà Mau	08/12/2015	08/06/2016	02438/15S69
25543	S69-28834			Trần Hồ Ba	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	03/07/2012	03/07/2013	03566/12S69
25544	S69-28835			Phan Văn Đoan	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	05/07/2012	05/07/2013	03569/12S69
25545	S69-28836			Trịnh Văn Hận	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	06/07/2012	06/07/2013	03579/12S69
25546	S69-28837			Lữ Văn Thum	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03580/12S69
25547	S69-28838			Lữ Văn Suôi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03581/12S69
25548	S69-28839			Lữ Vũ Linh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03582/12S69
25549	S69-28840			Huỳnh Văn Đồng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/01/2013	03583/12S69
25550	S69-28841			Ngô Văn Thanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03584/12S69
25551	S69-28842			UBND Xã Tam Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03585/12S69
25552	S69-28843			Ngô Thanh Sơn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03586/12S69
25553	S69-28844			Kiều Phước Toàn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03587/12S69
25554	S69-28845			Ngô Quốc Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03595/12S69
25555	S69-28846			Mai Trọng Thưng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03596/12S69
25556	S69-28847			Trương Long Châu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03597/12S69
25557	S69-28848	CM-66687		Phạm Văn Hùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05459/13S69
25558	S69-28849	CM-66688		Nguyễn Hoàng Nhị	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04517/13S69
25559	S69-28850	CM-66689		Nguyễn Văn Hở	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05227/13S69
25560	S69-28851			Nguyễn Thanh Thiên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03601/12S69
25561	S69-28852			Lê Quang Trực	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03602/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25562	S69-28853	CM-66692		Hoàng Trung Kiên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	16/11/2013	16/11/2014	05804/13S69
25563	S69-28854			Lê Hoàng Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03604/12S69
25564	S69-28855			Nguyễn Văn Xuân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03605/12S69
25565	S69-28856			Trần Văn Hoài	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03606/12S69
25566	S69-28857			Lê Trường Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05259/13S69
25567	S69-28858			Nguyễn Văn Đảm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03608/12S69
25568	S69-28859	CM-66698		Nguyễn Vũ Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05254/13S69
25569	S69-28860			Võ Văn Lệ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03610/12S69
25570	S69-28861			Trần Văn Sol	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03611/12S69
25571	S69-28862			Nguyễn Thanh Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03612/12S69
25572	S69-28863	CM-66703		Hứa Văn An	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01682/14S69
25573	S69-28864			Trương Minh Châu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03614/12S69
25574	S69-28865			Phạm Văn Khỏe	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03615/12S69
25575	S69-28866			Nguyễn Thanh Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03616/12S69
25576	S69-28867			Nguyễn Quốc Dương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03617/12S69
25577	S69-28868			Phan Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03618/12S69
25578	S69-28869			Trần Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03619/12S69
25579	S69-28870			Nguyễn Minh Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2012	06/07/2013	03620/12S69
25580	S69-28871	CM-23316		Nguyễn Văn Tèo	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/08/2013	15/08/2014	03886/13S69
25581	S69-28872			Lâm Minh Hoàng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/07/2012	09/07/2013	03637/12S69
25582	S69-28873			Sơn SaL	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/07/2012	09/07/2013	03638/12S69
25583	S69-28874			Lâm Minh Hải	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/07/2012	09/07/2013	03639/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25584	S69-28875			Lâm Minh Hải	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/07/2012	09/07/2013	03640/12S69
25585	S69-28876	CM-23313		Lê Văn Nhiều	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/05/2013	30/05/2014	02822/13S69
25586	S69-28877			Lữ Văn Đủ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/07/2012	07/07/2013	03642/12S69
25587	S69-28878	CM-98093		Công Ty Xăng Dầu Cà Mau	989 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Cà Mau	04/07/2014	04/07/2015	01818/14S69
25588	S69-28880	CM-90677		Trần Hoàng Kha	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03833/13S69
25589	S69-28881			Võ Tuấn Kiệt	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2012	10/07/2013	03651/12S69
25590	S69-28883	CM-90680		Võ Minh Thắng	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03831/13S69
25591	S69-28884			Huỳnh Văn Ly	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	11/07/2012	11/07/2013	03663/12S69
25592	S69-28886			Dư Văn út	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2012	10/07/2013	03665/12S69
25593	S69-28889			Huỳnh Văn Tèo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03671/12S69
25594	S69-28890			Nguyễn Văn Bé	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03672/12S69
25595	S69-28891	CM-23359		Hồng Văn Vũ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03464/13S69
25596	S69-28892			Lê Quốc Thảo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03674/12S69
25597	S69-28893			Phạm Văn Sửu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02994/13S69
25598	S69-28894			Nguyễn Hoàng Chiến	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03676/12S69
25599	S69-28895			Nguyễn Minh Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03677/12S69
25600	S69-28896			Hồ Sáng Em	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03678/12S69
25601	S69-28897			Cao Văn Thành	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03679/12S69
25602	S69-28898	CM-23358		Nguyễn Văn Kỳ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03460/13S69
25603	S69-28899			Võ Thanh Toàn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03681/12S69
25604	S69-28900			Phạm Văn Niên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03682/12S69
25605	S69-28901	CM-23352		Trần Việt Phương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02987/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25606	S69-28902			Hồ Văn Tài	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03684/12S69
25607	S69-28903			Tô Văn Sơn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03685/12S69
25608	S69-28904			Tô Văn Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03686/12S69
25609	S69-28905			Lê Văn Lăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03687/12S69
25610	S69-28906	CM-23354		Nguyễn Văn Thuận	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2013	20/03/2014	01919/13S69
25611	S69-28907			Phạm Hoàng Chi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03689/12S69
25612	S69-28910			Trần Văn Năm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03692/12S69
25613	S69-28911			Trần Văn Toàn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03693/12S69
25614	S69-28912			Lê Văn Sử	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03694/12S69
25615	S69-28913	CM-66713		Nguyễn Văn Mạnh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03463/13S69
25616	S69-28914			Diệp Văn Bé	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03696/12S69
25617	S69-28915	CM-66715		Trần Minh Phụng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03466/13S69
25618	S69-28916			Phan Minh Bờ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03698/12S69
25619	S69-28917			Trần Văn út	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03013/13S69
25620	S69-28918	CM-66718		Võ Chí Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02198/14S69
25621	S69-28919			Võ Thanh Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03701/12S69
25622	S69-28920			Nguyễn Vũ Linh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03702/12S69
25623	S69-28921			Nguyễn Văn Hận	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03703/12S69
25624	S69-28924	CM-66723		Lê Văn Mãi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03022/13S69
25625	S69-28925			Trần Thanh Ngoan	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03707/12S69
25626	S69-28926			Lê Văn Bưng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03708/12S69
25627	S69-28927			Phạm Thanh Tùng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03709/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25628	S69-28928			Lê Thị Lành	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03710/12S69
25629	S69-28929	CM-66728		Trần Minh Hoàng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02206/14S69
25630	S69-28930			Nguyễn Văn Thủy	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03016/13S69
25631	S69-28931			Lê Văn Lăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03026/13S69
25632	S69-28932			Lê Hoàng Thế	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03714/12S69
25633	S69-28933			Chem Văn Sáu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03715/12S69
25634	S69-28934	CM-66733		Nguyễn Văn Hưng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02186/14S69
25635	S69-28935	CM-66734		Nguyễn Chí Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/09/2015	29/08/2016	01658/15S69
25636	S69-28936			Nguyễn Ty Phô	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03718/12S69
25637	S69-28937			Nguyễn Chí Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03719/12S69
25638	S69-28938			Phạm Văn Hoan	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03720/12S69
25639	S69-28939			Lâm Văn Hậu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03721/12S69
25640	S69-28940	CM-66739		Trần Quốc Khởi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03461/13S69
25641	S69-28941	CM-66740		Cao Văn Cười	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	05008/13S69
25642	S69-28942			Đoàn Thanh Dội	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03724/12S69
25643	S69-28943	CM-66742		Trang Văn Trạng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	05009/13S69
25644	S69-28944	CM-66743		Tạ Văn Tuấn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2015	20/03/2016	00536/15S69
25645	S69-28945	CM-66744		Tô Tuấn Khanh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02202/14S69
25646	S69-28946			Trần Quốc Tuấn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03728/12S69
25647	S69-28947			Huỳnh Văn Kiếm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03729/12S69
25648	S69-28948			Huỳnh Văn Nhanh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03730/12S69
25649	S69-28949	CM-66748		Sầm Quốc Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	05012/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25650	S69-28950	CM-66749		Trần Thanh Mộng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02200/14S69
25651	S69-28951	CM-66750		Nguyễn Văn Hà	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	03025/13S69
25652	S69-28953	CM-66752		Võ Minh Hải	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01649/15S69
25653	S69-28955	CM-66754		Huỳnh Văn ỏn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04202/13S69
25654	S69-28957			Tạ Văn Đón	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03739/12S69
25655	S69-28958			Bùi Minh Quang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03740/12S69
25656	S69-28959			Lê Văn Hải	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03741/12S69
25657	S69-28960	CM-66710		Nguyễn My Siêl	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03462/13S69
25658	S69-28961			Cao Văn Vinh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03743/12S69
25659	S69-28962			Tạ Trung Tác	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03744/12S69
25660	S69-28963	CM-66761		Lê Hùng Tí	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03458/13S69
25661	S69-28964	CM-66762		Trương Quốc Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02204/14S69
25662	S69-28965	CM-66763		Trần Thanh Điền	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02996/13S69
25663	S69-28966			Võ Văn Trường	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03748/12S69
25664	S69-28967			Dương Văn Hiếu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	12/07/2012	11/07/2013	03749/12S69
25665	S69-28968			Phạm Văn Trường	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02992/13S69
25666	S69-28969			Nguyễn Thanh Giang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03751/12S69
25667	S69-28970			Trần Chí Sự	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03752/12S69
25668	S69-28971			Đặng Trường Sơn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03753/12S69
25669	S69-28972			Tạ Thanh Tươi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03754/12S69
25670	S69-28973			Nguyễn Văn Khánh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03755/12S69
25671	S69-28974			Trần Văn Linh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03756/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25672	S69-28975			Nguyễn Dủ Đây	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03757/12S69
25673	S69-28976	CM-66773		Huỳnh Thị Hằng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02997/13S69
25674	S69-28977	CM-66774		Trịnh Quốc Vũ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/08/2013	07/08/2014	03797/13S69
25675	S69-28978			Diệp Quốc An	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03760/12S69
25676	S69-28979			Nguyễn Nhã Tuấn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	11/07/2012	11/07/2013	03761/12S69
25677	S69-28980			Lương Minh Bền	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02991/13S69
25678	S69-28981	CM-98099		Lê Bích Thuỳ	Phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau	19/09/2014	19/09/2015	02568/14S69
25679	S69-28982			Trần Thành Lộc	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03796/12S69
25680	S69-28983			Đỗ Trường Duy	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03797/12S69
25681	S69-28984			Tô Văn Lắc	TT.Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03798/12S69
25682	S69-28985			Lê Văn Liệt	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03799/12S69
25683	S69-28986			Trần Văn Chửng	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03800/12S69
25684	S69-28988	CM-43821		Nguyễn Văn Bì	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/02/2015	12/02/2016	00333/15S69
25685	S69-28989	CM-43777		Bao Quốc Hội	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/07/2015	01876/14S69
25686	S69-28990			Trần Quốc Tú	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03804/12S69
25687	S69-28991			Nguyễn Văn Lạ Em	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03805/12S69
25688	S69-28993	CM-43823		Lương Văn Tèo	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2014	12/03/2015	00664/14S69
25689	S69-28995			Nguyễn Văn Khởi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	11/07/2012	11/07/2013	03810/12S69
25690	S69-28996			Phan Chí Toại	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/07/2012	13/07/2013	03816/12S69
25691	S69-28997			Nguyễn Văn Hùng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/07/2012	13/07/2013	03817/12S69
25692	S69-28998	CM-23324		Phan Chí Toại	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04514/13S69
25693	S69-28999			Ngô Đức Lành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/07/2012	13/07/2013	03819/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25694	S69-29000			Nguyễn Văn Quyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/07/2012	13/07/2013	03820/12S69
25695	S69-29001			Nguyễn Văn Hậu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/07/2013	17/07/2014	03538/13S69
25696	S69-29002			Trần Hoàng Chinh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/07/2012	16/07/2013	03826/12S69
25697	S69-29003			Nguyễn Phương Em	Khánh Tiến, Huyện U Minh	16/07/2012	16/07/2013	03829/12S69
25698	S69-29005			Nguyễn Văn Sang	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/07/2012	16/07/2013	03836/12S69
25699	S69-29006			Nguyễn Văn Hồ	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/10/2013	16/10/2014	04939/13S69
25700	S69-29008			Nguyễn út Nhỏ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/07/2012	17/07/2013	03847/12S69
25701	S69-29009			Lê Văn Vũ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/07/2012	17/07/2013	03848/12S69
25702	S69-29010			Huỳnh Văn Mười	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/07/2012	17/07/2013	03849/12S69
25703	S69-29011			Thái Trọng Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/07/2012	17/07/2013	03850/12S69
25704	S69-29012			Phan Văn Quyền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/07/2012	17/07/2013	03851/12S69
25705	S69-29013	CM-23330		Hồ Văn Sang	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04515/13S69
25706	S69-29014			Hồ Văn Tới	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03855/12S69
25707	S69-29015			Huỳnh Văn Tèo	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03856/12S69
25708	S69-29016	CM-43838		Bùi Hữu Trường	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03309/14S69
25709	S69-29018			Hồ Hoàng Anh	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03859/12S69
25710	S69-29019			Mai Văn Tuấn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03860/12S69
25711	S69-29020			Nguyễn Việt Bắc	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/11/2013	12/11/2014	05761/13S69
25712	S69-29021			Nguyễn Minh Thông	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03862/12S69
25713	S69-29022			Huỳnh Văn Đức	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03863/12S69
25714	S69-29023			Huỳnh Văn Hơ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	17/07/2012	17/07/2013	03864/12S69
25715	S69-29024			Châu Văn khởi	Khánh Hòa, Huyện U Minh	16/07/2012	16/07/2013	03876/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25716	S69-29025	CM-23337		Huỳnh Văn Khuynh	TT.Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03512/13S69
25717	S69-29026			CTY TNHH MTV XD TH Năm Quán	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	20/07/2012	20/07/2013	03887/05S69
25718	S69-29027	CM-23379		Chu Văn Khương	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03604/13S69
25719	S69-29028	CM-61482		Nguyễn Văn Thanh	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01575/15S69
25720	S69-29029			Bùi Thái Ngọc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03897/12S69
25721	S69-29030	CM-61950		Nguyễn Thanh Tú Duy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03605/13S69
25722	S69-29031			Lâm Mộng Nghi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03899/12S69
25723	S69-29032			Lâm Quang Hậu	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03900/12S69
25724	S69-29033	CM-61953		Đình Quốc Tuấn	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05033/13S69
25725	S69-29034	CM-61646		Cao Văn Quang	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05842/13S69
25726	S69-29036	CM-61948		Ngô Văn Phương	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/12/2014	20/12/2015	03402/14S69
25727	S69-29037			Quách Thanh Truyền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03189/13S69
25728	S69-29038			Huỳnh Văn Nghiệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03906/12S69
25729	S69-29039			Phạm Văn Lành	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03907/12S69
25730	S69-29041			Đặng Văn Thê	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03909/12S69
25731	S69-29042	CM-61957		Nguyễn Thanh Phong	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2015	20/07/2016	01330/15S69
25732	S69-29044			Huỳnh Minh Hoàng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/07/2012	20/07/2013	03926/12S69
25733	S69-29045			Đặng Thống Nhứt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/07/2012	20/07/2013	03929/12S69
25734	S69-29046	CM-98109		Phạm Văn Niêm	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/10/2014	20/10/2015	02800/14S69
25735	S69-29047	CM-98110		Bùi Văn Tình	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/11/2014	20/11/2015	03045/14S69
25736	S69-29048			Nguyễn Văn Đua	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	02/08/2013	02/08/2014	03745/13S69
25737	S69-29049			Đỗ Trọng Khang	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/07/2012	16/07/2013	03934/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25738	S69-29050	CM-23382		Phạm Thu Nhận	Tân Hải, Huyện Phú Tân	19/08/2013	19/08/2014	03907/13S69
25739	S69-29051			Hồng Giang Đức	Nguyễn Việt Khải, Huyện Phú Tân	16/07/2012	16/07/2013	03936/12S69
25740	S69-29052			Trần Văn Sinh	Trí Phải, Huyện Thới Bình	20/07/2012	20/07/2013	03937/12S69
25741	S69-29053	CM-23378		Nguyễn Minh Hưng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2015	10/01/2016	00017/15S69
25742	S69-29054			Nguyễn Văn Hùng	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2012	12/07/2013	03932/12S69
25743	S69-29055			Thái Văn Hiền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	24/07/2012	24/07/2013	03944/12S69
25744	S69-29056			Trần Trung Quốc	Khánh Thuận, Huyện U Minh	24/07/2012	24/07/2013	03948/12S69
25745	S69-29060			Lê Thanh Duy	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03953/12S69
25746	S69-29061			Dương Văn Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03954/12S69
25747	S69-29062			Đỗ Phạm Thái	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03955/12S69
25748	S69-29063			Nguyễn Hùng Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03956/12S69
25749	S69-29064	CM-66779		Nguyễn Tứ Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06361/13S69
25750	S69-29065			Nguyễn Văn Thuận	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03958/12S69
25751	S69-29066	CM-66781		Nguyễn Minh Nhựt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2015	24/01/2016	00195/15S69
25752	S69-29067			Lê Minh Cảnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03960/12S69
25753	S69-29068			Phan Văn Nghé	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03961/12S69
25754	S69-29069	CM-66784		Thái Trọng Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05462/13S69
25755	S69-29070	CM-66785		Trần Văn Tiến	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2015	24/07/2016	01366/15S69
25756	S69-29071	CM-66789		Tiết Minh Kết	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05461/13S69
25757	S69-29072	CN-66786		Huỳnh Văn Đạm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2014	24/09/2015	02623/14S69
25758	S69-29076	CM-66791		Đỗ Minh Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04500/13S69
25759	S69-29077	CM- 66792		Hà Trọng Tính	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06345/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25760	S69-29079	CM-66794		Trần Trường Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05452/13S69
25761	S69-29080			Lê Thanh Duy	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03973/12S69
25762	S69-29082	CM-66797		Nguyễn Thanh Tân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2015	24/08/2016	01586/15S69
25763	S69-29083			Võ Văn Ngộ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03976/12S69
25764	S69-29085			Nguyễn Vũ Em	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04004/12S69
25765	S69-29086			Nguyễn Văn Dương	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	26/07/2012	26/07/2013	04006/12S69
25766	S69-29088			Võ Thanh Văn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	26/07/2012	26/07/2013	04014/12S69
25767	S69-29089			Lưu Văn Thích	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04015/12S69
25768	S69-29090			Bùi Quốc An	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04016/12S69
25769	S69-29091			Nguyễn Vũ Linh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04017/12S69
25770	S69-29092			Nguyễn Văn Luận	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04018/12S69
25771	S69-29093			Quách Hồng Hển	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04019/12S69
25772	S69-29094			Dương Hoàng Đà	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04020/12S69
25773	S69-29095			Ngô Phú Gia	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04021/12S69
25774	S69-29096			Trần Chí Tâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04022/12S69
25775	S69-29097			Nguyễn Tấn Thành	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04023/12S69
25776	S69-29098			Trần Văn Kiêm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04024/12S69
25777	S69-29099			Trần Văn út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04025/12S69
25778	S69-29100	CM-43849		Võ Hòa Hưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/10/2013	22/10/2014	05298/13S69
25779	S69-29101			Trần Văn Việt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04027/12S69
25780	S69-29102			Nguyễn Văn On	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04028/12S69
25781	S69-29103			Nguyễn Văn Thừa	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04029/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25782	S69-29104			Nguyễn Văn Nam	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04030/12S69
25783	S69-29105			Ngô Minh Hoàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04031/12S69
25784	S69-29106			Trần Văn Đảm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04032/12S69
25785	S69-29107			Nguyễn Minh Phụng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04033/12S69
25786	S69-29108			Hứa Văn Lăng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	26/07/2012	26/07/2013	04034/12S69
25787	S69-29109			Huỳnh Vũ Ca	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04035/12S69
25788	S69-29110			Lê Minh Hoàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04036/12S69
25789	S69-29111			Phạm Văn Bình	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04037/12S69
25790	S69-29112	CM-43884		Nguyễn Công Nhân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03875/13S69
25791	S69-29113			Tiêu Thanh Sự	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04039/12S69
25792	S69-29114			Lê Chí Cường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04040/12S69
25793	S69-29115			Huỳnh Văn Bình	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04041/12S69
25794	S69-29116			Trần Thị Chuyên	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04042/12S69
25795	S69-29117			Lê Văn Dọt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04043/12S69
25796	S69-29118			Trần Văn Thành	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04044/12S69
25797	S69-29119			Trần Lâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04045/12S69
25798	S69-29120			Bùi Văn Sự	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04046/12S69
25799	S69-29121			Lê Tấn Phong	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04047/12S69
25800	S69-29122			Trương Thanh Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04048/12S69
25801	S69-29123			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04049/12S69
25802	S69-29124	CM-3879		Trần Văn Đồi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03879/13S69
25803	S69-29125			Trần Văn Tèo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04051/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25804	S69-29126			Tiêu Mỹ Nữ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04052/12S69
25805	S69-29127			Du Quốc Tám	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04053/12S69
25806	S69-29128			Lê Hoàng Nhi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04054/12S69
25807	S69-29129			Trần Văn Lẹ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04055/12S69
25808	S69-29130			Nguyễn Thị Thu Ba	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04056/12S69
25809	S69-29131			Nguyễn Văn Vui	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04057/12S69
25810	S69-29132			Võ Minh Cảnh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04058/12S69
25811	S69-29133			Trần Thanh Phong	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04059/12S69
25812	S69-29134	CM-43857		Nguyễn Tấn Xuyên	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2014	13/11/2015	02953/14S69
25813	S69-29135			Châu Văn Lưỡng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04061/12S69
25814	S69-29136	CM-43856		Trần Hoàng Ninh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03881/13S69
25815	S69-29137			Võ Việt Khái	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04063/12S69
25816	S69-29138			Võ Văn Vững	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04064/12S69
25817	S69-29139			Lê Hoàng Nam	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04065/12S69
25818	S69-29140	CM43876		Nguyễn Hoàng Nhơn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03876/13S69
25819	S69-29141			Nguyễn Thanh Toàn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04067/12S69
25820	S69-29142			Phạm Chí Đông	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04068/12S69
25821	S69-29143			Trần Thanh Hùng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04069/12S69
25822	S69-29144			Thái Văn Thạch	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04070/12S69
25823	S69-29145			Trương Văn Nhiên	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04071/12S69
25824	S69-29146			Trần Văn Nhỏ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04072/12S69
25825	S69-29147			Nguyễn Văn Tài	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04073/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25826	S69-29148			Trần Văn Ngon	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04074/12S69
25827	S69-29149			Trần Hoàng Nam	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04075/12S69
25828	S69-29150			Ngô Minh Duẩn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/07/2012	26/07/2013	04076/12S69
25829	S69-29151			Phạm Văn Nhi	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04090/12S69
25830	S69-29152			Nguyễn Văn Phận	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04091/12S69
25831	S69-29153			Du Minh Thảo	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04092/12S69
25832	S69-29154			Phan Thanh Toàn	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04093/12S69
25833	S69-29155			Đặng Văn Hùng	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04094/12S69
25834	S69-29156			Đoàn Văn Thịnh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04095/12S69
25835	S69-29157			Lý Trường Tạng	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04096/12S69
25836	S69-29158			Bùi Văn Thống	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	27/07/2012	27/07/2013	04097/12S69
25837	S69-29159			Đỗ Minh Đương	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04098/12S69
25838	S69-29160			Nguyễn Việt Trào	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04099/12S69
25839	S69-29161			Mã Khánh Trương	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	27/07/2012	27/07/2013	04101/12S69
25840	S69-29162			Trần Hoàng Kết	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	30/07/2012	28/07/2013	04102/12S69
25841	S69-29163			Liên Hoàng Kha	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04103/12S69
25842	S69-29165	CM-51892		Bùi Văn Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05600/13S69
25843	S69-29166	CM-51864		Bùi Văn Diệu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05974/13S69
25844	S69-29167	CM-51863		Nguyễn Hồng Sấm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00843/14S69
25845	S69-29168	CM-51862		Nguyễn Văn Kiệm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2015	28/06/2016	01186/15S69
25846	S69-29169	CM-51861		Nguyễn Hoàng Anh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	17/04/2014	17/04/2015	01020/14S69
25847	S69-29171			Hứa Thành Công	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04111/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25848	S69-29172			Lê Hoàng Phú	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04112/12S69
25849	S69-29173	CM-51857		Phạm Quốc Sĩ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	29/07/2013	29/07/2014	03689/13S69
25850	S69-29174			Lê Văn Hiền	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04114/12S69
25851	S69-29175	CM-51855		Trần Văn Tèo	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05619/13S69
25852	S69-29176	CM-51854		Nguyễn Việt Bắc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	05/11/2014	05/11/2015	02898/14S69
25853	S69-29177			Cao Minh Cảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04117/12S69
25854	S69-29178			Ngô Minh Hoàng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02051/14S69
25855	S69-29179	CM-51851		Lâm Hoàng Dũng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	03/08/2015	03/08/2016	01460/15S69
25856	S69-29181			Lâm Minh Sơn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2012	28/07/2013	04121/12S69
25857	S69-29184	CM-43839		Trương Thành Long	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	11/01/2016	11/07/2016	00082/16S69
25858	S69-29185			Đặng Văn Kiệp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	31/07/2012	31/07/2013	04155/12S69
25859	S69-29186	CM-90682		Nguyễn Hoàng Hôn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	09/12/2013	09/12/2014	06123/13S69
25860	S69-29188			Trần Thanh liêm	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2012	31/07/2013	04158/12S69
25861	S69-29192	CM-00908		Nguyễn Văn Thống	Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	13/04/2015	13/04/2016	00675/15S69
25862	S69-29193			Huỳnh Văn Tý	Xã Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04165/12S69
25863	S69-29194			Đặng Văn Nguyễn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04167/12S69
25864	S69-29195	CM-98125		Võ Văn Chuẩn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	27/06/2014	27/06/2015	01731/14S69
25865	S69-29196			Nguyễn Văn Dây	Đông Thới, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04169/12S69
25866	S69-29197			Hứa Văn Quyền	Đông Thới, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04170/12S69
25867	S69-29198			Bùi Trọng Hữu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	31/07/2012	31/07/2013	04171/12S69
25868	S69-29199			Lê Văn Nguyên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	31/07/2012	31/07/2013	04172/12S69
25869	S69-29200			Huỳnh Văn Đa	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2012	31/07/2013	04173/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25870	S69-29201			Nguyễn Thanh Bình	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04176/12S69
25871	S69-29202			Đinh Văn Điệp	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04177/12S69
25872	S69-29203	CM-43919		Nguyễn Văn Thắng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	11/08/2015	11/08/2016	01470/15S69
25873	S69-29204			Trần Văn Ton	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04179/12S69
25874	S69-29205	CM-43918		Hồ Văn Nghĩa	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03321/14S69
25875	S69-29206			Nguyễn Văn Sơn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04181/12S69
25876	S69-29207			Nguyễn Văn Tình	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04182/12S69
25877	S69-29208			Lê Thanh Phong	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04183/12S69
25878	S69-29209			Huỳnh Văn Bạ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04184/12S69
25879	S69-29210			Nguyễn Văn Bình	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04185/12S69
25880	S69-29211	CM-43900		Đinh Văn Dương	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2014	18/12/2015	03315/14S69
25881	S69-29212			Nguyễn Văn Dót	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04187/12S69
25882	S69-29213	CM-43901		Đinh Văn Nhó	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	25/05/2015	25/05/2016	00955/15S69
25883	S69-29214	CM-43913		Hồ Văn Khải	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	14/07/2014	14/07/2015	01880/14S69
25884	S69-29215			Huỳnh Văn Sơn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04190/12S69
25885	S69-29216			Nguyễn Văn Liên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04191/12S69
25886	S69-29217			Trần Văn Dùm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04192/12S69
25887	S69-29218			Thái Văn Nhỏ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04193/12S69
25888	S69-29219			Nguyễn Văn út	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04194/12S69
25889	S69-29220			Nguyễn Văn Cà	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04195/12S69
25890	S69-29221			Trịnh Văn Trang	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04196/12S69
25891	S69-29222			Phạm Thanh Hiệp	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04197/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25892	S69-29223			Phạm Hoàng Vũ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04198/12S69
25893	S69-29224			Phan Văn Mạo	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	31/07/2012	31/07/2013	04199/12S69
25894	S69-29225	CM-43917		Nguyễn Phi Nál	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	20/07/2013	20/07/2014	03589/13S69
25895	S69-29226	CM-98118		Trần Văn Thắm	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	25/07/2014	25/01/2015	02014/14S69
25896	S69-29227			Võ Hoàng Huynh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	02/08/2012	02/08/2013	04213/12S69
25897	S69-29228	CM-98129		Huỳnh Văn Thơm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/03/2015	28/03/2016	00587/15S69
25898	S69-29229			Lê Văn Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	03/08/2012	03/08/2013	04215/12S69
25899	S69-29231			Nguyễn Văn Lập	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04223/12S69
25900	S69-29232			Nguyễn Văn Thái	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04224/12S69
25901	S69-29233			Nguyễn Văn Năm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04225/12S69
25902	S69-29234			Phạm Minh Thang	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04226/12S69
25903	S69-29235			Nguyễn Trường Sơn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04227/12S69
25904	S69-29236			Nguyễn Văn Toàn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04228/12S69
25905	S69-29237			Trần Hoàng Hợp	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04229/12S69
25906	S69-29238			Lương Văn Dũng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04230/12S69
25907	S69-29239			Dương Văn Hào	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04231/12S69
25908	S69-29240			Võ Hoàng Văn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04232/12S69
25909	S69-29241			Nguyễn Văn Quốc	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04233/12S69
25910	S69-29242			Nguyễn Văn Phó	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04234/12S69
25911	S69-29243			Ngô Thanh Múa	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04235/12S69
25912	S69-29244			Nguyễn Văn Xuyên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04236/12S69
25913	S69-29245			Nguyễn Văn Tước	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04237/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25914	S69-29246			Châu Văn Nil	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04238/12S69
25915	S69-29247			Nguyễn Văn Quân	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04239/12S69
25916	S69-29248			Võ Thị Beo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04240/12S69
25917	S69-29249			Nguyễn Thị Thi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04244/12S69
25918	S69-29250			Huỳnh Thị Nga	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04245/12S69
25919	S69-29251			Huỳnh Văn Mến	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04246/12S69
25920	S69-29252			Trần Văn Thiện	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04247/12S69
25921	S69-29253			Bùi Thị Diễm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04248/12S69
25922	S69-29254			Nguyễn Văn Quân	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04249/12S69
25923	S69-29255			Nguyễn Hoàng Vinh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04250/12S69
25924	S69-29256			Lê Phù Đồng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04251/12S69
25925	S69-29257			Nguyễn Văn Tịnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04252/12S69
25926	S69-29258			Phạm Thị Gân	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04253/12S69
25927	S69-29259			Huỳnh Thị Duyên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04254/12S69
25928	S69-29260	CM-87829		Nguyễn Thanh Hùng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	12/05/2014	12/05/2015	01239/14S69
25929	S69-29261			Trần Văn Đỏ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04256/12S69
25930	S69-29262			Thái Văn Mơn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04257/12S69
25931	S69-29263			Lê Văn Kha	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04258/12S69
25932	S69-29264			Nguyễn Minh Dương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04259/12S69
25933	S69-29265			Lê Thanh Hóa	TT. U Minh, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04260/12S69
25934	S69-29266			Nguyễn Văn Chuẩn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04261/12S69
25935	S69-29267	CM-87888		Lê Văn Hải	TT.U Minh, Huyện U Minh	20/01/2015	20/01/2016	00138/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25936	S69-29268	CM-87885		Huỳnh Văn Lạ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02846/13S69
25937	S69-29271	CM-51867		Trần Việt Bắc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	29/10/2013	29/10/2014	05574/13S69
25938	S69-29272			Nguyễn Văn Minh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04284/12S69
25939	S69-29273			Đặng Văn Tiến	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04285/12S69
25940	S69-29274			Võ Hoàng Duy	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04286/12S69
25941	S69-29275			Phạm Văn Sang	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04287/12S69
25942	S69-29276			Nguyễn Văn Phúc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04288/12S69
25943	S69-29277			Nguyễn Việt Khái	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04289/12S69
25944	S69-29278			Trần Thanh Hữu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04290/12S69
25945	S69-29279			Võ Công Chận	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04291/12S69
25946	S69-29280			Nguyễn Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04292/12S69
25947	S69-29281			Trần Văn Xuyên	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04293/12S69
25948	S69-29282			Dương Văn Nguyễn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04294/12S69
25949	S69-29283			Nguyễn Văn Nam	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04295/12S69
25950	S69-29284			Nguyễn Văn Đề	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04296/12S69
25951	S69-29285			Đoàn Văn Đoàn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04297/12S69
25952	S69-29286			Dương Chí Trung	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04298/12S69
25953	S69-29287			Trần Văn Có	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04299/12S69
25954	S69-29288			Trần Hoàng Cán	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04300/12S69
25955	S69-29289			Tăng Văn Dẫn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	03/08/2012	03/08/2013	04301/12S69
25956	S69-29290	CM-66800		Nguyễn Việt An	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2013	20/09/2014	04458/13S69
25957	S69-29291			Nguyễn Phi Ghịch	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	27/07/2015	27/07/2016	01383/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25958	S69-29292			Võ Văn Ten	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04306/12S69
25959	S69-29293			Nguyễn Chí Thế	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05261/13S69
25960	S69-29294			Nguyễn Thanh Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04308/12S69
25961	S69-29295			Nguyễn Văn Đệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04309/12S69
25962	S69-29296			Diệp Minh Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04310/12S69
25963	S69-29297			Ngô Văn Khải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04311/12S69
25964	S69-29298	CM-66808		Trần Văn Luyện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05233/13S69
25965	S69-29299			Đình Hoàng Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04313/12S69
25966	S69-29300			Bùi Văn Ngoan	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04314/12S69
25967	S69-29301	CM-66811		Nguyễn Hùng Vĩ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2014	24/11/2015	03077/14S69
25968	S69-29302	CM-03352		Diệp Minh Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2012	06/08/2013	04323/12S69
25969	S69-29304	CM-98132		Võ Văn Huy	Khánh An, Huyện U Minh	22/08/2013	22/08/2014	03981/13S69
25970	S69-29305			Dương Thị Ngọc Bích	TT.Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/08/2012	08/08/2013	04326/12S69
25971	S69-29306			Nguyễn Văn Cần	TT.Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/08/2012	08/08/2013	04327/12S69
25972	S69-29308			Trần Văn Cuộc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/08/2012	06/08/2013	04330/12S69
25973	S69-29309	CM-23394		Đặng Thống Nhứt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	23/07/2013	23/07/2014	03628/13S69
25974	S69-29310			Huỳnh Văn Lén	Đất Mới, Huyện Năm Căn	06/08/2012	06/08/2013	04332/12S69
25975	S69-29311			Nguyễn Văn Hoàng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04333/12S69
25976	S69-29312			Nguyễn Văn De	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04334/12S69
25977	S69-29313			Lê Thị Đoan	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04335/12S69
25978	S69-29314			Phạm Hồng Quang	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04336/12S69
25979	S69-29315	CM-43939		Nguyễn Hải Đăng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	04/09/2014	04/09/2015	02448/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
25980	S69-29316			Trần Văn Luận	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04338/12S69
25981	S69-29317			Trần Vũ Phương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04339/12S69
25982	S69-29318			Trần Văn Luận	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04340/12S69
25983	S69-29319			Trần Văn Luận	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04341/12S69
25984	S69-29320			Lê Văn Phú	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04342/12S69
25985	S69-29321			Trịnh Thủ Đồ	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04343/12S69
25986	S69-29322			Bùi Thanh Danh	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04344/12S69
25987	S69-29323			Trần Văn Thoảng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04345/12S69
25988	S69-29324			Trương Văn Cuối	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04346/12S69
25989	S69-29325			Trương Văn Soàn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	07/08/2012	07/08/2013	04347/12S69
25990	S69-29326			Đặng Văn Đoàn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	08/08/2012	08/08/2013	04355/12S69
25991	S69-29327			Quách Lậy	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	08/08/2012	08/08/2013	04356/12S69
25992	S69-29330	CM-98136		Nguyễn Nhựt Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	27/03/2015	27/03/2016	00584/15S69
25993	S69-29331			Đặng Thanh Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	09/08/2012	09/08/2013	04361/12S69
25994	S69-29332			Trần Quốc Khải	Phường 7, Thành phố Cà Mau	09/08/2012	09/08/2013	04369/12S69
25995	S69-29333			Dương Công Thành	Phường 7, Thành phố Cà Mau	09/08/2012	09/08/2013	04370/12S69
25996	S69-29334			Lê Hoàng Dũng	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2012	10/08/2013	04376/12S69
25997	S69-29338	CM-90707		Võ Văn Ghi	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2014	10/09/2015	02489/14S69
25998	S69-29339			Phạm Văn Thiên	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2012	10/08/2013	04383/12S69
25999	S69-29341			Trần Hoàng Khương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2012	10/08/2013	04385/12S69
26000	S69-29342			Nguyễn Thanh Tâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04405/12S69
26001	S69-29343			Nguyễn Văn Nghi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04406/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26002	S69-29344			Diệp Văn Phương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04407/12S69
26003	S69-29345			Nguyễn Văn Đua	Khánh Thuận, Huyện U Minh	04/08/2012	04/08/2013	04408/12S69
26004	S69-29346			Nguyễn Văn Hiện	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	13/08/2012	13/08/2013	04409/12S69
26005	S69-29347	CM-98181		Phạm Văn Nghĩa	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	06/04/2015	06/04/2016	00643/15S69
26006	S69-29349	CM-98140		Nguyễn Văn Giới	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	04/11/2014	04/11/2015	02885/14S69
26007	S69-29350			Đặng Hoàng Phi	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2012	15/08/2013	04424/12S69
26008	S69-29351			Trần Phú Quốc	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	14/08/2012	14/08/2013	04426/12S69
26009	S69-29352			Ngân Hàng NN&PTNT huyện Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/08/2012	15/08/2013	04430/12S69
26010	S69-29353			Ngân Hàng NN&PTNT huyện Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/08/2012	15/08/2013	04431/12S69
26011	S69-29354			Ngân Hàng NN&PTNT huyện Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/08/2012	15/08/2013	04432/12S69
26012	S69-29355			Ngân Hàng NN&PTNT huyện Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/08/2012	15/08/2013	04433/12S69
26013	S69-29356			Ngân Hàng NN&PTNT huyện Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/08/2012	15/08/2013	04434/12S69
26014	S69-29357			Ngân Hàng NN&PTNT huyện Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/08/2012	15/08/2013	04435/12S69
26015	S69-29358			Ngân Hàng NN&PTNT huyện Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	15/08/2012	15/08/2013	04436/12S69
26016	S69-29359	CM-18906		Hà Văn Thông	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	16/08/2012	16/08/2013	04441/12S69
26017	S69-29360	CM-72409		Trần Văn ứng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/10/2013	16/10/2014	04938/13S69
26018	S69-29361			Lê Hoàng Vọng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/08/2012	16/08/2013	04447/12S69
26019	S69-29363			Lâm Việt Triều	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/08/2012	16/08/2013	04449/12S69
26020	S69-29364			Huỳnh Chí Tính	Tam Giang, Huyện Năm Căn	17/08/2012	17/08/2013	04458/12S69
26021	S69-29365			Lê Quốc Toàn	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	17/08/2012	17/08/2013	04459/12S69
26022	S69-29366			Huỳnh Văn Tây	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	17/08/2012	17/08/2013	04460/12S69
26023	S69-29367			Phan Minh Tân	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	17/08/2012	17/08/2013	04461/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26024	S69-29368			Nguyễn Văn Cầu	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	17/08/2012	17/08/2013	04462/12S69
26025	S69-29369			Trần Văn Suông	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	17/08/2012	17/08/2013	04463/12S69
26026	S69-29370			Nguyễn Văn Phong	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	16/08/2012	16/08/2013	04464/12S69
26027	S69-29373	CM-23397		Lê Chí Hướng	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03958/13S69
26028	S69-29374			Trần Thanh Thoảng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2012	20/08/2013	04473/12S69
26029	S69-29375	CM-98152		Tô Văn Mong	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/08/2014	20/08/2015	02281/14S69
26030	S69-29376	CM-61962		Lâm Tấn Tài	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03599/13S69
26031	S69-29377			Nguyễn Văn Linh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2012	20/08/2013	04476/12S69
26032	S69-29378			Nguyễn Văn Khoa	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/08/2012	20/08/2013	04477/12S69
26033	S69-29379	CM-61778		Nguyễn Văn Ninh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05843/13S69
26034	S69-29381			Lâm Thị Sang	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	22/08/2012	22/08/2013	04521/12S69
26035	S69-29382	CM-23407		Nguyễn Minh Đăng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	16/09/2013	16/09/2014	04363/13S69
26036	S69-29383			Trần Văn Đém	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	22/08/2012	22/08/2013	04524/12S69
26037	S69-29384	CM-98155		Võ Diễm Thúy	xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	14/11/2013	14/11/2014	05777/13S69
26038	S69-29386			Nguyễn Quốc Bình	K1 TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	24/08/2012	24/08/2013	04531/12S69
26039	S69-29389	CM-66817		Trần Văn Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05417/13S69
26040	S69-29392			Trần Chí Nguyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2012	24/08/2013	04537/12S69
26041	S69-29393	CM-66813		Phan Chí Công	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04022/13S69
26042	S69-29395			Lê Ngọc Bình	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	27/08/2012	27/08/2013	04549/12S69
26043	S69-29396			Lê Chí Linh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	27/08/2012	27/08/2013	04550/12S69
26044	S69-29397			Bùi Văn Ban	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	27/08/2012	27/08/2013	04551/12S69
26045	S69-29398			Lý Hiền	Khánh Lâm, Huyện U Minh	27/08/2012	27/08/2013	04552/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26046	S69-29399			Tạ Nghĩa Hiệp	Đất Mới, Huyện Năm Căn	29/08/2012	29/08/2013	04563/12S69
26047	S69-29400			Tiêu Bích Liên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04566/13S69
26048	S69-29401			Nguyễn Thanh Tiền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04567/12S69
26049	S69-29402			Phạm Thanh Hải	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04568/12S69
26050	S69-29403			Nguyễn Văn Khẩn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04569/12S69
26051	S69-29405	CM-51870		Tạ Văn Hùng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03521/14S69
26052	S69-29406			Huỳnh Văn Chính	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04572/12S69
26053	S69-29407			Lê Văn Tới	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04573/12S69
26054	S69-29408	CM-51873		Phạm Hoài Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06405/13S69
26055	S69-29411	CM-23404		Trịnh Văn Dũng	Lợi An, Thành phố Cà Mau	06/09/2013	06/09/2014	04256/13S69
26056	S69-29412			Lê Thanh Vũ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/08/2012	24/08/2013	04613/12S69
26057	S69-29413			Nguyễn Văn Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	30/08/2012	30/08/2013	04615/12S69
26058	S69-29414			Dư Văn Tiến	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	30/08/2012	30/08/2013	04616/12S69
26059	S69-29415			Trần Văn Nhí	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	30/08/2012	30/08/2013	04617/12S69
26060	S69-29416			Ngô Văn Đoàn	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	05/09/2012	05/09/2013	04632/12S69
26061	S69-29417			Cái Văn Đường	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	05/09/2012	05/09/2013	04633/12S69
26062	S69-29418			Nguyễn Chí Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04635/12S69
26063	S69-29419	CM-51890		Nguyễn Thanh Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06482/13S69
26064	S69-29420	CM- 51889		Trương Hoàng Dương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06444/13S69
26065	S69-29421			Nguyễn Chí Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04638/12S69
26066	S69-29422			Đặng Hoàng Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04639/12S69
26067	S69-29423	CM-51885		Nguyễn Minh Dương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/04/2015	28/04/2016	00818/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26068	S69-29424			Hồ Quốc Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04641/12S69
26069	S69-29426			Nguyễn Văn Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04643/12S69
26070	S69-29427			Phạm Công Nghiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04644/12S69
26071	S69-29428			Nguyễn Văn Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04645/12S69
26072	S69-29429			Nguyễn Trường Giang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04646/12S69
26073	S69-29430			Trang Đại Bảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04647/12S69
26074	S69-29431			Nguyễn Văn Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04648/12S69
26075	S69-29432			Cao Hoàng Mạnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04649/12S69
26076	S69-29433			Bùi Công Lệnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/09/2012	04/09/2013	04650/12S69
26077	S69-29434	CM-51874		Trần Văn Điệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05613/13S69
26078	S69-29435	CM-98165		Nguyễn Văn Khá	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	29/12/2015	29/06/2016	02675/15S69
26079	S69-29436			Lê Minh Hoàng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04676/12S69
26080	S69-29437			Nguyễn Chí Nguyên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04677/12S69
26081	S69-29438	CM- 43957		Nguyễn Minh Viêt	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06184/13S69
26082	S69-29439			Nguyễn Văn Tho	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04679/12S69
26083	S69-29440	CM- 43958		NGuyễn Thanh Đường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06173/13S69
26084	S69-29441			Tô Văn Niên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04681/12S69
26085	S69-29442			Lê Hoàng Nưa	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04682/12S69
26086	S69-29443			Nguyễn Minh Sô	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04683/12S69
26087	S69-29444			Nguyễn Hoàng Sỉl	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04684/12S69
26088	S69-29445			Ngô Minh Triều	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04685/12S69
26089	S69-29446			Nguyễn Văn Cuôl	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	05/09/2012	05/09/2013	04686/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26090	S69-29447	CM-98166		Nguyễn Văn Khoa	Khóm 8, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	13/07/2015	13/07/2016	01268/15S69
26091	S69-29449			Trần Ngọc Tùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2012	06/09/2013	04696/12S69
26092	S69-29450	CM-66821		Lê Minh Hóa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01654/15S69
26093	S69-29451			Lại Văn Phụng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2012	06/09/2013	04698/12S69
26094	S69-29452			Nguyễn Văn Tài	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2012	06/09/2013	04699/12S69
26095	S69-29453	CM-66825		Lâm Doanh Toại	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00303/14S69
26096	S69-29454	CM-66826		Nguyễn Việt Triều	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04510/13S69
26097	S69-29456			Thái Minh Luân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2012	06/09/2013	04703/12S69
26098	S69-29457			Bùi Văn Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/09/2012	09/09/2013	04710/12S69
26099	S69-29458			Phạm Chí Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/09/2012	09/09/2013	04711/12S69
26100	S69-29459			Lê Thanh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/09/2012	09/09/2013	04712/12S69
26101	S69-29461	CM-90713		Nguyễn Văn Linh	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03843/13S69
26102	S69-29462			Huỳnh Thị Phấn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2012	10/09/2013	04730/12S69
26103	S69-29463	CM-90379		Trần Hồng Nga	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2015	11/09/2015	00442/15S69
26104	S69-29464			Trần Văn Thành	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/09/2012	10/09/2013	04744/12S69
26105	S69-29466			Trần Phú Lâm	Phường 5, Thành phố Cà Mau	12/09/2012	12/09/2013	04750/12S69
26106	S69-29467			Lê Hoài Thanh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/09/2012	12/09/2013	04751/12S69
26107	S69-29468	CM- 43969		Tô Văn Khuân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06181/13S69
26108	S69-29469			Lý Nữ Huỳnh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2012	12/09/2013	04753/12S69
26109	S69-29470	CM-43970		Võ Thị Thắm	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/01/2015	01864/14S69
26110	S69-29471	CM-43967		Lê Minh Hường	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2014	12/11/2014	01261/14S69
26111	S69-29474	CM-98171		Nguyễn Thạnh Khuya	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	26/01/2015	26/01/2016	00204/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26112	S69-29475			Lê Thanh Tân	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	16/09/2012	16/09/2013	04774/12S69
26113	S69-29476			Huỳnh Văn Trâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04792/12S69
26114	S69-29477			Hồ Quốc Nghĩa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04793/12S69
26115	S69-29478			Trần Minh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04794/12S69
26116	S69-29479	CM-51945		Tô Văn Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02421/14S69
26117	S69-29480			Trương Ngọc Sáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04796/12S69
26118	S69-29481			Nguyễn Thị Hà	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04797/12S69
26119	S69-29482			Trương Ngọc Trọng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04798/12S69
26120	S69-29483			Lê Kim Luyến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04799/12S69
26121	S69-29484			Phan Trung Nam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04800/12S69
26122	S69-29485			Nguyễn Văn Phấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04801/12S69
26123	S69-29486			Dương Minh Đức	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04802/12S69
26124	S69-29487			Mã Chí Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04803/12S69
26125	S69-29488			Nguyễn Văn Lâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04804/12S69
26126	S69-29489			Trương Minh Cảnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04805/12S69
26127	S69-29490			Mã Văn Việt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04806/12S69
26128	S69-29491			Nguyễn Minh Hiền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04807/12S69
26129	S69-29492			Phạm Minh Tèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04808/12S69
26130	S69-29493			Dương Văn Liêm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04809/12S69
26131	S69-29494			Lê Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04810/12S69
26132	S69-29495			Nguyễn Thanh Hồng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04811/12S69
26133	S69-29496			Trương Xuân Lý	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04812/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26134	S69-29497			Lê Thanh Lam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04813/12S69
26135	S69-29498			Tô Văn Tiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04814/12S69
26136	S69-29499			Liêu Việt Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04815/12S69
26137	S69-29500			Trương Hoàng Phi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04816/12S69
26138	S69-29501			Trương Hoàng út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04817/12S69
26139	S69-29502			Trương Anh Diệu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04818/12S69
26140	S69-29503	CM-51921		Lê Thanh Trầm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00565/14S69
26141	S69-29504			Tô Minh Tân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04820/12S69
26142	S69-29505	CM-22438		Nguyễn Văn Thành	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00345/14S69
26143	S69-29506			Lê Minh út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04822/12S69
26144	S69-29507			Đỗ Văn Mỹ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04823/12S69
26145	S69-29508			Trần Văn Trãi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04824/12S69
26146	S69-29509			Bùi Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04825/12S69
26147	S69-29510			Đồng Hoàng Trọn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04826/12S69
26148	S69-29511			Trần Minh Thảo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04827/12S69
26149	S69-29512			Phạm Văn Toàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04828/12S69
26150	S69-29513			Lê Hoàng Tư	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04829/12S69
26151	S69-29514			Huỳnh Văn Nhỏ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04830/12S69
26152	S69-29515			Nguyễn Hoàng Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04831/12S69
26153	S69-29516			Trần Hoàng Thọ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04832/12S69
26154	S69-29517			Lâm Văn út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04833/12S69
26155	S69-29518			Thái Thế Anh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04834/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26156	S69-29519			Lê Quốc Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04835/12S69
26157	S69-29520			Huỳnh Tiến Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04836/12S69
26158	S69-29521			Lý Văn Lành	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04837/12S69
26159	S69-29522			Lê Văn Lắm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04838/12S69
26160	S69-29523			Trịnh Văn Dự	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04839/12S69
26161	S69-29524			Huỳnh Hoài Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04840/12S69
26162	S69-29525			Trịnh Hoàng Kiệt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04841/12S69
26163	S69-29526			Trần Văn Lập	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04842/12S69
26164	S69-29527			Trương Văn Tèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04843/12S69
26165	S69-29528			Nguyễn Trung Thành	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04844/12S69
26166	S69-29529			Nguyễn Tuấn Kiệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04845/12S69
26167	S69-29530			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04846/12S69
26168	S69-29531			Huỳnh Hiếu Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04847/12S69
26169	S69-29532			Mai Quốc Tien	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/09/2012	18/09/2013	04872/12S69
26170	S69-29533			Huỳnh Chí Tâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/09/2012	18/09/2013	04873/12S69
26171	S69-29534	CM-23416		Đỗ Ngọc Điện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/08/2013	20/08/2014	03961/13S69
26172	S69-29535			Tạ Văn Gết	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	18/09/2012	18/09/2013	04875/12S69
26173	S69-29536			Trần Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/09/2012	18/09/2013	04876/12S69
26174	S69-29537			Trần Việt Bắc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	18/09/2012	18/09/2013	04877/12S69
26175	S69-29538			Chi Cục Thuế Huyện Ngọc Hiển	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	18/09/2012	18/09/2013	04878/12S69
26176	S69-29539			Nguyễn Ngọc Hào	Khóm 3, TT U Minh, Huyện U Minh	18/09/2012	18/09/2013	04884/12S69
26177	S69-29540	CM-23422		Nguyễn Văn Còn	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/08/2013	12/08/2014	03824/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26178	S69-29541	CM-23421		Nguyễn Minh Đua	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	19/08/2013	19/08/2014	03922/13S69
26179	S69-29542	CM-98173		Cty TNHH MTV Lê Phát	xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	09/09/2014	09/09/2015	02479/14S69
26180	S69-29543			Trần Văn Khanh	Hàng Vỉnh, Huyện Năm Căn	24/09/2012	24/09/2013	04898/12S69
26181	S69-29544			Bùi Hoàng Vĩ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/09/2012	24/09/2013	04899/12S69
26182	S69-29546			Hồ Hoàng Giới	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04902/12S69
26183	S69-29547			Nguyễn Hồng Phụng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04904/12S69
26184	S69-29548			Bùi Chí Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04903/12S69
26185	S69-29549			Nguyễn Văn Hóa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04905/12S69
26186	S69-29550			Lê Minh Toán	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04906/12S69
26187	S69-29551			Trần Chí Linh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04907/12S69
26188	S69-29552	CM-51954		Lê Văn Chính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00559/14S69
26189	S69-29553			Lê Văn Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04909/12S69
26190	S69-29554			Nguyễn Công Tạo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	22/09/2012	22/09/2013	04910/12S69
26191	S69-29555			Trần Ngọc Ôn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04911/12S69
26192	S69-29556			Đàm Văn Phong	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04912/12S69
26193	S69-29557			Nguyễn Văn Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04913/12S69
26194	S69-29558			Nguyễn Văn Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04914/12S69
26195	S69-29559			Nguyễn Chí Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/09/2012	22/09/2013	04915/12S69
26196	S69-29564			Lê Văn Cẩn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04952/12S69
26197	S69-29565	CM-61478		Phạm Công Danh	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2014	20/10/2015	02811/14S69
26198	S69-29566			Phạm Văn Phong	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04954/12S69
26199	S69-29567			Phạm Văn Răng	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04955/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26200	S69-29569	CM-61966		Huỳnh Chánh Thi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01349/14S69
26201	S69-29570			Liêu Ngọc Hường	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04958/12S69
26202	S69-29571			Tạ Tấn Vàng	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/09/2012	20/09/2013	04959/12S69
26203	S69-29574			Nguyễn Văn Quốc	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	04990/12S69
26204	S69-29575	CM-98215		Biện Thanh Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	26/01/2015	26/01/2016	00205/15S69
26205	S69-29576			Nguyễn Chí Thăng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	04992/12S69
26206	S69-29577			Nguyễn Văn Tim	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	04993/12S69
26207	S69-29578			Trần Văn Đoạn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	04994/12S69
26208	S69-29580			Lê Chí Nguyễn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	04996/12S69
26209	S69-29581			Lê Văn Tình	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	04997/12S69
26210	S69-29583	CM: 98209		Nguyễn Văn Bo	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/11/2013	16/11/2014	05812/13S69
26211	S69-29584			Võ Văn Lương	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	05000/12S69
26212	S69-29585			Huỳnh Văn Tình	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	05001/12S69
26213	S69-29586			Nguyễn Chi Lăng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	05002/12S69
26214	S69-29587			Lưu Văn Ngoan	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	05003/12S69
26215	S69-29588			Nguyễn út Em	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	05004/12S69
26216	S69-29589			Nguyễn Việt Khái	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	23/09/2012	23/09/2013	05005/12S69
26217	S69-29590			Võ Hoàng Vải	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05006/12S69
26218	S69-29591			Lâm Huệ Thông	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05007/12S69
26219	S69-29592			Trần Quốc Bé	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05008/12S69
26220	S69-29593			Huỳnh Văn Tí	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05009/12S69
26221	S69-29594			Trần Văn Tèo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05010/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26222	S69-29595			Lý Nguyên Vũ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05011/12S69
26223	S69-29596			Nguyễn Văn Dương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05012/12S69
26224	S69-29597			Nguyễn Văn Truyền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05013/12S69
26225	S69-29598			Phan Văn Vui	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05014/12S69
26226	S69-29599			Huỳnh Việt Bắc	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05015/12S69
26227	S69-29600			Lê Văn út	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05016/12S69
26228	S69-29601			Huỳnh Văn Minh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05017/12S69
26229	S69-29602			Diệp Diệu Hiền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05018/12S69
26230	S69-29603			Võ Hồng Lâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05019/12S69
26231	S69-29604			Châu Văn Kiếm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05020/12S69
26232	S69-29605			Châu Dũng Lâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05021/12S69
26233	S69-29606			Nguyễn Thanh Tâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05022/12S69
26234	S69-29607			Trần Văn Cương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05023/12S69
26235	S69-29608			Nguyễn Trọng Trắng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05024/12S69
26236	S69-29609			Lê Quốc Việt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05025/12S69
26237	S69-29610			Trần Văn Bảy	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05026/12S69
26238	S69-29611			Nguyễn Hoàng Ân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05027/12S69
26239	S69-29612			Trần Văn Đương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05028/12S69
26240	S69-29613			Trần Văn Vũ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05029/12S69
26241	S69-29614			Trần Văn ản	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05030/12S69
26242	S69-29615			Võ Văn Nhựt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05031/12S69
26243	S69-29616			Trần Trung Hoa	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05032/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26244	S69-29617			Bùi Thanh Lũy	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05033/12S69
26245	S69-29618			Lê Trung Thành	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05034/12S69
26246	S69-29619			Đoàn Chi Lăng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05035/12S69
26247	S69-29620			Huỳnh Minh Sang	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05036/12S69
26248	S69-29621			Đặng Văn Ngưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05037/12S69
26249	S69-29622			Phạm Ngọc Giàu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05038/12S69
26250	S69-29623	CM-44004		Trần Văn Tạm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03883/13S69
26251	S69-29624			Tổng Văn Kịch	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05040/12S69
26252	S69-29625			Võ Việt Khái	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05041/12S69
26253	S69-29626			Bùi Văn Thái	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05042/12S69
26254	S69-29627			Đặng Văn Côi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05043/12S69
26255	S69-29628			Dương Văn Lên	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05044/12S69
26256	S69-29629			Phan Văn Sèn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05045/12S69
26257	S69-29630			Nguyễn Minh Hân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05046/12S69
26258	S69-29631			Phạm Tấn Cường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05047/12S69
26259	S69-29632			Lê Trường Thắng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05048/12S69
26260	S69-29633			Nguyễn Văn Xiểu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05049/12S69
26261	S69-29634			Phạm Văn Mùa	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05050/12S69
26262	S69-29635			Lê Hoàng Dũng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05051/12S69
26263	S69-29636			Phạm Văn Liêu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05052/12S69
26264	S69-29637			Lê Văn Giao	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05053/12S69
26265	S69-29638			Phạm Hoàng Khéo	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05054/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26266	S69-29639			Phạm Hoàng Khương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05055/12S69
26267	S69-29640			Huỳnh Văn Bút	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05056/12S69
26268	S69-29641			Phan Văn Hưng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05057/12S69
26269	S69-29642			Hồ Kha Ly	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05058/12S69
26270	S69-29643			Nguyễn Văn Tý	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05059/12S69
26271	S69-29644			Nguyễn Văn Dũng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05060/12S69
26272	S69-29645			Từ Văn Suối	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05061/12S69
26273	S69-29646	CM-44028		Phan Văn Đoàn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2015	12/01/2016	00056/15S69
26274	S69-29648			Võ Văn Hải	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05064/12S69
26275	S69-29649	CM-44032		Nguyễn Văn Thái	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/12/2013	25/12/2014	06375/13S69
26276	S69-29650	CM-44031		Lý Minh Nhứt	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/06/2014	23/06/2015	01652/14S69
26277	S69-29651			Võ Văn Xâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05067/12S69
26278	S69-29652			Nguyễn Hoàng Phương	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05068/12S69
26279	S69-29653			Ngô Tấn Phong	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05069/12S69
26280	S69-29654			Trần Thanh Mừng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05070/12S69
26281	S69-29655			Trần Văn Mìl	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05071/12S69
26282	S69-29656			Nguyễn Quang Vinh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05072/12S69
26283	S69-29657			Lê Quốc Khải	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05073/12S69
26284	S69-29658			Nguyễn Văn Để	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05074/12S69
26285	S69-29659			Nguyễn Việt Khái	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05075/12S69
26286	S69-29660			Đặng Thị Tạng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05076/12S69
26287	S69-29661			Cao Văn Giàu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05077/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26288	S69-29662			Lâm Thị Phương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05078/12S69
26289	S69-29663			Lê Văn Có	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05079/12S69
26290	S69-29664			Châu Thanh Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	21/09/2012	21/09/2013	05080/12S69
26291	S69-29665			Danh Thanh Vũ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/09/2012	25/09/2013	05096/12S69
26292	S69-29666			Võ Văn Hiệp	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/09/2012	25/09/2013	05097/12S69
26293	S69-29667			Trần Quốc Nam	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/09/2012	25/09/2013	05098/12S69
26294	S69-29668			Mai Văn Tuấn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/09/2012	25/09/2013	05099/12S69
26295	S69-29670			Võ Văn Chương	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05101/12S69
26296	S69-29671			Nguyễn Việt Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Đầm Dơi	24/09/2012	24/09/2013	05102/12S69
26297	S69-29672	CM-66833		Võ Thanh Bình	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05566/13S69
26298	S69-29673			Tổng Văn Thêm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05104/12S69
26299	S69-29674	CM-66831		Nguyễn Văn Mát	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00310/14S69
26300	S69-29675			Thái Trọng Thuỷ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05106/12S69
26301	S69-29676	CM-66829		Hồ Minh Thành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05457/13S69
26302	S69-29677			Lê Minh Hoàng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2012	24/09/2013	05108/12S69
26303	S69-29678			Trà Việt Quang	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2013	16/09/2014	04393/13S69
26304	S69-29679			Lê Thị Phụng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	25/09/2012	25/09/2013	05127/12S69
26305	S69-29681			Trương Thạch Sơn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	11/01/2013	11/01/2014	00406/13S69
26306	S69-29682			Phan Thanh Nguyên	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	27/09/2012	27/09/2014	05136/12S69
26307	S69-29683			Bùi Thanh Phúc	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/09/2012	26/09/2013	05137/12S69
26308	S69-29684			Đặng Văn Quấn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/09/2012	26/09/2013	05138/12S69
26309	S69-29685			Lê Minh Hiếu	, Huyện Cái Nước	26/09/2012	26/09/2013	05139/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26310	S69-29686			Đặng Văn Rành	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/09/2012	26/09/2013	05140/12S69
26311	S69-29687			Võ Văn Lắm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/09/2012	26/09/2013	05141/12S69
26312	S69-29688	CM-44047		Võ Bé Năm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	23/07/2014	23/07/2015	01979/14S69
26313	S69-29689			Đoàn Văn Kiệt	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	26/09/2012	26/09/2013	05143/12S69
26314	S69-29690			Dương Văn Dũ	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05154/12S69
26315	S69-29691			Võ Văn Lực	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05155/12S69
26316	S69-29692			Nguyễn Văn Thơ	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05156/12S69
26317	S69-29693			Huỳnh Phương Đông	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05157/12S69
26318	S69-29694			Mai Văn Đặng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05158/12S69
26319	S69-29695			Võ Trọng Hiếu	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05159/12S69
26320	S69-29696			Lâm Văn Yên	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05160/12S69
26321	S69-29697			Nguyễn Văn Sơn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05161/12S69
26322	S69-29698			Nguyễn Minh Mến	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05162/12S69
26323	S69-29699			Nguyễn Văn Nhuận	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05163/12S69
26324	S69-29700			Trần Thị Ngẩn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05164/12S69
26325	S69-29701			Trần Thị Ngẩn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	24/09/2012	24/09/2013	05165/12S69
26326	S69-29702			Phạm Thị Thại	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05166/12S69
26327	S69-29703	CM-51965		Nguyễn Văn Thừa	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00542/14S69
26328	S69-29704			Phạm Văn Bồ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05168/12S69
26329	S69-29705	CM- 51963		Võ Thanh Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05976/13S69
26330	S69-29706			Nguyễn Văn Lai	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05170/12S69
26331	S69-29707			Ngô Văn Đậu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05171/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26332	S69-29708			Phạm Văn Khanh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05172/12S69
26333	S69-29709	CM-23427		Võ Văn Tiềm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2013	20/09/2014	04470/13S69
26334	S69-29711			Bùi Thị Năm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	01/10/2012	01/10/2013	05201/12S69
26335	S69-29713			Trần Văn Cảnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/09/2012	28/09/2013	05198/12S69
26336	S69-29714			Huỳnh Văn Hạng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	01/10/2012	01/10/2013	05206/12S69
26337	S69-29715	CM-98180		Trương Ngọc Sương	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	13/05/2013	13/11/2013	02526/13S69
26338	S69-29716			Lý Minh Kha	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	02/10/2012	02/10/2013	05213/12S69
26339	S69-29717			Hồng Minh Ba	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	02/10/2012	02/10/2013	05214/12S69
26340	S69-29718			Lý Đình Syl	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	02/10/2012	02/10/2013	05215/12S69
26341	S69-29719			Đinh Văn Nhứt	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	02/10/2012	02/10/2013	05216/12S69
26342	S69-29720			Tô Minh Tuấn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	02/10/2012	02/10/2013	05217/12S69
26343	S69-29721			Nguyễn Hoàng Oanh	xã Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	02/10/2012	02/10/2013	05211/12S69
26344	S69-29722			Trần Ngọc Duy	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	03/10/2012	03/10/2013	05225/12S69
26345	S69-29723			Tạ Minh Quân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	03/10/2012	03/10/2013	05227/12S69
26346	S69-29724	CM-98188		Cô Hữu Trọng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/11/2013	20/11/2014	05837/13S69
26347	S69-29725			Bạch Văn Bắc	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/10/2012	05/10/2013	05238/12S69
26348	S69-29727			Châu Văn Mười	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04521/13S69
26349	S69-29728	CM-98190		La Văn Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/11/2013	05/11/2014	05681/13S69
26350	S69-29729	CM-98191		La Văn Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/11/2013	05/11/2014	05682/13S69
26351	S69-29730			Hồ Văn Toàn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	05/10/2012	05/10/2013	05243/12S69
26352	S69-29731			Lê Minh Phụng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	05/10/2012	05/10/2013	05244/12S69
26353	S69-29732			Nguyễn Thành Mến	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	04/10/2012	04/10/2013	05247/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26354	S69-29734			Huỳnh Thanh Danh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05260/12S69
26355	S69-29735			Hồ Minh Thắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05261/12S69
26356	S69-29736			UBND xã Tân Đức	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05262/12S69
26357	S69-29737			Đào Văn Chơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05263/12S69
26358	S69-29738			Lâm Văn Thêm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05264/12S69
26359	S69-29739	CM-51975		Nguyễn Văn Do	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00531/14S69
26360	S69-29740			Lâm Văn Phấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05266/12S69
26361	S69-29741			Nguyễn Việt Sử	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05267/12S69
26362	S69-29743			Ngô Tấn Tại	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05269/12S69
26363	S69-29744			Trần Thanh Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05270/12S69
26364	S69-29745	CM-51969		Phạm Thị Hồng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03557/14S69
26365	S69-29746			Trần Trọng Thủy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05272/12S69
26366	S69-29747	CM-51967		Trần Văn Tim	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06515/13S69
26367	S69-29748			Nguyễn Bé Hiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05274/12S69
26368	S69-29749			Nguyễn Văn Hưng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05617/13S69
26369	S69-29750			Nguyễn Việt Quốc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05276/12S69
26370	S69-29751			Đoàn Thanh Sơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05277/12S69
26371	S69-29752			Phạm Hồng Thắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05278/12S69
26372	S69-29753			Hồ Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05279/12S69
26373	S69-29754	CM-51986		Nguyễn Tấn Bạc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02860/14S69
26374	S69-29755			Quách Thanh Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05281/12S69
26375	S69-29756			Phạm Văn Chấy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05282/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26376	S69-29757			Nguyễn Phương Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05283/12S69
26377	S69-29758			Nguyễn An Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05284/12S69
26378	S69-29759	CM- 51991		Dương Chí Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06429/13S69
26379	S69-29760	CM-51992		Hứa Hoàng Hứa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03155/14S69
26380	S69-29761			Lâm Thanh Sang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05287/12S69
26381	S69-29762			Nguyễn Thanh Lâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05288/12S69
26382	S69-29763			Phạm Hồng Dô	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05289/12S69
26383	S69-29764	CM-51996		Trần Hận Em	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05631/13S69
26384	S69-29765			Võ Văn Cường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05291/12S69
26385	S69-29766	CM-72421		Nguyễn Văn Tỵ	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	25/11/2013	25/11/2014	05897/13S69
26386	S69-29769	CM- 98195		Lê Trọng Hữu	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2014	10/12/2015	03282/14S69
26387	S69-29770			Nguyễn Bá Tùng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	09/10/2012	09/10/2013	05333/12S69
26388	S69-29771	CM-90716		Nguyễn Hoàng Minh	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00083/14S69
26389	S69-29772	CM-90714		Nguyễn Việt Lâm	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2014	10/08/2015	02150/14S69
26390	S69-29773			Nguyễn Văn Đo	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2012	09/10/2013	05341/12S69
26391	S69-29774			Huỳnh Tấn Lực	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/10/2012	10/10/2013	05348/12S69
26392	S69-29775			Phạm Văn Trường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05349/12S69
26393	S69-29776			Trần Minh Tiệp	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05350/12S69
26394	S69-29777			Lê Văn Kê	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05351/12S69
26395	S69-29778	CM-23448		Phạm Văn Thêm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03448/13S69
26396	S69-29779			Quách Văn Chánh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05353/12S69
26397	S69-29780			Du Tô Nố	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05354/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26398	S69-29781			Nguyễn Thanh Trúc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05355/12S69
26399	S69-29782			Nguyễn Thái Nguyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05356/12S69
26400	S69-29783			Tô Thị Loan	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2012	06/10/2013	05357/12S69
26401	S69-29784	CM-66840		Lương Xuân Thao	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	28/11/2013	28/11/2014	05927/13S69
26402	S69-29787			Hứa Văn Khởi	TT.Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2012	10/10/2013	05376/12S69
26403	S69-29788			Nguyễn Chí Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	11/10/2012	11/10/2013	05379/12S69
26404	S69-29789			Ngô Minh Triết	KV2 TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05388/12S69
26405	S69-29790			Nguyễn Hồng Trung	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05389/12S69
26406	S69-29791			Trần Anh Quốc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05390/12S69
26407	S69-29793			Trần Văn Thuận	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05392/12S69
26408	S69-29794			Trần Văn Rụy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05393/12S69
26409	S69-29795			Trần Quốc Mạnh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05394/12S69
26410	S69-29796			Bùi Minh Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05395/12S69
26411	S69-29797			Huỳnh Văn Tánh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05396/12S69
26412	S69-29798			Nguyễn Văn Quới	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05397/12S69
26413	S69-29799			Bùi Kim Ngọc	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05398/12S69
26414	S69-29800			Tàu Văn To	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05399/12S69
26415	S69-29801			Tô Minh Chạy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05400/12S69
26416	S69-29802	CM-61982		Trần Văn Nam	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2014	20/07/2015	01948/14S69
26417	S69-29803			Huỳnh Tương Lai	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05418/12S69
26418	S69-29804			Huỳnh Hải Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05419/12S69
26419	S69-29805			Huỳnh Hải Triều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05420/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26420	S69-29806			Lý Văn Lẹ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05421/12S69
26421	S69-29807			Nguyễn Văn Quý	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05422/12S69
26422	S69-29808			Huỳnh Văn Tùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05423/12S69
26423	S69-29809			Phạm Văn Đen	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05424/12S69
26424	S69-29810			Ngô Văn Thống	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05425/12S69
26425	S69-29812			Huỳnh Thanh Đạm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05427/12S69
26426	S69-29813			Tạ Văn Nguyễn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05428/12S69
26427	S69-29814			Tạ Văn Trinh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05429/12S69
26428	S69-29815			Ấu Văn Sơn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05430/12S69
26429	S69-29816			Hồ Thanh Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05431/12S69
26430	S69-29817			Trần Văn Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05432/12S69
26431	S69-29818			Nguyễn Trí Tạo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05433/12S69
26432	S69-29819			Danh Dư	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05434/12S69
26433	S69-29820			Nguyễn Văn Lợi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05435/12S69
26434	S69-29821			Bùi Thanh Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05436/12S69
26435	S69-29822			Tăng Thị Phụng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05437/12S69
26436	S69-29823			Trịnh Văn Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05438/12S69
26437	S69-29824			Nguyễn Việt Khái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05439/12S69
26438	S69-29825			Trần Kỳ Nam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05440/12S69
26439	S69-29826			Lê Quốc Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05441/12S69
26440	S69-29827			Thái Văn Minh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05442/12S69
26441	S69-29828			Tiêu Thanh Nhân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05443/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26442	S69-29829			Ngô Tuấn Kiệt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05444/12S69
26443	S69-29830			Lưu Hoàng Bảy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05445/12S69
26444	S69-29831			Nguyễn Tấn Hạnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05446/12S69
26445	S69-29832			Nguyễn Văn Lễn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05447/12S69
26446	S69-29833			Lê Văn Đen	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05448/12S69
26447	S69-29834			Ngô Thanh Sang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05449/12S69
26448	S69-29835			Huỳnh Văn Mến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05450/12S69
26449	S69-29836			Lý Văn Lâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05451/12S69
26450	S69-29837			Võ Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05452/12S69
26451	S69-29838			Ngô Hoàng Lộc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/10/2012	14/10/2013	05453/12S69
26452	S69-29839			Huỳnh Văn Đêm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/10/2013	05461/12S69
26453	S69-29841			Huỳnh Văn Ngày	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/10/2013	05463/12S69
26454	S69-29842			Trần Văn Hưng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/10/2013	05464/12S69
26455	S69-29844	CM-98220		Bùi Như ý	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01346/14S69
26456	S69-29845			Kiều Văn Nơi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	15/10/2012	15/10/2013	05477/12S69
26457	S69-29846			Võ Văn Chanh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05479/12S69
26458	S69-29847			Kiều Văn Nghĩa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/10/2012	12/10/2013	05480/12S69
26459	S69-29850			Phạm Văn Phấn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/10/2012	12/10/2013	05488/12S69
26460	S69-29851	CM-72415		Bùi Văn Thắng	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/02/2014	16/02/2015	00415/14S69
26461	S69-29852			Hồng Phúc Giang	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/10/2012	16/10/2013	05492/12S69
26462	S69-29855	CM-72412		Lâm Văn Phát	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/12/2014	16/12/2015	03346/14S69
26463	S69-29856	CM 72413		Lâm Văn Lên	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/11/2014	16/11/2015	02992/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26464	S69-29857	CM-72416		Nguyễn Văn Tình	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00189/14S69
26465	S69-29858			Phạm Văn Trường	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/10/2012	16/10/2013	05498/12S69
26466	S69-29860	CM-98225		Nguyễn Văn Nhã	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	02/07/2015	02/07/2016	01222/15S69
26467	S69-29861			Nguyễn Việt Chiêu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/10/2012	17/10/2013	05515/12S69
26468	S69-29862			Thạch Hoàng Trắc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	17/10/2012	17/10/2013	05516/12S69
26469	S69-29863			Thạch Hoàng Trắc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	17/10/2012	17/10/2013	05517/12S69
26470	S69-29864	CM-98223		Trần Văn Tềng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	30/10/2014	30/10/2015	02853/14S69
26471	S69-29865	CM-98227		Hồ Thanh Danh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	21/05/2013	21/11/2013	02603/13S69
26472	S69-29866			Cao Tài Lợi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	19/10/2012	19/10/2013	05527/12S69
26473	S69-29867	CM-98226		Lương Văn Trường	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/01/2015	28/01/2016	00221/15S69
26474	S69-29868			Lê Văn Nông	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05541/12S69
26475	S69-29871			Lê Ngọc ấ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2012	20/10/2013	05544/12S69
26476	S69-29872	CM-61984		Nguyễn Văn Nhiệm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01330/14S69
26477	S69-29873	CM98232		Huỳnh Văn Ngon	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2013	26/12/2014	06389/13S69
26478	S69-29875			Lâm Huỳnh My	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05567/12S69
26479	S69-29876	CM-52035		Huỳnh Văn Việt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	20/05/2014	20/05/2015	01337/14S69
26480	S69-29877			Lê Phước Điền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05569/12S69
26481	S69-29878			Quảng Chánh Lộc	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05570/12S69
26482	S69-29880			Trần Văn Hùng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05572/12S69
26483	S69-29881			Trần Nghĩa Hòa	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05573/12S69
26484	S69-29882			Nguyễn Văn Tới	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05574/12S69
26485	S69-29883			Hoàng Anh Thêm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/10/2012	22/10/2013	05575/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26486	S69-29885	CM-23499		Mai Hoàng Khoa	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	10/01/2014	10/01/2015	00075/14S69
26487	S69-29886			Hà Thị minh Huệ	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	24/10/2012	24/10/2013	05584/12S69
26488	S69-29888			Lê Văn Cảnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05591/12S69
26489	S69-29889			Nguyễn Thái Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05592/12S69
26490	S69-29890			Phan Công Trường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05593/12S69
26491	S69-29892			Lê Chí Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05595/12S69
26492	S69-29893			Tạ Hoàng Phong	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05596/12S69
26493	S69-29894			Bùi Quốc Trọng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05597/12S69
26494	S69-29895			Tân Xuân Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05458/13S69
26495	S69-29896			Diệp Thanh Đó Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05599/12S69
26496	S69-29897			Phan Anh Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05600/12S69
26497	S69-29898	CM-66851		Nguyễn Chí Nguyên	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2014	24/03/2015	00768/14S69
26498	S69-29899			Phạm Hoàng Khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05602/12S69
26499	S69-29900	CM-66849		Phan Minh Thông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05311/13S69
26500	S69-29901			Huỳnh Văn Linh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05604/12S69
26501	S69-29902	CM-66847		Hồ Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2014	24/11/2015	03075/14S69
26502	S69-29904			Ngô Hoàng Hân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2012	24/10/2013	05607/12S69
26503	S69-29906	CM-66844		Đỗ Thu Sương	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01696/14S69
26504	S69-29908			Hồ Văn Chương	xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	24/10/2012	24/10/2013	05637/12S69
26505	S69-29909			Lê Thanh Hùng	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/10/2012	21/10/2013	05638/12S69
26506	S69-29910			Lê Phước Hóa	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	26/10/2012	26/10/2013	05644/12S69
26507	S69-29911			Nguyễn Trọng Trí	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	26/10/2012	26/10/2013	05645/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26508	S69-29912			Trần Văn Lĩnh	Hung Mỹ, Huyện Cái Nước	26/10/2012	26/10/2013	05646/12S69
26509	S69-29913	CM-44062		Nguyễn Văn Thận	Đông Thới, Huyện Cái Nước	25/12/2014	25/06/2015	03487/14S69
26510	S69-29914			Đồng Xuân Cường	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05651/12S69
26511	S69-29915			Nguyễn Ngọc Diệp	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05652/12S69
26512	S69-29916			Ngô Văn Dương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05653/12S69
26513	S69-29917	CM-52054		Lâm Văn Đoàn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00248/15S69
26514	S69-29918			Phan Văn Lạc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05655/12S69
26515	S69-29919	CM-52052		Phạm Văn Hồng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02862/14S69
26516	S69-29921	CM-52050		Đổng Văn Chính	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06500/13S69
26517	S69-29922			Huỳnh Văn Tuấn	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05659/12S69
26518	S69-29923	CM-52049		Nguyễn Văn Quyết	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03163/14S69
26519	S69-29924	CM- 52048		Trần Văn Việt	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05988/13S69
26520	S69-29925			Từ Chí Gợi	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05662/12S69
26521	S69-29926			Trương Hoàng Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05663/12S69
26522	S69-29927	CM- 52045		Nguyễn Văn Đẹp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06013/13S69
26523	S69-29928			Vui Hoàng Nam	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05665/12S69
26524	S69-29929			Vưu Khải Đoàn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05666/12S69
26525	S69-29931			Phan Văn Nên	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05668/12S69
26526	S69-29933	CM-98231		Lê Minh Thương	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01750/14S69
26527	S69-29934	CM-98231		Lê Minh Thương	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01749/14S69
26528	S69-29936			Đồng Hoàng Hôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/10/2012	29/10/2013	05732/12S69
26529	S69-29937			Nguyễn Văn Đen	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	29/10/2012	29/10/2013	05733/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26530	S69-29939			Trần Minh Phụng	Xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	29/10/2012	29/10/2013	05735/12S69
26531	S69-29940			Trần Văn Dương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/10/2012	29/10/2013	05738/12S69
26532	S69-29941			Nguyễn Văn Vạn	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	29/10/2012	29/10/2013	05739/12S69
26533	S69-29942			Trần Văn Quang	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	29/10/2012	29/10/2013	05740/12S69
26534	S69-29944			Nguyễn Thành Lập	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	31/10/2012	31/10/2013	05744/12S69
26535	S69-29945	CM-23572		Võ Hồng Viễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04092/13S69
26536	S69-29947			Nguyễn Thành Tâm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05747/12S69
26537	S69-29948	CM-98261		Phạm Thế Hùng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04093/13S69
26538	S69-29949			Nguyễn Quốc Việt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05749/12S69
26539	S69-29950			Nguyễn Chí Nguyên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05750/12S69
26540	S69-29951	CM-98264		Phan Minh Đông	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/06/2014	28/06/2015	01753/14S69
26541	S69-29952	CM-09265		Nguyễn Quốc Phương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02369/14S69
26542	S69-29953	CM-98266		Lâm Văn Miên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04094/13S69
26543	S69-29954	CM-98268		Nguyễn Văn Lãnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02376/14S69
26544	S69-29956			Đỗ Văn Thủ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05756/12S69
26545	S69-29957			Võ Thanh Nhân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05757/12S69
26546	S69-29958	CM-98270		Đỗ Văn Sơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02380/14S69
26547	S69-29959			Võ Hoàng Đảm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05759/12S69
26548	S69-29960			Ngô Văn Mịn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05760/12S69
26549	S69-29961			Đoàn Văn Miếm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	31/10/2012	30/10/2013	05761/12S69
26550	S69-29962			Võ Văn Năm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05762/12S69
26551	S69-29963			Nguyễn Anh Vũ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05763/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26552	S69-29964	CM-98255		Nguyễn Quốc Nhã	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02392/14S69
26553	S69-29966			Trần Thạch Lợi	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05766/12S69
26554	S69-29967			Hứa Vũ Nguyên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05767/12S69
26555	S69-29968			Ngô Văn Hiểu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05768/12S69
26556	S69-29969			Huỳnh Thị Năm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05769/12S69
26557	S69-29970			Lê Tấn Bảo	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05770/12S69
26558	S69-29971			Nguyễn Văn Bằng	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05771/12S69
26559	S69-29972			Võ Văn Sáu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05772/12S69
26560	S69-29973			Nguyễn Trung Hiếu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/10/2012	30/10/2013	05773/12S69
26561	S69-29974			Phan Văn Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05807/12S69
26562	S69-29977			Công Ty TNHH Giàu	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	02/11/2012	02/11/2013	05816/12S69
26563	S69-29979	CM-98242		Hồ Văn Tài	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	12/11/2013	12/11/2014	05750/13S69
26564	S69-29982	CM-23481		Phạm Văn An	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04381/13S69
26565	S69-29985	CM-98243		Trần Như Ngọc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00568/14S69
26566	S69-29986			Bùi Thanh Được	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05838/12S69
26567	S69-29987			Nguyễn Văn Sơn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05839/12S69
26568	S69-29988			Huỳnh Văn Thuận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05840/12S69
26569	S69-29989			Huỳnh Văn Tịnh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05841/12S69
26570	S69-29990			Dương Công Danh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05842/12S69
26571	S69-29991	CM-52059		Nguyễn Hoàng Để	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06573/13S69
26572	S69-29992			Trịnh Văn Chiếm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05844/12S69
26573	S69-29993			Huỳnh Thanh Mộng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05845/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26574	S69-29994			Liêu Văn Lên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05846/12S69
26575	S69-29995			Phạm Văn Thắng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05847/12S69
26576	S69-29996			Diệp Minh Cảnh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05848/12S69
26577	S69-29997			Lê Bình Đới	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05849/12S69
26578	S69-29998			Lê Văn Kịch	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05850/12S69
26579	S69-29999			Lê Hoàng Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05851/12S69
26580	S69-30000			Trương Minh Cẩm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05852/12S69
26581	S69-30001			Huỳnh Chí Hiếu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05853/12S69
26582	S69-30002			Liêu Hoàng Liêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05854/12S69
26583	S69-30003			Nguyễn Phú Liêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05855/12S69
26584	S69-30004			Liêu Văn Dây	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05856/12S69
26585	S69-30005			Ngô Tiến Hành	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05857/12S69
26586	S69-30006			Trần Minh Đương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05858/12S69
26587	S69-30007			Châu Thanh Thùy	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05859/12S69
26588	S69-30008			Lê Văn Duyên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05860/12S69
26589	S69-30009			Trần Thị Thanh Hiền	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05861/12S69
26590	S69-30010			Dương Văn Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05862/12S69
26591	S69-30011	CM-52136		Phạm Văn Thêm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06581/13S69
26592	S69-30012	CM-52137		Võ Văn Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06513/13S69
26593	S69-30013	CM-52138		Nguyễn Minh Đương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06578/13S69
26594	S69-30014			Võ Thị Tiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05866/12S69
26595	S69-30015			Liêu Thanh Trúc	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05867/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26596	S69-30016			Ngô Bá Thành	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05868/12S69
26597	S69-30017	CM-52141		Phan Văn Dừa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06559/13S69
26598	S69-30018			Nguyễn Văn Phụng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05870/12S69
26599	S69-30019			Lê Văn ý	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05871/12S69
26600	S69-30020			Võ Thanh Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00236/15S69
26601	S69-30021			Phạm Văn Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05873/12S69
26602	S69-30022			Lê Văn Hiền	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05874/12S69
26603	S69-30023			Trần Khải Hoàng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05875/12S69
26604	S69-30025			Phạm Công Sơn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05877/12S69
26605	S69-30026			Lâm Văn Tâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05878/12S69
26606	S69-30027			Lâm Mỹ Nhân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05879/12S69
26607	S69-30028			Tạ Văn Toàn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05880/12S69
26608	S69-30029			Nguyễn Hoàng Việt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05881/12S69
26609	S69-30030			Nguyễn Thanh Hà	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05882/12S69
26610	S69-30031			Trần Hoàng Mai	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05883/12S69
26611	S69-30032			Trương Minh Tèo	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05884/12S69
26612	S69-30033			Nguyễn Văn Tiến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05885/12S69
26613	S69-30034			Trần Thanh Quyền	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05886/12S69
26614	S69-30035			Trương Thanh út	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05887/12S69
26615	S69-30036			Liêu Hoài Thiện	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05888/12S69
26616	S69-30037			Nguyễn Văn én	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05889/12S69
26617	S69-30038			Lương Văn Tập	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05890/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26618	S69-30039	CM-52164		Nguyễn Văn Lèo	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01745/14S69
26619	S69-30040			Mai Trường Giang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05892/12S69
26620	S69-30041			Dương Ngọc Giàu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05893/12S69
26621	S69-30042			Thang Công Ân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05894/12S69
26622	S69-30043			Nguyễn Ngọc Ân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05895/12S69
26623	S69-30044			Lê Văn Nhung	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05896/12S69
26624	S69-30045			Nguyễn Văn Chúa	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05897/12S69
26625	S69-30046			Mai Văn Lưỡng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05898/12S69
26626	S69-30047			Trương Văn Gần	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05899/12S69
26627	S69-30048	CM-52173		Nguyễn Văn Tiếp	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06565/13S69
26628	S69-30049			Lê Văn Phúc	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05901/12S69
26629	S69-30050			Lê Thị Lượm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05902/12S69
26630	S69-30051			Trần Thanh Nhân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05903/12S69
26631	S69-30052			Mai Văn Thoại	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05904/12S69
26632	S69-30053	CM-52178		Nguyễn Chí Nhiệm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01757/14S69
26633	S69-30054			Ngô Văn Xinh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05906/12S69
26634	S69-30055			Trần Quốc Mến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05907/12S69
26635	S69-30056			Ngô Văn Nam	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05908/12S69
26636	S69-30057			Nguyễn Chí Công	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05909/12S69
26637	S69-30058			Huỳnh Văn Tường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05910/12S69
26638	S69-30059			Mai Văn Chinh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05911/12S69
26639	S69-30060			Trần Chiến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05912/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26640	S69-30061			Lê Hoàng Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05913/12S69
26641	S69-30062			Trần Hoàng Thảo	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05914/12S69
26642	S69-30063			Trương Tấn Nông	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05917/12S69
26643	S69-30064			Trần Văn Thành	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05916/12S69
26644	S69-30066			Hồ Quang Phú	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	05/11/2012	05/11/2013	05918/12S69
26645	S69-30067			Lê Hoàng ý	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05919/12S69
26646	S69-30068			Liêu Văn Bò	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05920/12S69
26647	S69-30069	CM-52192		Hồ Chí Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05995/13S69
26648	S69-30070	CM- 52193		Nguyễn Văn Đèo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05985/13S69
26649	S69-30071			Nguyễn Minh út	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05923/12S69
26650	S69-30072	CM- 52195		Nguyễn Trường Ka	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05991/13S69
26651	S69-30073			Trần Hoàng Thuận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05925/12S69
26652	S69-30074			Liêu Thanh Thảo	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05926/12S69
26653	S69-30075			Lê Hiếu Trung	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05927/12S69
26654	S69-30076			Nguyễn Phương Bình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05928/12S69
26655	S69-30077			Nguyễn Văn Dũng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05929/12S69
26656	S69-30078			Trương Minh Dũng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05930/12S69
26657	S69-30079			Lê Minh Còn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05931/12S69
26658	S69-30080			Huỳnh Văn Khanh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05932/12S69
26659	S69-30081			Lê Văn Tấn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05933/12S69
26660	S69-30082			Phạm Thu Vân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05934/12S69
26661	S69-30083			Ngô Thanh Phong	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05935/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26662	S69-30084			Phạm Trường Sơn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05936/12S69
26663	S69-30085			Hà Thanh Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05937/12S69
26664	S69-30086			Liêu Thành Thái	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	05/11/2013	05938/12S69
26665	S69-30087			Trần Quốc Thắng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05939/12S69
26666	S69-30088			Huỳnh Thanh Tú	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05940/12S69
26667	S69-30089			Trần Hữu Tâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05941/12S69
26668	S69-30090			Nguyễn Hoàng Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05942/12S69
26669	S69-30091			Huỳnh Văn Sở	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05943/12S69
26670	S69-30092			Huỳnh Văn Bé	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05944/12S69
26671	S69-30093			Đoàn Văn Chiến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05945/12S69
26672	S69-30094			Võ Hoàng Bông	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05946/12S69
26673	S69-30095			Huỳnh Văn Toàn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05947/12S69
26674	S69-30096			Liêu Văn Chức	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05948/12S69
26675	S69-30097			Nguyễn Văn Biên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05949/12S69
26676	S69-30098			Trần Hoàng Giang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05950/12S69
26677	S69-30099			Bạch Thanh Nghị	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05951/12S69
26678	S69-30100			Trương Tấn Công	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05952/12S69
26679	S69-30101			Lê Thu Qui	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05953/12S69
26680	S69-30102			Trần Vũ Trường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05954/12S69
26681	S69-30103			Liêu Văn Khởi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05955/12S69
26682	S69-30104			Lê Văn Công	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05956/12S69
26683	S69-30105			Diệp Văn Oai	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05957/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26684	S69-30106			Nguyễn Văn Dư	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05958/12S69
26685	S69-30107			Nguyễn Văn Sang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05959/12S69
26686	S69-30108			Nguyễn Thanh Lâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05960/12S69
26687	S69-30109			Phạm Chí Võ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05961/12S69
26688	S69-30110			Ngô Việt Mỹ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05962/12S69
26689	S69-30111			Trương Tấn Bửu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05963/12S69
26690	S69-30112			Nguyễn Văn Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05964/12S69
26691	S69-30113			Trần Văn Đình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05965/12S69
26692	S69-30114			Trần Quốc Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05966/12S69
26693	S69-30115			Đặng Thị Thủy	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05967/12S69
26694	S69-30116			Phạm Văn Lèo	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05968/12S69
26695	S69-30117			Trần Quốc Đương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05969/12S69
26696	S69-30118			Nguyễn Chí Linh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05970/12S69
26697	S69-30119			Hồ Văn Tại	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05971/12S69
26698	S69-30120			Nguyễn Văn Chấn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05972/12S69
26699	S69-30121	CM-52106		Nguyễn Văn Chính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06487/13S69
26700	S69-30122			Lý Ru Ty	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05974/12S69
26701	S69-30123			Lê Chí Lịnh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03160/14S69
26702	S69-30124	CM- 52109		Phạm Hoàng Sơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06423/13S69
26703	S69-30125			Bùi Văn út	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05977/12S69
26704	S69-30126			Nguyễn Hoàng Nghiệm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05978/12S69
26705	S69-30127			Lê Văn út	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05979/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26706	S69-30128			Nguyễn Hoàng Lăng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05980/12S69
26707	S69-30129			Nguyễn Hoàng Giang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05981/12S69
26708	S69-30130			Ngô Văn Cuội	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/11/2012	04/11/2013	05982/12S69
26709	S69-30131			Bạch Thanh Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05983/12S69
26710	S69-30132			Trương Chí Lượng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05984/12S69
26711	S69-30133	CM- 52117		Lý Hồng Quân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03518/14S69
26712	S69-30134			Võ Văn ở	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05986/12S69
26713	S69-30135			Mai Chí Ân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05987/12S69
26714	S69-30136			Bùi Thanh Duy	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05988/12S69
26715	S69-30137			Diệp Minh Đương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05989/12S69
26716	S69-30138			Nguyễn Văn Lăng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05990/12S69
26717	S69-30139			Nguyễn Văn Giới	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05991/12S69
26718	S69-30140			Kiều Lâm Sơn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05992/12S69
26719	S69-30141			Trịnh Hoàng Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05993/12S69
26720	S69-30142			Bùi Văn Xưa	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05994/12S69
26721	S69-30143			Nguyễn Thanh Tiên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05995/12S69
26722	S69-30144			Lê Thị Liêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05996/12S69
26723	S69-30145			Nguyễn Hoài Thanh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05997/12S69
26724	S69-30146			Phạm Thanh Sang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05998/12S69
26725	S69-30147			Phạm Thị Oanh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/11/2012	04/11/2013	05999/12S69
26726	S69-30148			Nguyễn Văn Ngoan	xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	20/11/2012	20/11/2013	06000/12S69
26727	S69-30149	CM-98241		Đặng Văn Sành	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	04/07/2014	04/07/2015	01816/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26728	S69-30150			Tô Phương Kha	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	05/11/2012	05/11/2013	06060/12S69
26729	S69-30152	CM-98245		Trần Văn Trí	Định Bình, Thành phố Cà Mau	04/12/2013	04/12/2014	06052/13S69
26730	S69-30153	CM-98345		Huỳnh Văn Ngân	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/06/2013	25/12/2013	03292/13S69
26731	S69-30154			Hồng Văn Dạn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	06/11/2012	06/11/2013	06078/12S69
26732	S69-30155			Trần Thanh Vũ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	06/11/2012	06/11/2013	06079/12S69
26733	S69-30156			Lâm Thiên Thu	Khánh Thuận, Huyện U Minh	06/11/2012	06/11/2013	06080/12S69
26734	S69-30157			Nguyễn Đình Thuận	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	07/11/2012	07/11/2013	06084/12S69
26735	S69-30158	CM-98275		Cao Văn Toàn	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	11/02/2014	11/02/2015	00389/14S69
26736	S69-30159			Lê Thị Hằng	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	07/11/2012	07/11/2013	06087/12S69
26737	S69-30161			Nguyễn Văn Tùng	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	07/11/2012	07/11/2013	06093/12S69
26738	S69-30163	CM-98284		Mạc Văn Cười	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	13/11/2014	13/11/2015	02963/14S69
26739	S69-30164			Ngô Quốc Toàn	Định Bình, Thành phố Cà Mau	13/11/2012	13/11/2013	06102/12S69
26740	S69-30165			Huỳnh Quốc Khỏe	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	13/11/2012	13/11/2013	06103/12S69
26741	S69-30166			Nguyễn Trường Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06107/12S69
26742	S69-30167			Trần Văn Ngoan	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06108/12S69
26743	S69-30168			Trần Thị Tơ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06109/12S69
26744	S69-30169			Nguyễn Hồng Ngoan	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06110/12S69
26745	S69-30170			Nguyễn Minh Tấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06111/12S69
26746	S69-30171			Dương Văn Thum	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06112/12S69
26747	S69-30172			Quách Hữu Tỷ	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06113/12S69
26748	S69-30173			Trần Văn Trọng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06114/12S69
26749	S69-30174			Diệp Văn Dương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06115/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26750	S69-30175			Đặng Đồng Khởi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06116/12S69
26751	S69-30176			Lê Nam Bắc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06117/12S69
26752	S69-30177	CM-52389		Nguyễn Văn Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00532/14S69
26753	S69-30178			Lê Hoàng Việt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06119/12S69
26754	S69-30179			Đặng Quốc Kính	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06120/12S69
26755	S69-30180			Nguyễn Minh Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06121/12S69
26756	S69-30181			Tô Phấn Đấu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06122/12S69
26757	S69-30182			Trần Văn Nhỏ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06123/12S69
26758	S69-30183			Nguyễn Hồng Diễm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06124/12S69
26759	S69-30184			Tô Thanh Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06125/12S69
26760	S69-30185			Lê Minh Dương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06126/12S69
26761	S69-30186			Quách Hồng Thắm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06127/12S69
26762	S69-30187			Huỳnh Chí Kiệt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06128/12S69
26763	S69-30188			Hồ Vũ Phương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06129/12S69
26764	S69-30189			Lê Tố Nương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06130/12S69
26765	S69-30190			Phạm Hoàng Giao	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06131/12S69
26766	S69-30191			Nguyễn Phong Ba	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06132/12S69
26767	S69-30192	CM-52262		Lữ Văn Tiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05996/13S69
26768	S69-30193			Ngô Minh Nghiệm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06134/12S69
26769	S69-30194			Võ Quốc Khánh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06135/12S69
26770	S69-30195			Nguyễn Văn Khả	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06136/12S69
26771	S69-30196			Nguyễn Nhật Trương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06137/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26772	S69-30197			Đặng Trường Giang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06138/12S69
26773	S69-30198			Nguyễn Minh Lý	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06139/12S69
26774	S69-30199			Huỳnh Văn Thôi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06140/12S69
26775	S69-30200			Lê Hoàng út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06141/12S69
26776	S69-30201			Phạm Văn Sáng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06142/12S69
26777	S69-30202			Nguyễn Vũ Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06143/12S69
26778	S69-30203	CM-52411		Võ Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00353/14S69
26779	S69-30204			Hứa Văn Quến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06145/12S69
26780	S69-30205	CM-52394		Nguyễn Văn Tuấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2015	28/03/2016	00586/15S69
26781	S69-30206			Đặng Hồng Thoa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06147/12S69
26782	S69-30207			Huỳnh Đạt Vinh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06148/12S69
26783	S69-30208			Nguyễn Hồng Thương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06149/12S69
26784	S69-30209			Trần Văn Lạng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06150/12S69
26785	S69-30210	CM-52397		Hồ Hoài Tân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01146/14S69
26786	S69-30211			Trương Văn Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06152/12S69
26787	S69-30212			Nguyễn Văn Thiện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06153/12S69
26788	S69-30213	CM-52258		Nguyễn Văn Tiền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03522/14S69
26789	S69-30214			Nguyễn Thanh Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06155/12S69
26790	S69-30215			Trần Bé Năm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06156/12S69
26791	S69-30216			Nguyễn Thị Lánh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06157/12S69
26792	S69-30217			Trần Văn Tý	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06158/12S69
26793	S69-30218			Lê Hoàng Vũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06159/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26794	S69-30219			Khối Dân Vận Xã Tạ An Khương Nam	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06160/12S69
26795	S69-30220			Lê Chí Hiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06161/12S69
26796	S69-30221			Trịnh Minh Hơ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06162/12S69
26797	S69-30222			Đình Hữu Thuận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06163/12S69
26798	S69-30223			Đào Thị Liễu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06164/12S69
26799	S69-30224			Nguyễn Thanh Trà	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06165/12S69
26800	S69-30225			Trần Văn Tấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06166/12S69
26801	S69-30226			Đình Hữu út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06167/12S69
26802	S69-30227			Trần Việt Hà	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06168/12S69
26803	S69-30228			Trần Thanh Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06169/12S69
26804	S69-30229			Tạ Hoàng Xanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06170/12S69
26805	S69-30230			Nguyễn Minh Tèo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06171/12S69
26806	S69-30231			Dương Văn Đua	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06172/12S69
26807	S69-30232			Nguyễn Văn Tám	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06173/12S69
26808	S69-30233			Bùi Vũ Lập	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06174/12S69
26809	S69-30234			Ngô Văn Xuân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06175/12S69
26810	S69-30235			Trương Hoàng Tú	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06176/12S69
26811	S69-30236	CM-52216		Lê Văn Thung	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01154/14S69
26812	S69-30237	CM-52232		Nguyễn Chí Tâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00814/14S69
26813	S69-30238			Trần Việt Bắc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06179/12S69
26814	S69-30239			Huỳnh Văn Thanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06180/12S69
26815	S69-30240			Nguyễn Trường Vũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06181/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26816	S69-30242			Nguyễn Văn Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06183/12S69
26817	S69-30243	CM-52227		Nguyễn Minh Dương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06472/13S69
26818	S69-30244			Đặng Trường Giang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06185/12S69
26819	S69-30245			Phạm Hoàng Khởi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06186/12S69
26820	S69-30246			Nguyễn Minh Dương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05606/13S69
26821	S69-30247			Võ Hoàng Lăng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06188/12S69
26822	S69-30248			Trần Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06189/12S69
26823	S69-30249	CM- 52242		Dương Thu Tư	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05979/13S69
26824	S69-30250			Đào Tuyết Hồng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06191/12S69
26825	S69-30251			Huỳnh Văn Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06192/12S69
26826	S69-30252	CM-52237		Phạm Thanh Cần	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06567/13S69
26827	S69-30253	CM-52410		Phạm Văn Sáng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00844/14S69
26828	S69-30254			Nguyễn Mạnh Kha	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06195/12S69
26829	S69-30255			Trần Tuyết Huệ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06196/12S69
26830	S69-30256	CM-52235		Nguyễn Văn Gạch	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00267/15S69
26831	S69-30257			Trịnh Văn Xuyên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06198/12S69
26832	S69-30258	CM-52413		Nguyễn Văn Hóa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06484/13S69
26833	S69-30259			Phạm Việt Cảnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06200/12S69
26834	S69-30260			Nguyễn Văn Minh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06201/12S69
26835	S69-30261			Trương Thành Thế	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06202/12S69
26836	S69-30262			Lê Văn Phong	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06203/12S69
26837	S69-30263			Nguyễn Minh Xiêm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06204/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26838	S69-30264			Nguyễn Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06205/12S69
26839	S69-30265			Huỳnh Văn Chiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06206/12S69
26840	S69-30266			Nguyễn Thanh Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06207/12S69
26841	S69-30267			Ngô Thanh Tố	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06208/12S69
26842	S69-30268			Nguyễn Văn Cảnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06209/12S69
26843	S69-30269			Trần Văn Khánh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06210/12S69
26844	S69-30270			Nguyễn Việt Khương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06211/12S69
26845	S69-30271			Lê Hải Đăng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06212/12S69
26846	S69-30272			Phạm Quốc Vĩnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06213/12S69
26847	S69-30273			Huỳnh Văn Long	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06214/12S69
26848	S69-30274			Thái Văn Đẹp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06215/12S69
26849	S69-30275			Nguyễn Trường Chinh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06216/12S69
26850	S69-30276			Nguyễn Hoàng Khanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06217/12S69
26851	S69-30277			Nguyễn Thị Thuỷ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06218/12S69
26852	S69-30278			Huỳnh Văn Ngẫu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06219/12S69
26853	S69-30279			Nguyễn Công Luận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06220/12S69
26854	S69-30280			Trịnh Hữu Tính	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06221/12S69
26855	S69-30281			Hà Văn Tây	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06222/12S69
26856	S69-30282	CM-52316		Nguyễn Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00225/15S69
26857	S69-30283			Huỳnh Văn Nam	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06224/12S69
26858	S69-30284			Lâm Việt Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06225/12S69
26859	S69-30285			Phạm Văn Lành	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06558/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26860	S69-30286			Trần Văn Dũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06227/12S69
26861	S69-30287			Hồ Văn Mến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06228/12S69
26862	S69-30288			Nguyễn Tấn Vĩnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06229/12S69
26863	S69-30290			Nguyễn Hùng Vĩnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06231/12S69
26864	S69-30291			Đặng Thành Lập	, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06232/12S69
26865	S69-30292			Lâm Việt Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06233/12S69
26866	S69-30293	CM-52308		Trần Minh Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06604/13S69
26867	S69-30294			Trương Thành Lập	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06235/12S69
26868	S69-30295			Ngô Cà Tha	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06236/12S69
26869	S69-30296			Trương Tấn Lực	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06237/12S69
26870	S69-30297			Phạm Văn Móc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06238/12S69
26871	S69-30298			Lê Phước Lợi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06239/12S69
26872	S69-30300			Nguyễn Văn An	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06241/12S69
26873	S69-30301			Trương Thanh Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06242/12S69
26874	S69-30302			Nguyễn Văn Bạc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06243/12S69
26875	S69-30303	CM- 52354		Lê Phương Đăng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06543/13S69
26876	S69-30304			Bào Thanh Hưởng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06245/12S69
26877	S69-30305	CM-52377		Hồ Văn Tuấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00243/15S69
26878	S69-30306			Nguyễn Minh Phong	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06247/12S69
26879	S69-30307			Trần Văn Bên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06248/12S69
26880	S69-30308			Trần Văn Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06249/12S69
26881	S69-30309			Võ Quốc Oanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06250/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26882	S69-30310			Nguyễn Minh Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	12/11/2012	10/11/2013	06251/12S69
26883	S69-30311			Nguyễn Văn Tèo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06252/12S69
26884	S69-30312			Hồ Văn Ngô	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06253/12S69
26885	S69-30313			Phạm Mỹ Hiền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06254/12S69
26886	S69-30314	CM-52370		Trương Hoàng Vũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06534/13S69
26887	S69-30315	CM-52371		Trương Minh Luân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01417/14S69
26888	S69-30316			Trần Thị Đẹp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06257/12S69
26889	S69-30317			Phạm Văn Nhanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06258/12S69
26890	S69-30318			Đoàn Văn Cầu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06259/12S69
26891	S69-30319			Nguyễn Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06260/12S69
26892	S69-30320			Trương Minh Hoàng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06261/12S69
26893	S69-30321			Trần Văn Thắng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06262/12S69
26894	S69-30322	CM- 52380		Trần Thanh Phương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03170/14S69
26895	S69-30323			Võ Văn Bằng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06264/12S69
26896	S69-30324			Trần Quốc Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06265/12S69
26897	S69-30325			Ngô Tiến Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06266/12S69
26898	S69-30326			Trần Tấn Lợi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06267/12S69
26899	S69-30327			Huỳnh Thu Phượng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06268/12S69
26900	S69-30328			Trần Thanh Sang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06269/12S69
26901	S69-30329	CM-52386		Ngô Hải Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06517/13S69
26902	S69-30330			Phan Văn Quảng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06271/12S69
26903	S69-30331			Trần Tính Nhiệm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06272/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26904	S69-30332			Lê Phương Yến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06273/12S69
26905	S69-30333			Lê Thái Hợp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06274/12S69
26906	S69-30334			Tạ Thanh Trị	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06275/12S69
26907	S69-30335			Nguyễn Hoàng út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06276/12S69
26908	S69-30336			Trần Quốc Việt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06277/12S69
26909	S69-30337			Trần Thanh Đăng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06278/12S69
26910	S69-30338			Bùi Văn Thắng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06279/12S69
26911	S69-30339			Nguyễn Văn Thiệu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06280/12S69
26912	S69-30340			Nguyễn Văn Mưa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06281/12S69
26913	S69-30341	CM-52292		Phan Thị Huyền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06605/13S69
26914	S69-30342	CM- 13120		Nguyễn Thị Đẹp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06435/13S69
26915	S69-30343	CM- 52367		Mai Hữu Mãng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06447/13S69
26916	S69-30344			Trần Văn Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06285/12S69
26917	S69-30345			Nguyễn Minh Cu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06286/12S69
26918	S69-30346	CM-52289		Lưu Thanh Dân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05954/13S69
26919	S69-30347			Phạm Thanh Tòng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06288/12S69
26920	S69-30348			Phạm Thanh Hợp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06289/12S69
26921	S69-30349			Trần Thị Thanh Tuyền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06290/12S69
26922	S69-30350			Đỗ Thanh Hải	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06291/12S69
26923	S69-30351			Võ Văn Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06292/12S69
26924	S69-30352			Nguyễn Văn Quang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06293/12S69
26925	S69-30353			Nguyễn Hoàng Kha	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06294/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26926	S69-30354	CM- 52438		Nguyễn Văn Đô	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05983/13S69
26927	S69-30355			Trần Hoàng Lập	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06296/12S69
26928	S69-30356			Huỳnh Thanh Bình	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06297/12S69
26929	S69-30357	CM- 52440		Đào Minh Dương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05978/13S69
26930	S69-30358			Phạm Quốc Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06299/12S69
26931	S69-30359			Ngô Văn Sang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06300/12S69
26932	S69-30360			Lê Quốc Danh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06301/12S69
26933	S69-30361			Võ Hải Đăng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06302/12S69
26934	S69-30362			Nguyễn Văn Trí	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06303/12S69
26935	S69-30363			Lê Bình Yên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06304/12S69
26936	S69-30364			Phạm Thị Chung	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06305/12S69
26937	S69-30365			Nguyễn Hoàng Khang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06306/12S69
26938	S69-30366			Phạm Thế Duy	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06307/12S69
26939	S69-30367			Lê Văn Tuấn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06308/12S69
26940	S69-30368			Ngô Văn Bảo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06309/12S69
26941	S69-30369			Mai Trung Tính	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06310/12S69
26942	S69-30370	CM-52418		Trương Minh Thuận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	06008/13S69
26943	S69-30371			Nguyễn Công Danh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06312/12S69
26944	S69-30372			Lê Văn Xuân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06313/12S69
26945	S69-30373			Nguyễn Thanh Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06314/12S69
26946	S69-30374			Ngô Văn Tiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06315/12S69
26947	S69-30375			Huỳnh Minh Em	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06316/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26948	S69-30376			Dương Văn Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06317/12S69
26949	S69-30377			Nguyễn Minh Xuyên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06318/12S69
26950	S69-30378			Phạm Văn Quân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06319/12S69
26951	S69-30379			Phạm Văn Dũng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06320/12S69
26952	S69-30380			Võ Văn Hà	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06519/13S69
26953	S69-30381			Nguyễn Thành Hiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06322/12S69
26954	S69-30382	CM-52429		Võ Chí Tòng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06520/13S69
26955	S69-30383			Phạm Văn Hận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06324/12S69
26956	S69-30384			Trương Công Đoàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06325/12S69
26957	S69-30385			Phạm Văn Nhứt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06326/12S69
26958	S69-30386			Trần Thanh Xiếu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06327/12S69
26959	S69-30387			Phạm Văn Hồng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06328/12S69
26960	S69-30388	CM-52287		Lê Minh Trí	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00833/14S69
26961	S69-30389			Nguyễn Minh Trí	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06330/12S69
26962	S69-30390			Đào Ngọc ý	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06331/12S69
26963	S69-30391			Đặng Mi Mi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06332/12S69
26964	S69-30392			Trương Công Nghiệp	Tại An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06333/12S69
26965	S69-30393			Huỳnh Ngọc Lợi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06334/12S69
26966	S69-30394			Châu Tấn Lợi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06335/12S69
26967	S69-30395	CM-52433		Nguyễn Văn Hiện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06538/13S69
26968	S69-30396			Võ Quốc Tiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06337/12S69
26969	S69-30397			Võ út Nhỏ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06338/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26970	S69-30398			Huỳnh Hải Do	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	10/11/2012	10/11/2013	06415/12S69
26971	S69-30399	CM- 90720		Nguyễn Văn Cho	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00089/14S69
26972	S69-30400			Nguyễn Việt Đèo	Xã Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06417/12S69
26973	S69-30401			Nguyễn Tương Lai	xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06418/12S69
26974	S69-30402	CM-90718		La Văn Võ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2015	10/06/2016	01075/15S69
26975	S69-30403			Nguyễn Văn Hòa	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06420/12S69
26976	S69-30404			Dương Văn Tiến	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06421/12S69
26977	S69-30406			Phan Văn Đoàn	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2012	10/11/2013	06423/12S69
26978	S69-30407			Huỳnh Văn Cảnh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/11/2012	12/11/2013	06440/12S69
26979	S69-30408			Huỳnh Văn Cảnh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	12/11/2012	12/11/2013	06445/12S69
26980	S69-30409	CM-52509		Phạm Văn Bến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00949/14S69
26981	S69-30410			Lê Văn Đăng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06447/12S69
26982	S69-30411			Nguyễn Linh Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06448/12S69
26983	S69-30412			Ngô Chí Dũng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06449/12S69
26984	S69-30413			Lâm Hồng ánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06450/12S69
26985	S69-30414			Lê Khánh Dương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06451/12S69
26986	S69-30415			Trần Công Vinh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06452/12S69
26987	S69-30416			Huỳnh Thanh Khương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06453/12S69
26988	S69-30417			Lâm Thị Dị	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06454/12S69
26989	S69-30418			Nguyễn Văn Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06455/12S69
26990	S69-30419			Trần Đăng Khoa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06456/12S69
26991	S69-30420	CM-52658		Lê Dương Tiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00925/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
26992	S69-30421			Trần Vũ Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06458/12S69
26993	S69-30423			Nguyễn Văn Sang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06460/12S69
26994	S69-30424			Lữ Thanh Nhân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06461/12S69
26995	S69-30425			Trịnh Văn Hiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06462/12S69
26996	S69-30426	CM-52454		La Văn Khải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00945/14S69
26997	S69-30427			Trịnh Hoàng Cương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06464/12S69
26998	S69-30428			Lê Hồng Lợi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06465/12S69
26999	S69-30429			Đồng Văn Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06466/12S69
27000	S69-30430			Nguyễn Văn Chiêu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06467/12S69
27001	S69-30431			Phan Thanh Suông	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06468/12S69
27002	S69-30432			Nguyễn Tiền Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06469/12S69
27003	S69-30433			Lê Hải Thọ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06470/12S69
27004	S69-30434			Trần Văn Nghiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06471/12S69
27005	S69-30435			Trang Trọng Nguyễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06472/12S69
27006	S69-30436			Trần Chiến Đấu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06473/12S69
27007	S69-30437			Nguyễn Bình Yên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06474/12S69
27008	S69-30438			Lê Chí Nguyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06475/12S69
27009	S69-30439			Nguyễn Văn Triều	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06476/12S69
27010	S69-30440			Lữ Văn Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06477/12S69
27011	S69-30441			Nguyễn Tấn Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06478/12S69
27012	S69-30442			Nguyễn Văn Giàu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06479/12S69
27013	S69-30443			Hồ Văn Khải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06480/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27014	S69-30444			Nguyễn Văn Phòng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06481/12S69
27015	S69-30445			Phạm Thanh Hoàng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06482/12S69
27016	S69-30446	CM-52635		Huỳnh Văn Dũng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00941/14S69
27017	S69-30447			Nguyễn Việt Tiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06484/12S69
27018	S69-30448			Nguyễn Trường Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06485/12S69
27019	S69-30449			Trịnh Văn An	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06486/12S69
27020	S69-30450			Trần Thanh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06487/12S69
27021	S69-30451			Lữ Đồng Tân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06488/12S69
27022	S69-30452			Ngô Cẩm Nhanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06489/12S69
27023	S69-30453			Trang Văn Bảy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06490/12S69
27024	S69-30454			Trần Văn Minh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06491/12S69
27025	S69-30455			Trần Thị Thúy Loan	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06492/12S69
27026	S69-30456	CM-52661		Nguyễn Trọng Linh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00845/14S69
27027	S69-30457			Nguyễn Tuấn Dũng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06494/12S69
27028	S69-30458			Võ Trọng Nghĩa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06495/12S69
27029	S69-30459			Nguyễn Văn Nám	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06496/12S69
27030	S69-30460			Nguyễn Văn An	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06497/12S69
27031	S69-30461			Cao Quốc Thống	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06498/12S69
27032	S69-30462	CM-52643		Nguyễn Văn Ngoan	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00946/14S69
27033	S69-30463			Tô Anh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06500/12S69
27034	S69-30464			Trần Quốc Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06501/12S69
27035	S69-30465			Nguyễn Quốc Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06502/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27036	S69-30466			Tạ Cẩm Nhung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06503/12S69
27037	S69-30467			Hồ Thanh Quyền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06504/12S69
27038	S69-30468	CM-52568		Bùi Vũ Bảo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00950/14S69
27039	S69-30469			Nguyễn Hoàng Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06506/12S69
27040	S69-30470	CM-52567		Trần Văn LiL	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00942/14S69
27041	S69-30471			Nguyễn Thanh Đạm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06508/12S69
27042	S69-30472			Ngô Hoàng Khánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06509/12S69
27043	S69-30473			Nguyễn Văn Lùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06510/12S69
27044	S69-30474			Nguyễn Minh Thùy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06511/12S69
27045	S69-30475			Trương Minh Hiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06512/12S69
27046	S69-30476			Trần Minh Trí	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06513/12S69
27047	S69-30477			Trần Văn Hoàng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06514/12S69
27048	S69-30478			Tô Hoàng Dũng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06515/12S69
27049	S69-30479			Trần Văn Vui	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06516/12S69
27050	S69-30480			Lâm Quốc Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06517/12S69
27051	S69-30481			Ngô Minh Khiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06518/12S69
27052	S69-30482			Nguyễn Văn Hận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06519/12S69
27053	S69-30483			Nguyễn Đăng Khoa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06520/12S69
27054	S69-30484			Huỳnh Văn Quẹo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06521/12S69
27055	S69-30485			Phạm Bảo Quốc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06522/12S69
27056	S69-30486			Huỳnh Văn Hội	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06523/12S69
27057	S69-30487			Trịnh Thanh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06524/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27058	S69-30488			Nguyễn Minh Đức	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06525/12S69
27059	S69-30489			Nguyễn Văn Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06526/12S69
27060	S69-30490			Nguyễn Phước Thọ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06527/12S69
27061	S69-30491			Nguyễn Trí Nguyễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06528/12S69
27062	S69-30492			Lê Văn Tòng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06529/12S69
27063	S69-30493			Trần Minh Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06530/12S69
27064	S69-30494			Trương Hoàng Oanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06531/12S69
27065	S69-30495			Phan Chí Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06532/12S69
27066	S69-30496			Lê Văn Sến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06533/12S69
27067	S69-30497			Nguyễn Thanh Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06534/12S69
27068	S69-30498			Nguyễn Văn Lý	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06535/12S69
27069	S69-30499			Trần Vũ Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06536/12S69
27070	S69-30500			Tô Văn út	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06537/12S69
27071	S69-30501			Trần Văn Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06538/12S69
27072	S69-30502			Phạm Văn Lập	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06539/12S69
27073	S69-30503			Huỳnh Phúc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06540/12S69
27074	S69-30504			Trần Văn Tiên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06541/12S69
27075	S69-30505			Châu Thị Hoa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06542/12S69
27076	S69-30506			Văn Thành Lên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06543/12S69
27077	S69-30507	CM-52601		La Văn Cảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00930/14S69
27078	S69-30508			Trần Thanh Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06545/12S69
27079	S69-30509			Võ Thành Tiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06546/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27080	S69-30510			Trần Thanh Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06547/12S69
27081	S69-30511			Lê Hoàng Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06548/12S69
27082	S69-30512			Trang Văn Thường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06549/12S69
27083	S69-30513			Lê Quang Khải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06550/12S69
27084	S69-30514			Lê Thanh Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06551/12S69
27085	S69-30515			Trương Quốc Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06552/12S69
27086	S69-30516			Lê Long Nguyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06553/12S69
27087	S69-30517	CM-52581		Nguyễn Minh Thùy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	07/08/2015	07/08/2016	01479/15S69
27088	S69-30518			Huỳnh Văn Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06555/12S69
27089	S69-30519			Nguyễn Việt Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06556/12S69
27090	S69-30520			Phạm Văn Mới	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06557/12S69
27091	S69-30521			Đặng Văn Bảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06558/12S69
27092	S69-30522	CM-52591		Ngô Minh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00940/14S69
27093	S69-30523			Lê Hoàng Dưỡng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06560/12S69
27094	S69-30524			Huỳnh Văn Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06561/12S69
27095	S69-30525			Trần Văn Dũng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06562/12S69
27096	S69-30526	CM-52589		Nguyễn Văn Trắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00931/14S69
27097	S69-30527			La Văn Kiệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06564/12S69
27098	S69-30528			Trần Đắc Mẫn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06565/12S69
27099	S69-30529			Phan Chí Nguyễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06566/12S69
27100	S69-30530			Trần Hoàng Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06567/12S69
27101	S69-30531			Nguyễn Văn Đợi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06568/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27102	S69-30532			Ngô Việt Trung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06569/12S69
27103	S69-30533			Phan Văn Xuyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06570/12S69
27104	S69-30534			Trần Văn Chánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06571/12S69
27105	S69-30535			Kim Văn Minh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06572/12S69
27106	S69-30536			Lê Văn Bé	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06573/12S69
27107	S69-30537			Nguyễn Văn Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06574/12S69
27108	S69-30538	CM-52569		Trần Chí Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00826/14S69
27109	S69-30539			Nguyễn Thanh Nguyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06576/12S69
27110	S69-30540			Trần Hồng Thẩm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06577/12S69
27111	S69-30541			Trần Văn Đen	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06578/12S69
27112	S69-30542			Tạ Thành Lam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06579/12S69
27113	S69-30543			Huỳnh Văn Dương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06580/12S69
27114	S69-30544			Trần Văn Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06581/12S69
27115	S69-30545			Nguyễn Minh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06582/12S69
27116	S69-30546			Ngô Thanh Hiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06583/12S69
27117	S69-30547			Nguyễn Thị Tươi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06584/12S69
27118	S69-30548			Nguyễn Văn Loa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06585/12S69
27119	S69-30549			Lê Truyền Thống	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06586/12S69
27120	S69-30550			Nguyễn Hoàng Sáu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06587/12S69
27121	S69-30551			Trương Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06588/12S69
27122	S69-30552			Trịnh Văn Phon	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06589/12S69
27123	S69-30553			Trần Văn Hà	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06590/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27124	S69-30554	CM-52608		Phan Diễn Tính	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00929/14S69
27125	S69-30555			Nguyễn Hùng Em	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06592/12S69
27126	S69-30556			Lý Văn Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06593/12S69
27127	S69-30557			Phạm Văn Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06594/12S69
27128	S69-30558			Tạ Văn Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06595/12S69
27129	S69-30559			Dương Thanh Hiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06596/12S69
27130	S69-30560			Võ Quốc Bình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06597/12S69
27131	S69-30561			Lê Minh Quang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06598/12S69
27132	S69-30562			Phạm Duy Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06599/12S69
27133	S69-30563			Trần Văn Đạt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06600/12S69
27134	S69-30564			Trương Văn Bình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06601/12S69
27135	S69-30565	CM-52514		Lê Viết Suối	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00948/14S69
27136	S69-30566			Dương Việt Triều	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06603/12S69
27137	S69-30567			Võ Việt Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06604/12S69
27138	S69-30568	CM-52528		Nguyễn Minh Dương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06579/13S69
27139	S69-30569			Ngô Thành Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06606/12S69
27140	S69-30570			Lê Viết Thạch	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06607/12S69
27141	S69-30571			Trần Hoàng Ba	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06608/12S69
27142	S69-30572			Nguyễn Tấn Quang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06609/12S69
27143	S69-30573			Trần Văn Tươi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06610/12S69
27144	S69-30574			Tô Văn Phạt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06611/12S69
27145	S69-30575			Ngô Thanh Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06612/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27146	S69-30576			Nguyễn Văn Bin	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06613/12S69
27147	S69-30577			Trương Việt Trường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06614/12S69
27148	S69-30578			Trương Văn Năm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06615/12S69
27149	S69-30579			Bùi Minh Lụa	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06616/12S69
27150	S69-30580			Dương Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06617/12S69
27151	S69-30582			Bùi Văn Em	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06619/12S69
27152	S69-30583			Nguyễn Minh út	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06620/12S69
27153	S69-30584			Ngô Hoàng Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06621/12S69
27154	S69-30585			La Văn Kiệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06622/12S69
27155	S69-30586			Lê Minh Hiếu	Thô sơ, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06623/12S69
27156	S69-30587			Trương Thúy Hằng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06624/12S69
27157	S69-30588			Đồng Văn Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06625/12S69
27158	S69-30589			Tô Hoàng Tất	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06626/12S69
27159	S69-30590			Đỗ Văn Buẩn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06627/12S69
27160	S69-30591			Phạm Chí Linh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06628/12S69
27161	S69-30592			Nguyễn Thanh Thuận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06629/12S69
27162	S69-30593			Nguyễn Minh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06630/12S69
27163	S69-30594			Huỳnh Minh Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06631/12S69
27164	S69-30595			Nguyễn Việt Thành	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06632/12S69
27165	S69-30596			Trương Lực Xây	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06633/12S69
27166	S69-30597			Nguyễn Văn Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06634/12S69
27167	S69-30598			Trần Khanh Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06635/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27168	S69-30599			Nguyễn Chí Thiện	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06636/12S69
27169	S69-30600	CM-52491		Trần Quốc Khải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01601/15S69
27170	S69-30601			Nguyễn Văn Thọ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06638/12S69
27171	S69-30602			Trần Hoàng Lạc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06639/12S69
27172	S69-30603			Trần Văn Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06640/12S69
27173	S69-30604			Phạm Trung Chánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06641/12S69
27174	S69-30605			Trương Thúy Hằng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06642/12S69
27175	S69-30606			Nguyễn Trung Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06643/12S69
27176	S69-30607			Ngô Vũ Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06644/12S69
27177	S69-30608			Trương Minh Kháng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06645/12S69
27178	S69-30609			Trương Minh Diễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06646/12S69
27179	S69-30610			Diệp Hoàng Duy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06647/12S69
27180	S69-30611			Huỳnh Văn Nghiên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06648/12S69
27181	S69-30612			Lê Trường Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06649/12S69
27182	S69-30613			Bùi Văn út	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06650/12S69
27183	S69-30614			Hà Mạnh Luy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06651/12S69
27184	S69-30615			Ngô Hữu Diễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06652/12S69
27185	S69-30616			Ngô Hữu Kha	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06653/12S69
27186	S69-30617			Thái Chí Công	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06654/12S69
27187	S69-30618			Trần Hoàng Minh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06655/12S69
27188	S69-30619			La Minh Dương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06656/12S69
27189	S69-30620			Trần Minh Luân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06657/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27190	S69-30621			Lê Như Bưởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06658/12S69
27191	S69-30622			Ngô Hoài Hận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06659/12S69
27192	S69-30623			Lương Chí Y	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06660/12S69
27193	S69-30624			Nguyễn Hoàng Cường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06661/12S69
27194	S69-30625	CM-52470		Lê Khải Duy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00938/14S69
27195	S69-30626			Lý Văn Bắc	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2012	11/11/2013	06663/12S69
27196	S69-30627			Ngô Văn Thân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06664/12S69
27197	S69-30628			Lâm Văn Hậu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06665/12S69
27198	S69-30629			Tô Thanh Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06666/12S69
27199	S69-30630			Trần Văn Dương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06667/12S69
27200	S69-30631			Nguyễn Văn Trung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06668/12S69
27201	S69-30632			Nguyễn Hoàng Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06669/12S69
27202	S69-30633			Trương Minh Dũng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06670/12S69
27203	S69-30634			Trần Minh Kỹ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06671/12S69
27204	S69-30635			Trần Dũng Sĩ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	13/11/2013	06672/12S69
27205	S69-30636			Phạm Hoài Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06673/12S69
27206	S69-30637			Phan Tấn Thành	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	01/11/2013	06674/12S69
27207	S69-30638			Ngô Văn Tường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06675/12S69
27208	S69-30639			Nguyễn Văn Thái	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06676/12S69
27209	S69-30640	CM-52463		Trần Văn Tề	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01415/14S69
27210	S69-30641	CM-52455		Huỳnh Văn Ngoãn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00552/14S69
27211	S69-30642			Lê Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06679/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27212	S69-30643			Phạm Văn Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06680/12S69
27213	S69-30644			Nguyễn Tấn Phát	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06681/12S69
27214	S69-30645			Nguyễn Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06682/12S69
27215	S69-30646			Trần Văn Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06683/12S69
27216	S69-30647			Bùi Văn Nhóc	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2012	13/11/2013	06714/12S69
27217	S69-30648			Nguyễn Văn Tâm	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	13/11/2012	13/11/2013	06715/12S69
27218	S69-30650	CM-98280		Phạm Phước Công	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	09/12/2014	09/12/2015	03245/14S69
27219	S69-30651			Lê Khoa	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2012	13/11/2013	06727/12S69
27220	S69-30652			Phạm Văn Thép	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/11/2012	13/11/2013	06729/12S69
27221	S69-30653			Phạm Minh Nhật	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	13/11/2012	13/11/2013	06731/12S69
27222	S69-30654	CM-23508		Phạm Minh Nhứt	Xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06473/13S69
27223	S69-30655			Trần Hoàng Giang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	13/11/2012	13/11/2013	06736/12S69
27224	S69-30656			Phạm Văn Bổng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	13/11/2012	13/11/2013	06738/12S69
27225	S69-30657			Tô Văn Được	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/11/2013	06741/12S69
27226	S69-30658	CM-23521		Trần Hoàng Cảnh	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06190/13S69
27227	S69-30659			Nguyễn Văn Hiền	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/11/2013	06743/12S69
27228	S69-30660			Trần Văn Mười	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/11/2013	06744/12S69
27229	S69-30661			Trần Minh Thân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/11/2013	06745/12S69
27230	S69-30662			Phan Quốc Sự	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/11/2013	06746/12S69
27231	S69-30663			Tô Văn Trung	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/11/2013	06747/12S69
27232	S69-30664			Phan Văn Âu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/11/2013	06748/12S69
27233	S69-30665			Tô Thị Tình	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/11/2012	12/05/2013	06749/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27234	S69-30666			Đoàn Trường Giang	Tân Hưng Tây, Huyện Cái Nước	12/11/2013	12/11/2014	05768/13S69
27235	S69-30667			Lưu Quang Dũng	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	14/11/2012	14/11/2013	06766/12S69
27236	S69-30668			Đoàn Văn Hạng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	14/11/2012	14/11/2013	06770/12S69
27237	S69-30669	CM-98289		Nguyễn Văn Lòng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	02/02/2016	02/08/2016	00346/16S69
27238	S69-30670			Dương Văn Phương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	19/11/2012	19/11/2013	06776/12S69
27239	S69-30671			Lê Quốc Khải	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	15/11/2012	15/11/2013	06777/12S69
27240	S69-30672			Thái Văn Phúc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06821/12S69
27241	S69-30673			Nguyễn Chí Nguyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06822/12S69
27242	S69-30674			Trần Văn Nam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06823/12S69
27243	S69-30675			Nguyễn Quốc Tiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06824/12S69
27244	S69-30676			Tô Văn Xăng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06825/12S69
27245	S69-30677			Trần Văn Liêm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06826/12S69
27246	S69-30678			Võ Văn Hà	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06827/12S69
27247	S69-30679			Trần Văn Trắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06828/12S69
27248	S69-30680			Nguyễn Dương Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06829/12S69
27249	S69-30681			Tô Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06830/12S69
27250	S69-30682			Trần Văn Liêm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06831/12S69
27251	S69-30683			Trần Văn Bi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06832/12S69
27252	S69-30684			Lâm Hoàng Anh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06833/12S69
27253	S69-30685			Lâm Tuấn Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06834/12S69
27254	S69-30686			Mã Văn Mỹ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06835/12S69
27255	S69-30687			Trần Văn Tươi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06836/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27256	S69-30688			Hồng Thanh Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06837/12S69
27257	S69-30689			Trần Văn Đức	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06838/12S69
27258	S69-30690			Nguyễn Văn Thái	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06839/12S69
27259	S69-30691			Lê Minh Lý	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06840/12S69
27260	S69-30692			Nguyễn Văn Nhân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06841/12S69
27261	S69-30693			Trần Công Lý	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06842/12S69
27262	S69-30694			Huỳnh Văn Huyện	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06843/12S69
27263	S69-30695	CM-52711		Trương Tuấn Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06506/13S69
27264	S69-30696			Nguyễn Văn Tăng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06845/12S69
27265	S69-30697			Phạm Chí Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06846/12S69
27266	S69-30698			Nguyễn Văn Được	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06847/12S69
27267	S69-30699			Trịnh Tấn Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06848/12S69
27268	S69-30700			Lê Văn Tèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06849/12S69
27269	S69-30701			Lê Văn Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06850/12S69
27270	S69-30702			Trịnh Trọng Kha	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06851/12S69
27271	S69-30703			Huỳnh Thanh Sang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06852/12S69
27272	S69-30704			Huỳnh Vũ Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06853/12S69
27273	S69-30705			Lê Xuân Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06854/12S69
27274	S69-30706			Huỳnh Kim Vui	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06855/12S69
27275	S69-30707			Trần Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06856/12S69
27276	S69-30708			Lâm Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06857/12S69
27277	S69-30709			Lưu Thái Nguyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06858/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27278	S69-30710			Đoái Phước Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06859/12S69
27279	S69-30711			Lữ Phước Tài	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06860/12S69
27280	S69-30712			Trần Văn Tân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06861/12S69
27281	S69-30713			Lê Hoàng Minh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06862/12S69
27282	S69-30714			Ngô Hoàng Dân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06863/12S69
27283	S69-30715			Bùi Minh Thùy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06864/12S69
27284	S69-30716			Đoái Chí Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06865/12S69
27285	S69-30717			Đoái Trường Sơn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06866/12S69
27286	S69-30718			Trần Vũ Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06867/12S69
27287	S69-30719			Trịnh Văn Bảo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06868/12S69
27288	S69-30720			Trương Thanh Tiến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06869/12S69
27289	S69-30721			Nguyễn Xuân Tới	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06870/12S69
27290	S69-30722			Ngô Đắc Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06871/12S69
27291	S69-30723			Trần Văn Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06872/12S69
27292	S69-30724			Trần Đức Toàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06873/12S69
27293	S69-30725			Kiều Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06874/12S69
27294	S69-30726			Trịnh Văn Thông	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06875/12S69
27295	S69-30727			Trương Văn Đoàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06876/12S69
27296	S69-30728			Nguyễn Quốc Cường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06877/12S69
27297	S69-30729			Trần Văn út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06878/12S69
27298	S69-30730			Đỗ Chí Nghiệm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06879/12S69
27299	S69-30731			Nguyễn Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06880/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27300	S69-30732			Trình Văn Minh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06881/12S69
27301	S69-30733			Nguyễn Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06882/12S69
27302	S69-30734			Nguyễn Chí Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06883/12S69
27303	S69-30735			Đoàn Minh Đấu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06884/12S69
27304	S69-30736			Trần Minh Triều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06885/12S69
27305	S69-30737			Đoái Phước Thù	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06886/12S69
27306	S69-30738			Đoái Duy Nguyễn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06887/12S69
27307	S69-30739			Lê Thanh Tùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06888/12S69
27308	S69-30740			Mã Văn Mạnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06889/12S69
27309	S69-30741			Lờ Thanh Sơn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06890/12S69
27310	S69-30742			Trần Văn Tạo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06891/12S69
27311	S69-30743			Trần Minh út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06892/12S69
27312	S69-30744			Lâm Hải Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06893/12S69
27313	S69-30745			Lưu Chí Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06894/12S69
27314	S69-30746			Ngô Hải Đảo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06895/12S69
27315	S69-30747			Nguyễn Hoàng Thái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06896/12S69
27316	S69-30748			Nguyễn Thanh Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06897/12S69
27317	S69-30749			Trần Duy Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06898/12S69
27318	S69-30750			Quách Văn Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06899/12S69
27319	S69-30751			Ngô Thanh Mộng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06900/12S69
27320	S69-30752			Trương Lục Ấy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06901/12S69
27321	S69-30753			Hồ Nghĩa Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06902/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27322	S69-30754			Nguyễn Văn Thọ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06903/12S69
27323	S69-30755			Lê Việt Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06904/12S69
27324	S69-30756			Nguyễn Văn Sáng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06905/12S69
27325	S69-30757			Nguyễn Chí Cường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06906/12S69
27326	S69-30758			Nguyễn Huỳnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06907/12S69
27327	S69-30759			Huỳnh Văn Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06908/12S69
27328	S69-30760			Hà Hải Thuyền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06909/12S69
27329	S69-30761			Đồng Minh Thùy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06910/12S69
27330	S69-30762			Trịnh Minh Trí	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06911/12S69
27331	S69-30763			Hồ Văn Danh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06912/12S69
27332	S69-30764			Lê Văn út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06913/12S69
27333	S69-30765			Trương Quốc Toàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06914/12S69
27334	S69-30766			Phan Văn Đấu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06915/12S69
27335	S69-30767			Tô Văn Thiết	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06916/12S69
27336	S69-30768			Huỳnh Văn Dễ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06917/12S69
27337	S69-30769			Huỳnh Văn SĩL	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06918/12S69
27338	S69-30770			Trần Văn Thiệt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06919/12S69
27339	S69-30771			Phan Hoàng Anh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06920/12S69
27340	S69-30772			Huỳnh Phương Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06921/12S69
27341	S69-30773			Tạ Văn Kiển	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06922/12S69
27342	S69-30774			Thái Trọng Nguyễn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06923/12S69
27343	S69-30775			Trần Minh Phụng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06924/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27344	S69-30776			Trần Minh Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06925/12S69
27345	S69-30777			Quách Linh Đa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06926/12S69
27346	S69-30778			Trương Văn Thuận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06927/12S69
27347	S69-30779			Đặng Văn Lúa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06928/12S69
27348	S69-30780			Phạm Văn Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06929/12S69
27349	S69-30781			Trịnh Văn Đức	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06930/12S69
27350	S69-30782			Thái Kha Ly	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06931/12S69
27351	S69-30783			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06932/12S69
27352	S69-30784			Lê Hoàng Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06933/12S69
27353	S69-30785			Ngô Hoàng Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06934/12S69
27354	S69-30786			Nguyễn Chí Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06935/12S69
27355	S69-30787			Thái Văn Tý	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06936/12S69
27356	S69-30788			Hồ Văn Công	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06937/12S69
27357	S69-30789			Trịnh Hoàng Tây	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06938/12S69
27358	S69-30791			Ngô Hoàng Nghĩa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06940/12S69
27359	S69-30792			Huỳnh Văn Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06941/12S69
27360	S69-30793			Ngô Hoàng Trọng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06942/12S69
27361	S69-30794			Trần Văn Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06943/12S69
27362	S69-30795			Hồ Đức Trọng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06944/12S69
27363	S69-30796			Huỳnh Minh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06945/12S69
27364	S69-30797			Trịnh Hoài Nhân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06946/12S69
27365	S69-30798			Nguyễn Hoàng Nhi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06947/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27366	S69-30799			Hồ Thanh Hải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06948/12S69
27367	S69-30800			Nguyễn Văn Lơ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06949/12S69
27368	S69-30801			Trịnh Quốc Sự	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06950/12S69
27369	S69-30802			Trương Văn Tính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/11/2012	15/11/2013	06951/12S69
27370	S69-30803			Lý Văn Máy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06952/12S69
27371	S69-30804			Lý Văn Trọng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06953/12S69
27372	S69-30805			Chung Văn Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06954/12S69
27373	S69-30806			Trịnh Văn Phúc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06955/12S69
27374	S69-30807			Tiêu Hoài Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06956/12S69
27375	S69-30808			Phan Thanh Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06957/12S69
27376	S69-30809			Tô Minh Thẩm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06958/12S69
27377	S69-30810			Trần Văn Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06959/12S69
27378	S69-30811			Châu Văn Thanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06960/12S69
27379	S69-30812			Châu Văn Tài	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06961/12S69
27380	S69-30813			Phan Thanh Tùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06962/12S69
27381	S69-30814			Lê Văn Lén	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06963/12S69
27382	S69-30815			Huỳnh Văn Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06964/12S69
27383	S69-30816			Trần Văn Sáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06965/12S69
27384	S69-30817			Nguyễn Công Danh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06966/12S69
27385	S69-30818			Nguyễn Văn Chấy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06967/12S69
27386	S69-30819			Trần Bạch Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06968/12S69
27387	S69-30820			Huỳnh Văn Tài	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06969/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27388	S69-30821			Lê Tuấn Luân	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06970/12S69
27389	S69-30822			Trần Bé Tân	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06971/12S69
27390	S69-30823			Trần Văn Hưởng	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06972/12S69
27391	S69-30824			Lê Văn Huấn	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06973/12S69
27392	S69-30825			Bùi Duy Tân	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06974/12S69
27393	S69-30826			Nguyễn Văn Tuấn	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06975/12S69
27394	S69-30827			Mai Phước Hùng	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06976/12S69
27395	S69-30828			Phan Văn Quốc	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06977/12S69
27396	S69-30829			La Văn Bảo	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06978/12S69
27397	S69-30830			Trần Thanh Hùng	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06979/12S69
27398	S69-30831			Trịnh Hoài Thanh	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06980/12S69
27399	S69-30832			Nguyễn Phương Nam	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06981/12S69
27400	S69-30833			Lê Văn Khởi	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06982/12S69
27401	S69-30834			Nguyễn Minh Diễn	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06983/12S69
27402	S69-30835			Lâm Tấn Tính	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06984/12S69
27403	S69-30836			Nguyễn Minh Thắng	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06985/12S69
27404	S69-30837			Phạm Trung Hiếu	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06986/12S69
27405	S69-30838			Nguyễn Văn Vở	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06987/12S69
27406	S69-30839			Đỗ Văn Hôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06988/12S69
27407	S69-30840			Nguyễn Đức Thịnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06989/12S69
27408	S69-30841			Nguyễn Văn Thêm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06990/12S69
27409	S69-30842			Tạ Bình Dị	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06991/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27410	S69-30843			Hà Văn Thảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06992/12S69
27411	S69-30844			Nguyễn Minh Tèo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06993/12S69
27412	S69-30845			Trần Tấn Hưng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06994/12S69
27413	S69-30846			Nguyễn Văn Huyền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06995/12S69
27414	S69-30847			Ngô Hùng Sơn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/11/2012	15/11/2013	06996/12S69
27415	S69-30848			Trịnh Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06997/12S69
27416	S69-30849			Nguyễn Văn Duyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06998/12S69
27417	S69-30850			Nguyễn Văn Chuội	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	06999/12S69
27418	S69-30851			Phạm Văn Lấy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07000/12S69
27419	S69-30852			Đoái Phước Tiền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07001/12S69
27420	S69-30853			Hà Minh Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07002/12S69
27421	S69-30854			Trương Tấn Biết	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07003/12S69
27422	S69-30855			Trần Văn Duy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07004/12S69
27423	S69-30856			Trương Văn Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07005/12S69
27424	S69-30857			Lâm Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07006/12S69
27425	S69-30858			Tô Văn Nhứt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07007/12S69
27426	S69-30859			Ngô Thành Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07008/12S69
27427	S69-30860			Tôn Trung Khánh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07009/12S69
27428	S69-30861			Mai Minh Tiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07010/12S69
27429	S69-30862			Trần Quốc Đen	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07011/12S69
27430	S69-30863			Đoái Hoàng Khoẻ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07012/12S69
27431	S69-30864			Trịnh Văn Đoàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07013/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27432	S69-30865			Hữu Văn Tính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07014/12S69
27433	S69-30866			Tô Quốc Truyền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07015/12S69
27434	S69-30867			Trần Minh Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07016/12S69
27435	S69-30868			Bùi Văn Tươi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07017/12S69
27436	S69-30869			Nguyễn Thanh Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07018/12S69
27437	S69-30870			Phan Tấn Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07019/12S69
27438	S69-30871			Huỳnh Văn Hiếu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07020/12S69
27439	S69-30872			Trần Duy Phương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07021/12S69
27440	S69-30873			Trương Văn Đoàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07022/12S69
27441	S69-30874			Trương Văn Bền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07023/12S69
27442	S69-30875			Đinh Văn Xếp	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07024/12S69
27443	S69-30876			Trần Văn Nguyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07025/12S69
27444	S69-30877			Bùi Thị Đạm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07026/12S69
27445	S69-30878			Lê Minh Phú	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07027/12S69
27446	S69-30879	CM-52893		Nguyễn Minh Đương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05614/13S69
27447	S69-30880			Trịnh Văn Hận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07029/12S69
27448	S69-30881			Tô Văn Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07030/12S69
27449	S69-30882			Trịnh Văn Hoà	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07031/12S69
27450	S69-30883			Lương Minh Thắng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07032/12S69
27451	S69-30884			Trần Nam Hồng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07033/12S69
27452	S69-30885			Trịnh Hoàng Thống	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07034/12S69
27453	S69-30886			Hồ Trường Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07035/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27454	S69-30887			Nguyễn Văn ái	Tân tiến, Huyện Đầm Dơi	15/11/2012	15/11/2013	07036/12S69
27455	S69-30889			Nguyễn Văn Lý	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/11/2012	16/11/2013	07039/12S69
27456	S69-30890			Nguyễn Văn Đức	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07044/12S69
27457	S69-30891			Phan Thái Tổng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07045/12S69
27458	S69-30892	CM-72436		Trần Văn Huynh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/12/2014	16/12/2015	03355/14S69
27459	S69-30893	CM-72428		Nguyễn Thành Trung	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00190/14S69
27460	S69-30894			Thi Minh Hải	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/11/2013	16/11/2014	05793/13S69
27461	S69-30895			Đình Thanh Quảng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07049/12S69
27462	S69-30897			Trần Hoàng Khải	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07051/12S69
27463	S69-30898			Lê Văn Thúc	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07052/12S69
27464	S69-30899	CM-72435		Lê Trường Hận	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/03/2015	16/03/2016	00507/15S69
27465	S69-30900			Nguyễn Văn Để	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07054/12S69
27466	S69-30901			Huỳnh Văn On	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07055/12S69
27467	S69-30902	CM-72425		Nguyễn Văn Mơn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/10/2013	16/10/2014	04942/13S69
27468	S69-30903			Nguyễn Văn Khách	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07057/12S69
27469	S69-30904	CM-72430		Phan Văn Tài	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00197/14S69
27470	S69-30905	CM-72424		Nguyễn Thành Công	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/10/2013	16/04/2014	04944/13S69
27471	S69-30906			Trần Văn Tài	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/11/2012	16/11/2013	07060/12S69
27472	S69-30907	CM- 72422		Hồ Văn Chung	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/06/2015	16/06/2016	01108/15S69
27473	S69-30908	CM-98290		Lê Thị Mai	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	21/07/2015	21/07/2016	01317/15S69
27474	S69-30909			Phạm Bé Em	Thạnh phú, Huyện Cái Nước	16/11/2012	16/11/2013	07090/12S69
27475	S69-30911			Trần Quốc Tùng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/11/2012	20/11/2013	07092/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27476	S69-30912			Nguyễn Văn Tính	Khánh Tiến, Huyện U Minh	20/11/2012	20/11/2013	07093/12S69
27477	S69-30913			Nguyễn Văn Thủ	Khánh Tiến, Huyện U Minh	20/11/2012	20/11/2013	07094/12S69
27478	S69-30914	CM-23495		Nguyễn Văn Kiệt	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	14/07/2015	14/07/2016	01277/15S69
27479	S69-30915	CM-23494		Nguyễn Văn Hải	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	12/05/2014	12/05/2015	01240/14S69
27480	S69-30916			Đỗ Văn Hiền	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/11/2012	20/11/2013	07097/12S69
27481	S69-30917			Lê Bá Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	20/11/2012	20/11/2013	07098/12S69
27482	S69-30920	CM-52992		Huỳnh Chí Dũng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01395/15S69
27483	S69-30921			Phạm Vũ Linh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07112/12S69
27484	S69-30922			Trần Văn Lâm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07113/12S69
27485	S69-30923			Nguyễn Văn Liêm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07114/12S69
27486	S69-30924			Đặng Hoàng Anh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07115/12S69
27487	S69-30926	CM-52910		Lê Văn Tiếng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01583/14S69
27488	S69-30927			Lê Văn Tiếng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07118/12S69
27489	S69-30928			Nguyễn Mười Hai	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07119/12S69
27490	S69-30929	CM-52913		Trần Văn Phúc	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01401/15S69
27491	S69-30930			Trần Văn Phúc	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07121/12S69
27492	S69-30931			Lê Minh Dương	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07122/12S69
27493	S69-30932	CM-52916		Võ Thanh Tâm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01402/15S69
27494	S69-30933			Nguyễn Văn Liêm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07124/12S69
27495	S69-30934			Nguyễn Văn út	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07125/12S69
27496	S69-30936	CM-52920		Trần Văn Lâm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01400/15S69
27497	S69-30937			Nguyễn Văn Bi	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07128/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27498	S69-30938			Nguyễn Ngọc Tính	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07129/12S69
27499	S69-30939			Phan Ngọc Dũng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07130/12S69
27500	S69-30941			Nguyễn Văn Dũ	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07132/12S69
27501	S69-30942	CM-52925		Lê Thành Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05972/13S69
27502	S69-30943			Văn Đình Nhu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07134/12S69
27503	S69-30944			Nguyễn Công Danh	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07135/12S69
27504	S69-30945			Nguyễn Văn Dũng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07136/12S69
27505	S69-30946			Nguyễn Văn Cần	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07137/12S69
27506	S69-30947			Nguyễn Văn Nguyên	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07138/12S69
27507	S69-30948			Nguyễn Ngọc Luận	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07139/12S69
27508	S69-30949			Phạm Văn Cẩm	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07140/12S69
27509	S69-30950			Trương Quốc Sử	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07141/12S69
27510	S69-30951	CM-52934		Phan Văn Tèo	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01598/14S69
27511	S69-30952			Lê Quốc Tuấn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/11/2012	17/11/2013	07143/12S69
27512	S69-30953	CM-52936	MINH TRÍ	Nguyễn Văn Trí	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01410/15S69
27513	S69-30954	CM-52937		Hồ Thanh Nhàn	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/06/2015	28/06/2016	01190/15S69
27514	S69-30955			Huỳnh Văn Te	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	21/11/2012	21/11/2013	07152/12S69
27515	S69-30956	CM-44064		Trần Văn Mùi	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03320/14S69
27516	S69-30957	CM- 44065		Phạm Kiều Trang	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2014	12/01/2015	00110/14S69
27517	S69-30958	CM-87944		Nguyễn Thanh Trường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	06/01/2014	06/01/2015	00027/14S69
27518	S69-30959	CM-87952		Lê Thị Lệ	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/04/2015	16/10/2015	00721/15S69
27519	S69-30961	CM 87945		Nguyễn Hoàng Nam	Xã Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/02/2016	19/08/2016	00375/16S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27520	S69-30962			Lê Văn Thiệt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	18/11/2012	18/11/2013	07163/12S69
27521	S69-30963	CM-98311		Võ Văn Trước	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2014	20/01/2015	00241/14S69
27522	S69-30966			Võ Văn Mười	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07171/12S69
27523	S69-30967			Ngô Văn Toàn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07172/12S69
27524	S69-30968			Phan Trung Hậu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07173/12S69
27525	S69-30969			Đỗ Văn Hoàng	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/11/2012	20/11/2013	07174/12S69
27526	S69-30971	CM-62004		Vương Trung Thúc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2014	20/12/2015	03398/14S69
27527	S69-30972			Nguyễn Văn Sết	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07177/12S69
27528	S69-30973			Trần Văn Kha	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	20/11/2012	20/11/2013	07178/12S69
27529	S69-30974			Phan Văn Đa	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/11/2012	20/11/2013	07179/12S69
27530	S69-30975			Võ Văn Vẹn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/11/2012	20/11/2013	07180/12S69
27531	S69-30976			Đặng Văn Vinh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/11/2012	20/11/2013	07181/12S69
27532	S69-30977			Nguyễn Văn Trước	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/11/2012	20/11/2013	07182/12S69
27533	S69-30979			Hồ Văn Dự	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/11/2012	20/11/2013	07184/12S69
27534	S69-30980			Nguyễn Phong Quân	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/11/2012	20/11/2013	07185/12S69
27535	S69-30981			Ngô Văn Chiến	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05853/13S69
27536	S69-30982	CM-61990		Nguyễn Văn Thành	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01334/14S69
27537	S69-30983			Lê Tuấn Lực	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07188/12S69
27538	S69-30984	CM-61996		Nguyễn Văn Lâm	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	28/12/2013	28/12/2014	06404/13S69
27539	S69-30985			Phan Thị Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07190/12S69
27540	S69-30986	CM-61997		Tạ Trường Giang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2014	20/02/2015	00447/14S69
27541	S69-30987	CM-61998		Phan Văn Ro	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2014	20/11/2015	03065/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27542	S69-30988			Đỗ Kim Đa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07193/12S69
27543	S69-30989	CM-62006		Huỳnh Thanh Phương	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	03/07/2014	03/07/2015	01811/14S69
27544	S69-30990			Nguyễn Văn Hào	Lý Văn Lâm, Phường 1, Thành phố Cà Mau	21/11/2012	21/11/2013	07235/12S69
27545	S69-30991			Phạm Văn Linh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07236/12S69
27546	S69-30992	CM-98337		Nguyễn Hồng Nhân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	23/12/2013	23/12/2014	06310/13S69
27547	S69-30993			Nguyễn Thanh Tiền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07238/12S69
27548	S69-30994	CM-98342		Lê Văn Hui	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01574/15S69
27549	S69-30995			Lâm Thanh Hiền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07240/12S69
27550	S69-30996			Lâm Thanh út	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07241/12S69
27551	S69-31000	CM-98330		Nguyễn Văn Đeo	Tam Giang Tây, Huyện Năm Căn	23/12/2013	23/12/2014	06311/13S69
27552	S69-31001			Nguyễn Y Rắc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07246/12S69
27553	S69-31002			Lê Văn Cuội	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/11/2012	19/11/2013	07247/12S69
27554	S69-31004			Đoái Hoàng Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	21/11/2012	21/11/2013	07263/12S69
27555	S69-31005	CM-98297		Mai Thanh Vũ	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/03/2015	00643/14S69
27556	S69-31006			Nhan Văn Bào	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	22/11/2012	22/11/2013	07267/12S69
27557	S69-31007			Nguyễn út Nhỏ	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	23/11/2012	20/11/2013	07268/12S69
27558	S69-31008			Võ Hoàng Khương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07269/12S69
27559	S69-31009			Nguyễn Văn Tèo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/11/2012	20/11/2013	07270/12S69
27560	S69-31011			Nguyễn Quang Thuận	Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/11/2012	20/11/2013	07272/12S69
27561	S69-31012			Nguyễn Thanh út	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	23/11/2012	20/11/2013	07273/12S69
27562	S69-31014			Trần Văn Tiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07275/12S69
27563	S69-31015			Nguyễn Văn Hoàng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2012	20/11/2013	07276/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27564	S69-31016			Nguyễn Văn Khanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/11/2012	20/11/2013	07277/12S69
27565	S69-31018	CM-23493	Băng Tâm	Nguyễn Anh Huy	Xã Hàng Vĩnh, Huyện Năm Căn	19/12/2014	19/12/2015	03390/14S69
27566	S69-31019			Nguyễn Văn Chinh	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	23/11/2012	23/11/2013	07288/12S69
27567	S69-31020			Nguyễn Văn Tèo	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	23/11/2012	23/11/2013	07289/12S69
27568	S69-31021	CM-98301		Nguyễn Quốc Nghị	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2015	10/04/2016	00676/15S69
27569	S69-31022	CM-53027		Phan Văn Vũ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06546/13S69
27570	S69-31023			Lê Minh Diệp	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07292/12S69
27571	S69-31024			Nguyễn Văn Minh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07293/12S69
27572	S69-31025			Tô Minh Sang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07294/12S69
27573	S69-31026			Tô Minh Mộng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07295/12S69
27574	S69-31027			Tô Minh Đạo	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07296/12S69
27575	S69-31028			Nguyễn Minh Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07297/12S69
27576	S69-31029			Hồ Văn Tứ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07298/12S69
27577	S69-31030			Hồ Duy Luận	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07299/12S69
27578	S69-31031			Phạm Minh Tâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07300/12S69
27579	S69-31032			Trần Thanh Tân	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07301/12S69
27580	S69-31033			Phan Văn Tiến	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07302/12S69
27581	S69-31035			Phạm Thế Truyền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07304/12S69
27582	S69-31036			Ngô Quốc Vệ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07305/12S69
27583	S69-31037			Lê Hoài Bảo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07306/12S69
27584	S69-31038			Trần Minh Đoàn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07307/12S69
27585	S69-31039			Lê Hồng Thẩm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07308/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27586	S69-31041			Nguyễn Thanh Phong	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07310/12S69
27587	S69-31042			Huỳnh Văn Ngoan	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07311/12S69
27588	S69-31043			Lê Văn Bùi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07312/12S69
27589	S69-31044			Lê Bảo Đăng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07313/12S69
27590	S69-31045			Nguyễn Văn Sự	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07314/12S69
27591	S69-31046			Đỗ Văn Hiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07315/12S69
27592	S69-31047			Đỗ Hồng Phước	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	21/07/2015	21/07/2016	01341/15S69
27593	S69-31048			Thạch Xel	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07317/12S69
27594	S69-31049			Nguyễn Anh Đệ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07318/12S69
27595	S69-31050			Đoàn Hoài Linh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07319/12S69
27596	S69-31051	CM-52998		Huỳnh Công Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01445/15S69
27597	S69-31052			Chung Thanh Bình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07321/12S69
27598	S69-31053			Lê Hữu Nghĩa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07322/12S69
27599	S69-31054			Lương Văn Hiền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07323/12S69
27600	S69-31055			Trần Phụng Em	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07324/12S69
27601	S69-31056			Phạm Văn Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07325/12S69
27602	S69-31057			Đinh Thị Lem	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07326/12S69
27603	S69-31058			Tô Thanh Trà	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07327/12S69
27604	S69-31059			Hồng Thành Được	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07328/12S69
27605	S69-31060			Huỳnh Văn Nam	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07329/12S69
27606	S69-31061			Nguyễn Văn Kiệt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07330/12S69
27607	S69-31062			Lê Thanh Bình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07331/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27608	S69-31063			Huỳnh Dương Tử	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07332/12S69
27609	S69-31064			Đoàn Văn Hòa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07333/12S69
27610	S69-31065			Phan Công Trình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07334/12S69
27611	S69-31066			Nguyễn Văn Hòa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07335/12S69
27612	S69-31067			Hồ Thanh Lâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07336/12S69
27613	S69-31068			Thiều Hùng Linh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07337/12S69
27614	S69-31069			Kim Văn Thức	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07338/12S69
27615	S69-31070			Dương Văn Chào	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07339/12S69
27616	S69-31071			Lâm Văn Oanh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07340/12S69
27617	S69-31072			Chung Quốc Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07341/12S69
27618	S69-31073			Lê Hoàng Oanh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07342/12S69
27619	S69-31074			Nguyễn Chí Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07343/12S69
27620	S69-31075			Lê Ngọc Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07344/12S69
27621	S69-31076			Huỳnh Thị Thảo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07345/12S69
27622	S69-31077			Nguyễn Văn Lên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07346/12S69
27623	S69-31078			Lê Kiều Dân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07347/12S69
27624	S69-31079			Nguyễn ái Luyến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07348/12S69
27625	S69-31080			Trần Văn Trường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07349/12S69
27626	S69-31081			Lâm Hùng Cường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07350/12S69
27627	S69-31082			Trần Hoàng Ổn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07351/12S69
27628	S69-31083			Lâm Văn Trên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07352/12S69
27629	S69-31084			Bạch Hoài Phong	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07353/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27630	S69-31085			Trần Văn Hoàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07354/12S69
27631	S69-31086			Võ Hoàng út	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07355/12S69
27632	S69-31087			Trần Minh Sáng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07356/12S69
27633	S69-31088			Nguyễn Thanh Vì	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07357/12S69
27634	S69-31089			Trần Lam Phương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07358/12S69
27635	S69-31090			Diệp Văn Chương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07359/12S69
27636	S69-31091			Lý Minh Vũ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07360/12S69
27637	S69-31092			Lý Văn Cường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07361/12S69
27638	S69-31093	CM-52945		Võ Hoàng Minh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02859/14S69
27639	S69-31094			Phan Văn Đi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07363/12S69
27640	S69-31095			Trương Điều Phát	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07364/12S69
27641	S69-31096			Nguyễn Văn Hoài	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07365/12S69
27642	S69-31097			Lê Văn Ngọc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07366/12S69
27643	S69-31098			Nguyễn Thanh Tùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07367/12S69
27644	S69-31099			Nguyễn Chí Hiếu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07368/12S69
27645	S69-31100			Trần Quốc Cường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07369/12S69
27646	S69-31101			Lê Huyền Trang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07370/12S69
27647	S69-31102			Lê Bảo Trung	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07371/12S69
27648	S69-31103			Huỳnh Văn Thuyền	Thanh Tùng, Huyện Ngọc Hiển	22/11/2012	22/11/2013	07372/12S69
27649	S69-31104			Nguyễn Văn Thống	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07373/12S69
27650	S69-31105			Nguyễn Thanh Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07374/12S69
27651	S69-31106			Thái Văn Dư	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07375/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27652	S69-31107			Trần Văn Giang Anh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07376/12S69
27653	S69-31108			Lê Hoàng Đen	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07377/12S69
27654	S69-31109			Dương Văn Ngoãn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/11/2012	22/11/2013	07378/12S69
27655	S69-31111			Phạm Thái Súa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	26/11/2012	26/11/2013	07462/12S69
27656	S69-31112			Tạ Văn Phương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07463/12S69
27657	S69-31113			Huỳnh Văn Thông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07464/12S69
27658	S69-31114			Nguyễn Văn Linh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07465/12S69
27659	S69-31115			Trương Văn Trường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07466/12S69
27660	S69-31116	CM- 66859		Võ Ngọc Đượm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06348/13S69
27661	S69-31117	CM-66860		Đoàn Văn Lương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05427/13S69
27662	S69-31118	CM- 66861		Lê Văn Việt	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	25/12/2013	24/12/2014	06347/13S69
27663	S69-31119			Nguyễn Văn Cảnh	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07470/12S69
27664	S69-31121	CM-66864		Nguyễn Xuân Bắc	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2014	24/04/2015	01091/14S69
27665	S69-31122	CM-66865		Huỳnh Văn Bảy	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	03/03/2014	03/03/2015	00579/14S69
27666	S69-31124			Nguyễn Thành Tài	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2012	24/11/2013	07475/12S69
27667	S69-31125			Trần Văn Đoàn	Xã Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	26/11/2012	26/11/2013	07499/12S69
27668	S69-31126			Nguyễn Văn Tèo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	26/11/2012	26/11/2013	07500/12S69
27669	S69-31127			Nguyễn Ngọc Xe	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	26/11/2012	26/11/2013	07501/12S69
27670	S69-31128			Ngô Văn Liệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2012	27/11/2013	07503/12S69
27671	S69-31129			Đỗ Văn Năng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2012	27/11/2013	07504/12S69
27672	S69-31130			Nguyễn Chí Thoại	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2012	27/11/2013	07505/12S69
27673	S69-31131			Lê Long Vẹn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	27/11/2012	27/11/2013	07506/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27674	S69-31133			Ngô Văn Nhôm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	27/11/2012	27/11/2013	07513/12S69
27675	S69-31134			Nguyễn Văn Hoàng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	27/11/2012	27/11/2013	07514/12S69
27676	S69-31136			Lưu Minh Tuấn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07516/12S69
27677	S69-31137			Ngô Công Văn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07517/12S69
27678	S69-31138			Nguyễn Thanh Trường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07518/12S69
27679	S69-31139			Nguyễn Chí Linh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07519/12S69
27680	S69-31140			Nguyễn Quốc Thới	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07520/12S69
27681	S69-31141			Trần Mỹ Thanh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07521/12S69
27682	S69-31142			Đoàn Văn Tỷ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07522/12S69
27683	S69-31143			Lâm Văn Chương	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07523/12S69
27684	S69-31144			Huỳnh Văn Tỏ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07524/12S69
27685	S69-31145			Phan Văn Vui	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07525/12S69
27686	S69-31146			Dương Quốc Tới	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07526/12S69
27687	S69-31147			Nguyễn Thái Nguyên	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07527/12S69
27688	S69-31148			Nguyễn Văn ý	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07528/12S69
27689	S69-31149			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07529/12S69
27690	S69-31150			Nguyễn Văn Nhờ	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07530/12S69
27691	S69-31151	CM- 44090		Lê Văn Hữu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06174/13S69
27692	S69-31152			Cao Tài Lợi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07532/12S69
27693	S69-31153			Nguyễn Thanh Bền	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07533/12S69
27694	S69-31154			Hồ Vũ Linh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07534/12S69
27695	S69-31155			Ngô Văn Lĩnh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07535/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27696	S69-31156	CM-44095		Nguyễn Quốc Ninh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/12/2013	02/12/2014	06037/13S69
27697	S69-31157			Trần Hoàng Ân	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07537/12S69
27698	S69-31158			Trần Văn Muội	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07538/12S69
27699	S69-31159			Đoàn Ngọc Âu	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07539/12S69
27700	S69-31160			Nguyễn Thành Lợi	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07540/12S69
27701	S69-31161			Nguyễn Văn Khương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07541/12S69
27702	S69-31162			Trần Thanh Trung	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07542/12S69
27703	S69-31163			Nguyễn Anh Quân	Phú Thuận, Huyện Cái Nước	27/11/2012	27/11/2013	07543/12S69
27704	S69-31164			Hứa Nhật Duy	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	28/11/2012	28/11/2013	07551/12S69
27705	S69-31165			Lê Tấn Trường	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	28/11/2012	28/11/2013	07552/12S69
27706	S69-31167			Nguyễn Văn Hùng	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	29/11/2012	29/11/2013	07556/12S69
27707	S69-31168			Ngô Chí An	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07558/12S69
27708	S69-31169			Trần Thanh Đoàn	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07559/12S69
27709	S69-31170			Trần Văn Thế	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07560/12S69
27710	S69-31172			Tiêu Bích Liên	Tân Đức, Thành phố Cà Mau	28/11/2012	28/11/2013	07562/12S69
27711	S69-31173			Lâm Trường Giang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07563/12S69
27712	S69-31174			Phạm Đồng Hóa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07564/12S69
27713	S69-31175			Nguyễn Hoàng Như	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07565/12S69
27714	S69-31176			Võ Văn Lý	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07566/12S69
27715	S69-31177			Trương Đồng Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07567/12S69
27716	S69-31178	CM-53031		Phan Minh Thới	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03180/14S69
27717	S69-31179			Trần Văn Khải	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07569/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27718	S69-31180			Lê Tấn Sửu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07570/12S69
27719	S69-31181			Hồ Văn Đô	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07571/12S69
27720	S69-31182			Ngô Trần Khải	TTaan Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07572/12S69
27721	S69-31183	CM-53036		Phan Bạch Đằng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00348/14S69
27722	S69-31184			Vưu Hoàng Giang	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	24/11/2012	28/11/2013	07574/12S69
27723	S69-31186			Vưu Thành Được	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07576/12S69
27724	S69-31187			Tô Minh Hết	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07577/12S69
27725	S69-31188	CM- 53041		Tô Văn Lãng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06421/13S69
27726	S69-31189	CM-53042		Trần Văn Chí	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06496/13S69
27727	S69-31190	CM- 53043		Nguyễn Văn Rợ	, Huyện Đầm Dơi	29/12/2014	29/12/2015	03566/14S69
27728	S69-31191			Huỳnh Hoàng Em	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07581/12S69
27729	S69-31192	CM-53045		Diệp Thanh Trúc	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00336/14S69
27730	S69-31193			Trương Quốc Bình	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07583/12S69
27731	S69-31194			Nguyễn Quốc Việt	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07584/12S69
27732	S69-31195			Trần Quốc Khởi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07585/12S69
27733	S69-31196			Nguyễn Minh Nhật	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07586/12S69
27734	S69-31197			Phạm Thị Ven	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07587/12S69
27735	S69-31198			Dương Văn Niềm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07588/12S69
27736	S69-31199			Lê Tấn Đạt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07589/12S69
27737	S69-31200	CM-53052		Hứa Hồng Sự	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03564/14S69
27738	S69-31201	CM-53053		Phạm Văn Đông	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01074/13S69
27739	S69-31202			Nguyễn Văn Thương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07592/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27740	S69-31203			Trương Tô Míl	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07593/12S69
27741	S69-31204			Nguyễn Văn Đẩu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07594/12S69
27742	S69-31205	CM-53057		Nguyễn Văn Ngàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00555/14S69
27743	S69-31207			Võ Văn Xuyên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07597/12S69
27744	S69-31208			Đặng Minh Thành	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07598/12S69
27745	S69-31209			Nguyễn Phong Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07599/12S69
27746	S69-31210			Huỳnh Minh Thương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07600/12S69
27747	S69-31211			Trương Văn Sáu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07601/12S69
27748	S69-31212			Trần Minh Vui	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07602/12S69
27749	S69-31213	CM-53065		Ngô Hoàng Diễn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06586/13S69
27750	S69-31214			Phạm Nguyên Khôi	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07604/12S69
27751	S69-31215			Phạm Văn Mười	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07605/12S69
27752	S69-31216			Trần Văn Tùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07606/12S69
27753	S69-31217			Nguyễn Hoàng Thi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07607/12S69
27754	S69-31218			Trần Văn Danh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07608/12S69
27755	S69-31219			Lâm Đức Lộc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07609/12S69
27756	S69-31220	CM-53072		Nguyễn Văn Tài	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06512/13S69
27757	S69-31221			Phạm Văn Phong	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07611/12S69
27758	S69-31222			Lâm Thanh Phúc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07612/12S69
27759	S69-31223			Nguyễn Phi Long	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07613/12S69
27760	S69-31224	CM-53076		Phạm Quốc Phong	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03554/14S69
27761	S69-31225			Phương Kim Tư	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07615/12S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
27762	S69-31226	CM-53078		Đình Hoàng Khanh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05950/13S69
27763	S69-31227	CM-53079		Nguyễn Văn Bé Ba	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01429/14S69
27764	S69-31228	CM- 53080		Tạ Chí Công	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06402/13S69
27765	S69-31229			Lê Hoài Thanh	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07619/12S69
27766	S69-31230			Phan Quốc Tuấn	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07620/12S69
27767	S69-31231	CM-53083		Nguyễn Văn Sáu	xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01407/15S69
27768	S69-31232			Trần Quốc Tuấn	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	29/11/2012	28/11/2013	07622/12S69
27769	S69-31233	CM-53085		Nguyễn Thanh Mộng	xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06409/13S69
27770	S69-31234			Nguyễn Thanh Liêm	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07624/12S69
27771	S69-31235	CM-53087		Bào Tấn Lên	xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03544/14S69
27772	S69-31236			Nguyễn Văn Sa	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07626/12S69
27773	S69-31237	CM-53089		Nguyễn Chí Nhân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06601/13S69
27774	S69-31238			Hồng Văn Nhứt	xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07628/12S69
27775	S69-31240			Nguyễn Văn Vũ	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07630/12S69
27776	S69-31241			Vưu Văn Bì	xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07631/12S69
27777	S69-31242			Nguyễn Tấn Em	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07632/12S69
27778	S69-31243			Trần Chí Cường	xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07633/12S69
27779	S69-31244			Hứa Ngọc Thuận	K2< TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07634/12S69
27780	S69-31245			Bùi Minh Quang	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07635/12S69
27781	S69-31246			Nguyễn Trường Giang	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07636/12S69
27782	S69-31247			Phạm Văn Năng	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07637/12S69
27783	S69-31248			Văn Quốc Toàn	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07638/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27784	S69-31249			Nguyễn Phương Vũ	xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07639/12S69
27785	S69-31250			Thang Minh Phục	xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07640/12S69
27786	S69-31251			Nguyễn Văn Giám	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07641/12S69
27787	S69-31252	CM-53104		Trương Chí Tâm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06490/13S69
27788	S69-31253			Nguyễn Hoàng Giang	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07643/12S69
27789	S69-31254			Phạm Công Danh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07644/12S69
27790	S69-31255			Nguyễn Thị Liễu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07645/12S69
27791	S69-31256	CM- 53107		Trần Quốc Tuấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05982/13S69
27792	S69-31257			Huỳnh Hoàng Lượng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07647/12S69
27793	S69-31258			Quách Văn Dương	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07648/12S69
27794	S69-31259			Phạm Công Quận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07649/12S69
27795	S69-31260	CM-53111		Nguyễn Hoàng Nguyễn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00836/14S69
27796	S69-31261			Võ Thanh Tùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07651/12S69
27797	S69-31262	CM-53113		Phạm Việt Cường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06533/13S69
27798	S69-31263	CM- 53114		Nguyễn Văn Giám	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05938/13S69
27799	S69-31264			Dương Bửu Quang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07654/12S69
27800	S69-31265			Trương Thành Lễ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07655/12S69
27801	S69-31266	CM-53117		Trương Tây Le	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00233/15S69
27802	S69-31267			Trần Thanh Mùi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07657/12S69
27803	S69-31268			Võ Hoàng Tường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07658/12S69
27804	S69-31269			Võ Văn Lai	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07659/12S69
27805	S69-31270			Nguyễn Trọng Thủy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07660/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27806	S69-31271	CM-53122		Trương Văn Thịnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01754/14S69
27807	S69-31272			Phạm Đồng Lâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07662/12S69
27808	S69-31273			Huỳnh Chí Công	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07663/12S69
27809	S69-31274			Lê Minh Khanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07664/12S69
27810	S69-31275			Lê ý Nguyễn	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07665/12S69
27811	S69-31276			Ngô Văn út	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07666/12S69
27812	S69-31277			Trần Quốc Thống	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07667/12S69
27813	S69-31278			Ngô Văn Buól	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07668/12S69
27814	S69-31279			Dương Trung Tình	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07669/12S69
27815	S69-31280			Lý Hoàng Mãnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07670/12S69
27816	S69-31281	CM- 53132		Phạm Văn Năng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06450/13S69
27817	S69-31282			Huỳnh Chí ái	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07672/12S69
27818	S69-31283			Lê Văn Triệu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07673/12S69
27819	S69-31284			Hà Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07674/12S69
27820	S69-31285			Trịnh Hoàng Triều	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07675/12S69
27821	S69-31286			Phan Minh Đời	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07676/12S69
27822	S69-31287	CM-53138		Trần Duy Khánh	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/05/2015	28/05/2016	01026/15S69
27823	S69-31288	CM-53139		Lâm Hoàng Vinh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06494/13S69
27824	S69-31289			Lâm Trường Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07679/12S69
27825	S69-31290			Lư Quang Thảo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07680/12S69
27826	S69-31291			Trương Văn Đứng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07681/12S69
27827	S69-31292			Dương Văn Dạng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07682/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27828	S69-31293			Trần Tấn Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07683/12S69
27829	S69-31294			Nguyễn Ngọc Tâm	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07684/12S69
27830	S69-31295			Ngô Quang Thà	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07685/12S69
27831	S69-31296			Lâm Thái Anh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07686/12S69
27832	S69-31297			Lý Thanh Nhân	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07687/12S69
27833	S69-31298			Nguyễn Văn Thắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07688/12S69
27834	S69-31299			Nguyễn Hoàng Bắc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07689/12S69
27835	S69-31300			Thái Minh Luân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07690/12S69
27836	S69-31301			Huỳnh Hoàng Phong	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07691/12S69
27837	S69-31302			Huỳnh Văn Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07692/12S69
27838	S69-31303	CM-53197		Nguyễn Quốc Khánh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05962/13S69
27839	S69-31304			Nguyễn Văn Bạc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07694/12S69
27840	S69-31305			Trương Minh Hiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07695/12S69
27841	S69-31306	CM-53156		Võ Văn Huệ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/01/2014	10/01/2015	00069/14S69
27842	S69-31307	CM-53157		Lê Hồng Quân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06511/13S69
27843	S69-31308	CM-53158		Võ Hoàng Thám	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01149/14S69
27844	S69-31309			Phạm Thanh Nhị	TT Dầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05939/13S69
27845	S69-31310			Nguyễn Thái Hùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07700/12S69
27846	S69-31311			Nguyễn Văn Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07701/12S69
27847	S69-31312	CM-53162		Đỗ Thọ Hưởng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06509/13S69
27848	S69-31313			Trần Chí Tâm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07703/12S69
27849	S69-31314			Lê Hoàng Tao	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07704/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27850	S69-31315	CM-53165		Huỳnh Văn Thanh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03149/14S69
27851	S69-31316	CM-53166		Lê Văn Đông	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05951/13S69
27852	S69-31317			Trần Văn Nghiện	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07707/12S69
27853	S69-31318	CM- 53168		Võ Vũ Linh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06443/13S69
27854	S69-31319	CM- 53169		Đình Tấn Hùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06442/13S69
27855	S69-31320			Trần Văn Nhanh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07710/12S69
27856	S69-31321	CM-53171		Lương Văn Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06488/13S69
27857	S69-31322			Nguyễn Tiến Chon	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07712/12S69
27858	S69-31323			Lâm Thái Cường	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07713/12S69
27859	S69-31324			Huỳnh Văn Hổ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07714/12S69
27860	S69-31325			Trương Bình An	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07715/12S69
27861	S69-31326			Diệp Văn Đàng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07716/12S69
27862	S69-31327			Huỳnh Văn Hóa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07717/12S69
27863	S69-31328			Lê Văn Hữu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07718/12S69
27864	S69-31329			Lâm Hoàng Oanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07719/12S69
27865	S69-31330			Nguyễn Văn Cửa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07720/12S69
27866	S69-31331			Trương Thanh Vũ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07721/12S69
27867	S69-31332	CM-53180		Trần Văn Tỷ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06564/13S69
27868	S69-31333			Võ Văn Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07723/12S69
27869	S69-31334			Trần Quốc Thanh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07724/12S69
27870	S69-31335			Nguyễn Văn Tèo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07725/12S69
27871	S69-31336			Ngô Bá Lộc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07726/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27872	S69-31337			Nguyễn Quốc Thới	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07727/12S69
27873	S69-31338			Ngô Văn Vũ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07728/12S69
27874	S69-31339	CM-53381		Phan Công Cuộc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03562/14S69
27875	S69-31340			Võ Hoàng Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07730/12S69
27876	S69-31341			Trương Văn Tảo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07731/12S69
27877	S69-31342			Võ Minh Thện	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07732/12S69
27878	S69-31343	CM-53188		Võ Văn Liêm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03553/14S69
27879	S69-31344			Mạch Văn Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07734/12S69
27880	S69-31345	CM-53190		Võ Ngọc Vui	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01144/14S69
27881	S69-31346			Lê Công Viên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07736/12S69
27882	S69-31347	CM-53192		Phạm Văn Dạng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03556/14S69
27883	S69-31348			Tạ Thanh Liễu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07738/12S69
27884	S69-31349			Đỗ Hoàng Pháp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07739/12S69
27885	S69-31350			Huỳnh Ngọc Nhu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2012	28/11/2013	07740/12S69
27886	S69-31351	CM-53195		Nguyễn Hoàng Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05943/13S69
27887	S69-31353			Nguyễn Quang Vinh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	29/11/2012	29/11/2013	07903/12S69
27888	S69-31354			Mã Văn Truyền	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	30/11/2012	30/11/2013	07906/12S69
27889	S69-31356			Hồ Văn Thịnh	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	03/12/2012	03/12/2013	79131/12S69
27890	S69-31357			Nguyễn Minh Công	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	03/12/2012	03/12/2013	07914/12S69
27891	S69-31358	CM : 98309		Lương Văn Hiệp	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	11/06/2014	11/12/2014	01538/14S69
27892	S69-31360			Dương Văn Tánh	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/12/2012	04/12/2013	07926/12S69
27893	S69-31361			Phan Linh Dương	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	04/12/2012	04/12/2013	07929/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27894	S69-31364			Lâm Tùng Sinh	Phường 6, Thành phố Cà Mau	04/12/2012	04/12/2013	07933/12S69
27895	S69-31365			Dương Văn Trọng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07940/12S69
27896	S69-31366			Nguyễn Văn Hoàng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07941/12S69
27897	S69-31367			Đỗ Văn Giang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07942/12S69
27898	S69-31369			Phan Trọng Bình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07944/12S69
27899	S69-31370			Bùi Văn Mộng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07945/12S69
27900	S69-31371			Phan Thị Hên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07946/12S69
27901	S69-31372			Nguyễn Hoàng Nam	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07947/12S69
27902	S69-31373			Kiều Minh Ngoan	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07948/12S69
27903	S69-31374			Trần Hoàng Tuấn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07949/12S69
27904	S69-31375			Huỳnh Tấn Lợi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07950/12S69
27905	S69-31376			Diệp Quốc Nam	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07951/12S69
27906	S69-31377			Lê Thực Hiện	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07952/12S69
27907	S69-31378			Lương Hoàng Dự	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07953/12S69
27908	S69-31379			Nguyễn Thành Đồng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07954/12S69
27909	S69-31380			Tô Duy Tân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07955/12S69
27910	S69-31381			Nguyễn Phước Cửa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07956/12S69
27911	S69-31382			Nguyễn Văn Phương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07957/12S69
27912	S69-31383			Nguyễn Văn Phương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	31383/12S69
27913	S69-31384			Phan Thanh Thoại	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07959/12S69
27914	S69-31385			Huỳnh Văn Tấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07960/12S69
27915	S69-31386			Huỳnh Văn Tuấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07961/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27916	S69-31387			Huỳnh Thanh Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07962/12S69
27917	S69-31388			Trần Văn Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07936/12S69
27918	S69-31389			Trịnh Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07964/12S69
27919	S69-31390			Hồ Minh Lý	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07965/12S69
27920	S69-31391			Bùi Quang Tảng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07966/12S69
27921	S69-31392			Trần Hoàng Em	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07967/12S69
27922	S69-31393			Bùi Hoàng Kha	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07968/12S69
27923	S69-31394			Hồ Văn Hậu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07969/12S69
27924	S69-31395			Huỳnh Hữu Dũng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07970/12S69
27925	S69-31396			Dương Văn Mến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07971/12S69
27926	S69-31397			Nguyễn Trung Kiên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07972/12S69
27927	S69-31398			Trịnh Hoàng Hà	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07973/12S69
27928	S69-31399			Trần Thanh Sơn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07974/12S69
27929	S69-31400			Ngô Văn Hiếu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07975/12S69
27930	S69-31401			Đặng Tường Vy	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07976/12S69
27931	S69-31402			Nguyễn Văn Trường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07977/12S69
27932	S69-31403			Nguyễn Văn Bình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07978/12S69
27933	S69-31404			Trịnh Minh Đường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07979/12S69
27934	S69-31405			Phạm Yên Tâm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07980/12S69
27935	S69-31406			Phan Văn Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07981/12S69
27936	S69-31407			Nguyễn Văn Chung	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07982/12S69
27937	S69-31408			Đặng Văn Liệt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07983/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27938	S69-31409			Trương Minh Dương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07984/12S69
27939	S69-31410			Nguyễn Văn Chuộng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07985/12S69
27940	S69-31411			Diệp Văn Đây	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07986/12S69
27941	S69-31412			Lê Văn Thắng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07987/12S69
27942	S69-31413			Khương Minh Sáng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07988/12S69
27943	S69-31414			Trần Thanh Nhân	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07989/12S69
27944	S69-31415			Trương Hoàng Khởi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07990/12S69
27945	S69-31416			Hồ Chí Thuận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07991/12S69
27946	S69-31417			Nguyễn Văn Thắng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07992/12S69
27947	S69-31418			Trương Văn Vụ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07993/12S69
27948	S69-31419			Hồ Thanh Tạng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07994/12S69
27949	S69-31420			Đặng Hoàng Sanh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07995/12S69
27950	S69-31421			Nguyễn Thiên Duyên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07996/12S69
27951	S69-31422			Phan Hoàng Liêm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07997/12S69
27952	S69-31423			Trần Bé Thương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07998/12S69
27953	S69-31424			Mai Văn Phương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	07999/12S69
27954	S69-31425			Trần Văn Ngoan	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08000/12S69
27955	S69-31426			Lê Văn Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08001/12S69
27956	S69-31427			Nguyễn Kim Cương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08002/12S69
27957	S69-31428			Dương Hồng Sơn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08003/12S69
27958	S69-31429			Hồ út Lớn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08004/12S69
27959	S69-31430			Trương Văn Nghĩa	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08005/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27960	S69-31431			Trương Chí Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08006/12S69
27961	S69-31432			Trương Minh út	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08007/12S69
27962	S69-31433			Bùi Văn Hiện	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08008/12S69
27963	S69-31434			Trương Văn Tuấn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08009/12S69
27964	S69-31435			Võ Văn Sử	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08010/12S69
27965	S69-31436			Phạm Văn Tấn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08011/12S69
27966	S69-31437			Mai Văn Khởi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08012/12S69
27967	S69-31438			Võ Hoàng Dô	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08013/12S69
27968	S69-31439			Đỗ Văn Dọt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08014/12S69
27969	S69-31440			Dương Vạn Thiên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08015/12S69
27970	S69-31441			Trần Hữu Trí	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08016/12S69
27971	S69-31442			Lê Quốc Diệp	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08017/12S69
27972	S69-31443			Nguyễn Văn Thắng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08018/12S69
27973	S69-31444			Nguyễn Văn Giàu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08019/12S69
27974	S69-31445			Phạm Văn Dũng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08020/12S69
27975	S69-31446			Lâm Thị Đẹp	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08021/12S69
27976	S69-31447			Phan Hoàng Minh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08022/12S69
27977	S69-31448			Nguyễn Hoàng Giang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08023/12S69
27978	S69-31449			Trương Văn Thống	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08024/12S69
27979	S69-31450			Nguyễn Trọng Nguyễn	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08025/12S69
27980	S69-31451			Phạm Quốc Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08026/12S69
27981	S69-31452			Lê Văn Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08027/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
27982	S69-31453			Nguyễn Hoàng Lanh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08028/12S69
27983	S69-31454			Phạm Văn Chùng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08029/12S69
27984	S69-31455			Huỳnh Thanh Hùng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08030/12S69
27985	S69-31456			Nguyễn Văn Trường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08031/12S69
27986	S69-31457			Nguyễn Văn Minh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08032/12S69
27987	S69-31458			Ngô Như ý	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08033/12S69
27988	S69-31459			Nguyễn Minh Chiến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08034/12S69
27989	S69-31460			Nguyễn Văn út	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08035/12S69
27990	S69-31461			Trần Vũ Khanh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08036/12S69
27991	S69-31462			Lương Vũ Phương	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08037/12S69
27992	S69-31463			Đặng Việt Nghi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08038/12S69
27993	S69-31464			Bùi Tấn Lực	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08039/12S69
27994	S69-31465			Mai Chí Linh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08040/12S69
27995	S69-31466			Nguyễn Văn Phương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08041/12S69
27996	S69-31467			Nguyễn Văn Lớn	Tạ an Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08042/12S69
27997	S69-31468	CM-53314		Huỳnh Văn Đa	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06528/13S69
27998	S69-31469			Đoàn Thanh Bình	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08044/12S69
27999	S69-31470			Nguyễn Văn Hải	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08045/12S69
28000	S69-31471			Lưu Văn Phúc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08046/12S69
28001	S69-31472			Nguyễn Văn Pha	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08047/12S69
28002	S69-31473			Nguyễn Văn Bằng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08048/12S69
28003	S69-31474			Trần Thanh Dũng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08049/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28004	S69-31475			Phạm Quốc Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08050/12S69
28005	S69-31476			Phạm Văn Lương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08051/12S69
28006	S69-31477			Nguyễn Ô Rel	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08052/12S69
28007	S69-31478			Huỳnh Văn Tinh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08053/12S69
28008	S69-31479			Trần Hoàng Phúc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08054/12S69
28009	S69-31480			Hồ út Nhỏ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08055/12S69
28010	S69-31481			Huỳnh Văn Sơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08056/12S69
28011	S69-31482			Lê Hồng Nhiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08057/12S69
28012	S69-31483			Tiền Hải Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08058/12S69
28013	S69-31484			Phan Văn Lợi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08059/12S69
28014	S69-31485			Bùi Văn Chí	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08060/12S69
28015	S69-31486			Phạm Quốc Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08061/12S69
28016	S69-31487			Dương Văn Cường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08062/12S69
28017	S69-31488			Bùi Công Danh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08063/12S69
28018	S69-31489			Lê Tấn Bửu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08064/12S69
28019	S69-31490			Đoàn Văn Năng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08065/12S69
28020	S69-31491			Võ Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08066/12S69
28021	S69-31492			Hồ Hoàng út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08067/12S69
28022	S69-31493			Tạ Minh Phụng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08068/12S69
28023	S69-31494			Trương Trung Kiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08069/12S69
28024	S69-31495			Tô Minh Thái	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08070/12S69
28025	S69-31496			Tạ Minh Bạc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08071/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28026	S69-31497			Trình Văn Thiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08072/12S69
28027	S69-31498			Nguyễn Văn Sở	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08073/12S69
28028	S69-31499			Hồ Thanh Trúc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08074/12S69
28029	S69-31500			Trần Văn Mạnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08075/12S69
28030	S69-31501			Lê Văn Cường	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08076/12S69
28031	S69-31502			Nguyễn Văn Phèo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08077/12S69
28032	S69-31503			Huỳnh Mãnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08078/12S69
28033	S69-31504			Trương Quốc Thới	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08079/12S69
28034	S69-31505			Huỳnh Văn Biết	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08080/12S69
28035	S69-31506			Trần Minh Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08081/12S69
28036	S69-31507			Lâm Sơn Kính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08082/12S69
28037	S69-31508			Lâm Sơn Hải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08083/12S69
28038	S69-31509			Trịnh Văn Bảy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08084/12S69
28039	S69-31510			Đặng Chí Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08085/12S69
28040	S69-31511			Huỳnh Ngọc Vinh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08086/12S69
28041	S69-31512			Lê Minh Lệ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08087/12S69
28042	S69-31513			Nguyễn Minh Chiến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08088/12S69
28043	S69-31514			Nguyễn Thị Thơ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08089/12S69
28044	S69-31515			Nguyễn Văn Đương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08090/12S69
28045	S69-31516	CM-53347		Phạm Chí Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06527/13S69
28046	S69-31517			Hồ Văn Thừa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08092/12S69
28047	S69-31518			Hồ Minh Ngôn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08093/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28048	S69-31519			Cao Văn Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08094/12S69
28049	S69-31520			Tạ Văn Tài	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08095/12S69
28050	S69-31521	CM- 53349		Hồ Văn Đua	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05992/13S69
28051	S69-31522			Huỳnh Văn Thanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08097/12S69
28052	S69-31523			Nguyễn Văn Liệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08098/12S69
28053	S69-31524			Cao Văn Đông	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08099/12S69
28054	S69-31525			Nguyễn Thanh Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08100/12S69
28055	S69-31526	CM- 98348		Lê Trường An	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	16/12/2013	16/12/2014	06209/13S69
28056	S69-31527			Lê Văn Cuộc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08102/12S69
28057	S69-31528			Phạm Văn Cống	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08103/12S69
28058	S69-31529			Phạm Thanh Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08104/12S69
28059	S69-31530			Trần Văn Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08105/12S69
28060	S69-31531	CM-53201		Huỳnh Văn Tiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06549/13S69
28061	S69-31532	CM-53202		Phạm Văn Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00569/14S69
28062	S69-31533			Trần Thanh Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08108/12S69
28063	S69-31534			Nguyễn Văn Hiếu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08109/12S69
28064	S69-31535			Phan Văn Công	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08110/12S69
28065	S69-31536	CM - 53206		Nguyễn Trường Hát	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05987/13S69
28066	S69-31537			Nguyễn Chí Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08112/12S69
28067	S69-31538			Bùi Văn Đèo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08113/12S69
28068	S69-31539			Hứa Hoàng Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08114/12S69
28069	S69-31540			Bùi Hoàng Thắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08115/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28070	S69-31541	CM-98323		Nguyễn Văn Ngỏi	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/12/2013	02/12/2014	06036/13S69
28071	S69-31543			Nguyễn Văn Năng	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/12/2012	06/12/2013	08169/12S69
28072	S69-31544			Nguyễn Văn Hưng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	06/12/2012	06/12/2013	08170/12S69
28073	S69-31545			Nguyễn Văn Trúc	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	06/12/2012	06/12/2013	08171/12S69
28074	S69-31547			Phạm Văn Trí	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	06/12/2012	06/12/2013	08175/12S69
28075	S69-31548			Ngô Rộng Em	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	06/12/2012	06/12/2013	08176/12S69
28076	S69-31549			Nguyễn Văn Lập	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	06/12/2012	06/12/2013	08181/12S69
28077	S69-31550			Nguyễn Văn Lia	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/12/2012	04/12/2013	08182/12S69
28078	S69-31551			Trương Văn Dự	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/12/2012	04/12/2013	08183/12S69
28079	S69-31552	CM-98375		Ngô Thị Kim Chi	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/12/2013	12/12/2014	06193/13S69
28080	S69-31554			Nguyễn Văn Khánh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/12/2012	04/12/2013	08186/12S69
28081	S69-31555			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	04/12/2012	04/12/2013	08187/12S69
28082	S69-31557	CM-98344		Huỳnh Văn Long	Định Bình, Thành phố Cà Mau	05/03/2015	05/03/2016	00421/15S69
28083	S69-31558			Nguyễn Phi Long	Số 35 K5 P6, Thành phố Cà Mau	07/12/2012	07/12/2013	08195/12S69
28084	S69-31559			Bạch Văn Lèo	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	10/12/2012	10/12/2013	08198/12S69
28085	S69-31560			Dương Văn Việt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08202/12S69
28086	S69-31561			Trần Hoàng Huấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08203/12S69
28087	S69-31562			Trần Tuấn Cường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08204/12S69
28088	S69-31563			Trần Vũ Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08205/12S69
28089	S69-31564			Lê Văn Bé	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08206/12S69
28090	S69-31565			Nguyễn Thanh Dư	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08207/12S69
28091	S69-31566			Thái Hoàng Phúc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08208/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28092	S69-31567			Nguyễn Văn Trọn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08209/12S69
28093	S69-31568			Phan Văn Quốc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08210/12S69
28094	S69-31569			Trương Thanh Thoảng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08211/12S69
28095	S69-31570			Phan Chí Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08212/12S69
28096	S69-31571			Lý Văn Đồm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08213/12S69
28097	S69-31572			Huỳnh Hoàng Kiên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08214/12S69
28098	S69-31573			Nguyễn Văn Bình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08215/12S69
28099	S69-31574			Trương Văn Trung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08216/12S69
28100	S69-31575			Nguyễn Văn Cường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08217/12S69
28101	S69-31576			Lê Minh Hận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08218/12S69
28102	S69-31577			Trịnh Thân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08219/12S69
28103	S69-31578			Trần Hoàng Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08220/12S69
28104	S69-31579			Trần Văn Nhí	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08221/12S69
28105	S69-31580			Nguyễn Văn Kiệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08222/12S69
28106	S69-31581			Thạch Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08223/12S69
28107	S69-31582			Nguyễn Văn Kiệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08224/12S69
28108	S69-31583			Trần Thanh Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08225/12S69
28109	S69-31584			Phạm Minh Cảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08226/12S69
28110	S69-31585			Lương Văn Mai	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08227/12S69
28111	S69-31586			Võ Văn Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08228/12S69
28112	S69-31587			Lý Thanh Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08229/12S69
28113	S69-31588			Lê Minh Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08230/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28114	S69-31589			Nguyễn Phước Hiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08231/12S69
28115	S69-31590			Võ Thích Hào	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08232/12S69
28116	S69-31591			Trần Chí Kỳ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08233/12S69
28117	S69-31592			Nguyễn Hoàng Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08234/12S69
28118	S69-31593			Nguyễn Văn Tẻo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08235/12S69
28119	S69-31594			Hứa Văn Tiếp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08236/12S69
28120	S69-31595			Nguyễn Hoàng Em	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08237/12S69
28121	S69-31596			Ngô Văn Diễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08238/12S69
28122	S69-31597			Trần Văn Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08239/12S69
28123	S69-31598			Phan Tương Lai	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08240/12S69
28124	S69-31599			Lữ Trường Ril	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08241/12S69
28125	S69-31600			Huỳnh Văn Tấp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08242/12S69
28126	S69-31601			Trần Tuấn Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08243/12S69
28127	S69-31602			Phan Văn Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08244/12S69
28128	S69-31603			Trần Xuân Bạch	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08245/12S69
28129	S69-31604			Trần Vũ Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08246/12S69
28130	S69-31605			Huỳnh Văn Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08247/12S69
28131	S69-31606			Trần Vương Thành	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08248/12S69
28132	S69-31607			Lâm Khánh Duy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08249/12S69
28133	S69-31608			Bùi Thanh Nghiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08250/12S69
28134	S69-31609			Trần Thanh Hiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08251/12S69
28135	S69-31611			Trần Hoàng Đông	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08253/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28136	S69-31612			Nguyễn Hoàng Dư	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08254/12S69
28137	S69-31613			Huỳnh Thanh Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08255/12S69
28138	S69-31614			Nguyễn Văn Sang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08256/12S69
28139	S69-31615			Ngô Thanh Sang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08257/12S69
28140	S69-31616			Ngô Minh Lực	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08258/12S69
28141	S69-31617			Tô Minh Thông	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08259/12S69
28142	S69-31618			Trần Văn Đạt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08260/12S69
28143	S69-31619			Tô Thanh Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08261/12S69
28144	S69-31620			Bùi Hà Xây	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08262/12S69
28145	S69-31621			Hồ Minh Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08263/12S69
28146	S69-31622			Đỗ Văn Linh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08264/12S69
28147	S69-31623			Nguyễn Văn Xuyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08265/12S69
28148	S69-31624			Phạm Vũ Linh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08266/12S69
28149	S69-31625			Thái Văn Hiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08267/12S69
28150	S69-31626			Phạm Văn Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08268/12S69
28151	S69-31627			Trần Văn Thu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08269/12S69
28152	S69-31628			Trương Thị Hà	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08270/12S69
28153	S69-31629			Võ Trung Thực	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08271/12S69
28154	S69-31630			Võ Trung Thực	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08272/12S69
28155	S69-31631			Nguyễn Quốc Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08273/12S69
28156	S69-31632			Trần Văn Nhẹ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08274/12S69
28157	S69-31633			La Minh Hơ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08275/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28158	S69-31634			Trần Văn Thái	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08276/12S69
28159	S69-31635			Dương Hoàng Thám	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08277/12S69
28160	S69-31636			Tô Chí Duẩn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08278/12S69
28161	S69-31637			Lại Thành Được	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08279/12S69
28162	S69-31638			Lê Chi Lăng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08280/12S69
28163	S69-31639	CM-53508		Trịnh Văn Bạch	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03176/14S69
28164	S69-31640	CM-53507		Tô Quốc Thuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00939/14S69
28165	S69-31641			Nguyễn Văn Đò	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08283/12S69
28166	S69-31642			Dương Văn Lên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08284/12S69
28167	S69-31643			Dương Chí Phong	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08285/12S69
28168	S69-31644			Huỳnh Quốc Hữu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08286/12S69
28169	S69-31645			Trần Quốc Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08287/12S69
28170	S69-31646			Nguyễn Văn Nghiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08288/12S69
28171	S69-31647			Trần Thu Đông	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08289/12S69
28172	S69-31648			Nguyễn Minh Lý	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08290/12S69
28173	S69-31649			Nguyễn Quốc Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08291/12S69
28174	S69-31650			Chiêm Bé Để	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08292/12S69
28175	S69-31651			Nguyễn Thanh Dân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08293/12S69
28176	S69-31652			Diệp Anh Kiệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08294/12S69
28177	S69-31653			Lê Tấn Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08295/12S69
28178	S69-31654			Lê Tấn Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08296/12S69
28179	S69-31655			Trần Thanh Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08297/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28180	S69-31656			Phạm Việt Thành	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08298/12S69
28181	S69-31657			Ngô Văn Thôi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08299/12S69
28182	S69-31658			Nguyễn Văn Dễ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08300/12S69
28183	S69-31659	CM-53489		Trần Văn út	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00934/14S69
28184	S69-31660			Nguyễn Trường Hận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08302/12S69
28185	S69-31661			Nguyễn Hữu Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08303/12S69
28186	S69-31662			Tiêu Hoàng Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08304/12S69
28187	S69-31663			Diệp Thanh Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08305/12S69
28188	S69-31664			Từ Văn Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08306/12S69
28189	S69-31665			Nguyễn Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08307/12S69
28190	S69-31666			Thái Văn Nhỏ	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08308/12S69
28191	S69-31667			Phạm Văn Du	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08309/12S69
28192	S69-31668			Phạm Chí Nguyễn	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08310/12S69
28193	S69-31669			Võ Minh Nhựt	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08311/12S69
28194	S69-31670			Huỳnh Hoàng Kha	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08312/12S69
28195	S69-31671			Công An Xã Tân Thuận	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08313/12S69
28196	S69-31672			Nguyễn Huỳnh Long	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08314/12S69
28197	S69-31673			Nguyễn Văn Hiếu	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08315/12S69
28198	S69-31674			Trần Văn Hận	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08316/12S69
28199	S69-31675			Trần Văn Hận	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08317/12S69
28200	S69-31676			Nguyễn Văn Quốc	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08318/12S69
28201	S69-31677			Trương Chí Phong	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08319/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28202	S69-31678			Nguyễn Chí Tuấn	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08320/12S69
28203	S69-31679			Huỳnh Thanh Trường	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08321/12S69
28204	S69-31680			Võ Văn Sự	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08322/12S69
28205	S69-31681			Võ Văn Thiết	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08323/12S69
28206	S69-31682			Trần Phong Vũ	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08324/12S69
28207	S69-31683			Bùi Mỹ A	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08325/12S69
28208	S69-31684			Phạm Thanh Bình	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08326/12S69
28209	S69-31685			Ngô Dũng Tiến	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08327/12S69
28210	S69-31686			Nguyễn Chí Thơ	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08328/12S69
28211	S69-31687			Nguyễn Văn Lực	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08329/12S69
28212	S69-31688			Trương Thanh Phong	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08330/12S69
28213	S69-31689			Ngô Hoàng Lâm	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08331/12S69
28214	S69-31690			Võ Thành Công	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08332/12S69
28215	S69-31691			Nguyễn Quốc Việt	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	08/12/2012	09/12/2013	08333/12S69
28216	S69-31692			Nguyễn Trung Liệt	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08334/12S69
28217	S69-31693	CM-53543		Trần Minh Cảnh	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00936/14S69
28218	S69-31694			Lê Minh Chủ	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08336/12S69
28219	S69-31695			Trương Thanh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08337/12S69
28220	S69-31696			Trịnh Văn Thiện	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08338/12S69
28221	S69-31697			Phạm Văn Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08339/12S69
28222	S69-31698			Lâm Văn Hiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08340/12S69
28223	S69-31702			Nguyễn Văn Xuân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/1993	09/12/2013	08344/93S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28224	S69-31703			Trương Phong Nhã	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08345/12S69
28225	S69-31704			Ngô Văn Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08346/12S69
28226	S69-31705			Nguyễn Văn Lợi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08347/12S69
28227	S69-31706			Trần Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08348/12S69
28228	S69-31707			Trần Hoàng Cuồi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08349/12S69
28229	S69-31708			Trần Văn Tiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08350/12S69
28230	S69-31709			Nguyễn Trần Đức	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08351/12S69
28231	S69-31710			Quách Văn Lẹ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08352/12S69
28232	S69-31711			Nguyễn Phi Nhạn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08353/12S69
28233	S69-31712			Trần Văn Thành	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08354/12S69
28234	S69-31713			Cao Vũ Lâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08355/12S69
28235	S69-31714			Châu Văn Thời	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08356/12S69
28236	S69-31715			Hồ Việt Khải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08357/12S69
28237	S69-31716			Võ Văn Phúc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08358/12S69
28238	S69-31717			Phạm Văn Việt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08359/12S69
28239	S69-31718			Phan ThanH Vui	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08360/12S69
28240	S69-31719			Trần Trung Kiên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08361/12S69
28241	S69-31720			Nguyễn Chí Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08362/12S69
28242	S69-31721			Nguyễn Như Em	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08363/12S69
28243	S69-31722			Lê Việt Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08364/12S69
28244	S69-31723			Lê Văn Đen	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08365/12S69
28245	S69-31724			Tiêu Nhuận Điền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08366/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28246	S69-31725			Lâm Văn Suối	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08367/12S69
28247	S69-31726			Trần Phương Đấu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08368/12S69
28248	S69-31727			Trần Văn Diễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08369/12S69
28249	S69-31728			Nguyễn Văn Đến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08370/12S69
28250	S69-31729	CM-53432		Nguyễn Hoàng Chiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00944/14S69
28251	S69-31730			Trần Văn Giới	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08372/12S69
28252	S69-31731			Phạm Diễm Phúc	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08373/12S69
28253	S69-31732			Dương Thành ý	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08374/12S69
28254	S69-31733			Đặng Ngọc Sang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08375/12S69
28255	S69-31734			Diệp Chí Linh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08376/12S69
28256	S69-31735			Phạm Minh Luân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08377/12S69
28257	S69-31736			Trần Thanh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08378/12S69
28258	S69-31737			Nguyễn Phước Một	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08379/12S69
28259	S69-31738			Nguyễn Văn Tấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08380/12S69
28260	S69-31739			Huỳnh minh Nghiệm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08381/12S69
28261	S69-31740			Nguyễn Thanh Nhân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08382/12S69
28262	S69-31741			Hồ Văn Trung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08383/12S69
28263	S69-31742			Từ Văn Danh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08384/12S69
28264	S69-31743			Đỗ Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08385/12S69
28265	S69-31744			Nguyễn Văn Hùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08386/12S69
28266	S69-31745			Dương Văn Xía	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08387/12S69
28267	S69-31746			Trần Thanh Mộng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08388/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28268	S69-31747			Hồ Chí Linh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08389/12S69
28269	S69-31748	CM-53572		Nguyễn Minh Cảnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06580/13S69
28270	S69-31749			Trịnh Thị Phượng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08391/12S69
28271	S69-31750			Lê Thị Dọn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08392/12S69
28272	S69-31751			Ngô Minh Thanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08393/12S69
28273	S69-31752			Nguyễn Văn út	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08394/12S69
28274	S69-31753			Phan Văn Tám	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08395/12S69
28275	S69-31754			Nguyễn Hoàng Diễm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08396/12S69
28276	S69-31755			Điền Quyền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08397/12S69
28277	S69-31756			Trần Minh Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08398/12S69
28278	S69-31757			Trần Bé Tư	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08399/12S69
28279	S69-31758			Nguyễn Trọng Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08400/12S69
28280	S69-31759			Trần Hoàng Nghiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08401/12S69
28281	S69-31760			Nguyễn Sơn Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08402/12S69
28282	S69-31761			Nguyễn Văn Bình	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08403/12S69
28283	S69-31762			Nguyễn Hoàng Giàu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08404/12S69
28284	S69-31763			Thái Hoàng Kính	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08405/12S69
28285	S69-31764			Trần Hoàng Kha	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08406/12S69
28286	S69-31765			Trần Hoàng Hôn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/12/2012	09/12/2013	08407/12S69
28287	S69-31767			Nguyễn Văn Yên	Thới Bình, Huyện Thới Bình	11/12/2012	11/12/2013	08438/12S69
28288	S69-31768	CM-98351		Nguyễn Văn Gọn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	24/12/2013	24/12/2014	06331/13S69
28289	S69-31769			Võ Trường Giang	xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2012	12/12/2013	08451/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28290	S69-31770			Võ Văn Thành	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	12/12/2012	12/12/2013	08454/12S69
28291	S69-31771			Nguyễn Văn Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08465/12S69
28292	S69-31772			Lữ Minh Quang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08466/12S69
28293	S69-31773			Nguyễn Việt Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08467/12S69
28294	S69-31775			Lê Mỹ Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08469/12S69
28295	S69-31776			Nguyễn Văn Sĩ	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08470/12S69
28296	S69-31777			Vũ Thị Phúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08471/12S69
28297	S69-31779			Nguyễn Chí Hiếu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08473/12S69
28298	S69-31780			Ngô Quốc Chiến	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08474/12S69
28299	S69-31781			Lý Văn Tùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/12/2012	12/12/2013	08475/12S69
28300	S69-31784			Nguyễn Minh Thông	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/12/2012	13/12/2013	08478/12S69
28301	S69-31785			Mai Thanh Tuấn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2012	10/12/2013	08481/12S69
28302	S69-31786	CM-90732		Huỳnh Quốc Vững	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2015	10/01/2016	00012/15S69
28303	S69-31787			Phạm Văn Nghĩa	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	13/12/2012	13/06/2013	08488/12S69
28304	S69-31788			Tiêu Hoài Tâm	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	13/12/2012	13/12/2013	08492/12S69
28305	S69-31790	CM-98360		Nguyễn Minh Giang	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06144/13S69
28306	S69-31791			Võ Văn Tèo	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08498/12S69
28307	S69-31792			Hồ Văn Sao	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08499/12S69
28308	S69-31793			Trần Văn Sơn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08500/12S69
28309	S69-31794			Huỳnh Văn Xa	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08501/12S69
28310	S69-31795	CM-44109		Huỳnh Văn Lòng	Trần Thới, Huyện Cái Nước	27/06/2014	27/06/2015	01729/14S69
28311	S69-31796			Lý Hoàng Tam	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08503/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28312	S69-31797	CM-44119		Nguyễn Văn Thống	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/05/2015	12/05/2016	00888/15S69
28313	S69-31798			A Bu Ba Cơ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08505/12S69
28314	S69-31801			Nguyễn Văn Khuông	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08508/12S69
28315	S69-31802			Nguyễn Văn Hưởng	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2012	12/12/2013	08509/12S69
28316	S69-31803	CM-44104		Mạc Văn Chuột	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03318/14S69
28317	S69-31805			Dương Văn Anh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/12/2012	13/12/2013	08526/12S69
28318	S69-31806			DNTN Thành Tín	xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	14/12/2012	14/12/2013	08536/12S69
28319	S69-31807			Nguyễn Công Bằng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08591/12S69
28320	S69-31808			Trần Quốc Quyền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08592/12S69
28321	S69-31809			Phạm Hoàng Phúc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08593/12S69
28322	S69-31810			Nguyễn Văn Vàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08594/12S69
28323	S69-31811			Mai Việt Triều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08595/12S69
28324	S69-31812			Phạm Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08596/12S69
28325	S69-31813			Tiêu Chí Cường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08597/12S69
28326	S69-31814			Nguyễn Thanh Lâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08598/12S69
28327	S69-31815			Huỳnh Văn Kiệt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	31815/12S69
28328	S69-31816			Tạ Tuấn An	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08600/12S69
28329	S69-31817			Lê Hữu Toàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08601/12S69
28330	S69-31818			Lâm Thành Bé	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08602/12S69
28331	S69-31819			Đặng Văn Nhứt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08603/12S69
28332	S69-31820			Vưu Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08604/12S69
28333	S69-31821			Dương Văn Vẹn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08605/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28334	S69-31822			Hồ Minh Tiếng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08606/12S69
28335	S69-31823			Phạm Văn Hạng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08607/12S69
28336	S69-31824			Nguyễn Minh Luận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08608/12S69
28337	S69-31825			Phạm Trường Chinh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08609/12S69
28338	S69-31826	CM-53851		Đỗ Văn Buồn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01170/14S69
28339	S69-31827			Nguyễn Văn Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08611/12S69
28340	S69-31828			Nguyễn Văn Đô	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08612/12S69
28341	S69-31829			Trịnh Minh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08613/12S69
28342	S69-31830			Nguyễn Chí Thắm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08614/12S69
28343	S69-31831			Nguyễn út Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08615/12S69
28344	S69-31832			Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08616/12S69
28345	S69-31833			Trần Hoàng Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08617/12S69
28346	S69-31834			Lê Văn Quấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08618/12S69
28347	S69-31835			Liêu Kim Huệ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08619/12S69
28348	S69-31836			Nguyễn Văn Đoàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08620/12S69
28349	S69-31837			Đoái Quốc Thái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08621/12S69
28350	S69-31838	CM-53649		Phạm Nhựt Minh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	07/01/2015	07/01/2016	00001/15S69
28351	S69-31839			Phan Hoài Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08623/12S69
28352	S69-31840			Trương Công Luận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08624/12S69
28353	S69-31841			Nguyễn Minh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08625/12S69
28354	S69-31842			Lê Văn Tiếng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08626/12S69
28355	S69-31843			Nguyễn Chí Hiếu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08627/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28356	S69-31844			Hồ Quốc Thông	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08628/12S69
28357	S69-31845			Dương Kha Ly	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08629/12S69
28358	S69-31846			Đoái Hoàng Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08630/12S69
28359	S69-31847			Lê Quốc Kha	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08631/12S69
28360	S69-31848			Bùi Thu Hồng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08632/12S69
28361	S69-31849			Đinh Xuân Hòa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08633/12S69
28362	S69-31850			Bùi Trung Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08634/12S69
28363	S69-31851			Hồ Văn Tạo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08635/12S69
28364	S69-31852			Trần Văn Chiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08636/12S69
28365	S69-31853			Nguyễn Tấn Lộc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08637/12S69
28366	S69-31854			Đào Ngọc Guôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08638/12S69
28367	S69-31855			Bùi Trung Lập	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08639/12S69
28368	S69-31856			Lê Hoàng Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08640/12S69
28369	S69-31857			Trần Văn Hiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08641/12S69
28370	S69-31858			Trương Hùng Cường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08642/12S69
28371	S69-31859			Lê Minh Hiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08643/12S69
28372	S69-31860			Ngô Trọng Nguyễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08644/12S69
28373	S69-31861			Phan Văn Khuya	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08645/12S69
28374	S69-31862			Dương Văn Cuôi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08646/12S69
28375	S69-31863			Bùi Trung Thum	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08647/12S69
28376	S69-31864			Bùi Trung Đồi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08648/12S69
28377	S69-31865			Trần Chúc Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08649/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28378	S69-31866			Tô Thị Đẹp	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08650/12S69
28379	S69-31867			Đoàn Văn Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08651/12S69
28380	S69-31868			Lê Thanh Quân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08652/12S69
28381	S69-31869			Lâm Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08653/12S69
28382	S69-31870			Hồ Hoàng Tám	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08654/12S69
28383	S69-31871			Nguyễn Văn Phú	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08655/12S69
28384	S69-31872			Trần Văn Chiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08656/12S69
28385	S69-31873	CM-53668		Nguyễn Văn Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	25/03/2014	25/03/2015	00777/14S69
28386	S69-31874			Nguyễn Văn Thạnh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08658/12S69
28387	S69-31875			Nguyễn Xuân Tỉnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08659/12S69
28388	S69-31876			Nguyễn Văn Phúc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08660/12S69
28389	S69-31877			Nguyễn Thanh Trà	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08661/12S69
28390	S69-31878			Nguyễn Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08662/12S69
28391	S69-31879			Huỳnh Tương Lai	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08663/12S69
28392	S69-31880			Nguyễn Diệu Thúy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08664/12S69
28393	S69-31881			Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08665/12S69
28394	S69-31882			Phạm Văn Danh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08666/12S69
28395	S69-31883			Nguyễn Văn Phúc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08667/12S69
28396	S69-31884			Nguyễn Văn Còn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08668/12S69
28397	S69-31885			Lê Văn Trang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08669/12S69
28398	S69-31886	CM-53795		Trương Hữu Tính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06539/13S69
28399	S69-31887			Hồ Hoàng Kiêm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08671/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28400	S69-31888			Nguyễn Văn Giao	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08672/12S69
28401	S69-31889			Lê Tuyết Hoa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08673/12S69
28402	S69-31890			Phan Bình Đăng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08674/12S69
28403	S69-31891			Nguyễn Hồng Cầu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08675/12S69
28404	S69-31892			Hồ Vũ Lâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08676/12S69
28405	S69-31893			Võ Hoàng Giếng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08677/12S69
28406	S69-31894			Trần Minh Luân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08678/12S69
28407	S69-31895			Lê Ngọc Lợi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08679/12S69
28408	S69-31896			Ngô Thiện Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08680/12S69
28409	S69-31897			Hồ Văn út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08681/12S69
28410	S69-31898			Lê Thanh Chừng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08682/12S69
28411	S69-31899			Ngô Chí Linh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08683/12S69
28412	S69-31900			Nguyễn Hoàng Lam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08684/12S69
28413	S69-31901			Nguyễn Phi Hùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08685/12S69
28414	S69-31902			Phạm Văn Thọ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08686/12S69
28415	S69-31903			Ngô Minh Chương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08687/12S69
28416	S69-31904			Nguyễn Văn Hòa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08688/12S69
28417	S69-31905			Võ Thanh Toàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08689/12S69
28418	S69-31906			Trịnh Văn Nhận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08690/12S69
28419	S69-31907			Phạm Văn Lượm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08691/12S69
28420	S69-31908			Trương Minh Sáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08692/12S69
28421	S69-31909			Trương Chí Dũng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08693/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28422	S69-31910			Lê Trần Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08694/12S69
28423	S69-31911			Phan Trí Nguyễn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08695/12S69
28424	S69-31912			Nguyễn Tuấn Khanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08696/12S69
28425	S69-31913			Tạ Hoàng Thuộc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08697/12S69
28426	S69-31914			Phạm Văn Liệt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08698/12S69
28427	S69-31915			Dương Hoài Thương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08699/12S69
28428	S69-31916			Tạ Văn Hậu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08700/12S69
28429	S69-31917			Tạ Văn Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08701/12S69
28430	S69-31918			Hồ Văn Trí	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08702/12S69
28431	S69-31919			Dương Văn Chấy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08703/12S69
28432	S69-31920			Tô Minh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08704/12S69
28433	S69-31921			Nguyễn Vũ Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08705/12S69
28434	S69-31922			Bùi Minh Nghét	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08706/12S69
28435	S69-31923			Mã Văn Sơn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08707/12S69
28436	S69-31924			Tô Công Quai	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08708/12S69
28437	S69-31925			Huỳnh Chí Tôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08709/12S69
28438	S69-31926			Đinh Văn Hồ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08710/12S69
28439	S69-31927			Mã Minh Cảnh	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08711/12S69
28440	S69-31928			Trịnh Minh Thuyền	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08712/12S69
28441	S69-31929			Nguyễn Minh Thi	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08713/12S69
28442	S69-31930			Chung Quốc Phương	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08714/12S69
28443	S69-31931			Lê Thanh Vũ	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08715/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28444	S69-31932			Trần Quốc Trung	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08716/12S69
28445	S69-31933			Trương Văn Vui	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08717/12S69
28446	S69-31934			Võ Văn An	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08718/12S69
28447	S69-31935			Trương Văn Dũng	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08719/12S69
28448	S69-31936			Trần Quốc Tỷ	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08720/12S69
28449	S69-31937			Ngô Duy Vũ	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08721/12S69
28450	S69-31938			Diệp Kha Lớn	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08722/12S69
28451	S69-31939			Trần Chí Thanh	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08723/12S69
28452	S69-31940			Nguyễn Việt Tiếp	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08724/12S69
28453	S69-31941			Quách Chí Tâm	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08725/12S69
28454	S69-31942			Nguyễn Phương Nhị	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08726/12S69
28455	S69-31943			Nguyễn Hoàng Diệu	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08727/12S69
28456	S69-31944			Nguyễn Quốc Khải	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08728/12S69
28457	S69-31945			Ngô Phi Long	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08729/12S69
28458	S69-31946			Nguyễn Huỳnh Bảo	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08730/12S69
28459	S69-31947			Nguyễn Văn Kha	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08731/12S69
28460	S69-31948			Thái Văn Dũng	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08732/12S69
28461	S69-31949	CM-53819		Tô Thanh Hoá	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02868/14S69
28462	S69-31950			Phạm Công Tó	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08734/12S69
28463	S69-31951			Bùi Văn Tới	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08735/12S69
28464	S69-31952			Mã Hoàng Lễn	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08736/12S69
28465	S69-31953			Mã Văn Sến	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08737/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28466	S69-31954			Bùi Văn Kháng	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08738/12S69
28467	S69-31955			Nguyễn Lâm Sung	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08739/12S69
28468	S69-31956			Huỳnh Hoài Phúc	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	16/12/2012	14/12/2013	08740/12S69
28469	S69-31957			Trịnh Hoàng Hòn	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08741/12S69
28470	S69-31958			Khuong Minh Thắng	xã Tấn Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08742/12S69
28471	S69-31959			Nguyễn Trường Nam	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08743/12S69
28472	S69-31960			Đoái Phước Lợi	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08744/12S69
28473	S69-31961			Trần Minh Thống	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08745/12S69
28474	S69-31962	CM-53706		Lý Trường Giang	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03177/14S69
28475	S69-31963			Nguyễn Văn Tảo	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08747/12S69
28476	S69-31964			Phạm Chí Tâm	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08748/12S69
28477	S69-31965			Trần Minh Mãng	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08749/12S69
28478	S69-31966			Nguyễn Tuấn Vũ	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08750/12S69
28479	S69-31967			Nguyễn Thị Hà	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08751/12S69
28480	S69-31968			Lý Hoàng Tân	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08752/12S69
28481	S69-31969			Nguyễn Văn Hợp	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08753/12S69
28482	S69-31970			Thái Mỹ Em	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08754/12S69
28483	S69-31971			Phan Thanh Toàn	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08755/12S69
28484	S69-31972			Trần Văn Kiệm	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08756/12S69
28485	S69-31973			Lâm Thanh Tính	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08757/12S69
28486	S69-31974			Trần Văn Lâu	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08758/12S69
28487	S69-31975			Mã Hoài Nam	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08759/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28488	S69-31976			Tô Trung Hiện	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08760/12S69
28489	S69-31977			Lâm Phương Toàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08761/12S69
28490	S69-31978			Nguyễn Thanh Đồng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08762/12S69
28491	S69-31979			Trương Hoàng Nam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08763/12S69
28492	S69-31980			Trần Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08764/12S69
28493	S69-31981			Nguyễn Bình An	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08765/12S69
28494	S69-31982			Mã Hoàng Hái	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08766/12S69
28495	S69-31983			Lê Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08767/12S69
28496	S69-31984			Mã Thái Điền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08768/12S69
28497	S69-31985			Nguyễn Văn Cai	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08769/12S69
28498	S69-31986			Võ Đồng Nghiệp	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08770/12S69
28499	S69-31987			Nguyễn Dũng Tạo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08771/12S69
28500	S69-31988			Nguyễn Tạo Lành	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08772/12S69
28501	S69-31989			Võ Văn Quý	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08773/12S69
28502	S69-31990			Trần Bé Hiền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08774/12S69
28503	S69-31991			Trương Văn Gợ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08775/12S69
28504	S69-31992			Trương Chu Sa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08776/12S69
28505	S69-31993			Vưu Vũ Anh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08777/12S69
28506	S69-31994			Nguyễn Văn Công	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08778/12S69
28507	S69-31995			Nguyễn Văn Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08779/12S69
28508	S69-31996			Trịnh Hoàng Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08780/12S69
28509	S69-31997			Trần Minh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08781/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28510	S69-31998			Trần Văn Khải	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08782/12S69
28511	S69-31999			La Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08783/12S69
28512	S69-32000			Phạm Thanh Bình	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08784/12S69
28513	S69-32001			Bao Văn Nhân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08785/12S69
28514	S69-32002			Bao Công Trường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08786/12S69
28515	S69-32003			Dương Văn Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08787/12S69
28516	S69-32004			Tô Quốc Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08788/12S69
28517	S69-32005			Nguyễn Công Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08789/12S69
28518	S69-32006			Lê Minh Tạng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08790/12S69
28519	S69-32007			Nguyễn Văn Liêm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08791/12S69
28520	S69-32008			Dương Minh Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08792/12S69
28521	S69-32009			Trần Văn Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08793/12S69
28522	S69-32010			Lê Duy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08794/12S69
28523	S69-32011			Nguyễn Minh Hoàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08795/12S69
28524	S69-32012			Lâm Nhật Chương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08796/12S69
28525	S69-32013			Võ Văn Chiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08797/12S69
28526	S69-32014			Lâm Văn Thiện	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08798/12S69
28527	S69-32015			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08799/12S69
28528	S69-32016			Nguyễn Minh Lợi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08800/12S69
28529	S69-32017			Phạm Văn Tèo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08801/12S69
28530	S69-32018			Võ Văn Toán	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08802/12S69
28531	S69-32019			Nguyễn Hoài Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08803/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28532	S69-32020			Nguyễn Sáu Phân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08804/12S69
28533	S69-32021			Phan Thanh Sang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08805/12S69
28534	S69-32022			Bùi Tường Duy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08806/12S69
28535	S69-32023			Ngô Ngọc Nhẫn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08807/12S69
28536	S69-32024			Ngô Thanh Hải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08808/12S69
28537	S69-32025			Ngô Công Danh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08809/12S69
28538	S69-32026			Nguyễn Trường Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08810/12S69
28539	S69-32027			Trịnh Hoàng Linh	Tân Tiến, Thành phố Cà Mau	14/12/2012	14/12/2013	08811/12S69
28540	S69-32028			Trịnh Hoàng út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08812/12S69
28541	S69-32029			Trần Văn Sơn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08813/12S69
28542	S69-32030			Trương Chí Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08814/12S69
28543	S69-32031			Trương Thị Lý	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08815/12S69
28544	S69-32032			Lâm Văn Sáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08816/12S69
28545	S69-32033			Nguyễn Văn Vàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08817/12S69
28546	S69-32034			Nguyễn Đức Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08818/12S69
28547	S69-32035			Trương Văn Sơn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08819/12S69
28548	S69-32036			Lâm Thanh Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08820/12S69
28549	S69-32037			Nguyễn Quang Vinh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08821/12S69
28550	S69-32038			Trương Hoàng Vũ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08822/12S69
28551	S69-32039			Lê Tấn Tài	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08823/12S69
28552	S69-32040			Ngô Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08824/12S69
28553	S69-32041			Huỳnh Văn Thạch	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08825/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28554	S69-32042			Vũ Việt Hảo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08826/12S69
28555	S69-32043			Trương Văn Dung	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08827/12S69
28556	S69-32044			Ngô Hoàng Thống	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08828/12S69
28557	S69-32045			Nguyễn Thanh Tâm	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08829/12S69
28558	S69-32046			Mã Tấn Nhân	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08830/12S69
28559	S69-32047			Nguyễn Thị ánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08831/12S69
28560	S69-32048			Mã Tấn Lợi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08832/12S69
28561	S69-32049			Trịnh Văn Quẹo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08833/12S69
28562	S69-32050			Trịnh Quốc Em	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08834/12S69
28563	S69-32051			Trịnh Minh Toàn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08835/12S69
28564	S69-32052			Lê Văn Bắc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08836/12S69
28565	S69-32053			Huỳnh Văn Trung	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08837/12S69
28566	S69-32054			Bùi Văn Đứng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08838/12S69
28567	S69-32055			Ngô Truyền Thống	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08839/12S69
28568	S69-32056			Trần Thanh Trung	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08840/12S69
28569	S69-32057			Nguyễn Chí Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08841/12S69
28570	S69-32058			Tô Thanh Mộng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08842/12S69
28571	S69-32059			Trần Văn Đáng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08843/12S69
28572	S69-32060			Nguyễn Minh Dương	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08844/12S69
28573	S69-32061			Lê Phúc Trung	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08845/12S69
28574	S69-32062			Trương Ngọc Tươi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08846/12S69
28575	S69-32063			Ngô Trường Sa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08847/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28576	S69-32064			Trương Quốc Nam	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08848/12S69
28577	S69-32065			Trương Quốc Thới	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08849/12S69
28578	S69-32066			Quách Thành Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08850/12S69
28579	S69-32067			Nguyễn Văn Xây	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08851/12S69
28580	S69-32068			Tô Thanh Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08852/12S69
28581	S69-32069			Lê Hoàng Tính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08853/12S69
28582	S69-32070			Bùi Văn Hiền	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08854/12S69
28583	S69-32071			Tạ Thanh Mến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08855/12S69
28584	S69-32072	CM-53767		Phạm Văn Thắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00827/14S69
28585	S69-32073			Nguyễn Văn út	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08857/12S69
28586	S69-32074			Nguyễn Hoàng Bảo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08858/12S69
28587	S69-32075			Trần Văn Lý	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/12/2012	14/12/2013	08859/12S69
28588	S69-32076			Thái Văn Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08869/12S69
28589	S69-32078	CM-66881		Nguyễn Thanh Mơ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01656/15S69
28590	S69-32079			Trần Minh Hoàng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	14/12/2012	14/12/2013	08872/12S69
28591	S69-32080			Huỳnh Văn Lên	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	14/12/2012	14/12/2013	08873/12S69
28592	S69-32082	CM-66877		Nguyễn Minh Hùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	07/03/2015	07/03/2016	00360/15S69
28593	S69-32083	CM-66876		Châu Thành Phú	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/02/2014	20/02/2015	00449/14S69
28594	S69-32084	CM-66882		Nguyễn Văn Bảy	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2015	20/03/2016	00534/15S69
28595	S69-32085	CM-66875		Võ Công Đoàn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	29/01/2015	30/01/2016	00282/15S69
28596	S69-32086			Trương Văn Phúc	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	14/12/2012	14/12/2013	08879/12S69
28597	S69-32088			Lâm Phước Thịnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	14/12/2012	14/12/2013	08881/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28598	S69-32089			Trần Văn Dự	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	14/12/2012	14/12/2013	08882/12S69
28599	S69-32090	CM-66871		Nguyễn Thị Đỗi	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/08/2014	26/08/2015	02348/14S69
28600	S69-32091			Chem Văn Thống	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	14/12/2012	14/12/2013	08884/12S69
28601	S69-32093			Lê Văn Đỉnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08887/12S69
28602	S69-32094			Dương Văn Mạnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	17/12/2012	17/12/2013	08888/12S69
28603	S69-32095			Lê Văn Bé	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/12/2012	16/12/2013	08892/12S69
28604	S69-32096			Lê Minh Be	Xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/12/2012	16/12/2013	08893/12S69
28605	S69-32097			Bùi Văn Phước	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/12/2012	16/12/2013	08894/12S69
28606	S69-32098	CM-72440		Nguyễn Thanh Hùng	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2015	16/01/2016	00130/15S69
28607	S69-32100			Nguyễn Văn Quốc	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/12/2012	16/12/2013	08897/12S69
28608	S69-32101			Trần Văn Toàn	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	16/12/2012	16/12/2013	08898/12S69
28609	S69-32102			Trần Minh Dương	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	16/12/2012	16/12/2013	08899/12S69
28610	S69-32103			Lê Thanh Truyền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/12/2012	18/12/2013	08906/12S69
28611	S69-32105			Trần Minh Phong	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	18/12/2012	18/12/2013	08908/12S69
28612	S69-32106			Nguyễn Văn Hiền	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08911/12S69
28613	S69-32107			Đoàn Thanh Nam	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08912/12S69
28614	S69-32108			Tô Trường Phong	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08913/12S69
28615	S69-32109	CM-54369		Huỳnh Chí Dũng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01599/14S69
28616	S69-32110			Nguyễn Minh Hùng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08915/12S69
28617	S69-32111			Tạ Thành Đầu	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08916/12S69
28618	S69-32112	CM-53867		Phan Văn lợi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01405/15S69
28619	S69-32113			Phan Văn Lợi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08918/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28620	S69-32114			Lê Minh Đương	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08919/12S69
28621	S69-32115	CM-53866		Lê Văn Cửa	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01406/15S69
28622	S69-32116			Lê Văn út	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	17/12/2012	17/12/2013	08921/12S69
28623	S69-32117	CM-54378		Huỳnh Chí Dũng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01397/15S69
28624	S69-32118	CM-54459		Huỳnh Chí Dũng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	13961/15S69
28625	S69-32119	CM-54279		Huỳnh Chí Dũng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/06/2015	01589/14S69
28626	S69-32120			Nguyễn Văn Biển	xã Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	18/12/2012	18/12/2013	08935/12S69
28627	S69-32121			Dương Hoàng Mung	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	18/12/2012	18/12/2013	08936/12S69
28628	S69-32122			Mai Minh Tâm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08942/12S69
28629	S69-32123			Trần Chí Công	Đông Thới, Huyện Cái Nước	19/12/2012	19/12/2013	08949/12S69
28630	S69-32124	CM-98371		Hứa Văn Trọng	xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/12/2014	09/12/2015	03260/14S69
28631	S69-32126			Duy Văn Vĩnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08957/12S69
28632	S69-32127			Hoàng Văn Thông	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08958/12S69
28633	S69-32128			Đỗ Quốc Nghị	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08959/12S69
28634	S69-32129			Nguyễn ánh Minh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08960/12S69
28635	S69-32130			Lý Hoàng Phụng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08961/12S69
28636	S69-32131			Cao Việt Hùng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08962/12S69
28637	S69-32132			Trịnh Minh Phụng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08963/12S69
28638	S69-32133	CM-54065		Lê Thanh Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06414/13S69
28639	S69-32134			Nguyễn Văn Chung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08965/12S69
28640	S69-32135			Phạm Văn Tân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08966/12S69
28641	S69-32136			Phan Minh Điều	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08967/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28642	S69-32139			Nguyễn Hoàng Em	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08970/12S69
28643	S69-32140			Mai Hoàng Thêm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08971/12S69
28644	S69-32141			Nguyễn Minh Sơn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08972/12S69
28645	S69-32142			Đỗ Văn Tèo	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08973/12S69
28646	S69-32143			Nguyễn Minh Thành	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08974/12S69
28647	S69-32144			Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08975/12S69
28648	S69-32145			Võ Hoàng Giáp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08976/12S69
28649	S69-32146			Nguyễn Văn Tùng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08977/12S69
28650	S69-32147			Lưu Hoàng Liêm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08978/12S69
28651	S69-32148			Lê Minh Hồng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	19/12/2012	19/12/2013	08979/12S69
28652	S69-32149			Võ Chí Tâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08980/12S69
28653	S69-32150			Nguyễn Văn Kiều	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08981/12S69
28654	S69-32151			Ngô Văn Trường	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08982/12S69
28655	S69-32152			Nguyễn Lê Nhu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08983/12S69
28656	S69-32153			Nguyễn Hoàng Thái	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08984/12S69
28657	S69-32154			Nguyễn Văn Loán	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08985/12S69
28658	S69-32155			Hà Phương Vũ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08986/12S69
28659	S69-32156			Nguyễn Ngọc Triều	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08987/12S69
28660	S69-32157			Nguyễn Hùng Em	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08988/12S69
28661	S69-32158			Tô Minh Vững	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08989/12S69
28662	S69-32159			Chung Thanh Lam	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08990/12S69
28663	S69-32160			Chung Hoàng Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08991/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28664	S69-32161			Huỳnh Văn Ca	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08992/12S69
28665	S69-32162			Trương Thanh Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08993/12S69
28666	S69-32163			Phạm Minh Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08994/12S69
28667	S69-32164			Nguyễn Văn Đò	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08995/12S69
28668	S69-32165			Huỳnh Hiếu Đây	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08996/12S69
28669	S69-32166			Dương Tấn Thành	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08997/12S69
28670	S69-32167			Nguyễn Hoàng Lâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08998/12S69
28671	S69-32168			Lục Minh Phương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	08999/12S69
28672	S69-32169			Nguyễn Hoàng út	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09000/12S69
28673	S69-32170			Trần Thanh Hiền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09001/12S69
28674	S69-32171			Nguyễn Văn Điền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09002/12S69
28675	S69-32172			Nguyễn Văn Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09003/12S69
28676	S69-32173			Cao Hoàng Trấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09004/12S69
28677	S69-32174			Lý Văn Cần	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09005/12S69
28678	S69-32175			Quách Hiền Hòa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09006/12S69
28679	S69-32176			Huỳnh Văn Lương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09007/12S69
28680	S69-32177			Huỳnh Văn Lương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09008/12S69
28681	S69-32178			Ngô Trường Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09009/12S69
28682	S69-32179			Huỳnh Minh Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09010/12S69
28683	S69-32180			Hồ Văn Ta	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09011/12S69
28684	S69-32181			Nguyễn Việt Khái	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09012/12S69
28685	S69-32182			Trần Quốc Khởi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09013/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28686	S69-32183			Phan Văn Khoán	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09014/12S69
28687	S69-32184			Nguyễn Hoàng Anh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09015/12S69
28688	S69-32185			Thái Văn Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09016/12S69
28689	S69-32186			Võ Văn Chưa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09017/12S69
28690	S69-32187			Trương Minh Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09018/12S69
28691	S69-32188			Võ Văn Dũng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09019/12S69
28692	S69-32189			Nguyễn Văn Quốc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09020/12S69
28693	S69-32190			Võ Hoàng Trân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09021/12S69
28694	S69-32191			Hồ Văn Kha	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09022/12S69
28695	S69-32192			Nguyễn Văn Gân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09023/12S69
28696	S69-32193			Lương Văn Dương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09024/12S69
28697	S69-32194			Trần Hoàng Diễn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09025/12S69
28698	S69-32195			Huỳnh Văn ất	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09026/12S69
28699	S69-32196			Trần Vĩnh Lợi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09027/12S69
28700	S69-32197			Trần Thanh Liêm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09028/12S69
28701	S69-32198			Lâm Văn Suôi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09029/12S69
28702	S69-32199			Trần Văn Tùng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09030/12S69
28703	S69-32200			Võ Minh Hạo	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09031/12S69
28704	S69-32201			Trần Phước Hạp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09032/12S69
28705	S69-32202			Phan Hoàng Huy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09033/12S69
28706	S69-32203			Nguyễn Văn Hưng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09034/12S69
28707	S69-32204			Võ Hoàng Truyền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09035/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28708	S69-32205			Đoái Phước Duy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09036/12S69
28709	S69-32206			Phan Văn Đức	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09037/12S69
28710	S69-32208			Phạm Văn Nhung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09039/12S69
28711	S69-32209			Trần Văn Cọp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09040/12S69
28712	S69-32210			Tạ Tấn Lực	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09041/12S69
28713	S69-32211			Ấu Văn Hải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09042/12S69
28714	S69-32212			Nguyễn Văn Vẹn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09043/12S69
28715	S69-32213			Tô Thanh Láng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09044/12S69
28716	S69-32214			Nguyễn Văn Quốc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09045/12S69
28717	S69-32215			Lý Thanh Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09046/12S69
28718	S69-32216			Lâm Trung Thủy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09047/12S69
28719	S69-32217			Trần Chí Tổng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09048/12S69
28720	S69-32218			Trịnh Thanh Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09049/12S69
28721	S69-32219			Huỳnh Văn Tạo	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09050/12S69
28722	S69-32220			Lê Văn Núi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09051/12S69
28723	S69-32221			Mai Đức Anh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09052/12S69
28724	S69-32222			Lê Trường Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09053/12S69
28725	S69-32223			Trần Minh Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09054/12S69
28726	S69-32224			Lê Hoàng Cương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09055/12S69
28727	S69-32225			Dương Tấn Khải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09056/12S69
28728	S69-32226			Phạm Đình Xuyên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09057/12S69
28729	S69-32227			Nguyễn Việt Chiêu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09058/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28730	S69-32228			Võ Hoàng Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09059/12S69
28731	S69-32229			Lưu Hoàng Phương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09060/12S69
28732	S69-32230			Nguyễn Văn Đông	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09061/12S69
28733	S69-32231			Cao Việt Triều	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09062/12S69
28734	S69-32232			Huỳnh Minh Hải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09063/12S69
28735	S69-32233			Trần Tấn Lực	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09064/12S69
28736	S69-32234			Nguyễn Văn Cương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09065/12S69
28737	S69-32235			Bùi Văn Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09066/12S69
28738	S69-32236			Đào Thanh Giàu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09067/12S69
28739	S69-32237			Nguyễn Văn Vũ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09068/12S69
28740	S69-32238			Lê Văn Dũng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09069/12S69
28741	S69-32239			Dương Mỹ Tuyền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09070/12S69
28742	S69-32240			Trịnh Thị Xuyến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09071/12S69
28743	S69-32241			Nguyễn Minh Chiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09072/12S69
28744	S69-32242			Bùi Đình Lăng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09073/12S69
28745	S69-32243			Phan Văn Thiệt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09074/12S69
28746	S69-32244	CM-54019		Võ Hoàng Duy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00816/14S69
28747	S69-32245			Bùi Tấn Hòa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09076/12S69
28748	S69-32246			Trần Thanh Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09077/12S69
28749	S69-32247			Trương Chí Nguyên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09078/12S69
28750	S69-32248			Ngô Văn Bé	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09079/12S69
28751	S69-32249			Bùi Văn Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09080/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28752	S69-32250			Lê Văn Hồ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09081/12S69
28753	S69-32251			Võ Chí Tâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09082/12S69
28754	S69-32252			Dương Văn Chánh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09083/12S69
28755	S69-32253			Trần Văn Ngợi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09084/12S69
28756	S69-32254			Trịnh Công Nghiệp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09085/12S69
28757	S69-32255			Võ Thanh Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09086/12S69
28758	S69-32256			Nguyễn Văn út	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09087/12S69
28759	S69-32257			Lê Minh Toàn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09088/12S69
28760	S69-32258	CM-54006		Huỳnh Bá Duy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06599/13S69
28761	S69-32259			Võ Thanh Sơn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09090/12S69
28762	S69-32260			Nguyễn Văn Thành	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09091/12S69
28763	S69-32261			Trần Nhật Lil	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09092/12S69
28764	S69-32262			Trần Thanh Tổng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09093/12S69
28765	S69-32263			Trương Minh Thắng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09094/12S69
28766	S69-32264			Lê Minh Đông	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09095/12S69
28767	S69-32265			Đoàn Hoàng Đô	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	19/12/2012	19/12/2013	09096/12S69
28768	S69-32266			Liêu Văn Biết	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09097/12S69
28769	S69-32267			Trần Chiến Thắng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09098/12S69
28770	S69-32268			Mai Quốc Việt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09099/12S69
28771	S69-32269			Hà Thanh Tâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09100/12S69
28772	S69-32270			Diệp Ngọc Anh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09101/12S69
28773	S69-32271			Nhan Hoàng Danh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09102/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28774	S69-32272			Nguyễn Chí Hiệp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09103/12S69
28775	S69-32273			Nguyễn Văn Cường	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	19/12/2012	19/12/2013	09104/12S69
28776	S69-32274			Nguyễn Minh Trí	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09105/12S69
28777	S69-32275			Phạm Thị Phấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09106/12S69
28778	S69-32276			Kiều Phước Vẹn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	19/12/2012	19/12/2013	09107/12S69
28779	S69-32277			Ngô Đồng Khởi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09108/12S69
28780	S69-32278			Lâm Chí Phúc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09109/12S69
28781	S69-32279			Tiền Dung Lên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09110/12S69
28782	S69-32280			Đỗ Thanh Hải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09111/12S69
28783	S69-32281			Trịnh Quốc Vũ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09112/12S69
28784	S69-32282			Trần Chí Linh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09113/12S69
28785	S69-32283			Nguyễn Văn Rồi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09114/12S69
28786	S69-32284			Nguyễn Quốc Vững	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09115/12S69
28787	S69-32285			Dương Văn Phong	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09116/12S69
28788	S69-32286	CM-53902		Đỗ Quốc Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00556/14S69
28789	S69-32287			Chung Thanh phong	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09118/12S69
28790	S69-32289			Tô Tấn Nết	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09120/12S69
28791	S69-32290			Nguyễn Văn Vũ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09121/12S69
28792	S69-32291			Bùi Văn Nhàn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09122/12S69
28793	S69-32292			Nguyễn Văn Đẹp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09123/12S69
28794	S69-32293			Phạm Thanh Hà	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09124/12S69
28795	S69-32294			Lý Minh Phương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09125/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28796	S69-32295			Trương Tấn Thiên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09126/12S69
28797	S69-32296			Lý Thạch Bạc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09127/12S69
28798	S69-32297			Ngô Vũ Xanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09128/12S69
28799	S69-32298			Ngô Vũ Lâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09129/12S69
28800	S69-32299			Phạm Trường Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09130/12S69
28801	S69-32300			Lý Văn Khanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09131/12S69
28802	S69-32301			Lê Văn Cường	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09132/12S69
28803	S69-32302			Đỗ Thành Long	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09133/12S69
28804	S69-32303			Nguyễn Văn Hải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09134/12S69
28805	S69-32304			Bùi Quốc Khải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09135/12S69
28806	S69-32305			Nguyễn Văn Mố	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09136/12S69
28807	S69-32306			Lâm Hoàng Dũng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09137/12S69
28808	S69-32307			Dương Như ý	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09138/12S69
28809	S69-32308			Ngô Công Nghiệp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09139/12S69
28810	S69-32309			Nguyễn Thế Hóa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09140/12S69
28811	S69-32310			Đỗ Quốc Đăng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09141/12S69
28812	S69-32311			Phạm Hoàng Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09142/12S69
28813	S69-32312			Trần Hoàng Lên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09143/12S69
28814	S69-32313			Ngô Minh Thống	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09144/12S69
28815	S69-32314			Đỗ Thanh Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09145/12S69
28816	S69-32315			Trịnh Phúc Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09146/12S69
28817	S69-32316			Nguyễn Văn Thuận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09147/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28818	S69-32317			Nguyễn Văn Mắm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2012	09148/12S69
28819	S69-32318			Hồng Minh Thúc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09149/12S69
28820	S69-32319			Trương Minh Lộc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09150/12S69
28821	S69-32320			Nguyễn Văn Mực	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09151/12S69
28822	S69-32321			Tạ Văn Oanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09152/12S69
28823	S69-32322			Nguyễn Hữu Trí	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09153/12S69
28824	S69-32323			Nguyễn Huỳnh Nhu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09154/12S69
28825	S69-32324			Phan Thành Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09155/12S69
28826	S69-32325			Nguyễn Công Danh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09156/12S69
28827	S69-32326			Tô Bình Trọng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09157/12S69
28828	S69-32327			Tô Chí Hiếu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09158/12S69
28829	S69-32328			Đặng Thanh Phong	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09177/12S69
28830	S69-32329			DNTN Mỹ Hiền	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	20/12/2012	20/12/2013	09182/12S69
28831	S69-32331			Tô Thanh Vũ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	20/12/2012	20/12/2013	09184/12S69
28832	S69-32332			Lê Văn út	Phú Tân, Huyện Phú Tân	20/12/2012	20/12/2013	09185/12S69
28833	S69-32333			Mai Văn Hải	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/12/2012	20/12/2013	09186/12S69
28834	S69-32334			Bùi Văn An	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	20/12/2012	20/12/2013	09189/12S69
28835	S69-32335			Từ Minh Dương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09196/12S69
28836	S69-32336			Võ Văn Thái	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09197/12S69
28837	S69-32337	CM-23565		Trần Minh Luân	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	31/03/2014	31/03/2015	00869/14S69
28838	S69-32338	CM-98517		Nguyễn Văn Tính	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	07/04/2015	07/04/2016	00655/15S69
28839	S69-32339			Trần Văn Hận	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09200/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28840	S69-32340			Nguyễn Văn ép	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09201/12S69
28841	S69-32341	CM-62026		Trần Văn Định	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2015	20/01/2016	00160/15S69
28842	S69-32342			Lê Minh Triều	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09203/12S69
28843	S69-32343			Nguyễn Trọng Nghĩa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09204/12S69
28844	S69-32344			Nguyễn Thị Lệ	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/12/2012	20/12/2013	09205/12S69
28845	S69-32345			Nguyễn Tấn Hưng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	21/12/2012	20/12/2013	09206/12S69
28846	S69-32346			Phạm Văn Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09207/12S69
28847	S69-32347			Nguyễn Thanh Như	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09208/12S69
28848	S69-32348			Nguyễn Văn Nhuộm	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09209/12S69
28849	S69-32349	CM-62019		Phạm Văn Nghĩa	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2014	20/01/2015	00243/14S69
28850	S69-32350			Phạm Văn Hiến	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09211/12S69
28851	S69-32351	CM-62017		Hoàng Thị Xuân	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/01/2015	20/01/2016	00158/15S69
28852	S69-32352			Nguyễn Công Đa	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09213/12S69
28853	S69-32353	CM-62015		Nguyễn Thanh Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06265/13S69
28854	S69-32354			Lê Vũ Lâm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09215/12S69
28855	S69-32355			Đào Văn Lượng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09216/12S69
28856	S69-32356			Lê Văn On	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09217/12S69
28857	S69-32357			Lê Văn Quý	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09218/12S69
28858	S69-32358	CM-62010		Bùi Sĩ Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02286/14S69
28859	S69-32359	CM-98401		Trần Hoài Hận	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	20/01/2014	20/01/2015	00257/14S69
28860	S69-32360	CM-62024		Võ Chí Thiện	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2013	20/12/2014	06294/13S69
28861	S69-32361			Nguyễn Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09222/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28862	S69-32362			Nguyễn Công Văn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09223/12S69
28863	S69-32363			Ngô Tuyết Hạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09224/12S69
28864	S69-32364	CM-62030		Bùi Chí Nguyễn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2014	20/01/2015	00247/14S69
28865	S69-32365			Võ Văn Hiếu	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09226/12S69
28866	S69-32367	CM-62008		Phùng Thị Loan	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/11/2013	20/11/2014	05849/13S69
28867	S69-32368			Ngô Phương Bình	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/12/2012	20/12/2013	09229/12S69
28868	S69-32370			Huỳnh Thành Cuộc	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	21/12/2012	21/12/2013	09269/12S69
28869	S69-32374	CM- 44102		Nguyễn Văn Nê	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	14/08/2015	14/08/2016	01518/15S69
28870	S69-32376			Lâm Thế Nhân	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	24/12/2012	24/12/2013	09278/12S69
28871	S69-32378			Lê Thanh Tùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	24/12/2012	24/12/2013	09286/12S69
28872	S69-32379			Trần Hoàng Kha	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	24/12/2012	24/12/2013	09289/12S69
28873	S69-32380			Nguyễn Ngọc Mới	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09290/12S69
28874	S69-32381			Thiếu Văn Phi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09291/12S69
28875	S69-32382			Nguyễn Thành Đô	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09292/12S69
28876	S69-32383			Nguyễn Văn Thống	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09293/12S69
28877	S69-32384			Nguyễn Văn Sự	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09294/12S69
28878	S69-32385			Mai Chí Mừng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09295/12S69
28879	S69-32386			Trần Quốc Hiệu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09296/12S69
28880	S69-32387			Nguyễn Minh Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09297/12S69
28881	S69-32388			Võ Thanh Tùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09298/12S69
28882	S69-32389			Nguyễn Hòa Tấu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09299/12S69
28883	S69-32390			Nguyễn Hoàng Thắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09300/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28884	S69-32391			Lê Văn Khệnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09301/12S69
28885	S69-32392			Võ Thanh Cần	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09302/12S69
28886	S69-32393			Nguyễn Văn Phương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09303/12S69
28887	S69-32394	CM-54079		Tô Thanh Tèo	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	08/05/2014	08/05/2015	01226/14S69
28888	S69-32395			Trần Trường Giang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09305/12S69
28889	S69-32396	CM-54077		Lâm Thanh Vũ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00562/14S69
28890	S69-32397			Nguyễn Trọng Hiếu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09307/12S69
28891	S69-32398			Trần Minh Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09308/12S69
28892	S69-32399			Lê Tấn Hào	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09309/12S69
28893	S69-32400			Nguyễn Thị My	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09310/12S69
28894	S69-32401	CM-98510		Nguyễn Văn Thuận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/05/2015	28/05/2016	01027/15S69
28895	S69-32402			Lê Hoàng ánh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09312/12S69
28896	S69-32403			Trần Hoàng Chinh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09313/12S69
28897	S69-32404			Lê Chí Nguyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09314/12S69
28898	S69-32406			Nguyễn Trung Tính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09316/12S69
28899	S69-32407			Nguyễn Hải Triều	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09317/12S69
28900	S69-32408			Nguyễn Văn Hồ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09318/12S69
28901	S69-32409			Văn Tấn Dương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09319/12S69
28902	S69-32410			Nguyễn Trường Hận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09320/12S69
28903	S69-32411			Huỳnh Minh Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09321/12S69
28904	S69-32412			Lê Minh Khấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09322/12S69
28905	S69-32413			Võ Hữu Vinh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09323/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28906	S69-32414			Văn Tấn Đương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09324/12S69
28907	S69-32415			Nguyễn Văn Truyền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09325/12S69
28908	S69-32416			Trần Công Tráng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09326/12S69
28909	S69-32417			Lê Minh Xuyên	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09327/12S69
28910	S69-32418			Nguyễn Văn Trung	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09328/12S69
28911	S69-32419			Nguyễn Hòa Hên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09329/12S69
28912	S69-32420			Võ Minh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09330/12S69
28913	S69-32421			Trần Mộng Nghi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09331/12S69
28914	S69-32422			Trần Hồng Nhiên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09332/12S69
28915	S69-32423			Hồ Hoàng Phi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09333/12S69
28916	S69-32424			Nguyễn Quốc Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09334/12S69
28917	S69-32425			Trần Văn Liệt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09335/12S69
28918	S69-32426			Đoàn Hoàng Sil	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09336/12S69
28919	S69-32428			Tô Thanh Nhã	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09338/12S69
28920	S69-32429			Lê Quốc Sử	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09339/12S69
28921	S69-32430			Huỳnh Văn Chung	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09340/12S69
28922	S69-32431			Lâm Văn Mười	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09341/12S69
28923	S69-32432			Dương Văn Chinh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09342/12S69
28924	S69-32433			Nguyễn Trí Thức	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09343/12S69
28925	S69-32434			Huỳnh Hoàng Nam	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09344/12S69
28926	S69-32435			Tiêu Bích Liễu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09345/12S69
28927	S69-32436			Thái Văn Lâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09346/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28928	S69-32437			Lê Trường Tâm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09347/12S69
28929	S69-32438			Lê Minh Hiệu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09348/12S69
28930	S69-32439			Lê Thanh Mừng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09349/12S69
28931	S69-32440			Tiêu ánh Tuyết	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09350/12S69
28932	S69-32441			Nguyễn Văn Thông	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09351/12S69
28933	S69-32442			Phạm Văn Phương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09352/12S69
28934	S69-32443			Tô Quốc Nam	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09353/12S69
28935	S69-32444			Từ Quốc Nam	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09354/12S69
28936	S69-32445			Nguyễn Thế Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09355/12S69
28937	S69-32446			Đinh Văn Xum	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09356/12S69
28938	S69-32447			Trần Văn Dương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09357/12S69
28939	S69-32448			Nguyễn Hoàng Anh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09358/12S69
28940	S69-32449			Nguyễn Công Luận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09359/12S69
28941	S69-32450			Trần Chí Bình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09360/12S69
28942	S69-32451			Lê Minh Nhựt	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09361/12S69
28943	S69-32452			Nguyễn Văn Linh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09362/12S69
28944	S69-32453			Trần Quốc Hiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09363/12S69
28945	S69-32454			Nguyễn Chí Tư	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09364/12S69
28946	S69-32455			Lâm Hoàng Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09365/12S69
28947	S69-32456			Trần Hoàng Lễ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09366/12S69
28948	S69-32457			Tiêu Văn Sinh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09367/12S69
28949	S69-32458			Nguyễn Hoàng Cang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09368/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28950	S69-32459			Phạm Hoài Hân	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09369/12S69
28951	S69-32460			Phan Văn Vi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09370/12S69
28952	S69-32461			Lê Hoàng Nghiêm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09371/12S69
28953	S69-32462			Nguyễn Văn Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09372/12S69
28954	S69-32463			Phan Văn Dư	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09373/12S69
28955	S69-32464			Đỗ Văn Vinh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09374/12S69
28956	S69-32465			Bùi Tấn Hoàng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09375/12S69
28957	S69-32466			Nguyễn Hùng Cường	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09376/12S69
28958	S69-32467			Phạm Thanh Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09377/12S69
28959	S69-32468			Đặng Thanh Chuyển	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09378/12S69
28960	S69-32469			Võ Văn Sau	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09379/12S69
28961	S69-32470			Phạm Minh Trảng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09380/12S69
28962	S69-32471			Nguyễn Hoàng Lập	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09381/12S69
28963	S69-32472			Nguyễn Hoàng Khanh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09382/12S69
28964	S69-32473			Liêu Văn Phát	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09383/12S69
28965	S69-32474			Đỗ Ngọc Cuộc	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09384/12S69
28966	S69-32475			Nguyễn Thanh Hào	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09385/12S69
28967	S69-32476			Lâm Chung Kha	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09386/12S69
28968	S69-32477			Tiêu Thị Hồng Hoa	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09387/12S69
28969	S69-32478			Lê Văn Chác	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09388/12S69
28970	S69-32479			Cù Minh Vui	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09389/12S69
28971	S69-32480			Phạm Văn Nên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09390/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28972	S69-32481			Phạm Hồng ánh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09391/12S69
28973	S69-32482			Nguyễn Văn Hiền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09392/12S69
28974	S69-32483	CM-54084		Nguyễn Việt Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00234/15S69
28975	S69-32484			Nguyễn Y Răng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09394/12S69
28976	S69-32485			Tô Văn Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	24/12/2013	09395/12S69
28977	S69-32486			Nguyễn Thanh Vàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09396/12S69
28978	S69-32487			Đoàn Văn Hải	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09397/12S69
28979	S69-32488			Trịnh Vũ Phòng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09398/12S69
28980	S69-32489	CM-54123		Ngô Thanh Tú	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	03/04/2014	03/04/2015	00888/14S69
28981	S69-32491			Đoàn Văn Tân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09401/12S69
28982	S69-32494			Nguyễn Thanh Sữa	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09404/12S69
28983	S69-32495	CM- 54183		Nguyễn Quốc Khá	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	03/03/2015	03/03/2016	00382/15S69
28984	S69-32496			Ngô Chí Linh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09406/12S69
28985	S69-32497			Trần Chí Tân	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09407/12S69
28986	S69-32498			Phạm Hoàng Dũng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09408/12S69
28987	S69-32499			Phạm Hoàng Dũng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09409/12S69
28988	S69-32500			Phan Văn Vi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09410/12S69
28989	S69-32501			Lê Vũ Phương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09411/12S69
28990	S69-32502			Phan Văn Dư	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09412/12S69
28991	S69-32503			Hồ Hữu Tính	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09413/12S69
28992	S69-32504	CM-54191		Mai Thái Ngươn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00809/14S69
28993	S69-32506			Nguyễn Điều Nghiêng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09416/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
28994	S69-32507			Nguyễn Văn Khái	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09417/12S69
28995	S69-32508			Tôn Văn Đen	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09418/12S69
28996	S69-32509			Trần Văn Mười	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09419/12S69
28997	S69-32510			Lê Minh Trí	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09420/12S69
28998	S69-32511			Nguyễn Chí Linh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09421/12S69
28999	S69-32512			Lương Văn Mạnh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09422/12S69
29000	S69-32513			Thạch Văn Hôn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09423/12S69
29001	S69-32514			Võ Văn Thủ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09424/12S69
29002	S69-32515			La Thanh Pha	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09425/12S69
29003	S69-32516			Nguyễn Thanh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09426/12S69
29004	S69-32518			Nguyễn Văn Chinh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09428/12S69
29005	S69-32519			Nguyễn Hoàng Khánh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09429/12S69
29006	S69-32520			Lê Hải Huỳnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09430/12S69
29007	S69-32521			Trần Văn Tùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09431/12S69
29008	S69-32522			Phạm Quốc Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09432/12S69
29009	S69-32523			Trần Quang Chính	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09433/12S69
29010	S69-32524			Trần Văn Hiệp	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09434/12S69
29011	S69-32525			Võ Hữu Vinh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09435/12S69
29012	S69-32526			Nguyễn Văn Định	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09436/12S69
29013	S69-32527			Lê Minh Trắng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/12/2012	22/12/2013	09437/12S69
29014	S69-32528			Lê Thanh Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	19/12/2012	19/12/2013	09438/12S69
29015	S69-32530			Nguyễn Phú Đông	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09534/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29016	S69-32531			Nguyễn Văn Trung	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09535/12S69
29017	S69-32532			Lý Thanh Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09536/12S69
29018	S69-32533	CM-66917		Huỳnh Minh Chiến	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00470/14S69
29019	S69-32536			Trương Văn Đua	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09540/12S69
29020	S69-32537	CM-66891		Nguyễn Văn Ninh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00484/14S69
29021	S69-32538			Hoàng Văn Thống	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09542/12S69
29022	S69-32539			Kim Ngọc Nhiệm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09543/12S69
29023	S69-32540			Huỳnh Văn Cảnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09544/12S69
29024	S69-32541			Thái Bình Nguyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09545/12S69
29025	S69-32542			Nguyễn Chí Tùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09546/12S69
29026	S69-32543	CM-66886		Nguyễn Văn Nhứt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06357/13S69
29027	S69-32544			Trần Chí Nguyên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09548/12S69
29028	S69-32545			Tiêu Thanh Bảy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09549/12S69
29029	S69-32546			Lê Văn Xiếu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09550/12S69
29030	S69-32547	CM-66914		Văn Công Cần	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2014	24/03/2015	00755/14S69
29031	S69-32548	CM-66950		Nguyễn Văn Thum	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2015	24/01/2016	00194/15S69
29032	S69-32550			Lê Văn Lâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09554/12S69
29033	S69-32551	CM-66666		Bùi Duy Bình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2015	24/03/2016	00572/15S69
29034	S69-32552			Ngô Hoàng Hân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09556/12S69
29035	S69-32553			Nguyễn Văn Luật	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09557/12S69
29036	S69-32554			Huỳnh My	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09558/12S69
29037	S69-32555			Trần Văn Lực	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09559/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29038	S69-32556			Huỳnh Chí Trung	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09560/12S69
29039	S69-32557			Trần Văn Kha	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09561/12S69
29040	S69-32559			Phan Việt Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09563/12S69
29041	S69-32561			Mai Văn Toàn	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09565/12S69
29042	S69-32562	CM-66905		Nguyễn Trọng Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2015	24/03/2016	00563/15S69
29043	S69-32563	CM-66921		Quách Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00471/14S69
29044	S69-32564	CM- 66904		Lê Văn Xương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2013	24/12/2014	06352/13S69
29045	S69-32566			Đoàn Văn Tèo	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09570/12S69
29046	S69-32567			Đoàn Chí Công	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09571/12S69
29047	S69-32568			Nguyễn Văn Diện	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09572/12S69
29048	S69-32569			Lê Trường Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09573/12S69
29049	S69-32570			Huỳnh Văn Muôi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09574/12S69
29050	S69-32571			Nguyễn Văn Lành	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09575/12S69
29051	S69-32572			Nguyễn Văn Trường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09576/12S69
29052	S69-32573			Nguyễn Quốc Sử	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09577/12S69
29053	S69-32574			Nguyễn Chí Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09578/12S69
29054	S69-32575			Nguyễn Trường Phong	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09579/12S69
29055	S69-32578			Phương Hoài Thanh	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	25/12/2012	25/12/2013	09634/12S69
29056	S69-32579			Võ Thị Tuyết Mai	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/12/2012	20/12/2013	09643/12S69
29057	S69-32582			Phương Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/12/2012	20/12/2013	09646/12S69
29058	S69-32583			Trương Thanh Toàn	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	25/12/2012	25/12/2013	09647/12S69
29059	S69-32584			Lâm Văn Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	25/12/2012	25/12/2013	09648/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29060	S69-32586			Nguyễn Văn Phi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	26/12/2012	26/12/2013	09654/12S69
29061	S69-32587			Nguyễn Duy Thanh	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	26/12/2012	26/12/2013	09655/12S69
29062	S69-32588			Võ Văn Công	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2012	26/12/2013	09657/12S69
29063	S69-32589	CM-98387		Bùi Trường Giang	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	30/12/2013	30/12/2014	06633/13S69
29064	S69-32593			Huỳnh Văn Liêm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09671/12S69
29065	S69-32595			Nguyễn Tú Anh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	27/12/2012	24/12/2013	09673/12S69
29066	S69-32596			Trần Ru Bi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09674/12S69
29067	S69-32597			Nguyễn Văn Vũ	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09675/12S69
29068	S69-32598			Trần Thanh Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09676/12S69
29069	S69-32599			Trần Đắc Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2012	24/12/2013	09677/12S69
29070	S69-32600			Lâm Văn On	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	27/12/2012	27/12/2013	09681/12S69
29071	S69-32601			Lâm Thế Nhân	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	27/12/2012	27/12/2013	09682/12S69
29072	S69-32602			Lý Văn Kiêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2012	28/12/2013	09688/12S69
29073	S69-32603			Võ Văn Hôn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09689/12S69
29074	S69-32604			Nguyễn Văn Thiên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09690/12S69
29075	S69-32605			Phạm Văn Sự	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09691/12S69
29076	S69-32606			Nguyễn Thanh Vũ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09692/12S69
29077	S69-32607			Vũ Văn Vinh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09693/12S69
29078	S69-32608			Phạm Văn Phước	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09694/12S69
29079	S69-32609			Trương Văn Đô	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09695/12S69
29080	S69-32610			Phạm Văn Hưởng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09696/12S69
29081	S69-32611			Phạm Văn Phụng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09697/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29082	S69-32612			Nguyễn Văn Thắm	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09698/12S69
29083	S69-32613			Nguyễn Văn Ca	Khánh Hội, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09699/12S69
29084	S69-32614			Võ Văn Khả	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09700/12S69
29085	S69-32615			Dương Văn Sớm	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09701/12S69
29086	S69-32616			Nguyễn Văn Tiễn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09702/12S69
29087	S69-32617			Nguyễn Thanh Kiên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09703/12S69
29088	S69-32618			Lý Văn Học	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09704/12S69
29089	S69-32619			Nguyễn Văn ChoL	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09705/12S69
29090	S69-32620			Ngô Thanh Hùng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09706/12S69
29091	S69-32621			Lê Thanh Tia	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09707/12S69
29092	S69-32622			Điệp Văn Tiếp	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09708/12S69
29093	S69-32623			Nguyễn Hồng Khanh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09709/12S69
29094	S69-32624			Ngô Văn Đức	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09710/12S69
29095	S69-32625			Đào Văn út	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09711/12S69
29096	S69-32626			Nguyễn Hoàng Vũ	Khánh Hòa, Huyện Đầm Dơi	27/12/2012	27/12/2013	09712/12S69
29097	S69-32627			Đỗ Văn Vẻ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09713/12S69
29098	S69-32628			Nguyễn Văn Thoàng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09714/12S69
29099	S69-32629			Phan Văn Quây	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09715/12S69
29100	S69-32630			Võ Văn út	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09716/12S69
29101	S69-32631			Trương Cà kha	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09717/12S69
29102	S69-32632			Nguyễn Bắc ái	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09718/12S69
29103	S69-32633			Nguyễn Văn Hải	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09719/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29104	S69-32634			Vũ Phương Thùy	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09720/12S69
29105	S69-32635			Nguyễn Văn Thường	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09721/12S69
29106	S69-32636			Nguyễn Thanh Sáp	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09722/12S69
29107	S69-32637			Nguyễn Văn Giang	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09723/12S69
29108	S69-32638			Dương Hoàng Xía	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09724/12S69
29109	S69-32639			Dương Hoàng SuôL	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09725/12S69
29110	S69-32640			Nguyễn Mỹ Lệ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09726/12S69
29111	S69-32641			Nguyễn Văn Chín	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09727/12S69
29112	S69-32642			Ngô Văn Cho	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09728/12S69
29113	S69-32643			Phạm Văn Thừa	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09729/12S69
29114	S69-32644			Nguyễn Quốc Trọng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09730/12S69
29115	S69-32645			Trần Hoàng Tứ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09731/12S69
29116	S69-32646			Trương Văn Đo	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09732/12S69
29117	S69-32647			Nguyễn Văn Cát	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09733/12S69
29118	S69-32648			Nguyễn Văn Chiến	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09734/12S69
29119	S69-32649			Nguyễn Văn Hùng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09735/12S69
29120	S69-32650			Phạm Văn Tiền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09736/12S69
29121	S69-32651			Nguyễn Hoàng Lượng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09737/12S69
29122	S69-32652			Văn Công Hồ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09738/12S69
29123	S69-32653			Tiêu Văn Điệp	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09739/12S69
29124	S69-32654			Ngô Kim Hón	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09740/12S69
29125	S69-32655			Nguyễn Xuân Anh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09741/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29126	S69-32656			Nguyễn Minh Năng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09742/12S69
29127	S69-32657			Trần Văn Cành	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09743/12S69
29128	S69-32658			Đỗ Quốc Đoàn	Khánh Hòa, Huyện Đầm Dơi	27/12/2012	27/12/2013	09744/12S69
29129	S69-32659			Hướng Việt Quân	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09745/12S69
29130	S69-32660			Trần Phương Nam	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09746/12S69
29131	S69-32661			Dương Văn Bình	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09747/12S69
29132	S69-32662			Đỗ Văn Tây	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09748/12S69
29133	S69-32663			Nguyễn Văn Thoảng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09749/12S69
29134	S69-32664			Nguyễn út Thanh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09750/12S69
29135	S69-32665			Nguyễn Văn Vững	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09751/12S69
29136	S69-32666			Phạm Văn Dương	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09752/12S69
29137	S69-32667			Nguyễn Văn Non	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09753/12S69
29138	S69-32668			Dương Văn Khởi	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09754/12S69
29139	S69-32669			Quách Văn Xia	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09755/12S69
29140	S69-32670			Nguyễn Văn Vẹn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09756/12S69
29141	S69-32671			Lâm Văn Tới	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09757/12S69
29142	S69-32672			Phạm Hoài Nhớ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09758/12S69
29143	S69-32673			Bùi Văn Tập	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09759/12S69
29144	S69-32674			Nguyễn Văn Khởi	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09760/12S69
29145	S69-32675			Ngô Văn Đến	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09761/12S69
29146	S69-32676			Nguyễn Minh Sĩ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09762/12S69
29147	S69-32677			Phạm Thị Mai	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09763/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29148	S69-32678			Bùi Văn Việt	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09764/12S69
29149	S69-32679	CM-88007		Đoàn Văn Sóng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	23/05/2014	23/05/2015	01366/14S69
29150	S69-32680			Trương Văn Liệt	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09766/12S69
29151	S69-32681			Trần Hoàng Tứ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09767/12S69
29152	S69-32682			Nguyễn Văn Khánh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09768/12S69
29153	S69-32683			Nguyễn út Em	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09769/12S69
29154	S69-32684			Lê Hoàng Thắng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09770/12S69
29155	S69-32685			Điệp Văn Đoán	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09771/12S69
29156	S69-32686			Nguyễn Na Xếch	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09772/12S69
29157	S69-32687			Lâm Thái Điền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09773/12S69
29158	S69-32688			Trịnh Văn Ten	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09774/12S69
29159	S69-32689			Phạm Văn Thống	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09775/12S69
29160	S69-32690			Trần Minh Luân	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09776/12S69
29161	S69-32691			Võ Hoàng Đáng	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09777/12S69
29162	S69-32692			Trần Văn Khả	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09778/12S69
29163	S69-32693			Nguyễn Thị Náo	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09779/12S69
29164	S69-32694			Nguyễn Thị Loan	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09780/12S69
29165	S69-32695			Nguyễn Văn Tài	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09781/12S69
29166	S69-32696			Trần Khắc Quy	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09782/12S69
29167	S69-32697			Nguyễn Văn Thám	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09783/12S69
29168	S69-32698			Nguyễn Văn Móc	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09784/12S69
29169	S69-32699			Nguyễn Chí Hải	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09785/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29170	S69-32700			Ngô Văn Nguồn	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09786/12S69
29171	S69-32701			Trần Văn Khởi	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09787/12S69
29172	S69-32702			Quách Suối	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09788/12S69
29173	S69-32703			Trần Văn Lắm	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09789/12S69
29174	S69-32704			Quách Trọng Nguyễn	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09790/12S69
29175	S69-32705			Quách Tuấn Khanh	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09791/12S69
29176	S69-32706			Nguyễn Thanh Thoại	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09792/12S69
29177	S69-32707			Trịnh Văn Liêm	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09793/12S69
29178	S69-32708			Võ Minh Khoa	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09794/12S69
29179	S69-32709			Quách Văn Hải	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09795/12S69
29180	S69-32710			Trịnh Văn Toàn	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09796/12S69
29181	S69-32711			Ngô Văn Tuấn	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09797/12S69
29182	S69-32712			Huỳnh Văn Tùng	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09798/12S69
29183	S69-32713			Lê Minh Luân	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09799/12S69
29184	S69-32714			Huỳnh Văn Minh	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09800/12S69
29185	S69-32715			Huỳnh Hải Liêu	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09801/12S69
29186	S69-32716			Nguyễn Văn Tuấn	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09802/12S69
29187	S69-32717			Nguyễn Văn Miên	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09803/12S69
29188	S69-32718			Võ Hoàng Toàn	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09804/12S69
29189	S69-32719			Trần Văn Ân	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09805/12S69
29190	S69-32720			Quách Văn Ninh	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09806/12S69
29191	S69-32721			Nguyễn Trung Kiên	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09807/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29192	S69-32722			Nguyễn Thanh Trường	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09808/12S69
29193	S69-32723			Đoàn Trí sách	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09809/12S69
29194	S69-32724			Đoàn Trường Giang	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09810/12S69
29195	S69-32725			Nguyễn Văn Tảng	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09811/12S69
29196	S69-32726			Trần Kim Xoàn	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09812/12S69
29197	S69-32727			Ngô Minh Chí	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09813/12S69
29198	S69-32728			Trần Thị Hằng	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09814/12S69
29199	S69-32729			Trần Hoàng Giang	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09815/12S69
29200	S69-32730			Phạm Hoàng Bên	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09816/12S69
29201	S69-32731			Ngô Văn Hùng	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09817/12S69
29202	S69-32732			Trần Văn Cảnh	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09818/12S69
29203	S69-32733			Phạm Phương Bắc	xa Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09819/12S69
29204	S69-32734			Thái Hoàng Phong	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09820/12S69
29205	S69-32735			Trần văn Liệp	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09821/12S69
29206	S69-32736			Nguyễn Văn Gập	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09822/12S69
29207	S69-32737			Lê Hoàng Đảo	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09823/12S69
29208	S69-32738			Nguyễn Thị Ngoan	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09824/12S69
29209	S69-32739			Lê Văn Tròn	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09825/12S69
29210	S69-32740			Võ Văn Nàng	xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09826/12S69
29211	S69-32741			Văn Công Hai	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09827/12S69
29212	S69-32742			Trương Minh Thành	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09828/12S69
29213	S69-32743			Nguyễn Hoàng Đa	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09829/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29214	S69-32744			Võ Kim Khách	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09830/12S69
29215	S69-32745			Nguyễn Văn Trà	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09831/12S69
29216	S69-32746			Lê Minh Luân	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09832/12S69
29217	S69-32747			Phạm Văn Miên	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09833/12S69
29218	S69-32748			Lê Hoàng A	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09834/12S69
29219	S69-32749			Châu Văn Kiệp	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09835/12S69
29220	S69-32750			Lê Văn Nhân	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09836/12S69
29221	S69-32751			Đặng Hoàng Đet	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09837/12S69
29222	S69-32752			Nguyễn Văn Kháng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09838/12S69
29223	S69-32753			Trần Văn Hoàng	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09839/12S69
29224	S69-32754			Võ Văn út	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09840/12S69
29225	S69-32755			Nguyễn Văn Chờ	Khánh Hoà, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09841/12S69
29226	S69-32756			Lê Trường Giang	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09842/12S69
29227	S69-32757			Nguyễn Văn Toàn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09843/12S69
29228	S69-32758			Nguyễn Bảo Đức	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09844/12S69
29229	S69-32759			Nguyễn Thị út	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09845/12S69
29230	S69-32760			Bùi Văn Pháp	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09846/12S69
29231	S69-32761			Trần Văn Tiên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09847/12S69
29232	S69-32762			Võ Văn Ngon	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09848/12S69
29233	S69-32763			Nguyễn Văn Ngây	Khánh hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09849/12S69
29234	S69-32764			Nguyễn Văn Đém	Khánh Hòa, Huyện U Minh	28/12/2012	27/12/2013	09850/12S69
29235	S69-32765			Nguyễn Văn Trường	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09851/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29236	S69-32766			Lâm Văn Quyền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09852/12S69
29237	S69-32767			Trà Văn Suội	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09853/12S69
29238	S69-32768			Trần Hùng Vương	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09854/12S69
29239	S69-32769			Nguyễn Văn Sơn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09855/12S69
29240	S69-32770			Nguyễn Mỹ Tiên	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09856/12S69
29241	S69-32771			Nguyễn Thị Ban	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09857/12S69
29242	S69-32772			Nguyễn Văn Mãi	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09858/12S69
29243	S69-32773			Trần Hoàng Khải	Khánh Hòa, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09859/12S69
29244	S69-32774			Trần Thành Công	TT U Minh, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09860/12S69
29245	S69-32775			Huỳnh Minh Tuấn	TT U Minh, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09861/12S69
29246	S69-32776			Trần Văn Danh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09862/12S69
29247	S69-32777			Nguyễn Văn Lối	Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09863/12S69
29248	S69-32778			Trần Văn Nguyên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09864/12S69
29249	S69-32779			Nguyễn Văn Tâm	TT U Minh, Huyện U Minh	27/12/2012	27/12/2013	09865/12S69
29250	S69-32780			Nguyễn Dũng Kha	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/12/2012	28/12/2013	09875/12S69
29251	S69-32781			Nguyễn Mỹ Linh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09876/12S69
29252	S69-32782			Huỳnh Thanh Dũng	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09877/12S69
29253	S69-32783			Bùi Phước Hậu	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09878/12S69
29254	S69-32785			Lưu Hoàng Ty	xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09880/12S69
29255	S69-32786	CM-23639		Trần Minh Nhiều	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00247/15S69
29256	S69-32787			Trần Rô Y	xx Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09882/12S69
29257	S69-32788			Trương Thanh Hải	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09883/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29258	S69-32789			Nguyễn Phương Đăng	xã Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09884/12S69
29259	S69-32790			Trần Vũ Hào	xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09885/12S69
29260	S69-32791			Huỳnh Văn Ri	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09886/12S69
29261	S69-32792			Võ Thành Lộc	xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09887/12S69
29262	S69-32793			Nguyễn Hoàng Tập	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09888/12S69
29263	S69-32794			Lê Quốc Nam	xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09889/12S69
29264	S69-32795			Huỳnh Văn Dũng	xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09890/12S69
29265	S69-32796			Lê Văn Hơ	xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09891/12S69
29266	S69-32797	CM-54403		Trần Văn Được	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06489/13S69
29267	S69-32798	CM-54404		Thang Văn Nghiệp	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06491/13S69
29268	S69-32799			Nguyễn Hoàng Tèo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09894/12S69
29269	S69-32800	CM-54406		Trương Thiện Anh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2015	28/08/2016	01623/15S69
29270	S69-32802			bùi Văn Sơn	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09897/12S69
29271	S69-32803	CM-54409		Nguyễn Văn Liệt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06504/13S69
29272	S69-32804	CM-54410		Nguyễn Văn Vui	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00539/14S69
29273	S69-32805	CM- 54270		Nguyễn Hùng Anh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06439/13S69
29274	S69-32806			Lê Văn Mừng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09901/12S69
29275	S69-32807			Phạm Văn Tỏa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09902/12S69
29276	S69-32809			Phạm Ngọc Nguyên	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09904/12S69
29277	S69-32810			Nguyễn Văn Sơn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09905/12S69
29278	S69-32811			Nguyễn Văn To	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09906/12S69
29279	S69-32812			Trần Trường Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09907/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29280	S69-32814			Hồ Văn Chung	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09909/12S69
29281	S69-32815			Lê Minh Ngoan	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09910/12S69
29282	S69-32816			Sử Quốc Cường	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09911/12S69
29283	S69-32817			Võ Hoàng Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09912/12S69
29284	S69-32818			Nguyễn Văn Tèo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09913/12S69
29285	S69-32819			Lê Văn Tiếng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09914/12S69
29286	S69-32820			Lâm Công Huỳnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09915/12S69
29287	S69-32821	CM-54257		Ngô Thu Ba	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06492/13S69
29288	S69-32822			Đặng Văn Cơ	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09917/12S69
29289	S69-32823	CM-54255		Nguyễn Vũ Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06485/13S69
29290	S69-32824			Trương Hoàng Thắng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09919/12S69
29291	S69-32825			Lê Việt Đăng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09920/12S69
29292	S69-32826			Nguyễn Văn Hon	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09921/12S69
29293	S69-32827	CM-54251		Lê Quốc Trọng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02049/14S69
29294	S69-32828			Phạm Trung Kiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09923/12S69
29295	S69-32829			Trương Thanh Hòa	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09924/12S69
29296	S69-32830	CM-54329		Nguyễn Tấn Duy	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06466/13S69
29297	S69-32831	CM- 54466		Võ Hoài Ân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06419/13S69
29298	S69-32832			Nguyễn Minh Thắng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09927/12S69
29299	S69-32833			Nguyễn Quốc Việt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09928/12S69
29300	S69-32835			Trương Thanh Thế	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09930/12S69
29301	S69-32836			Võ Văn Tiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09931/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29302	S69-32837	CM-54472		Trần Minh Quang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/01/2015	16/01/2016	00095/15S69
29303	S69-32839			Nguyễn Minh Phụng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09934/12S69
29304	S69-32840			Nguyễn Quốc Khải	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09935/12S69
29305	S69-32841			Tiền Văn Bền	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09936/12S69
29306	S69-32842	CM- 54384		Nguyễn Thắng Lợi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00244/15S69
29307	S69-32843			Lương Văn Triệu	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09938/12S69
29308	S69-32844			Trần Xuân Mới	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09939/12S69
29309	S69-32845			Nguyễn Văn Linh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09940/12S69
29310	S69-32846	CM-54388		Lê Thanh Minh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06477/13S69
29311	S69-32847	CM-54389		Bùi Minh Trung	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06505/13S69
29312	S69-32848			Dương Thanh Sử	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09943/12S69
29313	S69-32849	CM-54391		Nguyễn Hiến Thương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03536/14S69
29314	S69-32850			Nguyễn Thanh Toàn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09945/12S69
29315	S69-32851	CM- 54393		Đặng Văn Nghiệp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06430/13S69
29316	S69-32852			Lâm Văn Công	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09947/12S69
29317	S69-32853			Nguyễn Thanh Phong	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09948/12S69
29318	S69-32854			Bùi Văn Thế	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09949/12S69
29319	S69-32855	CM- 54397		Đặng Thanh Toàn	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06455/13S69
29320	S69-32856			Lê Phi Long	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09951/12S69
29321	S69-32857			Phan Danh Lam	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09952/12S69
29322	S69-32858			Vưu Văn Huôi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09953/12S69
29323	S69-32859			Dương Minh Đáng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09954/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29324	S69-32860			Nguyễn Chí Tiến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09955/12S69
29325	S69-32861			Hà Khánh An	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09956/12S69
29326	S69-32862	CM-54427		Nguyễn Duy Phương	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01759/14S69
29327	S69-32863			Phương Hoài Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09958/12S69
29328	S69-32864			Huỳnh Văn Đắc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09959/12S69
29329	S69-32865			Đặng Minh Chiến	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09960/12S69
29330	S69-32866			Võ Hữu Tánh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09961/12S69
29331	S69-32867	CM-54432		Lương Văn Quýt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03548/14S69
29332	S69-32868			Trương Văn Thẩm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09963/12S69
29333	S69-32869			Duy Văn Đảm	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09964/12S69
29334	S69-32870			Phạm Minh Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09965/12S69
29335	S69-32871			Phạm Minh út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09966/12S69
29336	S69-32872			Trần Quốc Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09967/12S69
29337	S69-32873			Cao Văn Tỷ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09968/12S69
29338	S69-32874			Nguyễn Văn Đạo	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09969/12S69
29339	S69-32875			Trần Văn Thắng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09970/12S69
29340	S69-32876			Lê Thị Phương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09971/12S69
29341	S69-32877			Phạm Văn lãng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09972/12S69
29342	S69-32878			Hồ Ngọc Lệ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09973/12S69
29343	S69-32879			Trần Văn An	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09974/12S69
29344	S69-32880			Nguyễn Trường Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09975/12S69
29345	S69-32881			Lương Minh Nhân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09976/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29346	S69-32882			Lê Minh Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09977/12S69
29347	S69-32884	CM-54215		Phạm Công Trường	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06596/13S69
29348	S69-32885			Trương Thanh Hà	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09980/12S69
29349	S69-32886			Huỳnh Hồng Mai	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09981/12S69
29350	S69-32887			Hồ Chí Hạnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09982/12S69
29351	S69-32888			Lê Văn Hận	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09983/12S69
29352	S69-32889			Lê Văn Năm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09984/12S69
29353	S69-32890			Lê Vũ Trường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09985/12S69
29354	S69-32891			Phạm Như Nguyễn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09986/12S69
29355	S69-32892			Huỳnh Hoàng Kha	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09987/12S69
29356	S69-32893	CM-54443		Hồ Hoài Hận	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00250/15S69
29357	S69-32894			Nguyễn Hoàng Diễn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09989/12S69
29358	S69-32895	CM-54447		Võ Văn Bự	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06603/13S69
29359	S69-32896	CM-54448		Võ Văn Bự	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06602/13S69
29360	S69-32897			Bùi Thị Thu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09992/12S69
29361	S69-32898			Nguyễn Phương Kiều	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09993/12S69
29362	S69-32899			Ngô Ngọc Hải	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09994/12S69
29363	S69-32900			Trần Văn Hoàng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09995/12S69
29364	S69-32901	CM-54225		Trần Chí Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03561/14S69
29365	S69-32902			Hồng Xuân Vũ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09997/12S69
29366	S69-32903			Trần Văn Năm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09998/12S69
29367	S69-32904			Huỳnh Thanh Toàn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	09999/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29368	S69-32905			Hứa Kim Hoàng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10000/12S69
29369	S69-32906			Nguyễn Tấn Hân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10001/12S69
29370	S69-32907			Đoàn Văn Ngoan	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10002/12S69
29371	S69-32908			Phạm Minh Tính	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10003/12S69
29372	S69-32909			Hứa Bá Huyền	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10004/12S69
29373	S69-32910			Nguyễn Hữu Phong	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10005/12S69
29374	S69-32911			Ngô Minh Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10006/12S69
29375	S69-32912			Võ Văn Soát	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10007/12S69
29376	S69-32913			Trần Ngọc Nhiên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10008/12S69
29377	S69-32914			Trần Thanh Hùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10009/12S69
29378	S69-32915			Trịnh Văn Hoàng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10010/12S69
29379	S69-32917			Ngô út Tồn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10012/12S69
29380	S69-32918			Phạm Hoàng Vũ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10013/12S69
29381	S69-32919			Nguyễn Chí Linh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10014/12S69
29382	S69-32920			Mai Thanh Tiền	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10015/12S69
29383	S69-32921			Trần Quốc Nhiên	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10016/12S69
29384	S69-32922			Nguyễn Văn Tiếp	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10017/12S69
29385	S69-32923			Đinh Phong Nhã	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10018/12S69
29386	S69-32924			Nguyễn Văn Quốc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10019/12S69
29387	S69-32925			Dương Văn Hoà	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10020/12S69
29388	S69-32926	CM-54228		Phạm Văn Tèo	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06540/13S69
29389	S69-32927			Nguyễn Hoài Hận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10022/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29390	S69-32928	CM-54230		Võ Văn Đợt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00823/14S69
29391	S69-32929			Ngô Lý Thông	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10024/12S69
29392	S69-32930			Thang Văn Lâm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10025/12S69
29393	S69-32931			Nguyễn Văn Hào	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10026/12S69
29394	S69-32932			Trương Văn Diễn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10027/12S69
29395	S69-32933			Trương Văn Lâm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10028/12S69
29396	S69-32934	CM-54499		Bùi Châu Lợi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	23/09/2014	25/09/2015	02613/14S69
29397	S69-32935			Trần Được Em	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10030/12S69
29398	S69-32936	CM-54237		Nguyễn Độc Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06514/13S69
29399	S69-32937			Trần Công Cuộc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10032/12S69
29400	S69-32938			Phạm Học Thuật	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10033/12S69
29401	S69-32939	CM-54290		Quách Văn Phương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06518/13S69
29402	S69-32940			Nguyễn Thế Sự	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10035/12S69
29403	S69-32941			Trần Trung Kiên	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10036/12S69
29404	S69-32942			Lê Văn Thành	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10037/12S69
29405	S69-32943			Tô Minh Trí	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10038/12S69
29406	S69-32944			Lê Chí Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10039/12S69
29407	S69-32945			Phạm Văn Hộp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10040/12S69
29408	S69-32946			Lê Văn Thuận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10041/12S69
29409	S69-32947			Nguyễn Thị Thu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10042/12S69
29410	S69-32948			Phạm Văn Bình	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10043/12S69
29411	S69-32949	CM-54305		Mã Minh Thuận	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03549/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29412	S69-32950			Trần Thiên Nghiêm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10045/12S69
29413	S69-32951			Lê Văn Tý	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10046/12S69
29414	S69-32952	CM-54306		Phạm Phú Đảm	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06550/13S69
29415	S69-32953			Trương Minh Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10048/12S69
29416	S69-32954			Trần Minh Dương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10049/12S69
29417	S69-32955	CM-54309		Lê Triều Dương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06516/13S69
29418	S69-32956			Phan Thanh Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10051/12S69
29419	S69-32957			Lâm Hoàng Em	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10052/12S69
29420	S69-32958			Tiêu Văn Đáng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10053/12S69
29421	S69-32959			Trương Trung Kiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10054/12S69
29422	S69-32960			Nguyễn Xuân Hùng	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10055/12S69
29423	S69-32961	CM-54239		Nguyễn Chí Tâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06557/13S69
29424	S69-32962	CM-54240		Thang Văn Thuận	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06523/13S69
29425	S69-32963			Hồ út Hiện	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10058/12S69
29426	S69-32964	CM-54242		Nguyễn Thanh Bình	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00352/14S69
29427	S69-32965	CM-54243		Thang Văn Bình	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06552/13S69
29428	S69-32966			Đỗ Thành Phương	TT,Năm Căn, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10061/12S69
29429	S69-32967			Phan Văn Tịnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10062/12S69
29430	S69-32968			Phạm Văn Lệ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10063/12S69
29431	S69-32969			Lê Thanh Pha	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10064/12S69
29432	S69-32970			Chung Hoài Anh	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10065/12S69
29433	S69-32971			Trần Bạch Đăng	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10066/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29434	S69-32972			Phạm Văn Lập	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10067/12S69
29435	S69-32973			Nguyễn Bảo Xuyên	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10068/12S69
29436	S69-32974	CM-54317		Nguyễn Thanh Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03563/14S69
29437	S69-32975			Lê Minh Biểu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10070/12S69
29438	S69-32976			Ngô Văn Diện	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10071/12S69
29439	S69-32977			Lâm Hữu Nghị	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10072/12S69
29440	S69-32978			Trương Thanh Thoǎng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10073/12S69
29441	S69-32979			Lê Văn Quốc	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10074/12S69
29442	S69-32980			Lê Trường Hậ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10075/12S69
29443	S69-32981			Võ Hoàng Giang	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10076/12S69
29444	S69-32982			Trần Văn Hùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10077/12S69
29445	S69-32983			Nguyễn Thanh Phi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10078/12S69
29446	S69-32984			Nguyễn Chí Hiệ	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10079/12S69
29447	S69-32985			Đặng Thanh Dừ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10080/12S69
29448	S69-32986			Trương Văn Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10081/12S69
29449	S69-32987			Nguyễn Văn Đàng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10082/12S69
29450	S69-32988			Phạm Cao Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10083/12S69
29451	S69-32989			Lê Vũ Linh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10084/12S69
29452	S69-32990			Huỳnh Văn Gồ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10085/12S69
29453	S69-32991			Lê Hoàng Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10086/12S69
29454	S69-32992			Lê Thanh Xuâ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10087/12S69
29455	S69-32993			Huỳnh Văn Thô	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10088/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29456	S69-32994			Kiều Văn Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10089/12S69
29457	S69-32996			Trương Minh Dương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10091/12S69
29458	S69-32997	CM-54415		Trịnh Quốc Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06556/13S69
29459	S69-32998			Phan Tấn Chon	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10093/12S69
29460	S69-32999			Đặng Hoài Hận	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10094/12S69
29461	S69-33000			Nguyễn Thanh Nhựt	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10095/12S69
29462	S69-33001	CM-54419		Trần Hùng Đắm	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	27/01/2014	27/01/2015	00329/14S69
29463	S69-33002	CM-54420		Dương ánh Vàng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06571/13S69
29464	S69-33003	CM-54421		Dương Hoàng Hải	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06570/13S69
29465	S69-33004			Lê Thanh Hùng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10099/12S69
29466	S69-33005			Bùi Văn Thảo	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/12/2012	28/12/2013	33005/12S69
29467	S69-33006			Nguyễn Văn Hy	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10101/12S69
29468	S69-33007			Quách Hữu Duyên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10102/12S69
29469	S69-33008			Trương Minh Tuấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10103/12S69
29470	S69-33010			Lê Văn Be	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10105/12S69
29471	S69-33011			Trần Thị Nhị	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10106/12S69
29472	S69-33012			Nguyễn Thị Duyên	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10107/12S69
29473	S69-33013			Hồ Chí Dũng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10108/12S69
29474	S69-33014			Lê Văn Trường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10109/12S69
29475	S69-33015			Dương Văn Cơ	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10110/12S69
29476	S69-33016			Trần Văn Diên	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10111/12S69
29477	S69-33017			Đinh Văn Bè	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10112/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29478	S69-33018			Thang Văn Chực	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10113/12S69
29479	S69-33019			Nguyễn Văn Lập	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	33019/12S69
29480	S69-33020			Trần Minh Cảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10115/12S69
29481	S69-33021			Nguyễn Văn út Đẹt	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10116/12S69
29482	S69-33022			Phạm Văn Tài	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10117/12S69
29483	S69-33023			Lê Văn Phước	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10118/12S69
29484	S69-33024			Nguyễn Văn Thống	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10119/12S69
29485	S69-33025			Nguyễn Minh Hồng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10120/12S69
29486	S69-33026			Trần Văn Cơ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10121/12S69
29487	S69-33027	CM-54362		Trần Bé Ba	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03550/14S69
29488	S69-33028			Nguyễn Văn Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10123/12S69
29489	S69-33029			Quách Văn Mừng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10124/12S69
29490	S69-33030			Võ Minh Liêm	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10125/12S69
29491	S69-33031			Trần Chí Pin	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10126/12S69
29492	S69-33032			Trần Chí Nguyên	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10127/12S69
29493	S69-33033			Võ Ngọc Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10128/12S69
29494	S69-33034			Phan Minh Phúc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10129/12S69
29495	S69-33035			Kiều Minh Lến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10130/12S69
29496	S69-33036	CM-54353		Nguyễn Trung Hảo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01137/14S69
29497	S69-33037			Nguyễn Thanh VeL	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10132/12S69
29498	S69-33038	CM-54351		Dương Anh Cưng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06569/13S69
29499	S69-33039			Trương Minh Pháp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10134/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29500	S69-33040	CM-54349		Phạm Minh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01448/15S69
29501	S69-33041			Phạm Văn Quýt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10136/12S69
29502	S69-33042			Phạm Thành Luân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10137/12S69
29503	S69-33043			Lâm Văn Toàn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10138/12S69
29504	S69-33044			Phạm Chí Bền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	33044/12S69
29505	S69-33045			Trần Hoàng Ra	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10140/12S69
29506	S69-33046	CM-54344		Nguyễn Văn Quốc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06554/13S69
29507	S69-33047			Dương Hoàng Sự	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10142/12S69
29508	S69-33049			Trần Biên Giới	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10144/12S69
29509	S69-33050			Võ Minh Đương	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10145/12S69
29510	S69-33051			Nguyễn Hoàng Nền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10146/12S69
29511	S69-33052			Nguyễn Văn Ân	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10147/12S69
29512	S69-33053			Lê Hùng Kha	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10148/12S69
29513	S69-33054			Trần Thanh Phúc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10149/12S69
29514	S69-33055			Trương Thanh Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10150/12S69
29515	S69-33056	CM-54334		Ngô Văn Phúc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06598/13S69
29516	S69-33057	CM-54333		Lư Minh Tiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02041/14S69
29517	S69-33058			Phạm Thị Nhung	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10153/12S69
29518	S69-33059			Trần Bảo Phúc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10154/12S69
29519	S69-33060			Ngô Văn Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10155/12S69
29520	S69-33062	CM-01390		Vưu Trường Bi	ấp Mỹ Phú, Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10157/12S69
29521	S69-33063		Đò	Trần Văn Xạ	ấp Mỹ Phú Xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10249/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29522	S69-33064	CM-01235		Quách Nhân Nam	ấp Tân Trung, Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2012	28/12/2013	10269/12S69
29523	S69-33066			Tổng Văn Hoàng	Khánh An, Huyện U Minh	02/01/2013	02/01/2014	00009/13S69
29524	S69-33067			Nguyễn Văn Hoà	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/01/2013	02/01/2014	00010/13S69
29525	S69-33068	CM-98389		Thái Văn Cảnh	Thanh Phú, Huyện Cái Nước	11/03/2014	11/03/2015	00653/14S69
29526	S69-33070			Nguyễn Hoàng Kil	Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/01/2013	02/01/2014	00014/13S69
29527	S69-33071	CM-98399		Dương Huỳnh Dũng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	17/07/2015	17/07/2016	01305/15S69
29528	S69-33072			Di Văn Đạt	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	03/01/2013	03/01/2014	00029/13S69
29529	S69-33073	CM- 98395	Gia Phước	Trần Quốc Em	Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	06/05/2015	06/05/2016	00846/15S69
29530	S69-33074	CM-98416		Bùi Minh Cảnh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	14/01/2015	14/01/2016	00072/15S69
29531	S69-33075			Lê Minh Luân	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00040/13S69
29532	S69-33076			Nguyễn Duy Phương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00041/13S69
29533	S69-33077			Nguyễn Văn Mạng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00042/13S69
29534	S69-33078			Chem Văn Mộng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00043/13S69
29535	S69-33079			Võ Chí Tâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00044/13S69
29536	S69-33080			Nguyễn Văn Trung	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00045/13S69
29537	S69-33081			Vưu Chí Thiện	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00046/13S69
29538	S69-33082			Lâm Thanh Toàn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00047/13S69
29539	S69-33083			Vưu Trường An	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00048/13S69
29540	S69-33084			Lê Trọng Nam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00049/13S69
29541	S69-33085			Lý Chí Thiện	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00050/13S69
29542	S69-33086			Trần Thanh Long	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00051/13S69
29543	S69-33087			Tào Thanh Tâm	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00052/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29544	S69-33088			Nguyễn Văn Lạ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00053/13S69
29545	S69-33089			Nguyễn Văn Sơn	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	04/01/2013	04/01/2014	00054/13S69
29546	S69-33090	CM-98397		Bùi Cao Đảm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/01/2014	13/01/2015	00125/14S69
29547	S69-33091	CM-98398		Bùi Trung Kiên	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	13/01/2014	13/01/2015	00124/14S69
29548	S69-33092			Lê Tuấn Kiệt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00095/13S69
29549	S69-33093			Nguyễn Văn Quý	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00096/13S69
29550	S69-33094			Hồ Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00097/13S69
29551	S69-33095			Trần Văn Hùng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00098/13S69
29552	S69-33096			Trương Minh Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00099/13S69
29553	S69-33097			Liêu út Nhỏ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00100/13S69
29554	S69-33098			Từ Văn Triệt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00101/13S69
29555	S69-33099			Phan Hoàng út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00102/13S69
29556	S69-33100			Mai Văn Điểm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00103/13S69
29557	S69-33101			Trần Thanh Hiền	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00104/13S69
29558	S69-33102			Lê Chiêu An	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00105/13S69
29559	S69-33103			Ngô Minh Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00106/13S69
29560	S69-33104	CM-54575		Nguyễn Thị Nhiên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06593/13S69
29561	S69-33105			Nguyễn Trường Hận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00108/13S69
29562	S69-33106			Huỳnh Văn Lung	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00109/13S69
29563	S69-33107			Trần Văn Minh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00110/13S69
29564	S69-33108			Ngô Văn Lập	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00111/13S69
29565	S69-33109			Ngô Văn Dủ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00112/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29566	S69-33110			Nguyễn Thanh Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00113/13S69
29567	S69-33111			Nguyễn Văn Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00114/13S69
29568	S69-33112			Đoàn Minh Thận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00115/13S69
29569	S69-33113			Nguyễn Văn Hào	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00116/13S69
29570	S69-33114			Nguyễn Văn Tiến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00117/13S69
29571	S69-33115			Phạm Văn Ngàn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00118/13S69
29572	S69-33116			Võ Minh Hải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00119/13S69
29573	S69-33117			Võ Ngọc ần	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00120/13S69
29574	S69-33118			Võ Thanh Mười	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00121/13S69
29575	S69-33119			Trịnh Văn Bảy	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00122/13S69
29576	S69-33120			Huỳnh Chí Thanh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00123/13S69
29577	S69-33121			Lê Hoàng Hiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00124/13S69
29578	S69-33122			Đặng Văn Tùng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00125/13S69
29579	S69-33123	CM- 54567		Hồ Thanh Gân	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05989/13S69
29580	S69-33125			Nguyễn Hoàng Nhớ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00128/13S69
29581	S69-33126			Phạm Hoàng Lực	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	05/01/2013	04/01/2014	00129/13S69
29582	S69-33127			Lê Minh Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/01/2013	04/01/2014	00130/13S69
29583	S69-33128			Trương Thanh Nghi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2013	28/11/2014	05994/13S69
29584	S69-33129			Trương Văn Nhanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00132/13S69
29585	S69-33130			Võ Văn Việt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/01/2013	04/01/2014	00133/13S69
29586	S69-33131			Đoàn Minh Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/01/2013	04/01/2014	00134/13S69
29587	S69-33132			Lê Đồng Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/01/2013	04/01/2014	00135/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29588	S69-33133			Nguyễn Hoài Tư	Tạ An khương Đông, Huyện Đầm Dơi	05/01/2013	04/01/2014	00136/13S69
29589	S69-33134			Huỳnh Minh Dương	Tạ An khương nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00137/13S69
29590	S69-33135			Nguyễn Văn Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00138/13S69
29591	S69-33136			Liên Thị Thu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00139/13S69
29592	S69-33137			Nguyễn Hoàng Liệt	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00140/13S69
29593	S69-33138			Lê Văn Nghi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00141/13S69
29594	S69-33139			Trần Hải Đăng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00142/13S69
29595	S69-33140			Huỳnh Ngọc Bé	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00143/13S69
29596	S69-33141			Lê út Duyên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00144/13S69
29597	S69-33142			Huỳnh Thị Hường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00145/13S69
29598	S69-33143			Nguyễn Văn Trình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00146/13S69
29599	S69-33144			Nguyễn Thị Bé Hai	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00147/13S69
29600	S69-33145			Thái Văn Lâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00148/13S69
29601	S69-33146			Nguyễn Xiêm Anh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00149/13S69
29602	S69-33147			Nguyễn Thái Nguyên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00150/13S69
29603	S69-33148			Đỗ Văn Tới	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00151/13S69
29604	S69-33149			Nguyễn Hoàng Hậu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00152/13S69
29605	S69-33150			Lê Văn út	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00153/13S69
29606	S69-33151			Huỳnh Thanh Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00154/13S69
29607	S69-33152			Huỳnh Thanh Thảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00155/13S69
29608	S69-33153			Nguyễn Trường Giang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00156/13S69
29609	S69-33154			Nguyễn Chí Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00157/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29610	S69-33155			Hồ Thanh Trúc	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00158/13S69
29611	S69-33156			Phương Văn Nê	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00159/13S69
29612	S69-33157			Nguyễn Thành Sum	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00160/13S69
29613	S69-33158			Nguyễn Văn Minh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00161/13S69
29614	S69-33159			Nguyễn Văn Kiểm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00162/13S69
29615	S69-33160			Trương Văn Đấu	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00163/13S69
29616	S69-33161	CM-54486		Huỳnh Văn Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00837/14S69
29617	S69-33162			Mai Văn Mác	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00165/13S69
29618	S69-33163			Trịnh út Nhỏ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00166/13S69
29619	S69-33164			Trương Thanh Bình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00167/13S69
29620	S69-33165			Mai Văn Thiện	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00168/13S69
29621	S69-33166			Nguyễn Văn Kép	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00169/13S69
29622	S69-33167			Huỳnh Văn Tùng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00170/13S69
29623	S69-33168			Lê Thanh Liêm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00171/13S69
29624	S69-33169			Võ Văn Đệ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00172/13S69
29625	S69-33170			Bùi Anh Khoa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00173/13S69
29626	S69-33171			Lê Văn Thuận	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00174/13S69
29627	S69-33172			Huỳnh Bích Tuyên	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00175/13S69
29628	S69-33173			Đào Tấn Nam	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00176/13S69
29629	S69-33174			Phạm Thanh Thuận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00177/13S69
29630	S69-33175			Nguyễn Văn Chiến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00178/13S69
29631	S69-33176			Dương Văn Sĩ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00179/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29632	S69-33177			Trần Thanh Sang	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00180/13S69
29633	S69-33178			Đặng Tấn Quốc	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00181/13S69
29634	S69-33179			Phạm Văn Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00182/13S69
29635	S69-33180			Trương Diễm Phúc	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00183/13S69
29636	S69-33181			Huỳnh Văn Cơ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00184/13S69
29637	S69-33182			Nguyễn Văn Kính	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00185/13S69
29638	S69-33183			Trương Thanh Thuận	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00186/13S69
29639	S69-33184			Dương Văn Khải	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00187/13S69
29640	S69-33185	CM-54528		Huỳnh Quốc Triều	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03529/14S69
29641	S69-33186			Dương Hùng Anh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00189/13S69
29642	S69-33187			Lê Văn Thon	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00190/13S69
29643	S69-33188	CM-54512		Bùi Thị út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03528/14S69
29644	S69-33189			Đào Văn Gấm	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00192/13S69
29645	S69-33190			Lâm Văn Hon	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00193/13S69
29646	S69-33191			Phạm Văn Chuôi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00194/13S69
29647	S69-33192			Nguyễn Đăng Khoa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00195/13S69
29648	S69-33193			Tạ Lý Tường	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00196/13S69
29649	S69-33194			Nguyễn Phương Bình	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00197/13S69
29650	S69-33195			Nguyễn Văn Trắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00198/13S69
29651	S69-33198			Phạm Thị Bích	Tạ An khương Nam, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00201/13S69
29652	S69-33199			Võ Hồng Nhiều	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00202/13S69
29653	S69-33201			Phạm Văn Luân	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00204/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29654	S69-33202			Ngô Quốc An	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00205/13S69
29655	S69-33203			Ngô Văn Hai	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	05/01/2013	04/01/2014	00206/13S69
29656	S69-33204			Trần Văn Xứng	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00207/13S69
29657	S69-33205			Mai Văn Thiện	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00208/13S69
29658	S69-33206			Nguyễn Cao Cường	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00209/13S69
29659	S69-33207			Phan Văn Biển	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00210/13S69
29660	S69-33208			Nguyễn Quốc Kỳ	Tạ An Khuong Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00211/13S69
29661	S69-33209			Nguyễn Hoàng Da	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/01/2013	04/01/2014	00212/13S69
29662	S69-33210	CM-98400		Trương Văn Khê	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	18/03/2014	18/03/2015	00708/14S69
29663	S69-33212			Nguyễn Thu Thủy	Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	07/01/2013	07/01/2014	00229/13S69
29664	S69-33213			Lê Văn An	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/01/2013	07/01/2014	00233/13S69
29665	S69-33214			Trần Hoàng Em	Định Bình, Thành phố Cà Mau	08/01/2013	08/01/2014	00236/13S69
29666	S69-33217			Phạm Trường Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00254/13S69
29667	S69-33218			Trần Văn Hiên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00255/13S69
29668	S69-33219			Nguyễn Kim Định	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00256/13S69
29669	S69-33220			Trần Văn Trung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00257/13S69
29670	S69-33221			Lâm Văn Danh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00258/13S69
29671	S69-33222			Nguyễn Văn Trọn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00259/13S69
29672	S69-33223			Lâm Chí Công	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00260/13S69
29673	S69-33224			Lê Văn Nuôi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00261/13S69
29674	S69-33225			Lý Trúc Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00262/13S69
29675	S69-33226			Nguyễn Văn Đẩu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00263/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29676	S69-33227			Trương Văn Tèo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00264/13S69
29677	S69-33228			Phan Kim Loan	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00265/13S69
29678	S69-33229			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00266/13S69
29679	S69-33230			Lê Chí Linh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00267/13S69
29680	S69-33231			Huỳnh Văn Hội	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00268/13S69
29681	S69-33232			Trần Văn Lực	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00269/13S69
29682	S69-33233			Trương Minh Tuấn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00270/13S69
29683	S69-33234			Nhan Hoàng Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00271/13S69
29684	S69-33235			Ngô Minh Triều	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00272/13S69
29685	S69-33236			Phạm Công Lý	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00273/13S69
29686	S69-33237			Lê Văn Tràm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00274/13S69
29687	S69-33238			Trần Chiến Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00275/13S69
29688	S69-33239			Trần Việt Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00276/13S69
29689	S69-33240			Bùi Ru Bi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	10/01/2013	09/01/2014	00277/13S69
29690	S69-33241	CM-54610		Trương Thế Anh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/10/2014	28/10/2015	02865/14S69
29691	S69-33242			Nguyễn Văn Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00279/13S69
29692	S69-33243			Nguyễn Duy Khánh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00280/13S69
29693	S69-33244			Nguyễn Văn Đoàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	10/01/2013	09/01/2014	00281/13S69
29694	S69-33245			Trương Hoài Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00282/13S69
29695	S69-33246			Hồ Thái Nguyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00283/13S69
29696	S69-33247			Quách Trường Giang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00284/13S69
29697	S69-33248			Dương Chí Thiện	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00285/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29698	S69-33249			Trương Minh Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00286/13S69
29699	S69-33250			Nguyễn Phát Tài	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00287/13S69
29700	S69-33251			Võ Quốc Việt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00288/13S69
29701	S69-33252			Huỳnh Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00289/13S69
29702	S69-33253			Nguyễn Trọng Nguyễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00290/13S69
29703	S69-33254			Võ Việt Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00291/13S69
29704	S69-33255			Nguyễn Hồng Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00292/13S69
29705	S69-33256			Châu Văn Chương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00293/13S69
29706	S69-33257			Võ Thanh Đề	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00294/13S69
29707	S69-33258			Trương Minh Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00295/13S69
29708	S69-33259			Nguyễn Văn Dễ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00296/13S69
29709	S69-33260			Trịnh Minh Tâm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00297/13S69
29710	S69-33261			Trương Văn Trinh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00298/13S69
29711	S69-33262			Trương Minh Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00299/13S69
29712	S69-33263			Trương Minh Thông	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00300/13S69
29713	S69-33264			Nguyễn Văn Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00301/13S69
29714	S69-33265			Trương Thanh Kiện	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00302/13S69
29715	S69-33266			Dương Trường Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00303/13S69
29716	S69-33267			Nguyễn Văn Qua	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00304/13S69
29717	S69-33268			Nguyễn Văn Chiến	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00305/13S69
29718	S69-33269	CM-54645		Nguyễn Hoàng Long	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00926/14S69
29719	S69-33270			Trương Quốc Cường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00307/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29720	S69-33271			Đình Thanh Tùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00308/13S69
29721	S69-33272			Nguyễn Văn Xuyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00309/13S69
29722	S69-33273			Nguyễn Văn Hiều	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00310/13S69
29723	S69-33274			Huỳnh Tấn Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00311/13S69
29724	S69-33275			Võ Thanh Lên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00312/13S69
29725	S69-33276			Huỳnh Tuấn Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00313/13S69
29726	S69-33277			Nguyễn Thí Dụ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00314/13S69
29727	S69-33278			Nguyễn Chí Lực	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00315/13S69
29728	S69-33279			Hồ Văn Khởi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00316/13S69
29729	S69-33280			Phan Văn Minh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00317/13S69
29730	S69-33281			Võ Văn Hiều	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00318/13S69
29731	S69-33282			Trần Văn Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00319/13S69
29732	S69-33283			Đỗ Trường Lam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00320/13S69
29733	S69-33284			Trịnh Thanh Hùng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00321/13S69
29734	S69-33285			Ngô Thu Hiền	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00322/13S69
29735	S69-33286			Dương Thị Trãi	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00323/13S69
29736	S69-33287			Nguyễn Thị Bọ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00324/13S69
29737	S69-33288			Trần Văn Sơn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00325/13S69
29738	S69-33289			Trần Văn Đấu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00326/13S69
29739	S69-33290			Lê Minh Thuận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00327/13S69
29740	S69-33291			Nguyễn Văn Xanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00328/13S69
29741	S69-33292			Nguyễn Tấn Lực	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00329/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29742	S69-33293			Trình Văn Lành	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00330/13S69
29743	S69-33294			Nguyễn Hoài Bảo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00331/13S69
29744	S69-33295			Trần Thị Quyên	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00332/13S69
29745	S69-33296			Đặng Hoàng Vũ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00333/13S69
29746	S69-33297			Phan Thanh Há	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00334/13S69
29747	S69-33298			Nguyễn Hoàng Khanh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00335/13S69
29748	S69-33299			Phan Công Nghiệp	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00336/13S69
29749	S69-33300			Nguyễn Văn Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00337/13S69
29750	S69-33301			Nguyễn Tung Tung	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00338/13S69
29751	S69-33302			Trần văn Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00339/13S69
29752	S69-33303			Nguyễn Văn Sang	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00340/13S69
29753	S69-33304			Ngô Trọng Hữu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00341/13S69
29754	S69-33305			Lê Hoàng Diễm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00342/13S69
29755	S69-33306			Trần Hoàng Sinh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00343/13S69
29756	S69-33307			Nguyễn Minh Dương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00344/13S69
29757	S69-33308			Nguyễn Hùng Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00345/13S69
29758	S69-33309			Phan Chí Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/01/2013	09/01/2014	00346/13S69
29759	S69-33310			Nguyễn Minh Luân	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	10/01/2013	10/01/2014	00362/13S69
29760	S69-33312	CM- 90734		Đoàn Minh Dương	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00100/14S69
29761	S69-33313			Trần Chí Thạch	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00369/13S69
29762	S69-33315	CM-90739		Nguyễn Văn Sự	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2015	10/07/2016	01258/15S69
29763	S69-33316			Nguyễn Văn Đen	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00372/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29764	S69-33317			Danh Thanh Vũ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/01/2013	10/01/2014	00395/13S69
29765	S69-33318			Phạm Văn Vũ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/01/2013	10/01/2014	00396/13S69
29766	S69-33319			Ngô Lan Phương	Khánh Hòa, Huyện U Minh	02/10/2014	02/10/2015	02752/14V68
29767	S69-33320			Nguyễn Sĩ Ga	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/01/2013	11/01/2014	00401/13S69
29768	S69-33321			Trương Phú Quốc	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	11/01/2013	10/01/2014	00402/13S69
29769	S69-33322			Lê Chí Lĩnh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	11/01/2013	11/01/2014	00403/13S69
29770	S69-33323			Ngô Văn Cam	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/01/2013	11/01/2014	00404/13S69
29771	S69-33324			Nguyễn Quốc Dân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/01/2013	11/01/2014	00405/13S69
29772	S69-33325			Nguyễn Minh Vương	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2013	10/01/2014	00411/13S69
29773	S69-33326			Ngô Văn Tâm	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00422/13S69
29774	S69-33327			Trương Minh Hoàng	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00428/13S69
29775	S69-33328			Trần Thanh Bường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00429/13S69
29776	S69-33329			Tô Chí Tâm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00430/13S69
29777	S69-33331			Hồ Văn Nửa	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00432/13S69
29778	S69-33332			Hồ Văn Nghiệp	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00433/13S69
29779	S69-33333			Nguyễn Văn Linh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00434/13S69
29780	S69-33334	CM-98455		Võ Văn Lây	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	17/04/2013	17/04/2014	02178/13S69
29781	S69-33335	CM-44123		Cao Trường Sơn	TT.Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03326/14S69
29782	S69-33336			Trần Văn Đệ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00437/13S69
29783	S69-33338			Nguyễn Vũ Linh	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00439/13S69
29784	S69-33339	CM-		Nguyễn Văn Chuyện	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/11/2014	12/11/2015	02957/14S69
29785	S69-33340			Nguyễn Văn Long	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00441/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29786	S69-33341			Nguyễn Văn Thuận	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00442/13S69
29787	S69-33342	CM-44142		Trần Văn Sơn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/07/2015	01869/14S69
29788	S69-33343			Dương Văn Chặng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00444/13S69
29789	S69-33344	CM-44128		Nguyễn Quốc Toàn	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2014	12/01/2015	00115/14S69
29790	S69-33345	CM-98557		Nguyễn Hoàng Mến	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/06/2014	12/06/2015	01564/14S69
29791	S69-33346			Diệp Văn Tâm	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00447/13S69
29792	S69-33347			Nguyễn Văn Dão	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00448/13S69
29793	S69-33348			Nguyễn Thanh Phương	TT.Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00458/13S69
29794	S69-33349	CM-98412		Trần Minh Hường	Xã Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	09/12/2015	09/06/2016	02456/15S69
29795	S69-33351			Lý Hoàng Mới	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2013	12/01/2014	00464/13S69
29796	S69-33352			Từ Văn Xệ	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	15/01/2013	15/01/2014	00465/13S69
29797	S69-33353			Đặng Hòa An	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	15/01/2013	15/01/2014	00466/13S69
29798	S69-33354	CM-98415		Trương Thanh Tân	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	29/05/2014	29/05/2015	01452/14S69
29799	S69-33355	CM-98414		Trương Thanh Toàn	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	29/05/2014	29/05/2015	01453/14S69
29800	S69-33356	CM-98413		Kiều Văn Nơi	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/01/2014	16/01/2015	00180/14S69
29801	S69-33357	CM-87989		Lưu Văn Huỳnh	TT U Minh, Huyện U Minh	13/05/2015	13/05/2016	00899/15S69
29802	S69-33358			Nguyễn Minh Hoàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00486/13S69
29803	S69-33359			Trần Vũ Linh	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00487/13S69
29804	S69-33360			Võ Văn Nhu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00488/13S69
29805	S69-33361			Đỗ Minh Dương	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00489/13S69
29806	S69-33362			Nguyễn Hoàng Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00490/13S69
29807	S69-33363	CM-54700		Đặng Văn Gân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	10/01/2014	10/01/2015	00071/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29808	S69-33364			Bùi Văn Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00492/13S69
29809	S69-33365			Trịnh Văn Xén	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00493/13S69
29810	S69-33366			Trần Vũ Linh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00494/13S69
29811	S69-33367			Trương Trung Dũng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00495/13S69
29812	S69-33368			Nguyễn Văn Ngự	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00496/13S69
29813	S69-33369			Trương Thanh Pha	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00497/13S69
29814	S69-33370			Nguyễn Tấn Tài	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00498/13S69
29815	S69-33371			Trịnh Văn Vẹn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00499/13S69
29816	S69-33372			Trần Thị Mùi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00500/13S69
29817	S69-33373			Văn Văn Lành	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00501/13S69
29818	S69-33374			Trần Trung Tính	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00502/13S69
29819	S69-33375			Võ Minh út Lớn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00503/13S69
29820	S69-33376			Võ Minh út Nhỏ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00504/13S69
29821	S69-33377			Nguyễn Văn Hoàng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00505/13S69
29822	S69-33378			Tạ Hữu Tình	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00506/13S69
29823	S69-33379			Phạm Minh Đức	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00507/13S69
29824	S69-33380			Nguyễn Minh Đẩu	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00508/13S69
29825	S69-33381			Lê Hải Như	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00509/13S69
29826	S69-33382			Trần Chí An	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00510/13S69
29827	S69-33383			Lê Minh Dã	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00511/13S69
29828	S69-33384			Lê Tuấn Phong	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00512/13S69
29829	S69-33385			Lê Minh Liệt	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00513/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29830	S69-33386			Lê Hoàng Suôi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00514/13S69
29831	S69-33387			Nguyễn Văn Thuận	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00515/13S69
29832	S69-33388			Lê Chí Nghiệp	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00516/13S69
29833	S69-33389			Nguyễn Thanh Duy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00517/13S69
29834	S69-33390			Trương Hồng Nghi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00518/13S69
29835	S69-33391	CM-54727		Ngô Thái Hà	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00847/14S69
29836	S69-33392			Đỗ Minh Lệ	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00520/13S69
29837	S69-33393			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00521/13S69
29838	S69-33394			Nguyễn Thanh Long	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00522/13S69
29839	S69-33395			Phùng Văn Thống	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00523/13S69
29840	S69-33396			Nguyễn Thanh Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00524/13S69
29841	S69-33397			Võ Văn Phỉ	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00525/13S69
29842	S69-33398			Nguyễn Văn Mười	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00526/13S69
29843	S69-33399			Nguyễn Minh Cảnh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00527/13S69
29844	S69-33400			Tạ Văn Chanh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00528/13S69
29845	S69-33401			Tạ Thanh Tâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00529/13S69
29846	S69-33402			Tạ Thành Lập	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00530/13S69
29847	S69-33403			Nguyễn Phi Long	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00531/13S69
29848	S69-33404			Phạm Kiều Oanh	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00532/13S69
29849	S69-33405			Tô Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00533/13S69
29850	S69-33406			Phan Minh Sáng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00534/13S69
29851	S69-33407			Nguyễn Văn Chính	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00535/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29852	S69-33408			Trần Văn Mẫn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00536/13S69
29853	S69-33409			Trần Thống Nhất	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00537/13S69
29854	S69-33410			Ngô Minh Quảng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00538/13S69
29855	S69-33411			Ngô Văn Du	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00539/13S69
29856	S69-33412			Nguyễn Xuân Thủy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02404/14S69
29857	S69-33413			Nguyễn Hoàng Thám	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/01/2013	14/01/2014	00541/13S69
29858	S69-33414			Hồ Chí Lâm	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00542/13S69
29859	S69-33415			Trần Hoàng Thám	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00543/13S69
29860	S69-33416			Trương Văn Khởi	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00544/13S69
29861	S69-33417			Trần Văn Khánh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00545/13S69
29862	S69-33418			Phan Thái Bốn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00546/13S69
29863	S69-33419			Bùi Trường Giang	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00547/13S69
29864	S69-33420			Huỳnh Văn Mười	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00548/13S69
29865	S69-33421			Trần Thanh Hưởng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/01/2013	14/01/2014	00549/13S69
29866	S69-33422			Tạ Thanh Hiền	Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00573/13S69
29867	S69-33423			Trần Đăng Đông	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00574/13S69
29868	S69-33424			Trần Văn Minh	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00575/13S69
29869	S69-33425	CM-98437		Trần Văn Xuyên	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00209/14S69
29870	S69-33426	CM-98436		Nguyễn Văn Cần	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00204/14S69
29871	S69-33427	CM-98431		Phạm Văn Vinh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00208/14S69
29872	S69-33428	CM-98430		Trần Văn Hận	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00201/14S69
29873	S69-33430			Nguyễn Văn Tánh	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00610/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29874	S69-33432	CM-98428		Nguyễn Văn Cử	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00205/14S69
29875	S69-33433			Trần Văn Phong	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00613/13S69
29876	S69-33434	CM-98426		Võ Minh Em	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/01/2014	16/01/2015	00200/14S69
29877	S69-33435			Phan Trung Kiên	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00615/13S69
29878	S69-33436			Võ Văn Vũ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00616/13S69
29879	S69-33437			Nguyễn Văn Tiệp	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	16/01/2013	16/01/2014	00617/13S69
29880	S69-33438			Đặng Hải Đăng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00618/13S69
29881	S69-33440			Lâm Văn Nhã	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	18/01/2013	18/01/2014	00627/13S69
29882	S69-33441			Diệp Văn Suối	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/01/2013	18/01/2014	00638/13S69
29883	S69-33442			Nguyễn Văn Vũ	Lý Văn lâm, Thành phố Cà Mau	18/01/2013	18/01/2014	00639/13S69
29884	S69-33443			Trần Văn Toàn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	18/01/2013	18/01/2014	00640/13S69
29885	S69-33446			Đặng Văn Giàu	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	21/01/2013	21/01/2014	00656/13S69
29886	S69-33448			Nguyễn Thùng Em	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/01/2013	16/01/2014	00667/13S69
29887	S69-33449	CM-98438		Lâm Quốc Vũ	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	08/01/2014	08/01/2015	00047/14S69
29888	S69-33450	CM-98440		Lâm Quốc Vũ	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	09/02/2015	09/02/2016	00303/15S69
29889	S69-33451			Lâm Quốc Vũ	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	21/01/2013	21/01/2014	00670/13S69
29890	S69-33452			Nguyễn Văn Lành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2013	20/01/2014	00671/13S69
29891	S69-33453			Nguyễn Vũ Khương	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00672/13S69
29892	S69-33454			Đào Văn Thảo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00673/13S69
29893	S69-33455			Huỳnh Chí Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00674/13S69
29894	S69-33456			Lê Chí Khải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00675/13S69
29895	S69-33458			Phan Hoàng Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00677/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29896	S69-33459			Bùi Thị Thanh Thảo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00678/13S69
29897	S69-33460			Quang Khánh Xuyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2013	20/01/2014	00679/13S69
29898	S69-33461			Trần Bảo Xuyên	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	21/01/2013	21/01/2014	00705/13S69
29899	S69-33462	CM-98417		Lê Hoàng Sơn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2014	16/04/2015	01007/14S69
29900	S69-33463			Nguyễn Văn Sót	Phú Tân, Huyện Phú Tân	21/01/2013	21/01/2014	00710/13S69
29901	S69-33464			Nguyễn Văn Cảnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00711/13S69
29902	S69-33465			Nguyễn Văn Đen	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00712/13S69
29903	S69-33466			Phạm Văn Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00713/13S69
29904	S69-33467			Trương Văn Thắng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00714/13S69
29905	S69-33468			Nguyễn Tấn Đạt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00715/13S69
29906	S69-33469			Trương Ngọc Bích	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00716/13S69
29907	S69-33470			Trần Văn Hiếu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00717/13S69
29908	S69-33471			Lâm Văn Xiếu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00718/13S69
29909	S69-33472			La Văn út	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00719/13S69
29910	S69-33473			Huỳnh Văn Phụng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00720/13S69
29911	S69-33474			Lê Vũ Trường	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00721/13S69
29912	S69-33475			Huỳnh Hoàng Anh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00722/13S69
29913	S69-33476			Huỳnh Văn Phúc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00723/13S69
29914	S69-33477			Huỳnh Trung Bộ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00724/13S69
29915	S69-33478			Hồ Thanh Mộng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00725/13S69
29916	S69-33479			Huỳnh Quốc Nghị	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00726/13S69
29917	S69-33480			Lý Văn Nguyên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00727/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29918	S69-33481			Cái Văn Khải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00728/13S69
29919	S69-33482			Phạm Minh Hận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00729/13S69
29920	S69-33483			Trần Văn Nam	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00730/13S69
29921	S69-33484			Trịnh Văn Huỳnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00731/13S69
29922	S69-33485			Nguyễn Văn Minh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00732/13S69
29923	S69-33486			Thiều Văn Mãi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00733/13S69
29924	S69-33487			Võ Tấn Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00734/13S69
29925	S69-33488			Lê Chí Học	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00735/13S69
29926	S69-33489			Nguyễn Văn Đấu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00736/13S69
29927	S69-33490			Nguyễn Tuấn Kiệt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00737/13S69
29928	S69-33491			Huỳnh Văn Danh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00738/13S69
29929	S69-33492			Võ Hoàng Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00739/13S69
29930	S69-33493			Nguyễn Văn Cảnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00740/13S69
29931	S69-33494			Phạm Công Minh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00741/13S69
29932	S69-33495			Trần Thanh Tùng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00742/13S69
29933	S69-33496			Tiêu Anh Sơn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00743/13S69
29934	S69-33497			Ngô Văn Linh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00744/13S69
29935	S69-33498			Tô Văn Thâu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00745/13S69
29936	S69-33500			Võ Đất Thế	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00747/13S69
29937	S69-33501			Lâm Tuyết Thu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00748/13S69
29938	S69-33502			Đoàn Văn Công	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00749/13S69
29939	S69-33503			Lê Hoàng Kiệt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00750/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29940	S69-33504			Lục Minh Dương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00751/13S69
29941	S69-33505			Trần Văn Thạo	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00752/13S69
29942	S69-33506			Lê Hoài Hận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00753/13S69
29943	S69-33507			Huỳnh Minh Xuyên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00754/13S69
29944	S69-33508			Lê Trung Tính	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00755/13S69
29945	S69-33509			Lê Chí Hưởng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00756/13S69
29946	S69-33510			Nguyễn Việt ánh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00757/13S69
29947	S69-33511			Trịnh Việt Khoa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00758/13S69
29948	S69-33512	CM-98481		Lê Văn Bình	Tam Giang, Huyện Năm Căn	10/03/2014	10/03/2015	00621/14S69
29949	S69-33513			Tạ Văn Thừa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00760/13S69
29950	S69-33514			Trương Văn Lập	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00761/13S69
29951	S69-33515			Phạm Việt Dương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00762/13S69
29952	S69-33516			Nguyễn Văn Hận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00763/13S69
29953	S69-33517			Nguyễn Văn Nghi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00764/13S69
29954	S69-33518			Nhan Văn Nghĩa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00765/13S69
29955	S69-33519			Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/07/2013	00766/13S69
29956	S69-33520			Nguyễn Việt Tiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00767/13S69
29957	S69-33521			Lâm Văn Vũ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00768/13S69
29958	S69-33522			Phương Ngọc Tiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00769/13S69
29959	S69-33523			Nguyễn Trường Hận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00770/13S69
29960	S69-33524			Hồ Văn Khanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00771/13S69
29961	S69-33525			Thạch Na Sơn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00772/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29962	S69-33526			Phạm Tương Lai	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00773/13S69
29963	S69-33527			Châu Văn Long	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00774/13S69
29964	S69-33528			Trần Chí Phận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00775/13S69
29965	S69-33529			Lương Văn Bảy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00776/13S69
29966	S69-33530			Trần Văn Sự	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00777/13S69
29967	S69-33531			Phạm Văn Hòa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00778/13S69
29968	S69-33532			Huỳnh Thế Triệt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00779/13S69
29969	S69-33533			Huỳnh Văn Vện	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00780/13S69
29970	S69-33534			Trương Hùng Kiệt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00781/13S69
29971	S69-33535			Nguyễn Nhật Bình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00782/13S69
29972	S69-33536			Nguyễn Văn Xuân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00783/13S69
29973	S69-33537			Lục Minh Triều	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00784/13S69
29974	S69-33538			La Văn Nhi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00785/13S69
29975	S69-33539			Trần Văn Phụng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00786/13S69
29976	S69-33540			Trần Văn La	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00787/13S69
29977	S69-33541			Huỳnh Chí Thành	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00788/13S69
29978	S69-33542			Trần Văn Công	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00789/13S69
29979	S69-33543			Lê Văn Tình	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00790/13S69
29980	S69-33544			Huỳnh Hoàng Lực	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00791/13S69
29981	S69-33545			Nguyễn Hải Tiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00792/13S69
29982	S69-33546			Phan Ngọc Yên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00793/13S69
29983	S69-33547			Trương Văn Bé	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00794/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
29984	S69-33548			Trương Văn Sơn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00795/13S69
29985	S69-33549			Nguyễn Văn Hiếu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00796/13S69
29986	S69-33550			Nguyễn Thành Lũy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00797/13S69
29987	S69-33551			Trần Minh Nguyễn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00798/13S69
29988	S69-33552			Ong Thanh Phong	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00799/13S69
29989	S69-33553			Phan Văn Điển	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00800/13S69
29990	S69-33554			Trần Văn Dũng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00801/13S69
29991	S69-33555			Phạm Văn Thiện	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00802/13S69
29992	S69-33556			Nguyễn Điền Sơn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00803/13S69
29993	S69-33557			Lê Văn Thương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00804/13S69
29994	S69-33558			Trần Minh Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00805/13S69
29995	S69-33559			Tạ Văn Thừa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00806/13S69
29996	S69-33560			Trương Văn Tâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00807/13S69
29997	S69-33561			Nguyễn Chí Nguyễn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00808/13S69
29998	S69-33562			Phạm Văn Thuận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00809/13S69
29999	S69-33563			Đoái Văn Nguyễn	Nguyễn Huân, Huyện Ngọc Hiển	19/01/2013	19/01/2014	00810/13S69
30000	S69-33564			Lê Hoàng Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00811/13S69
30001	S69-33565			Trương Văn Phước	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00812/13S69
30002	S69-33566			Lê Hoàng Sỹ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00813/13S69
30003	S69-33567			Nguyễn Văn Tèo	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00814/13S69
30004	S69-33568			Nguyễn Văn Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00815/13S69
30005	S69-33569			Nguyễn Văn Gấu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00816/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30006	S69-33570			Huỳnh Văn Dương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00817/13S69
30007	S69-33571			Trần Văn Gạch	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00818/13S69
30008	S69-33572			Trần Văn Mộng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00819/13S69
30009	S69-33573			Trần Văn Xăng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00820/13S69
30010	S69-33574			Trần Minh Vững	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00821/13S69
30011	S69-33575			Huỳnh Văn út	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00822/13S69
30012	S69-33576			Lâm Chí Bền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00823/13S69
30013	S69-33577			Nguyễn Văn Đen	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00824/13S69
30014	S69-33578			Trần Hải Đăng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00825/13S69
30015	S69-33579			Nguyễn Hoàng Anh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00826/13S69
30016	S69-33580			Châu Hoài Hận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00827/13S69
30017	S69-33581			Trần Văn Trung	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00828/13S69
30018	S69-33582			Trịnh Minh Trí	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00829/13S69
30019	S69-33583			Trịnh Hoàng Minh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00830/13S69
30020	S69-33584			Nguyễn Quốc Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00831/13S69
30021	S69-33585			Kim Tuấn Huy	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00832/13S69
30022	S69-33586			Nguyễn Văn Phụng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00833/13S69
30023	S69-33587			Nguyễn Việt Kháng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00834/13S69
30024	S69-33588			Mã Thành Công	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00835/13S69
30025	S69-33589			Huỳnh Kim Lưu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00836/13S69
30026	S69-33590			Huỳnh Hiền Thương	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	19/01/2013	19/01/2014	00837/13S69
30027	S69-33591			Nguyễn Văn Đẹp	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	21/01/2013	19/01/2014	00838/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30028	S69-33592			Nguyễn Văn Bé	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00839/13S69
30029	S69-33593			Lê Hồng Khanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00840/13S69
30030	S69-33594			Nguyễn Chí Linh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00841/13S69
30031	S69-33595			Mai Văn Đủ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00842/13S69
30032	S69-33596			Huỳnh Văn Lý	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00843/13S69
30033	S69-33597			Nguyễn Thanh Phong	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00844/13S69
30034	S69-33598			Nguyễn Tấn Lực	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00845/13S69
30035	S69-33599			Nguyễn Hoàng Anh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00846/13S69
30036	S69-33600			Lê Long Hải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00847/13S69
30037	S69-33601			Nguyễn Minh Đương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00848/13S69
30038	S69-33602			Vũ Đình Huyền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00849/13S69
30039	S69-33603			Đặng Văn Cảnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00850/13S69
30040	S69-33604			Nguyễn Văn Mạnh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00851/13S69
30041	S69-33605			Trần Chí Tâm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00852/13S69
30042	S69-33606			Ấu Văn Dũng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00853/13S69
30043	S69-33607			Nguyễn Tuấn Kiệt	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00854/13S69
30044	S69-33608			Tô Thanh Nhân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00855/13S69
30045	S69-33609			Nhan Văn Phết	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00856/13S69
30046	S69-33610			Lê Văn Ổn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00857/13S69
30047	S69-33611			Phan Thanh Hoàng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00858/13S69
30048	S69-33612			Trịnh Quốc Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00859/13S69
30049	S69-33614			Nguyễn Văn Dương	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00861/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30050	S69-33615			Phạm Văn Nở	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00862/13S69
30051	S69-33616			Nguyễn Công Hoàng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00863/13S69
30052	S69-33617			Huỳnh Minh Lạc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00864/13S69
30053	S69-33618			Đinh Văn Hanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00865/13S69
30054	S69-33619			Trương Văn Tuấn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00866/13S69
30055	S69-33620			Dương Hải Nía	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00867/13S69
30056	S69-33621			Nguyễn Minh Thắng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/01/2013	19/01/2014	00868/13S69
30057	S69-33622			Nhan To	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00875/13S69
30058	S69-33624			Nguyễn Văn Kil	Ký Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	22/01/2013	22/01/2014	00883/13S69
30059	S69-33625	CM-98446		Trần Văn Bảy	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	28/04/2014	28/04/2015	01126/14S69
30060	S69-33626	CM-98445		Nhan Lý	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/05/2015	12/05/2016	00866/15S69
30061	S69-33627			Lâm Văn Vũ	Xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	22/01/2013	22/01/2014	00888/13S69
30062	S69-33628			Lâm Văn Cao	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	22/01/2013	22/01/2014	00891/13S69
30063	S69-33630			Lê Thị Thúy	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	23/01/2013	23/01/2014	00898/13S69
30064	S69-33631			Phạm Hữu Nghĩa	Tân Hải, Huyện Phú Tân	23/01/2013	23/01/2014	00899/13S69
30065	S69-33632			Nguyễn Dủ Đây	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	23/01/2013	23/01/2014	00903/13S69
30066	S69-33633			Mã Thôn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/01/2013	23/01/2014	00904/13S69
30067	S69-33634			Võ Văn Trường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/01/2013	23/01/2014	00905/13S69
30068	S69-33635			Nguyễn Chí Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	23/01/2013	23/01/2014	00906/13S69
30069	S69-33636			Trương Chí Linh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00907/13S69
30070	S69-33637			Nguyễn Việt Khải	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00908/13S69
30071	S69-33638			Lê Chí Công	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00909/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30072	S69-33639			Lâm Minh Thuận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00910/13S69
30073	S69-33640			Lâm Thanh Tùng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00911/13S69
30074	S69-33641			Trần Văn Te	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00912/13S69
30075	S69-33642			Trần Thanh Chất	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00913/13S69
30076	S69-33643			Phan Văn Tiền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00914/13S69
30077	S69-33644			Lê Tấn Thủ	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00915/13S69
30078	S69-33645	CM-54444		Trần Thanh Vui	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01755/14S69
30079	S69-33646			Lê Tùng Cương	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00917/13S69
30080	S69-33647			Hoàng Sum Hợp	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00918/13S69
30081	S69-33648			Trần Quốc Cường	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00919/13S69
30082	S69-33649			Trần Chí Thông	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00920/13S69
30083	S69-33650			Dương Văn Bằng	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00921/13S69
30084	S69-33651			Trần Hồng Nhiên	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00922/13S69
30085	S69-33652			Nguyễn Văn Bình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00923/13S69
30086	S69-33653			Trần Văn Ngời	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00924/13S69
30087	S69-33654			Trần Hải Âu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00925/13S69
30088	S69-33655			Trần Văn Hùm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00926/13S69
30089	S69-33656			Võ Thanh Đông	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00927/13S69
30090	S69-33657			Lê Thanh Hùng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00928/13S69
30091	S69-33658			Lê Long Hồ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00929/13S69
30092	S69-33659			Nguyễn Ngọc Truyền	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00930/13S69
30093	S69-33660			Đoàn Thanh Hiếu	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00931/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30094	S69-33661			Nguyễn Văn Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00932/13S69
30095	S69-33662			Ngô Hùng Cường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00933/13S69
30096	S69-33663			Trương Văn Nuôi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00934/13S69
30097	S69-33664			Nguyễn Minh Thúy	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00935/13S69
30098	S69-33665			Trương Chí Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00936/13S69
30099	S69-33666			Võ Văn Dũng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/01/2013	22/01/2014	00937/13S69
30100	S69-33667			Phạm Văn Bảnh	Phường 7, Thành phố Cà Mau	24/01/2013	24/01/2014	00957/13S69
30101	S69-33669			Lý Văn Cường	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	28/01/2013	28/01/2014	00968/13S69
30102	S69-33670			Đặng Ngọc Hận	Trần Thới, Huyện Cái Nước	28/01/2013	28/01/2014	00969/13S69
30103	S69-33671			Nguyễn Văn Hiếu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	24/01/2013	24/01/2014	00971/13S69
30104	S69-33675			Võ Văn Tỏi	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	29/01/2013	29/01/2014	00980/13S69
30105	S69-33676			Dương Sơn Tùng	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	29/01/2013	29/01/2014	00989/13S69
30106	S69-33677			Nguyễn Văn Thuận	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	00994/13S69
30107	S69-33678			Lê Minh Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	00995/13S69
30108	S69-33679			Đào Hoàng Linh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	00996/13S69
30109	S69-33680			Phạm Thanh Hải	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	00997/13S69
30110	S69-33681			Trương Hồng Đức	Tân Dân, Huyện Ngọc Hiển	28/01/2013	28/01/2014	00998/13S69
30111	S69-33682			Trần Công Đức	Nguyễn Huân, Huyện Cái Nước	28/01/2013	28/01/2014	00999/13S69
30112	S69-33683			Huỳnh Kháng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01000/13S69
30113	S69-33684			Nguyễn Văn Ngon	Tạ An Khương, Huyện Ngọc Hiển	28/01/2013	28/01/2014	01001/13S69
30114	S69-33685			Hồ Minh Đương	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01002/13S69
30115	S69-33686			Lê Kim Loan	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01003/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30116	S69-33687			Lê Văn Lượng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01004/13S69
30117	S69-33688			Nguyễn Văn Hân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01005/13S69
30118	S69-33689			Phạm Văn Đô	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01006/13S69
30119	S69-33691			Trương Hoàng Anh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01008/13S69
30120	S69-33692			Hứa Thanh Tùng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01009/13S69
30121	S69-33693			Trần Thị Phước	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01010/13S69
30122	S69-33694	CM-54965		Nguyễn Văn Tài	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00832/14S69
30123	S69-33695			Hà Chánh Em	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01012/13S69
30124	S69-33696			Dương Cung Anh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01013/13S69
30125	S69-33697			Nguyễn Thanh Sỹ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01014/13S69
30126	S69-33698			Phạm Văn Thịnh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01015/13S69
30127	S69-33699	CM-54960		Phạm Minh Cần	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00263/15S69
30128	S69-33700			Nguyễn Hồng Đào	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/01/2013	28/01/2014	01017/13S69
30129	S69-33701			Tô Hoàng Một	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01018/13S69
30130	S69-33702			Nguyễn Tấn Đạt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01019/13S69
30131	S69-33703			Đoàn Quốc Khởi	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01020/13S69
30132	S69-33704			Trần Văn Đưa	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01021/13S69
30133	S69-33705			Vưu Quốc Dân	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01022/13S69
30134	S69-33706			Đỗ Thu Hồng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01023/13S69
30135	S69-33707			Tiêu Thanh Sĩ	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01024/13S69
30136	S69-33708	CM-54952		Trần Thanh Hồng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02038/14S69
30137	S69-33709	CM-54953		Lý Hồng Dân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00346/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30138	S69-33710			Ngô Thanh Tòng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01027/13S69
30139	S69-33711			Nguyễn Hùng Cường	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01028/13S69
30140	S69-33712	CM-54949		Trần Hoàng Tú	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01412/14S69
30141	S69-33713			Nguyễn Văn Khế	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01030/13S69
30142	S69-33714			Nguyễn Hoài Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01031/13S69
30143	S69-33715			Lê Thị Tuyết	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01032/13S69
30144	S69-33716			Nguyễn Minh Tâm	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01033/13S69
30145	S69-33717			Trịnh Minh Hiền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01034/13S69
30146	S69-33718			Mai Hoàng Khởi	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01035/13S69
30147	S69-33719	CM-55080		Đặng Công Nghiệp	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00533/14S69
30148	S69-33720			Võ Kiến Thiết	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01037/13S69
30149	S69-33721			Trương Ngọc Chơn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01038/13S69
30150	S69-33722			Trần Xuân Kỳ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01039/13S69
30151	S69-33723			Trần Vũ Bằng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01040/13S69
30152	S69-33724			Võ Tràm Xuyên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01041/13S69
30153	S69-33725			Nguyễn Triều	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01042/13S69
30154	S69-33726			Huỳnh Văn Ngộ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01043/13S69
30155	S69-33727	CM-54985		Lâm Hoàng Bảy	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01153/14S69
30156	S69-33728	CM-55011		Trần Văn Truyền	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00820/14S69
30157	S69-33729			Lâm Tý Hận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01046/13S69
30158	S69-33730			Trần Văn Đẩu	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01047/13S69
30159	S69-33731			Nguyễn Thanh Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01048/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30160	S69-33732			Nguyễn Chí Trung	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01049/13S69
30161	S69-33733	CM- 55007		Nguyễn Thu Sen	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06436/13S69
30162	S69-33734	CM-55006		Nguyễn Xuân Lập	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00859/14S69
30163	S69-33735			Trần Thanh Huy	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01052/13S69
30164	S69-33736			Huỳnh Phước Thiện	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01053/13S69
30165	S69-33737			Nguyễn Minh Trí	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01054/13S69
30166	S69-33738			Nguyễn Minh Đường	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01055/13S69
30167	S69-33739			Vưu Minh Đức	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01056/13S69
30168	S69-33740			Lăng Hoàng Khởi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01057/13S69
30169	S69-33741	CM-55000		Nguyễn Văn Thắng	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00543/14S69
30170	S69-33742			Vưu Văn Thắng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01059/13S69
30171	S69-33743			Thang Văn Tẻo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01060/13S69
30172	S69-33744			Nguyễn Hùng Thắng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	28/01/2013	28/01/2014	01061/13S69
30173	S69-33745			Dương Hoàng Chiến	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01062/13S69
30174	S69-33746	CM-54982		Kim Vũ Điệp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00805/14S69
30175	S69-33747			Trần Văn Toàn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01064/13S69
30176	S69-33748			Đoàn Văn Hoàng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01065/13S69
30177	S69-33749	CM-54979		Nguyễn Văn Thới	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01160/14S69
30178	S69-33750			Trần Văn Hiếu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01067/13S69
30179	S69-33751			Nguyễn Quốc Bảo	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01068/13S69
30180	S69-33752	CM-54970		Ngô Minh Tài	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00337/14S69
30181	S69-33753			Trần Văn Tuấn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01070/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30182	S69-33754			Lê Minh Ngoan	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/01/2013	28/01/2014	01071/13S69
30183	S69-33758			Nguyễn Trung Dũng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/07/2013	01121/13S69
30184	S69-33760			Nguyễn Minh Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01123/13S69
30185	S69-33761	CM-66938		Lâm Trường Sa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02234/14S69
30186	S69-33763	CM-66940		Nguyễn Văn Chánh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2014	20/04/2015	01038/14S69
30187	S69-33764			Nguyễn Đồng Khởi	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01127/13S69
30188	S69-33765			Nguyễn Việt Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01128/13S69
30189	S69-33766			Trương Trung Tín	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01129/13S69
30190	S69-33767	CM-66944		Nguyễn Hoàng Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00312/14S69
30191	S69-33768			Nguyễn Tuấn Em	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01131/13S69
30192	S69-33769	CM-66946		Lê Trường Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00487/14S69
30193	S69-33770			Nguyễn Văn Kháng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01133/13S69
30194	S69-33771			Huỳnh Văn Niều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01134/13S69
30195	S69-33772	CM-66941		Nguyễn Thành Tài	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2014	24/09/2015	02625/14S69
30196	S69-33773			Trương Văn Ten	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01136/13S69
30197	S69-33774			Nguyễn Hồng Tươi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01137/13S69
30198	S69-33775			Thái Công Bằng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01138/13S69
30199	S69-33776	CM-66933		Nguyễn Văn An	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00308/14S69
30200	S69-33777			Nguyễn Thanh Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01140/13S69
30201	S69-33778			DNTN TMXD Trần Đa	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01141/13S69
30202	S69-33779			Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01142/13S69
30203	S69-33780			Tô Đình Đoàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01143/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30204	S69-33781	CM-66927		Nguyễn Tấn Vĩnh Hòa	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	02006/14S69
30205	S69-33782			Lê Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2013	24/01/2014	01145/13S69
30206	S69-33783			Dương Văn Dự	Tam Giang Tây, Huyện Đầm Dơi	24/01/2013	24/01/2014	01146/13S69
30207	S69-33784			Nguyễn Văn Thỏ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	24/01/2013	24/01/2014	01176/13S69
30208	S69-33785	CM-87135		Võ Văn Đức	Khánh Thuận, Huyện U Minh	21/07/2014	21/07/2015	01965/14S69
30209	S69-33787			Nguyễn Văn Phô	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	30/01/2013	30/01/2014	01184/13S69
30210	S69-33788	CM-98462		Lê Văn Nguyễn	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	08/12/2015	08/06/2015	02447/15S69
30211	S69-33789			Nguyễn Hoàng Kiệt	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/01/2013	30/01/2014	01188/13S69
30212	S69-33790			Nguyễn Hoàng Phương	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	30/01/2013	30/01/2014	01189/13S69
30213	S69-33791			Đỗ Văn Phương	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	30/01/2013	30/01/2014	01194/13S69
30214	S69-33792			Nguyễn Văn Nguyễn	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	30/01/2013	30/01/2014	01195/13S69
30215	S69-33793			Ngô Hoàng Khỏe	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	30/01/2013	30/01/2014	01196/13S69
30216	S69-33794	CM-98467		Ngô Hải Đăng	Định Bình, Thành phố Cà Mau	24/02/2014	24/02/2015	00466/14S69
30217	S69-33796	CM-98468		Phạm Cẩm Xuyên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/01/2014	28/01/2015	00344/14S69
30218	S69-33797	CM-98472		Trần Văn Trọng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	13/04/2015	13/04/2016	00673/15S69
30219	S69-33798			Nguyễn Thanh Quảng	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	31/01/2013	31/01/2014	01203/13S69
30220	S69-33802			Nguyễn Công Danh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01215/13S69
30221	S69-33803			Cty TNHH 1 TV Lâm Nghiệp NH	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01216/13S69
30222	S69-33804			Lê Minh Đương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01217/13S69
30223	S69-33806			Huỳnh Văn Sang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01219/13S69
30224	S69-33807			Nguyễn Văn Đặng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01220/13S69
30225	S69-33808			Nguyễn Việt Thanh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01221/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30226	S69-33810			Hồ Văn Đảm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01223/13S69
30227	S69-33811			Nguyễn Văn Thủy	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/02/2013	01/02/2014	01224/13S69
30228	S69-33814			Trương Văn Hùng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	04/02/2013	04/02/2014	01239/13S69
30229	S69-33816	CM-01280		Huỳnh Văn Hận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	30/03/2015	30/03/2016	00615/15S69
30230	S69-33818			Nguyễn Thị Triều	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	04/02/2013	04/08/2013	01244/13S69
30231	S69-33819			Lê Chí Thanh	Xã An Xuyên, Thành phố Cà Mau	04/02/2013	04/02/2014	01245/13S69
30232	S69-33822			CTY TNHH 1TV CHIỀU HƯNG	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	04/02/2013	04/02/2014	01250/13S69
30233	S69-33823			Lê Kim Nga	Phường 8, Thành phố Cà Mau	04/02/2013	04/02/2014	01262/13S69
30234	S69-33824			Dư Văn Tiến	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	05/02/2013	05/02/2014	01263/13S69
30235	S69-33826			Lê Văn Tài	TT U Minh, Huyện U Minh	05/02/2013	05/02/2014	01267/13S69
30236	S69-33828	CM-98485		Trần Văn Hùm	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2014	04/08/2015	02116/14S69
30237	S69-33829			Đào Thị Hồng Lâm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	05/02/2013	05/02/2014	01275/13S69
30238	S69-33833			Nguyễn Hoài Tâm	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	06/02/2013	06/02/2014	01281/13S69
30239	S69-33834			Nguyễn Trọng Nghĩa	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	06/02/2013	06/02/2014	01282/13S69
30240	S69-33835			Nguyễn Văn Tình	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	06/02/2013	06/02/2014	01283/13S69
30241	S69-33836			Lê Quốc Hoa	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	06/02/2013	06/02/2014	01284/13S69
30242	S69-33837			Lê Văn Đủ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	06/02/2013	06/02/2014	01285/13S69
30243	S69-33838			Ngô Hải Âu	Định Bình, Thành phố Cà Mau	06/02/2013	06/02/2014	01286/13S69
30244	S69-33839			Bùi Văn Dĩ	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/02/2013	07/02/2014	01289/13S69
30245	S69-33840			Trần Thanh Hiền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/02/2013	06/02/2014	01290/13S69
30246	S69-33843			Nguyễn Hữu Phước	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02246/13S69
30247	S69-33844			Võ Văn Chanh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/02/2013	20/02/2014	01309/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30248	S69-33845			Nguyễn Hoàng Chiến	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/02/2013	20/02/2014	01310/13S69
30249	S69-33846			Nguyễn Tấn Đạt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2013	20/02/2014	01311/13S69
30250	S69-33848	CM-62044		Trần Văn Minh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/04/2015	01051/14S69
30251	S69-33850	CM-62046		Nguyễn Tuyết Quỳnh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2015	20/06/2016	01129/15S69
30252	S69-33853			Nguyễn Văn Suối	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/02/2013	22/02/2014	01337/13S69
30253	S69-33854			Phan Thái Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/02/2013	22/02/2014	01338/13S69
30254	S69-33855	CM-23678		Phạm Văn Núi	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02239/13S69
30255	S69-33856	CM-23682		Trương Minh Tài	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2014	24/02/2015	00491/14S69
30256	S69-33857			Nguyễn Văn Tào	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01347/13S69
30257	S69-33858			Ngô Giám Thị	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01348/13S69
30258	S69-33859			Nguyễn Thanh Dũng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01349/13S69
30259	S69-33860			Nguyễn Hữu Nghị	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01350/13S69
30260	S69-33861			Hồ Hoàng Kiếm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01351/13S69
30261	S69-33862	CM-66368		Quách Hoài Hận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/08/2014	11/08/2015	02158/14S69
30262	S69-33866			Nguyễn Thành Phúc	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01387/13S69
30263	S69-33868			Giang Văn Giàu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01389/13S69
30264	S69-33869			Nguyễn Thanh Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01390/13S69
30265	S69-33870			Lê Mộng Điệp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/02/2013	24/02/2014	01391/13S69
30266	S69-33872	CM-98490		Nguyễn Hữu Viên	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	28/03/2014	28/03/2015	00794/14S69
30267	S69-33874			Vũ Đức Thiện	Khánh An, Huyện U Minh	27/02/2013	27/02/2014	01400/13S69
30268	S69-33875			Lê Duy Đăng	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01401/13S69
30269	S69-33876	CM-55010		Trương Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02059/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30270	S69-33877			Nguyễn Văn Lực	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01403/13S69
30271	S69-33878			Huỳnh Tấn Hiếu	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01404/13S69
30272	S69-33879			Trần Việt Sử	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01405/13S69
30273	S69-33880	CM-55033		Dương Văn Công	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/06/2014	28/06/2015	01763/14S69
30274	S69-33881			Trần Văn Tòng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01407/13S69
30275	S69-33883			Nguyễn Minh Đức	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01409/13S69
30276	S69-33884			Nguyễn Thanh Sang	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01410/13S69
30277	S69-33885			Nguyễn Văn Thành	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01411/13S69
30278	S69-33886			Trần Văn ụng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01412/13S69
30279	S69-33887			Huỳnh Kim Yến	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01413/13S69
30280	S69-33888			Trần Văn Phú	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01414/13S69
30281	S69-33889			Lưu Văn Đông	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01415/13S69
30282	S69-33890			Trần Tấn Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01416/13S69
30283	S69-33891			Trần Hoàng Thu	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/02/2013	28/02/2014	01417/13S69
30284	S69-33892	CM-98493		Nguyễn Văn Vọng	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	09/06/2014	09/06/2015	01504/14S69
30285	S69-33893			Phạm Tuấn Kiệt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/03/2013	04/03/2014	01448/13S69
30286	S69-33894			Nguyễn Minh Hiên	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	04/03/2013	04/03/2014	01449/13S69
30287	S69-33896			Lâm Thị Tư	K6,P8, Thành phố Cà Mau	04/03/2013	04/03/2014	01451/13S69
30288	S69-33897			Nguyễn Văn Còn	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	04/03/2013	04/03/2014	01453/13S69
30289	S69-33901			Dương Hoàng Lên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/03/2013	04/03/2014	01461/13S69
30290	S69-33902			Nguyễn Văn Chiến	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/03/2013	04/03/2014	01462/13S69
30291	S69-33903	CM-98497		Trương Văn Lập	Phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau	29/07/2015	29/07/2016	01424/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30292	S69-33904			Lý Quốc Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	07/03/2013	07/03/2014	01489/13S69
30293	S69-33905			Nguyễn Văn Sắc	Trí Lực, Huyện Thới Bình	08/03/2013	08/03/2014	01495/13S69
30294	S69-33906			Huỳnh Thanh Trung	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	08/03/2013	08/03/2014	01500/13S69
30295	S69-33907			Nguyễn Văn Tèo	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2013	10/03/2014	01503/13S69
30296	S69-33909			Nguyễn Văn Khôn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01519/13S69
30297	S69-33910			Châu Văn Trưởng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01520/13S69
30298	S69-33911			Nguyễn Văn Trọng	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01521/13S69
30299	S69-33912			Lưu Ngọc Mai	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01522/13S69
30300	S69-33913			Trần Văn Vĩnh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01523/13S69
30301	S69-33914			Lê Văn Hà	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01524/13S69
30302	S69-33915			Nguyễn Văn Bền	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01525/13S69
30303	S69-33916			Nguyễn Minh Tân	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01526/13S69
30304	S69-33917			Trần Văn Tho	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01527/13S69
30305	S69-33918			Trần Văn Giữ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01528/13S69
30306	S69-33919			Dương Hal	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01529/13S69
30307	S69-33920			Huỳnh Văn út	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01530/13S69
30308	S69-33921			Huỳnh Văn út	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01531/13S69
30309	S69-33922			Dương Văn Hải	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01532/13S69
30310	S69-33923			Châu Văn Được	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01533/13S69
30311	S69-33924			Trịnh Hoàng Oanh	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01534/13S69
30312	S69-33925			Nguyễn Hồng Nghiêm	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01535/13S69
30313	S69-33926			Hứa Văn Năng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01536/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30314	S69-33927			Võ Văn Tình	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01537/13S69
30315	S69-33928			Hoàng Văn Sỹ	Khánh Hòa, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01538/13S69
30316	S69-33929			Lê Văn Phước	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01545/13S69
30317	S69-33930			Bùi Văn Thiệt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01546/13S69
30318	S69-33931			Phạm Văn út	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01547/13S69
30319	S69-33932			Lư Thị Quyên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	11/03/2013	11/03/2014	01548/13S69
30320	S69-33933			Nguyễn Thanh Xuyên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01549/13S69
30321	S69-33934			Lê Xuân Trường	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01550/13S69
30322	S69-33935			Lê Văn Hận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01551/13S69
30323	S69-33936			Trương Văn Đùng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01552/13S69
30324	S69-33937			Phạm Chí Công	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01553/13S69
30325	S69-33938			Huỳnh Văn ở	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01554/13S69
30326	S69-33939			Nguyễn Văn Ri	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01555/13S69
30327	S69-33940			Huỳnh Quốc Việt	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01556/13S69
30328	S69-33941			Phạm Văn Hết	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01557/13S69
30329	S69-33942			Huỳnh Trung Kiên	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01558/13S69
30330	S69-33943			Trần Văn Khiêm	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01559/13S69
30331	S69-33944			Nguyễn Văn Tâm	TT U Minh, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01560/13S69
30332	S69-33945			Phạm Thị Chum	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01561/13S69
30333	S69-33946			Nguyễn Văn Tới	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01562/13S69
30334	S69-33947			Lâm Văn Điệp	Tân Thận, Huyện Đầm Dơi	09/03/2013	09/03/2014	01567/13S69
30335	S69-33948			Hồ Quang Thùy	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/03/2013	09/03/2014	01568/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30336	S69-33949			Dương Hết Hồn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/03/2013	09/03/2014	01569/13S69
30337	S69-33950			Quách Hiệp Thuận	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/03/2013	09/03/2014	01570/13S69
30338	S69-33951			Đặng Thu Phương	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/03/2013	09/03/2014	01571/13S69
30339	S69-33952			Lê Hồng Diễm	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/03/2013	09/03/2014	01572/13S69
30340	S69-33953			Huỳnh Văn Sự	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/03/2013	09/03/2014	01573/13S69
30341	S69-33954			Hoàng Văn Liên	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	11/03/2013	11/03/2014	01574/13S69
30342	S69-33955			Nguyễn Trường Giang	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	11/03/2013	11/03/2014	01588/13S69
30343	S69-33956			Nguyễn Trường Giang	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	11/03/2013	11/03/2014	01589/13S69
30344	S69-33957			Trần Văn Tễn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	11/03/2013	11/03/2014	01590/13S69
30345	S69-33960			Nguyễn Thanh Văn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2013	10/03/2014	01595/13S69
30346	S69-33961	CM-44147		Võ Cẩm Bước	TT. Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/05/2014	29/05/2015	01455/14S69
30347	S69-33964			Bùi Như Líp	TT. Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/03/2013	12/03/2014	01608/13S69
30348	S69-33965			Phạm Hoàng Anh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/03/2013	12/03/2014	01609/13S69
30349	S69-33968			Lê Hoài Hận	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/03/2013	12/03/2014	01612/13S69
30350	S69-33969	CM-98502		Bùi Minh Cảnh	Xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	14/03/2014	14/03/2015	00692/14S69
30351	S69-33970			Lương Văn Tèo	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	13/03/2013	13/03/2014	01626/13S69
30352	S69-33972			Trần Thanh Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/03/2013	14/03/2014	01633/13S69
30353	S69-33974			Di Văn Đạt	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	10/09/2013	10/09/2014	04271/13S69
30354	S69-33975			Trương Văn Đăng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	15/03/2013	15/03/2014	01646/13S69
30355	S69-33976			Phạm Văn Kiệt	Khánh An, Huyện U Minh	18/03/2013	18/03/2014	01651/13S69
30356	S69-33977			Phạm Văn Kiệt	Khánh An, Huyện U Minh	18/03/2013	18/03/2014	01652/13S69
30357	S69-33978			Phạm Văn Kiệt	Khánh An, Huyện U Minh	18/03/2013	18/03/2014	01653/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30358	S69-33979			Phạm Văn Kiệt	Khánh An, Huyện U Minh	18/03/2013	18/03/2014	01654/13S69
30359	S69-33980			Trần Quốc Thanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01662/13S69
30360	S69-33981			Ngô Việt Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01663/13S69
30361	S69-33982			Trương Văn Mến	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01664/13S69
30362	S69-33983			Lê Tấn Đạt	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01665/13S69
30363	S69-33984			Lâm Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01666/13S69
30364	S69-33985			Nguyễn Văn Vĩnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01667/13S69
30365	S69-33986			Lê Văn Lập	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01668/13S69
30366	S69-33987			Hà Hoàng Việt	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01669/13S69
30367	S69-33988			Trần Quốc Thắng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01670/13S69
30368	S69-33989			Trịnh Văn Đấu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01671/13S69
30369	S69-33990			Phạm Văn Lượm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01672/13S69
30370	S69-33991			Phạm Minh Hận	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01673/13S69
30371	S69-33992			Tạ Hoàng Tuấn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01674/13S69
30372	S69-33993			Tô Minh Thuận	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01675/13S69
30373	S69-33994			Trần Hoàng Nam	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01676/13S69
30374	S69-33995			Lý Văn Hiền	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01677/13S69
30375	S69-33996			Lý Văn Hậu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01678/13S69
30376	S69-33997			Dương Minh Tâm	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01679/13S69
30377	S69-33998			Khấu Hoàng Đà	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01680/13S69
30378	S69-33999			Nguyễn Thanh Hiếu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01681/13S69
30379	S69-34000			Lê Minh trí	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01682/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30380	S69-34001			Bùi Thái Dương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01683/13S69
30381	S69-34002			Hồ Đầy	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01684/13S69
30382	S69-34003			Nguyễn Thanh Hiếu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01685/13S69
30383	S69-34004			Phạm Khắc Chung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01686/13S69
30384	S69-34005			Lê Chí Cường	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01687/13S69
30385	S69-34006			Lê Minh Sang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01688/13S69
30386	S69-34007			Trần Công Bé	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01689/13S69
30387	S69-34008			Lý Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01690/13S69
30388	S69-34009			Trương Văn Hào	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01691/13S69
30389	S69-34010			Lê Hòa Hợp	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01692/13S69
30390	S69-34011			Ngô Thanh Tuấn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01693/13S69
30391	S69-34012			Trương Văn Thuấn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01694/13S69
30392	S69-34013			Ngô Minh Đạo	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01695/13S69
30393	S69-34014			Nguyễn Hải Đăng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01696/13S69
30394	S69-34015			Huỳnh Việt Hùng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01697/13S69
30395	S69-34016			Trần Lý Tường	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01698/13S69
30396	S69-34017			Lê Văn Khôi	Tam Giang, Huyện Năm Căn	18/03/2013	18/03/2014	01699/13S69
30397	S69-34018			Lữ Văn Tĩnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01700/13S69
30398	S69-34019			Lê Hồng Thái	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01701/13S69
30399	S69-34020			Đặng Việt Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01702/13S69
30400	S69-34021			Trương Văn Lan	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01703/13S69
30401	S69-34022			Lâm Văn Giàu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01704/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30402	S69-34023			Nguyễn Văn Khanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01705/13S69
30403	S69-34024			Nguyễn Thanh Mật	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01706/13S69
30404	S69-34025			Hoàng Ngọc Sáng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01707/13S69
30405	S69-34026			Trương Văn Hện	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01708/13S69
30406	S69-34027			Lữ Văn Đủ	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01709/13S69
30407	S69-34028			Nguyễn Văn Nghĩa	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01710/13S69
30408	S69-34029			Nguyễn Minh Trí	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01711/13S69
30409	S69-34030			Cao Quốc Sử	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01712/13S69
30410	S69-34031			Lâm Hoàng Anh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	13/03/2014	01713/13S69
30411	S69-34032			Trần Văn Vĩnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01714/13S69
30412	S69-34033			Nguyễn Hoàng Khanh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01715/13S69
30413	S69-34034			Lâm Minh Phúc	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01716/13S69
30414	S69-34035			Nguyễn Văn Việt	Tam Giang, Huyện Năm Căn	15/03/2013	15/03/2014	01717/13S69
30415	S69-34037			Nguyễn Minh Chiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01752/13S69
30416	S69-34038			Lý Hoàng Sơn	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01753/13S69
30417	S69-34039			Lê Tấn Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01754/13S69
30418	S69-34040			Nguyễn Văn Hải	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01755/13S69
30419	S69-34041			Nguyễn Văn Hậu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01756/13S69
30420	S69-34042			Nguyễn Văn Hiếm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01757/13S69
30421	S69-34043			Phan Hoài Hận	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01758/13S69
30422	S69-34044			Nguyễn Thanh Hiền	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01759/13S69
30423	S69-34045			Phạm Văn Về	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01760/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30424	S69-34046			Phan Văn Hiếu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01761/13S69
30425	S69-34047			Nguyễn Hoàng Thắng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01762/13S69
30426	S69-34048			Trần Văn Quân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01763/13S69
30427	S69-34049			Văn Tự Núi	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01764/13S69
30428	S69-34050			Trương Văn Đấu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01765/13S69
30429	S69-34051			Huỳnh Minh Xiểu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01766/13S69
30430	S69-34052			Châu Văn Năng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01767/13S69
30431	S69-34053			Tạ Minh Luân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01768/13S69
30432	S69-34054			Hồng Trung Hữu	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01769/13S69
30433	S69-34055			Trần Văn Quân	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01770/13S69
30434	S69-34056			Trần Văn Hồ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01771/13S69
30435	S69-34057			Nguyễn Thanh Tuyên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01772/13S69
30436	S69-34058			Đặng Văn Đủ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01773/13S69
30437	S69-34059			Trần Quang Bắc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01774/13S69
30438	S69-34060			Lê Hồng Hiện	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01775/13S69
30439	S69-34061			Nguyễn Văn Được	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01776/13S69
30440	S69-34062			Trương Thanh Ly	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01777/13S69
30441	S69-34063			Tăng Văn Giang	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01778/13S69
30442	S69-34065			Trần Văn Thắng	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01780/13S69
30443	S69-34066			Phạm Văn Cọp	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01781/13S69
30444	S69-34067			Nguyễn Văn Đến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01782/13S69
30445	S69-34069			Huỳnh Văn Kiệt	Khánh Thuận, Huyện U Minh	20/03/2013	20/03/2014	01786/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30446	S69-34070			Nguyễn Văn Thật	Khánh Thuận, Huyện U Minh	20/03/2013	20/03/2014	01787/13S69
30447	S69-34072			Cao Trọng Kha	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/03/2013	16/03/2014	01793/13S69
30448	S69-34073	CM-72446		Nguyễn Minh Dương	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/08/2015	16/08/2016	01538/15S69
30449	S69-34075			Phạm Văn Tạo	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	20/03/2013	20/03/2014	01813/13S69
30450	S69-34077			Võ Văn Bốn	Khóm Saphò, TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01815/13S69
30451	S69-34078			Trần Văn Diễm	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01816/13S69
30452	S69-34080			Trần Minh Luân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01818/13S69
30453	S69-34082			Trần Văn Nâu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01820/13S69
30454	S69-34083			Nguyễn Bích Tiền	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01821/13S69
30455	S69-34084	CM-62118		Võ Văn Bềnh	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01327/14S69
30456	S69-34085			Đào Văn Anh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01823/13S69
30457	S69-34086			Dương Văn Vũ	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01824/13S69
30458	S69-34087	CM-62130		Phạm Văn Lướt	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/03/2015	20/03/2016	05544/15S69
30459	S69-34088			Ngô Quốc Khởi	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01826/13S69
30460	S69-34089	CM-62111		Trịnh Văn Cửa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/07/2015	20/07/2016	01340/15S69
30461	S69-34091			Đỗ Văn Chấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2013	20/03/2014	01829/13S69
30462	S69-34092			Nguyễn Hữu Phúc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01830/13S69
30463	S69-34093			Nguyễn Văn Thanh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01831/13S69
30464	S69-34094			Huỳnh Thanh Phong	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01832/13S69
30465	S69-34095	CM-		Trần Hoàng Anh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01627/14S69
30466	S69-34099			Nguyễn Minh Thúc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01837/13S69
30467	S69-34100			Nguyễn Văn Môn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01838/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30468	S69-34101			Dương Văn Kháng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01839/13S69
30469	S69-34103			Trần Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2013	20/03/2014	01841/13S69
30470	S69-34104			Trần Thành Công	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01871/13S69
30471	S69-34105	CM-72449		Lê Tú Quyền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	26/06/2014	26/06/2015	01725/14S69
30472	S69-34106			Lữ Văn Phước	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	25/03/2013	25/03/2014	01879/13S69
30473	S69-34107			Lý Văn Đàn	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	25/03/2013	25/03/2014	01880/13S69
30474	S69-34108			Châu Hồng Thọ	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	25/03/2013	25/03/2014	01881/13S69
30475	S69-34109			Võ Văn Hòa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	25/03/2013	25/03/2014	01882/13S69
30476	S69-34110			Trần Minh Tông	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01884/13S69
30477	S69-34112			Dương Khải Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01886/13S69
30478	S69-34114			Nguyễn Văn Soi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01888/13S69
30479	S69-34115	CM-66964		Phạm Văn Ngân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2015	24/08/2016	01590/15S69
30480	S69-34116			Nguyễn Văn Hiếu	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01890/13S69
30481	S69-34117	CM-66963		Huỳnh Phước Hôn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02335/14S69
30482	S69-34118			Trần Thị Linh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2013	24/03/2014	01892/13S69
30483	S69-34119	CM-66962		Thái Văn Năm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2014	24/04/2015	01104/14S69
30484	S69-34120			UBND Xã Tam Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/03/2013	25/03/2014	01914/13S69
30485	S69-34121			Ngô Hoàng Lĩnh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/03/2013	20/03/2014	01917/13S69
30486	S69-34122			Trần Hoàng Quân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2013	20/03/2014	01918/13S69
30487	S69-34124			Nguyễn Khắc Ghi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/03/2013	22/03/2014	01934/13S69
30488	S69-34125			Nguyễn Văn Bình	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	22/03/2013	22/03/2014	01935/13S69
30489	S69-34126			Châu Văn Nghị	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/03/2013	22/03/2014	01936/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30490	S69-34127			Lê Thành Hiệp	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	22/03/2013	22/03/2014	01937/13S69
30491	S69-34128			Trần Duy Khánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/03/2013	22/03/2014	01938/13S69
30492	S69-34129			Phan Minh Ký	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/03/2013	20/03/2014	01944/13S69
30493	S69-34130			Dương Hoàng Nhức	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	24/03/2013	24/03/2014	01946/13S69
30494	S69-34131			Lê Văn Bầu	K6,P6, Thành phố Cà Mau	26/03/2013	26/03/2014	01948/13S69
30495	S69-34133	CM-98518		Huỳnh Hữu Tỏa	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	29/05/2014	29/11/2014	01451/14S69
30496	S69-34134			CTY TNHH Tân Hoàng Nghiêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/03/2013	25/03/2014	01957/13S69
30497	S69-34135			CTY TNHH Tân Hoàng Nghiêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/03/2013	25/03/2014	01958/13S69
30498	S69-34136			CTY TNHH Tân Hoàng Nghiêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/03/2013	25/03/2014	01959/13S69
30499	S69-34137			CTY TNHH Tân Hoàng Nghiêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/03/2013	25/03/2014	01960/13S69
30500	S69-34138			CTY TNHH Tân Hoàng Nghiêm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/03/2013	25/03/2014	01961/13S69
30501	S69-34139			Mai Chí Linh	Phường 7, Thành phố Cà Mau	28/03/2013	28/03/2014	01962/13S69
30502	S69-34140			Nguyễn Minh Hiền	Khánh An, Huyện U Minh	27/03/2013	27/09/2013	01975/13S69
30503	S69-34141			Quách Ngọc Lợi	Khóm 4, TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01976/13S69
30504	S69-34143			Ngô Hải Tùng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01978/13S69
30505	S69-34144			Trương Văn Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01979/13S69
30506	S69-34145			Trần Kiên Nhẫn	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01980/13S69
30507	S69-34146			Trần Quốc Phong	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01981/13S69
30508	S69-34147			Trần Văn Chuyên	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01982/13S69
30509	S69-34149	CM-55084		Trần Văn Thiến	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02039/14S69
30510	S69-34150			Trương Hoàng Yên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01985/13S69
30511	S69-34151	CM-55082		Ngô Hoàng Niên	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03517/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30512	S69-34153			Võ Minh Huyền	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01988/13S69
30513	S69-34154			Huỳnh Văn Chính	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01989/13S69
30514	S69-34155	CM-55091		Lâm Minh Sơn	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/06/2015	28/06/2016	01193/15S69
30515	S69-34156	CM-55090		Lâm Văn Tình	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01432/14S69
30516	S69-34157			Trương Hoàng Minh	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/03/2013	28/03/2014	01992/13S69
30517	S69-34158	CM-44152		Đỗ Văn On	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	20/07/2014	20/07/2015	01930/14S69
30518	S69-34159	CM-98521		Dương Văn Ny	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	14/04/2014	14/04/2015	00980/14S69
30519	S69-34160			Trần Ly Hận	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/03/2013	29/03/2014	02024/13S69
30520	S69-34165			Lâm Chung Tình	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	01/04/2013	24/03/2014	02032/13S69
30521	S69-34168			Huỳnh Văn Mười	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/04/2013	24/03/2014	02036/13S69
30522	S69-34169			Diệp Hoàng Minh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/04/2013	24/03/2014	02037/13S69
30523	S69-34170			Huỳnh Phước Hải	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	02/04/2013	24/03/2014	02038/13S69
30524	S69-34172			Nguyễn Văn Tuyển	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/04/2013	24/03/2014	02040/13S69
30525	S69-34173			Đoàn Văn Hà	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/04/2013	24/03/2014	02041/13S69
30526	S69-34176			CTY TNHH MTV XL ĐCN&DD Minh Nhựt Khoa	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	01/04/2013	01/04/2014	02055/13S69
30527	S69-34181			Mai Văn Hôn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/04/2013	10/04/2014	02103/13S69
30528	S69-34182	CM-87949		Dương Văn Mạnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	25/07/2014	25/07/2015	02009/14S69
30529	S69-34184			Nguyễn Thanh Liêm	125, Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	10/04/2013	10/04/2014	02108/13S69
30530	S69-34186			Lâm Hoàng Chiêu	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	10/04/2013	11/04/2014	02115/13S69
30531	S69-34187	CM-44153		Nguyễn Văn Sung	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/04/2014	12/04/2015	00978/14S69
30532	S69-34188	CM- 44154		Lê Văn Liệt	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/05/2015	12/05/2016	00894/15S69
30533	S69-34189			Từ Minh Tuấn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/04/2013	15/04/2014	02132/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30534	S69-34190			Nguyễn Văn Nơi	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	15/04/2013	15/04/2014	02135/13S69
30535	S69-34191			Phan Văn Chà	Tân Phú, Huyện Thới Bình	16/04/2013	16/04/2014	02138/13S69
30536	S69-34192			Phan Hồng Thúy	Định Bình, Thành phố Cà Mau	16/04/2013	16/04/2014	02140/13S69
30537	S69-34193			Trần Quốc Việt	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02145/13S69
30538	S69-34194			Võ Văn Dương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02146/13S69
30539	S69-34195			Nguyễn Nhật Phương	Rạch Chùa, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02147/13S69
30540	S69-34196			Huỳnh Văn Tính	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02148/13S69
30541	S69-34197			Nguyễn Phú Khánh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02149/13S69
30542	S69-34198			Phan Văn Chiến	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/10/2013	02150/13S69
30543	S69-34199			Tạ Nguyễn Văn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02151/13S69
30544	S69-34200			Đoàn Văn Thía	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02152/13S69
30545	S69-34201			Ngô Văn Khởi	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/04/2013	16/04/2014	02153/13S69
30546	S69-34207			Cty TNHH XLĐ & TM Trương Mỹ Kim	Khóm 2, Phường 6, Thành phố Cà Mau	17/04/2013	17/04/2014	02193/13S69
30547	S69-34209	CM-98538		Phan Việt Thống	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2013	24/05/2014	05882/13S69
30548	S69-34211			Châu Văn Thì	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02206/13S69
30549	S69-34212	CM-62133		Nguyễn Văn Đen	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2015	20/07/2016	01323/15S69
30550	S69-34213	CM-62134		Lê Văn Tân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01343/14S69
30551	S69-34214			Đồng Minh Lực	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02209/13S69
30552	S69-34216			Lý Minh Thành	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02211/13S69
30553	S69-34219			Huỳnh Văn Tan	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02214/13S69
30554	S69-34220			Lư Thu Cúc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02215/13S69
30555	S69-34221			Tạ Văn Trắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02216/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30556	S69-34222	CM-62140		Kim Tiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01332/14S69
30557	S69-34223			Nguyễn Hoàng Tuấn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/04/2013	20/04/2014	02218/13S69
30558	S69-34224	CM-62145		Lê Hậu Giang	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/06/2014	24/06/2015	01674/14S69
30559	S69-34225			Nguyễn Tân Xuyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2013	20/04/2014	02220/13S69
30560	S69-34226	CM-67033		Trần Văn Tèo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2014	24/04/2015	01092/14S69
30561	S69-34227			Nguyễn Văn Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/04/2013	20/04/2014	02222/13S69
30562	S69-34228			Nguyễn Nhật Điền	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	22/04/2013	22/04/2014	02261/13S69
30563	S69-34229			Lê Văn Đại	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	22/04/2013	22/04/2014	02266/13S69
30564	S69-34232			Bạch Văn Bắc	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	23/04/2013	23/04/2014	02274/13S69
30565	S69-34233	CM-98543		Lê Văn Toàn	Hoà Thành, Thành phố Cà Mau	10/03/2015	10/03/2016	00434/15S69
30566	S69-34234			Nguyễn Vũ Huỳnh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	24/04/2013	24/04/2014	02281/13S69
30567	S69-34235	CM-98541	ghe máy	Trương Văn Đông	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2014	25/07/2015	02011/14S69
30568	S69-34236	CM-98540	ghe máy	Trương Văn KiL	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2014	25/07/2015	02008/14S69
30569	S69-34237		ghe máy	Trương Văn KiL	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	24/04/2013	24/04/2014	02284/13S69
30570	S69-34239			Võ Tài Một	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	25/04/2013	25/04/2014	02289/13S69
30571	S69-34240			Trương Hoàng Danh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	25/04/2013	25/04/2014	02290/13S69
30572	S69-34241			Lê Văn Quân	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	25/04/2013	25/04/2014	02291/13S69
30573	S69-34242			Huỳnh Văn Tú	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	25/04/2013	25/04/2014	02292/13S69
30574	S69-34246			Nguyễn Hải Em	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02296/13S69
30575	S69-34247			Nguyễn Văn Ca	TT Năm Căn, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02297/13S69
30576	S69-34248			Đặng Văn Sĩ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02298/13S69
30577	S69-34249			Lê Minh Ngà	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02299/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30578	S69-34250			Huỳnh Hoàng Anh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02300/13S69
30579	S69-34251			Trần Bảo Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02301/13S69
30580	S69-34252			Thái Văn Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02302/13S69
30581	S69-34253			Tạ Hoàng Phong	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02303/13S69
30582	S69-34254			Lê Hoàng Thịnh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02304/13S69
30583	S69-34256			Lê Hồng Tự	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02306/13S69
30584	S69-34257			Huỳnh Văn Linh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02307/13S69
30585	S69-34258			Nguyễn Chí Đức	Tam Giang, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02308/13S69
30586	S69-34259			Thái Văn Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02309/13S69
30587	S69-34261	CM-66984		Nguyễn Văn Châu	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/03/2014	24/03/2015	00753/14S69
30588	S69-34262	CM-66985		Trần Phương Nam	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2015	24/06/2016	01157/15S69
30589	S69-34263			Đoàn Văn Mến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02313/13S69
30590	S69-34264			Dương Thúy Kiều	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02314/13S69
30591	S69-34265			Tô Văn Khỏe	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02315/13S69
30592	S69-34266	CM-66976		Phan Chí Tâm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03466/14S69
30593	S69-34268	CM-66978		Trần Triệu Vồng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03461/14S69
30594	S69-34271			Ngô Minh Triều	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02321/13S69
30595	S69-34272			Lê Hải	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02322/13S69
30596	S69-34273			Nguyễn Công Định	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2013	24/04/2014	02323/13S69
30597	S69-34275	CM-66974		Châu Văn Lương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2014	24/07/2015	01988/14S69
30598	S69-34276	CM-66975		Nguyễn Mê Ly	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/04/2014	24/04/2015	01087/14S69
30599	S69-34281			CTy TNHH MTV XDTH Năm Quân Cà Mau	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	25/04/2013	25/04/2014	02351/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30600	S69-34282			Nguyễn Văn Quý	ấp 3, xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	26/04/2013	26/04/2014	02354/13S69
30601	S69-34286	CM-98550	võ máy	Phan Văn Nam	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	25/06/2014	25/06/2015	01708/14S69
30602	S69-34288			Trần Minh Nhiều	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02373/13S69
30603	S69-34289			Trần Tuấn Vĩnh	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02374/13S69
30604	S69-34290	CM-55102		Nguyễn Văn Lel	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00266/15S69
30605	S69-34291	CM-55101		Đặng Hoàng Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02409/14S69
30606	S69-34292	CM-55100		Nguyễn Văn Chơn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01141/14S69
30607	S69-34293			Trần Quang Chấm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02378/13S69
30608	S69-34294			Huỳnh Văn Đàng	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02379/13S69
30609	S69-34295			Trịnh Trung Hiếu	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/04/2013	28/04/2014	02380/13S69
30610	S69-34296	CM-55104		Trương Chí Thông	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01430/14S69
30611	S69-34297			Mai Thanh Lương	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/05/2013	02/05/2014	02399/13S69
30612	S69-34298			Nguyễn Văn Giàu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	02/05/2013	02/05/2014	02400/13S69
30613	S69-34299			Lê Bình Trị	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	02/05/2013	02/05/2014	02404/13S69
30614	S69-34303			Đặng Ngọc Trai	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	02/05/2013	02/05/2014	02412/13S69
30615	S69-34304			Hữu Tiền Giang	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	06/05/2013	06/05/2014	02424/13S69
30616	S69-34305			Nguyễn Văn Tèo	Phường 6, Thành phố Cà Mau	06/05/2013	06/05/2014	02429/13S69
30617	S69-34306			Cao Văn Kết	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02434/13S69
30618	S69-34307			Tạ Diệu Hằng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02435/13S69
30619	S69-34308			Trần Văn ấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02436/13S69
30620	S69-34309			Nguyễn Quang Vinh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02437/13S69
30621	S69-34310			Ngô Bích Vân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02438/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30622	S69-34311			Phạm Tuấn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02439/13S69
30623	S69-34312			Trần Văn Sơn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02440/13S69
30624	S69-34313			Phạm Văn Hương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02441/13S69
30625	S69-34314			Tô Huỳnh Thu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02442/13S69
30626	S69-34315			Dương Văn Mốt	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02443/13S69
30627	S69-34316			Trần Hoàng Tuấn Anh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02444/13S69
30628	S69-34317			Huỳnh Công Nôi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02445/13S69
30629	S69-34318			Phạm Tấn Khanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02446/13S69
30630	S69-34319			Nguyễn Văn Đệ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02447/13S69
30631	S69-34320			Phạm Tấn Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02448/13S69
30632	S69-34321			Đỗ Thanh Hồng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02238/14S69
30633	S69-34322			Đỗ Quốc Phát	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02450/13S69
30634	S69-34323			Nguyễn Thái Học	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02451/13S69
30635	S69-34324	CM-66991		Đặng Văn Mừng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02239/14S69
30636	S69-34325			Mã Văn Khém	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02453/13S69
30637	S69-34326			Cao Trường Giang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02454/13S69
30638	S69-34327			Huỳnh Văn Đem	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02455/13S69
30639	S69-34328			Đỗ Quốc Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02456/13S69
30640	S69-34329			Trần Văn Thám	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02457/13S69
30641	S69-34330	CM-67000		Nguyễn Thanh Tuấn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02241/14S69
30642	S69-34331			Lương Thị út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02459/13S69
30643	S69-34332			Trần Hoàng Anh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/05/2013	06/05/2014	02460/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30644	S69-34333		GHE MÁY	Phạm Văn Nhở	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	07/05/2013	07/05/2014	02476/13S69
30645	S69-34334		GHE MÁY	Võ Văn Tâm	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	07/05/2013	07/05/2014	02477/13S69
30646	S69-34341			Phạm Văn Linh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	08/05/2013	08/05/2014	02493/13S69
30647	S69-34342	CM-98563		Nguyễn Thanh Toàn	Khóm 6 Phường 8, Thành phố Cà Mau	14/07/2015	14/07/2016	01274/15S69
30648	S69-34343			Trần Hoàng Thắng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	08/05/2013	08/05/2014	02498/13S69
30649	S69-34344			Trần Văn Kiệt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	08/05/2013	08/05/2014	02499/13S69
30650	S69-34346			Ngô Văn Toàn	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	09/05/2013	09/05/2014	02502/13S69
30651	S69-34349			Nguyễn Văn Tới	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	13/05/2013	13/05/2014	02515/13S69
30652	S69-34350	CM-		Dương Văn Hận	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2015	10/03/2016	00446/15S69
30653	S69-34351			Trần Quốc Khánh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/05/2013	13/05/2014	02525/13S69
30654	S69-34354			Ngô Văn Dở	Đông Thới, Huyện Cái Nước	13/05/2013	13/05/2014	02534/13S69
30655	S69-34356			Đỗ Huy Mân	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	14/05/2013	14/05/2014	02544/13S69
30656	S69-34357			Ban QL Rừng phòng hộ Kiến Vàng	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	14/05/2013	14/05/2014	02546/13S69
30657	S69-34358			Lê Văn Khương	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/05/2013	12/05/2014	02552/13S69
30658	S69-34360			Hồ Công Thành	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	15/05/2013	15/05/2014	02555/13S69
30659	S69-34361			Nguyễn Văn Tuấn Em	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02564/13S69
30660	S69-34362			Nguyễn Văn Êm	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02565/13S69
30661	S69-34363			Sầm A Giảng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02566/13S69
30662	S69-34364			Lê Tân Xuyên	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02567/13S69
30663	S69-34365	CM-72467		Mai Hùng Vương	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	29/06/2015	29/06/2016	01199/15S69
30664	S69-34366			Quách Văn Ngưng	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02569/13S69
30665	S69-34368			Hồng Văn Bước	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02571/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30666	S69-34369			Nguyễn Quốc Khánh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02572/13S69
30667	S69-34370			Lê Thanh Tuấn	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02573/13S69
30668	S69-34371			Luyên Nam Ngọc	TT. Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02574/13S69
30669	S69-34372	CM-72463		Phạm Văn Chánh	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/11/2014	16/11/2015	02987/14S69
30670	S69-34373			Lữ Chí Nguyễn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/05/2013	16/05/2014	02576/13S69
30671	S69-34375			Nguyễn Chí Hường	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	17/05/2013	17/05/2014	02595/13S69
30672	S69-34376			Phạm Văn Cường	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	17/05/2013	17/05/2014	02598/13S69
30673	S69-34377			Bùi Văn Thế	Tân Phú, Huyện Thới Bình	20/05/2013	20/05/2014	02604/13S69
30674	S69-34378			Bùi Vũ Phong	Tân Phú, Huyện Thới Bình	20/05/2013	20/05/2014	02605/13S69
30675	S69-34382			Trần Văn Hòa	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02620/13S69
30676	S69-34383			Châu Văn Thì	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02621/13S69
30677	S69-34385			Hồ Cao Nguyên	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02623/13S69
30678	S69-34386			Nguyễn Minh Thùy	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2013	20/05/2014	02624/13S69
30679	S69-34387	CM-62146		Huỳnh Quốc Khánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01569/15S69
30680	S69-34389			Hồ Văn Cảnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02628/13S69
30681	S69-34390			Lê Thanh Thy	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02629/13S69
30682	S69-34392	CM-62163		Đỗ Hữu Quý	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02290/14S69
30683	S69-34393			Nguyễn Minh Như	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02632/13S69
30684	S69-34396	CM-62158		Quang Khánh Xuyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02295/14S69
30685	S69-34397			Lê Văn Tân	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	21/05/2013	20/05/2014	02636/13S69
30686	S69-34398	CM-62167		Đặng Ngọc Dành	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	28/01/2016	28/07/2016	00280/16S69
30687	S69-34400			Phan Thanh Pha	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02639/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30688	S69-34402	CM-62152		Trần Văn Thành	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/05/2014	20/05/2015	01319/14S69
30689	S69-34404	CM-62151		Trần Văn Cáo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01645/14S69
30690	S69-34405			Lý Việt Tân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02644/13S69
30691	S69-34407			Quan Văn Bình	Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02646/13S69
30692	S69-34408			Ngô Hoàng Tâm	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	21/05/2013	20/05/2014	02647/13S69
30693	S69-34410			Khổng Hó	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	21/05/2013	20/05/2014	02649/13S69
30694	S69-34411	CM-44158		Tạ Văn Vẹn	Đồng Thới, Huyện Cái Nước	25/11/2013	25/11/2014	05898/13S69
30695	S69-34412			Nguyễn Thanh Phương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	21/05/2013	20/05/2014	02651/13S69
30696	S69-34414			Nguyễn Vũ Em	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	21/05/2013	21/05/2014	02679/13S69
30697	S69-34415			Trần Phương Đại	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	21/05/2013	21/05/2014	02680/13S69
30698	S69-34418			Lê Văn Tài	Khóm 4, TT. U Minh, Huyện U Minh	22/05/2013	22/05/2014	02690/13S69
30699	S69-34419	CM-98602	GHE MÁY	Lâm Phước Khen	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/07/2014	15/07/2015	01888/14S69
30700	S69-34420		GHE MÁY	Lê Minh Hết	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	21/05/2013	21/05/2014	02692/13S69
30701	S69-34421		GHE MÁY	Trần Tấn Tài	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	21/05/2013	21/05/2014	02693/13S69
30702	S69-34422	CM-98604	GHE MÁY	Trần Tấn Đạt	Xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	15/01/2015	15/01/2016	00076/15S69
30703	S69-34425			Trần Văn Trắng	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	22/05/2013	22/05/2014	02700/13S69
30704	S69-34427			CTY TNHH MTV Xây Lắp Điện Hồng Ân	Lý Thường Kiệt,Khóm 7,Phường 6, Thành phố Cà Mau	23/05/2013	19/05/2014	02705/13S69
30705	S69-34429			Nguyễn Văn Dạng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02710/13S69
30706	S69-34430			Nguyễn Văn Lượm	TGT, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02711/13S69
30707	S69-34431			Nhan Hoàng Nhị	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02712/13S69
30708	S69-34432			Nguyễn Văn Thiệt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02713/13S69
30709	S69-34433			Huỳnh Văn Tạng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02714/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30710	S69-34434			Lý Minh Kha	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02715/13S69
30711	S69-34435	CM-67033		Dương Hoàng Nam	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01699/14S69
30712	S69-34436	CM-67032		Đỗ Chí Linh	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03469/14S69
30713	S69-34437			Phạm Thanh Lờ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02718/13S69
30714	S69-34438	CM-67030		Lê Văn Ty	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2014	24/05/2015	01369/14S69
30715	S69-34439			Lê Thành Mơ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02720/13S69
30716	S69-34440			Danh Dũng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02721/13S69
30717	S69-34442	CM-67037		Văn Thanh Viên	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02333/14S69
30718	S69-34443			Bùi Tấn Tài	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02724/13S69
30719	S69-34444			Nguyễn Văn Lượm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02725/13S69
30720	S69-34445			Trần Văn Nil	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02726/13S69
30721	S69-34446			Bùi Tấn Phát	TT. Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02727/13S69
30722	S69-34447			Nguyễn Văn Thuận	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02728/13S69
30723	S69-34448			Trương Chí Liêm	TT. Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02729/13S69
30724	S69-34449			Nguyễn Việt Triều	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02730/13S69
30725	S69-34450	CM-62174		Ngô Thanh Bình	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	24/08/2014	24/08/2015	02326/14S69
30726	S69-34452			Nguyễn Công Định	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02733/13S69
30727	S69-34454	CM-67017		Thieu Hoàng Kiếm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2015	24/06/2016	01159/15S69
30728	S69-34455			Lê Anh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02736/13S69
30729	S69-34456			Phan Thị Hải	TT. Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2013	24/05/2014	02737/13S69
30730	S69-34457			Lâm Thanh Hải	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/05/2013	27/05/2014	02760/13S69
30731	S69-34458			Tạ Minh Quân	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/05/2013	27/05/2014	02761/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30732	S69-34459			Lâm Thanh Phong	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/05/2013	27/05/2014	02762/13S69
30733	S69-34460			Lâm Chí Phong	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/05/2013	27/05/2014	02763/13S69
30734	S69-34461	CM-62170		Nguyễn Văn Biển	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/06/2014	28/06/2015	01764/14S69
30735	S69-34462			Chi cục thuế huyện Năm Căn	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/05/2013	27/05/2014	02765/13S69
30736	S69-34463	CM-98583		Lương Quốc Cường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03455/14S69
30737	S69-34464			Lê Minh Tèo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/05/2013	28/05/2014	02781/13S69
30738	S69-34467			Trần Văn Quốc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/05/2013	28/05/2014	02784/13S69
30739	S69-34468			Trần Chí Nguyễn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/05/2013	28/05/2014	02785/13S69
30740	S69-34469			Lê Chí Ngoan	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/05/2013	28/05/2014	02786/13S69
30741	S69-34470	CM-55109		Lê Thanh Thoảng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	30/11/2015	28/07/2016	02365/15S69
30742	S69-34471			Nguyễn Thị Than	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/05/2013	28/05/2014	02788/13S69
30743	S69-34472	CM-55111		Huỳnh Trung Sơn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/11/2015	28/05/2016	02354/15S69
30744	S69-34473	CM-55110		Phạm Tấn Kha	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	18/06/2014	18/12/2014	01595/14S69
30745	S69-34474	CM-98581		Ngô Hoàng Hân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01700/14S69
30746	S69-34475	CM-22049		Trần Hoàng Linh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/05/2013	27/05/2014	34475/13S69
30747	S69-34476			Vũ Bằng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	30/05/2013	30/05/2014	02820/13S69
30748	S69-34477			Phan Thị Linh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02825/13S69
30749	S69-34478			Nguyễn Hoàng Sơn	Thị Trấn U Minh, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02826/13S69
30750	S69-34479			Nguyễn Hoàng Nô	TT U Minh, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02827/13S69
30751	S69-34480			Nguyễn Văn Khén	TT U Minh, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02828/13S69
30752	S69-34482			Võ Văn Phép	TT U Minh, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02830/13S69
30753	S69-34483			Phan Văn Chơn	Trí Lực, Huyện Thới Bình	30/05/2013	30/05/2014	02831/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30754	S69-34484			Lê Văn Năm	Khánh Lâm, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02832/13S69
30755	S69-34485			Phạm Thanh Sang	TT U Minh, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02833/13S69
30756	S69-34486			Trần Minh Sơn	Khánh Lâm, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02834/13S69
30757	S69-34487			Huỳnh Văn Tiến	Khánh Lâm, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02835/13S69
30758	S69-34488			Phan Văn Dũng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02836/13S69
30759	S69-34489			Biện út Em	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02849/13S69
30760	S69-34490			Lý Văn Chil	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02850/13S69
30761	S69-34491			Lâm Chí Trọng	Khánh Tiến, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02851/13S69
30762	S69-34492			Đỗ Hiếu Mẫn	Khánh Tiến, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02852/13S69
30763	S69-34493			Đỗ Văn Đoàn	Khánh Hòa, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02853/13S69
30764	S69-34494			Cao Văn The	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02854/13S69
30765	S69-34495			Hà Văn Cang	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02855/13S69
30766	S69-34496			Trần Sơn Minh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02856/13S69
30767	S69-34497			Trương Văn Niên	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02857/13S69
30768	S69-34498			Lê Văn Đủ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02858/13S69
30769	S69-34499			Đoàn Thanh út	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02859/13S69
30770	S69-34500			Nguyễn Văn Mười	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02860/13S69
30771	S69-34501			Đỗ Văn Hiếu	Khánh Hòa, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02861/13S69
30772	S69-34502			Nguyễn Thị Nén	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02862/13S69
30773	S69-34503			Phạm Bé Hiền	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02863/13S69
30774	S69-34504			Huỳnh Minh Dương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02864/13S69
30775	S69-34505			Dương Văn Mạnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02865/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30776	S69-34506			Nguyễn Văn Dũng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02866/13S69
30777	S69-34507			Bùi Văn Đạm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02867/13S69
30778	S69-34508			Trần Văn Tụ	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/05/2013	30/05/2014	02868/13S69
30779	S69-34510			Mai Văn Ngôn	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	03/06/2013	03/06/2014	02882/13S69
30780	S69-34511			Phạm Văn Phu	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	03/06/2013	03/06/2014	02884/13S69
30781	S69-34512			Trần Quốc Tuấn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	03/06/2013	03/06/2014	02887/13S69
30782	S69-34513			Lê Văn Thư	Đất Mới, Huyện Năm Căn	03/06/2013	03/06/2014	02888/13S69
30783	S69-34514			Nguyễn Quang Thuận	Đất Mới, Huyện Năm Căn	03/06/2013	03/06/2014	02889/13S69
30784	S69-34515			Dương Tấn Tài	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	03/06/2013	03/06/2014	02890/13S69
30785	S69-34516			Lê Văn Pha	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	03/06/2013	03/06/2014	02891/13S69
30786	S69-34517			Nguyễn Văn Thuận	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	03/06/2013	03/06/2014	02892/13S69
30787	S69-34518			Châu Thị Tố Linh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	18/11/2014	18/11/2015	03021/14S69
30788	S69-34519	CM-88199		Trương Thanh Tuấn	Khánh An, Huyện U Minh	19/02/2016	19/08/2016	00376/16S69
30789	S69-34520			Đoàn Văn Quan	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	04/06/2013	04/06/2014	02897/13S69
30790	S69-34521	CM : 98608		Lương Hòa Trung	Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	11/06/2014	11/12/2014	01537/14S69
30791	S69-34524	CM-98584		Nguyễn Văn Bồn	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	17/09/2014	17/03/2015	02543/14S69
30792	S69-34525			Tạ Hoàng Lạo	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	07/06/2013	07/06/2014	02921/13S69
30793	S69-34526			Đặng Văn Hải	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	07/06/2013	07/06/2014	02922/13S69
30794	S69-34527			Ngô Văn Tiễn	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/06/2013	09/06/2014	02925/13S69
30795	S69-34528			Nguyễn Hoàng Quân	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/06/2013	09/06/2014	02926/13S69
30796	S69-34530			Trịnh Văn Giào	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/06/2013	09/06/2014	02928/13S69
30797	S69-34531	CM-55116		Võ Văn Đậu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00927/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30798	S69-34532	CM-59117		Nguyễn Chí Hải	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	09/04/2014	09/04/2015	00928/14S69
30799	S69-34533			Chem Văn Nhân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02931/13S69
30800	S69-34534			Trương Minh Dương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02932/13S69
30801	S69-34535			Võ Vũ Trung	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02933/13S69
30802	S69-34536			Trương Chí Thanh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02934/13S69
30803	S69-34537			Nguyễn Việt Cường	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02935/13S69
30804	S69-34538			Trần Văn Thành	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02936/13S69
30805	S69-34539			Huỳnh Minh Cảnh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02937/13S69
30806	S69-34540			Nguyễn Tài Lil	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02938/13S69
30807	S69-34541			Võ Hoàng Phương	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02939/13S69
30808	S69-34542			Lê Văn Nguyễn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02940/13S69
30809	S69-34543			Lâm Chí Linh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02941/13S69
30810	S69-34545			Phạm Văn Hoan	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02943/13S69
30811	S69-34546			Lâm Văn Bằng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02944/13S69
30812	S69-34547			Bùi Thanh Hậu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02945/13S69
30813	S69-34548			Lê Văn Khoa	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02946/13S69
30814	S69-34549			Lê Văn Ga	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02947/13S69
30815	S69-34550			Lê Tuấn Khanh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02948/13S69
30816	S69-34551			Lê Bửu Ngọc	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02949/13S69
30817	S69-34553			Phạm Chí Ngân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02951/13S69
30818	S69-34554			Trần Văn Biên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02952/13S69
30819	S69-34555	CM-67106		Phạm Văn Phúc	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02197/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30820	S69-34556	CM-67046		Châu Văn Hùng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	20/07/2014	20/07/2015	01955/14S69
30821	S69-34557			Nguyễn Văn Giang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02955/13S69
30822	S69-34558			Lâm Trung Trực	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02956/13S69
30823	S69-34559			Lê Hồng Tiến	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02957/13S69
30824	S69-34560	CM-67042		Lê Thanh Mộng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01665/15S69
30825	S69-34561			Tô Văn Kiên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02959/13S69
30826	S69-34562			Trần Thanh út	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02960/13S69
30827	S69-34563			Nguyễn Văn Hải	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02961/13S69
30828	S69-34564			Lê Thanh Tùng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02962/13S69
30829	S69-34565	CM-67059		Đặng Công Chánh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01661/15S69
30830	S69-34568			Phan Minh Hoàng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02966/13S69
30831	S69-34569	CM-67063		Nguyễn Văn Tèo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01664/15S69
30832	S69-34570			Trần Văn Lil	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02968/13S69
30833	S69-34571			Tô Minh Hoàng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02969/13S69
30834	S69-34572	CM-67066		Lý Thanh Mộng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02194/14S69
30835	S69-34573			Trần Quốc Khởi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02971/13S69
30836	S69-34574			Tạ Văn Lâm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02972/13S69
30837	S69-34575			Trần Văn Trung	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02973/13S69
30838	S69-34576			Nguyễn Thanh Trang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02974/13S69
30839	S69-34577			Đỗ Minh Lập	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02975/13S69
30840	S69-34578			Nguyễn Văn Bảy	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02976/13S69
30841	S69-34579			Văn Văn Giang	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02977/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30842	S69-34580	CM-67076		Nguyễn Hoàng Việt	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/07/2014	29/07/2015	02025/14S69
30843	S69-34581			Nguyễn Văn Nghệ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02979/13S69
30844	S69-34582			Diệp Thanh Toàn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02980/13S69
30845	S69-34583			Quách Anh Tuấn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02981/13S69
30846	S69-34584			Nguyễn Văn Miên	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02982/13S69
30847	S69-34585			Trần Quốc Anh Châu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02983/13S69
30848	S69-34586	CM-67081		Lê Văn Lăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	13/08/2014	13/08/2015	02192/14S69
30849	S69-34587			Phạm Chí Đức	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/06/2013	07/06/2014	02985/13S69
30850	S69-34588			Lê Văn Xây	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	10/06/2013	10/06/2014	03029/13S69
30851	S69-34589			Lê Trung Hậu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	09/06/2013	09/06/2014	02965/13S69
30852	S69-34590			Phan Văn Hiệp	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03032/13S69
30853	S69-34591			Trịnh Văn Tý	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2013	10/06/2014	03033/13S69
30854	S69-34592	CM-90748		Nguyễn Văn Toàn	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2014	10/07/2015	01850/14S69
30855	S69-34593	CM-90749		Nguyễn Văn Sữa	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2015	10/08/2016	01490/15S69
30856	S69-34594			Đỗ Thành Ngoan	TT U Minh, Huyện U Minh	20/01/2015	20/01/2016	00139/15S69
30857	S69-34595			Lê Văn Có	TT U Minh, Huyện U Minh	11/06/2013	11/06/2014	03037/13S69
30858	S69-34597			Nguyễn Văn Hoàng	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	11/06/2013	11/06/2014	03072/13S69
30859	S69-34599	CM-98588		Nguyễn Văn Đát	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	31/07/2014	31/07/2015	02098/14S69
30860	S69-34600			Nguyễn Văn Hùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2013	12/06/2014	03084/13S69
30861	S69-34601			Trần Văn Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/06/2013	12/06/2014	03088/13S69
30862	S69-34602			Quách Văn Thạo	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	14/06/2013	14/06/2014	03099/13S69
30863	S69-34603	CM-98593		Lê Văn Tý Em	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	27/01/2015	27/01/2016	00216/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30864	S69-34606	CM-98590		Lương Văn Tùng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	24/06/2014	24/06/2015	01663/14S69
30865	S69-34607			Nguyễn Tuấn Anh	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03108/13S69
30866	S69-34608			Huỳnh Văn Khắp	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03109/13S69
30867	S69-34610			Trần Thanh Phong	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03111/13S69
30868	S69-34611			Nguyễn Thanh Trọng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	16/03/2015	16/03/2016	00506/15S69
30869	S69-34613			Huỳnh Phước Trọn	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03122/13S69
30870	S69-34614			Lê Văn út	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/06/2013	16/06/2014	03123/13S69
30871	S69-34615			Nguyễn Văn Hợp	Khóm 1, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	17/06/2013	17/06/2014	03125/13S69
30872	S69-34616	CM-98594		Trần Thanh Phong	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	22/06/2015	22/06/2016	01125/15S69
30873	S69-34617			Nguyễn Minh Tiến	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	17/06/2013	17/06/2014	03131/13S69
30874	S69-34618		MINH PHÚ	CTY CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	17/06/2013	17/06/2014	03134/13S69
30875	S69-34619		MINH PHÚ	CTY CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	17/06/2013	17/06/2014	03135/13S69
30876	S69-34621			Bùi Văn Thê	Tân Phú, Huyện Thới Bình	19/06/2013	19/06/2014	03141/13S69
30877	S69-34622			Lê Chí Nguyên	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2013	19/06/2014	03142/13S69
30878	S69-34623			Nguyễn Hoàng Kế	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2013	19/06/2014	03143/13S69
30879	S69-34624			Phạm Văn Thanh	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2013	19/06/2014	03144/13S69
30880	S69-34625			Nguyễn Thanh Nhã	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2013	19/06/2014	03145/13S69
30881	S69-34627			Trần Minh Đa	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2013	19/06/2014	03147/13S69
30882	S69-34628			Phạm Văn Nam	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/06/2013	19/06/2014	03148/13S69
30883	S69-34629			Nguyễn Văn Bé	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	21/06/2013	21/06/2014	03154/13S69
30884	S69-34631			Nguyễn Văn Tới	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03156/13S69
30885	S69-34632			Nguyễn Hữu Phước	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03157/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30886	S69-34633			Đỗ Thị Hoàng Oanh	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03158/13S69
30887	S69-34634			Lê Thanh Trung	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03159/13S69
30888	S69-34635			Nguyễn Văn Toàn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03160/13S69
30889	S69-34638	CM-61757		Lâm Thành Thái	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03614/13S69
30890	S69-34639	CM-62179		Lê Văn Quang	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2014	20/10/2015	02810/14S69
30891	S69-34642			Vũ Văn Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03167/13S69
30892	S69-34643			Tạ Thanh Phong	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03168/13S69
30893	S69-34644			Phùng Văn Đoàn	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03169/13S69
30894	S69-34645			Ngô Văn Cường	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03170/13S69
30895	S69-34647			Nguyễn Thị Nguyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03172/13S69
30896	S69-34648			Nguyễn Thị Lạc	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03173/13S69
30897	S69-34649	CM-62183		Trần Văn Kiệt	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/08/2015	20/08/2016	01580/15S69
30898	S69-34650			Thái Thị Sang	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03175/13S69
30899	S69-34651			Nguyễn Minh Thúc	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03176/13S69
30900	S69-34652			Chi Cục Thuế Huyện Năm Căn	TT.Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03177/13S69
30901	S69-34653			Nguyễn Hoàng Long	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03178/13S69
30902	S69-34654			Trần Thanh Hiếu	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03179/13S69
30903	S69-34655	CM-62196		Trần Trọng Nghĩa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01643/14S69
30904	S69-34656	CM-62196		Trần Trọng Nghĩa	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2014	20/06/2015	01633/14S69
30905	S69-34657			Ngô Văn Toán	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/06/2013	20/06/2014	03182/13S69
30906	S69-34658			Dương Văn Tại	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	24/06/2013	24/06/2014	03220/13S69
30907	S69-34661	CM-23482		Nguyễn Văn Còn	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/03/2016	12/08/2016	00596/16S66

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30908	S69-34662			Lê Văn Khanh	Hồ Thị Kỳ, Huyện Thới Bình	25/06/2013	25/06/2014	03232/13S69
30909	S69-34663			Huỳnh Quốc Khởi	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03236/13S69
30910	S69-34664			Nguyễn Phi Hùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03237/13S69
30911	S69-34666			Trần Thanh Thế	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03239/13S69
30912	S69-34667			Phạm Văn Phụng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03240/13S69
30913	S69-34668			Trần Văn Thống	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03241/13S69
30914	S69-34671	CM-67096		Lê Thanh Trúc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02233/14S69
30915	S69-34672	CM-67095		Nguyễn Thắng Lợi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2015	24/07/2016	01369/15S69
30916	S69-34673			Nguyễn Phước Tráng	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03246/13S69
30917	S69-34674			Trương Quốc Sự	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03247/13S69
30918	S69-34675	CM-67086		Nguyễn Văn Thế	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2015	24/07/2016	01371/15S69
30919	S69-34676			Trần Văn Háo	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03249/13S69
30920	S69-34677			Nguyễn Văn Tạng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03250/13S69
30921	S69-34678			Tiết Minh Trí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03251/13S69
30922	S69-34679			Nguyễn Thanh Non	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03252/13S69
30923	S69-34680			Nguyễn Văn Phúc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03253/13S69
30924	S69-34681	CM-67092		Lê Văn Lâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01681/14S69
30925	S69-34682			Nguyễn Minh Ba	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03255/13S69
30926	S69-34683			Đặng Bích Nhiên	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03256/13S69
30927	S69-34684	CM-67093		Phan Thương Thơ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/06/2015	01688/14S69
30928	S69-34685			Lê Văn Hùng	TT. Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03258/13S69
30929	S69-34686	CM-67104		Ngô Hoàng Chiến	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02327/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30930	S69-34689			Hà Thanh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03262/13S69
30931	S69-34690			Huỳnh Hữu Phước	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2013	24/06/2014	03263/13S69
30932	S69-34691		GHE MÁY	Lê Kim Hằng	Khóm 5, Phường 8, Thành phố Cà Mau	27/06/2013	27/06/2014	03306/13S69
30933	S69-34692			Nguyễn Văn Nhân	xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	01/07/2013	01/07/2014	03311/13S69
30934	S69-34693			Nguyễn Văn Cồ	xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03312/13S69
30935	S69-34694			Nguyễn Văn Trắng	xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03313/13S69
30936	S69-34697			Trần Quốc Minh	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03316/13S69
30937	S69-34698			Trần Ngọc Cẩm	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03317/13S69
30938	S69-34699			Lê Tuấn Kiệt	xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03318/13S69
30939	S69-34700	CM-55135		Nguyễn Văn Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03531/14S69
30940	S69-34701			Ngô Văn Đương	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03320/13S69
30941	S69-34702			Lê Minh Tuấn	xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/01/2015	02033/14S69
30942	S69-34703			Mạch Đồng Tâm	xã Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03322/13S69
30943	S69-34704			Huỳnh Công Bằng	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03323/13S69
30944	S69-34705			Lê Hoàng Tịnh	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03324/13S69
30945	S69-34706	CM-55131		Huỳnh Văn Phúc	xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03179/14S69
30946	S69-34707			Nguyễn Vũ Phương	K4, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03326/13S69
30947	S69-34708	CM-52777		Lê Hoàng Suôi	xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	31/10/2014	31/10/2015	02856/14S69
30948	S69-34709	CM-55129		Hồ Tuấn Anh	xã Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02428/14S69
30949	S69-34710			Ngô Hoàng Hà	xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/06/2013	28/06/2014	03329/13S69
30950	S69-34711			Huỳnh Thanh Sơn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	01/07/2013	01/07/2014	03364/13S69
30951	S69-34714			Lâm Trương Vương	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	02/07/2013	02/07/2014	03384/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30952	S69-34715			Võ Văn Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	02/07/2013	02/07/2014	03389/13S69
30953	S69-34721			Cty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Cà Mau	Phường 6, Thành phố Cà Mau	03/07/2013	03/07/2014	03413/13S69
30954	S69-34722	CM-44161		Lại Văn Mạnh	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	13/05/2014	13/11/2014	01267/14S69
30955	S69-34723			Trần Văn ái	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	05/07/2013	05/07/2014	03423/13S69
30956	S69-34724	CM-44160		Lê Văn Kiến	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	27/06/2014	27/06/2015	01734/14S69
30957	S69-34726			Nguyễn Minh Trí	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03426/13S69
30958	S69-34727			Đặng Hoàng Hân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03427/13S69
30959	S69-34728			Thạch Hùng Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03428/13S69
30960	S69-34730			Lê Hoàng Thông	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03430/13S69
30961	S69-34731			Tạ Văn khởi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03431/13S69
30962	S69-34732			Lê Minh Cảnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/07/2013	04/07/2014	03432/13S69
30963	S69-34733			Phan Thanh Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/07/2013	04/07/2014	03433/13S69
30964	S69-34734			Lâm An	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03434/13S69
30965	S69-34735			Nguyễn Văn Tình	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03435/13S69
30966	S69-34736			Nguyễn Văn Năng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03436/13S69
30967	S69-34737	CM-67112		Nguyễn Văn Trãi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02242/14S69
30968	S69-34738			Nguyễn Trường Sơn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03438/13S69
30969	S69-34739			Trần Văn Ngõi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/07/2013	04/07/2014	03439/13S69
30970	S69-34740			Lê Hoàng Dư	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03440/13S69
30971	S69-34741			Nguyễn Thành Luân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03441/13S69
30972	S69-34742			Trang Thanh Lâm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03442/13S69
30973	S69-34743			Nguyễn Văn Cang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03443/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30974	S69-34744			Hồng Quang Thiện	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03444/13S69
30975	S69-34745			Đỗ Hoàng Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03445/13S69
30976	S69-34746			Nguyễn Sang Giàu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/07/2013	04/07/2014	03446/13S69
30977	S69-34747			Bùi Thanh Liêm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03467/13S69
30978	S69-34748			Trần Văn Lịch	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03468/13S69
30979	S69-34749			Huỳnh Thanh Bình	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03469/13S69
30980	S69-34750			Nguyễn Văn Tân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03470/13S69
30981	S69-34751			Trần Văn Hồ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03471/13S69
30982	S69-34752			Trần Văn út	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03472/13S69
30983	S69-34753			Phan Văn Vũ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03473/13S69
30984	S69-34754			Nguyễn Chí Linh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03474/13S69
30985	S69-34755			Lâm Hùng Em	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03475/13S69
30986	S69-34756			Nguyễn Văn Khúc	Văn An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03476/13S69
30987	S69-34757			Nguyễn Thanh Tươi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03477/13S69
30988	S69-34758			Nguyễn Văn Thiết	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2013	07/07/2014	03478/13S69
30989	S69-34759			Nguyễn Văn Đủ	xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	10/07/2013	10/07/2014	03480/13S69
30990	S69-34760			Nguyễn Minh Đức	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2013	10/07/2014	03484/13S69
30991	S69-34762			Phạm Văn BuôL	Tạ An khương, Huyện Đầm Dơi	11/07/2013	11/07/2014	03493/13S69
30992	S69-34763			Nguyễn Minh Sang	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2013	10/07/2014	03498/13S69
30993	S69-34764			Trần Văn Y	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	15/07/2013	15/07/2014	03504/13S69
30994	S69-34765			Lê Thị Chi	TT.Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03518/13S69
30995	S69-34766			Trần Tiến Lên	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03519/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
30996	S69-34767			Châu Văn Ẩn	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03520/13S69
30997	S69-34769			Trang Văn Khum	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03522/13S69
30998	S69-34770			Trần Văn Sơn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03523/13S69
30999	S69-34771			Trần Văn Kỳ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03524/13S69
31000	S69-34772			Ngô Minh Hiền	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03525/13S69
31001	S69-34773			Ngô Văn Tấn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/07/2013	12/07/2014	03526/13S69
31002	S69-34775			CTY TNHH Đức Tâm Hiệp	xã Khánh An, Huyện U Minh	15/07/2013	15/07/2014	03528/13S69
31003	S69-34776	CM-43971		Nguyễn Hoàng Phương	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	14/10/2014	14/10/2015	02778/14S69
31004	S69-34777			Ngô Minh Hoàng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	17/07/2013	17/07/2014	03533/13S69
31005	S69-34778			Đặng Văn Ly	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	17/07/2013	17/07/2014	03540/13S69
31006	S69-34779			Nguyễn Tấn Liêu	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	17/07/2013	17/07/2014	03541/13S69
31007	S69-34781			Đỗ Thanh Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	17/07/2013	17/07/2014	03546/13S69
31008	S69-34783			Dư Văn Lãng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	17/07/2013	17/07/2014	03549/13S69
31009	S69-34785	CM-98673		Lê Ngọc Hải	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	26/02/2016	26/08/2016	00440/16S69
31010	S69-34787			Nguyễn Tấn Thùy	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	19/07/2013	19/07/2014	03572/13S69
31011	S69-34789			Trần Cao Tuấn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03580/13S69
31012	S69-34790			Lê Văn Le	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03581/13S69
31013	S69-34791			Văn Trọng Tín	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03582/13S69
31014	S69-34793			Nguyễn Văn Đầu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03584/13S69
31015	S69-34794			Hồ Văn Diễn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03585/13S69
31016	S69-34796			Nguyễn Tuấn Em	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03587/13S69
31017	S69-34797			Trương Minh Tiến	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2013	20/07/2014	03588/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31018	S69-34798			Phan Hoàng Nam	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	22/07/2013	22/07/2014	03615/13S69
31019	S69-34801	CM-98672		Lương Văn Nô	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	15/09/2015	15/03/2016	01778/15S69
31020	S69-34803	CM-98667		Ngô Văn Đẹp	Phường 8, Thành phố Cà Mau	04/08/2014	04/08/2015	02110/14S69
31021	S69-34804	CM-98668		Ngô Văn Hiểu	Tam Giang, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02374/14S69
31022	S69-34807	CM-98670		Nguyễn Nhật Trường	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	02/07/2015	02/07/2016	01203/15S69
31023	S69-34808			Trần Văn Dũng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	24/07/2013	24/07/2014	03637/13S69
31024	S69-34809			Tiết Văn Dũng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03638/13S69
31025	S69-34810	CM-62202		Nguyễn Minh Đương	Tam Giang, Huyện Năm Căn	24/01/2015	24/01/2016	00191/15S69
31026	S69-34811			Nguyễn Hữu Mạnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03640/13S69
31027	S69-34812			Phạm Văn Nghé	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03641/13S69
31028	S69-34813			Tạ Phương Đông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2013	24/07/2014	03642/13S69
31029	S69-34814	CM-67137		Nguyễn Văn Hòa	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03460/14S69
31030	S69-34817			Trần Văn Ngon	TT.U Minh, Huyện U Minh	25/07/2013	25/07/2014	03664/13S69
31031	S69-34818			Trần Văn Chuôi	TT. UMinh, Huyện U Minh	25/07/2013	25/07/2014	03665/13S69
31032	S69-34820	CM-98635		Duy Văn Khâm	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	21/07/2014	21/07/2015	01860/14S69
31033	S69-34821			Huỳnh Văn Lợi	Tân Hải, Huyện Phú Tân	29/07/2013	29/07/2014	03673/13S69
31034	S69-34822			Lê Trường Sơn	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	29/07/2013	29/07/2014	03674/13S69
31035	S69-34823			Nguyễn Bé Tư	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	29/07/2013	29/07/2014	03675/13S69
31036	S69-34825	CM- 98674		Nguyễn Minh Thức	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	10/09/2015	10/03/2016	01728/15S69
31037	S69-34827	CM-43420		Huỳnh Văn Danh	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	04/08/2014	04/08/2015	02107/14S69
31038	S69-34828			Lê Hoàng Minh	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	29/07/2013	29/07/2014	03685/13S69
31039	S69-34831			Lâm Quốc Kiệt	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03694/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31040	S69-34833			Trương Văn Quốc	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03696/13S69
31041	S69-34834			Lâm Hoàng Nam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03697/13S69
31042	S69-34835			Trương Văn Phúc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/07/2013	28/07/2014	03698/13S69
31043	S69-34837	CM-55145		Trương Hoàng Phê	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03142/14S69
31044	S69-34843	CM-67142		Nguyễn Chí Linh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/02/2015	09/02/2016	00300/15S69
31045	S69-34844	CM-67133		Nguyễn Quốc Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02332/14S69
31046	S69-34846	CM-44173		Trần Quốc ái	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/08/2014	12/08/2015	02174/14S69
31047	S69-34847			Trần Tây Nguyên	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	01/08/2013	01/08/2014	03741/13S69
31048	S69-34849			Cao Thanh Mộng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/08/2013	01/08/2014	03763/13S69
31049	S69-34850			Võ Quang Hải	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	02/08/2013	02/08/2014	03764/13S69
31050	S69-34851			Vưu Hoàng Nam	Khóm II, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	02/08/2013	02/08/2014	03765/13S69
31051	S69-34853			Trần Văn Toàn	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	05/08/2013	05/08/2014	03771/13S69
31052	S69-34855			Phạm Văn Dũng	Tân Phú, Huyện Thới Bình	06/08/2013	06/08/2014	03777/13S69
31053	S69-34857			Văn Công Giữ	Tân Phú, Huyện Thới Bình	06/08/2013	06/08/2014	03779/13S69
31054	S69-34858			Bùi Thanh Chào	Trí Phải, Huyện Thới Bình	06/08/2013	06/08/2014	03780/13S69
31055	S69-34861			Chem Minh Đường	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	09/08/2013	09/08/2014	03800/13S69
31056	S69-34862			Lâm Hoàng Toán	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	07/08/2013	07/08/2014	03801/13S69
31057	S69-34863			Ngô Thiện Tính	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	08/08/2013	08/08/2014	03803/13S69
31058	S69-34865			Quách Sùng	Phường 1, Thành phố Cà Mau	08/08/2013	08/08/2014	03808/13S69
31059	S69-34866			Quách Thị Kim Hạnh	Phường 1, Thành phố Cà Mau	08/08/2013	08/08/2014	03809/13S69
31060	S69-34870	CM-98631		Lê Chí Tâm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	06/07/2015	06/07/2016	01238/15S69
31061	S69-34871	CM-98632		Huỳnh Văn Hùng	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/08/2014	04/08/2015	02117/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31062	S69-34876			Võ Minh Tuấn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03828/13S69
31063	S69-34877	CM-90753		Hà Minh Đức	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2014	10/08/2015	02152/14S69
31064	S69-34878			Lê Văn Lớn	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	12/08/2013	12/08/2014	03830/13S69
31065	S69-34879		MINH PHÚ	Công Ty CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	12/08/2013	12/08/2014	03847/13S69
31066	S69-34880	CM-44174		Võ Thành Nghê	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	25/09/2014	25/09/2015	02638/14S69
31067	S69-34881	CM-44180		Nguyễn Văn Thương	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2014	12/09/2015	02528/14S69
31068	S69-34883	CM-98682		Đặng Minh Khởi	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	28/07/2015	28/07/2016	01416/15S69
31069	S69-34884			Trần Minh Hiền	Đông Thới, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03863/13S69
31070	S69-34887			Đỗ Hùng Sanh	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/08/2013	14/08/2014	03868/13S69
31071	S69-34888			Trần Ngọc Huy	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03871/13S69
31072	S69-34889			Nguyễn Văn Luận	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03872/13S69
31073	S69-34891			Nguyễn Tấn Triều	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	14/08/2013	14/08/2014	03874/13S69
31074	S69-34894			Huỳnh Thanh Tú	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	16/08/2013	16/08/2014	03899/13S69
31075	S69-34895	CM-72478		Nguyễn Thanh Trung	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	29/09/2014	29/09/2015	02645/14S69
31076	S69-34896			Trần Hoàng Vũ	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	19/08/2013	19/08/2014	03918/13S69
31077	S69-34897			Phan Minh Sự	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	21/08/2013	21/08/2014	03933/13S69
31078	S69-34898			Lê Hoài Phương	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/08/2013	20/08/2014	03935/13S69
31079	S69-34899	CM-98647		Nguyễn Văn Được	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2014	20/09/2015	02592/14S69
31080	S69-34900			Phan Thanh Tươi	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/08/2013	20/08/2014	03937/13S69
31081	S69-34901			Nguyễn Vũ Phương	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/08/2013	20/08/2014	03938/13S69
31082	S69-34902			Phạm Văn Vớ	TT. Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03939/13S69
31083	S69-34903	CM-62212		Tô Minh Tân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/07/2014	20/07/2015	01938/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31084	S69-34904			Bùi Văn Tùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03941/13S69
31085	S69-34905			Lâm Thế Kiệt	TT. Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03942/13S69
31086	S69-34907	CM-62704		Châu Văn Hải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	20/08/2014	20/08/2015	02292/14S69
31087	S69-34908			Dương Hoàng Phương	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03945/13S69
31088	S69-34909			Trần Minh Luân	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03946/13S69
31089	S69-34910			Huỳnh Nhựt	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03947/13S69
31090	S69-34911			Trần Thanh Hùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03948/13S69
31091	S69-34912			Nguyễn Văn Gòn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/08/2013	20/08/2014	03949/13S69
31092	S69-34914	CM-98633		Võ Văn Mạnh	Tam Giang, Huyện Năm Căn	24/09/2014	24/09/2015	02630/14S69
31093	S69-34915			Trương Văn Bảy	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	22/08/2013	22/08/2014	03984/13S69
31094	S69-34916			Huỳnh Văn Trúc	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	22/08/2013	22/08/2014	03985/13S69
31095	S69-34917			Nguyễn Minh Tâm	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	22/08/2013	22/08/2014	03986/13S69
31096	S69-34919	CM- 72479		CTy TNHH MTV Xây Dựng Anh Thư CM	Khóm 2, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/12/2014	16/12/2015	03350/14S69
31097	S69-34922			Thạch Thanh Tùng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04003/13S69
31098	S69-34923			Đỗ Văn Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04004/13S69
31099	S69-34924			Nguyễn Văn Dương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04005/13S69
31100	S69-34925			Trương Châu Em	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04006/13S69
31101	S69-34927			Nguyễn Anh Liệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04008/13S69
31102	S69-34930			Lữ út Em	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04011/13S69
31103	S69-34931			Võ Văn Chính	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04012/13S69
31104	S69-34933	CM-67149		Phan Văn Đờm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02243/14S69
31105	S69-34934	CM-67148		Nguyễn Quốc Cường	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02331/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31106	S69-34935			Đặng Vũ Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04016/13S69
31107	S69-34937			Nguyễn Văn Tảng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04018/13S69
31108	S69-34938			Trần Thanh Đẹp	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04019/13S69
31109	S69-34939			Nguyễn Hữu Phước	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2013	24/08/2014	04020/13S69
31110	S69-34941			CTY TNHH XLĐ Và TM Trương Mỹ Kim	440 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Cà Mau	26/08/2013	26/08/2014	04035/13S69
31111	S69-34944			Dương Tấn Tài	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04048/13S69
31112	S69-34945			Đỗ út Dừa	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04049/13S69
31113	S69-34946			Nguyễn Quốc Khải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04050/13S69
31114	S69-34947			Văn Hoàng Diễn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04051/13S69
31115	S69-34948			Nguyễn Văn Đạt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04052/13S69
31116	S69-34949			Trần Văn Linh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04053/13S69
31117	S69-34950			Trần Quốc Đội	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04054/13S69
31118	S69-34951			Lê Công Lý	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04055/13S69
31119	S69-34952	CM-62229		Thái Thành Nghiệp	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02381/14S69
31120	S69-34953	CM-62230		Võ Thanh Hải	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	12/09/2014	12/09/2015	02533/14S69
31121	S69-34954			Đỗ Văn Cù	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04058/13S69
31122	S69-34956			Nguyễn Hoàng Giang	Tam Giang, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04060/13S69
31123	S69-34957			Lương Minh Thái	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04061/13S69
31124	S69-34958			Nguyễn Văn Bằng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04062/13S69
31125	S69-34959	CM-62219		Trần Minh Dương	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02389/14S69
31126	S69-34960	CM-62218		Lê Việt Tân	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	27/08/2014	27/08/2015	02394/14S69
31127	S69-34961			Huỳnh Chí Tính	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04065/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31128	S69-34962			Nguyễn Văn Triều	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04066/13S69
31129	S69-34963			Trần Thanh Tú	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	26/08/2013	26/08/2014	04067/13S69
31130	S69-34964			Nguyễn Công Toàn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	28/08/2013	28/08/2014	04096/13S69
31131	S69-34965			Võ Văn Lợi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	28/08/2013	28/08/2014	04097/13S69
31132	S69-34966			Nguyễn Hải Đăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	28/08/2013	28/08/2014	04098/13S69
31133	S69-34967			Trần Quốc Khởi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	28/08/2013	28/08/2014	04099/13S69
31134	S69-34968			Phạm Cao Phổ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	28/08/2013	28/08/2014	04100/13S69
31135	S69-34970			Lâm Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04103/13S69
31136	S69-34972			Lâm Văn Sơn	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04106/13S69
31137	S69-34973			Phan Huỳnh Hưng	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04107/13S69
31138	S69-34974			Lê Văn Tèo	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04108/13S69
31139	S69-34975			Lê Quốc Việt	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04109/13S69
31140	S69-34976			Dương Chí Thanh	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04110/13S69
31141	S69-34978			Quách Văn Việt	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04112/13S69
31142	S69-34979			Nguyễn Minh Dự	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/08/2013	28/08/2014	04113/13S69
31143	S69-34980			Trần Chí Công	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	28/08/2013	28/08/2014	04114/13S69
31144	S69-34981			Dương Hoàng Nhức	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04118/13S69
31145	S69-34982			Lý Họt	Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	28/08/2013	28/08/2014	04119/13S69
31146	S69-34983			Lê Chí Linh	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04120/13S69
31147	S69-34984	CM-55159		Phạm Trường Giang	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	31/10/2014	31/10/2015	02858/14S69
31148	S69-34985	CM-55158		Trần Văn Thảo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/09/2014	28/09/2015	02660/14S69
31149	S69-34986	CM-55157		Trần Văn Sóc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02411/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31150	S69-34987			Phạm Văn Đông	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04124/13S69
31151	S69-34989			Phan Minh Đời	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04126/13S69
31152	S69-34990			Phạm Chí Bền	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04127/13S69
31153	S69-34991	CM-55152		Hồ Hữu Tính	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03538/14S69
31154	S69-34992	CM-55151		Trịnh Minh Trang	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02425/14S69
31155	S69-34993			Trương Hùng Cường	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04130/13S69
31156	S69-34995			Cao Minh Cảnh	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04132/13S69
31157	S69-34996			Phạm Thương Tính	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04133/13S69
31158	S69-35001			Đặng Phước Sinh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	05/09/2013	05/09/2014	04193/13S69
31159	S69-35002			Võ Minh Oai	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04209/13S69
31160	S69-35003	CM-67186		Nguyễn Văn Đây	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/08/2014	11/08/2015	02163/14S69
31161	S69-35004			Phạm Khánh Duy	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04211/13S69
31162	S69-35005			Tô Minh Hương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04212/13S69
31163	S69-35006			Nguyễn Hoàng Phong	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04213/13S69
31164	S69-35007			Bùi Văn Thế	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04214/13S69
31165	S69-35008			Nguyễn Quốc Trung	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04215/13S69
31166	S69-35009			Quách Chí Đức	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04216/13S69
31167	S69-35010			Nguyễn Văn Đăng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04217/13S69
31168	S69-35011			Nguyễn Thanh Phộ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04218/13S69
31169	S69-35012			Nguyễn Đồng Khởi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04219/13S69
31170	S69-35014			Quách Hồng Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04221/13S69
31171	S69-35015			Dương Hoàng Tú	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04222/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31172	S69-35016			Nguyễn Hùng Thắng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04223/13S69
31173	S69-35017			Nguyễn Văn Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04224/13S69
31174	S69-35018			Lê Văn Diệu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04225/13S69
31175	S69-35019			Huỳnh Linh Trí	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04226/13S69
31176	S69-35020			Huỳnh Văn Phước	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04227/13S69
31177	S69-35021			Huỳnh Văn Đẹp	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04228/13S69
31178	S69-35022			Trần Văn Nhân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04229/13S69
31179	S69-35023			Nguyễn Văn Tình	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04230/13S69
31180	S69-35024			Lâm Đồng Khởi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04231/13S69
31181	S69-35025			Nguyễn Văn Việt	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04232/13S69
31182	S69-35026			Trần Hoàng Hải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04233/13S69
31183	S69-35027			Lương Văn Xuân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04234/13S69
31184	S69-35028			Nguyễn Quốc Trọng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04235/13S69
31185	S69-35029			Nguyễn Thanh Sơn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04236/13S69
31186	S69-35030			Hoàng Ngọc Long	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2014	24/11/2015	03080/14S69
31187	S69-35031			Phạm Hữu Tính	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04238/13S69
31188	S69-35032			Trần Văn út	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04239/13S69
31189	S69-35033			Nguyễn Văn Dól	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04240/13S69
31190	S69-35034			Lê Công Đảo	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04241/13S69
31191	S69-35035			Sơn Văn Thu	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04242/13S69
31192	S69-35036			Võ Văn Tú	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04243/13S69
31193	S69-35037			Nguyễn Văn Trấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04244/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31194	S69-35038			Ngô Hồng Khanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04245/13S69
31195	S69-35039			Lê Tấn Lợi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04246/13S69
31196	S69-35040			Võ Văn Huấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04247/13S69
31197	S69-35041			Hồ Văn Thái	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04248/13S69
31198	S69-35042			Huỳnh Văn Oanh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04249/13S69
31199	S69-35043			Đỗ Văn Lăng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04250/13S69
31200	S69-35044			Nguyễn Văn Dũng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04251/13S69
31201	S69-35046			Mai Quốc Khánh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/09/2013	05/09/2014	04253/13S69
31202	S69-35047	CM-88204		Hội Chữ Thập Đỏ Xã Khánh Hội	Khánh Hội, Huyện U Minh	07/05/2015	07/05/2016	00857/15S69
31203	S69-35048			Lương Văn Bộ	Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	10/09/2013	10/09/2014	04269/13S69
31204	S69-35049	CM-98642		Hồ Văn Ky	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	18/09/2014	18/09/2015	02558/14S69
31205	S69-35050			Tạ Văn út	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2013	10/09/2014	04272/13S69
31206	S69-35051			Phù Quốc Anh	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2013	10/09/2014	04273/13S69
31207	S69-35052			Nguyễn Văn Phương	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2013	10/09/2014	04274/13S69
31208	S69-35053			Lê Văn Tuấn	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	11/09/2013	11/09/2014	04283/13S69
31209	S69-35056			Trần Văn Quận	TT U Minh, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04290/13S69
31210	S69-35057			Nguyễn Văn Bắc	Khánh Lâm, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04291/13S69
31211	S69-35058			Nguyễn Minh Tâm	TT U Minh, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04292/13S69
31212	S69-35060			Châu Thị Tố Linh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04294/13S69
31213	S69-35061	CM-88238		Trần Văn Giao	Khánh Hội, Huyện U Minh	18/09/2015	18/03/2016	01787/15S69
31214	S69-35063			Châu Thị Tố Linh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	18/11/2014	18/11/2015	03022/14S69
31215	S69-35064			Nguyễn Thanh Hùng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04298/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31216	S69-35065			Đào Kim Đồng	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04299/13S69
31217	S69-35066			Huỳnh Văn Phúc	TT U Minh, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04300/13S69
31218	S69-35067			Đinh Trọng Bình	TT U Minh, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04301/13S69
31219	S69-35068			Bùi Văn Trung	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04302/13S69
31220	S69-35070			Nguyễn Văn Lắng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04307/13S69
31221	S69-35071			Huỳnh Văn Linh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04308/13S69
31222	S69-35072			Đào Chí Tâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04309/13S69
31223	S69-35073			Nguyễn Thị Dân	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04310/13S69
31224	S69-35074			Phạm Hoài Hận	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04311/13S69
31225	S69-35075			Nguyễn Văn Nghiệm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04312/13S69
31226	S69-35076			Nguyễn Văn Danh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04313/13S69
31227	S69-35077			Lê Văn Đen	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04314/13S69
31228	S69-35078			Phạm Văn Bảo	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04315/13S69
31229	S69-35079			Phạm Thắng Lợi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04316/13S69
31230	S69-35080			Võ Văn Lý	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04317/13S69
31231	S69-35081			Huỳnh Văn Tâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04318/13S69
31232	S69-35082			Lê Hoàng Diễn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04319/13S69
31233	S69-35083			Hồ Văn Đẹt	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04320/13S69
31234	S69-35084			Lý Chí An	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04321/13S69
31235	S69-35085			Lê Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04322/13S69
31236	S69-35086			Mai Tuấn Anh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04323/13S69
31237	S69-35087			Vũ Văn Định	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04324/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31238	S69-35088			Vũ Văn Phúc	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04325/13S69
31239	S69-35089			Trần Văn út	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04326/13S69
31240	S69-35090			Huỳnh Trọng Hiếu	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04327/13S69
31241	S69-35091			Quách Văn Lĩnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04328/13S69
31242	S69-35092			Lê Thanh Tuấn	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04329/13S69
31243	S69-35093			Lê Văn Thi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04330/13S69
31244	S69-35094			Trần Quốc Nam	Khánh Thuận, Huyện U Minh	11/09/2013	11/09/2014	04331/13S69
31245	S69-35098			Trương Thanh Kiều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2013	13/09/2014	04355/13S69
31246	S69-35101			Cao Minh Khả	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04364/13S69
31247	S69-35103			Nguyễn Quốc Tế	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04366/13S69
31248	S69-35104			Đinh Hoàng Triệu	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	16/09/2013	16/09/2014	04367/13S69
31249	S69-35105			Trần Văn Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04369/13S69
31250	S69-35106			Nguyễn Văn Cương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04370/13S69
31251	S69-35107			Nguyễn Văn Cao	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04371/13S69
31252	S69-35109			Nguyễn Thanh Vũ	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04373/13S69
31253	S69-35111	CM-67210		Thái Thanh Sang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	07/03/2015	07/03/2016	00358/15S69
31254	S69-35113			Nguyễn Văn Phương	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04377/13S69
31255	S69-35115			Phan Văn Xị	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	13/09/2013	13/09/2014	04379/13S69
31256	S69-35117			Nguyễn Thanh Phong	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	16/09/2013	16/09/2014	04390/13S69
31257	S69-35118			Huỳnh Thanh Khấp	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/09/2013	16/09/2014	04391/13S69
31258	S69-35119	CM-98687		Nguyễn Ngọc Tuấn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	14/01/2015	14/01/2016	00078/15S69
31259	S69-35120			Nguyễn Minh Khương	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	17/09/2013	17/09/2014	04397/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31260	S69-35122			Ngô Văn Thanh	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	25/09/2014	25/09/2015	02637/14S69
31261	S69-35123			Nguyễn Thị Hồng Thắm	ấp Chông Mỹ B, xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	17/09/2013	17/09/2014	01550/13V62
31262	S69-35124			Nguyễn Trung Tính	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	17/09/2013	17/09/2014	04403/13S69
31263	S69-35125			Nguyễn Văn Hào	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	18/09/2013	18/09/2014	04410/13S69
31264	S69-35126			Võ Văn Dương	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	19/09/2013	19/09/2014	04417/13S69
31265	S69-35127			Huỳnh Văn Tinh	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	19/09/2013	19/09/2014	04418/13S69
31266	S69-35128			Huỳnh Văn Tâm	Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/09/2013	19/09/2014	04419/13S69
31267	S69-35129			Hồng Văn Dạng	Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/09/2013	19/09/2014	04420/13S69
31268	S69-35130			Nguyễn Quốc Lương	Khánh Thuận, Huyện U Minh	19/09/2013	19/09/2014	04421/13S69
31269	S69-35132			Nguyễn Văn Tác	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/09/2013	20/09/2014	04432/13S69
31270	S69-35133			Trần Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2013	20/09/2014	04433/13S69
31271	S69-35134			Nguyễn Việt Khái	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	20/09/2013	20/09/2014	04434/13S69
31272	S69-35136			Nguyễn Lê Văn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2013	20/09/2014	04436/13S69
31273	S69-35138			Lâm Bảo Xuyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04438/13S69
31274	S69-35139			Nguyễn Chí Linh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04439/13S69
31275	S69-35140	CM-62244		Huỳnh Văn út	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2014	20/10/2015	02801/14S69
31276	S69-35142	CM-62246		Lê Chí Nguyên	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2014	20/09/2015	02595/14S69
31277	S69-35146			Nguyễn Vũ Bằng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04446/13S69
31278	S69-35147	CM-62239		Lê Văn Tèo	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/12/2014	20/12/2015	03399/14S69
31279	S69-35149			Hồng Ngọc Thắng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/09/2013	20/09/2014	04449/13S69
31280	S69-35150	CM-62243		Đồng Minh Lực	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/05/2015	20/05/2016	00940/15S69
31281	S69-35151			Tô Văn Lê	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04485/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31282	S69-35153			Dương út Nhỏ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04491/13S69
31283	S69-35154			Lê Kha Ly	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04492/13S69
31284	S69-35155			Nguyễn Băng Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04493/13S69
31285	S69-35156			Nguyễn Văn Quốc	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04494/13S69
31286	S69-35157			Đặng Văn Lắm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04495/13S69
31287	S69-35159			Lê Bé Em	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2013	24/09/2014	04497/13S69
31288	S69-35160			Nguyễn Tấn Huynh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	25/09/2013	25/09/2014	04522/13S69
31289	S69-35161			Nguyễn Hoàng Trãi	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	25/09/2013	25/09/2014	04525/13S69
31290	S69-35166	CM-98711		Tăng Vũ Sơn	Khóm 5 Phường 6, Thành phố Cà Mau	30/01/2015	30/01/2016	00287/15S69
31291	S69-35168	CM-55160		Phan Văn Liệt	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2014	28/12/2015	03523/14S69
31292	S69-35169	CM-55162		Nguyễn Văn Sơn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00264/15S69
31293	S69-35173	CM-55166		Bùi Trung Thới	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00224/15S69
31294	S69-35176	CM-98708		Nguyễn Văn Vũ	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	02/07/2015	02/01/2016	01202/15S69
31295	S69-35184	CM-98707		Mai Văn Hận	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	06/10/2014	06/10/2015	02728/14S69
31296	S69-35192	CM-88244		Ngô Văn Gil	Khánh Tiến, Huyện U Minh	28/04/2014	28/10/2014	01128/14S69
31297	S69-35193	CM-88243		Ngô Văn Gil	Khánh Tiến, Huyện U Minh	28/04/2014	28/10/2014	01129/14S69
31298	S69-35202		Trệt chở hàng	Nguyễn Minh Nhiều	Xã Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	03/10/2013	03/10/2014	00263/13S65
31299	S69-35214	CM-90763		Võ Minh Vẹn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2015	10/06/2016	01076/15S69
31300	S69-35220	CM-98697		Võ Văn Phương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/06/2015	10/06/2016	01078/15S69
31301	S69-35255	CM-88139		Đào Vũ Minh	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	21/10/2014	21/10/2015	02820/14S69
31302	S69-35384			Trương Phương Bắc	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04929/13S69
31303	S69-35385			Hồ Bé Như	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	16/10/2013	16/10/2014	04930/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31304	S69-35386			Trần Việt Sô	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	16/10/2013	16/10/2014	04931/13S69
31305	S69-35387			Dương Minh Sang	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	16/10/2013	16/10/2014	04932/13S69
31306	S69-35388			Lê Minh Hùng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	16/10/2013	16/10/2014	04933/13S69
31307	S69-35389			Lê Minh Xuyên	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	16/10/2013	16/10/2014	04934/13S69
31308	S69-35391	CM-		Trần Văn Són	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	16/10/2013	16/10/2014	04936/13S69
31309	S69-35392			Huỳnh Văn Nhuận	Phường 5, Thành phố Cà Mau	18/10/2013	18/10/2014	04958/13S69
31310	S69-35394			Trương Ngọc ản	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04960/13S69
31311	S69-35395			Phan Việt Sinh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04961/13S69
31312	S69-35396			Nguyễn Hoàng Sơn	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04962/13S69
31313	S69-35397			Nguyễn Khải Em	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04963/13S69
31314	S69-35398			Lê Văn Tăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04964/13S69
31315	S69-35399			Lê Văn Tăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04965/13S69
31316	S69-35400			Nguyễn Văn Láp	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04966/13S69
31317	S69-35401			Huỳnh Thanh Hải	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04967/13S69
31318	S69-35402			Nguyễn Văn Thảo	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04968/13S69
31319	S69-35403			Nguyễn Văn út	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04969/13S69
31320	S69-35404			Trần Văn út	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04970/13S69
31321	S69-35405			Nguyễn Việt Thắng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04971/13S69
31322	S69-35406			Nguyễn Văn Tươi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04972/13S69
31323	S69-35407			Nguyễn Văn Tám	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04973/13S69
31324	S69-35408			Nguyễn Hòa Anh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04974/13S69
31325	S69-35409			Phùng Đình An	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04975/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31326	S69-35410			Nguyễn Văn Lợi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04976/13S69
31327	S69-35411			Nguyễn Thanh Hùng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04977/13S69
31328	S69-35412			Nguyễn Quốc Giàu	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04978/13S69
31329	S69-35414			Diệp Hải Đăng	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04980/13S69
31330	S69-35415			Lê Văn Đà	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04981/13S69
31331	S69-35416			Nguyễn Văn Tài	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04982/13S69
31332	S69-35417			Lê Ngọc Kênh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04983/13S69
31333	S69-35418			Cao Thái Hải	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04984/13S69
31334	S69-35419	CM-67232		Tiết Văn Bình	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01650/15S69
31335	S69-35420			Hồ Thanh Quân	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04986/13S69
31336	S69-35421			Huỳnh Văn Hung	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04987/13S69
31337	S69-35422	CM-67254		Lý Văn Nông	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01657/15S69
31338	S69-35423			Nguyễn Thị Diễm	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04989/13S69
31339	S69-35424			Ngô Thanh Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04990/13S69
31340	S69-35425			Phạm Văn Hợp	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04991/13S69
31341	S69-35426			Nguyễn Tấn Đậu	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	04992/13S69
31342	S69-35429	CM-67253		Ban QL rừng phòng hộ Đất Mũi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01672/15S69
31343	S69-35430	CM-67252		Ban QL rừng phòng hộ Đất Mũi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01675/15S69
31344	S69-35434	CM-67248		Ban QL rừng phòng hộ Đất Mũi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01669/15S69
31345	S69-35435	CM-67247		Ban QL rừng phòng hộ Đất Mũi	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	29/08/2015	29/08/2016	01674/15S69
31346	S69-35436			Nguyễn Tiến Dũng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	17/10/2013	17/10/2014	05002/13S69
31347	S69-35437			Vũ Đình Khu	Đất Mũi, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/04/2014	05020/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31348	S69-35438			Lê Tuấn Lực	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05021/13S69
31349	S69-35439			Lê Văn Sĩ	TT. Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05022/13S69
31350	S69-35440			Nguyễn Thanh Liêm	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	20/10/2013	20/10/2014	05023/13S69
31351	S69-35441	CM-62256		Nguyễn Tiến Văn	TT. Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/12/2014	20/12/2015	03407/14S69
31352	S69-35442	CM-62257		Lê Văn Nhở	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/10/2014	20/10/2015	02806/14S69
31353	S69-35443	CM-62258		Tạ Hoàng Anh	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	20/10/2014	20/10/2015	02813/14S69
31354	S69-35444			Trịnh Tấn Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05048/13S69
31355	S69-35445			Trần Văn Ngở	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05049/13S69
31356	S69-35446			Trần Văn Nhật	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05050/13S69
31357	S69-35447			Nguyễn Phú Quốc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05051/13S69
31358	S69-35448			Nguyễn Thị Hà	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05052/13S69
31359	S69-35450			Trần Văn Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05054/13S69
31360	S69-35451			Huỳnh Văn Hoàng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05055/13S69
31361	S69-35452			Quách Văn Thi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05056/13S69
31362	S69-35453			Phạm Công Khanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05057/13S69
31363	S69-35454			Trần Thái Phong	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05058/13S69
31364	S69-35455			Hà Ô Minh Don	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05059/13S69
31365	S69-35456			Ngô Thị Nương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05060/13S69
31366	S69-35457			Trần Thanh Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05061/13S69
31367	S69-35458			Trần Minh Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05062/13S69
31368	S69-35459			Lê Đình Quyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05063/13S69
31369	S69-35460			Nguyễn Minh Thanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05064/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31370	S69-35461			Trần Minh Cảnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05065/13S69
31371	S69-35462			Trần Văn Hoài	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05066/13S69
31372	S69-35463			Nguyễn Minh Nhật	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05067/13S69
31373	S69-35464			Huỳnh Ngọc Trọng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05068/13S69
31374	S69-35465			Lê Hoàng Ân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05069/13S69
31375	S69-35466			Dư Hồng Nhi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05070/13S69
31376	S69-35467			Nguyễn Văn Cuộc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05071/13S69
31377	S69-35468			Nguyễn Minh Đời	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05072/13S69
31378	S69-35469			Lê Văn Tiến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05073/13S69
31379	S69-35470			Châu Quốc Thanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05074/13S69
31380	S69-35471			Nguyễn Đăng Thuận	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05075/13S69
31381	S69-35472			Quách Ngọc Bích	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05076/13S69
31382	S69-35474			Nguyễn Sa Lem	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05078/13S69
31383	S69-35475			Châu Phú Quý	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05079/13S69
31384	S69-35476			Trương Văn Đến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05080/13S69
31385	S69-35477			Tô Hồng Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05081/13S69
31386	S69-35478			Nguyễn Văn Việt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05082/13S69
31387	S69-35479			Hà Văn Minh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05083/13S69
31388	S69-35480			Ngô Trường Lâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05084/13S69
31389	S69-35481			Đinh Minh Đạt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05085/13S69
31390	S69-35482			Nguyễn Hoài Hận	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05086/13S69
31391	S69-35483			Trương Thanh Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05087/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31392	S69-35484			Phạm Minh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05088/13S69
31393	S69-35485			Lê Phước Tòng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05089/13S69
31394	S69-35486			Huỳnh Văn Quang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05090/13S69
31395	S69-35487			Nguyễn Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05091/13S69
31396	S69-35488			Trương Văn Sĩ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05092/13S69
31397	S69-35489			Nguyễn Thị Lý	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05093/13S69
31398	S69-35490			Huỳnh Văn Tân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05094/13S69
31399	S69-35491			Nguyễn Văn Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05095/13S69
31400	S69-35492			Nguyễn Văn Thành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05096/13S69
31401	S69-35493			Lê Quang Trừ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05097/13S69
31402	S69-35494			Trần Bửu Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05098/13S69
31403	S69-35495			Đặng Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05099/13S69
31404	S69-35496			Phan Văn Điền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05100/13S69
31405	S69-35497			Lê Hòa Hợp	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05101/13S69
31406	S69-35498			Nguyễn Văn Hồng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05102/13S69
31407	S69-35499			Nguyễn Văn Dân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05103/13S69
31408	S69-35500			Trần Bé Một	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05104/13S69
31409	S69-35501			Huỳnh Ngọc Lợi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05105/13S69
31410	S69-35502			Tạ Hoàng Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05106/13S69
31411	S69-35503			Trần Văn Truyền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05107/13S69
31412	S69-35504			Đỗ Văn Mười	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05108/13S69
31413	S69-35505			Thái Đoàn Thanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05109/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31414	S69-35507			Võ Công Thành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05111/13S69
31415	S69-35508			Nguyễn Thanh Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05112/13S69
31416	S69-35509			Ngô Phương Tâm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05113/13S69
31417	S69-35510			Đỗ Văn Linh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05114/13S69
31418	S69-35511			Nguyễn Văn Lệ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05115/13S69
31419	S69-35512			Hứa Văn Điển	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05116/13S69
31420	S69-35513	CM-67422		Tạ Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/01/2015	20/01/2016	00162/15S69
31421	S69-35514			Trần Tân Xuyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05118/13S69
31422	S69-35515			Lê Minh Thành	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05119/13S69
31423	S69-35517			Trần Văn Hóa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05121/13S69
31424	S69-35518			Tạ Phương Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05122/13S69
31425	S69-35519			Trương Minh Tam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05123/13S69
31426	S69-35520			Trần Văn Trọng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05124/13S69
31427	S69-35521			Lâm Tuấn Em	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05125/13S69
31428	S69-35522			Nguyễn Thị Lệ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05126/13S69
31429	S69-35523			Liên Trung Kiên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05127/13S69
31430	S69-35524			Nguyễn Ngọc Thơ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05128/13S69
31431	S69-35525			Thái Việt Khái	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05129/13S69
31432	S69-35526			Lê Văn Bảy	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05130/13S69
31433	S69-35527			Trương Văn Liêm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05131/13S69
31434	S69-35528			Nguyễn Văn Trình	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05132/13S69
31435	S69-35529			Cao Thanh Tiệp	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05133/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31436	S69-35530			Đặng Trường Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05134/13S69
31437	S69-35531			Lê Minh Đương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05135/13S69
31438	S69-35532			Võ Hoàng Mến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05136/13S69
31439	S69-35533			Trương Văn Hiểu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05137/13S69
31440	S69-35534			Nguyễn Quốc Toại	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05138/13S69
31441	S69-35535			Đặng Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05139/13S69
31442	S69-35536			Huỳnh Văn Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05140/13S69
31443	S69-35537			Nguyễn Văn Thế	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05141/13S69
31444	S69-35538			Nguyễn Văn ý	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05142/13S69
31445	S69-35539			Huỳnh Phước Học	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05143/13S69
31446	S69-35540			Huỳnh Công Hánh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05144/13S69
31447	S69-35541			Cao Thanh Hồng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05145/13S69
31448	S69-35542			Nguyễn Văn Cơ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05146/13S69
31449	S69-35543			Nguyễn Văn Tân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05147/13S69
31450	S69-35544			Nguyễn Văn Đệ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05148/13S69
31451	S69-35545			Nguyễn Văn Nghiệp	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05149/13S69
31452	S69-35546			Huỳnh Văn Bưu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05150/13S69
31453	S69-35547			Huỳnh Văn Thế	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05151/13S69
31454	S69-35548			Nguyễn Châu Anh Khoa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05152/13S69
31455	S69-35549			Nguyễn Minh Phụng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05153/13S69
31456	S69-35550			Phan Văn Dũng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05154/13S69
31457	S69-35551			Phan Thanh Tú	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05155/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31458	S69-35552			Lê Văn Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05156/13S69
31459	S69-35553			Lý Ngọc Triển	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05157/13S69
31460	S69-35554			Võ Văn Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05158/13S69
31461	S69-35555			Dương Vũ Khải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05159/13S69
31462	S69-35556			Nguyễn Văn Đăng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05160/13S69
31463	S69-35557			Châu Văn Xuyên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05161/13S69
31464	S69-35558			Tô Văn Đảm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05162/13S69
31465	S69-35559			Mai Văn Nam	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05163/13S69
31466	S69-35560			Cao Thanh Nhựt	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05164/13S69
31467	S69-35561			Hoàng Văn Tá	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05165/13S69
31468	S69-35562			Huỳnh Văn Vẩn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05166/13S69
31469	S69-35563			Mai Minh Hiển	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05167/13S69
31470	S69-35564			Nguyễn Văn Nhiệm	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05168/13S69
31471	S69-35565			Dương Minh Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05169/13S69
31472	S69-35566			Cao Thanh Nhí	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05170/13S69
31473	S69-35567			Huỳnh Thanh Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05171/13S69
31474	S69-35568			Tạ Văn TiL	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05172/13S69
31475	S69-35569			Lê Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05173/13S69
31476	S69-35570			Trương Thanh Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05174/13S69
31477	S69-35571			Phan Văn Thanh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05175/13S69
31478	S69-35572			Lê Văn Đil	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05176/13S69
31479	S69-35573			Lê Minh Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05177/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31480	S69-35574			Trịnh Quốc Khởi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05178/13S69
31481	S69-35575			Lý Thị Sương	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05179/13S69
31482	S69-35576			Phạm Hoàng Chi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05180/13S69
31483	S69-35577			Huỳnh Quốc Sét	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05181/13S69
31484	S69-35578			Huỳnh Văn Nghê	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05182/13S69
31485	S69-35579			Lý Văn Tùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05183/13S69
31486	S69-35580			Tiết Phương Tùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05184/13S69
31487	S69-35581			Trương Văn Học	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05185/13S69
31488	S69-35582			Hứa út Em	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05186/13S69
31489	S69-35583			Châu Thành Tuấn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05187/13S69
31490	S69-35584			Nguyễn Văn Hùng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05188/13S69
31491	S69-35586			Thạch Hoàng Phúc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05190/13S69
31492	S69-35587			Trần Văn Giang	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05191/13S69
31493	S69-35588			Nguyễn Văn Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05192/13S69
31494	S69-35589			Hoàn Văn Nghĩa	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05193/13S69
31495	S69-35590			Trần Thanh Danh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05194/13S69
31496	S69-35591			Trịnh Hoàng Phi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05195/13S69
31497	S69-35592			Ngô Văn Tật	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05196/13S69
31498	S69-35593			Đỗ Văn Khởi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05197/13S69
31499	S69-35594			Nguyễn Văn Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05198/13S69
31500	S69-35595			Nguyễn Văn Hội	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05199/13S69
31501	S69-35596			Nguyễn Văn Quới	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05200/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31502	S69-35597			Nguyễn Văn Hậu	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05201/13S69
31503	S69-35598			Nguyễn Văn Phong	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05202/13S69
31504	S69-35599			Ngô Hồng Tha	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05203/13S69
31505	S69-35600			Nguyễn Quốc An	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05204/13S69
31506	S69-35601			Võ Thanh Điền	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05205/13S69
31507	S69-35602			Trần Quốc Bằng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05206/13S69
31508	S69-35603			Trần Văn Kế	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05207/13S69
31509	S69-35604			Phan Văn Thạnh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05208/13S69
31510	S69-35605			Nguyễn Văn Mến	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05209/13S69
31511	S69-35606			Phan Văn Đạo	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05210/13S69
31512	S69-35607			Trần Văn Hiệp	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05211/13S69
31513	S69-35608			Nguyễn Văn Phúc	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05212/13S69
31514	S69-35609			Võ Quốc Toàn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05213/13S69
31515	S69-35610			Nguyễn Minh Thắng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05214/13S69
31516	S69-35611			Hồ Tự Nhiên	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05215/13S69
31517	S69-35612			Nguyễn Hoàng Anh	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05216/13S69
31518	S69-35613			Tạ Quốc Nhính	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05217/13S69
31519	S69-35614			Lê Ngọc Mai	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05218/13S69
31520	S69-35615			Tạ Văn Gát	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05219/13S69
31521	S69-35616			Hồ Ngọc Diệp	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05220/13S69
31522	S69-35617			Cao Thanh Thiện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	18/10/2013	18/10/2014	05221/13S69
31523	S69-35619			Ngô Giám Thị	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05320/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31524	S69-35620			Lê Minh Nước	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05321/13S69
31525	S69-35621			Nguyễn Văn út	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05322/13S69
31526	S69-35622			Đỗ Thành Trung	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05323/13S69
31527	S69-35624			Huỳnh Quốc Việt	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05325/13S69
31528	S69-35625			Cao Minh Sơn	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05326/13S69
31529	S69-35626			Cao Văn Cường	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05327/13S69
31530	S69-35627			Lý Sơn	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	22/10/2014	05328/13S69
31531	S69-35628			Nguyễn Quang Thông	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05329/13S69
31532	S69-35629			Nguyễn Hoàng Em	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05330/13S69
31533	S69-35630			Nguyễn Văn Tài	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05331/13S69
31534	S69-35631			Bùi Văn Đoàn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05332/13S69
31535	S69-35632			Nguyễn Hoàng Anh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05333/13S69
31536	S69-35633			Nguyễn Hải Hoàng	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05334/13S69
31537	S69-35634			Trần Thanh Phương	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05335/13S69
31538	S69-35635			Nguyễn Kim Xuân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05336/13S69
31539	S69-35636			Lê Minh Khiêm	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05337/13S69
31540	S69-35637			Nguyễn Chí Phải	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05338/13S69
31541	S69-35638			Phạm Văn Tú	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05339/13S69
31542	S69-35639			Hà Thanh Tuấn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05340/13S69
31543	S69-35640			Nguyễn Chí Phong	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2013	22/10/2014	05341/13S69
31544	S69-35641			Nguyễn Văn Long	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05342/13S69
31545	S69-35642			Lưu Minh Phúc	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	23/10/2013	23/10/2014	05345/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31546	S69-35643			Nguyễn Hoàng Trị	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05355/13S69
31547	S69-35644			Phan Hoài Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05356/13S69
31548	S69-35645			Cao Văn Võ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05357/13S69
31549	S69-35647			Mai Minh Thành	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05359/13S69
31550	S69-35648			Huỳnh Công Nhân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05360/13S69
31551	S69-35649			Nguyễn Thị Nghị	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05361/13S69
31552	S69-35650			Nguyenx Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05362/13S69
31553	S69-35651			Dương Danh Minh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05363/13S69
31554	S69-35652			Ngô Minh Sang	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05364/13S69
31555	S69-35653			Nguyễn Thanh Lợi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05365/13S69
31556	S69-35654			Nguyễn Phương Đông	Tân Ân Tây, Huyện Đầm Dơi	23/10/2013	23/10/2014	05366/13S69
31557	S69-35655			Võ Ngọc Bích	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05367/13S69
31558	S69-35656			Lê Văn Dân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05368/13S69
31559	S69-35657			Nguyễn Văn Hồ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05369/13S69
31560	S69-35658			Trần Thị Màu	Tân ÂnTây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05370/13S69
31561	S69-35659			Nguyễn Thanh Phương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05371/13S69
31562	S69-35660			Võ Thanh Nhân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05372/13S69
31563	S69-35661			Nguyễn Quốc Việt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05373/13S69
31564	S69-35662			Nguyễn Bá Vĩnh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05374/13S69
31565	S69-35663			Lê Thanh Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05375/13S69
31566	S69-35664			Lê Chí Thiện	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05376/13S69
31567	S69-35665			Phạm Nghĩa Quân	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05377/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31568	S69-35666			Lê Quốc Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05378/13S69
31569	S69-35667			Mai Thanh Quơ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05379/13S69
31570	S69-35668			Nguyễn Minh Nhựt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05380/13S69
31571	S69-35669			Lê Văn Bé	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05381/13S69
31572	S69-35670			Hứa Minh Nhựt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05382/13S69
31573	S69-35671			Phạm Văn Thơi	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05383/13S69
31574	S69-35672			Phạm Quyết Thắng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05384/13S69
31575	S69-35673			Trần Văn Đen	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05385/13S69
31576	S69-35674			Kha Tích Dủ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05386/13S69
31577	S69-35675			Nguyễn Thị Chanh	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05387/13S69
31578	S69-35676			Châu Ngọc Tài	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05388/13S69
31579	S69-35677			Tiêu Minh Trung	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05389/13S69
31580	S69-35678			Đặng Hoàng Khương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05390/13S69
31581	S69-35679			Lâm Quốc Bằng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05391/13S69
31582	S69-35680			Trần Hón ướng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05392/13S69
31583	S69-35681			Trần Văn Vũ	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05393/13S69
31584	S69-35682			Lê Thanh Hùng	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05394/13S69
31585	S69-35684			Nguyễn Tấn Việt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05396/13S69
31586	S69-35685			Nguyễn Văn Ché	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05397/13S69
31587	S69-35686			Võ Văn út	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05398/13S69
31588	S69-35687			Trương Việt Tàu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05399/13S69
31589	S69-35688			Trần Minh Tân	xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05400/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31590	S69-35689			Nguyễn Minh Sang	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05401/13S69
31591	S69-35690			Nguyễn Văn út	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05402/13S69
31592	S69-35691			Nguyễn Văn Mai	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05403/13S69
31593	S69-35692			Trần Văn Lai	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05404/13S69
31594	S69-35693			Đỗ Ngọc Hương	Tân ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05405/13S69
31595	S69-35694			Nguyễn Văn Tiến	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05406/13S69
31596	S69-35695			Nguyễn Tấn Quyền	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05407/13S69
31597	S69-35696			Lê Phát Tài	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05408/13S69
31598	S69-35697			Thái Thị Đào	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/10/2013	23/10/2014	05409/13S69
31599	S69-35699			Lê Thanh Duy	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05432/13S69
31600	S69-35700			Lê Văn Phong	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05433/13S69
31601	S69-35701			Lại Văn Ga	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05434/13S69
31602	S69-35702			Lê Văn Thực	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05435/13S69
31603	S69-35703			Lại Văn Mái	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05436/13S69
31604	S69-35704			Trần Văn Mí	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05437/13S69
31605	S69-35705			Lê Hoàng Sơn	TT.Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05438/13S69
31606	S69-35706	CM-66208		Lâm Văn Bá	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2014	24/09/2015	02621/14S69
31607	S69-35708			Nguyễn Văn Bé	TT. Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05441/13S69
31608	S69-35709			Hồng Quang Khải	TT. Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05442/13S69
31609	S69-35710	CM-67572		Nguyễn Hữu Phước	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2014	24/10/2015	02836/14S69
31610	S69-35711			Nguyễn Minh Em	TT. Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05444/13S69
31611	S69-35712			Lâm Trọng Tâm	TT. Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05445/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31612	S69-35713			Lưu Văn Ca	TT. Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05446/13S69
31613	S69-35714			Võ Văn Sáng	TT. Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05447/13S69
31614	S69-35715			Cao Thành Trung	TT. Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05448/13S69
31615	S69-35716	CM-67571		Ngô Quốc Cường	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/05/2015	24/05/2016	00974/15S69
31616	S69-35717			Huỳnh Quốc Sử	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05450/13S69
31617	S69-35718			Huỳnh Bình Sáu	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05451/13S69
31618	S69-35719			Đỗ Văn Trọng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/10/2013	27/10/2014	05464/13S69
31619	S69-35720			Lê Minh Thiện	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05465/13S69
31620	S69-35721			Lê Hồng Thu	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05466/13S69
31621	S69-35722			Vũ Đình Thụ	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05467/13S69
31622	S69-35723			Lê Thành Niên	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05468/13S69
31623	S69-35724			Lê Tấn Hiệp	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05469/13S69
31624	S69-35725			Lý Minh Lợi	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05470/13S69
31625	S69-35726			Phan Văn Hạnh	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05471/13S69
31626	S69-35727			Trần Chí Nguyễn	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05473/13S69
31627	S69-35728			Nguyễn Văn Đới	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05474/13S69
31628	S69-35729			Nguyễn Văn Thanh	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05475/13S69
31629	S69-35730			Trần Văn Trường	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05476/13S69
31630	S69-35731			Trần Văn Khẩn	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05477/13S69
31631	S69-35732			Vũ Văn Long	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05478/13S69
31632	S69-35733			Ngô Khánh Hội	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05479/13S69
31633	S69-35734			Huỳnh Văn Trứng	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05480/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31634	S69-35735			Cao Văn Lý	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05481/13S69
31635	S69-35736			Lý Chí Công	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05482/13S69
31636	S69-35737			Huỳnh Văn Sử	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05483/13S69
31637	S69-35738			Nguyễn Hoàng Nam	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05484/13S69
31638	S69-35739			Huỳnh Trọng Nghĩa	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05485/13S69
31639	S69-35740			Nguyễn Hùng Nhân	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05486/13S69
31640	S69-35741			Bùi Văn Tèo	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05487/13S69
31641	S69-35742			Nguyễn Minh Khẩn	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05488/13S69
31642	S69-35743			Nguyễn Chí Thành	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05489/13S69
31643	S69-35744			Nguyễn Văn Liêm	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05490/13S69
31644	S69-35745			Nguyễn Văn Thanh	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05491/13S69
31645	S69-35746			Nguyễn Văn Thanh	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05492/13S69
31646	S69-35747			Nguyễn Văn Linh	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05493/13S69
31647	S69-35748			Lê Hoàng Chính	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05494/13S69
31648	S69-35749			Trần Minh Nghiêm	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05495/13S69
31649	S69-35750			Trần Hoàng Vũ	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05496/13S69
31650	S69-35751			Nguyễn Vũ Phong	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05497/13S69
31651	S69-35752			Vũ Văn Thỏa	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05498/13S69
31652	S69-35753			Lê Văn Hòa	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05499/13S69
31653	S69-35754			La Trường Giang	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05500/13S69
31654	S69-35755			Lê Văn Mần	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/11/2014	05501/13S69
31655	S69-35756			Hà Hoàng Minh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05502/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31656	S69-35757			Trần Văn Tiến	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05503/13S69
31657	S69-35758			Võ Phương Tiệp	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05504/13S69
31658	S69-35759			Trương Hoàng Diệu	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05505/13S69
31659	S69-35760			Trịnh Hoàng Thọ	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05506/13S69
31660	S69-35761			Lê Phát Tài	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05507/13S69
31661	S69-35762			Dương út Lớn	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05508/13S69
31662	S69-35763			Huỳnh Văn Minh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05509/13S69
31663	S69-35764			Vũ Tiến Thạch	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05510/13S69
31664	S69-35765			Nguyễn Văn Kha	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05511/13S69
31665	S69-35766			Nguyễn Văn Giang	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05512/13S69
31666	S69-35767			Trần Minh Trí	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05513/13S69
31667	S69-35768			Hoàng Viết Xuân	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05514/13S69
31668	S69-35769			Huỳnh Thiện Chiến	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05515/13S69
31669	S69-35770			La Phương Đông	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05516/13S69
31670	S69-35771			Trần Văn Thuáng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05517/13S69
31671	S69-35772			Phan Văn Thuận	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05518/13S69
31672	S69-35774			Châu Thanh Tâm	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05520/13S69
31673	S69-35775			Nguyễn Văn Chuẩn	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05521/13S69
31674	S69-35776	CM-67553		Lương Hoàng Khải	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2015	24/07/2016	01374/15S69
31675	S69-35777			Võ Quốc Cường	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05523/13S69
31676	S69-35778			Phan Việt Suối	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05524/13S69
31677	S69-35779			Trần Văn Tền	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05525/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31678	S69-35780			Nguyễn Văn Thắng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05526/13S69
31679	S69-35781			Trần Thanh Trí	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05527/13S69
31680	S69-35782			Ngô Công Chức	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05528/13S69
31681	S69-35783			Lưu Văn Vĩnh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05529/13S69
31682	S69-35784			Trần Quốc Hùng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05530/13S69
31683	S69-35785			Nguyễn Văn Huynh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05531/13S69
31684	S69-35786			Trần Văn Bằng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05532/13S69
31685	S69-35787			Tăng Kim Ngân	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05533/13S69
31686	S69-35788			Nguyễn Kim Huệ	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05534/13S69
31687	S69-35789			Huỳnh Thanh Hải	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05535/13S69
31688	S69-35790			Vũ Xuân Hưng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05536/13S69
31689	S69-35791			Nguyễn Thị Thuận	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05537/13S69
31690	S69-35792			Nguyễn Đồng Tâm	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05538/13S69
31691	S69-35793			Trần Văn Phong	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05539/13S69
31692	S69-35794			Nguyễn Văn Ngoan	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05540/13S69
31693	S69-35795			Nguyễn Văn Vũ	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05541/13S69
31694	S69-35796			Lê Minh Đức	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05542/13S69
31695	S69-35797			Lâm Văn Có	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05543/13S69
31696	S69-35798			Ngô Hoàng Phụng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05544/13S69
31697	S69-35799			Phan Văn Du	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05545/13S69
31698	S69-35800			Nguyễn Thanh Tín	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05546/13S69
31699	S69-35801			Nguyễn Xuân Thành	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05547/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31700	S69-35802			Nguyễn Chí Lâm	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05548/13S69
31701	S69-35803			Ngô Hùng Hoàng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05549/13S69
31702	S69-35804			Nguyễn Văn Dũng	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05550/13S69
31703	S69-35805			Đình Văn Tụy	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05551/13S69
31704	S69-35806			Nguyễn Huy Tín	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05552/13S69
31705	S69-35807			Nguyễn Minh Thiết	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05553/13S69
31706	S69-35808			Nguyễn Vũ Trường	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05554/13S69
31707	S69-35809			Lê Văn Thuận	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05555/13S69
31708	S69-35810			Bùi Quyết Chiến	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05556/13S69
31709	S69-35811			Trần Văn Sang	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05557/13S69
31710	S69-35812			Cao Thị ánh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05558/13S69
31711	S69-35813			Võ Văn Học	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05559/13S69
31712	S69-35814			Trần Văn Hùng	TT rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/11/2014	05560/13S69
31713	S69-35815			Trần Văn Hải	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05561/13S69
31714	S69-35816			Trần Văn Lanh	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05562/13S69
31715	S69-35818			Hồng Quang Thiện	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05571/13S69
31716	S69-35819			Trần Thị Bé Hai	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	08/11/2013	08/11/2014	05578/13S69
31717	S69-35820	CM-67562		Trần Quốc Khởi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/10/2014	24/10/2015	02835/14S69
31718	S69-35821			Phan Văn Phát	TT Gạch Rốc, Huyện Ngọc Hiển	29/10/2013	29/10/2014	05580/13S69
31719	S69-35822			Trịnh Hoàng Em	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05581/13S69
31720	S69-35824			Trương Minh Hiền	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05583/13S69
31721	S69-35825			Lê Minh Đường	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05584/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31722	S69-35826			Mai Hữu Thành	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/08/2014	05585/13S69
31723	S69-35827			Trang Văn Hiệp	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05586/13S69
31724	S69-35828			Nguyễn Văn Ngoan	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05587/13S69
31725	S69-35829			Châu Hoài Hận	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	11/12/2014	11/12/2015	03288/14S69
31726	S69-35830			Nguyễn Văn Tèo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05589/13S69
31727	S69-35831			Trần Chí Nguyễn	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05590/13S69
31728	S69-35832			Đặng Hoàng Tại	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05591/13S69
31729	S69-35834	CM-55180		Cao Quốc Đoàn	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03140/14S69
31730	S69-35835	CM-55181		Nguyễn Văn Mung	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03124/14S69
31731	S69-35836			Nguyễn Văn Đáng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/10/2013	28/10/2014	05595/13S69
31732	S69-35838			Nguyễn Văn Kiên	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	26/10/2013	26/10/2014	05472/13S69
31733	S69-35839			Lê Văn út	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	04/11/2013	04/11/2014	05650/13S69
31734	S69-35842			Nguyễn Minh Kha	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	05/11/2013	05/11/2014	05672/13S69
31735	S69-35844			Nguyễn Thanh Phong	Phú Tân, Huyện Phú Tân	08/11/2013	08/11/2014	05703/13S69
31736	S69-35845			Nguyễn Thanh Phong	Phú Tân, Huyện Phú Tân	08/11/2013	08/11/2014	05704/13S69
31737	S69-35846			Tô An Nhân	Tân Hải, Huyện Phú Tân	08/11/2013	08/05/2014	05705/13S69
31738	S69-35847	CM-90761		Nguyễn Chí Thành	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/11/2014	10/11/2015	02929/14S69
31739	S69-35851			Nguyễn Hoàng Muôn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/11/2013	12/11/2014	05749/13S69
31740	S69-35853			La Văn Nhã	Khóm 7, Phường 6, Thành phố Cà Mau	12/11/2013	12/11/2014	05754/13S69
31741	S69-35855			Lê Trung Hậu	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/11/2013	12/11/2014	05757/13S69
31742	S69-35857			Nguyễn Thị Tiền	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	14/11/2013	14/11/2014	05778/13S69
31743	S69-35860			Lê Duy Lam	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	15/11/2013	15/11/2014	05790/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31744	S69-35861			Phan Thị Vui	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/11/2013	16/11/2014	05792/13S69
31745	S69-35862			Huỳnh Thị Hạnh	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	30/06/2015	30/06/2016	01206/15S69
31746	S69-35864			Huỳnh Chúc Hân	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	20/11/2013	20/11/2014	05830/13S69
31747	S69-35866			Nguyễn Bửu Kiếm	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	22/11/2013	22/11/2014	05871/13S69
31748	S69-35867			CTY TNHH Nguyễn Huỳnh	91 Lý Thái Tôn, Thành phố Cà Mau	27/11/2013	27/11/2014	05922/13S69
31749	S69-35868			Dương Hùng Dũng	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	27/11/2013	27/11/2014	05923/13S69
31750	S69-35873			Khương Văn Thêm	Xã Tân Lộc Đông, Huyện Thới Bình	04/12/2013	04/12/2014	06050/13S69
31751	S69-35874			Đặng Phú Quốc	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	04/12/2013	04/12/2014	06051/13S69
31752	S69-35875			Dương Thành Lợi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06060/13S69
31753	S69-35876			Nguyễn văn Tiến	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06061/13S69
31754	S69-35877			Lê Hoàng Văn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06062/13S69
31755	S69-35878			Trương Văn Mót	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06063/13S69
31756	S69-35880			Trịnh Văn Phúc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06065/13S69
31757	S69-35881			Nguyễn Văn Ứng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06066/13S69
31758	S69-35882			Trịnh Văn Phúc	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	05/12/2013	05/12/2014	06067/13S69
31759	S69-35883	CM-90764		Huỳnh Chí Dũng	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	21/04/2015	21/10/2015	00763/15S69
31760	S69-35884			Cty TNHH Minh Khá	139 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Cà Mau	05/06/2015	05/06/2016	01054/15S69
31761	S69-35885			Trần văn Hợi	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06127/13S69
31762	S69-35886	CM-90771		Phạm Hoàng Đen	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2015	14/04/2016	00680/15S69
31763	S69-35887			Trần Văn Đức	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06129/13S69
31764	S69-35888			Trần Minh Châu	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06130/13S69
31765	S69-35889			Nguyễn Văn Phin	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2013	10/12/2014	06131/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31766	S69-35890	CM-98746		Nguyễn Hữu Chiêm	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	13/05/2015	13/05/2016	00885/15S69
31767	S69-35891			Nguyễn Thị út	Phường Tân Xuyên, Thành phố Cà Mau	10/12/2013	10/12/2014	06134/13S69
31768	S69-35892			Đoàn Thanh Hoàng	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	11/12/2013	11/12/2014	06157/13S69
31769	S69-35893			Trần văn Thâm	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06169/13S69
31770	S69-35894			Lý Chí Tâm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2013	12/12/2014	06170/13S69
31771	S69-35897			Võ văn Luân	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2013	14/12/2014	06208/13S69
31772	S69-35898	CM-72490		Lữ Văn Lực	Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/04/2015	16/04/2016	00737/15S69
31773	S69-35899			Huỳnh Văn Ân	Xã Việt Thắng, Huyện Phú Tân	17/12/2013	17/12/2014	06229/13S69
31774	S69-35900			Đặng Quốc Nghĩa	Nguyễn Phích, Huyện U Minh	16/12/2013	16/12/2014	06246/13S69
31775	S69-35901	CM-98753		Lê Văn út	Xã Nguyễn Phích, Huyện U Minh	18/08/2015	18/02/2016	01546/15S69
31776	S69-35902			Nguyễn Văn Đông	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	19/12/2013	19/12/2014	06256/13S69
31777	S69-35903			Võ Văn Trùy	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2013	20/12/2014	06258/13S69
31778	S69-35904			Nguyễn Văn Cam	TT.Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2013	20/12/2014	06259/13S69
31779	S69-35906			Nguyễn Duy Lân	TT. Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/12/2013	23/12/2014	06307/13S69
31780	S69-35907	CM-98758		Phan Văn Oai	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00235/15S69
31781	S69-35908			Nguyễn Văn Đệ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/12/2013	25/12/2014	06368/13S69
31782	S69-35909			Lâm Tuấn Thanh	Phường 7, Thành phố Cà Mau	25/12/2013	25/12/2014	06372/13S69
31783	S69-35912			Cao Văn Quang	Xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2013	26/12/2014	06390/13S69
31784	S69-35913	CM-98764		Lê Minh Châu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	26/02/2015	26/02/2016	00347/15S69
31785	S69-35914			Trần Thanh Quy	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06609/13S69
31786	S69-35915			Nguyễn Thị Tuyết Phượng	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06610/13S69
31787	S69-35916			Lê Văn Thạnh	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06611/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31788	S69-35917			Đoàn Trường Hận	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06612/13S69
31789	S69-35918			Nguyễn Thanh Xuyên	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06613/13S69
31790	S69-35919	CM-55188		Mai Thanh Tùng	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00265/15S69
31791	S69-35921			Nguyễn Văn Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/12/2013	28/12/2014	06616/13S69
31792	S69-35922			Cao Trường Phong	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	30/12/2013	30/06/2014	06619/13S69
31793	S69-35923			Mã Phước Thiện	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/12/2013	30/12/2014	06624/13S69
31794	S69-35924			Cty TNHH MTV Xây Dựng Tiến Hải	Khóm 4, Phường 5, Thành phố Cà Mau	30/12/2013	30/12/2014	06632/13S69
31795	S69-35925			CTY TNHH TVXD Trường Sơn	Phường 5, Thành phố Cà Mau	31/12/2013	31/12/2014	06635/13S69
31796	S69-35926			CTY TNHH TVXD Trường Sơn	Phường 5, Thành phố Cà Mau	31/12/2013	31/12/2014	06636/13S69
31797	S69-35927			Nguyễn Văn Tân	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	06/01/2014	06/01/2015	00020/14S69
31798	S69-35930	CM-98774		Dương Trọng Tiến	Trí Phải, Huyện Thới Bình	17/08/2015	17/02/2016	01531/15S69
31799	S69-35932	CM-98773		Phạm Hoàng Thám	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/12/2015	13/06/2016	02469/15S69
31800	S69-35933			Nguyễn Minh Tấn	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	08/01/2014	08/01/2015	00064/14S69
31801	S69-35934	CM-98775		Huỳnh Văn Lại	K1, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	18/06/2015	18/06/2016	01122/15S69
31802	S69-35935			Nguyễn Văn Lùng	Xã Tân Phú, Huyện Thới Bình	09/01/2014	09/07/2014	00073/14S69
31803	S69-35937			Hồ Văn Cảnh	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00078/14S69
31804	S69-35938			Trần Minh Lương	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00079/14S69
31805	S69-35939			Huỳnh Văn Trường	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/01/2014	10/01/2015	00080/14S69
31806	S69-35941			Lưu Thanh Điền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/01/2014	13/01/2015	00141/14S69
31807	S69-35942			Lưu Thanh Điền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/01/2014	13/01/2015	00142/14S69
31808	S69-35943			Lưu Thanh Điền	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	13/01/2014	13/01/2015	00143/14S69
31809	S69-35944	CM-98777		Nguyễn Văn Công	Phường 6, Thành phố Cà Mau	28/07/2015	28/01/2016	14150/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31810	S69-35945	CM-98776		Lâm Quốc Vũ	Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	09/02/2015	09/02/2016	00301/15S69
31811	S69-35947	CM-72492		Võ Văn Oanh	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	25/01/2016	25/07/2016	00263/16S69
31812	S69-35954			Lâm Văn Ngời	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	22/01/2014	22/01/2015	00267/14S69
31813	S69-35955			Trần Phú Nguyên	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	22/01/2014	22/01/2015	00268/14S69
31814	S69-35957	CM-98784		Nguyễn Thị Triều	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/07/2014	12/01/2015	01865/14S69
31815	S69-35959			Trần Châu Tuấn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	24/01/2014	24/01/2015	00297/14S69
31816	S69-35960	CM-98786		Nguyễn Bá Tùng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01399/15S69
31817	S69-35961			Lữ Minh Quân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00299/14S69
31818	S69-35962	CM-98791		Nguyễn Văn Nhạn	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	15/01/2016	15/07/2016	00134/16S69
31819	S69-35967	CM-98789		Nguyễn Văn Y	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2015	10/01/2016	01256/15S69
31820	S69-35969	CM-98794		Huỳnh Văn Hải	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	06/03/2015	06/03/2016	00428/15S69
31821	S69-35970			Nguyễn Văn Nhung	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	10/02/2014	10/02/2015	00364/14S69
31822	S69-35971			Nguyễn Văn Khởi	Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	10/02/2014	10/02/2015	00365/14S69
31823	S69-35972			Tạ Văn A'	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	11/02/2014	11/02/2015	00373/14S69
31824	S69-35975	CM-79789		Nguyễn Văn Nhiệm	Biển Bạch Đông, Huyện Thới Bình	07/12/2015	07/06/2016	02404/15S69
31825	S69-35976			Đặng Trung Kiên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/02/2014	12/02/2015	00391/14S69
31826	S69-35977		GHE TẢI	Trương Văn Công	Phường 7, Thành phố Cà Mau	13/02/2014	13/02/2015	00399/14S69
31827	S69-35980			CTY TNHH TVXD Bình Minh	Khóm 4, Phường 5, Thành phố Cà Mau	17/02/2014	17/02/2015	00424/14S69
31828	S69-35982			Nguyễn Thanh Liêm	Phường 8, Thành phố Cà Mau	18/02/2014	18/02/2015	00434/14S69
31829	S69-35984			Phạm Công Khải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/02/2014	20/02/2015	00452/14S69
31830	S69-35987			Đặng Quốc Bảo	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	25/02/2014	25/02/2015	00505/14S69
31831	S69-35988			Phan Thanh Quang	Phường 8, Thành phố Cà Mau	26/02/2014	26/02/2015	00509/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31832	S69-35989			Ngô Văn Đẹp	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	27/02/2014	27/02/2015	00521/14S69
31833	S69-35990			Nguyễn Quốc Nam	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	28/02/2014	28/02/2015	00530/14S69
31834	S69-35995			Nguyễn Văn Trung	Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	04/03/2014	04/03/2015	00595/14S69
31835	S69-35997			Huỳnh Linh Tâm	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	06/03/2014	06/03/2015	00611/14S69
31836	S69-35998			Nguyễn Tấn Lợi	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2014	10/03/2015	00622/14S69
31837	S69-36003	CM-98818		Phạm Chiến Công	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	12/03/2014	12/03/2015	00661/14S69
31838	S69-36005			Nguyễn Minh Nhựt	Khóm 3, Phường 7, Thành phố Cà Mau	21/03/2014	21/03/2015	00741/14S69
31839	S69-36011			Trần Văn Thiện	Khóm 4 - TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	28/03/2014	28/03/2015	00862/14S69
31840	S69-36012			Châu Công Khanh	TT U Minh, Huyện U Minh	04/04/2014	04/04/2015	00897/14S69
31841	S69-36014		Vỏ hàng	Lê Hạnh Dung	Phường 5, Thành phố Cà Mau	08/04/2014	08/04/2015	00916/14S69
31842	S69-36018			Huỳnh Ngọc Lợi	Khánh Thuận, Huyện U Minh	10/04/2014	10/04/2015	00959/14S69
31843	S69-36019			Lê Văn Vũ	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	13/04/2014	13/04/2015	00966/14S69
31844	S69-36021			Nguyễn Văn Dện	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	14/04/2014	14/04/2015	00996/14S69
31845	S69-36025			Nguyễn Thanh Dể	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/04/2015	01052/14S69
31846	S69-36029	CM-98825		Nguyễn Văn Phúc	Phường 8, Thành phố Cà Mau	21/07/2015	21/07/2016	01344/15S69
31847	S69-36034			Phạm Văn Tiến	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	28/04/2014	28/04/2015	01130/14S69
31848	S69-36035			Lê Văn Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/04/2014	28/04/2015	01172/14S69
31849	S69-36036			Đào ánh Xuân	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	05/05/2014	05/05/2015	01196/14S69
31850	S69-36037			Công Ty TNHH TM XD Mỹ Linh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	07/05/2014	07/05/2015	01219/14S69
31851	S69-36038			Công Ty TNHH TM XD Mỹ Linh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	07/05/2014	07/05/2015	01220/14S69
31852	S69-36039	CM-98834		Lê Minh Tuấn	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	27/07/2015	27/01/2016	01380/15S69
31853	S69-36040			Phan Kim Huệ	Khóm 2, Phường 2, Thành phố Cà Mau	08/05/2014	08/05/2015	01227/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31854	S69-36041	CM-98836		Thái Hoàng Cường	Khóm 4, Phường 4, Thành phố Cà Mau	01/06/2015	01/06/2016	01041/15S69
31855	S69-36042	CM-98835		Phạm Văn Thương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	06/07/2015	06/07/2016	01239/15S69
31856	S69-36045	CM-98841		Hà Liên Xô	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	22/06/2015	22/06/2016	01137/15S69
31857	S69-36046			Nguyễn Chí Tâm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	20/05/2014	20/05/2015	01304/14S69
31858	S69-36047			Huỳnh Thị Kim Ngân	Phường 8, Thành phố Cà Mau	23/05/2014	23/05/2015	01367/14S69
31859	S69-36048	CM-98844		Trần Hồng Vân	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	04/11/2014	04/11/2015	02884/14S69
31860	S69-36050			Trần Văn Nhân	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01438/14S69
31861	S69-36051	CM-55201		Phạm Văn Quán	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/07/2015	28/07/2016	01441/15S69
31862	S69-36052			Lê Tuấn Kiệt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01440/14S69
31863	S69-36053			Nguyễn Thế Huân	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	29/05/2014	29/05/2015	01450/14S69
31864	S69-36058			Ngô Văn Đẹp	Phường 8, Thành phố Cà Mau	12/06/2014	12/06/2015	01541/14S69
31865	S69-36059			Trần Văn Trắng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	12/06/2014	12/06/2015	01575/14S69
31866	S69-36060	CM-55200		Lê Văn Tiếng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01403/15S69
31867	S69-36064			Nguyễn Thanh Liêm	Phường 8, Thành phố Cà Mau	25/06/2014	25/06/2015	01704/14S69
31868	S69-36065			Võ Thị Phúc	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	25/06/2014	25/06/2015	01706/14S69
31869	S69-36066		GHE MÁY	Nguyễn Hoàng Chinh	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	25/06/2014	25/06/2015	01709/14S69
31870	S69-36067	CM-98846		Ngô Tuyết Hằng	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	23/06/2015	23/06/2016	01144/15S69
31871	S69-36070			Cty TNHH MTV TM&DV XD Tạ Tỷ Cà Mau	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	30/06/2014	30/06/2015	01771/14S69
31872	S69-36083			Trần Thanh Trọng	Phường 6, Thành phố Cà Mau	21/07/2014	21/07/2015	01928/14S69
31873	S69-36086			CTY TNHH XLĐ&TM Trương Mỹ Kim	Khóm 2, Phường 6, Thành phố Cà Mau	15/07/2015	15/07/2016	01251/15S69
31874	S69-36092			Nguyễn Trung Học	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	25/07/2014	25/07/2015	02013/14S69
31875	S69-36099			Trần Văn Lực	Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/07/2014	28/07/2015	02032/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31876	S69-36101			Võ Văn Trắng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	29/07/2014	29/07/2015	02065/14S69
31877	S69-36106	CM-44195		Nguyễn Văn Đoàn	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03322/14S69
31878	S69-36108			Phan Chí Nguyễn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/08/2014	11/08/2015	02156/14S69
31879	S69-36109			Nguyễn Văn Thông	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	12/08/2014	12/08/2015	02177/14S69
31880	S69-36114			Nguyễn Hữu Thuận	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02228/14S69
31881	S69-36117			Hồ Văn Tuất	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	18/08/2014	18/08/2015	02231/14S69
31882	S69-36118			Phan Thanh Hải	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	15/08/2014	15/08/2015	02232/14S69
31883	S69-36130			Dương Quốc Toàn	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02314/14S69
31884	S69-36132			Nguyễn Văn Bằng	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	24/08/2014	24/08/2015	02316/14S69
31885	S69-36133			Lâm Quốc Trí	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02317/14S69
31886	S69-36134			Lữ Minh Quân	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02318/14S69
31887	S69-36136			Trần Minh GhiL	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2014	24/08/2015	02320/14S69
31888	S69-36137	CM-67660		Nguyễn Văn Phụ	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2015	24/08/2016	01589/15S69
31889	S69-36138			Trần Phước Tài	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	26/08/2014	26/08/2015	02346/14S69
31890	S69-36142			Trịnh Thị Kiều	Xã Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	27/08/2014	27/08/2015	02364/14S69
31891	S69-36145			Bùi Văn Dễ	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/08/2014	28/08/2015	02398/14S69
31892	S69-36146			Đỗ Ly Kha	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/09/2014	02/09/2015	02436/14S69
31893	S69-36148			Nguyễn Phương Tây	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	02/09/2014	02/09/2015	02438/14S69
31894	S69-36154			Ngô Văn Rô	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	08/09/2014	08/09/2015	02477/14S69
31895	S69-36158			Trần Văn Phụ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2014	10/09/2015	02493/14S69
31896	S69-36159	CM-44197		Nguyễn Thị Triều	Trần Thới, Huyện Cái Nước	12/04/2015	12/10/2015	00696/15S69
31897	S69-36160			Đặng Văn Sơn	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	12/09/2014	12/09/2015	02522/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31898	S69-36161			Nguyễn Văn út	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/09/2014	12/09/2015	02523/14S69
31899	S69-36172			Nguyễn Đại Nghĩa	Tam Giang, Huyện Năm Căn	20/09/2014	20/09/2015	02576/14S69
31900	S69-36175			Lâm Hoài Trinh	Tân Long, Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	23/09/2014	23/03/2015	02600/14S69
31901	S69-36180			Nguyễn Văn Thuận	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2014	24/09/2015	02634/14S69
31902	S69-36184			Nguyễn ánh Nguyệt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/09/2014	28/09/2015	02646/14S69
31903	S69-36187			Nguyễn Minh Thới	Ngọc chánh, Huyện Đầm Dơi	28/09/2014	28/09/2015	02649/14S69
31904	S69-36192			Phạm Thanh Sự	Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	03/10/2014	03/10/2015	02695/14S69
31905	S69-36199			Ngô Hoàng Anh	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/10/2014	13/10/2015	02773/14S69
31906	S69-36203			Võ Thanh Tùng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/10/2014	16/10/2015	02791/14S69
31907	S69-36208			Nguyễn Văn Mung	Tân Lộc Bắc, Huyện Thới Bình	22/10/2014	22/10/2015	02829/14S69
31908	S69-36214			Lâm Thị Tư	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	05/11/2014	05/11/2015	02899/14S69
31909	S69-36219			Hồ Văn Nhỏ	Trần Thới, Huyện Cái Nước	10/11/2014	10/11/2015	02932/14S69
31910	S69-36226			Nguyễn Văn Thơ	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	17/11/2014	17/11/2015	03000/14S69
31911	S69-36227			Huỳnh Văn Hiếu	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/11/2014	18/11/2015	03001/14S69
31912	S69-36228			Phạm Minh Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	18/11/2014	18/11/2015	03002/14S69
31913	S69-36229			Trương Thanh Xuyên	Tân Bằng, Huyện Thới Bình	13/03/2015	13/03/2016	00467/15S69
31914	S69-36231			Ngô Văn Bạ	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	05/12/2014	05/12/2015	03227/14S69
31915	S69-36232			Nguyễn Văn Huy	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	05/12/2014	05/12/2015	03228/14S69
31916	S69-36234	CM-24053		Lê Văn út	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	30/12/2014	30/12/2015	03596/15S69
31917	S69-36238			Huỳnh Thanh Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	04/12/2014	04/12/2015	03225/14S69
31918	S69-36244			Phạm Văn Độ	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	04/12/2014	04/12/2015	03222/14S69
31919	S69-36253			Thiếu Hoàng Trãi	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03183/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31920	S69-36254			Ngô Văn Mộng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03184/14S69
31921	S69-36255			Huỳnh Hà Xuyên	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	03/11/2015	03185/14S69
31922	S69-36256			Lê Tuấn Kiệt	Tạ An Khương Đông, Huyện Đầm Dơi	04/12/2014	04/12/2015	03189/14S69
31923	S69-36257			Võ Minh Tuấn	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	17/12/2014	17/12/2015	03374/14S69
31924	S69-36261			Quang Văn Mười	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	28/11/2014	28/11/2015	03194/14S69
31925	S69-36262			Huỳnh Văn Thơi	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	11/12/2014	11/12/2015	03273/14S69
31926	S69-36264			Nguyễn Văn Sót	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/12/2014	16/12/2015	03352/14S69
31927	S69-36265			Nguyễn Văn Luân	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	09/12/2014	09/12/2015	03246/14S69
31928	S69-36270			Đồn Biên Phòng Khánh Hội - BĐBP Cà Mau	Khánh Hội, Huyện U Minh	09/12/2014	09/06/2015	03252/14S69
31929	S69-36273			CTY TNHH XD Đa Phương Cái Nước	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	09/12/2014	09/12/2015	03269/14S69
31930	S69-36277			Nguyễn Văn Trường	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/12/2014	10/12/2015	03281/14S69
31931	S69-36278			Huỳnh Văn Tiến	Khánh Lâm, Huyện U Minh	11/12/2014	11/12/2015	03287/14S69
31932	S69-36279			Hồ Thanh Phong	Trí Phải, Huyện Thới Bình	15/12/2014	15/12/2015	03305/14S69
31933	S69-36280			Nguyễn Văn Đạm	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03328/14S69
31934	S69-36281			Hồ Vũ Linh	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03329/14S69
31935	S69-36282			Dương Văn Nguyên	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03330/14S69
31936	S69-36283			Hồ Văn Nửa	Tân hưng, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03331/14S69
31937	S69-36285			Nguyễn Văn Cường	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03333/14S69
31938	S69-36292			Hồ Đức Ngoan	Hòa Mỹ, Huyện Cái Nước	19/12/2014	19/12/2015	03376/14S69
31939	S69-36295			Trần út Em	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	19/12/2014	19/12/2015	03379/14S69
31940	S69-36297			Nguyễn Văn Huy	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	19/12/2014	19/12/2015	03388/14S69
31941	S69-36300	CM-98916		Lương Văn Thảo	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	22/12/2015	22/06/2016	02580/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31942	S69-36306			Trần Kim Nga	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	05/03/2015	05/03/2016	00401/15S69
31943	S69-36308			Nguyễn Văn Dự	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	05/03/2015	05/03/2016	00402/15S69
31944	S69-36310			Lê Văn Tiến	Tam Giang, Huyện Năm Căn	26/12/2014	26/12/2015	03491/14S69
31945	S69-36311			Đoàn Văn Cường	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	21/01/2015	21/01/2016	00120/15S69
31946	S69-36314			Lê Văn Bốn	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2014	30/12/2015	03570/15S69
31947	S69-36320			Nguyễn Minh Tân	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	30/12/2014	30/12/2015	03589/14S69
31948	S69-36326			CTY TNHH MTV XD DVTM Minh Nhật	TT.Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	31/12/2014	31/12/2015	03624/14S69
31949	S69-36327			Cty TNHH MTV XD DVTM Minh Nhật	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	31/12/2014	31/12/2015	03625/14S69
31950	S69-36328			CTY TNHH MTV XD DVTM Minh Nhật	TT.Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	31/12/2014	31/12/2015	03626/14S69
31951	S69-36330			Trần Chí Phương	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	12/01/2015	12/01/2016	00023/15S69
31952	S69-36331			CTY TNHH MTV XD DV TM Minh Nhật	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	20/01/2015	20/01/2016	00039/15S69
31953	S69-36332			CTY TNHH MTV XD DV TM Minh Nhật	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	20/01/2015	20/01/2016	00040/15S69
31954	S69-36333			CTY TNHH MTV XD DV TM Minh Nhật	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	20/01/2015	20/01/2016	00041/15S69
31955	S69-36334			CTY TNHH MTV XD DV TM Minh Nhật	TT Cái Đồi Vàm, Huyện Phú Tân	20/01/2015	20/01/2016	00042/15S69
31956	S69-36335			Đặng Văn Xô	Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	05/03/2015	05/03/2016	00409/15S69
31957	S69-36336			Trần Văn Mười Hai	Trần Thới, Huyện Cái Nước	05/03/2015	05/03/2016	00410/15S69
31958	S69-36338			Trà Bích Loan	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	13/01/2015	13/01/2016	00066/15S69
31959	S69-36340			Lâm Văn Tâm	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	15/01/2015	15/01/2016	00071/15S69
31960	S69-36341			Trần Hoàng Kha	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	20/01/2015	20/01/2016	00081/15S69
31961	S69-36349			Đào Văn Quẹo	Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/01/2015	20/01/2016	00148/15S69
31962	S69-36352			Nguyễn Minh Thật	TT. U Minh, Huyện U Minh	22/01/2015	22/01/2016	00183/15S69
31963	S69-36356			Đặng Văn Điều	ấp 6, xã Trí Phải, Huyện Thới Bình	26/01/2015	26/01/2016	00202/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31964	S69-36358			Đặng Phước Thọ	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	26/01/2015	26/01/2016	00207/15S69
31965	S69-36359			Lâm Văn Luân	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	27/01/2015	27/01/2016	00214/15S69
31966	S69-36361			Lê Văn Quốc	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/01/2015	28/01/2016	00271/15S69
31967	S69-36362			Nguyễn Văn Hiền	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	29/01/2015	29/01/2016	00272/15S69
31968	S69-36363			Phạm Văn Bảnh	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	30/01/2015	29/01/2016	00273/15S69
31969	S69-36367	CM-98952		Võ Thành Tung	Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2016	25/08/2016	00429/16S69
31970	S69-36368			Nguyễn Văn Chiến	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/02/2015	10/02/2016	00313/15S69
31971	S69-36370			Trần Hoàng Tường	Tam Giang, Huyện Năm Căn	11/02/2015	11/02/2016	00322/15S69
31972	S69-36371			Nguyễn Minh Quân	Phường 5, Thành phố Cà Mau	11/02/2015	11/02/2016	00326/15S69
31973	S69-36372			Nguyễn Văn Sử	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	12/02/2015	12/02/2016	00331/15S69
31974	S69-36373			Nguyễn Văn Phần	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	25/02/2015	25/02/2016	00340/15S69
31975	S69-36375			Trần Quang Chấm	Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	28/02/2015	28/02/2016	00370/15S69
31976	S69-36382			Đặng Văn Nghĩa	Thạnh Phú, Huyện Cái Nước	16/03/2015	16/03/2016	00435/15S69
31977	S69-36383	CM-		Phạm Việt Suối	Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	11/03/2015	11/03/2016	00439/15S69
31978	S69-36387			Nguyễn Thanh Tuyền	Phường 8, Thành phố Cà Mau	13/03/2015	13/03/2016	00488/15S69
31979	S69-36389			CTY TNHH MTV Duy Anh Cà Mau	125, Tôn Đức Thắng, Phường 5, Thành phố Cà Mau	16/03/2015	16/03/2016	00500/15S69
31980	S69-36391			Nguyễn Lộc Giới	Hòa Tân, Thành phố Cà Mau	18/03/2015	18/03/2016	00509/15S69
31981	S69-36394			Công Ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Kiến Trẻ	30/4-Trần Hưng Đạo-K7-Phường 5, Thành phố Cà Mau	19/03/2015	19/03/2016	00519/15S69
31982	S69-36399			Trần Vĩnh Thành	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	27/03/2015	27/03/2016	00582/15S69
31983	S69-36400			Trương Văn Kiến	Khánh Thuận, Huyện U Minh	30/03/2015	30/03/2016	00614/15S69
31984	S69-36402	CM-		Đặng Văn Cảnh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	06/04/2015	06/04/2016	00629/15S69
31985	S69-36404			Hà Thanh Phương	Phường 2, Thành phố Cà Mau	01/04/2015	01/04/2016	00632/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
31986	S69-36409			CTY TNHH Xây Lắp Điện Quỳnh Mai	342, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, Thành phố Cà Mau	10/04/2015	10/04/2016	00669/15S69
31987	S69-36410			Lâm Ngọc Ân	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2015	10/04/2016	00677/15S69
31988	S69-36411			Dương Văn Vũ	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2015	10/04/2016	00678/15S69
31989	S69-36412			Huỳnh Quốc Việt	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	13/04/2015	13/04/2016	00682/15S69
31990	S69-36413			Lâm Văn Lơ	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2015	14/04/2016	00683/15S69
31991	S69-36416			Đào Văn Thừa	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	15/04/2015	15/04/2016	00704/15S69
31992	S69-36417			Nguyễn Văn Chung	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	21/04/2015	21/04/2016	00743/15S69
31993	S69-36423	CM :		Phạm Văn Mãnh	Tân Phú, Huyện Thới Bình	23/04/2015	23/04/2016	00774/15S69
31994	S69-36426			Đặng Văn Y	Khánh Lộc, Huyện Trần Văn Thời	04/05/2015	04/05/2016	00831/15S69
31995	S69-36433			Lâm Sơn Hoàng Đệ	TT.Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	13/05/2015	13/05/2016	00884/15S69
31996	S69-36435			Nguyễn Văn Mị	ấp Đầu Sáu, xã Tân Hải, Huyện Phú Tân	16/05/2015	16/05/2016	00925/15S69
31997	S69-36438			Văn Công Nguyên	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	21/05/2015	21/05/2016	00950/15S69
31998	S69-36439			Văn Công Nguyên	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	21/05/2015	21/05/2016	00951/15S69
31999	S69-36440			Trần Văn Duy	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	26/05/2015	26/05/2016	00962/15S69
32000	S69-36441			Võ Văn Hiền	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	26/05/2015	26/05/2016	00963/15S69
32001	S69-36443			CTY TNHH MTV Cao Thống U Minh	272, Khóm 3, TT.U Minh, Huyện U Minh	27/05/2015	27/05/2016	01006/15S69
32002	S69-36444			CTY TNHH MTV Cao Thống U Minh	272, Khóm 3, TT.U Minh, Huyện U Minh	27/05/2015	27/05/2016	01007/15S69
32003	S69-36445			Trần Lan Châu	Phường 8, Thành phố Cà Mau	27/05/2015	27/05/2016	01010/15S69
32004	S69-36452			Huỳnh Văn Liệt	ấp Công Nghiệp, xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	05/06/2015	05/06/2016	01061/15S69
32005	S69-36453			Nguyễn Văn Dũng	Đông Hưng, Huyện Cái Nước	12/06/2015	12/06/2016	01089/15S69
32006	S69-36455			Trương Thanh Bổng	ấp Cái Đôi, xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/06/2015	16/06/2016	01109/15S69
32007	S69-36456			Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Điện Cà Mau	Số 10, Lý Văn Lâm, Phường 1, Thành phố Cà Mau	01/07/2015	01/07/2016	01212/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
32008	S69-36457			Trần Khánh Văn	ấp Bào Bèo, Lương Thế Trân, Huyện Cái Nước	03/07/2015	03/07/2016	01223/15S69
32009	S69-36458			Hồng Minh Khởi	An Xuyên, Thành phố Cà Mau	13/07/2015	13/07/2016	01252/15S69
32010	S69-36459			Đỗ Văn Đường	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2015	10/07/2016	01253/15S69
32011	S69-36460			Nguyễn Văn Vẹn	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/07/2015	10/07/2016	01254/15S69
32012	S69-36462			Phạm Công Đà	Khóm 7, Phường 5, Thành phố Cà Mau	15/07/2015	15/07/2016	01283/15S69
32013	S69-36467			Bùi Chí Nguyễn	Tân Hưng, Huyện Cái Nước	22/07/2015	22/07/2016	01354/15S69
32014	S69-36473	CM-		Phan Văn Lợi	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	30/07/2015	30/07/2016	01391/15S69
32015	S69-36474			Lê Văn Quận	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01392/15S69
32016	S69-36475			Nguyễn Văn Đen	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01393/15S69
32017	S69-36476			Nguyễn Bá Tùng	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	22/07/2015	22/07/2016	01394/15S69
32018	S69-36477			Trần Thị Tuyến	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	29/07/2015	29/07/2016	01413/15S69
32019	S69-36478			Trần Thị Tuyến	Khóm 2, Phường 8, Thành phố Cà Mau	29/07/2015	29/07/2016	01414/15S69
32020	S69-36480			Ngô Xuân Hiền	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	31/07/2015	31/07/2016	01456/15S69
32021	S69-36482			Dương Văn Hạnh	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	14/08/2015	14/08/2016	01463/15S69
32022	S69-36483			Duy Văn Thống	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	04/08/2015	04/08/2016	01464/15S69
32023	S69-36484			Nguyễn Thanh Nguyên	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	10/08/2015	10/08/2016	01493/15S69
32024	S69-36485			Trịnh Thanh Lợi	Xã Hồ Thị Kỷ, Huyện Thới Bình	11/08/2015	11/08/2016	01494/15S69
32025	S69-36486			Bùi Văn Làng	Khánh An, Huyện U Minh	12/08/2015	12/08/2016	01501/15S69
32026	S69-36489			Nguyễn Văn Bài	ấp Ông Bích, xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/08/2015	18/08/2016	01504/15S69
32027	S69-36490			Phạm Quốc Lâm	ấp Rạch Bào, xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	18/08/2015	18/08/2016	01505/15S69
32028	S69-36491			Lê Văn Sơn	Trần Thới, Huyện Cái Nước	13/08/2015	13/08/2016	01513/15S69
32029	S69-36492			Nguyễn Văn Đây	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	13/08/2015	13/08/2016	01517/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
32030	S69-36493			Nguyễn Minh Luân	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	16/08/2015	16/08/2016	01540/15S69
32031	S69-36495			Trần Bích Loan	225 Lý Văn Lâm,Khóm 2,Phường 1, Thành phố Cà Mau	18/08/2015	18/08/2016	01549/15S69
32032	S69-36514			Lương thị út Nhỏ	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	30/09/2015	30/03/2016	01921/15S69
32033	S69-36568	CM-		Võ Văn út	Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	20/11/2015	20/05/2016	02236/15S69
32034	S69-36701			Đặng Hữu Thành	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/02/2016	01/08/2016	00332/16S69
32035	S69-36706			Nguyễn Văn Lách	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	04/02/2016	04/08/2016	00356/16S69
32036	S69-52157	CM-22322		Nguyễn Thành Công	Đất Mới, Huyện Năm Căn	05/04/2012	05/04/2013	01428/12S69

(Tính đến ngày 31 tháng 08 năm 2016)

Tỉnh thành: Cà Mau (S)

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
1	S69-00012	CM-04021		Trần Thanh Sơn	, Huyện Trần Văn Thời	31/07/2009	31/07/2010	00573/09V69
2	S69-00015	CM-00244	Đức Tài	Lưu Đức Tài	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	18/10/2011	18/10/2012	03742/11S69
3	S69-00022	CM-03439	Ca nô chở khách	Cty TNHHTM-DL Minh Nhật	phường 6, Thành phố Cà Mau	24/04/2008	01/02/2009	00539/08S69
4	S69-00023	CM-	Đò Ngang	CTy TNHH Thương Mại Và Du Lịch Minh Nhật	Phường 6, Thành phố Cà Mau	05/12/2008	05/06/2009	00538/08S69
5	S69-00032	CM-03494	Phương Huỳnh	Nguyễn Văn Thắm	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	21/12/2009	21/12/2010	07230/09S69
6	S69-00033	CM-01202	THANH TOÀN	Trịnh Khoa Vũ	phường 5, Thành phố Cà Mau	08/01/2008	08/01/2009	00057/08S69
7	S69-00035	CM-00696	MINH ĐỨC	Nguyễn Văn Đức	, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06770/07S69
8	S69-00037	CM-00821	Nguyệt Linh	Phạm Chí Linh	Khánh Tiến, Huyện U Minh	03/02/2010	03/02/2011	00705/10S69
9	S69-00046	CM-00711	Hồng Nhung	Lê Hồng Nhung	ấp 18, Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	24/12/2015	24/06/2016	02598/15S69
10	S69-00050	CM-00975	Minh Tiền	Tô Đồng Khởi	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	05/10/2011	05/10/2012	03569/11S69
11	S69-00052	CM-01700	Bảo Trân	Phạm Văn Yên	ấp 10, xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/12/2014	23/12/2015	03493/14S69
12	S69-00056	CM-00959	TUYẾT PHƯƠNG	Trần Tuyết Phương	69, Nguyễn Du, K 5, P 5, Thành phố Cà Mau	29/11/2007	29/11/2008	05866/07S69
13	S69-00060	CM-00443	Minh Tân	Lê Văn Hoàng	Phú Mỹ, Huyện Cái Nước	21/04/2011	21/04/2012	01376/11S69
14	S69-00068	CM-00797	Hướng Dương	Trần Việt Long	Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	22/05/2009	20/05/2010	02881/09S69
15	S69-00069	CM-01061	Kiều Trang	Dư Thúy Kiều	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	19/09/2008	19/03/2009	06600/08S69
16	S69-00073	CM-01115	Minh Tuấn 2	Đào Minh Tuấn	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	22/06/2011	22/06/2012	02060/11S69
17	S69-00083	CM-01089	CHÍ THÀNH	Đào ánh Xuân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2009	12/11/2010	07072/09S69
18	S69-00086	CM-01965	Trung Nguyên	Ngô Hoàng Quý	Phú Tân, Huyện Phú Tân	26/06/2009	22/06/2010	03525/09S69
19	S69-00090	CM-00771	Hướng Dương	Đoàn Văn Hưng	KI, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	12/11/2009	12/11/2010	06608/09S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
20	S69-00104	CM-01102	Duy Thanh	Nguyễn Văn Thanh	Trí Phải, Huyện Thới Bình	31/12/2014	09/12/2015	03602/14S69
21	S69-00105	CM-00548	Chí Thiện	Lê Văn Toàn	Khóm 4, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	07/05/2010	07/05/2011	02546/10S69
22	S69-00118	CM-00610	MINH TÂM	Tăng Văn Đèo	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	07/10/2008	07/04/2009	06859/08S69
23	S69-00121	CM-00963	Khải Minh	Huỳnh Quốc Việt	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/03/2013	10/03/2014	01565/13S69
24	S69-00127	CM-01515	Lữ THẮNG	Nguyễn Minh Khương	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00718/08S69
25	S69-00128	CM-02887		Lê Thế Hoà	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	28/01/2008	28/01/2009	00484/08S69
26	S69-00132	CM-01225	Thành Công	Dương Thị Sơn	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2009	16/09/2010	01815/09S69
27	S69-00140	CM-04193		Lê Ngọc Hải	Xã Tân Bằng, Huyện Thới Bình	21/05/2015	07/10/2015	00927/15S69
28	S69-00145	CM-01092	CHÍ TÂM	Nguyễn Chí Tâm	Vùng 4, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01933/08S69
29	S69-00146	CM-00101	Quốc Cường	Lê Văn Khố	Tan Thành B, Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01934/08S69
30	S69-00149	CM-00067	Hồng Thắm	Nguyễn Minh Tứ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01911/08S69
31	S69-00150	CM-01057	Trường Lam	Đỗ Văn Tiền	ấp Thuận Hòa, xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/11/2012	11/11/2013	06713/12S69
32	S69-00154	CM-00138	Minh Thảo	Trương Văn Hồng	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	01/09/2011	28/08/2012	02995/11S69
33	S69-00160	CM-00262	MINH VƯƠNG	Trương Văn Sương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06452/08S69
34	S69-00161	CM-00231	Huỳnh Huy	Liêu Thanh Huyền	Vàm Đầm, Nguyên Huân, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/03/2009	06397/08S69
35	S69-00166	CM-00939	Kiều Diễm	Phạm Thanh Bồn	ấp Tân Thành, Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/06/2011	28/06/2012	02140/11S69
36	S69-00167	CM-00497	HÔNG PHẢI	Võ Văn Thế	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01919/08S69
37	S69-00168	CM-00463	PHƯƠNG TÂY	Nguyễn Phương Tây	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	26/05/2009	26/11/2009	02981/09S69
38	S69-00171	CM-01143	ANH THỨ	Bùi Thanh Long	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	22/12/2014	13/05/2015	03416/14S69
39	S69-00177	CM-00060	HOÀNG ĐIỆN 2	Nguyễn Viết Điện	K4 TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	25/12/2007	25/12/2008	07050/07S69
40	S69-00178	CM-01624	Hồng Duyên	Ngô Văn Mười	ấp Tân Thành , Tạ An Khương Nam, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01896/08S69
41	S69-00179	CM-00247	Minh Tèo	Phạm Văn Tèo	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	05/09/2014	05/09/2015	02452/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
42	S69-00187	CM-00464	Phương Tây 1	Nguyễn Phương Tây	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	28/08/2013	28/08/2014	04161/13S69
43	S69-00189	CM-00122	Vũ Phương	Trần Minh Cảnh	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01853/09S69
44	S69-00192	CM-00189	YÊN NHI	Hồ Thành Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06449/08S69
45	S69-00193	CM-01098	Huỳnh My	Huỳnh Văn My	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2012	14/09/2013	04865/12S69
46	S69-00194	CM-01692	Duy Khánh	Lâm Ngọc Linh	Tân Phước, Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06436/08S69
47	S69-00195	CM-00132	Linh Mãi	Chung Minh Kỳ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/02/2010	28/02/2011	01007/10S69
48	S69-00196	CM-01739	NGỌC TRONG	Phạm Công Nghiệp	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2010	28/03/2011	01809/10S69
49	S69-00197	CM-01436	Vũ Linh	Lê Hoàng Tâm	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06447/08S69
50	S69-00198	CM-04176		Phương Chiến Thắng	Khóm 5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	16/03/2009	14/03/2010	01870/09S69
51	S69-00199	CM-00655	Hồng Mơ	Nguyễn Minh Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01343/10S69
52	S69-00201	CM-00974	NGỌC TRANG	Trần Thanh Hòa	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/02/2011	28/02/2012	00681/11S69
53	S69-00203	CM-00630	MINH HẢI	Nguyễn Thanh Quý	Tạ an khương Nam, Huyện Đầm Dơi	20/11/2008	20/11/2009	09054/08S69
54	S69-00206	CM-00204	Nhật Trường	Nguyễn Văn Trường	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	06/05/2011	06/05/2012	01524/11S69
55	S69-00208	CM-00726	TRUNG HIẾU	Võ Trung Hiếu	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06466/08S69
56	S69-00209	CM-00682	Minh Tiệp	Lê Văn Thêm	ấp Nhị Nguyệt, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/08/2012	28/08/2013	04581/12S69
57	S69-00211	CM-02938		Nguyễn Văn Chổng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/09/2010	28/09/2011	05048/10S69
58	S69-00213	CM-00050	Như ý	Nguyễn Thị Chanh	Hòa Đức, Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01937/08S69
59	S69-00220	CM-02410	Chí Linh	Trần Văn Phol	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04026/11S69
60	S69-00223	CM-00942	Phú Triệu	Trương Văn Rót	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	15/03/2009	15/03/2010	01898/09S69
61	S69-00226	CM-01066	Triệu Long	Cao Hoàng Ngô	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/03/2009	06420/08S69
62	S69-00228	CM-00501	KIỀU DIỄM	Trương Văn Việt	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01916/08S69
63	S69-00230	CM-02904		Ngô Hồng Tiến	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01929/08S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
64	S69-00234	CM-00047	MINH VƯƠNG	Trương Văn Sương	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01345/10S69
65	S69-00235	CM-01091	TÂN LỰC	Trần Hữu Hạnh	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01095/11S69
66	S69-00238	CM-00788	MINH THỨC	Nguyễn Minh Thức	ấp Nhị Nguyệt, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01339/10S69
67	S69-00239	CM-01401	HOÀNG TÁM 2	Trần Văn Tám	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/10/2012	04/10/2013	05319/12S69
68	S69-00241	CM-01616	Vũ Bảo I	Dương Văn Liễu	ấp Tân Phú,Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01931/08S69
69	S69-00242	CM-00118	Minh Xuyên 2	Lê Quốc Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06448/08S69
70	S69-00243	CM-00119	MINH XUYỀN	Trương Thanh Kiều	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01923/08S69
71	S69-00253	CM-02209	Thanh Sỹ	Lư Thanh Sỹ	ấp Cầu Ván, Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01859/09S69
72	S69-00258	CM-00636	Thanh Huỳnh II	Nguyễn Văn Biên	Nhị Nguyệt, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01887/09S69
73	S69-00268	CM-00640	Đông Xuân	Phạm Đông Xuân	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	26/12/2007	26/12/2008	07013/07S69
74	S69-00269	CM-00127	MINH CÔNG	Lê Minh Công	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	05/03/2010	05/03/2011	01056/10S69
75	S69-00270	CM-01421	NHẬT BẢO	Phạm Nhựt Tỷ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01914/08S69
76	S69-00271	CM-00498	Dương Khanh	Trương Văn Măng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01917/08S69
77	S69-00273	CM-01093	MINH CHIẾN	Ngô Minh Chiến	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01932/08S69
78	S69-00278	CM-	Hồng Nhanh	Đoàn Văn Thêm	Hiệp Hòa Tây, Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06464/08S69
79	S69-00280	CM-01691	DIỆU HIỀN	Trần Thị Diễm	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01879/09S69
80	S69-00287	CM-00100	HẢI ĐĂNG	Trương Văn Sáu	Bờ Đập, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	01/11/2011	01/11/2012	04033/11S69
81	S69-00288	CM-00891	Thành Công	Nguyễn Văn Công	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	13/09/2008	13/03/2009	06414/08S69
82	S69-00289	CM-01272	Minh Bằng	Huỳnh Minh Bằng	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06465/08S69
83	S69-00293	CM-01273	Bảo Quốc	Lê Văn Bình	ấp Thuận Hoà XãTân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/03/2011	28/03/2012	01097/11S69
84	S69-00294	CM-00194	Thanh Chiến	Lý Thanh Nhàn	Chà Là, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	07/12/2007	07/12/2008	06387/07S69
85	S69-00296	CM-01728	Phương Nam	Nguyễn Phương Nam	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	13/01/2012	13/01/2013	00212/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
86	S69-00297	CM-00971		Nguyễn Văn Đạt	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/09/2008	01927/08S69
87	S69-00298	CM-02995	Văn Trắng	Võ Văn Trắng	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	29/04/2008	29/04/2009	03055/08S69
88	S69-00299	CM-01457	Hoàng Khanh	Trương Thị Cam	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06457/08S69
89	S69-00300	CM-01535	Phương Đình	Lê Văn Chiến	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/03/2009	14/03/2010	01889/09S69
90	S69-00369	CM-		Đoàn Thị Hồng	Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06455/08S69
91	S69-00388	CM-		Đoàn Văn Đen	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	28/12/2007	28/12/2008	07066/07S69
92	S69-00397	CM-06637		Đoàn Văn Cọp	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	29/02/2008	28/02/2009	00973/08S69
93	S69-00420	CM-	Hoàng Tám	Trần Văn Sơn	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06470/08S69
94	S69-00426	CM-00579	MINH QUANG	Trần Văn Chinh	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	14/10/2011	14/10/2012	03707/11S69
95	S69-00435	CM-01964	Vỏ khách	Đoái Văn Dụ	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06444/08S69
96	S69-00436	CM-01684	THU BIÊN	Nguyễn Thanh Hà	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06443/08S69
97	S69-00441	CM-03483		Ngô Văn Nguyệt	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	07/07/2010	07/06/2011	03511/10S69
98	S69-00445	CM-00688	Thanh Hải	Phạm Thanh Hải	Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	23/01/2009	23/01/2010	00446/09S69
99	S69-00455	CM-04738	Phú Hưởng	Nguyễn Văn Hưng	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/10/2010	18/10/2011	05213/10S69
100	S69-00456	CM-00335	Việt Thành	Trần Trung Thu	Phường 1, Thành phố Cà Mau	12/01/2010	12/01/2011	00171/10S69
101	S69-00457	CM-00784	Bảo Toàn	Hợp Tác Xã Thủy Bộ	P7, Thành phố Cà Mau	26/11/2008	26/11/2009	09135/08S69
102	S69-00464	CM-02834	Hữu Nghị	Đoàn Tấn Lực	Khóm 2, Phường 1, Thành phố Cà Mau	07/04/2008	07/10/2008	02158/08S69
103	S69-00467	CM-01040	Diễm My	Trương Văn Đấu	Khóm 3, Phường 8, Thành phố Cà Mau	13/12/2010	13/12/2011	05961/10S69
104	S69-00469	CM-00828	Đại Thành	Nguyễn Văn Khải	Thị Trấn Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	25/12/2008	25/12/2009	10435/08S69
105	S69-00475	CM-00210	Hồng Phát	Lê Thanh Phong	Khóm 4, Phường 8, Thành phố Cà Mau	31/03/2008	30/09/2008	02103/08S69
106	S69-00561	CM- 01826	Tấn Phát	Huỳnh Văn Bình	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06333/07S69
107	S69-00563	CM-01343		Hà Văn Vững	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/12/2008	12/12/2009	09984/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
108	S69-00570	CM-00136	Tuấn Bình	Ngô Văn Tỷ	F9, Thành phố Cà Mau	03/11/2007	03/11/2008	04722/07S69
109	S69-00573	CM-02320		Lê Thị Non	ấp Rau Dừa B, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04726/07S69
110	S69-00581	CM-02924	Hoàng Gập	Phạm Hoàng Gập	Xã Đông Hưng, Huyện Cái Nước	10/02/2012	10/02/2013	00462/12S69
111	S69-00582	CM-01987	Thanh Quang	Trần Thanh Phong	ấp Lý ấn, Hưng Mỹ, Huyện Cái Nước	12/01/2011	12/01/2012	00178/11S69
112	S69-00622	CM-01087	chí que	Đào ánh Xuân	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2014	30/12/2015	03597/15S69
113	S69-00632	CM-00198	Cao Tuấn I	Danh Văn Cao	Khóm1, Phường 9, Thành phố Cà Mau	11/05/2013	11/05/2014	02530/13S69
114	S69-00639	CM-02892	THANH SƠN	Trần Văn Chia	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2008	20/12/2009	10790/08S69
115	S69-00647	CM-00511	Phát Huy	Đỗ Minh Quảng	Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	04/01/2008	04/01/2009	00030/08S69
116	S69-00649	CM-00070	Hoàng Kim	Huỳnh Kim Hoa	phường 1, Thành phố Cà Mau	20/10/2008	20/04/2009	07607/08S69
117	S69-00650	CM-00326	PHƯỚC THẮNG	Lai Văn Phước	, Huyện Trần Văn Thời	16/09/2010	16/09/2011	04775/10S69
118	S69-00665	CM-00089	Quốc Khởi	Hồ Quốc Khởi	Khóm 8, Phường 7, Thành phố Cà Mau	10/03/2015	25/02/2016	00425/15S69
119	S69-00667	CM-03003	Ngọc Lợi	Phạm Ngọc Lợi	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	14/12/2014	14/12/2015	03263/14S69
120	S69-00676	CM-00530	TRỌNG HỮU II	Châu Văn Hợp	ấp 5, Xã Khánh Hoà, Huyện U Minh	23/10/2008	23/04/2009	07730/08S69
121	S69-00685	CM-00504	Đạt Thành	Trần Văn Sen	Phường 8, Thành phố Cà Mau	25/12/2007	25/12/2008	07056/07S69
122	S69-00705	CM-00343	Cao Tuấn 2	Trần Kim Tuyết	Phường 8, Thành phố Cà Mau	22/10/2007	22/10/2008	04291/07S69
123	S69-00711	CM-01361	Minh Tuấn	Trần Thị Nga	K4, P8, Thành phố Cà Mau	28/03/2011	28/03/2012	01030/11S69
124	S69-00727	CM-00129	Tân Xuyên	Châu Vĩnh Xuyên	Khóm I, Phường 8, Thành phố Cà Mau	12/02/2009	12/02/2010	00521/09S69
125	S69-00733	CM-00235	Cao Tuấn	Danh Cẩm Hồng	Khóm I, Phường 9, Thành phố Cà Mau	04/11/2008	04/11/2009	08714/08S69
126	S69-00734	CM-00130	PHƯỜNG NAM I	Nguyễn Tấn Dũng	Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	05/11/2007	05/11/2008	04712/07S69
127	S69-00738	CM-00282	HỮU NGHỊ 1	Đoàn Văn Thân	Khóm 5 , Phường 8, Thành phố Cà Mau	18/11/2008	18/11/2009	08994/08S69
128	S69-00749	CM-01354		Huỳnh Tấn Lợi	Khóm 1, TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	28/09/2012	27/09/2013	05135/12S69
129	S69-00750	CM-00328	Tấn Phát	Lý Hùng Nhạc	259 K 2, Lý Văn Lâm, Phường 1, Thành phố Cà Mau	18/12/2008	18/12/2009	10064/08S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
130	S69-00761	CM-02662	Võ CÔNG Vự	Cty Xây Lắp Điện Cà Mau	138-Lê Lợi, P2, Thành phố Cà Mau	13/05/2013	13/05/2014	02539/13S69
131	S69-00762	CM-01168	Thuận Thảo	Nguyễn Thị Tuyết	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	04/08/2008	04/02/2009	06053/08S69
132	S69-00772	CM-01201	Vũ LINH	Lê Thị Lánh	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	22/12/2011	22/12/2012	04986/11S69
133	S69-00773	CM-00366	THANH LIÊM	Nguyễn Thanh Liêm	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	09/05/2009	09/11/2009	02707/09S69
134	S69-00774	CM-01200	Thùy Linh	Nguyễn Văn Cống	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2011	01/12/2012	04708/11S69
135	S69-00775	CM-01247	Võ Khách	Trần Văn Sáng	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2011	08/03/2012	00767/11S69
136	S69-00776	CM-01317	CHÍ TÂM	Huỳnh Minh Luân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2009	10/10/2010	06318/09S69
137	S69-00777	CM-00902	PHƯỚC ĐOÀN	Tô Hy Vọng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02595/08S69
138	S69-00779	CM-02218	Võ CÔNG Tác	C.Ty Xây Lắp Bưu Điện Cà Mau	146 A, Nguyễn Tất Thành, K8, P8, Thành phố Cà Mau	08/03/2010	08/03/2011	01067/10S69
139	S69-00791	CM-03174	TƯỜNG PHƯỚC	Quách Tường Phước	07 Lý Văn Lâm, K4, P1, Thành phố Cà Mau	19/11/2007	19/11/2008	04897/07S69
140	S69-00796	CM-00071	Hoàng Kim II	Lê Minh Chí	301 Lý Văn Lâm,P1,Thành Phố Cà Mau, Thành phố Cà Mau	25/02/2011	25/02/2012	00624/11S69
141	S69-00803	CM-00709	Trung Kiên	Phan Trung Kiên	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	31/12/2010	31/12/2011	06411/10S69
142	S69-00805	CM-00095	Hướng Dương	Đoàn Văn Hưng	K1, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	19/03/2010	19/03/2011	01484/10S69
143	S69-00808	CM-01855	Thành Nghi	Đào ánh Xuân	Phong lạc, Huyện Trần Văn Thời	12/04/2010	12/04/2011	01994/10S69
144	S69-00809	CM-01086	MINH THUẬN 2	Đào ánh Xuân	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	09/04/2011	09/04/2012	01191/11S69
145	S69-00819	CM-01332	Hồng Hải	Trần Văn Hải	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	09/12/2008	09/12/2009	09779/08S69
146	S69-00824	CM-01963	QUANG MINH	Châu Quang Kiệt	K I, TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00185/08S69
147	S69-00825	CM-02664	THANH DANH	Nguyễn Trường Sơn	Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	66687/07S69
148	S69-00829	CM-03532	Minh Tám	Bùi Quang Tám	Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01852/10S69
149	S69-00948	CM-00459	Phương Quang 2	Nguyễn Văn Quang	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2008	11/06/2009	09805/08S69
150	S69-00949	CM-03254		Võ Diễm Thúy	Xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời	15/08/2011	15/02/2012	02677/11S69
151	S69-00956	CM-00510	Ngọc Điệp	Nguyễn Thành Lệnh	Hưng Hiệp, Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	20/11/2010	20/11/2011	05719/10S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
152	S69-00971	CM-03206	ẢNH VƯƠNG	Dư Khánh Vương	Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời	12/07/2012	12/07/2013	03778/12S69
153	S69-00979	CM-00628	Minh Thái	Phạm Minh Thái	Phường 8, Thành phố Cà Mau	04/12/2008	06/12/2009	09640/08S69
154	S69-00983	CM-01952	TIẾN DŨNG	Dương Văn Tấn	Cái Đôi, Phú Tân, Huyện Phú Tân	14/12/2008	14/12/2009	09996/08S69
155	S69-00994	CM-00554	HOÀNG GIANG	Quách Văn Nguyễn	, Huyện Thới Bình	17/10/2008	17/04/2009	04558/08V94
156	S69-01068	CM-06384	Minh Tươi	Phạm Tấn Đạt	Khóm 2, Huyện Năm Căn	03/03/2009	03/09/2009	01096/09S69
157	S69-01135	CM-00754	NHẬT MINH	Quách Văn Điện	ấp Biện Trượng, Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/05/2012	24/05/2013	02410/12S69
158	S69-01136	CM-00825		Nguyễn Văn Sáu	Đất Mới, Huyện Năm Căn	24/12/2007	24/12/2008	07036/07S69
159	S69-01137	CM-02346	PHƯƠNG BÌNH	Tiết Văn Mạnh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	05/02/2009	05/02/2010	00488/09S69
160	S69-01143	CM-00441	Quốc Dương	Quách Minh Phát	Khóm 2, Phường 1, Thành phố Cà Mau	11/12/2008	11/12/2009	09792/08S69
161	S69-01144	CM- 01374	HÔNG THẨM	Nguyễn Hoàng Minh	Xã Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	12/12/2007	12/12/2008	06685/07S69
162	S69-01146	CM-01141	Minh Tuấn 4	Đào Vũ Linh	Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	24/06/2010	24/06/2011	03325/10S69
163	S69-01153	CM-00385	Ngọc Tân	Nguyễn Ngọc Tân	Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	29/11/2014	10/09/2015	03109/14S69
164	S69-01155	CM-01167	Thuận Thảo	Trương Văn Ân	Tân Thành, Thành phố Cà Mau	24/12/2007	24/12/2008	07037/07S69
165	S69-01167	CM-03178		Phan Thanh Liêm	ấp Cái Đôi, Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	27/05/2008	27/05/2009	03585/08S69
166	S69-01169	CM-00373	Thanh Hùng	Lâm Thanh Hùng	khóm 3, P1, Thành phố Cà Mau	14/01/2013	02/01/2014	00022/13S69
167	S69-01170	CM-00965	Vỏ Hàng	Trần Hoàng Diện	K2, KV2, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/05/2013	20/05/2014	02674/13S69
168	S69-01178	CM-00765	Minh Trí	Lê Tùng Em	TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	14/11/2012	12/11/2013	06759/12S69
169	S69-01181	CM-00280	CHIẾN THẮNG	Nguyễn Chí Công	ấp Rạch Lùm, Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	16/01/2013	12/01/2014	00457/13S69
170	S69-01189	CM-01147	Loan Phụng	Võ Văn Bình	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	05/02/2010	05/02/2011	00806/10S69
171	S69-01192	CM-01661	ANH THƯ	Trương Văn Tôn	Phú Thuận, Huyện Phú Tân	19/03/2010	19/03/2011	01483/10S69
172	S69-01193	CM-00347	CM-00347	Nguyễn Thành Đô	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	29/01/2010	29/01/2011	00626/10S69
173	S69-01234	CM-01219	Ngọc Hân	Nguyễn Hữu Thừa	ấp 5, Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	29/12/2009	29/12/2010	07416/09S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
174	S69-01249	CM-03615		Nguyễn Văn Tiến	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	04/07/2008	04/07/2009	05527/08S69
175	S69-01252	CM-00298	Hồng Nguyên	Phạm Thị Nhen	Thị Trấn Thới Bình, Huyện Thới Bình	09/01/2009	09/01/2010	00101/09S69
176	S69-01370	CM-00285	CM 00285	Nguyễn Minh Khương	, Huyện Trần Văn Thời	20/12/2012	20/12/2013	09190/12S69
177	S69-01378	CM-01362	MINH TUẤN 3	Trần Thị Nga	K 4, P 8, Thành phố Cà Mau	31/12/2007	31/12/2008	07071/07S69
178	S69-01380	CM-01782	ANH XUYỀN	Huỳnh Việt Quân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	13/01/2014	13/01/2015	00130/14S69
179	S69-01381	CM-01016	Tân Phát	Phan Hội An	Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	26/12/2014	26/12/2015	03494/14S69
180	S69-01383	CM-01174	Minh Dương	Võ Thị Kiệt	ấp 9, Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	24/12/2013	24/12/2014	06326/13S69
181	S69-01384	CM-01699	Thật Tấn	Châu Trung Lập	Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/12/2011	27/12/2012	05039/11S69
182	S69-01397	CM-00383	KIÊN NHÂN 2	Trần Văn Tuấn	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00711/08S69
183	S69-01521	CM-00137	Kiều Mỹ	Nguyễn Thúy Kiều	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	08/09/2008	08/03/2009	06222/08S69
184	S69-01533	CM-00401	Minh Nhứt	Quách Văn Bùi	Phường 1, Thành phố Cà Mau	21/01/2009	21/01/2010	00435/09S69
185	S69-01539	CM-00217	Việt Mỹ	Trần Gái	Phường 1, Thành phố Cà Mau	04/04/2011	04/04/2012	01153/11S69
186	S69-01660	CM-01896		Trung Tâm Y Tế Huyện Đầm Dơi	Số 80, K5, TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	21/02/2008	21/02/2009	00681/08S69
187	S69-01662	CM-00970	Hồng Mến	Nguyễn Văn Phúc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	18/01/2008	18/01/2009	00164/08S69
188	S69-01663	CM-00990	Tấn Thành	Nguyễn Văn Nhu	Trần Hội, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2010	11/01/2011	00144/10S69
189	S69-01667	CM- 00817	Việt Hải	Lê Thị Mỹ Em	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	20/01/2010	20/01/2011	00271/10S69
190	S69-01672	CM-00826	VIỆT PHƯƠNG	Nguyễn Văn Toàn	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	22/01/2009	22/01/2010	00441/09S69
191	S69-01674	CM-01486	Hải Nhung	Lê Hồng Nhung	ấp 18 Xã Biển Bạch, Huyện Thới Bình	18/09/2008	18/03/2009	06586/08S69
192	S69-01689	CM-00124	Thanh Tâm	Phan Thái Khải	phường 8, Thành phố Cà Mau	22/02/2011	22/02/2012	00574/11S69
193	S69-01690	CM-00193		Hồ Văn Tân	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	10/03/2015	24/01/2016	00436/15S69
194	S69-01701	CM-00471	THÀNH CÔNG	Trần Thanh Tùng	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	31/01/2008	31/01/2009	00625/08S69
195	S69-01711	CM-00320	Anh Duy	Lê Văn Châu	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/03/2011	01/03/2012	00648/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
196	S69-01713	CM-00503	BUŨ ĐIỆN	Lâm Mỹ Hằng	ấp 9, Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	11/01/2010	11/01/2011	00136/10S69
197	S69-01729	CM-01954	Lệ TRINH	Dương Thị út	Cái Đồi, Phú Tân, Huyện Phú Tân	23/01/2008	23/01/2009	00273/08S69
198	S69-01763	CM-00861	Việt Khái	Nguyễn Hoàng Nam	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	29/01/2008	29/01/2009	00501/08S69
199	S69-01767	CM-00371		Nguyễn Thị Nội	Phường 6, Thành phố Cà Mau	25/01/2008	25/01/2009	00298/08S69
200	S69-01781	CM-04028	HOÀNG DÂN	Trương Hoàng Dân	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2010	26/01/2011	00441/10S69
201	S69-01789	CM-02913	Vô Khách	Lê Văn Tèo	Kinh Mới, Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	10/09/2008	10/09/2009	06238/08S69
202	S69-01800	CM-01512	Minh Trường	Lê Văn Kiêm	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00716/08S69
203	S69-01814	CM-00391	MINH PHỤNG	Phạm Văn út	khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	05/05/2011	05/05/2012	01514/11S69
204	S69-01835	CM-02213		Cty CP Xây Lắp và Dịch Vụ Bưu Điện Cà Mau	P8, Thành phố Cà Mau	30/08/2012	30/08/2013	04618/12S69
205	S69-01837	CM-01078	Tuấn Phát 1	Phạm Minh Chính	KV1, TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00724/08S69
206	S69-01847	CM-01418	Minh Cảnh	Lê Công Cảnh	TT Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	10/12/2008	10/12/2009	09806/08S69
207	S69-01899	CM-01547	Phước Toàn	Nguyễn Minh Khương	xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00721/08S69
208	S69-01947	CM-00850	Minh Tuấn	Trần Văn Đáng	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	25/02/2008	25/02/2009	00722/08S69
209	S69-01960	CM-02875	ánh Hùng	Trần Văn Gon	Xã Tân Hưng Tây, Huyện Cái Nước	15/01/2014	12/12/2014	00163/14S69
210	S69-02201	CM-00419		Lê Hồng Phúc	ấp Tắc Biển, Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	31/07/2009	31/07/2010	04714/09S69
211	S69-02210	CM-01843	Thanh Liêm	Lê Minh Vũ	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	07/03/2011	07/03/2012	00751/11S69
212	S69-02293	CM-04159	Diệp Tuấn	Nguyễn Thanh Sơn	xã quách phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	05/07/2013	04/07/2014	03421/13S69
213	S69-02329	CM-03251	PHI PHI	Nguyễn Phi Long	Khánh Hội, Huyện U Minh	04/11/2012	04/11/2013	05830/12S69
214	S69-02356	CM-01558		Trần Minh Mọi	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	27/02/2008	27/02/2009	00958/08S69
215	S69-02385	CM-01672	THANH TUẤN	Trần Văn Sớm	Xã Khánh Tiến, Huyện U Minh	06/08/2010	06/08/2011	04210/10S69
216	S69-02386	CM-03253	THANH SÁNG	Tô Thanh Sáng	Khánh Lâm, Huyện U Minh	10/12/2010	10/12/2011	05957/10S69
217	S69-02422	CM-01412	Thanh Tuấn 1	Trần Văn Hận	Khánh Tiến, Huyện U Minh	08/03/2013	08/03/2014	01563/13S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
218	S69-02476	CM-02718		Nguyễn Hoàng Hôn	Phường 7, Thành phố Cà Mau	07/03/2011	07/03/2012	00746/11S69
219	S69-02579	CM-		Nguyễn Văn Nhứt	Xã Tân Hưng, Huyện Cái Nước	27/05/2008	27/05/2009	03611/08S69
220	S69-02704	CM-04343		Lê Văn Khởi	Xã Khánh An, Huyện U Minh	14/08/2014	15/01/2015	02182/14S69
221	S69-02873	CM-01470	Thanh Mộng	Trịnh Văn Hải	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	19/09/2008	19/03/2009	06630/08S69
222	S69-02885	CM-01190	VĂN ĐẢM	Nguyễn Văn Đăm	Rau Dừa, Hoà Mỹ, Huyện Cái Nước	16/08/2009	16/08/2010	04911/09S69
223	S69-02963	CM-		Hà Kha Ly	Gành Hào, Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	29/01/2008	29/01/2009	00512/08S69
224	S69-02995	CM-03229	Thùy Đoan	Ngô Hoàng Dân	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	28/10/2010	28/10/2011	05443/10S69
225	S69-03001	CM-03094		Phan Thành Lộc	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01939/08S69
226	S69-03011	CM-01531	Huyền Trân	Đỗ Văn Năng	ấp Thuận Lợi A, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/04/2008	11/10/2008	02285/08S69
227	S69-03013	CM-00466	Phương Bắc	Nguyễn Phương Bắc	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	14/03/2010	14/03/2011	01344/10S69
228	S69-03017	CM-03202	Trung Hậu	Nguyễn Trung Hậu	Xã Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/09/2009	06247/08S69
229	S69-03024	CM-01417	Hoài Phong	Dương Văn Đại	ấp Tân Phú, Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	27/08/2009	27/08/2010	05157/09S69
230	S69-03055	CM-02706	MINH BỐN	Nguyễn Văn Tốt	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	08/01/2009	08/01/2010	00080/09S69
231	S69-03212	CM-04474		Lâm Văn Đợi	Xã Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	29/04/2008	29/04/2009	03052/08S69
232	S69-03343	CM-		Nguyễn Hoàng Phương	Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	14/04/2008	14/04/2009	02298/08S69
233	S69-03380	CM-07663		Ngô Văn Khuê	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	23/04/2008	23/04/2009	02828/08S69
234	S69-03459	CM-		Trần Văn Nguyên	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	07/04/2008	07/04/2009	02161/08S69
235	S69-03711	CM-00962	Phương Duy	Nguyễn Chí Hạnh	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	13/05/2015	23/04/2016	00183/15V69
236	S69-03786	CM-		Nguyễn Văn Sơn	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	09/10/2007	09/10/2008	03920/07S69
237	S69-04126	CM-05084	Phú Hải	Trần Thị Mỹ Hạnh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	23/06/2009	23/06/2010	03464/09S69
238	S69-04294	CM-		Lê Văn Sang	ấp 2, Tân Lộc, Huyện Thới Bình	14/10/2007	14/10/2008	04501/07S69
239	S69-04386	CM-00128	Việt Bắc	Tạ Quốc Nam	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	22/10/2008	22/04/2009	07724/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
240	S69-04390	CM-00449		Cao Thanh Hùng	, Huyện Đầm Dơi	24/10/2007	24/10/2008	04462/07S69
241	S69-04401	CM-01682	Kiểu Diễm	Nguyễn Văn Tập	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	26/10/2007	26/10/2008	04588/07S69
242	S69-04484	CM-		Nguyễn Văn Hà	Xã Tam Giang Đông, Huyện Năm Căn	01/11/2007	01/11/2008	04677/07S69
243	S69-04504	CM-03017	KIỀU PHƯƠNG	Võ Văn Che	Lâm Trường II, Huyện U Minh	26/06/2009	26/06/2010	03695/09S69
244	S69-04506	CM-03207		Lâm Minh Hoàng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	23/07/2012	28/12/2012	03945/12S69
245	S69-04522	CM-		Trần Văn Túy	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	03/11/2007	03/11/2008	04741/07S69
246	S69-04527	CM-		Võ Văn Phương	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	03/11/2007	03/11/2008	04746/07S69
247	S69-04559	CM-		Trần Văn Dũng	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	03/11/2007	03/11/2008	04778/07S69
248	S69-04594	CM-		Phạm Quốc Khuynh	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04808/07S69
249	S69-04602	CM-		Nguyễn Văn Đệ	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	06/11/2007	06/11/2008	04816/07S69
250	S69-04606	CM-02333	NHƯ MụI	Huỳnh Văn Phố	Đông Thới, Huyện Cái Nước	03/11/2007	03/11/2008	04821/07S69
251	S69-04608	CM-		Hồ Chí Đế	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2007	08/11/2008	04823/07S69
252	S69-04658	CM-	Đồ Học Sinh	Đỗ Văn Đàng	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	04948/07S69
253	S69-04791	CM-		Mai Văn Khanh	Tân Hưng Tây, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05070/07S69
254	S69-05293	CM-		Ngô Văn Trí	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05928/07S69
255	S69-05294	CM-		Nguyễn Phong Phú	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05929/07S69
256	S69-05302	CM-		Trần Văn Cảnh	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05937/07S69
257	S69-05306	CM-		Lưu Minh Sử	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05941/07S69
258	S69-05309	CM-		Lý Văn Hoàng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05944/07S69
259	S69-05315	CM-		Trần Thanh Phong	K1, TT Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05496/07S69
260	S69-05392	CM-		Trịnh Minh Hà	Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	11/11/2007	11/11/2008	05576/07S69
261	S69-05573	CM-		Thạch Văn Quý	Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời	08/08/2007	04/08/2008	05721/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
262	S69-05580	CM-01393	HÔNG THU	Trần Chí Hào	Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	21/01/2014	21/01/2015	00233/14S69
263	S69-05591	CM-01282	NGỌC TOÁN	Trần Văn Toán	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	30/08/2010	30/08/2011	04559/10S69
264	S69-05629	CM-06306	Thành Công	Trần Thành Công	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	26/06/2008	26/06/2009	05081/08S69
265	S69-05677	CM-		Đàm Văn Hùng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05989/07S69
266	S69-05680	CM-		Lê Văn Dầu	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05992/07S69
267	S69-05685	CM-	Nhất Duy	Nguyễn Thống Nhất	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	05997/07S69
268	S69-05688	CM-		Từ Văn Yên	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06000/07S69
269	S69-05701	CM-		Phạm Thanh Hồng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06013/07S69
270	S69-05703	CM-		Huỳnh Minh Đạt	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06015/07S69
271	S69-05706	CM-		Nguyễn Văn Hồng	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06018/07S69
272	S69-05709	CM-		Ngô Phước Đức	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06021/07S69
273	S69-05710	CM-06497		Đỗ Văn Em	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	11/04/2010	11/04/2011	01983/10S69
274	S69-05713	CM-		Nguyễn Thành Tâm	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	06/12/2007	24/11/2008	06025/07S69
275	S69-05728	CM-		Trần Văn Thống	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06040/07S69
276	S69-05729	CM-		Nguyễn Văn Dành	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06041/07S69
277	S69-05745	CM-		Huỳnh Văn Dụ	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06059/07S69
278	S69-05754	CM-		Lê Thanh Mộng	Xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06068/07S69
279	S69-05768	CM-		Nguyễn Văn Hoàng	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06077/07S69
280	S69-05803	CM-	Tú Quyên	Nguyễn Tú Anh	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06112/07S69
281	S69-05819	CM-	Khánh Đồng	Nguyễn Hoàng Khởi	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06128/07S69
282	S69-05821	CM-	Hoà Hợp	Tiết Văn Sử	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06130/07S69
283	S69-05840	CM-		Phạm Văn Vũ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2007	24/11/2008	06145/07S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
284	S69-05844	CM-		Liêu Minh Khởi	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	03/12/2007	03/12/2008	05878/07S69
285	S69-05857	CM-		Nguyễn Văn Tới	Xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	01/12/2007	01/12/2008	06161/07S69
286	S69-05910	CM-		Đoàn Văn Dương	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06214/07S69
287	S69-05977	CM-		Phạm Văn út	Xã Khánh Bình Tây Bắc, Huyện Trần Văn Thời	01/12/2007	01/12/2008	06278/07S69
288	S69-06016	CM-01067	Khánh Duy	Nguyễn Văn Mông	ấp Rau Dừa, Xã Mỹ Hưng, Huyện Cái Nước	02/12/2007	02/12/2008	06316/07S69
289	S69-06158	CM-		Trần Văn Mỹ	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	02/12/2007	02/12/2008	06484/07S69
290	S69-06243	CM-00087	Trịnh Kiên	Trần Khánh Nhân	TP Cà Mau, Cà Mau, Thành phố Cà Mau	07/01/2009	07/01/2010	00069/09S69
291	S69-06366	CM-06349		Hà Thị Minh Huệ	Thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	08/03/2012	08/03/2013	00847/12S69
292	S69-06391	CM-		Trần Văn Trảng	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06716/07S69
293	S69-06396	CM-00297	Đồ	Trần Xuân Bắc	ấp Phú Thạnh, Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06722/07S69
294	S69-06411	CM-00299	Chiến Thắng	Võ Minh Tường	Rạch Ráng, Huyện Trần Văn Thời	11/12/2008	11/12/2009	09799/08S69
295	S69-06414	CM-		Hồ Quốc Tận	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	06/12/2007	06/12/2008	06728/07S69
296	S69-06416	CM-		Nguyễn Văn Thi	Xã Đông Thới, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	06752/07S69
297	S69-06599	CM-		Nguyễn Bá Phúc	Xã Thới Bình, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	06970/07S69
298	S69-06637	CM-		Đàm Bé Luân	Biển Bạch, Huyện Thới Bình	15/12/2007	15/12/2008	07008/07S69
299	S69-06675	CM-02595		Võ Hữu Nghĩa	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	27/12/2007	27/12/2008	07025/07S69
300	S69-06714	CM-00748	Nhật Anh	Lê Văn Toán	Khánh Tiến, Huyện U Minh	12/10/2012	12/03/2013	04157/12V68
301	S69-06888	CM-01862	Tuyết Hồng	Lương Tuyết Hồng	Hòa Trung, Hòa Thành, Thành phố Cà Mau	02/01/2008	02/01/2009	00006/08S69
302	S69-06910	CM-00770	THÀNH CÔNG	Nguyễn Văn út	Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	08/01/2008	08/01/2009	00054/08S69
303	S69-06937	CM-		Trần Trường Giang	Xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	11/01/2008	11/01/2009	00098/08S69
304	S69-06941	CM-		Dương Văn Trần	Xã Ngọc Chánh, Huyện Đầm Dơi	11/01/2008	11/01/2009	00103/08S69
305	S69-06956	CM-03415	Văn Vạn	Nguyễn Văn Vạn	Xã Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	15/01/2008	15/01/2009	00130/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
306	S69-06973	CM-		Phạm út Em	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	17/01/2008	17/01/2009	00148/08S69
307	S69-06976	CM-		Nguyễn Quốc Bảo	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	17/01/2008	17/01/2009	00151/08S69
308	S69-07021	CM-		Phan Văn út	Xã Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	19/01/2008	19/01/2009	00238/08S69
309	S69-07062	CM-		Võ Việt Mỹ	Khánh Bình Tây, Huyện Trần Văn Thời	23/01/2008	23/01/2009	00272/08S69
310	S69-07082	CM-00574	THANH HẢI	Trần Thanh Hải	Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời	28/01/2008	28/01/2009	00490/08S69
311	S69-07159	CM-		Võ Hoàng Khải	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00379/08S69
312	S69-07164	CM-		Lê Hữu Duyên	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00383/08S69
313	S69-07177	CM-		Trần Văn Điểm	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00394/08S69
314	S69-07197	CM-		Huỳnh Văn Khái	Xã Viên An, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00414/08S69
315	S69-07254	CM-		Nguyễn Thanh Sứ	Xã Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	26/01/2008	26/01/2009	00468/08S69
316	S69-07275	CM-00323	Chí Thiện 2	Nguyễn Văn Thiện	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	29/04/2011	29/04/2012	01489/11S69
317	S69-07287	CM-		Lê Minh Tèo	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	01/02/2008	01/02/2009	00541/08S69
318	S69-07323	CM-08955	Ngọc Thiện	Lâm Vũ Đông	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	10/10/2011	10/10/2012	03658/11S69
319	S69-07385	CM-		Nguyễn Thanh Xuyên	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	18/02/2008	18/02/2009	00655/08S69
320	S69-07387	CM-		Võ Văn Phục	Xã Phú Hưng, Huyện Cái Nước	08/12/2007	08/12/2008	00665/08S69
321	S69-07397	CM-01939	Quốc Thịnh	Kiều Quốc Thịnh	Xã Hoà Tân, Thành phố Cà Mau	24/12/2009	21/12/2010	07319/09S69
322	S69-08034	CM-		Huỳnh Văn Nhân	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	11/03/2008	11/03/2009	01111/08S69
323	S69-08111	CM-00261		Võ Kim Xuân	23, Lý Thường Kiệt, Phường 5, Thành phố Cà Mau	17/09/2009	17/09/2010	05689/09S69
324	S69-08404	CM-07941		Trần Thanh Tuấn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/05/2014	28/05/2015	01393/14S69
325	S69-08417	CM-		DNTN Thiên Phú	Khóm 6, Phường 9, Thành phố Cà Mau	19/03/2008	19/03/2009	01808/08S69
326	S69-08423	CM-		Mã Hoàng Côi	Xã Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01832/08S69
327	S69-08436	CM-	Ba Xuyên	Trần Văn Hòa	Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	16/03/2008	16/03/2009	01844/08S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
328	S69-08466	CM-01620		Phan Văn Nhỏ	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06446/08S69
329	S69-08519	CM-		Trương Minh Tèo	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	25/03/2008	25/03/2009	02021/08S69
330	S69-08568	CM-		Huỳnh Quốc Sinh	Xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	25/03/2008	25/03/2009	02022/08S69
331	S69-08574	CM-08225	Lệ Trinh	Dương Thị út	Phú Tân, Huyện Phú Tân	12/11/2011	12/05/2012	04194/11S69
332	S69-08586	CM-		Nguyễn Văn Dũng	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	14/09/2008	14/03/2009	06463/08S69
333	S69-08605	CM-		Nguyễn Văn Trước	Việt Thắng, Huyện Phú Tân	05/04/2008	05/04/2009	02164/08S69
334	S69-08702	CM-	Đồ Dọc	Nguyễn Hoàng Quốc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	10/04/2008	10/04/2009	02274/08S69
335	S69-08703	CM-		Phan Văn Dũng	Tam Giang, Huyện Năm Căn	11/04/2008	11/04/2009	02275/08S69
336	S69-08707	CM-01506	Diệu An	Lâm Văn Trắng	ấp Thuận Lợi A, Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/04/2008	11/04/2009	02281/08S69
337	S69-08761	CM-03212		Nguyễn Văn Phổ	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	27/09/2011	27/09/2012	03406/11S69
338	S69-08936	CM-		Trần Văn Phương	Xã Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	17/04/2008	17/04/2009	02538/08S69
339	S69-08942	CM-08878		Trần Thanh Sang	Khóm 4, Thị Trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	03/10/2011	03/10/2012	03530/11S69
340	S69-09019	CM-		Nguyễn Quốc Liệt	Xã Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	16/04/2008	16/04/2009	02629/08S69
341	S69-09217	CM-		Trương Minh Quang	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	25/04/2008	25/04/2009	02841/08S69
342	S69-09464	CM-		Lê Văn Sự	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	13/05/2008	06/05/2009	03115/08S69
343	S69-09489	CM-		Bùi Văn Luyến	Xã Lâm Hải, Huyện Năm Căn	12/05/2008	12/05/2009	03145/08S69
344	S69-09659	CM-		Phạm Văn Năm	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03330/08S69
345	S69-09660	CM-		Lê Văn Mạnh	Xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03331/08S69
346	S69-09698	CM-		Quách ĐoL	Khu Vực 2, Khóm 1, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03369/08S69
347	S69-09723	CM-		Võ Thanh Tùng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	14/05/2008	14/05/2009	03394/08S69
348	S69-09724	CM-		Võ Thanh Đồng	Đất Mới, Huyện Năm Căn	30/05/2008	30/05/2009	03395/08S69
349	S69-09902	CM-00708	Ngọc Cẩm	Lê Minh Khương	Khánh Hội, Huyện U Minh	11/03/2014	11/09/2014	00649/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
350	S69-10187	CM-		Huỳnh Văn Hó	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	03895/08S69
351	S69-10194	CM-		Mai Thanh Tín	Xã Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	09/06/2008	09/06/2009	03903/08S69
352	S69-10229	CM-		Trần Văn Khanh	Hàng Vịnh, Huyện Năm Căn	30/06/2008	30/06/2009	03939/08S69
353	S69-10230	CM-		Trần Quốc Chánh	Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	30/06/2008	30/06/2009	03940/08S69
354	S69-10333	CM-		Nguyễn Văn Thống	Xã Hiệp Tùng, Huyện Năm Căn	02/06/2008	02/06/2009	04043/08S69
355	S69-10461	CM-		Đoàn Văn Mười	Tam Giang, Huyện Năm Căn	07/06/2008	07/06/2009	04181/08S69
356	S69-10571	CM-		Trần Thanh Phong	Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	11/06/2008	11/06/2009	04287/08S69
357	S69-10851	CM-	Quang Khải	Lâm Văn Thệ	Xã Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04582/08S69
358	S69-10916	CM-		Phạm Văn Dự	Khánh Hòa, Huyện U Minh	11/06/2008	11/06/2009	04647/08S69
359	S69-11039	CM-		Vương Ngọc Pha	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04777/08S69
360	S69-11050	CM-		Ngô Minh Vũ	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04788/08S69
361	S69-11085	CM-11729		Bùi Bá Nghĩa	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2009	03/01/2010	00506/09V69
362	S69-11088	CM-11730		Huỳnh Chí Phong	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	03/07/2009	03/01/2010	00505/09V69
363	S69-11122	CM-		Nguyễn Hữu Lộc Anh	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04860/08S69
364	S69-11123	CM-09943		Nguyễn Văn Phúc	Tân Trung, Huyện Đầm Dơi	18/08/2015	18/08/2016	01542/15S69
365	S69-11167	CM-		Cổ Thành Sắt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04908/08S69
366	S69-11193	CM-		Tiêu Minh Thống	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	15/07/2009	04934/08S69
367	S69-11217	CM-		Đỗ Văn Hải	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04958/08S69
368	S69-11218	CM-		Đặng Thanh Le	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2008	12/06/2009	04959/08S69
369	S69-11433	CM-		Kiều Quốc Khánh	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	21/07/2008	21/07/2009	05187/08S69
370	S69-11755	CM-		Dương Văn Việt	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	10/07/2008	10/07/2009	05542/08S69
371	S69-11756	CM-		Trần Tuấn Cường	Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	10/07/2008	10/07/2009	05543/08S69

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
372	S69-11762	CM-		Dương Văn Lẹ	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/07/2008	11/07/2009	05551/08S69
373	S69-11763	CM-		Trần Hoàng Huấn	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	11/07/2008	11/07/2009	05552/08S69
374	S69-12228	CM-11065	Công Nghiệp	Trương Hùng Lập	Xã Tân Thuận, Huyện Đầm Dơi	23/01/2013	23/01/2014	00902/13S69
375	S69-12232	CM-10667		Nguyễn Văn Thanh	, Huyện Ngọc Hiển	25/12/2009	25/12/2010	07693/09V67
376	S69-12513	CM-12289		Lưu Hoàng Ty	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	19/03/2013	19/03/2014	01783/13S69
377	S69-12593	CM-12642	Hoàng Giang II	Lê Văn O	Đất Mới, Huyện Năm Căn	19/08/2009	19/02/2010	04942/09S69
378	S69-12596	CM-12057		Hồ Văn Khởi	Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04531/11S69
379	S69-12602	CM-01027	TRƯỜNG GIANG	Nguyễn Văn Chợ	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	20/09/2009	20/09/2010	05803/09S69
380	S69-12647	CM-12281		Nguyễn Văn Hải	xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi	28/10/2011	28/10/2012	04030/11S69
381	S69-13354	CM-00612	Bưu Điện	Đào Minh ý	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	14/04/2009	14/04/2010	02484/09S69
382	S69-13668	CM-	Thanh Phong	Trương Văn Chinh	239/21, Khóm 2, Phường 1, Thành phố Cà Mau	17/10/2008	17/10/2009	07725/08S69
383	S69-13935	CM-	Hoàng Dân	Trương Hoàng Dân	Xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	25/10/2008	25/10/2009	08196/08S69
384	S69-15234	CM-14379		Nguyễn Văn Tươi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	22/12/2014	20/12/2015	03421/14S69
385	S69-15244	CM-03265	Ngọc Diệp	Huỳnh Văn Lo	Khánh Tiến, Huyện U Minh	10/12/2010	10/12/2011	05959/10S69
386	S69-15432	CM-14403	Vũ Linh	Nguyễn Hoàng Em	Phú Hưng, Huyện Cái Nước	01/12/2011	01/12/2012	04644/11S69
387	S69-15763	CM-02366	Thái Thanh	Thái Văn Sáng	Thị Trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn	24/11/2010	24/11/2011	05784/10S69
388	S69-16034	CM-	Chí Tâm I	Huỳnh Văn Bình	Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	08/11/2008	08/11/2009	00001/09S69
389	S69-16115	CM-01805	Kim Hương	Trần Văn Năm	Khóm 7, Phường 7, Thành phố Cà Mau	06/01/2014	06/01/2015	00018/14S69
390	S69-16658	CM-	Hoàng Diện	Trần Hoàng Diện	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	19/01/2009	19/01/2010	00419/09S69
391	S69-16843	CM-00774	Trọng Hữu 2	Châu Văn Hợp	Khánh Hòa, Huyện U Minh	18/11/2010	18/11/2011	05679/10S69
392	S69-17121	CM-		Võ Thị Quỳnh Như	TT Cái nước, Huyện Cái Nước	02/03/2009	02/03/2010	01077/09S69
393	S69-17339	CM-17272		Nghê Phước Tùng	Phú Mỹ, Huyện Phú Tân	21/04/2011	21/04/2012	01377/11S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
394	S69-17835	CM-17399		Nguyễn Văn Lắc	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	06/05/2011	06/05/2012	01523/11S69
395	S69-18462	CM-03009	Thúy Kiều	Nguyễn Văn Hảy	Xã Rạch Chèo, Huyện Phú Tân	22/05/2009	22/05/2010	02917/09S69
396	S69-18788	CM-18743	Chí Linh	Phạm Văn Quấn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	11/03/2011	11/03/2012	00825/11S69
397	S69-19317	CM-		Đình Quang Minh	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	14/07/2009	14/07/2010	04107/09S69
398	S69-19669	CM-		Nguyễn Thanh Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	20/11/2010	20/11/2011	05697/10S69
399	S69-19840	CM-	NGỌC TRẦN	Ngô Hoàng Huy	KV2, TT U Minh, Huyện U Minh	08/08/2009	08/08/2010	04849/09S69
400	S69-19878	CM-23318		Đào ánh Xuân	Khóm 1; TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	30/12/2014	30/12/2015	03598/15S69
401	S69-20083	CM-19956		Lê Hoàng My	Đông Thới, Huyện Cái Nước	02/06/2015	23/05/2016	00213/15V69
402	S69-20658	CM-		Nguyễn Minh Trường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2009	24/09/2010	05992/09S69
403	S69-20692	CM-20467		Trần Văn Vĩnh	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	23/11/2012	23/11/2013	07285/12S69
404	S69-21086	CM-00745	Minh Tân	Huỳnh Văn Thạch	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	21/11/2011	21/11/2012	04269/11S69
405	S69-21382	CM-		Phòng Nông Nghiệp & P.Triển Nông Thôn H. Ngọc Hiển	ấp Kiến Giàng-TT. Trà Góc, Huyện Ngọc Hiển	28/12/2009	28/12/2010	16888/09V68
406	S69-21403	CM-21300		Võ Thị Đào	Hàm Rồng, Huyện Năm Căn	14/05/2014	14/11/2014	01283/14S69
407	S69-21488	CM-21428		Nguyễn Việt Trung	TT Rạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	24/06/2014	24/12/2014	01703/14S69
408	S69-21658	CM-		Nguyễn Thanh Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/04/2011	06/04/2012	01503/11S69
409	S69-22046	CM-00888	HẢI ĐĂNG	Nguyễn Thành Công	Hải An, Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	13/11/2015	02/07/2016	02193/15S69
410	S69-22139	CM-		Nguyễn Minh Dương	Quách Phẩm Bắc, Huyện Đầm Dơi	20/03/2010	20/03/2011	01555/10S69
411	S69-22303	CM-21625		Nguyễn Văn Hậu	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	20/07/2012	20/07/2013	03927/12S69
412	S69-22340	CM-		Trần Văn Khuôi	Đông Thới, Huyện Cái Nước	30/03/2010	30/03/2011	01887/10S69
413	S69-22622	CM-21677		Phạm Văn Hoàng	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	21/11/2014	21/11/2015	03067/14S69
414	S69-22904	CM-21737		Phan Văn Sự	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	20/08/2016	20/08/2016	01784/16S69
415	S69-22929	CM-21713	Chí Thiện 2	Lê Chí Thịnh	Khánh Thuận, Huyện U Minh	23/08/2014	23/08/2015	02306/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
416	S69-23180	CM-		Lâm Thị Thuýn	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	04/12/2012	04/12/2013	08160/12S69
417	S69-23545	CM-01746	Ca-nô gia dụng	Võ Minh Phụng	Đất Mũi, Huyện Ngọc Hiển	03/08/2015	21/02/2016	00284/15V69
418	S69-23904	CM-		Đỗ Văn Mộng	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/08/2010	24/08/2011	04467/10S69
419	S69-24024	CM-3403	Hoàng Mung	Dương Hoàng Mung	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	27/09/2011	27/09/2012	03403/11S69
420	S69-24052	CM-21946		Nguyễn Văn Luól	Tân Hưng Đông, Huyện Cái Nước	21/12/2011	21/12/2012	04977/11S69
421	S69-24332	CM-00552	KIỀU TRANG	Tăng Văn Đèo	TT Thới Bình, Huyện Thới Bình	22/10/2010	19/10/2011	05295/10S69
422	S69-24353	CM-22048		Dương Hoàng Nghi	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	27/06/2015	13/06/2016	01176/15S69
423	S69-24378	CM-		Nguyễn Minh Trường	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	22/10/2010	22/10/2011	05364/10S69
424	S69-24392	CM-22051		Nguyễn Duy Tân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	29/03/2012	29/03/2013	01246/12S69
425	S69-24554	CM-		Phan Văn Răng	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/11/2010	20/11/2011	05716/10S69
426	S69-24577	CM-		Nguyễn Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05779/10S69
427	S69-24579	CM-		Trần Văn Khương	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/11/2010	24/11/2011	05781/10S69
428	S69-24700	CM-22140		Nguyễn Việt Khái	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	13/12/2010	12/12/2011	06094/10S69
429	S69-24868	CM-		Phan Văn Đỏ	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/01/2011	12/01/2012	00170/11S69
430	S69-24930	CM-22299	QUANG BÌNH	CTY TNHH QUANG BÌNH	TT Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời	17/01/2015	25/01/2016	00169/15V68
431	S69-24979	CM-22238		Trần Công Đức	Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	28/11/2011	28/11/2012	04525/11S69
432	S69-24980	CM-22233		Văn Phòng Huyện ủy Năm Căn	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	27/03/2015	29/01/2016	00576/15S69
433	S69-25013	CM-02988	ca-nô	Chi Cục Quản Lý Thị Trường	12B Quang Trung, P7, Thành phố Cà Mau	01/11/2013	01/11/2014	05660/13S69
434	S69-25290	CM-22337		Trương Văn Hải	Đất Mới, Huyện Năm Căn	19/08/2015	19/08/2016	01552/15S69
435	S69-25293	CM-		Trần Trâm Luân	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/04/2011	20/04/2012	01293/11S69
436	S69-25297	CM-22341		Trần Văn Hận	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	04/06/2014	04/06/2015	01402/14S69
437	S69-25406	CM-22367		Nguyễn Minh Thạnh	Phú Tân, Huyện Phú Tân	16/06/2014	16/06/2015	01546/14S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
438	S69-25439	CM-22393		Nguyễn Hoàng Oanh	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	20/04/2014	20/01/2015	01059/14S69
439	S69-25503	CM-22449		Phan Văn Tền	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	04/06/2014	04/06/2015	01404/14S69
440	S69-25602	CM-		Lý Hoàng Vũ	Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	28/10/2012	28/10/2013	05720/12S69
441	S69-25737			Nguyễn Linh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	27/06/2015	13/06/2016	01175/15S69
442	S69-25738	CM-		Mai Trường Sơn	xã Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/07/2011	06/07/2012	02437/11S69
443	S69-25937	CM-		Lê Văn Kề	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/08/2011	06/08/2012	02929/11S69
444	S69-26139	CM-		Cao Thanh Thiện	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	06/09/2011	06/09/2012	03415/11S69
445	S69-26275	CM-01025	MINH HÒA	Tạ Thành Khôi	Đất Mới, Huyện Năm Căn	18/11/2012	18/11/2013	07260/12S69
446	S69-26339	CM-		Ngô Thành Công	Tam Giang, Huyện Năm Căn	25/10/2011	25/10/2012	03853/11S69
447	S69-26430	CM-22743		Trần Văn Vũ	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	22/06/2015	12/06/2016	01127/15S69
448	S69-26445	CM-		Châu Văn Thới	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	20/10/2011	20/10/2012	04092/11S69
449	S69-26450	CM-		Trịnh Ri Mal	Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển	19/10/2011	19/10/2012	26450/11S69
450	S69-26465	CM-22806		Nguyễn Văn Kiệt	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/07/2014	02/07/2015	01810/14S69
451	S69-26510	CM-00030	ca no	Ban QL Dự án Phục Hồi Rừng Sau Cháy	49A Hùng Vương, P5, Thành phố Cà Mau	20/11/2013	20/11/2014	05827/13S69
452	S69-26536	CM-00003	Ca Nô	Ban QL Rừng phòng hộ sào Lưới	Nguyễn Việt Khái, Huyện Phú Tân	15/11/2011	15/11/2012	04306/11S69
453	S69-26613	CM-22865		Mã Hoàng Hôn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	21/11/2014	21/11/2015	03066/14S69
454	S69-26733	CM-03266	Ca nô gia dụng	Lý Thanh Tân	Trần Phán, Huyện Đầm Dơi	12/05/2015	21/05/2016	00881/15S69
455	S69-26754	CM-	hiệp thành	Lê Văn Xê	xã Tạ An Khương, Huyện Đầm Dơi	08/12/2011	06/12/2012	04755/11S69
456	S69-26904	CM-22950		Trần Văn Khương	Tân ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/01/2014	24/01/2015	00316/14S69
457	S69-27019	CM-00473	CA-NÔ	Ban QL Dự án CWPĐ Tỉnh Cà Mau	Phường 5,Cà Mau, Thành phố Cà Mau	21/03/2014	21/03/2015	00740/14S69
458	S69-27052	CM-02476	Ca-nô	CTy CP XL & DV Bưu Điện Cà Mau	Phường 5, Thành phố Cà Mau	17/02/2014	17/02/2015	00175/14V62
459	S69-27053	CM-00072	Minh Viếng	Hồ Minh Hương	32 Phan Bội Châu, K 3, P7, Thành phố Cà Mau	26/01/2015	20/01/2016	00049/15V69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
460	S69-27065	CM-		Nguyễn Thế Phong	Đất Mới, Huyện Năm Căn	02/02/2012	20/01/2013	00366/12S69
461	S69-27075	CM-		Chi Cục Quản Lý Thị Trường Cà Mau	12B Quang Trung, P7, Thành phố Cà Mau	28/08/2013	28/08/2014	04162/13S69
462	S69-27241	CM-21750	CA NÔ(PT Gia DụNG)	Lâm Hoàng Phúc	Đất Mới, Huyện Ngọc Hiển	02/07/2014	02/07/2015	01803/14S69
463	S69-27250	CM-21531	Ca Nô Gia Dụng	Nguyễn Văn Nghiêm	KV1- K1 -TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	09/03/2012	09/03/2013	00858/12S69
464	S69-27268	CM-		Dương Văn Tấn	TT Cái Nước, Huyện Cái Nước	23/11/2015	23/05/2016	02230/15S69
465	S69-27377	CM-23198		Huỳnh Văn Hải	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	30/05/2014	30/05/2015	01405/14S69
466	S69-27385	CM-10567	Ca Nô	VP Huyện Ủy Huyện Phú Tân	, Huyện Phú Tân	17/11/2015	22/07/2016	02207/15S69
467	S69-27528	CM-19973	Ca Nô	Văn Phòng Huyện Ủy Huyện Trần Văn Thời	TT Trần Văn Thời, Huyện Trần Văn Thời	10/04/2014	10/04/2015	00953/14S69
468	S69-27647	CM-02185	Ca Nô	Cty TNHH Minh Khang	88 Bông Ván Dĩa, Khóm4, Phường 5, Thành phố Cà Mau	24/08/2015	24/08/2016	01218/15S65
469	S69-27696	CM-23254		Lê Văn Mạnh	Đất Mới, Huyện Năm Căn	04/06/2014	04/06/2015	01403/14S69
470	S69-27835	CM-02850	Ca nô gia dụng	Nguyễn Văn Buôi	ấp Cái Đồi, xã Phú Tân, Huyện Phú Tân	06/05/2012	05/01/2013	02001/12S69
471	S69-28082	CM-02122	Ca-nô	VP HĐND tỉnh Cà Mau	Phường 7, Thành phố Cà Mau	24/05/2012	24/05/2013	02407/12S69
472	S69-28195	CM-01815	Ca-nô gia dụng	Nguyễn Ngọc Khái	Lâm Hải, Huyện Năm Căn	27/12/2014	27/12/2015	03502/14S69
473	S69-28196	CM-01368	Ca-nô	Trương Văn Vẹn	Bù Mát, Đất Mới, Huyện Năm Căn	21/09/2013	21/09/2014	04429/13S69
474	S69-28200	CM-23344	Ca-nô gia dụng	Lâm Hồng Sơn	Đất Mới, Huyện Năm Căn	27/12/2014	27/12/2015	03501/14S69
475	S69-28657	CM-03502.		Trần Minh Sơn	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	29/06/2012	28/06/2013	03324/12S69
476	S69-29011	CM-23328		Thái Trọng Nghĩa	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/07/2014	02/07/2015	01799/14S69
477	S69-29057	CM-03456	Ca Nô	Bệnh Viện Đa khoa Ngọc Hiển	Xã Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	24/07/2012	24/07/2013	03949/12S69
478	S69-29062	CM-23375		Đỗ Phạm Thái	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	24/09/2015	02/07/2016	01873/15S69
479	S69-29385	CM-02987	Ca-nô	Chi Cục QL thị trường	Phường 2, Thành phố Cà Mau	25/08/2014	06/08/2015	02309/14S69
480	S69-29561	CM-03191	Ca Nô	Chi Cục QLTT Tỉnh Cà Mau	12B-Quang Trung - Phường 5 -, Thành phố Cà Mau	05/12/2013	05/12/2014	06102/13S69
481	S69-29562	CM-		Nguyễn Minh Thắng	xã Nguyễn Huân, Huyện Đầm Dơi	12/10/2012	12/04/2013	04948/12S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
482	S69-29909	CM-23468		Lê Thanh Hùng	xã Đất Mới, Huyện Năm Căn	01/07/2014	01/07/2015	01792/14S69
483	S69-29932	CM-00536	Thanh Bạch	Nguyễn Thanh Bạch	Khánh Tiến, Huyện U Minh	27/10/2012	27/10/2013	05725/12S69
484	S69-30919	CM-02060	Ca-nô	Chi Cục QLTT Cà Mau	Phường 2, Thành phố Cà Mau	16/11/2012	16/11/2013	07109/12S69
485	S69-32335	CM-23570		Từ Minh Dương	TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	04/07/2014	04/07/2015	01793/14S69
486	S69-33756	CM-23672		Nguyễn Văn Năm	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	12/06/2014	12/06/2015	01549/14S69
487	S69-33815			Bao Ngọc Vẹn	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	28/06/2015	28/05/2016	01183/15S69
488	S69-33904	CM-23697		Lý Quốc Khởi	Thanh Tùng, Huyện Đầm Dơi	01/07/2014	01/07/2015	01795/14S69
489	S69-34204	CM-00014	Ca-Nô	Ban Quản Lý DA CWPĐ Tỉnh Cà Mau	49A, Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Cà Mau	17/04/2013	17/04/2014	02182/13S69
490	S69-34205	CM-21889	Ca NÔ	Văn Phòng PCLB - Chi Cục Thủy Lợi Cà Mau	03- Bông Ván Dĩa - K4 - F5, Thành phố Cà Mau	18/04/2014	18/04/2015	01027/14S69
491	S69-34251	CM-23764		Trần Bảo Toàn	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	02/07/2014	02/07/2015	01797/14S69
492	S69-34288	CM-23792		Trần Minh Nhiều	TT.Đầm Dơi, Huyện Đầm Dơi	27/12/2014	27/12/2015	03480/14S69
493	S69-34340	CM-03333	Ca-nô gia dụng	Nguyễn Văn út	KVI, Khóm 4, TT Năm Căn, Huyện Năm Căn	23/06/2014	23/06/2015	01647/14S69
494	S69-34428	CM-01650	CA-NÔ	Nguyễn Văn Tám	Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi	24/05/2013	24/11/2013	02707/13S69
495	S69-34516	CM-23808		Lê Văn Pha	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	19/08/2015	19/08/2016	01555/15S69
496	S69-34596			Nguyễn Tường Quốc	Tân Tiến, Huyện Đầm Dơi	01/06/2016	28/05/2016	01247/16S69
497	S69-34788	CM-23895		Phan Việt Thống	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	29/10/2015	20/01/2016	02105/15S69
498	S69-34802	CM-00015	Ca-Nô	Ban Quản Lý Dự án CWPĐ Tỉnh Cà Mau	49A Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Cà Mau	24/07/2013	25/07/2014	03629/13S69
499	S69-34867	CM-21934	Ca-nô gia dụng	Cty TNHH MTV XD&TM Thái Dương	130/04 Phạm Hồng Thám, P4, Thành phố Cà Mau	09/11/2014	09/08/2015	02911/14S69
500	S69-34999	CM-08987	Ca-nô gia dụng	Huỳnh Thanh Hải	, Huyện Ngọc Hiển	14/04/2015	08/02/2016	00142/15V69
501	S69-35379	CM-		Nguyễn Thị Ngân	Viên An Đông, Huyện Ngọc Hiển	24/12/2014	24/12/2015	03454/14S69
502	S69-35929	BV-01135	Canô công tác	CTy TNHH Dịch vụ du lịch Hoàng Hiếu	239/111 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu	21/05/2014	06/01/2015	00113/14S72
503	S69-35965	CM-	Trệt Khách Vở Gỗ	Nguyễn Trung Dũng	ấp Kinh Một, TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	27/04/2015	26/07/2015	00810/15S69

<i>Số TT</i>	<i>Số ĐK</i>	<i>Số ĐKHC</i>	<i>Tên phương tiện</i>	<i>Chủ phương tiện</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngày kiểm tra</i>	<i>Ngày hết hạn</i>	<i>Số biên bản</i>
504	S69-35985	CM-00409	CANỒ	Trung Tâm CLATVS & Thú Y Thủy Sản Vùng 5	Phường 6, Thành phố Cà Mau	24/02/2014	24/02/2015	00467/14S69
505	S69-35999	CM-	Ca Nô	Đào Trung Thành	ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	10/03/2014	10/03/2015	00631/14S69
506	S69-36000	CM-23986	Ca No	Đào Trung Thành	ấp Thạnh Điền, Xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	17/08/2015	11/03/2016	01524/15S69
507	S69-36001	CM-23987	Ca No	Đào Trung Thành	ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	17/08/2015	11/03/2016	01523/15S69
508	S69-36030	CM-		Ngô Hoàng Hận	Tân Ân Tây, Huyện Ngọc Hiển	25/04/2014	25/04/2015	01111/14S69
509	S69-36077	CM-01295	Ca Nô	Phan Thị Hương	Rạch Gốc, Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	21/08/2015	11/07/2016	00838/15V83
510	S69-36079	CM-		Hoàng Văn Phát	Quách Phẩm, Huyện Đầm Dơi	23/07/2014	23/07/2015	01883/14S69
511	S69-36093	CM-		Nguyễn Văn Vũ	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	25/07/2014	25/07/2015	02015/14S69
512	S69-36096	CM-		Lý Thùy Trung	Tam Giang, Huyện Năm Căn	30/07/2014	30/07/2015	02027/14S69
513	S69-36102	CM-1285	CA NO GIA DỤNG	Trần Minh Liệt	Tân Ân, Huyện Ngọc Hiển	18/08/2015	19/05/2016	01521/15S69
514	S69-36104	CM-		Nguyễn Trung Dũng	TT Gạch Gốc, Huyện Ngọc Hiển	07/01/2016	07/07/2016	00054/16S69
515	S69-36206	CM-		Nguyễn Quốc Minh	Viên An, Huyện Ngọc Hiển	21/10/2014	21/10/2015	02818/14S69
516	S69-36210	CM-		Võ Chí Thiện	Đất Mới, Huyện Năm Căn	03/11/2014	03/11/2015	02875/14S69
517	S69-36224	CM-		Phạm Công Đoàn	Đông Thới, Huyện Cái Nước	18/11/2014	18/11/2015	02950/14S69
518	S69-36250	CM-		Nguyễn Hoài Phong	Tân Đức, Huyện Đầm Dơi	03/12/2014	03/12/2015	31221/14S69
519	S69-36286	CM-		Nguyễn Văn Cần	Đông Thới, Huyện Cái Nước	12/12/2014	12/12/2015	03334/14S69
520	S69-36302	CM-		Hà Minh Đức	Phong Điền, Huyện Trần Văn Thời	26/12/2014	26/12/2015	03443/14S69
521	S69-36421	CM-	NGUYỄN VĂN TRANH	Nguyễn Văn Tranh	ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau	24/04/2015	08/08/2015	00162/15V69